

NGUYỄN PHONG



Muôn kiếp
Tô nhân sinh



MANY LIVES - MANY TIMES

ĐÀO XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



First News
Where there's a will - there's a way



LỜI GIỚI THIỆU

HÀNH TRÌNH

MUÔN KIẾP NHÂN SINH

Tôi chưa từng có dịp gặp tác giả Nguyễn Phong. Trước đó, tôi biết đến ông như một nhà khoa học nổi tiếng thế giới và cũng là người phóng tác, viết lại những tác phẩm về văn hóa, tâm linh kinh điển mà nhiều thế hệ bạn đọc Việt, trong đó có tôi, hằng yêu mến.

Hơn năm năm trước tôi có nhân duyên được trò chuyện cùng tác giả Nguyễn Phong về những bí ẩn liên quan đến tác phẩm kỳ bí nổi tiếng *Hành Trình về Phương Đông* - tác phẩm ra đời gần nửa thế kỷ trước nhưng không một ai trên thế giới có thể truy tìm được bản gốc, để biết bao độc giả nhiều thế hệ còn thắc mắc và khiến một nhà xuất bản ở Mỹ phải dịch ra tiếng Anh từ nguyên bản tiếng Việt mà Nguyễn Phong đã phóng tác. Tôi đã hiểu rộng hơn nghĩa *phóng tác* - là có thể viết theo tiềm thức của mình, bằng kiến thức và những chiêm nghiệm cuộc sống. Và tôi đã nghiệm ra, có những người Việt vô cùng khiêm nhường nhưng không hề thua kém bất cứ ai trên thế giới rộng lớn này.

Tôi đã may mắn được ông chia sẻ nhiều câu chuyện trong nhiều năm. Vào một đêm khuya năm 2016, trong cuộc trò chuyện kéo dài gần về sáng, tôi đã hỏi ông về Nhân quả và Luân hồi. Ông đã kể lại một mối nhân duyên xảy ra nhiều năm trước, về Thomas - một doanh nhân nổi tiếng ở New York - và những câu chuyện tiền kiếp của mình. Tôi đã vô cùng ngạc nhiên và linh cảm rằng câu chuyện này có liên quan đến những trăn trở trước giờ của tôi, và chắc cũng của rất nhiều người. Tôi rất mong tác giả Nguyễn Phong có thể viết lại những câu chuyện đó thành một cuốn sách. Ông im lặng không trả lời, và cũng không nhắc lại chuyện này trong những cuộc nói chuyện tiếp theo. Bẵng đi hơn hai năm, tôi bất ngờ nhận được thư điện tử của ông, trong đó là những chương đầu tiên của cuốn sách mà ông đặt tên là *Muôn Kiếp Nhân Sinh*. Đọc xong, tôi đã thầm nghĩ không thể có cái tên nào chính xác hơn. Tôi biết được rằng trong hai năm qua ông đã bay sang New York nhiều lần, phỏng vấn, trò chuyện với ông Thomas để thực hiện cuốn sách. Trước đó, tác giả Nguyễn Phong đã

liên lạc với ông Thomas để hỏi xin ý kiến về việc viết một cuốn sách kể lại các câu chuyện tiền kiếp mà ông từng chia sẻ. Ban đầu ông không chắc ông Thomas sẽ chấp nhận, vì nhiều câu chuyện quá riêng tư, nhạy cảm, nhưng bất ngờ thay, Thomas đã đồng ý.

Muôn Kiếp Nhân Sinh là một bức tranh lớn với vô vàn mảnh ghép cuộc đời, là một cuốn phim đồ sộ, sống động về những kiếp sống huyền bí, trải dài từ nền văn minh Atlantis hùng mạnh đến vương quốc Ai Cập cổ đại của các Pharaoh quyền uy, đến Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ ngày nay - nơi nhân vật chính Thomas, người bạn tâm giao lâu năm của tác giả Nguyễn Phong - đang sống.

Muôn Kiếp Nhân Sinh cung cấp cho bạn đọc kho kiến thức mới mẻ, vô tận của nhân loại lần đầu được hé mở, cùng những phân tích uyên bác, tiên đoán bất ngờ về hiện tại và tương lai thế giới của những bậc hiền triết thông thái. Thông điệp quan trọng xuyên suốt của tác phẩm thức tỉnh con người chính là nguồn gốc và cách thức vận hành luật Nhân quả và Luân hồi của vũ trụ. Đời người tưởng chừng rất dài nhưng lại trôi qua rất nhanh, sinh vượng suy tử, mong manh như sóng nước. Luật Nhân quả cực kỳ chính xác, chi tiết, phức tạp, được thu thập qua nhiều đời, nhiều kiếp, liên hệ tương hỗ đan xen chặt chẽ lẫn nhau, không ai có thể tính được tích đức này có thể trừ được nghiệp kia, không ai có thể biết được khi nào nhân sẽ trở quả. Nhưng, một khi đã gây ra nhân thì chắc chắn sẽ gặt quả - luật Nhân quả trước giờ không bao giờ sai.

Những xung lực, năng lượng vô hình của vũ trụ qua luật Luân hồi và Nhân quả đã tạo nhân duyên để người này gặp người kia. Gặp nhau có khi là duyên, có khi là nợ; gặp nhau có lúc để trả nợ, có lúc để nối lại duyên xưa. Có biết bao việc diễn ra trong đời, tưởng chừng như là ngẫu nhiên nhưng thật ra đã được sắp đặt từ trước. Luân hồi là một ngôi trường rộng lớn, nơi tất cả con người, tất cả sinh vật đều phải học bài học của riêng mình cho đến khi thật hoàn thiện mới thôi. Nếu không chịu học hay chưa học được trọn vẹn thì buộc phải học lại, chính xác theo quy luật của Nhân quả. Có người có cơ duyên được chứng kiến luật Nhân quả hay Luân hồi, có người thì không, điều đó còn phụ thuộc vào cơ duyên, nhận thức, trải nghiệm và niềm tin ở mỗi người.

Một lời tri ân chân thành tới tác giả Nguyễn Phong - người đã dày công viết nên cuốn sách đặc biệt này - là không đủ. Qua những lần trò chuyện, tôi nhận ra ông chỉ có một ước mong duy nhất khi viết cuốn sách này. Xin được cảm ơn ông Thomas - vì tất cả. Xin được chia sẻ cùng bạn đọc những chiêm nghiệm sâu sắc, tâm huyết nhất của ông:

“Hiện nay thế giới đang trải qua giai đoạn hỗn loạn, xáo trộn, mà thật ra thì mọi quốc gia đều đang gánh chịu những nghiệp quả mà họ đã gây ra trong quá khứ. Mỗi quốc gia, cũng như mọi cá nhân, đều có những nghiệp quả riêng do những nhân mà họ đã gây ra. Cá nhân thì có ‘biệt nghiệp’ riêng của từng người, nhưng quốc gia thì có ‘cộng nghiệp’ mà tất cả những người sống trong đó đều phải trả.

Hãy nhìn khắp thế giới hiện nay với hơn bảy tỷ người, có bao nhiêu người đang hành động độc ác, vô nhân tính? Có những quốc gia đang đối xử với người khác tàn độc như thế nào? Có biết bao cái chết thương tâm và cuộc sống bi đát của nhiều con người vô tội đã và đang diễn ra? Hãy thử nghĩ nếu tất cả đều chịu học hỏi và hiểu rõ về Nhân quả, biết rõ một khi ‘gieo nhân gì sẽ gặt quả đó’ thì có ai dám hành động như thế không? Thường thì con người, khi hành động, ít ai nghĩ đến hậu quả, nhưng một khi hậu quả xảy đến thì họ nghĩ gì, làm gì? Họ oán hận, trách trời, trách đất, trách những người chung quanh đã gây ra những hậu quả đó? Có mấy ai biết chiêm nghiệm, tự trách mình và thay đổi không? Đó là động lực để tôi chia sẻ những câu chuyện chưa từng kể với ai này - dù có những điều thiên cơ bất khả lộ - và chấp thuận để anh chia sẻ những trải nghiệm, bài học vô tiền khoáng hậu này với các bạn của anh, để viết thành một cuốn sách cho nhiều người trên thế giới cùng chiêm nghiệm - giữa lúc hành tinh đang gặp nhiều tai ương, biến động từng ngày. Tôi mong chúng ta - những cánh bướm bé nhỏ rung động mong manh cũng có thể tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh mọi người.

Tương lai của mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi quốc gia và cả hành tinh này sẽ ra sao trong giai đoạn sắp tới là tùy thuộc vào thái độ ứng xử, nhìn nhận và thức tỉnh của từng cá nhân, từng tổ chức, từng quốc gia đó tạo nên. Nếu muốn thay đổi, cần khởi đầu bằng việc nhận thức, chuyển đổi tâm thức, lan tỏa yêu thương và chia sẻ sự hiểu biết từ mỗi người chúng ta trước.

Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả là bảng chỉ đường, giúp con người tìm về thiện lương“.

- Nguyễn Văn Phước

Sáng lập First News - Trí Việt

PHẦN MỞ ĐẦU

ĐÀI BẮC

NHÂN DUYÊN

Năm 2008, tôi có dịp tham dự một hội thảo khoa học tại Đài Bắc. Nhân dịp đó, tôi liên lạc với một người bạn thân, giáo sư Raymond Yeh, để đến thăm ông này. Giáo sư Yeh là cựu Trưởng khoa Khoa học Máy tính tại trường Đại học Texas và Đại học Maryland. Ông là một nhà khoa học, là tác giả của rất nhiều tài liệu nghiên cứu và của mười cuốn sách giáo trình được dạy trong các trường đại học tại Hoa Kỳ. Ông đã đào tạo nhiều thế hệ khoa học gia và giáo sư nổi tiếng ngày nay. Mặc dù đã về hưu và sống tại Đài Bắc nhưng ông vẫn tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực khoa học và có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới. Giáo sư Yeh vui mừng mời tôi ghé qua tư gia ăn tối. Điều bất ngờ là trong bữa ăn đó cũng có sự hiện diện của phi hành gia Edgar Mitchell ^[1] và một người bạn của ông tên là Thomas K, cũng đến thăm giáo sư Yeh.

Giáo sư Yeh mở đầu giới thiệu với mọi người:

- Phi hành gia Edgar Mitchell là một nhà khoa học lỗi lạc với nhiều công trình nghiên cứu nổi tiếng về không gian tại Đại học Harvard và Viện Công nghệ Massachusetts (MIT). Ông là một trong sáu người đã đặt chân lên mặt trăng bằng phi thuyền Apollo 14 vào ngày 31 tháng 1 năm 1971. Trên hành trình trở về trái đất, nhìn qua cửa sổ của phi thuyền, ông thấy trái đất thật nhỏ bé so với vũ trụ bao la và bất ngờ trải nghiệm một cảm giác bình an lạ lùng không thể diễn tả.

Khi trở về, ông tìm đủ mọi cách để tìm hiểu về cái cảm giác đó. Là nhà khoa học, Edgar Mitchell cố gắng nghiên cứu để giải thích

sự bình an lạ lùng này qua các lý thuyết khoa học nhưng không thành công. Ông quy tụ một số khoa học gia nổi tiếng, thành lập một viện nghiên cứu về mối liên hệ giữa khoa học và trải nghiệm nội tâm (Institute of Noetic Science); nhưng qua nhiều năm, những nhà khoa học lỗi lạc nhất này cũng chưa thể đi đến một kết luận nào cả. Do đó, lần này tôi mời ông ấy đến gặp Hòa thượng Thánh Nghiêm, mong rằng ngài có thể giúp ông ấy giải đáp thắc mắc về trải nghiệm này.

Trong bữa ăn tối hôm đó, chúng tôi đàm đạo thân mật về các lý thuyết khoa học vừa được phát minh vào lúc đó. Tôi nhận thấy phi hành gia Mitchell là người có đầu óc cởi mở, với sự hiểu biết rộng và sâu sắc hơn những nhà khoa học khác mà tôi đã gặp.

Ông Mitchell nói:

- Các phát minh khoa học mới nhất hiện nay đang thúc đẩy nhân loại phải thay đổi cách suy nghĩ và quan niệm của họ, ngay cả với những gì mà trước đây chúng ta vẫn cho là đúng. Càng ngày càng có thêm nhiều khám phá mới, dữ kiện mới, có thể hoàn toàn thay đổi nền tảng khoa học mà chúng ta đã xây dựng từ mấy trăm năm nay. Thí dụ như, trong nhiều thế kỷ, chúng ta đã tin rằng trái đất là trung tâm của vũ trụ và mọi hành tinh, kể cả mặt trời, mặt trăng đều quay quanh trái đất. Dĩ nhiên hiện nay chúng ta biết rằng điều này hoàn toàn sai. Mặt trời chỉ là trung tâm của một Thái Dương hệ, quả đất của chúng ta và các hành tinh liên hệ đều quay quanh mặt trời. Tuy nhiên, vũ trụ thì vô cùng rộng lớn và có rất nhiều Thái Dương hệ khác mà chúng ta chưa biết đến. Theo ước tính của Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Mỹ (NASA) thì có khoảng hơn một tỷ Thái Dương hệ trong vũ trụ bao la mà Thái Dương hệ của chúng ta chỉ là một phần nhỏ trong đó.

Ông Mitchell bắt chợt trầm ngâm, giọng xúc động:

- Chỉ khi con người đi ra ngoài không gian mới thật sự thấy được chúng ta quá nhỏ bé giữa vũ trụ bao la ngoài sức tưởng tượng này. Hiện nay, chúng ta biết rằng sự sống đã có mặt trên trái đất này từ hàng triệu năm nay, nhưng biết đâu sự sống cũng có thể hiện hữu ở các hành tinh khác hay các Thái Dương hệ khác nữa. Chúng ta cho rằng loài người là thông minh nhất khi so sánh với

các loài vật, nhưng biết đâu có những sinh vật thuộc hành tinh khác còn thông minh hơn mà chúng ta chưa hề biết đến.

Cách đây không lâu, chúng ta cho rằng vật thể nhỏ nhất trên thế giới là phân tử (*Molecule*), nhưng sau đó chúng ta tìm ra nguyên tử (*Atom*) và nghĩ rằng nguyên tử là vật thể nhỏ nhất. Hiện nay, chúng ta biết rằng nguyên tử không phải là nhỏ nhất mà còn có những hạt lượng tử nhỏ hơn nhiều (*Quark*). Nếu chúng ta tiếp tục nghiên cứu thì có lẽ sẽ còn có những thứ nhỏ hơn nữa. Do đó, kiến thức của chúng ta luôn luôn thay đổi theo các khám phá mới của khoa học. Nếu chúng ta có thể chứng minh được rằng hạt vi lượng (*Neutrino*) di chuyển nhanh hơn vận tốc ánh sáng thì quan niệm về thuyết Tương đối của Einstein phải thay đổi và quỹ đạo của mọi hành tinh trong vũ trụ sẽ khác hẳn những gì chúng ta đo được ngày nay.

Ông ngừng lại và nhấn mạnh từng chữ:

- Vấn đề là chúng ta sẽ phản ứng như thế nào với những dữ kiện mới được khám phá? Liệu chúng ta có chấp nhận rằng những gì chúng ta tin tưởng từ bấy lâu nay chỉ là những lý thuyết không còn giá trị nữa không? Hay chúng ta vẫn bám chặt lấy quan niệm cũ vì đã coi chúng như là chân lý tuyệt đối?

Giáo sư Yeh đồng tình tiếp lời:

- Khoa học thực nghiệm chỉ là tập hợp những kiến thức thu thập được từ nhiều cuộc thí nghiệm, với những dữ liệu được đo lường, quan sát và kiểm chứng. Là khoa học gia, chúng ta luôn luôn tìm kiếm, học hỏi và nghiên cứu dựa trên lý luận, đặt ra những giả thuyết, rồi chứng minh rằng chúng đúng hay sai. Tất cả những gì chúng ta xây dựng đều hoàn toàn dựa vào các công cụ đo lường; nhưng với sự tiến bộ của khoa học, khi các công cụ này ngày một tinh vi hơn, chính xác hơn, chúng ta sẽ tìm thêm được những dữ liệu mới để bổ sung cho những dữ liệu trước và tiếp tục xây dựng nền khoa học hiện nay. Nói cho đúng thì khoa học thực nghiệm là một tiến trình luôn luôn thay đổi để bổ sung cho những gì bất toàn trước đây.

Ông Mitchell mỉm cười:

- Nhưng sẽ có một lúc nào đó chúng ta tìm ra những dữ liệu hoàn toàn khác với những dữ liệu trước đó. Chúng ta sẽ đặt ra những giả thuyết mới để thay đổi các quan niệm hiện tại và chúng ta sẽ có một cuộc cách mạng khoa học lật đổ tất cả những gì chúng ta xây dựng trước đây.

Bất chợt, ông Mitchell quay qua hỏi tôi:

- Anh cũng là một nhà khoa học, vậy anh nghĩ như thế nào?

Tôi suy nghĩ, rồi trả lời:

- Một cuộc cách mạng khoa học như thế có lẽ cần nhiều thứ hơn là việc đưa ra một lý thuyết mới để đánh đổ những lý thuyết trước. Theo tôi nghĩ, trước hết, chúng ta phải nghiệm lại các quan niệm trước để tìm hiểu tại sao chúng không còn đúng nữa. Như giáo sư Yeh đã nói, nếu chúng ta phát minh ra những công cụ tinh vi hơn, chính xác hơn, thì chúng ta hiểu rằng công cụ trước đây không hoàn hảo. Nếu chúng ta có thể chứng minh rằng những dữ liệu mới này hợp lý hơn, chính xác hơn, giá trị hơn, thì chúng ta có thể đưa ra bằng chứng để biện minh cho lý thuyết mới này và thay thế lý thuyết trước đã không còn giá trị nữa. Tuy nhiên, tôi nghĩ có lẽ sẽ phải mất nhiều thời gian để thay đổi tư duy của mọi người.

Chúng tôi tiếp tục thảo luận về các phát minh khoa học, nhưng phần lớn là cuộc đối thoại giữa phi hành gia Mitchell và giáo sư Yeh. Tôi và ông Thomas chỉ ngồi nghe, đôi khi thêm vào vài câu xã giao. Tôi thấy ông Thomas chăm chú vào cuộc đối thoại, thỉnh thoảng lại mỉm cười nhưng không nói gì. Có lẽ vì ông là một doanh nhân chứ không phải là khoa học gia như chúng tôi nên ông kiếm lời hơn.

Sau bữa ăn, ông Mitchell hỏi tôi:

- Ngày mai chúng tôi sẽ đến gặp Hòa thượng Thánh Nghiêm, anh có muốn đi cùng với chúng tôi không?

Dĩ nhiên tôi không thể từ chối một cơ hội hiếm có như vậy.

Buổi gặp gỡ được sắp đặt trước này diễn ra tại giảng đường Đại học Đài Bắc cho một số sinh viên và giáo sư tham dự. Giáo sư Yeh là người chủ trì buổi nói chuyện.

Giáo sư Yeh bắt đầu cuộc gặp mặt:

- Mitchell, ông hãy kể về trải nghiệm lạ lùng khi bay trên không gian vũ trụ cho Hòa thượng Thánh Nghiêm nghe và hỏi ngài về những thắc mắc của ông đi.

Phi hành gia Mitchell lên tiếng:

- Thưa Hòa thượng, sau khi hoàn tất sứ mệnh trên mặt trăng, chúng tôi bắt đầu bay trở về trái đất. Khi bay trong không gian, phi thuyền của chúng tôi phải liên tiếp xoay tròn theo trục di chuyển 360 độ để giảm sức nóng phát ra từ ánh sáng mặt trời. Do đó, cứ mỗi hai phút thì tôi lại nhìn thấy trái đất, mặt trăng và mặt trời qua cửa kính của phi thuyền. Tôi cũng phải nói thêm là bên ngoài không gian, vì không có bầu khí quyển nên chúng tôi nhìn thấy các hành tinh rất rõ. Khi ở trên trái đất, chúng ta nhìn lên bầu trời và thấy các vì sao lấp lánh vì ảnh hưởng của bầu khí quyển; nhưng trong không gian, tất cả đều sáng rõ như một mạng lưới khổng lồ với hàng ngàn hàng vạn vì sao trông như những hạt kim cương tỏa sáng. Đó là một hình ảnh tuyệt vời đối với các phi hành gia chúng tôi lúc đó. Ngày nay, mọi người đều có thể nhìn thấy hình ảnh này qua kính viễn vọng Hubble, hay qua các hình ảnh mà Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Mỹ chụp được và đưa lên mạng. Nếu quan sát kỹ, chúng ta sẽ thấy vũ trụ đẹp vô cùng, không lời nào có thể diễn tả được.

Là một nhà khoa học, tôi biết rằng tất cả những tế bào, những nguyên tử trong cơ thể tôi, hay cơ thể của những người bạn tôi trong phi thuyền, và ngay cả những nguyên tử cấu tạo nên phi thuyền, đều phát xuất từ hành tinh của chúng ta hay chính là khởi nguồn trong vũ trụ. Mọi hiện tượng vật chất đều phát xuất từ vũ trụ này. Từ đó, tôi ý thức rằng thân thể của tôi và tất cả mọi vật trong vũ trụ không có gì sai biệt. Thay vì là một cá thể độc lập, một thành phần riêng rẽ, tôi ý thức rằng tất cả cùng chung một nguồn gốc. Ngay khi đó, toàn thân tôi bỗng nhiên rung động mãnh liệt. Tôi thấy mình chìm đắm trong một cảm giác bình an lạ lùng không thể diễn tả. Trải nghiệm này tiếp tục diễn ra mỗi khi tôi không bận rộn. Là phi hành gia, dĩ nhiên chúng tôi rất bận vì vừa phải điều khiển phi thuyền, vừa phải hoàn thành những thí nghiệm khoa học trong phi thuyền, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng

dừng lại nhìn ra ngoài cửa sổ để chiêm ngưỡng vẻ đẹp diệu kỳ của vũ trụ và cảm nhận cảm giác bình an lạ lùng này.

Với mỗi vòng quay của phi thuyền, tôi lại nhìn thấy trái đất, mặt trăng, mặt trời, cùng các vì tinh tú lấp lánh. Tôi thấy vũ trụ giống như một tấm lưới với hàng triệu vì sao toát ra thứ ánh sáng rực rỡ, và tôi ý thức rõ ý niệm “vạn vật đồng nhất thể”. Tôi hiểu rằng nếu đã đồng nhất với tất cả thì vạn vật đều liên quan chặt chẽ với nhau, không thể tách rời được. Đây là một quan niệm mới lạ mà từ trước đến nay, các nhà khoa học chúng tôi không ai nghĩ đến.

Trong trải nghiệm bình yên đặc biệt đó, tôi tự hỏi: “Tôi thực sự là ai? Tôi từ đâu tới đây? Rồi tôi sẽ đi về đâu? Vũ trụ được hình thành và có mối liên hệ như thế nào với trái đất cùng những con người sống ở đó? Có phải chúng tôi, những người đầu tiên du hành ra ngoài không gian, đã cảm nhận được sự tương quan rõ rệt giữa con người và vũ trụ, khác hẳn với ý niệm của những người chưa từng rời trái đất?”.

Từ ý niệm này, tôi nghĩ rằng có lẽ đã đến lúc phải tìm cách thay đổi các quan niệm định kiến chật hẹp đã giam cầm bao nhiêu thế hệ từ trước đến nay bằng một quan niệm mới về sự tương quan giữa con người và vũ trụ. Có lẽ các định luật khoa học, các kiến thức được xây dựng từ ngàn xưa sẽ phải thay đổi khi chúng ta nhìn lại tất cả những gì chúng ta đã làm trên trái đất này, sau khi chứng kiến sự nhỏ bé của chúng ta so với vũ trụ bao la. Ngay như nền khoa học hiện đại bắt đầu khoảng bốn trăm năm trước với Isaac Newton cũng sẽ phải thay đổi khi con người bước ra khỏi tầm ảnh hưởng của sức hút trái đất.

Khi lan man nghĩ đến đó, tôi chợt nghĩ đến những bậc tiên phong như Copernicus, Galileo và những nhà khoa học lỗi lạc khác đã đưa ra ý kiến về sự tương quan giữa trái đất và vũ trụ nhưng phải chịu đựng sự chống đối, kỳ thị của những quan niệm thiên cận, hẹp hòi lúc bấy giờ. Người thì bị thiêu sống, người thì bị giam cầm cho đến chết, nhưng sự thật vẫn là sự thật, không thể chối cãi. Tất cả khuynh hướng bảo thủ, hẹp hòi trước sau cũng phải thay đổi khi người ta biết hướng tầm mắt lên cao, xóa bỏ thành kiến cũ và mở rộng tâm hồn để nhìn ra vũ trụ bao la.

Phi hành gia Mitchell ngừng lại suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Khi trở về trái đất, tôi luôn thắc mắc về cái cảm giác bình an lạ lùng này. Tôi tìm đọc rất nhiều sách vở khoa học nhưng không tìm thấy gì có thể giải thích hiện tượng trên. Tôi chuyển qua nghiên cứu các sách vở tôn giáo của phương Tây nhưng cũng không tìm được gì. Tôi tìm đến những học giả thông thái nhưng không ai có thể trả lời được thắc mắc của tôi. Một người bạn khuyên tôi nên tìm đọc các tài liệu về tôn giáo phương Đông, và tôi bắt đầu nghiên cứu Phật giáo, nhất là các sách nói về đại định (*Samadhi*). Tôi thấy có sự trùng hợp giữa trải nghiệm mà tôi đã trải qua trên không gian với trải nghiệm của các hiền triết phương Đông, khi họ diễn tả về trạng thái thiền định.

Giáo sư Yeh chợt hỏi:

- Phải chăng cảm giác đó là thấy mình hợp nhất với vạn vật?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Đúng thế, lúc đó tôi không thấy có sự khác biệt giữa mình và vạn vật nữa. Cái cảm giác hòa hợp, rung động cùng với sự chuyển động của vũ trụ, là một trải nghiệm kỳ lạ không thể diễn tả được bằng lời.

Giáo sư Yeh quay sang hỏi Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, theo quan niệm của Phật giáo, trải nghiệm không còn thấy sự phân biệt giữa mình và vạn vật của phi hành gia Mitchell có phải là một sự chứng ngộ không?

Hòa thượng Thánh Nghiêm mỉm cười nhìn ông Mitchell:

- Trước hết tôi rất mừng cho phi hành gia Mitchell đã có một trải nghiệm đặc biệt. Trong hàng ngàn, hàng vạn người, không mấy ai có được trải nghiệm như thế. Trong cuộc sống, khi người ta trải nghiệm một điều gì đó hoàn toàn mới mẻ, có thể thay đổi hẳn các trải nghiệm cá nhân từ trước, ta có thể coi đó như là một sự chứng ngộ. Tuy nhiên, đó cũng có thể chỉ là một cảm giác nhất thời.

Thí dụ như, cách đây không lâu, một đệ tử của tôi cũng có một trải nghiệm đặc biệt. Sau một khóa tu thiền kéo dài bảy ngày, anh ta trở về nhà. Trên đường về, anh ta thấy tất cả cây cối, hoa lá, từ những con côn trùng nhỏ bé cho đến những chiếc lá cây, ngọn

cỏ đều vui mừng chào đón anh. Anh cảm nhận được một niềm an lạc tuyệt vời như hòa nhập với ngoại cảnh và tin rằng mình đã chứng ngộ. Anh vội vã trở lại kể cho tôi nghe về trải nghiệm đó. Tôi nói với anh rằng tuy đó là một khoảnh khắc trải nghiệm tuyệt vời nhưng cũng có thể biến đi ngay trong chốc lát. Đừng coi cảm giác đó là một sự chứng ngộ. Nếu không tin, anh hãy thử trở lại khu vườn đó để xem những cây cỏ, hoa lá, muông thú có chào đón anh như trước không.

Khi quay trở lại, anh không cảm nhận được trải nghiệm như trước nên đã hỏi: “Làm thế nào để con có thể lấy lại cái cảm giác tuyệt vời đó?”. Tôi trả lời: “Không ai có thể sở hữu mãi mãi trải nghiệm đã qua đó. Nếu muốn nắm giữ nó mãi thì anh thật tham lam. Có được trải nghiệm này chỉ là một kết quả của quá trình tu tập mà thôi. Đó không phải là sự chứng ngộ như anh kỳ vọng. Mục đích của tu tập thiền định là để phát triển trí tuệ và xóa bỏ bản ngã. Nếu chúng ta đạt đến trạng thái Vô ngã thì thế giới này còn tồn tại nữa không? Nếu chúng ta đạt đến trạng thái Tâm vô phân biệt thì làm gì còn có chúng ta hay thế giới này nữa? Đối với đa số mọi người, thế giới này thật sự hiện hữu, nhưng đối với những người đã chứng ngộ thì thế giới này chỉ là huyền ảo, không có thật, do đó tất cả trải nghiệm dù là trải nghiệm gì đi chăng nữa, cũng chỉ là huyền ảo chốc lát mà thôi. Chúng ta không nên để ý đến nó hay muốn nắm giữ nó mãi làm gì”.

Giáo sư Yeh hỏi thêm:

- Bạch Hòa thượng, như thế thì dù chúng ta có được những trải nghiệm gì cũng không nên bám víu vào nó hay sao?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Cho dù trải nghiệm đó diễn ra thế nào đi nữa, hãy để cho nó đến và đi một cách tự nhiên. Có thể nó chỉ là điều xuất phát từ tâm thức, sẽ thay đổi, vì tất cả mọi sự đều sẽ đổi thay. Dù nó hiện hữu như thật, vẫn hãy coi nó chỉ là những hiện tượng của tâm thức mà thôi.

Tuy nhiên, đối với những người đã trải nghiệm, rồi hoàn toàn thay đổi nhận thức của họ và luôn luôn sống với tâm thức đó, thì chúng ta có thể kết luận rằng người đó đã chứng ngộ. Theo quan

niệm của Phật giáo, người này đã có một “nhân” lành từ trước và đến nay nó bắt đầu trở “quả”.

Hòa thượng Thánh Nghiêm chia sẻ tiếp:

- Phi hành gia Mitchell là một nhà khoa học, nhưng không thể giải thích trải nghiệm đó bằng lý luận của khoa học, không thể chứng minh nó qua các cuộc thí nghiệm, hay tạo ra lý thuyết bằng phương pháp luận lý. Ông tin rằng đây là một kiến thức mới, mà khoa học cần khám phá, nghiên cứu thêm. Tuy nhiên, ông nên biết rằng cảm giác đó là một trải nghiệm tâm linh nằm trong phạm trù của tôn giáo mà khoa học không thể giải thích. Triết học hay luận lý học cũng không thể giải thích được, vì nó là một trải nghiệm tinh thần xảy ra cho một người duy nhất - là ông mà thôi. Trải nghiệm ấy đã làm thay đổi hoàn toàn cách suy nghĩ của ông. Từ đó, ông cảm thấy nó trở thành một phần của ông, không thể tách rời ra được nữa. Trải nghiệm này vượt khỏi phạm trù của khoa học bởi vì những người trải nghiệm được việc này không thể diễn tả, giải thích được, không thể chứng minh được, và cũng không ai có cùng một trải nghiệm tương tự như thế, nó là một trải nghiệm có tính chất duyên căn cá nhân. Ai uống nước thì tự mình biết nóng hay lạnh. Trong trường hợp của ông, chỉ mình ông cảm nhận được sự an lạc hòa hợp cá nhân vào vũ trụ, nhập với tất cả, không còn phân biệt giữa mình và vũ trụ nữa. Lúc đó cũng có các phi hành gia khác ở trong phi thuyền. Tại sao họ không có được trải nghiệm giống như ông? Tại sao chỉ mình ông có được cảm nhận đó? Nếu nói theo khoa học thì một khi ông cảm nhận được điều gì, tất cả những người khác cũng đều phải thấy như thế. Tóm lại, đây là điều mà khoa học không thể giải thích hay chứng minh, vì nó nằm ngoài phạm trù của khoa học.

Giáo sư Yeh hỏi tiếp:

- Ông Mitchell, trải nghiệm lạ lùng đó có trở lại với ông nữa không? Khi trở về trái đất, ông còn có cảm nhận đó nữa không?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Có chứ, tôi vẫn cảm nhận được và sống trong niềm an lạc vô biên này. Nó hoàn toàn thay đổi quan niệm của tôi về con người và vũ trụ, vì thế tôi mới tìm cách giải thích nó theo khoa học, luận lý học, triết học và tâm linh. Tôi đồng ý với Hòa thượng Thánh

Nghiêm về điều ngài dạy; nhưng là người nghiên cứu khoa học, tôi vẫn muốn tìm cách kết nối khoa học với trải nghiệm nội tại, để mở ra một chân trời mới cho kiến thức còn thiếu sót của nhân loại hiện nay.

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi:

- Ông nghĩ sao về các lý thuyết khoa học còn thiếu sót hiện nay? Chẳng hạn như giả thuyết về sự hình thành vũ trụ qua vụ nổ Big Bang?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Khoa học thực nghiệm được xây dựng từ những lý luận, rồi được chứng minh qua các cuộc thí nghiệm với những dữ liệu chính xác. Giả thuyết về sự hình thành vũ trụ qua vụ nổ Big Bang mặc dù được đa số chấp nhận nhưng chưa ai có thể chứng minh nó một cách chính xác. Do đó, nó vẫn chỉ là một giả thuyết. Nó giải thích được một số hiện tượng, nhưng nó chưa hoàn chỉnh để có thể được công nhận là sự thật tuyệt đối. Theo tôi thì với đà tiến triển của khoa học ngày nay, giả thuyết này có thể trở nên lỗi thời, khi có thêm những bằng chứng hay dữ liệu khác. Tôi không nghĩ vũ trụ chỉ là kết quả của một vụ nổ, mà là một cái gì đó vận động, thay đổi không ngừng, do đó rất khó định nghĩa thật rõ ràng.

Giáo sư Yeh đặt vấn đề:

- Nhưng nếu loại bỏ lý thuyết về vụ nổ Big Bang thì phải chăng thời gian không bắt đầu từ lúc tạo lập ra vũ trụ mà là một cái gì đó không có khởi thủy?

Phi hành gia Mitchell giải thích thêm:

- Đối với tôi, thời gian chỉ là một sự đo lường có tính tương đối. Chính con người đề xướng ra cái gọi là “thời gian” trên trái đất này chứ tự nhiên không phân chia ra như thế. Con người tạo ra quan niệm về thời gian, rồi chia nó ra thành nhiều mảnh vụn. Trái đất quay quanh mặt trời một vòng thì được xem là một năm, rồi một năm có mười hai tháng, mỗi tháng có một số ngày, rồi ngày chia ra giờ, giờ chia ra phút, phút chia ra giây v.v... Sự phân chia này chỉ mang tính giới hạn trên trái đất mà thôi. Nếu chúng ta đi lên Hỏa Tinh, hay Kim Tinh, chúng ta sẽ phải thay

đổi thời gian khác đi. Nếu chúng ta tiếp tục đi vào không gian thì thời gian trên trái đất sẽ không còn giá trị nữa.

Giáo sư Yeh quay qua hỏi Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, một nhà khoa học không gian và là một phi hành gia nổi tiếng như ông Mitchell đây cũng không hoàn toàn tin vào giả thuyết về sự hình thành vạn vật qua vụ nổ Big Bang, mà cho rằng vũ trụ là một cái gì đó luôn luôn thay đổi. Nếu thế phải chăng vạn vật không có khởi đầu hay chấm dứt, mà chỉ là một diễn trình thay đổi không ngừng? Bạch Hòa thượng, liệu quan niệm này có khác với quan niệm của Phật giáo trong kinh *Hoa Nghiêm (Avatamsaka)* không?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Cho đến nay, mọi người đều cho rằng vạn vật được hình thành từ vụ nổ Big Bang. Các nhà khoa học cũng dựa vào giả thuyết này để đưa ra các lý luận khoa học về không gian, thời gian v.v... Tôi mừng vì một nhà khoa học lỗi lạc và là phi hành gia nổi tiếng như ông đây lại nghĩ khác. Ông tin rằng vũ trụ luôn luôn thay đổi và vận động không ngừng, do đó rất hợp với quan niệm “thành, trụ, hoại, diệt” vì mọi sự vật, mọi hiện tượng luôn luôn thay đổi, không có khởi đầu hay chấm dứt. Điều này rất hợp với quan niệm của Phật giáo.

Tuy nhiên, tôi muốn nói thêm rằng vũ trụ quan của Phật giáo không phân chia thời gian và không gian như là hai thực thể khác biệt mà bao gồm cả thời gian lẫn không gian. Thời gian bao gồm cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Không gian cũng bao trùm cả sáu hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới). Nhưng thời gian có thật sự hiện hữu không? Không! Thời gian chỉ được tạo ra khi có một đối tượng trong không gian chuyển động, và nếu ta đo được sự chuyển động đó thì thời gian hiện hữu. Nói cách khác, nếu ta cảm thấy không gian thay đổi thì thời gian hiện hữu. Nếu không gian không chuyển động thì sẽ không có thời gian. Nhưng nói như thế thì không gian có hiện hữu không? Cũng không! Nếu ta không cảm nhận được thời gian thì không gian cũng không hiện hữu. Tất cả chỉ là một cái gì đó uyên nguyên rỗng lặng.

Nói cách khác, vũ trụ quan của Phật giáo là sự phối hợp giữa không gian và thời gian. Cái này có thì cái kia có, cái này không

thì cái kia không, tất cả đều liên hệ với nhau, tương tức và tương nhập chặt chẽ. Tóm lại, mọi sự vật trong vũ trụ đều có tính tương đối, nghĩa là đều vô thường, vô ngã và duyên sinh. Thời gian và không gian tuy có tên gọi khác nhau nhưng cùng chung một bản thể, hay “vạn vật đồng nhất thể”, một là tất cả, tất cả là một.

Hòa thượng Thánh Nghiêm tiếp tục giải thích:

- Ngày nay, ngành vật lý không gian đã chứng minh điều này bằng thuyết Tương đối của Albert Einstein. Đặc biệt là quan niệm về không gian bốn chiều, nêu rõ ý nghĩa: không gian và thời gian không phải là hai điều tuyệt đối có tự thể riêng biệt, mà chỉ có tính tương đối thôi.

Phải dùng từ “kỳ gian” (space-time) để gọi chung cho cả hai mới đúng, vì tính chất của chúng là dung thông, hòa hợp với nhau làm một, thâm nhập và tương nhập với nhau một cách tuyệt diệu.

Với trí óc siêu việt, Einstein đã tìm ra được luật Tương đối, thấy được vận tốc, thời gian, không gian, khối lượng đều là những gì tương đối chứ không tuyệt đối. Công thức $E = mc^2$ của ông đã chứng minh rằng năng lượng (energy) chính là khối lượng (mass) của vật đó khi di chuyển nhanh bằng lũy thừa của vận tốc ánh sáng. Lúc đó, vật chất sẽ biến thành năng lượng và khi năng lượng chuyển động chậm lại thì nó sẽ biến thành vật chất.

Hòa thượng Thánh Nghiêm quay qua phi hành gia Mitchell rồi nói một cách rõ ràng:

- Như ông cũng biết, năng lượng là khối lượng và khối lượng cũng là năng lượng, hay tinh thần là vật chất và vật chất cũng là tinh thần. Đó chính là lời Đức Phật đã dạy trong kinh *Hoa Nghiêm* từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước: “Tâm là vật, vật cũng là tâm – vạn vật đồng nhất thể, đó chính là nguyên lý ‘sự sự vô ngại pháp giới’”. Muốn tiếp thông với cảnh giới Hoa Nghiêm này, ông phải đi vào bằng cánh cửa tâm linh chứ những cảm giác phân biệt hay luận lý dựa trên sự suy ngẫm của “thức” thì không thể được. Chỉ có cánh cửa tâm linh mới có thể tổng hợp được thời gian và không gian, đưa ông vào cuộc sống “hằng mà chuyển” thôi.

Lúc này, ông nói rằng ông không tin vũ trụ này được hình thành bởi vụ nổ Big Bang, mà vũ trụ này thay đổi không ngừng. Nhưng ai có thể cảm nhận được sự thay đổi của vũ trụ như thế? Phải chăng chính là con người? Những sinh vật khác không thông minh như con người nên không ý thức rõ về vũ trụ như con người. Con người có ý niệm rõ ràng về thời gian và không gian. Khi thời gian hiện hữu, không gian cũng hiện hữu, đó chính là quan niệm căn bản về sự tạo lập vũ trụ.

Hòa thượng Thánh Nghiêm quay sang nói với giáo sư Yeh:

- Lúc này, ông hỏi quan niệm này có trùng hợp với quan niệm của kinh *Hoa Nghiêm* không? Đúng thế, chủ trương của kinh *Hoa Nghiêm* là “pháp giới duyên khởi”, nghĩa là mọi sự, mọi vật đều do nhân duyên hòa hợp mà thành, tất cả đều nương vào nhau, nhân sinh quả, quả lại sinh nhân, lớp lớp trùng trùng, có khi dung thông, có khi đối chọi, ảnh hưởng lẫn nhau mà sinh ra, không một cái gì có thể tự tồn, tự lập riêng rẽ. Cái này có là nhờ cái kia, cái kia có là nhờ cái này. Lớp lớp trùng trùng không cùng tận nên gọi là “trùng trùng duyên khởi”.

Vì thế, “một cũng là tất cả, tất cả cũng là một”, mọi sự, mọi vật đều có liên quan mật thiết với nhau, đều tuân theo định luật của vũ trụ như vô thường, vô ngã. Điểm đặc biệt của kinh *Hoa Nghiêm* là nói về cái thể “động” của vũ trụ mà đặc tính của nó là biến hóa, thay đổi không ngừng.

Hòa thượng Thánh Nghiêm nhìn mọi người một lượt và nhấn mạnh:

- Sự thay đổi này cũng là đặc tính của cuộc sống vô thường của chúng ta mà không mấy ai để ý đến. Chúng ta sinh ra, lớn lên, rồi già và chết. Trong mỗi giây, mỗi phút, cơ thể chúng ta đều thay đổi với hàng vạn tế bào chết đi và hàng vạn tế bào được sinh ra. Sự thay đổi được đo lường qua thời gian và chia làm ba thời: “Quá khứ, hiện tại và vị lai”. Thật ra, sự phân chia này chỉ là tương đối mà thôi vì trong một thời vẫn có thể nói đến các thời kia. Ba thời có thể riêng rẽ hay xen lẫn với nhau, thay đổi hay dung thông với nhau. Thí dụ như khi suy tư, chúng ta có thể ý thức được nhiều việc trong quá khứ, hiện tại, hay vị lai.

Mọi sự, mọi vật trong vũ trụ đều tác động với nhau theo nhân duyên và tạo thành những sự, những vật. Sự tác động và biến chuyển này diễn tiến và thay đổi không ngừng trong vòng sinh hóa. Chính nhờ có sự phân chia thời gian này mà chúng ta có thể hiểu rõ được luật Vô thường, Vô ngã, Duyên sinh và Nhân quả. Kinh *Hoa Nghiêm* giải thích cho chúng ta biết rõ vũ trụ được tạo ra do vô tận duyên khởi, hình tướng tuy khác nhưng tất cả đều chung một bản thể, bình đẳng và dung thông. Bản thể đây chính là tâm chân như. Từ chân như phát sinh ra vạn hữu. Vạn hữu là giả huyễn mà chúng ta lại cho là thật.

Nhờ biết cách quan sát thật tướng qua công phu thiền định sâu xa mà chúng ta hiểu được và thấy rõ mọi sự, mọi vật như nó là. Khi chúng ta thực hành nhìn sâu vào mọi sự, chúng ta vượt qua cái tướng bên ngoài để thấy rõ cái thể bên trong. Khi chúng ta biết hướng tâm lên cao, vượt khỏi thế giới hiện tượng sai biệt để đạt tới cảnh giới vô sai biệt này thì chúng ta mới hiểu rõ được thật tướng của sự vật.

Giáo sư Yeh hỏi phi hành gia Mitchell:

- Hòa thượng đã trình bày về sự thành lập vũ trụ qua lăng kính của Phật giáo. Là một nhà khoa học về không gian, ông nghĩ sao về quan niệm này?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Có nhiều quan niệm khác nhau về sự tạo lập vũ trụ. Ngay cả những nhà khoa học thông thái nhất cũng không đồng ý với nhau, người nói thế này, người nói thế khác. Người đặt ra lý thuyết này, người đưa ra quan niệm khác. Tất cả đều là những giả thuyết, chưa ai chứng minh được một cách rõ ràng với các dữ liệu chính xác. Tuy nhiên, nếu nói tất cả là "Không" thì đa số mọi người sẽ hiểu lầm là không có gì, và nếu nói vũ trụ không có thật thì không ai tin được. Càng tìm hiểu về những điều này, các nhà khoa học, ngay như chính tôi đây, cũng bối rối. Hãy cho rằng vũ trụ là một cái gì đó thật sự hiện hữu đã, nhưng khoa học sẽ giải thích như thế nào? Ai tạo ra nó? Nó đến từ đâu? Nó bắt đầu như thế nào? Khoa học thực nghiệm đòi hỏi phải có sự chứng minh, giải thích, đưa ra những lý thuyết, rồi tìm ra những dữ liệu để biện minh cho lý thuyết đó đúng hay sai.

Thế kỷ hai mươi là thế kỷ của nhiều phát minh, và con người đã khám phá ra rất nhiều thứ mà trước đó người ta chỉ tưởng tượng ra, nay đã thành sự thật. Hiện nay có rất nhiều lý thuyết mới và quan niệm mới, nhiều hơn tất cả những lý thuyết từ trước đến nay. Phải nói rằng nhân loại đã đi rất xa, đã đặt chân lên mặt trăng, đã tiến vào vũ trụ, nhưng còn biết bao nhiêu thứ khác chúng ta chưa biết đến. Việc giải thích về vũ trụ vẫn là điều mà những nhà khoa học như chúng tôi chưa hiểu rõ.

Tuy nhiên, quan niệm về sự tương thông và dung nhiếp chứ không phân chia này là một quan niệm rất hợp với lý thuyết vật lý lượng tử. Từ nhiều năm nay, chúng tôi đã nghiên cứu việc sử dụng những công cụ khoa học của ngành vật lý lượng tử để tìm ra sự tương quan giữa khoa học và tâm linh. Dĩ nhiên, chúng tôi chưa đi đến một kết luận nào rõ ràng nhưng đã có rất nhiều bằng chứng cho thấy vật lý lượng tử sẽ đưa nền khoa học thực nghiệm tiến xa hơn trước.

Giáo sư Yeh thắc mắc:

- Nếu thế thì thuyết Big Bang sẽ không còn giá trị nữa sao?

Phi hành gia Mitchell chia sẻ:

- Không những tôi mà các nhà khoa học khác cũng nghĩ như thế. Đã có nhiều bằng chứng cho thấy giả thuyết này không hoàn toàn như mọi người vẫn nghĩ. Đã có nhiều nghiên cứu khoa học tìm ra những dữ liệu mới, trái ngược với các dữ liệu về vụ nổ Big Bang này. Dĩ nhiên phải cần nhiều cuộc thí nghiệm nữa trước khi chúng ta có thể kết luận rõ ràng.

Nhưng theo tôi nghĩ, khoa học mỗi ngày một phát triển, người ta sẽ tìm được nhiều dữ liệu mới để chứng minh rằng một số lý thuyết trước đây không còn đúng nữa. Thí dụ như ngày trước Einstein cho rằng tốc độ của ánh sáng là tuyệt đối, không gì có thể đi nhanh hơn tốc độ của ánh sáng. Quan niệm của vật lý lượng tử về tính “vô định xứ” (quantum non-locality) chứng minh rằng có những tín hiệu có thể đi nhanh hơn vận tốc của ánh sáng. Trong thí nghiệm về cảm giác nhận thức siêu việt (Extrasensory Perception - ESP), khi một tư tưởng nảy ra, người khác có thể nhận biết được ngay lập tức. Tôi đã thực hiện thí nghiệm này trên mặt trăng và người ở trái đất nhận ngay được những tín hiệu này,

không những một lần mà hàng chục lần. Nếu chúng ta đo lường thời gian và khoảng cách thì những tín hiệu này di chuyển nhanh hơn vận tốc của ánh sáng rất nhiều. Theo quan niệm của vật lý lượng tử về tính “vô định xứ” thì những tín hiệu của cảm giác, hay đơn giản hơn là tư tưởng phát xuất từ bộ óc con người, có thể di chuyển nhanh không giới hạn.

Giáo sư Yeh góp thêm lời:

- Một yếu tố của quan niệm về tính “vô định xứ” là lý thuyết về sự tương quan giữa hai thực thể với nhau. Nếu một thực thể rung động hay cảm nhận được điều gì thì thực thể kia cũng nhận thấy ngay lập tức. Điều này tuy vẫn chỉ là một giả thuyết khoa học nhưng cũng có thể dùng để giải thích về sự cảm thông giữa hai người hay quan niệm về Nhân quả.

Phi hành gia Mitchell gật đầu:

- Đúng thế, quan niệm về Nhân quả của Phật giáo rất thích hợp với các lý thuyết khoa học ngày nay. Vật lý đã chứng minh rằng nếu ta ném một vật lên không trung, vật đó sẽ phải rơi xuống vì sức hút của trái đất. Tương tự, một hành động xảy ra cũng sẽ đem lại một kết quả. Bất cứ động lực nào phát ra cũng có một phản lực ngược lại. Ngày nay, tất cả các nhà khoa học đều chấp nhận quan niệm này.

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi cho Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, phi hành gia Mitchell vừa giải thích về mối tương quan giữa hai thực thể. Vậy điều này có thể giải thích về nghiệp lực trong thuyết Nhân quả của Phật giáo như thế nào?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Theo Phạn ngữ, *Karma* có nghĩa là hành động. Bất cứ một hành động nào như cử chỉ (*thân*), lời nói (*khẩu*) hay ý nghĩ (*ý*) cũng đều tạo ra một phản lực hay *nghiệp* . Tuy nhiên, phải nói thêm rằng những hành động này phải dựa trên ý thức (*consciousness*). Do đó, giữa nghiệp (*karma*) và thức có mối tương quan chặt chẽ với nhau, tương tự như giả thuyết khoa học về sự tương quan lượng tử mà phi hành gia Mitchell vừa trình bày.

Thức thuộc về phạm trù tinh thần. Phật giáo có rất nhiều cách giải thích về thức. Theo phái Duy Thức (*Vijnanamatra*) thì thức có thể chia thành nhiều phần chi tiết nhưng ta có thể tạm chia thức ra làm sáu phần là: *nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân* và *ý* , tương ứng với sáu căn là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân* và *óc* . Ngoài ra còn thức thứ bảy hay căn thức (*Mạt na thức*) và thức thứ tám là tàng thức (*A lại da thức*).

Nghiệp lực được tạo ra do thức thứ sáu (*ý thức*) vì nó tạo ra sự phân biệt, do đó còn gọi là phân biệt thức. Chính thức thứ sáu này phân biệt phải trái, tốt xấu, đúng sai v.v... Năm thức trước (*nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân*) không phân biệt, chỉ là nhận thức các cảm giác, nên không tạo nghiệp.

Khi các cảm giác này diễn ra, thức thứ sáu sinh ra các ý niệm phân biệt và hợp tác với thức thứ bảy hay căn thức (*Mạt na thức*) để tạo thành nghiệp nhân. Khi một nghiệp nhân xảy ra, nó có thể đem lại một hậu quả ngay trong lúc này hay có thể xảy ra ở một lúc khác. Một nhân có thể tạo ra quả ngay trong đời này hoặc có thể chờ đến đời sau. Tuy nhiên, đã gây nhân gì thì gặt quả đó. Trồng đậu thì được ăn đậu, trồng dưa thì được ăn dưa. Không thể có việc trồng đậu mà lại ra quả dưa được. Nghiệp nhân gây ra trong kiếp này đôi khi được lưu trữ trong thức thứ tám hay tàng thức và tác động ở kiếp sau.

Nói cách khác, từ kiếp sống này qua kiếp sống khác, cái duy nhất được duy trì là nhân, hay chủng tử, được lưu trữ trong tàng thức. Chính thức thứ tám này chứa đựng tất cả chủng tử của nghiệp lực và chúng tiếp tục đi theo mỗi cá nhân như bóng với hình, từ kiếp này qua kiếp khác.

Theo quan niệm của Phật giáo thì sự sống con người được hình thành bằng ba thực thể: sinh lực, hơi ấm và tàng thức. Sinh lực giúp người ta sống, hơi ấm là sự chuyển động của sinh lực tạo ra năng lượng, và tàng thức ảnh hưởng đến đời sống của mọi người theo luật Nhân quả. Khi sinh lực cạn dần, người ta sẽ già và chết. Khi chết, hơi ấm mất đi và cái cuối cùng ra đi là tàng thức. Nó sẽ dẫn dắt người ta đi vào đời sống ở kiếp khác.

Vì trong đời sống hàng ngày con người tạo nghiệp tốt hay xấu qua hành động, lời nói và ý nghĩ, nên những chủng tử của nghiệp lực này được lưu trữ trong tàng thức. Một số chủng tử hoạt động không ngừng, ảnh hưởng qua bảy thức trên, tạo thành tính tình, năng khiếu, thói quen của một cá nhân vì bất cứ hành động nào (nghiệp nhân) cũng tạo ra những phản lực (nghiệp quả).

Tuy nhiên, một số chủng tử tiềm ẩn trong tàng thức không phát động ngay mà chờ đến thời điểm thuận tiện khác nên con người tiếp tục trải qua kiếp sống này đến kiếp sống khác. Khi có đủ duyên, những chủng tử này phát động theo luật Nhân quả dưới một dạng thức khác. Thế xác có thể là một con người, hay cũng có thể là một con vật do sự dẫn dắt của nghiệp lực.

Theo quan niệm của Phật giáo, kiếp sống hiện nay chẳng phải là kiếp sống đầu tiên hay cuối cùng, mà chúng ta đã sống hàng trăm, hàng triệu kiếp sống trước đây và sẽ có vô số những kiếp sống sau nữa. Kiếp sống con người thì có hạn, kéo dài cao lắm là tám chục hay một trăm năm, nhưng tàng thức thì không bao giờ hết, kéo dài liên tục và đó chính là vòng luân hồi vô tận mà Đức Phật đã chỉ rõ trong giáo lý của Ngài.

Dĩ nhiên các bậc thánh nhân thì khác, vì họ đã được giải thoát khỏi sự chi phối của nghiệp lực. Họ đã biết cách tu hành để chấm dứt vòng sinh tử luân hồi, và đó chính là mục đích tối hậu mà Đức Phật đã nhận ra và truyền dạy cho loài người. Sứ mệnh của Phật giáo là được giải thoát khỏi sự chi phối của vòng Luân hồi.

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi để làm rõ hơn nữa những chia sẻ của Hòa thượng Thánh Nghiêm:

- Bạch Hòa thượng, vậy làm thế nào để hóa giải các nghiệp lực này đây?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Nếu người ta biết cách chuyển hóa thức thứ tám (*A lại da thức*), biến thức thành trí thì họ sẽ vượt ra khỏi sự kiềm tỏa của nghiệp thức. Điều này đòi hỏi phải có công phu tu luyện, và chỉ có cách duy nhất ấy thôi. Dĩ nhiên, sự tu luyện có nhiều lối, người thích tu Thiền, người thích tu Tịnh, người thích tu Mật v.v... tùy theo căn cơ mỗi người.

Giáo sư Yeh hỏi thêm:

- Hòa thượng đã chia sẻ rất rõ về Nghiệp, Nhân quả và vòng Luân hồi, nhưng là nhà khoa học, ông nghĩ thế nào về việc này, thưa phi hành gia Mitchell?

Phi hành gia Mitchell trả lời:

- Đứng trên phương diện khoa học, chúng tôi không có sự giải thích rõ ràng về Nghiệp như Hòa thượng Thánh Nghiêm vừa trình bày. Chúng tôi chưa có một công cụ khoa học nào để giải thích về Nghiệp thức hay chứng minh rằng có một đời sống ở kiếp sau. Chúng tôi có thể vẫn đọc sách và tìm hiểu về quan niệm này, nhưng chúng tôi không thể đo lường hay chứng minh được. Tuy nhiên, tôi đồng ý rằng bất cứ hành động nào cũng tạo ra phản ứng. Do đó, khoa học có thể công nhận quan niệm về luật Nhân quả, nhưng việc lưu trữ những lực này ở một nơi nào đó, rồi để chúng khởi phát vào lúc khác là điều chúng tôi không thể chứng minh trong phòng thí nghiệm.

Theo tôi thì quan niệm về Luân hồi hiện nay vẫn là một điều không thể giải thích bằng khoa học. Chúng tôi biết từ ngàn xưa, mỗi quốc gia, mỗi nền văn minh trên thế giới đều có những niềm tin mà ngày nay khoa học không thể giải thích. Quan niệm đó đúng hay sai, có giá trị hay không, là điều mà khoa học không thể thẩm xét. Do đó, chúng tôi chỉ có thể coi đó là những niềm tin mà thôi. Người ta có thể tin thế này hay thế khác, nhưng không thể chứng minh bằng những dữ liệu trong phòng thí nghiệm được. Tuy nhiên, là người đã có một trải nghiệm chỉ có thể giải thích trên phương diện tâm linh chứ chưa thể giải thích bằng khoa học, nên tôi có một ý nghĩ khác.

Theo tôi, đức tin tôn giáo và lý thuyết khoa học có thể bổ sung cho nhau và tạo ra những lý thuyết mới, đó là sức mạnh của một kiến thức mới. Phật giáo chủ trương mọi vật đều do nhân duyên tạo thành, từ “Không” biến thành “Có”. Khoa học cũng biết rằng khi năng lượng đông đặc lại sẽ kết thành vật chất. Nói cách khác,

vật chất chính là do năng lượng hợp thành. Do đó, chúng ta có thể sử dụng giác quan để nhận thức về vật chất, tôi có thể nhìn, có thể sờ nắm vật chất - như cái bàn này hay cái ghế này. Sự

hiểu biết về năng lượng và vật chất là một ngành khoa học dựa trên óc thông minh của con người. Chúng ta có thể coi sự thông minh là khả năng nhận biết dựa trên những dữ kiện. Từ đó, chúng ta có thể đưa ra những định luật khoa học mới, hay những danh từ mới, để giải thích về sự tương quan giữa con người và vũ trụ.

Mặc dù khoa học đã tiến triển rất nhiều nhưng vẫn còn nhiều thứ mà chúng ta cần khám phá. Để tìm hiểu thêm về những thứ này, chúng ta cần sử dụng những công cụ khoa học tối tân, những lý thuyết mới, để khám phá thêm và phát triển kiến thức của nhân loại. Biết đâu một ngày nào đó khoa học sẽ có thể giải thích và chứng minh các lý thuyết Phật giáo, và cả hai sẽ bổ sung cho nhau để thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại.

Hòa thượng Thánh Nghiêm tiếp lời:

- Không đơn giản như thế đâu. Tôi muốn nói rõ rằng khoa học và Phật giáo là hai môi trường hoàn toàn khác biệt. Tuy cả hai có một số điểm tương đồng nhưng khoa học không bao giờ có thể giải thích được những điều thâm sâu diệu vợi của Phật giáo. Tại sao thế? Bởi vì giáo lý của đạo Phật vượt ra ngoài khả năng của ngôn ngữ, vượt ra ngoài nhận thức về mặt tri giác, vượt ra ngoài sự hiểu biết thông thường mà các giác quan đem lại, vì nó là những hoạt động sâu thẳm của trí tuệ chứ không được xây dựng dựa trên sự thông minh.

Khoa học thực nghiệm hoàn toàn được xây dựng dựa trên giác quan của con người, vốn giới hạn. Có rất nhiều thứ mà giác quan không thể nhận biết được. Thí dụ như chúng ta không thể nghe được một số âm thanh có tần số quá thấp hay quá cao. Mắt chúng ta không thể nhìn thấy một số thứ vì chúng rung động ở một tần số khác. Ngay cả suy nghĩ của chúng ta cũng rất giới hạn vì kiến thức chúng ta có hoàn toàn dựa trên những ký ức đã được tích lũy từ trước, hay dựa trên những điều đã được truyền dạy. Suy nghĩ của chúng ta có tính thiên chấp. Từ sự giới hạn này dẫn đến những lý thuyết sai lầm và thành kiến hẹp hòi. Dĩ nhiên, theo thời gian, một số lý thuyết sai lầm sẽ được sửa đổi và thay thế bằng những lý thuyết khác. Khoa học có thể giúp con người phát triển kiến thức và chinh phục được thiên nhiên

nhưng làm sao những thứ hữu hạn có thể giải thích những cái vô hạn được?

Khoa học giải thích mọi sự dựa trên ngôn từ nhưng quan niệm của Phật giáo vượt khỏi giới hạn của ngôn từ. Khoa học dựa trên sự suy luận nhưng quan niệm của Phật giáo vượt khỏi những lý luận thông thường, do đó không thể nghĩ, bàn. Nếu không thể diễn tả được bằng các lý luận hay ngôn từ thì làm sao khoa học có thể nghiên cứu những cái vô giới hạn này?

Khoa học thực nghiệm đặt căn bản trên trí thông minh qua khả năng suy luận và phân tích của bộ óc, nhưng quan niệm của Phật giáo không dựa trên sự thông minh của bộ óc, mà đặt căn bản trên một thứ trí tuệ khác gọi là trí tuệ Bát nhã (*prajna*), nên không thể giải thích bằng trí thông minh được.

Tuy nhiên, sự tiến bộ của khoa học có thể giúp chúng ta hiểu thêm về các định luật bất biến của vũ trụ, mở rộng tầm mắt cho mọi người. Khoa học cũng giúp ích cho sự phát triển của Phật giáo trong tương lai để đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Giáo sư Yeh hỏi thêm:

- Phi hành gia Mitchell, ông có đồng ý như thế không?

Phi hành gia Mitchell gật đầu:

- Tôi hoàn toàn đồng ý với Hòa thượng Thánh Nghiêm. Hôm nay, chúng ta đã đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng. Mặc dù vẫn có một số quan niệm khác biệt, nhưng điều đó không quan trọng. Khi tôi nhìn thấy vẻ đẹp của vũ trụ, tôi cảm nhận được mối tương quan giữa tôi và vạn vật, nhưng tôi không thể đưa ra một phương trình toán học để giải thích sự kiện đó. Tôi cảm nhận được một điều kỳ lạ xảy đến với tôi, nhưng tôi không biết lý giải như thế nào nữa.

Là một nhà khoa học, tôi rất quan tâm đến những hiện tượng không thể giải thích này nên vẫn muốn tìm ra một giải pháp hợp lý hơn. Tôi biết điều này là không dễ. Có thể mất vài chục năm, vài trăm năm nữa để giải thích, hay có thể không bao giờ giải thích được. Tuy nhiên, tôi muốn đưa ra những câu hỏi, và đặt vấn đề về sự tương quan giữa khoa học với trải nghiệm tâm linh để những nhà khoa học sau này tiếp tục nghiên cứu.

Tôi biết rằng sự chết, sự tái sinh, nghiệp lực là những khái niệm hết sức quan trọng cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, vì tôi tin đó là những biên giới mà hiện nay khoa học chưa đạt đến, nhưng trước sau gì chúng ta cũng phải tìm hiểu thêm. Tôi tin rằng theo thời gian, nhân loại sẽ tiến bộ và biết đâu một ngày nào đó sẽ đạt được sự hiểu biết sâu sắc về các quan niệm mà hiện nay họ chỉ coi là niềm tin tôn giáo. Nếu chúng ta không học hỏi và nghiên cứu thì tôi không biết tương lai của nhân loại sẽ ra sao.

Phi hành gia Mitchell cảm thán:

- Khi tôi từ không gian trở về trái đất với một trải nghiệm lạ lùng, tôi thấy mình hoàn toàn khác hẳn. Tôi có thể nhận thức rõ ràng về tình trạng của nhân loại hiện nay. Tôi thấy rõ sự tàn bạo đang gia tăng khắp nơi. Tôi cảm nhận được nỗi đau khổ của những nạn nhân chiến tranh như thể nó xảy ra với chính mình vậy. Tôi thấy rõ những hậu quả mà con người đang gây ra cho trái đất này, chẳng hạn như việc tàn phá môi trường không thương tiếc. Càng ngày con người càng trở nên ích kỷ, tham lam, vô cảm, lãnh đạm, mà không nhìn thấy những hậu quả họ đang gây ra cho chính họ, cho gia đình họ, hay cho đất nước của họ. Do đó, tôi thấy chúng ta cần phải thay đổi những quan niệm lỗi thời từ trước, vượt ra khỏi những tranh chấp thường tình để hướng đến những gì cao thượng, tốt đẹp hơn. Tiếc thay, hiện nay, chính quốc gia của tôi cũng đang tiếp tay cho ảnh hưởng xấu xa này. Làm sao chúng ta có thể nói là nhân loại đã văn minh hơn trước, đã tiến bộ hơn trước trong khi chúng ta không ý thức gì về những việc chúng ta đang làm?

Giáo sư Yeh tiếp tục đặt câu hỏi:

- Bạch Hòa thượng, chúng ta chỉ có một kiếp sống rất ngắn. Như phi hành gia Mitchell vừa nói, liệu chúng ta có thể hy vọng rằng sẽ có sự thay đổi trong tương lai gần hay không? Tương lai của nhân loại sẽ ra sao?

Hòa thượng Thánh Nghiêm trả lời:

- Tôi luôn luôn lạc quan về tương lai của con người. Hiện nay đã có hơn bảy tỷ người sống trên trái đất này, tôi tin rằng nếu vẫn có những người biết suy nghĩ như phi hành gia Mitchell đây và họ ý thức được về sự tàn bạo, thù hận, ích kỷ, tham lam... rồi tìm cách

nuôi dưỡng lòng từ bi, hướng đến chân thiện mỹ, thì họ có thể tạo ra những ảnh hưởng tích cực lên những người chung quanh. Chẳng nào chúng ta còn hy vọng về một tương lai tốt đẹp, thì tương lai đó sẽ diễn ra. Nếu chúng ta tuyệt vọng, và phó mặc cho mọi việc xảy ra, thì thật đáng tiếc.

Tại sao tôi không cảm thấy bi quan? Bởi vì cách đây không lâu tôi có đọc một cuốn sách khoa học đề cập đến thuyết Hỗn độn, trong đó tác giả, cũng là một nhà khoa học, đã sử dụng một thí dụ về ảnh hưởng một cánh bướm nhỏ bé rung động chấp chờn tại khu rừng xứ Brazil nhưng lại có thể gây ra một trận cuồng phong lớn ở Texas. Một việc tuy nhỏ nhưng có thể tạo ra những tác động lớn đến không ngờ.

Điều này có thể giải thích cho tình trạng hiện nay. Nếu một người có ý thức và làm những điều thiện lành, dầu chỉ là việc nhỏ, thì họ cũng có thể tạo ra những ảnh hưởng tích cực, giúp thay đổi những người chung quanh. Nếu nhiều người cùng chung sức làm những việc lành, thì cả thế giới sẽ thay đổi.

Hòa thượng Thánh Nghiêm quay qua các sinh viên đang ngồi dự thính và nhấn mạnh:

- Hiện nay, đa số mọi người đều bận rộn với sinh kế nên họ không ý thức gì về hệ quả của hành động, lời nói và tư tưởng của mình. Họ tiếp tục tạo nghiệp cho mình và cho những người chung quanh. Song, vẫn có người ý thức về tình trạng khủng hoảng đang xảy ra và không ngừng kêu gọi mọi người hãy tỉnh thức, tránh làm những việc ích kỷ, tham lam, thù hận, năng làm những việc tốt lành. Dù chỉ một hay hai người khởi xướng làm việc tốt cũng có thể ảnh hưởng đến những người khác, giống như phi hành gia Mitchell đây. Tôi hy vọng các giáo sư và sinh viên tham dự buổi nói chuyện hôm nay sẽ ý thức hơn về việc làm của mình và phóng tầm mắt lên một bình diện cao hơn như, phi hành gia Mitchell đang cố gắng đề xướng để chấm dứt những tranh chấp thường tình, xu hướng ích kỷ, tham lam hiện tại, nhờ đó chúng ta sẽ có được một tương lai tốt đẹp hơn.

Phi hành gia Mitchell lên tiếng:

- Tôi hoàn toàn tâm đắc với những lời chia sẻ của Hòa thượng Thánh Nghiêm. Đôi khi tôi cũng bi quan, nhưng tôi không muốn

như thế.

Giáo sư Yeh nói lời kết cho buổi gặp gỡ:

- Hôm nay chúng ta đã có một buổi nói chuyện thú vị và hữu ích, nhưng chúng ta không thể tiếp tục vì Hòa thượng Thánh Nghiêm còn phải trở về chùa chuẩn bị cho khóa lễ. Thay mặt ban tổ chức, tôi xin cảm ơn Hòa thượng Thánh Nghiêm và phi hành gia Edgar Mitchell, mong rằng trong tương lai chúng ta sẽ có thêm những buổi nói chuyện như thế này.

Trong lúc Hòa thượng Thánh Nghiêm rời giảng đường thì một số sinh viên kéo lên xin được chụp ảnh kỷ niệm với phi hành gia Mitchell. Tôi và Thomas, người bạn của Mitchell, vẫn ngồi dưới hàng ghế khán giả. Trong suốt buổi nói chuyện, ông này vẫn giữ im lặng, nhưng không hiểu sao lúc này ông Thomas quay qua hỏi tôi:

- Anh nghĩ sao về buổi nói chuyện này?

Tôi trả lời rằng tôi rất quan tâm khi nghe Hòa thượng Thánh Nghiêm giải thích về mối tương quan giữa khoa học và Phật giáo, cũng như nêu lên sự khác biệt giữa hai lĩnh vực này.

Ông Thomas gật đầu:

- Nhưng anh nghĩ thế nào về vòng Luân hồi và luật Nhân quả?

Tôi trả lời:

- Tôi hoàn toàn tin tưởng luật Nhân quả và Luân hồi, gây nhân gì thì gặp quả đó. Dĩ nhiên đối với những người chưa quen thuộc với quan niệm này thì có thể đây là một điều khó tin, nhất là những người thiên về khoa học hay những người luôn đòi hỏi phải có bằng chứng rõ ràng.

Ông Thomas tiếp tục hỏi:

- Nếu thế, anh có tin rằng con người có linh hồn không? Sau khi chết, linh hồn này sẽ đầu thai vào một thể xác khác, kiếp sống chứ?

Lần đầu tiên tôi thấy vị doanh nhân vốn luôn giữ thái độ im lặng trầm tĩnh này lại chịu nói nhiều như thế. Hẳn đây phải là một đề tài mà ông quan tâm.

Tôi giải thích:

- Linh hồn chỉ là một danh từ thông thường được sử dụng để gọi tên một cái gì đó tồn tại sau khi thể xác này chết đi. Lúc này, Hòa thượng Thánh Nghiêm giải thích rằng theo quan niệm của Phật giáo thì cái duy nhất tồn tại sau khi chết là tàng thức (*A lại da thức*), một cái kho chứa mọi loại hạt giống (chủng tử), tốt cũng như xấu, mà chính người đó đã gieo.

Một lần nữa, tôi cảm thấy ngạc nhiên khi ông Thomas hỏi tiếp:

- Nếu thế thì theo anh, linh hồn và tàng thức khác nhau như thế nào?

Đây là một câu hỏi khó giải thích rõ ràng nên tôi trả lời vắn tắt:

- Theo sự hiểu biết của tôi thì linh hồn ám chỉ một cái gì đó không thay đổi, di chuyển từ kiếp này qua kiếp khác, giống như một người đi du lịch qua thời gian, qua nhiều kiếp sống. Trong khi tàng thức là một cái gì đó sống động, luôn luôn thay đổi, nó là tập hợp của nhiều chủng tử, được góp lại qua những trải nghiệm trong nhiều kiếp.

Ông Thomas gật đầu như thể tâm đắc với một điều gì đó thú vị:

- Theo như anh giải thích về linh hồn thì sau khi chết, người đó sẽ tái sinh thành một người khác ở kiếp sau. Dù người đó làm gì chẳng nữa thì vẫn tái sinh trở lại thành người, vì linh hồn là một cái gì đó bất tử, không thay đổi. Trong khi quan niệm của Phật giáo về tàng thức lại cho rằng tùy hoàn cảnh hay nhân duyên, sau khi chết, một người có thể tái sinh làm người hay súc vật. Anh nghĩ sao về điều này?

Tôi giải thích, dù tin rằng ông Thomas có thể đã biết:

- Đúng thế, tùy nhân duyên tốt hay xấu mà sau khi chết, một người có thể tái sinh thành người hay thành súc vật. Hơn nữa, họ cũng có thể trở thành ma, quỷ hay xuống địa ngục. Do đó, vòng Luân hồi không chỉ giới hạn trong thế giới của loài người mà còn có cõi giới khác nữa.

Ông Thomas mỉm cười, đồng cảm với tôi:

- Hay lắm! Điều anh nói rất thú vị và làm tôi bất ngờ vì có người am hiểu, đồng cảm. Có lẽ chúng ta cần gặp nhau thêm nhiều lần nữa để thảo luận, chia sẻ về đề tài thú vị này. Tôi có những trải nghiệm riêng và muốn tìm hiểu thêm về các kiến thức của Phật

giáo về Luân hồi, Nhân quả, duyên nghiệp v.v... Tiếc rằng giờ đây giáo sư Yeh và ông Mitchell đã xong việc. Tôi và ông Mitchell phải trở về khách sạn thu xếp ra phi trường để kịp chuyến bay về New York chiều nay.

Chúng tôi tạm biệt nhau, ông Thomas chủ động trao cho tôi tấm danh thiếp và thiện ý mời tôi nếu có dịp ghé qua New York thì cho ông biết. Tôi cũng lịch sự đáp lại và hứa sẽ liên lạc với ông ấy để trao đổi thêm về đề tài thú vị này.

Tuy nhiên, vì bận rộn với nhiều công việc nên tôi dường như quên hẳn cuộc gặp gỡ và lời hứa này trong nhiều năm.

* * *

Năm năm sau, vào năm 2013, tôi có dịp tham dự một buổi hội thảo về khoa học ở New York và sau đó đi ăn tối tại một nhà hàng gần khách sạn. Vừa bước vào nhà hàng và đang chờ đợi để được đưa đến bàn ăn thì tôi bất ngờ nghe có tiếng gọi tên mình và thấy ông Thomas cùng vợ đang ngồi tại một bàn gần cửa sổ. Ánh mắt ông lộ vẻ vui mừng khi thấy tôi và lịch sự mời tôi ngồi ăn cùng với vợ chồng ông ấy.

Ông Thomas mở lời:

- Thật bất ngờ được gặp anh ở New York, sao anh đến mà không báo cho tôi biết? May là có duyên gặp anh ở đây, chúng ta đã có lời hẹn và chưa có dịp nói hết câu chuyện tại Đài Bắc năm năm về trước. Anh có muốn chúng ta tiếp tục thảo luận sâu về đề tài này không?

Thật ra lúc đó tôi chưa kịp nhớ về câu chuyện khi trước mà ông vừa nhắc, và cũng ngần ngại vì sự hiện diện của Angie, vợ ông. Có lẽ đoán được ý tôi, ông Thomas trách nhẹ:

- Này anh bạn, anh đã nhất trí rằng chúng ta cần nhiều thời giờ hơn để tiếp tục đề tài còn dở dang này. Hay là anh ghé qua nhà tôi để chúng ta tiếp tục câu chuyện nhé. Anh thấy được không? Anh còn ở đây đến bao giờ?

Đọc được sự chân thành trong ánh mắt Thomas. Dĩ nhiên tôi không thể từ chối một lời mời thật lòng như thế nên đã đồng ý ghé thăm ông ấy vào hôm sau. Ông Thomas căn dặn:

- Anh cho tôi địa chỉ khách sạn và thời gian anh có thể đi, ngày mai tôi sẽ cho người đến đón anh.

Hôm sau tôi dành buổi tối đến nhà riêng của ông. Chúng tôi tiếp tục trao đổi về đề tài Luân hồi, Nhân quả. Buổi nói chuyện đặc biệt này kéo dài trong nhiều giờ, và đến lúc đó tôi khẳng định được là ông Thomas có mối quan tâm đặc biệt đến Luân hồi.

Hôm đó, ông Thomas hỏi:

- Anh nói rằng anh tin vào sự Luân hồi, Nhân quả nhưng đó chỉ là một niềm tin tôn giáo hay còn là điều gì khác nữa? Là một nhà khoa học quan tâm nhiều đến triết học, đến nhiều tôn giáo, nhất là Phật giáo, ngoài niềm tin ra, anh phải có bằng chứng nào đó chứ?

Tôi trả lời:

- Là một nhà khoa học từng nghiên cứu nhiều về Phật giáo, tôi không chỉ đơn thuần tin vào giáo lý của Đức Phật mà đã trực tiếp trải nghiệm, quan sát, kiểm chứng một giai đoạn dài. Tôi đã suy ngẫm, phân tích một cách khoa học về những lời dạy của Ngài trong khá nhiều năm và thấy nó rất hợp lý và giải thích được vì sao nó trở thành một chân lý. Do đó, đây không chỉ là một niềm tin thuần túy, dù ngày nay đạo Phật đã có nhiều biến tướng không còn nguyên bản - ngay ở những nước Á Đông - mà không ít người đã nhận ra nhiều người không tốt đã dùng đạo Phật, chùa chiền, tín ngưỡng Phật giáo để trục lợi và phục vụ cho mục đích, lợi ích riêng của họ. Trở lại với bằng chứng Luân hồi, đã có rất nhiều bằng chứng về sự tái sinh trong các kiếp sống như trường hợp của Edgar Cayce, một nông dân tại tiểu bang Kentucky với học vấn chưa quá bậc trung học. Chỉ qua một cơn bạo bệnh mà ông ấy đã nhớ lại kiếp sống trước kia, kiếp sống mà ông là một thầy thuốc. Không những thế, từ đó ông có thể chẩn bệnh, chữa bệnh chính xác hơn những y bác sĩ đương thời. Ông đã để lại nhiều tài liệu y học giá trị mà hiện nay nhiều trường đại học y vẫn đang nghiên cứu và áp dụng.

Ông Thomas mỉm cười và gật đầu đồng ý:

- Tôi có đọc qua một số tư liệu về trường hợp Edgar Cayce. Đây thực sự là một trường hợp đặc biệt về Luân hồi, nhưng chắc còn

những trường hợp khác nữa chứ?

Tôi nói tiếp:

- Nếu không hoàn toàn tin tưởng vào vòng Luân hồi thì có thể giải thích sao về trường hợp của những đứa trẻ với năng khiếu đặc biệt mà chúng ta thường gọi là thần đồng? Chắc ông cũng biết Mozart soạn nhạc từ năm lên bốn và chủ trì các buổi hòa tấu từ năm lên tám. Tuy còn rất nhỏ nhưng Mozart đã có thể soạn nhạc cho hàng chục loại nhạc khí khác nhau chỉ trong vài ngày mà không hề qua một lớp dạy nhạc nào. Beethoven cũng thế, ông ấy bắt đầu soạn nhạc từ lúc mới lên ba và có thể sử dụng hàng chục loại nhạc khí khác nhau. Ai đã dạy những đứa trẻ này như thế nếu không phải họ đã trải qua rất nhiều kiếp sống từng học và am hiểu sâu về âm nhạc?

Hẳn ông cũng biết Galileo vừa là một nhà toán học, vừa là một nhà thiên văn học đã đưa ra bằng chứng về quỹ đạo của các hành tinh từ khi còn bé. Ông ấy đã vẽ bản đồ vũ trụ với những hành tinh mà khi đó kính viễn vọng còn chưa được phát minh ra. Ngay cả những nhà khoa học thông thái thời bấy giờ chưa mấy ai biết về những hành tinh này. Ai đã dạy cho một đứa bé chưa đầy mười tuổi, chưa học qua bậc tiểu học những kiến thức tuyệt vời như thế, nếu không phải ông ấy đã từng được sinh ra vào những kiếp sống ở những nền văn minh mà nay đã biến mất trên bề mặt địa cầu?

Ông nghĩ sao về một đứa bé mới lên năm như Blaise Pascal có thể giải những bài toán cực kỳ phức tạp, kể cả những phương trình toán làm nhức đầu những bậc thầy về toán khi đó? Khoa học giải thích trường hợp này như thế nào nếu chúng ta không tin rằng con người đã trải qua nhiều kiếp sống và đã từng được dạy bảo, học hỏi trong quá khứ?

Ông Thomas hỏi:

- Anh nghĩ rằng những người này có thể hồi tưởng lại kiến thức mà họ đã trải qua, đã học được ở kiếp trước hay sao? Tại sao những người khác lại không nhớ được gì?

Tôi trả lời:

- Nếu một người được rèn luyện kỹ lưỡng một chuyên môn nào đó và tiếp tục theo đuổi chuyên môn ấy trong nhiều kiếp sống tiếp theo, do những nhân duyên đặc biệt, họ sẽ có thể nhớ lại được những kiến thức tiềm thức này.

Thí dụ như văn hào John Stuart Mill có thể nói, viết thông thạo tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh khi mới lên bốn tuổi mặc dù ông sinh ra ở nước Anh và cha mẹ ông chỉ biết nói tiếng Anh. Không những thế, khi vừa lên tám, ông đã viết hẳn một cuốn sách gần tám trăm trang về lịch sử triều đại các vua chúa La Mã với những niên đại, năm tháng rõ ràng đến từng chi tiết, đến nỗi các nhà sử học phải ngạc nhiên về độ chính xác của nó.

Đi xa hơn vào lĩnh vực văn chương, ta sẽ thấy từ năm lên ba, văn hào Voltaire thuộc lòng những bài luận xuất sắc của các bậc thầy văn chương sống ở thế kỷ trước. Theo quan niệm của Phật giáo thì tất cả những gì mình làm hay suy nghĩ đều được lưu giữ lại trong tàng thức (*A lại da thức*) dưới hình thức là những chủng tử. Khi nào những chủng tử này phát động đều do những nhân duyên đặc biệt, vượt ngoài sự hiểu biết của chúng ta.

Có lẽ ông cũng thấy, trong cùng một gia đình, cùng cha mẹ, được nuôi dưỡng trong cùng hoàn cảnh như nhau, được giáo dục như nhau nhưng tại sao anh chị em, mỗi người một tính nết, không ai giống ai. Có người thích âm nhạc, có người thích khoa học, có người thích thể thao. Có người mới nghe giảng bài đã hiểu ngay, trong khi người khác học mãi cũng không hiểu gì cả. Tại sao lại có sự khác biệt như thế? Nếu không vận dụng quan niệm về nhân quả thì người ta phải giải thích như thế nào đây? Phải chăng tính tình, nhân cách con người đều chịu ảnh hưởng của cái nhân, hay những chủng tử, đã được gieo trồng trong quá khứ? Một người thợ giỏi vì đã từng hành nghề đó trong quá khứ. Một học sinh thông minh vì đã học qua môn đó từ trước rồi. Điều này có thể giải thích tại sao có người giỏi toán trong khi người khác có tài về âm nhạc.

Chúng tôi tiếp tục bàn luận về đề tài này đến khuya và cảm thấy rất tâm đắc vì có nhiều ý tưởng trùng hợp. Đến lúc đó tôi thực sự ngạc nhiên khi biết vị doanh nhân này có một kiến thức rất rộng và

rất quan tâm đặc biệt về luật Luân hồi. Ông cũng tỏ ra rất cởi mở, khác hẳn lần gặp đầu tiên.

Ông Thomas khẩn khoản mời tôi ghé lại thăm ông mỗi khi có dịp ghé qua New York. Lần này tôi bắt tay ông hứa sẽ ghé thăm ông để tiếp tục đàm đạo về đề tài này. Kể từ lúc đó, chúng tôi đã trở thành bạn thân với nhau.

Nhiều năm sau tôi mới biết lý do tại sao ông Thomas lại quan tâm đến đề tài này, vì ông đã có những trải nghiệm sâu sắc về Luân hồi qua một trường hợp đặc biệt mà ông đã kể lại cho tôi.

* * *

Vào một ngày cuối thu năm 2016, tôi đến thăm ông Thomas tại căn nhà nghỉ dưỡng của ông ở Colorado. Hôm đó chỉ có hai người, cuộc chuyện trò được bắt đầu với những phát minh khoa học công nghệ hiện đại, ông hỏi tôi:

- Là một khoa học gia chuyên nghiên cứu về công nghệ, anh nghĩ sao về những phát minh công nghệ ngày nay?

Tôi trả lời:

- Ngày nay, khoa học đã phát triển vượt bậc. Công nghệ phát triển nhanh với tốc độ chóng mặt. Một sản phẩm vừa được phát minh ra đã có thể trở nên lỗi thời vì ngay sau đó đã có sản phẩm khác mới hơn xuất hiện. Một lý thuyết mới vừa được đề xướng đã có những lý thuyết khác được đưa ra, thay đổi lý thuyết đó.

Ông Thomas lắc đầu tỏ vẻ không tán đồng:

- Nếu công nghệ phát triển nhanh như anh nói thì chúng ta cần xem xét cẩn thận ảnh hưởng của nó trong thời đại này, rồi tự hỏi xem liệu chúng ta có đi quá trớn hay không. Tuy khoa học đã đạt được những bước tiến lớn và đây được coi là điều tốt, nhưng chúng ta cũng cần thận trọng đối với tác động của nó trong tương lai. Tiến trình lịch sử đôi khi lặp lại những sai lầm quá khứ mà chúng ta vô tình không nhận thức rõ hay chưa học được bài học chúng ta cần học.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao ông nghĩ như thế?

Ông Thomas mỉm cười trả lời:

- Anh là người nghiên cứu về công nghệ nhưng có bao giờ anh nghĩ rằng trong sự tiến bộ lại ẩn chứa mầm mống của tai họa không ai ngờ đến không? Thí dụ như việc phát minh ra thuốc súng đã châm ngòi cho những cuộc chiến tranh khốc liệt. Sự tiến bộ của khoa học về nguyên tử đưa đến thảm họa chiến tranh hạt nhân. Hiện tại, anh nghĩ sao về những thiết bị như iPhone mà Apple đang quảng cáo khắp nơi?

Tuy ngạc nhiên về câu hỏi của ông Thomas nhưng tôi cũng rút cái điện thoại iPhone trong túi mình ra:

- Theo tôi thì đây là một phát minh tuyệt vời. Ông xem này, nó vừa là điện thoại, vừa là máy nghe nhạc, vừa là máy ảnh, vừa là máy điện toán có thể giúp ta tìm kiếm tin tức trong vài giây. Tất cả thu gọn vào một vật nhỏ bé có thể đút vừa túi áo. Nếu nó không phải là một phát minh tuyệt vời thì còn gì nữa đây?

Ông Thomas lắc đầu:

- Trên phương diện công nghệ thì đó là một phát minh tuyệt vời, nhưng chúng ta cũng cần xét đến hệ quả của nó nữa chứ. Theo tôi, những thứ này có thể là một tai họa cho nhân loại. Có thể anh không để ý đến đấy thôi, nhưng anh hãy nhìn bọn trẻ mà xem. Thay vì chú tâm vào việc học, chúng chỉ biết theo dõi mọi thứ qua chiếc iPhone và bị “thôi miên” trong một “thế giới ảo” qua màn hình nhỏ bé này. Những người trẻ ngày nay như đều bị một loại “ma lực” hấp dẫn, rút hết sinh lực và trí thông minh của chúng. Trong tương lai, công nghệ sẽ tàn phá nhân loại vì họ sẽ đánh mất rất nhiều thứ mà thế hệ trước đã xây dựng. Công nghệ là con dao hai lưỡi, nhưng đa số không hiểu rõ điều này. Họ coi đó là văn minh, là tiến bộ mà không biết rằng thế hệ tương lai sẽ phải trả một cái giá rất đắt cho những phát minh mà họ coi là kỳ diệu này.

Những điều ông Thomas nói làm tôi liên tưởng đến việc các sinh viên của tôi ngày hôm nay không còn chăm chỉ học như trước nữa. Nhiều người đến lớp nhưng vẫn bị xao lãng bởi những tin tức trong chiếc iPhone, không chú tâm vào những điều đang được giảng dạy. Tôi thường phải nhắc nhở họ chăm chú nghe bài giảng nhưng chỉ vài phút sau, một số sinh viên lại lén lút rút iPhone ra, lướt Facebook, rồi gửi tin nhắn cho nhau.

Ông Thomas tiếp tục:

- Tệ hơn nữa là những cái như video game. Những thứ này đã dạy cho người trẻ những hành vi kỳ lạ, khác thường, khó lòng tưởng tượng được. Chúng học cách bắn giết, cướp bóc trong những cuộc phiêu lưu của “thế giới ảo”, rồi về sau không còn biết rõ đâu là thật và đâu là ảo nữa. Do đó, chúng sẽ mất đi khả năng phân biệt đâu là đúng, đâu là sai. Từ những đứa trẻ cho đến những thanh niên lớn tuổi, ai ai cũng say mê với những điều nguy hại mà phần lớn chỉ coi là trò chơi vô hại này. Không ai hiểu rằng tuy công nghệ có thể mang đến nhiều lợi ích nhưng chúng cũng tiềm ẩn nhiều mối hiểm nguy. Những người trẻ chưa biết phân biệt, chưa được dạy bảo cẩn thận nên dễ dàng trở thành nạn nhân của thứ “ma lực” này. Chúng dán tai, dán mắt vào chiếc điện thoại nhỏ bé và quên đi tất cả mọi sự xảy ra chung quanh, bởi vì chúng chỉ biết sống trong “thế giới ảo” mà thôi. Có những đứa trẻ quên ăn, quên ngủ và sống trong “thế giới ảo” này, do đó chúng không thể trưởng thành, không có trách nhiệm với thế giới chung quanh, trở nên dửng dưng vô cảm, vì đầu óc của chúng đã bị “thôi miên” rồi.

Tuy có phần đồng ý với nhận xét của ông Thomas, nhưng tôi cũng góp thêm vài lời để bào chữa:

- Khoa học công nghệ đã giúp ích cho con người rất nhiều. Chúng ta cần có cái nhìn cởi mở với những phát minh trong nhiều lĩnh vực, thay vì quy tội cho chiếc iPhone.

Ông Thomas bật cười:

- Khoa học công nghệ hiện nay còn nhiều thiếu sót cần phải bổ túc thêm. Người ta không thể dạy khoa học kỹ thuật mà không đề cập đến đạo đức hay bổn phận của những người có trách nhiệm làm việc trong đó. Khoa học mà không có lương tâm, công nghệ mà không có trách nhiệm thì chỉ mang lại thảm họa cho nhân loại sau này.

Ông Thomas cảm thán:

- Với tốc độ phát triển quá nhanh, với thị trường tiêu thụ khổng lồ, với số thu nhập quá cao, người ta khó có thể kìm hãm được đà phát triển của những sản phẩm này, từ đó dẫn đến những lỗi lầm

khó sửa. Tôi không lên án khoa học hay công nghệ, tôi chỉ muốn nói rằng điều chúng ta cần làm là phát triển khả năng phân biệt đúng sai, tốt xấu và sử dụng trí tuệ để biết rõ những hậu quả chúng ta có thể tránh được.

Ông Thomas im lặng một lúc như để hồi tưởng về một điều gì đó, rồi nói tiếp:

- Anh có biết rằng điều này đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ rồi không? Vì thiếu ý thức nên con người đã để cho những sản phẩm có “ma lực” này rút hết sinh lực của họ. Đa số mọi người trở nên thụ động, quên đi tất cả mọi sự chung quanh. Họ không còn sống với sự tỉnh thức nữa mà đã trở thành những cỗ máy hoàn toàn vô cảm trước hoàn cảnh xã hội. Họ chỉ biết nghĩ đến mình và trở nên ích kỷ, tham lam, tàn bạo không khác gì loài vật. Theo thời gian, nhân loại sẽ mất đi khả năng nhận xét hay hiểu biết, vì những thứ được gọi là “công nghệ” này sẽ kết nối vào bộ óc của họ, làm tê liệt cơ quan này, khiến con người không còn biết suy nghĩ mà trở thành một kiểu người sống không ra sống, chết không ra chết, hoàn toàn thụ động theo mệnh lệnh của cái “ma lực” kia.

Nếu không ý thức rõ ngay từ lúc này, sự thông minh của chúng ta sẽ dần dần bị thay thế bởi những hiện tượng tâm thức “má y móc” mà chúng ta cho là tiến bộ. Chúng ta phải biết phân biệt giữa bộ óc thông minh (intelligence) và trí tuệ nội tại (wisdom). Thông minh mà thiếu trí tuệ sẽ đưa con người vào những nhận xét mê lầm. Khi đó, con người sẽ trở thành những cỗ máy, những “xác sống”. Bộ óc không biết suy nghĩ sẽ dễ dàng bị kiểm soát để làm những việc phi nhân tính. Trong tương lai, nếu không biết sử dụng bộ óc để phân biệt phải trái, đúng sai, con người sẽ trở thành những cỗ máy chỉ biết làm những gì được sai khiến.

Ông Thomas ngừng lại như để cho tôi suy nghĩ về điều ông nói, rồi tiếp tục với lời lẽ xúc động:

- Là nhà khoa học về công nghệ, anh có thể nghĩ rằng tôi là người không am hiểu về sự tiến bộ của khoa học ngày nay, nhưng anh có biết tôi đã từng sống trong hoàn cảnh tương tự từ hàng ngàn năm trước rồi không? Tôi đã trải nghiệm nhiều điều mà ngày nay tuy chưa xảy ra nhưng rồi sẽ xảy ra, và tôi hiểu rõ hậu quả của

nó. Hiện nay anh cũng biết, với sự tiến bộ của khoa học, người ta có thể ghép những tế bào của động vật vào cơ thể con người, hay đặt vào cơ thể con người những thiết bị gọi là “trí tuệ nhân tạo” khiến họ phát triển những khả năng mà người thường không thể làm được. Anh có thể coi đó là người hay là “nửa người, nửa siêu nhân” (cyborg) cũng được. Anh có biết hệ quả của việc này là thế nào không?

Hiện nay thế giới đang trải qua giai đoạn hỗn loạn, xáo trộn, mà thật ra thì mọi quốc gia đều đang gánh chịu những nghiệp quả mà họ đã gây ra trong quá khứ. Mỗi quốc gia, cũng như mọi cá nhân, đều có những nghiệp quả riêng do những nhân mà họ đã gây ra. Cá nhân thì có “biệt nghiệp” riêng của từng người, nhưng quốc gia thì có “cộng nghiệp” mà tất cả những người sống trong đó đều phải trả. Chu kỳ “thành, trụ, hoại, diệt” như anh đã biết là thứ mà mỗi người, mỗi quốc gia, đều không thể tránh khỏi. Ngay như trái đất cũng thế, nó cũng phải trải qua thời gian được hình thành, phát triển, rồi suy thoái và tàn lụi. Tuy nhiên, đời người thì ngắn, còn sự thay đổi của một quốc gia hay một nền văn minh thì kéo dài lâu hơn nên không mấy ai ý thức được điều này. Nếu nhìn vào lịch sử, anh có thể thấy những nền văn minh phát triển cực thịnh rồi suy tàn như Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, gần đây Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Đức, Ý cũng đang trên đà suy thoái, và không biết chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Tôi lặng người một hồi lâu. Tôi thật không ngờ một người vốn ít nói như ông Thomas lại hùng hồn với những nhận xét sâu sắc đến thế. Điều ông nói cũng là điều mà tôi đang trăn trở bấy lâu nay. Trong cuộc nghiên cứu về trí thông minh nhân tạo (AI) và học máy (machine learning), tôi đã bàng hoàng khi thấy những con robot thông minh trong phòng thí nghiệm tại Đại học Carnegie Mellon nơi tôi làm việc, có thể làm được những điều mà chúng tôi không ngờ. Khi tôi cài những thuật toán học máy phức tạp vào những con robot này để chúng chơi cờ vua với nhau, chúng đã có thể học và tính hàng trăm nước cờ để thắng đối thủ. Điều mà tôi và các giáo sư tại đây không ngờ là những con robot “vô tri giác” này lại có thể tìm cách lừa nhau để thắng cuộc – không phải bằng việc đoán trước nước cờ của đối thủ, mà tìm cách lừa bịp lẫn nhau và đây là điều

chúng tôi không hề lập trình cho chúng. Sự tiến bộ của trí thông minh nhân tạo đã vượt ra khỏi tầm kiểm soát của chúng tôi.

Tôi gật đầu đồng ý:

- Ông nói đúng đó, phần lớn những khoa học gia như chúng tôi vẫn đang chìm đắm trong những ảo tưởng về sự tiến bộ của khoa học nhưng không mấy ai nghĩ đến những hậu quả trong tương lai. Hiện nay, một số phụ huynh đã bắt đầu đặt vấn đề về việc trẻ em nghiện Internet, video game; và một số khoa học gia cũng lưu ý đến việc phát triển quá nhanh của trí thông minh nhân tạo nhưng chưa ai tìm được giải pháp hợp lý cho tình huống này. Nhưng ông vừa nói rằng ông đã trải qua kinh nghiệm này trong quá khứ, vậy câu chuyện là thế nào?

Ông Thomas im lặng suy nghĩ, rồi ôn tồn trả lời:

- Thật tình tôi cũng không muốn nói ra điều này. Nhưng khi xưa, tôi rất tâm đắc khi nghe Hòa thượng Thánh Nghiêm nói rằng chỉ cần một số người ý thức làm những việc thiện lành, dù là việc nhỏ, họ cũng có thể tạo ra ảnh hưởng tích cực, có thể đem lại sự thay đổi lớn. Nếu một cánh bướm nhỏ có thể tạo ra một trận cuồng phong thì việc chia sẻ những trải nghiệm của tôi qua những kiếp sống cũng có thể giúp nhiều người hiểu biết về những quy luật bất biến trong vũ trụ, và biết đâu họ sẽ nhận ra điều gì đó để thay đổi. Khi trước chúng ta đã bàn luận rất nhiều về Luân hồi và Nhân quả, nhưng tôi chưa nói rõ cho anh biết tại sao tôi lại quan tâm đến việc này. Nhân buổi nói chuyện ngày hôm nay, tôi có thể chia sẻ với anh về những kiếp sống của tôi trong quá khứ.

Tôi lặng người nhìn ông Thomas. Ông dừng lại một lúc như để cho tôi suy nghĩ. Tuy ngạc nhiên nhưng tôi vẫn giữ im lặng, không muốn cắt đứt dòng tư tưởng của người bạn này. Ông Thomas đắm chìm trong suy tư một lúc khá lâu, rồi nói:

- Điều tôi chia sẻ sau đây chỉ là trải nghiệm của tôi qua những kiếp sống trước kia mà thôi. Dĩ nhiên anh có thể tin hoặc không tin, tùy theo sự hiểu biết của anh.

Trong thế giới khoa học quay cuồng ngày nay, dĩ nhiên khó ai tin được những điều kỳ lạ mà ông Thomas đã kể cho tôi ngày hôm đó.

Có nói ra thì hầu hết mọi người sẽ cho rằng đó chỉ là sự tưởng tượng, do đó tôi không có ý định chia sẻ câu chuyện được nghe với ai mà chỉ giữ riêng cho mình.

Tôi đã thấy một người nổi tiếng như phi hành gia Edgar Mitchell khi đề xướng việc nghiên cứu các hiện tượng tâm linh, các quy luật vũ trụ ẩn tàng trong thiên nhiên, sự hiện hữu của sinh vật ngoài hành tinh, sự tương quan giữa vũ trụ và con người mà còn bị dư luận truyền thông chỉ trích thì mấy ai tin được những chuyện về tiền kiếp hay luân hồi?

* * *

Khi anh Nguyễn Văn Phước, người sáng lập Công ty Văn hóa Sáng tạo Trí Việt - First News trao đổi về những kiến thức tâm linh trong những cuốn sách tôi đã phóng tác, viết lại từ nhiều năm về trước, tôi vô tình nhắc đến câu chuyện đó, anh Phước đề nghị tôi nên chia sẻ câu chuyện thú vị này với độc giả Việt thông qua một cuốn sách. Lúc đầu, tôi rất ngại vì đã không viết về những đề tài này trong nhiều năm. Tôi đã dự định gác bút, kể cả việc viết về các đề tài liên quan đến công nghệ. Tuy nhiên, với sự khích lệ và nguồn cảm hứng từ anh Phước khi anh tin tưởng câu chuyện từ những nhân vật có thật này sẽ có thể giúp đỡ cho nhiều người về mặt tinh thần - tôi đã liên lạc với ông Thomas để hỏi xin ý kiến về việc viết một cuốn sách kể về các trải nghiệm tiền kiếp của ông. Thoạt đầu tôi đã nghĩ ông Thomas có thể sẽ không chấp thuận, vì câu chuyện của ông quá đặc biệt và riêng tư. Nhưng bất ngờ thay ông đã đồng ý, với một điều kiện duy nhất là không để tên tuổi thật của ông và những người có liên quan trong những câu chuyện này. Ông nói: “Anh có thể viết và chia sẻ những điều này với những người bạn của anh nhưng không nên để tên thật của tôi trong đó. Tôi không muốn trở thành đề tài cho dư luận bàn ra tán vào”.

Tôi biết ông Thomas là một doanh nhân nổi tiếng và thành công trên thị trường tài chính New York. Những cộng sự, đồng nghiệp và bạn bè của ông đều là những nhân vật tên tuổi trong xã hội nước Mỹ và thế giới hiện nay. Hiển nhiên không ai muốn trở thành đề tài cho những tờ báo lá cải hay các trang mạng xã hội đàm tiếu.

Trong mấy năm qua, tôi bay đến New York gặp ông Thomas nhiều lần để ghi kỹ lại về những câu chuyện tiền kiếp lạ thường của

ông. Chúng tôi nói chuyện với nhau một cách rất khẩn trương nhưng thân mật, tự nhiên để ông có thể chia sẻ sâu và chi tiết hơn về những trải nghiệm tiền kiếp của mình. Lúc đầu, chúng tôi không đi theo thứ tự nào vì đây không phải là một cuộc phỏng vấn hay để viết một cuốn hồi ký. Tôi ghi chép lại tất cả những chi tiết quan trọng, rồi hệ thống lại những thông điệp trong câu chuyện của ông. Tôi cũng trao đổi liên tục với ông trong quá trình viết, để ông góp ý và biên tập, chỉnh sửa kỹ lưỡng hơn, đúng theo những gì ông muốn truyền đạt.

Sau đó, ông đề nghị: “Theo tôi thì chúng ta nên thay đổi vài chi tiết trong đó, viết lại theo thứ tự thời gian, để có thể trở thành một cuốn sách sinh động chứ không phải chỉ là những mẫu đối thoại liên tục giữa chúng ta. Đây không phải là tài liệu nghiên cứu hay một cuộc phỏng vấn dài với những câu hỏi và trả lời”. Và ông khẳng định sau một lúc trầm ngâm: “Đây sẽ là một cuốn sách đặc biệt!”.

Vì thế tôi chỉnh sửa lại theo thứ tự thời gian, qua các kiếp sống, theo dòng lịch sử, và viết “văn học hóa” một số chi tiết, câu chuyện để trở thành một cuốn sách lôi cuốn, chuyển tải những thông điệp quan trọng chứ không chỉ là tổng hợp các tư liệu. Tôi mong các bạn đọc xong cuốn sách cũng đồng ý như thế, và nếu có sơ suất gì, xin hãy lượng thứ bỏ qua.

Và sau đây là câu chuyện của ông Thomas.

PHẦN MỘT

COLORADO

CUỘC GẶP TIỀN ĐỊNH

Hôm đó, tôi - Thomas - đang làm việc thì Angie, vợ tôi, bước vào với tờ quảng cáo trên tay:

- Em vừa tìm thấy một căn nhà nghỉ dưỡng đang rao bán ở Colorado. Xem hình ảnh thì thấy nó đúng như ý anh muốn. Anh có muốn đi xem không?

Tôi liếc vội qua tờ quảng cáo. Quả thật đó là một căn nhà rất đẹp, tọa lạc trên một ngọn đồi nhìn xuống hồ nước trong xanh, chung quanh cây cối um tùm, trông rất thanh bình. Đã từ lâu tôi đã có ý định tìm mua một căn nhà nghỉ dưỡng trên núi thuộc vùng Colorado, nhưng không thích những thành phố đông đúc đầy du khách như Vail hay Colorado Spring mà chỉ muốn tìm một nơi thật yên tĩnh, vắng vẻ, gần gũi thiên nhiên. Là chủ của một công ty tài chính lớn đang phát triển, tôi cần có một căn nhà nghỉ dưỡng yên tĩnh để có thể thư giãn khi cần thiết. Tôi đã đi xem nhiều nhà nghỉ dưỡng ở khắp nơi, từ New England, Maine, đến Florida, Arizona nhưng không nơi đâu tôi thích bằng Colorado với rặng Rocky uy nghi, cao lớn sừng sững.

Tôi nói với Angie:

- Hiện nay anh đang bận, em cứ đi xem trước, thấy được thì mua. Em gọi Charles cho mang phi cơ đến để đi cho nhanh. Nếu cần thì rủ Andrew hay Connie cùng đi với em cho vui.

Charles là quản gia của gia đình. Andrew và Connie là đôi vợ chồng trẻ, tuy làm dưới quyền tôi nhưng chúng tôi vẫn coi họ như con vì chúng tôi không có con cái.

Angie nói đùa:

- Không có anh thì làm sao em quyết định được? Nếu mua mà không đúng như ý anh thì sao?

Tôi liếc qua tờ quảng cáo với những con số, rồi bật cười:

- Nếu em thấy được thì cứ mua. Giá như vậy thì có sao đâu.

Angie cũng bật cười vì thường mọi công việc chi tiêu trong gia đình, ít khi nào tôi để ý đến. Sở hữu một công ty lớn trị giá hàng trăm triệu đô-la, con số vài trăm ngàn cho căn nhà nghỉ dưỡng không phải là số tiền tôi phải quá bận tâm.

Khi Angie vừa ra khỏi phòng, tôi gọi điện ngay cho Charles:

- Anh gọi phi công lấy phi cơ riêng đưa nhà tôi đi Colorado nhé. Tôi nghĩ Angie đã tìm được một căn nhà thích hợp rồi. Nếu Angie thấy được thì gọi ngay cho Brian biết để làm thủ tục.

Brian là luật sư riêng của gia đình, rất thành thạo trong mọi công việc, kể cả vấn đề tài chính. Thấy thái độ của Angie, tôi biết nàng đã ưng ý ngôi nhà. Một khi Angie thích thì không có lý do nào để tôi từ chối.

Chiều hôm đó, tôi nhận được điện thoại của Angie:

- Anh ơi, căn nhà đẹp lắm, đẹp hơn em nghĩ nhiều. Em thích vô cùng. Connie cũng nói rằng đó là căn nhà tuyệt vời. Có đầy đủ tiện nghi, đã được tân trang cẩn thận. Chung quanh nhà rất yên tĩnh. Căn nhà gần nhất cũng cách đó khá xa nên không lo ai nhòm ngó hay quấy rầy chúng ta nghỉ ngơi. Anh nghĩ sao?

Tôi bật cười và hỏi đùa:

- Căn nhà tốt như vậy liệu chúng ta có mua nổi không?

Angie cũng cười theo:

- Em đã gọi cho Brian để thu xếp mua căn nhà này. Có lẽ mọi việc sẽ hoàn tất vào tuần sau. Bao giờ anh có thể qua xem căn nhà này đây?

Tôi nhìn vào tờ ghi chép thời gian biểu làm việc trên bàn chẳng chít những buổi họp, rồi nói:

- Hiện nay anh rất bận, nhưng sau khi giấy tờ hoàn tất, anh sẽ qua đó xem.

Đó là một ngày cuối thu, thời tiết bắt đầu chớm lạnh nhưng Angie cứ giục tôi phải đi xem căn nhà nghỉ dưỡng mới mua. Tôi đã từ chối mấy lần vì bận việc. Từ nhiều tuần trước, Angie và Connie đã bay qua đó để sắm sửa và trưng bày đồ đạc cho căn nhà này.

Angie nói:

- Thế là đến Giáng sinh năm nay anh có thể mời bạn bè về đây ít hôm. Chúng ta không cần phải đi nghỉ dưỡng ở đâu xa nữa. Căn nhà này có sáu phòng ngủ tiện nghi, đủ cho vợ chồng Andrew, vợ chồng Brian, vợ chồng Charles và cả Andy nữa.

Những người này đều là những nhân viên thân tín đặc lực của tôi trong nhiều năm. Mỗi năm tôi đều rủ họ đi nghỉ dưỡng chung, vừa có dịp nghỉ ngơi thư giãn vừa có thể bàn tính công việc cho năm sau.

Chiều hôm đó, tôi nhận điện thoại của Andrew nói rằng cuộc họp cuối tuần đã bị hủy bỏ vì khách hàng bất ngờ phải đi xa. Andrew khuyên:

- Đây là dịp để ông đi xem căn nhà nghỉ dưỡng. Bà Angie đã chờ đợi lâu rồi. Nếu bằng lòng, tôi sẽ gọi Charles chuẩn bị phi cơ cho ông bà.

Tôi suy nghĩ rồi trả lời:

- Không cần đâu, tôi sẽ tự lái phi cơ. Tuần qua phi công đã làm việc nhiều rồi, cậu ấy cũng cần nghỉ ngơi.

Chiếc Cessna Citation là phi cơ riêng của chúng tôi và tôi cũng có bằng lái máy bay nên chỉ vài giờ sau chúng tôi đã có mặt tại Colorado. Lần này vì không có nhân viên đi theo nên tôi phải thuê một chiếc xe để lái. Khi vừa khởi hành thì trời đổ tuyết khiến trục giao thông bị tắc nghẽn. Sau gần hai tiếng đồng hồ, chúng tôi mới rời khỏi xa lộ chính để đi vào con đường nhỏ dẫn lên núi. Lúc đó trời đã nhá nhem tối. Càng lên cao, tuyết càng trút xuống dày, phủ trắng xóa con đường. Đi được một quãng thì hệ thống chỉ đường GPS không còn hỗ trợ được, vì căn nhà không nằm trên đường giao thông chính.

Angie vừa nhìn đường vừa chỉ cho tôi rẽ vào những con đường nhỏ ngoằn ngoèo dẫn lên núi. Càng đi xa, tuyết càng đổ xuống nhiều hơn, ngập hết lối đi nên rất khó nhìn. Xe chạy được một lúc thì

sụp xuống một hố trứng bên lề đường. Mặc dù tôi đã cố gắng nhưng chiếc xe vẫn không nhúc nhích.

Angie than:

- Biết thế chúng ta cứ vào khách sạn nghỉ ngơi chờ đến sáng. Tình trạng này chắc chúng ta phải ngủ qua đêm trên xe rồi.

Tôi khoác vội chiếc áo ấm rồi bước ra khỏi xe để định hướng, nhưng chung quanh cảnh vật tối đen, không thấy gì hết. Tôi cố gắng vận toàn lực để đẩy chiếc xe lên khỏi miệng hố nhưng vô hiệu.

Trong lúc đang thất vọng, tôi bỗng thấy một ánh đèn ở xa đang từ từ tiến đến gần, rồi một người đàn ông cao lớn cầm chiếc đèn pin bước đến:

- Chắc ông bà lạc đường rồi. Tôi nghe tiếng máy xe rú lên nên bước ra xem. Ông bà có cần giúp đỡ gì không?

Angie mừng rỡ trả lời:

- Chúng tôi vừa mua căn nhà gần đây, chủ nhà cũ tên là Hart nhưng hiện nay chúng tôi không tìm được lối vào.

Người đàn ông lạ gật đầu:

- Thì ra là thế! Tôi biết nhà ông Hart. Ông bà đi lạc đường rồi. Đáng lẽ phải rẽ trái ở khúc quanh ngay bìa rừng nhưng ông bà đã đi quá xa rồi.

Nhìn thấy vẻ bối rối của tôi bên cạnh chiếc xe bị sụp hố, ông nói tiếp:

- Trời đã tối rồi, chiếc xe của ông cũng không đi được. Nếu ông bà không ngại thì hãy ghé vào nhà tôi nghỉ qua đêm nay. Ngày mai tôi sẽ đem xe trục đến kéo lên. Hiện trời đã tối mà tuyết lại rơi nhiều thế này.

Tôi chưa kịp nói gì thì Angie đã vui vẻ nhận lời ngay. Chúng tôi mang hành lý theo chân người đàn ông đến một căn nhà nằm khuất dưới rừng thông phủ đầy tuyết. Chủ nhân mời chúng tôi vào nhà. Dưới ánh sáng của ngọn đèn, tôi nhận ra đó là một người gốc Ấn Độ, hay Trung Đông, với hàm râu quai nón rất rậm. Vì lý do nào đó, tôi thấy ông ta trông rất quen mặc dù tôi không nhớ đã gặp người này ở đâu.

Vị chủ nhân lịch sự dẫn chúng tôi vào một căn phòng riêng:

- Ông bà có thể dùng căn phòng đó, nếu không ngại, xin mời ông bà dùng bữa tối với tôi.

Angie hồn nhiên nhận lời ngay:

- Cảm ơn ông, thật quý quá, vì từ sáng đến giờ chúng tôi chưa có gì vào bụng.

Sau khi sửa soạn xong, chúng tôi bước vào phòng ăn thì vị chủ nhân đã chờ sẵn trước bàn ăn đơn giản toàn trái cây tươi. Angie đưa mắt nhìn quanh căn phòng rộng lớn với những bức tranh trông lạ lùng:

- Ông ở một mình sao?

Vị chủ nhân khẽ gật đầu:

- Vâng, tôi sống một mình.

Chúng tôi ngồi vào bàn. Vị chủ nhân lên tiếng:

- Tôi rất tiếc vì không kịp chuẩn bị các món khác. Bình thường tôi chỉ ăn trái cây...

Angie nhanh nhẹn:

- Cảm ơn ông, thế cũng tốt rồi. Tôi cũng thích trái cây hơn những thứ khác.

Tôi quan sát vị chủ nhân, ông ta có một vẻ gì đó rất quen thuộc trong tiềm thức mà tôi không nhớ đã gặp ở đâu. Tôi là người có trí nhớ rất tốt, gần như gặp ai tôi cũng có thể nhớ tên người đó. Làm việc trong lĩnh vực thương mại nhiều năm, tôi có thói quen ghi nhớ tên tuổi những người mà tôi giao thiệp. Trong khi Angie và vị chủ nhân trò chuyện thân mật, tôi cố gắng đào bới trí nhớ để tìm kiếm nhưng không sao nhớ được. Bất chợt vị chủ nhân hình như đoán được điều tôi đang nghĩ, quay qua tôi và tự giới thiệu:

- Xin lỗi ông bà, tôi quên chưa giới thiệu về mình. Tên tôi là Ramakrishnan, nhưng ông bà có thể gọi tôi ngắn gọn là Kris cho dễ nhớ.

Chúng tôi cũng tự giới thiệu về bản thân. Ông Kris mỉm cười đưa ly nước cam lên:

- Rất hân hạnh được quen biết ông bà.

Trong lúc chúng tôi cũng đưa ly nước cam lên như cử chỉ xã giao thì tôi nhìn thấy ngón tay của ông Kris có đeo một chiếc nhẫn

hình con bọ hung, khảm một viên hồng ngọc đỏ sẫm. Chiếc nhẫn có một điều gì đó khiến tôi cảm thấy quen thuộc một cách kỳ lạ. Tôi chăm chú nhìn người đàn ông có hàm râu quai nón này. Ông ta có một cặp mắt rất sáng thể hiện một nội tâm, hiểu biết phong phú. Cử chỉ của ông chậm rãi, điềm đạm nhưng vẫn toát lên vẻ oai nghi lạ lùng. Tôi đã gặp nhiều vị nguyên thủ quốc gia, những nhà quản lý công ty lớn, những người lãnh đạo cao cấp nhưng chưa thấy ai có vẻ sang trọng, oai nghi như người này.

Angie là người hồn nhiên, thích xã giao, gần như gặp ai nàng cũng có thể nói chuyện dễ dàng trong khi tôi thích suy ngẫm và ít nói. Các bạn tôi vẫn nói rằng chúng tôi là cặp vợ chồng đẹp đôi. Nếu cần gì thì Angie nói, nhưng nếu tính toán cái gì thì tôi mới là người quyết định.

Trong khi Angie và vị chủ nhân tiếp tục câu chuyện trên bàn ăn, tôi đưa mắt nhìn quanh căn nhà có những bức họa vẽ các ký hiệu ngoằn ngoèo lạ lùng. Tuy tôi không biết nhiều về nghệ thuật nhưng vẫn có thể phân biệt được các trường phái hội họa của những nghệ sĩ đương thời như Picasso, hay Dali. Tuy nhiên, những bức họa này lại khác hẳn những bức họa thông thường, chúng có những đường nét trông như thư pháp mà không phải là thư pháp. Trong công ty của tôi cũng có treo mấy bức thư pháp của các danh gia Nhật Bản và Trung Hoa do chính thân chủ tặng làm kỷ niệm. Tuy nhiên, những bức họa ở đây có những đường nét khác hẳn các bức thư pháp kia.

Thấy tôi chú ý đến bức tranh, ông Kris mỉm cười:

- Ông thấy những bức họa này thế nào? Hình như ông thích nghệ thuật?

Tôi chưa kịp trả lời thì Angie đã chỉ vào một bức tranh và nói ngay:

- Em nhận ra rồi, đó là những dòng chữ tiếng Phạn. Đó là chữ “Om”, có phải không ạ?

Vị chủ nhân gật đầu:

- Phải rồi, chính là chữ Phạn, bà nói đúng đó. Chữ đó là “Om”.

Angie reo lên vui sướng:

- Tôi có thấy những chữ giống như thế treo ở phòng tập Yoga.

Vị chủ nhân mỉm cười:

- Thì ra bà cũng tập Yoga.

Angie gật đầu:

- Hàng tuần tôi đều đi tập Yoga với các bạn. Đó là một hình thức thể dục để duy trì sức khỏe. Ngoài ra tôi cũng tập thiền nữa.

Không muốn câu chuyện đi quá xa, tôi hỏi:

- Thì ra đó là chữ Phạn, nhưng tại sao phòng tập Yoga lại treo chữ này? Tại sao họ không treo những bức tranh khác đẹp hơn?

Ông Kris bật cười:

- Có lẽ đó chỉ là một hình thức trang trí. Yoga xuất phát từ Ấn Độ, nên treo chữ Phạn lên đó cũng là một hình thức quảng cáo...

Angie lắc đầu:

- Không đâu, thầy dạy Yoga của tôi nói rằng đó là một chữ hết sức linh thiêng và khi thiền định phải tập trung tư tưởng vào đó.

Ông Kris gật đầu nói:

- Thì ra thế! Vậy bà thấy gì khi tập trung vào chữ đó?

Angie lúng túng:

- Tôi chẳng thấy gì hết. Đó chỉ là một phương pháp để giữ cho tư tưởng không chạy loạn xạ mà thôi. Tuy nhiên, bạn tôi, Connie, lại nói rằng cô ấy thấy nó phát ra ánh sáng và có khi lại biến hiện ra nhiều dòng chữ khác nhau nữa, nhưng tôi chưa từng có trải nghiệm đó.

Tôi bật cười vì biết Connie rất rõ:

- Connie là người giàu trí tưởng tượng và biết đâu đã phóng đại mọi việc...

Ông Kris quay qua nhìn tôi và nói:

- Không hẳn thế, nếu thiền định đến mức độ nào đó người ta có thể nhìn thấy ánh sáng hay những hình ảnh lạ lùng.

Angie tò mò:

- Như thế hẳn ông biết rõ về thiền hay đã trải nghiệm điều này?

Ông Kris không trả lời mà quay qua hỏi tôi:

- Ông nghĩ sao?

Tôi nhìn đôi mắt rất sáng của người đàn ông, với những nét dí dỏm. Tôi trả lời:

- Tôi chưa hề tập thiền hay Yoga. Đó chỉ là một hình thức thể dục thịnh hành hiện nay, cũng như vài năm trước có phong trào tập thể dục nhịp điệu vậy.

Ông Kris đưa mắt nhìn tôi với vẻ tinh quái:

- Như thế là ông chưa hề tập thiền?

Tự nhiên tôi cảm thấy khó chịu:

- Dĩ nhiên, tôi tập những thứ đó làm gì?

May thay, Angie xen vào:

- Chồng tôi bận lắm, ngay cả chơi thể thao còn không có thời giờ lấy đâu ra mà tập Yoga hay thiền.

Ông Kris chỉ vào một bức tranh:

- Vậy ông thấy bức tranh này thế nào?

Tôi đưa mắt nhìn bức tranh, đó cũng là những ký hiệu lạ lùng nhưng trông không giống như chữ Phạn. Ký hiệu này khác hẳn. Càng nhìn, tôi càng thấy có một cái gì đó quen thuộc và như bị cuốn hút vào đó. Tự nhiên tôi bật lên nói mà không suy nghĩ:

- Tôi thấy nó quen thuộc, hình như đã thấy nó ở đâu. Nhưng nó không giống như chữ Phạn.

Ông Kris mỉm cười với một biểu cảm khác lạ:

- Ông nói đúng, đó không phải là chữ Phạn, mà là một cổ ngữ đã thất truyền từ rất lâu rồi. Nhưng ông thấy nó thế nào?

Tôi nhìn những đường nét ngoằn ngoèo lạ lùng nhưng không sao nhớ được đã thấy nó ở đâu. Angie bỗng xen vào:

- Tôi cũng thấy nó quen thuộc làm sao. Hình như tôi cũng thấy ở đâu rồi.

Ông Kris cười, vẻ bí ẩn:

- Hiện nay thì ông bà không nhớ đâu, nhưng rồi sẽ nhớ.

Angie chỉ tay lên chiếc hộp kính gần đó:

- Còn cây gậy kia nữa, tôi cũng thấy nó có vẻ quen thuộc. Đó là cái gì vậy?

Đến khi đó tôi mới nhìn thấy trên chiếc bàn nhỏ đặt gần lò sưởi có một chiếc hộp dài bằng kính, trong đó đặt một chiếc gậy màu bạc dài khoảng sáu gang tay. Vị chủ nhân bước đến chiếc hộp, lấy cây gậy ra đưa cho tôi. Đó là một cây gậy làm bằng chất liệu trông như pha lê, màu bạc, có gắn bảy viên đá quý to bằng ngón tay cái, mỗi viên có một màu khác nhau. Tôi vừa cầm lên thì cảm nhận ngay một luồng điện cực mạnh từ cây gậy truyền vào tay khiến tôi giật mình. Tôi run giọng:

- Cái gì vậy?

Ông Kris nhẹ nhàng chạm tay lên cây gậy một cách trịnh trọng:

- Nó là một vật có công dụng chữa bệnh, nếu người ta biết cách sử dụng.

Tôi chăm chú nhìn vào cây gậy, những viên đá quý trên cây gậy bỗng tỏa ra những luồng sáng kỳ lạ khiến mắt tôi hoa lên. Tôi run run cầm cây gậy mà vị chủ nhân vừa trao cho. Rồi những viên đá quý bỗng xoay nhẹ như bánh xe và phát ra những tia sáng lạ lùng.

Angie lên tiếng:

- Khi nó phát ánh sáng, tôi đã nghĩ nó là một cái đèn pin, nhưng bây giờ những viên đá này lại xoay với màu sắc lạ lùng. Ông Kris, nó là cái gì thế?

Vị chủ nhân nói thầm vào tai tôi:

- Ông không nhận ra nó sao?

Lúc đó tôi như người bị mộng du. Tôi nắm chặt cây gậy nhưng đầu óc hoang mang khôn tả. Tôi tự hỏi:

- Tại sao mình lại ở đây? Tại sao mình lại gặp một người lạ trong căn nhà với những đồ vật lạ lùng như thế này?

Cũng ngay lúc đó, tôi cảm nhận được một luồng sức mạnh từ cây gậy truyền vào thân thể khiến cả người nóng ran lên. Ngực tôi bị nghẹn lại, đầu óc trở nên rối loạn, không tự chủ được nữa. Tôi muốn buông cây gậy ra nhưng nó có một sức hút kỳ lạ khiến tôi không thể bỏ xuống. Tai tôi nghe có tiếng rì rào của sóng biển và những âm thanh lạ lùng khác.

Tôi cố gắng giữ bình tĩnh, quay qua Angie, tôi thấy nàng vẫn đứng yên. Tôi quay lại phía vị chủ nhân nhưng không thấy gì ngoài cặp mắt sáng quắc của ông đang nhìn thẳng vào tôi. Ông nói bằng một giọng thân mật:

- Cứ bình tĩnh đi ông bạn. Hãy để cho tiềm thức làm việc, rồi ông sẽ hiểu.

Đầu óc tôi trở nên mơ hồ. Tiếng sóng biển càng lúc càng lớn và tôi nghe rõ những tiếng động lạ lùng dù không phân biệt được là những tiếng gì. Mọi vật dần dần trở nên lộn xộn, quay cuồng trong đầu tôi. Bất thành linh, tôi cảm thấy một sức mạnh dội vào lồng ngực khiến tôi thiếp đi...

PHẦN HAI

ATLANTIS

TIỀN KIẾP DẬY SÓNG

Tôi thấy mình đang đứng trước một bãi biển hoang vu với tiếng sóng vỗ rì rào, gần đó là những cỗ máy đang phát ra những âm thanh lạ lùng mà tôi không biết để làm gì. Không hiểu sao tôi thấy lòng tràn ngập một cảm giác buồn bực, khó chịu. Tôi vừa cúi mặt xuống thì giật mình thấy bàn chân mình to hơn trước. Ngay lúc đó, tôi nhận ra rằng mình đang ở trong một thể xác khác.

Tôi dụi mắt, vung mạnh tay để đánh thức mình và tự nhủ: “Phải chăng đây là một giấc mơ?”. Nhưng tôi không mơ chút nào cả. Tay tôi vừa vung lên thì chạm vào một vật đeo bên hông, tôi cầm lên xem thì đó chính là cây gậy pha lê có gắn bảy viên ngọc mà tôi vừa thấy ở nhà người lạ kia. Tôi cố gắng giữ bình tĩnh nhưng đầu óc cứ quay cuồng, rồi những hình ảnh trong đầu lần lượt hiện ra như một bộ phim quay chậm.

Tôi thấy mình đang sống tại một lục địa lớn với nhiều hòn đảo nhỏ vây quanh. Không hiểu sao tôi biết rằng đó chính là châu Atlantis. Huyền thoại Hy Lạp nói rằng Atlantis hiện hữu vào thời xa xưa, ở giữa Đại Tây Dương, được coi là cái nôi của nền văn minh Ai Cập cũng như Hy Lạp, và rất có ảnh hưởng đến nền văn minh hiện thời.

Tuy nhiên, ngay khi đó tôi cũng biết văn minh Atlantis đã tiến xa hơn nền văn minh hiện nay rất nhiều vì nó được xây dựng dựa trên những kiến thức khác hẳn ngày nay. Từ ngàn xưa, người Atlantis đã phát triển một thứ kiến thức đặc biệt, giúp cho họ sử dụng được những năng lực tiềm tàng trong thiên nhiên và tạo nên một nền khoa

học kỹ thuật khác hẳn ngày nay. Đầu óc tôi trở nên hoang mang, những hình ảnh của một kỷ ước lạ lùng nào cứ từ đâu tràn về.

Vào lúc đó, người Atlantis đã chế tạo ra những dụng cụ, máy móc tối tân cho những mục đích mà ngày nay không thể nào giải thích được. Lý do tôi thấy khó chịu là vì mình đang nhập vào một thể xác khác, với những cảm nhận và kiến thức khác lạ. Là người có ý chí mạnh mẽ, tôi có thể nhận ra sự khác biệt lớn giữa cách suy nghĩ, cảm nhận của tôi lúc này đây và tôi của thời hiện đại. Lý trí suy luận của tôi đóng một vai trò rất nhỏ và yếu ớt trong thể xác này. Sau một lúc đấu tranh vô vọng giữa hai sự hiểu biết tương phản, tôi đành để cho tiềm thức làm chủ, đưa tôi trở lại quá khứ, như một người đang quan sát một cuốn phim của dĩ vãng.

Tôi đang thấy rõ những hình ảnh lịch sử của Atlantis dần dần hiện ra trong tâm trí. Từ ngàn xưa, người Atlantis đã phát triển một nền khoa học chú trọng vào việc sử dụng các năng lực ẩn tàng trong thiên nhiên. Họ có thể sử dụng ánh sáng mặt trời cùng sự rung động của các loại kim thạch ^[2] để thay đổi nguyên tử vật chất. Họ có thể làm mất trọng lượng của một vật thể để xây dựng nên những công trình kiến trúc khổng lồ, kiên cố mà không cần sử dụng đến máy móc hiện đại như ngày nay. Họ có thể thay đổi nguyên tử trong cơ thể con người để phục vụ cho việc chữa bệnh bằng những cây gậy gấn đá quý.

Vào lúc đó, Atlantis gồm có ba nước là Og, Poseida và Arya. Xứ Og nằm ở phía Tây của Đại Tây Dương, gồm ba hòn đảo được nối liền với nhau bởi những cây cầu đá vĩ đại. Poseida nằm ở phía Đông của Đại Tây Dương, gồm một hòn đảo lớn với rất nhiều đảo nhỏ bao bọc xung quanh. Arya nằm ở phía Bắc của Đại Tây Dương, được xây dựng trên cao nguyên của một hỏa sơn.

Văn minh Atlantis đã kéo dài hàng ngàn năm với rất nhiều triều đại vua chúa. Xã hội Atlantis được phân chia thành nhiều đẳng cấp khác nhau. Những người thuộc đẳng cấp cao thẳng tay đàn áp, bóc lột những người thuộc đẳng cấp thấp một cách dã man, tàn bạo. Văn hóa xứ này chủ trương “mạnh được, yếu thua” chứ chưa phát triển luật pháp hay hệ thống công lý như xã hội ngày nay. Lúc đó, trừ một thiểu số đã phát triển khả năng suy

luận qua lý trí, đa số người Atlantis vẫn sống bằng bản năng, do đó họ rất ích kỷ, tham lam và hung bạo.

Vì tình dục là một bản năng tự nhiên, nên người dân xứ này chưa biết kiểm soát dục tính. Việc giao hợp nam nữ là điều thông thường trong xã hội và không một luật lệ nào cấm đoán hay kiểm soát được. Ký ức của tôi trở nên rối loạn hơn nữa khi nhìn thấy những cảnh tượng giao hợp của con người lúc đó thật không khác loài vật hiện nay bao nhiêu. Trong xã hội đó, sự giao hợp nam nữ diễn ra khắp nơi, không phân biệt, không dựa trên tình cảm mà chỉ là sự chiếm đoạt theo bản năng và sức mạnh.

Thật khó giải thích điều này vì mỗi khi cố gắng suy luận thì đầu óc tôi lại bị những tư tưởng kỳ lạ xâm chiếm, khiến đầu tôi đau nhức khôn tả. Tôi biết rằng nền văn minh xứ này đã tiến bộ khoa học rất cao, hơn hẳn ngày nay, nhưng không hiểu sao xã hội Atlantis lại có thể sống man rợ với các tục lệ lạ lùng như thế? Có lẽ vì chưa biết phát triển tình thương hay lý trí nên đa số người Atlantis lúc đó đều sống ích kỷ, tham lam và hung dữ. Trong suốt lịch sử xứ này, chiến tranh giữa các nước xảy ra liên miên, dường như chưa bao giờ ngừng.

Văn minh Atlantis được xây dựng dựa trên kiến thức khoa học, một thứ khoa học khác hẳn bây giờ, người có khả năng chuyên môn được đặc biệt ưu đãi nên các môn khoa học phát triển rất mạnh, với những phát kiến mà ngày nay có thể coi là “phép lạ”.

Dựa trên sự rung động của kim thạch và âm thanh, người Atlantis có thể phân tích ánh sáng mặt trời thành năng lượng để phục vụ cho cuộc sống cũng như tạo ra các loại vũ khí giết người. Họ có thể thay thế bộ óc con người bằng những dụng cụ gắn vào óc, khiến những người này trở nên khờ dại, không còn biết gì và chịu sự chi phối của người khác.

Qua kỹ thuật làm mất trọng lượng vật chất để nâng những tảng đá khổng lồ hay những vật nặng lên cao, người Atlantis có thể xây cất những công trình kiến trúc hết sức vĩ đại. Nhờ thế, châu Atlantis phát triển với hàng vạn công trình, hàng trăm kim tự tháp khổng lồ, hàng ngàn ngôi nhà san sát, với đường xá rộng rãi và những cây cầu bằng đá vĩ đại nối liền những đảo nhỏ với nhau.

Qua kỹ thuật thay đổi nguyên tử, người Atlantis có thể thay đổi những cơ quan đã bị yếu, tổn thương trong cơ thể người để chữa khỏi bệnh. Phương pháp này cũng có thể biến đổi con người thành một sinh vật khác khi ghép cơ quan nội tạng trong cơ thể của họ bằng cơ quan của loài vật và tạo ra một loại người mới. Một loại sinh vật “nửa người, nửa thú”, một sinh vật giống người, với khả năng đặc biệt để sử dụng vào những mục đích mà con người ngày nay không tưởng tượng được.

Một số người, phần lớn thuộc đẳng cấp thấp, hay tù binh chiến tranh thường bị đưa vào phòng thí nghiệm để tác hợp với nguyên tử của những loài thú có sức mạnh như trâu, bò, voi, ngựa, lạc đà, rồi họ được giao phó những công việc nặng nhọc như xây dựng, chuyên chở. Đó là một lực lượng lao động không còn biết suy nghĩ mà chỉ tuân theo mệnh lệnh.

Những sinh vật người được tác hợp với nguyên tử của những loài vật hung dữ (như sư tử, cọp, beo, chó sói v.v...) thì được giao phó nhiệm vụ kiểm soát những người thuộc đẳng cấp thấp hay những người đã bị biến đổi để trở thành những sinh vật “nửa người, nửa thú”, phục vụ cho quyền lợi của đẳng cấp cao hơn. Đó là những binh lính cực kỳ hung dữ, sẵn sàng hành ác, hoàn toàn vô cảm, bất chấp sự đau khổ của các sinh vật khác.

Vì có đội quân thiện chiến hung dữ, những nhà lãnh đạo đầy tham vọng của Atlantis thường gây chiến với nhau để bành trướng thế lực và những trận chiến đổ máu dữ dội đã xảy ra thường xuyên giữa các xứ này.

Xứ Og là trung tâm của một tôn giáo thờ rất nhiều thần linh với những nghi thức lạ lùng, xuất phát từ ảnh hưởng của những sinh vật thuộc về một thế giới khác với loài người. Đây cũng là nơi mà những người thuộc đẳng cấp thấp hay tù binh chiến tranh thường bị giết để tế thần, hoặc được đưa đến “lò luyện người” để biến thành lực lượng lao động.

Triều đại Belia của xứ Og kéo dài hàng trăm năm với những hoàng đế có tham vọng bành trướng thế lực tôn giáo bằng việc gây chiến với những xứ khác. Vì đức tin được xây dựng dựa trên một thứ tôn giáo thờ rất nhiều quỷ thần từ cõi giới xa xăm, luôn luôn đòi hỏi những nghi thức cúng tế bằng huyết thịt, nên người xứ Og đã

quen sống trong bạo lực, ích kỷ, vô cảm và thù hận. Xã hội xứ Og đầy những tranh chấp, thù hằn giữa con người với nhau do chủ trương “mạnh được, yếu thua”. Đây cũng là nơi mà loài người sống lẫn lộn, giao hợp với loài “nửa người, nửa thú” và sản sinh ra một giống “quái vật” dị hợm được gọi là “con của Belia”. Vì sự tranh chấp, thù hận luôn tồn tại giữa những người dân xứ này nên các hoàng đế triều đại Belia đã âm mưu gây dựng lòng căm thù với các nước khác, hòng chuyển lòng hận thù trong dân chúng sang các cuộc chiến tranh, tránh cho xã hội đi vào tình trạng hỗn loạn hay nội chiến.

Trong ba xứ của Atlantis thì Poseida lớn nhất, phồn thịnh nhất, với tài nguyên dồi dào, binh lực hùng hậu. Poseida gồm một số đảo nhỏ vây chung quanh một hòn đảo lớn với những khu rừng bát ngát và muông thú kỳ lạ. Vì đất đai màu mỡ, nhiều tài nguyên thiên nhiên nên đời sống xã hội xứ này phát triển cao hơn những xứ khác. Người Poseida cũng thờ rất nhiều thần linh như thần biển, thần sông, thần núi, thần cây v.v... nhưng không có những nghi thức giết người tế thần như tôn giáo của xứ Og.

Nền khoa học của Poseida phát triển rất mạnh với nhiều phát kiến và máy móc tối tân. Dân chúng Poseida được hưởng đời sống tiện nghi vật chất hết sức đầy đủ nhưng cũng vì thế mà đa số sống xa hoa, phung phí, ích kỷ và có tính dâm dục rất cao. Họ thường bắt cóc phụ nữ từ các xứ khác mang về để phục vụ cho nhu cầu xác thịt. Điều này tạo ra một mối thù rất lớn giữa Poseida và những xứ khác. Trong lịch sử Atlantis, Og và Poseida luôn luôn gây chiến với nhau nhưng Poseida thường chiếm phần thắng. Qua những lần chiến thắng, Poseida bắt được rất nhiều tù binh “nửa người, nửa thú” và biến những người này thành nô lệ phục vụ cho người dân tại đây. Điều này càng khiến mối hận thù giữa hai xứ này trở nên sâu sắc.

Arya là xứ nhỏ nhất nằm ở phía Bắc, xây dựng trên bình nguyên của một hỏa sơn, dân cư thưa thớt. Tuy điều kiện khắc nghiệt, đất đai khó canh tác nhưng xã hội Arya lại phát triển theo một đường lối khác hẳn với hai nước kia. Văn hóa xứ này dựa trên tôn giáo tôn thờ mặt trời với những giáo điều, kỷ luật hết sức khắt khe như không cho phép loài người giao hợp với giống “nửa

người, nửa thú”. Do đó, người Arya thường tự hào rằng họ là tộc người Atlantis thuần khiết nhất.

Nền khoa học Arya được xây dựng dựa trên kiến thức về ánh sáng mặt trời và sự rung động của các loại kim thạch. Từ lâu, người Arya đã chế tạo được những cây gậy ngọc có thể thay đổi nguyên tử vật chất để chữa bệnh, cũng như các loại vũ khí sử dụng ánh sáng để phá hủy vật chất. Nhờ thế mà Arya duy trì được sự độc lập trong một thời gian dài.

Thật khó có thể tưởng tượng lịch sử Atlantis lại hiện ra rõ rệt trong tiềm thức của tôi như một bức tranh sống động. Đầu óc tôi tiếp tục xoay chuyển qua những biến cố lạ lùng.

Tôi thấy mình được sinh ra tại xứ Arya trong một gia đình quyền quý, thuộc đẳng cấp cao nhất trong xã hội. Cha tôi là người đứng đầu trường y, chuyên sử dụng cây gậy ngọc để chữa bệnh. Từ nhỏ, tôi đã được chỉ dạy về các năng lực tự nhiên tiềm tàng trong các loại đá quý. Khi lớn lên, tôi được huấn luyện bởi các danh sư nên trở thành một y sĩ tài giỏi trong nước.

Là người thuộc đẳng cấp cao, được xã hội kính trọng nên tôi trở nên kiêu căng và nhiều tham vọng khác thường. Tuy đã được huấn luyện về y học nhưng tôi không thỏa mãn mà muốn thu thập thêm kiến thức về các năng lực siêu nhiên vốn chỉ được tín truyền riêng cho các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương.

Có lần tôi đã hỏi cha tôi về điều này, nhưng ông nói:

- Có một ranh giới rất rõ rệt giữa sự hiểu biết mà chúng ta có thể sử dụng hiện nay và sự hiểu biết dựa trên những kiến thức mà chúng ta không kiểm soát được. Để nghiên cứu về năng lực siêu nhiên, con người cần phải có khả năng kiểm soát nội tại. Ngoại trừ một số rất ít giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương biết phương pháp này, hầu như không ai có thể học được. Nếu không kiểm soát được mình mà sử dụng các năng lực này một cách vô trách nhiệm, thì có thể đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại. Đó là lý do mà con phải ý thức rõ rệt về mối nguy hiểm tiềm tàng của những kiến thức này và không được sử dụng những gì con không thể kiểm soát được.

Tôi thắc mắc:

- Tại sao lại chỉ các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương mới có đặc quyền thu nhận kiến thức về các năng lực siêu nhiên?

Cha tôi trả lời:

- Con nên biết, trong mỗi con người đều có hai động lực tương phản: một là hướng thượng - hai là hướng hạ. Khi con người chưa biết phát triển sự suy luận để kiểm soát nội tâm mà chỉ sống bằng bản năng thì động lực bản năng hướng hạ thường làm chủ. Nó dẫn dắt con người hành động theo dục vọng. Con có thể thấy người dân xứ Og và Poseida thiên sống bằng bản năng và hậu quả là những cuộc chiến tranh kéo dài, không thể chấm dứt.

Hiện nay, tại Arya chỉ có riêng các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương, nhờ thực hành những kỷ luật tự giác, biết phát triển óc suy luận để kiểm soát nội tâm nên không bị ảnh hưởng. Nhờ biết kiềm chế dục vọng, những người này mới có thể sử dụng các năng lực siêu nhiên đặc biệt trong vũ trụ. Những người như chúng ta chỉ được dạy một số kiến thức giới hạn vì nội tâm chúng ta vẫn còn là bãi chiến trường, một sự tranh đấu giữa hai khuynh hướng tương phản. Do đó, nếu chưa thể làm chủ được mình thì phải biết tự giới hạn, đừng để tham vọng chi phối, điều khiển.

Tuy đã được cảnh cáo nhưng tôi vẫn ngăm muốn sở hữu quyền năng từ các năng lực siêu nhiên kia. Có lần tôi đã hỏi một giáo sĩ có kiến thức về môn này thì ông nói:

- Hiện nay đầu óc người chưa phát triển đủ về khả năng suy luận mà thường để bản năng chi phối. Muốn sở hữu quyền năng siêu nhiên thì người phải trải qua những giai đoạn tu tập phát triển đức tính hy sinh, nhẫn nại, để kiểm soát chính mình.

Tôi hỏi:

- Như vậy thì tôi phải làm gì?

Giáo sĩ trả lời:

- Trước hết người phải tập tính hy sinh để làm những gì “trái ngược” với những điều mọi người thường làm. Nếu mọi người ham muốn thứ gì thì người phải đi ngược lại, nghĩa là từ bỏ cái ham muốn đó. Nếu mọi người chỉ làm điều có lợi cho bản thân thì người phải làm ngược lại, nghĩa là chỉ làm những gì có lợi cho người khác. Người phải cho người khác những gì tốt nhất, làm những điều

mà không ai muốn làm, và chỉ nhận lấy những gì không ai muốn nhận. Đó là bước đầu trong việc rèn luyện kỷ luật hy sinh, nhẫn nại, để kiểm soát nội tâm. Liệu người có làm được như thế không?

Văn minh Atlantis lúc đó hoàn toàn được xây dựng dựa trên “luật của kẻ mạnh”, không ai biết gì đến sự hy sinh hay tinh thần tự chủ. Phần lớn mọi người đều sống một cách tham lam, ích kỷ và hung bạo, sẵn sàng chiếm đoạt mọi thứ cho riêng mình nên việc thực hành những điều vị giáo sĩ nói hết sức lạ lùng, khó hiểu.

Là người kiêu căng và ích kỷ, dĩ nhiên tôi không chịu nghe lời dạy bảo của vị giáo sĩ này. Tuy nhiên, do đã muốn có quyền năng này nên tôi phải quyết đạt cho bằng được. Tôi tính toán và tìm đến những người sở hữu kiến thức này qua một con đường tắt.

Đầu tiên, tôi làm quen với Biru, một người dân xứ Arya nhưng đã sống nhiều năm tại Og nên biết những nghi thức kêu gọi các quyền năng từ cõi giới khác. Tôi được hướng dẫn những nghi thức đó, mặc dù pháp luật và tôn giáo xứ Arya hoàn toàn ngăn cấm việc này.

Chúng tôi bí mật trao đổi sự hiểu biết với nhau trong một căn hầm nằm sâu dưới lòng đất. Từ đó, tôi chìm đắm trong các nghi thức tế thần, sử dụng máu huyết để kêu gọi những động lực lạ lùng, liên lạc với những sinh vật thuộc cõi khác mà không hề ý thức gì đến hậu quả có thể xảy ra.

Đang miên man với những hình ảnh này, bỗng nhiên đầu óc tôi chuyển qua một kỷ ức khác. Tôi thấy mình đứng trong một tòa nhà to lớn, nguy nga, với lối chạm trổ tinh xảo, hơn hẳn các công trình kiến trúc đẹp nhất của ngày nay. Đó là đền thờ thần Thái Dương trang nghiêm, với các nghi thức tôn giáo được thực hiện bởi các thánh nữ. Bất ngờ, tôi nhìn thấy đôi chân trần gợi cảm, trắng ngần của một thánh nữ thoáng lộ ra khi đang duyên dáng múa hát với điệu nhạc huyền bí trong ánh sáng đuốc bập bùng huyền ảo. Tôi lén hỏi và biết tên cô ấy là Kor. Không hiểu sao hình ảnh cô thánh nữ Kor này lại lập tức xâm chiếm, ngự trị tâm trí tôi khiến tôi không còn tự chủ được nữa. Không rời mắt khỏi người thiếu nữ yêu kiều, trong đầu tôi bắt đầu nóng rực nảy sinh ý tưởng chiếm đoạt người thánh nữ. Là người thuộc đẳng cấp

cao của xã hội, một khi đã muốn sở hữu cái gì thì tôi thường phải tìm mọi cách chiếm đoạt cho kỳ được.

Vừa nghĩ đến đó, không hiểu sao đầu óc tôi bắt đầu xáo trộn bởi những hình ảnh ma quái chập chờn, những nghi thức thờ cúng huyền bí lạ lùng, những súc vật bị giết để tế thần, những ly rượu pha bằng máu súc vật tanh tưởi, những hình ảnh hoan lạc của đám đông nam nữ buông thả dưới những ánh đuốc chập chờn hoang dại, rùng rú. Bất chợt tôi thấy những cảnh tượng hãi hùng, máu đỏ thịt rơi, với những trận giao tranh khốc liệt của những đội binh "nửa người, nửa thú" cầu xé những nạn nhân của chúng. Nỗi sợ hãi mỗi lúc một tăng lên khiến tôi hốt hoảng kêu lớn, rồi choàng tỉnh dậy.

* * *

Tôi thấy mình đang nằm trong một căn phòng xa lạ, toàn thân ướt đầm mồ hôi. Angie nhìn tôi với vẻ mặt lo lắng:

- Anh làm sao vậy?

Lúc đó, tôi thấy trời đã sáng và biết mình vừa trải qua một giấc mơ lạ lùng.

Angie lo lắng hỏi:

- Anh có sao không? Tự nhiên anh la lớn làm em giật cả mình.

Tôi hoảng hốt:

- Mình đang ở đâu đây?

Angie bật cười:

- Anh không nhớ sao? Hôm qua xe của chúng ta bị trượt xuống hố, may là có ông Kris đưa mình về nhà ông ấy.

Khi đó tôi mới nhớ ra rằng mình đang ở trong nhà một người lạ. Angie nhắc khéo:

- Trời đã sáng rồi, anh hãy vào phòng tắm thay quần áo đi, rồi xuống dưới nhà. Em nghe tiếng ông Kris mở cửa ra ngoài từ sớm nhưng thấy anh ngủ say nên chưa muốn đánh thức.

Tôi cố giữ bình tĩnh mặc dù chưa tỉnh táo hẳn:

- Thì ra thế, nhưng hôm qua chúng ta vào phòng lúc nào?

Angie trả lời:

- Chúng ta đang nói chuyện dở dang, nhưng em thấy anh mệt quá cứ thiếp đi nên ông Kris bảo em đưa anh về phòng nghỉ sớm. Anh không nhớ sao?

Khi chúng tôi bước vào phòng ăn thì ông Kris đã chờ sẵn:

- Ông bà ngủ ngon chứ, mời ông bà dùng bữa ăn sáng. Tôi đang chuẩn bị mang xe trục kéo chiếc xe của ông bà lên.

Trong khi Angie hồn nhiên kéo ghế ngồi, tôi nhìn quanh căn phòng với những bức họa lạ lùng và chiếc hộp đựng cây gậy thất bảo bằng pha lê. Nó vẫn nằm nguyên trên chiếc bàn nhỏ bên cạnh lò sưởi. Thì ra đó không phải là một giấc mộng mà là một sự thật. Giờ thì đầu óc tôi đã hoàn toàn tự chủ. Tôi nhủ thầm: “Mình phải tìm ra sự thật về cây gậy ngọc này”.

Sau bữa ăn sáng, chúng tôi theo ông Kris ra chỗ chiếc xe bị sụp xuống hố. Tôi thấy vị chủ nhân đã chu đáo chuẩn bị đầy đủ chiếc xe tải lớn với sợi dây xích sắt đã buộc vào chiếc xe của tôi để kéo lên. Angie mừng rỡ:

- Thật phiền ông quá, tôi không ngờ ông đã chuẩn bị cẩn thận từ sớm.

Sau khi chiếc xe được kéo lên, ông Kris chỉ rõ cho chúng tôi đường đến căn nhà mới. Tôi im lặng quan sát người đàn ông có bộ râu quai nón rậm rạp này như để chờ đợi một sự giải thích nào đó, nhưng ông vẫn thản nhiên như không hề có chuyện gì xảy ra. Sự im lặng của ông làm cho tôi thêm nóng lòng, bối rối, tôi muốn lên tiếng nhưng không hiểu sao lại im lặng. Cả hai chúng tôi nhìn nhau nhưng không nói gì.

Theo sự chỉ dẫn của ông Kris, chúng tôi đến căn nhà mới. Đúng như Angie đã nói, đó là một căn nhà tuyệt đẹp, xây cất đơn giản, nằm trên một ngọn đồi thấp nhìn xuống thung lũng và một hồ nước xanh biếc phía dưới.

Angie nhanh nhẹn mở khóa cửa bước vào:

- Anh thấy căn nhà này ra sao? Nó có như ý anh muốn không?

Tôi gật đầu đồng ý nhưng tâm trí vẫn hoang mang về những việc xảy ra đêm qua. Tôi tự hỏi phải chăng đó là một giấc mơ?

Trong khi Angie thu xếp hành lý, tôi ngồi xuống chiếc ghế bành và tự hỏi: “Tại sao mình có thể nhớ lại một ký ức xa xôi với những

chi tiết rõ rệt như thế? Liệu châu Atlantis có thật hay chỉ là một huyền thoại?”.

Hiện nay, người ta biết đến Atlantis qua tài liệu giảng dạy của triết gia Hy Lạp Plato được ghi lại trong cuốn *Timaeus* và *Crotias*. Plato đã kể cho học trò rằng chính Solon, sử gia lừng danh của Hy Lạp khi du hành qua Ai Cập để học hỏi đã được các vị trưởng lão xứ này tiết lộ về một đại lục lớn bị chìm sâu xuống đáy biển vào khoảng hai mươi ngàn năm trước đó. Plato ghi chép lại lời dạy bảo của Solon về lục địa với nền văn minh rực rỡ nhưng đã suy thoái vì tham vọng điên cuồng của những người lãnh đạo, rồi bị chìm sâu xuống biển bởi trận động đất khủng khiếp.

Hiện nay có nhiều giả thuyết khác nhau về Atlantis. Có người cho rằng đó là một đại lục có thật vì bờ biển Địa Trung Hải còn sót lại một vài di tích của một nền văn minh cổ xưa mà không ai biết rõ. Người khác cho rằng đó chỉ là một huyền thoại được người xưa tạo ra để dọa nạt dân chúng mà thôi. Trải nghiệm vừa qua đã cho tôi một cảm giác khác thường vì tôi thấy rõ mình đã từng sống ở đó và lịch sử xứ này hiện rõ trong đầu tôi như một cuốn phim sống động. Không một giấc mơ nào lại có thể hiện hiện rõ rệt với từng chi tiết như thế.

Suốt ngày hôm đó, đầu óc tôi cứ liên miên suy nghĩ về ký ức kỳ lạ này nhưng không tìm được lời giải đáp nào. Trong khi Angie vui vẻ chỉ cho tôi những đồ đạc trưng bày, những bức tranh nghệ thuật mà nàng vừa mua, và phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp của căn nhà, thì đầu óc của tôi hoàn toàn bị chi phối bởi giấc mơ lạ lùng đêm qua.

Tôi tự hỏi: “Nếu đó là một giấc mơ thì tại sao tôi lại bị ám ảnh một cách sâu sắc như thật đến tận lúc này?”. Từ trước đến nay, tôi không hề đọc một tài liệu nào về Atlantis hay quan tâm gì đến huyền thoại lịch sử này, nhưng tại sao hiện giờ tôi lại biết về nền văn minh đã biến mất này đến từng chi tiết như vậy? Tuy là người bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh nhưng lúc này tôi lại rất hoang mang trước trải nghiệm không thể giải thích này.

Chiều hôm đó, Angie đề nghị:

- Em muốn nấu một bữa ăn thật ngon để cảm ơn ông Kris. Anh nghĩ sao? Nếu không có ông ấy, chắc chắn chúng ta đã phải ngủ ở

trong xe rồi.

Tôi gạt đầu mặc dù đầu óc không thoát khỏi những hình ảnh lạ lùng của giấc mơ kia. Angie hồn nhiên nói:

- Tiếc quá, em không xin số điện thoại của ông Kris. Hay là anh mang xe đến đó mời ông ấy qua đây ăn tối với chúng ta đi. Anh nghĩ sao? Có gì gọi điện cho em biết với.

Angie là người có tài nấu ăn tuyệt vời. Trong tủ lạnh ở nhà không bao giờ thiếu đồ ăn nhưng tôi không ngờ nàng cũng đã mua sắm đồ ăn cần thiết cho căn nhà nghỉ dưỡng này từ trước. Tôi ngần ngại:

- Hình như ông ấy chỉ ăn trái cây thì phải?

Angie gạt đầu:

- Không sao, em đã có sẵn một số trái cây ở đây. Anh cứ hỏi ông ấy muốn gì thì em sẽ chuẩn bị được ngay.

* * *

Khi xe tôi vừa đến trước cửa thì thấy ông Kris bước ra, dường như ông ấy đã biết trước sự có mặt của tôi lúc đó. Chúng tôi cùng nhau bước vào nhà, ông Kris thông thả mời tôi ngồi xuống ghế. Có lẽ nhìn thấy khuôn mặt dăm chiêu lo lắng của tôi nên ông đã chủ động hỏi một cách thân mật:

- Hình như ông có điều gì đó muốn hỏi tôi thì phải?

Tôi cố bình tĩnh nhưng như thể có một động lực nào đó thúc đẩy, tôi chỉ vào chiếc hộp để cây gậy ngọc, ngập ngừng hỏi:

- Tôi muốn biết... à không phải, tôi muốn hỏi... cây gậy đó là gì vậy?

Tôi nói chưa hết câu thì ông Kris gạt đầu như biết tôi muốn gì. Ông nói một cách chậm rãi:

- Tôi biết ông sẽ hỏi về cây gậy này. Nó chính là vật của ông đấy.

Tôi giật mình:

- Như thế... như thế... chuyện hôm qua không phải là giấc mơ sao?

Ông Kris mỉm cười:

- Không đâu, nó giúp ông khôi phục lại một ký ức xa xôi, một kiếp sống mà ông đã quên từ lâu rồi.

Nhìn thấy vẻ bối rối của tôi, ông Kris thông thả giải thích:

- Tôi không muốn ông thắc mắc về việc này, tôi sẵn sàng trả lời những câu hỏi đang làm ông hoang mang. Cách tốt nhất là giải thích những điều căn bản trước, với hy vọng chúng sẽ giúp ông hiểu biết thêm về quy luật vũ trụ và hoàn cảnh hiện nay của ông. Tôi có thể giúp ông có trải nghiệm thực tiễn, nhờ vậy ông có thể tự chứng nghiệm việc này.

Từ trước đến nay, tôi không bao giờ tin vào những chuyện mơ hồ, viễn vông. Tôi không tin chuyện có nhiều kiếp sống như một số tôn giáo đề xướng. Tôi không tin con người chết đi rồi đầu thai vào một kiếp khác. Tôi không mấy khi bận tâm về những chuyện viễn vông này. Tôi là người thực tế, không dễ tin người, nhưng lúc đó không hiểu sao đầu óc tôi trở nên rất dao động, hoang mang.

Tôi run giọng:

- Như ông nói, quả thật là một người có nhiều kiếp sống hay sao?

Ông Kris mỉm cười:

- Dĩ nhiên rồi, nhưng ông không phải tin, mà cần trải nghiệm điều đó. Đến khi đó ông sẽ thấy những sự kiện thay đổi trên bề mặt địa cầu, những quy luật bất biến của vũ trụ và trả lời được câu hỏi hiện nay của ông.

Tôi bối rối:

- Như thế... tôi đã từng sống tại đó? Tại Atlantis ư?

Ông Kris nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Tại sao không? Ông đã sống ở nhiều nơi, trải qua nhiều kiếp, và đã đến lúc ông cần nhớ lại những điều này. Đó chính là những điều ông đã dặn tôi rất kỹ.

Tôi ngạc nhiên:

- Tôi đã từng yêu cầu ông thế sao? Khi nào cơ chứ?

Ông Kris gật đầu:

- Chúng ta đã biết nhau từ lâu rồi. Chính ông yêu cầu tôi giúp nên chúng ta mới có duyên gặp nhau hôm nay.

Một lần nữa, tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác:

- Chúng ta đã gặp nhau từ lúc nào? Tại sao tôi không nhớ?

Ông Kris thông thả trả lời:

- Đây là lần đầu chúng ta gặp nhau tại kiếp này, nhưng còn những kiếp khác nữa chứ. Chúng ta đã có mối liên hệ với nhau trong nhiều tiền kiếp rồi.

Tôi bối rối tự lẩm bẩm nói một mình:

- Nếu thế thì tại sao tôi không nhớ được gì cả? Nếu có những kiếp trước thì tôi phải nhớ được như ông chứ?

Ông Kris bật cười:

- Có những chuyện xảy ra không lâu trước đây ông còn không nhớ thì làm sao ông có thể nhớ được những chuyện đã từng xảy ra từ những tiền kiếp xa xôi?

Tôi đâm ra khó chịu khi không muốn chấp nhận:

- Không lẽ đầu óc của tôi lại kém đến thế sao?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi và giải thích:

- Ông bạn ơi, đầu óc của ông hiện nay chỉ chứa đựng những kiến thức ông học trong kiếp sống này mà thôi. Nó có những giới hạn của nó. Ông không thấy sao?

Có khi ông nhớ được một vài việc xảy ra tuần trước, có khi ông quên. Có khi ông nhớ được một số việc xảy ra vài tháng trước, vài năm trước nhưng cũng có khi ông quên.

Khi mới sinh ra, trí não của ông chưa phát triển nên ông đâu nhớ được những việc xảy ra khi chào đời hay khi nằm trong bụng mẹ, đúng không? Khi trí não của ông bắt đầu phát triển, ông nhớ được vài việc xảy ra khi còn thơ ấu, từ khoảng hai hay ba tuổi gì đó. Tuy nhiên, đó chỉ là một vài hình ảnh mơ hồ, những mảnh ký ức vụn vặt thôi vì trí não của ông lúc nhỏ còn non kém. Khi ông lên sáu, bảy tuổi thì ông nhớ được nhiều hơn vì trí não đã phát triển đầy đủ. Tùy theo sự phát triển của trí não và thói quen trong cuộc sống mà người ta nhớ được một số việc nhưng cũng dễ quên đi một số sự việc, dữ kiện khác. Trí não có giới hạn của nó, do đó chúng ta khi nhớ, khi quên. Khi già yếu, trí não không hoạt động hữu hiệu thì người ta quên nhiều hơn nhớ. Nhưng tất cả kinh nghiệm, tư tưởng, lời nói và hành động đều được lưu trữ lại ở một “trí não” khác và nó luôn luôn theo cùng ông qua những kiếp sống khác nhau.

Tôi thắc mắc:

- Vậy làm sao tôi có thể nhớ được những việc đã xảy ra từ kiếp trước?

Ông Kris thông thả trả lời:

- Đôi khi, bằng cách thôi miên tiềm thức, người ta có thể liên lạc được với “trí não” kia và nhớ được vài chi tiết, nhưng thôi miên cũng có giới hạn của nó. Một vài người có thể nhớ lại tiền kiếp nhưng chỉ là những trải nghiệm mập mờ, những mảnh vụn của một ký ức chứ không rõ rệt. Việc nhớ lại tiền kiếp đòi hỏi một công phu tu tập mà ông đã từng luyện tập trong quá khứ, do đó ông mới nhớ được một kiếp sống ở Atlantis khi nhìn thấy cây gậy ngọc này.

Tôi ngạc nhiên:

- Tôi có thể nhớ lại các kiếp sống từ trước sao?

Ông Kris nhìn thẳng vào tôi và nói một cách nghiêm nghị:

- Những điều tôi sắp nói ra đây có thể lạ lùng với ông trong lúc này. Tôi không đòi hỏi ông phải chấp nhận những gì tôi nói là chuyện có thật, vì ông chỉ có thể thấy nó là thật khi tự mình biết chúng là đúng hay sai, thông qua trải nghiệm của chính ông mà thôi.

Thấy tôi do dự, ông Kris giải thích thêm:

- Ông không phải tin những điều tôi sắp nói đây, trừ phi ông thấy điều đó hợp với suy nghĩ của ông. Bây giờ ông có thể xem đó như là một lý thuyết cũng được, nhưng ông phải tự mình chứng nghiệm lấy những điều này, để rồi đi đến kết luận, niềm tin cho riêng ông.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng tôi phải làm thế nào? Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra hôm qua? Tại sao chúng ta lại gặp nhau tại đây? Phải chăng đã có sự thu xếp từ trước?

Ông Kris mỉm cười:

- Đúng thế, đây không phải là một sự tình cờ đâu. Đã có những nhân duyên từ trước thu xếp cho cuộc gặp gỡ này. Thật ra việc này đã được sắp đặt từ lâu rồi và đến nay mới xảy ra.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng ai đã thu xếp việc này chứ?

Ông Kris từ tốn trả lời:

- Chính ông là người đã thu xếp việc này từ nhiều thế kỷ trước.

Tôi hốt hoảng:

- Tại sao tôi không biết gì về việc này? Tại sao lại là từ nhiều thế kỷ về trước?

Ông Kris gật đầu:

- Hiện nay ông không biết rõ nhưng chúng ta đã quen biết nhau từ nhiều thế kỷ rồi. Lúc này ông chưa khôi phục được khả năng nhớ lại tiền kiếp nhưng rồi ông sẽ có dịp biết những điều ông muốn biết.

Tôi bỗng cảm thấy vừa ngạc nhiên vừa khó chịu và một chút tự ái, khiến tôi không giữ được bình tĩnh. Tôi hỏi:

- Nhưng có bằng chứng nào cho thấy có những kiếp sống trước đó hay việc con người đã trải qua nhiều kiếp khác nhau?

Ông Kris mỉm cười, bình tĩnh chỉ vào chiếc gậy ngọc:

- Vật này có thể giúp ông trải nghiệm một kiếp sống cho đến khi ông khôi phục lại khả năng sẵn có nơi ông.

Dĩ nhiên tôi không muốn tâm trí mình bị thôi miên hay dẫn dắt bởi một vật lạ lùng nên cảnh giác:

- Tôi không biết gì về cây gậy này. Ông có thể giải thích cho tôi tại sao ông lại có cây gậy này không?

Ông Kris gật đầu:

- Tôi giờ có nói ra ông cũng không tin nhưng trước sau gì ông cũng sẽ biết.

Kris thông thả bước đến chiếc hộp để cây gậy ngọc, rồi cầm lên đưa cho tôi. Tôi ngần ngại chưa muốn cầm lấy nó. Tôi không muốn bị ảnh hưởng bởi cây gậy lạ lùng này, nhưng không hiểu sao tôi vẫn đưa tay ra như có một lực hút. Cây gậy tự nhiên phát ra ánh sáng, những viên ngọc cũng đồng loạt phát ra những tia sáng khác nhau có vẻ quen thuộc. Tôi vừa chạm vào cây gậy, bỗng như có một sức hút khiến tôi nắm chặt lấy nó. Tôi cảm nhận có một luồng điện lạ lùng từ cây gậy truyền qua tay, chạy dọc toàn thân khiến tôi ngây ngất. Tôi cố giữ bình tĩnh, nhưng cứ thấy mình như bị thu hút vào luồng ánh sáng kỳ lạ của cây gậy...

Ông Kris nói rất khẽ:

- Cứ tự nhiên, nó sẽ giúp ông trở về với quá khứ, vì chỉ có ông mới có thể sử dụng cây gậy này mà thôi...

* * *

Tâm trí tôi quay lại với ký ức về cuộc sống tại Atlantis như đêm qua, nhưng lần này tôi thấy mình đang bị dẫn dắt bởi cảm giác muốn chiếm đoạt người thánh nữ xinh đẹp trong đền thờ Thái Dương. Đó không phải là một kiểu tình yêu mà chỉ là lòng tham của một người thuộc đẳng cấp quyền uy trong xã hội, cho rằng mình có quyền làm tất cả những gì mình muốn. Dĩ nhiên việc chiếm đoạt một thánh nữ là điều không thể vì những người này thuộc phạm vi “bất khả xâm phạm”. Với tôi khi đó, Kor là một thứ “trái cấm” mà ngay cả người có quyền như tôi dù muốn cũng không thể chiếm đoạt được. Thật khó có thể diễn tả cảm giác này vì đầu óc của tôi lúc đó đang bị xâu xé bởi một ý nghĩ hung bạo và ích kỷ, hoàn toàn khác hẳn với tâm trí của tôi ở hiện tại.

Đang quay cuồng với những ý tưởng dục vọng kia thì cha tôi từ đâu bước đến, bằng vẻ mặt nghiêm nghị, ông nói như ra lệnh:

- Con đi theo ta! Chúng ta có việc cần làm ngay lúc này.

Nhìn khuôn mặt và ánh mắt quyết đoán của cha, tôi ngạc nhiên vì ông vốn là người bình tĩnh, ngay cả trong những tình trạng khẩn cấp. Tôi hỏi:

- Chúng ta đi đâu vậy cha?

Cha tôi không trả lời mà chỉ ra dấu cho tôi đi theo. Hiển nhiên, ông đang suy nghĩ về chuyện gì đó rất hệ trọng.

Tôi theo cha tôi đi qua những con đường rộng lớn dẫn đến cung điện của Hoàng đế Heracles xứ Arya. Đây không phải là lần đầu tôi đến nơi này, vì thỉnh thoảng cha cũng đưa tôi đi cùng khi vào cung. Là thành viên của Hội đồng Trưởng lão xứ Arya, ông thường tham dự vào những việc quan trọng trong triều, đôi khi ông cũng cho tôi đi theo.

Chúng tôi bước vào căn phòng lớn, tôi thấy một số nhân vật của triều đình trong Hội đồng Trưởng lão cũng đang hiện diện, nhưng về

mặt ai cũng đăm chiêu, ra chiều nghiêm trọng. Buổi họp bắt đầu khi Hoàng đế Heracles ra dấu cho một trưởng lão ngồi gần đó:

- Nay Mar, ông hãy nói cho mọi người biết sự việc đi.

Mar là quan thiên giám và cũng là một nhà tiên tri nổi tiếng của Arya. Ông này nghiêm nghị nói:

- Hiện nay, chúng ta đã thấy rõ những dấu hiệu bất thường mà các nhà tiên tri khi xưa đã cảnh báo, về hiện tượng địa cầu chuyển trục. Các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương cũng xác nhận rằng luồng từ lực của địa cầu đã di chuyển theo phương hướng bất lợi. Từ nhiều năm nay, thời tiết khắp nơi đều thay đổi với những trận hạn hán kéo dài nhiều tháng, phá hoại mùa màng. Có những cơn bão mạnh gây lụt lội khắp nơi. Có những trận cháy rừng kéo dài hàng tháng khiến súc vật chết hàng loạt. Có những dịch bệnh mà các y sĩ tài giỏi nhất cũng bó tay, khiến người chết vô số.

Hiện tại cuộc chiến giữa xứ Og và Poseida đi đến giai đoạn ngày càng quyết liệt và mối đe dọa xâm lăng Arya ngày một gần hơn. Do đó, không còn nghi ngờ gì nữa, chuyện phải đến sẽ xảy ra. Không phải trong nhiều năm hay nhiều tháng mà chỉ trong vài ngày nữa. Đã đến lúc chúng ta phải thi hành kế hoạch trù liệu từ trước là thu xếp đưa một số người đã được chọn đến các bến bờ an toàn.

Từ lâu, các nhà tiên tri Atlantis đã cảnh cáo mọi người về tình trạng thay đổi của trục địa cầu. Họ nói rằng sẽ có những trận cuồng phong dữ dội hay những cơn địa chấn có thể đưa Atlantis đến tình trạng diệt vong nên đây không phải là một thông tin mới, nhưng lần này, qua giọng nói của quan thiên giám tôi đã cảm thấy có điều bất thường.

Hoàng đế Heracles lên tiếng:

- Ông hãy xác nhận những điều ông tiên đoán cho mọi người biết để chuẩn bị.

Mar trả lời, sự nghiêm trọng thể hiện trong giọng nói:

- Tôi đã quan sát rất kỹ những thay đổi của ảnh hưởng từ các tinh tú xuống địa cầu và kiểm tra những lời tiên tri trong quá khứ. Tôi và các giáo sĩ hoàn toàn đồng ý với nhau rằng chỉ vài ngày nữa sẽ có một biến động hết sức to lớn, ngoài sức tưởng tượng.

Hoàng đế Heracles trầm tĩnh suy nghĩ, rồi lên tiếng:

- Chắc gì nó sẽ xảy ra đúng như dự đoán? Liệu có thay đổi gì khác không?

Mar lắc đầu:

- Tôi đã xem xét kỹ nhiều lần sự di chuyển của các vì tinh tú và quả quyết rằng tai họa chắc chắn sẽ xảy ra, đúng như lời tiên tri từ nhiều năm trước.

Hoàng đế Heracles gật đầu:

- Nếu thế, chúng ta phải thi hành ngay kế hoạch đưa số người đã được chọn đến các bờ bến an toàn. Hôm nay ta muốn duyệt xét lại danh sách này một lần nữa và cho tiến hành ngay kéo trể. Các ông đã chuẩn bị danh sách đầy đủ chưa?

Cha tôi quay sang tôi nói nhỏ:

- Nếu lời tiên tri này đúng thì sẽ có một trận cuồng phong rất lớn ập đến, có thể gây thiệt hại khủng khiếp cho Atlantis. Để bảo tồn nền văn minh của chúng ta, Hoàng đế Heracles đã lựa chọn một số người đại diện cho Atlantis lên những thuyền lớn để đưa họ đến những vùng khác an toàn hơn. Trên mỗi chiếc thuyền, ngoài thủy thủ đoàn là những người với nhiệm vụ đã được chỉ định rõ: giáo sĩ, chiêm tinh gia, khoa học gia, kiến trúc sư, nghệ sĩ, y sĩ, kỹ sư, và thánh nữ. Những người này đều được chọn lựa bởi Hội đồng Trưởng lão từ trước. Và hôm nay sẽ là ngày quyết định.

Tôi hỏi:

- Nếu đã biết trước có tai ương như thế tại sao chúng ta không ra đi hết mà chỉ chọn một số người thôi?

Cha tôi lắc đầu:

- Không ai có thể biết chắc rằng việc này sẽ xảy ra đúng như lời tiên tri. Nếu điều này không xảy ra thì sao? Và dù có muốn đi nữa, chúng ta cũng không đủ thuyền bè để đưa tất cả mọi người đến những nơi đó, nên đa số chúng ta tình nguyện ở lại, chấp nhận số phận nếu tai họa xảy ra.

Theo thứ tự, mỗi vị trưởng lão bước ra trình danh sách những người được chọn cho Hoàng đế Heracles duyệt xét lần cuối. Là trưởng lão đứng đầu trường y, cha tôi có trách nhiệm chọn ra những

y sĩ được thu xếp lên thuyền. Điều bất ngờ là khi công bố danh sách, tôi không thấy mình có tên trong đó. Tại sao lại như thế được? Tôi là một trong những y sĩ có kiến thức cao, hơn cả những người có tên trong danh sách kia. Chuyện gì đã xảy ra?

Trong lúc tôi đang bất mãn muốn lên tiếng hỏi cha tôi thì một trưởng lão khác đã bước lên trình danh sách các thánh nữ được chọn. Tôi choáng váng! Kor, người thiếu nữ mà tôi đang muốn chiếm đoạt, có tên trong đó. Một cảm giác mất mát, hụt hẫng lạ lùng khiến tôi đâm ra khó chịu và tức giận.

Sau khi duyệt qua danh sách, Hoàng đế Heracles chỉ thị cho viên tướng hầu cận đứng gần đó:

- Người liên lạc ngay với những người có tên trong danh sách này, đưa họ đến địa điểm đúng vào giờ giấc đã định. Những con thuyền sẽ phải nhổ neo ra khơi ngay, không được chậm trễ. Thuyền trưởng và thủy thủ đoàn đã biết họ phải làm gì. Đây là việc hệ trọng, phải thi hành thật chuẩn xác.

Tuy vẫn đang bất bình về việc cha không chọn mình, nhưng đầu óc tôi lúc đó lại bị chi phối quá mạnh bởi việc người thánh nữ mà tôi muốn chiếm đoạt sẽ phải rời xa nơi đây, đồng nghĩa với ham muốn của tôi sẽ không đạt được. Hơn lúc nào hết, ý nghĩ chiếm đoạt “trái cấm” kia đã hoàn toàn chi phối tôi. Đầu óc tôi nổi lên vô vàn mưu tính nên tôi không còn để ý gì đến chung quanh, cho đến khi buổi họp kết thúc, và mọi người rời cung điện ra về.

Khi đó, cha nhìn tôi lạ lùng, rồi giải thích:

- Ta biết con sẽ hỏi tại sao ta không chọn con vào danh sách những người được đưa đi xa. Nhưng những người được lựa chọn sẽ ảnh hưởng đến tương lai của Atlantis, ta không thể đưa tên con vào đó được.

Tôi hết sức bất mãn:

- Cha không nghĩ con xứng đáng hơn những người đã được chọn ư? Hay cha nghĩ kiến thức của con không bằng những người khác?

Cha tôi lắc đầu:

- Không phải thế, kiến thức của con vượt xa những người kia, nhưng sở dĩ con không được chọn vì chúng ta không muốn mang

nền tà giáo mà con đang theo đuổi đến bờ bến an toàn kia.

Một tiếng sét ngang tai! Tôi không ngờ cha tôi lại biết việc tôi đang theo học những nghi thức bí mật của nền tôn giáo xứ Og.

Trong lúc tôi vẫn bối rối chưa biết phải nói gì thì ông tiếp tục:

- Lúc đầu ta đã đưa tên con vào danh sách này, nhưng khi duyệt xét với các trưởng lão trước khi trình lên Hoàng đế Heracles thì ta được báo cáo về việc con đã bí mật theo đuổi những nghi thức của các giáo sĩ xứ Og. Ta biết lòng ham mê học hỏi của con, nhưng việc sử dụng những động lực mà con không thể kiểm soát này sẽ mang đến những hậu quả không thể lường được. Chúng ta không thể để cho cái tôn giáo ma quái kia ảnh hưởng đến tương lai tươi sáng của nền văn minh mà chúng ta sẽ xây dựng ở bờ bến an toàn được.

Cha tôi nghiêm giọng:

- Là người Arya, con đã vi phạm một nguyên tắc rất quan trọng của xứ này và phải chịu trách nhiệm về việc con làm. Đáng lẽ con đã bị bắt giam ngay nhưng ta đã xin phép để nói chuyện riêng với con. Đối với ta, con không xứng đáng là người xứ Arya nữa và cây gậy ngọc mà con sở hữu sẽ phải hoàn trả lại cho ta.

Tôi thấy cha tôi ra dấu cho hai người lính đang đứng gần đó bước lại. Tuy chấn động vì sự kiện bất ngờ này nhưng tôi cũng phản ứng ngay bằng cách hung hãn rút cây gậy ngọc ra. Thay vì trao cho cha tôi, tôi lùi lại vung cây gậy lên trước mặt để đe dọa kẻ nào muốn đến gần. Mặc dù đó là cây gậy dùng để chữa bệnh nhưng cũng là một thứ vũ khí toàn năng vì người điều khiển có thể dùng nó để tách rời nguyên tử trong cơ thể người khác.

Dĩ nhiên những người lính kia biết rõ sự lợi hại của cây gậy ngọc, tuy có gươm giáo sẵn trên tay nhưng không ai dám tiến đến gần tôi, chỉ dám bao vây chung quanh. Tôi bất ngờ xoay người lại, dùng gậy mở đường tháo chạy khỏi cung điện. Cha tôi quát lên ngăn cản nhưng tôi vẫn cắm đầu chạy thẳng, bỏ xa quân lính đang đuổi theo. Tôi không hiểu sao mình lại có thể chạy nhanh đến thế. Tôi mãi miết chạy qua các đường phố quanh co cho đến khi dừng chân trước căn nhà mà tôi thường đến học nghi thức tế lễ của nền

tôn giáo xứ Og. Beru vừa mở cửa tôi đã trút tất cả giận dữ trong lòng ra và kể cho hắn nghe về kế hoạch của Hoàng đế Heracles.

Beru nghe xong rồi bật cười:

- Việc địa cầu chuyển trục đưa tai họa đến Atlantis không phải là điều gì mới. Các nhà tiên tri Atlantis đã nói về việc này từ lâu rồi. Từ xưa, mọi nước đều đã có kế hoạch đưa người đến những lục địa chưa có người ở để định cư. Tuy nhiên, hiện nay chưa nước nào thực hiện được vì chiến tranh giữa Og và Poseida đang đến hồi quyết liệt. Có lẽ Hoàng đế Heracles muốn chiếm độc quyền việc di cư này vì số người được chọn đến đó đều là người Arya, theo luật lệ và tôn giáo của Arya, không phải của Og hay Poseida.

Tôi hơi giật mình vì sự hiểu biết của hắn. Beru nói tiếp:

- Những lời tiên tri này đã được đề cập đến cả mấy năm nay rồi chứ đâu phải là điều gì mới đâu. Việc Hoàng đế Heracles lại vội vàng đưa người rời khỏi đây ngay như thế cho thấy ông ta có một âm mưu gì khác, đúng không?

Beru trầm ngâm, rồi gật đầu như đã tìm được câu trả lời:

- Hiện nay cuộc chiến giữa Og và Poseida trước sau cũng sẽ lan đến Arya. Phe nào thắng sẽ quyết định số phận của Arya. Từ trước đến nay, Arya vẫn là một cái gai đối với Og và Poseida vì tôn giáo thờ Thái Dương với những giáo điều khắt khe, khác hẳn với tôn giáo của Og và Poseida. Người dân Arya vẫn tự hào là một tộc người thuần khiết, không bao giờ ngẫu phối với những giống người khác. Chiến tranh đang lan rộng khắp nơi, nếu Og hay Poseida xâm lăng Arya thì liệu triều đại của Heracles có thể tồn tại được không? Có lẽ thấy không thể giữ được ngôi vị tại đây nên Hoàng đế Heracles muốn dời đô đi nơi khác chăng?

Lý giải đó của Beru đã đáp ứng được cho thắc mắc của tôi. Trong cuộc chiến gần đây, đội binh "nửa người, nửa thú" của Og đã sáng chế ra những vũ khí mới lạ nên đã chiếm phần thượng phong. Nếu Poseida thất thủ thì Arya cũng không thể tránh khỏi số phận như Poseida. Trước sau gì người dân xứ này cũng sẽ bị bắt làm nô lệ hay bị thay đổi thành một giống người khác.

Tôi run giọng:

- Nếu Hoàng đế Heracles âm mưu dựa vào những lời tiên tri vu vơ bỏ xứ ra đi để tiếp tục cai trị ở một nơi nào đó tức là mọi người, kể cả những vị trưởng lão, đã mắc mưu của hắn rồi. Thay vì trốn đi một mình, hắn lại mang theo một số người có khả năng xây dựng một xã hội mới, tại một nơi chốn an toàn. Đã thế hắn lại còn kéo theo một số giáo sĩ và thánh nữ trong đền thờ Thái Dương để mang nền tôn giáo này đi theo. Quả là âm mưu thâm độc.

Beru đồng tình phụ họa theo:

- Khi Heracles và số người thân tín bỏ Arya ra đi thì trước sau gì nơi đây cũng sẽ thuộc về Og hay Poseida và cái tôn giáo thờ Thái Dương sẽ bị loại bỏ. Khi đó, chúng ta muốn gì chẳng được.

Tôi không kìm được nữa:

- Thánh nữ Kor cũng được đưa đi lánh nạn phương xa, tôi thì không. Mà cô ta lại là người mà tôi đang thèm muốn.

Beru bật cười lớn:

- Tôi không ngờ anh lại thích cô thánh nữ đó? À mà cũng dễ hiểu thôi, cô ấy xinh đẹp quá mà! Nếu muốn, tại sao chúng ta không lập mưu bắt cô này về hầu hạ ít lâu. Trong lúc Hoàng đế Heracles bận rộn mang hàng trăm người lên thuyền, đâu ai để ý đến một người bị thất lạc.

Beru là người đa mưu túc trí khác thường nên chỉ một thoáng hắn đã đưa ra ngay một kế hoạch hết sức táo bạo. Theo kế hoạch, một viên quan triều đình sẽ liên lạc với những người có tên trong danh sách để đưa họ đi. Mặc dù đang bị truy nã nhưng tôi vẫn tìm ngay được người giữ trọng trách đưa những thánh nữ lên thuyền. Chỉ một liều thuốc mê, tôi đã khiến hắn ngủ mê mết, rồi đoạt lấy binh phục và ấn tín của hắn để đi đến đền Thái Dương.

Đền thờ Thái Dương của các thánh nữ được coi là một nơi chốn linh thiêng, rất ít ai được phép lui tới, nhất là đàn ông. Tuy nhiên, bà thánh trưởng đã được thông báo từ trước nên không hỏi gì mà đưa tôi, trong binh phục của viên quan triều đình, tiến thẳng vào một căn phòng phía sau đền thờ. Những thánh nữ có tên trong danh sách được đưa vào gặp tôi.

Bà thánh trưởng căn dặn:

- Các con đã được ta huấn luyện từ nhiều năm nay cho việc này. Bây giờ đã đến lúc các con thi hành. Đây là người có nhiệm vụ đưa các con đi, các con phải tuyệt đối tuân theo chỉ dẫn của người này.

Tôi lên tiếng:

- Những chiếc xe đón các cô lên đường đã sẵn sàng. Tôi sẽ chỉ định người nào đi xe nào vì mỗi xe sẽ đưa các cô đến những địa điểm khác nhau, nơi những con thuyền đang chờ sẵn.

Những thánh nữ đã biết trước nhiệm vụ của họ nên không ai tỏ vẻ ngạc nhiên. Họ mau chóng yên lặng thu xếp hành trang rồi theo tôi lên đường. Bước khỏi đền thờ, tôi vừa cảm thấy lo lắng, lại vừa phấn khích như loài thú dữ sắp vồ được con mồi. Mặc dù cố tự chủ nhưng đầu óc tôi đột nhiên rối loạn như linh cảm được một điều gì bất thường có thể sắp diễn ra.

Trước mặt tôi là những chiếc xe đã chờ sẵn trong màn đêm tối. Tôi thấy Beru cũng ngồi chờ trên một chiếc xe gần đó. Dưới sự chỉ dẫn của tôi, các thánh nữ lần lượt bước lên những chiếc xe đã được chỉ định. Trong khi những chiếc xe khác chở các thánh nữ theo kế hoạch tiến ra bờ biển để lên thuyền thì chiếc xe của Beru lại chở Kor đi ngược hướng đến căn nhà riêng của hắn.

Vì biết các thánh nữ đều có lời thề giữ mình trong sạch, thà chết chứ không chịu khuất phục bất cứ một sức mạnh nào nên theo mưu tính của Beru, tôi đã tổ chức ngay một buổi tế lễ tà thuật với một số nam nữ mà trong đó rượu và các dược chất chuẩn bị trước được sử dụng tối đa. Thánh nữ Kor được hộ tống đưa xuống một căn hầm kín riêng biệt được đục âm sâu vào vách núi và bị ép uống một ly rượu trộn với máu súc vật cùng các dược chất kích thích đặc biệt để cô không còn khả năng tự chủ hay kháng cự tôi nữa. Sau ly rượu, Kor chỉ yếu ớt phục tùng con thú dữ đang bùng phát dữ dội trong tôi. Tôi không hiểu tại sao lúc đó mình lại có thể làm một việc đồi bại và đầy thú tính từ chinh phục đến giày vò một thánh nữ trong trắng ngây thơ trong niềm hoan lạc, hả hê đến như thế. Nhưng lúc đó tôi không phải là tôi ngày hôm nay, mà là một con người hoàn toàn khác, một kẻ có thú tính, tham lam và ích kỷ như đa số đàn ông Atlantis lúc bấy giờ. Đến gần sáng Kor đã thiếp đi cùng với tôi.

Điều không ai ngờ là khi Hoàng đế Heracles và quân sĩ hộ tống những người được chọn vừa rời khỏi thành phố thì một đội binh "nửa người, nửa thú" của xứ Og đã bí mật đột nhập vào Arya. Những "đứa con của Belia" mặc áo giáp bằng một thứ kim loại đặc biệt, gươm giáo không đâm thủng, tấn công binh sĩ phòng thủ của xứ Arya. Chẳng bao lâu, đám binh sĩ hung dữ đã chiếm Arya, dân chúng trở thành những miếng mồi ngon cho đội quân hung hãn này.

Trong khi chiến tranh xảy ra khắp Arya thì chúng tôi vẫn đắm mình trong cuộc truy hoan vô độ dưới căn hầm sâu, không biết gì về những việc xảy ra bên ngoài. Hôm đó, tôi tỉnh giấc trong một trạng thái bơ phờ sau đêm hoan lạc điên cuồng với những vò rượu pha máu và được chất khi thực hành những nghi thức ma thuật với người thánh nữ đáng thương kia. Tuy thỏa mãn vì đạt được điều tôi muốn nhưng thật ngạc nhiên là rốt cuộc nó lại không đem lại cho tôi cảm giác mà tôi từng mong ước.

Việc chiếm đoạt được người thánh nữ xinh đẹp lúc đang bị mê man không thể chống cự này, không hiểu sao lại khiến cho tôi cảm thấy dần vật khó chịu, khác hẳn những lần ái ân với những cô gái khác trước đó. Tôi lảo đảo bước ra khỏi căn hầm tối đầy những thân thể trần truồng vẫn ngủ say sau cuộc truy hoan và chợt nghe thấy tiếng kêu la thảm thiết từ bên ngoài đường phố vang vọng vào.

Tôi vừa mở cửa bước ra khỏi nhà thì đã thấy ngay một cảnh tượng khủng khiếp với những xác chết nằm la liệt, lũ quái vật "nửa người, nửa thú" đang cấu xé, ăn thịt nạn nhân. Binh lửa khắp nơi. Đám lính hung dữ xứ Og đang hung hăng cướp phá và tàn sát những người dân lành vô tội.

Một đám lính xứ Og nhìn thấy tôi nên lập tức xông đến. Biết không thể chống cự, tôi tháo chạy vào đường hầm. Đám quái vật lập tức xông vào theo. Tôi chạy đến chỗ Kor đang nằm, nhặt lấy cây gậy ngọc khiến nó bật lên những tia sáng chói lọi. Đám quân sĩ hung dữ vội vã lùi lại vì chúng biết rõ sự lợi hại của thứ vũ khí này. Một khi đụng vào cây gậy này thì nguyên tử trong thân thể chúng có thể bị phá tan ngay.

Chưa bao giờ tôi thấy mình sợ hãi như lúc đó. Mặc dù có vũ khí trong tay nhưng nhìn đám binh sĩ lông lá xồm xòa kia, tôi không

biết phải đối phó thế nào. Một tên có vẻ như là người chỉ huy chăm chú nhìn cây gậy ngọc, rồi ra lệnh:

- Các người tránh ra cho hắn đi, và chớ có đụng vào vật đó.

Mặc dù đám lính có ý tránh sang một bên để cho tôi đi nhưng chúng vẫn nhìn chăm chăm những người tham dự buổi tiệc đang sợ hãi rút vào một góc nhà. Tôi quay lưng dựa vào vách tường, cầm chặt cây gậy thủ thế, bước chậm từng bước một, lách qua kẽ hở mà đám lính đã nhường cho tôi đi để thoát thân. Ngay lúc đó, khi quay lại, tôi bắt gặp ánh mắt long lanh đang sợ hãi của Kor nhìn tôi như van lơn. Nếu tôi bước ra khỏi căn hầm, Kor và những người trong đó chắc chắn sẽ trở thành nạn nhân thảm thương của đám quái vật kia.

Không hiểu sao một cảm giác thương xót kỳ lạ trào dâng trong tôi. Thật khó có thể giải thích cảm giác này vì với thân xác hung bạo, tham lam, ích kỷ của người Atlantis khi đó, tình thương hay lòng trắc ẩn vẫn là một cảm giác mới lạ, chưa hề có. Như có một sức mạnh nào đó thúc đẩy, tôi quay người chạy nhanh vào nắm chặt tay Kor, kéo cô đi theo, tay kia vẫn nắm chặt gậy ở thế sẵn sàng đánh trả.

Đám binh sĩ hung dữ trừng trừng mắt tức tối nhìn theo tôi mang Kor đi ngay trước mắt nhưng không dám ra tay vì biết rằng nếu chạm vào cây gậy này thì thân thể chúng sẽ nát như bụi. Khi ra khỏi nhà Beru, tôi không biết đi đâu vì khắp nơi lửa cháy ngùn ngụt, khói đen bốc mù trời, chung quanh là tiếng kêu la thảm thiết của nạn nhân chiến cuộc.

Trong phút hoảng sợ, tôi đã có ý định bỏ mặc Kor lại để tìm lối thoát thân nhưng Kor vẫn nắm chặt tay tôi không rời. Mới vài hôm trước, Kor là một thứ “trái cấm” mà tôi ao ước, nhưng hiện nay người thánh nữ này không còn là điều quan trọng đối với tôi nữa. Những gì tôi muốn tôi đã chiếm được, tôi đã thỏa mãn và giờ là lúc tôi phải tìm cách thoát thân, giữ lấy mạng sống.

Đối với người Atlantis, vô cảm là một điều bình thường vì đa số mọi người vẫn sống bằng bản năng man rợ chứ chưa phát triển về tình cảm. Tuy Kor chỉ yên lặng đi theo nhưng nhìn nét mặt sợ hãi tuyệt vọng của cô, tôi hiểu rằng nếu bỏ mặc Kor lại thì chắc chắn cô không thể thoát khỏi nanh vuốt của đám quái vật kia. Bỗng nhiên

ngực tôi rung động một cách lạ lùng dù tôi không biết đó là cảm xúc gì. Không hiểu sao tôi vẫn nắm chặt tay Kor tiếp tục chạy đi.

Trên đường, có lúc tôi phải chiến đấu với một vài tên lính xứ Og và tôi đã giết chúng bằng cây gậy ngọc. Đây là lần đầu tôi giết người, nhưng lúc đó tôi không ý thức gì về việc làm của mình vì chỉ muốn thoát thân. Chúng tôi chạy băng qua những con phố khói lửa, đầy xác người, máu me lênh láng. Nỗi sợ hãi mỗi lúc một tăng khiến đầu óc tôi căng thẳng như muốn nổ tung nhưng tôi vẫn nắm chặt lấy tay Kor không rời.

Tôi gặp một đám lính Arya đang cố thủ ở vài địa điểm quan trọng, họ cho biết phần lớn các trưởng lão đều rút vào đền thờ Thái Dương trên đỉnh núi và chỉ có nơi đó là tương đối an toàn. Tôi bèn kéo Kor chạy thẳng lên đó.

Khi bước vào đền thờ Thái Dương, tôi thấy cha tôi và các trưởng lão, họ vẫn bình tĩnh ngồi yên như đang chờ đợi điều gì. Mặc dù thấy tôi nhưng cha tôi vẫn không nói gì. Tuy nhiên, bà thánh trưởng của đền thờ kinh ngạc khi thấy Kor phờ phạc trong y phục tơi tả, bà vội vã bước lại. Ngay lúc đó, Kor tuột ra khỏi tay tôi, ngã gục xuống đất khóc nức nở. Không khí trong đền thờ đột nhiên trở nên ngột ngạt vì tiếng khóc âm ức của Kor.

Tôi rút rè bước đến cạnh cha tôi. Ông vẫn ngồi im không tỏ thái độ gì. Tôi chưa kịp lên tiếng thì bất ngờ một tiếng nổ long trời vang lên, khắp mặt đất rung chuyển. Đền thờ cũng rung động dữ dội, bụi cát văng lên tứ tung. Tôi bàng hoàng chưa biết phải làm gì thì cha tôi đã chỉ tay ra cửa sổ nói:

- Đến lúc rồi!

Tôi hiểu ngay điều ông muốn nói. Cơn địa chấn được tiên đoán sẽ xảy ra đã bắt đầu.

Đền Thái Dương được xây trên đỉnh núi cao, từ đó người ta có thể nhìn thấy toàn bộ kinh đô Arya ở phía dưới. Từ cửa sổ trên cao, tôi thấy một luồng nước khổng lồ từ dưới biển đang dâng lên, cuốn trôi nhà cửa ở phía dưới. Thật là cảnh tượng hãi hùng. Luồng nước dâng lên cuộn cuộn, ngập khắp thành thị, đồng bằng, cây cối ngã rạp, bật gốc dưới sức mạnh của luồng nước. Sóng bủa cao như núi, mặt đất rung rinh rồi nứt ra từng mảnh, nhà cửa khắp nơi

sụp đổ, lửa cháy đỏ trời, đất đá bể nát văng khắp nơi. Tiếng người kêu la khóc than thảm thiết pha lẫn với những tiếng sấm nổ vang trời.

Tôi hoảng hốt muốn tìm chỗ thoát thân. Cha tôi lên tiếng:

- Không chạy được đâu. Số phận của tất cả đã đến lúc kết thúc. Chúng ta đã biết trước việc này rồi, chỉ tiếc cho con không nghe lời ta mà phạm vào những điều cấm.

Ông không nói hết câu vì khi đó mặt đất tiếp tục rung chuyển dữ dội, những cây cột đá chống đỡ đền thờ cũng đồng loạt chuyển động theo. Tôi lạng người đi vì sợ hãi, chỉ chốc lát thôi mái đền sẽ sụp xuống, đè nát mọi vật bên dưới, và nước triều sẽ dâng lên đây, tất cả sẽ chìm sâu trong dòng nước.

Ngay lúc đó, bà thánh trưởng xông đến chỗ tôi, quát lớn:

- Tên khốn nạn kia, mi đã làm gì con ta? Đáng lẽ nó đã thoát được tai biến này, sao mi lại dám...

Bà không thể nói hết câu vì đất đá bay lên mù mịt và tiếng gầm rú của luồng nước đã át đi giọng nói của bà. Tôi thấy các trưởng lão đang trừng mắt nhìn tôi, tiếng quát tháo của bà thánh trưởng chìm vào tiếng gầm rú của dòng nước hung dữ đang ập lên đến đền thờ.

Tôi bất ngờ cảm thấy trong mình một sự chuyển biến lớn, trong tôi nhen nhóm những cảm giác mà tôi chưa từng biết đến trước đây. Một cảm giác vừa thương xót vừa hối hận, dù tôi chưa thể gọi tên. Tôi thấy Kor vẫn nằm phủ phục dưới nền đá bất chấp luồng nước của trận đại hồng thủy đang bắt đầu tràn vào đền.

Như có một điều gì đó thôi thúc từ bên trong, tôi bước nhanh đến người thánh nữ đáng thương của mình. Trong lúc mọi vật chung quanh đang vỡ nát dưới sức mạnh của cơn địa chấn, tôi quỳ một chân, cúi người xuống sát Kor, cầm chặt tay nàng thì thào một câu mà có lẽ chưa từng có trong ngôn ngữ của người Atlantis chúng tôi:

- Kor nàng ơi! Ta rất lấy làm tiếc. Ta xin lỗi nàng! Ta...

Chưa kịp nói dứt câu những gì trái tim tôi muốn nói, mái đền đã đổ sụp xuống đè nát tất cả mọi vật bên dưới. Tôi thoáng nhìn thấy đôi mắt Kor cũng đang nhìn tôi lạ lùng, đôi môi cô mấp máy như muốn nói nhưng không kịp vì dòng nước đã ập vào cuốn phăng mọi thứ. Tôi rất tiếc là Kor không nghe được câu sau cùng

tôi chưa nói hết:

"...*Ta sẽ không bỏ nàng!*" khi nước đã tràn vào cổ họng tôi. Tôi cố nắm chặt lấy tay Kor nhưng không được nữa, Kor đã bị luồng nước mạnh giật khỏi tay tôi, bị cuốn đi mất hút... Tôi gào thét nhưng không kịp thành tiếng... Vạn vật đã chìm trong luồng nước xoáy hung dữ điên cuồng, rồi tôi không còn hay biết gì nữa...

* * *

Tôi thấy mình lại đang ngồi trên chiếc ghế bành trong căn phòng khách nhà ông Kris. Chiếc gậy ngọc để bên cạnh nhưng bảy viên ngọc đã không còn phát ra ánh sáng nữa. Ông Kris thân mật hỏi:

- Ông thấy thế nào?

Tôi bàng hoàng một lúc, rồi lên tiếng:

- Không lẽ... chuyện này có thật sao?

Ông Kris im lặng nhìn tôi, không trả lời. Tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh nhưng mồ hôi vẫn toát ra như tắm. Tôi lẩm bẩm nói một mình:

- Sao lại như thế được? Không lẽ tôi lại có thể nhớ được tiền kiếp? Phải chăng tôi bị thôi miên hay một lực truyền dẫn nào đó tái hiện quá khứ cho tôi? Nhưng dù có thôi miên thì mọi thứ không thể nào hiện ra rõ mồn một như một cuốn phim như vậy được? Những người bị thôi miên khi tỉnh dậy thường không nhớ gì hết nhưng tôi thì nhớ rõ đến từng chi tiết.

Sau một lúc xúc động, tôi lấy lại bình tĩnh và hỏi:

- Ông có thể giúp tôi giải thích việc này được không?

Đến lúc đó, ông Kris mới trả lời:

- Ông đã hồi tưởng trở lại kiếp sống xa xưa khi ở Atlantis, nhưng ông còn sống nhiều tiền kiếp khác nữa. Nếu muốn, ông có thể hồi tưởng lại những kiếp đó vì ông đã từng làm việc này từ trước rồi. Dĩ nhiên hiện nay ông không nhớ đâu, nhưng rồi ông sẽ nhớ.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng ông có thể giải thích cho tôi việc này được không?

Ông Kris suy nghĩ một lát, rồi lên tiếng:

- Nay ông bạn, cuộc đời chúng ta trải qua hiện nay chỉ là một phần nhỏ của một đời sống kéo dài hàng trăm ngàn năm mà trong đó

chúng ta học hỏi, thu thập kinh nghiệm để tiến tới sự hiểu biết thật sự. Đời sống là một trường học vĩ đại mà trong đó người ta học những gì cần phải học. Có người học rất nhanh qua những kinh nghiệm; và có những người không chịu học hay học chậm, do đó họ cứ phải học mãi. Trong trường đời này, đau khổ là bài học tốt nhất vì chỉ trong đau khổ người ta mới chịu học. Nếu quá dễ dàng sung sướng, ít ai học được gì cả.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng chúng ta phải học gì?

Ông Kris mỉm cười:

- Chúng ta học để biết rõ mình thật sự là ai? Để biết mối liên hệ giữa chúng ta và những người khác. Để biết sự liên quan giữa chúng ta với vũ trụ. Để biết về những quy luật của sự sống và vũ trụ. Trong vũ trụ có những quy luật bất biến, không bao giờ thay đổi nhưng không mấy ai để ý đến. Quy luật quan trọng ông cần phải học lúc này là luật Luân hồi và Nhân quả.

Ông Kris nhìn tôi thăm dò, rồi tiếp tục giải thích:

- Con người thật ra chỉ là những năng lượng trong vũ trụ. Những năng lượng này tạm được gọi là “thực thể”, mặc dù cách gọi này không chính xác lắm. Thực thể sẽ hóa hiện trong các thân xác khác nhau, trải qua nhiều kiếp sống khác nhau, để học hỏi, lúc tái sinh thành người, lúc thành thú vật, lúc thành các sinh vật ở các cõi giới khác để học những bài học mà họ được định phải học.

Vậy những thực thể này học như thế nào? Chúng học qua một quy luật gọi là luật Nhân quả. Luật này nói rằng mọi tư tưởng, lời nói hay hành động phát xuất từ thực thể sẽ tạo ra những kết quả, xấu hoặc tốt, trong tương lai, và kết quả này sẽ bắt buộc thực thể phải chịu trách nhiệm về những việc làm của mình. Cũng giống như một học sinh trải qua các kỳ thi, có khi học sinh thuộc bài và thi đậu nhưng có khi thi rớt và phải học lại cho đến khi học được bài học. Điều này đã được ghi rõ qua câu “Gieo giống nào, gặt giống đó”, hay “Trồng cam được cam, trồng ớt được ớt”, hay “Gây nhân nào, gặt quả nấy”.

Tôi hỏi:

- Nếu tôi gây ra đau khổ cho người khác thì tôi sẽ phải trả giá bằng sự đau khổ mà người khác tạo ra ngược lại cho tôi đúng không?

Ông Kris mỉm cười:

- Dĩ nhiên rồi! Như ông đã biết, vật lý cũng đã nói rõ “Bất cứ một lực tác động nào cũng đều có phản lực tương ứng”. Tuy nhiên, có khi phản lực xảy ra ngay, có khi nó tiềm ẩn và xảy ra vào lúc khác, có thể trong kiếp này, có thể trong kiếp sau.

Lúc đó tôi nghĩ đến cô thánh nữ Kor và hối hận về việc mình đã gây ra với cô ấy. Tôi hỏi:

- Nếu thế, một ngày nào đó Kor cũng sẽ trả thù tôi bằng hành động tương tự sao?

Ông Kris gật đầu:

- Giữa ông và Kor đã có một mối liên hệ trải qua rất nhiều kiếp sống, khi hồi tưởng lại những kiếp sống quá khứ, ông sẽ hiểu rõ hơn. Lúc ở Atlantis, ông chỉ là một thực thể non dại, nên tư tưởng và hành động có tính ích kỷ, độc ác mang tính bản năng, vì ông của khi đó đã quen sống trong một môi trường mà sự ích kỷ, độc ác, tham lam, chiếm đoạt là điều bình thường. Ở kiếp sống đó ông chưa thức tỉnh về tình thương, lòng trắc ẩn, hay sự hối hận. Nếu ông không học về những đức tính này qua những kiếp sống sau đó để thay đổi thì ông chắc chắn không thể được như ngày nay. Tuy nhiên, có rất nhiều người mặc dù trải qua nhiều kiếp sống nhưng vẫn chưa học được gì để tốt hơn, vì thế cuộc đời của họ ngày nay vẫn triền miên đau khổ. Họ là những người cần phải học thêm bởi vì trong đau khổ họ mới thức tỉnh để học.

Tương tự như thế, có những người tưởng mình đã học được điều gì đó, nhưng khi gặp đúng hoàn cảnh thích hợp thì thói quen, tính xấu khi trước lại nổi lên và hành động của họ không khác gì người xấu. Điều này có nghĩa là họ chưa nắm vững bài học trước đây và sẽ phải học lại, tư tưởng, lời nói và hành động của họ là nguyên nhân đưa đến sự đau khổ để buộc họ phải học. Người có lương tâm, trách nhiệm, biết lắng nghe và cảm thông với người khác thường là những thực thể đã học được bài học mà họ cần học. Họ đã trải qua nhiều kiếp, có kinh nghiệm học hỏi, nhờ vậy tính tình, tư tưởng và hành động của họ mới tốt đẹp như thế.

Một thực thể phải trải qua nhiều kiếp sống, lúc làm người, lúc làm thú vật, lúc làm sinh vật ở cõi giới khác để trải qua những tình huống khác nhau mà học tập. Tùy theo những tư tưởng và hành động mà họ làm, họ sẽ tái sinh vào những hình hài khác nhau chứ không phải lúc nào cũng đầu thai thành người. Kể hung dữ thường tái sinh thành con vật bị đánh đập tàn nhẫn để học bài học về sự đau khổ mà họ đã gây ra cho người khác. Dĩ nhiên khi phải trải qua nhiều kiếp sống bị đày đọa, đánh đập tàn nhẫn, họ mới ý thức được hậu quả việc làm của mình và chịu học.

Khi người này bắt đầu học được, mỗi khi họ có hành động độc ác, tự nhiên có một cái gì đó thúc giục họ ngừng tay, ta gọi là tiếng nói của lương tâm. Tiếng nói thầm lặng này phát xuất từ những trải nghiệm thu được qua những kiếp sống trước. Nó nằm bên trong một “bộ óc” đặc biệt để nhắc nhở người đó về bài học mà họ cần phải học. Lúc đầu, tiếng nói này không hiệu lực cho lắm vì họ không chịu nghe, nhưng sau nhiều kiếp sống, trải qua nhiều kinh nghiệm đón đau, nó trở nên mạnh mẽ, đến khi nào thực thể thay đổi và không hành động như thế nữa thì xem như họ đã học được những điều cần phải học.

Tôi chợt thắc mắc:

- Nhưng... nếu vậy, thì tôi đã học được gì?

Ông Kris dăm chiêu nhìn tôi:

- Ông đã học được rất nhiều vì ông là một thực thể thông minh. Nhưng ông phải tự nhận ra những điều ông đã học. Tôi chỉ có thể giúp ông một phần nào thôi vì tự ông phải tìm ra những gì ông muốn biết. Nếu tôi nói ra thì đó chỉ là ý kiến của tôi và ông sẽ dễ dàng bỏ qua hay có thể không tin vào những điều tôi nói. Nhưng khi chính ông trải nghiệm những điều này thì ông sẽ có sự thấu hiểu một cách tự nhiên và rõ ràng hơn.

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi rồi nói tiếp:

- Thật ra những điều này không có gì mới lạ vì đã được các tôn giáo đề cập từ lâu rồi, nhưng đa số mọi người lúc tin lúc ngờ vực, vì đó chỉ là những điều đã được dạy bảo chứ không phải là kinh nghiệm thật sự của riêng mình. Người có đức tin thì dễ tuân theo những bài học răn dạy lý thuyết, nhưng đa số chỉ nghe rồi bỏ

qua, do đó họ phải học đi học lại cho đến khi nào họ thật sự thấm thấu bài học này.

Khi xưa, phần lớn con người đều có đức tin nên tôn giáo giúp cho họ học rất nhanh những gì cần học. Ngày nay, người ta đa số có tính nghi ngờ, chỉ nghe những gì họ muốn được nghe và bỏ qua những gì họ không thích. Do đó, họ thường hành động theo ý thích của mình, bất chấp hậu quả, nên họ sẽ còn phải học rất nhiều.

Tôi hồi tưởng lại ký ức xảy ra, rồi hỏi:

- Theo như trải nghiệm vừa qua, tôi có thể kết luận rằng nền văn minh Atlantis thật sự hiện hữu. Cũng như triết gia Plato đã khẳng định rằng Atlantis đã có một nền văn minh phát triển rực rỡ nhưng sau cùng đã chìm xuống biển qua trận đại hồng thủy, vậy thì những người từng sống ở đó hiện nay ra sao?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi:

- Ông có thật sự muốn biết điều đó không?

Tuy ngạc nhiên vì câu hỏi bất ngờ, nhưng tôi cũng gật đầu.

Ông Kris thông thả nói:

- Đa số mọi người không tin rằng từ ngàn xưa từng có những nền văn minh cao hơn ngày nay nhưng đã biến mất trên bề mặt địa cầu, không còn để lại dấu vết gì. Tuy nhiên, điều này cũng không lạ vì hai trăm năm trước nếu ai đó nói rằng con người có thể bay lên không gian hay tạo ra những thứ vũ khí có thể xóa sổ cả một lục địa thì chẳng ai tin. Nếu quan sát những biến cố xảy ra trong thời gian gần đây, chúng ta thấy rằng chỉ qua hai trận thế chiến mà bao nhiêu quốc gia đã bị xóa sổ và bao nhiêu quốc gia được hình thành. Nếu nhìn xa hơn nữa, chúng ta có thể thấy những đế quốc như Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, hay Mông Cổ với các triều đại kéo dài hàng trăm năm, nhưng hiện nay cũng không còn tồn tại, thì việc một nền văn minh đã tồn tại hàng ngàn năm rồi biến mất qua trận đại hồng thủy cũng không phải là điều không thể xảy ra. Biết đâu vài trăm năm nữa, người ta không còn biết gì đến nền văn minh cơ giới với những phát minh khoa học kỹ thuật ngày nay nữa. Chỉ vài biến cố như chiến tranh, đại dịch, thiên tai thì tất

cả đều thay đổi và biết đâu lịch sử lại tái diễn vì chẳng ai học được gì.

Ông Kris dừng lại như để cho tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Nếu biết quan sát, ông sẽ thấy phần lớn những người đã từng sống tại Atlantis khi xưa đang trở lại thời đại này để học bài học mà họ cần học. Mỗi cá nhân có những bài học riêng, nhưng nói chung tất cả đều phải học lại những bài học chưa hoàn thành, và khi học xong thì lại học những bài học lớn lao hơn.

Ông Kris nhấn mạnh:

- Nếu để ý, ông sẽ thấy chỉ trong một thời gian rất ngắn, chưa đầy một thế kỷ, mà đã có biết bao nhiêu phát minh khoa học kỹ thuật ra đời. Trong năm mươi năm qua, số lượng phát minh khoa học kỹ thuật đã vượt trội hơn tất cả những phát minh trong mấy ngàn năm trước. Có bao giờ ông tự hỏi tại sao lại có nhiều phát minh như thế không? Các kiến thức khoa học này từ đâu đến? Phải chăng những người sống tại Atlantis khi xưa đã tái sinh trở lại và mang theo những kiến thức siêu phàm của họ vào thế kỷ này?

Ông Kris ngừng lại một chút dò ý tôi, rồi nói:

- Trong vòng hai mươi năm nữa, ông sẽ thấy có những phát minh hết sức tối tân mà hiện nay mọi người nghĩ không thể xảy ra. Thế kỷ hai mươi mốt này sẽ là khoảng thời gian mà phát minh kỹ thuật tiến bộ vượt xa những thế kỷ trước, nhưng đồng thời những thói quen xấu mà người xưa đã có cũng sẽ cùng lúc trở lại. Ông sẽ thấy tình trạng tham lam, ích kỷ, bóc lột, chiếm đoạt, áp bức xảy ra nhiều hơn trước. Ông sẽ thấy xã hội phân chia ra nhiều đẳng cấp, mà đẳng cấp trên sẽ đàn áp đẳng cấp dưới không thương tiếc. Tình trạng vô cảm, dửng dưng trước sự đau khổ của người khác đã và sẽ xảy ra khắp nơi. Ngay ở nước Mỹ này, tình trạng bất bình đẳng giàu nghèo hay phân biệt chủng tộc đang và sẽ là vấn đề lớn trong tương lai. Ngay tại đây, nơi mà phần lớn người Atlantis đầu thai trở lại, ông có thể thấy khoa học kỹ thuật phát triển mạnh hơn những nơi khác. Câu hỏi là mặc dù đã trải qua bao kiếp sống, nhưng những người này đã học được gì? Mặc dù đây là câu hỏi mang tính cá nhân nhưng cũng là câu hỏi dành cho toàn thể nhân loại. Họ đã học được gì?

Ông Kris ngừng lại một lúc để tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Nếu một lục địa như Atlantis có thể biến mất trên bề mặt địa cầu thì các lục địa khác như châu Mỹ, châu Âu, châu Á hay châu Úc hiện đang hưng thịnh cũng có thể vỡ nát thành nhiều mảnh hay chìm sâu xuống đáy đại dương. Nếu một nền khoa học có thể thay đổi được nguyên tử trong cơ thể để chữa bệnh thì nó cũng có thể biến con người thành một thứ sinh vật “nửa người, nửa thú”, và tôi nghĩ điều này có thể xảy ra vì một số người vẫn chưa học được điều họ phải học, dù đã trải qua nhiều kiếp sống sau đó. Nếu những người tham lam, ích kỷ chưa học được bài học về hậu quả của những gì họ đã gây ra cho người khác thì họ sẽ phải học lại bài học này qua những biến cố cùng cực hơn mà họ không thể tưởng tượng được. Như tôi đã nói, phần lớn con người chỉ học được qua sự đau khổ và bài học đau khổ này sẽ diễn ra vô cùng khốc liệt, ngoài sức tưởng tượng của con người.

Tôi giật mình:

- Ông nghĩ rằng điều này sẽ xảy ra hay sao?

Ông Kris gật đầu khẳng định:

- Nếu để ý, ông sẽ thấy hiện nay đã có những biến động trong tự nhiên như là lời cảnh cáo về sự vô ý thức của con người. Ông có thể thấy các tảng băng khổng lồ từng tồn tại hàng triệu năm ở hai đầu cực trái đất đang tan rã vì hành tinh đang nóng lên, và ít lâu nữa nước biển sẽ dâng lên gây ngập lụt khắp nơi. Những quốc gia ở sát bờ biển sẽ chìm xuống đại dương. Chỉ ít lâu nữa sẽ có những trận hạn hán khủng khiếp và cháy rừng thiêu đốt địa cầu gây ra sự biến đổi khí hậu không thể vãn hồi. Rồi nạn đói, thiên tai, dịch bệnh sẽ tràn lan khắp nơi. Người chết có thể lên đến con số hàng triệu hay nhiều hơn nữa.

Tuy nhiên, đã mấy ai thấy trước được điều này? Hiện nay đa số vẫn sống một cách dửng dưng, vô ý thức, vì tai họa chưa xảy đến với chính họ, gây hệ lụy cho gia đình họ hay quốc gia mà họ đang sống. Nếu nó xảy ra ở một nơi chốn nào khác thì họ thường chẳng quan tâm. Càng ngày con người càng sống một cách ích kỷ, tham lam, phung phí và vô cảm. Họ không biết thế nào là đủ, mà vẫn ham muốn nhiều thứ. Họ tiếp tục phá hoại thiên nhiên không thương tiếc để thỏa mãn lòng ham muốn chiếm đoạt mọi

thứ. Họ không bao giờ biết đủ và tiếp tục vơ vét những gì họ có thể chiếm đoạt nên sẽ phải học bài học này dưới những hoàn cảnh mà họ không bao giờ nghĩ là có thể xảy ra cho mình được.

Bất chợt ông Kris ngừng lại:

- Chắc bây giờ Angie đang sốt ruột vì bữa cơm tối rồi. Hình như ông bà muốn mời tôi dùng cơm hôm nay thì phải. Buổi gặp gỡ bữa nay cũng đã đủ, chúng ta còn gặp nhau nhiều lần nữa và tôi sẵn sàng giúp ông truy tìm lại những gì ông muốn biết.

* * *

Trong lúc chúng tôi nói chuyện về châu Atlantis, ông Thomas cho biết thêm rằng khi xưa, lịch sử Atlantis có ghi nhận những trận động đất, bão tố và sóng thần gây ra nhiều thiệt hại rất lớn, nhưng người dân xứ này chỉ coi đó là những biến cố tự nhiên chứ không để ý đến hậu quả mỗi ngày một nghiêm trọng và kinh khủng hơn trước khi xảy ra trận đại hồng thủy có một không hai. Ông đã nhớ lại kiếp sống lúc Atlantis bị cơn đại hồng thủy nhận chìm xuống đáy biển và cả nền văn minh này bị tiêu diệt hoàn toàn. Tôi có hỏi ông rằng ông có thể nhớ lại những kiếp sống trước đó nữa không? Ông cho biết chắc chắn ông đã có những kiếp sống trước đó nhưng không nhớ được vì khả năng hồi tưởng của ông còn rất giới hạn.

Tôi hỏi thêm chi tiết về đời sống tại châu Atlantis. Ông nói rằng rất khó có thể diễn tả về đời sống lúc đó cho người hiện tại hiểu được. Lý do là người dân xứ này sống thiên về bản năng, do đó họ hết sức ích kỷ và vô cảm gần giống như loài vật, kiến thức về khoa học của họ cũng phát triển từ bản năng và trực giác, trong khi hiện nay kiến thức của chúng ta phát triển từ bộ óc và sự suy luận. Qua bản năng, người Atlantis có thể hiểu được một vài sự kiện xảy ra trong thiên nhiên và biết sử dụng những năng lực tiềm ẩn này.

Ông tiết lộ rằng người ta có thể tìm thấy di tích những cây cầu xây bằng đá nối liền những hòn đảo của xứ Og với nhau ở ngoài khơi Đại Tây Dương (*Bimini road*) với các cột chống bằng đá hình tròn (*scott stone*). Ông còn cho biết thêm rằng ngoài khơi Florida vốn chính là nơi xứ Og tọa lạc khi xưa, người ta có thể tìm thấy di tích các đền thờ sinh vật của cõi giới khác dưới đáy biển. Ông cho biết ảnh hưởng của luồng từ lực ở nơi này vẫn tồn tại và là nguyên nhân

gây ra hiện tượng “*Tam giác quỷ Bermuda*” , nơi tàu thuyền đi ngang thường bị mất tích một cách bí ẩn. Ông cho biết rằng khi tinh tú di chuyển vào vị trí nào đó, sẽ kích động, đánh thức luồng từ lực cực mạnh lạ lùng này tạo ra những trận cuồng phong bất ngờ, đánh chìm tất cả mọi vật quanh đó.

PHẦN BA

KARMA

NGHIỆP QUẢ BÁO ỨNG

Chúng tôi ngồi vào bàn ăn trong căn nhà nghỉ dưỡng mới mua, Angie đã sửa soạn một bữa ăn thịnh soạn với những đĩa trái cây được bài trí đẹp đẽ.

Ông Kris vui vẻ nói:

- Đã lâu lắm rồi tôi mới được ăn một bữa như hôm nay. Những đĩa trái cây bình thường này qua bàn tay bài trí khéo léo của bà đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật.

Angie vui mừng nói:

- Cảm ơn ông, tôi rất thích việc bài trí này. Làm bếp đối với tôi là một nguồn vui và mỗi khi nhà tôi mời khách đến chơi nhà, tôi đều đích thân chuẩn bị bữa ăn.

Tôi ngắt lời:

- Nhưng tôi thì không muốn Angie phải bận rộn như thế, bởi vì trong nhà đã có người phụ việc rồi.

Ông Kris mỉm cười quay qua Angie hỏi:

- Bà nghĩ sao?

Angie lắc đầu:

- Họ làm việc vì phải làm chứ không phải thích làm. Phần tôi thì khác, tôi làm vì niềm vui đối với công việc. Nhiều người nội trợ làm việc và cảm thấy cực nhọc, khổ sở như là nạn nhân chứ không phải vì niềm vui. Còn tôi làm vì tôi muốn làm chứ không

phải bị ai bắt buộc, do đó nấu ăn hay công việc nội trợ đối với tôi là nguồn vui thực sự. Tôi làm vì tôi yêu nhà tôi nhưng ông ấy không muốn tôi phải mệt nhọc như thế.

Ông Kris lên tiếng:

- Bà nói đúng, nếu quan sát cách mọi người làm việc ngày nay, đa số họ làm việc vì phải làm chứ không phải thích làm. Họ không tìm được nguồn vui trong công việc và kết quả là họ cảm thấy mệt nhọc, chán nản. Nếu biết tìm nguồn vui trong mọi hành động thì cuộc sống là một ân sủng chứ không phải là một sự ép buộc.

Angie quay qua phía tôi:

- Anh thấy chưa, em làm vì yêu thích chứ có ai bắt ép đâu. Khi làm việc, em cảm thấy thích thú và thường huýt sáo hay ca hát ngẫu ngao để tâm hồn vui vẻ, thoải mái.

Ông Kris nói:

- Bà thích làm đến thế sao? Hay quá, đã lâu lắm rồi tôi không nghe thấy tiếng huýt sáo. Có vẻ khi xưa mọi người sống vui vẻ, hồn nhiên hơn ngày nay thì phải.

Nghe ông Kris nói vậy, tôi cũng muốn góp thêm đôi lời:

- Ông nói đúng, ngày nay đa số đều bận rộn quay cuồng vì chịu ảnh hưởng của các dịch vụ sản phẩm công nghệ. Nếu không nhắn tin trên điện thoại, xem phim trên tivi thì cũng phải lướt Facebook, Messenger hay xem YouTube nhiều giờ liền trong ngày.

Ông Kris mỉm cười:

- Do đó họ không còn tìm thấy sự bình an trong tâm hồn nữa. Lúc nào họ cũng ở trong tình trạng căng thẳng, bất động và mất đi sự hồn nhiên từ bên trong. Ông sẽ thấy số người bị bệnh thần kinh gia tăng nhiều vì đa số người trẻ bây giờ đều mắc chứng suy nhược tinh thần.

Angie thắc mắc hỏi:

- Nhưng làm thế nào người ta có thể tìm lại niềm vui đã mất đó?

Ông Kris thông thả trả lời:

- Muốn sống thoải mái, trước hết con người phải khỏe mạnh thông qua việc vận động và nghỉ ngơi đúng nghĩa đầy đủ. Nhiều người trẻ phung phí sức khỏe qua những cuộc vui trác táng mà không

biết hậu quả tai hại của nó là gì. Khi khỏe mạnh thật sự vừa về tinh thần và thể xác thì ta mới nhìn mọi sự với những khía cạnh đẹp nhất, đúng với những gì bản chất vốn có của nó. Còn khi mệt mỏi, lo toan, căng thẳng đau ốm bệnh tật thì không thể cảm nhận được một luồng gió mát, một tiếng chim hót, một cánh hoa tươi, sự rung động của những chiếc lá lay động trong làn gió nhẹ, âm thanh của một giai điệu bản nhạc hay. Những người trẻ bây giờ làm việc, ăn và ngủ ngay trên bàn làm việc chứ đâu biết tìm sự thoải mái khi nghe bài nhạc yêu thích, đi dạo trong công viên để đầu óc được thư giãn. Họ nói là cần tập trung tìm sự sáng tạo trong công việc nhưng họ đâu có nhận thức được rằng chính sự thoải mái tinh thần mới làm cho bộ óc của họ trở nên lạc quan và sáng tạo hơn.

Angie vẫn thắc mắc:

- Ông nói vậy, chứ tôi thấy nhiều người trẻ bây giờ vẫn tập thể thao đấy chứ, như chạy bộ, tập gym chẳng hạn.

Ông Kris mỉm cười trả lời:

- Họ chạy hay tập gym nhưng đầu óc vẫn bận rộn với đủ thứ việc. Có khi họ vừa chạy vừa tập vừa nghe nhạc hay theo dõi tin tức qua chiếc tivi ở đó hay iPhone. Đó chỉ là vận động thể xác thôi chứ không phải là nghỉ ngơi, thư giãn. Việc chăm sóc sức khỏe thể chất phải đi đôi với nâng cao sức khỏe nội tâm và tránh nuôi dưỡng các cảm xúc tiêu cực. Khi họ quan tâm chú ý đến từng hành động, từng hơi thở của mình thì họ sẽ vui vẻ, lạc quan hơn. Nếu họ tự đặt cho mình một thông lệ là mỗi ngày chờ đón một niềm vui bất ngờ xuất hiện thì họ sẽ cảm nhận được niềm vui đó. Nếu họ biết tự nói với mình rằng thật may mắn khi được hít thở bầu không khí trong lành vào buổi sáng sớm, hay thật sung sướng khi được giẫm chân lên những chiếc lá khô vàng hay mặt cỏ còn ẩm sương mai, thì họ sẽ tìm được ngay những nguồn vui bất ngờ. Nhờ có cảm nhận tích cực về cuộc sống mà họ mới có đủ sức đương đầu với những khó khăn và vượt qua những trở ngại.

Angie hỏi thêm:

- Nếu thế thì việc tập Yoga hữu ích như thế nào? Hôm qua chúng ta đã nói về Yoga và hình như ông cũng biết về môn này?

Ông Kris gật đầu nói:

- Tôi cũng biết chút ít về Yoga. Thật ra Yoga là một môn khoa học đã có từ ngàn xưa giúp con người hợp nhất với Thượng Đế. Nhưng ngày nay tinh hoa và triết lý của Yoga cổ xưa đã mất dần, chỉ còn lại một số phương pháp tập luyện mà thôi. Hiện nay người ta chỉ biết đến Yoga như là môn thể thao để thư giãn cơ thể. Thí dụ như môn Yoga thông dụng và phổ biến nhất là Hatha Yoga, chú trọng đến các tư thế (*asana*) để phục hồi những bắp thịt không hoạt động đúng cách. Nếu biết hít thở đều đặn trong khi tập Yoga, người ta có thể phục hồi sức khỏe và thư giãn thân tâm.

Angie hỏi thêm:

- Nếu thế thì Yoga cổ xưa dạy thế nào?

Ông Kris trả lời:

- Theo truyền thống được viết trong kinh Veda thì có ba môn phái hay ba con đường Yoga, là Karma Yoga (*con đường hành động*), Jhana Yoga (*con đường minh triết*) và Bhakti Yoga (*con đường sùng tín*). Khởi đầu là ba con đường khác nhau nhưng cuối cùng chúng hợp làm một vì tất cả chỉ là những phương tiện mà thôi. Phương tiện có thể khác nhau nhưng mục đích vẫn là một, trở về hợp nhất với Thượng Đế.

Theo quan niệm của Ấn giáo thì vạn vật đều trở về với nguồn cội. Từ ngàn xưa, trong mọi hoàn cảnh, dù dưới tên gọi này hay tên gọi khác, dưới hình tướng này hay hình tướng khác, dù vô tình hay hữu ý, vạn vật đều tìm về nguồn sống thiêng liêng mà chúng phát xuất ra. Chúng ta có thể thấy biển cả tìm về nguồn qua những con sóng trập trùng. Ngọn gió tìm về nguồn khi nó thổi qua mặt đất. Cũng như thế, cây cối trong rừng trở mầm đơm hoa và các sinh vật lần mò từng bước một. Con người cũng như thế, họ quay về cội qua nhiều hình thức, có khi thanh cao đẹp đẽ nhưng cũng có khi điên cuồng sai lạc.

Khoa học ngày nay gọi sự tìm kiếm này là tiến hóa, hay là sự chuyển hóa để trở nên tốt hơn, rồi tiến đến chỗ tuyệt hảo. Tại sao lại như thế? Vì tất cả mọi vật đều phát xuất từ một nguồn gốc thiêng liêng và phải trở về với nguồn gốc đó – “ *vạn vật đồng nhất thể* “. Ấn giáo và một số tôn giáo gọi nguồn gốc này bằng danh từ

“Thượng Đế”. Phật giáo gọi là “Phật tánh”, và khoa học gọi là “năng lượng nguyên nguyên” (*primal energy*) .

Theo quan niệm của khoa học, năng lượng này có trong tất cả mọi vật. Từ giọt nước đại dương đến các loại kim thạch, từ thảo mộc đến loài cầm thú hay con người. Nó nằm ở bên trong, ẩn dưới một bức màn hư ảo, hình thức của yếu tố vô minh bên ngoài nên sự tìm kiếm đúng đắn là “ *quay vào bên trong chứ không phải hướng ra bên ngoài* . *Sự sai lầm của con người là họ thường tìm kiếm ở bên ngoài* “ , do đó, “ *ắt sẽ đến lúc họ cảm thấy đau khổ, lạc lõng và mất phương hướng* “ . Lúc đầu, con người đi tìm một cách bản năng vô ý thức, hướng đến sự sung sướng, thỏa mãn tham vọng ích kỷ cá nhân, do đó họ sẽ phải học bài học về sự đau khổ ắt sẽ phải đến. Sau khi học được bài học xương máu đắt giá này, họ bắt đầu hiểu và ngộ ra hơn - tùy người - cuộc tìm kiếm sẽ trở nên có ý thức hơn, họ biết nhận định rõ mục đích của mình và sử dụng kinh nghiệm đã khắc ghi, đã học hỏi được để tiến về mục đích.

Có nhiều cách giải thích về con đường này tùy theo phong tục, tập quán, và điều kiện địa dư, theo đó sinh ra nhiều tôn giáo khác nhau. Nếu biết cởi bỏ các thành kiến hay các giáo điều chật hẹp của tôn giáo, ta có thể thấy tất cả mọi vật đều tìm về nguồn sống thiêng liêng này.

Angie lên tiếng:

- Tôi vẫn chưa hiểu rõ, xin ông nói thêm về truyền thống Yoga theo quan niệm của Ấn giáo.

Ông Kris trả lời:

- Nếu quan sát kỹ, bà sẽ thấy con người dù sống ở nơi nào cũng đều đang trên lộ trình quay về với cội nguồn thiêng liêng ấy. Con đường này kéo dài qua nhiều kiếp sống, gọi là luân hồi. Người ta chết đi và đầu thai trong kiếp sống khác. Trong mỗi kiếp, họ phải học một số bài học để trở nên tốt đẹp hơn. Có người sớm học được ngay, song cũng có người không chịu học hoặc không học được, do đó họ phải học đi học lại nhiều lần. Đây là một hành trình gian nan kéo dài qua rất nhiều kiếp sống, vì có rất nhiều ảo tưởng gây ra bởi khí lực vô minh gọi là *guna* .

Khí lực đầu tiên là sự bất động (*tamas*), nó sai khiến con người không làm gì cả. Bà có thể thấy nhiều người lười biếng, thần thờ không muốn làm gì hết. Lúc nào họ cũng chìm trong trạng thái bất động, u mê. Họ sống một cách thụ động, không mục đích, không ý thức mà chỉ biết ăn hay ngủ và chỉ muốn yên thân trong hoàn cảnh đó. Đây là những người có mức tiến hóa rất thấp hay tiến bộ rất chậm nên phải mất thời gian rất lâu để học hỏi. Cũng có những người đã đi được rất xa nhưng lại quay ngược trở về vạch xuất phát chỉ vì họ bị ảnh hưởng bởi các dục chất như bia rượu hay ma túy, nghĩa là bản thân họ ham muốn sự bất động. Họ chưa biết tận hưởng niềm vui từ sự khai ngộ hay sự thỏa nguyện ước vọng tâm linh, do đó họ còn phải trải qua một thời gian rất lâu trong nhiều kiếp nữa để học hỏi.

Karma Yoga cổ xưa khuyến khích con người hoạt động thay vì bất động. Trên con đường này, con người sẽ đối mặt với rất nhiều ham muốn hay dục vọng để thúc giục họ hoạt động thông qua một khí lực khác, ngược lại với sự bất động.

Khí lực này là sự hoạt động (*rajas*), nó tạo ra những ham muốn, dục vọng để thúc đẩy con người hành động. Với lòng ham muốn, con người lại hoạt động quá mức. Lòng tham tạo ra những khí lực dồi dào, hung hăng khiến họ lao vào nhiều hoạt động để thỏa mãn sự đòi hỏi. Những người này sẽ đi tìm những thứ bên ngoài, họ thu thập, vơ vét, gom góp tích trữ cho thật nhiều vì nghĩ rằng họ sẽ sung sướng với những thứ vật chất đó. Thật ra đó chỉ là lòng ham muốn, sự ích kỷ, chịu ảnh hưởng bởi khí lực *rajas* vô minh mà thôi.

Trong giai đoạn này, yếu tố quan trọng nhất mà họ phải học là sự đau khổ. Tất cả những người tham lam, ích kỷ đều phải trải qua bài học về sự đau khổ. Do đó mới có một quy luật gọi là luật Nhân quả. Mọi hành động gây ra đều có phản lực dội lại, gieo nhân nào sẽ gặt quả nấy. Hiện nay đa số nhân loại đều đang đi trên con đường này. Vì họ chưa tìm được niềm hạnh phúc thật sự bên trong nên họ phải tìm vui qua sự sở hữu, chiếm đoạt tài sản vật chất bên ngoài, bởi thế mới có sự bóc lột và chiến tranh. Qua các biến cố này, con người mới thấm thía đau khổ là gì,

nhưng để học được bài học, họ còn phải trải qua rất nhiều kiếp nữa vì đây là một bài học rất khó tiếp thu trọn vẹn.

Angie tiếp tục nhờ ông Kris giải thích thêm:

- Nhưng ai đã đặt ra luật lệ này chứ? Và các yếu tố này xuất phát từ đâu?

Ông Kris vẫn vui vẻ trả lời:

- Không ai đặt ra luật lệ này cả vì đó là những quy luật của vũ trụ. Nó hiện hữu và chi phối vạn vật trong vũ trụ. Giống như bà hỏi ai đã làm trái đất này quay chung quanh một quỹ đạo hay ai đã làm cho mặt trời chiếu sáng thì không ai có thể trả lời được, vì đó là luật vũ trụ. Vì không thể giải thích nên một số người đã tạo ra tên gọi “Thượng Đế” ám chỉ một cá nhân nào đó ngồi trên cao tạo ra luật pháp. Thật ra “Thượng Đế” chỉ là một danh từ để nói về các quy luật của vũ trụ mà thôi.

Hiện nay, trên khắp thế giới, mọi người đều tìm mọi cách để vơ vét, chiếm hữu. Họ làm việc không ngừng chỉ để thu thập được thật nhiều của cải, tài sản vật chất bất chấp mọi thủ đoạn. Từ đó sinh ra đủ thứ tệ nạn như bóc lột, đàn áp, đè nén, áp bức, rồi dẫn đến sự chênh lệch quá lớn về người giàu và người nghèo.

Nếu quan sát kỹ, ta sẽ thấy rõ dù thành công hay thất bại, dù giàu hay nghèo, xã hội nào hiện giờ cũng đều có rất nhiều người mắc bệnh thần kinh - như lo lắng, sợ hãi, buồn rầu, chán nản v.v... Nếu để ý kỹ, bà sẽ thấy càng ngày số người mắc bệnh nan y càng nhiều. Số người chết vì đau tim, đột quỵ nhiều hơn bao giờ hết. Số người mắc các bệnh như ung thư cũng gia tăng nhiều hơn những năm trước. Đối diện với cái chết, họ bàng hoàng, đau khổ và lúc đó họ mới ý thức rằng tiền bạc, của cải, danh vọng không thể giúp họ sống mãi và khi chết họ cũng không thể mang theo thứ gì. Đó là bài học mà họ phải học ở kiếp này. Thật ra việc theo đuổi dục lạc vật chất này không bao giờ chấm dứt và không bao giờ được thỏa mãn. Con người có thể hoạt động cả đời hòng tìm kiếm sự giàu sang nhưng họ vẫn không cảm thấy thỏa mãn. Càng kiếm được, họ lại muốn có nhiều hơn vì lòng tham thì vô đáy. Kinh Veda cũng nói rõ rằng: “Đó chính là lấy dầu để dập tắt lửa”.

Trải qua nhiều kiếp sống, nếm trải nhiều nỗi khổ đau, con người mới nhận thức được rằng lúc nào họ cũng bất mãn, buồn phiền, đau khổ. Có nhiều thì lại lo mất đi, không có thì lại muốn được nhiều. Càng thu thập nhiều bao nhiêu, sự lo lắng, buồn phiền càng nảy sinh nhiều bấy nhiêu cho đến lúc họ thấy mệt mỏi, chán chường, cay đắng và hiểu được rằng không bao giờ họ có thể thỏa mãn với của cải vật chất.

Nhận biết được điều đó, một số người từ bỏ tất cả để tìm về đời sống “thoát tục” qua con đường tu tập, mong có thể thoát khỏi nỗi khổ đau. Nhưng không phải cứ xa lánh mọi sự là con người có thể bỏ được lòng tham vì sự ham muốn sẽ đuổi theo họ đến tận rừng sâu, núi thẳm. Các ham muốn sẽ ám ảnh họ vào mọi lúc. Thể xác, tinh thần họ vẫn bị câu kéo bởi những ham muốn, bởi tình dục xác thân, bởi ao ước điên cuồng vì dục vọng không phải dễ dàng xóa bỏ. Gốc rễ của nó đã bám sâu trong bản chất con người rồi.

Bà có thể thấy những tu sĩ bên ngoài rất thánh thiện nhưng bên trong họ là cả một bãi chiến trường. Bà có thể thấy rất nhiều tu sĩ Ấn Độ tu khổ hạnh, ép xác để kiểm soát thân thể nhằm mục đích thoát khỏi áp lực của dục vọng nhưng người ta không thể quay về với nguồn gốc thiêng liêng thông qua sự ép buộc thân thể như thế được.

Angie muốn ông Kris giải thích rõ hơn nữa thắc mắc của mình:

- Vậy thì họ có thể thay đổi bằng cách nào đây? Chứ tôi nghĩ phải can đảm lắm thì người ta mới có thể từ bỏ vật chất hay đời sống xã hội để rút vào rừng sâu núi thẳm mà ẩn tu hòng tìm thấy sự an lạc.

Ông Kris bật cười:

- Con đường Karma Yoga dạy cho con người hoạt động chứ không ngồi im hay tránh né. Không phải cứ từ bỏ đời sống thành thị để vào rừng sâu hay từ bỏ tài sản vật chất là có thể đổi lấy được sự an lạc tinh thần. Bà có thể thấy nhiều tu sĩ không màng tài sản vật chất nhưng lại muốn được người đời xưng tụng đề cao. Do đó, họ chỉ đổi thứ này lấy thứ khác, nghĩa là vẫn còn ham muốn. Hiện nay không thiếu gì

những tu sĩ như thế. Họ có thể thuyết giảng đủ thứ giáo điều cao siêu chỉ để đổi lấy sự khen ngợi hay kính trọng của người đời. Đó chỉ là một sự đổi chác vật chất lấy tinh thần, vì họ chưa xé bỏ được tấm màn vô minh của tham vọng qua bản ngã cá nhân.

Angie vẫn tiếp tục đặt câu hỏi:

- Vậy thì theo ông, họ cần phải làm gì?

Ông Kris trả lời:

- Họ phải tiếp tục đi trên con đường hành động vì chỉ thông qua hành động họ mới có thể học hỏi, thay đổi để trở nên tốt đẹp và hoàn thiện hơn. Họ có thể sống ở thành thị như mọi người nhưng phải biết cách thoát ra khỏi màn sương ảo ảnh của sự vô minh. Họ vẫn làm việc như mọi người, hành động như mọi người nhưng trong tâm đã biết xả ly, dứt bỏ mọi ràng buộc. Họ không từ bỏ bổn phận của mình trong gia đình hay trong xã hội, nhưng họ hành động với một mục đích khác. Họ có thể giàu có, tài sản đầy nhà nhưng họ không thiết tha với nó. Họ coi mình như là người được ủy thác quản lý tài sản đó chứ không phải là chủ nhân. Những người này hành động vì quyền lợi chung chứ không phải vì mục đích ích kỷ của cá nhân. Nói cách khác, họ làm việc để giúp đời chứ không phải thu vén lợi ích cho riêng mình.

Bỗng nhiên ông Kris tỏ thái độ nghiêm nghị:

- Tuy nhiên, trong giai đoạn này, có một khuynh hướng tinh tế xảy ra vì làm việc tốt cũng có thể ẩn chứa mục đích cá nhân, bắt nguồn từ những động cơ vi tế nằm sâu thẳm trong nội tâm mà không mấy người biết rõ. Có người làm việc để giúp xã hội nhưng muốn thành công và sợ thất bại. Họ lo lắng về kết quả, do đó động cơ họ làm vẫn bắt nguồn từ sự ham muốn. Họ lo sợ khi việc không thành và vui sướng khi đạt được thành tựu. Từ đó, họ mong được mọi người biết đến việc làm của mình, hay được đề cao. Kết quả là việc làm đó, dù là việc tốt, vẫn ẩn chứa một ham muốn riêng tư cho bản thân. Đó là một tham vọng vi tế nằm sâu bên trong bản ngã. Bất cứ việc làm nào mà có yếu tố cá nhân xen vào thì người làm sẽ bị ràng buộc bởi hành động hay kết quả. Do đó, họ vẫn chưa thoát khỏi vòng kiểm tỏa của khí lực vô minh *rajas*.

Chỉ khi nào người làm không thấy mình làm, không thấy việc làm, không thấy hay không mong cầu kết quả của hành động, dù là sự biết ơn hay cảm mến thì mới thật sự là người đi đúng con đường Karma Yoga. Khi đã dứt bỏ hoàn toàn, không hoạt động để được một thứ gì đó ở thế gian, cũng không hoạt động để được một thứ gì đó ở cõi trên, không hoạt động để được một thứ gì đó ở kiếp này, cũng không hoạt động để được một thứ gì đó ở kiếp sau, không hoạt động để được mọi người biết đến, không hoạt động để được phần thưởng tinh thần mà hoạt động âm thầm không màng đến kết quả, thành công đến cũng được mà thất bại cũng không sao, lúc nào cũng hoạt động nhưng tâm hồn bình thản như không có chuyện gì xảy ra, đó mới chính là sự quân bình cần thiết để hoàn tất bài học Karma Yoga, hay con đường hành động.

Khi biết thản nhiên với thành công cũng như thất bại, trong lúc vui cũng như buồn, trong khi vinh cũng như nhục, trong tình thương cũng như oán hận thì họ đạt đến trạng thái quân bình, không bất động (*tamas*) và cũng không náo động (*rajas*), vì hành động “vô sở cầu” là bài học quan trọng của con người trên con đường Karma Yoga. Những người này thản nhiên và bình tĩnh trước mọi sự trong đời vì hành động chính là bổn phận. Họ không tìm kiếm hành động khi nó không đến, không từ chối hành động khi nó xảy ra, mà vui vẻ hành động khi bổn phận bắt buộc và bình thản trước mọi kết quả.

Những người này dù ở trong cung vàng điện ngọc, ăn cao lương mỹ vị, sống giữa châu báu ngọc ngà nhưng họ vẫn an nhiên tự tại. Nếu họ sống trong lều tranh chiếu rách, ăn bữa có bữa không, sống như kẻ bần cùng thì tâm hồn vẫn bình thản trước mọi thăng trầm. Khi sự vật bên ngoài đến, họ không xua đuổi; khi chúng rời đi, họ không tiếc nuối vì họ có thể sống trong mọi hoàn cảnh. Không gì khiến họ đam mê, không gì khiến họ bận tâm, không gì khiến họ lo lắng mà lúc nào họ cũng ung dung tự tại vì biết rằng tất cả chỉ là những ảo ảnh chập chờn của vô minh (*guna*).

Ai sống được như thế nghĩa là đã đi trọn vẹn con đường hành động Karma Yoga và tiến đến chỗ mọi con đường đều hòa hợp thành một và hợp nhất với nguồn sống thiêng liêng vô tận kia. Dù gọi

bằng “Thượng Đế” hay danh xưng gì chẳng nữa cũng không thành vấn đề. Những người này đã cởi bỏ được những ô trược của bản ngã, đã gột sạch được dục vọng và nhìn thấy rõ mọi sự trên thế gian này có mối liên hệ với nhau như thế nào. Họ thấy rằng vũ trụ này là một cái gì đó thật mỹ lệ, không bút mực nào có thể tả xiết. Lúc đó, họ sẽ hưởng được niềm phúc lạc vô biên, niềm hân hoan sung sướng mà Ấn giáo gọi là sự hòa hợp “bản ngã vào với chân ngã”.

Angie suy nghĩ một lúc, rồi hỏi thêm:

- Theo con đường này thì con người phải trải qua rất nhiều kiếp sống và học hỏi qua sự đau khổ cho đến khi trở nên tốt đẹp. Nhưng đã mấy ai tin rằng có nhiều kiếp sống và con người chết đi rồi tái sinh như thế?

Ông Kris mỉm cười trả lời:

- Tin hay không là quyền của mọi người nhưng quan niệm rằng có nhiều kiếp sống khác nhau, hay luân hồi, là một niềm tin đã có từ ngàn xưa. Các tôn giáo như Ấn giáo và Phật giáo đều dạy như thế. Nếu bà đọc các sách vở của Hy Lạp thì cũng thấy các triết gia như Pythagoras, Plato, hay Aristoteles đều tin rằng sau khi chết sẽ có đời sống kế tiếp. Triết gia Plato đã viết rất rõ về việc con người trải qua nhiều kiếp sống trong cuốn *Phaedo* và *Republic*, và nếu xét kỹ bà cũng thấy Chúa Jesus cũng từng giảng về điều này trong *Phúc Âm*.

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi với vẻ thâm sâu và tiếp tục nói:

- Trên bình diện luân lý đạo đức, nếu xem xét quan niệm “con người chết đi rồi tái sinh trong nhiều kiếp sống, căn cứ theo những yếu tố mà chính họ đã gây ra”, ông bà có thể trả lời câu hỏi mà các triết gia và khoa học gia ngày nay lúng túng không tìm được lời giải đáp. Tại sao con người sinh ra để rồi chết đi? Đời sống có ý nghĩa gì nếu chỉ có một đời sống duy nhất và chết là hết? Tại sao có người được sinh ra đã sung sướng trong khi người khác lại sinh ra trong hoàn cảnh bần cùng? Tại sao có người được sinh ra ở những quốc gia thịnh vượng, văn minh, được hưởng thụ những tiện nghi vật chất trong khi người khác lại sinh ra ở những quốc gia nghèo đói, chiến tranh liên miên, thường xuyên xảy ra

thiên tai hay dịch bệnh? Không ai có thể trả lời những câu hỏi này nếu người ta không tin vào luật Luân hồi và Nhân quả.

Cứ tạm coi đây chỉ là một lý thuyết thôi thì ông bà cũng sẽ thấy đó là một lý thuyết hợp lý, công bình và thỏa đáng hơn bất kỳ quan niệm nào. Nó khác với thuyết "tiền định" rằng mọi sự hay số mạng đều được định trước bởi một "đấng cao cả" nào đó. Điều này có nghĩa là con người không có quyền tự do quyết định số phận của mình và chỉ bị sai khiến mà thôi. Nó biến con người thành một dạng nô lệ và không thể làm gì để thay đổi. Làm gì có chuyện vô lý, bất công như thế được. Ai có quyền định đoạt số phận con người như thế? Không thể có một người nào hay đấng nào có thể trừng phạt

con người. Đời sống con người tốt xấu ra sao là do chính họ tạo nên qua nhiều kiếp sống. Những người được hưởng sung sướng và những người không may mắn cũng là do những yếu tố trong quá khứ mà không mấy ai nhớ được. Bất cứ chuyện gì xảy ra cũng là do chính cá nhân đó tạo ra cho chính mình chứ chẳng phải ai trừng phạt hay ban thưởng gì cho họ.

Angie tiếp tục hỏi:

- Nếu con người phải trải qua rất nhiều kiếp sống để học hỏi, vậy thì con người đến từ đâu?

Ông Kris vui vẻ trả lời:

- Đây là một vấn đề đã gây ra rất nhiều bàn cãi từ xưa. Không ai có thể giải thích một cách thỏa đáng. Có rất nhiều lý thuyết về việc con người từ đâu đến và đi về đâu. Một số tôn giáo nói rằng có một quyền năng sáng tạo đấng sau tất cả mọi vật và gọi quyền năng ấy là "Thượng Đế". Nhưng đã có ai chứng kiến chuyện này chưa? Hay đó chỉ là đức tin mà thôi? Nhiều người tin Thượng Đế là ông già quắc thước với chòm râu bạc, có quyền năng vô biên và công minh vô cùng. Nghĩ như vậy thì cũng không có gì là sai. Quan niệm được "nhân cách hóa" này có thể làm thỏa mãn một số người nhưng không phải ai cũng đồng ý như thế. Trong thời buổi khoa học ngày nay, nhiều người không tin có một "Thượng Đế" hiện hữu mà cho rằng đó chỉ là những đức tin tôn giáo mà thôi. Nhưng khoa học giải thích thế nào đây?

Nếu xét theo quan niệm của khoa học thì có một năng lượng nguyên nguyên hiện diện khắp nơi trong vũ trụ. Năng lượng này khi tiếp xúc với những yếu tố bản địa ở những hành tinh khác nhau thì thay đổi thành một loại năng lượng mới do những yếu tố vật lý hay hóa học nào đó. Sự biến đổi này thích hợp với hoàn cảnh của hành tinh đó và trở thành sinh lực đặc biệt thích hợp với hoàn cảnh địa phương. Những sinh lực này tiếp tục biến đổi và trở thành những sinh vật có sự sống.

Ông Kris nhìn chúng tôi, rồi nhấn mạnh:

- Đây cũng chỉ là một lý thuyết khoa học thôi vì chưa ai có thể chứng minh về sự tạo lập ra vũ trụ hay sự sống. Tuy nhiên, những khoa học gia như J. R. Oppenheimer, Niels Bohr, Erwin Schrodinger, Werner Heisenberg đều cho rằng đây là một lý thuyết có giá trị và hợp lý.

Theo lý thuyết này thì con người hay mọi vật đều phát xuất từ cái năng lượng nguyên nguyên kia nhưng đã bị thay đổi bởi những yếu tố địa phương của các hành tinh trong vũ trụ nên trở thành những thực thể có sự sống. Để quay về với cội nguồn nguyên thủy, thực thể ấy phải được thanh lọc, loại bỏ những yếu tố bản địa này để chuyển hóa trở lại thành năng lượng nguyên nguyên kia. Hiện nay trong vũ trụ có cả triệu hành tinh khác nhau, trên đó đều có những thực thể không hẳn giống như loài người vì điều kiện địa phương khác nhau sẽ tạo ra những thực thể khác nhau. Tuy nhiên, tất cả đều đi trên con đường tiến hóa để trở về với nguồn sống thiêng liêng hay cái năng lượng nguyên nguyên kia.

Dù không thể hiểu rõ về nguồn gốc của sự sống nhưng chúng ta có thể tiếp xúc với nó. Không ai có thể sống mãi, và chết là một sự thật hiển nhiên. Bà có thể thấy một người đang sống vào lúc này nhưng lại chết ngay phút sau. Chuyện gì xảy ra trong phút giây đó? Chắc chắn phải có cái gì đó đã rút ra khỏi hình hài đang hoạt động kia, khiến nó trở nên bất động, rồi sau đó tan rã, trở về với cát bụi. Do đó, bà có thể nhìn nhận rằng sống là một sự kiện hiển nhiên, nhưng nó đến hay nó đi còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố nữa.

Theo lý thuyết này thì sau khi chết, cái sự sống hay sinh lực - vốn là một dạng năng lượng - sẽ chuyển hóa qua một dạng thức khác. Như ông bà cũng biết, theo vật lý thì năng lượng không thể được

sinh ra hay mất đi (định luật Bảo toàn và Chuyển hóa năng lượng) vì năng lượng là một cái gì đó bất biến trong không gian và thời gian. Nó chỉ có thể chuyển hóa hay biến đổi từ một hình thái này sang một hình thái khác mà thôi. Chết thực ra chỉ là sự chuyển hóa sinh lực con người qua một hình thể mới dựa theo luật Nhân quả.

Dưới hình thái mới, nó sẽ tiếp tục công việc thanh lọc những yếu tố ô trược, nhưng điều này không dễ dàng hay giản đơn. Vì những lý do nào đó, khi qua thể xác mới, hoàn cảnh mới, nó lại tiếp thu thêm những ô nhiễm khác nên tiến trình thanh lọc để quay trở về nguồn cội kéo dài rất lâu qua hàng trăm, hàng ngàn kiếp sống.

Khoa học cho biết rằng sự sống hiện hữu trong thiên nhiên - từ kim thạch, cây cỏ cho đến thú vật và con người. Dĩ nhiên ai cũng biết rằng có sự sống trong loài vật và loài người, nhưng nói rằng sự sống cũng có trong kim thạch và thảo mộc thì khó tin hơn. Nếu nói loài thảo mộc có sự sống thì cũng có thể chấp nhận được vì khi nhổ lên khỏi mặt đất, cây cỏ sẽ khô héo, tàn tạ, rồi chết đi như các sinh vật khác, nhưng nói rằng hòn đá cũng có sự sống thì ít ai có thể chấp nhận. Nếu quan sát kỹ thì theo thời gian, hòn đá cũng tan rã thành bụi cát như thân xác con người hay cây cỏ, tuy rằng việc này phải trải qua thời gian rất lâu, hàng ngàn năm hay hàng triệu năm.

Theo Yoga cổ xưa thì vạn vật đều tiến hóa để trở về nguồn cội. Ấn giáo gọi là trở về hợp nhất với “Thượng Đế”. Do đó, muôn loài tiến hóa không ngừng vì mục đích của việc sống là học hỏi, thu thập kinh nghiệm để thay đổi, để trở nên tốt đẹp hơn. Sự học hỏi này bắt đầu từ thấp lên cao, qua các hình thể khác nhau trong thiên nhiên. Từ hình thể thấp nhất như kim thạch, đất đá, cây cỏ đến thú vật, loài người, rồi tiếp tục lên những mức cao hơn nữa mà chúng ta có thể tạm gọi là những bậc thánh nhân.

Khi sự sống bắt đầu ở những loài kim thạch, nó có những đặc tính không giống như loài cây cỏ, cầm thú hay con người. Nếu nghiên cứu, bà có thể thấy những loại khoáng chất tiến hóa thấp thường đông đặc, còn những loại khoáng chất tiến hóa cao đã có những thay đổi lạ lùng ở bên trong, nên biến thành các loại đá quý. Sinh lực của các loại đá quý này rất đặc biệt và màu nhiệm. Nếu biết

sử dụng tinh lực của các loại đá quý này, người ta có thể làm được nhiều việc như chữa được các loại bệnh.

Angie bỗng reo lên:

- Tôi nhớ rồi, hôm qua ông có cho tôi xem cây gậy ngọc có gắn những viên đá quý. Phải chăng nó là vật để chữa bệnh?

Ông Kris nhìn tôi một cách tinh quái khiến tôi bối rối trước sự hồn nhiên vô tư của Angie. Ký ức vừa qua đã cho tôi thấy công dụng của cây gậy ngọc nhưng hiện nay tôi không biết phải giải thích ra sao.

May thay, ông Kris lên tiếng:

- Người xưa tin rằng có bảy loại ngọc với công dụng chữa bệnh. Các vua chúa thời cổ thường đeo những loại ngọc quý này để tiêu trừ bệnh tật. Cây gậy ngọc ở nhà tôi chỉ là vật trang trí để bày cho đẹp mà thôi.

Angie thắc mắc:

- Nếu tôi nhớ không lầm thì nó có gắn bảy viên ngọc. Đó là những loại ngọc nào vậy?

Ông Kris nhìn tôi một cách thích thú, rồi thông thả giải thích:

- Bảy loại ngọc có công dụng chữa bệnh là kim cương, lam ngọc (*sapphire*), ngọc lục bảo (*emerald*), vân ngọc (*jasper*), hoàng ngọc (*topaz*), hồng ngọc (*ruby*) và tía ngọc (*amethyst*). Nếu bà có một cái vòng đeo tay gắn đủ bảy loại ngọc này thì nó có thể giúp bà mạnh khỏe vì sinh lực từ bảy loại ngọc này có thể trừ được ảnh hưởng của một số bệnh.

Angie vẫn thắc mắc:

- Nhưng người ta chữa bệnh bằng ngọc như thế nào?

Một lần nữa, ông Kris nhìn tôi, rồi mỉm cười:

- Đó là một ngành khoa học cổ xưa mà ngày nay đã thất truyền. Ngành khoa học này nắm giữ một kiến thức sâu xa về các luồng từ điện trong vũ trụ và biết cách rút sức mạnh từ điện trong cái kho của vũ trụ xuống những viên ngọc. Qua đặc tính của từng loại ngọc, người ta có thể tìm hiểu nguyên nhân của căn bệnh và sử dụng luồng từ điện trong từng loại ngọc để chữa bệnh. Người sử dụng phải biết rõ các năng lượng vũ trụ vào những giờ phút

nhất định nào thì thuận lợi cho việc chữa trị. Có khi họ phải dùng thêm thuốc men được bào chế từ cỏ cây, hoa lá, hay xoa bóp để giúp cho việc phục hồi mau chóng. Đôi khi họ phải tổ chức các nghi thức đặc biệt để nhờ sự trợ giúp của các động lực bên ngoài. Mỗi loại ngọc đều có công dụng khác nhau nhưng nếu biết sử dụng sức mạnh của cả bảy loại ngọc này cùng một lúc thì sẽ tạo ra một năng lượng rất mạnh có thể thay đổi nguyên tử hay tiêu hủy vật chất.

Angie xuýt xoa:

- Nghe ông giải thích như thế, tôi nghĩ rằng ông biết rõ cách sử dụng các loại ngọc này để chữa bệnh.

Ông Kris lắc đầu:

- Không đâu, tôi chỉ là người đọc qua sách vở thôi. Người ta viết gì thì tôi nói thế chứ không biết gì về việc chữa bệnh cả. Các tài liệu khảo cổ nói rằng hầu hết các vua chúa khi xưa thường đeo những chiếc vòng trên cổ hay trên tay có gắn những viên ngọc này để gia tăng sức khỏe và trừ bệnh tật. Nếu bà vào tham quan các viện bảo tàng, nhất là viện bảo tàng Ai Cập, thì sẽ thấy những món đồ trang trí của vua chúa khi xưa đều có bảy loại ngọc này và cung điện Ai Cập thường sơn phết màu sắc của các loại ngọc này.

Lo sợ câu chuyện có thể đi xa với những chi tiết có thể trở nên bất lợi nên tôi ngắt lời:

- Chúng ta đang nghe nói về sự tiến hóa của mọi vật. Em hãy để cho ông Kris tiếp tục câu chuyện dở dang nhé.

Ông Kris quay qua nhìn tôi mỉm cười, rồi nói tiếp:

- Sự sống tiếp diễn qua các loại khoáng vật rồi chuyển qua loài thảo mộc, từ loài thấp như rêu rong hay cây cỏ (thân thảo), rồi tiến đến cây có thân cứng (thân mộc), và sau đó lên đến loài côn trùng, chim cá, các loài động vật tinh khôn và đến con người. Đó là một tiến trình kéo dài rất lâu, hàng triệu năm hay hơn thế nữa. Mỗi khi chuyển qua một giai đoạn, sự sống hay cái năng lượng đó thu thập thêm kinh nghiệm và dần dần tạo ra sự hiểu biết hay trí thông minh. Ở mức độ thấp (như đất đá, cây cỏ hay côn trùng) thì sự hiểu biết rất thô nên chưa có tính cách cá nhân, nhưng khi tiến đến mức cao hơn (như thú vật) thì nó dần dần tạo thành

những cá thể riêng biệt, đến loài người thì ta gọi là “trí thông minh cá nhân”.

Angie lên tiếng:

- Nếu thế thì phải chăng loài vật tiến hóa cao hơn cây cỏ và loài người tiến hóa cao hơn loài vật?

Ông Kris mỉm cười:

- Đối với loài vật thì con người là một sinh vật cao siêu. Điều đáng tiếc là chúng ta mang danh “cao siêu” nhưng lại đối xử tàn ác với loài vật thay vì thương yêu hay thông cảm với những sinh vật thấp kém hơn chúng ta. Nếu để ý, bà có thể thấy con người là nguyên nhân gây ra đau khổ cho thú vật. Họ giăng lưới hay đặt bẫy bắt chim, dùng lông thú vật làm đẹp cho quần áo. Họ xem việc bắn giết loài thú như là một trò giải trí, bất chấp nỗi đau khổ gây ra cho loài thú không tinh khôn bằng mình. Những việc làm tàn ác này gây ra nỗi sợ hãi cho loài vật. Sợ hãi là một dạng cảm xúc tiêu cực làm trì trệ sự tiến hóa trong tự nhiên. Sự sợ hãi đối với con người bắt đầu từ những loài cấp thấp và tiếp tục lan truyền khắp muôn loài.

Angie tiếp tục hỏi:

- Nhưng đâu phải ai cũng giết súc vật để giải trí như ông nói. Người ta ăn thịt loài vật để nuôi dưỡng thân thể...

Ông Kris lắc đầu cắt ngang câu nói của Angie:

- Đó là một quan niệm sai lầm. Nếu bà đồng ý rằng trên con đường tiến hóa để trở nên tốt đẹp hơn, con người phải thanh lọc những điều ô trược. Loài thú có sự tiến hóa thấp hơn loài người, nếu ta ăn thịt chúng thì chính chúng ta lại hấp thụ những thứ ô trược đó vào trong cơ thể. Vậy thì làm sao chúng ta có thể đi xa trên con đường trở về nguồn sống thiêng liêng cho được.

Câu nói của ông Kris làm cả hai chúng tôi giật mình. Angie lên tiếng bào chữa:

- Nhưng đó chỉ là lý thuyết mà thôi, chứ đã có ai chứng minh rõ ràng đâu.

Ông Kris mỉm cười nói tiếp:

- Thôi được, chúng ta hãy làm sáng tỏ vấn đề dựa trên lý luận khoa học cho dễ hiểu. Khi súc vật bị giết, chúng sợ hãi và cơ thể chúng tiết ra những chất độc. Bà cũng biết rằng mỗi khi lo lắng, cơ thể con người cũng tiết ra những hóa chất độc hại - nhẹ thì làm chua bụng, nhức đầu, đau lưng, hồi hộp, mất ăn, mất ngủ... nặng thì làm hại hệ thần kinh, gây ra các chứng bệnh như đau tim, sưng phổi, ung thư... Khoa học cũng đã chứng minh điều này. Vậy thì loài vật khi đối diện trước cái chết, điều gì diễn ra trong cơ thể chúng? Chắc chắn chúng sợ hãi vô cùng và cơ thể chúng tiết ra các hóa chất vô cùng độc hại. Khi chúng ta tiêu thụ những chất độc đó thì chuyện gì sẽ xảy ra cho cơ thể chúng ta?

Ông Kris ngưng lại như để cho chúng tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Hiện nay, đa số mọi người đều thích ăn thịt loài vật, từ những con côn trùng bé nhỏ cho đến các loại tôm cá, rồi đến những sinh vật lớn hơn như heo, bò, trâu, dê... Nhu cầu ăn thịt đã tạo ra ngành chăn nuôi quy mô lớn trên khắp thế giới. Nhưng đã mấy ai nhìn thấy trong thời gian rất ngắn, số người mắc bệnh cũng gia tăng theo cấp số nhân. Đủ các thứ bệnh, từ nhức đầu, đau bụng đến đau tim, đột quỵ, ung thư...

Một thời gian nữa sẽ có nhiều chứng bệnh quái lạ chưa từng có mà khoa học phải bó tay. Không mấy người biết đặt câu hỏi tại sao nền văn minh nhân loại tiến triển cao mà lại sản sinh ra nhiều bệnh khó trị như thế. Chữa trị bệnh cũng trở thành một ngành kinh doanh khổng lồ với những viện nghiên cứu và bệnh viện rất lớn. Khi có bệnh, ai cũng phải lo chữa trị. Bệnh càng nặng, chi phí cho việc chữa trị càng cao. Bà có thể thấy ngành công nghiệp thực phẩm và chữa trị bệnh có liên quan mật thiết với nhau và có khả năng sinh lời rất nhiều. Do đó, khắp nơi trên thế giới có rất nhiều ấn phẩm quảng cáo chiêu dụ con người ăn những thứ độc hại đó và uống những loại thuốc có thể chữa bệnh tật. Nhưng việc này không dừng ở đây mà còn tiếp diễn ở kiếp sau nữa. Ông bà có biết điều gì sẽ xảy ra không?

Ông Kris nở một nụ cười lạ lùng:

- Khi con người hấp thụ năng lượng của loài vật qua việc ăn thịt chúng thì sinh lực của họ chứa đầy những năng lượng của loài vật này có phải không? Và với những

năng lượng loài vật như thế thì họ sẽ chuyển hóa như thế nào? Làm sao họ có thể tái sinh thành người vào kiếp sau được? Một cái kho sinh lực chứa toàn nguyên tử của loài thú chỉ có thể chuyển hóa thành loài thú mà thôi, có đúng không? Nói cách khác, họ đi ngược con đường tiến hóa mà họ đã phải mất bao nhiêu kiếp học hỏi để thành người, rồi lại thoái hóa trở lại thành thú vật bởi vì nguyên nhân ăn uống này. Khi trở thành loài vật, họ sẽ chịu số phận bị bắt, bị đánh đập, bị giết để học bài học về sự đau khổ mà họ đã gây ra cho sinh vật kia.

Angie có vẻ sợ hãi với những chia sẻ vừa rồi của ông Kris:

- Nghe ông nói mà tôi thấy lạnh cả người! Quan niệm này ghê gớm quá, nhưng dù sao đó cũng chỉ là lý thuyết thôi, chưa phải... à, không đúng với thực tế phải không ông?

Ông Kris nghiêm nghị trả lời:

- Bà có thể xem đó như một lý thuyết cũng được. Bà có thể xem việc ăn thịt cá là cần thiết để bổ sung dinh dưỡng cho cơ thể cũng không sao. Bà cũng có thể loại bỏ những dữ kiện về bệnh tật sinh ra do ăn uống và tiếp tục ăn uống như đa số mọi người, nhưng đến khi mắc bệnh thì bà sẽ nghĩ khác. Lúc đó có muốn kiêng khem cũng đã muộn và thuốc men chữa trị cũng chỉ kéo dài thêm thời gian mà thôi. Người ta có thể tin hay không tùy theo sự hiểu biết của họ vì trước sau ai cũng phải học những bài học cần thiết. Bà có thể học vào lúc này hay chờ đến lúc khác, tùy vào bà thôi. Chắc bà cũng biết câu ngạn ngữ cổ *“Ăn thứ gì thì trở thành thứ ấy”*. Do đó, các nhà hiền triết khi xưa đều chủ trương ăn rau quả, không ăn thịt cá.

Không muốn Angie phải quá sợ hãi nên tôi cắt ngang:

- Xin ông nói tiếp về sự tiến hóa theo quan niệm của Karma Yoga cổ xưa cho chúng tôi được rõ.

Ông Kris gật đầu:

- Tôi sẽ mô tả rõ cho ông bà hiểu về diễn trình của sinh lực trên quả đất này. Hãy tưởng tượng có một luồng sinh lực tuôn trào quanh địa cầu của chúng ta như một dòng nước. Khi luồng sinh lực này thấm vào kim thạch và các loài thảo mộc, nó tạo ra sự sống mãnh liệt, nhưng không có điều gì đặc biệt xảy ra. Nhưng khi

luồng sinh lực này tuôn trào vào thế giới loài vật thì có rất nhiều yếu tố nảy sinh. Thế giới loài vật có cấu tạo phức tạp vì có nhiều trình độ tiến hóa khác nhau, từ vi khuẩn nhỏ bé, sâu bọ, giun dế cho tới các loài thú hoang trong rừng, và sau nữa là các loài thú đã được thuần hóa trở thành gia súc.

Khi luồng sinh lực này tuôn trào vào loài vật cấp thấp, kinh nghiệm học hỏi còn rất thô thiển chứ chưa tiến đến mức “cá nhân hóa”. Ông bà có thể thấy trường hợp của những con côn trùng như kiến, ong, sâu bọ... Tuy chúng có hình thể riêng biệt nhưng chúng chưa có suy nghĩ riêng, mà chỉ có chung một sự hiểu biết. Thí dụ như một tổ ong trong đó có những con ong làm việc y hệt nhau. Một số đi hút mật, một số nuôi nấng những con ong nhỏ trong trứng. Đời sống của những con ong này chỉ kéo dài vài ngày, vài tuần, nhiều lắm là khoảng một tháng thôi. Cả tổ ong có chung một “nguồn kinh nghiệm” học hỏi nên làm việc rất hiệu quả. Một số con hút mật hoa rồi mang về nuôi những con ong khác. Chúng sinh ra, làm việc, rồi chết đi nhưng không học được gì mấy. Một số con bay đi hút mật hoa nhưng bị loài người đuổi bắt nên sợ hãi. Khi chết đi, chúng mang theo nỗi sợ này. Do đó, loài ong bắt đầu có cảm giác sợ người và tìm cách trốn lánh mỗi khi đối mặt với con người. Để đối phó, con ong tìm cách chống lại loài người bằng cách đốt họ. Theo thời gian, những con ong sinh sau đều học được kinh nghiệm của những con ong trước. Trong đời sống loài ong, mỗi con ong học được gì khi chết đi đều mang điều đó về “nguồn kinh nghiệm” và sau này trở thành một tập tính chung của cả loài ong. Nếu quan sát, ông bà có thể thấy hầu như tất cả các côn trùng đều có những hoạt động tương tự như thế, giống nào hoạt động theo giống nấy vì mỗi loài đều có một “nguồn kinh nghiệm” chung.

Ông Kris ngừng lại như để cho chúng tôi suy nghĩ, rồi mỉm cười:

- Có bao giờ người ta tự hỏi tại sao côn trùng lại hoạt động như thế không? Các nhà côn trùng học không thể giải thích được điều này mà chỉ kết luận rằng loài vật hành động theo bản năng riêng của chúng. Từ xưa, các nhà hiền triết của phái Karma Yoga đã biết rằng loài vật cấp thấp chưa có kinh nghiệm riêng, chưa tiến

hóa tới mức đạt được “trí thông minh cá nhân” nên hành động giống nhau vì chúng có “nguồn kinh nghiệm” chung.

Qua thời gian, luồng sinh lực với kinh nghiệm thâm thập được sẽ tiến hóa lên mức cao hơn. Thí dụ như thay vì một tổ ong với cả chục ngàn con ong thì nó sẽ là một tổ chuột với vài chục con chuột. Chuột sinh ra có nỗi sợ hãi đối với con người và những kẻ thù của loài chuột (như mèo hay chồn, cáo) do kinh nghiệm từ những kiếp sống trước được mang sang kiếp này. Ngay từ lúc mới sinh ra, chuột con đã biết rằng nó phải tránh xa loài người hay loài mèo bằng mọi giá nhờ nguồn kinh nghiệm chung của loài chuột. Nó biết rằng phải sinh hoạt vào ban đêm lúc loài người ngủ say thay vì ban ngày. Tuy nhiên, loài mèo thì khôn hơn và có thể bắt chuột vào mọi lúc. Một số con chuột bị mèo ăn thịt nhưng có những con chuột khôn ngoan thoát được móng vuốt của loài mèo. Khi chúng chết đi thì kinh nghiệm này trở về “nguồn kinh nghiệm” chung của loài chuột, những con chuột sinh sau sẽ khôn hơn và biết nhiều mánh khéo hơn để tránh loài mèo.

Khi dòng sinh lực của sự tiến hóa tiếp tục lên đến loài thú thì sự thay đổi diễn ra nhiều hơn vì một số thú rừng bắt đầu khôn ngoan hơn qua kinh nghiệm chung. Những thú rừng sống theo bầy vẫn chia sẻ kinh nghiệm chung của chúng, nhưng các loại thú rừng sống riêng rẽ thì bắt đầu tiến đến mức “cá nhân hóa” và bắt đầu phát triển trí khôn riêng mặc dù chúng vẫn có chung một nguồn kinh nghiệm của loài đó. Thú rừng sống theo quy luật tự nhiên “mạnh thì sống”, và đặc điểm chính của chúng là sự sinh tồn. Con yếu sẽ là thức ăn cho con mạnh, và nỗi sợ hãi về sự sinh tồn được chia sẻ trong kinh nghiệm chung của loài thú ấy. Hầu như tất cả loài thú đều sợ chết, dù đó là cái chết tự nhiên hay bị con khác ăn thịt. Trong tự nhiên, cá lớn nuốt cá bé, thú mạnh ăn thú yếu, vì đó là bản năng sinh tồn, ăn để mà sống. Do đó, việc tìm thức ăn đối với mỗi con thú trở thành chức năng không thể thiếu. Khi không có thức ăn ở nơi sinh sống, chúng phải đi tìm vùng sinh sống mới, học được cách thích nghi với đời sống mới và đó là bài học quan trọng mà chúng cần học.

Một số loài thú như lừa, ngựa, trâu bò, chó mèo bị loài người bắt và nuôi nên học hỏi thêm được những kinh nghiệm thích nghi mới.

Chúng biết rằng khi tuân theo mệnh lệnh của con người làm một số công việc thì sẽ được ăn uống và chăm sóc. Từ đó, nỗi sợ đối với loài người giảm dần và khi chúng chết, những kinh nghiệm này trở về nguồn kinh nghiệm chung, rồi con cháu của những thú vật ấy ngày càng được thuần hóa và có thể sống chung với loài người một cách tự nhiên. Theo thời gian, những con thú ấy bắt đầu học nhiều và có những kinh nghiệm riêng, rồi tiến hóa thành những cá tính độc lập biết nghĩ và học nhiều hơn nữa.

Tới giai đoạn này thì sinh lực đã được “cá nhân hóa” có thể thoát kiếp thú chuyển thành người. Việc con thú phải trải qua thời gian bao lâu trước khi chuyển hóa thành người còn tùy thuộc vào những người mà loài thú này gần gũi. Nếu những con thú này được đối xử tốt, thương yêu, chúng sẽ thấm nhuần được bài học thương yêu. Nhờ có tình thương mà chúng phát triển được sự thông minh và mau chóng chuyển sang kiếp người. Nhưng nếu loài thú này bị đối xử khắc nghiệt, bị đánh đập tàn nhẫn thì nỗi sợ hãi đã mất đi phần nào trong những kiếp trước sẽ trở lại, và con vật phải trải qua nhiều kiếp nữa mới có thể thoát kiếp thú thành người.

Trong các bài học thì tình thương yêu là bài học quan trọng nhất để tiến hóa và thanh lọc các yếu tố ô trược. Tình thương không phải chỉ dành riêng cho loài người mà bao trùm muôn loài trên thế gian. Tình thương xóa bỏ nỗi sợ hãi, vì nếu không có sự thông cảm và thương yêu, loài thú không thể chuyển kiếp thành người được.

Ông Kris ngừng lại nhìn chúng tôi, rồi nhấn mạnh:

- Đây là chìa khóa then chốt của minh triết Karma Yoga. Tình thương là bước đầu cho việc phát triển trí thông minh. Trí thông minh đúng cách là bước đầu cho việc phát triển trí tuệ, và trí tuệ là yếu tố quan trọng nhất để thanh lọc những yếu tố ô trược để quay về với cội nguồn thiêng liêng. Nếu quan sát, ta có thể thấy những người thông minh thường là những người có tình thương bao la. Bây giờ, chúng ta hãy xét đến loài thú gần gũi với loài người nhất. Chó, mèo là hai loài gần gũi với loài người nhất. Thông thường loài chó thương chủ vô điều kiện và sẵn sàng làm mọi sự theo lệnh của người chủ. Nhờ biết thương yêu nên loài

chó học rất nhanh và chúng ta có thể kết luận rằng chó là loài vật dễ dạy nhất vì chúng khôn ngoan, thông minh nhất.

Ngay trong lúc nguy hiểm hay khẩn cấp, nó quên hẳn bản năng sinh tồn và hy sinh thân mình để cứu chủ. Nếu con vật đã tiến đến mức phát triển lòng hy sinh vào lúc nguy cấp xảy ra, nó sẽ mau chóng học hỏi để chuyển kiếp thành người. Dĩ nhiên loài chó không nhất thiết phải hy sinh mới thoát kiếp thú thành người. Khi con chó đã học tất cả những bài học nó cần phải biết trong thế giới loài vật, và khi nỗi sợ hãi đối với loài người được loại bỏ, thì nó được chuyển sang một kiếp sống mới để học nhiều hơn.

Sự khác biệt chính giữa người và thú là óc lý luận, cùng sự tự do ý chí. Nhờ óc lý luận, con người có khả năng phân biệt phải trái, đúng sai, tốt xấu và họ có thể đưa ra quyết định cho hành động của mình. Trong khi đó, vì chưa phát triển óc lý luận này, thú vật chỉ biết tuân theo bản năng sinh tồn hay kinh nghiệm chung mà thôi.

Angie sốt sắng hỏi:

- Nếu thế thì tất cả loài thú đều phải chuyển kiếp thành chó mèo mới có hy vọng làm người hay sao?

Ông Kris lắc đầu:

- Không hẳn thế, thú rừng cũng có thể thành người, nhưng mang thân xác của những con người man rợ, thấp kém. Đa số được sinh ra trong những bộ lạc sống sơ khai. Nhiều người còn mang nhiều thú tính dã man hay những kẻ trì độn, lười biếng, ngu si, không biết làm gì vì chưa phát triển được trí thông minh. Trong những kiếp đầu tiên mang thân xác con người, những người này vẫn sống thiên về bản năng như loài vật, họ tham lam, hung dữ, chưa biết kiểm soát hành động vì chưa biết gì về những quy luật tác động trong thế giới loài người.

Luật quan trọng đầu tiên áp dụng trong thế giới loài người là luật Luân hồi. Luật này nói rằng khi sinh lực chuyển hóa thành cá nhân riêng biệt, nó sẽ phải tái sinh nhiều lần qua những kiếp sống khác nhau để học tất cả những bài học có thể học được.

Từ đó, nó sẽ biết cách thanh lọc các yếu tố ô nhiễm qua kinh nghiệm của những kiếp sống.

Luật quan trọng thứ hai tác động đến con người là luật Nhân quả. Theo luật này thì mọi tư tưởng, lời nói hay hành động phát xuất từ con người đều sinh ra kết quả tương ứng rõ rệt, và kết quả này phải được giải quyết ít lâu sau đó hay qua nhiều kiếp sống để học hỏi, rút kinh nghiệm. Luật này rất đơn giản vì “*gieo nhân nào, gặt quả đó*”. Hành động nào của ta gây đau khổ cho người khác thì ta phải trả giá bằng sự đau khổ do hành động tương tự của người khác gây cho ta, hoặc trong kiếp này hay kiếp sau.

Khi vừa chuyển kiếp thành người thì hành động hay tư tưởng, lời nói của con người thường bị ảnh hưởng bởi loài thú trong kiếp trước nên ít nhiều mang tính tham lam, ích kỷ, độc ác. Họ sẽ gặp nhiều đau khổ do chính tư tưởng, hành động và lời nói của họ gây ra. Trong hàng trăm kiếp đầu tiên làm người, những người này tích lũy rất nhiều nhân xấu vì chưa học được bài học mà họ cần phải học. Tuy họ gặp đau khổ nhưng chưa biết cách giải quyết ra sao. Phần lớn chưa tiến bộ hay học hỏi gì mà sống theo những thú tính của loài vật, có bản năng chiếm đoạt, giành giật, cướp bóc bất cứ thứ gì của người khác. Bản năng thú tính của họ sẽ thúc giục họ dùng sức mạnh để giành cho được cái mà họ muốn.

Trong khoảng hàng trăm kiếp sống đầu tiên, những người này tạo nhiều nhân xấu hơn là nhân tốt và cứ liên miên tái sinh trong vòng luân hồi. Lúc làm người, khi làm thú vật để học hỏi thêm. Nhiều người quan niệm luân hồi hay tiến hóa nghĩa là tiến lên những kiếp sống, hoàn cảnh tốt đẹp hơn, điều đó không đúng. Luân hồi nghĩa là đi lên hay đi xuống trong một cái vòng luẩn quẩn. Có khi làm người, có khi làm thú vật, có khi còn xuống thấp hơn thành các loại ma quỷ không nơi nương tựa, lang thang không định hướng, đầu óc ngu si, vất vưởng trong một thời gian rất dài.

Angie hỏi:

- Nhưng họ đã làm gì mà phải gặp hoàn cảnh đó?

Ông Kris mỉm cười:

- Bất cứ một hành động nào cũng tạo ra một nhân và đã có nhân thì phải có quả. Đó là quy luật của vũ trụ. Bất cứ hành động nào cũng tạo ra một phản hồi tương ứng. Nếu bà ném một vật lên không trung thì vật đó phải rơi xuống vì sức hút của trái đất. Cái lực ném lên và lực rơi xuống đều tương đương như nhau. Nếu bà ném một viên đá xuống một mặt hồ phẳng lặng sẽ gây nước bắn ra tung tóe. Nếu đời nay con người gây ra một số nhân xấu, rồi đời sau lại gây thêm một số nhân xấu nữa và cứ như thế thì số nhân xấu gây ra càng ngày càng chồng chất. Theo luật Nhân quả, khi quả chín thì việc phải đến sẽ đến. Vì sao con người sau khi chết hóa thành ma quỷ? Vì bị bao nhiêu nhân xấu tạo thành quả xấu bủa vây cho nên họ phải thành loài ma quỷ. Những người có tính tàn nhẫn, hiếu sát, thích đánh đập hay giết hại sinh vật thì thường chịu đựng bệnh tật đau đớn, khổ sở, khó có thể sống lâu được. Nếu họ tước đoạt sinh mạng của sinh vật khác khiến chúng không được sống lâu hơn, thì số mạng của người đó cũng không thể lâu dài và thường chết yểu. Những người trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của người khác thì kiếp sau thường tái sinh vào những nơi bần cùng nghèo khổ. Điều này cũng dễ hiểu vì chiếm đoạt tài sản của người khác, khiến cho người ta lâm vào cảnh túng thiếu thì trước sau kẻ chiếm đoạt cũng gặp phải cảnh nghèo nàn cơ cực. Vì thiếu hiểu biết cho nên con người tập nhiễm những điều xấu, lâu dần trở thành thói quen ác độc, kết quả là họ phải hứng chịu vô số hoàn cảnh khổ sở, bệnh tật, có nói ra cũng không thể hết được.

Khi trải qua hàng trăm kiếp sống, lúc thế này lúc thế khác, lúc sướng lúc khổ, lúc “lên voi” khi “xuống chó”, con người bắt đầu học được nhiều hơn nên hiểu rằng làm việc xấu sẽ gây khó khăn cho họ, còn làm chuyện tốt thì kết quả là gặp may mắn, thuận lợi hơn. Khi đã biết kìm hãm thú tính, chuyển qua làm những việc tốt lành thì thực thể bắt đầu giai đoạn tiến hóa để thanh lọc các yếu tố ô trược. Theo thời gian, qua nhiều kiếp sống, họ tiến đến mức mà nhân tốt tạo ra trong một kiếp nhiều hơn là nhân xấu. Đây là giai đoạn rất quan trọng trong sự phát triển của con người, vì từ lúc này họ trở nên hữu dụng và có giá trị cho gia đình, xã hội và đất nước của họ.

Nếu quan sát, ông bà có thể thấy rõ những người này. Họ là những người đã biết phát triển những đức tính cao đẹp, biết rõ bổn phận của họ đối với gia đình, xã hội, quốc gia và nhân loại. Họ là những người luôn luôn học hỏi, thay đổi và biết làm chủ mọi hành động để chuyển hóa các tập tính xấu và trở thành những hiền triết, thánh nhân trên tiến trình trở về với cội nguồn thiêng liêng. Đó chính là nguyên tắc của con đường hành động Karma Yoga mà ngày nay không mấy người hiểu rõ.

Angie vẫn thắc mắc:

- Nhưng Karma Yoga khác với môn Yoga tôi thường tập luyện như thế nào? Thầy dạy Yoga của tôi còn bắt chúng tôi phải tập thiền nữa. Vậy thì thiền có liên quan gì đến Karma Yoga không?

Ông Kris gật đầu trả lời:

- Môn Yoga bà đang học chỉ là phương pháp tập luyện để giúp cho thân thể khỏe mạnh và xả giãn. Như tôi đã trình bày, Yoga đã có từ ngàn xưa, bao gồm việc điều trị thể xác, làm chủ hơi thở và luyện tập tinh thần. Yoga cổ chia thành ba con đường hay ba khuynh hướng triết lý. Mỗi con đường lại có rất nhiều phương pháp tập luyện khác nhau nữa. Hatha Yoga chủ trương rèn luyện thể chất, Raja Yoga chủ trương rèn luyện tinh thần...

Ông Kris nhấn mạnh:

- Karma Yoga có nghĩa là con đường của hành động. Nhưng cần lưu ý rằng karma không phải chỉ bất cứ hành động nào, mà ám chỉ sự chủ tâm trong mọi hành động. Không những chủ tâm khi hành động mà cả trong lúc suy nghĩ, nói năng nữa. Ngày nay, nhiều người cho rằng karma đơn thuần chỉ là hành động mà thôi, như thế là thiếu sót vì karma bao gồm cả tư tưởng, lời nói và hành động.

Nếu ông bà để ý thì sẽ thấy có sự khác biệt rất lớn giữa hành động làm với sự chủ tâm và hành động làm lúc vô thức. Việc làm được thực hiện một cách vô ý sẽ khác với việc làm có sự cố ý trong đó vì kết quả sẽ khác nhau. Bất cứ điều gì ta làm với sự chủ tâm đều mang lại hệ quả, vì đã có sự cân nhắc trước khi hành động. Tư tưởng có trước lời nói và hành động, nó là nguyên nhân của mọi hành động. Vì thế con người phải biết cảnh giác với mọi tư

tưởng của mình. Nhưng làm sao để làm chủ tư tưởng đây? Do đó, tập Yoga để thư giãn thể chất là chưa đủ mà còn phải tập thiền để làm chủ tư tưởng của mình nữa.

Trên con đường thanh lọc các yếu tố ô trược, con người phải biết rõ quá trình tư duy của mình, nếu không thì họ chỉ hành động mà không có sự chủ tâm. Khi con người biết rõ tư tưởng của họ như thế nào rồi thì họ có thể sửa đổi chúng cho tốt hơn, đúng hơn, hợp với mục đích mà họ theo đuổi. Con đường thanh lọc này diễn ra như thế nào? Việc đầu tiên là chuyển hóa lòng tham lam, ích kỷ, chiếm hữu, hay nói cách khác là bắt đầu loại bỏ những tư tưởng tham lam, thèm muốn trong tâm trước đã. Khi tâm hồn trong sạch thì lời nói và hành động cũng trong sạch theo. Khi đã hiểu rõ luật Nhân quả, họ sẽ cố gắng thanh lọc, loại bỏ những tư tưởng ích kỷ trong tâm và tránh những hành động tham lam.

Ông Kris mỉm cười nói:

- Tuy nhiên, ông bà cũng nên lưu ý rằng có nhiều người chỉ muốn làm việc tốt để kiếp sau họ sẽ được hưởng một cuộc sống tốt đẹp hơn. Họ sẵn sàng bỏ tiền ra làm từ thiện để sau này được sinh ra trong gia đình giàu có. Đó là một sự trao đổi. Bỏ cái này để đổi lấy một cái khác như thế vẫn là tham lam, đầy tính chấp ngã. Hành động thiện cần được làm với sự sáng suốt, biết rằng nếu không làm thế, con người chỉ đem lại thất vọng, đau khổ cho chính họ. Làm việc thiện là điều tiên quyết giúp con người sống thoải mái, an nhiên tự tại, hòa nhịp với bản thân họ và với tất cả mọi người. Nghĩ đến kết quả chỉ là một sự mong cầu, tham lam và ích kỷ. Tất cả những gì ham muốn, mong cầu chỉ mang đến sự thất vọng. Không có sự mong cầu nào trở thành hiện thực như đã muốn. Sự mong cầu khiến con người chỉ chú ý đến tương lai xa vời và như thế là không đúng với con đường hành động Karma Yoga. Hành động thiện phải được thực hiện bằng cả tâm hồn một cách tự nhiên, không có bất kỳ cái gì khác xen vào thì mới thật sự là việc thiện. Làm việc thiện để cho người khác biết là không đúng vì có yếu tố cá nhân tiềm ẩn trong đó.

Angie hỏi tiếp:

- Nếu luật Nhân quả là đúng thì tại sao hiện giờ có những người làm bao điều ác mà vẫn sống thoải mái, sung sướng, không bị sao

cả? Nhiều người gian lận, lừa bịp chiếm đoạt tài sản của người khác mà họ vẫn sống thanh thoi, sức khỏe vẫn tốt. Tại sao họ không bị trừng phạt?

Kris bật cười:

- Họ chưa bị trừng phạt đó thôi. Họ sẽ lãnh những hậu quả của những việc họ làm. Nếu không phải lúc này thì vào lúc khác. Nếu không kiếp này thì kiếp khác. Vì cuộc đời chúng ta là hữu hạn nên không mấy ai có thể nhìn rõ những tác động của tạo hóa. Trong vũ trụ này, không có gì xảy ra ngẫu nhiên đâu mà tất cả đều tuân theo những quy luật bất biến. Tất cả các hành tinh, mặt trời, mặt trăng đều tuân theo quy luật của vũ trụ. Trái đất ta đang sống cũng như thế vì luật vũ trụ không phân biệt hay thiên vị với bất kỳ ai. Gieo nhân nào sẽ gặt quả đó, khi quả đến lúc chín muồi thì sự việc quả sẽ xảy ra.

Khi bước vào cuộc đời, tất cả mọi người đều mang theo một số thói quen từ quá khứ hay những kiếp sống trước. Những gì xảy ra cho chúng ta trong đời sống hiện tại đều là quả của các nhân đã gieo trồng từ trước. Bất cứ hành động, lời nói hay tư tưởng nào của chúng ta cũng đều là nhân và có khi nó trở quả ngay lúc này, nhưng có khi nó tiềm ẩn và trở quả vào lúc khác. Chúng ta là người tạo ra số phận của mình. Không ai có thể thật sự làm gì cho ta được. Tất cả chúng ta trong mỗi giây phút đều có cơ hội để gieo trồng hay gây nhân cho chính mình. Nhân tốt hay xấu đều do ta tạo ra, và khi nào nó trở quả còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa.

Ông Kris ngừng lại và kết luận:

- Hôm nay chúng ta đã bàn luận về con đường hành động – Karma Yoga, một nền minh triết cổ xưa mà hiện nay rất ít ai biết đến. Tôi muốn nhấn mạnh rằng đó là minh triết của vũ trụ chứ không phải của riêng Ấn Độ đâu mặc dù ngày nay người ta vẫn cho rằng nó xuất phát từ xứ Ấn.

Thật ra, luật vũ trụ bao trùm khắp mọi nơi và chi phối vạn vật. Nó không dành riêng cho một nơi nào hay địa phương nào cả. Từ ngàn xưa, đã có những nền văn minh với các nhà hiền triết đã học hỏi, tìm hiểu và nghiên cứu về những điều này. Những người được thụ giáo từ nền minh triết này đã đi khắp nơi truyền

dạy cho mọi người. Tùy theo nơi họ đến, tùy điều kiện và phong tục địa phương mà phương pháp truyền dạy cũng thay đổi phần nào, nhưng minh triết hay luật vũ trụ thì không bao giờ thay đổi. Tiếc thay, ngày nay người ta chỉ nói đến phương pháp chứ không mấy ai đề cập đến triết lý. Do đó, đối với phần lớn mọi người, Yoga chỉ là một phương pháp luyện tập thể chất và thiền định cũng chỉ là một phương pháp tĩnh tâm để thư giãn đầu óc mà thôi.

* * *

Khi chúng tôi trao đổi về đề tài Karma Yoga, ông Thomas cho biết bài học quan trọng mà cá nhân ông đã học được qua các kiếp sống là việc phát triển tình thương. Đó là một tư tưởng bất ngờ nảy sinh trong kiếp sống của ông tại Atlantis mặc dù lúc đó những người dân xứ này chưa biết gì về tình thương. Vì lý do nào đó, ông hối hận và có ý nghĩ thương yêu Kor trong giờ phút cuối của kiếp sống đó. Nó trở thành một động lực rất mạnh dẫn dắt ông trong những kiếp sau để học hỏi, phát triển tình thương.

Ông Thomas nói rằng buổi nói chuyện với ông Kris về Karma Yoga cũng giúp cho vợ chồng ông hiểu thêm về các quy luật vũ trụ như Luân hồi và Nhân quả. Mặc dù ông đã được học về những điều này trong những kiếp trước nhưng ông vẫn chưa ý thức được rõ rệt. Ông tiết lộ rằng trong chu kỳ hiện tại, hai quy luật này là bài học quan trọng mà tất cả mọi người đều phải học để biết về sự vận hành trong vũ trụ và hậu quả mà họ gây ra. Ông kết luận: *“Đừng bao giờ làm bất cứ việc gì mà không suy xét đến hậu quả của nó”*.

PHẦN BỐN

AI CẬP

THẦN LINH KHÔNG TRONG TƯỢNG ĐÀI

Sau chuyến đi ngắn ngủi tại Colorado, chúng tôi trở về New York để tiếp tục công việc hàng ngày. Cuộc gặp gỡ kỳ lạ với ông Kris và ký ức về châu Atlantis đã làm tôi bắt đầu suy nghĩ về khái niệm Luân hồi và Nhân quả.

Từ trước đến nay, tôi là người thực tế, không tin vào những gì hoang đường viển vông, nhưng hiện nay tôi hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi những điều ông Kris nói. Phải chăng mọi người đều đã trải qua nhiều kiếp sống để học hỏi? Nhưng nhân loại đã làm gì, đã học được những gì hay không học được gì? Họ đã tạo những nhân gì và sẽ gặt quả gì? Phải chăng những người mà chúng ta gặp trong đời này đều đã có mối liên hệ từ trước? Tại sao không mấy ai nhớ được kiếp trước? Nếu những việc làm trong quá khứ chỉ phôi hoàn cảnh hiện tại và hành động hiện tại sẽ chỉ phôi tương lai thì tương lai nhân loại sẽ ra sao? Khi xưa, tôi chẳng bao giờ bận tâm về ý nghĩa của cuộc đời, nhưng hiện nay nó là câu hỏi đang khiến tôi phải suy nghĩ rất nhiều.

Một hôm, trong lúc tôi đang làm việc thì Angie bước vào:

- Em và Connie vừa đi xem triển lãm về Ai Cập tại viện bảo tàng New York. Từ khi nghe ông Kris nói, em để ý và nhận thấy các món trang sức của vua chúa Ai Cập đều gắn những viên ngọc như thế. Các lăng tẩm cũng đều được sơn phết bằng màu sắc của các loại ngọc. Nếu những viên ngọc có công dụng cho sức

khỏe thì em cũng muốn mua một chiếc vòng đeo tay có gắn bảy viên ngọc như thế. Anh nghĩ sao? Anh có muốn đi mua với em không?

Tôi là người thực sự không thích đi mua sắm. Mọi vật dụng cần thiết, từ quần áo, giày dép đến các thứ khác đều có Angie lo liệu, nhưng không hiểu sao hôm đó tôi lại nhận lời. Khu phố Kim Cương (*Diamond District*) nằm trên đường 47 và đường số 5 là nơi tập trung rất nhiều cửa hàng trang sức. Tại đây có đủ mọi loại hàng từ vàng bạc, kim cương, đến các loại ngọc quý, đủ thứ, đủ cỡ lớn nhỏ. Gần như du khách nào đến New York cũng phải thăm khu này. Chúng tôi ghé qua những cửa hàng nổi tiếng như Tiffany, Bvlgari, Cartier, Van Cleef v.v... Bất cứ nơi nào Angie cũng vui vẻ nói chuyện với nhân viên bán hàng và ngỏ ý muốn xem những chiếc vòng có gắn ngọc quý. Vì biết chúng tôi, nên chủ tiệm nào cũng mời vợ chồng tôi vào phòng riêng chỉ dành cho khách quý và mang ra các món trang sức đặc biệt và hiếm cho chúng tôi lựa chọn.

Trong khi Angie xem những chiếc vòng đeo tay, tôi vẫn lơ đãng nhìn quanh và thấy trên tường có treo bức ảnh một chiếc nhẫn hình con bọ hung gắn hồng ngọc. Tôi nhận ra ngay đó là chiếc nhẫn mà ông Kris thường đeo.

Tôi hỏi người bán hàng:

- Đó là nhẫn gì vậy?

Người bán hàng trả lời:

- Đó là chiếc nhẫn của các Pharaoh thời xưa.

Tôi hỏi thêm:

- Tôi có thể xem chiếc nhẫn đó được không?

Người bán hàng bật cười:

- Đó chỉ là bức ảnh để trang trí thôi, chiếc nhẫn này là một cổ vật hiện được trưng bày trong viện bảo tàng ở Luân Đôn.

Không hiểu sao tôi cảm thấy chiếc nhẫn đó vô cùng thân thuộc. Tôi bèn đề nghị:

- Liệu các ông có thể chế tác một chiếc nhẫn giống như thế không?

Người bán hàng ngạc nhiên:

- Đó là chiếc nhẫn cổ xưa chứ ngày nay đâu ai đeo kiểu nhẫn như thế nữa đâu.

Thấy tôi nhìn chăm chăm chiếc nhẫn đó, Angie nói ngay:

- Nếu tôi đặt làm một chiếc nhẫn y hệt như thế thì các ông có làm được không?

Người bán hàng trả lời:

- Công ty của chúng tôi có thể chế tác bất cứ kiểu trang sức nào mà quý khách muốn. Tuy nhiên, đây là trường hợp đặc biệt nên chúng tôi phải liên hệ với thợ kim hoàn để lấy ý kiến đã.

Angie gật đầu:

- Đây là địa chỉ của chúng tôi. Tôi muốn đặt làm một chiếc nhẫn y hệt như bức hình kia. Ông hãy liên hệ với thợ kim hoàn và cho tôi biết giá cả và thời gian thế nào nhé.

Ra khỏi tiệm, Angie tò mò hỏi:

- Anh thích chiếc nhẫn đó lắm à? Nhưng anh có bao giờ đeo nhẫn đâu?

Tôi gật đầu:

- Không hiểu sao anh lại có cảm giác thích nó ngay từ lúc mới nhìn thấy.

Angie mừng rỡ nói:

- Hay quá, thế là em mua được cho anh món mà anh ưa thích rồi, chứ từ trước đến nay anh có bao giờ để ý đến những thứ này đâu.

Tuy nhiên, khi về đến văn phòng, tôi bận việc quá nên quên hẳn việc đi mua sắm với Angie. Khoảng ba tuần sau, trong lúc tôi đang làm việc thì cô thư ký bước vào cho biết có một người thợ kim hoàn muốn gặp tôi. Đó là một ông lão Do Thái nhỏ bé đeo cặp kính dày cộm. Ông tự giới thiệu:

- Tôi là thợ kim hoàn chuyên về trang sức cổ xưa của Ai Cập, Ba Tư và Ấn Độ. Tôi được biết ông muốn có một chiếc nhẫn hình con bọ hung theo kiểu Ai Cập. Tôi được hăng điều đến để làm việc với ông.

Trước khi đo ngón tay để làm nhẫn, ông lão hỏi:

- Ông muốn đeo chiếc nhẫn này ở ngón nào?

Không hiểu sao tôi trả lời ngay mà không cần suy nghĩ:

- Tôi muốn đeo nó vào ngón tay trỏ.

Ông lão giật mình:

- Tại sao lại là ngón trỏ, người ta chỉ đeo nhẫn vào ngón giữa hay ngón áp út, thường gọi là ngón nhẫn thôi. Chỉ có các bậc Pharaoh ngày xưa mới đeo nhẫn vào ngón trỏ.

Ông lão trầm ngâm, rồi lên tiếng:

- Chiếc nhẫn trên ngón tay trỏ tượng trưng cho uy quyền của Pharaoh. Một khi Pharaoh đưa ngón tay trỏ đeo nhẫn ra lệnh thì đó là quyền năng cao nhất và mọi người phải tuyệt đối tuân theo.

Tôi ngạc nhiên vô cùng:

- Làm sao ông biết những điều đó?

Ông lão bật cười:

- Tôi là thợ kim hoàn chuyên về trang sức thời cổ. Dĩ nhiên tôi phải nghiên cứu để hiểu rõ các loại trang sức cũng như ý nghĩa xuất xứ của nó. Đây là loại nhẫn của các Pharaoh Ai Cập, ngày xưa được coi như là vương ấn của triều đình. Tuy bên ngoài nhẫn giống nhau nhưng mỗi Pharaoh lại cho khắc những dòng chữ trên đó tùy theo ý nguyện của họ. Nếu không phải là thợ có chuyên môn sâu thì không mấy ai biết được điều này.

Tôi tò mò hỏi tiếp:

- Vậy chiếc nhẫn trưng bày tại viện bảo tàng Luân Đôn là của ai? Và trên đó khắc chữ gì?

Ông lão mỉm cười:

- Đó là chiếc nhẫn của một Pharaoh thuộc vào thời đại cuối của triều đại các vua chúa Ai Cập, trước khi Ai Cập bị người Assyria xâm lăng vào khoảng hơn sáu trăm năm mươi năm trước Công nguyên. Chiếc nhẫn đó khắc dòng chữ “Xin thần Thái Dương Amun Ra ^[3]che chở cho tôi”. Phía trong có hình chim ưng Horus, tượng trưng cho công lý.

Tôi ngạc nhiên trước kiến thức của người thợ kim hoàn:

- Ông còn biết gì về chiếc nhẫn đó nữa?

Ông lão Do Thái tiếp tục:

- Chiếc nhẫn đó có khảm một viên hồng ngọc. Hồng ngọc tượng trưng cho đức tin, do đó tôi nghĩ vị Pharaoh này phải là người có đức tin tôn giáo mãnh liệt. Mỗi khi lên ngôi, các Pharaoh đều cho giáo sĩ làm nghi thức đặc biệt truyền bùa chú vào đồ trang sức để bảo vệ cho họ. Hiện nay, chiếc nhẫn này được trưng bày trong viện bảo tàng ở Luân Đôn nên không có điều gì nguy hiểm.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao lại nguy hiểm?

Ông lão trả lời:

- Khi Pharaoh qua đời, các vật dụng, trang sức được chôn theo họ. Vì thế các lăng tẩm này thường bị các tay trộm đến đào, khai quật để lấy đồ quý. Nhiều người sưu tầm đồ cổ mua những thứ này mà không biết đến mối nguy hiểm của chúng. Hầu hết các đồ vật chôn theo vua chúa đều được yểm bùa để bảo vệ, hay những xác ướp đã được các giáo sĩ giam giữ một số sinh vật cõi âm vào để giữ mồ. Do đó, người mua đồ cổ thường bị hại bởi các động lực, năng lượng vô hình này. Nếu họ không chết thì cũng tán gia bại sản và con cháu họ cũng khó sống yên ổn. Dĩ nhiên, ngày nay không ai tin vào những chuyện như thế. Một số người cho rằng đó chỉ là những chuyện hoang đường nhằm mục đích dọa nạt mọi người, không cho họ bén mảng đến những nơi chôn cất đó thôi. Tuy nhiên, chắc ông cũng biết đã có nhiều nhà khảo cổ chết bất đắc kỳ tử. Một số triệu phú thích sưu tầm đồ cổ của vua chúa thời xưa cũng gặp phải các tai nạn thương tâm bất ngờ.

Ông lão Do Thái thấy vẻ mặt nghi ngờ của tôi nên nói tiếp:

- Chắc ông cũng biết về ngôi mộ của Pharaoh Tutankhamun hay “King Tut”. Đây là ngôi mộ tồn tại trong suốt mấy ngàn năm, còn nguyên vẹn, không bị trộm. Năm 1923, nhà khảo cổ Howard Carter và Lord Carnarvon đã tìm ra ngôi mộ này. Sau khi đào mồ, Lord Carnarvon đã chết bất đắc kỳ tử vì một lý do hết sức mơ hồ. Người phụ tá của ông trong việc đào mồ, George Gould cũng chết vì tai nạn vài ngày sau đó. Trong số bốn mươi người hiện diện lúc khai quật mộ “King Tut”, hai mươi lăm người cũng chết trong vòng ba tháng. Nhiều người cho rằng ngôi mộ có rải thuốc

độc nhưng cho đến nay không ai tìm được bằng chứng nào cho thấy có độc trong ngôi mộ.

Tôi bật cười:

- Phải chăng đó chỉ là tin đồn được báo chí phóng đại lên mà thôi.

Người thợ kim hoàn lắc đầu:

- Chúng tôi làm nghề này đã lâu nên biết rõ mọi việc hơn người khác. Đối với chúng tôi, các cổ vật, trang sức lấy được trong mồ mả, nơi thờ phượng là điều cấm kỵ, không ai dám đụng vào.

Thấy tôi vẫn lắc đầu có vẻ không tin, ông lão nói tiếp:

- Một trong những món trang sức nổi tiếng là viên kim cương “Hy vọng” (*Hope*) màu xanh được lưu giữ trong viện bảo tàng Smithsonian tại Washington D.C. Nó có xuất xứ từ viên kim cương rất lớn được gắn vào trán của một vị thần trong một ngôi đền cổ tại Ấn Độ. Trong thời nội chiến giữa các tiểu vương, một vị chỉ huy nhóm loạn quân đã gỡ viên kim cương đó xuống để bán. Chỉ vài hôm sau, ông này chết bất ngờ, rồi viên kim cương đó được bí mật mang về châu Âu bởi một lái buôn trang sức người Pháp tên Jean Tavernier.

Theo tài liệu, Tavernier bán viên kim cương này cho triều đình Pháp để gắn lên vương miện của vua Louis thứ mười bốn và được gọi là viên ngọc xanh của nước Pháp

(*Le Bleu de France*) . Sau khi bán viên kim cương này được ít lâu, Tavernier học máu chết trong xưởng làm trang sức của ông ta tại Paris. Sau khi đội vương miện trong lễ đăng quang, vua Louis thứ mười bốn cũng bị bệnh, da thịt ung thối và chết vì nhiễm độc. Không những thế, những đứa con của ông vua này cũng chết thê thảm. Người chết đuối, kẻ chết cháy, kẻ chết vì ngã ngựa lúc đi săn, chỉ có một người duy nhất sống sót.

Vương miện được truyền qua tay vua Louis thứ mười sáu. Ông này cho tháo viên kim cương đó ra để làm vòng đeo cổ cho nữ hoàng Marie Antoinette. Chắc ông cũng biết chỉ vài năm sau, cả hai đều chết thê thảm trên máy chém trong cuộc Cách mạng Pháp 1792. Tài sản triều đình được phân chia cho những người lãnh đạo cuộc cách mạng. Theo tài liệu của các thợ kim hoàn thời đó thì viên kim cương được mang qua Anh và lọt vào tay

một thợ kim hoàn nổi tiếng là Wilhelm Fals. Tài liệu ghi rõ ông này cắt nó ra thành bốn viên kim cương nhỏ hơn để cho dễ bán vì mấy ai có khả năng mua được một viên kim cương nặng hàng trăm carat như thế. Ít lâu sau, Wilhelm Fals bị chính con trai mình giết để cướp gia tài. Cậu con bị kết án và cũng chết trong nhà ngục. Chuyện gì đã xảy ra cho bốn viên kim cương này không thấy ai lưu truyền nhắc đến trong suốt một thời gian dài.

Theo tài liệu của các thợ kim hoàn thì chàng triệu phú Hoa Kỳ trẻ Somerset đã mua được một viên - gọi là viên kim cương "*Hope*" , có nghĩa là *hy vọng* (nhưng hậu quả cho những ai sở hữu đều trái ngược, rất bi đát) để làm quà tặng cho người vợ chưa cưới - lúc đó viên kim cương quý tộc lung linh này được mệnh danh là "*Trái tim của Đại dương*". Hai vợ chồng hưởng tuần trăng mật sóng gió trên chiếc tàu định mệnh Titanic. Chắc ông cũng biết chuyện gì đã xảy ra cho chiếc tàu Titanic rồi.

Viên thứ hai rơi vào tay Nga Hoàng Nicholas và được chế tác thành vòng ngọc đeo trên cổ hoàng hậu Alexandria. Rồi chuyện gì xảy ra cho gia đình Nga Hoàng trong cuộc Cách mạng Bolshevik 1917 chắc ông cũng biết. Hiện nay chuỗi ngọc đó lọt vào tay ai thì tôi cũng không rõ.

Viên thứ ba rơi vào tay triệu phú Hy Lạp Simon Maoncharides. Chỉ ít lâu sau khi mua viên kim cương, ông này lái xe rơi xuống vực chết thê thảm. Hiện nay không ai biết viên kim cương này thuộc về ai? Có người nói rằng nó lọt vào tay triệu phú Onassis và được tặng cho bà Jacqueline Kennedy trong hôn lễ. Nếu viên kim cương này được lưu giữ trong gia đình Kennedy thì thật là bất hạnh. Chuyện gì xảy ra cho gia đình này chắc ông cũng biết. Tuy nhiên, đây chỉ là tin đồn, chứ không ai biết rõ sự thật.

Viên thứ tư, lớn nhất và đẹp nhất được bán tại Thụy Sĩ, nhưng giá trị của nó quá lớn nên không ai mua nổi. Nhiều năm sau, Evalyn McLean, con gái triệu phú McLean, sau khi được hưởng gia tài của cha để lại, đã dùng trọn số tiền đó để mua viên kim cương này. Cô thường đeo trong các buổi dạ hội của giới điện ảnh, được báo chí khen là người có món nữ trang đẹp nhất. Ít lâu sau, cô này cũng chết một cách rất lạ lùng mờ ám khi còn rất trẻ.

Vì sống truy lạc tiêu pha phung phí nên Evalyn nợ nần rất nhiều. Để trang trải, viên kim cương lọt vào tay chủ ngân hàng Thomas Hope.

Từ khi sở hữu viên kim cương, gia đình ông này gặp rất nhiều rắc rối, vợ chồng ly dị, con cái bất hòa, tranh chấp kiện tụng để giành tài sản, tạo ra rất nhiều tai tiếng trên báo chí. Từ đó, viên kim cương này được biết đến như là một tai ương cho những ai sở hữu nó. Cuối cùng, gia đình tỷ phú Hope cũng phải khánh kiệt tài sản. Người cháu của ông Hope bèn đem tặng viên kim cương này cho viện bảo tàng Smithsonian để triển lãm vì không có bất kỳ một ai dám giữ hay sở hữu nó nữa.

Tôi gặt đầu:

- Tôi có nghe nói về bốn viên kim cương Hope và tai họa thê lương đã xảy đến với những người có liên quan nhưng tại sao ông lại biết lai lịch và hành trình của những viên kim cương này rõ thế?

Ông lão Do Thái hãnh diện nói:

- Công trình làm ra những món trang sức có giá trị lớn đều được ghi vào sổ sách cẩn thận. Tất cả thợ kim hoàn thiết kế những tác phẩm nghệ thuật đều ghi lại công trình của họ vào tài liệu để cho đời sau học hỏi. Đây là truyền thống của nghề kim hoàn đã có từ nhiều trăm năm nay.

Ông lão kết luận:

- Những bảo vật có giá trị lớn thường đi kèm với những điều không may. Những cửa cải phi nghĩa do cướp bóc, chiếm đoạt đều mang lại những điều bất hạnh mà không mấy ai biết. Khi một vật có giá trị lớn, nó khiến cho người khác thèm muốn và gây ra phiền toái. Nếu không gặp trộm cắp thì cũng bị chiếm đoạt. Vì lòng tham mà biết bao nhiêu người đã phải bỏ mạng hay tán gia bại sản. Lịch sử đã ghi nhận rõ ràng là những ai lấy của từ người khác một cách phi nghĩa đều phải trả một cái giá rất đắt - không phải lúc này thì ắt cũng vào lúc khác. Càng chiếm đoạt bao nhiêu thì càng gặp những điều không may bấy nhiêu, nếu không nghèo khổ thì cũng gặp tai nạn bất ngờ, và lúc đó có hối hận thì cũng đã quá muộn. Tuy chỉ là người thiết kế trang sức, nhưng tôi nghiên cứu rất kỹ những tài liệu trang sức,

kim hoàn từ xưa để lại, vì thế tôi cũng học được ít nhiều. Hôm nay có duyên vui miệng kể ông nghe, mong ông không để tâm đến chuyện đó.

Hai tháng sau, tôi nhận được chiếc nhẫn có hình con bọ hung giống y như chiếc nhẫn mà tôi thấy trong tấm hình của tiệm trang sức. Phải nói rằng đó là một tuyệt tác được thực hiện bởi người thợ kim hoàn thật điêu luyện khéo tay này. Nếu so sánh với chiếc nhẫn trong viện bảo tàng Luân Đôn thì nó giống y như thật.

Một hôm, tôi ngồi trong phòng làm việc, vô tình tập trung nhìn chiếc nhẫn mà tôi đã đeo từ mấy tuần qua. Tự nhiên có một mảnh lược kỳ lạ khiến tôi cảm thấy ngây ngất và thiếp đi lúc nào không biết.

* * *

Tôi thấy mình đang đứng trước một ngôi đền ngoài sa mạc với một nhóm giáo sĩ. Tôi cố gắng tự chủ, nhưng cũng như lần trước, tôi biết mình đang ở trong một thể xác khác với thể xác hiện nay. Vì đã có kinh nghiệm nên tôi tự hỏi: “Phải chăng mình nhớ lại tiền kiếp nào đó một lần nữa?”.

Ngay lúc đó, toàn thân tôi run lên và tai nghe rõ tiếng vị giáo sĩ nói:

- Đã đến lúc ngài phải nắm lấy cơ hội hãn hữu này - nếu không thì không còn cơ hội nào nữa. Tuy ngài không hoàn toàn là người Ai Cập nhưng ngài vẫn mang dòng máu hoàng gia. Ngài được sinh ra tại Ai Cập, nghĩa là có liên hệ đến quốc gia này và được sinh ra tại đâu là phải có trách nhiệm với nơi đó. Khi sinh ra tại Ai Cập, ngài đã hấp thụ tinh khí của mảnh đất này và mắc nợ với nó. Dù muốn hay không, số mạng của ngài và quốc gia này có mối liên hệ chặt chẽ. Ngài phải làm tròn bổn phận của một người dân xứ này, nhất là khi quốc gia rơi vào cảnh nguy biến.

Mặc dù biết mình đang ở trong một thể xác khác nhưng đầu óc tôi vẫn còn hoang mang vì không rõ chuyện gì xảy ra. Ngay lúc đó, một binh sĩ oai nghiêm bước vào:

- Thừa ngài, quân sĩ đã sẵn sàng. Chúng tôi chờ lệnh của ngài.

Tôi chưa biết phải phản ứng ra sao vì đầu óc vẫn còn choáng váng, dường như mơ mà không phải mơ, nhưng tôi biết rằng tôi không còn là Thomas nữa mà là một con người khác, sống ở một

kiếp khác, thời đại khác rồi. Lúc đó, đột nhiên tiềm thức của tôi hoạt động, rồi quá khứ hiện rõ ra như một cuốn phim.

Tôi tên là Akhon, con của một thứ phi trong vương triều Ai Cập. Khi xưa Pharaoh đi kinh lý vùng hạ lưu sông Nile có bắt được một số nô lệ người Kush, trong đó có nhiều phụ nữ xinh đẹp. Vua đưa những người này về cung làm phi tần. Vì là đứa con mang hai dòng máu, Ai Cập và Kush, trong khi hai quốc gia này lại hay gây chiến với nhau, nên tôi không được coi là hoàng tử chính thức. Cuộc sống trong cung điện bề ngoài xa hoa sung sướng nhưng thật ra bên trong là cả một bãi chiến trường với những âm mưu tranh chấp giữa các phe nhóm cung phi. Là đứa trẻ mang hai dòng máu, con của một thứ phi không được sủng ái, tôi trở thành nạn nhân của những cuộc tranh chấp này.

Khi mẹ tôi mất, tôi bị đối xử kỳ thị đến mức tàn bạo bởi những hoàng tử khác trong cung. Tuy nhiên, là một đứa trẻ kiên cường với dòng máu người Kush chảy trong huyết quản, càng bị đối xử tệ bạc, tôi càng nung nấu ý chí phục thù. Một hôm, tôi bị đám hoàng tử đuổi đánh dữ dội nên phải trốn vào đền thờ thần Thái Dương. Tại đây, tôi được các giáo sĩ che chở nên sau đó tôi thường tìm chỗ trú ẩn tại đây. Nhờ các giáo sĩ thương tình dạy dỗ nên tôi học hỏi được rất nhiều về tôn giáo Ai Cập.

Các đền thờ Ai Cập lúc đó thật ra không hoàn toàn thuộc về tôn giáo mà là một hệ thống giáo dục bao gồm nhiều lĩnh vực như thiên văn, địa lý, kiến trúc, y học, âm nhạc v.v... Người theo học được quyền lựa chọn các lĩnh vực chuyên môn này. Chỉ một số ít được huấn luyện trở thành giáo sĩ sống trong đền thờ chuyên thực hiện những nghi thức hành lễ, dâng cúng thần linh, làm bùa chú, hay tắm liệm người chết.

Tôn giáo Ai Cập bắt nguồn từ thời xa xưa, không ai biết nó xuất hiện từ lúc nào hay từ đâu đến, nhưng giáo lý tôn giáo này dạy rằng vào thuở sơ khai, trời đất chỉ là một khối hỗn độn chìm sâu trong màn đêm âm u. Sau đó, thần Thái Dương Ra xuất hiện quét sạch màn đêm u tối bằng ánh sáng mặt trời, đem lại trật tự cho thế giới qua việc phân biệt giữa ngày và đêm, hay thời tiết bốn mùa v.v... Giáo lý thờ Thái Dương Ra dạy rằng đời người cũng giống như ngày và đêm, nghĩa là con người sống và chết, rồi được hồi

sinh và sống ở một cõi giới khác. Do đó, đời sống ở cõi giới sau khi chết quan trọng hơn đời sống hiện tại và việc chuẩn bị cho đời sống vĩnh cửu này là việc được hoạch định cẩn thận từng chi tiết. Theo người Ai Cập, sau khi chết, con người sẽ đi vào một thế giới tối tăm, âm u với rất nhiều ma quỷ và các động lực bất hảo cõi âm. Nếu không được chỉ dẫn cẩn thận, họ sẽ bị đọa lạc vào thế giới này và trở thành nô lệ cho những loài ma quỷ hay sinh vật cõi âm, rồi trở thành một loài ma quỷ sống mãi ở đó. Nhưng nếu được giúp đỡ bởi các thần linh qua các nghi thức cúng lễ với bùa phép và thần chú đặc biệt thì họ sẽ được đưa lên cảnh giới của các vị thần và trở thành một vị thần sống sung sướng ở cõi đó.

Dựa trên quan niệm này, tôn giáo Ai Cập chủ trương thờ cúng rất nhiều thần linh vì các vị thần này có thể giúp họ ở thế giới bên kia. Do đó, các nghi thức dâng cúng phẩm vật cho chư thần là một điều quan trọng để làm vui lòng thần thánh vì các vị thần có thể ban phước hay giáng họa, tùy theo giá trị của các phẩm vật dâng cúng. Người đứng đầu Ai Cập, hay Pharaoh, được coi là trung gian giữa dân chúng và các thần linh nên có bổn phận phải xây cất đền thờ, dâng cúng phẩm vật cho các vị thần để đảm bảo trật tự, thịnh vượng trong xã hội.

Ai Cập là xứ sở với phần lớn đất đai đều là sa mạc nên các xác chết được chôn cất không mấy khi bị hư hoại mà giữ được rất lâu. Tuy nhiên, khi đào lên, những xác khô này đều mang hình thù ghê gớm, xấu xí. Vì người Ai Cập tin rằng có một đời sống vĩnh cửu sau khi chết nên việc ướp xác, xây cất mồ mả, lăng tẩm là một nghi thức quan trọng để đảm bảo người chết sẽ giữ được xác thân đẹp đẽ như lúc còn sống và được thần linh đưa về những cảnh giới tốt đẹp. Theo đó, các nghi thức ướp xác được đặt ra để cho hồn người chết nhập vào đó khi sống ở cõi giới bên kia. Tùy theo mồ mả được xây cất với xác thân được bảo quản bằng việc ướp xác, cùng những nghi thức, bùa chú và cách hành lễ của các giáo sĩ, mà người chết sẽ được thần linh đưa về sống sung sướng ở cảnh giới bên kia. Đối với các vua chúa, quan lại hay giới thượng lưu giàu có, việc xây cất mồ mả, duy trì thân xác sau khi chết để đảm bảo cho đời sống ở cõi bên kia đã trở thành một truyền thống ăn sâu vào văn hóa xứ này.

nên gần như ai có khả năng cũng đều lo xây cất mồ mả cho mình ngay khi còn sống.

Trong suốt lịch sử kéo dài hơn sáu ngàn năm của Ai Cập, sự xung đột giữa các giáo sĩ và Pharaoh xảy ra rất thường xuyên do đụng chạm quyền lợi giữa hai bên. Khi nhóm giáo sĩ mạnh, họ đòi hỏi triều đình phải xây cất thật nhiều đền thờ, nuôi nhiều giáo sĩ, và dâng cúng phẩm vật theo sự đòi hỏi của họ (như thức ăn, rượu, vàng bạc, châu báu, nô lệ và phụ nữ) để họ hưởng thụ. Khi Pharaoh mạnh thì họ không muốn tiêu pha ngân quỹ cho việc xây cất đền thờ hay dâng cúng phẩm vật mà chú trọng vào việc xây cất mồ mả cho chính họ và chỉ riêng họ được hưởng những tiện ích này thôi.

* * *

Khi tôi được mười hai tuổi, nhờ sự can thiệp của tu sĩ trưởng đền thờ Thái Dương, tôi được gửi đến vùng biên giới hoang vu đặt dưới sự giám sát của một vị võ quan lớn tuổi. Đối với các hoàng tử trong cung, tôi bị xem là “đi đày” và họ tin rằng tôi khó có thể sống sót ở vùng biên thùy hoang dã như thế. Tuy nhiên, tại đây tôi được vị võ quan này coi như con và dạy dỗ cẩn thận. Cuộc sống ngoài sa mạc tuy khắc nghiệt đối với những người yếu đuối nhưng nó nung nấu trong tôi ý chí cương quyết không lùi bước trước khó khăn. Nhờ được giáo dục và chỉ dẫn tận tâm của vị võ quan mà tôi coi như cha nuôi, khi lớn lên, tôi trở thành trợ thủ đắc lực cho ông này và lập được nhiều chiến công hiển hách. Khi vị võ quan qua đời, tôi trở thành người chỉ huy quân lực trấn đóng vùng biên thùy sa mạc.

Năm đó, Pharaoh băng hà, các hoàng tử tranh cướp ngôi vua nên trong nước xảy ra nội chiến. Chỉ trong thời gian ngắn, đã có bốn Pharaoh lên ngôi, người nào cũng chỉ giữ được ngôi vị trong vòng vài tháng nên tình trạng xã hội trở nên rối loạn. Triều đình không kiểm soát được nữa. Các quan lại khắp nơi được thể thì nhau cướp bóc, chiếm đoạt tất cả những gì họ có thể lấy được. Nhân cơ hội đó, người Nubia ở phía Nam đưa quân vào chiếm đất đai của Ai Cập. Vị vua da đen xứ Nubia tự xưng là Pharaoh và thiết lập ngay một vương triều trên đất Ai Cập với ý định cai trị xứ này.

Hôm đó, Satt, vị giáo sĩ đền thờ Thái Dương tìm đến tôi. Ông nói:

- Hiện nay, tình thế đang hết sức nguy cấp bởi bên ngoài thì người Nubia đang kéo quân sang thôn tính Ai Cập, còn trong triều lại đang xáo trộn bởi cuộc tranh chấp giữa các phe nhóm hoàng tộc. Nay đã đến lúc ngài phải trở về để lên ngôi Pharaoh vì không ai có thể lãnh đạo Ai Cập trong lúc này được nữa.

Tôi trả lời:

- Ta biết rõ thân phận của mình, ta chỉ là con của một phi tần không chính thức, lại là kẻ mang hai dòng máu. Người Ai Cập không bao giờ chấp nhận một kẻ mang dòng máu Kush làm Pharaoh xứ này đâu.

Satt mỉm cười:

- Các giáo sĩ chúng tôi đã bàn luận với nhau về việc này và đề nghị cho tổ chức hôn lễ giữa ngài với công chúa Nedjem. Hiện nay, Ai Cập đang được cai trị bởi Pharaoh Amose, cha của công chúa Nedjem, nhưng ông này là một vị vua bất tài, ham mê tửu sắc, suốt ngày lo hưởng thụ chứ không màng gì đến việc nước. Ông lên ngôi Pharaoh cũng là do phe nhóm quan triều đưa lên chỉ để cho họ có cơ hội tăng thuế, biển thủ ngân quỹ qua các công trình xây cất lăng tẩm, bóc lột tài sản của dân chúng. Tuy thế, ngôi vị của ông này đang không hề vững vì âm mưu tranh giành quyền lực ngôi vị giữa các phe nhóm hoàng tộc vẫn đang diễn ra. Việc đưa một tướng lĩnh chỉ huy quân lực như ngài về làm rể triều đình sẽ giúp Pharaoh Amose giữ vững ngôi vị. Sau khi kết hôn với công chúa Nedjem, ngài sẽ nghiễm nhiên trở thành hoàng tử chính thức. Từ đó, ngài có thể tái lập trật tự xã hội, chấn chỉnh triều đình và trở thành Pharaoh.

Tôi ngạc nhiên vì đề xuất bất ngờ và thắc mắc:

- Nhưng hiện nay Amose đang làm Pharaoh mà.

Satt bật cười:

- Ngài đừng lo, giáo sĩ chúng tôi đã có kế hoạch. Sau khi ngài trở thành hoàng tử chính thức với công lao dũng cảm đánh dẹp ngoại xâm, được dân chúng kính phục, chúng tôi sẽ lo tính cho hậu sự của Amose.

Tôi kinh ngạc:

- Hậu sự Amose ư? Làm sao ta có thể tranh giành địa vị với cha vợ của mình được?

Satt mỉm cười:

- Chỉ với liều thuốc độc do một y sĩ ra tay là mọi sự yên ngay. Ngài không phải lo gì việc này.

Sau một hồi trấn tĩnh, tôi hồ nghi:

- Làm vậy các ông có lợi gì?

Satt nghiêm nghị nói:

- Ngài là người đã được dạy dỗ trong đền thờ Thái Dương từ nhỏ. Kiến thức tôn giáo của ngài đã được các vị giáo sĩ huấn luyện, do đó ngài là người của chúng tôi. Chúng tôi chỉ mong sau khi lên ngôi Pharaoh, ngài sẽ cho tu bổ, xây cất nhiều đền thờ, bảo vệ quyền lợi của các giáo sĩ, phát triển tôn giáo ở xứ Ai Cập.

Vừa nghe xong tôi đã nghiệm ra ngay: “Thì ra là thế, các giáo sĩ che chở, rèn luyện cho tôi khi còn nhỏ, đưa ra biên thùý để tránh các tranh chấp trong triều đình chỉ là một kế hoạch đã được tính toán cẩn thận. Thế thì tôi chỉ là một quân cờ trong bàn cờ chính trị nhằm tăng sức ảnh hưởng và quyền lực của nhóm giáo sĩ này mà thôi”.

Kế hoạch có vẻ khả thi và tôi đã không thể khước từ lời đề nghị hấp dẫn này. Mọi việc diễn tiến đúng như Satt đã trù tính. Sau hôn lễ, tôi khởi binh dẹp ngay đám phản loạn trong triều. Các hoàng tử và quan hầu trong cung từng đối xử khắc nghiệt với tôi đều bị ném xuống hầm tối làm mồi cho đám sư tử bị bỏ đói nhiều ngày. Sau đó, tôi đưa quân tấn công Nubia, chỉ vài trận đánh lớn, vua xứ này rút binh hàng phục, hàng năm phải triều cống vàng bạc, châu báu và nô lệ cho triều đình. Trật tự trong nước được văn hồi, dân chúng vui mừng khôn xiết. Trong bữa tiệc chiêu đãi chiến công của tôi, Pharaoh Amose say rượu bất ngờ ngã lăn ra chết. Thế là toàn thể triều đình suy tôn tôi lên ngôi Pharaoh ngay trong buổi tối hôm đó.

Hôm sau, Satt đưa một người thợ kim hoàn đến làm chiếc nhẫn vương ấn cho tôi. Thợ kim hoàn cung kính nói:

- Xin Pharaoh ra chỉ thị để hạ thần làm cho ngài chiếc vương ấn ạ.

Tôi trả lời:

- Ta muốn một chiếc nhẫn có đính một viên hồng ngọc lớn, phía sau khắc chữ “Xin thần Thái Dương Amun Ra che chở cho tôi”. Vì tên ta là Akhon (chim ưng) nên ta chọn Horus, thần Công lý có khuôn mặt chim ưng là vị thần bảo hộ quốc gia.

Satt vui mừng nói:

- Chỉ nghe như thế thôi, các giáo sĩ chúng tôi biết rằng chúng tôi đã không chọn lầm người. Không những ngài xứng đáng làm Pharaoh cai trị xứ này mà còn là một người có đức tin mãnh liệt. Với thần Công lý Horus làm vị thần bảo hộ, quốc gia này sẽ trở nên hưng thịnh dưới triều đại của ngài.

Từ khi trở thành Pharaoh, tôi ban hành ngay những đạo luật nghiêm khắc để cải tạo xã hội vốn đã suy đồi từ thời của những Pharaoh đời trước. Việc đầu tiên là trừng trị những kẻ bất tuân luật pháp nhưng vẫn được dung dưỡng, bao che bởi đám quan lại tham ô. Những kẻ trộm cắp bị đưa ra vùng biên thùy làm phu xây cất lăng tẩm. Những kẻ biển thủ công quỹ, tài sản triều đình đều bị ném vào hầm sư tử, gia đình bị đẩy ra sa mạc không được sống ở thành thị nữa. Những kẻ giàu có bóc lột, chiếm đoạt tài sản người khác, nặng thì bị tử hình, nhẹ thì nhốt trong trại cùi cho sống chung với người tàn tật. Luật pháp trong tay tôi là một thứ luật khát khe, tàn bạo nhưng tôi không ngần ngại thi hành, bất chấp mọi sự. Với lòng căm thù do bị đối xử tàn tệ thuở trước cùng dòng máu hung dữ của giống dân Kush đang chảy trong huyết quản, nên chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã trở thành một Pharaoh uy quyền, độc đoán. Mỗi khi tôi giơ ngón tay đeo chiếc vương ấn lên, toàn thể triều đình đều run sợ trước quyền lực của tôi.

Là người đã từng chứng kiến những âm mưu tàn bạo của đám quan hầu trong cung nên khi lên ngôi Pharaoh, tôi đã thành lập ngay một nhóm thám tử tinh nhuệ thân tín để kiểm soát mọi thứ, từ trong nội cung đến ngoài triều đình, để chắc rằng không một việc gì có thể qua được mắt tôi. Tôi thay thế toàn bộ quan lại trong triều và chỉ tuyển chọn những người có tài được huấn luyện bởi các giáo sĩ trong đền thờ Thái Dương vào đảm nhiệm các chức vụ quan trọng. Tôi cũng khởi binh đánh dẹp những quốc gia quanh vùng, chiếm được rất nhiều vàng bạc, châu báu và nô lệ, rồi cho xây rất nhiều

đền thờ Thái Dương tại các vùng biên địa, do đó tôi càng được giới giáo sĩ ủng hộ triệt để.

Tuy triều đình đã được ổn định, quốc gia đã tuân thủ luật pháp, xã hội có trật tự, không còn lo nạn ngoại xâm nữa nhưng không hiểu sao tôi vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn. Trong lòng tôi vẫn vương mang một nỗi trống vắng lạ lùng. Các cuộc vui trong triều, các nghi thức trong đền thờ Thái Dương không làm tôi cảm thấy thoải mái. Hình như tôi vẫn còn muốn một cái gì đó mà tôi không thể gọi tên.

Vào một đêm không trăng, tôi đứng một mình trong cung điện, nhìn ra ngoài sa mạc mênh mông và cảm thấy một nỗi buồn vô hạn. Sau bao công lao khó nhọc, bao chiến thắng oai hùng, được bao người kính nể, đạt được địa vị tối cao với quyền uy tột bậc nhưng tôi vẫn tự hỏi không lẽ cuộc đời chỉ có thể thôi sao. Còn có điều gì khác nữa không. Khi sống ngoài sa mạc, đã có những đêm tôi ngồi một mình nhìn vào không gian vô tận và tự hỏi về ý nghĩa cuộc đời. Mặc dù từ nhỏ đã được các giáo sĩ dạy dỗ giáo lý trong đền thờ Thái Dương nhưng tôi không hài lòng về những điều này. Hình như có một cái gì đó thúc đẩy tôi tìm hiểu nhiều hơn nữa, nhưng lúc đó tôi còn bận tâm với nhiều việc khác. Hiện nay, mọi việc đã xong, tôi trở thành Pharaoh, quyền uy tột đỉnh, sống trong cung vàng điện ngọc, có được tất cả những gì mà con người thường ao ước nhưng tôi vẫn bị ám ảnh bởi một cảm giác thiếu thốn và cô độc lạ kỳ. Tôi đã thao thức nhiều đêm vì cảm giác trống vắng lạ lùng ấy. Tôi cảm thấy mình vẫn cần phải làm một cái gì đó, nhưng biết làm gì bây giờ. Tất cả những gì có thể làm được, tôi đã làm xong. Bây giờ đáng lẽ phải là lúc tôi tận hưởng kết quả của việc mình làm chứ! Nhưng tôi không thể.

Tôi ngược mắt nhìn lên bầu trời với muôn ngàn tinh tú lấp lánh và tự hỏi về ý nghĩa của cuộc đời. Phải chăng số phận trở thành người có quyền uy tột thượng của tôi đã được thu xếp sẵn từ trước bởi các thần linh? Tại sao hàng chục hoàng tử trong cung hàng ngày dâng cúng phẩm vật cho thần linh lại không được làm Pharaoh, trong khi một kẻ mang hai dòng máu như tôi, sống ở miền biên thùy hoang vu, không phẩm vật dâng cúng, lại được cái diễm phúc đó? Tại sao có người được sinh ra ở những nơi đất đai trù phú bên cạnh dòng sông Nile như Ai Cập, trong khi người khác lại phải sống ở những

miền núi đá khô cằn như xứ Kush, hay sa mạc nóng bỏng như xứ Nubia? Tại sao có người được sinh ra trong những gia đình giàu có sung sướng, trong khi người khác lại sinh vào nơi nghèo nàn, khổ khổ? Tại sao có kẻ được làm quan, trong khi người khác phải làm nô lệ? Tại sao các thần linh lại làm như thế? Tại sao các thần linh đòi hỏi phẩm vật dâng cúng nhưng lại để cho các giáo sĩ thụ hưởng? Con người được sinh ra với mục đích gì khi mọi việc đều do thần linh thu xếp từ trước? Phải chăng con người chỉ là nô lệ của các thần linh? Tôi muốn đặt câu hỏi với các thần linh về việc này, nhưng biết hỏi ai đây? Đã từng sống với các giáo sĩ khi còn nhỏ, tôi đã thấy rõ những người này sống ra sao, hưởng thụ phẩm vật dâng cúng như thế nào, có nhu cầu gì và đòi hỏi những gì. Họ thường mang các thần linh ra dọa nạt để đòi hỏi thêm lễ vật, rồi chia nhau hưởng thụ. Họ chỉ giải thích bằng quơ chứ không thể trả lời rõ ràng những thắc mắc của tôi.

Tôi sùng kính đáng Thái Dương Amun Ra và thậm đặt câu hỏi với ngài trong các nghi lễ với các phẩm vật quý nhưng không hiểu sao ngài vẫn im lặng, không trả lời những thắc mắc của tôi. Tôi đến đền thờ nữ thần Isis ^[4], khuôn mặt bà được che bằng một tấm vải nên không ai có thể chiêm ngưỡng dung nhan của nữ thần. Tôi được các giáo sĩ dạy rằng Isis tượng trưng cho những điều không thể nói ra và cũng không thể hiểu được nên tốt nhất là chỉ nên dâng cúng phẩm vật, còn mọi việc hãy để cho chư thần sắp đặt. Là người có ý chí cương quyết và đầu óc ngang bướng, tôi không thể chấp nhận rằng mọi sự xảy ra đều do thần linh thu xếp.

Có lần tôi đã hỏi:

- Làm sao tôi biết chư thần muốn gì? Nếu Pharaoh là trung gian giữa thần linh và dân chúng thì tôi phải biết rõ ý muốn của chư thần chứ?

Các giáo sĩ không trả lời được câu hỏi này nên giải thích rằng Pharaoh cũng là một vị thần và Pharaoh muốn gì thì chư thần cũng muốn như thế. Lần đó, tôi đã hỏi ngược lại rằng nếu thế thì tại sao chỉ các giáo sĩ được hưởng thụ những phẩm vật dâng cúng chứ không phải Pharaoh hay ai khác? Các giáo sĩ không ai dám trả lời những câu hỏi hóc búa này nên thường tìm cách tránh né những

buổi gặp gỡ như thế. Nhưng ai có thể giúp tôi trả lời hàng trăm câu hỏi thắc mắc về ý nghĩa cuộc sống của tôi ở đây?

Đang suy nghĩ miên man, bỗng tôi giật mình vì tiếng cười đùa đàn hát vang lừng trong cung vọng đến. Mấy tháng nay, tôi đã chán ngấy những trò giải trí vô vị đó, cũng như chai sạn cảm xúc trước các cung nữ xinh đẹp được tuyển vào cung. Ngay như hoàng hậu Nedjem cũng không làm tôi hứng thú gì. Cuộc hôn nhân này thực ra chỉ là một sự dàn xếp quyền lực mà tôi chỉ thi hành theo kế hoạch của giới giáo sĩ thôi. Tôi nghe rõ tràng cười của đám cung nữ xen cùng tiếng ca hát của những nhạc công ở phía sau vọng đến khiến tôi nổi giận quát lớn:

- Các người cút ngay. Nếu ta còn nghe một tiếng động nữa, ta sẽ chém đầu hết.

Tiếng huyền não dần dần lắng đi và chỉ trong thoáng giây, tôi thấy mình thật đơn độc trong cung điện giữa đêm khuya thanh vắng. Tôi muốn tiếp tục suy nghĩ thêm về ý nghĩa của cuộc sống và những thắc mắc lạ lùng khác, nhưng lúc đó không còn hứng thú nữa. Tự nhiên, tôi nảy ra một ý tưởng là muốn đi thăm thú tình hình dân chúng bên ngoài. Tôi gọi người hầu lấy một chiếc áo choàng cũ khoác lên người, rồi một mình lẳng lặng tiến ra ngoài thành. Tôi không muốn binh sĩ hộ vệ đi theo nên ra lệnh cho họ phải ở lại trong cung. Là người đã từng vào sinh ra tử, tôi không sợ bất cứ chuyện gì. Với sức mạnh được rèn luyện hồi còn sống ở sa mạc, tôi có thể ra tay hạ gục những kẻ vô lại hay đắm say rượu một cách dễ dàng.

Tôi lầm lũi bước đi qua những khu chợ khuya tấp nập, nơi một số dân chúng vẫn còn tụ họp buôn bán dưới những bó đuốc thấp sáng chập chờn. Tôi tiếp tục đi qua những nơi mà các nhóm lái buôn từ phương xa đến để trao đổi hàng hóa. Lướt qua những quán ăn với điệu nhạc dập dìu và các vũ nữ xinh đẹp dân dã đang múa hát, tôi tiếp tục bước đi không định hướng cho đến khi nhìn thấy ánh đèn leo lét trong một khu xóm vắng vẻ tòi tàn với những ngôi nhà đồ nát xiêu vẹo. Bất chợt, tôi nhìn thấy một thiếu nữ duyên dáng, đang dịu dàng bế một đứa bé, đi qua đi lại trước một căn nhà. Lúc đó, không hiểu vì sao có một mãnh lực kỳ lạ thu hút tâm trí khiến tôi dừng chân lại - mà sau này tôi mới biết đó là do vẻ đẹp chân chất cùng những gì toát ra từ người thiếu nữ. Nhưng không hiểu sao tôi

lại không tiến đến gần cô gái, mà hướng vào nhà. Nhìn vào dấu hiệu trước cửa, tôi biết đó là nhà của một y sĩ nên bước vào. Tôi thấy một ông lão đang bào chế thuốc với những chậu thuốc chứa đầy thảo dược. Tôi nhận ra ngay những vị thuốc quen thuộc dùng để chữa bệnh thời khí [5].

Tôi lên tiếng hỏi về người thiếu nữ đang bồng đứa bé trước cửa mà tôi rất ấn tượng, thì ông lão trả lời:

- Đó là Cihone, cứ mỗi lần tôi gặp phải một trường hợp khó khăn với những đứa trẻ mà mọi phương cách chữa trị đều vô vọng thì tôi giao đứa bé lại cho Cihone, và con bé luôn thành công.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cô ấy đang làm gì với đứa bé thế?

Ông lão đáp:

- Cihone ôm đứa trẻ vào lòng, dùng tình yêu thương để chữa lành cho đứa bé.
- Tại sao lại như thế? Nếu không chữa được bằng thuốc men thì phải mang đến cho các giáo sĩ làm lễ cầu nguyện chứ?

Ông lão lắc đầu:

- Phải có phẩm vật dâng cúng thần linh thì mới được các giáo sĩ cầu nguyện cho. Dân nghèo chúng tôi thì làm gì có tiền cho các nghi thức đó.

Ông lão giải thích thêm:

- Phần lớn bệnh của trẻ con đều do thiếu sự săn sóc hay thiếu tình thương mà ra. Đa số cha mẹ của những đứa trẻ này đều bận rộn với sinh kế, mấy ai có thời giờ săn sóc cho chúng đâu, nhất là những đứa bé mới sinh. Tuy chỉ là bệnh thời khí thông thường nhưng nhiều đứa bé vẫn chết, mà nguyên nhân chỉ là thiếu sự chăm sóc.

Tôi ngạc nhiên và có phần tức giận:

- Ông là y sĩ mà nói năng thật vô lý. Tình yêu thương là cái quái gì mà có thể chữa được bệnh tật ?

Ông lão nhìn tôi, rồi nói một cách chậm rãi:

- Tôi là y sĩ được huấn luyện về y học trong nhiều năm nhưng trường y đâu có dạy về tình yêu thương. Các giáo sĩ cũng đâu

biết gì về tình thương. Khi tìm hiểu về các căn bệnh của trẻ con và nguyên nhân gây ra bệnh thần kinh ở người lớn, tôi bắt đầu ý thức về nhu cầu của con người đối với thứ tình cảm này. Thật ra không có gì cần thiết cho con người hơn là tình yêu thương.

Tôi cảm thấy thật khó chịu với cách giải thích của ông ấy:

- Sao lại như thế được? Trẻ con mạnh khỏe là nhờ ăn uống đầy đủ dinh dưỡng. Hiện nay xã hội Ai Cập đang yên ổn, mọi người đều được an hưởng thái bình cơ mà.

Ông lão vẫn điềm tĩnh đáp lời:

- Cậu nói đúng, cuộc sống hiện nay đã tốt hơn trước. Dĩ nhiên đối với trẻ nhỏ, chúng cần thực phẩm để nuôi dưỡng cơ thể, nhưng thỏa mãn nhu cầu ăn uống vẫn không đủ vì còn có một nhu cầu quan trọng hơn, giúp chúng có sức mạnh và đề kháng chống lại bệnh tật, đó là tình thương. Đối với chúng, được thương yêu săn sóc là điều kiện tất yếu cho sự sống còn, trưởng thành. Thiếu tình thương, chúng rất dễ mắc bệnh và không thể chống chọi trước những căn bệnh hiểm nghèo. Nếu không được săn sóc chu đáo dù được cung cấp dinh dưỡng đầy đủ, chúng vẫn dễ mắc phải những căn bệnh khó trị. Khi lớn lên, nếu không được yêu thương, chúng dễ trở thành những kẻ hung ác, vô cảm và ích kỷ. Hiện nay, Pharaoh cho xây cất đền đài, lăng tẩm khắp nơi, nên phần lớn dân chúng đều bị xung công đi xây cất những công trình này, không mấy ai có thể săn sóc con cái cẩn thận vì người nào cũng bận lo công việc sinh kế. Do đó, hiện nay số trẻ con ốm đau bệnh tật đang gia tăng nhiều hơn những năm trước.

Tôi giận đến tức cả ngực nhưng không muốn để lộ thân thể của mình. Bình thường thì chỉ một ngón tay giơ lên, ông già này có thể bị ném vào hầm sự tử ngay. Tôi quay ra nhìn người con gái vẫn đang ôm đứa trẻ.

Ông lão vô tình nói:

- Cihone đóng vai người mẹ săn sóc cho đứa trẻ bệnh tật vì thiếu sự âu yếm, nâng niu. Người mẹ chính là tình thương và chắc chắn không gì tổn hại trẻ con bằng việc thiếu đi tình thương của người mẹ.

Câu nói của ông lão làm tôi nghĩ đến người mẹ quá cố của mình. Mẹ tôi chết trong cung điện một cách mờ ám khi tôi mới lên bốn tuổi. Tôi không biết gì nhiều về bà, chỉ biết rằng bà là một trong số những phụ nữ bị bắt trong khi Pharaoh hành quân ở biên giới. Sau khi sinh ra tôi, chắc chắn mẹ tôi đã phải tranh đấu để che chở cho tôi ở một nơi đầy rẫy những tranh chấp, ghen tuông, với những âm mưu thâm độc. Trong cung điện của Pharaoh có nhiều cung phi, người nào cũng muốn mình được sủng ái và con mình trở thành thái tử nối ngôi Pharaoh. Vì ghen tức, các cung phi khác đã tìm cách hãm hại mẹ tôi. Tôi không bao giờ quên điều này nên khi lên ngôi Pharaoh, tôi đã hạ lệnh cho ném tất cả phi tần, cung nữ, quan lại hầu cận trong cung vào hầm sư tử. Tôi đã nghe tiếng kêu la thảm thiết của những kẻ này khi chúng bị lũ sư tử đớp xé xác và cảm thấy thực sự sung sướng vì đã trả xong mỗi hận năm xưa.

Tôi hỏi:

- Phải chăng Cihone đã là một người mẹ?

Ông lão lắc đầu:

- Không, Cihone trước là một bé gái vô thừa nhận, bị vứt ở góc chợ. Vợ chồng tôi thấy tội nên mang về nuôi. Từ nhỏ, Cihone đã giúp chúng tôi săn sóc bệnh nhân nhưng tôi nhận ra nó có tài săn sóc trẻ con vì những đứa trẻ bị bệnh khi được nó quan tâm, không đứa nào phải chết cả.

Tôi ngạc nhiên:

- Như thế Cihone giờ cũng không có mẹ à?

Ông lão bật cười:

- Cihone không có cha mẹ ruột nhưng chúng tôi chăm nuôi từ nhỏ nên tôi xem Cihone như là con ruột. Là y sĩ, tôi thấy rõ sự thiếu tình thương của người mẹ không những làm chậm sự phát triển của con trẻ mà còn sinh ra nhiều vấn đề bệnh tật. Những đứa trẻ dễ mắc bệnh, chậm lớn thường là do thiếu sự chăm sóc yêu thương mà ra.

Ông lão ngừng lại như để cho tôi suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Cậu hãy nghĩ xem, nếu việc thiếu tình thương gây hại như thế thì những đứa trẻ không có cha mẹ sẽ ra sao? Chúng sẽ lớn lên một cách bất bình thường. Chúng sẽ phải chống chọi, phấn đấu đơn

độc, một mình đối phó với hoàn cảnh không may của chúng và bộc phát những cá tính khác thường. Khi lớn lên, dù có đời sống khá giả, nhưng chúng cũng dễ mắc bệnh thần kinh như là hậu quả của những biến cố khi còn nhỏ. Nếu không may, với cuộc sống nghèo đói, chúng dễ trở thành những kẻ phạm tội trong xã hội.

Ông lão tiếp tục nói:

- Cậu có biết tại sao như thế không? Tại vì mỗi đứa trẻ đều hành động tùy theo lối cư xử của cha mẹ hay xã hội dành cho chúng. Tùy theo việc đứa trẻ được cha mẹ dạy dỗ như thế nào, được thương yêu hay bị đánh đập mà cuộc đời đối với nó trở nên đáng ghét hay đáng sống. Khi mới được sinh ra, đứa trẻ nào cũng có khả năng yêu thương vì nó được sinh ra qua tình yêu thương của cha mẹ. Nếu nó được sống trong yêu thương, nó sẽ biết thương yêu. Trái lại, nếu không được thế thì khả năng thương yêu của nó sẽ mất đi và nó chỉ biết sống một cách vô ý thức. Làm sao nó có thể thương ai được nếu như trước giờ nó chưa hề được ai thương? Làm sao nó có thể yêu ai được khi nó không hề được ai yêu? Làm sao nó có thể thông cảm với nỗi khổ đau của người khác khi khả năng yêu thương đồng cảm của nó đã bị thui chột? Do đó, mối quan hệ giữa nó và những người chung quanh sẽ trở nên hời hợt, và bị giới hạn trong những điều rất nhỏ, không thể vươn tầm mắt ra xa hay bay bổng lên cao được. Đầu óc của những đứa trẻ này sẽ chỉ giới hạn trong những mối lợi nhỏ nhen, những thú vui vật chất tầm thường, những thói tham lam, ích kỷ chứ không thể nào làm những việc lớn được. Là y sĩ, tôi đã chữa cho nhiều người, quan sát nhiều điều, và thấy rõ rằng phần lớn những kẻ hung ác, tham lam, tàn nhẫn đều là những kẻ vốn dĩ bị thiếu tình thương.

Tôi cố nén cơn giận ập tới vì câu nói vô tình của ông lão đã đụng chạm đến thân thể của mình, rồi lên tiếng bào chữa:

- Nhưng hiện nay Ai Cập đã thay đổi, Pharaoh đã ổn định mọi việc trong nước, đời sống dân chúng sung túc hơn trước và không còn ai lo sợ nạn ngoại xâm nữa.

Ông lão bật cười:

- Dĩ nhiên không ai còn lo sợ người Nubia xâm lăng nhưng việc xây cất đền thờ Thái Dương quá mức khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, đã làm khánh kiệt nguồn lực quốc gia. Hầu như mọi gia đình đều bận rộn làm việc trong những công trình xây cất vĩ đại này để làm vui lòng Pharaoh nhưng đó chỉ là sự huy hoàng hào nhoáng bên ngoài thôi, chứ có mấy ai thấy được sự suy kiệt tiềm tàng ngân khố ở bên trong đâu. Các công trình xây cất này chỉ có lợi cho nhóm giáo sĩ và quyền lực của họ chứ không mang lại lợi ích gì cho người dân hết.

Tôi giận run lên vì câu nói hỗn xược xúc phạm đến tôi nhiều như vậy, nhưng ông lão vẫn vô tình nói tiếp:

- Cậu nghĩ xem, tương lai Ai Cập sẽ ra sao khi mọi gia đình đều bận rộn làm công việc xây cất lăng tẩm, để rồi những đứa trẻ này lớn lên không được săn sóc, dạy dỗ và thiếu tình thương? Tương lai của chúng sẽ ra sao khi chúng lớn lên với những thói hư tật xấu, chỉ biết tham lam, tranh giành hay chiếm đoạt? Nếu không được dạy dỗ giáo dục từ nhỏ thì làm sao những đứa trẻ này có thể biết được những gì mà thế hệ trước đã khổ công dựng xây?

Nghe ông lão nói, tuy vô cùng tức giận nhưng tôi cũng giật mình phát hiện điều mà trước giờ tôi không hề nghĩ đến.

- Hiện nay hầu hết các gia đình đều phải đi xây cất đền đài cho giáo sĩ và Pharaoh. Đâu mấy ai có thể săn sóc con cái trừ việc cho chúng ăn uống. Trẻ con lớn lên không được dạy dỗ cẩn thận dễ bị nhiễm các thói hư tật xấu. Trẻ nhỏ không được săn sóc, âu yếm nên bị bệnh rất nhiều. Bệnh tật còn có thể chữa, chứ tính tình hay thái độ của chúng đối với cuộc sống trở nên tiêu cực, xấu xa thì làm sao sửa đổi được?

Tôi cố nén giận, hỏi thêm:

- Vậy thì ông thường làm gì với những đứa trẻ này?

Ông lão trả lời:

- Đối với những đứa trẻ mắc bệnh được gửi đến đây cho tôi săn sóc, ngoài việc chữa trị, tôi còn dạy cho chúng biết yêu thương. Ngay cả những đứa trẻ hung hăng được gửi đến đây, chúng tôi không trừng phạt chúng mà chỉ đối xử dịu dàng với chúng để khơi gợi lại tiềm năng thương yêu đã bị che lấp của chúng.

Ông lão thở dài:

- Thật ra đối với người lớn cũng thế. Thay vì trừng trị bằng cách ném vào hàm sư tử hay đày đi vùng biên giới để xây cất lăng mộ cho các quan triều, lẽ ra Pharaoh phải cho họ cơ hội để thay đổi, để tập thương yêu, vì tình thương là một loại năng lực sáng tạo có thể làm chuyển hóa, có thể chữa lành mọi bệnh tật, có thể thay đổi tất cả mọi thứ. Với tình thương, người trao yêu thương và kẻ được thương yêu đều trở nên sung sướng. Tình thương là một thứ ai cũng có thể cho đi mà không bao giờ sợ phung phí. Một khi xã hội được xây dựng dựa trên nền tảng của tình yêu thương, nó sẽ có năng lực xây dựng, gắn kết mạnh mẽ, có thể khắc phục mọi sự. Một xã hội được xây dựng dựa trên sự oán ghét, hận thù thì khó mà tồn tại vì nó sẽ phá hủy tất cả mọi thứ. Tuy nhiên, hiện nay đã mấy người biết thương yêu hay tha thứ như thế?

Lời nói sau cùng này của ông lão làm tôi giận điên lên vì nó chỉ đích danh đến hành động tàn ác của tôi khi lên ngôi Pharaoh. Nếu như vào lúc khác, tôi đã cho xử tử ngay kẻ hỗn xược này. Nhưng lúc đó tôi đã ý thức được hoàn cảnh và kiểm soát được cơn giận. Tôi quay qua nhìn người con gái đang vỗ về đứa bé đang đứng ở phía xa. Cô ta có một nét gì đó đặc biệt mà tôi không lý giải được khiến tôi phải chú ý. Tuy cô không quá xinh đẹp nhưng đường nét thôn nữ thanh mảnh trong bộ quần áo giản dị, dưới ánh sáng của ngọn đèn nhỏ leo lét, toàn thân cô vẫn toát ra một vẻ thánh thiện của một người mẹ hiền, duyên dáng quyến rũ của một cô gái trẻ. Cô gái không chú ý đến tôi mà chỉ ôm đứa bé trong vòng tay một cách triu mến.

Ngay lúc đó, tôi hồi tưởng lại một cảm giác xa xưa, khi còn nhỏ tôi cũng được mẹ âu yếm như thế. Tôi vẫn nhớ cái cảm giác được nằm trong lòng mẹ và bà cũng nâng niu tôi y hệt như vậy. Tự nhiên tôi cảm thấy sung sướng một cách lạ lùng về cái gọi là tình thương mà ông lão vừa nói. Tôi nghĩ đến thân phận của mình, mất mẹ từ nhỏ, bị đối xử một cách khắt khe, tàn nhẫn nhưng nhờ ý chí cương quyết, tôi đã vượt qua mọi khó khăn, trở thành một Pharaoh uy quyền tột đỉnh, song tôi chưa biết gì về tình thương cho đến lúc này. Tôi chưa hề thương ai hay yêu ai, và cũng chưa hề được ai yêu

thương. Tất cả những cung nữ xinh đẹp chỉ biết làm vui lòng tôi vì đó là bổn phận của họ, không hề có tình yêu. Hoàng hậu Nedjem cũng chỉ đóng một vai trò mờ nhạt trong cuộc hôn nhân được thu xếp này. Thật ra tôi chưa hề yêu ai và cũng chưa hề được ai yêu. Đó là một sự thật không chối cãi được. Tôi nhìn lại người con gái kia, cô có nét gì đó dịu dàng rất giống mẹ tôi khi xưa. Tự nhiên tôi thấy mình mỉm cười với người con gái đó nhưng cô vẫn mãi mê âu yếm đứa bé, không để ý gì đến người khách lạ đang chăm chú nhìn cô.

Tôi lầm lũi bước ra khỏi căn nhà của người y sĩ già nhưng không về cung điện ngay mà đi thẳng qua đền thờ Thái Dương. Satt ngạc nhiên khi thấy tôi đến vào giờ này.

Tôi khơi chuyện:

- Nay Satt, theo ông thì tình hình Ai Cập hiện nay ra sao?

Satt nhìn kỹ y phục lạ lùng của tôi, giật mình lo sợ:

- Tại sao Pharaoh lại hỏi như thế? Ngài biết rõ mọi việc hơn chúng tôi mà.

Tôi xẵng giọng:

- Nhưng ta muốn ông trả lời một cách rõ ràng.

Satt quan sát tôi một cách cẩn thận rồi mới trả lời:

- Từ khi lên ngôi Pharaoh, ngài đã làm nhiều việc lớn. Cải tạo xã hội, dẹp phản loạn, trừng trị những kẻ bất tuân luật pháp, mang lại sự thịnh vượng cho dân chúng xứ này. Không những thế, ngài đã cho xây cất nhiều đền thờ ở khắp nơi. Công lao của ngài ít Pharaoh nào sánh được.

Tôi gần như quát lên:

- Đó không phải là điều mà ta đang muốn hỏi!

Satt thực sự bối rối, chăm chú nhìn tôi:

- Phải chăng ngài muốn hỏi đến việc xây cất lăng tẩm cho ngài? Triều đình đã cho xây cất một ngôi mộ vĩ đại để sau khi chết, ngài sẽ có một cuộc sống tốt đẹp ở kiếp sau. Các nghi thức ướp xác đều đã được chuẩn bị đầy đủ.

Tôi không kìm được nữa quát to:

- Ta biết việc này, đó không phải là điều ta muốn hỏi.

Satt rụt rè:

- Phải chăng các cung nữ không làm ngài vui lòng? Triều đình đã cho tuyển rất nhiều cung nữ xinh đẹp từ khắp nơi trong vương quốc. Nếu ngài muốn, chúng tôi có thể tuyển cung nữ từ các xứ khác để phục vụ cho ngài nữa.

Tôi giận dữ thực sự:

- Không hề! Ta không muốn nhiều cung nữ, bọn chúng chỉ toàn là đồ ăn hại.

Satt run sợ:

- Phải chăng ngài muốn thay đổi hoàng hậu. Nếu Nedjem không làm ngài hài lòng, triều đình có thể tìm một hoàng hậu khác thay thế.

Không thể chịu đựng được nữa, tôi hét lớn:

- Không! Hãy cho ta biết! Các người đã thu được bao nhiêu phẩm vật qua các nghi thức tôn giáo? Triều đình đã chu cấp cho các người rất nhiều vàng bạc, châu báu, cho xây rất nhiều đền thờ, mà tại sao lại còn thu nhiều phẩm vật tiền bạc của dân chúng như vậy nữa?

Satt giật mình run lẩy bẩy, câu nói bất ngờ của tôi đã làm cho hắn thực sự hoảng hốt. Tôi tiếp tục:

- Ta muốn xem xét lại việc xây cất các đền thờ. Người hãy cho gọi ngay đám quan trông coi việc này vào cung cho ta xét xử.

Satt lấy lại bình tĩnh, chăm chú nhìn tôi, hiển nhiên hắn đang tính toán một điều gì đó, và nếu mọi việc không thuận lợi cho đám giáo sĩ, biết đâu hắn sẽ trở mặt. Bỗng nhiên Satt cúi đầu:

- Xin tuân lệnh Pharaoh, tôi sẽ điều tra mọi sự theo ý ngài.

Tôi gạt đầu bước ra khỏi đền thờ thần Thái Dương nhưng biết Satt vẫn đang quan sát tôi từ phía sau. Chắc chắn đầu óc mưu mô lạnh lợi của hắn đang nảy ra nhiều nghi vấn về thái độ hôm nay của tôi. Tuy nhiên, tôi cũng sắp đặt ngay một kế hoạch đối phó nếu đám giáo sĩ này trở mặt. Khi vào cung, tôi gọi ngay toán thám tử riêng và ra lệnh:

- Các người hãy điều tra ngay xem các giáo sĩ đã thu gom tiền bạc như thế nào và công trình xây cất tốn kém bao nhiêu? Ta muốn xem xét rõ mọi sự chi tiêu ngân quỹ.

Chỉ vài hôm sau, những thám tử này đã mang đến cho tôi một báo cáo đầy đủ. Tôi giật mình khi thấy ngân quỹ triều đình đã phải chi một khoản rất lớn vào việc xây cất lăng tẩm cho tôi và hoàng hậu Nedjem. Nhưng ngân quỹ xây cất đền thờ của các giáo sĩ còn nhiều hơn thế. Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng trăm đền thờ to lớn, nguy nga được xây cất, tu bổ dọc theo bờ sông Nile, trong đó hàng ngàn giáo sĩ và gia đình của họ sống sung sướng với hàng chục ngàn nô lệ được đem tới để hầu hạ. Thảo nào bao nhiêu vàng bạc, châu báu, ngọc ngà thu thập được từ trước đến nay trong ngân quỹ triều đình gần như đã cạn sạch. Bây giờ tôi đã hiểu tại sao một số quan lại trong triều yêu cầu cho tăng thuế gấp đôi và các tướng lĩnh đòi mở rộng bờ cõi, xâm lăng những quốc gia lân cận.

Tôi lập tức cho gọi Satt vào và quăng tám giấy chỉ thảo ^[6]ghi rõ những con số thu chi vào mặt hấn. Satt nhìn kỹ, đứng sững người một lúc, rồi thưa:

- Tôi sẽ xem lại những việc này, chắc là có sự nhầm lẫn nào đây.

Tôi quát lớn:

- Ta đã xem xét rất kỹ, làm sao có sự nhầm lẫn cho được. Người hãy giải thích việc này cho ta, về việc xây cất quá lớn như thế này. Kẻ nào làm không đúng sẽ bị ném vào hầm sư tử ngay.

Satt run rẩy từ đầu tới chân, lắp bắp nói không ra tiếng:

- Xin Pharaoh cho tôi vài hôm nữa để điều tra mọi việc.

Tôi quát lớn:

- Người phải cho ta biết sự thực, bởi ta cần phải biết rõ mọi việc trước khi ban hành những biện pháp mới.

Sau khi Satt lui ra, tôi gọi ngay một thám tử thân tín vào:

- Người hãy theo dõi Satt cẩn thận, nếu hấn có âm mưu gì thì cho ta biết ngay. Ta không muốn nuôi ong tay áo.

Một buổi chiều nọ, mặt trời vừa lặn nhưng còn một chút ánh sáng loang loáng trên mặt nước sông Nile. Tôi đứng trong vườn thượng uyển nhìn ra dòng sông và cảm thấy trong lòng đột ngột dâng lên một nỗi cô độc khôn tả. Nếu lúc đó có ai hỏi tôi điều gì làm cho người ta sợ nhất thì chắc chắn tôi sẽ trả lời rằng đó là sự cô đơn. Dĩ nhiên không ai có thể hiểu tại sao một Pharaoh sống trong

cung vàng điện ngọc, chung quanh đầy những cung nữ xinh đẹp lại có cảm giác cô đơn. Không ai có thể hiểu cô đơn là như thế nào khi họ chưa lên đến tột đỉnh của danh vọng. Những người như tôi không có ai để tâm sự, không có ai để chia sẻ. Ở địa vị tối cao này ai cũng sống trong sợ hãi. Pharaoh nào cũng sợ bị phản bội. Pharaoh nào cũng sợ phải trái lòng với người khác. Pharaoh nào cũng sợ, vì họ có những điều không thể giải bày. Tất cả những người đã thành công, đã thành danh, đã giàu sang tột đỉnh, đều sống trong lo âu, sợ hãi vì đó là những địa vị uy quyền nhất nhưng cũng cô đơn nhất. Người ta không thể trốn chạy nỗi cô đơn bằng những bữa tiệc tùng thâu đêm suốt sáng. Người ta không thể trốn chạy nỗi cô đơn bằng những cung nữ xinh đẹp. Người ta không thể trốn chạy nỗi cô đơn bằng công việc triều chính bận rộn. Người ta không thể trốn chạy nỗi cô đơn bằng những trò vui vì ngay giữa đám đông ồn ào náo nhiệt - nỗi cô đơn vẫn theo đuổi họ đến cùng.

Tôi thần thờ nhìn đàn chim đang bay ở cuối chân trời, rồi như có một cái gì đó thúc đẩy, tôi khoác vội chiếc áo choàng cũ, kéo chiếc khăn lên che mặt, rồi một mình bước ra khỏi cung điện. Tôi vội vã bước đi theo con đường mà cách đây mấy hôm tôi đã đi qua. Tôi tìm đến nhà của người y sĩ vì ông là người mà tôi có thể nói chuyện tự nhiên, không phải lo sợ gì hết. Dĩ nhiên ông ta không biết tôi là ai. Là một người hay nói, ông dám nói ra những điều mà có lẽ không một ai tại Ai Cập dám thốt lên trước mặt một Pharaoh quyền uy như tôi. Tôi cũng muốn gặp lại người con gái mang nét hiền hậu, dịu dàng rất giống mẹ tôi khi xưa.

Vừa bước vào, tôi thấy người y sĩ già đang cặm cụi bào chế những vị thuốc bằng rễ cây nhưng không thấy Cihone ở đâu hết. Tôi lên tiếng chào:

- Chắc ông còn nhớ, cách đây mấy hôm tôi đến đây và chúng ta đã có cuộc nói chuyện rất thú vị với nhau.

Ông lão ngược mắt nhìn tôi, vàng trán nheo lại - có lẽ không phải để nhớ - mà là ngạc nhiên về sự trở lại của tôi thì hơn:

- Tôi nhớ rồi, hôm đó cậu hỏi tôi về Cihone và chúng ta nói chuyện khá lâu với nhau.

Tôi vui mừng:

- Phải rồi, ông nói rằng Cihone có thể chữa bệnh cho trẻ con bằng tình thương.

Ông lão nhìn kỹ gương mặt tôi, rồi ngập ngừng cảnh giác:

- Hôm đó tôi nói năng lung tung nhiều chuyện, mong cậu đừng để ý đến những chuyện đó nữa.

Tôi bật cười gạt đi:

- Không sao, tôi rất thích câu chuyện ông nói nên muốn nghe ông nói tiếp.

Ông lão lại nhìn tôi, ngập ngừng muốn nói nhưng lại im lặng nên tôi bắt chuyện:

- Là y sĩ, tại sao ông không hành nghề trong khu chợ đông đúc mà lại chọn một nơi vắng vẻ như thế này?

Ông lão nói:

- Thế cậu là ai mà lại muốn biết về những điều này? Muốn hành nghề tại những nơi đó thì phải đóng thuế. Phần lớn bệnh nhân của tôi đều nghèo, không mấy ai có tiền để trả nên tôi cũng không đủ tiền để đóng thuế cho Pharaoh.

Tuy tức giận vì câu nói phạm thượng nhưng tôi kìm lại, không trả lời câu hỏi đầu của ông mà hỏi tiếp:

- Ông nghĩ rằng tiền thuế quá cao hay sao?

Ông lão gật đầu:

- Càng ngày thuế càng cao nên những người như tôi phải dọn đến nơi thật xa, hẻo lánh như thế này. Đa số người dân tại đây đều làm việc trong công trường xây cất lăng tẩm cho Pharaoh và đền thờ cho các giáo sĩ, tiền lương đã ít mà còn bị bóc lột, đánh đập liên tục nữa.

Ông lão chỉ vào nồi thuốc đang sôi trên bếp lò:

- Hôm nay mọi người phải ra sông Nile để di chuyển pho tượng Pharaoh vào lăng tẩm của ngài. Đó là một pho tượng khổng lồ được tạc từ hăm đá cách đây rất xa. Công trình chuyên chở từ đó về đây đã khiến cho bao nhiêu người thiệt mạng và không ít người gãy tay, què chân nên hôm nay tôi phải bào chế những vị thuốc bằng bó các vết thương cho họ.

Tôi đứng im không nói gì. Dĩ nhiên tôi biết pho tượng này, đây là một công trình vĩ đại vì nó sẽ đứng sừng sững trước lăng tẩm của tôi. Nó tượng trưng cho tôi, một Pharaoh đã mang lại thịnh vượng cho Ai Cập qua những chiến công hiển hách. Chính tôi đã ra lệnh tạc pho tượng này vì nó sẽ tồn tại mãi với thời gian. Biết bao thế hệ tương lai sẽ biết đến công lao của tôi và tên tuổi của tôi sẽ được ghi khắc vào lịch sử, trên những bức bích họa khắp các đền thờ tại Ai Cập. Ngoài ra, tôi đã chuẩn bị trước cho cái chết của mình nên đã cho xây cất một ngôi mộ vĩ đại nhất cùng với rất nhiều vàng bạc châu báu để tôi tiếp tục có một đời sống tốt đẹp ở thế giới bên kia. Công lao của tôi sẽ được thần Osiris phán xét, mà theo các giáo sĩ, vì đã dâng cúng rất nhiều phẩm vật nên tôi sẽ được hưởng một đời sống tốt đẹp vĩnh hằng ở cõi giới của các thần linh.

Ông lão y sĩ tiếp tục nói:

- Tóm lại, chỉ có Pharaoh và các quan lớn trong triều mới được hưởng mọi sự tốt đẹp sau khi chết, còn những người dân nghèo như chúng tôi chỉ biết nai lưng phục vụ chứ mong gì có được một cuộc sống tốt hơn, ngay ở kiếp này.

Câu nói của ông lão làm tôi vừa cảm thấy bẽ bàng vừa khó chịu, tự ái vì từ trước đến nay tôi vẫn nghĩ mình làm tốt cho tất cả và chưa hề có ai dám nói những điều trái tai đến thế. Sự độc đoán cố hữu của một Pharaoh lại sắp sửa bùng lên...

Ngay lúc đó, có tiếng bước chân bên ngoài và cô gái Cihone ở đâu bước vào. Tôi ngược mắt và bất ngờ nhìn thấy gương mặt dịu dàng, phúc hậu cùng đôi mắt sáng, thiện cảm của người con gái tôi đã để ý mà đêm hôm trước tôi chưa có dịp nhìn rõ mặt. Tôi như quên ngay cảm giác tự ái vài giây trước và như bị hút vào đôi mắt đó. Tôi bất chợt nở một nụ cười thân thiện với cô - nhưng ngay sau đó, tôi sa sầm mặt lại và nụ cười tắt trên môi khi nhìn thấy một thanh niên vóc dáng vạm vỡ theo chân cô gái bước vào. Sự xuất hiện của chàng trai dường như làm tôi không vui và tự nhiên như trước. Cả hai cũng ngạc nhiên khi thấy người khách lạ là tôi ở trong nhà.

Ông lão giới thiệu:

- Đây là người tôi hôm trước đã ghé qua nhà mình.

Cihone mỉm cười cất giọng nhẹ nhàng:

- Phải rồi, cha có kể rằng có một người lạ ghé vào hỏi thăm về con. Người đó là anh đây ă?

Tự nhiên tôi cảm thấy ngượng ngịu không biết phải xử sự như thế nào vì sự hiện diện của người thanh niên kia, nên nói vắn tắt:

- Tôi nghe cha cô nói cô có thể chữa bệnh mà không cần dùng thuốc men hay các nghi lễ cầu xin gì hết.

Cihone đôn hậu lắc đầu, vẫn giọng nói dịu dàng đó:

- Tôi nào có biết chữa bệnh gì đâu. Tôi chỉ biết bế và yêu thương những đứa bé mà cha tôi nhờ tôi trông nom thôi.

Tôi quan tâm ngay:

- Nhưng hẳn là cô cũng cầu nguyện thần Thái Dương ban phúc lành cho những đứa bé đó chứ?

Cihone trả lời ngạc nhiên:

- Tôi chưa từng hiểu biết gì về việc cầu nguyện.

Người thanh niên đến lúc đó mới xen vào:

- Cầu nguyện là công việc của các giáo sĩ. Là người dân thường, chúng tôi làm gì có thời giờ để làm việc đó.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy anh làm gì mà không có thời giờ?

Người thanh niên đáp:

- Tôi làm việc suốt ngày trong công trường xây cất lăng tẩm cho Pharaoh. Về đến nhà là mệt lử, quá kiệt sức rồi.

Cihone góp thêm lời:

- Việc xây cất lăng tẩm khó nhọc lắm, phải làm từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn. Buổi tối còn phải làm thêm cho công trình xây mộ của các quan lớn nữa.

Ông lão y sĩ xen vào:

- Hai đứa đang muốn kiếm ít vốn để dành, rồi mới kết hôn. Phải có tiền trang trải nợ nần và để mua phẩm vật dâng cúng cho các giáo sĩ mới làm lễ thành hôn được.

Câu nói vô tình của ông lão làm tôi tự nhiên thấy đau nhói trong lồng ngực như bị một ngọn giáo đâm vào. Người thanh niên không để ý đến cảm xúc của tôi, tò mò hỏi:

- Anh ở đâu đến, tôi chưa thấy anh ở xóm này bao giờ cả?

Tôi buộc phải nói dối, lên tiếng:

- Tôi ở trong một đoàn thương buôn mới ghé qua nơi đây.

Người thanh niên ngạc nhiên:

- Các đoàn thương buôn thường làm việc ở ngoài chợ chứ đâu có ai mon men đến cái xóm nghèo như thế này. Chúng tôi đâu có gì để buôn bán hay trao đổi đâu.

Tôi cố gắng giữ bình tĩnh, nhưng cảm thấy khó chịu về thái độ của người thanh niên này:

- Đêm hôm trước tôi đi lạc, vô tình đã ghé qua đây và có dịp nói chuyện khá lâu với ông lão y sĩ.

Cihone quay lại nhìn cha, chợt lộ vẻ lo lắng:

- Cha tôi hay nói lung tung, tôi đã dặn đi dặn lại là không nên nói nhiều vì có thể rước họa vào thân.

Ông lão chậm rãi ôn tồn:

- Ta nói có gì sai đâu mà phải cẩn thận chứ.

Cihone cẩn thận thưa:

- Nhưng cha nên nói ít đi một chút, vì nói hết những điều cha nghĩ không khéo có thể gây hiểu lầm và cả nguy hiểm nữa cha ạ. Ở vương quốc này, không phải ai cũng muốn nhìn, biết rõ sự thật như chúng ta đâu. Nhất là...

Ông lão liền nói to át đi, giọng kiên quyết:

- Ta thực sự không có sợ gì hết! Nếu nói đúng sự thật thì có gì phải sợ nào. Đã sợ thì không nói - Đã nói thì không sợ.

Cihone cầm lấy tay ông khẩn khoản:

- Dân thường mặt hạn như mình thì có muốn cũng đâu thể làm thay đổi được điều gì đâu, nên nói nhiều cũng chỉ vô ích mà thôi cha ạ.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cô đang muốn nói đến việc thay đổi những điều gì?

Người thanh niên xen vào trả lời thay:

- Cha tôi hay nói về việc xây cất các lăng tẩm, đền thờ to lớn, quá tốn kém mà không mang lại ích lợi gì cho dân cả. Nhưng các giáo sĩ và Pharaoh đã muốn làm thì không ai dám cản cả. Chắc chắn Pharaoh không quan tâm đến người dân mới làm như thế nhiều năm rồi.

Tôi giật mình vì việc chỉ trích chuyện xây cất lăng tẩm, đền thờ là điều rất cấm kỵ, đụng chạm đến uy quyền của Pharaoh. Trong lịch sử Ai Cập, hầu như mọi Pharaoh đều có những công trình xây cất hết sức vĩ đại, như các kim tự tháp, lăng tẩm và đền thờ các thần linh, vì đó là những gì Pharaoh để lại cho đời sau biết đến công lao tên tuổi của họ.

Ông lão lên tiếng:

- Ai sợ Pharaoh chứ ta không sợ. Pharaoh nào cũng thế, chỉ biết đến quyền lợi của mình, chỉ lo xây dựng mồ mả cho thật to, thật tốn kém để đảm bảo một đời sống tốt đẹp ở thế giới bên kia chứ có nghĩ gì đến nỗi bất hạnh của người dân phải còng lưng xây cất đâu. Pharaoh hiện giờ còn tệ hơn nữa, không những lo xây cất mồ mả vĩ đại cho mình mà còn bắt phải xây thật nhiều đền thờ Thái Dương cho bọn giáo sĩ và quyền thuộc của chúng hưởng thụ nữa.

Cihone vội vã lấy tay bịt mồm ông lão lại:

- Cha cẩn thận! Đừng nói nữa cha ơi...

Ông lão thủng thẳng nói chậm, rõ từng lời:

- Việc gì mà phải sợ thế, làm người phải biết can đảm nói lên sự thật chứ. Thế chẳng lẽ con định cho cha đến lúc chết mới được nói lên sự thật à?

Chàng trai có vẻ xúc động thật sự sau câu nói của ông lão:

- Thôi, cha đã muốn nói thì cứ nói. Con ủng hộ cha can đảm nói lên sự thật! Nếu không biết đợi đến khi nào nữa? Cha đã già rồi, không cần quá sợ hãi như trước nữa!

Cihone nhìn chàng trai rồi quay lại nhìn cha, nhỏ nhẹ:

- Giờ cha không nên nói gì nữa. Hôm nay có người lạ ở đây.

Câu nói của Cihone khiến mọi người đều giật mình quay về thực tại, im lặng quay qua nhìn tôi như dò xét.

Hai chữ “can đảm” có một mãnh lực kỳ lạ khiến tôi nhớ lại một kỷ niệm thời thơ ấu. Khi tôi và mẹ tôi sống trong cung điện, tôi thích trèo lên một bức tường thấp, rồi nhảy xuống lòng mẹ để bà ôm lấy tôi. Hôm đó, mẹ tôi khoanh tay lại bảo: “Con hãy nhảy xuống một mình đi, con lớn rồi”. Tôi lo sợ: “Bức tường cao quá mẹ ơi”. Mẹ tôi mỉm cười: “Này Akhon, con hãy nhìn xem, bức tường này chỉ cao hơn con một chút thôi, con có thể nhảy xuống nhưng hãy khôn khéo nhảy bằng hai chân - đừng nhảy bằng cặp mắt”. Ý bà muốn nói là khi nhìn bằng mắt, người ta dễ sợ hãi và không dám nhảy. Mẹ tôi nói thêm: “Con đã lớn rồi, phải biết tự chủ và vượt qua những khó khăn. Con phải can đảm lên! Đừng có quá sợ hãi khi cần can đảm”.

Tự nhiên trong tôi trào lên một cảm xúc. Tôi nhìn mọi người, rồi lên tiếng trấn an:

- Mọi người yên tâm, tôi hiểu chuyện và sẽ giữ im lặng không nói cho ai biết đâu. Mà ông đang nói đúng mà.

Tuy nhiên, tất cả vẫn nhìn tôi với thái độ lo ngại, không ai nói thêm gì nữa. Bầu không khí nặng nề bao trùm lên căn nhà khiến tôi hiểu cuộc gặp gỡ đến lúc phải kết thúc, dù tôi muốn nói chuyện tiếp với Cihone vẫn phải từ biệt quay về.

Tôi trở về cung điện trong trạng thái khó chịu, bức bối. Không hiểu sao những câu nói vô tình nhưng thành thật của những người dân này lại có một sức mạnh đánh thẳng vào đầu óc kiêu căng ngạo mạn của tôi, làm xáo động trái tim tôi.

Tôi nhớ đến giọng nói cùng cách ứng xử dịu dàng của người con gái thuần hậu kia và tự nhiên cảm thấy trong lòng thật sự cay đắng. Vì sao một vị Pharaoh oai hùng, quyền uy lại có cái cảm giác hụt hẫng, xấu hổ trước một người con gái xuất thân quá đổi bình thường như thế được? Làm sao một Pharaoh cao quý sống giữa đám cung nữ xinh đẹp lại có cảm giác chạnh lòng khi chứng kiến sự yêu thương, đồng điệu giữa khó nghèo của người con gái trẻ chân quê kia với một gã trai làng như thế? Phải chăng chính sự thu xếp của thần linh đã để cho người con gái đó phải thuộc về người khác chăng? Dĩ nhiên tôi chỉ cần vung tay ra là sẽ đạt được điều tôi muốn ngay - nhưng không hiểu sao tôi biết mình không thể làm như thế với người con gái này được. Chưa bao giờ tôi thấy mình lại bất lực đến thế. Ai đã đặt tôi vào hoàn cảnh trở trêu lạ lùng như bây giờ? Ai

có thể trả lời những điều tôi đang muốn hỏi? Nếu mọi việc đều là ý muốn của thần linh thì tại sao họ lại ác thế? Từ ngày lên ngôi Pharaoh, tôi đã dâng cúng rất nhiều phẩm vật cho thần linh thì tại sao họ lại đặt tôi vào tình cảnh trớ trêu này? Phải chăng đó là sự thử thách về đức tin của tôi đối với chư thần hay là một cái gì đó khác nữa chăng? Những câu hỏi này đã xâm chiếm dọc ngang tâm trí tôi suốt đêm hôm đó, nó giống như một mũi tên sắc nhọn đâm vào tim, giày vò, nhức nhối, đau đớn chưa từng có.

Sáng hôm sau, tôi thấy trong người rất khó chịu, bực bội nên ra lệnh cho kẻ tùy tùng thắt cương ngựa cho tôi đi ra ngoài cung. Tôi không muốn quân sĩ đi theo nên ra lệnh cho họ quay trở lại, rồi một mình một ngựa tiến thẳng ra sa mạc. Mặt trời bắt đầu lên cao, ánh nắng tỏa lan trên những cồn cát trập trùng trải dài trong sa mạc khiến tôi cảm thấy như có một sức sống kỳ diệu đang bao trùm lên vạn vật.

Tôi tự hỏi: “Hiện nay thần Thái Dương Amun Ra đang ở đâu?”. Đã từ lâu, tôi vẫn thầm gọi tên Ngài trong các nghi lễ tổ chức trong đền thờ khi dâng cúng phẩm vật nhưng không hề cảm nhận được sự hiện diện của Ngài. Hiện tôi đang đứng một mình giữa sa mạc mênh mông, không có những giáo sĩ hay những nghi thức, mà chỉ có những cồn cát vắng lặng, trơ trụi, nhưng tôi lại thấy mình nghĩ đến Ngài một cách thiết tha hơn bao giờ hết. Tôi ước ao được nhìn thấy Ngài, được nói chuyện với Ngài một cách thân mật để mong Ngài trả lời những thắc mắc của tôi. Nhưng vô ích, từ trước đến nay Ngài chỉ là một pho tượng vô tri trong đền thờ Thái Dương mà thôi.

Tôi dừng ngựa, lặng lẽ nhìn ngắm những vệt sáng chạy dài ở cuối chân trời và hốt nhiên cảm nhận được một cái gì đó dịu dàng, mềm mại như bàn tay của đấng Thái Dương đang dang rộng ra để đón tiếp tôi. Như có gì đó thúc đẩy, tôi quỳ xuống, dâng lên Ngài một lời cầu nguyện thiết tha, lời cầu nguyện của một tín đồ trung thành chứ không phải của một Pharaoh oai phong lẫm liệt. Tự nhiên tôi thấy mình chìm ngập trong một bầu ánh sáng bao la vô tận. Tôi cảm nhận được có điều gì đó lạ lùng đang chuyển hóa trong tâm mình. Hình như đấng Thái Dương đang trêu chọc tôi, đang đùa giỡn với tôi chăng? Tôi đã muốn tìm Ngài từ lâu rồi nhưng không được vì lúc nào Ngài cũng lẩn tránh tôi. Tuy nhiên, có lẽ Ngài nghe được lời cầu nguyện của tôi nên đã dừng lại như chờ đợi. Tôi thu hết can đảm để

ôm lấy Ngài, nhưng một lần nữa tôi lại thấy mình không nắm được bàn tay Ngài và cũng không thấy được khuôn mặt Ngài.

Tôi đứng im trong thất vọng và bất chợt thét lớn, thật lâu:

- Thần Thái Dương! Ngài đang ở đâu?

Tiếng hét của tôi lạc lõng dội vào giữa sa mạc mênh mông rồi tắt lịm, chỉ có những cồn cát trập trùng đứng ngậy ra như thách đố. Nhưng ngay trong lúc đó, hốt nhiên tôi nhận thức được một tiếng nói vô thanh ở ngay sát bên tai: “Ta đây!”.

Tâm hồn tôi bỗng nhiên như được mở rộng, nỗi thất vọng tự động tan biến, và tôi cảm nhận rõ một cảnh tượng lạ lùng đang xuất hiện. Một cảnh tượng huy hoàng sáng chói hiện ra trước mặt tôi, và tự nhiên tôi ý thức được rằng mình không thể tìm thấy Ngài ở bên ngoài mà phải tìm ở bên trong. Vừa nghĩ như thế thì như thể có một bàn tay vô hình gỡ đi tấm vải từ lâu vẫn che mắt tôi. Bấy lâu nay tôi vẫn tìm kiếm đáng Thái Dương qua các nghi lễ trong đền thờ. Tôi đã tìm kiếm Ngài qua những nghi thức dâng cúng phẩm vật, nhưng lúc nào Ngài cũng lẫn tránh tôi. Bây giờ, giữa sa mạc mênh mông này, Ngài lại hiện diện bên cạnh tôi và thì thầm rõ trong tai tôi:

“Tại sao trước giờ người lại mãi miết đi tìm kiếm Ta ở bên ngoài? Hãy quay vào bên trong nội tâm, người sẽ gặp Ta!” .

Tôi lặng người trong giây phút cảnh giới xuất thần lạ lùng đó và tự nhiên hiểu rằng từ trước đến nay tôi đã đi tìm ở bên ngoài nên không có được kết quả, câu trả lời chỉ đến từ bên trong và nếu biết quay vào bên trong thế giới nội tâm của mình - mọi câu hỏi dường như sẽ được giải đáp. Con người luôn thường có thói quen thích lệ thuộc, muốn đi tìm sự trợ giúp từ bên ngoài nhưng đôi lúc chính bản thân họ đã có đủ sức mạnh cùng lý lẽ trực giác giải quyết được vấn đề rồi.

Tôi ngây ngất trong cơn thần ảo kỳ diệu này, thời gian như lắng đọng, rồi đầu óc của tôi xoay chuyển với muôn vàn tư tưởng cần được giải đáp. Tôi nghĩ đến các giáo sĩ đã ủng hộ tôi lên ngôi vị Pharaoh, họ làm thế chỉ vì quyền lợi của họ. Việc xây cất các đền thờ, tổ chức các nghi lễ dâng cúng phẩm vật chỉ là một hình thức trục lợi của phe nhóm này. Đây là một điều sai lầm vì thật ra đáng Thái Dương đâu hề ngự trị trong những đền thờ to lớn đang được

xây cất kia mà Ngài luôn an ngự ở trong tâm trí tôi và trong lòng tất cả mọi người. Câu hỏi từ lâu không được giải đáp bỗng được trả lời một cách tự nhiên. Tôi cảm nhận được một niềm an lạc sâu sắc trỗi dậy bên trong mình. Hơi thở của tôi dần dần trở nên nhẹ nhàng, thoát ra khỏi buồng phổi như một cơn gió mát. Tâm hồn tôi không còn xáo trộn như trước mà trở nên an tĩnh vô cùng. Tôi không còn ý thức gì về thân xác của mình nữa, đầu óc của tôi trở nên sáng suốt lạ thường. Cái bản ngã kiêu căng hung bạo của tôi tự nhiên tan biến vào sa mạc mênh mông. Tầm mắt của tôi được mở rộng ra, tôi nhìn thấy ánh sáng của vàng thái dương lan đến đâu là sự sống bừng lên đến đó. Tôi nhìn thấy những rễ cây chà là đang mọc dưới lớp cát trong những ốc đảo giữa sa mạc. Tầm mắt vươn ra xa, tôi nhìn thấy những đoàn thương buôn cười lạc đà đang cắm cúi trên những con đường dẫn đến kinh đô Thebes. Trong tầm mắt của tôi, vạn vật đều trở nên sống động hơn bao giờ hết. Ngay cả thân thể tôi cũng tan hòa vào luồng ánh sáng bao la vô tận này. Tôi ngây ngất trong cảm giác thần ảo này và chợt hiểu rằng đáng Thái Dương chính là nguồn an lạc vô biên, toàn thân Ngài được dệt bằng muôn vàn tia sáng. Toàn thể vũ trụ hiện ra trong luồng ánh sáng này với muôn vàn tinh tú chói sáng khắp nơi. Tại sao Ngài lại làm vậy? Câu trả lời đến ngay với tôi: *“Ta chính là tình thương”*. Ngay lúc đó, tôi ý thức rằng chính tình thương đã đem lại sức mạnh cho Cihone để giúp đỡ những đứa trẻ mắc bệnh. Tôi nghĩ đến câu nói của ông lão y sĩ về những đứa trẻ thiếu tình thương. Tôi hiểu rằng tôi cũng là nạn nhân của việc này vì tôi đã mất mẹ từ nhỏ và tại sao tôi trở thành một con người hung bạo hơn những Pharaoh trước đó. Tôi không biết mình đã đắm chìm trong trạng thái này bao lâu, nhưng tôi đã nhận được câu trả lời mà tôi vẫn thắc mắc từ bấy lâu nay.

* * *

Tôi giật mình tỉnh dậy và thấy mình đang ngồi trong phòng làm việc ở New York. Cái cảm giác an lạc lạ lùng ngoài sa mạc vẫn còn để lại những rung động tuyệt vời trong tâm trí tôi. Tôi tự hỏi phải chăng tôi vừa trải qua một trải nghiệm về đời sống ở kiếp trước thật hay đó chỉ là một giấc mơ? Nhưng một giấc mơ không thể rõ rệt đến từng chi tiết và có những dư âm sâu đậm đến thế được.

Thường qua một giấc mơ người ta sẽ quên ngay, nhưng những trải nghiệm cùng cảm xúc này lại theo tôi mãi sau này. Nhưng khi tôi giờ tay nhìn vào chiếc nhẫn hình con bọ hung đeo trên ngón tay và cố tập trung tư tưởng vào đó nhưng lại không cảm nhận được gì hết. Tại sao khi trước chỉ nhìn vào đó thôi mà tôi có thể nhớ và sống lại tiền kiếp, còn hiện giờ lại không thể làm như thế được?

Suốt ngày hôm đó, đầu óc tôi hoàn toàn bị chi phối bởi những sự kiện diễn ra trong tiềm thức kiếp sống ở Ai Cập. Nếu tôi có khả năng nhớ lại tiền kiếp thì việc gì đã xảy ra sau đó tôi cũng phải biết chứ? Tôi có được gặp lại Cihone, người con gái dịu dàng kia nữa không? Chuyện gì đã xảy ra cho triều đại Ai Cập sau đó?

Ngày hôm sau, tôi tiếp tục nhìn vào chiếc nhẫn với hy vọng nó có thể đưa tôi trở lại tiền kiếp nhưng việc này vẫn không xảy ra như mong muốn. Sau nhiều lần cố gắng vô ích, tôi nghĩ đến ông Kris. Nếu ông này có thể giúp tôi nhớ lại tiền kiếp tại Atlantis thì biết đâu ông cũng có thể giúp tôi trở lại tiền kiếp tại Ai Cập?

Trong buổi nói chuyện về kiếp sống tại Ai Cập, Thomas cho biết mặc dù trong giờ phút cuối tại Atlantis, ông bắt đầu ý thức được cảm giác hối hận và tình thương nhưng chưa được rõ ràng. Nó chỉ là một hạt giống được gieo vào tiềm thức của ông. Trong kiếp này, qua việc tiếp xúc với Cihone, ông đã học thêm được rằng tình thương là cái mà ta cho đi vô điều kiện, do đó ông bắt đầu chuyển hóa. Từ sự hiểu biết này, ông mới ý thức rõ hơn về đấng Thái Dương và trải nghiệm được điều thần ảo ngoài sa mạc. Từ đó, ông hiểu rõ về sự sa đọa của nền tôn giáo cổ đang bị lũng đoạn bởi các phe nhóm giáo sĩ thành Thebes mà không hề quan tâm đến cuộc sống của người dân nghèo.

PHẦN NĂM

PHARAOH

QUYỀN LỰC VÀ YÊU THƯƠNG

Chiều hôm đó, tôi lái phi cơ bay thẳng đến Colorado. Tôi vừa dừng xe trước nhà ông Kris thì đã thấy ông này mở cửa bước ra. Sau vài câu chào hỏi xã giao, tôi kể vắn tắt cho ông Kris nghe về trải nghiệm vừa qua, rồi hỏi:

- Khi trước ông có nói rằng ông sẽ giúp tôi nhớ lại tiền kiếp, thế thì việc này ra sao?

Ông Kris không trả lời ngay mà thông thả mời tôi vào nhà, lấy một đĩa trái cây tươi mời tôi ăn. Bất chấp cử chỉ bồn chồn, nóng nảy của tôi, ông Kris vẫn thản nhiên:

- Tôi có thể giúp vì ông đã dặn tôi từ trước. Thật ra ông phải tự mình phát triển cái khả năng mà ông đã quên trong kiếp này.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng tôi phải làm thế nào?

Ông Kris thông thả trả lời:

- Khi xưa ông đã có khả năng này trong lúc đầu óc an tĩnh khi thiền định. Hiện nay ông đã để cho lòng ham muốn sai khiến, với tâm trí xáo động như thế thì làm sao ông có thể khôi phục khả năng này được?

Chúng tôi yên lặng nhìn nhau trong mấy phút, câu nói của ông Kris quả có một tác động khiến tôi cảm thấy yên lòng. Tôi thốt lên:

- Quả thật tình cờ khi chúng ta gặp lại nhau trong kiếp này.

Ông Kris mỉm cười:

- Như vậy hẳn ông đã đồng ý rằng chúng ta đã trải qua nhiều kiếp sống từ trước? Phải chăng ông đã tin rằng có luật Luân hồi?

Tôi bối rối cười, không nói gì cả. Ông Kris lại tiếp tục:

- Ông bạn ơi, đây không phải sự tình cờ đâu mà đã có sự sắp đặt từ trước. Do sự chi phối của những động lực trong vũ trụ qua luật Luân hồi và Nhân quả mà người này gặp gỡ người kia. Có khi là nợ, có khi là duyên, có khi gặp nhau để trả nợ, có khi gặp nhau để nối lại duyên xưa. Biết bao việc xảy ra trong đời tưởng như ngẫu nhiên nhưng thật ra đã được xếp đặt từ trước do nhân duyên để đem lại kết quả nào đó.

Nghe ông Kris nói, lòng tôi xúc động lạ thường, cho đến lúc này tôi không còn nghi ngờ gì nữa mà hoàn toàn tin tưởng rằng có quy luật Luân hồi và Nhân quả.

Ông Kris chăm chú nhìn tôi một cách tinh quái rồi lên tiếng:

- Hình như ông đang thắc mắc về một người con gái và không biết mối tình này sẽ kết thúc như thế nào phải không?

Tôi giật mình, tự hỏi làm sao ông ấy lại biết việc đó. Như đọc được tư tưởng của tôi, ông Kris mỉm cười:

- Tôi có thể biết ông đang nghĩ gì.

Tôi cố tình nói lảng đi:

- Thật ra tôi đang thắc mắc về tôn giáo thờ thần Thái Dương Amun Ra vì tôi vừa có một trải nghiệm lạ lùng khi hồi tưởng về tiền kiếp tại Ai Cập.

Ông Kris giải thích:

- Thần Thái Dương Ra chỉ là một quan niệm cổ xưa đề cập đến sự sáng tạo vũ trụ. Nó bắt nguồn từ nền tôn giáo cổ tại Atlantis, rồi truyền qua Ai Cập do những người tránh nạn đại hồng thủy đến định cư nơi đây. Lúc đầu nó bao gồm rất nhiều lĩnh vực như thiên văn, y học, toán học, kiến trúc, âm nhạc v.v... nhưng theo thời gian, một số lĩnh vực khoa học bị thất truyền. Người Ai Cập chỉ biết đến thần Thái Dương Ra như là đấng sáng tạo, cũng như ngày nay chúng ta sử dụng từ “Thượng Đế” mà thôi. Tôn giáo Ai Cập lúc đó thờ rất nhiều thần linh như thần sông, thần núi, thần đất, thần sa mạc và các vị thần bản địa. Các giáo sĩ ở thành Thebes thờ Amun, một vị thần bản địa, nhưng khi ảnh hưởng

của phe nhóm này mạnh lên, được các Pharaoh nể phục, họ thay đổi tên vị thần này thành Amun Ra, đề cao vị này lên thành một thần linh tối cao để mọi người Ai Cập phải tôn thờ, nhờ thế họ bành trướng thế lực của giới giáo sĩ. Từ đó, xứ này mất đi những tinh hoa của thời đại trước mà đi vào con đường tôn giáo sùng tín, rồi dần dần trở nên mê tín chứ không còn là một nền khoa học như trước.

Ông Kris tiếp tục giải thích:

- Vào thời cổ đại, Ai Cập là một vùng đất trù phú chạy dọc theo sông Nile với những cánh đồng mênh mông, ao hồ đầy tôm cá, người dân xứ này sống hiền hòa và chịu ảnh hưởng của tôn giáo thờ thần Thái Dương, bắt nguồn từ châu Atlantis. Các vua chúa Ai Cập thời cổ đại đều xuất thân từ Atlantis nên có kiến thức về các động lực thiên nhiên ẩn tàng trong vũ trụ và biết cách kiểm soát các năng lượng xuất phát từ các tinh tú để đón nhận những vũ trụ tuyến cho các nghi thức đặc biệt. Do đó, nếu nghiên cứu kỹ, người ta sẽ thấy kim tự tháp được xây cất theo đúng vị trí nhất định để đón nhận năng lượng vũ trụ tuyến chứ không phải là lăng mộ vua chúa như các nhà khảo cổ thường nói đâu.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng tôi nghe nói đó là nơi an táng thi hài các Pharaoh thời cổ xưa.

Ông Kris lắc đầu:

- Đó là một sự hiểu lầm tai hại. Vì hiện nay không ai biết rõ kim tự tháp được xây cất cho mục đích gì nên tất cả đều chỉ là giả thuyết mà thôi. Khi một nhà khảo cổ suy đoán rằng đó là mồ mả của Pharaoh, và rồi những nhà khảo cổ khác cũng nói theo, thì dư luận cũng đồng ý như vậy mà không đòi hỏi thêm bất kỳ bằng chứng gì nữa.

Ông Kris giải thích:

- Nếu quan sát kỹ, người ta có thể thấy có sự khác biệt giữa lăng mộ các vua chúa trong thung lũng mộ vua và các kim tự tháp. Các lăng mộ bao giờ cũng có các hình vẽ, điêu khắc trên vách đá để ghi nhớ, ca ngợi công lao của các vị vua đó, cùng các bùa chú, nghi thức tôn giáo, các hình ảnh người chết được phán xét

bởi thần Osiris ở cõi âm v.v... Ngoài ra, các quan tài còn có nhiều lớp ván quách chồng lên nhau và rất nhiều đồ đạc, của cải, vàng bạc châu báu chôn theo. Hàng trăm ngôi mộ tại thung lũng mộ vua đều được thiết trí giống nhau như thế. Trong khi đó, tất cả vách đá trong kim tự tháp hoàn toàn trống trơn, tuyệt nhiên không có một hình vẽ hay dấu hiệu gì cả. Đã có ai hỏi tại sao lại có sự khác biệt như thế chưa?

Tôn giáo Ai Cập chủ trương trong lăng mộ phải ghi rõ các biểu tượng với bùa phép, thần chú, và cuốn *Tử Thư* ^[7] để đưa hồn người chết về cõi giới bên kia thì tại sao trong các kim tự tháp lại không hề có hình ảnh hay bất kỳ chữ viết nào? Tại sao người ta đã bỏ công ra xây dựng một công trình to lớn, vĩ đại mà bên trong lại trống trơn, chẳng có gì hết, không một hình ảnh, không một dấu tích, không một chữ viết? Như vậy nó đã được xây lên vì mục đích gì khác chứ không thể là lăng mộ được.

Hiện nay, các nhà khảo cổ cho rằng kim tự tháp vĩ đại được xây tại vùng Giza là mồ mả của các Pharaoh mang tên Khufu, Khafre và Menkaure, nhưng có ai từng tìm thấy xác ướp của những ông vua này ở đó đâu? Lịch sử Ai Cập cũng không ghi chép gì về triều đại của những ông vua này mặc dù từ ngàn xưa người Ai Cập đã biết chép sử, ghi nhận chiến công của vua chúa trong các đền thờ hay lăng tẩm. Nếu những ông vua này đã cho xây những công trình vĩ đại như thế thì hẳn họ phải là những vị vua đặc biệt, nhưng tại sao không một sách vở, tài liệu hay văn tự nào nói đến họ mà chỉ có vài giai thoại rời rạc? Đã ai biết đặt câu hỏi tại sao lại như thế không?

Phần lớn các tài liệu cổ về Ai Cập đều ghi rõ các công trình kiến trúc ở thung lũng mộ vua, trong đó có cả tên của những kiến trúc sư, giáo sĩ phụ trách công việc đó mà không tìm thấy một tài liệu nào đề cập đến quá trình xây dựng những kim tự tháp hay nó đã được hoàn thành như thế nào? Tại sao lại có sự thiếu sót như thế chứ?

Kim tự tháp vùng Giza được xây bằng những tảng đá khổng lồ, chồng khít lên nhau một cách tuyệt hảo, không sai lệch một li. Mỗi tảng đá nặng cả trăm tấn, thì làm sao người ta có thể

khuôn hàng ngàn tảng đá vĩ đại như vậy chồng lên cao thế được? Dù có hàng trăm ngàn nô lệ kéo những tảng đá này lên cũng không thể nào làm được như thế chỉ với sức người. Ngày nay, với máy móc hiện đại nhất, con người cũng không làm nổi việc đó huống chi là mấy ngàn năm trước? Vậy thì ai đã xây cất những kim tự tháp này và sử dụng những kỹ thuật gì?

Những tảng đá xây kim tự tháp được đục tách ra từ những rặng núi cách xa đó hàng trăm dặm, làm sao người ta có thể vận chuyển hàng ngàn tảng đá khổng lồ này đến giữa sa mạc vùng Giza trong khi người Ai Cập vào thời đại đó chưa biết sử dụng bánh xe lăn hay cần trục? Phải chăng người xưa đã sử dụng kỹ thuật nào đó thuộc một nền văn minh khác mà ngày nay không ai còn biết đến?

Ông Kris ngừng lại nhìn tôi, mỉm cười nói thêm:

- Hiện nay, trong các khu rừng rậm tại châu Phi và Nam Mỹ, còn có vô số kim tự tháp, tương tự như ở Ai Cập, mới được khám phá. Các bộ lạc sống ở vùng đó đều nói đó là đền thờ của tổ tiên họ, nơi thực hành các nghi thức tôn giáo chứ có ai nói đó là mồ mả chôn cất vua chúa đâu. Tại sao các nhà khảo cổ tin rằng kim tự tháp Ai Cập là lăng tẩm của vua chúa trong khi kim tự tháp Nam Mỹ chỉ là nơi chốn thờ phụng? Đã có ai biết hỏi tại sao lại có sự khác biệt như thế không?

Ông hãy nghĩ xem, những bộ lạc bán khai, sống trong những túp lều cất bằng cây lá, không hề biết gì về kiến trúc hay toán học, thì làm sao tổ tiên của họ lại có thể xây cất những kim tự tháp bằng những tảng đá khổng lồ như thế? Trừ phi là những kiến thức này xuất phát từ một nền văn minh từng hưng thịnh hay một chủng người nào đó mà nay đã biến mất trên bề mặt địa cầu.

Như ông đã biết, để tránh nạn đại hồng thủy, người Atlantis đã đóng thuyền đi định cư khắp thế giới và mang nền tôn giáo của họ theo. Nếu để ý thì ông sẽ thấy tất cả nơi nào có kim tự tháp đều tôn thờ thần Thái Dương, hay biểu tượng mặt trời. Tại sao ở những nơi xa xôi vạn dặm mà người dân nơi đó không thờ thần linh nào khác mà đều tôn thờ thần Mặt trời nếu nó không xuất phát từ một nguồn gốc chung?

Nghe ông Kris trình bày kỹ như thế, tôi mới nhận thấy quả là có những khác biệt rõ ràng trong các giả thuyết của các nhà khảo cổ mà ngày nay đa số mọi người đều tin chứ không kiểm chứng xem các giả thuyết đó đúng hay sai. Có lẽ chỉ khi nào người ta có thể đi ngược dòng thời gian, trở lại quá khứ, thì mới có thể hiểu rõ ý nghĩa tồn tại của các kim tự tháp này.

Tôi thắc mắc:

- Khi trước tôi nhớ lại kiếp sống tại Atlantis, còn bây giờ lại trải nghiệm một kiếp sống khác nữa ở Ai Cập. Thời gian ở Atlantis xảy ra khoảng hơn mười hai ngàn năm trước Công nguyên, rồi đến Ai Cập khoảng ba ngàn năm trước Công nguyên, vậy thì chuyện gì xảy ra giữa hai kiếp sống đó? Liệu tôi còn sống ở những đâu nữa không?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi, rồi nghiêm nghị hỏi:

- Ông có thực sự muốn biết chuyện đó không? Liệu ông có can đảm chấp nhận sự thật không?

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao lại không? Nếu con người chết đi rồi tái sinh vào một kiếp sống khác thì thời gian ở giữa hai kiếp sống kéo dài bao lâu?

Ông Kris ngần ngại nhìn tôi, rồi giải thích:

- Nay ông bạn, khi trước chúng ta đã nói về luật Luân hồi. Con người sinh ra rồi chết đi, chết rồi tái sinh trở lại, quanh quẩn mãi trong vòng Luân hồi - nhưng không phải ai cũng tái sinh trở lại thành người đâu. Tùy theo những nguyên nhân phức tạp mà có khi tái sinh thành loài vật, loài ma quỷ, hay các sinh vật khác nữa. Ông nên biết cõi giới chúng ta đang sống không phải là cõi giới duy nhất, còn có những cõi giới của các sinh vật khác mà chúng ta không nhìn thấy đó thôi. Ta có thể gọi đó là những chiều không gian khác nhau hay thế giới vô hình cũng được vì các giác quan hiện nay của chúng ta không thể cảm nhận được hết tất cả những thế giới này. Tuy nhiên, không nhìn thấy được không có nghĩa là chúng không đang tồn tại cùng với chúng ta.

Khi trước tôi đã nói về sự thay đổi hay tiến hóa từ loài kim thạch qua loài thảo mộc, rồi đến sinh vật cấp thấp (như côn trùng). Các loài này có một kho kinh nghiệm chung nên hành động y hệt như

nhau. Cái kho này tích lũy những kinh nghiệm học hỏi được cho loài côn trùng, rồi sau đó chúng chuyển kiếp tiến hóa lên thành những loài vật như chim chóc, rồi tiến lên loài bò sát, rồi loài dã thú v.v... Sau đó, kinh nghiệm này được cá nhân hóa thành những sinh vật thông minh như gia súc hay trâu bò, chó mèo v.v... Sự hiểu biết đã được cá nhân hóa này giúp sinh vật tiếp tục tiến hóa và chuyển kiếp thành loài người với bộ óc thông minh biết suy nghĩ và phân biệt. Sự thay đổi từ loài vật cấp thấp lên đến loài người được khoa học ngày nay gọi là luật Tiến hóa.

Ông Kris nhìn tôi như để chắc rằng tôi hiểu rõ những điều ông nói, rồi tiếp tục:

- Tuy nhiên, có tiến hóa thì cũng phải có thoái hóa, nghĩa là thay đổi từ loài thông minh thành những loài cấp thấp. Một sự thông minh lớn có thể biến thành nhiều sự thông minh nhỏ. Do đó, khi một người thoái hóa thành loài thú, sự hiểu biết cũng đi theo những sự hóa kiếp đó, chẳng phải trở thành một con thú duy nhất mà thường trở thành nhiều con thú. Nếu không như thế thì chẳng lẽ một con thú cũng thông minh như người hay sao?

Hãy lấy thí dụ về một người chuyển kiếp thành mười con chó, mỗi con chỉ có một phần mười sự thông minh của người đó thôi vì sự thông minh đã bị phân tán ra thành mười phần. Trong quá trình chia cắt này, sự hiểu biết phải kém đi, do đó những con chó này không thể thông minh như người được.

Trải qua hàng triệu năm, phát triển từ loài cấp thấp lên đến loài người, sinh vật phải trải qua biết bao nhiêu kiếp, học biết bao nhiêu thứ, thanh lọc biết bao nhiêu điều mới chuyển kiếp được thành người. Con người với đầu óc thông minh, biết phân biệt điều hay lẽ phải, phải tiếp tục học hỏi để tiến lên những vị trí cao hơn, để trở thành các bậc tiên thánh. Điều đáng tiếc là thay vì học hỏi để hiểu biết nhiều hơn, họ lại hành động thiếu hiểu biết nên phải chuyển kiếp trở lại để học thêm những bài học mà họ còn thiếu sót.

Ông Kris ngừng lại như để cho tôi suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Luân hồi có thể tạm coi như là một trường học lớn, trong đó mọi sinh vật đều phải học cho đến khi tiến đến sự hiểu biết toàn vẹn. Sự tiến hóa hay thoái hóa là yếu tố quan trọng để chắc rằng sinh

vật ấy đã tiếp thu được bài học. Nếu chưa học được thông suốt thì phải học lại, và đó là nguyên tắc của luật Nhân quả. Gieo nhân nào thì gặt quả đó. Bất cứ một hành động nào xảy ra đều có kết quả phản hồi lại, có khi xảy ra ngay lập tức, có khi xảy ra sau đó, trong kiếp sống khác.

Người thông minh sẽ nhanh chóng học được từ những sai lầm của mình, rồi tự thay đổi để không tái phạm nữa. Những người không biết học từ sai lầm sẽ phải học đi học lại mãi, trải qua nhiều kiếp sống, cho đến khi học được bài học mà họ phải học. Người thiếu hiểu biết sẽ sống bằng bản năng thay vì sử dụng bộ óc thông minh, họ thường chuyển kiếp trở lại thành những loài thú. Vì đầu óc của họ chưa phát triển đầy đủ, chưa học được bài học rõ ràng, nên phải tiếp tục học hỏi trong nhiều kiếp làm các loài vật khác nhau trước khi trở lại làm người.

Tuy nhiên, khi một người chuyển kiếp thành nhiều con thú, sự thông minh bị phân chia ra thành mười, thành trăm, thành ngàn, hay thành triệu phần thì sự hiểu biết cũng theo đó mà giảm đi, nên họ phải trải qua biết bao nhiêu kiếp sống để học thì mới có thể chuyển kiếp trở lại thành người được. Sự hiểu biết từ kinh nghiệm học hỏi khi xưa càng giảm đi chừng nào thì sinh vật càng ngu dốt thêm chừng nấy, trăm ngàn vạn kiếp sống vất vưởng, nay làm con vật này, mai làm con vật khác, cứ thế trôi nổi trong kiếp súc sinh, không dễ gì quay lại đầu thai vào thân xác con người. Vì sự hiểu biết đã bị phân tách ra thành hàng trăm, hàng ngàn mảnh thì đâu dễ gì hợp lại được nữa?

Thí dụ như những người tham lam thường chuyển kiếp trở thành loài giòi bọ, ăn hút ở những chỗ dơ bẩn, thì sự hiểu biết đã bị chia ra cho hàng triệu con giòi con bọ ấy, thử hỏi những con côn trùng ngu si này còn biết được gì nữa đây? Do đó, chúng sẽ phải trải qua biết bao kiếp sống, đi từ loài thú này qua loài thú khác để phát triển sự hiểu biết, rồi mới có thể tiến hóa lên thành người. Đối với những con côn trùng, sâu bọ thì kiếp sống của chúng chỉ kéo dài vài ngày nên chúng sẽ phải trải qua trăm ngàn kiếp sống côn trùng, lâu lắm mới có thể lấy lại sự hiểu biết để chuyển kiếp thành người. Ông nên biết trở thành người không dễ dàng chút

nào và khi đã đánh mất thân xác con người thì rất khó quay trở lại. Đây là một điều hết sức quan trọng mà không mấy người được biết.

Tôi hỏi lại:

- Vậy trường hợp của tôi thì thế nào? Sau kiếp sống tại Atlantis, tôi đã đi đâu và làm gì?

Ông Kris giải thích:

- Sở dĩ tôi chưa trả lời câu hỏi của ông ngay vì phải giải thích sơ lược về luật Luân hồi, với hai yếu tố chính là tiến hóa và thoái hóa, để ông có thể hiểu rõ những điều tôi sắp nói sau đây.

Ông Kris nhìn tôi với vẻ thương xót, rồi nói tiếp:

- Trong kiếp làm người tại Atlantis, nơi mà sự hiểu biết về khoa học rất cao nhưng chưa mấy ai biết học hỏi hay phát triển tình thương. Do sự thiếu sót này nên ông cũng như mọi người khi đó, đều sống một cách vô cảm, ích kỷ, tham lam, chịu ảnh hưởng bởi môi trường chung quanh. Ông được sinh ra trong một gia đình thuộc tầng lớp cao, có quyền bóc lột, chiếm đoạt những thứ của người thuộc tầng lớp thấp hơn, đó là luật của kẻ mạnh trong xã hội Atlantis thời đó. Do vậy, ông không ý thức về việc làm của mình. Ông gây đau khổ, thiệt thòi cho người khác nên ông đã tạo ra những ác nghiệp, vì thế phải lãnh chịu hậu quả.

Trong trường hợp của ông, khi nhìn thấy đôi chân trần của Kor, ông mê đắm và muốn chiếm đoạt cô này. Ý nghĩ tham lam ấy dẫn đến một tư tưởng điên cuồng, khởi đầu cho những hành động xấu xa sau đó. Mặc dù được huấn luyện để trở thành y sĩ, nhưng ông lại thực hành những pháp môn tà đạo của xứ Og - như giết hại loài vật để cúng tế thần linh, dùng bùa chú làm mê hoặc nhân tâm, sử dụng dược chất để đạt được những ham muốn về tình dục, vì sự hiểu biết mù quáng này nên đầu óc của ông trở nên điên đảo và tạo ra ác nghiệp rất lớn. Ông có muốn tôi nói thêm nữa không?

Tôi nhìn ông Kris, đôi mắt ông bừng sáng một cách lạ thường, toàn thân ông toát ra một khí chất nghiêm nghị. Tôi thở mạnh:

- Vâng, xin ông cứ nói. Tôi sẵn sàng nghe đây.

Ông Kris nói tiếp bằng một giọng oai nghiêm:

- Ông đã sử dụng tà thuật để chiếm đoạt người nữ tu trong trắng trong đền thờ Thái Dương, do đó ông phải gánh chịu hậu quả và chuyển kiếp trở thành một loài sâu bọ chuyên hút máu mủ trong các bàn chân phụ nữ. Nguyên nhân là vì ông say mê đôi chân trần của Kor nên tư tưởng của ông cứ theo đuổi, bám víu lấy những bàn chân phụ nữ. Sau khi chết trong cơn đại hồng thủy, ông đã chuyển kiếp trở thành hàng triệu con sâu bọ, sống chui rúc trong bàn chân ghẻ lở của phụ nữ. Ông đã phải trải qua hàng triệu kiếp làm côn trùng chỉ vì cái tư tưởng si mê mù quáng kia. Chắc hẳn ông đã biết, người ta thích gì thì có tư tưởng ham muốn cái đó, vì say mê bàn chân phụ nữ cho nên nó ám ảnh ông trong thời gian mấy ngàn năm làm sâu bọ.

Lời của ông Kris là một tiếng sấm ngang tai, khiến tôi choáng váng, không nói được gì trong một lúc lâu. Ông Kris im lặng, chăm chú nhìn tôi, ánh mắt ông trở nên dịu dàng hơn.

Đến khi tôi lấy lại được bình tĩnh, ông Kris thông thả nói:

- Ông đã trải qua rất nhiều kiếp sống trên con đường tiến hóa từ loài côn trùng cho đến các loài vật trước khi được quay trở lại thể xác con người. Tuy nhiên, kiếp sống tại Atlantis không phải là kiếp sống đầu tiên của ông đâu, còn có rất nhiều kiếp sống trước đó mà hiện nay ông không nhớ được đấy thôi. Trong những kiếp đó, ông đã giúp đỡ rất nhiều người, gieo rất nhiều nghiệp lành. Nhờ những nhân duyên đặc biệt này nên khi chuyển kiếp trở lại thành người, ông được làm Pharaoh cai trị một vương quốc lớn, hưởng thụ mọi sự vui sướng. Tuy nhiên, trong tâm của ông vẫn còn những nét hung ác bắt nguồn từ kiếp sống tại Atlantis, nên ông trở thành một nhà cai trị độc tài. Trước khi qua đời tại Atlantis, trong tâm ông phát ra sự hối hận và nảy sinh tình thương đối với Kor. Đây là một năng lực chuyển hóa rất mạnh, vì người Atlantis lúc đó chưa hề biết hối hận hay thương yêu. Chính cái nhân duyên hãn hữu này nên sau khi trải qua nhiều kiếp thú, ông được tái sinh thành người tại Ai Cập để tiếp tục bài học mà ông cần học.

Tôi ngập ngừng hỏi:

- Vậy thì tôi đã học được gì khi tái sinh ở Ai Cập?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi:

- Ông được sinh ra vào triều đại thứ hai mươi ba trong giai đoạn cuối cùng của các vua chúa thời cổ đại ở Ai Cập. Lúc đó, Ai Cập đã suy thoái và kiệt quệ, như là hậu quả của việc xây cất các lăng tẩm, mồ mả cho các Pharaoh trước đó. Vào lúc này, phần lớn các Pharaoh không mấy ai ngồi trên ngai vàng được lâu vì những tranh chấp giữa phe giáo sĩ và các Pharaoh. Trong giai đoạn cuối, văn hóa xứ này suy đồi; dân tình nghèo đói khổ khốn; quan lại tham nhũng; cường hào ác bá nổi lên chiếm đoạt tài sản, đất đai, nhà cửa, ruộng vườn của người dân; pháp môn phù thủy thịnh hành; giới giáo sĩ nắm quyền sinh sát; các Pharaoh bất tài, chẳng ai cai trị được lâu.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng trường hợp của tôi thì sao? Làm sao tôi có thể nhớ lại tiền kiếp của mình ở Ai Cập?

Ông Kris mỉm cười:

- Tối hôm nay, khi đầu óc của ông thanh thoi, tôi sẽ giúp ông quay trở lại ký ức của kiếp đó. Bây giờ ông nên nghỉ ngơi tĩnh dưỡng vì ông đã mệt mỏi khi lái phi cơ đến đây rồi.

Buổi tối hôm đó, sau khi dùng ít trái cây, ông Kris yêu cầu tôi ngồi yên trên ghế bành tĩnh tâm một lúc, rồi bước đến nói nhỏ vào tai tôi một câu với ngôn ngữ lạ lùng khiến tôi thiếp đi và trở lại với ký ức khi xưa ở Ai Cập.

* * *

Tôi thấy mình trở về cung điện sau khi có một trải nghiệm lạ lùng ngoài sa mạc. Vừa vào đến nơi, tôi gặp ngay một số tước vị nhũn nhặn đang chờ đợi tôi ở đó. Amed, vị tước vị huy hoàng cáo :

- Thưa Pharaoh, theo thông lệ hàng năm, chúng ta đều kéo binh chinh phạt những nước quanh đây. Hiện nay ngân quỹ đang thiếu hụt, không đủ cho việc rèn đúc khí giới và chiến xa. Chúng tôi xin Pharaoh tăng thuế để có đủ tiền cho việc này.

Theo tiền lệ của các Pharaoh đời trước, mỗi năm Ai Cập đều kéo binh chinh phạt các nước quanh đó và mang về nhiều chiến lợi phẩm như vàng bạc, tài nguyên và nô lệ. Mặc dù chỉ mới lên ngôi được vài tháng, tôi cũng đã chuẩn bị cho cuộc chinh phạt này,

nhưng hiện nay ngân quỹ lại thiếu hụt vì xây dựng đền thờ quá nhiều.

Tôi cho gọi Satt vào. Hắn vừa đến nơi, tôi hỏi ngay :

- Người đã điều tra những kẻ lạm dụng công quỹ xây dựng chưa?

Satt trả lời:

- Thưa Pharaoh! Tôi đã tìm ra một kẻ lạm dụng việc xây cất nhưng cần thời gian để điều tra thêm những kẻ khác nữa.

Tôi nóng lòng lắc đầu:

- Nếu kéo dài thời gian thì lấy đâu ra ngân quỹ để rèn đúc khí giới cho cuộc chiến sắp tới? Không có khí giới thì không thể chiến thắng và mang vàng bạc, nô lệ về cho các ông xây đền thờ được. Chúng ta không thể để cho việc xây dựng này ảnh hưởng đến khả năng chiến đấu của quân đội.

Satt nhìn tôi một cách lạnh lùng, rồi nói:

- Bề tôi đã điều tra việc xây cất lăng tẩm cho Pharaoh. Sau đây là bản báo cáo về Setau, người kiến trúc sư trông coi việc xây cất lăng tẩm cho ngài. Tôi đã có bằng chứng rõ ràng cho thấy Setau đã lấy đi một số vật liệu để xây mồ mả cho chính hắn.

Tôi cầm bản báo cáo, nhìn những con số vật liệu và nô lệ đã bị Setau cắt xén và lời khai của những nhân chứng trong cuộc. Satt quan sát tôi cẩn thận, rồi nói:

- Xin Pharaoh xét xử tên tội phạm này.

Tôi nghĩ thầm: “Gã giáo sĩ này quả thật có bản lĩnh. Mình đang muốn điều tra việc xây cất đền thờ của đám giáo sĩ thì hắn lại cho điều tra việc xây cất lăng tẩm của mình và tìm ra một tên tội phạm - quả là một đòn phép nghi binh né tránh gian xảo”.

Dĩ nhiên việc thâm lạm ngân quỹ xây cất lăng mộ Pharaoh là một trọng tội, không thể tha thứ. Với bằng chứng rõ ràng như thế, tôi không thể nào làm gì khác hơn là tuyên án xử tử Setau ngay. Ngay lập tức, tôi quát lớn:

- Quân sĩ đâu! Bắt ngay Setau ném vào hầm sư tử cho ta! Những người trong gia đình hắn phải bị đẩy ra sa mạc và không bao giờ được trở về nữa.

Tuy nhiên, không chịu thua ván cờ này, tôi quát tiếp:

- Này Satt! Việc điều tra của người chỉ là bước đầu, chắc còn những kẻ khác nữa. Từ nay ta muốn đích thân điều tra công trình xây dựng đền thờ của các giáo sĩ để trừng trị những tên tham lam, lạm quyền vi phạm luật pháp!

Toàn thể triều đình lập tức chấn động vì ai cũng biết một khi tôi đã đích thân điều tra là chắc chắn có nhiều kẻ bị ném vào hầm sự tử. Họ đã thấy rõ cơn thịnh nộ của tôi khi ban hành những đạo luật nghiêm khắc như thế nào. Tôi giờ cao vung ấn quyền uy lên:

- Đây là lệnh của ta! Lập tức ngưng ngay các công việc xây dựng đền thờ cho đến khi ta điều tra xong mọi việc.

Amed bước ra:

- Thưa Pharaoh! Việc điều tra sẽ mất thời gian. Xin ngài cho tăng thuế ngay để chúng thần chuẩn bị rèn đúc vũ khí.

Tôi định đồng ý ngay nhưng không hiểu sao lúc đó lại nghĩ đến câu chuyện với người y sĩ già hôm trước về việc tăng thuế làm dân chúng thêm khổ cực, tôi lắc đầu:

- Việc đó tính sau. Hiện nay ta ưu tiên điều tra việc xây cất trước đã.

Amed vội vã bẩm tấu:

- Chúng ta cần vũ khí để chuẩn bị cho cuộc chiến trước khi mùa mưa đến. Nếu để chậm thì các chiến xa không thể đi trên bùn lầy được.

Là người chỉ huy quân lực, dĩ nhiên tôi biết điều này, nhưng vì đã quyết ra đòn nên tôi quát lớn:

- Đây là lệnh của ta! Các người không ai được nói nữa!

Sau khi ra lệnh, tôi bỏ vào trong cung mặc cho đám võ quan ngờ ngác vì không ai ngờ được phản ứng của tôi lại quyết liệt như thế. Satt nổi gót theo sau:

- Thưa Pharaoh, tại sao ngài lại cho ngừng việc xây cất ạ?

Tôi quay lại nhìn thẳng vào mặt hắn, gần từng chữ:

- Ta có lý do của ta! Nhà ngươi muốn làm phản ta chăng?

Satt lùi lại, mặt mày tái nhợt:

- Không ạ! Không bao giờ ạ. Chính chúng tôi đã giúp ngài lên ngôi Pharaoh thì tại sao lại có thể làm phản ngài?

Tôi cười gằn:

- Nếu người từng có âm mưu tạo phản thì giờ này làm gì còn chiếc đầu trên cổ nữa?

Satt thở hắt hắt:

- Thưa Pharaoh, đúng vậy. Nhưng tại sao ngài lại cho ngưng việc xây cất đền thờ?

Tôi nổi giận:

- Là Pharaoh, ta muốn gì là quyền của ta! Ta còn có thể phá nát tất cả đền thờ của các người, giết không còn một tên giáo sĩ nào nữa.

Satt lui lại dựa lưng vào vách tường, khuôn mặt xám lại vì hắn biết rõ bản tính ngang tàng hung bạo của tôi:

- Pharaoh nên bình tĩnh lại. Chúng ta đã đồng ý với nhau là khi lên ngôi, Pharaoh sẽ cho xây thật nhiều đền thờ ở khắp nơi. Ngài quên rồi sao? Nếu ngưng tất cả công trình lại sẽ khiến cho hàng ngàn thợ thuyền không có việc làm. Rồi họ sẽ lấy gì để sống đây? Ất sẽ có loạn xảy ra. Tôi e việc này sẽ có hại nhiều hơn là có lợi.

Câu nói của Satt làm tôi giật mình suy nghĩ một lát, nhưng lệnh đã ban ra không thể thu lại. Tôi tiếp tục:

- Ta biết rõ điều đó, nhưng ta muốn xem xét tại sao lại cho xây quá nhiều đền thờ như thế.

Satt xuống giọng cầu xin:

- Xin Pharaoh hãy xét cho kỹ, ngưng xây dựng đền thờ sẽ làm xáo trộn rất nhiều việc. Từ bao năm nay, xây cất là công việc quan trọng nuôi dưỡng biết bao nhiêu thợ thuyền và nô lệ. Không thể để cho họ không có việc làm được.

Tôi trừng mắt:

- Ta đã quyết. Nhà người còn dám cãi lệnh ta hay sao?

Satt cố gắng giải thích:

- Không phải như vậy. Nhưng chúng ta cũng cần tiếp tục xây lăng tẩm cho ngài nữa. Nếu Setau bị xử tử thì phải tìm người khác thay thế. Ngài cần chuẩn bị cho đời sống ở cõi bên kia. Ngài nghĩ sao khi gặp các thần linh mà ngài vừa bắt ngưng xây cất đền thờ của họ?

Câu nói của hắn làm tôi càng nổi giận hơn, tôi quát lớn:

- Người tưởng ta không biết việc người đã cho xây hàng trăm đền thờ, nuôi dưỡng hàng ngàn giáo sĩ và quyền thuộc của họ hay sao? Tại sao chỉ trong một thời gian ngắn mà số đền thờ và giáo sĩ lại tăng lên nhiều đến thế? Phải chăng các giáo sĩ lại có nhiều vợ và nô lệ hơn cả Pharaoh? Ai là người cai trị Ai Cập? Pharaoh hay giáo sĩ?

Câu nói của tôi như trúng tim đen làm Satt chột dạ, hắn lo sợ thực sự và không dám nói gì nữa. Tôi hàm hàm bỏ vào hậu cung để mặc hắn đứng đó.

Đối với tất cả Pharaoh Ai Cập, việc quan trọng nhất khi lên ngôi là lo xây cho mình một lăng tẩm vĩ đại để đảm bảo đời sống ở cõi giới bên kia. Do đó, việc tìm một kiến trúc sư để xây cất lăng tẩm ngay từ sớm là việc làm ưu tiên, vì công trình thường kéo dài trong suốt nhiều năm. Lăng mộ càng lớn thì công trình được xây cất càng lâu, có khi kéo dài cả vài chục năm. Không ai biết Pharaoh có thể sống được bao lâu, nhưng nếu khi chết mà lăng mộ vẫn chưa xây xong thì thật là điều bất hạnh. Vì không có mồ mả đẹp thì không thể có một đời sống tốt đẹp ở thế giới bên kia. Tuy nhiên, việc tìm một kiến trúc sư thay thế không hề dễ dàng vì công trình này luôn luôn được giữ bí mật. Chỉ riêng Pharaoh và kiến trúc sư hay vài người liên quan trong việc xây cất mới biết rõ mà thôi. Lăng mộ của các Pharaoh Ai Cập đều được đào sâu vào vách núi ở một nơi được gọi là thung lũng mộ vua, với quân sĩ canh gác rất cẩn mật. Mọi ngôi mộ đều được thiết kế với nhiều

chi tiết đặc biệt để phòng ngừa trộm cướp. Trong lăng mộ có rất nhiều phòng ốc và lối đi khác nhau với các cạm bẫy để đánh lừa những kẻ đào mồ trộm của và những cạm bẫy này chỉ có riêng kiến trúc sư mới biết. Do đó, việc thay thế kiến trúc sư khi việc xây cất còn dở dang là một vấn đề hết sức phức tạp, nan giải.

Tuy nhiên, ngay sáng hôm sau, Satt đã dẫn đến một kiến trúc sư mới, đáng cao lớn. Satt nói:

- Thưa Pharaoh, Samut đây đã từng làm phụ tá cho Setau trong công trình xây cất tại Kanak và Luxor trước đó nên quen thuộc với các đồ án xây dựng của Setau để lại. Xin Pharaoh thu dụng người này.

Vừa nhìn thấy Samut, tôi giật mình vì đó chính là người thanh niên tôi đã gặp ở nhà người y sĩ già cùng với Cihone hôm trước. Dĩ nhiên Samut lúc đó không nhận ra tôi, một phần vì hôm đó trời đã tối, tôi lại che một phần mặt và còn khoác một tấm áo choàng cũ. Còn giờ đây tôi đang ngồi trên ngai vàng oai phong lẫm liệt nên Samut không dám nhìn lâu mà quỳ rạp xuống chờ lệnh.

Tôi ngập ngừng:

- Nhà người có biết việc xây cất này phức tạp như thế nào không?

Satt vội vã đáp thay:

- Tôi đã đưa cho Samut xem qua đồ án xây dựng và hẳn biết rõ từng chi tiết. Vì đã làm việc với Setau từ trước nên hẳn còn biết khả năng của những người làm dưới quyền ông này. Hiện nay khó có thể tìm được người nào hơn thế. Xin Pharaoh cho phép hẳn tiếp quản công việc này.

Tôi còn suy nghĩ thì Samut đã nói:

- Thưa Pharaoh, tôi đã xem qua đồ án xây dựng của Setau và biết rõ công việc này phải làm như thế nào.

Satt tiếp tục:

- Mỗi kiến trúc sư có cách thiết kế và ý tưởng khác nhau, tìm người mới để tiếp tục công việc dở dang này có thể làm trì hoãn việc xây cất. Xin Pharaoh quyết định.

Trước một việc hệ trọng như thế, dĩ nhiên tôi không thể trì hoãn việc xây dựng lăng mộ cho mình được nên đành chuẩn y cho Samut được làm việc đó. Công nhân xây cất lăng tẩm cho Pharaoh phải làm việc trong thung lũng mộ vua, cách thủ đô Thebes khá xa, vì thế những người này đều đưa gia đình của họ đến trú ngụ ở một ngôi làng nhỏ gần đó tên là Deir el-Medina. Ít lâu sau, tôi cho gọi Erhu, một thám tử thân tín đến:

- Ta muốn người theo dõi nhân công xây dựng lăng mộ của ta, có chuyện bất thường gì thì báo cho ta biết. Ta muốn biết rõ chi tiết để không kẻ nào gian lận được nữa.

Erhu bật cười:

- Sau cái chết của Setau, hạ thần đảm bảo không còn tên nào dám giở trò nữa đâu, thưa Pharaoh.

Tôi nói thêm:

- Ta muốn biết về Samut, xem hắn làm việc như thế nào.

Erhu báo cáo:

- Sau khi được giao phó trọng trách cao hơn với mức lương hậu hĩnh của một kiến trúc sư. Samut lập gia đình ngay và dọn về sống ở Deir el-Medina gần với công trình.

Tôi hỏi:

- Gia đình của hắn gồm những ai?

Người thám tử trả lời:

- Chỉ có hắn và một cô vợ trẻ ở đó thôi ạ.

Tôi không nói thêm gì nhưng trong lòng tự nhiên dâng lên một cảm xúc kỳ lạ vì biết người con gái mà tôi rất có thiện cảm kia đã thuộc về người khác.

Vài hôm sau, Satt bước vào trình lên một báo cáo:

- Thưa Pharaoh, tôi đã điều tra xong những công trình xây dựng đền thờ và nhận thấy một số việc không minh bạch cùng những kẻ có liên quan, xin Pharaoh cho trừng trị ngay những kẻ này.

Tôi nghĩ thầm: “Tên giáo sĩ này quả to gan, ta đã tuyên bố sẽ đích thân điều tra việc xây dựng của giáo sĩ mà hắn lại đưa ra ngay vài con tốt thí để che đậy cho phe nhóm của hắn”.

Thay vì nổi giận, tôi lạnh lùng nói:

- Nếu thế người cứ xét theo luật mà thi hành, ta không cần phải xem nữa.

Nghe vậy Satt mừng rỡ nói ngay:

- Nếu thế xin Pharaoh cho chúng tôi được tiếp tục công việc xây dựng đền thờ.

Tôi trả lời:

- Để ta suy nghĩ thêm đã, hôm nay ta muốn đi xem việc xây lăng tẩm của ta đang tiến hành như thế nào đã.

Tuy khó chịu nhưng Satt cũng thu xếp một đoàn quân sĩ hộ tống tôi và hoàng hậu Nedjem đến thung lũng mộ vua.

Được tin Pharaoh đến, Samut vội vã ra đón. Anh ta tường trình cho tôi biết công việc đang được tiến hành theo như lịch trình và đưa tôi tham quan công trình đang được đào sâu vào lòng núi. Đến giờ ăn trưa, quân sĩ dâng lên những món ăn đã được chuẩn bị từ trước để tôi và hoàng hậu Nedjem dùng bữa. Tôi ngồi ăn dưới mái lều được dựng trên một mô đất cao. Từ đây, tôi có thể quan sát những thợ xây và nô lệ đang làm việc phía dưới. Đang ăn, tôi bỗng nhìn thấy một thiếu nữ từ xa mang một giỏ thức ăn đến phân phát cho thợ, một bóng dáng rất quen thuộc. Trong tôi tự nhiên như bừng lên một luồng gió mát - người thiếu nữ đó chính là Cihone.

Erhu đứng gần đó vô tình báo cáo:

- Đó là vợ của Samut. Vào giờ ăn, vợ của những người thợ xây phải mang thức ăn đến, nhưng chỉ những người lớn tuổi già nua thôi. Những người vợ trẻ ít ai dám mạo hiểm đi vào giữa đám đông trai tráng thợ thuyền mà không sợ bị trêu chọc hay quấy rối. Tuy nhiên, cô này thì khác, không phải vì cô là vợ của Samut đâu, ngày trước vợ của Setau cũng không dám đến đây nhưng...

Tôi hỏi dồn:

- Nhưng làm sao?

Gã thám tử hơi ngạc nhiên:

- Cô này thì khác, Pharaoh có thấy không? Cô ta mang rất nhiều thức ăn phát cho những người chưa có gia đình không có ai lo cơm nước và những người lớn tuổi mà người vợ già không thể đi từ làng Deir el-Medina đến đây được. Trước giờ chưa có ai làm như vậy.

Mặc dù lúc đó cũng có nhiều phụ nữ mang đồ ăn đến cho chồng nhưng Cihone đi đến đâu là đám đông đều tránh ra một bên. Không ai tỏ thái độ đùa cợt, trêu chọc như thường thấy ở những công trường xây dựng khác. Cihone thông thả phát thức ăn cho mọi người, rồi quay qua băng bó cho những người bị thương khi làm việc. Tôi nhìn Samut, hắn vẫn cầm cúi vừa ăn vừa xem xét bản

vẽ công trình như để hết tâm trí vào đó, không chú ý gì đến người vợ trẻ đang ở trong đám đông đàn ông kia.

Erhu nói thêm:

- Vợ Samut là con của một y sĩ nên biết cách băng bó, săn sóc các vết thương. Mặc dù công trường cũng có y sĩ túc trực tại đây nhưng ai cũng muốn được cô này săn sóc cho. Từ khi cô này có mặt, không có những vụ xung đột, đánh nhau giữa các đám thợ nữa.

Tôi nhìn Cihone săn sóc cho những người bị thương, cô vừa băng bó vừa ân cần nói chuyện khích lệ họ. Đám thợ đứng chung quanh nhìn cô với thái độ cảm kích vì cô ăn nói dịu dàng, hòa nhã với từng người. Không ai có thái độ bất nhã trước người con gái khả ái đó.

Tôi đang dõi mắt quan sát Cihone thì bất chợt có tiếng ồn ào, rồi có tiếng của một người phụ nữ đang kêu gào gần đó. Tôi thấy đám binh sĩ đang cố gắng kéo người phụ nữ đó ra xa. Erhu chạy đến xem rồi báo cáo:

- Thừa Pharaoh, đó là vợ Setau, theo án lệnh của ngài thì toàn thể gia đình Setau phải bị đày ra sa mạc nhưng cô này trốn thoát. Hôm nay biết tin Pharaoh sẽ tới đây nên cô ta đã liều lĩnh đến để muốn gặp Pharaoh và xin cho cô ta được ở lại để sinh con.

Tôi chưa kịp phản ứng thì đã thấy Cihone bước vội đến bên người phụ nữ kia để an ủi, đám binh sĩ không biết phải xử trí ra sao trước hai người phụ nữ này. Thấy vậy, Erhu quát:

- Làm sao ả trốn ở đây mấy hôm nay mà không ai biết. Phải bắt ả đày ra sa mạc.

Không hiểu sao, tôi ngăn lại:

- Đem cô ta đến đây cho ta xét xử.

Erhu vội truyền lệnh, đám quân sĩ đưa người đàn bà đến trước tôi. Cihone cũng đi theo. Vợ của Setau quỳ lạy:

- Thừa Pharaoh, tôi biết chồng tôi có tội và đã bị xử tử. Nhưng hiện giờ tôi sắp sinh con, nếu bị đày ra sa mạc thì mẹ con tôi không thể sống được nữa. Xin Pharaoh thương tình cho tôi được ở lại đây để nuôi con.

Ngày trước, tôi đã từng sống với đoàn quân trấn đóng vùng biên thùy ở sa mạc nên rất hiểu tình trạng tại đó. Bị đày ra sa mạc thì có thể coi như là án tử vì ở đó không có điều kiện sinh sống. Hầu hết những kẻ phạm tội bị đày ra sa mạc ít ai sống được vài tháng, huống chi một người đàn bà bụng mang dạ chửa sắp đến ngày sinh như thế này. Tuy nhiên, đã ra lệnh thì không dễ gì làm khác được.

Tôi nhìn Cihone đang ân cần an ủi người phụ nữ này và chợt nghĩ đến quan niệm về tình thương mà tôi đã nói chuyện với người y sĩ già hôm trước. Tôi vẫn đang suy nghĩ thì Cihone chợt bước tới quỳ xuống trước mặt tôi:

- Xin Pharaoh hãy ban ơn, cho phép chị ấy được ở lại để sinh con. Cha đứa trẻ có tội nhưng đứa trẻ đâu có tội gì. Nếu Pharaoh cho phép, tôi xin tình nguyện săn sóc chị ấy cho đến khi sinh nở xong.

Câu nói của Cihone làm tôi ngạc nhiên và có một sức mạnh kỳ lạ, tôi gạt đầu rồi giơ tay lên ra chỉ thị:

- Được rồi, ta cho phép người được ở lại Deir el-Medina để sinh con, rồi sẽ thụ án sau.

Vợ của Setau mừng rỡ quỳ xuống lúi rúi vài câu cảm ơn rồi lui ra. Cihone cũng bước đi theo. Tôi băng khuông nhìn theo bóng dáng cô khuất dần sau cồn cát sa mạc.

Từ mấy tuần lễ nay, việc ngưng các công trình xây dựng đền thờ đã tạo ra một luồng dư luận bất lợi trong vương quốc vì thợ và nô lệ đột nhiên không có việc làm để kiếm sống. Không ai biết vì sao lại có lệnh đó. Đối với Ai Cập, việc xây cất lăng tẩm, mồ mả hay đền thờ là một nghề quan trọng giúp nuôi sống hàng trăm ngàn người. Hiện nay tất cả đều ngưng lại tạo ra tình trạng hoang mang rối loạn vì không ai biết việc gì sẽ xảy ra. Giới giáo sĩ bất mãn nhưng chưa dám tỏ thái độ vì từ trước đến nay tôi vẫn luôn là ân nhân của họ. Các quan lại triều đình cũng bất mãn vì tôi không cho tăng thuế. Mặc dù các tướng lĩnh đã nhiều lần đến xin nhưng tôi vẫn cương quyết không cho phép vì nghĩ đến những hậu quả mà dân chúng phải gánh chịu như lời nói của vị y sĩ già.

Tôi đã mất ngủ nhiều đêm vì cứ phải đắn đo suy nghĩ về những việc này. Nếu để mọi việc xảy ra thành tiền lệ - tăng thuế để lấy tiền

rèn đúc vũ khí cho chiến tranh để làm vui lòng các võ quan, tiếp tục xây cất đền thờ để làm vui lòng giới giáo sĩ thì thật dễ dàng - thì dân chúng sẽ là những người phải chịu đựng áp lực này. Tương lai của họ sẽ như thế nào khi mà điều kiện sinh sống trở nên khó khăn, rồi những đứa trẻ lớn lên không được dạy dỗ cẩn thận thì sẽ ra sao?

Tôi chạnh lòng nghĩ về địa vị Pharaoh quyền uy của mình và sự cô đơn trong cung điện đầy mỹ nữ xinh đẹp này rồi chợt tự hỏi không biết Cihone có nhớ hay nghĩ gì đến tôi không? Tôi nghĩ đến đấng Thái Dương và trải nghiệm lạ lùng ngoài sa mạc, cũng như việc phung phí tài nguyên vào những đền thờ to lớn cho những giáo sĩ đã đưa tôi lên ngôi vị như ngày nay. Tôi nghĩ đến quan niệm về tình thương trong cuộc sống mà trước đây tôi không hề biết đến và người con gái xinh xắn đã dùng tình thương yêu để săn sóc những đứa trẻ bị bệnh. Tôi thầm nghĩ, nếu tôi được làm một thường dân như Samut và có một người vợ như Cihone thì tôi sẽ hạnh phúc biết bao.

Tôi đang trong dòng suy nghĩ mông lung thì hoàng hậu Nedjem ở bên ngoài bước vào. Đã lâu rồi tôi không tiếp xúc với Nedjem, cuộc hôn nhân với người thiếu nữ quý tộc chưa đầy mười sáu tuổi này chỉ là một sự dàn xếp quyền lực. Sau hôn lễ, tôi đã khéo léo ra lệnh ngăn Nedjem không được vào phòng riêng của mình để được tập trung suy nghĩ.

Tôi nghiêm giọng nhìn Nedjem:

- Ai cho phép nàng vào đây?

Nedjem nhẹ nhàng thưa:

- Thiếp biết Pharaoh không được an ổn và thường mất ngủ. Là vợ chồng, tuy không chung phòng nhưng thiếp vẫn thường xuyên theo dõi sức khỏe của Pharaoh. Gần đây thiếp biết Pharaoh không thích tiếp xúc với các cung nữ, mặc dù triều đình đã tuyển nhiều người đến từ các nơi xa để phục vụ cho ngài.

Tôi tức giận quát lên:

- Đó là việc của ta. Ai cho phép nàng can dự vào?

Nedjem lên tiếng:

- Xin Pharaoh hãy bớt giận và suy nghĩ lại, ngài chưa có con nối dõi. Nếu có chuyện gì xảy ra thì ai sẽ là người kế vị? Dù sao đi nữa,

trước sau gì thì ngài cũng cần phải có hoàng tử để nối nghiệp, do đó thiếp sợ...

Tôi nổi giận:

- Ta biết! Nhưng bây giờ không phải là lúc nói việc đó.

Nedjem dịu dàng nhìn tôi, rồi nhỏ nhẹ nói:

- Thiếp biết cuộc hôn nhân của chúng ta chỉ là một sự dàn xếp để ngài lên ngôi Pharaoh, nhưng thiếp chấp nhận việc đó. Thiếp đã thấy chỉ trong vòng mấy tháng mà Ai Cập có đến ba Pharaoh lên ngôi, người nào cũng chỉ cai trị được vài tháng rồi chết, nội bộ tranh chấp, triều đình bất an, quốc gia rối loạn, Nubia xâm lăng nên thiếp sẵn sàng chấp nhận để ngài được cầm quyền cai trị vì chỉ ngài mới có thể cứu được Ai Cập. Tuy nhiên, thiếp sợ nếu không có người nối ngôi sẽ có những biến cố xảy ra cho Ai Cập trong tương lai.

Tôi bật cười lớn:

- Nàng không cần phải nói xa xôi. Ta biết nàng đang muốn gì nhưng ta không muốn làm việc đó. Nàng hãy lui ra cho ta nghỉ ngơi.

Nedjem vẫn kiên nhẫn nhẹ nhàng:

- Xin Pharaoh đừng hiểu lầm ý thiếp. Thiếp biết ngài không để ý đến thiếp trước giờ và nay ngài đã để ý đến một người con gái khác.

Tôi chợt dạ nhưng bình tĩnh gạt đi:

- Nay nàng hết việc làm rồi hả? Nàng chớ có ăn nói bậy bạ, nàng biết gì mà nói. Đừng làm ta nổi giận.

Nedjem nhìn tôi mỉm cười kín đáo:

- Xin Pharaoh hãy lắng nghe. Tuy ngài không hề nói nhưng thiếp vẫn biết.

Tôi cười lớn:

- Tất cả các cung nữ trong cung này, ta không để ý đến một ai hết. Tất cả chỉ toàn đồ ăn hại. Ta sẽ đuổi hết chúng đi cho xong.

Nedjem vẫn nhẹ nhàng:

- Thiếp biết Pharaoh không để ý đến một ai trong cung nhưng lại vương vấn tâm tư một người con gái khác.

Tôi đổi giọng nổi giận quát:

- Nàng đang ám chỉ đến ai?

Nedjem nói nhỏ để vừa đủ cho tôi nghe:

- Thiếp biết Pharaoh đang để ý đến vợ của Samut.

Câu nói của Nedjem tựa tiếng sấm ngang tai, khiến tôi giật mình ngồi phắt dậy. Theo phản ứng tự nhiên, tôi chụp lấy cổ của Nedjem quát lớn:

- Nàng nói gì?

Nedjem gỡ tay tôi ra một cách nhẹ nhàng, rồi tiếp tục:

- Trước đây thiếp nghĩ Pharaoh bận việc triều chính nên không thích gần gũi với đám cung tần mỹ nữ, nhưng hôm đi kiểm tra việc xây lăng tẩm, thiếp nhận ra ánh mắt Pharaoh không rời người vợ Samut. Thiếp nói có gì không phải xin Pharaoh bỏ qua.

Cách nói bất ngờ đầy chân tình, quan tâm của Nedjem khiến tôi luống cuống. Nedjem tiếp tục:

- Nếu Pharaoh thực sự đã muốn thì việc gì mà chẳng được. Chỉ cần ngài ra lệnh là xong ngay.

Tôi lúng túng thực sự:

- Không phải thế. Ta không làm thế được.

Nedjem thông thả nói:

- Nếu Pharaoh ngại, thì đích thân thiếp sẽ làm. Thiếp chỉ muốn ngài thật thoải mái tinh thần để trị vì Ai Cập thôi. Từ nhiều năm nay, Ai Cập không có ai tài giỏi, bản lĩnh như ngài. Nhờ ngài mà tình hình triều chính được ổn định nhiều và tránh được nạn ngoại xâm. Tuy chỉ là một công chúa nhỏ tuổi sống trong cung nhưng thiếp cũng biết quan sát, nhận xét. Thiếp chấp nhận cuộc hôn nhân với ngài để giữ cho tình hình vương quốc ổn định. Thiếp muốn ngài có niềm vui để định hướng đúng cho vương quốc này và thiếp sẵn sàng hy sinh tất cả cho Ai Cập.

Từng lời nói của hoàng hậu Nedjem làm tôi giật mình. Từ trước đến nay, tuy mang danh nghĩa vợ chồng, nhưng chúng tôi thực sự không mấy khi gần nhau hay trao đổi điều gì cả - trừ những ngày đầu. Vì cuộc hôn nhân này chỉ là một sự sắp đặt từ trước nên tôi không biết gì về người vợ này. Và lời tâm sự chân thành của Nedjem đã khiến tôi ngạc nhiên vô cùng.

Nedjem tiếp tục nói:

- Nếu Pharaoh muốn gặp vợ của Samut thì đâu có gì khó. Thiếp đã cho gọi cô ấy vào cung. Nếu ngài muốn, thiếp sẵn sàng thu xếp để cô ấy hầu hạ ngài.

Tôi vừa ngạc nhiên vừa tức giận:

- Nàng nói sao? Ai cho phép nàng làm chuyện đó?

Nedjem trả lời rất chân thành:

- Thiếp trước giờ chỉ thật tâm mong được làm điều gì đó vì Pharaoh. Thiếp đã mạo phép cho người gọi cô ấy vào cung để nói chuyện và nếu ngài đồng ý, ngài có thể...

Tôi không biết nói gì lúc đó:

- Ta không thể làm như vậy được.

Nedjem khích lệ nhìn tôi:

- Pharaoh hãy yên lòng, hiện nay cô ấy đang chờ ở phòng riêng của thiếp. Ngài có thể ngồi sau tấm màn để nghe thiếp và cô ấy nói chuyện.

Nedjem thông thả bước ra khỏi phòng, tôi không kịp phản ứng gì, cũng đứng dậy đi theo người vợ hoàng hậu trẻ tuổi này. Tôi bước vào phía sau phòng riêng của Nedjem, tôi thấy Cihone đang khép nép ngồi chờ sẵn tại đó có lẽ cũng lâu rồi, vẻ mặt lo lắng hiện ra. Hoàng hậu phát tay ra hiệu, đám cung nữ vội vã kéo hết ra ngoài. Trong phòng chỉ có hai người phụ nữ. Tôi bối rối đứng sau tấm màn lớn, mà cũng không thật sự hiểu tại sao mình lại làm thế. Cihone bình dị nhưng sao lại như đang tỏa sáng một góc phòng thu hút tâm trí tôi.

Nedjem lên tiếng:

- Người có biết tại sao ta cho gọi người vào đây không?

Cihone lễ phép lắc đầu:

- Tôi thật sự lo lắng vì không biết vì sao Hoàng hậu lại cho triệu một thường dân như tôi vào đây ạ.

Nedjem mỉm cười, nói một cách thân mật:

- Người không còn là thường dân nữa, người là vợ của người xây cất lăng tẩm cho ta và Pharaoh, sở dĩ ta gọi người vào đây là để

khen ngợi người đã can đảm xin cho vợ của Setau được ở lại Deir el-Medina để sinh con. Chắc người biết một khi Pharaoh đã ra lệnh thì không thể sửa đổi, nên ta muốn biết tại sao người làm việc đó?

Cihone cúi đầu:

- Việc tha tội cho vợ của Setau là do sự đại lượng sáng suốt của Pharaoh chứ tôi nào biết gì...

Nedjem tiếp tục:

- Người trả lời khôn khéo lắm. Nhưng tại sao người lại lên tiếng cầu xin tha tội cho vợ Setau?

Cihone ngập ngừng:

- Tôi cũng không biết, nhưng tôi không đành lòng nhìn một người đàn bà vô tội và đứa trẻ chưa sinh ra đã phải chịu một án lệnh nặng nề như thế. Nếu tôi có làm gì sai, xin Hoàng hậu lượng thứ chỉ dạy cho.

Nedjem lắc đầu:

- Không! Ta thán phục lòng can đảm thương người của người, do đó ta có thiện ý muốn đưa người vào cung để giúp việc cho ta.

Cihone thoáng giật mình:

- Tại sao ạ? Trong cung có thiếu gì người làm việc đó...

Nedjem nhẹ nhàng bảo:

- Nhưng ta vẫn thích những người can đảm, dám nói lên sự thật như người. Được đưa vào cung, dù chỉ làm người phục dịch hầu hạ thôi vẫn là một ân huệ lớn với nhiều người. Vì đời sống trong cung sung sướng hơn bên ngoài rất nhiều, còn lo được cho cả gia đình nữa.

Cihone ngập ngừng thưa:

- Xin Hoàng hậu nghĩ lại, tôi vừa lập gia đình, phải chăm lo cho Samut và những thợ xây cất không ai lo cơm nước.

Nedjem vẫn thản nhiên:

- Ta biết điều đó và đã sẵn sàng gửi người đến săn sóc cho những người thợ xây này. Sống trong cung, xa cách với mọi sự bên ngoài, ta cần có một người hiểu biết, can đảm như người để tâm

sự chia sẻ. Những cung nữ hầu hạ quanh ta không có ai được như người.

Cihone rụt rè:

- Xin Hoàng hậu nghĩ lại, tôi chỉ là một cô gái thường dân, không hiểu biết gì đến việc triều đình. Xin Hoàng hậu cho phép tôi được trở về Deir el-Medina.

Nedjem đồng dạc nói:

- Chắc người cũng biết, không có bất kỳ ai dám trái lệnh ta hay Pharaoh. Ý của ta hay Pharaoh một khi đã muốn thì người phải tuân lệnh. Tuy nhiên, ta không coi người như là một người hầu hạ mà là một người bạn để chia sẻ tâm sự với ta, vì ta thán phục những người có tâm như người.

Cihone nhìn hoàng hậu:

- Xin Hoàng hậu cho phép tôi bàn việc này với Samut.

Nedjem mỉm cười:

- Ta đã cho người hỏi Samut rồi và hẳn ta đã đồng ý.

Cihone thẳng thốt:

- Samut đã đồng ý ư? Tại sao tôi không biết gì về việc này?

Nedjem bật cười:

- Được lên địa vị kiến trúc sư xây cất lăng tẩm cho Pharaoh đã là một vinh dự lớn, và vợ mình cũng được đưa vào trong cung thì địa vị và ảnh hưởng của Samut càng lên cao hơn nữa. Đã mấy ai có được cơ hội tốt như thế?

Cihone im lặng trong giây lát, và vẫn cương quyết:

- Nhưng tôi muốn bàn chuyện này với Samut.

Nedjem gật đầu:

- Dĩ nhiên, người có thể trở về Deir el-Medina bây giờ nhưng đừng quên rằng khi ta gọi thì người phải vào gặp ta ngay lập tức. Nên nhớ đây là mệnh lệnh của hoàng hậu.

Khi Cihone vừa quay người đi khỏi, tôi vội bước vào:

- Tại sao nàng lại làm như thế?

Nedjem nhìn vào mắt tôi:

- Pharaoh không muốn có dịp được gần gũi Cihone sao?

Tôi thoáng đỏ mặt nhưng tỏ vẻ khó chịu:

- Đây là việc riêng của ta, không cần nàng can dự vào.

Nedjem thần nhiên:

- Thiếp biết Pharaoh muốn gì và sẵn sàng làm ngài vui lòng để ngài có thể an lòng cai trị vương quốc này. Hiện nay tình hình đang có những chuyển biến tốt nên thiếp không muốn những việc xáo trộn như trước xảy ra nữa.

Cả đêm hôm đó tôi trăn trở nghĩ về đám giáo sĩ, về Cihone và cuộc trò chuyện của Nedjem đến gần sáng mới chợp mắt.

Theo phong tục tại Thebes, pho tượng thần Amun Ra được giữ gìn cẩn thận trong một phòng kín, chỉ vài giáo sĩ cấp cao được phép bước vào đó mà thôi. Mỗi năm một lần, pho tượng này được mang ra ngoài, làm lễ rước quanh Thebes để ban phép lành cho dân chúng. Đây là một buổi lễ quan trọng, lúc đó dân chúng mang phẩm vật đến cúng dường khi pho tượng này được rước qua khu phố họ cư ngụ. Đây cũng là lúc mọi người hướng những lời cầu xin đến vị thần này. Đám rước được cử hành hết sức long trọng và trang nghiêm. Pho tượng được đặt trên một chiếc kiệu lớn do mười giáo sĩ khiêng. Sau chiếc kiệu là một dàn chiêng trống của những nhạc công do một giáo sĩ lớn tuổi điều khiển. Sau cùng là kiệu của Pharaoh và hoàng hậu, cùng các quan lại trong triều. Dân chúng trong phố bày những tấm thảm lớn trước nhà với các lễ vật dâng cúng. Khi đám rước đi qua, một nhóm giáo sĩ đi sau sẽ thu nhận những lễ vật mang về đền thờ để chia chác. Tôi ngồi trên kiệu nhìn pho tượng được rước đi quanh khu phố, những phẩm vật dâng cúng được bày ra hai bên đường và thầm nghĩ đáng Thái Dương mà tôi chiêm ngưỡng trong linh ảnh ngoài sa mạc có liên quan gì đến pho tượng được rước kia không? Ai đã bày ra những việc như thế này? Tôi nghĩ đến tiếng nói vô thanh *“Ta chính là tình thương”*, rồi tự nhiên cảm thấy khó chịu khi nghe những lời cầu xin của dân chúng hai bên đường, cùng những hứa hẹn của các giáo sĩ đang vơ vét những phẩm vật.

Hôm sau, Satt vào gặp tôi:

- Có lẽ Pharaoh đã thấy, năm nay số lễ vật thu nhận được không nhiều như mọi năm. Đa số dân chúng vẫn hoang mang vì tình trạng ngừng xây cất. Nhiều người không có việc làm, không thể nuôi gia đình nên không dâng cúng nhiều như trước. Tôi đã cho xử tử những kẻ phạm pháp rồi. Xin Pharaoh cho phép chúng tôi được khởi sự xây cất trở lại.

Tôi lắc đầu:

- Ta đã suy nghĩ kỹ, việc xây cất quá nhiều đền thờ, nuôi dưỡng quá nhiều giáo sĩ và gia đình của họ quả là một gánh nặng cho công quỹ triều đình nên ta quyết định cắt giảm việc xây cất lại. Ngoài ra ta cũng muốn trừng trị những kẻ làm thâm thủng công quỹ triều đình để việc này không tái diễn nữa.

Satt hoảng hốt:

- Ngài không thể làm thế được. Nếu không cho xây cất thì dân chúng và nô lệ sẽ làm gì đây?

Tôi quát lớn:

- Nhà ngươi đang thách thức ta?

Satt lắc đầu:

- Tôi không dám thế nhưng Pharaoh đã hứa trước các thần linh thì phải giữ lời ạ.

Tôi bật cười:

- Người đừng mang các thần linh ra dọa ta.

Nói xong, tôi đưa cho hắn xem tờ báo cáo của các thám tử riêng:

- Người hãy nhìn đây! Số tội phạm người đưa ra chỉ là phần rất nhỏ, không đáng kể. Ta đã cho điều tra kỹ để bắt hết những kẻ cầm đầu và trừng trị chúng. Nay Satt! Người tưởng ta không biết những tên đó hay sao? Nhưng ta muốn chính tay người đưa ra danh sách để chứng minh người trung thành với ta.

Khuôn mặt của Satt chuyển sang tái mét, hắn ngập ngừng:

- Thừa Pharaoh, nếu ngài trừng trị những người này, tôi sợ rằng sẽ gây ra nhiều xáo trộn, bất lợi hơn nữa. Chúng ta không thể làm thế được.

Tôi lạnh lùng dần giọng:

- Vậy là người đã biết những kẻ đó là ai rồi!

Satt im lặng sợ hãi.

Tôi quát:

- Tại sao người biết những kẻ đó mà không báo cáo?

Satt cúi đầu:

- Hiện nay việc ngừng xây cất đã gây ra nhiều bất mãn trong dân chúng. Việc cần làm ngay khi ngân quỹ thiếu hụt là tăng thuế, đánh chiếm các nước khác để lấy tài nguyên. Tôi chắc các tướng lĩnh đều mong đợi cơ hội này.

Tôi quát lớn:

- Ta tăng thuế lúc nào cũng được nhưng hiện nay ta muốn trừng trị những kẻ lạm dụng công quỹ đã. Ta muốn ông đưa danh sách những kẻ phạm pháp đó cho ta xét xử, nếu không thì ta lập tức sẽ có biện pháp mạnh với ông.

Nói xong, tôi hầm hầm bỏ vào trong cung.

Vừa vào đến nơi, tôi được kẻ hầu cho biết hoàng hậu Nedjem cho mời tôi đến phòng riêng vì có khách đến viếng. Dĩ nhiên tôi đoán biết ngay đó là ai. Như lần trước, tôi đứng sau tấm màn quan sát Nedjem trò chuyện với Cihone. Cihone lần này nói chuyện với Nedjem tự tin hơn.

Tôi nghe Nedjem hỏi:

- Ta được biết người còn có khả năng chữa bệnh cho trẻ nhỏ nữa. Không ngờ người lại có nhiều tài đến vậy. Người học những điều này ở đâu?

Cihone lắc đầu:

- Tôi không được ai dạy bảo gì hết ạ. Tôi chỉ biết yêu thương những đứa trẻ mà thôi.

Nedjem bật cười:

- Người không cần phải khiêm nhường như thế. Cha của người là y sĩ mà cũng không chữa được, nhưng giao những đứa trẻ cho người săn sóc thì mọi bệnh đều khỏi. Hẳn người phải có bí quyết nào đó?

Cihone lắc đầu:

- Không ai bảo tôi phải làm thế cả. Tôi chỉ biết thương yêu, và cảm nhận rằng một khi được thương yêu, con người có thể mạnh mẽ, khỏe mạnh hơn, và trẻ con cũng vậy.

Nedjem nghe chăm chú, nhìn Cihone một lúc rồi hỏi:

- Nếu bây giờ, có một người đàn ông yêu thương một người phụ nữ, muốn nàng hoàn toàn thuộc về, thì như người nói, tình thương yêu đáp lại của người phụ nữ đó sẽ làm người đàn ông mạnh mẽ hơn. Người sẽ nghĩ sao?

Cihone suy nghĩ, rồi trả lời:

- Thừa Hoàng hậu, tôi không biết đó có phải là tình yêu thương thực sự không, hay là một sự chiếm hữu - sự chiếm đoạt sẽ gây ra đau khổ. Tình yêu thương phải từ hai phía chứ không thể gây đau khổ cho người khác được.

Câu nói của Cihone làm tôi chấn động vì từ trước đến nay tôi chưa nghe ai nói rành rọt đến thế. Ước ao thầm kín có được Cihone tự nhiên cũng tan ra như bột nước. Nedjem cũng lặng người bất ngờ về câu trả lời, nhưng vẫn tiếp tục hỏi:

- Nếu có một người phụ nữ hy sinh cho một người đàn ông khác mặc dù người đàn ông đó không để ý đến mình thì người có cho đó là tình thương yêu không?

Tôi chợt nhận ra Nedjem nói đến tình cảnh của nàng.

Cihone lên tiếng:

- Thừa Hoàng hậu, tình yêu thương thật sự không thể tạo ra đau khổ mà chỉ mang lại niềm vui. Nếu hy sinh mà gây ra sự chịu đựng, đau khổ thì đó là một cái gì đó khác chứ không phải là tình thương yêu chân thật.

Nedjem im lặng rồi thở dài:

- Người thật là một người lạ lùng, ta chưa bao giờ nghe ai nói như vậy hết. Nếu như thế, tình thương yêu là gì?

Cihone đáp:

- Tôi chỉ biết yêu thương vô điều kiện mà thôi.

Câu nói của Cihone làm tôi nghĩ đến tiếng nói vô thanh của đấng Thái Dương - *"Ta chính là tình thương."* - và chợt hiểu Ngài không đòi hỏi một điều gì cả vì Ngài chính là tình thương. Tôi nghĩ đến

những đòi hỏi của các giáo sĩ, những phẩm vật dâng cúng, những đèn đài nguy nga, những ruộng vườn của gia đình giáo sĩ và những thợ thuyền, nô lệ được mang đến để phục vụ cho những người này. Tôi đứng đó nhưng đầu óc biến chuyển với những luồng suy nghĩ xáo trộn.

Mãi suy nghĩ, tôi nghe Nedjem hỏi:

- Nếu vậy, tình thương giữa vợ chồng thì như thế nào? Liệu người ta có thể thương yêu nhau như thế không?

Cihone vô tình nói:

- Nếu họ yêu thương chân thành, không thiết tha bám víu hay đòi hỏi một điều gì cả thì đó là tình thương thật sự. Nếu bám víu, lệ thuộc vào một điều gì đó thì đấy chỉ là sự hấp dẫn, vì nếu không được gần nhau, không được đền đáp, họ sẽ đau khổ. Tình thương thật sự không thể dẫn đến đau khổ. Những người biết thương yêu nhau như thế, dù có xa cách thì tình yêu của họ dành cho nhau cũng không bao giờ thay đổi.

Nedjem thốt lên:

- Những điều người nói thật thú vị, nhưng ai đã dạy người như thế? Làm sao người biết được những điều này?

Cihone trả lời:

- Khi còn nhỏ, tôi nghe cha mẹ nuôi tôi nói đến điều này nhưng sau đó tôi cảm thấy đó là bản tính tự nhiên của tôi. Cha nuôi tôi được rèn dạy trong đền thờ Thái Dương, chuẩn bị làm giáo sĩ nhưng do bất đồng ý kiến với giáo lý đền thờ nên chuyển qua làm y sĩ.

Nedjem tò mò:

- Cha mẹ người đã dạy người những gì?

Cihone thưa:

- Cha nuôi tôi dạy rằng có hai động lực điều khiển đời sống con người: lòng tham và tình thương. Lòng tham dẫn đến việc sử dụng tất cả mọi thứ, kể cả bạo lực, để chiếm lấy cái mình muốn. Tình thương thì khác, nó chỉ biết cho đi chứ không đòi hỏi gì hết. Mẹ nuôi tôi cũng dạy rằng cha mẹ không bao giờ đòi hỏi con cái phải làm gì để bù lại những hy sinh của họ. Bản phận của họ là thương yêu con cái, có thể thôi. Từ đó, tôi biết trong

mọi việc, dù lớn hay nhỏ, đều phải có thái độ như thế. Đừng mong mỗi hay đòi hỏi được đền đáp điều gì. Nên là người cho đi, nên là người giúp đỡ người khác, thương yêu tất cả, dù bị lòng gạt cả trăm lần. Đừng kể những điều tốt đã làm, đừng nhắc những gì đã cho, đừng chờ đợi ai trả ơn, đừng cố muốn có những gì vốn không thuộc về mình - và hãy vui tươi thanh thản sống như thế thì sẽ hạnh phúc thực sự.

Tôi lặng người đứng yên nhưng đầu óc hoàn toàn chấn động, tự nhiên toàn thân tôi run lên như có một luồng điện mạnh chạy qua vì tất cả những thắc mắc, những điều tôi muốn biết đã được giải đáp đầy đủ. Tôi tự hỏi tại sao một người lại có thể yêu thương tuyệt đối như thế được? Linh ảnh về đấng Thái Dương lại hiện về trong tâm trí tôi, vọng về tiếng nói vô thanh: *"Ta chính là Tình Thương"*. Phải chăng Cihone luôn yêu thương vì cô có một trái tim lúc nào cũng hướng đến những điều thanh cao, trong sạch mà tuyệt đỉnh chính là đấng Thái Dương. Cô không phải là một giáo sĩ, và cô cũng chưa hề đi đến các đền thờ, nhưng cô lại gần với đấng Thái Dương hơn bao giờ hết. Vì cô chính là hiện thân của tình thương, một thứ tình thương thuần khiết cao thượng, vô điều kiện, hòa hợp tự nhiên với đất trời, với vạn vật - chính tình yêu thương đặc biệt đó đã tạo nên những năng lượng, sức mạnh diệu kỳ có khả năng hàn gắn, chữa lành được những tổn thương, bệnh tật và có thể tác động làm chuyển biến được nội tâm con người.

Bất chợt tôi nghĩ đến phe nhóm giáo sĩ với những đòi hỏi, yêu sách mà họ đang gây áp lực với tôi. Tôi tự hỏi: "Họ đã âm mưu, toan tính gì khi biết tôi quyết thay đổi, ngăn chặn những thói quen tham lam ác độc cố hữu đã có từ rất lâu của họ? Họ đã biết gì về đấng Thái Dương? Họ đã biết gì về tình thương? Phải chăng họ chỉ biết đến quyền lợi của riêng họ đội lốt dưới vỏ bọc tôn giáo, và sẵn sàng làm tất cả, không từ một thủ đoạn nào để duy trì ảnh hưởng lợi ích phe nhóm? Thực sự họ tạo ra các nghi thức cúng lễ không hề có một tác dụng hay kết quả gì chỉ để bóc lột tài sản tiền bạc của dân chúng, như những kẻ cướp hợp pháp mà sao tôi lại phải bảo bọc cho họ?".

Đã từ bao năm nay, mặc dù giới giáo sĩ không bao giờ cầm quyền nhưng họ chính là thế lực đứng đằng sau tất cả những

Pharaoh. Họ xúi giục Pharaoh gây chiến tranh với các nước xung quanh để chiếm tài nguyên, của cải và nô lệ về để phục vụ cho phe nhóm của họ. Họ xây cất những đền thờ để phục vụ cho quyền lực phe nhóm của họ. Pharaoh như tôi đây cũng chỉ là một quân cờ trên bàn cờ đã được sắp đặt sẵn bởi nhóm này. Và các nước đi quân cờ cũng do họ quyết định - Tôi mà đi khác nước cờ thì họ sẽ làm gì tôi?

Cơn giận dữ ở đâu bỗng trào lên, dòng máu hung dữ ngang tàng của giống dân Kusk chảy rần rần trong huyết quản tôi khiến tôi nghiêng chặt răng lại: "Không thể được! Ta không thể để cho đám giáo sĩ này lộng hành như thế được nữa. Dù sao ta cũng là Pharaoh, là người có quyền uy sinh sát trong tay - ta phải nắm lấy cơ hội này để thay đổi vương quốc, thay đổi tất cả. Đã đến lúc ta thôi trì hoãn mà phải chứng tỏ ta mới là người quyền lực nhất xứ này và sẽ dạy cho chúng một bài học.

Những luồng suy nghĩ quyết đoán chạy nhanh như tia chớp trong đầu tôi, quên mất sự có mặt của Cihone và hoàng hậu Nedjem, nắm chặt thanh bảo kiếm, tôi hét lên một tiếng vang dội khắp hoàng cung...

Tự nhiên tôi cảm nhận một lực rất mạnh dội vào lồng ngực khiến tôi choáng váng, đầu óc quay cuồng, mắt nhắm lại... và sau đó, tỉnh dậy chợt thấy mình người ướt đầm mồ hôi đang ngồi tựa lưng, hai tay nắm chặt vào thành chiếc ghế bành ở nhà ông Kris.

* * *

Tôi bàng hoàng ngồi bật dậy, tay dụi mắt, nhìn thấy ông Kris đang ngồi đối diện, liền kêu lớn:

- Tại sao lại thế này ông Kris? Tôi đang ở trong cung mà sao giờ lại ở đây? Tôi đã rời căn phòng này bao lâu rồi?

Ông Kris mỉm cười ân cần đưa cho tôi một ly nước mát lạnh, tôi thấy khắp người nóng rực, đầu óc chệnh choáng với một cảm giác lạ lẫm.

Tôi cầm ly nước uống một hơi dài như chưa từng được uống, nước đi tới đâu tôi cảm nhận được đến đó. Ông Kris đỡ ly nước từ tay tôi, đưa tôi một cái khăn, chờ tôi trấn tĩnh lại rồi ông mới thông thả nói:

- Ông đã may mắn trải qua một hành trình thám hiểm quá khứ của chính mình nhiều trăm năm trước ở Ai Cập. Hẳn ông đã nghiệm ra được điều ông muốn học trong kiếp sống ở đó rồi. Tuy nhiên, thấy ông chấn động, đầu óc náo loạn nên tôi phải đưa ông trở lại, nếu không thì ông có thể bị tổn thương nặng. Hiện nay ông chưa tự chủ hay biết kiểm soát tâm trí khi chuyển qua các vùng ký ức tiềm thức với sự tiếp sức của vũ trụ nên việc nhớ lại những trải nghiệm quá khứ có thể gây ra nguy hiểm cho ông.

Tôi dường như đã lấy lại bình tĩnh, hỏi dồn dập, mắt mở căng như muốn giữ lại tất cả những gì diễn ra trong ký ức:

- Nhưng tôi muốn biết chuyện gì đã xảy ra cho tôi sau đó? Tình hình Ai Cập tiếp theo như thế nào? Mọi thứ đang còn dang dở ở đó. Tôi đã làm gì đấm giáo sĩ? Hoàng hậu Nedjem, cô gái Cihone nữa... họ sau đó ra sao rồi?

Ông Kris nheo mắt nhìn tôi thông thả nói:

- Giờ mà ông còn nhớ đến Cihone nữa là tốt rồi. Đúng là sức mạnh tình yêu hiếm hoi của một vị Pharaoh cô độc. Trước khi trả lời các câu hỏi của ông, tôi muốn nói về Ai Cập để ông có thể liên tưởng và hiểu rõ hơn. Vào thời cổ đại, Ai Cập gồm nhiều bộ lạc sống bên bờ sông Nile, đất đai màu mỡ do được phù sa bồi đắp nên việc canh tác nông nghiệp thuận tiện, đời sống dễ dàng và thanh bình. Ai Cập được bao quanh bởi sa mạc khổng lồ nên giao thông không thuận tiện, do đó người Ai Cập khi ấy không bị ảnh hưởng bởi nền văn minh Lưỡng Hà hay Babylon gần đó. Khi người Atlantis tránh nạn hồng thủy đến định cư ở nơi đây, họ mang theo tôn giáo thờ Thái Dương bao gồm nhiều bộ môn khoa học như kiến trúc, toán học, y học, dược học, âm nhạc, triết học v.v... Người Ai Cập được tiếp xúc với nền văn minh này nên chỉ trong một thời gian ngắn, những bộ lạc nhỏ tập hợp lại thành một quốc gia lớn, với một nền văn minh khác hẳn những nền văn minh quanh đó.

Vào lúc đầu, nền văn minh này đã đưa đời sống và dân trí Ai Cập lên một mức rất cao như ông đã thấy, tiêu biểu qua quan niệm của người y sĩ già, cha của Cihone. Tuy nhiên, vì đời sống thoải mái trên mảnh đất hàng năm được bồi đắp bởi phù sa, tròng trọt dễ dàng, tôm cá đầy đồng nên những người đến định cư tại đây

dần dần trở nên lười biếng. Các thế hệ con cháu đời sau không còn gìn giữ được tinh hoa của nền văn minh xưa nên nhiều môn khoa học bị thất truyền. Ngoài ra, một số người Atlantis cũng mang theo một tôn giáo khác với những tà thuật, bùa chú, kêu gọi sự tiếp xúc với sinh vật của cõi giới vô hình nên xảy ra những cuộc tranh chấp giữa hai nhóm người này.

Khi nhóm này muốn hủy diệt nhóm khác, không ai chịu nhường ai, gây ra những tranh chấp tôn giáo khiến cho đời sống Ai Cập không còn yên ổn. Từ những tranh chấp nhỏ giữa các cá nhân dẫn đến những tranh chấp lớn giữa những phe phái, rồi hai bên sử dụng tất cả những kiến thức sẵn có để mưu hại lẫn nhau. Khi tinh hoa của các bộ môn khoa học bị thất truyền, phe nhóm sử dụng tà thuật chiếm ưu thế, các đền thờ trở thành nơi buôn thần bán thánh thay vì học hỏi kiến thức cao siêu. Các giáo sĩ biến nó thành một tôn giáo thờ thần quyền và mê tín. Nền văn minh khoa học được thay thế bằng những đền thờ to lớn với các giáo sĩ chỉ biết thực hành các nghi thức nhưng không hiểu gì nhiều. Giới giáo sĩ và gia đình của họ trở thành đẳng cấp cao với thế lực mạnh, khiến dân chúng phải phục vụ và chu cấp cho họ. Việc phân biệt đẳng cấp cao thấp từ châu Atlantis lại được phục hồi vì những người này chưa học được bài học mà họ cần phải học.

Khi tôn giáo thờ Thái Dương biến thành một thứ tôn giáo thiên về thần quyền và mê tín thì xã hội Ai Cập cũng thay đổi. Với tham vọng bành trướng thế lực tôn giáo, các giáo sĩ xúi giục các Pharaoh mở mang bờ cõi qua việc xâm lăng những nước khác. Những triều đại Pharaoh như Ahmose, Thutmose, Amenhotep, Seti, Ramses đều là những bạo chúa luôn luôn gây chiến với những quốc gia lân cận. Trong số tất cả những Pharaoh vào thời đại đó (1800 - 1400 trước Công nguyên), trừ Akhenaten, Pharaoh duy nhất có đức hiếu hòa ^[8], phần lớn các Pharaoh khác đều thích gây chiến làm suy kiệt nhân lực xứ này và tạo ra những ác nghiệp rất sâu. Ramses II, vị vua cai trị lâu nhất, hơn sáu mươi lăm năm, đã gây chiến khắp nơi, tàn sát dân chúng các nước quanh vùng. Phía Bắc đánh dẹp người Hittite, dồn họ lên các vùng núi non khô cằn tại Mitani, gây ra nạn đói và dịch bệnh làm thiệt hại phân nửa dân số nước này. Từ đó, dân Hittite kiệt quệ, và bị người Assyria tiêu diệt. Phía Nam, Ramses chiếm

đoạt hầu hết các mỏ vàng của xứ Nubia, bắt hàng chục ngàn nô lệ để xây lăng mộ cho mình rồi xua quân phá tan kinh đô nước Kush. Trong các cuộc chiến xâm lược này, biết bao dân lành vô tội đã chết. Do đó, sau này Ai Cập phải gánh chịu những nghiệp quả do mình gây ra.

Ngày nay, lịch sử Ai Cập đề cao Pharaoh Ramses như là vị vua vĩ đại vì công lao mở mang bờ cõi, xây cất các đền đài và lăng tẩm nguy nga với hơn hai trăm phòng đục sâu vào trong vách núi. Hầu hết những nhà viết sử chỉ biết đề cao công trạng của những bạo chúa qua các chiến công hiển hách mà không nói gì đến hàng chục ngàn nô lệ đã vong mạng trong quá trình hoàn thành những lăng mộ này, cũng như hàng trăm ngàn người đã thiệt mạng trong các cuộc chiến với các vương quốc lân cận. Chính vì những tham vọng điên cuồng của các Pharaoh mà người dân Ai Cập đã phải trả một cái giá rất đắt.

Tôi mất kiên nhẫn, hỏi dồn điều tôi muốn biết ngay lúc đó:

- Thế số phận của tôi - vị Pharaoh đơn độc sau đó đã ra sao? Tôi có triệt hạ được đám giáo sĩ tà giáo đó không? Hoàng hậu Nedjem thế nào? Nàng Cihone nữa?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi, mỉm cười, rồi kể tiếp:

- Ông không đơn độc, nhưng tính ông vốn không chấp nhận nên trở nên khác biệt, vì thế mà cô độc. Trong kiếp sống tại Ai Cập, ông là một trong số những Pharaoh thuộc triều đại cuối cùng của Ai Cập thời cổ đại. Ông làm Pharaoh khi Ai Cập đã suy thoái kiệt quệ vì các tranh chấp cung triều cũng như hậu quả của việc xây cất các lăng tẩm cho các Pharaoh trước đó. Vào lúc này, quyền hành của phe giáo sĩ đã rất mạnh nên ông không cai trị được lâu. Vì thiếu vũ khí và không được chuẩn bị đầy đủ nên mùa đông năm đó, quân lực Ai Cập đi xâm chiếm các nước quanh vùng và bị thua trận thảm hại. Giới giáo sĩ đã biết ý đồ của Pharaoh muốn triệt họ nên đã đổ tội cho Pharaoh vì đã ra lệnh ngưng việc xây cất đền thờ và dâng cúng phẩm vật cho thần linh. Còn dân chúng bất mãn vì không có việc làm nên đã nổi loạn. Là Pharaoh, ông chưa kịp làm đến cùng đã phải chịu trách nhiệm về những việc này. Ông đã bị nhóm giáo sĩ ra tay đầu độc chết trước khi khởi binh đối phó với đám giáo sĩ cùng loạn quân. Vì lăng tẩm của ông

lúc đó chưa hoàn tất, hoàng hậu Nedjem đã phải âm thầm mai táng ông một cách vội vàng ở một nơi khác, nên ít lâu sau ngôi mộ của ông bị kẻ trộm đến đào lấy châu báu. Phe giáo sĩ lợi dụng cơ hội xã hội hỗn loạn đã mang quân đi kiểm soát thành Thebes và vùng thượng lưu sông Nile. Những người trong hoàng tộc phải trốn về miền Nam sát biên giới Nubia, rồi đưa con cháu lên ngôi Pharaoh để lập một triều đình tại đó nhưng không ai làm được việc gì đáng kể.

Tôi ngạc nhiên đến sửng sốt khi nghe kể số phận quá bi thảm của mình, nên định hỏi, nhưng ông Kris không cho tôi ngắt lời, kể tiếp:

- Chỉ ít lâu sau, Nubia đánh chiếm Ai Cập, vua Nubia cũng xưng là Pharaoh nên lịch sử Ai Cập trở nên phức tạp vì không còn ai phân biệt được giữa Pharaoh Ai Cập và Pharaoh Nubia nữa. Người Ai Cập lúc đó phải phục dịch cho dân Nubia, tộc người mà họ vốn khinh bỉ, coi là man di mọi rợ.

Sau đó, người Assyria ở phía Đông Bắc đánh đuổi phe giáo sĩ ở Thebes, cũng như triều đình vua chúa Pharaoh Nubia, chiếm trọn Ai Cập và thành lập đế quốc Assyria. Dân Ai Cập lại phải trả một món nợ rất đắt, cấm đầu phục vụ cho người Assyria. Rồi sau đó, Ba Tư xâm lăng đế quốc Assyria, đặt Ai Cập dưới ách cai trị của họ, và một lần nữa dân Ai Cập lại phải gánh chịu thảm cảnh bị đô hộ. Sau đó, Hy Lạp dưới sự chỉ huy của Alexander Đại đế chiếm Ba Tư, đặt Ai Cập dưới ách đô hộ. Các tướng lĩnh Hy Lạp lại trở thành Pharaoh của Ai Cập. Khi đế quốc Hy Lạp suy vong, người La Mã chiếm Ai Cập, cai trị xứ này trong mấy trăm năm. Rồi người Ả Rập chiếm Ai Cập, xóa bỏ văn hóa xứ này, sáp nhập nước này vào lãnh địa Caliphate của họ. Gần đây hơn, các nước Pháp và Anh cũng chiếm Ai Cập, cai trị Ai Cập cho đến năm 1922 mới bắt đầu cho dân xứ này được tự trị một phần nào.

Ông Kris thở dài nhìn tôi, lúc đó vẫn chưa hết bàng hoàng:

- Ông có thấy không? Trải qua gần ba ngàn năm, người dân Ai Cập phải sống dưới ách đô hộ xâm lăng. Hầu hết văn hóa, các phong tục, chữ viết, văn chương của Ai Cập đều bị xóa bỏ, chỉ còn lại một vài kim tự tháp và lăng tẩm

của các Pharaoh để nhắc nhở người Ai Cập về quá khứ huy hoàng của họ mà thôi. Bây giờ ông có thể hiểu nghiệp quả của các cuộc chiến tranh mà vua chúa Ai Cập khi xưa đã gây ra cho xứ này như thế nào rồi.

Trong tôi lúc đó tràn đầy xúc cảm:

- Tôi đã học được bài học về tình yêu thương tại Ai Cập, nhưng còn số phận của nàng Cihone và hoàng hậu Nedjem sau đó đã ra sao? Ông vẫn chưa kể...

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi đồng cảm:

- Ông đã nặng tình thì ắt có duyên. Ông đã có mối liên hệ khá sâu sắc về tinh thần với những người phụ nữ này nên chắc chắn cũng gặp lại họ ở những kiếp sống sau.

* * *

Thomas đã chia sẻ với tôi về tình trạng Ai Cập thời cổ, cũng như sự sa đọa của tầng lớp giáo sĩ, họ đã lợi dụng đức tin của dân chúng để củng cố quyền lực cũng như gia tăng quyền lợi của họ. Đối với các giáo sĩ, việc xây cất các đền thờ to lớn là một hình thức củng cố niềm tin vào các uy lực thần quyền mà họ là đại diện trung gian. Tầng lớp giáo sĩ lúc đó đều có gia đình và được hưởng quyền lợi rất lớn (như được triều đình cấp phát đất đai, nô lệ và hưởng thụ các phẩm vật dâng cúng).

Vào giai đoạn cuối của triều đại Pharaoh Ai Cập, phe nhóm giáo sĩ trở thành một quyền lực rất mạnh chi phối mọi sự, kiểm soát kinh tế, thuế má, thậm chí quân đội. Họ kiểm soát hơn một nửa Ai Cập, từ thành Thebes lên phía Bắc, trong nhiều năm. Con cháu Pharaoh phải chạy trốn xuống miền Nam, lập một triều đình sát biên giới Nubia và ít lâu sau bị người Nubia chinh phục.

Theo ông Thomas, việc xây cất các đền thờ khắp nơi, gia tăng thuế để nuôi tầng lớp giáo sĩ, lúc đó đã lên đến hàng trăm ngàn người, chỉ hưởng thụ mà không làm gì, cũng là nguyên nhân gây ra tình trạng tuyệt vọng, chán nản trong dân chúng, khiến Ai Cập trở thành miếng mồi ngon cho các nước quanh đó như Assyria, Nubia và Ba Tư.

Ông Thomas cũng chia sẻ thêm rằng qua việc tiếp xúc với Cihone và Nedjem, ông đã học được bài học về tình yêu thương và sự hy sinh, đó là những bài học đã giúp ông rất nhiều trong những kiếp sống sau đó.

Tôi hỏi ông về việc chuyển kiếp thành loài sâu bọ qua sự tiết lộ của ông Kris. Ông ngậm ngùi nói rằng ông không nhớ gì về việc này, nhưng tin rằng được làm người là một vinh dự to lớn và không dễ gì được mang thân xác con người, và nếu để mất đi thì không dễ gì trở lại được. Ông nói nếu ý thức như thế thì phải biết sống làm sao cho đúng với ý nghĩa của một con người.

Khi chúng tôi nói chuyện về các trận chiến trong lịch sử của nền văn minh cổ, như trận chiến thành Troy, tôi có hỏi ông Thomas quan niệm của ông về chiến tranh. Ông nói rằng chiến tranh là một động lực có tính chất tàn phá hết sức ghê gớm vì nó gây tổn thất về sinh mạng, tài sản, cũng như phá hoại các nền văn hóa và những gì tốt đẹp nhất của con người. Nguyên nhân của chiến tranh bắt nguồn từ lòng tham. Tham danh, tham lợi, tham quyền và tham vọng muốn chiếm đoạt tất cả. Từ lòng tham này mới sinh ra sự ganh ghét, hận thù và nuôi dưỡng mầm mống của chiến tranh.

Mặc dù cuộc chiến thành Troy bắt nguồn từ nguyên nhân là Hoàng tử Paris của Troy đã bắt cóc Helen, vợ của Menelaus, vua xứ Sparta mang về xứ Troy, sau đó Menelaus kêu gọi các đồng minh của mình mang quân vây thành Troy để đòi lại vợ, nhưng theo ông Thomas, đó chỉ là nguyên nhân câu chuyện được ghi lại trong thần thoại Hy Lạp qua ngòi bút của thi sĩ Homer. Nguyên nhân chính là các nước đồng minh của Sparta đã lợi dụng cơ hội này để tấn công xứ Troy vì đây là một xứ rất giàu mạnh, nằm ở một vị thế quan trọng, kiểm soát các hải lộ chính của Hy Lạp đến các nước vùng Trung Á. Chiếm được thành Troy là kiểm soát được toàn bộ nền kinh tế, thương mại, giao thông của vùng Địa Trung Hải. Do đó, Agamemnon, Achilles, Odysseus và rất nhiều tướng lĩnh khác của Hy Lạp đều muốn chiếm đoạt miền này. Trận chiến thành Troy kéo dài hơn mười năm, khiến biết bao nhiêu binh sĩ cả hai bên thiệt mạng. Ngay sau khi trận chiến kết thúc, những nhân vật sống sót cũng phải trải qua rất nhiều khó khăn, trở ngại mới có thể trở về quê hương; nhưng khi về đến nơi, họ nghiệm ra rằng tất cả đều đã đổi khác, ngay cả những người khi

xưa cũng không còn như trước nữa. Đây chính là bi kịch của cuộc chiến thành Troy, một câu chuyện thần thoại Hy Lạp về thảm cảnh của chiến tranh.

Theo ông Thomas muốn chấm dứt chiến tranh, chúng ta không thể phản đối hay chống lại nó, vì nếu phản đối chiến tranh thì trong lòng chúng ta lại có một cuộc chiến khác khởi phát. Khi chúng ta phản đối một người nào, một ý tưởng nào, hay một quan niệm nào thì chính chúng ta đang khơi dậy một cuộc chiến khác nằm sâu trong tâm của mình. Cũng vì lý do đó mà trong lịch sử nhân loại, chiến tranh không bao giờ chấm dứt. Hết cuộc chiến này lại có cuộc chiến khác vì trong lòng mọi người lúc nào cũng có sự hận thù. Nếu biết quay về nhìn lại các bài học lịch sử, ta sẽ thấy rõ nguyên nhân của các trận chiến là lòng tham, sự ích kỷ và hận thù. Chính chúng đã nuôi dưỡng những quan niệm, những lý thuyết và mục đích sai lầm, dẫn đến xung đột giữa các phe nhóm đối lập. Khi có lòng thù oán, sân hận thì lúc nào chúng ta cũng sẵn sàng gây chiến. Biện pháp tốt đẹp nhất để chấm dứt chiến tranh là xóa bỏ sự thù hận ngay trong tâm mình bằng việc phát triển tình thương và lòng từ bi.

Ông Thomas cho biết, qua các trải nghiệm ở nhiều kiếp sống, động lực quan trọng dẫn dắt cuộc đời của ông là tình yêu thương, nhờ yêu thương mà ông đã vượt qua nhiều thử thách, để tiếp tục học hỏi thêm về nó.

PHẦN SÁU

LUÂN HỒI

CÁC NỀN VĂN MINH

KHÔNG CÓ GÌ LÀ MÃI MÃI

Sau buổi gặp gỡ và nói chuyện với ông Kris về kiếp sống tại Ai Cập, tôi chuẩn bị trở về New York. Trước khi ra phi trường, tôi hỏi:

- Hôm qua ông nói rằng kiếp sống của tôi tại Atlantis không phải là kiếp sống đầu tiên, vậy thì còn những kiếp sống nào nữa mà tôi không nhớ được?

Ông Kris trả lời:

- Ông còn nhiều kiếp sống trước đó. Hầu hết mọi người sống trên thế giới này đều trải qua rất nhiều kiếp sống mà không mấy ai nhớ được. Vì không ý thức rõ ràng họ đã làm gì hay đã học được gì trong những kiếp đó nên đa số vẫn luẩn quẩn trong vòng luân hồi. Lúc thế này, khi thế khác, lúc làm người, khi làm thú, hay làm ma quỷ. Ông nên biết, đời sống của mọi người không chỉ mới bắt đầu từ vài ngàn năm nay.

Tôi ngạc nhiên:

- Nền văn minh của nhân loại chỉ mới bắt đầu khoảng mấy ngàn năm nay, vậy thì đời sống con người thời trước ra sao?

Ông Kris giải thích:

- Con người đã có mặt trên trái đất này từ lâu lắm rồi. Từ ngàn xưa đã có những nền văn minh mà hiện nay đã biến mất trên bề mặt địa cầu. Các nhà khảo cổ cho rằng nhân loại chỉ bắt đầu sống

một cách văn minh khoảng mấy ngàn năm nay vì nền văn minh cổ xưa nhất xuất phát ở vùng Lưỡng Hà thuộc Iraq và Syria, khoảng năm ngàn năm trước Công nguyên. Phần lớn không chấp nhận rằng còn có những nền văn minh khác cổ xưa hơn nữa.

Cách đây không lâu, một nhóm khảo cổ đã tìm thấy ngoài sa mạc Gobi, phía Tây Bắc Tây Tạng, vẫn còn di tích một ngôi làng với các vật dụng bằng đá và cống rãnh dẫn nước được ước tính đã hiện hữu vào khoảng mười ngàn năm trước Công nguyên. Không ai biết gì về nền văn minh này nên vẫn còn nhiều tranh cãi, dựa trên quan niệm rằng nền văn minh luôn luôn bắt đầu từ những nơi gần sông hay biển. Một nền văn minh nằm giữa sa mạc là điều không thể chấp nhận. Tuy nhiên, hàng ngàn năm trước, sa mạc Gobi và Tây Tạng vốn là biển cả chứ đâu phải núi non hay sa mạc. Các trận động đất đã đẩy lục địa Ấn lên phía Bắc, hình thành nên dãy Hy Mã Lạp Sơn. Mặc dù các nhà địa chất đã chứng minh điều này nhưng nhiều nhà khảo cổ vẫn giữ lập trường rằng cái nôi văn minh của thế giới xuất phát từ vùng Lưỡng Hà ở Trung Đông, rồi lan ra khắp thế giới.

Tôi hỏi:

- Tại sao họ lại tin như thế?

Ông Kris bật cười:

- Vì thiên chấp của các nhà khảo cổ châu Âu cho rằng mọi sự đều phát sinh từ một nơi chốn duy nhất, rồi mới tỏa lan ra các nơi khác. Ít ai chấp nhận rằng đã có nhiều nền văn minh xuất hiện ở các nơi khác nhau trên thế giới. Điều này cũng giống với quan niệm cho rằng tổ tiên loài người thuộc giống vượn bắt nguồn từ châu Phi, rồi sinh con đẻ cái, và di cư đi khắp thế giới. Dĩ nhiên, khi khám phá ra thêm nhiều bằng chứng thì quan niệm này sẽ phải thay đổi.

Tôi nói:

- Tôi biết về kiếp sống của tôi tại Atlantis, nhưng đã mấy ai tin rằng văn minh thật sự Atlantis hiện hữu. Đa số đều cho rằng đó chỉ là một truyền thuyết đã được Plato phóng đại lên mà thôi.

Ông Kris mỉm cười:

- Điều này cũng dễ hiểu thôi vì hiện nay chưa có ai tìm thấy bằng chứng nào về nền văn minh này. Trong thời buổi khoa học hiện nay, người ta cần có bằng chứng rõ ràng trước khi đi đến kết luận. Trong trường hợp của ông, sự hiểu biết về các kiếp sống quá khứ sẽ giúp ông có một nhận định rõ rệt về các quy luật vũ trụ như luật Luân hồi và Nhân quả. Từ đó, ông có thể tiếp tục con đường mà ông đã theo đuổi trong nhiều kiếp trước đó. Do vậy, việc nhớ lại những ký ức này chỉ có lợi cho ông mà thôi.

Tôi hỏi thêm:

- Hôm qua ông nói rằng tôi có khả năng hồi tưởng lại những ký ức tiền kiếp, mà nay đã quên. Việc đó là thế nào?

Ông Kris đáp ngay:

- Đúng thế, ông đã có khả năng đó từ kiếp trước nhưng biết rằng ông sẽ quên, nên ông yêu cầu tôi giúp. Do đó, chúng ta mới có cơ hội gặp lại nhau trong kiếp này.

Tôi sốt sắng hỏi:

- Việc đó là thế nào? Ông có thể cho tôi biết được không?

Ông Kris mỉm cười, trả lời:

- Điều này ông phải tự tìm ra khi hồi tưởng về các kiếp sống trong quá khứ. Nếu tôi nói ra vào lúc này, sẽ không có ích gì mà chỉ làm ông bối rối thêm thôi.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy tôi phải làm thế nào để tìm lại khả năng đó đây?

Ông Kris nghiêm nghị trả lời:

- Ông cần phải khôi phục khả năng đó qua công phu tu tập nội quán mà ông đã từng làm trước đây.
- Phải chăng ông muốn nói đến việc tập thiền? Tôi phải học thiền ở đâu và như thế nào?
- Hiện nay có nhiều nơi dạy thiền nhưng tên gọi này đã bị sử dụng bừa bãi và sai lạc rất nhiều. Có lẽ ông cũng thấy, hầu hết các trung tâm dạy thiền ngày nay đều bị thương mại hóa bởi những người tự xưng là Thiền sư (*Zen Master*) , Tổ sư (*Guru*) , Đạo sư (*Swami*) hay Thánh nhân (*Bhagwan*) . Họ dạy chỉ với mục đích được nổi danh hay để kiếm tiền mà thôi.

- Nếu thế tôi phải làm gì?
- Trước khi đi xa hơn, chúng ta hãy tránh sử dụng từ thiền trong lúc này. Thiền là từ của Phật giáo nói về phương pháp quán xét nội tâm. Các tôn giáo khác cũng có những phương pháp tương tự nhưng mục đích lại khác hẳn. Phương pháp của Ấn giáo chú trọng vào việc hòa hợp Tiểu Ngã vào Đại Ngã. Phương pháp của Thiên Chúa giáo, hay mặc niệm, chú trọng vào việc quay về với Thượng Đế. Ngoài ra còn có rất nhiều phương pháp của các pháp sư hay phù thủy nhằm vào việc luyện thần thông hay để cho vong linh nhập vào sai khiến. Do đó, khi bắt đầu, ông phải cẩn thận và chỉ nên coi đó là một phương pháp tĩnh tâm để đầu óc yên lặng, không căng thẳng, để điều khiển tư tưởng và cảm xúc trước khi đi xa hơn.
- Vậy tôi phải bắt đầu như thế nào?
- Nếu ông biết tư tưởng và cảm xúc thường được biểu lộ qua một vài cử chỉ này nọ thì một vài tư thế cũng có khuynh hướng tạo ra những trạng thái và cảm xúc tương ứng. Nhờ biết áp dụng những tư thế này mà thân thể của ông được điều hòa, rồi ông mới có thể đi xa hơn. Phần lớn người phương Tây có thân hình cứng nhắc, chưa quen ngồi xuống đất nên ông có thể bắt đầu bằng việc ngồi trên ghế, giữ lưng thẳng, hai bàn tay đặt trên đầu gối một cách tự nhiên. Hai chân khép lại. Vấn đề chính là thoải mái, không cố gắng hay gò bó. Giữ thẳng thân người, đừng cúi khòm xuống, để luồng sinh khí chạy đều trong cột sống.

Tôi hỏi thêm:

- Tôi thấy những người tập thiền đều ngồi, vậy thì có gì khác giữa việc ngồi trên ghế và ngồi dưới đất không?

Ông Kris kiên nhẫn trả lời:

- Khi mới tập, tư thế không quan trọng cho đến khi ông có thể làm chủ được thể xác. Dĩ nhiên, ông có thể ngồi xếp bằng theo các tư thế như bán già hay kiết già. Đối với người Á Đông, ngồi xếp bằng là một động tác tự nhiên nhưng không tiện cho phương Tây. Nếu bắt buộc phải ngồi theo một tư thế nhất định ngay lúc mới tập, điều đó sẽ tạo ra những khó khăn không cần thiết. Ông nên nhớ thể xác thoải mái thì ông mới có thể điều chỉnh hơi thở một

cách tự nhiên. Khi đã làm chủ được hơi thở, ông có thể thay đổi tư thế để ngồi cho vững vàng. Khi mới tập ai cũng thấy đau chân, đau tay vì chưa quen ngồi, do đó tôi khuyên ông nên bắt đầu một cách từ từ, không vội vàng, hấp tấp.

Tôi nói:

- Angie được dạy phải ngồi thiền khoảng mười lăm phút trước khi bắt đầu các động tác hay tư thế Yoga.

Ông Kris bật cười:

- Một số nơi dạy Yoga thường thêm thắt vào một vài thứ rồi gọi là thiền hay khí công để tạo vẻ huyền bí mà thôi. Ông nên nhớ các tư thế lúc đầu chỉ giúp cho ông có thể thở nhẹ và sâu. Thật ra khi thân thể thoải mái, điều hòa thì hơi thở mới sâu và nhịp nhàng được. Nếu tiếp tục như thế, đến một lúc nào đó, hơi thở sẽ trở nên êm nhẹ và dần dần lắng sâu.

Ông Kris đột nhiên nghiêm giọng:

- Nhiều người mới tập được dạy phải hít thở thật sâu, dồn hơi xuống bụng như các ca sĩ luyện giọng. Việc này thật tai hại vì người ta chỉ chú trọng đến hơi thở mà quên rằng tĩnh tâm là để cho đầu óc thoải mái chứ không phải cố gắng qua cách hít thở làm cho phổi và tim hoạt động bất bình thường. Nhiều người luyện tập hít thở mà quên rằng đây là việc kiểm soát tư tưởng chứ đâu phải là một môn thể thao. Có người dạy phải dồn hơi vào các huyết đạo, đưa nó đi theo hệ thống kinh lạc trong thân thể để đạt được một điều gì đó. Đây là lối luyện tập của một số phù thủy, rất nguy hiểm vì có thể gây rối loạn thần kinh. Nhiều người được dạy phải hướng đôi mắt lên cao và giữ mắt trong tư thế đó để khiến cho thị giác tê liệt như bị thôi miên và đi đến trạng thái xuất thần, phát sinh các hiện tượng kỳ lạ hay bị các vong linh nhập vào dù dốt. Đây là điều phải tuyệt đối tránh vì tĩnh tâm là để cho đầu óc thoải mái, loại bỏ các tư tưởng không cần thiết chứ không phải để đạt đến một điều gì hết.

Phương pháp tĩnh tâm giúp cho thân thể và đầu óc thoải mái trước khi bắt đầu tập trung tư tưởng để đi xa hơn. Nếu quan tâm đến các tư thế, rồi thấy đau chân, mỏi tay thì làm sao làm chủ được tư tưởng? Việc luyện tập không được vội vàng, hấp tấp mà phải

để cho mọi sự đến một cách tự nhiên. Nên nhớ, tĩnh tâm là sự phát triển trí thức, đạo đức và tâm linh để làm chủ tư tưởng và cảm xúc. Đó không phải là sự phát triển một khả năng thần thông để đạt đến một cái gì đó. Đừng lẫn lộn việc tĩnh tâm với việc tu luyện một phép thần thông nào đấy hay mong muốn đạt được thứ gì đó. Sự cố gắng lúc đầu chỉ để tập một thói quen tích cực nhằm đạt đến sự bình an, loại bỏ những tư tưởng lộn xộn trong đầu óc. Khi những tư tưởng lộn xộn đã được loại bỏ và tâm đã an, thì mọi việc sẽ khác.

Điều quan trọng nhất là phải duy trì thời gian tập luyện. Một khi đã chọn ra thời điểm cụ thể để tĩnh tâm thì cần phải tuân giữ vì ông cần có thói quen, nếu không sẽ khó đi xa được. Ông nên tập vào sáng sớm, khi mặt trời bắt đầu mọc vì đây là lúc những luồng từ điện trong thiên nhiên rất mạnh. Không nên tập sau bữa ăn hay trong đêm khuya vì có những ảnh hưởng bất lợi. Ông có thể bắt đầu tập trong khoảng mười lăm phút rồi tăng lên ba mươi phút, sau đó có thể tăng lên bốn mươi lăm phút hay nhiều hơn nữa. Đôi khi tập lâu, cơ thể căng thẳng, mệt mỏi thì ông có thể đứng dậy đi bộ thong thả khoảng mười lăm phút cho thân thể điều hòa trở lại.

Khi tập được một thời gian, khi thân thể hoàn toàn thoải mái, hơi thở được điều hòa, nhẹ nhàng thì ông hãy để cho tư tưởng tập trung vào một điều gì đó tốt đẹp để tránh tư tưởng chạy lăng xăng hay bị xáo trộn bởi công việc hàng ngày. Đây là một việc rất khó vì đầu óc của ông quen suy nghĩ đủ mọi thứ rồi.

Ông Kris kết luận:

- Ông nên nhớ phương pháp tĩnh tâm này đòi hỏi một sự nỗ lực chứ không phải là một cảm giác mơ màng, nửa mê nửa tỉnh. Ông có thể hình dung người thực tập phương pháp này giống như con hải âu bay trên biển vậy. Con hải âu dang rộng đôi cánh, lướt theo làn gió trên mặt nước. Bề ngoài trông như bất động nhưng thật ra nó phải cố gắng rất nhiều để đương đầu với những luồng gió mạnh, phải luôn luôn điều chỉnh đôi cánh theo sự thay đổi của luồng gió, do đó nó ý thức từng giây từng phút để không bị gió thổi bay xuống biển.

* * *

Tôi trở về New York, tiếp tục công việc hàng ngày nhưng dành ra nửa giờ mỗi buổi sáng thực tập tĩnh tâm theo phương pháp ông Kris đã dạy. Điều này làm Angie ngạc nhiên vì từ trước đến nay tôi chỉ thường đọc báo hay xem tin tức vào buổi sáng.

- Khi xưa anh thường cười nhạo việc em và Connie đi tập Yoga, mà sao bây giờ anh lại dành thời gian ngồi yên như đang tập thiền thế?

Tôi không muốn giải thích, nên bào chữa:

- Dạo gần đây đầu óc anh bị căng thẳng nên chỉ muốn ngồi yên tĩnh dưỡng ít lâu trước khi đi làm thôi.

Một hôm, tôi đang làm việc thì Angie bước vào với một tờ quảng cáo về một buổi diễn thuyết. Angie nói:

- Hôm trước em và Connie đi xem triển lãm về Ai Cập ở viện bảo tàng có thấy tờ quảng cáo này nên cầm về. Anh có muốn đi nghe với em không?

Tôi đọc lướt qua tờ quảng cáo, đó là buổi diễn thuyết của một giáo sư đại học nghiên cứu về các nền văn minh cổ xưa. Như có một cái gì đó thôi thúc, tôi gật đầu:

- Ừ, chúng ta cứ thử đi nghe xem người này nói gì.

Buổi diễn thuyết được tổ chức tại Đại học New York, diễn giả là một giáo sư tuy chưa nổi danh nhưng đã có nhiều công trình nghiên cứu nghiêm túc. Khán giả không đông lắm, phần lớn chỉ là sinh viên phải đi nghe để viết tường trình cho lớp học của họ. Tôi đi cùng với Angie và vợ chồng Andrew.

Diễn giả bắt đầu với công trình nghiên cứu về các nền văn minh của ông tại nhiều quốc gia trên thế giới. Ông nói:

- Trong các tài liệu cổ còn được lưu truyền ngày nay thì tài liệu của người Do Thái vẫn được coi là tương đối đầy đủ nhất. Các kinh sách Do Thái thường đề cập đến sự giao ước giữa con người và Thượng Đế thông qua các giới luật căn bản được ghi rõ trong bộ giáo luật Torah và trong kinh Cựu Ước. Tuy nhiên, bên cạnh những giới luật này lại có một quan niệm trừu tượng về sự lưu đày và việc trở về miền đất hứa. Đa số người Do Thái đều tin rằng đây là một sự kiện lịch sử. Khi xưa dân Do Thái bị bắt làm nô lệ tại Ai Cập nhưng sau đó được giải phóng. Tuy nhiên,

khi rời khỏi Ai Cập, họ lại vi phạm sự giao ước giữa họ và Thượng Đế nên bị trừng phạt, phải lang thang khắp nơi, không quê hương, và không thể trở về miền đất hứa.

Gần đây, các nhà khảo cổ đã tìm được một tài liệu ở vùng Biển Chết giải thích rằng sự lưu đày chỉ là một ẩn dụ, ám chỉ việc mất ý thức về nguồn gốc thiêng liêng, một sự sa đọa về tâm linh của con người nói chung. Sự trở về miền đất hứa tượng trưng cho sự quay về để biết mình là ai, để biết đến nguồn gốc thiêng liêng, cao quý vốn sẵn có nơi mình. Sự giao ước với Thượng Đế chẳng qua chỉ là sự phát triển tiềm năng hiểu biết để sống thuận với những quy luật tự nhiên mà thôi. Điều này đã làm đảo lộn quan niệm vẫn có từ mấy ngàn năm nay và tạo ra một cuộc tranh luận sôi nổi trong giới học giả Do Thái.

Một số học giả không công nhận tài liệu này vì như thế là phủ nhận “miền đất hứa”, vốn là vùng đất của Thượng Đế đã ban cho dân Do Thái ^[9]. Chính vì quan niệm cho rằng họ là giống dân đã được Thượng Đế chọn lựa, đã được ban cho một vùng đất làm quê hương, mà người Do Thái, dù lang thang khắp nơi trên thế giới suốt mấy ngàn năm nay, vẫn luôn luôn hướng về “miền đất hứa” của họ. Việc đưa ra tài liệu khảo cổ với quan niệm mới mẻ này, dù được viết bởi giáo sĩ Do Thái thời cổ, là điều không thể chấp nhận được.

Một số học giả khác cho rằng tài liệu của giáo sĩ Do Thái, viết từ nhiều ngàn năm trước, giải thích ẩn nghĩa của huyền môn Kabbalah, là một khám phá quan trọng và người Do Thái không thể phủ nhận một văn kiện giá trị như thế được.

Lịch sử Do Thái ghi rõ Kabbalah là bộ sách huyền môn đã được nhà tiên tri Moses ghi chép bằng chữ tượng hình với rất nhiều ẩn nghĩa. Từ xưa, các nhà tiên tri, các đạo gia thường sử dụng một thứ ngôn ngữ bí mật, các ẩn dụ, các câu nói bóng bẩy để diễn tả một số việc sẽ xảy ra trong tương lai mà họ không thể nói trước. Kinh Talmud đã nói rõ: “Chân lý không phải là điều để mang ra nói mà là điều người ta chỉ hiểu được qua công phu tu tập mà thôi”. Do đó, các đạo gia thời cổ chỉ truyền dạy cho học trò qua phương pháp khẩu truyền chứ không mấy ai viết ra. Nếu phải viết ra thì họ dùng ám tự, ẩn nghĩa và lựa chọn học trò rất kỹ sau

những cuộc khảo nghiệm để chắc rằng học trò có thể hiểu những huyền nghĩa này.

Moses Ben Maimon (*Maimonides*), nhà thần học nổi tiếng và uy tín nhất về giáo luật Torah của Do Thái giáo, đã viết: “Sự ý thức được chính mình là quy luật căn bản của mọi truyền thống tâm linh vì biết mình tức là biết được nguồn gốc thiêng liêng của mình”. Mục tiêu của mọi truyền thống tâm linh cổ xưa đều nhằm vào việc con người tự biết mình. Trong khi ngày nay, nó bị thay đổi để nhắm vào một đối tượng xa vời, một cái gì đó vượt khỏi tầm hiểu biết của con người. Tệ hơn nữa, càng ngày nó càng chú trọng vào các hiện tượng ngoại giới. Chính vì thế mà mọi giải pháp, mọi quan niệm, mọi lý luận của các truyền thống tâm linh ngày nay không thể đem lại hạnh phúc cho con người vì đã sai lầm ngay từ căn bản.

Các nghiên cứu khảo cổ học gần đây đã tìm được nhiều tài liệu cho thấy từ xa xưa, cổ nhân đã sở hữu những kiến thức uyên bác về rất nhiều lĩnh vực, từ thiên văn đến địa lý, từ toán học đến siêu hình học, từ hóa học đến y học và gọi nó là huyền học chứ không phân chia nó ra thành nhiều môn riêng biệt như ngày nay. Trong những căn phòng nằm sâu trong các thánh điện nguy nga, hay các động đá tự nhiên trong rừng núi hoang vu, các đạo gia thời cổ đã nghiên cứu, học hỏi và vận dụng các năng lực huyền bí vào những việc mà ngày nay, trong thời buổi cực thịnh của khoa học thực nghiệm, nó vẫn được coi là những điều bất khả thi hay phép lạ.

Thật là một sự sỉ nhục cho người xưa, khi những nhà khoa học non nớt của thế kỷ này dám chỉ trích các bậc tiền bối của họ là những thầy phù thủy ngu dốt. Nói như thế chẳng khác nào hàng ngàn năm nay, nhân loại chỉ toàn là những kẻ ngu dốt, dại khờ và mê tín dị đoan, cho đến đầu thế kỷ hai mươi này người ta mới trở nên khôn ngoan. Nếu nhìn vào lịch sử, có quốc gia nào trong quá khứ mà không có những vị anh hùng, những vĩ nhân có công xây dựng nền văn minh cho đất nước họ hay không? Có những giai đoạn nào trong quá khứ mà các đạo gia, học giả của họ lại không đưa văn hóa của họ lên đỉnh vàng son, oanh liệt? Tại sao ngày nay người ta lại cố tình quên đi lịch sử, quên đi công trình của

tiền nhân, vui dập những điều tốt đẹp của quá khứ dưới danh nghĩa tiến bộ khoa học? Điều đáng tiếc là ngày nay các nhà khoa học lại chia cắt kiến thức của cổ nhân ra thành những mảnh vụn rời rạc, do đó họ không thể có một cái nhìn bao quát mà chỉ biết về những mẫu rất nhỏ, song lại tự hào là mình thông minh.

Nếu xét kỹ quá trình lịch sử, người ta có thể thấy nhiều điểm tương đồng giữa các nền văn minh cổ xưa từ Đông qua Tây. Thí dụ như hai tài liệu rất cổ vẫn còn được lưu truyền ngày nay là bộ luật Manu và pho kinh Veda của người Ấn, trong đó người xưa ghi chép rất công phu các nghi thức tế lễ và cầu nguyện. Nếu xét kỹ, người ta sẽ thấy những nghi thức này không khác gì những nghi thức được tìm thấy trong thánh kinh Talmud của Do Thái giáo hay nghi thức của nền tôn giáo cổ được ghi lại trên các thạch trụ ở Babylon. Nếu nghiên cứu kỹ hơn nữa, người ta lại thấy nó cũng không khác các nghi thức tôn giáo của Ai Cập, Tây Tạng, hay Trung Hoa bao nhiêu. Tại sao lại có sự trùng hợp như thế? Tại sao những nền văn minh ở cách nhau rất xa trên phương diện địa lý và thời gian lại có những nghi thức tế lễ, cầu nguyện tương tự như thế? Phải chăng từ ngàn xưa đã có sự liên lạc, giao thiệp giữa những người của các quốc gia đó? Hoặc tất cả đều chịu ảnh hưởng bởi một nguồn gốc chung, bởi một nền văn minh mang tính toàn cầu vượt ra khỏi sự hiểu biết của con người ngày nay? Phải chăng các đạo gia ngày xưa đã sở hữu những kiến thức siêu việt qua công phu tu tập mà ngày nay không mấy ai còn biết đến? Nhờ sở đắc những kiến thức này, họ nghiệm ra rằng trên một bình diện tâm thức cao hơn bình diện của người thường, vốn không hề có sự khác biệt, vốn không hề có sự phân biệt, chân lý hay các quy luật tự nhiên của vũ trụ là bất biến, dù ở đâu hay trong thời gian nào.

Ngày nay, nhiều người cho rằng huyền học là truyền thống của người phương Đông. Nói như thế tức là không nắm vững các yếu tố lịch sử vì ngay tại phương Tây, huyền học cũng có một quá khứ khá huy hoàng. Những đạo gia Druid tại Anh Quốc đã thực hành huyền thuật trong những động đá thâm u của xứ họ. Họ đã để lại nhiều di tích như những cột trụ bằng đá tại Stonehenge mà ngày nay không mấy ai biết được mục đích của nó. Họ cũng chạm trổ các hình kỷ hà trên vách đá dọc theo bờ

biển Ái Nhĩ Lan để nhắc nhở điều gì đó cho nhân loại mà ngày nay không ai hiểu được. Lịch sử Anh Quốc đã ghi nhận sự điều hành quốc gia sáng suốt của các nhà lãnh đạo thuộc chủng tộc Celtic qua các huyền thoại huy hoàng vẫn được dân chúng nhắc đến nhưng không mấy ai hiểu hết ẩn nghĩa của chúng. Những thuật sĩ Semathe của xứ Gaul (nước Pháp ngày nay) đã để lại rất nhiều tài liệu về toán học, vật lý học, vũ trụ học mà ngày nay các nhà nghiên cứu đã kinh ngạc trước những kiến thức về sự vận hành của các tinh tú và sự hình thành của trái đất. Trong những cánh rừng ở Trung Âu, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều tài liệu được chôn giấu ghi rõ các buổi hội họp, bàn thảo, và trao đổi kiến thức của những đạo gia này. Nhiều tài liệu nói về nguồn gốc, quá trình tiến hóa của nhân loại rất chính xác, mặc dù nó được viết từ hàng ngàn năm trước.

Tóm lại, từ ngàn xưa, đã có những nền văn minh cổ với sự hiểu biết thâm sâu nhưng vì lý do nào đó đã biến mất trên bề mặt địa cầu, chỉ còn sót lại một vài mảnh vụn mà ngày nay nhiều nhà khoa học đã cố tình bỏ qua, không để ý đến. Không ai biết con người có mặt trên quả đất này từ lúc nào và đã học hỏi, nghiên cứu những gì. Các tài liệu hiện đại vẫn cho rằng con người chỉ mới xuất hiện từ vài chục ngàn năm trước, nhưng lúc đó sống như con vật, chỉ biết hái lượm, rồi sau chuyển qua săn bắn và trồng trọt; mãi đến thời gian gần đây, con người mới biết đến khoa học và trở nên văn minh tiến bộ. Lý luận này có hợp lý không? Điều này cần phải xét lại.

Diễn giả ngừng lại như để mọi người suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Hiện nay đa số mọi người cho rằng nền văn minh của nhân loại bắt đầu từ vùng Lưỡng Hà rồi truyền đi khắp nơi. Nhiều sử gia cho rằng sự truyền bá nền văn minh này đi theo sự phát triển tôn giáo của người Ba Tư lúc đó là Hỏa giáo. Zoroaster, còn được biết đến là Zarathustra, đã sáng lập phái huyền học gọi là Magi, nhưng đa số các nhà khảo cổ không đồng ý với các sử gia. Họ cho rằng Zoroaster chỉ là một đạo gia đã có công cải cách, thay đổi nền huyền học cổ xưa thành một hệ thống khoa học mà thôi. Một số nhà khảo cổ khác cho rằng nền văn minh nhân loại phát xuất từ Ai Cập rồi truyền vào Ba Tư, trộn lẫn với nền văn minh

Lưỡng Hà lúc đó thành một nền văn minh mới, sau đó tiếp tục truyền qua các nước khác. Tóm lại, theo quan niệm này, có hai nền văn minh khác nhau, tích hợp lại theo các biến cố lịch sử và thời gian, rồi ảnh hưởng đến những nơi khác.

Câu hỏi cần đặt ra là phải chăng chỉ có hai nền văn minh đó thôi hay còn những nền văn minh khác nữa. Tại sao chỉ có hai mà không phải là nhiều nền văn minh khác nhau, xuất phát từ những nơi khác nhau, ảnh hưởng lẫn nhau? Các nhà khảo cổ đã biết gì về những nền văn minh tại Ấn Độ, Trung Hoa hay Tây Tạng? Những nền văn minh này có dính dáng gì với nền văn minh Lưỡng Hà hay Ai Cập? Đã đến lúc phải xét lại xem lý thuyết "chỉ có một nguồn gốc duy nhất, rồi tỏa lan đi khắp nơi" có còn chính xác nữa hay không.

Ông lý luận:

- Đa số các công trình nghiên cứu về các nền văn minh cổ hiện nay chỉ căn cứ vào các công trình xây cất, sản phẩm hay vật dụng đào bới được để xác định giá trị của nền văn minh. Đây là một thiếu sót lớn vì không phải nền văn minh nào cũng chú trọng đến việc xây cất lăng tẩm. Có những nền văn minh cổ xưa, tiến bộ trên địa hạt tinh thần, hiểu biết về các quy luật vũ trụ. Họ không quan tâm đến công trình xây cất, không để lại sản phẩm vật chất nhưng để lại cho đời sau một nền tảng minh triết sâu xa, một truyền thống tâm linh cao cả, qua sách vở, qua những câu chuyện truyền khẩu, qua các bài thơ với các lời lẽ sâu kín, ẩn mật. Theo tôi, nền văn minh Ấn Độ, Tây Tạng và Trung Hoa thuộc về loại này.

Ngày nay, nhiều nhà khoa học, nhà lịch sử, nhà khảo cổ, phần lớn là người phương Tây, chưa chịu chấp nhận rằng có nhiều nền văn minh khác nhau xuất hiện trong thời gian khác nhau và có những hiểu biết khác nhau. Họ phủ nhận những gì xuất phát từ châu Á vì quan niệm tự tôn của nền khoa học phương Tây. Do đó, nói là tất cả đều xuất phát từ một nơi chốn duy nhất như Lưỡng Hà là một khuynh hướng bảo thủ không hợp lý, có tính chất kỳ thị, và phủ nhận sự thật.

Ông kết luận:

- Qua quá trình nghiên cứu nhiều nền văn minh trên thế giới từ Đông sang Tây, tôi có thể kết luận rằng hiện nay không thể nói chỉ có một nền văn minh duy nhất xuất phát từ Trung Đông, dù đó là Lưỡng Hà hay Ai Cập rồi lan tỏa đi khắp nơi, mà bỏ quên những nền văn minh cổ khác như Ấn Độ, Tây Tạng hay Trung Hoa, hoặc biết đâu còn có những nền văn minh khác, cổ xưa hơn nữa, mà ngày nay chưa ai tìm ra hay biết đến.

Sau buổi diễn thuyết, tôi hỏi Andrew và Connie:

- Các bạn nghĩ sao về buổi diễn thuyết này?

Connie nói ngay:

- Tôi thấy diễn giả nói hay và bài diễn thuyết cũng rất giá trị. Là nhà nghiên cứu, chắc hẳn ông ấy còn biết nhiều điều hơn nữa, nhưng do giới hạn về thời gian nên ông ấy chỉ nói vắn tắt đó thôi.

Andrew tiếp lời:

- Đó là một đề tài phức tạp, khó có thể nói rõ từng chi tiết. Và lại đây chỉ là buổi diễn thuyết dành cho sinh viên và khách tham quan bảo tàng mà thôi.

Chúng tôi vừa rời khỏi giảng đường thì gặp ngay giáo sư Morris, viện trưởng phân khoa khảo cổ của Đại học New York. Ông Morris tiến đến thăm hỏi chúng tôi vì biết tôi làm chủ một công ty lớn, hàng năm vẫn tài trợ cho trường đại học này.

Ông Morris vui vẻ nói:

- Thật bất ngờ và hân hạnh gặp ông. Tôi không ngờ ông lại quan tâm đến các nền văn minh cổ như thế này?

Tôi cũng xã giao nói:

- Thỉnh thoảng chúng tôi cũng hay đi nghe hòa nhạc và tham dự các buổi diễn thuyết giá trị của Đại học New York. Đề tài hôm nay rất hay và giá trị. Tôi hoàn toàn đồng ý với những nghiên cứu của diễn giả.

Giáo sư Morris ngạc nhiên:

- Thế ư? Đây là một đề tài vẫn gây nhiều tranh cãi sôi nổi trong giới nghiên cứu. Giáo sư Baader tuy còn trẻ nhưng đã có nhiều công trình nghiên cứu giá trị. Để tôi giới thiệu anh ta đến gặp ông.

Phần lớn những công trình nghiên cứu của các trường đại học Hoa Kỳ thường được tài trợ bởi các công ty tư nhân hay các hiệp hội. Tôi biết ý của giáo sư Morris muốn giới thiệu vị giáo sư trẻ này với tôi vì biết đâu công ty của tôi sẽ tài trợ cho công trình nghiên cứu của anh ta. Tôi mỉm cười, rút tấm danh thiếp đưa cho giáo sư Morris:

- Vâng, xin ông cho giáo sư Baader biết rằng tôi rất quan tâm đến công trình nghiên cứu này và nếu cần gì, giáo sư Baader có thể đến gặp tôi.

Điều bất ngờ là chỉ vài hôm sau, giáo sư Baader đã gọi điện hẹn gặp. Buổi gặp gỡ diễn ra tại văn phòng làm việc của tôi. Sau vài câu xã giao thông thường, tôi nói ngay:

- Nếu có thể, xin giáo sư cho tôi biết thêm về các nền văn minh cổ. Tôi rất quan tâm đến đề tài này.

Giáo sư Baader thoải mái chia sẻ:

- Tôi đã bắt đầu nghiên cứu từ nhiều năm nay và đã đi đến tận nơi để xem xét những di tích cổ, từ đền đài Ai Cập cho đến chùa tháp Tây Tạng, từ các lâu đài ở châu Âu cho đến lăng mộ vua chúa ở châu Á. Tôi tiếp xúc với dân địa phương để nghe kể về các truyền thuyết dân gian. Tuy nhiều câu chuyện có tính chất hoang đường nhưng một vài trong số đó cũng rất giá trị cho việc nghiên cứu của tôi.

Tôi hỏi:

- Theo sách vở ghi chép về các nền văn minh thế giới thì hầu hết kiến thức đều xuất phát từ Ai Cập, chuyện này là thế nào?

Giáo sư Baader trả lời:

- Đó là một sai lầm rất lớn. Nền văn minh Ai Cập có giá trị của nó, nhưng Ai Cập không phải là cái nôi khai sinh ra nền văn minh thế giới. Từ ngàn xưa, người Ai Cập đã có một truyền thống tâm linh rất cao, gắn liền với tôn giáo. Lúc đó, Ai Cập có một nền tôn giáo cổ tôn thờ thần Thái Dương Ra. Hầu hết các học giả ngày nay đều cho rằng tôn giáo Ai Cập là một thứ tôn giáo đa thần - dựa trên các văn bản, tài liệu, di tích trong các đền thờ. Nhưng theo tôi thì nền tôn giáo đa thần chỉ xuất hiện sau khi thời đại vàng son của nền tôn giáo cổ đã suy tàn.

Tôi thắc mắc:

- Theo như ông nói thì khi xưa Ai Cập đã có hai nền tôn giáo khác nhau sao?

Giáo sư Baader giải thích:

- Đúng thế, theo tài liệu của sử gia Jean Champollion (1780 – 1832) thì các giáo sĩ thành Thebes muốn bành trướng thế lực của phe nhóm đã “đề ra” nhiều thần linh khác nhau để biến tôn giáo cao đẹp khi xưa thành một thứ giáo quyền tổ chức chặt chẽ với các hình thức thờ cúng, mê tín dị đoan, kiêm một số tà thuật, sử dụng bùa chú, phép thuật để mê hoặc nhân tâm.

Champollion dẫn chứng rằng từ thời xa xưa, tôn giáo Ai Cập vẫn tôn thờ một đấng duy nhất, gọi là đấng Thái Dương Ra vì cuốn cổ thư của thánh sư Thoth (người Hy Lạp gọi là Hermes) đã ghi nhận rất rõ về việc này. Thoth viết rằng chỉ có một đấng duy nhất đã ban rải ánh sáng cho muôn loài và tạo ra sự sống trên trái đất. Cuốn cổ thư của Thoth ghi rõ: “Từ nơi Ngài mới có ánh sáng, và ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi phá tan màn đêm u tối. Từ đó sự sống xuất hiện, tạo ra vạn vật. Không có Ngài, muôn loài không thể hiện hữu. Vì không ai biết tên của Ngài nên họ đã tạm lấy mặt trời làm biểu tượng và gọi Ngài là đấng Thái Dương Ra”.

Thoth đề cao việc tôn thờ mặt trời làm biểu tượng của đấng cao cả vì Ngài vốn vô hình, vô tướng và vô danh. Thoth biết không thể định danh một quan niệm trừu tượng như thế cho dân chúng nên đã đưa ra tên gọi đấng Thái Dương Ra, hay là đấng sáng tạo ra mọi vật. Từ đó, tất cả các đền thờ, kim tự tháp, tượng nhân sư đều được xây cất quay về hướng Đông, hướng mặt trời mọc, nơi đấng sáng tạo xuất hiện mỗi ngày.

Trên thạch trụ của đền thờ Karnak có ghi rõ lời dạy của Thoth: “Phương Đông là nơi vàng Thái Dương xuất hiện, cũng là nơi để định hướng cho sự sống, vốn luôn luôn tái diễn không ngừng như ngày và đêm. Chỉ có quay về phương Đông thì con người mới thật sự biết mình. Khi biết mình thì sẽ biết tất cả, và tìm ra chân lý để biết sống đúng với ý nghĩa thật sự của sự sống”.

Tôi hỏi tiếp:

- Theo nghiên cứu của ông thì tại sao một nền văn minh đẹp như thế lại suy tàn?

Baader trả lời điềm đậm:

- Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn của nền văn minh Ai Cập. Nguyên nhân thứ nhất là các giáo sĩ đã không chịu tu tập theo các nguyên tắc của nền tôn giáo cổ. Họ không làm chủ được bản thân, không biết khép mình vào kỷ luật mà lười biếng và ỷ lại, chỉ lo hưởng thụ, để rồi nền tôn giáo cao đẹp mất đi các tinh hoa. Ông nên biết rằng hầu hết các truyền thống tâm linh đều do các giáo sĩ tu tập và gìn giữ. Nếu những người này không chịu tu học, không chịu tuân theo kỷ luật, phép tắc, không biết giữ gìn thì nó phải suy tàn. Lý do chính dẫn đến sự suy tàn của nền tôn giáo cổ là do sự vô trách nhiệm của giới giáo sĩ. Vì lười biếng, không giữ gìn giới luật nên đa số không có kiến thức tâm linh, không có sự hiểu biết đúng đắn. Để bù đắp cho sự thiếu sót này, một số bắt đầu sử dụng tà thuật, rồi phong trào dùng bùa chú, phép thuật để mê hoặc nhân tâm lan tràn khắp các đền thờ làm ô uế nền tôn giáo cổ. Khi dân chúng không còn tin tưởng vào những giáo sĩ lãnh đạo, khi tà thuật làm cho văn hóa suy đồi, xã hội hỗn loạn thì các Pharaoh bắt đầu nắm quyền, giới hạn các giáo sĩ vào việc thờ cúng tế lễ chứ không được can dự vào những việc khác nữa. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự tranh giành quyền lực giữa các Pharaoh và giới giáo sĩ.

Nguyên nhân thứ hai là việc sử dụng ngôn ngữ. Từ ngàn xưa, người Ai Cập đã có một loại chữ viết bình dân. Phần lớn các văn kiện, tài liệu, giao dịch đều sử dụng loại chữ này. Tuy nhiên, các giáo sĩ lại sử dụng một loại chữ đặc biệt riêng gọi là chữ tượng hình trong tài liệu tôn giáo vì có những chi tiết ẩn mật, sâu kín, không thể nói ra bằng lời được. Đây là loại chữ đặc biệt dành cho những đạo đồ nghiên cứu thâm sâu trao đổi với nhau. Ngày nay, người ta còn tìm được những ám tự này trong cuốn *Y Thư* và *Tử Thư*. Vì đa số các giáo sĩ chuyển hướng theo tà giáo, không chịu tu học, nghiên cứu nữa nên các sách vở của nền tôn giáo cổ, viết bằng ám tự, dần dần thất truyền, theo thời gian không còn ai có thể đọc được nữa.

Nguyên nhân thứ ba là khi các Pharaoh bị ảnh hưởng bởi tà giáo, sử dụng bùa chú, phép thuật để liên lạc với các sinh vật cõi âm. Họ được dạy rằng nếu biết ướp xác và thực hành một số nghi thức cúng lễ, họ sẽ sống mãi và trở nên bất tử ở cõi giới bên kia. Do đó, họ cho xây cất các lăng tẩm vĩ đại để lưu giữ xác thân mà không biết rằng xác thân của họ trở thành một nơi cho ảnh hưởng cõi âm phát tác. Tin tưởng rằng con người có thể trở nên bất tử nên việc xây cất lăng tẩm đã trở thành tham vọng chính yếu của các vua chúa Ai Cập. Theo thời gian, việc xây cất trở thành một kỹ nghệ chính với hàng chục ngàn thợ thuyền, nô lệ chuyên xây cất mồ mả, làm suy kiệt tiềm lực quốc gia. Để có tiền xây cất mồ mả hoành tráng, các Pharaoh xâm lăng các nước quanh vùng, chiếm đoạt tài nguyên, vàng bạc và nô lệ. Từ đó, Pharaoh nào cũng gây chiến, đánh dẹp các nước quanh đó, gây thù chuốc oán khắp nơi.

Trải qua nhiều triều đại vua chúa, trải qua bao thăng trầm biến đổi, nền văn minh Ai Cập dần dần suy tàn. Khi nhân lực suy kiệt vì các công trình xây cất, khi vua chúa chỉ mong được bất tử ở thế giới bên kia, khi quan lại tham nhũng đục khoét tài sản quốc gia, khi mọi người chỉ sống ích kỷ thì xã hội rối loạn, dân chúng lầm than, khổ cực, và Ai Cập trở thành miếng mồi ngon cho các nước quanh đó. Trải qua mấy ngàn năm, người dân Ai Cập phải sống dưới ách đô hộ của người Nubia, Assyria, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã, Ả Rập, Ottoman, và gần đây hơn là người Anh, người Pháp. Hậu quả của việc này là văn hóa Ai Cập hoàn toàn biến mất, ngay cả chữ viết bình dân cũng bị thất truyền hướng chỉ là chữ tượng hình. Do đó, không ai còn biết đến văn hóa, lịch sử hay các dòng chữ ghi khắc trong cổ mộ, hoặc trên thạch trụ trong các đền thờ nữa. Giờ đây, phần lớn người dân Ai Cập không mấy ai biết được nguồn gốc cao đẹp, nền văn hóa huy hoàng hay lịch sử oai hùng của mình nữa, mà họ chỉ đồng hóa mình với nền văn hóa của xứ Ả Rập.

Tôi im lặng nghe, nhưng trong lòng trào dâng một nỗi buồn khôn tả. Những lời giáo sư Baader nói rất trùng hợp với trải nghiệm về tiền kiếp tại Ai Cập của tôi.

Giáo sư Baader nói tiếp:

- Vào năm 1801, Hoàng đế Napoleon đem binh chinh phục Ai Cập. Một nhóm binh sĩ xây cất pháo đài dọc bờ sông Nile đã tìm được một bia đá có khắc ba loại chữ: chữ tượng hình (ám tự), chữ bình dân và chữ Hy Lạp. Đó là sắc lệnh từ các tu sĩ Memphis đề cao công đức của Pharaoh Ptolemy đời thứ năm. Vì nó được khắc bằng ba loại chữ khác nhau cho nên các học giả người Âu liền đối chiếu theo đó mà truy dần ra bộ chữ tượng hình Ai Cập. Jean Champollion, học giả kiêm sử gia nổi tiếng của Pháp, đã được Hoàng đế Napoleon chỉ thị phải nghiên cứu bộ chữ này để tìm hiểu những gì được ghi khắc trên các thạch trụ. Nhờ thế ông đã soạn lại toàn bộ chữ tượng hình đã bị thất truyền từ mấy ngàn năm nay. Công trình này đã vén mở tấm màn huyền bí vẫn bao trùm lên nền văn minh Ai Cập từ hàng ngàn năm qua.

Champollion tiếp tục công việc phiên dịch các tài liệu cổ của Ai Cập, nhất là bộ sách của thánh sư Thoth còn được ghi trên các bia đá và thạch trụ. Là người thận trọng, ông đã lưu ý những học giả đời sau rằng chữ tượng hình là một ngành khoa học thiêng liêng, người ta chỉ có thể hiểu được một phần nào ý nghĩa thông thường, dựa theo sự suy đoán về bộ chữ cái mà thôi. Muốn quán triệt sâu xa những diệu nghĩa huyền bí, người ta phải có kiến thức về tâm linh, một thứ kiến thức siêu việt cao hơn bình diện tri thức thông thường. Do đó, ông kết luận rằng người ta chỉ nên coi những bản dịch ám tự như là một sự suy đoán, chữ đâu nghĩa đó chứ không thể xác định ý nghĩa thật sự của nó được.

Tôi tiếp tục hỏi:

- Tôi vô cùng thán phục công trình nghiên cứu của ông về Ai Cập với những chứng tích lịch sử. Ngoài ra, ông còn biết gì thêm về nền văn minh này nữa không?

Giáo sư Baader nhiệt tình chia sẻ thêm:

- Từ ngàn xưa, Ai Cập vẫn được coi là trung tâm văn hóa lớn nhất ở miền cận Đông và là nơi tụ họp của rất nhiều thánh nhân, hiền triết. Sử gia Ennemoser đã ghi nhận các hiền triết Hy Lạp như Thales, Herodotus, Orphee, Parmenides, Enedoples và Pythagoras đều từng qua Ai Cập học hỏi. Họ học hỏi với ai và ở đâu thì không thấy nói. Có thể họ vào đền thờ để thụ giáo với các

giáo sĩ như sử gia Herodotus đã viết trong cuốn sách của ông. Nhưng cũng có thể họ tìm đến các ốc đảo hoang vu để học hỏi với các bậc đạo gia uyên bác – như Pythagoras đã nói với các học trò về thời gian ông sống ở sa mạc Ai Cập. Những đạo gia này là ai? Không ai biết và không sách vở nào ghi chép rõ, nhưng nếu là bậc thầy của các hiền triết như Pythagoras, Thales hay Orphee thì chắc hẳn họ phải là bậc đại tôn sư, đại hiền triết. Câu hỏi là tại sao lại không thấy tài liệu nào ghi nhận. Phải chăng những bậc vĩ nhân này khiêm tốn, không màng danh lợi trần thế nên đã không chịu tiết lộ danh tánh của mình?

Tôi thắc mắc:

- Tại sao những người ẩn tu ngoài sa mạc ấy không để lại dấu tích gì?

Giáo sư Baader trả lời:

- Theo nghiên cứu của tôi thì từ xưa đã có những bất đồng ý kiến giữa các giáo sĩ về phương pháp tu luyện. Truyền thống tâm linh nào cũng chia làm hai phần: *công truyền* và *bí truyền*. Đối với các đạo gia hay giáo sĩ tu tập theo phương pháp bí truyền thì tự biết mình là điều chính yếu. Một khi đã ý thức về mình, về nguồn gốc thiêng liêng của mình, thì mọi sự sẽ tự nhiên được giải đáp. Do đó, trước khi tìm cách giải thích các hiện tượng ngoại giới, các quy luật vũ trụ, trước khi thu nhận học trò hay giảng dạy điều gì, họ quay vào bên trong để tìm hiểu chính mình qua các phương pháp tu tập nội quán. Do đó, đa số tìm đến những nơi thâm sâu, hoang vắng để tu tập chứ không mấy ai sống trong các đền thờ ồn ào, phức tạp.

Với các giáo sĩ tu tập theo giáo lý công truyền thì các kiến thức về quy luật tự nhiên là công cụ tốt để sử dụng cho mục đích cá nhân nào đó. Thay vì quay vào bên trong, họ lại hướng ra bên ngoài để nghiên cứu và biến các kiến thức này thành một thứ khoa học, sử dụng các năng lực trong tự nhiên, từ đó họ có các quyền năng thần thông. Tuy nhiên, vì thiếu hiểu biết về bản thân, nên họ để cho các động lực như tham lam, sân hận, kiêu căng lung lạc, dần dần đi vào con đường sử dụng tà thuật. Nhờ có kiến thức về các động lực tiềm ẩn trong tự nhiên, có thể kêu gọi và sai khiến những sinh vật cõi âm, họ tự coi mình là đáng cao

cả, đại diện cho thần linh nào đó. Thay vì hướng dẫn mọi người thì họ chỉ giảng dạy những gì có lợi cho họ hay phe phái của họ. Thay vì giúp con người học hỏi để tiến bộ thì họ lại vận dụng kiến thức vào những điều mang tính ích kỷ, tham lam, đánh lạc hướng mọi người với những lời hứa hẹn hồng bảo vệ quyền lợi của cá nhân. Thay vì giúp con người thoát ra khỏi các ước lệ, ràng buộc của các thành kiến hẹp hòi qua việc tự biết mình, thì họ lại biến các quy luật tự nhiên thành một thứ luật pháp khắt khe đầy những áp chế, đe dọa. Dưới sự hướng dẫn của họ, đấng Thái Dương Ra không còn là đấng sáng tạo ban ánh sáng để xua tan màn đêm u tối nữa mà đã hóa thành một hung thần, dễ nổi giận, sẵn sàng trừng phạt những ai làm trái ý Ngài. Đó là lý do mà nền văn minh tôn giáo cổ dần dần bị thất truyền.

Các giáo sĩ chân chính không chịu được hình thức áp chế tư tưởng bèn rút vào sa mạc hoang vu để ẩn tu, không màng đến thế sự. Trong khi đó, giáo sĩ tà giáo, những thầy phù thủy, những kẻ sử dụng bùa chú trở nên mỗi ngày một nhiều. Họ cấu kết với các Pharaoh tham lam, hung ác để sinh ra các hình thức tín ngưỡng mới tôn thờ vô số thần linh mà họ đã tạo ra, do đó tôn giáo Ai Cập trở thành một thứ tôn giáo đa thần.

Tôi hỏi thêm:

- Ông đã dựa vào đâu mà kết luận như thế?

Giáo sư Baader trả lời, giọng điềm tĩnh:

- Tôi dựa vào các tài liệu tìm được trong mộ của Pharaoh Ramses II, trong đó có sắc lệnh ghi rằng ông vua này đã ra lệnh thiêu hủy tất cả các bộ sách viết về các quy luật tự nhiên của đạo gia Denarath và tất cả những gì đề cập đến nền tôn giáo thời cổ. Sau khi Moses giải phóng dân Do Thái, Pharaoh Ramses đã cho đốt tất cả các sách vở huyền môn và giết những giáo sĩ tu học theo nền tôn giáo cổ. Đây là bằng chứng rõ rệt cho thấy sự tranh chấp giữa hai quan niệm bí truyền và công truyền.

Giáo sư Baader dừng lại một lúc, rồi nói tiếp:

- Theo nghiên cứu của tôi về các tài liệu cổ, sử dĩ Do Thái giáo có được một số tinh hoa là nhờ công trình của Thái hậu Batria, mẹ nuôi của nhà tiên tri Moses. Thái hậu Batria là đạo đồ huyền môn

đã được truyền dạy các tinh hoa của nền tôn giáo cổ. Chính nhờ sự giáo dục của bà mà dân Do Thái mới có được một nhà tiên tri, một giáo chủ xuất sắc như Moses. Thánh Kinh ghi rõ: “Khi còn trẻ, Moses được huấn luyện theo truyền thống minh triết thâm sâu của Ai Cập”. Câu này ngụ ý rằng tinh hoa của nền tôn giáo thời cổ đã được trao cho Moses. Một đoạn trong Thánh Kinh đã ghi: “Khi thụ giáo nền minh triết này, Moses phủ kín mặt bằng một tấm vải che”. Một số nhà khảo cổ và giáo sĩ ngày nay cho rằng ông đã che mặt khi học hỏi các giáo lý này. Nhưng câu này không có ý nghĩa gì hết vì trong Thánh Kinh đâu nói gì đến việc đi học phải che mặt đâu. Theo tôi thì câu này ngụ ý rằng một tấm màn bí mật đã phủ lên những điều Moses được chỉ dạy vì chỉ những tinh hoa mật truyền mới cần phải che giấu. Điều này có nghĩa là Moses được học những giáo lý mật truyền.

Lịch sử Do Thái ghi nhận rằng Moses đã thụ huấn huyền môn tại Heliopolis, một thành phố cách thủ đô Cairo ngày nay khoảng vài chục dặm về phía Bắc. Đó là một đô thị xây quanh đền thờ Thái Dương rất lớn, chính giữa thành phố này có một thạch trụ rất cao ghi khắc ám tự mà ngày nay người ta vẫn chưa hiểu được ý nghĩa. Trong kinh sách của Do Thái giáo, Moses thường đề cập đến thạch trụ này như là một nơi quan trọng mà ông thường đi vòng quanh để suy ngẫm về ý nghĩa của nó. Các bậc hiền triết Hy Lạp sau này như Plato, Thales và Herodotus cũng nhắc đến thạch trụ này trong tài liệu của họ. Phải chăng thạch trụ có một ý nghĩa đặc biệt nào đó mà các bậc hiền triết đều nhắc đến? Người xưa dựng thạch trụ giữa phố để làm gì? Đây là một bí mật chưa ai có thể giải thích. Ngoài cây thạch trụ khổng lồ này, còn có bảy thạch trụ nhỏ hơn dựng quanh đó.

Lịch sử ghi nhận rằng sau khi chinh phục Ai Cập, đích thân Hoàng đế Napoleon đã đến tận nơi để xem thạch trụ này. Ông thường đứng trước những cây thạch trụ rất lâu như để suy nghĩ về một điều gì đó. Sau cùng, ông hạ lệnh tháo gỡ một thạch trụ nhỏ mang về dựng giữa thủ đô Paris. Nhiều người cho rằng Napoleon coi đó như một chiến lợi phẩm của cuộc chinh phục Ai Cập. Song, tôi không nghĩ như thế mà đoán rằng có lẽ Hoàng đế Napoleon đã biết được một phần nào bí mật của những cây thạch trụ nên mới mang nó về đặt tại Paris. Mặc dù nó đứng giữa thủ đô Paris từ bấy

lâu nay nhưng các nhà khảo cổ, các nhà ngôn ngữ học cũng chưa biết những chữ trên cây thạch trụ này có ý nghĩa gì.

Khi chiếm Ai Cập, người Anh cũng tháo gỡ một cây thạch trụ mang về thủ đô Luân Đôn dựng cạnh bờ sông Thames. Cả hai thạch trụ này đều có khắc những ám tự nhưng cho đến nay không ai hiểu nó ám chỉ điều gì. Hiện nay, các nhà khảo cổ vẫn còn bàn cãi về nguồn gốc và mục đích tồn tại của những thạch trụ này, nhưng chưa thể đi đến một kết luận nào cả. Cũng như cho đến nay chưa ai biết các kim tự tháp được xây với mục đích gì.

Tôi hỏi thêm:

- Vậy theo ông thì những dòng chữ này có ý nghĩa gì?

Giáo sư Baader mỉm cười, đáp:

- Theo ý kiến của tôi, những ám tự này là chìa khóa huyền môn mà chỉ những bậc đạo đồ tu tập cao siêu, đã mở được đạo nhãn, mới có thể hiểu được. Nếu cứ dịch sát nghĩa từng câu, từng chữ rồi phỏng đoán sai lạc, trở thành những câu nói ngây ngô thì thật vô ích. Những ý nghĩa tượng trưng, bóng bẩy, những lời tiên tri không phải là điều giản đơn mà một người bình thường có thể hiểu được. Do đó, cần phải có thêm những công trình nghiên cứu đi xa và đi sâu hơn nữa.

Tôi gật đầu đồng ý vì trong thâm tâm tôi cũng biết rằng còn có những nền văn minh cổ xưa hơn nữa, nhưng đây là những điều không thể nói ra. Tôi hỏi tiếp:

- Vậy ông định tiếp tục nghiên cứu như thế nào?

Giáo sư Baader chia sẻ:

- Mặc dù một số kiến thức về khoa học ngày nay đều ít nhiều phát xuất từ người Do Thái thời xưa, nhưng mấy ai đặt câu hỏi rằng người Do Thái đã học được những điều ấy từ đâu? Nếu người Do Thái học từ Ai Cập thì người Ai Cập đã học những điều này ở đâu? Cho đến nay hầu hết các tài liệu nghiên cứu về các nền văn minh cổ đều dừng lại tại Ai Cập hay Lưỡng Hà vì đó là những nền văn minh được xem là cổ xưa nhất. Tuy nhiên, nếu loại bỏ các thành kiến hẹp hòi thì gần đây chúng tôi đã tìm được nhiều tài liệu cổ xưa hơn tại Ấn Độ, Tây Tạng và Trung Hoa. Do đó, tôi

nghĩ rằng đã đến lúc những nhà nghiên cứu, những nhà khảo cổ phải tìm đến những nền văn minh này để học hỏi thêm.

- Thế ông cho rằng nền văn minh Ấn Độ, Trung Hoa còn xưa hơn cả Ai Cập sao?
- Nếu chỉ căn cứ vào những di tích đào bới được tại nơi đó thì nền văn minh phương Đông như Ấn Độ và Trung Hoa chỉ bắt đầu khoảng bốn ngàn năm trước Công nguyên với những giai thoại mơ hồ mà ngày nay chúng ta gọi là huyền thoại. Do đó, các nhà khảo cổ xếp nền văn minh Trung Hoa thật sự bắt đầu vào khoảng ba ngàn năm trước Công nguyên, nghĩa là sau nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. Tuy nhiên, vì thiếu các công trình nghiên cứu nghiêm túc, biết đâu vùng đất chung quanh Ấn Độ, Trung Hoa hay Tây Tạng còn ẩn giấu những di tích văn minh nào đó mà chưa mấy ai biết đến.

Vào năm 1924, các nhà khảo cổ đã tìm được một thành phố cổ ở phía Đông Bắc xứ Ấn Độ (*Mohenjo Daro*) với hàng trăm ngôi nhà được xây bằng đất rất chắc chắn. Một số nhà còn được xây hai tầng. Mỗi nhà đều có phòng ngủ, phòng bếp, nhà tắm và nhà vệ sinh riêng với hệ thống dẫn nước từ sông vào nhà và các ống cống thoát nước đi nơi khác. Những căn nhà này đều được thiết trí theo đồ án hần hoi, cứ vài chục nhà lại có một quảng trường, mà các nhà khảo cổ cho rằng đó là nơi họp chợ hoặc là nơi hội họp công cộng. Các phương pháp định niên đại xác nhận rằng nền văn minh này đã xuất hiện khoảng từ mười ngàn cho đến mười lăm ngàn năm trước Công nguyên, nghĩa là tồn tại trước cả nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà nữa. Không ai biết gì về nền văn minh này cũng như những người sống tại đó, và nghiên cứu này vẫn đang tiếp diễn. Nếu ta nhìn vào con số thời gian thì lúc này hầu như tất cả mọi người tại châu Âu vẫn còn sống trong thời kỳ đồ đá, chưa biết xây cất nhà cửa, chỉ biết hái lượm hay săn bắn mà thôi. Chúng ta phải kết luận thế nào đây? Phải chăng từ ngàn xưa đã có những nền văn minh tồn tại ở nhiều nơi trên thế giới mà vì lý do nào đó đã biến mất một cách bí ẩn?

Giáo sư Baader khôi hài nói:

- Nếu vì lý do gì đó mà hầu hết con người ở thời đại văn minh này biến mất trên bề mặt địa cầu, vài trăm năm nữa người ta đào bới

được các khí cụ thô sơ của các bộ lạc bán khai tại châu Phi thì họ sẽ nghĩ thế nào? Phải chăng sẽ có người kết luận rằng con người thuộc thế kỷ hai mươi này chỉ biết sống man rợ, ăn lông ở lỗ mà thôi?

Trước những bằng chứng mới mẻ vừa được khám phá, chúng ta cần đặt câu hỏi rằng phải chăng từ ngàn xưa, nhiều nơi trên bề mặt địa cầu, nhất là ở phương Đông, đã có những nền văn minh phát triển rất cao so với phương Tây. Phải chăng khi người phương Tây còn sống man rợ trong núi non, rừng thẳm thì người phương Đông đã biết sống hợp quần, xây cất được những đô thị, phát triển về nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ và đặc biệt có một đời sống tinh thần rất cao? Phải chăng khi người phương Tây còn bận rộn với việc tìm kế sinh nhai thì người phương Đông đã biết suy nghĩ về những điều thâm sâu, rộng lớn hơn và đã có những lời giải đáp cho thắc mắc của họ?

Thí dụ như Ấn Độ là một quốc gia đặc biệt với những truyền thống tôn giáo lạ lùng, phức tạp, khó diễn tả. Gần đây, các nhà khảo cổ đã tìm được nhiều tài liệu cổ viết từ bảy ngàn năm trước Công nguyên mà những nhà cổ ngữ học thông thái nhất vẫn chưa truy cứu ra lai lịch của nó. Chưa ai hiểu những chữ loằng ngoằng kỳ lạ này muốn nói lên điều gì. Nó còn cổ xưa hơn chữ Phạn nữa, do đó nó phải xuất phát từ một nền văn minh xa xưa nào đó mà chưa ai biết. Nếu các đạo sĩ Ai Cập hay Do Thái đã cẩn thận gìn giữ các giáo lý bí truyền của họ thì người Ấn còn gìn giữ cẩn mật hơn nữa. Thay vì truyền bá cho một thiểu số đạo đồ chọn lọc như tại Ai Cập hay Do Thái, thì khoa huyền môn Ấn Độ chỉ được truyền bá trong trường hợp đặc biệt, vì ích lợi chung.

Từ ngàn xưa, người Ấn Độ đã sở hữu một kho tàng kiến thức khoa học bao quát rất nhiều lĩnh vực, từ thiên văn đến địa lý, từ toán học đến siêu hình học. Yoga mà người ta biết đến hiện nay chỉ là một chương nhỏ nằm trong bộ sách rất dày ghi chép những kiến thức của người xưa mà nay đã thất truyền.

Các tài liệu cổ ghi nhận rằng Ấn Độ đã từng có một thời đại hoàng kim, một thời đại mà con người biết sống thuận theo các quy luật tự nhiên. Sau đó, xứ này đi vào giai đoạn suy vong do không biết kiềm chế các dục vọng, nhất là tình dục nam nữ và đi đến sự

loạn luân. Để giải quyết tình trạng rối loạn xã hội này, các bậc đạo trưởng đã họp và quyết định cho giảng dạy một phần nhỏ trong quyển sách ghi nhận kiến thức thời cổ. Đó là chương Yuj mà ngày nay gọi là Yoga. Đây chỉ là phần chỉ dạy phương pháp tu luyện thể xác và tinh thần để phối hợp thân với tâm, phát triển khả năng trí tuệ của con người. Nếu điều này là thật thì bộ sách kia, cái kho tàng văn hóa thiêng liêng của Ấn Độ thời xưa, phải là sản phẩm của một nền văn hóa cao siêu vô cùng. Dĩ nhiên hiện nay không còn ai thấu suốt điều gì về nền văn minh đó nữa.

Giáo sư Baader giải thích:

- Ông cũng biết dân tộc nào cũng đều có những huyền thoại về nguồn gốc của họ, mô tả địa thế, núi non, sông ngòi và tổ tiên của họ đã xây dựng nền văn hóa của họ ra sao. Nhiều người cho rằng đó chỉ là truyền thuyết được người sau phóng đại lên nên không có giá trị về mặt sử liệu, nhưng biết đâu nó cũng ẩn giấu điều gì đó mà chúng ta chưa biết đến. Theo tôi thì các huyền thoại không chỉ là sự tưởng tượng đâu, mặc dù chi tiết không chính xác, nhưng nó luôn luôn chứa đựng những ẩn nghĩa mà người đời sau phải xem xét để hiểu rõ công trình của tiền nhân. Một quốc gia không thể đứng vững lâu dài trong lịch sử nếu không có những vị anh hùng chiến đấu để bảo vệ đất nước của họ. Một quốc gia không thể tồn tại nếu không có một nền văn hóa xuất sắc riêng biệt, khác với văn hóa của các quốc gia quanh đó. Nếu không, họ sẽ bị đồng hóa. Nếu chỉ dựa trên lý luận khoa học rồi bác bỏ những huyền thoại thì thật đáng tiếc.

Tôi thắc mắc:

- Tại sao ông lại chú trọng đến những huyền thoại như thế?

Giáo sư Baader tiếp tục chia sẻ:

- Như ông cũng biết, thiên anh hùng ca *Iliad* của Homer là một huyền thoại nói về trận chiến giữa lãnh chúa Agamemnon và thành Troy để cướp lại một tuyệt sắc giai nhân tên là Helen. Cuộc chiến thành Troy đề cao những vị anh hùng như Hector, Achilles, Ulysses... cũng như sự can thiệp của các thần linh Hy Lạp vào đời sống con người. Từ bao năm nay, mọi người đều coi đó là sự tưởng tượng phong phú của thi sĩ Homer. Ngày nay, người ta đã tìm được di tích thành Troy và rất nhiều tài liệu liên quan đến trận

chiến này. Do đó, mọi người công nhận rằng “huyền thoại” này là một sự kiện lịch sử, với chi tiết và nhân vật có thật, mà Homer chỉ thêm thắt vài chi tiết vào bản trường ca bất hủ này thôi.

Như ông biết, từ xưa, Hy Lạp đã có một nền văn minh phát triển rất cao. Các triết gia, sử gia và học giả xứ này đã truyền dạy các môn khoa học, triết học, toán học và chiêm tinh học mà ảnh hưởng của nó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Chính nền văn minh Hy Lạp đã đặt nền móng cho nền văn minh châu Âu hiện tại. Lịch sử Hy Lạp đầy những huyền thoại và các bài thơ đề cao các anh hùng lập quốc, các chiến sĩ can trường sẵn sàng hy sinh để bảo vệ quê hương của họ. Không một nền văn hóa nào lại có nhiều anh hùng đến thế. Một nhà sử học đã lập danh sách những anh hùng Hy Lạp thời cổ, dù đó là nhân vật có thật hay huyền thoại, và đưa ra con số hơn năm ngàn người. Tại sao lại nhiều đến thế?

Nếu xem xét bối cảnh lịch sử lúc đó, ông có thể thấy Ba Tư là một cường quốc đang bành trướng rất mạnh, họ xâm lăng và chiếm gần hết các quốc gia quanh vùng, rồi đồng hóa các giống dân khác như Metani, Hittite, Assyria, Ai Cập, và đe dọa cả Hy Lạp. Ba Tư đã kiểm soát các vùng biển chung quanh Hy Lạp, chiếm các đảo như Crete, Eubeas, Rhodes, Sacconi và Santorini để kiểm soát và làm chủ các hải lộ giao thương quan trọng. Người Ba Tư cho rằng Địa Trung Hải thuộc về lãnh thổ của họ và họ có ý đồ làm chủ tất cả hải lộ tại đây.

Đã có nhiều trận chiến xảy ra giữa hai quốc gia này. Ba Tư đã nhiều lần mang quân xâm lăng Hy Lạp, nhưng nhờ tinh thần anh dũng của người dân xứ này mà Hy Lạp vẫn giữ được độc lập. Sau đó, dưới sự chỉ huy của Alexander Đại đế, người Hy Lạp không những đã chinh phục Ba Tư mà còn kiểm soát hơn một nửa thế giới.

Các nhà viết sử chỉ biết ca tụng chiến thắng oai hùng của Hy Lạp mà không để ý đến một chi tiết vô cùng quan trọng. Dựa theo các tài liệu cổ thì lúc đó binh lực, vũ khí và chiến thuyền của Ba Tư tối tân hơn Hy Lạp rất nhiều. Trong các trận đánh trên bộ thì số binh lính của Ba Tư nhiều gấp ba lần Hy Lạp nhưng tại sao Ba Tư lại

thua thảm hại, hết trận này đến trận khác, và cuối cùng phải quy phục Hy Lạp? Ông có biết vì lý do gì không?

Tôi suy nghĩ, rồi lắc đầu:

- Tôi không rõ, phải chăng người Hy Lạp đã có những kế hoạch táo bạo hay chiến lược hiệu quả?

Giáo sư Baader bật cười:

- Không phải thế đâu. Cả hai nước đều có binh lực hùng mạnh và tướng lĩnh đại tài. Theo tài liệu sử học thì tinh thần yêu nước của người Hy Lạp lúc đó rất cao. Tại sao thế? Vì văn hóa của họ chú trọng vào tinh thần yêu nước nâng cao sĩ khí của toàn dân. Theo tài liệu thì lúc đó không một binh sĩ Hy Lạp nào mà không thuộc lòng các bài thơ của thi sĩ Homer đề cao các vị anh hùng. Theo tôi, chính những bài thơ, bài hát ca tụng tinh thần bất khuất, can trường của các vị anh hùng như Hercules, Achilles, Agamemnon, Hector, Ulysses... đã khơi dậy tinh thần chiến đấu anh dũng của người Hy Lạp, và đó chính là nguyên nhân quan trọng trong cuộc chiến bảo vệ đất nước. Không phải cứ có binh lính nhiều, vũ khí tốt mà có thể thắng trận, chính tinh thần anh dũng, can đảm, cương quyết, không sợ hãi mới là lý do chính đã đem lại chiến thắng cho quân lực Hy Lạp và đưa nước này lên địa vị hùng cường ít lâu sau khi Alexander Đại đế lên nắm quyền.

Tôi nhớ lại tất cả những trải nghiệm tiền kiếp của mình cùng những câu chuyện thú vị với ông Kris và giáo sư Baader, tôi đã nghiệm ra được một chân lý. Như vậy, qua nhiều nghiên cứu, thực nghiệm, trải nghiệm thực tế và lịch sử đã chứng minh điều mà trước giờ rất nhiều thế hệ con người, nhiều tôn giáo và nhiều bậc triết học thiên tài đã từng tranh cãi: "Không chỉ có kiếp người mới có luân hồi, tái sinh mà các đế chế, triều đại, các nền văn minh của nhân loại của hành tinh này cũng có những chu kỳ luân hồi - theo một quy luật không có gì là vĩnh hằng mãi mãi".

PHẦN BẢY

THÀNH - TRỤ HOẠI - DIỆT

VÒNG TRÒN VŨ TRỤ

Tôi đã thực hành phương pháp tĩnh tâm được hơn một tháng và cảm thấy thoải mái, dễ chịu, hơi thở dần dần nhẹ nhàng hơn trước. Tôi ngồi xuống sàn theo tư thế kiết già, lúc đầu cũng đau chân và mỗi lưng một chút nhưng tôi nhớ lời dặn của ông Kris, cứ tập trung tư tưởng để hít thở nhẹ, giữ đầu óc bình thản. Tôi biết cái đau là do thể xác chưa quen, nếu cứ xoay chuyển cho bớt đau thì tôi sẽ không làm chủ được thể xác nên tôi giữ vững tư thế, ngồi yên chịu đựng. Ít lâu sau, cảm giác đau nhức dần dần mất hẳn. Từ đó, tôi suy nghiệm được rằng cảm giác đau đón bắt nguồn từ trong tâm, và nếu giữ tâm tĩnh lặng thì cơn đau không thể ảnh hưởng được nữa.

Thấy tôi ngồi xếp bằng, Angie ngạc nhiên hỏi:

- Anh giờ cũng tập thiền nữa sao?

Không muốn giải thích nhiều nên tôi chỉ nói qua loa:

- Thì tập cho đầu óc thoải mái một chút, chứ gần đây công việc của anh căng thẳng quá.

Nghe thế, Angie nói:

- Nếu anh cần tĩnh dưỡng thì tại sao chúng ta không đi Colorado nghỉ ngơi ít hôm?

Tôi đồng ý nên cuối tuần đó, chúng tôi đã có mặt tại căn nhà nghỉ dưỡng. Sau khi nghỉ ngơi được vài ngày, tôi đến thăm ông Kris và kể cho ông ấy nghe về việc thực hành phương pháp tĩnh tâm mà ông đã từng khuyên tôi.

Ông Kris vui vẻ nói:

- Nếu có thể ngồi vững vàng và giữ được tâm tĩnh lặng thì ông đã vượt qua được giai đoạn khó khăn lúc đầu rồi. Bây giờ, ông cần tập trung loại bỏ những tư tưởng không cần thiết, không cho nó chạy loạn xạ nữa. Giai đoạn này sẽ cần nhiều thời gian hơn vì những thói quen suy nghĩ trong quá khứ sẽ khuấy động tâm của ông. Tuy ngồi yên nhưng đầu óc của ông sẽ nảy sinh không biết bao nhiêu tư tưởng, hết cái này đến cái khác. Do đó, ông phải biết quan sát nhưng không để cho chúng ảnh hưởng đến ông. Cứ để mặc cho chúng đến và đi một cách tự nhiên, ông sẽ thấy các tư tưởng nổi lên như thế nào, hoạt động ra sao, rồi mất đi hay chìm xuống. Ông phải thản nhiên, không can thiệp, giữ vững hơi thở thì theo thời gian sẽ có *định (samadhi)*. Định lực phát xuất từ lòng kiên nhẫn. Dù thể xác có đau, vẫn giữ vững tư thế. Dù đầu óc có sinh ra những tư tưởng này nọ, vẫn duy trì nhịp thở, không để chúng ảnh hưởng. Sau khi thực hành được một thời gian thì ông sẽ tiến bộ. Điều quan trọng vào lúc này là phải tiếp tục tuân thủ theo đúng thời khắc, không thay đổi. Đây là thói quen cần thiết phải giữ vì nếu chăm chỉ ngồi vài ngày rồi nghỉ vài ngày thì khó có thể tiến xa được.

Tôi cảm ơn ông Kris về lời chỉ dẫn đơn giản, dễ hiểu này. Đoạn, ông Kris giải thích thêm:

- Trong thời buổi hiện nay, có rất nhiều thứ làm xao lãng đầu óc con người nên rất khó thực hành theo những phương pháp như người xưa đã làm. Trong thế giới của công nghệ, tâm lý con người đã bị quá nhiều thứ ảnh hưởng và chi phối. Do đó, ta phải bắt đầu từ những bước căn bản, tập thành thói quen, để phát triển định lực thì mới có thể đối trị được tình trạng của thời đại hiện nay. Khi đã có định thì lúc đó mới có thể đi sâu được. Do đó, việc thực hành không được vội vàng, hấp tấp.

Tôi kể cho ông Kris nghe về nghiên cứu của giáo sư Baader. Ông Kris nói, về hứng thú:

- Hiện nhiên các nghiên cứu khảo cổ có thể phát hiện thêm nhiều dữ kiện về các nền văn minh cổ xưa và nguồn gốc của con người.

Thấy ông Kris có vẻ cũng am hiểu những chuyện này, tôi bèn hỏi thêm:

- Liệu chúng ta có thể biết được nguồn gốc của con người hay tương lai của nhân loại hay không?

Ông Kris bật cười:

- Câu hỏi “*Con người từ đâu đến và sẽ đi về đâu?*” là một câu hỏi đã có từ ngàn xưa. Đã có biết bao nhiêu lý thuyết được đặt ra để trả lời câu hỏi này nhưng không một lý thuyết nào giải đáp được nó một cách thỏa đáng. Mỗi thời đại đều cố gắng giải đáp nó theo quan niệm và nền tảng giá trị thịnh hành vào lúc đó. Hiển nhiên khi xã hội thay đổi, khoa học tiến bộ, nền tảng giá trị thay đổi, thì các quan niệm, lập luận cũng thay đổi theo. Tuy nhiên, hiện nay chưa có một lý thuyết nào có giá trị lâu dài, chịu được sự thử thách của thời gian.

Ông Kris giải thích thêm:

- Cách đây nhiều thế kỷ, mọi người tin rằng có một Đấng Hóa Công sinh ra vạn vật, bao gồm con người. Tuy nhiên, theo lý luận của thời đại khoa học thì loài người bắt nguồn từ những sinh vật đơn bào, dần dần biến đổi thành các sinh vật phức tạp hơn như loài cá, loài bò sát, loài có vú, rồi tiến hóa thành loài linh trưởng, cuối cùng trở thành loài người. Thuyết Tiến hóa của nhà sinh vật học Charles Darwin trở thành nền tảng của khoa học thực nghiệm, đánh đổ thuyết Hóa công trước đó. Nói cách khác, khoa học đã đưa ra một lý luận để dẹp bỏ đức tin về Đấng Hóa Công. Trong tương lai, biết đâu lại có một quan niệm khác đánh đổ thuyết Tiến hóa của Darwin. Tóm lại, tùy theo sự hiểu biết của con người trong từng thời đại mà quan niệm về nguồn gốc con người cũng theo đó mà đổi thay.
- Nếu thế thì người xưa quan niệm về nguồn gốc con người như thế nào?
- Từ ngàn xưa, các bậc hiền triết đã biết quan sát tự nhiên nên cách nhìn của họ không dựa trên những lý thuyết trừu tượng hay dữ kiện khoa học như ngày nay. Có một cuốn sách cổ của Do Thái là cuốn *Siphrat Dzeniouta*, được coi là cuốn sách lâu đời nhất, đã đề cập đến tài liệu kia với chú thích rằng “Trích dẫn trong sách cổ của tiền nhân”. Nếu thế thì tài liệu này phải được viết từ xưa lắm vì các học giả Do Thái, nổi tiếng là cẩn thận và tỉ mỉ, cũng không thể truy cứu ra lai lịch của nó. Tài liệu này gồm có những phương trình toán học thể hiện những sự thay đổi trong vũ trụ với những vòng

xoáy và công thức mà các nhà nghiên cứu ngày nay vẫn còn nhức óc tìm cách lý giải vì nó quá phức tạp.

Theo tài liệu này thì mọi sự trên thế giới đều thay đổi theo vòng xoáy chứ không phải theo đường thẳng từ thấp lên cao, như các nhà khoa học ngày nay chủ trương. Mỗi vòng là một chu kỳ bao gồm bốn giai đoạn là Thành, Trụ, Hoại, Diệt trước khi chuyển qua một chu kỳ khác. Quan niệm về chu kỳ thật ra đã được người Ấn Độ và Trung Hoa đề cập đến trong các sách vở của họ từ lâu rồi, nhưng họ không đi vào chi tiết và sử dụng phương trình toán học như tài liệu cổ xưa kia.

Theo tài liệu này thì mỗi chu kỳ đều có những nền văn minh xuất hiện, phát triển, suy tàn, rồi biến mất, nhường chỗ cho nền văn minh khác ở chu kỳ sau. Do đó, chúng ta có thể suy nghiệm rằng biết đâu từ xưa đã có những nền văn minh của những giống người có thể mang hình thể khác chúng ta, với sự hiểu biết khác chúng ta, đã có mặt trên trái đất này, và sau khi phát triển, đã suy tàn và biến mất khi chu kỳ của họ đi vào giai đoạn Hoại và Diệt.

Hiện nay, dĩ nhiên không ai tin khi trước đã có những giống người thời cổ, khác với chủng loại của chúng ta, hay những nền văn minh cổ với sự hiểu biết khác hẳn chúng ta. Càng ngày càng có nhiều khám phá về nguồn gốc của con người. Khi các nhà địa chất tìm thấy những khí cụ bằng đá thô sơ thì họ kết luận rằng nếu đi lùi xa hơn thời kỳ đồ đá, thì nhân loại lúc đó chỉ là những người man rợ, không khác gì loài thú. Do đó, khi Charles Darwin đưa ra giả thuyết con người bắt đầu từ một giống vượn rồi tiến hóa thành người, quan niệm này đã được các nhà khoa học thế kỷ mười chín và hai mươi chấp nhận ngay, rằng nền văn minh của chúng ta ngày nay là kết quả của sự tiến hóa từ thấp lên cao, từ man rợ đến văn minh, rằng ngày nay chúng ta đang ở trên tột đỉnh qua các khám phá và phát minh của khoa học thực nghiệm.

Tôi bật cười:

- Tuy thế nhưng nói rằng từ xưa đã có những giống người khác hẳn chúng ta trên quả đất này thì thật khó tin.

Ông Kris thông thả nói tiếp:

- Khi xưa, có một truyền thuyết phổ biến trong giới học giả Hy Lạp được triết gia Plato ghi nhận trong cuốn *Phaedrus* đó là: “Con người đã từng, và sẽ trở thành, những sinh vật có cánh, sống trong cảnh trời với các thần linh. Thật ra họ vốn là thần linh, vì để rơi mất cánh mà phải sống dưới trần làm người. Đến khi nào tìm lại được đôi cánh thì họ sẽ bay về quê hương của họ”.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Triết gia Plato đã viết như thế sao? Tôi chưa từng đọc cuốn *Phaedrus* , nhưng biết đâu đó chỉ là một ẩn dụ, đề cập đến một vấn đề gì đó?

Ông Kris gật đầu đồng ý:

- Dĩ nhiên, chưa có bằng chứng nào cho thấy con người khi xưa đã từng có cánh và bay lượn trong không gian. Cách đây không lâu, các nhà khảo cổ đã tìm thấy trong kim tự tháp ở Nam Mỹ một tài liệu cổ tên là *Popol Vuh* , trong đó ghi nhận nguồn gốc của nhân loại như sau:

“Khi xưa, con người không có hình thể rõ ràng như ngày nay mà chỉ là những thực thể thanh nhẹ, sống trong thế giới gần với các thần linh. Họ có khả năng lý luận sâu sắc và liên lạc với nhau bằng tư tưởng. Những thực thể này sở hữu một thứ nhãn quan gần như là vô hạn, có thể nhìn thấy tất cả mọi sự. Thế giới của họ toàn là những chủng loại vô hình, tốt cũng như xấu, cao cũng như thấp. Sống trong cảnh giới thanh cao, nhìn thấy được những thế giới khác nên một số người tò mò tìm đến thế giới này rồi bị ô trược. Khi thân thể của họ bị những yếu tố vật chất nặng trược bám vào, họ không thể quay trở về cõi giới thanh nhẹ được nữa mà bắt buộc phải ở lại đây. Để sống trong thế giới ô trược này, họ phải tạo ra những ‘bộ áo’ bằng vật chất để che chắn bảo vệ cho các giác quan tinh nhạy của họ. ‘Bộ áo’ vật chất này đã tạo cho họ một hình thể, giúp họ thích nghi với đời sống mới. Vì được cấu tạo bởi yếu tố vật chất nên nó cản trở các giác quan của họ, khiến các giác quan không còn tinh nhạy nữa. Dần dần, ‘bộ áo’ này trở thành một rào cản ngăn cách họ với thế giới thanh cao kia. Do không thể liên lạc với nhau bằng tư tưởng được nữa, nên họ phải tạo ra ngôn ngữ để biểu lộ ra tư tưởng của mình. Dĩ nhiên ngôn ngữ chỉ là một phương tiện giới hạn trung gian chứ nó không thể

diễn tả hết những hiểu biết thật sự. Theo thời gian, kiến thức của họ dần dần bị hạn chế bởi ngôn ngữ mà họ sử dụng. Khi tinh hoa của sự hiểu biết mất đi thì con người trở nên sa đọa, các tư tưởng thanh cao bị thay thế bởi các tư tưởng thấp hèn, các giác quan siêu việt của linh hồn bị thay thế bởi các giác quan thấp mọn của thể xác vật chất. Cuối cùng, con cháu của họ chỉ biết sống thụ động, không còn biết gì về nguồn gốc thiêng liêng hay khả năng siêu việt khi xưa nữa. Tuy nhiên, một số rất ít nhớ được đôi chút về nguồn gốc qua những câu chuyện truyền khẩu hoặc sở hữu một vài kiến thức đặc biệt nhờ biết kiểm soát thể xác, tu dưỡng tinh thần, nên họ có thể giao cảm với cõi thiêng liêng, do đó thấy được những biến cố trong tương lai. Họ là các nhà tiên tri, hay pháp sư thuở trước.”

- Nghe ông giải thích một cách chi tiết như thế, tôi nghĩ có lẽ ông cũng tin rằng mọi sự đều thay đổi theo quan niệm chu kỳ?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi, rồi điềm tĩnh trả lời:

- Nếu giải thích theo lý luận khoa học hiện nay, rằng con người bắt nguồn từ loài cấp thấp, tiến hóa thành người, đi từ thấp lên cao, theo một đường thẳng và cứ tiếp tục thay đổi mãi thì quan niệm chu kỳ này không thể chấp nhận được. Nhưng nếu giải thích theo quan niệm của người xưa với những vòng xoáy, mỗi vòng là một chu kỳ khác nhau, tiếp diễn không ngừng, qua bốn giai đoạn Thành - Trụ - Hoại - Diệt, thì điều này rất có lý và có thể chấp nhận được.

Tôi hỏi dồn:

- Nhưng nếu đã có những nền văn minh như thế thì tại sao tất cả lại biến mất nhanh chóng như vậy?

Ông Kris kiên nhẫn trả lời:

- Theo vật lý học, nếu ta ném một vật lên không trung thì sức ném lúc đầu phải mạnh, nhưng dần dần giảm bớt khi lên cao, rồi chuyển hướng rơi xuống với một lực ngược lại, lúc đầu chậm, sau gia tăng mạnh lên. Cũng như thế, giai đoạn Thành và Trụ mất rất nhiều công sức nhưng khi bước vào giai đoạn Hoại và Diệt thì thường diễn ra rất nhanh. Nền văn minh nào cũng mất

hiều thời gian xây dựng mới tạo được, nhưng khi suy hoại thì biến cố này diễn ra nhanh vô cùng.

Thí dụ như, con người đã trải qua biết bao nhiêu thế kỷ mới có được nền văn minh như hiện tại, nhưng nếu xảy ra một trận đại chiến, với vũ khí nguyên tử phá tan tất cả, mọi sinh vật đều chết hết thì sao? Nếu tất cả những gì thuộc nền văn minh hiện thời đều tiêu tan hết thì đến chu kỳ sau còn ai biết gì về thời đại này nữa?

Ông Kris nhìn tôi đầy hàm ý, rồi nói:

- Tương tự như thế, nếu có trận động đất lớn xảy ra khắp thế giới, chôn vùi tất cả lục địa xuống lòng đại dương, thì đâu còn di tích nào nữa. Chuyện này đã xảy ra đối với Atlantis, ông không nhớ sao?

Tôi hỏi thêm:

- Nếu thế vào chu kỳ sau, tất cả phải bắt đầu từ con số không hay sao?

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế, tất cả phải bắt đầu lại từ đầu vì mỗi chu kỳ đều có những bài học và giá trị riêng, chỉ hữu ích cho con người vào thời đại đó thôi. Như tôi đã nói, cuộc sống là một ngôi trường và con người phải học những bài học cần thiết. Có người học nhanh, có người học chậm, do đó họ phải trải qua nhiều kiếp sống trong chu kỳ đó để học những bài học cần thiết.

Tôi hiểu nhưng vẫn thắc mắc:

- Thế rút cục người ta phải học những gì?

Ông Kris thông thả giải thích:

- Nói một cách tổng quát thì có những bài học mà toàn thể nhân loại phải học để chuẩn bị cho chu kỳ tiếp theo. Nói một cách hẹp hơn thì mỗi cá nhân cũng có những bài học riêng mà họ cần học tùy theo tâm nguyện và hoàn cảnh của người đó. Thí dụ như trong kiếp sống của ông tại Atlantis, trước khi qua đời, ông đã hối hận về hành động của ông cũng như đã có tình thương đối với Kor. Do đó, qua sự sắp đặt của luật Nhân quả, ông sẽ gặp lại cô này để trả nợ cho hành động ông đã gây ra và tiếp tục học bài học này trong những kiếp sau vì đó là ý nguyện của ông. Tất cả mọi người khi từ trần đều có những tư tưởng riêng, như yêu thương, giận hờn, thù

hận, hay hối tiếc... và những điều này sẽ trở thành những yếu tố dẫn dắt họ vào kiếp sau.

- Vậy trong chu kỳ này, nhân loại đã học được gì hay chưa?
- Có nhiều thứ mà người ta cần phải học để thích ứng với những sự thay đổi trong mỗi chu kỳ. Nếu quan sát thì hiện nay có bao nhiêu là kiến thức từ những nền văn minh cổ, bao nhiêu là bài học lịch sử qua các thời đại, nhưng đã mấy ai tiếp thu được hết thấy những bài học ấy? Do đó, chúng ta cần phải khơi gợi lại một số bài học cần thiết. Nếu không, chúng ta sẽ phải học đi học lại những bài học này.
- Theo ông thì bài học nào cần phải được khơi gợi lại?
- Mỗi kiến thức, mỗi kinh nghiệm, đều mang đến ích lợi cho mọi người để thay đổi. Hiện nay chúng ta cần gạt bỏ thành kiến và sự tự cao tự đại của nền khoa học thực nghiệm để tìm về những môn học cổ xưa, những bài học lịch sử, vì hơn lúc nào hết, chúng ta cần phải khôi phục lại những giá trị này.

Ông Kris dừng lại suy nghĩ, rồi nói:

- Cách đây không lâu, thư viện Astor New York đã sưu tầm được một cuốn cổ thư Ai Cập có nhan đề *Phương pháp chữa bệnh nội thương của Thoth*. Đó là một bản sao được chép lại vào khoảng một ngàn năm trăm năm trước Công nguyên, viết trên loại giấy chỉ thảo tốt nhất, dài hơn hai mươi thước, rộng không quá ba mươi phân được cuộn lại trong một chiếc ống đồng chạm trổ tinh xảo. Nội dung cuốn sách chia làm một trăm mười chương, có đánh dấu cẩn thận, đề cập đến những phương pháp điều trị các bệnh nội thương, cũng như các dược chất và công thức pha chế thuốc men với nhiều vị thuốc mà ngày nay người ta vẫn chưa biết đến. Ngoài ra, nó đề cập rất rõ trách nhiệm và bổn phận của người y sĩ trường Khoa học của sự Sống tại Abydos, việc họ đã được huấn luyện như thế nào, có lời tuyên thệ cam kết làm việc ra sao. Đó là một bản giao ước mang tính thiêng liêng giữa những người được chọn vào trường Khoa học của sự Sống với mục đích và tôn chỉ của trường này. Nó liên kết người y sĩ mới tốt nghiệp với những thế hệ y sĩ trước đó, cũng như với Thoth, người khai sáng ra nền y học Ai Cập. Nó giúp các y sĩ thời cổ hành động theo đúng với lương tâm và chức nghiệp.

Ngày nay, các y sĩ cũng có lời tuyên thệ Hippocrates nhưng mấy ai tuân theo? Phần lớn họ chỉ coi đó là một nghi thức trong lễ tốt nghiệp chứ mấy ai coi trọng lời tuyên thệ này đâu. Khi hành nghề thì nhiều người đã để cho mục đích kiếm tiền ảnh hưởng đến việc làm của họ. Hiện nay, ông có thể thấy hầu hết hệ thống y khoa hiện đại đều huấn luyện y sĩ chữa bệnh chứ không chú trọng gì đến lương tâm hay chức nghiệp nữa. Hầu hết các bệnh viện hay y sĩ chỉ quan tâm đến việc chữa trị cho những người có thể trả tiền mà thôi, chứ ít ai coi y nghiệp là một thiên chức cao quý nữa. Do đó, chúng ta cần khôi phục lại truyền thống y học cao đẹp cổ xưa này.

Theo triết gia Iamblichus (245 – 325) thì khi xưa cuốn sách này vẫn được cất giữ cẩn thận trong đền thờ Khoa học của sự Sống tại Abydos. Khi Alexander Đại đế chinh phục Ai Cập, ông cho sưu tầm, sao chép các tài liệu, sách vở của nền văn minh Ai Cập mang về cất giữ trong thư viện tại thành phố mang tên ông là Alexandria để các học giả đời sau nghiên cứu. Đây là một thư viện khổng lồ được xây cất rất công phu với tường vách bằng đá bao bọc chung quanh, chính giữa có một khu vườn trồng nhiều cây cao bóng mát để cho các học giả thanh thoi nghiên cứu. Theo Iamblichus, lúc đó thư viện này chứa đựng hơn sáu vạn tài liệu, được đánh dấu cẩn thận theo số thứ tự.

Khi người La Mã xâm lăng Ai Cập, Hoàng đế Julius Caesar đã cho phá những bức tường lớn bao bọc chung quanh thư viện để lấy gạch đá xây cất đường sá, một số quân lính nhân cơ hội này lấy đi những đồ vật quý giá, do đó một số tài liệu cũng bị thất thoát. Khi người Ả Rập chiếm Ai Cập, việc đầu tiên họ làm là đốt tất cả những gì thuộc về văn hóa Ai Cập để đồng hóa xứ này vào nền văn minh của họ. Thư viện Alexandria đã bị vua Umar bin Al Khattab ra lệnh thiêu hủy, tất cả sách vở đều bị đốt để không còn người Ai Cập nào biết đến văn hóa của họ nữa. May thay, cuốn sách này được cất giữ trong một ống đồng nên không bị ngọn lửa thiêu hủy. Đầu thế kỷ hai mươi, một kiến trúc sư người Anh khi đào đất để xây cất hải cảng tại đây đã tìm được nó. Cuốn sách này ghi rõ xuất xứ của nó từ thư viện Alexandria. Ông này bèn tặng cho thư viện Astor để lưu trữ. Do đó, chúng ta mới biết rằng

ngày xưa nền văn minh Ai Cập, nhất là y học, đã tiến bộ và đào tạo y sĩ như thế nào.

- Nhưng việc tìm thấy lại tài liệu này đâu thể thay đổi được gì?
- Ngày nay, đa số mọi người đều sống vội vã, thụ động và để cho tiền bạc, của cải vật chất chi phối họ. Dĩ nhiên không ai có thời giờ xem những tài liệu cổ để biết người xưa đã làm việc như thế nào. Tuy nhiên, chỉ cần vài người có tâm huyết, đề xướng và hành động theo như thế thì mọi việc sẽ thay đổi. Hiện nay hầu hết mọi người làm việc, bất cứ nghề nghiệp gì, cũng thiếu đi một hai yếu tố quan trọng là lòng trắc ẩn và lương tâm chức nghiệp. Nền giáo dục hiện nay dạy con người làm việc để kiếm sống chứ không hề đề cao đạo đức và lương tâm chức nghiệp, do đó nó còn thiếu sót và cần được bổ túc thêm. Dĩ nhiên, mọi người đều phải làm việc để nuôi thân nhưng họ cũng cần làm việc với tình yêu thương và tinh thần trách nhiệm nữa. Đời người trôi qua rất nhanh, mong manh như bọt nước, sống nay chết mai, nhưng mấy ai ý thức được điều đó. Đời người lúc thịnh lúc suy, tiền tài sự nghiệp cũng lúc có lúc không, lúc giàu sang phú quý, lúc nghèo túng, khổ sở. Nếu sống mà không có mục đích rõ ràng trong đời, nếu không có lòng trắc ẩn hay lương tâm chức nghiệp ngay từ lúc bắt đầu làm việc, thì bất luận làm gì, hay đi hướng nào, ta rất dễ bị mê mờ, bị chi phối bởi lòng tham, rồi lạc mất mục đích, mất phương hướng, không còn nhận biết con đường mình phải đi, nên càng sống càng mờ mịt, phải hứng chịu những hậu quả của việc mình làm. Người xưa đã học được những bài học này nên để lại những tài liệu hữu ích. Nếu ta không biết khôi phục lại những giá trị đạo đức này thì khó mà tránh khỏi những hậu quả to lớn sẽ xảy đến trong tương lai.
- Theo ông thì hiện nay nhân loại cần thức tỉnh học hỏi điều gì để có thể thích ứng với chu kỳ hiện tại?
- Ông vừa dùng từ “chu kỳ”... phải chăng bây giờ ông cũng tin rằng mọi sự đều tuân theo luật Chu kỳ? Thật ra điều này rất rõ ràng, nhưng nhiều người không để ý đấy thôi. Ông hãy nhìn vào sự thay đổi của ngày và đêm. Ngày bắt đầu từ lúc rạng đông, rực rỡ vào buổi trưa, thoái hóa vào lúc hoàng hôn, và mất đi khi màn đêm xuống. Đời người cũng thế, bắt đầu từ khi sinh ra, lớn lên,

rồi già yếu và sau cùng là chết. Nếu nhìn rộng hơn nữa, sự phát triển của quốc gia cũng như thế. Khi được khai lập là Thành, khi phát triển lớn mạnh là Trự, rồi suy thoái là Hoại, và biến mất trên bản đồ là Diệt. Tuy nhiên, các giai đoạn này kéo dài lâu hay chóng còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa. Điều này chỉ có thể giải thích bằng luật Nhân quả.

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao lại là luật Nhân quả?

Ông Kris giải thích, giọng điềm đạm:

- Luật Nhân quả là một quy luật của vũ trụ. Một người hành động như thế nào sẽ tạo ra phản ứng ngược lại. Tất cả những gì ta làm sẽ quay lại chi phối chính mình, do đó mỗi người phải chịu trách nhiệm cho những việc mình làm. Đây được gọi là biệt nghiệp, hay nghiệp quả riêng của từng cá nhân. Do sự thu xếp màu nhiệm và phức tạp của nhân quả nên những người có nghiệp nhân giống nhau sẽ sống gần nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, và hưởng thụ hay chịu đựng cùng nhau. Đây được gọi là cộng nghiệp, hay nghiệp quả chung của số đông.

Cũng như thế, mỗi quốc gia đều có nghiệp quả riêng của nó. Những người được sinh ra hay sống trong cùng một quốc gia đều có mối liên hệ với nhau, hay cùng chung một cộng nghiệp. Cộng nghiệp của một quốc gia không chỉ riêng cho con người, mà cho mọi sinh vật sống trong đó. Nếu nhìn vào thế giới ngày nay, ông có thể hỏi tại sao có người được sinh ra ở quốc gia này chứ không phải ở quốc gia khác? Tại sao có người được sinh ra ở một quốc gia hùng cường, giàu mạnh, hưởng mọi sự sung sướng trong khi người khác được sinh ra ở những nơi nghèo đói, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai triền miên?

Tôi muốn hiểu sâu hơn về điều này, bèn nói:

- Xin ông hãy giải thích cụ thể hơn nghiệp quả quốc gia diễn ra như thế nào.

Ông Kris từ tốn trả lời:

- Vào thuở sơ khai, con người tụ tập thành bộ lạc. Nhờ người lãnh đạo hay tù trưởng tài giỏi thì bộ lạc mới đứng vững, không bị những bộ lạc khác tiêu diệt. Từ đơn vị như bộ lạc, sau thành làng

xã, và trở thành quốc gia, là một tiến trình trải qua rất nhiều khó khăn và thăng trầm, hoàn toàn do tài điều khiển của những người lãnh đạo. Một quốc gia được thành lập là do viễn kiến và sự mạng của những người công thần có công xây dựng nên quốc gia đó. Nếu nhìn vào lịch sử, khi mới thành lập, quốc gia nào cũng đều có những bậc anh hùng hào kiệt, được sinh ra ở đó để xây dựng một quốc gia độc lập, với văn hóa riêng biệt theo điều kiện địa lý đặc thù.

Giai đoạn Thành là một khoảng thời gian đặc biệt, với rất nhiều người tài đến để xây dựng quốc gia đó. Không có những người này, quốc gia không thể tồn tại. Những người này phải chiến đấu, khắc phục những khó khăn, từ thời tiết, khí hậu, địa thế, đến các loài thú dữ hay những quốc gia chung quanh, mới có thể thành lập được một quốc gia độc lập. Nếu xét kỹ, ông có thể thấy sự nghiệp dựng nước của những người này lớn lao như thế nào. Tiếc thay, ngày nay không mấy ai nhớ được những việc đã diễn ra trong quá khứ, người đời sau lại hay phóng đại, thêm thắt chi tiết vào, nên con cháu họ coi đây chỉ là những huyền thoại không có thật.

Sau giai đoạn Thành là giai đoạn Trụ. Lúc này cũng có rất nhiều nhân tài xuất hiện nhưng với nhiệm vụ là tổ chức, thành lập những cơ cấu kinh tế, văn hóa, điều kiện sống căn bản cho người dân để điều hành và phát triển quốc gia, đưa nó lên địa vị hùng cường. Nhưng đây cũng là giai đoạn quyết định số phận của quốc gia. Tùy theo người lãnh đạo điều hành quốc gia như thế nào, hành động ra sao mà giai đoạn Trụ sẽ kéo dài lâu hay chóng.

Nói cách khác, tùy theo hành động (nhân) mà người trong quốc gia đó làm sẽ tạo ra các động lực ngược lại, chi phối quốc gia đó (quả). Mọi người đều phải chịu trách nhiệm cũng như hậu quả cho việc làm của họ (cộng nghiệp). Nghiệp quả quốc gia rất phức tạp và khó giải thích vì có nhiều nguyên nhân, tốt cũng như xấu. Quốc gia nào cũng có đủ mọi loại người với các hành động khác nhau. Có người xây dựng, có người phá hoại, có người lành, có người dữ, do đó dù đã gieo nhân nhưng đôi khi quả không đến ngay mà tiềm ẩn một thời gian nên nhiều người không tin vào luật Nhân

quả nữa. Thật ra đời người thì ngắn, luật Nhân quả thì phức tạp, kéo dài rất lâu, nhiều đời, nhiều kiếp, chẳng chịt với nhau, không ai có thể biết khi nào nhân sẽ trở quả. Tuy nhiên, đã gây nhân thì chắc chắn sẽ gặt quả, vì luật Nhân quả không bao giờ sai.

Ông Kris ngừng lại như để tôi suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Vì ông đã sống tại Ai Cập nên tôi lấy nước này làm thí dụ. Sử gia Herodotus của Hy Lạp khi qua Ai Cập đã ghi nhận về tình trạng lúc đó như sau:

“Những chứng tích của nền văn minh huy hoàng khi xưa đã bị xóa bỏ hoàn toàn, chỉ còn những đền đài, lăng tẩm đổ nát, không người săn sóc. Tôi không tiếc cho những công trình kiến trúc bị bỏ hoang này, mà chỉ tiếc cho các công trình tâm huyết, các bí quyết kỹ thuật, tinh hoa tri thức của tiên nhân đã bị thất truyền, vì không ai học được những thứ này nữa. Dân Ai Cập sống làm than, khổ cực, chỉ làm những việc để sống qua ngày, không còn ai tha thiết hay nhắc nhở gì về thời đại huy hoàng khi xưa nữa. Ai Cập với những đồng ruộng màu mỡ nhờ phù sa sông Nile bồi đắp, cá tôm bơi lội từng đàn, với biết bao tài nguyên thiên nhiên mà nay người dân xứ này lại không đủ ăn. Tất cả mọi thứ đều đã bị thu góp mang về Nubia và Assyria.”

Lịch sử Hy Lạp viết rằng khi Herodotus đến đây, Ai Cập đã trải qua một thời gian rất lâu sống dưới ách đô hộ của Nubia, rồi Assyria, những quốc gia mà khi xưa các Pharaoh Ai Cập vẫn thường mang quân đi xâm lăng, chiếm đoạt tài nguyên, bắt nô lệ, và chém giết không gớm tay.

Tôi ngậm ngùi nghĩ đến hậu quả mà người dân Ai Cập đã phải trả trong thời gian gần hai ngàn năm sống dưới ách đô hộ của Nubia, Assyria, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã, Ả Rập, Anh và Pháp. Một nền văn minh huy hoàng như thế mà hoàn toàn bị tiêu diệt, chỉ còn lại những kim tự tháp và một số đền đài, lăng tẩm đổ nát như để nhắc nhở cho người dân về một quá khứ đã qua. Ngày nay, phần lớn người Ai Cập cũng không biết rõ về nền văn hóa huy hoàng của tổ tiên họ mà chỉ coi đó là những giai thoại mơ hồ và chấp nhận văn hóa Ả Rập như là nền văn hóa chính.

Ông Kris thông thả nói tiếp:

- Đối với những chính thể, các triều đại, ngay cả các công ty lớn cũng đều chịu ảnh hưởng của luật Chu kỳ. Tất cả đều trải qua giai đoạn thành lập, phát triển, suy thoái và tiêu vong. Nhìn vào lịch sử, ông có thể thấy những triều đại vua chúa trên thế giới, ngày xưa có triều đại kéo dài hàng trăm năm, có triều đại chỉ tồn tại vài chục năm, tùy theo sự lãnh đạo và hành động của người cầm quyền nước đó. Ngay cả các chính thể, hay các công ty lớn cũng thế. Có chính thể hay công ty tồn tại được vài chục năm. Có chính thể và công ty vừa thành lập ít lâu rồi suy sụp.

Ngày nay, với sự phát triển nhanh như vũ bão của công nghệ và khoa học, đời sống con người cũng thay đổi rất nhanh. Do đó, sự tồn tại của các chính thể hay công ty cũng sẽ đổi thay nhanh hơn trước. Nếu quan sát, ông có thể thấy các chính thể và công ty lớn thuộc thế kỷ mười chín đã tồn tại được hơn một trăm năm. Qua thế kỷ hai mươi, đa số chỉ tồn tại được khoảng tám mươi năm hay ít hơn. Nhưng qua thế kỷ hai mươi mốt, ông sẽ thấy ít chính thể hay công ty nào có thể tồn tại hơn năm mươi năm và sự tồn tại sẽ thay đổi theo thời gian, ngày một ngắn đi.

Ông Kris nhấn mạnh:

- Là thương gia về tài chính tại New York, chắc chắn ông biết rõ năm trăm công ty lớn nhất Hoa Kỳ của thế kỷ mười chín đều đã phá sản vào đầu thế kỷ hai mươi, chỉ riêng công ty General Electric là còn sống sót. Hẳn ông cũng thấy thời đại huy hoàng của năm trăm công ty lớn nhất trong thế kỷ hai mươi - như công ty xe hơi, điện lực, điện thoại - cũng đã qua rồi, hầu hết những công ty này nếu chưa phá sản cũng sắp khánh tận để nhường chỗ cho những công ty công nghệ mới thành lập gần đây như Apple, Google, Microsoft, Amazon v.v...

Tôi gật đầu đồng ý:

- Điều ông nói rất hay và rất đúng. Là một chuyên gia về tài chính tại thị trường New York, tôi biết rất rõ những công ty này. Hiện nay tất cả những công ty lớn nhất của thế kỷ mười chín đều không còn hiện hữu và hầu hết các công ty lớn nhất của thế kỷ hai mươi cũng đang ở trong tình trạng suy thoái và sắp phá sản. Theo ông, những công ty có tầm ảnh hưởng lớn hiện nay sẽ tồn tại được bao lâu?

Ông Kris mỉm cười:

- Mỗi công ty cũng có sứ mạng và nghiệp quả riêng, tùy theo tài điều khiển của người lãnh đạo và sự thay đổi thị trường, nhưng với chiều hướng thay đổi hiện nay, tôi không nghĩ một công ty nào có thể tồn tại quá bảy mươi năm. Nhân loại đang bước vào giai đoạn mà sự thay đổi sẽ diễn ra hết sức nhanh chóng và bất ngờ.

Tôi thắc mắc:

- Chúng ta vừa nói về công ty, còn các quốc gia hay chính thể thì sao? Liệu trong tương lai gần sẽ có sự thay đổi lớn nào không?

Ông Kris bật cười:

- Làm sao tôi có thể biết được? Tôi đâu phải là nhà tiên tri. Hiện nay chúng ta đang bước vào giai đoạn Hoại thì tôi nghĩ các quốc gia hay chính thể nào cũng sẽ suy tàn. Theo suy nghĩ của tôi thì khi xưa, trong giai đoạn Trụ, nhiều nước nhỏ hợp lại thành một nước lớn hay các khối lớn, thì trong tương lai sẽ có sự tan vỡ của những nước lớn hay các khối lớn thành những phần nhỏ. Vì theo chu kỳ, tất cả mọi sự, mọi vật khi đi đến giai đoạn Hoại thì sẽ tan vỡ. Lịch sử để lại bài học rất rõ về quan niệm Chu kỳ nhưng mấy ai chịu để ý? Qua trải nghiệm về tiền kiếp, ông có thể thấy rõ sự suy tàn và hoại diệt của Atlantis và Ai Cập như thế nào rồi. Trong tương lai, khi phục hồi khả năng hồi tưởng trở lại những tiền kiếp khác, ông sẽ biết rõ hơn nữa các giai đoạn lên xuống của từng chu kỳ quốc gia.

Tôi nghi hoặc, hỏi:

- Thế thì chỉ qua khả năng hồi tưởng, người ta mới biết được các giai đoạn đó hay sao?

Kris lắc đầu:

- Không hẳn thế. Nếu nhìn vào lịch sử gần đây, ông có thể thấy hậu quả phải hứng chịu của các quốc gia đang diễn ra khắp nơi trên thế giới. Thí dụ như vào thế kỷ mười lăm, mười sáu và mười bảy, Tây Ban Nha phát triển mạnh mẽ, làm bá chủ thế giới với bao nhiều thuộc địa chạy dài từ châu Mỹ, châu Phi đến châu Á. Họ đã đi khắp nơi để chinh phục, để chiếm đoạt tài nguyên, tàn sát biết bao nhiêu dân lành vô tội. Các chiến thuyền của họ đi đến đâu thì gieo rắc nỗi kinh hoàng và dịch bệnh đến đó. Hầu hết những

người da đỏ ở châu Mỹ, khoảng hai phần ba dân số, đều chết vì những dịch bệnh do người Tây Ban Nha mang vào. Nhờ thế nên Tây Ban Nha mới chinh phục được châu Mỹ một cách dễ dàng. Họ thẳng tay tiêu diệt các nền văn minh cổ, thay đổi phong tục tập quán, ngôn ngữ, tôn giáo và đặt một nền móng cai trị hết sức tàn bạo cho những thuộc địa của họ. Thế mà ngày nay nhiều sách lịch sử vẫn còn ca ngợi tinh thần khai phá, chinh phục và đồng hóa những dân tộc “man rợ, thiếu văn minh” này của Tây Ban Nha. Đã đến lúc chúng ta cần nhìn lại những gì người Tây Ban Nha đã làm trong những thế kỷ trước và tự hỏi nhân loại đã học được điều gì?

Vào thế kỷ mười tám và mười chín, Tây Ban Nha bị suy thoái vì sự tranh chấp trong triều đình giữa vua chúa và giới quý tộc. Sự tiêu pha hoang phí của triều đình cùng việc áp đặt thuế má lên dân chúng đã gây tổn hại cho nền kinh tế nước này. Nhân cơ hội, các thuộc địa nổi lên chống lại các đạo luật thuế quá cao, các nước Anh, Pháp xoay qua tấn công Tây Ban Nha để giành quyền lợi. Các chiến thuyền xâm lăng và khai phá thuộc địa của xứ này đã bị Hải quân Anh bắn tan nát khắp nơi. Người dân xứ này đã phải trả giá cho những cuộc chiến, trên biển cũng như trên đất liền, với số thương vong rất cao. Cuối cùng, Tây Ban Nha thua trận, phải đầu hàng, và chuyển giao hầu hết tài sản cướp bóc khi trước trong ngân khố cho nước Pháp để bồi thường chiến tranh, nhường lại hầu hết thuộc địa cho Anh và Pháp. Ngày nay, Tây Ban Nha chỉ là một nước yếu kém so với các nước châu Âu khác. Ông có thể đặt câu hỏi hiện nay nước này đang ở giai đoạn nào? Người dân xứ này đã và đang trả nghiệp quả như thế nào? Và tương lai quốc gia này sẽ ra sao?

Tương tự như thế, ông có thể quan sát lịch sử của các quốc gia khác như Anh, Pháp, Đức, Ý trong thế kỷ mười tám, mười chín và hai mươi. Nước nào cũng phát triển huy hoàng với tài nguyên chiếm đoạt được từ các thuộc địa về làm giàu cho nền kinh tế của họ. Dân chúng của họ hưởng thụ sự sung sướng qua chính sách xâm chiếm thuộc địa, bành trướng thế lực khắp thế giới, nhưng chuyện gì đã xảy ra trong hai trận Thế chiến vừa qua? Người dân của họ đã phải chịu đựng những gì? Hiện nay tình hình những quốc gia này ra sao? Họ đang ở trong giai đoạn nào?

của chu kỳ? Tương lai của những quốc gia này như thế nào? Người ta đã học được gì qua bài học lịch sử này?

Nếu quan sát một cách vô tư, không thành kiến, ông sẽ thấy mọi quốc gia và toàn thế giới đều chịu sự chi phối của luật Chu kỳ và luật Nhân quả. Thế giới là do nhiều quốc gia hợp thành. Mỗi quốc gia gồm nhiều gia đình tạo nên. Mỗi gia đình gồm có nhiều người tụ họp, vì thế mọi sự, mọi việc đều bắt đầu từ hành động của con người. Nếu mọi người đều ý thức, biết rõ bổn phận, trách nhiệm thì gia đình được hòa thuận, quốc gia được thịnh vượng, và thế giới cũng được an lành. Ngược lại, nếu mọi người không ý thức, chỉ lo sống ích kỷ, tham lam, tranh giành, chiếm đoạt thì gia đình sẽ xáo trộn, quốc gia sẽ suy vong, và thế giới sẽ trở nên loạn lạc. Tóm lại, chỉ cần nhìn vào những người dân sống trong quốc gia đó hành động ra sao, thì ta có thể biết được quốc gia đó đang ở trong giai đoạn nào.

Tôi hỏi tiếp:

- Vậy điều gì sẽ xảy ra khi quốc gia bước vào giai đoạn suy hoại?

Ông Kris trả lời, về mặt trầm ngâm:

- Quốc gia nào cũng trải qua các giai đoạn Thành, Trụ, Hoại, Diệt. Nếu đã thành lập ắt phải có lúc hư hoại, hủy diệt. Sau giai đoạn Trụ là thời kỳ Hoại. Lúc này cũng có rất nhiều người đến quốc gia này nhưng phần lớn đến với nhiệm vụ phá hoại những gì đã được thành lập trước đây. Tùy theo những nghiệp quả đã được sắp đặt, những người này, phần lớn là những nạn nhân bị áp bức, bóc lột khi trước, đến để trả thù, hay đòi nợ. Họ sẽ làm những việc hết sức tồi tệ, xấu xa, hay đưa ra những quyết định sai lầm, để đưa quốc gia này vào những lỗi lầm tai hại, không thể cứu vãn.

Sau giai đoạn Hoại là đến giai đoạn Diệt. Như ông đã biết, từ mấy ngàn năm trước, có nơi từng là quốc gia mà nay cả lục địa bị chìm sâu dưới biển, hoặc có nơi đang sống yên ổn bỗng bị động đất rồi cả quốc gia bị chôn vùi dưới lòng đất. Giai đoạn Hoại, Diệt diễn ra như thế. Ngay cả trái đất trước sau gì cũng đi đến giai đoạn suy hoại.

- Theo ông thì giai đoạn suy hoại diễn ra như thế nào?

- Theo sự hiểu biết của tôi thì vào những năm cuối cùng của một chu kỳ, trái đất sẽ trải qua nhiều biến cố lớn. Một số do con người gây ra như chiến tranh hay sự tàn phá thiên nhiên. Một số khác là do sự thay đổi trên bề mặt địa cầu như địa chấn, núi lửa phun trào, bão tố, lụt lội hoặc các biến động ghê gớm khác. Có thể sự thay đổi sẽ bắt nguồn từ đáy biển và tạo ra những cơn đại hồng thủy gây ngập lụt cả địa cầu, hoặc sự thay đổi bắt nguồn từ không gian khiến cho nhiệt độ trái đất biến chuyển thất thường, đất đai màu mỡ trở nên khô cằn, đồng ruộng biến thành sa mạc. Sẽ có những trận cháy rừng khủng khiếp hay những trận hạn hán thay đổi điều kiện địa dư biến những nơi trù phú thành vùng hoang vu không thể sinh sống.

Người Hy Lạp thời cổ gọi quan niệm chu kỳ là “heliakos” gồm có một đại chu kỳ và nhiều tiểu chu kỳ (nhiều tiểu chu kỳ hợp lại thành một đại chu kỳ). Tuy nhiên, các hiền triết Hy Lạp viết rằng đại chu kỳ của trái đất cũng chỉ là một tiểu chu kỳ của Thái Dương hệ. Nói rộng ra thì sự thay đổi trên địa cầu chỉ là một thay đổi nhỏ trong Thái Dương hệ, nhưng Thái Dương hệ mà chúng ta đang sống cũng chỉ là một phần của một hệ thống hành tinh trong vũ trụ mà thôi. Toàn bộ hệ thống hành tinh, hàng triệu hệ thống, xoay vần trong vũ trụ, với những chu kỳ, những giai đoạn, sinh rồi diệt, diệt rồi lại sinh, kéo dài vô tận. Phải chăng vì sở hữu một lượng kiến thức sâu xa về khoa chiêm tinh mà người xưa đã ý thức rõ rệt về sự thay đổi của mọi vật và có một nhân sinh quan rộng, thâm thúy hơn chúng ta ngày nay?

Các nhà tiên tri hay đạo trưởng trong các đền thờ cổ Hy Lạp đã viết rằng vào thời kỳ chuyển tiếp giữa hai chu kỳ, thế giới sẽ trải qua những thảm họa rất lớn. Các tai ương thiên nhiên sẽ gia tăng mỗi ngày một mạnh. Lúc đầu thiên tai sẽ xảy ra ở một vài nơi, nhưng về sau sẽ xảy ra ở khắp nơi. Chính những thiên tai này sẽ góp phần vào việc biến đổi khí hậu, thời tiết, điều kiện địa dư và ảnh hưởng đến kinh tế, thương mại, chi phối đời sống con người. Dù xã hội có văn minh đến đâu, dù con người có khôn ngoan đến mấy, hay có chuẩn bị kỹ càng đến thế nào, họ cũng không thể chống lại những thiên tai này được.

Không phải chỉ người Ai Cập hay Hy Lạp biết về quy luật Chu kỳ, mà từ ngàn xưa, người Ấn Độ và Trung Hoa cũng đã sở hữu những kiến thức hết sức uyên thâm về sự thay đổi trong vũ trụ. Theo sách vở về khoa chiêm tinh Vrishaspati của Ấn Độ thì các đại chu kỳ (*mahakalpa*) kéo dài khoảng 4.320.000 năm. Mỗi đại chu kỳ chia làm bốn tiểu chu kỳ (*yuga*): chu kỳ Satya Yuga dài 1.728.000 năm, chu kỳ Tretya Yuga dài khoảng 1.296.000 năm, chu kỳ Dwapara Yuga dài khoảng 864.000 năm và chu kỳ Kali Yuga kéo dài 432.000 năm.

Cách tính toán của người Ấn Độ hết sức phức tạp và chi tiết, dựa trên những niên lịch chiêm tinh cổ. Nếu so sánh với niên lịch hiện tại thì con số có thể khác biệt một chút, nhưng theo sách này thì hiện nay chúng ta đang ở trong chu kỳ Kali Yuga, nghĩa là giai đoạn đi xuống hay Hoại, Diệt của đại chu kỳ hiện tại, trước khi chuyển qua một đại chu kỳ khác.

Theo các hiền triết Ấn Độ thì sự biến chuyển trên địa hạt vật chất và tinh thần luôn luôn tương ứng với nhau. Sự tiến hóa về tâm linh của nhân loại tương ứng với sự thay đổi trên địa hạt vật chất. Nhìn vào lịch sử, chúng ta thấy có những thời đại mà các bậc vĩ nhân thay phiên nhau xuất hiện, hướng dẫn nhân loại làm điều tốt đẹp, ta thường gọi đó là thời đại hoàng kim. Cũng có những thời đại mà những kẻ tiểu nhân xuất hiện làm những chuyện xằng bậy, xúi giục con người đè nén, áp bức, giết hại lẫn nhau, ta thường gọi đó là thời đại hôn ám. Có thời đại con người sống thoải mái với thiên nhiên, thuận thảo với nhau, nhưng cũng có thời đại con người phá hoại thiên nhiên, chém giết lẫn nhau. Đã có những quốc gia hùng mạnh, đạt đến đỉnh vinh quang nhưng sau đó lại suy thoái. Đã có những nền văn minh rực rỡ, huy hoàng một thời gian, rồi suy tàn nhường chỗ cho nền văn minh khác xuất hiện. Sự kiện này tái diễn không biết bao nhiêu lần trong lịch sử, lên rồi lại xuống, thắng rồi lại thua, vinh rồi lại nhục.

Theo tài liệu cổ với những phương trình toán học thì cứ mỗi một chu kỳ, vòng quay lại nhích lên trên một chút so với lần trước vì chu kỳ là một vòng xoáy tròn ốc chứ không phải là vòng tròn. Điều này có nghĩa là nhờ sự học hỏi những bài học cần thiết để rút kinh nghiệm mà nhân loại tiến bộ hơn xưa. Do đó, họ sẽ đi từ

những chu kỳ thấp lên chu kỳ cao hơn để tiếp tục học hỏi chứ không phải quay trở lại khởi điểm. Mỗi chu kỳ đều có những bài học, những kiến thức mà mọi người đều phải học để có thể bước vào một chu kỳ sau với những bài học và kiến thức khác.

Tuy nhiên, trên bình diện thấp, người ta vẫn thấy có những sự kiện xảy ra trong quá khứ được lặp lại vì nhân loại chưa học được bài học đó. Bài học “lịch sử tái diễn” là một bi kịch lớn của con người. Vì không chịu học những bài học từ trước nên họ phạm đúng những lỗi lầm của tiền nhân. Tuy nhiên, không một bài học nào có thể dạy con người hiệu quả hơn là sự đau khổ. Khi sung sướng thì không mấy ai biết nghĩ, nhưng khi gặp hoàn cảnh khổ đau, họ mới nghĩ đến nguyên nhân tại sao. Khi mạnh khỏe, mấy ai quan tâm giữ gìn sức khỏe, chỉ khi mắc bệnh thì họ mới hiểu ra. Tất cả mọi sự, mọi việc, mọi hậu quả, đều do chính họ gây ra chứ không phải do ai khác. Họ có thể trách trời, trách đất, và trách tất cả mọi người nhưng trách móc không thể làm cho họ vui đi nỗi khổ. Chỉ có hiểu biết nguyên nhân thì họ mới học được rằng không có việc gì mà không để lại hậu quả. Do đó, trước khi hành động, con người phải biết nghĩ đến hậu quả của việc mình làm.

Tôi thắc mắc:

- Trong vòng Luân hồi, có người học nhanh, có người học chậm, nhưng cũng có người không học được gì. Dù trải qua bao nhiêu kiếp, bao nhiêu khổ đau, họ vẫn không thể học được thì sao?

Ông Kris nghiêm giọng:

- Theo luật Luân hồi thì con người trải qua rất nhiều kiếp. Mỗi kiếp sống đều có những bài học mà họ phải tiếp thu. Có người học được ngay, có người phải trải qua nhiều kiếp mới học được. Tuy nhiên, cũng có người mặc dù trải qua biết bao nhiêu kiếp, bao nhiêu đau khổ, vẫn u mê, không học được gì. Nếu nhìn vào vũ trụ, ông sẽ thấy có hàng triệu, hàng tỷ hành tinh. Có những hành tinh đang được hình thành và có những hành tinh đang bị hoại diệt. Tất cả đều tuân theo luật Chu kỳ. Trái đất của chúng ta cũng thế, khi chu kỳ của trái đất tiến đến giai đoạn hoại diệt, nó sẽ tan vỡ. Nhưng không phải trái đất này hoại diệt rồi thì mọi người cũng bị hủy diệt đâu. Những người đã học những bài học

của chu kỳ đó sẽ tái sinh vào chu kỳ của thế giới khác để học những bài học mới. Những người không học được gì, trình độ hiểu biết thấp kém, không thể tái sinh vào nơi khác có trình độ cao hơn, sẽ bị bỏ lại. Vì trái đất đã tan, những người này phải ở trong tình trạng đau khổ liên miên bất tận, phải chờ đợi khi trái đất được thiết lập lại, để học lại bài học mà họ chưa học được. Sự thiết lập một hành tinh như trái đất đòi hỏi một thời gian rất lâu, có lẽ hàng triệu hay hàng tỷ năm. Hãy thử tưởng tượng những người bị bỏ lại bơ vơ, lạc lõng, vất vưởng thì trạng thái khổ sở đó kinh khủng như thế nào.

Ông Kris ngừng lại nhìn tôi như chờ đợi. Cả hai chúng tôi đều im lặng một lúc khá lâu. Ông Kris không nói gì, nhưng cặp mắt của ông ngời sáng như soi rọi vào tôi. Tôi ngồi yên nhưng đầu óc tự nhiên bối rối vì những điều vừa nghe là một cú sốc lớn. Đây là những điều mà tôi chưa hề nghĩ đến. Phải chăng đây chỉ là một sự tưởng tượng của ông Kris hay là một quan niệm đã có từ xưa? Càng suy nghĩ, tôi càng thấy luật Chu kỳ mà ông Kris vừa trình bày rất vững chắc và có lý.

Sau một lúc, tôi định thần, rồi lên tiếng:

- Có lẽ lúc này chúng ta cần hỏi nhân loại đã học được gì và sự tiến bộ, văn minh hiện nay sẽ đưa con người đi đến đâu?

Ông Kris chăm chú nhìn tôi, rồi thông thả nói:

- Hiện nay, khoa học và công nghệ đang chiếm ưu thế trên mọi lĩnh vực, ảnh hưởng khắp nơi trên thế giới. Đã đến lúc chúng ta cần xem xét những ảnh hưởng này một cách nghiêm túc để giữ thái độ sống quân bình trong thế giới thay đổi này.

Hãy lấy thí dụ về chiếc điện thoại. Hiện nay mọi người đều có thể liên lạc với nhau từ khắp nơi trên thế giới chỉ nhờ vào một vật có thể bỏ gọn trong túi áo. Tuy nhiên, điện thoại di động cũng có thể là mối đe dọa cho tương lai nhân loại. Ông có thể thấy học trò thay vì tập trung học, lắng nghe giáo viên giảng bài, hầu hết lại bị xao lãng, sử dụng điện thoại để chat, để xem YouTube, để lướt Facebook. Hầu hết mọi người ngày nay đều vô tình để cho những vật vô tri này ảnh hưởng đến đầu óc của họ. Dù đi, đứng, nằm hay ngồi, mắt họ đều dán chặt vào cái màn hình nho nhỏ này. Đầu óc của họ không còn hoạt động tự do nữa mà chỉ tuân

theo mệnh lệnh của chiếc máy và những phần mềm được thiết kế trong đó. Nhân loại đã vô tình để cho những vật vô tri giác này rút hết sinh lực của mình, họ sẽ không học hỏi được gì nữa. Đầu óc của họ đã thoái hóa, căng thẳng đến mức thụ động thì làm sao còn biết suy xét các bài học lịch sử, các lỗi lầm quá khứ, biết đến sự hy sinh của tiền nhân.

Công nghệ cũng sản xuất ra những trò chơi điện tử. Ông hãy tự hỏi chúng đã dạy gì cho những người trẻ tuổi hiện nay? Phải chăng họ đang học những hành vi kỳ lạ, khác thường mà không ai có thể tưởng tượng được. Hiện nay từ trẻ con cho đến người lớn đều say mê những trò chơi điện tử này. Phần lớn đều coi đó là những trò giải trí vô hại nên họ học cách chơi rất nhanh và bắt chước những điều nguy hại trong cái thế giới ảo ấy. Ít lâu nữa, thế hệ tương lai sẽ học lấy tất cả những điều xấu xa, ác độc như chém giết, tàn phá, bạo lực và dâm dăng vì không còn ai có thể phân biệt được giữa thế giới ảo và thế giới thật. Hiện nay, các sản phẩm công nghệ tinh vi này đang hút hết sinh lực con người. Mọi người khắp nơi đều dán tâm, dán mắt vào những thứ này và hoàn toàn quên hết tất cả mọi việc đang diễn ra chung quanh. Khi không quan tâm, con người trở nên vô cảm, không còn biết rung động hay trắc ẩn với mọi sự nữa.

Ông Kris nói thêm, giọng nghiêm túc:

- Trong thời đại công nghệ này, bao nhiêu người đang mất đi sự thông minh thật sự vì họ đã vô tình để cho trí thông minh nhân tạo điều khiển? Bộ óc con người đã bị các sản phẩm vật chất chi phối nên ít lâu nữa, không ai còn muốn suy nghĩ hay phát triển sự hiểu biết thật sự. Thay vì sử dụng bộ óc thông minh để suy nghĩ, tìm hiểu, phát triển sự hiểu biết về đời sống thì họ lại để cho các sản phẩm vô tri này chi phối. Tại sao phải đọc sách khi chỉ cần bấm nút là có máy đọc giùm cho? Tại sao lại phải mất công suy nghĩ khi máy móc suy nghĩ và trình bày mọi thứ mình muốn? Việc gì phải mất công tìm kiếm khi chỉ cần hỏi Google là xong hết? Tại sao phải học xây dựng, kiến trúc khi máy móc thông minh có thể đảm đương công việc này? Ông sẽ thấy trong vài năm nữa, tất cả đều tập trung vào việc chế tạo ra sản phẩm hay hàng hóa để tiêu thụ. Con người không còn biết phục vụ cho lý tưởng mà trở

thành những cỗ máy chỉ biết kiếm tiền, sản xuất, tiêu thụ và sống trong cái vòng hư ảo của sự thiếu hiểu biết này. Trong tương lai, họ sẽ trở nên vô dụng khi người máy sẽ thay thế và kiểm soát họ.

Tôi lên tiếng biện hộ:

- Có lẽ ông đang bị quan quá đầy thôi. Hiện nay chúng ta đang bước vào thế kỷ hai mươi mốt, thời đại của vi mạch điện tử tiên tiến và công nghệ cao.

Ông Kris ôn tồn nói:

- Ông hỏi tôi rằng chúng ta đang ở giai đoạn Trục hay Hoại trong chu kỳ của nhân loại ư? Điều này có lẽ tự ông phải tìm ra câu trả lời, nhưng tôi chỉ có thể cho ông biết trước một vài điều rồi ông có thể tự đi đến kết luận.

Này ông bạn, ông đang cho rằng sự phát triển của khoa học là hữu ích, nhưng ông có biết rằng ngay lúc này, trong những phòng thí nghiệm bí mật tại một số quốc gia, rất nhiều nhà khoa học vô đạo đức đang nghiên cứu và tạo ra những con quái vật bằng phương pháp ghép các yếu tố di truyền sinh học của con người vào loài vật, hay đang ngày đêm cấy ghép lai tạo nên những loài vi rút biến thể độc hại cực kỳ nguy hiểm đến tính mạng loài người? Điều kinh khủng gì sẽ xảy ra nếu những loài vi rút đáng sợ này vô tình bị sống chuồng khỏi các phòng thí nghiệm? Chắc hẳn ông còn nhớ kiếp trước tại Atlantis, chuyện này đã xảy ra tại xứ Og rồi. Ông có biết rằng những người thuở trước đang trở lại để tiếp tục công việc họ đã làm trong quá khứ không? Họ tạo ra những con quái vật phục vụ cho những mục đích phá hoại hết sức ghê gớm mà hiện nay không mấy ai biết. Phải chăng thói quen quá khứ không dễ gì xóa bỏ? Phải chăng lòng ham muốn cùng với kiến thức từ quá khứ đã làm cho họ đánh mất cả lương tri? Trong tương lai rất gần, ông sẽ thấy con người không còn là con người nữa mà đã trở thành một giống nửa người nửa thú. Có lẽ ông không tin được điều này nhưng chỉ một thời gian không xa, ông sẽ thấy những loài sinh vật dị dạng và khác thường này làm những việc mà ngày nay chưa ai dám nghĩ đến. Ngay cả ngày nay, biết bao người đang sống một cách vô cảm, họ không nhìn thấy sự đau khổ mà họ đã gây ra cho người khác. Họ sống vô ý thức, bị thôi thúc bởi sự tham lam quyền lợi và quyền lực. Chính

những người này sẽ xây dựng những phòng thí nghiệm, những cơ sở thương mại với những kiến thức ma quái thời cổ để tạo ra những con quái vật vô tri giác phục vụ cho mục đích riêng của họ.

Hiện nay, khoa học công nghệ đã phát triển với tốc độ quá nhanh, không còn ai có thể kiểm soát nổi. Ông sẽ thấy tất cả những sản phẩm công nghệ ngày nay sẽ hoàn toàn thay đổi trong thời gian sắp tới vì những phát minh ra đời mỗi ngày một nhiều. Không một chính quyền nào, luật pháp nào có thể thay đổi nhanh chóng để bắt kịp những đổi thay công nghệ ngày nay. Ông sẽ thấy rất nhiều công ty lớn sẽ bị thay thế bởi những công ty nhỏ nhưng có những phát minh mới, sản phẩm mới và kiến thức mới. Cả thế giới sẽ bị đảo lộn bởi những sự thay đổi bất ngờ không thể tưởng tượng được. Chỉ ít lâu nữa thôi, con người sẽ bị biến dạng do cấy ghép những bộ phận và máy móc vào trong thân thể của họ để họ có những khả năng đặc biệt. Dĩ nhiên, hiện giờ ông không tin điều này có thể xảy ra, nhưng nếu ông nhìn lại khoảng năm chục năm trước, khi ai đó nói rằng người ta có thể nói chuyện với nhau bằng điện thoại không dây hay xe hơi tự lái thì có ai tin không? Giờ thì điều này không còn lạ nữa.

Tại sao hôm nay tôi lại đề cập đến những giá trị cổ xưa và những bài học lịch sử mà chúng ta cần phải học? Vì đã đến lúc chúng ta cần nhìn lại những tiến bộ khoa học và các lợi ích về vật chất. Không phải tất cả đều hữu ích cho nhân loại trong lúc này và cho tương lai. Tôi không phủ nhận giá trị hay ích lợi của các sản phẩm khoa học công nghệ hiện nay nhưng tất cả chưa hoàn toàn phục vụ cho con người vì chúng được tạo ra bởi những người chưa có đủ sự hiểu biết về hậu quả của việc họ làm.

Nhiều nhà khoa học chế tạo ra các loại vũ khí tối tân có thể giết hàng trăm, hàng ngàn người, nhưng họ phủ nhận trách nhiệm và lý luận rằng vũ khí là vật vô tri, không thể giết người mà chỉ có con người mới sử dụng nó để giết nhau mà thôi. Tương tự như thế, nhiều người đưa ra những luận cứ để bào chữa cho hậu quả của những học thuyết vô nhân tính đã gây ra chiến tranh thù hận giữa các quốc gia, gây thương tổn cho hàng triệu người nhưng vẫn nói rằng họ không có trách nhiệm gì cả. Không ai biết về luật Nhân quả. Tuy họ có trí thông minh nhưng họ chưa đủ sự hiểu

biết chân chính để hiểu hậu quả của việc mình làm. Do đó, chúng ta phải khôi phục lại những kinh nghiệm của người xưa, học lại những bài học lịch sử, đừng để cho nó tiếp diễn nữa. Khi con người biết hành động với lương tâm và đạo đức thì bất cứ việc làm gì của họ cũng đều tốt đẹp.

Ông Kris im lặng một lúc như suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Trong giai đoạn cuối của mỗi chu kỳ, chúng ta sẽ thấy chiến tranh lan rộng, thiên tai xảy ra mỗi ngày một khốc liệt (như núi lửa, sóng thần, động đất, lụt lội, hạn hán), tiếp đến là sâu bọ phá hoại mùa màng gây ra nạn đói khắp nơi, rồi các đại dịch bệnh cũng theo chu kỳ bùng phát, lúc đầu chỉ ở vài nơi nhưng sau sẽ lan ra khắp thế giới và mỗi ngày một trầm trọng, ghê gớm hơn trước.

Khi trước, tôi đã nói cho ông biết về nền văn minh Atlantis, con người lúc đó sống bằng bản năng nên tham lam, ích kỷ và có dục tính rất mạnh. Đa số mọi người lúc đó thường ngẫu phối, không phân biệt nam hay nữ, ngay cả với giống nửa người nửa thú. Một số người như thế hiện nay đã trở lại thế giới này. Họ tiếp tục thói quen từ trước nên những việc giao phối loạn luân tiếp tục diễn ra, sinh ra nhiều thứ bệnh quái lạ. Một số bệnh có thể tìm được thuốc chữa, nhưng sẽ có những thứ bệnh vô phương cứu chữa và đến lúc đó khoa học cũng phải bó tay. Nguyên nhân chính là lòng tham lam sinh ra sự luyến ái bệnh hoạn, không phân biệt và không thuận với luật tự nhiên. Những dịch bệnh ghê gớm hiện nay chỉ là sự cảnh cáo về các mối hiểm họa lớn hơn sắp xảy ra nhưng có mấy ai để ý đến. Nếu nó chưa xảy ra cho chính họ hay gia đình của họ thì họ không quan tâm. Chính vì thái độ vô cảm này mà dịch bệnh tiếp tục phát sinh, truyền đi khắp nơi, mỗi ngày một mạnh. Chẳng hạn như, bệnh sốt xuất huyết Ebola đã bùng phát tại Guinea, Sierra Leone và Liberia, rồi lan ra nhiều nước châu Phi. Gần đây ông có thể thấy những căn bệnh viêm phổi chết người tái phát ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng khắp thế giới. Một ngày nào đó, những dịch bệnh này sẽ tàn phá vượt qua mọi sự tưởng tượng và lúc đó thì đã quá muộn.

Đây không phải là điều gì mới lạ vì từ xưa đã có những bệnh truyền nhiễm như dịch hạch, lao phổi, đậu mùa v.v... Những căn bệnh

này đã giết chết hàng triệu người nhưng trong tương lai, sẽ có những căn bệnh ghê gớm hơn có thể tiêu diệt phần lớn dân chúng thế giới. Tại sao lại như thế? Vì dịch bệnh cũng do chính con người gây ra. Khi con người tàn sát, giết hại loài vật thì những con thú này phản ứng như thế nào? Hiển nhiên chúng không thể chống trả lại bằng cơ thể của loài thú, nhưng chúng có thể trở thành hàng triệu con vi trùng hay vi rút gây ra dịch bệnh, khi đó con người không thể phản ứng gì được. Hiển nhiên, nếu con người ăn thịt loài vật, thì sau đó loài vật sẽ ăn thịt lại con người. Khi con người tìm sự khoái lạc qua việc giết hại thú rừng và ăn thịt chúng, thì những con vi trùng, vi rút cũng sẽ tàn phá thân thể con người. Và cái vòng thù oán này sẽ tiếp tục, không bao giờ chấm dứt.

Nếu ông hiểu được luật Chu kỳ và Nhân quả thì ông sẽ thấy mọi sự thay đổi, chuyển hóa không ngừng. Cái gì đi đến cực điểm cũng sẽ thay đổi. Tốt đến cực điểm có thể trở thành xấu. Ác đến cực điểm cũng có thể hóa thiện. Một người nghèo đến cùng cực có thể trở nên giàu có, trong khi người giàu đến cực điểm cũng có thể trở thành trắng tay. Khi mới sinh ra, chúng ta chỉ là một đứa bé, rồi chúng ta lớn lên, trưởng thành, già nua và chết. Đó là chu kỳ của Thành - Hoại luân chuyển trên thế gian này. Đó là sự biến đổi tự nhiên, liên tục theo luật Chu kỳ. Đó chính là tiến trình biến đổi và chuyển hóa của vũ trụ mà không mấy ai để ý đến. Điều quan trọng nhất trong thời đại này là đừng quên tất cả chúng ta đều là người chứ không phải là loài vật. Chúng ta phải sống có ý nghĩa, có mục đích. Bài học mà chúng ta cần phải học là hiểu rõ luật Nhân quả và chịu trách nhiệm cho mọi hành động của mình.

Và một khi con người tự tâm có ý thức thay đổi làm việc tốt, phát tâm tích đức, tạo phúc cũng có thể tác động giảm, tiêu trừ bớt nghiệp quả. Tác động tương hỗ bù trừ này được luật Nhân quả của vũ trụ xét trên nhiều yếu tố chứ không đơn thuần như phép cộng trừ nhân chia.

* * *

Trong những lần trò chuyện với ông Thomas, tôi nhận ra ông luôn nhắc đi nhắc lại nhiều lần bài học rất cần ghi nhớ về Luật Nhân quả và Luân hồi. Đối với tôi, và có lẽ với hầu hết người châu Á, đây

không phải là điều mới lạ. Nhiều người đã biết câu nói nổi tiếng “Bồ Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả”. Nhưng giữa biết và thấu hiểu có một khoảng cách rất xa. Từ biết, hiểu rồi trở thành niềm tin thực sự còn tùy thuộc vào độ trải nghiệm thực tế và căn duyên của mỗi người. Nhưng, ở trên đời có nhiều chuyện xin “đừng đợi thấy mới tin”...

Tôi nhớ rõ ông Thomas đã chia sẻ một suy nghĩ sâu sắc, rất đáng suy ngẫm: “Vào lúc này, khi anh và tôi đang nói chuyện về luật Luân hồi và Nhân quả tại căn nhà ở Colorado, thì quanh đây mấy chục dặm, có hàng ngàn người đang sống, đã mấy ai biết về những quy luật này? Nếu nhìn rộng ra cả tiểu bang này, với vài triệu người, đã mấy ai biết về luật Luân hồi hay Nhân quả? Nếu anh quan sát cả nước Mỹ, trên ba trăm triệu người, đã mấy ai biết gì về những quy luật vũ trụ này chưa? Và anh hãy nhìn khắp thế giới hơn bảy tỷ người, có bao người đang hành động độc ác, vô nhân tính? Có những quốc gia đang đối xử với người khác tàn độc như thế nào? Có bao nhiêu cái chết thương tâm và cuộc sống bi đát của nhiều con người vô tội đã và đang diễn ra? Hãy thử nghĩ nếu tất cả đều chịu học hỏi và hiểu rõ về Nhân quả, biết rõ một khi 'gieo nhân gì sẽ gặt quả đó' thì có ai dám hành động như thế không?

Thường thì con người, khi hành động, ít ai nghĩ đến hậu quả, nhưng một khi hậu quả xảy đến thì họ nghĩ gì, làm gì? Họ oán hận, trách trời, trách đất, trách những người chung quanh hay ai đó đã gây ra những hậu quả đó? Có mấy ai biết chiêm nghiệm, tự trách và thay đổi chính mình không? Đó là động lực để tôi chia sẻ với anh những câu chuyện chưa từng kể với ai này - dù có những điều thiên cơ bất khả lộ - và chấp thuận để anh chia sẻ những trải nghiệm, bài học vô tiền khoáng hậu này với các bạn của anh, có thể viết thành một cuốn sách để cho nhiều người trên thế giới cùng chiêm nghiệm - giữa lúc trái đất đang có nhiều tai ương, biến động từng ngày. Tôi mong chúng ta - những cánh bướm bé nhỏ rung động mong manh cũng có thể tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh mọi người.

Tương lai của mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi quốc gia và cả hành tinh này sẽ ra sao trong giai đoạn sắp tới là tùy thuộc vào thái độ ứng xử, nhìn nhận và thức tỉnh của từng cá nhân, từng tổ chức,

từng quốc gia đó tạo nên. Nếu muốn thay đổi, cần khởi đầu bằng việc nhận thức, chuyển đổi tâm thức, lan tỏa yêu thương và chia sẻ sự hiểu biết từ mỗi người chúng ta trước.

Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả là bảng chỉ đường, giúp con người tìm về thiện lương “ .

*Tôi quyết định viết cuốn sách này bằng tiếng Việt - ngôn ngữ
đồng bào, đất nước thân thương trong tim tôi.*

[1] Phi hành gia Edgar Mitchell khởi xướng việc nghiên cứu về sự tương quan giữa con người và vũ trụ để tìm hiểu về những sự kiện không thể giải thích, khuyến khích việc xây dựng mối liên hệ giữa khoa học và trải nghiệm nội tâm trong viện nghiên cứu do chính ông cùng một số người bạn lập ra tại Palo Alto, California, nhưng ông đã bị một làn sóng dư luận khắt khe chỉ trích. Ông qua đời vào năm 2016.

[2] Dạng sống cơ bản nhất của vũ trụ, là những dạng vật chất rắn cơ bản, được liên kết từ các phân tử và hoàn toàn chưa có tri giác.

[3] Thần Thái Dương (Ra) là vị thần tối cao trong văn hóa Ai Cập cổ đại, đại diện cho ánh sáng và sự sinh trưởng. Amun vốn là thần bảo hộ của thành phố Thebes. Ai Cập được đề cập trong cuốn sách này rơi vào thời kỳ Tân Vương Quốc. Để củng cố vị trí của thần Amun, triều đình đã tôn vị thần Amun lên sánh ngang với thần Ra và kết hợp hai vị thần này thành thần Amun Ra.

[4] Isis: Nữ thần của tình mẹ, phép thuật và sự sinh sản. Bà là một trong chín vị thần tối cao nhất của chư thần Ai Cập cổ đại (bộ chín vĩ đại của Heliopolis).

[5] Bệnh thời khí là bệnh phát sinh theo thời tiết khí hậu. Hoặc dân gian còn gọi đơn giản là bệnh theo mùa.

[6] Giấy papyrus, giấy cói, làm từ ruột cây papyrus (cói).

[7] **Tử thư Ai Cập** là những văn bản dùng trong tang lễ đã được sử dụng trong gần 1.500 năm. Chúng bao gồm những lời kinh, thần chú và hình vẽ được chép trên một cuộn giấy cói tùy táng trong lăng mộ của người đã khuất. Người ta tin rằng những lời kinh chú này ban cho linh hồn người chết tri thức và sức mạnh cần thiết, dẫn lối họ an toàn qua cõi âm bất trắc để đi đến được kiếp sau. Mỗi cuốn **Tử thư** được chia ra nhiều chương, nội dung được lựa chọn và kết hợp lại từ 192 bài kinh để mô tả cuộc đời của người chết. Do vậy, mỗi cuốn **Tử thư** là độc bản, không có hai cuốn **Tử thư** nào hoàn toàn giống nhau. Ban đầu, **Tử thư** chỉ dùng cho tầng lớp thượng lưu. Đến thời kỳ Tân Vương quốc (1570-1069 TCN), **Tử thư** phổ biến hơn trong xã hội.

[8] Mời bạn đọc xem thêm tác phẩm **Dấu chân trên cát** do Nguyễn Phong phóng tác, được First News – Trí Việt phát hành.

[9] Vùng đất này vẫn là nguyên nhân chính gây ra tranh chấp, các cuộc chiến giữa người Do Thái, Ả Rập và Palestine.

NGUYỄN PHONG



*Muôn kiếp
Thân Sinh*



MANY LIVES - MANY TIMES

NIỀM XUẤT BẢN TỪNG HỢP THÁNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

First News
Where there's a will, there's a way



NGUYỄN PHONG

MUÔN KIẾP NHÂN SINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập: Trần Thị Ly

Sửa bản in: Sơn Ca

Bìa & Trình bày: First News

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP. HCM

ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225

Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn

Sách điện tử: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. HCM

ĐT: (028) 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86-88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP. HCM

ĐT: (028) 39 433 868

GIAN HÀNG MỚI - ĐƯỜNG SÁCH TP. HCM

Đường Nguyễn Văn Bình, Q. 1, TP. HCM

Thực hiện liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT

(First News)

Địa chỉ: 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM

In 10.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại công ty TNHH

MTV ITAXA (126 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP. HCM). XNĐKXB số 648-2021/CXBIPH/06-43/THTPHCM ngày 26/02/2021 - QĐXB số 263/QĐ-THTPHCM-2021 cấp ngày 07/05/2021. In xong và nộp lưu chiểu quý 11/2021.
ISBN: 978-604-312-800-0.

Lời giới thiệu

CUỐN SÁCH CỦA NHỮNG CÁNH BƯỚM RUNG ĐỘNG

Tác phẩm **Muôn Kiếp Nhân sinh** tập 1 của tác giả Nguyễn Phong xuất bản giữa tâm điểm của đại dịch đã thực sự tạo nên một hiện tượng xuất bản hiếm có ở Việt Nam. Cuốn sách đã khơi dậy những trực cảm tiềm ẩn của con người, làm thay đổi góc nhìn cuộc sống và thức tỉnh nhận thức của chúng ta giữa một thế giới đang ngày càng bất ổn và đầy biến động. Ngoài việc phát hành hơn 200.000 bản trong 6 tháng, chưa kể lượng phát hành Ebook và Audio Book qua Voiz- FM, First News còn nhận được hàng ngàn tin nhắn, email chuyển lời cảm ơn đến tác giả Nguyễn Phong. Điều này chứng tỏ sức lan tỏa của cuốn sách đã tạo nên một hiện tượng trong văn hóa đọc của năm 2020.

Khởi duyên cuốn sách **Muôn Kiếp Nhân Sinh** là cuộc điện thoại lúc đêm khuya từ Việt Nam qua Mỹ vào cuối năm 2016. Khi cảm nhận thế giới xung quanh còn quá nhiều áp bức, bất công và điều ác đang diễn ra, tôi đã đề nghị tác giả Nguyễn Phong viết một cuốn sách về Nhân quả để cảnh báo và thức tỉnh con người (tác phẩm *Hành Trình về Phương Đông* do ông viết phóng tác gần năm mươi năm trước đã làm nhiều thế hệ người Việt Nam thay đổi tâm thức và được yêu thích cho đến giờ).

Lúc đó, tác giả Nguyễn Phong đã kể tôi nghe về câu chuyện nhân quả và tiền kiếp đặc biệt kỳ lạ của Thomas - một doanh nhân thành đạt ở New York và cũng là người bạn tâm giao mà ông đã từng gặp ở Đại học Đà Nẵng năm 2008. Sau cuộc điện thoại đêm khuya đó, ông đã lẳng lặng bay đến New York gặp Thomas và đề nghị được viết những câu chuyện lạ thường của Thomas thành sách.

Và bất ngờ - Thomas đã đồng ý.

Muôn Kiếp Nhân sinh đã ra đời một cách kỳ lạ như cuốn sách của nhân duyên và có một sứ mệnh đặc biệt. Tôi và nhiều độc giả Việt Nam đã thực sự lay động và đồng cảm sâu sắc với những lời chia sẻ tâm huyết của Thomas ở những trang sách cuối tập 1: *"Tôi mong chúng ta - những cánh bướm bé nhỏ rung động mong manh - cũng có thể tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh mọi người"*.

Tiếp nối các kiếp sống kỳ lạ của Thomas ở nền văn minh Atlantis và Ai Cập hùng mạnh ở tập 1, **Muôn Kiếp Nhân Sinh** tập 2 là cuộc hành trình vô tiền khoáng hậu tiếp theo của Thomas trên chuyến tàu xuyên thời gian - không gian trải dài từ nước Mỹ đương đại, ngược về vùng sa mạc Lưỡng Hà Assyria cho đến Hy Lạp, Ba Tư, Ấn Độ cổ đại qua những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế. Những ký ức về chiến binh kiêu hùng Achilles trong trận công thành Troy huyền thoại và sự thức tỉnh bất ngờ của vị đại đế bất bại khi chinh phục quốc gia huyền bí đã vẽ nên bức tranh kỳ vĩ về thân phận con người luôn phải xoay vần không ngừng trong bão tố Nhân quả của tham vọng, chiến tranh, hận thù và tình yêu trong suốt chiều dài lịch sử thế giới.

Không chỉ là những bài học sâu sắc về Nhân quả của Thomas, **Muôn Kiếp Nhân sinh** tập 2 còn vén bức màn bí ẩn và khám phá hành trình bất tận của những linh hồn qua các tầng cõi, trạm trung chuyển trong muôn vàn kiếp sống... Tất cả được đúc kết, xâu chuỗi lại một cách logic bằng góc nhìn hài hòa giữa tâm linh, khoa học, triết học và lịch sử các nền văn minh từ Đông sang Tây, từ cổ đại đến hiện đại.

Thông qua những cuộc trò chuyện đầy tính minh triết, tác phẩm **Muôn Kiếp Nhân Sinh** tập 2 cũng đưa ra cách chuyển hóa nghiệp quả, đồng thời cảnh báo về những hiểm họa, biến động lớn trong tương lai của nhân loại cũng như gửi gắm những thông điệp chữa lành. Đây sẽ là khởi đầu một kỷ nguyên mới với cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức và cũng là con đường minh triết nhất để thức tỉnh, cứu mỗi người, cứu lấy sự sống trái đất đang bên bờ của những khủng hoảng, hiểm họa khó lường.

Các nhà hiền triết đã chỉ rõ quá trình thức tỉnh bắt đầu từ chính mỗi người. Và đó sẽ không phải là hành trình vô vọng nếu chúng ta cùng thật sự ý thức được ý nghĩa sống và sứ mệnh của mình. Tương lai chúng ta có trở nên tốt đẹp hơn hay không là do năng lượng từ chính những suy nghĩ, hành động của chúng ta ngày hôm nay.

Khi tâm huyết viết **Muôn Kiếp Nhân Sinh**, tác giả Nguyễn Phong mong muốn truyền tải những thông điệp thức tỉnh cùng những lời cảnh báo đầy trách nhiệm với một trái tim giàu lòng trắc ẩn, yêu thương để mọi người cùng nhận thức, chuyển đổi - như những cánh bướm rung động mãnh liệt lan tỏa đến với nhiều người. Bởi tận cùng của những rung động lan tỏa đó sẽ tạo ra sự chuyển đổi tâm thức để tạo nên một tương lai tốt đẹp hơn cho mỗi người và cho nhân loại.

Ngoài ra không còn bất kỳ lý do nào khác.

Bôn ba muôn nẻo nhân sinh.

Không ai mang theo được thứ gì khi rời xa thế giới này - trừ công và tội.

Chính bạn mới có thể chuyển hóa được nghiệp quả của mình - không phải bất kỳ một ai khác.

Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả là bảng chỉ đường, giúp con người tìm về thiện lương.

- Nguyễn Văn Phước
Sáng lập First News - Trí Việt

ĐỂ TẢI NHIỀU NHỮNG CUỐN EBOOKS ĐẶC SẮC
Bạn truy cập <https://tangebooks.com>

(Lưu ý: Khi tải nên dùng máy tính sẽ dễ dàng hơn)

Phần một

KHỞI HÀNH: MỘT THẾ GIỚI KHÔNG CÒN NHƯ TRƯỚC

Tôi đã gọi điện cho Thomas nhiều lần nhưng không có ai trả lời. Đây là điều hiếm khi xảy ra, vì ngay cả khi bận rộn thì Thomas cũng sẽ gọi lại cho tôi ngay sau đó. Tôi gửi email, nhắn tin qua các ứng dụng cũng không thấy phản hồi, không có dấu hiệu đã xem tin nhắn. Điều này làm tôi cảm thấy lo lắng và bất an, không hiểu chuyện gì đã xảy ra với người bạn của mình.

Một buổi tối muộn, lúc đó đã gần nửa đêm, bất ngờ tôi giật mình vì tiếng chuông điện thoại khi đang viết bản thảo cho tập sách tiếp theo. Thường thì rất ít khi có ai gọi cho tôi vào lúc đêm khuya như thế này. Tôi cầm điện thoại, bên kia đầu dây là Thomas:

- Rất xin lỗi anh, mấy hôm nay tôi không sử dụng điện thoại vì một số lý do. Những ngày qua chắc hẳn anh đã chứng kiến những biến động bất ngờ đang lan rộng. Tuy nhiên, không chỉ New York, hay nước Mỹ mà gần như cả thế giới đang đi qua những khủng hoảng chưa từng có. Tôi cũng vừa trải qua những xáo trộn và sự chuyển đổi tâm thức kỳ lạ. Linh cảm báo cho tôi biết những điều ông Kris lo lắng cảnh báo đang xảy ra. Tôi đã không liên lạc được với ông Kris. Do đó, tôi thật sự muốn nói chuyện với anh. Tôi có nhiều bạn bè nhưng không phải với ai tôi cũng có thể chia sẻ những điều này được. Biến động sẽ còn lan rộng phức tạp hơn thế nhiều, nhưng đó chỉ là sự khởi đầu cho một kỷ nguyên mới đầy những thách thức và có thể làm biến chuyển thế giới. Tôi tin rằng mọi thứ sắp xảy ra trên toàn cầu sẽ còn tồi tệ hơn và sẽ không giống như những dự báo mà mọi người đang đọc trên những dòng tin. Hầu như mọi người vẫn chưa hiểu hết nguồn gốc thực sự và sâu xa của những điều đang diễn ra...

Tôi chợt cảm thấy bồn chồn nên ngắt lời Thomas:

- Tôi cũng có theo dõi tình hình đang diễn ra. vậy cảm nhận riêng của ông thế nào?

- Anh còn nhớ vào lần gặp trước ở Colorado, tôi đã chia sẻ với anh tiên đoán

của ông Kris về những điều quan trọng sẽ xảy ra trên thế giới này không? Nó đã và đang đến rất nhanh! Có lẽ loài người đã đến lúc phải nhận lãnh hậu quả từ những gì mình gây ra. Một số quốc gia lớn đã đi vào chu kỳ "hoại" của vũ trụ. Ngay cả nước Mỹ tiên tiến với hơn ba trăm triệu người và thế giới rộng lớn hơn bảy tỷ người đã mấy ai thấu hiểu rõ luật Nhân quả của vũ trụ đâu?

- Tôi vẫn nhớ những dự ngôn sâu sắc đó của ông Kris.

Tôi vừa đáp vừa hồi tưởng lại những gì Thomas đã nói trong lần gặp cuối cùng trước lúc chia tay.

Giọng Thomas chợt trở nên xa xăm:

- Thế nhưng, con người trong thế giới này còn rất chủ quan. Họ đang sống và chạy theo quán tính hơn là thức tỉnh. Họ không phải không có thời giờ mà là không có cơ duyên để thức tỉnh, có lẽ con người cần phải học bài học của mình rồi! Không có cách nào khác. Anh cũng biết rằng thức tỉnh một kẻ phá sản, thất nghiệp hay cơ hàn còn dễ hơn là thức tỉnh những kẻ đang ngạo nghễ với nhiều lớp vỏ bọc bên ngoài dày cộp - nào là giàu có, tiếng tăm, địa vị, chức tước, bằng cấp... nhưng những giá trị bên trong như lòng trắc ẩn, tình yêu thương và sự hiểu biết tâm linh của họ lại hầu như trống tuếch hoặc quá nghèo nàn.

Dừng lại một chút, Thomas hạ giọng:

- Dừng mất thời giờ nữa. Ngày mai, anh hãy bay ngay đến New York gặp tôi. Chúng ta cần tiếp tục trao đổi những câu chuyện quan trọng còn dang dở. Tôi đã thu xếp mọi thứ để anh có thể yên tĩnh viết và nghỉ lại. Anh hãy đặt vé chuyến bay sớm nhất có thể. Nhớ cho tôi biết giờ bay, tôi sẽ đón anh ở sân bay. Hẹn gặp anh vào ngày mai.

Tôi để điện thoại xuống và lặng đi vài phút. Giọng Thomas chưa bao giờ khẩn thiết đến như vậy.

Mới cách đây không lâu, trước khi chuông điện thoại reo, tôi đã cầm cuốn tạp chí *The New Yorker* với tấm ảnh bìa lịch sử là người đàn ông chơi vĩ cầm đơn độc trên nóc nhà cao vắng lặng. Tôi vừa nhìn khá lâu vào tấm ảnh bìa đó vừa có những dự cảm không hay thì cuộc gọi kỳ lạ của Thomas không ngờ lại trùng khớp hoàn toàn với những cảm giác bất an của tôi lúc đó.

Tôi đặt vé cho chuyến bay sớm nhất đi New York, thu dọn một số hành lý cần thiết, máy ghi âm và đồ dùng thiết yếu cho chuyến đi không ngắn ngày.

Tôi chợt cảm nhận sự thanh tĩnh lạ thường. Cuộc đời tôi cũng không ít lần có những chuyến bay gấp như thế này. Tôi là người làm khoa học nên mọi thứ cần phải được lên kế hoạch trước, nhưng với Thomas và trong hoàn cảnh này thì khác. Đây không phải chuyến bay công việc bình thường. Tôi biết cuộc gặp gỡ với Thomas ngày mai quan trọng không chỉ với riêng tôi.

Dường như sâu thẳm trong tâm thức tôi có sự lay động về một sứ mệnh thiêng liêng vừa chợt tới. Sứ mệnh đó không chỉ của riêng tôi mà là của tất cả chúng ta đối với tương lai thế giới này.

New York

KHỞI ĐẦU MỘT KỶ NGUYÊN MỚI

Sân bay John F. Kennedy buổi chiều hôm đó vắng vẻ lạ thường, khác hẳn khung cảnh đông đúc thường ngày. Chuyến bay của tôi cũng vắng khách và khi đáp xuống ai cũng vội vã rời sân bay. Thomas đã đợi tôi ở cổng. Ông niềm nở đón tôi về nhà cất hành lý và dùng bữa tối đã được chuẩn bị sẵn ở sân vườn nhà ông tại Manhattan.

Sau khi hoàn thành phần ghi chép về các câu chuyện tiền kiếp trong những cuộc gặp gỡ giữa tôi và Thomas trước đó, tôi đã có ý định đến New York thăm ông để nhờ ông duyệt lại và tiếp tục những câu chuyện còn dang dở.

Tôi chưa kịp mở lời để hẹn với Thomas thì ông đã chủ động mời tôi đến nhà.

Thomas đón tiếp tôi nồng nhiệt, như thể đã chờ cuộc gặp này từ lâu. Trong bữa tối ngoài khu vườn yên tĩnh, Thomas hỏi thăm tôi về tình hình sức khỏe, công việc và cho biết ông cũng đang nóng lòng chờ đợi tập bản thảo của tôi. Sau đó, ông kể cho tôi nghe những điều kỳ lạ vừa trải nghiệm trong những ngày tháng vừa qua mà trong điện thoại ông không nói hết được. Tôi chăm chú lắng nghe

từng lời Thomas kể, đôi lúc dừng lại để ghi chép. Ông phân tích nguồn gốc sâu xa của những biến động chưa từng có đang diễn ra và khẳng định:

- Tất cả mới chỉ bắt đầu.

Thomas trầm ngâm trong giây lát rồi nói tiếp:

- Việc này đến nhanh hơn chúng ta nghĩ. Thế giới này có lẽ sẽ không trở về như xưa được nữa. Những lá phổi của hành tinh này đang bị hủy hoại, dịch bệnh chết người kỳ lạ đang lan rộng, biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt hơn và nguy cơ chiến tranh lại chực chờ với những mâu thuẫn ngấm nhiều năm sắp bùng phát... Tất cả những điều chúng ta đang chứng kiến chỉ là những cú rung lắc khởi đầu cho những cơn địa chấn thực sự.

Bất ngờ Thomas nhìn tôi và hỏi:

- Anh có biết ai đã kích hoạt tất cả những điều đó không?

Tôi trả lời:

- Thông qua lịch sử, chúng ta đều biết các xu hướng chính trị, kinh tế, văn hóa đều có tính chu kỳ. Chúng sẽ phát triển cực thịnh, rồi bị đào thải, hủy diệt và tái sinh... Sự biến đổi thế giới hay đời người cũng như những vòng tròn bất tận mà trong lần trao đổi trước, chúng ta đã biết nó được gọi là *Chu kỳ*. Chúng ta đã biết về *động lực* và *phản lực*, cái mà hành tinh này đang trải qua chính là giai đoạn chịu ảnh hưởng của phản lực. Còn động lực, chính là những hành động của con người. Chúng ta dường như đang đi vào giai đoạn đặc biệt của hành tinh và có thể sẽ chứng kiến sự khởi đầu một kỷ nguyên mới.

Thomas gật đầu:

- Đúng vậy, tất cả hành vi con người chính là nguồn gốc kích hoạt những hiện tượng này. Đúng như anh nói, một kỷ nguyên mới sắp bắt đầu nhưng trước khi đến được đó, thế giới sẽ trải qua nhiều khủng hoảng, chuyển đổi và có cả hủy diệt. Chúng ta đang bước vào một thời kỳ bất ổn, biến động và hiện giờ khó ai có thể nói chính xác chi tiết về viễn cảnh thế giới trong tương lai. Nền khoa học tưởng như kiệt xuất của con người chỉ có thể chạy theo các sự kiện mới liên tục xảy ra. Nhưng tương lai không nhất thiết diễn ra theo hướng tồi tệ, vì chúng ta vẫn có thể tác động để làm cho tương lai tốt đẹp hơn.

Tôi đồng tình với Thomas:

- Tôi biết không có điều gì tuyệt đối đúng và không có điều gì là không thể thay đổi. Rõ ràng nhất là các quan niệm khoa học mỗi thời kỳ lại mỗi khác. Ở một góc độ nào đó, tôi vẫn tin rằng mỗi người vẫn có thể chuyển đổi số phận của mình.

Thomas lắng nghe và gật đầu:

- Điều anh nói đúng với từng cá nhân đơn lẻ và cũng có thể áp dụng với toàn thể. Chúng ta đang chứng kiến một thời điểm lạ thường của thế giới, khi quy luật vũ trụ và tự nhiên đang xoay vần ở phạm vi rộng lớn, bao hàm mọi thứ trong vòng tròn nhân quả. Nếu chúng ta không biết ngọn nguồn của những tai ương mà thế giới đang đối mặt thì không thể làm gì để thay đổi nó. Ngạn ngữ cổ có câu: *"Tất cả tai họa đều bắt nguồn từ chính suy nghĩ và hành động của chúng ta"*. Nhân đã gieo thì sớm muộn cũng trở quả, bất kể ta có chạy thật nhanh về hướng tương lai, tảng lờ những sai lầm quá khứ, lấy cái này khỏa lấp cái khác, thì sớm muộn gì ta cũng phải đối mặt với những hậu quả từ những việc làm của quá khứ. Con người đã hủy diệt hành tinh xanh này nhanh chưa từng thấy, chỉ trong vài chục năm ngắn ngủi, địa cầu đã bắt đầu bước vào đợt tuyệt chủng thứ sáu.

Thiên tai, dịch bệnh sẽ ngày càng trở nên khủng khiếp và xảy ra thường xuyên hơn, đe dọa mạng sống con người. Tương lai sẽ còn những tai ương khó lường, mực nước biển dâng cao khi những tảng băng khổng lồ ở hai đầu cực tan nhanh, có thể giải phóng ra rất nhiều mầm bệnh lạ đã chôn vùi hàng triệu năm...

Tôi trầm ngâm trước những điều Thomas nói:

- Không lẽ, các quốc gia lớn không hợp lực lại tìm giải pháp được sao? Theo ông, giải pháp nào là hữu hiệu nhất lúc này?

Thomas cười:

- Anh có thể thấy rõ, xuyên suốt lịch sử, các cường quốc lớn chưa bao giờ thực sự đoàn kết, cùng ngồi lại với nhau để tìm ra hướng đi chung. Có những quốc gia đang gia tăng ảnh hưởng, tham vọng và mưu đồ, còn các quốc gia nhỏ khác thì cũng đang vất vả tư lo liệu.

Là một nhà khoa học nghiên cứu về công nghệ, anh cũng biết rằng các phát kiến của khoa học kỹ thuật luôn có hai mặt, tốt và xấu, tích cực và tiêu cực. Sự phát triển của kỹ thuật, công nghệ và các ngành thương mại khác luôn đi cùng với sự hao tổn tài nguyên thiên nhiên. Tôi có cơ duyên học hỏi để nhìn nhận mọi việc rõ ràng hơn sau những điều sâu sắc ông Kris từng chia sẻ. Việc chúng ta gặp nhau, trao đổi những trải nghiệm, những suy nghĩ tâm đắc, dẫn đến việc anh viết chúng thành sách đều không phải là ngẫu nhiên, mà cũng là một nhân duyên đặc biệt được sắp đặt. Câu chuyện mà tôi muốn chia sẻ với anh tiếp sau đây sẽ khá dài, chúng ta có thể bắt đầu triển khai câu chuyện này từ góc nhìn của khoa học - trong một thế giới hữu hình xen lẫn vô hình. Rất nhiều điều mà chúng ta chưa biết, chưa giải thích được hoặc không thể nhìn thấy không có nghĩa là nó không tồn tại.

Chúng tôi dùng bữa xong thì trời cũng đã tối và bắt đầu trở lạnh. Tàng luồng gió từ biển thổi vào. Thomas mời tôi vào phòng làm việc của ông, cẩn thận đóng cửa để tránh bị làm phiền. Thomas pha một ấm trà nóng mời tôi. Tôi để ý một bức tranh vẽ cảnh Hy Lạp cổ đại rất đẹp ở mảng tường chính của phòng làm việc được ánh đèn vàng nhẹ hắt chiếu vào, bên cạnh là chiếc kính viễn vọng đầu tiên do Chester Moore Hall chế tạo vào năm 1758 mà thường chỉ nhìn thấy ở các viện bảo tàng. Trên bàn làm việc lớn có một tờ báo mở sẵn bài viết liên quan đến hiện tượng vật thể bay không xác định trong không gian UFO.

Nhận thấy sự chú ý của tôi, Thomas chỉ vào bài báo và hỏi:

- Anh nghĩ thế nào về hiện tượng UFO?

Hơi bất ngờ về việc Thomas chuyển chủ đề, tôi trả lời:

- Tôi không mấy khi để ý đến những việc như thế này. Nhiều người tin rằng đã có những sinh vật ngoài không gian thăm viếng địa cầu. Người khác lại cho rằng đó chỉ là sự tưởng tượng được phóng đại do ảnh hưởng của các tiểu thuyết khoa học giả tưởng.

Thomas mỉm cười, thông thả nói:

- Phi hành gia Edgar Mitchell, bạn thân của tôi, anh đã gặp ông ấy ở Đại học Đài Bắc, chắc anh vẫn còn nhớ, ông ấy từng nói với tôi rất nhiều về đề tài UFO. Edgar tin UFO là có thật nhưng chính phủ Hoa Kỳ đã giấu nhem chuyện này đi. Là nhà khoa học của cơ quan nghiên cứu vũ trụ NASA và là một trong sáu phi

hành gia đã đặt chân lên mặt trăng trên Phi thuyền Apollo 14, Edgar khẳng định rằng trong vũ trụ còn có rất nhiều hành tinh khác, với các sinh vật sinh sống trên đó. Những sinh vật này có lẽ không giống loài người, vì điều kiện sinh sống ở các hành tinh kia khác với địa cầu và một số sinh vật trong số đó có thể đã du hành không gian đến hành tinh của chúng ta.

Tôi ngạc nhiên khi nghe ông nói vậy, liền hỏi lại:

- Edgar đã khẳng định thế sao? Ông ấy có chia sẻ gì thêm với ông không?

Thomas trả lời:

- Theo Edgar, trái đất này không phải là hành tinh duy nhất có sự sống. Trước đây, mặc dù có nhiều báo cáo và hình ảnh về vật thể bay không xác định từ nhiều nơi trên thế giới, nhưng phần lớn là dàn dựng, ngụy tạo. Tuy vậy, cũng có vài trường hợp rất đáng tin cậy. Ví dụ như việc một chiếc đĩa bay của người ngoài hành tinh rơi xuống vùng Roswell, tiểu bang New Mexico vào năm 1947, có hình ảnh rõ ràng. Dĩ nhiên, chính phủ Hoa Kỳ sau đó đã phong tỏa nghiêm ngặt toàn bộ khu vực này. Mọi tài liệu, hình ảnh thu nhận đều đóng dấu tối mật nên không ai có thể kiểm tra hay xác minh, với thâm niên làm việc cho cơ quan nghiên cứu vũ trụ NASA, Edgar đã được xem những tài liệu mà ít ai được biết. Ông ấy nói rằng một số khoa học gia khác cũng được xem nhưng vì không muốn gặp rắc rối nên không ai muốn đề cập gì về chuyện đó.

Tôi thấy rất thú vị, hỏi thêm:

- Vậy Edgar đã kể gì với ông về những việc diễn ra sau đó?

Thomas chậm rãi trả lời:

- Việc đề cập đến sự hiện hữu của sinh vật ngoài hành tinh từ một người có uy tín như phi hành gia Edgar Mitchell đã làm cho NASA lúc ấy rất khó xử. Sau đó, phát ngôn viên của cơ quan này phải tuyên bố rằng NASA là cơ quan nghiên cứu khoa học chứ không phải nơi theo dõi các hiện tượng lạ trên hành tinh này. Họ không xác nhận hay phủ nhận sự tồn tại của sinh vật ở các hành tinh khác, vì việc này không nằm trong đối tượng nghiên cứu của họ. Mục tiêu chính lúc đó của NASA là làm sao để đưa con người lên không gian mà thôi.

Thomas suy nghĩ một lúc, rồi tiếp tục:

- Edgar cho tôi biết ông ấy đã đề cập chi tiết về việc chiếc đĩa bay rơi ở Roswell với các viên chức thuộc Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ. Họ nói với ông rằng có những việc cần được giữ bí mật, vì từ chiếc đĩa bay đó, họ đã khám phá nhiều kỹ thuật tối tân, tiên tiến vượt bậc, không thể để lọt bí mật này vào tay bất kỳ quốc gia nào khác. Anh biết đó, lúc bấy giờ cuộc chiến tranh lạnh giữa Hoa Kỳ và Liên xô đang vào giai đoạn căng thẳng nhất. Bộ Quốc phòng đã chính thức yêu cầu Edgar không được nói gì thêm về đề tài vật thể bay không xác định.

Đến đây thì tôi thật sự thấy hứng thú với chủ đề, tôi hỏi tiếp:

- Nhưng Edgar có bao giờ thật sự nhìn thấy UFO chưa?

Thomas lắc đầu:

- Mặc dù là phi hành gia và đã bay nhiều chuyến trong không gian, cũng đã từng đặt chân lên mặt trăng, nhưng Edgar chưa từng tận mắt nhìn thấy một vật thể bay lạ nào. Tuy nhiên, ông ấy tin rằng chiếc đĩa bay bị rơi ở Roswell thật sự thuộc về một nền văn minh ngoài trái đất đang bí mật theo dõi sự phát triển của hành tinh chúng ta. Khu vực chiếc đĩa bay rơi ở Roswell là một làng nhỏ nằm gần white Sand, hiện nay vẫn đang là khu vực phong tỏa quân sự tối mật của Hoa Kỳ, được gọi là vùng cấm số 51 (*Prohibited Area 51*).

Thomas im lặng suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Edgar Mitchell là người rất thông minh nhưng trực tính, ông ấy có tư duy tiến bộ, muốn chia sẻ kiến thức với mọi người, muốn mở rộng nghiên cứu khoa học đến những chân trời mới, khám phá những điều mới lạ mà loài người chưa từng được biết. Tuy nhiên, ông ấy cũng đã khiến nhiều nhà khoa học nổi tiếng lúc đó không lấy gì làm vui vẻ bởi những tuyên bố của mình, và ông cũng hứng chịu nhiều búa rìu dư luận, từng bị quy là “phản khoa học”. Thật ra ít ai trên đời này có thể hiểu được đầu óc của những thiên tài, vì sự suy nghĩ của họ vượt xa chúng ta rất nhiều.

Tôi im lặng một chút rồi chợt nhớ lại chuyện trước đây:

- Trong buổi nói chuyện tại Đài Bắc với giáo sư Raymond Yeh, phi hành gia Mitchell đã đề cập đến việc cuộc cách mạng khoa học có thể lật đổ những quan niệm cũ, tồn tại từ trước đến giờ. Lúc đó, tôi và giáo sư Yeh không nghĩ rằng

điều đó có thể sớm xảy ra. Edgar có nói thêm gì về việc này không?

Thomas gật đầu xác nhận:

- Tôi nhớ lúc đó phi hành gia Edgar không nói gì thêm, sau đó chúng tôi cũng chưa có dịp đi sâu vào vấn đề này. Tuy nhiên, ông ấy vẫn tin rằng đã đến lúc chúng ta phải xem xét nghiêm túc lại những hậu quả không mong muốn mà khoa học kỹ thuật đã tạo ra. Ông ấy tin rằng với những khám phá và dữ liệu khoa học mới, người ta có thể thay đổi nền tảng của khoa học thực nghiệm đã được thiết lập từ hàng trăm năm nay. Từ trước đến nay, chúng ta mặc nhiên chấp nhận một số kiến thức và ứng dụng khoa học mà không hề đặt câu hỏi về giá trị thật và tác dụng không mong muốn của chúng, có thể những kiến thức khoa học này thật sự hữu ích vào thời điểm chúng được khám phá ra, nhưng hiện nay thế giới đã dần đổi khác, chúng ta cần những kiến thức mới, thích hợp với tình trạng thực tế ngày nay hơn. Đã đến lúc cần đặt câu hỏi rằng liệu chúng ta có thể tuyệt đối tin tưởng những gì chúng ta đã từng chấp nhận trước đây không? Dĩ nhiên, một số người vẫn tin vào những kiến thức này, vì nền tảng khoa học cũng như lý thuyết về kinh tế, xã hội, nhân văn đều được xây dựng trên đó. Nhưng Edgar cho rằng trong tương lai sẽ có những nghiên cứu và dữ kiện mới được khám phá, chứng minh rằng các giá trị mà chúng ta vẫn tin tưởng không còn thích hợp nữa và một kỷ nguyên mới sẽ bắt đầu.

Tôi hỏi tiếp:

- Nhưng liệu Edgar có tin rằng những kiến thức khoa học ngày nay có thể sụp đổ không?

Thomas trả lời:

- Edgar cho biết, ông nghĩ rằng con người thường có khuynh hướng quan tâm đến những việc xảy ra trong tương lai mà hiếm khi nào quay lại kiểm chứng những niềm tin cũ. Có biết bao nhiêu thứ được coi là "Đúng" của thế kỷ thứ 19 mà nay đã được chứng minh là hoàn toàn "Sai". Ngày nay, nhìn lại một số lý thuyết khoa học của thế kỷ 20, chúng ta đã thấy có những lỗ hổng từ căn bản. Có thể những lý thuyết này không hoàn toàn sai nhưng chưa hoàn chỉnh, còn thiếu sót, cần bổ túc thêm. Chúng ta sống trên trái đất nên tầm nhìn thường bị giới hạn vào một nơi chốn, một thành phố hay một quốc gia, nhưng khi bước ra ngoài không gian thì mọi thứ đều đổi khác. Khi lơ lửng trong không gian bao la vô tận đó, ta thấy toàn thể trái đất mới thật sự là quê hương thân thương của mình. Từ đó, mọi quan

niệm phân biệt về quốc gia, chủng tộc, chính trị, tôn giáo, văn hóa, xã hội đều thay đổi. Không ai chứng kiến sự vĩ đại của vũ trụ và sự nhỏ bé của trái đất mà không khỏi giật mình vì những điều chúng ta đã gây ra cho trái đất thân yêu của mình. Edgar nói rất rõ: *"Không một ai bước ra ngoài không gian mà không thay đổi. Không người nào đã mở rộng tầm mắt lại chấp nhận chui trở lại vào cái vỏ ốc đã giam hãm mình từ bao năm qua"*. Buổi nói chuyện với Hòa thượng Thánh Nghiêm đã khiến cho Edgar nghĩ nhiều về mối tương quan giữa con người và vũ trụ. Điều đó đã giúp ông ấy có động lực mạnh dạn đi theo con đường mà ông ấy đề xướng, rằng sẽ có một cuộc cách mạng khoa học và thay đổi xảy ra trong tương lai gần. Anh có biết tại sao Edgar nghĩ như thế không?

Tôi lắc đầu, Thomas nói tiếp:

- Vì tất cả nền tảng của khoa học thực nghiệm đều dựa trên những giác quan của con người. Họ phải nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy và phải sử dụng dụng cụ khoa học, máy móc để đo lường và kiểm chứng. Máy móc càng tối tân, dữ kiện càng chính xác, thì những lý thuyết đặt ra càng được công nhận. Tuy nhiên, giác quan của chúng ta có giới hạn, do đó mọi quan niệm, mọi lý thuyết, mọi suy nghĩ của chúng ta đều bất toàn. Qua trải nghiệm về cảm giác hòa nhập với vạn vật, Edgar ý thức rõ sự tương quan giữa con người và vũ trụ. Khi trở về, ông đã đặt câu hỏi rồi ngạc nhiên về sự giới hạn của nền khoa học thực nghiệm mà ông đã theo đuổi từ bao lâu nay. Sau buổi nói chuyện với Hòa thượng Thánh Nghiêm về kinh *Hoa Nghiêm*, về sự tương quan và tương nhập của vạn vật trên thế gian, Edgar nói với tôi rằng ông ấy đã mở rộng tầm mắt đến những chân trời mới lạ mà ít nhà khoa học nào để ý đến. Ông ấy không ngờ từ lâu các nhà hiền triết phương Đông đã biết cách phát triển những giác quan siêu việt để phá vỡ những giới hạn mà khoa học hiện nay chưa thể vượt qua. Đó là những giác quan nội tại mà một khi được khám phá có thể đánh đổ nhiều quan niệm thiếu sót hay sai lầm mà hiện nay chúng ta tin tưởng. Đó là lý do ông ấy quyết tâm thúc đẩy các cuộc nghiên cứu về mối liên hệ giữa khoa học và trải nghiệm nội tại. Hiện nay, các cuộc nghiên cứu này vẫn đang được tiếp tục tại *Viện Khoa học Tinh thần (The Institute of Noetic Sciences)* mà Edgar thành lập tại California.

Tôi hỏi thêm:

- Việc nghiên cứu này hiện tiến triển ra sao rồi?

Thomas mỉm cười:

- Thời gian đầu tôi cũng thường đến thăm Edgar Mitchell và theo dõi các cuộc nghiên cứu này. Hiện nay, tôi không mấy để ý đến việc này nữa. Tôi muốn dành thời gian cho những điều mình quan tâm nhiều hơn.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng chẳng phải ông là một trong những người đã hỗ trợ thành lập viện nghiên cứu cũng như đã tài trợ cho các cuộc nghiên cứu này sao?

Thomas im lặng một lúc rồi nói:

- Đúng vậy, nhưng các nghiên cứu này sẽ khó có được kết quả khi mà mọi người vẫn đi tìm giải pháp thông qua những thí nghiệm khoa học bên ngoài thay vì đi vào những nguyên nhân cốt lõi bên trong. Điều này cũng giống như khi có bệnh, ta chỉ uống thuốc làm giảm đau, trị các triệu chứng chứ không đi tìm căn nguyên đã gây nên căn bệnh đó và trị tận gốc.

Tôi hỏi lại:

- Tại sao ông lại nghĩ như thế?

Thomas chăm chú nhìn tôi rồi trả lời:

- Trong một buổi nói chuyện với ông Kris, tôi vô tình hỏi về sự hiện hữu của các sinh vật từ các hành tinh khác. Ông Kris cho rằng chúng ta không nên bận tâm nhiều đến việc đó. Hiện nay, ngay trên trái đất này còn bao nhiêu sinh vật mà người ta chưa biết đến, bao nhiêu số phận bi thương không được ai quan tâm, bảo vệ thì để tâm đến những sinh vật từ các hành tinh xa xôi để làm gì? Lúc đó, lòng tự ái của tôi trỗi dậy, nên tôi đã phản bác, rằng trái đất còn gì nữa mà con người chưa biết? Từ nhiều thế kỷ nay, con người đã khám phá tất cả những gì có thể khám phá, đã nghiên cứu tường tận về mọi sinh vật, mọi điều kiện sống, chẳng còn gì để phải tìm hiểu thêm nữa. Đây là lúc phải đi ra ngoài vũ trụ để nghiên cứu. Khi đó, ông Kris đã bật cười. Ông ấy nói: “Cách đây hàng ngàn năm, nhà hiền triết Socrates đã dạy các học trò của mình: *“Các con đừng đi tìm gì đâu xa, hãy tự hiểu biết mình, vì tự hiểu mình sẽ hiểu biết được vũ trụ”*. Một lời khuyên đầy minh triết mà chúng ta vẫn có thể áp dụng cho ngày nay được. Như ông cũng biết, vũ trụ rộng lớn bao la, có hàng triệu hành tinh, hàng triệu Thái Dương hệ, hàng triệu Tinh vân(*Nebula*), tất cả đều không ngừng quay, không ngừng biến chuyển, cái thì sinh ra, cái thì mất đi, sinh sinh, diệt diệt,

không bao giờ chấm dứt. Tuy nhiên, nếu quay vào bên trong, tu tập nội tâm, ông cũng sẽ thấy có hàng triệu tư tưởng nảy sinh trong tâm trí mình, tất cả cũng không ngừng quay cuồng, biến chuyển, lúc thì sinh ra, khi thì mất đi, sinh sinh, diệt diệt, cũng không hề chấm dứt. Tóm lại tâm của ta có khác gì vũ trụ đâu? Do đó nếu biết mình, biết sự thay đổi trong tâm mình, thì cũng có thể biết được những sự kiện muôn màu muôn vẻ bên ngoài vũ trụ".

Sau khi đi qua những trải nghiệm kỳ lạ và hành trình thức tỉnh của riêng mình, tôi ngày càng tâm đắc với câu nói đã được nghe nhiều năm trước: *"Xin đừng ngắm các vì sao khi mặt đất còn nhiều điều chưa hiểu hết"*.

Vào đầu cuộc nói chuyện chiều nay, tôi đã chia sẻ với anh những khủng hoảng, biến động chưa từng có của thế giới đang diễn ra. Và để hiểu hết cội nguồn, nguyên nhân, chúng ta không thể đi lên mặt trăng, sao Hỏa hay sao Kim đi tìm lời giải cho loài người đang sống dưới trái đất này được. Lời giải phải đến từ bên trong chúng ta.

Rất nhiều điều vô hình mà chúng ta chưa thấu hiểu hết được lại vô cùng quan trọng. Chính nghiệp báo đang tác động, ảnh hưởng lớn đến cuộc sống chúng ta và những biến cố lớn đang diễn ra ngoài kia sẽ không dừng lại.

Bây giờ tôi sẽ kể anh nghe những câu chuyện ông Kris đã chia sẻ gần đây mà theo tôi là quan trọng. Những câu chuyện này khá dài và liên tục nên tôi phải trực tiếp gặp anh chứ không thể nói chuyện qua điện thoại hay email được. Đó là lý do tôi muốn mời anh đến đây với tôi vài ngày. Và tôi không chỉ đơn giản chỉ kể lại cho anh nghe, mà từ đó chúng ta sẽ cùng đi tìm giải pháp cho những vấn đề của hiện tại và tương lai. Anh và tôi sẽ bước vào một cuộc hành trình, một sứ mệnh để góp phần chia sẻ, lan tỏa những giá trị hữu ích đến với mọi người - càng nhanh càng tốt. Chúng ta không còn nhiều thời gian nữa!

Tuy chuyến bay cũng khiến tôi khá mệt, nhưng tôi vẫn muốn bắt đầu câu chuyện và ghi chép ngay.

Sau đây là những cuộc đối thoại thú vị, đầy minh triết giữa ông Kris và Thomas, cùng với hành trình thức tỉnh tâm linh của Thomas.

BẠN MUỐN NHẬN NHIỀU EBOOKS HÃY, MIỄN PHÍ HƠN NỮA?

Mở Zalo quét mã QR CODE dưới đây



Hoặc nhấn vào link này để vào nhóm tặng sách: <https://bit.ly/hoi-yeu-sach>

Phần hai

BÍ ẨN NHỮNG CỖ GIỚI KHÁC: HÀNH TRÌNH CỦA NHỮNG LINH HỒN

Trong một lần gặp ông Kris, tôi có hỏi Kris một cách khôi hài rằng, nếu quay vào bên trong thì con người sẽ khám phá được những gì? Liệu chúng ta có thể giải đáp câu hỏi con người từ đâu đến hay chết đi sẽ về đâu hay không? Liệu sau khi hướng vào bên trong, chúng ta có được tăng lương thêm không? Kinh doanh có được tốt hơn không? Có tìm ra được những giải pháp cho các vấn đề cuộc sống quá phức tạp, ngổn ngang hay không?

Ông Kris không để ý đến hàm ý trêu đùa của tôi, ông nhìn thẳng vào tôi, nghiêm nghị trả lời:

- Câu hỏi của ông là vấn đề rất nghiêm túc và thú vị, đồng thời cũng là câu hỏi của rất nhiều người. Con người luôn có tính tò mò, cái gì cũng muốn biết, muốn hiểu. Nhưng biết để làm gì? Cho dù tôi nói thế nào cũng không thể thỏa mãn được tất cả mọi người. Nếu tôi nói rằng con người xuất phát từ hành tinh nào đó đến đây thì các nhà khoa học sẽ đòi hỏi bằng chứng xác thực. Nếu tôi nói rằng con người từ vật chất cấp thấp tiến hóa thành sinh vật, rồi thành người thì các tôn giáo cũng không chấp nhận. Nếu tôi nói con người do một đấng nào đó sinh ra thì có người sẽ đặt câu hỏi vậy ai đã sinh ra đấng đó. Nếu tôi khẳng định có một thế giới của những vong linh sau khi con người chết, có cả cõi giới của ma quỷ đang tồn tại song hành cùng chúng ta mọi người sẽ bắt tôi chụp ảnh vong linh hay dẫn một con ma đến để các nhà báo chụp ảnh, phỏng vấn thì mới tin. Tóm lại tất cả những câu trả lời đều không làm hài lòng mọi người. Muốn thấu hiểu chỉ có cách duy nhất là quay vào bên trong, tự khám phá, tự tìm kiếm câu trả lời thông qua việc tu tập, quán chiếu, để hiểu sự vận hành của tâm thức và thế giới, có điều, đó là câu trả lời mà chỉ có ai từng thực sự trải nghiệm mới hiểu, “*như người uống nước tự biết nóng lạnh*”, chứ chỉ nói suông không có ích gì. Hiện nay, phần lớn con người chỉ biết quay ra bên ngoài, đuổi theo những điều phù phiếm chứ không thấu hiểu các động lực bên trong đang chi phối đời sống của họ. Đa số mọi người chỉ chạy theo những ảo ảnh xa vời, càng ngày càng đi xa, càng lạc lõng, càng mất phương hướng, không quay về ngôi nhà nội tâm của mình được. Tất cả những gì hướng ra bên ngoài đều không mang lại kết

quả lâu dài được - bởi vì hiểu biết thật sự phải đến từ bên trong. Khi thế giới bên ngoài biến động lớn đến mức không còn điểm tựa nào nữa thì chính là đến lúc chúng ta buộc phải quay vào bên trong.

Tôi chăm chú lắng nghe, cảm nhận những điều ông nói rất thú vị nhưng vẫn không giấu được vẻ hoài nghi. Bởi cho đến lúc đó, tôi vẫn còn là con người của tư duy khoa học, đầu đã bắt đầu có những trực giác nhất định về thế giới tinh thần. Dường như đọc được những suy nghĩ của tôi, ông Kris chậm rãi nói tiếp:

- Những điều tôi nói trên đây là dựa vào những trải nghiệm và sự hiểu biết của tôi. Tất nhiên, trải nghiệm của tôi không thể là của ông, hiểu biết của tôi cũng chưa thể là của ông, nên sự hoài nghi xuất hiện trong ông là điều tất nhiên. Ông không cần phải tin những điều tôi nói mà nên tự trải nghiệm, tự suy ngẫm để tìm ra lời giải đáp của riêng mình. Vũ trụ không chỉ đơn giản chỉ là không gian rỗng với các hành tinh xoay chuyển mà còn có những luồng năng lượng biến chuyển liên tục theo những định luật phức tạp, tương quan vô cùng chặt chẽ với nhau. Hiện nay các nhà khoa học cho rằng mọi sự xảy ra trong vũ trụ chỉ là những hiện tượng vật lý và hóa học, như vậy là còn nhiều thiếu sót. Tương tự, con người không phải chỉ là cái thân xác vật chất mà bên trong còn có những nguồn năng lượng vô hình luôn biến chuyển, tác động tương hỗ qua lại liên tục giữa người này với người khác, dưới sự ảnh hưởng của các quy luật của vũ trụ, luật Nhân quả và Luân hồi.

Tôi lắng nghe chăm chú, đôi chút ngạc nhiên vì ông có thể biết được

điều tôi đang nghĩ. Tôi suy ngẫm những điều vừa nghe, rồi hỏi:

- Vậy các sinh vật sống ở hành tinh khác thì thế nào? Liệu chúng có bị chi phối bởi những luật này không?

Ông Kris bật cười, trả lời:

- Vũ trụ rộng lớn bao la với hàng triệu hành tinh, đời sống tại những nơi đó ra sao thì tôi không thể biết được. Tuy nhiên, theo sự nghiên cứu của tôi thì tất cả mọi sự, mọi vật trong vũ trụ này đều chịu sự chi phối của luật Luân hồi và Nhân quả. Ngay trên trái đất này, ngoài thế giới của loài người và loài vật còn có cõi giới của các sinh vật khác mà hầu như mọi người còn chưa biết, việc gì phải đi tìm kiếm đâu xa?

Tôi hết sức ngạc nhiên, lập tức hồi lại:

- Ông vừa nói còn có những cõi giới khác nữa sao?

Ông Kris gật đầu, xác nhận:

- Cõi giới (*Realm*) là những vùng cấu tạo bởi các nguyên tử có sự rung động đặc biệt tương thích với các sinh vật sống trong không gian đó. Tùy sự cấu tạo và rung động của nguyên tử mà hình hài, thể chất các sinh vật cũng biến đổi theo hoàn cảnh của cõi giới đó. Cõi giới hiện nay của chúng ta cấu tạo bởi các nguyên tử có sự rung động chậm và thô, nên thích hợp với cơ thể vật chất, là thể giới chúng ta nhìn thấy mỗi ngày đây. Các cõi khác thì nguyên tử rung động thanh và nhẹ nên giác quan vật chất của chúng ta không thể nhận biết, nghe hay nhìn thấy được. Những cõi này đều có những sinh vật sống tại đó, chỉ là chúng ta không thể nhìn thấy đó thôi, nhưng không nhìn thấy không có nghĩa là chúng không hiện hữu.

Tất cả những gì hướng ra bên ngoài đều không mang lại kết quả lâu dài được - bởi vì hiểu biết thật sự phải đến từ bên trong. Khi thế giới bên ngoài biến động lớn đến mức không còn điểm tựa nào nữa thì chính là đến lúc chúng ta buộc phải quay vào bên trong.

Tôi buột miệng hỏi:

- Phải chăng ông đang muốn nói về ma quỷ? Ông cho rằng ma quỷ là có thật hay sao?

Ông Kris nhìn thẳng vào mắt tôi, nói rất chậm:

- Không những ma quỷ là có thật mà còn có rất nhiều thực thể được phân cấp bậc sống ở các cõi giới khác nữa. Đối với đa số mọi người, ma quỷ là một khái niệm được cho là mơ hồ, có người tin và có nhiều người không tin. Nếu ông tin là có ma quỷ, thì ma quỷ sẽ hiện hữu, còn ông không tin là có ma quỷ thì ma quỷ cũng vẫn cứ hiện hữu. Nếu tôi nói với ông dưới lòng đất có dầu hỏa thì dù ông có tin hay không, mỏ dầu hỏa vẫn ở dưới đó. Người có kiến thức về địa chất sẽ khai thác mỏ lấy dầu, người thiếu kiến thức thì bỏ lỡ cơ hội. Trong phạm vi Thái Dương hệ của chúng ta hiện nay, có nhiều cõi giới khác nhau. Ma quỷ (*Spirits*) có cõi riêng. Thần linh (*Deva*) có cõi giới riêng. Thánh nhân (*Sages*) cũng có cõi giới riêng của họ. Ngoài ra còn có các loài sinh vật lạ lùng với cõi

giới riêng của chúng nữa. Những cõi này bao trùm lên nhau, tùy theo sự rung động của nguyên tử khác nhau mà tạo ra các “chiều không gian” (*Dimension*) riêng biệt.

Thấy tôi chăm chú lắng nghe, ông giải thích tiếp:

- Hiện nay, hầu hết mọi người không tin có cõi giới nào khác ngoài cõi giới của loài người, vì giác quan của họ không nhận thức được các cõi kia. Nhưng không nhận thức được không có nghĩa là chúng không hiện hữu. Hiện nay trên không trung có vô số làn sóng điện của radio, tivi hay điện thoại mà ông đâu nhìn thấy, nghe thấy hay sờ thấy được, nhưng ông vẫn biết chúng hiện hữu vì có thể sử dụng điện thoại, tivi, radio, radar để bắt những làn sóng đó. Nhờ sóng truyền hình, ông có thể thấy được hình ảnh chương trình trên các kênh tivi. Cũng như thế, khi tu tập nội tâm, phát triển định lực, nhận thức trở nên tinh tế hơn, thì ông có thể bắt được các rung động từ các chiều không gian kia, rồi biết được sự sinh hoạt của các cõi khác.

Tôi đã bị thuyết phục phần nào trước sự phân tích chặt chẽ, nhưng vẫn im lặng, ông Kris nói tiếp:

- Đa số mọi người ngày nay có tính hồ nghi, chỉ thích nghe những gì muốn nghe, và bỏ qua những việc không thích, do đó rất khó có thể nói cho họ biết về những cõi giới kia. Dù có nói ra, họ cũng đòi phải có bằng chứng, phải chứng minh được thì mới chịu tin. Do đó, việc nói về các cõi giới khác không có ích gì trong lúc này.

Tôi suy nghĩ thêm, rồi hỏi:

- Vậy thì các cõi giới đó liên hệ và tác động tới cõi giới của chúng ta như thế nào? Trước giờ tôi chưa từng nhận biết được sự tồn tại của cõi giới nào khác cả.

Ông Kris nhìn tôi, vẻ thú vị với câu hỏi, rồi điềm tĩnh giải thích:

- Cõi giới loài người bị giới hạn bởi các yếu tố vật chất, còn cõi giới của các thực thể khác như ma quỷ, thiên thần, hay thánh nhân thì rộng lớn hơn, bao trùm lên cõi giới loài người. Ngoài ra còn có những cõi giới khác lớn hơn nữa, bao trùm lên các hành tinh, Thái Dương hệ, các thiên hà, vượt ngoài sự hiểu biết của tôi. Như ông đã biết, sự rung động chậm và thô sinh ra các yếu tố vật chất, với

sự rung động thanh, nhẹ thì vật chất chuyển thành năng lượng. Tại các cõi giới có nguyên tử rung động thanh, nhẹ thì không có yếu tố vật chất, tất cả chỉ là năng lượng hay tư tưởng thôi, vì là cõi tư tưởng nên các thực thể thuộc những cõi này có thể biết được tư tưởng của con người, còn con người thuộc cõi vật chất không thể biết được các cõi giới khác và các tư tưởng thuộc cõi giới đó.

Tôi giật mình, lập tức hỏi lại:

- Ông nói rằng ma quỷ, thần thánh có thể hiểu được chúng ta đang nghĩ gì hay sao?

Ông Kris bật cười:

- Dĩ nhiên là có thể. Không những ma quỷ, mà các thực thể thuộc các cõi khác cũng có thể biết được tư tưởng, suy nghĩ, ý định, hành động của con người một cách dễ dàng. Để tôi lấy ví dụ cho ông dễ hiểu. Chúng ta lớn hơn côn trùng nên có tầm nhìn rộng lớn hơn chúng. Nếu quan sát con kiến tìm mồi dưới đất và ta thấy cách đó không xa có một hạt gạo, mà nếu con kiến tiếp tục đi nó sẽ gặp hạt gạo đó. Vì con kiến không thể nhìn xa, nên khi chưa đến chỗ đó, nó không biết gì về hạt gạo kia. Còn chúng ta, vì có tầm nhìn bao quát hơn, chúng ta có thể thấy trước được việc này và biết con kiến sẽ tìm được hạt gạo. Tương tự như vậy, cõi giới cao hơn có tầm nhìn lớn hơn nên thực thể ở cõi đó có thể nhận biết hay nhìn thấy trước một số sự kiện chưa xảy ra ở thế giới này.

Ông Kris dừng lại để cho tôi suy ngẫm về những điều vừa nói, rồi tiếp tục:

- Một số người, qua công phu tu luyện, hay có một khả năng đặc biệt nào đó, được mở rộng nhãn quan, có thể tiên đoán được một số sự việc xảy ra cả vài thập kỷ thậm chí cả thế kỷ sau đó. Họ thường được gọi là những nhà tiên tri. Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm là những tiên đoán này không phải lúc nào cũng chính xác. Bởi vì tương lai không bao giờ cố định mà luôn thay đổi tùy theo biến chuyển tâm thức của nhân loại.

Tôi hỏi thêm:

- Vậy những lời tiên tri có thể ứng nghiệm hay không ứng nghiệm như thế nào?

Ông Kris từ tốn trả lời:

- Không ai có thể bảo đảm mọi việc sẽ xảy ra tuyệt đối chính xác theo một kịch bản nào đó được. Những nhà tiên tri chân chính không bao giờ nói thẳng mà thường chỉ sử dụng ẩn dụ, hoặc những câu thơ bóng bẩy, lời nói hàm ý để cảnh báo nhân loại. Họ biết mọi sự xảy ra trên đời đều do nhân quả thu xếp, nhưng còn tùy năng lực chiêu cảm của nhân loại mà thời gian có thể thay đổi, có khi đến sớm, có khi đến muộn, cả mức độ xảy ra cũng không cố định, có khi nặng, có khi nhẹ. Bất cứ ai một khi đã gây nhân ắt sẽ có quả nhưng khi nào nhân trở quả thì còn tùy vào lực chiêu cảm, hành vi tiếp theo và công đức của mỗi người. Chính vì vậy, số mệnh con người không bao giờ cố định mà luôn luôn thay đổi tùy theo tâm thức và sự thức tỉnh của người đó. Người xem tử vi dựa trên ngày tháng, sự vận hành của các vì tinh tú, chỉ có thể nói một cách tổng quát, đại cương thôi, vì mọi sự vẫn còn có thể thay đổi.

Số mệnh được định sẵn khi con người sinh ra chỉ là cái khung sườn (Framework), còn các chi tiết bên trong có thể thay đổi tùy lực chiêu cảm của tâm thức con người. Khi con người có thêm hiểu biết, có nhận thức mới và quyết tâm thay đổi từ tâm thức, thay đổi suy nghĩ, lời nói và hành động, thì khi đó con người mới có thể cải biến được số mệnh.

Tôi chăm chú lắng nghe, vỡ ra nhiều điều. Im lặng một lúc, tôi hỏi thêm:

- Thế sự thay đổi từ bên trong đó diễn ra như thế nào?

Ông Kris giải thích nhẹ nhàng:

- Kinh sách Ấn Độ có câu chuyện như sau: “Một ông vua khi lên ngôi thấy cung điện của mình cũ kỹ, nhỏ bé, xấu xí, ông đã chi rất nhiều tiền của, tuyển các nghệ nhân nổi tiếng trong vương quốc đến để xây mới lại cung điện của mình huy hoàng, tráng lệ hơn, mặc dù năm ấy nạn đói hoành hành khắp nơi, người dân không có đủ lương thực để ăn. Ngày nào nhà vua cũng đốc thúc các thợ thuyền dồn sức làm việc ngày đêm, làm sao cho cung điện phải thật sang trọng nguy nga. Ông muốn có một chiếc ngai bằng vàng ròng, bồn tắm bằng ngọc, phòng ốc được trang hoàng cầu kỳ bằng đá quý với các chi tiết chạm trổ hết sức kỳ công. Ít lâu sau, nhà vua mắc một căn bệnh nan y. Các y sĩ giỏi trong vương quốc dù đã cố gắng hết sức cũng đều phải bó tay, không thể cứu chữa. Các nhà chiêm tinh nổi tiếng trong nước được triệu tới để đoán vận mệnh cho nhà vua. Các nhà chiêm tinh sau khi xem xét kỹ đều nói rằng nhà vua cùng lắm chỉ sống được một tháng nữa, vì số mạng của nhà vua đến đó đã là số tận. Nhà vua trong tuyệt vọng vẫn suy tính: Nếu chết, ta làm sao để

có thể mang của cải, cung vàng điện ngọc theo được đây? Cuối buổi, khi mọi người ra về hết, một vị chiêm tinh già rất có uy tín nán lại, tiến đến nói nhỏ một câu gì đó chỉ đủ cho nhà vua nghe. Nhà vua bỗng biến sắc, lặng người suy nghĩ. Nửa đêm hôm đó, cả triều đình bất ngờ khi nhà vua đột nhiên ra lệnh hủy bỏ ngay lập tức việc xây cất cung điện, mang tất cả của cải, vàng bạc bố thí cho dân nghèo trong cả vương quốc. Nhà vua đã chấp nhận số phận của mình.

Nhưng thật kỳ lạ, sau khi từ bỏ việc xây cất cung điện và tiến hành phát chẩn cứu đói, sức khỏe nhà vua mau chóng hồi phục trước sự kinh ngạc của tất cả triều thần. Nhà vua cho gọi vị quan chiêm tinh đó đến để hỏi chuyên. Vị chiêm tinh già nhìn nhà vua một lúc rồi chậm rãi giải thích: “Theo lá số chiêm tinh, mệnh của nhà vua thật ra đã hết, nhưng hành động bố thí lớn lao vừa rồi đã chiêu cảm được những điều tốt lành, may mắn và chuyển hóa được nghiệp báo nên nhà vua sẽ không phải chết nữa”.

Trong khi tôi còn đang bàng hoàng về câu chuyện thì ông Kris chậm rãi khẳng định:

Bất cứ ai một khi đã gây nhân ắt sẽ có quả nhưng khi nào nhân trở quả thì còn tùy vào lực chiêu cảm, hành vi tiếp theo và công đức của mỗi người, chính vì vậy, số mệnh con người không bao giờ cố định mà luôn luôn thay đổi tùy theo tâm thức và sự thức tỉnh của người đó. Khi con người có thêm hiểu biết, có nhận thức mới và quyết tâm thay đổi từ tâm thức, thay đổi suy nghĩ, lời nói và hành động, thì khi đó con người mới có thể cải biến được số mệnh.

- Đó chính là nguyên lý "Hoán cải số mệnh - Đức năng thắng số" mà ông đã từng nghe. Thật ra, gần như ai cũng biết đến nguyên lý này nhưng ít người thực hiện được, vì tâm họ còn nhiều tham sân si, ích kỷ, thường chỉ biết nghĩ cho riêng mình mà không nghĩ đến thiên hạ, chúng sinh. Nhất là những người có nhiều của cải, quyền lực thường có tư tưởng bám chấp rất lớn, dù họ biết chết đi không mang theo được gì cả. Ở phạm vi lớn hơn, các quốc gia chịu ảnh hưởng lớn từ sự chuyển đổi tâm thức, hướng thiện từ những người giữ vị trí cao nhất, rồi đến sự thức tỉnh của đa phần những người dân sống trong quốc gia đó. Tuy nhiên, ông cũng lưu ý rằng bố thí, làm việc thiện không thể là hành vi có mục đích riêng, nhằm cứu vãn một tai họa nào đó cho bản thân. Đó phải là sự giác ngộ, thức tỉnh trong tâm để chuyển hóa thành hành vi thiện nguyện, là việc thiện chỉ vì lòng thiện chứ không thể vì bất kỳ động cơ nào khác. Từ đó, mới chiêu

cảm được những điều tốt lành và số mệnh mới có thể chuyển biến, ông cần nhớ rằng làm việc thiện phải từ tâm, không cần hồi báo. Chúng ta làm điều tốt vì đó là điều đúng đắn nên làm chứ không phải vì mong muốn nhận lại được điều tốt cho bản thân.

Tôi gật đầu và nói:

- Tôi hiểu rồi. Việc "cải mệnh" hóa ra có vẻ đơn giản nhưng lại không hề đơn giản. Không phải cứ mặc sức làm điều độc ác, hại người lợi mình, rồi sau đó vì sợ sự trừng phạt của nhân quả nên vội vàng bỏ tiền bỏ của ra làm những việc công đức nặng tính hình thức là có thể xóa đi nghiệp ác hay báo ứng được. Nếu không thực sự xuất phát từ suy nghĩ, hành động thiện tâm thì không một ai trên đời có thể thay đổi được nghiệp quả.

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi với vẻ thú vị:

- Vị vua trong câu chuyện trên có thể cải số vì đó là sự thức tỉnh từ việc lắng nghe lời khuyên của vị chiêm tinh già, nhưng đó cũng là sự giác ngộ thật sự. Từ sự giác ngộ đó, ông phát tâm từ bi bố thí cho dân, việc trước giờ ông chưa bao giờ làm, và ông cũng không mong cầu gì nên đã tạo công đức lớn. Những việc làm thiện có tính toán thiệt hơn vẫn gieo được nhân tốt nhưng phần công đức tích được bị trừ đi, còn lại rất ít.

Ông vua trong câu chuyện trên là một vị vua hiếm hoi có thể thức tỉnh rằng cung vàng điện ngọc và quyền lực của kiếp người chỉ là hư vô, chết rồi sẽ không mang theo được. Nhưng có mấy vị vua nghĩ được như thế, đa số họ còn ra lệnh đòi mang theo vàng bạc, châu báu, binh tướng, cung nữ chôn theo mình. Nhìn vào lịch sử cổ đại, ông có thể thấy rằng từ rất sớm, các vị vua, đặc biệt là ở Ai Cập, Trung Hoa, đã bắt đầu xây lăng mộ xa hoa, thậm chí bắt người hầu, cung nữ và những đội quân chôn theo để vẫn có thể hưởng thụ quyền lực sau khi chết. Chưa kể hàng trăm, hàng ngàn người phu xây lăng mộ vua chúa đều bị chôn sống theo mộ để giữ bí mật vị trí lăng mộ. Tất cả đều là nghiệp dữ. Con cháu của những vị vua đó đương nhiên sẽ bị quả báo, gặp họa sát thân, triều đại cũng sớm bị tiêu vong. Những hoàng đế Trung Hoa thường mời những pháp sư, nhà phong thủy giỏi nhất tính toán vị trí long huyệt để xây lăng mộ cho mình, nhằm toan tính cho triều đại và con cháu của mình sẽ cai trị mãi mãi. Nhưng cuối cùng, có triều đại nào là vĩnh viễn đâu? Vị vua tốt biết lo cho dân cho nước sẽ tạo nền tảng tốt cho triều đại và quốc gia thêm vững bền. Không có long huyệt phong thủy nào có thể cứu vãn được sự tàn ác và thất đức. Tần Thủy Hoàng quyền uy một

cõi, nhất thống thiên hạ, từng lập nên một triều đại vẻ vang nhưng đồng thời gây ra rất nhiều tội ác, làm bao người chết oan ức, muôn dân lầm than, ông ta muốn bất tử để có thể làm hoàng đế vĩnh viễn nên tin dùng những đạo sĩ để truy tìm thuốc tiên, rồi xây lăng mộ vĩ đại cho bản thân để mong tiếp tục làm hoàng đế sau khi chết. Ông hãy nhìn các báo cáo về việc khai quật lăng mộ Tần Thủy Hoàng, nhìn những đội quân đất nung hàng chục ngàn người cùng một phần lăng mộ đã được khai quật này là có thể thấy tham vọng điên cuồng của ông ta. Sử ký *Tư Mã Thiên* đã ghi chép lại Tần Thủy Hoàng đã ra lệnh cho hơn 700.000 người ngày đêm xây lăng mộ cho mình nằm sâu dưới một ngọn đồi, bao quanh bởi hào sâu được đổ đầy hàng trăm tấn thủy ngân cực độc, chưa kể các cạm bẫy chết người cùng vô số lời nguyền, bùa chú trấn yểm nhằm ngăn chặn kẻ khác đột nhập lăng mộ để chiếm đoạt vàng bạc châu báu.

Tôi mỉm cười nói:

- Đúng là không có giới hạn nào cho lòng tham của con người một khi họ đã trầm mê trong quyền lực. Vậy ngôi mộ này có thực sự huyền bí như người ta đã đồn đại?

Ông Kris mỉm cười rồi nói tiếp:

- Trước cửa mộ Tần Thủy Hoàng có đặt một tấm bia đá, ghi khắc rất rõ tất cả những gì có trong mộ và ngay cả bản đồ kiến trúc ra sao (mộ chính, các dòng sông thủy ngân, các tinh tú vũ trụ trên vách cùng bốn đoàn quân đất nung canh mộ với đầy đủ binh mã, chiến xa...). Tuy nhiên, có một chi tiết là dòng chữ cuối trên tấm bia đá ghi rõ đây là long mạch Trung Hoa, nếu mở mộ này thì Trung Hoa sẽ tan rã trở lại, chia năm xẻ bảy như thời chiến quốc, rơi vào cảnh phân tranh hỗn loạn. Lời nguyền đe dọa này khiến Hán Cao Tổ sau này dù muốn đập phá mộ để trả thù thì cuối cùng cũng phải hạ lệnh cho quân sĩ đổ đất đá lấp kín lăng mộ và bồi đắp cao như một ngọn núi để đời sau không ai biết nơi này là mộ Tần Thủy Hoàng nữa. Ông ta còn để lại di chúc cho con cháu đời sau xây mộ mả xung quanh khu vực long mạch này để giữ cho đất nước được thống nhất, thịnh trị. Hiện nay, quanh mộ Tần Thủy Hoàng còn vài chục ngôi mộ lớn nhỏ của các vị vua nhà Hán. Nhiều triều đại sau đó như Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh... không một hoàng đế nào dám đụng đến vùng lăng mộ đó vì sợ chạm vào long mạch. Những bí mật và vị trí ngôi mộ Tần Thủy Hoàng bị chôn vùi qua bao đời. Mãi đến sau này vài thập kỷ gần đây, một số nông dân khi đào tình cờ phát hiện ra một cửa vào ngôi mộ, chính quyền Trung Quốc lập tức tập trung cho khai quật di chỉ khảo cổ này ngay, nhưng khi khai quật sâu vào trong và nhìn thấy tấm

bia đó, họ đã không tiếp tục đào mở cửa mộ. Tuy có bốn đội quân đất nung, nhưng chính quyền chỉ cho đào đội quân phía Nam để người dân tham quan. Ba đội quân kia, dù đã biết vị trí, nhưng họ không cho phép khai quật nữa. Phần mộ chính quanh núi đều có quân đội canh gác nghiêm ngặt ngày đêm.

Đến tận ngày hôm nay, người ta vẫn chỉ công bố là không đủ công cụ khoa học để mở cửa chính của lăng mộ Tần Thủy Hoàng vì sợ hủy hoại di vật lịch sử. Nhưng ở một đất nước tin phong thủy như Trung Quốc, truyền thuyết về lăng mộ Tần Thủy Hoàng lại càng được người dân đồn đại theo màu sắc huyền bí. Nhiều chuyên gia hiểu về phong thủy địa mạch cũng cho rằng nếu chạm vào huyết mộ Tần Thủy Hoàng thì sẽ tổn hại đến long mạch quốc gia, khiến đại lục tan rã. Lời nguyên từ vị bạo chúa để lại cho hậu thế có nhiều cách hiểu nhưng chắc chắn ông ta mong muốn duy trì triều đại nhà Tần đến thiên thu vạn đại. Nhưng, nghiệp dữ đã gây ra thì phải trả, không có một thế lực nào của loài người đủ vĩ đại để kháng cự lại luật Nhân quả.

Tôi hỏi:

- Vậy, chính sự tàn ác của triều đại Tần Thủy Hoàng là nguyên nhân khiến triều đại này vẫn sống?

- Đúng vậy. Mặc dù Tần Thủy Hoàng muốn sống đời đời để cai trị đất nước của mình nhưng ông ta chỉ làm hoàng đế được mười hai năm rồi lâm bệnh chết vào năm bốn mươi chín tuổi. Dù lăng mộ Tần Thủy Hoàng đã được tính toán đặt ở long huyết với những sắp xếp phong thủy cao thâm, nhưng sau khi ông ta chết, triều đại vĩ đại của ông ta chỉ kéo dài thêm vốn vẹn được có bốn mươi sáu ngày nữa. Các con ông ta người thì tự sát, người thì sau khi đăng cơ đã lập tức ra lệnh giết sạch những người con còn lại của Tần Thủy Hoàng và rồi cuối cùng cũng tuyệt mệnh cùng triều đại nhà Tần. Tần Thủy Hoàng khi tại thế rất muốn chống lại thiên mệnh nhưng không cách nào thắng được nghiệp báo từ những việc tàn ác mà ông ta đã làm.

Tôi thắc mắc:

- Vậy tại sao có những nghiệp quả đến nhanh và có những nghiệp quả đến chậm?

Ông Kris trả lời:

- Số mệnh con người, cũng như tất cả mọi sự xảy ra đều do những nhân đã gây ra từ trước. Bệnh tật cũng thế, phần lớn những bệnh hiểm nghèo cũng đều do những nhân và nghiệp đã tạo ra khi xưa. Sinh mệnh dài hay ngắn đều được sắp đặt bởi luật Nhân quả, nhưng tùy năng lực chiêu cảm của mỗi người mà việc trả quả sẽ xảy ra lúc này hay lúc khác, lúc nhanh, lúc chậm. Do đó, nếu hiểu biết, người ta có thể thay đổi được số mệnh, cũng như tránh được tật bệnh, bởi vì mệnh số thật ra không cố định. Vận mệnh, tốt hay xấu, may hay rủi, đều không cố định, sinh tử cũng không cố định, ông cũng biết, ngay trong tâm của chúng ta có đủ các loại hạt giống, hay còn gọi là chủng tử, tốt cũng như xấu, đã tích tụ từ muôn ngàn kiếp trước. Tại sao có người luôn gặp chuyện chẳng lành? Vì lúc nào họ cũng tính toán, cũng mang suy nghĩ ghen tức, xấu xa, nên chiêu cảm các hạt giống xấu ẩn trong tâm họ được kích hoạt. Nếu con người biết ngăn chặn những ý nghĩ xấu, chỉ suy nghĩ đến điều tốt, làm việc thiện, thì sẽ chiêu cảm những hạt giống lành sẵn có trong tâm nảy sinh, ngăn chặn ảnh hưởng của các hạt giống xấu, không cho chúng khởi phát lên - từ đó mới chuyển đổi được số mệnh, càng nhiều hạt giống thiện được sinh sôi thì càng ít hạt giống xấu nảy mầm. Càng làm nhiều việc thiện thì sẽ chuyển đổi được càng nhiều nghiệp quả xấu thành tốt. Cũng giống như người trồng rau, nếu biết bón phân, chăm sóc cẩn thận thì rau sẽ mọc lên tươi tốt, nếu không làm gì thì cỏ dại sẽ mọc lấn át rau trái. Hiện nay, không mấy ai để ý đến việc này. Khi sung sướng, giàu sang, người ta có thể không biết suy nghĩ sâu xa mà cho rằng mình tài giỏi nên có quyền được hưởng những tiện nghi đó. Thật ra, những điều họ có được ngày nay đều do những nhân lành đã gieo từ trước mà hiện nay trổ quả, gọi là phước báu. Có người hưởng phước lớn, có người hưởng phước nhỏ, tùy theo nhân đã tạo. Tuy nhiên phước cũng giống như tiền bỏ vào ngân hàng, nếu cứ tiêu ra mà không bỏ thêm vào thì trước sau cũng hết. Mấy ai đã biết hỏi khi một người hết phước đức thì chuyện gì xảy ra với mình?

Ông Kris dừng lại một lúc cho tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Con người ngày nay đa số đều có tính tham lam, ích kỷ không biết đến làm việc thiện, bố thí hay nhân quả của làm việc thiện, bố thí là gì. Họ chỉ biết chiếm đoạt, tích trữ của cải cho thật nhiều, nghĩ rằng mình có thể hưởng thụ mãi mãi. Họ không biết rằng ngay lúc sung sướng đã có bất hạnh rình rập. Nhiều người không bao giờ cho ai một thứ gì mà chỉ biết lấy đi của người khác, lấy được càng nhiều càng tốt, bất kể hậu quả và không bao giờ biết đủ. Những người ấy không những đã tự mình gieo nhân xấu mà còn khuyến khích người khác làm như mình, khiến cho vô số người cũng bị sa vào con đường lầm lạc. Họ không biết gì về nhân quả hay sự quân bình của luật tự nhiên. Khi lấy ra mà không bù lại

chính là làm mất quân bình, do đó tự nhiên phải tạo ra động lực khác để lập lại sự quân bình vốn có. Nếu để ý, ông sẽ thấy phần lớn những người tham lam, ích kỷ, làm mọi thứ chỉ để tích trữ của cải cho nhiều, nếu không gặp các tai nạn bất thường thì cũng mắc các chứng nan y. Đó là họ đang phải trả lại những gì đã lấy qua hình thức chi phí chữa bệnh hoặc đau đớn và lo âu. Những người sử dụng địa vị, quyền thế, chiếm đoạt tài sản người khác thường gặp việc không may, thậm chí tán gia bại sản và tù tội. Không những thế, động lực tự nhiên thường rút bớt sự sống của những người này. Khi chết họ bị nghiệp lực dẫn dắt vào cõi giới ngạ quỷ, chịu đói khát, khổ sở để học bài học về cái giá phải trả của sự độc ác, tham lam.

Tôi hỏi thêm:

- Thế giới ngạ quỷ sinh hoạt như thế nào?

Ông Kris giải thích:

- Cũng như loài người, ma quỷ có loài tốt, loài xấu. Có loài giúp người, có loài hại người, có loài có quyền năng, có loài vô tri, u mê, không biết gì hết. Loài người có các chủng người khác nhau, cư ngụ tại địa phương khác nhau thì ma quỷ cũng có chủng loại khác nhau, sống ở những nơi khác nhau. Ma quỷ cũng sinh sản, tăng trưởng, rồi chết đi như chúng ta vậy. Thời gian và kiếp sống của ma quỷ không giống nhau, có loài sống rất lâu, có loài có kiếp sống còn ngắn hơn chúng ta nữa. Tùy theo nghiệp lực, có khi ma quỷ cũng chuyển kiếp thành người, thành súc vật hay các sinh vật khác.

Nếu con người biết ngăn chặn những ý nghĩ xấu, chỉ suy nghĩ đến điều tốt, làm việc thiện, thì sẽ chiêu cảm những hạt giống lành sẵn có trong tâm này sinh, ngăn chặn ảnh hưởng của các hạt giống xấu, không cho chúng khởi phát lên - từ đó mới chuyển đổi được số mệnh. Càng nhiều hạt giống thiện được sinh sôi thì càng ít hạt giống xấu nảy mầm. Càng làm nhiều việc thiện thì sẽ chuyển đổi được càng nhiều nghiệp quả xấu thành tốt.

Tôi ngạc nhiên:

- Ông nói thêm về việc ma quỷ chuyển kiếp thành người được không? Vì sao từ ma quỷ lại lên làm người?

Ông Kris mỉm cười, chậm rãi nói:

- Trong vòng luân hồi, mọi sinh vật đều chuyển kiếp qua những cõi giới khác nhau, tùy theo sự thu xếp của nhân quả. Con người khi chết có thể chuyển kiếp thành ma, âm linh. Tương tự như thế, ma quỷ khi chết cũng có thể chuyển kiếp thành người. Nếu để ý, ông sẽ thấy hiện nay trên thế giới có những nơi mà đa số dân chúng có lòng oán thù, sân hận rất cao nên chiêu cảm các loài ma quỷ hung ác chuyển kiếp đến đó làm người. Chúng khuyến khích mọi người thù hận, chém giết lẫn nhau, gây ra chiến tranh. Điều này dễ hiểu vì những loài ma quái hung dữ đều thích tìm đến những nơi chốn thích hợp với tâm địa tàn ác của chúng để hoạt động. Có bao giờ ông tự hỏi tại sao có những quốc gia lúc nào cũng lâm cảnh chiến tranh, giết chóc không ngừng? Tại sao mọi giải pháp hòa bình đều vô hiệu? Phải chăng vì lòng thù hận và tâm sân hận nơi đó quá cao, không thể dập tắt? Nếu nhìn bằng cặp mắt tinh thần, ông sẽ thấy chính sự thù hận, tham lam, giận dữ đã kêu gọi những loài ma quái hung dữ tìm đến. Ngoài ra, những người tâm địa xấu xa, tàn ác khi chết thường trở thành ma quỷ đi khắp nơi gieo rắc điều ác. Ngay cả những người bình thường lúc gần chết, thần thức u mê không sáng suốt cũng bị những loài ma dữ đến dụ dỗ, dẫn dắt họ vào cõi giới tăm tối của ma quỷ. Chúng thường biến ra hình dáng người thân như cha mẹ, anh em, bạn bè đến đón, khiến người kia bị lừa gạt theo chúng. Hầu hết những kẻ ích kỷ, tham lam, cướp của, giết người, cưỡng đoạt tài sản người khác đều bị thu hút vào cõi giới ma quỷ, như nam châm hút sắt, khó thoát ra được. Đó là vì tư tưởng, hành động của họ thích hợp với cõi giới đó. *"Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu"* chính là như vậy.

Tôi hỏi tiếp:

- Tại sao ma quỷ phải dẫn dụ, lôi kéo con người như thế?

Ông Kris bật cười:

- Ma quỷ cũng thích kéo bè kết đảng, nên càng đông người theo thì chúng càng có nhiều thuộc hạ. Tại sao con người bị dẫn dụ theo chúng? Nhiều người không có tính tự chủ mà thường bị hoàn cảnh xung quanh lôi cuốn. Nếu có bạn xấu rủ họ đi vào con đường rượu chè, cờ bạc, sa đọa thì nghe thuyết phục mãi họ cũng xiêu lòng nên mắc vào các thói xấu đó. Dù không thích uống rượu hay sử dụng ma túy nhưng hàng ngày giao du với người thích nhậu nhẹt, hút xách thì theo thời gian cũng bị tiêm nhiễm lúc nào không hay. Đó là hậu quả của việc kết giao với bạn xấu. Tuy nhiên, cũng cần nhớ rằng sự lừa dối, dễ dãi, buông thả là những

điều dễ chọn lựa hơn là chăm chỉ, kỷ luật, thiền định, làm phúc... Thế nên, nhiều người tu tập nhiều năm nhưng chỉ vài phút buông thả thân tâm là toàn bộ công quả tu hành sẽ tan theo bọt nước. Chính sự ham muốn hưởng lạc, lòng tham, sân si với danh lợi, dục vọng là ma lực chiêu cảm ma quỷ đến thao túng. Đó gọi là tâm ma và ai trong chúng ta cũng có tâm ma. Cũng như thế, do những đam mê, ham muốn của con người nên khi họ qua đời, thần thức u mê không tự chủ lại gặp ma quỷ đến rủ rê thì các tính tham lam vốn có nổi lên, cộng thêm lòng tò mò hiếu kỳ, nghe lời hứa hẹn hảo huyền, muốn có được những điều mê cuồng, hào nhoáng, nên họ dễ bị đưa đến cõi giới tăm tối mà đáng lẽ ra họ không phải đến.

Tôi hỏi tiếp:

- Nếu bị đưa vào cõi giới đó, họ sẽ ra sao?

Ông Kris

- Những người bị dẫn dụ sẽ phải sống tại cõi giới ma quỷ rất lâu. Họ vô cùng khổ sở, vì ở đó phần lớn là những kẻ hung ác, dã man, đối xử với nhau vô cùng tàn bạo. Cõi giới ma quỷ cũng có cảnh ma lớn hiếp đáp ma nhỏ, quỷ cũ bắt nạt quỷ mới, bắt họ phải phục dịch và làm việc theo sự sai khiến của chúng. Trong cõi giới của loài người thì con người còn biết phân biệt tốt xấu, đúng sai và có thể lựa chọn làm việc tốt hay xấu, nhưng ở cõi giới ma quỷ, phần lớn toàn là những chuyện xấu xa, độc ác vì ma quỷ có đầu óc u mê, điên cuồng sân hận, không còn phân biệt phải trái nữa. Cõi giới ma quỷ ghê rợn, khủng khiếp không thể nói cho hết được. Một khi đã vào cõi này thì rất khó thoát ra vì đầu óc đã điên đảo, u mê theo, không còn khả năng tự chủ, không còn biết đúng sai, nên đành cam chịu làm thủ hạ cho các loài ma quỷ, đi gieo rắc các điều xấu xa. So với loài người thì ma quỷ đông hơn rất nhiều và càng ngày con số này càng gia tăng. Do đó, làm người đã khó, một khi sa đọa cõi u tối thì để trở lại làm người càng khó hơn, phải trải qua quá trình tu tập rất dài. Làm ma quỷ thì dễ hơn, vì ma quỷ không phân biệt tốt xấu, chúng chỉ làm mọi thứ chúng muốn làm. Tuy nhiên, dù là ma hay quỷ thì khi tạo nghiệp cũng sẽ phải trả nghiệp, khi đã gieo nhân thì phải gặt quả, từ luật Nhân quả áp dụng cho mọi sinh vật, dù vô hình hay hữu hình.

Tôi thắc mắc:

- Ông có nhắc đến việc ma quỷ cũng có lúc chết đi phải không? Ông có thể giải thích rõ hơn không?

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế, khi kiếp ma quỷ chấm dứt, tùy nhân quả thu xếp mà một số ma quỷ sẽ chuyển kiếp xuống cõi giới ghê rợn hơn như địa ngục, hay trở lại cõi trần này dưới xác thân loài vật hung dữ để tiếp tục giết chóc, cắn xé và gây đau đớn cho loài vật khác. Một số cũng chuyển kiếp thành người nhưng thường sinh vào hạng người ngu si, bần cùng, hạ tiện phải làm tôi tớ cho kẻ khác, bị đánh đập, hành hạ. Một số trở thành nạn nhân bị hãm hại, bị giết để họ trải nghiệm sự đau đớn, khổ sở mà khi xưa họ đã gây ra cho người khác. Nhưng vì những người này vẫn mang trong tâm thức những hạt giống của kiếp ma quỷ, nên lại không ngừng gây điều ác, tạo thêm nghiệp ác. Hận thù tiếp tục chổng chất trong vòng sân hận, luẩn quẩn cũng là nguyên nhân sâu xa khiến nhiều nơi trên thế giới hiện nay cứ gặp chiến tranh liên tiếp, không bao giờ yên.

Tôi hỏi:

- Nói vậy là có một nơi như địa ngục thật sao?

Ông Kris xác nhận:

- Theo sự hiểu biết của tôi thì địa ngục là cõi giới có thật. Đó là một cõi đặc biệt với những rung động của nguyên tử cực kỳ phức tạp. Dù phát triển định lực đến mức nào cũng không thể đến đó được. Tôi chỉ biết là tùy vào nghiệp lực dẫn dắt mà một số sinh vật phải sống tại đó thôi.

Tôi thắc mắc:

- Nếu thế khi chết con người đi đâu?

Ông Kris thông thả trả lời:

- Khi chết con người bước vào cõi âm, hay gọi là Trung giới. Đây là nơi sau khi từ trần, các vong linh tạm trú trước khi chuyển kiếp. Trung giới không phải là cõi của ma quỷ. Ma quỷ có cõi riêng. Vong linh sẽ ở cõi Trung giới trước khi chuyển qua nơi khác như vào cõi ma quỷ, trở lại làm người hay chuyển kiếp thành súc vật, tùy vào nghiệp lực. Cũng có khi vong linh chuyển qua cõi của các sinh vật khác nữa hay vào cõi của các bậc thánh nhân. Thời gian ở cõi âm không nhất định, có khi vong linh ở đây một thời gian ngắn rồi chuyển kiếp, nhưng cũng

có khi vong linh ở đây rất lâu, cả trăm năm, không chừng còn hơn nữa. Những vong linh có lòng quyến luyến vật chất thường lang thang, vật vờ ở cõi này, không thể siêu thoát. Vong linh tồn tại trong trạng thái u mê vì sự tham lam, quyến luyến hay hận thù quá nặng, không ý thức được mình đã chết, hoặc cứ bám víu lấy những tài sản vật chất như nhà cửa, đồ đạc... Ông có thể thấy hiện tượng này ở những căn nhà bị ám hay những món đồ trang sức mang lại điều bất thường cho người đeo vì những từ lực của người chủ cũ. Ngoài ra, những người tự tìm lấy cái chết, chết bất đắc kỳ tử khi số mạng chưa hết, thường ở đây một thời gian khá lâu.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao lại thế?

Ông Kris giải thích:

- Số mệnh con người được định sẵn bởi luật Luân hồi nhưng khi thọ mệnh chưa hết mà người đó tự tìm lấy cái chết, hoặc chết bất đắc kỳ tử vì tai nạn, hay là nạn nhân của sự giết chóc, thì họ ở trong tình trạng đặc biệt, không thể siêu thoát được, vì thân xác họ tuy đã mất nhưng sinh lực vẫn còn nên họ chưa thể chuyển kiếp. Do đó, họ "mắc kẹt" giữa hai cõi. Những vong linh chết oan, bị giết hay chết vì tai nạn thường đau khổ, đôi khi oán hận, tìm cách trả thù. Điều này có thể giải thích cho hiện tượng những quãng đường từng xảy ra tai nạn chết người thường có nhiều tai nạn xảy ra sau đó nữa. Những ngôi nhà xảy ra án mạng, có người bị giết thường có sự không may xảy ra. Linh hồn những người tự sát cũng thường đọa lạc trong đau đớn. Nếu đến gần nghĩa địa, chiến trường, nơi có nhiều người chết, chúng ta đều có cảm giác rùng mình sợ hãi, đó là vì âm khí của những vong linh chưa siêu thoát vẫn còn lảng vảng quanh đó.

Từ trước đến nay, hầu hết các tôn giáo đều đề cập đến vong linh, linh hồn và cả ma quỷ nhưng không mấy người tin mà chỉ xem đó là một kiểu hù dọa hay niềm tin mù quáng. Bất kỳ việc gì khoa học cũng đòi phải có bằng chứng thì mới công nhận, trong khi giác quan chúng ta rất giới hạn, không thể nhận thức được mọi sự. So sánh giác quan của loài người và loài chó, ta sẽ thấy loài chó tuy không thể nhìn xa như người nhưng có thể nhìn được nhiều thứ mà người không thấy. Loài chó nghe được nhiều âm thanh mà chúng ta không thể nghe, ngửi được nhiều thứ mà chúng ta khó lòng nhận biết. Dĩ nhiên giác quan loài chó khác loài người nên chúng có nhận thức khác chúng ta. Do đó, không nên kết luận một thứ gì đó không tồn tại chỉ vì giác quan chúng ta không nhận thức được.

Ông Kris dừng lại một lúc cho tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Nhiều người lầm tưởng Trung giới là địa ngục và cho rằng đó là nơi tối tăm, ghê rợn. Thật ra đó là hai cõi hoàn toàn khác nhau. Cõi Trung giới sáng sủa nên được gọi là “Cõi sáng” (*Astral Plane*), là nơi có rất nhiều màu sắc biến ảo lạ lùng, kể cả những màu mà chúng ta không nhìn thấy như tử ngoại (*Ultraviolet*) hay hồng ngoại (*Infra-red*). Sự sinh hoạt tại đây rất linh động vì các nguyên tử rung động không những thanh nhẹ, mà còn xoay chuyển rất nhanh, do đó các hình hài, sắc tướng biến đổi dễ dàng. Vì cấu tạo bởi nguyên tử thanh nhẹ nên các thực thể di chuyển như lướt đi, xuyên qua mọi vật, chứ không có sự đụng chạm. Điều đặc biệt của cõi giới này là quan niệm về thời gian và không gian hoàn toàn khác cõi trần nên khó có thể ước định thời gian vong linh tạm trú nơi đây.

Ông Kris trầm ngâm một lúc rồi nói thêm:

- Những điều tôi nói đây chỉ là sự hiểu biết của tôi qua công phu tu tập trong nhiều kiếp sống. Tôi biết nói ra lúc này có thể ông không tin. Tuy nhiên, ông và tôi đã là bạn, tu tập với nhau trong nhiều kiếp, tôi chỉ nhắc lại điều ông đã biết thôi. Vũ trụ có nhiều năng lượng uyên nguyên, năng lượng này thấm nhuần vào mọi vật và tạo ra sự sống. Một số năng lượng bị ô nhiễm bởi những tư tưởng xấu xa hay dục vọng nên biến thành một loại ma lực mà người ta có thể sử dụng nếu biết cách. Ma quái thường sử dụng những ma lực này vào việc riêng của chúng. Một sô phù thủy cũng biết cách sử dụng ma lực làm bùa chú, thư phù.

Ông Kris dừng lại, chăm chú nhìn tôi, rồi nói tiếp:

- Khi xưa người xứ Og của Atlantis đã sử dụng nghi thức cúng tế bằng huyết nhục cho các loài ma quái, nhờ chúng rút đi sinh lực con người, khiến họ mất khả năng suy nghĩ, trở nên khờ khạo, thụ động, dễ sai bảo. Khi Atlantis chìm xuống biển, dân xứ này trôi dạt nhiều nơi, bắt đầu tạo dựng các nền văn minh khác nhau trên thế giới, xứ Og nằm gần châu Mỹ nên người xứ này đã đến Nam Mỹ, xây dựng văn minh Inca, Maya và Aztec. Đó là những nền văn minh huy hoàng, tiến bộ không thua gì Ai Cập, với nhiều đền đài, kim tự tháp vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Vì ảnh hưởng tính hung ác của văn hóa xứ Og, nên lịch sử của những nền văn minh này ghi nhận nhiều cuộc chiến tàn bạo giữa các bộ lạc và kẻ thắng trận sẽ luôn thắng tay tàn sát kẻ thua trận. Các tù binh chiến tranh đều bị móc ruột, moi tim trong những nghi thức tế thần bằng huyết thịt.

Ông Kris giải thích thêm:

- Năng lượng của vũ trụ tạo ra sự sống thì vô hình, thường biểu hiện dưới dạng nguyên tử, khi bị ô nhiễm bởi dục vọng thì chuyển thành ma lực. Nói rõ hơn, ma lực là những hạt nguyên tử bị bọc lại trong những bọt khí của dục vọng nên trở thành ô nhiễm. Trong vũ trụ, những tư tưởng có tính chất tham lam, ích kỷ, dâm dục, hung bạo, thường tạo ra bọt khí dục vọng, quay cuồng trong không gian một lúc rồi tan ra. Một số bọt khí bám được vào những hạt nguyên tử để duy trì sự sống, trở thành ma lực có thể kéo dài sự sống. Kẻ hung ác, lúc nào cũng nghĩ đến việc ích kỷ, hại nhân thường tạo quanh mình một thứ ma lực cá nhân. Nhiều kẻ hung ác sẽ tạo ra ma lực có ảnh hưởng lớn hơn. Một số ma quỷ có thể chuyển kiếp thành những tư tưởng gia, chính trị gia chuyên đề xướng các lý thuyết phi nhân, xúi giục con người hận thù, gieo rắc các điều ác. Một số thành các bạo chúa, hay nhà độc tài có quyền lực rất lớn, gây chiến tranh khắp nơi. Đôi khi chúng chuyển kiếp thành giáo chủ những tà giáo, kêu gọi sự trợ giúp của các loại ma quỷ thiên về dục vọng, tạo ảnh hưởng lên xã hội. Càng nhiều người có tư tưởng thiên về dục vọng sẽ càng kêu gọi được các động lực ma quái đến, tăng sức mạnh cho chúng, ảnh hưởng đến mọi người vào lúc họ thiếu tự chủ. Những ma lực này thường tác động vào đầu óc những người trẻ, chưa biết kiểm soát tư tưởng hay những người chịu ảnh hưởng các chất tác động thần kinh như rượu hay ma túy, dẫn họ vào những con đường tội lỗi như cướp của, giết người hay những phong trào cổ xúy bạo lực, sự tà ác, tư tưởng thanh tẩy thế giới, làm đảo lộn trật tự xã hội.

Ông Kris dừng lại một chút, rồi cất lời với vẻ ưu tư:

- Chắc ông cũng thấy, thời gian gần đây có rất nhiều tà phái nổi lên, với những người lãnh đạo có ma lực hết sức ghê gớm. Họ tự xưng là đảng này đảng nọ, dạy dỗ những điều người ta thích nghe hoặc những điều kích thích trí tò mò. Họ có lối thuyết giảng hấp dẫn nhưng thật ra chỉ là hình thức thôi miên tâm trí. Một số người còn sử dụng bùa chú kêu gọi những động lực ma quái đến trợ giúp. Họ biết rõ thị hiếu tham lam của quần chúng và cổ xúy những phương pháp hưởng thụ khoái lạc, thỏa mãn dục tính, dẫn dắt những người theo họ vào con đường lầm lạc. Khi sinh lực suy kiệt, đầu óc mê muội, không còn khả năng suy nghĩ thì người ta rất dễ bị sai khiến. Khi những tà phái này ngày một đông, ảnh hưởng của ma lực ngày một mạnh, thì sẽ tạo ra được thành kiến có thể ảnh hưởng tới cộng đồng, xã hội. Dần dần người ta dễ dàng chấp nhận các hành vi ích kỷ, tham lam, dâm ô, vô cảm, luyến ái bệnh hoạn như lẽ bình thường. Khi giá trị đạo đức suy đồi, ảnh hưởng của ma lực không thể khống chế, thì loài người có thể đi

đến chỗ diệt vong. Hiện nay rất nhiều người đã bị những ma lực này ảnh hưởng khiến họ điên đảo, quay cuồng không còn khả năng phân biệt phải trái, đúng sai nữa. Tại một số nơi, không ai còn tin tưởng vào những giá trị luân lý, đạo đức mà chỉ biết chạy theo tiếng gọi của tiền bạc, danh vọng, địa vị hay quyền lực. Ông có thể thấy, tại những nơi đó, con người sống trong sự tham lam, giận dữ, hung bạo, hận thù, tất cả chỉ chờ dịp bùng nổ. Từ sáng đến tối, họ chỉ tìm cách cướp đoạt, chiếm hữu mọi thứ cho kỳ được, bất chấp hậu quả của luân lý, đạo đức hay pháp luật. Các tư tưởng xấu này hiện diện khắp nơi, khiến người hiền lành cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Hiện nay, ông đang sống tại nơi tương đối thanh bình nhưng nhìn ra thế giới, vẫn còn những cảnh chém giết, chiếm đoạt, quốc gia này xâm chiếm quốc gia khác, dân tộc này chém giết dân tộc kia, giành nhau từng mảnh đất, từng mỗi lợi. Xã hội đầy những chuyện cướp bóc, gia đình cũng đầy những chuyện lừa lọc, tranh đoạt tài sản, nếu không sớm thay đổi thì khó có thể tránh khỏi những tai họa ghê gớm sắp xảy ra.

Ánh mắt ông Kris toát lên vẻ nghiêm nghị khi ông nói tiếp những lời này:

- Những điều này đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ. Khi con người mất nhân tính, hành động theo thú tính, tạo ra hỗn loạn, thì tự nhiên phải tạo ra biến động để lập lại trật tự. Do đó mà có nạn động đất, núi lửa, lụt lội, hạn hán - lúc đầu nhẹ để cảnh cáo, sau nặng dần và đến chỗ hủy diệt tất cả. Ông đã trải qua biến động này trong kiếp sống tại Atlantis và cũng đã thấy rõ ảnh hưởng của những ma lực này ghê gớm như thế nào qua những trận chiến khốc liệt, khi con người điên cuồng, hung bạo, không còn nhân tính. Ông cũng đã chứng kiến một xã hội vô cảm, người thuộc giai cấp cao thẳng tay đàn áp, bóc lột không thương tiếc những người thuộc giai cấp thấp, sự chiếm đoạt thân xác người khác để thỏa mãn dục tính là việc xảy ra bình thường trong xã hội đó. Chuyện gì xảy ra sau đó thì ông cũng đã biết.

Tôi lên tiếng, đầy suy tư:

- Ông có nghĩ những việc này sẽ xảy ra nữa không?

Ông Kris trầm giọng:

- Hiện nay, ông đã thấy có đủ hiện tượng kỳ lạ xuất hiện khắp nơi như thiên tai, lụt lội, hạn hán, động đất, cháy rừng, núi lửa phun trào, bệnh dịch toàn cầu, nạn đói, châu chấu phá mùa màng... Tất cả như một lời cảnh cáo đối với nhân loại, vấn đề là, nếu tai họa xảy ra ở "nơi nào đó" xa xôi thì người ta chẳng quan tâm.

Con người chỉ biết sợ khi những tai họa này xảy đến cho chính họ. Tuy nhiên, đến lúc tai họa gõ cửa tận nhà thì họ cũng hoảng loạn, bó tay, không biết làm gì. Ít ai hiểu rằng nguyên nhân sâu xa của tai họa là do những tư tưởng mang tính dục vọng của con người. Khi con người mất đi bản chất người, mất hết lương tri, chỉ biết tham lam, ích kỷ thì sẽ chiêu cảm những ma lực ghê gớm đến, nên những hiện tượng bất thường mới xảy ra.

Ông Kris dừng lại như chờ xem phản ứng của tôi. Thấy tôi im lặng, ông giải thích thêm:

- Điều tôi sắp nói đây chắc chắn nhiều người sẽ không tin. Các thiên tai xảy ra đều do nhân quả. Nếu nhìn bằng con mắt khoa học thì những thiên tai đều có nguyên nhân vật chất, ví dụ, sự chuyển động của các mảng kiến tạo (*Tectonic Plates*) tạo ra động đất. Áp lực dưới lòng đất khiến núi lửa phình trào hay xảy ra sóng thần; và vi trùng, vi-rút thì gây ra dịch bệnh. Tuy nhiên, nếu nhìn bằng con mắt tinh thần thì những hiện tượng này đều có nguyên nhân xuất phát từ các tư tưởng điên đảo, tham lam, sân hận và cả những hành vi phá hoại tự nhiên của con người, tất cả cộng lại tạo thành ma lực có thể dời núi, lấp biển. Nguyên nhân khởi đầu của những hiện tượng này xuất phát từ cõi vô hình rồi sau mới chuyển qua cõi vật chất. Một số nhà tiên tri nhờ công năng đặc biệt thấy trước được việc này từ cõi vô hình và đưa ra lời cảnh cáo, nhưng có mấy ai tin.

Ông Kris dừng lại một chút rồi từ tốn nói tiếp:

- Tư tưởng vốn dĩ chỉ là một hình thức của năng lượng. Những năng lượng này khi tích tụ đến một cường độ mạnh mẽ nào đó, có thể chuyển từ cõi tinh thần qua cõi vật chất. Các tư tưởng tham lam, sân hận, bạo lực, giết chóc có thể chuyển qua cõi vật chất tạo ra các hiện tượng như bão tố, thiên tai, dịch bệnh... Khi quán chiếu nội tâm, ông có thể thấy rõ nguyên nhân và diễn tiến của quá trình này. Thật ra, ông từng làm việc này trước đây rồi nhưng nay ông đã quên. Con người không cần phải đi tìm hiểu vũ trụ xa xôi bên ngoài mà chỉ cần quay vào bên trong cũng có thể biết được nhiều điều.

Một lần nữa, ông Kris lại nói về một kiếp sống xa xưa nào đó mà tôi đã từng phát triển khả năng này. Tôi suy nghĩ về điều đó nhưng thấy không phải là lúc thích hợp để hỏi thêm nên cũng chỉ im lặng. Thấy vậy, ông Kris nói tiếp:

- Hiện nay, ít ai hiểu rõ về sức mạnh của tư tưởng. Nếu quay vào bên trong, ông sẽ thấy tư tưởng con người xoay chuyển rất nhanh, tư tưởng này vừa nảy sinh

lại có tư tưởng khác ra đời, liên tục như sóng thủy triều, cũng vì thế nên ít ai có thể kiểm soát được tư tưởng. Trong thế giới quay cuồng hiện nay, con người ngày càng mất tự chủ và để những lực ảnh hưởng bên ngoài chi phối. Bên cạnh những mặt tích cực thì những phát minh công nghệ như internet và các sản phẩm kèm theo, chẳng hạn trò chơi điện tử hay mạng xã hội, cũng đã phát tán những thông tin sai lệch, những hình ảnh dâm dục, kích động bạo lực, ganh ghét, hận thù đi khắp nơi. Tất cả những điều độc hại đó tác động vào tâm trí con người, khiến họ dần trở nên mê muội và rồi thụ động để cho chúng xâm nhập, thẩm thấu vào bản thân từ ngày này qua ngày khác. Dần dần, họ trở nên vô cảm và vô trách nhiệm, không biết phân biệt đúng sai, bởi đầu óc của họ đã điên đảo lúc nào không hay.

Ông Kris trầm ngâm rồi nói thêm:

- Hiện nay, ông đã thấy xã hội nảy sinh ra một thể hệ "nghiện công nghệ" như một bệnh khó chữa, suốt ngày chỉ lướt mạng xã hội, sống trong thế giới ảo của game online. Họ kết bạn khắp nơi qua các trò chơi, rồi lệ thuộc, sống hẳn trong thế giới ảo đó, hoàn toàn vô cảm với mọi thứ xảy ra xung quanh. Dần dần họ trở nên lãnh đạm, không tha thiết hay quan tâm tới cuộc sống đang diễn ra, không thể nói chuyện với người thân trong gia đình, không còn khả năng giao tiếp với xã hội. Từ sáng đến tối, họ ở trong trạng thái ngây ngất như kẻ nghiện thuốc phiện. Họ sống thần thờ, mơ màng, không cảm xúc, vô trách nhiệm vì đã mất hết sinh lực, mất hết tinh thần, nhân tính, ý chí.

Tôi có chút nghi ngờ hỏi lại:

- Có phải ông hơi nói quá không vậy? Đến mức như vậy sao?

Kris nhìn tôi rồi trả lời từ tốn:

- Điều này hiện đã xảy ra ở hầu hết các quốc gia, dần dần đe dọa những nền tảng tinh thần và đạo đức của toàn thể nhân loại. Không quốc gia nào có thể tránh được thảm họa của thứ ma lực này. Để tôi giải thích một cách khoa học thì có lẽ dễ hiểu hơn. Căn nguyên là từ những sóng điện phát sinh từ tư tưởng con người.

Tư tưởng con người là luồng sóng điện phát ra với một tần số nào đó. Nếu đầu óc của hai người nào đó có rung động tương tự, có thể đáp ứng tần số của nhau, thì họ sẽ hiểu hay dễ cảm thông cho nhau hơn. Nếu rung động không đồng nhịp

thì không thể hiểu nhau được. Những người đang yêu nhau, tư tưởng của họ rung động đồng nhịp, nên họ thông cảm và hiểu nhau một cách dễ dàng. Một người mẹ, khi đưa con gặp chuyện khó khăn, dù ở xa đến đâu cũng cảm thấy nóng ruột, biết ngay là có chuyện, cũng nhờ tần số rung động đồng nhịp này. Những người có tâm trí bình thản có khả năng bắt được những làn sóng rung động tinh tế, nên dễ cảm thông với người khác hơn những người có tâm trí náo động. Cũng như thế, khi có định lực sâu xa, ông có thể đọc được tư tưởng người khác vì đầu óc của ông có thể bắt được tần số sóng của tư tưởng phát ra từ người kia. Có bao giờ ông tự hỏi tại sao khi đến gần người hung dữ, độc ác ông liền cảm thấy khó chịu không? Vì tư tưởng người đó có rung động không thích hợp với ông. Cũng như thế, phải chăng ông có cảm giác bình yên khi đến gần các tu sĩ thánh thiện vì tư tưởng của họ phản ánh sự bình an, thanh khiết?

Ông Kris dừng lại như để cho tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Vấn đề hiện nay là thế giới chịu ảnh hưởng của công nghệ quá nhiều. Các sản phẩm công nghệ hoạt động liên tục ngày đêm, hai mươi bốn giờ mỗi ngày, bảy ngày mỗi tuần, nên những luồng sóng tư tưởng của dục vọng, tham lam, ích kỷ lan tràn khắp nơi trên các phương tiện đại chúng, gây ảnh hưởng, xáo trộn đầu óc con người mà không mấy ai để ý. Những ai không làm chủ được tư tưởng, để đầu óc tiếp xúc với luồng sóng kia, dù lúc đầu không đồng nhịp thì theo thời gian cũng sẽ bị cộng hưởng, rồi rung động theo nó và chịu sự chi phối của nó. Khi số người chịu những ảnh hưởng này tăng lên thì sức mạnh của ma lực này cũng gia tăng theo. Người bình thường xem hình ảnh bạo lực, khiêu dâm có thể thấy khó chịu lúc đầu nhưng nếu cứ tiếp tục xem mãi thì hình ảnh này sẽ tạo ra các rung động lên đầu óc của họ, dần dần họ bị tác động và xem đó là chuyện bình thường. Người chơi các trò video game cũng thế, lúc đầu chỉ là trò giải trí lôi cuốn đường như vô hại, nhưng một khi tiếp tục chơi thì phải sống hẳn trong cái thế giới ảo đó để trở thành tay chơi chuyên nghiệp. Theo thời gian, đầu óc của họ chỉ còn lưu tâm những sự kiện của thế giới ảo, quên đi thực tại, giảm mất khả năng giao tiếp hay nhận thức về thực tại. Họ chỉ có thể nói chuyện với những người cùng chơi video game trong thế giới ảo giống như họ, trong khi khó có thể tiếp xúc một cách tỉnh táo với con người ngoài xã hội, và họ cũng không có nhu cầu giao tiếp. Họ trở thành dạng người không còn cảm xúc, không biết yêu thương, không thể tự lập hay đóng góp gì cho xã hội nữa. Đó là thảm cảnh của mặt trái công nghệ mà ban đầu ít ai nhận ra.

Tôi gật đầu tán thành với những phân tích mang tính khoa học này, rồi chia sẻ thêm:

- Tôi có biết về hiện tượng trẻ em nghiện internet hay video game, tôi cũng cho rằng đó là vấn đề thật sự đáng báo động. Nhưng ông có nghĩ rằng khi lớn lên chúng sẽ đổi khác được không?

Ông Kris lắc đầu:

- Không đâu, một khi đã bị thứ ma lực này lôi cuốn thì khó có thể dứt ra được, vì đầu óc đã mất khả năng suy nghĩ độc lập rồi. Khi còn nhỏ đã quen sống trong thế giới ảo thì lúc lớn khó mà từ bỏ được. Khi đầu óc đã vô cảm, không còn ý thức, trở thành người vô trách nhiệm thì làm sao có thể trưởng thành được. Dù có chuyện gì xảy ra họ cũng không quan tâm. Thiên tai, tai nạn, dịch bệnh, người chết hàng loạt diễn ra thì sao? Họ cũng không để ý đến. Vì đó đâu phải là thế giới của họ nữa. Thế xác họ vẫn ở đó nhưng đầu óc của họ lại ở một thế giới khác. Tuy nhiên, nếu internet bị cắt, máy tính bị hỏng hay điện thoại bị mất thì họ sẽ cảm thấy rất khó chịu và phản ứng thái quá ngay, có nhiều người trở nên giận dữ, mất đi lý trí vì sự xáo trộn trong thế giới ảo của họ. Những người này có thể nhịn ăn, nhịn mặc, không cần người thân, không cần lập gia đình nhưng không thể sống mà thiếu video game hay internet được. Ma lực này vô cùng ghê gớm, có thể làm suy kiệt cả một thế hệ, phá hoại nền tảng gia đình, đảo lộn trật tự xã hội. Đây là thảm họa đang đe dọa nhân loại những vấn đề chưa được lưu tâm đúng mức.

Ông Kris dừng lại để cho tôi suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Ngày nay, quảng cáo thương mại xuất hiện nhan nhản khắp nơi, tạo ra đủ loại nhu cầu và khiến cho người ta trở nên tham lam hơn trước, ví dụ ông không thích món ăn nào đó, nhưng hàng ngày cứ thấy quảng cáo về món ăn đó với những hình ảnh cám dỗ, thì ít lâu sau, tự nhiên ông lại cảm thấy muốn ăn thử. Quảng cáo là nghệ thuật lặp đi lặp lại, tạo ra ham muốn, nhắc nhở người ta phải sở hữu, phải mua sắm, phải tiêu thụ. Người có nhiều tiền thì không nói làm gì, nhưng người không có nhiều tiền cũng dốc hết hầu bao mua cho bằng được, vì quảng cáo cũng tạo ra tâm lý ganh đua: Anh có thứ đó thì tôi cũng phải có thứ đó. Tóm lại chỉ người sản xuất là được hưởng lợi. Hiện nay, đa số nhân loại không còn sống thoải mái, hồn nhiên như xưa mà vì chịu ảnh hưởng của những ma lực này nên ngày càng trở nên ích kỷ, tham lam, và đôi khi tàn nhẫn với người khác. Các nền tảng của đạo đức truyền thống đã mất đi, không mấy ai còn sáng suốt để nhận định nữa mà cứ để hoàn cảnh xung quanh lôi cuốn. Ngày nay, một số sản phẩm công nghệ còn xúi giục con người bằng các phim ảnh dâm ô, đồi trụy, bạo lực khiến cho những người còn bận tâm về đạo đức, sự thanh cao cũng ngày một ít

đi. Các trò video game dẫn dắt con người, khiến họ u mê trong thế giới ảo, làm cho tâm trí họ trở nên điên đảo. Các quảng cáo dẫn dụ con người mua sắm, tiêu thụ, có thứ này lại phải mua thêm thứ khác, không bao giờ biết đủ. Các phim ảnh truy lạc, dâm ô khuyến khích con người hành động theo dục tính, phá hoại truyền thống gia đình, nam nữ tự do luyến ái, bất chấp hậu quả. Trong tương lai, có nguy cơ xã hội sẽ mất đi truyền thống hôn nhân hay nền tảng gia đình, chỉ còn là những sự trao đổi xác thân, tình yêu bị thay thế bởi tình dục. Không có nền tảng gia đình, không có tình nghĩa vợ chồng, con người sẽ bơ vơ, lạc lõng, không nơi nương tựa, như cái cây bị mất gốc, và rồi dễ bị dẫn dắt vào một thế giới điên đảo, quay cuồng không lối thoát. Thế mà đa số vẫn cho lối sống đó là văn minh tiến bộ. Khi con người sống tham lam, ích kỷ, vô cảm hay sân hận thì sẽ gây ra tình trạng chiếm đoạt, cướp bóc, thậm chí có thể đi đến sự giết chóc để thỏa mãn lòng tham, gây xáo trộn xã hội và tự nhiên. Thế giới có chiến tranh là vì đâu? Phải chăng vì sự tham lam, sân hận, oán thù giữa người với người, giữa quốc gia này với quốc gia khác?

Ông Kris suy nghĩ một lúc, rồi tiếp tục, giọng trầm xuống:

- Hiện nay các loại dịch bệnh ghê gớm đang xuất hiện ngày một nhiều hơn, để lại hậu quả ngày một khủng khiếp hơn. Nếu nhìn lại lịch sử, ông sẽ thấy có những sự trùng hợp xảy ra. Hầu hết dịch bệnh đều xuất hiện sau những trận chiến tranh, trong triều đại vua chúa tàn ác hay trong một xã hội mà con người sống điên đảo, bất phân thị phi. Trong suốt lịch sử nhân loại, đã biết bao lần con người trên trái đất này phải đối phó với các loại dịch bệnh hoành hành, gây muôn cảnh tang thương, nhưng một khi qua khỏi, họ lại tiếp tục những thói quen từ trước mà không chịu tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến thảm cảnh vừa qua. Trong thời buổi khoa học thì người ta chỉ quy lỗi cho vi trùng, vi-rút, không mấy ai biết tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa, gốc rễ khác.

Tôi thật sự quan tâm đến vấn đề này, nên tiếp tục hỏi tới:

- Vậy ông nghĩ rằng nguyên nhân của dịch bệnh đều do chiến tranh, sự tàn ác, vô cảm và thói giết chóc của con người gây ra sao?

Ông Kris lắc đầu:

- Không hẳn thế, có những dịch bệnh bắt nguồn từ sự giết chóc như bệnh dịch hạch, bệnh đậu mùa... Nhưng cũng có dịch bệnh phát xuất từ sự luyến ái bừa bãi như bệnh giang mai, hoa liễu hay từ sự truy lạc vô độ như bệnh AIDS. Tương tự

như thế, dịch bệnh Ebola hay SARS gần đây, đều là sự cảnh cáo về thói tham lam quá độ của con người, chiếm đoạt thiên nhiên, phá rừng, xẻ núi, bắt giết thú hoang phục vụ cho thú ẩm thực. Thiên nhiên đã phản ứng lại bằng các loài vi khuẩn, vi-rút sống trên thân thể sinh vật, rồi truyền nhiễm vào con người, tạo ra các dịch bệnh kỳ lạ. Có lẽ thời tiền sử cũng có dịch bệnh từ trâu bò, gà vịt lây qua người, nhưng theo thời gian, con người tạo được hệ thống miễn dịch nên ngày nay chúng ta ăn thịt các sinh vật này mà không bị ảnh hưởng, trong điều kiện chúng được chăn nuôi hợp vệ sinh. Tuy nhiên các động vật hoang dã thì khác, chúng có thể mang những loại vi-rút, vi trùng mà chúng ta chưa có sức đề kháng. Theo tôi biết, nguyên nhân sâu xa của bệnh dịch Ebola bắt nguồn từ sự giết chóc trong các cuộc chiến giữa các nhóm phiến quân châu Phi, đó là nghiệp giết chóc (*Killing Karma*).

Nguyên nhân sâu xa của dịch bệnh SARS là sự tham lam vô độ của con người, hay là nghiệp tham lam (*Creed Karma*). Nếu chúng ta không biết rút kinh nghiệm từ những thảm họa này, tương lai sẽ có những bệnh dịch ghê gớm hơn nữa. Khi dịch bệnh phát tán, trở thành đại dịch của nhân loại, lém ra không khí, truyền khắp thế giới, giết hại phần lớn nhân loại, thì không ai còn có thể ngăn chặn được nữa.

Ông Kris kết luận:

- Dĩ nhiên là các nhà khoa học sẽ tìm cách chữa trị nhưng làm sao có thể chữa đến tuyệt căn? Hết dịch bệnh này sẽ có dịch bệnh khác, vì nguyên nhân thật sự gây ra bệnh vẫn còn đó - con người vẫn gây ác, vẫn tạo nghiệp. Để chữa tận gốc, chúng ta cần phải đi sâu vào các nguyên nhân và thay đổi chúng từ gốc rễ. Như tôi đã trình bày, những tư tưởng tham lam, ích kỷ, tàn bạo, vô cảm tạo ra bọt khí ô nhiễm của dục vọng rồi chuyển biến thành các ma lực ghê gớm. Trải qua năm tháng, ma lực này lan tỏa, ảnh hưởng khắp nơi, tạo thành những thành kiến, những thói quen không dễ gì thay đổi. Rễ của nó đã bám chặt trong tư tưởng con người dưới dạng những tà thuyết mà mọi người tin tưởng, không dễ gì nhổ bỏ được. Mọi hành động hay ý nghĩ của con người đều gây ra nhân, và đã có nhân thì phải có quả. Khi con người làm những việc trái với luân thường đạo lý, trái luật thiên nhiên, làm mất cân bằng vũ trụ thì các tai ương hay tật bệnh chắc chắn sẽ xảy ra.

Tôi lo lắng:

- Nói như thế thì không có cách gì ngăn ngừa, chữa trị được những dịch bệnh này

rồi.

Ông Kris mỉm cười, đáp lại:

- Có chứ, tất cả ma lực đều có nguyên nhân phát xuất từ tư tưởng của con người. Nếu chúng ta có thể cùng nhau chuyển hóa những tư tưởng thù hận, tham lam, ích kỷ bằng những tư tưởng cao thượng, tốt lành, chuyển hóa các hành động độc ác, giết chóc bằng tình thương yêu rộng lớn thì tất cả mọi việc đều có thể thay đổi. Một khi mỗi cá nhân có thể sửa đổi nghiệp quả của mình bằng cách làm việc thiện lành thì một tổ chức hay một quốc gia cũng có thể làm như vậy để chuyển nghiệp và có sự thay đổi tốt đẹp hơn. Thay đổi cộng nghiệp nhân loại là việc nói thì dễ nhưng làm rất khó, không một cá nhân, đoàn thể hay quốc gia nào có thể riêng lẻ mà thực hiện được. Mọi người phải làm việc cùng nhau, vì đây là tương lai chung của nhân loại chứ không phải riêng quốc gia nào. Câu hỏi đặt ra là hiện nay mọi người có thể làm việc cùng nhau không? Các quốc gia có thể hợp tác với nhau không?

*

Nếu chúng ta có thể cùng nhau chuyển hóa những tư tưởng thù hận, tham lam, ích kỷ bằng những tư tưởng cao thượng, tốt lành, chuyển hóa các hành động độc ác, giết chóc bằng tình thương yêu rộng lớn thì tất cả mọi việc đều có thể thay đổi. Một khi mỗi cá nhân có thể sửa đổi nghiệp quả của mình bằng cách làm việc thiện lành thì một tổ chức hay một quốc gia cũng có thể làm như vậy để chuyển nghiệp và có sự thay đổi tốt đẹp hơn.

Buổi nói chuyện này của Thomas và ông Kris diễn ra vào giữa năm 2017. Thomas lưu ý tôi rằng đây là vấn đề chỉ nên được viết ngắn gọn, không nên đi vào quá chi tiết, nên tránh nói nhiều về những điều chưa xảy đến, nhưng một sự cảnh báo để nhiều người thức tỉnh để thay đổi cũng là điều cần thiết.

Mọi việc xảy ra đều theo quy luật Nhân quả. Dĩ nhiên đã có nhân thì sẽ đến lúc nhận quả, nhưng thời gian có thể không cố định do sự thay đổi tư duy và hành động của con người. Nếu mọi người sống hòa thuận với thiên nhiên, không còn giết chóc, bỏ thói tham lam, tiêu trừ sự ích kỷ, kiêu căng thì có thể tạo ra các năng lượng chuyển hóa lan tỏa mạnh mẽ. Thomas cũng nói thêm rằng các dịch bệnh hiện nay chính là những dấu hiệu cảnh cáo nhân loại rằng đã đến lúc phải thay đổi. Nếu để ý, chúng ta có thể thấy các loại bệnh tật ngày càng dữ dội và càng lây lan nhanh hơn. Những tai ương này sẽ để lại hậu quả, tạo ra nhiều thay

đổi mà không ai lường trước được. Điều quan trọng nhất là mọi người cần nhận thức được đây là cộng nghiệp chung của nhân loại, tất cả chúng ta đều là nguyên nhân gây ra tình trạng này và mỗi cá nhân vẫn có thể thay đổi số mệnh bằng cách thay đổi chính mình.

Cả ông Kris và Thomas đều cho rằng vai trò của những người hiểu biết về việc này rất quan trọng, vì họ có thể truyền cảm hứng và tạo ra những tư tưởng đạo đức chân chính, đẩy lùi được những ma lực kia. Tư tưởng của thế giới là tổng hòa tư tưởng của các quốc gia và tư tưởng của một quốc gia là sự tổng hòa tư tưởng của những con người sống trong đó. Nếu mọi người biết thay đổi các tư tưởng hận thù, oán ghét, ích kỷ, tham lam, sợ hãi, nghi ngờ của mình, thì mọi sự có thể đổi khác. Nếu một cá nhân có thể thay đổi số mệnh, tác động được đến nhiều người xung quanh thì một xã hội hay một quốc gia cũng có thể làm được như thế. Chỉ cần những người sống trong xã hội, quốc gia đó ý thức rõ về hậu quả khôn lường của những tư tưởng xấu, những hành động tàn ác, biết hồi tâm hướng thiện, thì sẽ có thể thay đổi được nghiệp lực chung của một dân tộc.

ĐỂ TẢI VỀ TẬP 1 CŨNG NHƯ NHIỀU NHỮNG CUỐN EBOOKS ĐẶC SẮC
Bạn truy cập <https://tangebooks.com>

(Lưu ý: Khi tải nên dùng máy tính sẽ dễ dàng hơn)

Phần ba

NGHIỆP BÁO VÀ TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI: BÍ ẨN NGÔI NHÀ CỔ

Khi mới bước chân vào lĩnh vực đầu tư tài chính, tôi làm cho JPMorgan Chase & Co., một trong những tập đoàn tài chính lâu đời nhất thế giới, dưới quyền của một người quản lý tên Don C. Ông là một chuyên gia đầu tư với nhiều năm kinh nghiệm và đã hướng dẫn tôi rất nhiều từ lúc tôi mới vào nghề. Sau hơn mười năm làm việc, tôi thành lập công ty riêng và mời Don tham gia cùng tôi với vai trò đối tác. Nhưng ở thời điểm đó, việc có chân trong một công ty khởi nghiệp không phải là ưu tiên của ông, vì vậy ông chỉ đồng ý tham gia với vai trò cố vấn trong giai đoạn đầu thành lập công ty. Chúng tôi đã giữ mối quan hệ bạn bè thân thiết suốt nhiều năm kể từ đó.

Năm ngoái, Don về hưu. Ông mua một căn nhà gần bờ biển tại Hyannis Port, thuộc tiểu bang Massachusetts, Mỹ, cùng vợ ông là Susan dọn về đây để nghỉ ngơi, an hưởng tuổi già. Gần đây, ông mời vợ chồng chúng tôi đến chơi. Có dịp gặp lại người bạn lâu năm, dĩ nhiên là chúng tôi không thể chối từ.

Chúng tôi đến thăm vợ chồng Don vào một ngày cuối tuần. Ngôi nhà của hai vợ chồng tọa lạc tại một khu đất thoáng rộng, cạnh bờ biển. Đó là một ngôi nhà đẹp theo lối kiến trúc cổ kính, với những đường nét hài hòa, tạo cảm giác ấm cúng và yên bình. Theo lời ông Don thì ngôi nhà này được xây từ đầu thế kỷ 20. Quanh nhà còn có khu vườn rất rộng, lại thêm ở gần biển nên không khí trong nhà luôn thoáng mát, trong lành. Don đưa chúng tôi đi tham quan một vòng quanh nhà, ông nói với vẻ hài lòng:

- Phần lớn những ngôi nhà quanh đây đều đã được tân trang lại cho hợp thời và tiện nghi hơn, nhưng tôi thì thích kiến trúc cổ kính nên từ lúc chọn mua ngôi nhà này, tôi hầu như đã giữ nguyên mọi thứ. Đây là lối kiến trúc tân cổ điển thịnh hành đầu thế kỷ 20. Nhìn những đường nét tỉ mỉ của ngôi nhà có thể hình dung sự khéo léo và tận tâm của những người thợ lành nghề. Hiện nay không còn nhiều ngôi nhà như thế này nữa.

Don chỉ vào chiếc lò sưởi đang có những thanh củi rực cháy, phát ra tiếng kêu

lép bép:

- Đa số gia đình ngày nay đều dùng lò sưởi điện rồi, nhưng tôi vẫn thích cảm giác ấm cúng của lò sưởi dùng củi như thế này. Nó gọi lại cho tôi về sự giản dị, êm đềm của đời sống xưa cũ.

Don tiếp tục dẫn chúng tôi lên lầu, chỉ vào cầu thang gỗ dưới chân, ông hào hứng:

- Căn nhà này xây cả một trăm năm rồi mà còn vững chắc lắm. Ông thấy không, cầu thang này bằng gỗ nhưng không hề phát ra tiếng cọt kẹt khi bước đi. Nhiều công trình bây giờ sử dụng các vật liệu nhân tạo không làm được như thế đâu.

Bước lên hết cầu thang là căn phòng có cửa sổ lớn nhìn ra vườn, trong phòng cũng có một lò sưởi nhỏ và ở góc phòng có kê một chiếc bàn gỗ rất lớn. Don nói, không giấu giếm vẻ hãnh diện:

- Ông xem này, chiếc bàn tuyệt đẹp này được làm từ thân cây cổ thụ, có lẽ cũng phải đến trăm năm tuổi. Nhìn những đường nét vân gỗ này xem, như một bức tranh vậy. Tôi được biết, người làm ra nó là một thợ mộc nổi tiếng. Ông hãy nhìn kỹ từng chi tiết này, tất cả bộ phận được ráp vào nhau khéo léo bởi những mộng gỗ chắc chắn chứ không đóng đinh như bàn ghế ngày nay.

Tôi chắc là hiện nay không còn mấy người sản xuất theo kiểu thủ công tinh xảo như thế này nữa.

Tôi gật đầu, tán thưởng thiết kế độc đáo của chiếc bàn. Don nói tiếp:

- Tôi nghĩ nó được làm cùng lúc với căn nhà, vì nó lớn thế này người ta không thể khuân nó qua khung cửa hẹp kia được. Dù đã về hưu và không mấy khi dùng đến bàn làm việc nữa, nhưng tôi đặc biệt rất thích chiếc bàn này.

Sau khi tham quan khắp căn nhà, thưởng lãm và trầm trồ những món đồ trang trí trang nhã mà vợ chồng Don đã chọn bài trí cho phù hợp với phong cách cổ kính nơi đây, Angie cùng Susan vào bếp chuẩn bị bữa ăn tối. Tôi xin phép ra vườn dạo một chút. Khu vườn rộng và rất mát mẻ với cây cối xanh tươi, được chăm sóc cẩn thận. Tôi dạo bước dưới bóng mát của những hàng cây, một làn gió lạnh lùa qua khiến tôi rùng mình, đưa tay kéo áo khoác trùm kín cổ. Sự tĩnh lặng dưới hàng cây vừa tạo cảm giác thanh bình, vừa có chút gì rờn rợn. Tôi nhắm mắt, hít

một hơi thật sâu thứ mùi nồng nồng của rêu trên những thân cây cổ thụ, lẫn với mùi biển mát lành. Khi mở mắt ra, tôi nhìn thấy dưới một gốc cây to cạnh hàng hiên có một ông lão đang ngồi trên băng ghế đọc sách, ông lão cũng nhìn thấy tôi, ông quan sát tôi một lúc rồi khẽ gật đầu chào. Tôi gật đầu đáp lại, ông lão có vẻ ngạc nhiên. Tôi thầm nghĩ có lẽ đây là người nhà của Don. Tôi định bước về phía ông chào hỏi thì chợt nghe tiếng Don sau lưng, ông ra vườn tìm tôi, tay cầm hai ly rượu. Tôi nói cảm ơn, nhận ly rượu từ tay Don và quay người lại phía băng ghế nhưng đã không còn thấy ông lão lúc nãy ở đó. Tôi nhìn quanh cũng không thấy người đâu, bèn quay lại hỏi Don:

- Hình như còn có người thân của ông ở đây phải không? Lúc nãy tôi gặp một người đàn ông ở đây, chưa kịp chào hỏi thì đã không thấy ông ấy đâu nữa.

Don giật mình, tỏ vẻ kinh ngạc:

- Ông thực sự nhìn thấy ông ấy ư? Vậy là cảm giác trước đây của tôi đúng rồi...

Tôi trả lời, cũng không giấu vẻ ngạc nhiên:

- Tôi thấy chứ sao không? Ông ấy ngồi ngay kia mà, ông ấy còn gật đầu chào tôi. Có phải người thân của ông không? Tôi chưa kịp chào hỏi gì cả. Don xua xua tay, giọng hơi căng thẳng:

- Không đâu, nhà này chỉ có hai vợ chồng chúng tôi thôi. Nhưng tôi đã luôn có cảm giác rõ rệt ở đây còn một ai đó khác... Nhưng dẫu sao thì xin ông đừng nói gì về việc này với nhà tôi nhé. Tôi không muốn bà ấy lo lắng.

Về ngập ngừng của Don càng khiến tôi thấy khó hiểu. Tuy vậy, tôi cũng gật đầu:

- Được rồi, nếu đó là việc riêng của gia đình ông thì tất nhiên tôi sẽ không nhắc đến nữa.

Don im lặng, do dự một lúc rồi tiến lại gần tôi, nói nhỏ:

- Có thể ông cảm thấy chuyện này hơi hoang đường, nhưng người mà ông vừa gặp... có lẽ không phải là người, mà là một hồn ma. Vợ chồng tôi dọn về đây không bao lâu thì tôi bắt đầu cảm giác được sự hiện diện của một ai đó trong nhà. Có lần tôi giật mình thức dậy vì nghe thấy tiếng bước chân ngoài hành lang. Lúc đó, tôi cố gắng đè nén nỗi sợ hãi, nhẹ nhàng mở ngăn kéo lấy khẩu súng,

cầm chặt và im lặng chờ đợi. Tôi không dám làm điều gì sơ suất. Tuy nhiên, tiếng bước chân đã hoàn toàn biến mất, cũng may lúc đó, vợ tôi vẫn say ngủ. Tôi khẽ mở cửa đi ra. Mặc dù giữa mùa hè nhưng tôi chợt cảm thấy một cơn ớn lạnh rùng mình. Tôi mở công tắc đèn quan sát mọi nơi. Ngôi nhà không có dấu hiệu của sự xâm nhập bất hợp pháp. Tôi tự an ủi mình thần hồn nát thần tính nhưng vẫn cảm thấy bất an. Một lần khác khi làm việc khuya ở phòng khách dưới nhà, tôi nghe thấy tiếng lịch kịch, dường như là tiếng mở ngăn kéo chiếc bàn lớn trên lầu. Tôi mở điện thoại và sẵn sàng gọi cho 911, đúng lúc đó thì vợ tôi mở cửa vào nhà, cô ấy vừa đi dự tiệc sinh nhật một người bạn cũ. Tôi vội ra hiệu cho vợ im lặng, và chỉ lên lầu ra dấu cho vợ tôi biết là có người đột nhập, vợ tôi hốt hoảng lắm. Cô ấy ra hiệu cho tôi gọi cho cảnh sát, nhưng đúng lúc đó, tôi lại nghe thấy tiếng bước chân ở hành lang trên lầu đi về hướng chúng tôi. Theo phản xạ tôi nhìn lên trên nhưng hành lang không một bóng người, tiếng bước chân cũng không còn. Tôi cầm lấy cây gậy đánh golf, ra hiệu cho vợ tôi đi ra ngoài vườn trước rồi tôi la lên: "Chúng tôi có súng, dù anh là ai hãy rời khỏi đây! Tôi đã gọi cảnh sát và họ sẽ đến ngay".

Tôi cũng bị cuốn vào câu chuyện và hỏi:

- Rồi mọi chuyện sau đó thế nào?

Don khẽ lắc đầu:

- Đáp lại tiếng quát của tôi là sự tĩnh lặng đáng sợ. Đợi thêm một lúc, tôi lấy hết can đảm đi lên cầu thang. Đôi tay cầm gậy golf của tôi ướt đầm mồ hôi. Hành lang hoàn toàn im ắng, thậm chí, cánh cửa phòng phát ra tiếng động lịch kịch mà tôi nghe thấy cũng đóng kín, không có vẻ như có ai vừa đi ra từ căn phòng đó. Tôi mở toàn bộ đèn hành lang nhưng không thấy ai. Tôi xuống nhà và gọi vợ tôi vào nhà. Tôi hỏi cô ấy rằng lúc mới vào nhà có nghe thấy tiếng bước chân trên hành lang không thì cô ấy bảo: "Em chỉ thấy anh ra dấu cho em yên lặng, sau đó, anh ra hiệu cho em đi ra vườn, em không hề nghe thấy tiếng bước chân nào. Có khi nào anh làm việc khuya quá, tinh thần mỗi mệt nên sinh ra ảo giác không?".

Những ngày sau, tôi vẫn không cho rằng đây là chuyện ma quỷ gì, chỉ nghĩ là người lạ xâm nhập, nên đã lắp thêm hệ thống báo động quanh nhà. Vậy mà tôi vẫn nghe thấy những tiếng động lạ trong nhà, dù cửa thì vẫn khóa kỹ, chuông báo động cũng không kêu. Kỳ lạ hơn, chỉ mình tôi nghe thấy còn vợ tôi hoàn toàn không cảm nhận được có sự khác thường nào. Chuyện này chính tôi cũng không giải thích được nên cũng chẳng kể với ai ngoài vợ tôi. Vợ tôi nghe kể thì cũng

hơi chột dạ, muốn bán căn nhà này đi, nhưng tôi không nỡ. Ông thấy đó, ở đây gần biển, không khí trong lành, không gian yên tĩnh và chỉ mấy mươi phút là có thể đến Bayberry Hills Golf Course để chơi golf...

Don ngừng lại, nhìn tôi như thăm dò, rồi nói tiếp:

Có nhiều khi, nếu chuyện không xảy ra với mình thì mình vẫn không tin là có thật. Từng tuổi này rồi, tôi cũng trải qua nhiều, cũng không còn cố chấp giới hạn niềm tin của mình nữa. Qua một thời gian, tôi cảm nhận được rằng nếu thật sự có một linh hồn ở nơi này thì họ cũng không làm hại gì chúng tôi. Dần dần, chúng tôi cũng không quá căng thẳng nữa. Cũng lạ là gần đây tôi không còn nghe thấy những tiếng động lạ đó nữa. Vừa nãy nghe ông kể chuyện nhìn thấy người đàn ông lạ mặt trong vườn một cách rõ ràng tôi mới giật mình. Nhưng nếu đó là linh hồn thì sao ông lại nhìn thấy rõ ràng, thật kỳ lạ...

Tôi im lặng, vừa ngạc nhiên vừa bối rối trước câu chuyện vừa nghe. Mãi sau, tôi mới lên tiếng:

- Sau những trải nghiệm mà tôi từng đi qua, tôi không quá bất ngờ về những linh hồn vẫn tồn tại quanh chúng ta, nhưng tôi không biết tại sao tôi lại có thể nhìn thấy ông ấy rõ ràng đến vậy...

Don lắc đầu:

- Thỉnh thoảng tôi cảm nhận được lờ mờ sự hiện diện của ông ấy, còn thấy rõ thì chưa bao giờ. Còn nếu người đàn ông mà ông vừa thấy là người thì hệ thống chuông báo động tinh vi mà tôi lắp đặt đã phải kêu rồi.

Tôi vừa định nói thêm thì nghe tiếng gọi từ trong nhà, Susan và Angie đã chuẩn bị xong bữa ăn tối. Chúng tôi vừa ăn vừa trò chuyện thân mật trong tiếng nhạc của Frank Sinatra, một tuyển tập kinh điển mà chúng tôi đều cùng yêu thích từ thời còn thanh niên. Sau bữa ăn, Susan đề nghị chúng tôi cùng đi dạo bờ biển vì hoàng hôn ở đây rất đẹp. Trong khi Angie và Susan vào phòng lấy thêm áo khoác vì không khí đã bắt đầu chuyển lạnh thì tôi bước ra khu vườn. Trong bóng chiều nhạt nhoang, tôi lại nhìn thấy ông lão kia, người mà giờ đây tôi đã biết có thể không phải là con người bằng xương bằng thịt giống như mình. Ông lão ngồi trên ghế, tay cầm một quyển sách, nhìn tôi với vẻ quan sát. Tôi do dự một chút, nhưng rồi thấy ông không hề có vẻ gì ác ý, tôi bèn lên tiếng:

- Xin chào ông. Tôi là Thomas.

Ông lão hơi giật mình, ông tiếp tục quan sát tôi một lúc, rồi ngập ngừng:

- Chào ông! Tôi... Đã lâu rồi tôi chưa nói chuyện với ai. Ông là người đầu tiên mà tôi có thể nói chuyện, kể từ khi...

Tôi nghe ra trong giọng nói của ông một sự thiết tha, bỗng có chút mùi lòng. Ông nhìn tôi với vẻ khẩn khoản, như có điều gì muốn chia sẻ. Tôi lên tiếng hỏi:

- Có phải ông có việc gì cần không? Xin hỏi tôi có thể giúp được gì cho ông?

Ông lão đứng dậy, tiến một chút về phía tôi, sau vài giây lưỡng lự, ông nói:

- Thật cảm ơn ông. Đúng là tôi có chút chuyện cần được giúp đỡ. Chúng ta có thể nói chuyện một chút được không?

Tôi gật đầu:

- Được chứ. Nhưng bây giờ chúng tôi chuẩn bị ra ngoài. Khi trở về tôi sẽ gặp ông ở đây, được không?

Ông lão gật đầu, tỏ vẻ cảm kích:

- Cảm ơn ông rất nhiều. Tôi sẽ đợi.

Tôi gật đầu chào ông lão rồi trở vào phòng khách, nơi mọi người đang chờ. Chúng tôi đi dạo quanh bờ biển, vừa nhìn ngắm khung cảnh thanh bình nơi đây vừa trò chuyện vui vẻ, đến tối muộn mới trở về nhà. Susan pha một bình trà nóng và chúng tôi ngồi ở phòng khách tiếp tục trò chuyện. Susan và Angie hào hứng trao đổi những bí quyết nấu ăn. Được một lúc, tôi xin phép ra ngoài hít thở không khí trong lành. Don hỏi với theo:

- Có cần tôi đi cùng ông không?

Tôi lắc đầu:

-Ồ, không cần đâu. Tôi muốn ở một mình. Sự yên tĩnh nơi đây thật tuyệt vời, tôi muốn cảm nhận một chút.

Tôi khép cửa, bước ra khu vườn, dù trời tối, tôi vẫn nhìn thấy ông lão đã ngồi đợi sẵn trên băng ghế. Tôi gật đầu chào ông, lần này đã bớt đi sự dè chừng. Ông lão cũng gật đầu chào đáp lại tôi. Ông lên tiếng trước:

- Cảm ơn ông đã quay lại gặp tôi. Tôi đã ở đây lâu lắm rồi, đã cố thử cho người

khác biệt về sự hiện diện của mình và cố gắng giao tiếp với họ nhưng không thể. Người bạn của ông cũng là người khá đặc biệt, ông ấy có thể cảm nhận sự hiện diện của tôi, nhưng có đôi lần tôi thử nói chuyện thì ông ấy không nghe được, ông là người đầu tiên vừa nhìn thấy tôi vừa nghe được lời tôi nói.

Tôi hỏi:

- Nhưng ông là ai?

Ông lão tiến lại gần hơn một chút, hơi cúi người về phía trước, tự giới thiệu:

- Tôi tên là James G., là kế toán riêng cho một gia đình giàu có và nổi tiếng ở vùng này. Đây là nhà của tôi, đích thân tôi đã mời về những người thợ giỏi nhất, và chúng kiến họ cẩn thận thêm từng viên gạch, từng khúc gỗ để xây nên ngôi nhà. Ngôi nhà này chứa đựng rất nhiều kỷ niệm của tôi và gia đình, đồng thời chứa cả bí mật nữa. Tôi là người lo liệu sổ sách kế toán cho ông chủ, tôi giữ tất cả giấy tờ, tài liệu về tiền bạc của chủ tôi trong một hồ sơ chính thức để khai thuế. Nhưng có lẽ ông cũng biết, trong việc kinh doanh, không phải lúc nào tiền bạc đều rõ ràng, minh bạch. Ông chủ tôi có những chi tiêu vào việc riêng, không được công khai và tôi giữ những giấy tờ liên quan trong một hồ sơ bí mật mà chỉ có tôi và ông chủ biết thôi. Đây là những món chi tiêu có liên quan đến nhiều người, các cơ quan chính quyền và có thể ảnh hưởng đến danh dự của ông chủ tôi và dòng họ, cũng như những người có liên quan.

Ông lão dừng lại một lúc như để cẩn thận lựa chọn ngôn từ, rồi nói tiếp:

- Trong hồ sơ bí mật đó có một quyển sổ kế toán ghi rõ các khoản thu chi cho từng người, theo từng thời gian cụ thể, với các con số chi tiết. Rất nhiều thông tin riêng tư cần được giữ kín. Dù đã là chuyện hơn tám mươi năm trước rồi và ông chủ tôi cũng đã qua đời, nhưng nếu sự việc bị tiết lộ vẫn có thể gây hại cho nhiều người và hơn hết là ảnh hưởng đến danh dự của ông chủ tôi. Đáng lẽ ra tôi đã phải tiêu hủy cuốn sổ đó, nhưng chưa kịp thực hiện thì tôi bất ngờ qua đời vì xuất huyết não. Đã hơn tám mươi năm rồi, tôi vẫn canh cánh điều đó trong lòng và chưa bao giờ dám rời khỏi ngôi nhà này. Tôi phải ở đây để giữ cuốn sổ, tránh nó rơi vào tay người khác. Tôi chịu ơn ông chủ rất nhiều, thế nên, việc quan trọng đã hứa với ông chủ nhưng chưa hoàn thành khiến tôi cứ day dứt không yên.

Ông lão nhìn tôi bằng ánh mắt khẩn nài, nói tiếp:

- Thưa ông, hơn tám mươi năm rồi, tôi đã chờ đợi một người có thể giúp được tôi. Nay tôi may mắn gặp được ông, tôi có thể nhờ ông giúp tôi tiêu hủy tập hồ sơ đó được không? Chỉ khi nào thực hiện được tâm nguyện cuối cùng này, tôi mới yên lòng rời khỏi đây.

Tôi nhìn ông lão, cảm động trước lòng trung thành của ông, sau vài giây suy nghĩ, tôi trả lời:

- Được, tôi sẵn lòng giúp ông.

Ông lão cúi người về phía tôi, giọng xen lẫn giữa cảm kích và xúc động:

- Cảm ơn ông! Cảm ơn ông rất nhiều! Thưa ông, cuốn sổ đó đang nằm trong một ngăn kéo bí mật trong chiếc bàn gỗ lớn tại phòng làm việc trên lầu, tôi thấy ông đã đến chỗ đó rồi. Đó là chiếc bàn được thiết kế đặc biệt theo yêu cầu của tôi. Ngoài tôi ra, không ai biết đến ngăn kéo đó, càng không biết về những gì cất giữ bên trong. Ngay cả vợ và con tôi cũng không biết gì về việc này. Sau khi tôi chết, vợ tôi đã sống ở đây cho đến khi qua đời. Sau đó con trai tôi tiếp tục sống ở đây, nhưng không đụng chạm gì đến cái bàn đó hết. Năm ngoái, vì công việc, nó đã dọn đi California nên mới rao bán căn nhà này. Người chủ mới rất thích sự cổ kính của ngôi nhà nên không sửa sang gì và cũng ít khi sử dụng phòng làm việc, nhờ vậy chiếc bàn vẫn còn nguyên ở đó. Giờ tôi sẽ chỉ cho ông cách mở ngăn kéo bí mật đó, nhờ ông giúp tôi đem cuốn sổ đó đốt đi, không để lọt vào tay ai, có được không ông?

Tôi gật đầu:

- Được rồi, ông chỉ cho tôi cách lấy tập hồ sơ. Tôi sẽ giúp ông.

Ông lão lại cúi gập người, bày tỏ lòng cảm kích:

- Xin cảm ơn ông.

Tôi trở vào nhà, mọi người vẫn đang trò chuyện vui vẻ. Tôi nói với Don rằng mình hơi mệt, xin phép sử dụng phòng tắm trên lầu rồi sẽ xuống tiếp tục trò chuyện cùng mọi người. Khi tôi lên lầu, bước vào phòng làm việc và chốt cửa lại, đã thấy ông lão chờ sẵn trong phòng. Ông chỉ cho tôi cách mở ngăn kéo bí mật. Ngăn kéo đó được thiết kế nằm phía dưới một ngăn kéo khác, rất khó nhìn

thấy và phải mở bằng chốt đặc biệt, cố gắng không gây ra tiếng động nào khi mở ngăn kéo bí mật ra, tôi tìm thấy trong đó một quyển sổ đã bạc màu cùng một số giấy tờ khác đã ố vàng. Tôi cầm cuốn sổ và tập hồ sơ đến lò sưởi và châm lửa đốt. Khi mảnh giấy cuối cùng đã cháy hết, tôi cẩn thận cào lớp tro để không lưu lại dấu vết. Xong việc, tôi quay người lại thì đã không thấy ông lão đâu nữa.

Khi tôi trở xuống nhà, Angie và Susan vẫn đang trò chuyện. Don đang ở hàng hiên hóng mát với ly rượu vang trên tay. Don đang chờ tôi. Tôi bước ra hàng hiên, cầm ly rượu, cụng ly với người bạn của mình và nói nhỏ:

- Từ hôm nay, có lẽ ông sẽ không còn nhìn thấy ông lão kia nữa đâu.

Don không tỏ vẻ ngạc nhiên lắm, có lẽ ông đã linh cảm được chuyện gì, ông chỉ hỏi đơn giản:

- Nhưng ông đã làm gì?

Tôi mỉm cười, trả lời:

- Tôi đã yêu cầu ông lão đi nơi khác.

Don có hơi bất ngờ:

- Ông nói chuyện được với ông lão ấy ư? Ông có thể giao tiếp với họ ư? Tôi mỉm cười:

- Cho phép tôi không kể điều này. Dù sao thì tôi đã đề nghị ông ấy đi nơi khác, không làm phiền gia đình ông nữa, và ông ấy đồng ý. Từ nay ông và Susan có thể yên tâm.

Don nhìn tôi, mỉm cười ý nhị:

- Tôi biết chuyện không đơn giản như thế đâu. Chúng tôi có phòng tắm dưới nhà nhưng ông cố ý dùng phòng tắm trên lầu... Nhưng không sao, theo lời ông nói thì mọi chuyện tốt đẹp cả rồi. Tôi phải cảm ơn ông.

Tôi mỉm cười đáp lại:

- Phải, mọi việc đều tốt đẹp cả. Giờ ông bà có thể yên lòng ở ngôi nhà này,

không cần lo lắng gì nữa.

Chúng tôi cùng ly, trò chuyện sang chủ đề khác. Làn gió biển thổi vào, mang theo cảm giác nhẹ nhàng, thanh mát.

*

Mấy tháng sau, tôi cùng Angie đến căn nhà tại Colorado để nghỉ cuối tuần. Tôi ghé thăm ông Kris và trong lúc trò chuyện, tôi cũng kể cho ông nghe câu chuyện diễn ra ở nhà Don. Kể xong, tôi hỏi:

- Trước đây ông có nói về cõi giới vô hình và cho tôi biết rằng đó là một cõi giới riêng biệt khác hẳn cõi trần, vậy người chết đã đi qua cõi đó, tại sao vẫn có thể trở về liên lạc với người sống?

Ông Kris thông thả đáp lời:

- Chúng ta hãy bắt đầu với những gì con người trải qua sau khi chết. Khi qua đời, con người rời bỏ xác thân vật chất và hiện hữu dưới hình thức khác gọi là thân trung ấm (*Bardo*) hay vong linh (*Spirit*). Đây là trạng thái trung gian giữa cái chết và lần tái sinh tiếp theo. Nhiều người gọi đó là ma, nhưng gọi như vậy là nhầm lẫn, vì ma quỷ là những thực thể sống ở cõi riêng của chúng. Danh từ thường gọi khác là linh hồn (***Soul***) cũng không chính xác, vì quan niệm đó cho rằng linh hồn là bất diệt, không thay đổi và chỉ di chuyển từ kiếp này qua kiếp khác. Do đó, theo quan niệm ấy, đã làm người thì làm người mãi, dù trong kiếp người đó có làm việc gì, bất kể tốt xấu, vẫn trở lại làm người. Tương tự, đã làm súc vật thì mãi làm súc vật, trải qua bao nhiêu kiếp cũng không thay đổi. Quay lại điều mà tôi đã nói với ông trước đây, cái duy nhất thật sự hiện hữu là tàng thức (*A lại da thức*), nó là căn bản của sự tồn tại, là nền móng của mọi tâm thức. Tàng thức có thể coi như cái kho chứa rất nhiều chủng tử (*hạt giống*). Mọi tư tưởng, lời nói, hành động trong một kiếp sống, dù tốt hay xấu, đều tạo ra nhân, hay chủng tử, được lưu trữ trong tàng thức, không bao giờ mất đi. Tùy vào sự thu xếp của luật Nhân quả mà một số chủng tử sẽ phát khởi, biểu hiện thành tâm thức trong mỗi kiếp sống. Do đó, tâm thức luôn luôn biến đổi, luân chuyển qua nhiều kiếp khác nhau, lúc làm người, lúc làm thú vật, lúc làm bậc tiên thánh ở cõi giới tâm thức cao hay ma quỷ. Có thể hình dung việc này như một người làm vườn vào kho lấy ra một số hạt giống để gieo trồng, tùy điều kiện đất đai, thời tiết hay tưới bón mà những hạt giống được chọn này sẽ mọc thành cây rồi trổ quả. Kiếp người cũng thế, tùy sự sắp đặt của luật Nhân quả mà người ta sinh ra tại một nơi chốn

nhất định, với hoàn cảnh và tính tình riêng, không ai giống ai. Có người sung sướng, có người khổ đau, có người rất thông minh và có người lại khờ dại. Tất cả tính tình của một người đều chỉ là những chủng tử đã có sẵn trong tàng thức và được biểu hiện trong kiếp sống đó mà thôi.

Ông Kris dừng lại để tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Trải qua vô lượng kiếp, chủng tử chứa trong tàng thức thì rất nhiều nhưng tùy nhân quả sắp đặt, hay nghiệp lực, mà chỉ một số nhỏ chủng tử được lấy ra cho mỗi kiếp sống thôi. Tùy hành xử cá nhân, tức *thân - khẩu - ý* trong mỗi kiếp sống mà chúng ta tiếp tục tạo thêm những cái nhân, lưu trữ vào trong tàng thức dưới dạng chủng tử. Do đó tàng thức là cái kho không bao giờ cạn, và chủng tử phát khởi là không bao giờ có hồi kết. Đó là lý do con người tiếp tục lưu chuyển mãi trong vòng sinh tử luân hồi, khi thì làm người, lúc thì làm thú vật, ma quỷ hay các bậc cao hơn. Khi chuyển kiếp làm người thì tâm thức (tức tàng thức) đến trước rồi các yếu tố vật chất cấu kết trong bào thai đến sau. Đến khi chết, các yếu tố vật chất tan rã trước, tâm thức là cái cuối cùng ra đi. Khi qua cõi âm, tâm thức chuyển thành một dạng của năng lượng, lưu lại đây một thời gian để chuẩn bị chuyển kiếp, cũng chính là giai đoạn thân trung ấm mà tôi vừa nhắc. Tuy nhiên, có những trường hợp đặc biệt khi vong linh còn ước nguyện chưa thành ở cõi trần, thì sẽ quanh quẩn tại đây, không chịu siêu thoát. Đó là trường hợp mà ông đã gặp tại Hyannis Port. Tuy nhiên, không phải cứ muốn là vong linh có thể liên hệ được với cõi trần. Nói đến chuyện người đã qua đời có thể liên hệ với người sống ở thế gian, đa số sẽ cho là chuyện tưởng tượng hoang đường, bởi không phải ai cũng thấy hay nghe được người đã khuất, vì giác quan và lý trí con người bị giới hạn trong thân xác nên phải cần đến trực giác mới có thể giao tiếp được với thế giới bên ngoài thế giới vật chất. Trường hợp của ông, chính trực giác đã giúp ông trò chuyện với người kia. Khi hai người trò chuyện, ông không nghe bằng âm thanh, bởi vong linh đó đâu còn giác quan vật chất để phát ra tiếng nói nữa. Chính trực giác đã giúp ông nghe được tiếng nói người đó bằng tâm thức, rồi chính trực giác giúp ông đáp lời ông ta trong tâm thức, từ đó giúp ông ta hoàn tất tâm nguyện để có thể siêu thoát.

Tôi hết sức ngạc nhiên trước những điều vừa nghe:

- Thật vậy ư? Tôi không ngờ sự việc diễn ra như thế. Vì khi trò chuyện với ông ấy, tôi hoàn toàn không ý thức được mình đang nghe và nói bằng trực giác. Tôi hiểu mọi thứ ông ấy nói rõ ràng như một cuộc trò chuyện bình thường. Nhưng tôi vẫn thắc mắc lắm, khi vong linh qua cõi bên kia sẽ như thế nào?

Ông Kris từ tốn giải thích:

- Bởi vì tâm thức mỗi người là khác nhau nên khi qua đời, mỗi người sẽ có một trải nghiệm khác nhau. Thế giới bên kia thuộc về phạm vi tinh thần nên những người duy vật, những người tin rằng chết là hết, khi qua đây sẽ không nhận thức được gì mà cứ ở trong trạng thái như người ngủ say. Đó là nghiệp quả của sự phủ nhận mù quáng. Phải mất nhiều năm, có khi cả thế kỷ, họ mới ý thức mình đã qua cõi khác.

Tôi ngạc nhiên:

- Người ta có thể không biết rằng mình đã chết sao? Tại sao lại như vậy? Ông Kris giải thích:

Người duy vật không tin vào những gì không thể nhận thức được bằng giác quan vật chất. Họ xem đời sống ở cõi trần là sự hiện hữu duy nhất và chết là hết, không còn điều gì tồn tại sau cái chết nữa. Niềm tin này trở thành điểm mù trong tâm thức của họ. Vì không chấp nhận sự tồn tại của một cõi giới nào khác nên sau khi chết, họ cứ mê man, bất động dù đã bước vào cõi tinh thần. Sau thời gian rất lâu, sự cố chấp của tâm thức tan dần, họ tỉnh dậy trong sự bối ngỡ, hốt hoảng, xúc động, mọi niềm tin trước đó đều đảo lộn và họ không biết bám víu vào đâu. Trong lúc hoang mang bối rối này, họ dễ bị những vong linh xấu lôi kéo hay bị các loài ma quỷ dẫn dụ vào những nơi mà đáng lẽ họ không phải đến.

Tôi hỏi:

- Nhưng làm sao người ta có thể biết về thế giới bên kia nếu chưa chết? Ông Kris mỉm cười, giải thích:

- Một người tu tập có định lực, khai mở được những giác quan đặc biệt thì có thể chuyển tâm thức qua cõi giới khác để quan sát và học hỏi. Trong thời buổi khoa học này, bất cứ ai nói về cõi giới bên kia cũng đều bị coi là hoang tưởng, nói xằng nói bậy, vì người ta đòi hỏi mọi thứ phải theo khoa học, phải có bằng chứng, được xác nhận bởi những nhà khoa học uy tín. Dĩ nhiên, những điều mắt ta không thể nhìn thấy thì ta không tin cũng là hợp lẽ. Nhưng con người chúng ta nhận thức mọi sự bằng giác quan và ít ai ý thức được rằng các giác quan này chỉ giới hạn trong một phạm vi nhỏ hẹp trong khi chúng ta sống trong một vũ trụ bao la. Ngày nay, khoa học đã chứng minh được sự tồn tại của thế giới vi sinh vật

mà mắt thường không thể thấy, từ đó cho thấy quan niệm cho rằng cái gì không nhìn thấy được thì không tồn tại là còn thiếu sót. Ví dụ đơn giản nhất là không khí bao quanh chúng ta: Nó ở đó, nhưng chúng ta nào có thấy, và còn có bao nhiêu khí lực vô hình khác quanh ta mà các giác quan thông thường không thể nhận biết được, chúng ta giống như đang sống trong một phòng kín với ô cửa sổ rất nhỏ, nên chỉ có thể nhìn mọi vật qua ô cửa sổ đó thôi, không biết gì về thế giới rộng lớn bên ngoài. Con người, ngoài các giác quan thông thường của cơ thể vật lý, còn có những giác quan khác có thể giúp chúng ta nhận biết mọi sự, mọi nơi, mọi cõi, chỉ là không phải ai cũng biết cách sử dụng.

Ngay như các giáo sĩ, những người theo các tôn giáo, cũng chỉ nói rất sơ lược về các cõi giới bên kia, vì họ chỉ biết kinh sách đã dạy như thế chứ chưa từng đến đó trải nghiệm để có thể về trình bày lại. Tuy nhiên, vẫn có người nhờ khai mở những giác quan tinh nhuệ, có thể chuyển tâm thức đến những cõi giới kia, chứng kiến và thuật lại. Đây không phải điều gì đặc biệt khác thường, vì thật ra mọi người đều có những giác quan này nhưng không biết sử dụng đó thôi.

Tôi ngạc nhiên:

- Thật vậy sao? Mọi người đều sở hữu những giác quan đó sao?

Ông Kris gật đầu, xác nhận:

- Đúng thế, mọi người đều có những giác quan này nhưng muốn sử dụng thì cần phải có công phu tu luyện và định lực thâm sâu thì mới có thể chuyển tâm thức đến những cõi giới khác. Tôi có thể làm được việc này, nhưng dĩ nhiên ông không nhất thiết tin những gì tôi nói. Tự ông có thể suy xét, tìm hiểu, phân tích cẩn thận rồi hãy quyết định có nên tin hay không. Thật ra, ông và tôi đã từng làm việc này ở kiếp sống khác rồi, nhưng nay ông đã quên.

Một lần nữa, ông Kris lại nói về tiền kiếp của tôi, khiến tôi không thể không tự hỏi nếu mình đã có sự hiểu biết như thế thì tại sao quên? Chưa kịp nói ra thắc mắc của mình, thì ông Kris như đọc được ý nghĩ của tôi, đã mỉm cười nói thêm:

- Chúng ta đã từng tu tập cùng nhau trong nhiều năm, nhiều kiếp, nhưng con đường của chúng ta đi không giống nhau. Chúng ta đều có những ngã rẽ riêng, bài học riêng và nhân quả riêng phải trả, do đó ông và tôi có những trải nghiệm khác nhau nhưng tình bạn chúng ta vẫn như cũ, được nối tiếp từ những kiếp sống xưa. Vì vậy, tôi và ông mới có thể gặp lại nhau ở kiếp này để hoàn tất lời hẹn và sứ

mệnh khi xưa.

Ông Kris nhìn tôi một cách thân ái rồi nói thêm:

- Cái chết chỉ là sự từ bỏ xác thân vật chất, còn tâm thức thì vẫn hoạt động nên khi qua cõi âm, vong linh vẫn có thể ý thức được những gì xảy ra nơi đây. Dĩ nhiên, lúc đầu ai cũng trải qua trạng thái bối ngỡ, lạc lõng, hay hoảng hốt một thời gian. Sau khi vượt qua điều đó, vong linh sẽ trải nghiệm trạng thái gọi là hồi quang phản chiếu (*Terminal Lucidity*), tất cả mọi việc đã trải qua trong kiếp sống vừa qua sẽ hiện rõ trong tâm thức, vì không còn bị trói buộc trong thân xác vật lý nên vong linh có thể nhận xét mọi việc một cách khách quan hơn. Tùy vào những gì tâm thức nhìn lại được trong lúc này mà vong linh có thể trải qua cảm giác tiếc nuối, buồn rầu, giận dữ hay hối hận và điều này sẽ ảnh hưởng đến kiếp sống về sau. Khi các gánh nặng của xác thân vật lý như bệnh tật hay áp lực của đời sống không còn, vong linh có thể suy nghĩ khách quan, rõ ràng, minh bạch hơn, không bị thành kiến chi phối nữa. Vì có thể nhìn mọi việc đúng như nó đã xảy ra, một số vong linh sẽ biết hối hận, biết nhận lỗi và tự trách mình đã làm những việc sai trái, rồi nảy sinh ước vọng hoàn thành việc gì đó để chuộc lỗi. Đây là giai đoạn rất quan trọng, vì khi đó tâm thức sẽ phối hợp với luật Nhân quả, khởi động một số chủng tử chứa trong tàng thức, chuyển thành nghiệp lực, thu xếp cho họ cơ hội học hỏi những gì họ cần học ở kiếp sau. Do đó, mỗi kiếp người được quyết định một phần nhờ luật Nhân quả và phần khác là nhờ tâm thức cá nhân, nhờ sự thức tỉnh sau trải nghiệm của từng kiếp sống, cả hai phối hợp với nhau quyết định hướng đi cho kiếp sống sau, cũng tức là bài học mà người ta phải học, mục đích mà họ muốn đạt được ở kiếp sau. Khi sinh ra, mỗi người đều có sẵn những mục đích được xây dựng trên tâm thức, và được nghiệp lực dẫn dắt để học bài học mà họ cần. Vấn đề là khi tái sinh làm người, người ta có nhận thức được điều đó không, có biết mục đích cuộc đời mình là gì không, có ý thức được điều họ cần học trong kiếp sống đó hay không. Nhiều người để cho dục vọng hay hoàn cảnh xung quanh lôi kéo, không tự biết mình, không biết mục đích của mình, rồi lạc lối vào con đường khác, nên không thể hoàn tất bài học và phải học đi học lại. Vòng luân hồi là như thế đó. Vì không tỉnh thức, cứ u mê, điên đảo, để hoàn cảnh xung quanh ảnh hưởng, người ta tiếp tục gieo nhân rồi phải trả quả. Nhân quả nối tiếp nhau không ngừng nên có khi vong linh chuyển kiếp làm người, có khi làm thú vật, hoặc đi đến cõi giới của ma quỷ.

Ông Kris dừng lại cho tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Cõi giới của loài người là môi trường thuận tiện nhất để học và áp dụng những bài học vì con người được lựa chọn sống như thế nào, làm những việc gì. Do đó, khi được chuyển sinh làm người, việc tự biết mình, tìm ra mục đích của đời mình là điều quan trọng. Nếu đọa lạc vào các cõi khác như súc sinh, hay ma quỷ thì rất khó có thể học được gì. Được sinh làm người là cơ hội rất quý báu, và nếu sống không mục đích, chỉ vật vờ trôi dạt theo hoàn cảnh xung quanh, để dục vọng lôi cuốn thì vô cùng đáng tiếc. Bởi vì một khi mất đi kiếp người thì sẽ trải qua thời gian rất lâu, qua rất nhiều sự tu tập mới có thể trở lại làm người.

Vì biết được rằng tâm thức con người lúc chết ảnh hưởng rất lớn đến kiếp sống về sau nên các tôn giáo đều khuyên con người hãy chuẩn bị cẩn thận cho sự chết. Tuy nhiên, không ai có thể biết mình sẽ chết lúc nào hay cần chuẩn bị ra sao. Một số tôn giáo đã đề cao thái quá sự chuẩn bị này qua việc tổ chức các nghi thức cần thiết trước khi từ trần. Nếu tin vào các nghi thức đó, người ta sẽ cảm thấy được cứu rỗi, vui vẻ ra đi khi được thực hiện nghi thức. Nhưng nếu không thực hiện được nghi thức đó thì sao? Chính niềm tin đó sẽ tạo ra sự sợ hãi vô ích. Đâu phải ai cũng chết già hay chết trên giường bệnh, đâu phải ai cũng có được các nghi thức trên. Nếu gặp tai nạn, chết bất thành hình thì sao? Nếu không có ai thực hiện nghi thức đó cho họ thì sao?

Ông Kris dừng lại để tôi suy ngẫm về câu hỏi trên, rồi nói tiếp:

- Thật ra trạng thái tâm thức của con người khi chết hoàn toàn phụ thuộc vào cách sống của họ ở kiếp sống đó. Sự chuẩn bị tốt nhất cho cái chết chính là sống một cuộc đời thanh cao, biết nhìn những biến cố cuộc đời - tốt cũng như xấu, vui cũng như buồn - một cách điềm đạm như đang đến lớp để học những bài học cần thiết, và chấp nhận sự chết như là việc đi qua lớp học khác. Nếu biết học bài học cần phải học, làm những việc cần phải làm, sống với mục đích rõ ràng thì trạng thái tâm thức khi chết không quan trọng nhiều. Trái lại, nếu sống một cuộc đời chỉ toàn là những toan tính, tranh chấp, tham lam, bạo lực hay hận thù, thì khi chết tâm thức không thể tránh khỏi u mê, lạc lối.

Tôi hỏi:

- Ông nói rằng ông có thể chuyển tâm thức sang cõi âm, vậy đời sống ở cõi đó ra sao?

Ông Kris giải thích:

- Bên kia cửa tử là cõi giới của tư tưởng, vì vậy nó luôn luôn biến đổi, tùy theo tâm thức của vong linh mà nó biến hiện thành các ảo ảnh khác nhau, vì không còn vật chất nên tâm thức con người lúc này rất nhạy cảm, bất cứ tư tưởng nào khởi lên đều có thể tạo ra các mãnh lực biến ý tưởng thành thực tại. Đa số vong linh đến đây vẫn còn giữ ý tưởng về cõi trần nên cõi âm này cũng hiện ra những nhà cửa, đồ đạc, phong cảnh tương tự như cõi trần. Khi quan sát cõi này, tôi thấy mọi hình ảnh đều mập mờ, rung động vì nó được tạo ra bởi tâm thức chứ không phải vật chất. Vong linh ở cõi này cảm thấy ở đó giống như cõi trần, không khác bao nhiêu, do đó họ thường không biết rằng mình đã chết. Vong linh vẫn nhìn thấy thân nhân, vợ con, bạn bè và mọi sự như cũ dù không tiếp xúc được nữa. Vong linh không bị giam kín trong quan tài mà thường trở về nhà hay những nơi quen thuộc, và dù rất cố gắng nhưng họ không thể liên lạc với người thân được, nên họ đâm ra bối rối, đau khổ hay tức giận. Trường hợp ở Hyannis Port theo tôi là khá hy hữu. Tôi không biết tại sao vong linh đó có thể hiện hình rõ ràng như người sống, có thể bởi vong linh quá tha thiết với tâm nguyện chưa hoàn thành nên sự gắn bó với cõi trần đặc biệt mạnh mẽ hơn. Cũng có thể ông đã có mối liên hệ nhân quả gì đó với vong linh này nên ông được sắp xếp để hoàn thành tâm nguyện của người đó. Cũng có thể người đó nhận ra ông có khả năng nên tìm cách liên lạc với ông. Và cũng có thể vì ông là một người đặc biệt, căn cơ tu tập sâu dày trong nhiều kiếp và kiếp này, ông đang dần thức tỉnh. Trong đời sống, có rất nhiều nhân duyên lạ lùng xảy ra mà chúng ta không hiểu hết được.

Khi chúng ta suy nghĩ điều gì thì tư tưởng đó hiện ra trong cõi tư tưởng. Vì sống bằng tâm thức nên vong linh cõi âm có thể biết được tư tưởng của người sống và họ cũng biết được những việc xảy ra sau khi mình qua đời. Giai đoạn này, những gì xảy ra ở cõi trần rất quan trọng, vì nó ảnh hưởng đến tâm thức của vong linh ở cõi bên kia. Nếu chúng kiến những điều không mong muốn thì vong linh có thể rơi vào trạng thái tiêu cực như tức giận, oán hận hay buồn bực. Nếu người cha để lại gia tài cho con cái khi qua đời nhưng các con lại tranh giành, cãi cọ, kiện tụng vì số tài sản đó thì vong linh sẽ cảm thấy thế nào? Nếu vong linh người vợ thấy chồng ân ái với người khác khi mình vừa qua đời thì sẽ cảm giác ra sao? Vong linh của những vua chúa có quyền lực lớn chúng kiến mọi công lao xây dựng lại bị người đời sau thay đổi, phá hủy thì sẽ khổ sở như thế nào? Những trường hợp này hẳn cũng dễ hình dung. Ngoài ra, những người khi còn sống quá chú trọng thân xác, lo lắng săn sóc cho tấm thân bề ngoài thái quá, thì khi chết đi họ thường quyến luyến bên cái xác, không chịu đi đâu, cho đến khi nó rữa nát, tiêu vong. Việc này có thể kéo dài vài chục năm hay vài trăm năm tùy theo sự hủy hoại của vật chất. Ngày nay, nhiều xác chết được nhà quản tiêm thuốc bảo quản để giữ cho thân xác được nguyên vẹn cho tang lễ, vô tình khiến

cái xác khó tan rã và vong linh khó siêu thoát. Đó là lý do một số nơi chủ trương thiêu xác giúp cho vong linh siêu thoát nhanh hơn, vì khi đó vong linh không còn gì để quyến luyến nữa.

Tôi hỏi thêm:

- Ngoài những việc đó ra, khi chuyển tâm thức qua cõi âm, ông còn thấy gì nữa?

Ông Kris trả lời:

- Tôi đã thấy nhiều vong linh quanh quẩn bên ngôi nhà cũ của mình, không chịu rời bỏ và vô cùng đau khổ vì căn nhà đó bây giờ đã thuộc về người khác. Tôi đã gặp những vong linh bởi vì khi sống quen vui chơi với bạn bè nên sau khi chết cảm thấy buồn tủi vì không ai để chuyện trò. Những vong linh ham ăn uống còn bi đát hơn, phải quanh quẩn gần trà đình tửu quán, nhìn mọi người ăn uống, thèm muốn vô cùng nhưng không thể ăn gì được. Những vong linh ham thích nhục dục còn khổ hơn nữa vì nay không thể thỏa mãn nhu cầu xác thân. Những vong linh này thường tụ tập rất đông quanh những nhà hàng ăn uống hay thanh lâu kỹ viện. Những người say rượu hay sử dụng ma túy thường bị những vong linh này tìm cách nhập vào để hưởng dư vị của tâm thức khoái lạc và dần bị rút đi sinh lực. Nhiều người còn sống không hiểu biết về sinh lực nên thường phung phí vào những việc vô ích, trong khi sinh lực là thứ rất quý với các vong linh thiên về dục vọng. Chúng tìm đủ mọi cách để xúi giục mọi người si mê mù quáng, trụy lạc vào rượu chè hay ma túy, rồi nhập vào rút dần sinh lực của họ. Người nghiện rượu hay ma túy thường không thể bỏ những thứ này, một phần vì tính chất gây nghiện của chúng nhưng một phần cũng do mất kiểm soát ý chí, để những thế lực ở cõi âm xúi giục. Những người có tính nóng giận, hung bạo cũng dễ mất kiểm soát, bị những vong linh thiên về bạo lực nhập vào, xúi họ làm những việc bạo động, như đánh đập, tra tấn, hành hạ người khác hay giết người một cách dã man. Và ông cứ nghĩ mà xem, những người mà khi còn sống đã bị những thế lực quái ác ảnh hưởng thì khi chết đi sẽ bị dẫn dắt đi đến đâu, làm những việc tội tệ gì nữa. Ngoài ra nếu để ý, ông sẽ thấy hiện nay trên thế giới, số người sinh ra bị thiếu năng trí tuệ ngày càng tăng lên. Tại sao như vậy? Một số trong đó chính là những người từng sử dụng ma túy hay rượu, tự phá hoại đầu óc, trí tuệ của mình, nên kiếp này đầu óc không còn minh mẫn nữa.

Nói đến đây, giọng ông Kris chợt chậm lại:

- Hiển nhiên, khi từ trần, nếu vong linh mang tâm thức quyến luyến, tiếc nuối,

buồn rầu, giận dữ thì rất có hại. Do đó, làm sao để cho vong linh có thể ra đi thanh thản, không buồn rầu, không luyến tiếc là rất quan trọng. Cách tốt nhất là đọc kinh cầu nguyện hay gửi những tư tưởng tốt lành cho người vừa ra đi để cho họ yên tâm, không quyến luyến. Khi rời bỏ xác thân, mọi giác quan đều ngừng hoạt động, tất cả mọi thứ vật chất như tiền bạc, tài sản, địa vị, danh vọng đều không thể mang theo được. Ngay những người thân yêu, như gia đình, vợ con, bạn bè cũng không thể ở bên cạnh nữa, thứ duy nhất hiện hữu chỉ có tâm thức và chính tình trạng của tâm thức trong giai đoạn đó sẽ quyết định kiếp sống tiếp theo, quyết định người ta đi về đâu, đến chỗ nào và học hỏi những gì. Dĩ nhiên, người có đời sống tinh thần lành mạnh thì khi chết thường sáng suốt. Tuy họ vẫn biết được những việc xảy ra ở cõi trần sau khi họ ra đi, nhưng họ cũng hiểu rằng sợi dây thân ái kia chỉ là nhân quả, rằng mọi quan hệ cũng do nhân duyên nên không còn quyến luyến và biết sử dụng thời gian này để chuẩn bị cho kiếp sống tương lai.

Nếu hiểu biết những điều này, chúng ta sẽ thấy việc khóc than, quyến luyến vào lúc đó không có ích lợi gì. Những điều người ta thù dật, bày vẽ như phải mặc quần áo thế này, phải tổ chức các đám tang to lớn, ăn uống linh đình tiễn đưa người chết thế kia, tất cả chỉ là quan niệm của những người thiếu hiểu biết. Tất cả mọi sự khóc than, buồn khổ chỉ làm hại cho người chết mà thôi. Khi vừa qua đời, vong linh sẽ trải qua trạng thái mê man vô thức trong thời gian ngắn, đó là lúc các giác quan vật chất bắt đầu tiêu vong còn các giác quan tinh thần được thúc động. Sau đó họ sẽ thức tỉnh ở cõi bên kia và tâm thức bắt đầu hoạt động. Nếu tang quyến khóc lóc, kể lể, kêu than, có thể khiến vong linh khó chịu, bức bối hay lo lắng, trong trạng thái đó làm sao họ bình tĩnh yên tâm để ra đi được?

Tôi hỏi thêm:

- Vậy vong linh sẽ ở cõi âm bao lâu trước khi chuyển kiếp?

Ông Kris từ tốn đáp:

- Thời gian ở cõi âm không có tiêu chuẩn nhất định, có vong linh ở đây rất lâu nhưng cũng có vong linh chỉ ở một thời gian ngắn. Điều đó tùy vào các yếu tố như thói quen từ kiếp sống trước và từ sự thu xếp của luật Nhân quả. Khi còn sống, con người có những thói quen gì thì khi chết những thói quen đó sẽ ảnh hưởng lên tâm thức của họ. Nếu con người không biết cách kiểm soát tư tưởng lúc còn sống thì khi chết làm sao họ có thể kiểm soát được nữa? Những người khi chết mà lòng vẫn còn đầy tư tưởng hận thù, xấu xa, oán trách sẽ khích động

những chủng tử xấu trong tàng thức phát động, tạo thành nghiệp lực, đẩy họ đến những hoàn cảnh tồi tệ. Cũng như thế, những người có tư tưởng thánh thiện, thường làm việc lành, sẽ được sinh về những nơi tốt đẹp.

Không ai biết mình sẽ chết lúc nào nên việc chuẩn bị một tâm thức thanh cao ngay trong cuộc sống hàng ngày là cần thiết để không phải đọa lạc vào những nơi tồi tệ dễ vào khó ra. Theo sự hiểu biết của tôi, đa số vong linh chỉ lưu lại cõi âm khoảng vài chục ngày rồi chuyển kiếp. Những vong linh có nhiều quyền luyện sẽ ở lại đây lâu hơn cho đến khi những ràng buộc tiêu tan, rồi cũng chuyển kiếp. Những người có đời sống tâm linh tu luyện đến trình độ cao thường chuyển tâm thức để tái sinh làm người hay đi đến các cõi giới cao hơn ngay lúc vừa qua đời, nên không trải qua thời gian nào ở cõi âm. Những người quá mức hung ác, tham lam, ích kỷ thì bị sức mạnh của nghiệp lực lôi kéo nên chuyển kiếp thành súc sinh, hay ma quỷ ngay lập tức, nên cũng không lưu lại cõi âm.

Ông Kris dừng lại như suy nghĩ rồi tiếp tục:

- Tuy nhiên, cũng có trường hợp một số vong linh vì tâm thức sân hận, thù oán, tham lam, tiếc nuối quyền lực hay danh vọng quá mạnh nên không thể chuyển kiếp được. Họ trở thành một loại thực thể vô hình quanh quẩn, mắc kẹt nơi đây, không đi đâu được. Thực thể này lang thang tại nơi chốn nào đó, quấy phá hay đôi khi làm hại con người. Bởi vì vong linh chỉ là năng lượng thanh nhẹ, không bị ràng buộc bởi vật chất nên có thể làm được những việc khác người thường như đi xuyên qua tường vách hay vật cứng dễ dàng, vì cõi âm là cõi tư tưởng nên vong linh nghĩ đến đâu là có thể đến ngay chỗ đó chứ không bị yếu tố không gian hay thời gian chi phối. Điều này cũng giống như khi ông nghĩ đến nơi nào mà ông đã đi qua thì hình ảnh đó hiện ra ngay trong đầu ông vậy.

Một số vong linh có khả năng báo mộng cho người thân để khuyên bảo hay nhờ họ làm việc gì đó. Một số vong linh có thể biết trước vài sự kiện tương lai nên có thể nhập vào xác người đồng cốt để tuyên bố. Tuy nhiên không phải dự báo nào của vong linh cũng đúng vì sự hiểu biết của họ rất giới hạn, đôi khi còn hay phóng đại sự thật. Nhiều người khi sống đã nói những chuyện không có thật thì khi chết cũng hay nói khoác, nhập vào xác người đồng cốt chỉ để khoe khoang địa vị họ đạt được, ví dụ đã trở thành thần thánh nào đó. Thật ra con người khi sống thế nào thì khi qua thế giới bên kia cũng thế thôi, không thông minh, tài giỏi gì hơn. Tuy nhiên ở cõi âm, họ có thể đọc được tư tưởng người khác hay nhìn thấy trước một số việc, do đó họ có thể trả lời vài câu hỏi nên nhiều người cho rằng các vong linh là linh thiêng hay có quyền năng nào đó. Theo sự hiểu biết

của tôi, phần lớn những câu trả lời của vong linh đều dựa vào tâm thức hay lòng mong cầu của người hỏi mà thôi. Do đó, những câu trả lời này có khi đúng và có khi sai. Dầu sao, chúng ta cần phải tránh tiếp xúc với các vong linh vì có thể tiềm ẩn nhiều nguy hiểm hay làm chậm trễ việc siêu thoát của họ.

Tôi hỏi thêm:

- Nói vậy thì những nghi lễ cầu hồn, cầu cơ đều không đúng, không đáng tin có phải không?

Ông Kris gật đầu, xác nhận:

- Có nhiều người muốn tiếp xúc với người đã khuất qua trung gian là người đồng cốt hay các nhà ngoại cảm. Thật ra những cuộc tiếp xúc này, nếu có thể xảy ra, đều không có lợi cho người đã khuất mà còn khiến họ thêm quyến luyến, cản trở sự siêu thoát của họ. Ông hãy nghĩ xem, một người sắp chuyển kiếp qua một cảnh giới khác mà cứ bị người thân níu kéo, kêu gọi, cản trở tiến trình tâm linh thì tâm thức của họ sẽ thế nào? Ngoài ra khi liên lạc với vong linh, đâu ai biết được đó là vong linh của người hay là ma quỷ? Cho dù đó đúng là vong linh người thân thì cõi bên kia vẫn thường có ma quỷ bám theo, từ đó theo vào nhà. Khi vong linh chuyển kiếp rồi, thì loài ma quỷ kia có thể tự nhận là vong linh, đưa ra các đòi hỏi cúng tế, bắt người ta giết hại các loài vật để dâng cúng cho chúng. Từ đó sẽ có ảnh hưởng không tốt đến cả gia đình, việc giết hại động vật để cúng tế thần linh là nghi thức của các phù thủy chuyên liên lạc với cõi âm để làm chuyện tà mị, nên tuyệt đối phải tránh. Bất cứ hình thức thờ cúng gì liên quan đến việc giết hại hay sử dụng máu thịt đều là phương pháp kêu gọi các loài ma quái từ cõi giới của chúng đến để tạo ảnh hưởng, gây ra hậu quả tai hại. Ngoài ra, người đồng cốt mê man cho vong linh nhập vào chiếm hữu xác thân cũng là điều vô cùng tai hại. Thế giới bên kia có đủ loại vong linh, tốt cũng như xấu, tệ hơn nữa là các loài ma quái xấu xa, ghê gớm. Một khi người đồng cốt đã mất hết ý chí thì không thể kiểm soát được vong linh nào sẽ chiếm hữu xác thân, sử dụng sinh lực của họ, cũng vì vậy mà dễ gặp nhiều vấn đề trong kiếp sống hiện tại và cả tương lai.

Tôi hỏi tiếp:

- Nói như vậy, chính cách sống của mỗi người mới quyết định sau khi chết họ sẽ đi về đâu, trở thành cái gì. Nhưng nhiều người tin vào quan niệm thiên đàng và địa ngục, họ tin rằng khi chết, chỉ cần trải qua một vài nghi thức thì có thể lên

thiên đàng, nếu không thì sẽ phải vào địa ngục. Ông nghĩ gì về niềm tin này?

Ông Kris lắc đầu, rồi mỉm cười giải thích:

- Đó là một sự hiểu lầm tai hại do một số giáo sĩ thời Trung cổ đã cố tình dựng nên, tạo ra sự sợ hãi để bắt mọi người phải tuân theo một số giáo điều do chính họ đề xướng. Họ nói rằng khi chết con người chỉ có hai con đường để lựa chọn một là lên thiên đàng và hai là xuống địa ngục, và chính những nghi thức tôn giáo sẽ quyết định điều đó. Đó là quan niệm không logic chút nào, bởi nó cho rằng sau khi chết con người có thể thay đổi hoàn toàn. Một người dù xấu xa, tham lam, ích kỷ hay hung ác thế nào chỉ cần trải qua nghi thức nào đó thì tất cả tội lỗi đều được xóa sạch và được sống trên thiên đàng. Hoặc người hiền lành tử tế đến đâu, làm bao nhiêu thiện lành thì cũng mất hết, cũng có thể biến thành ma quỷ sống dưới địa ngục nếu không được thực hiện những nghi thức ấy. Con người ngày nay đã hiểu biết hơn, không còn mấy ai chấp nhận quan niệm phi lý này nữa, nhưng trước đây nó đã từng gây khổ sở cho loài người trong nhiều thế kỷ.

Tôi thắc mắc:

- Lúc này ông nói khi chết thì xác thân vật chất tan rã trước và tàng thức ra đi sau cùng nhưng khi chuyển kiếp tái sinh thì tàng thức sẽ đến trước các yếu tố vật chất. Nếu vậy thì khi nào bào thai bắt đầu có sự sống?

Ông Kris trả lời:

- Khi thụ thai thì tàng thức đã có mặt trước khi những yếu tố vật chất thành hình. Khi người nam và người nữ giao hợp, một vong linh có những nhân duyên liên hệ với họ có thể được luật Nhân quả thu xếp đến làm con của họ. Do đó, trên phương diện tâm linh, sự sống đã có mặt ngay từ khi thụ tinh. Tuy nhiên, ngày nay khoa học vẫn còn bàn cãi về việc này, chưa thể đi đến một kết luận rõ ràng, vì khoa học chỉ dựa trên sự phát triển sinh lý của bào thai theo thời gian, chứ không biết gì về các tác động của luật Nhân quả.

Tôi hỏi thêm:

- Như vậy, sự phát triển tâm thức cá nhân và bào thai diễn ra thế nào? Ông Kris giải thích:

- Khi vong linh đến vào lúc thụ thai thì tâm thức của bào thai đã bắt đầu khởi sinh. Theo thời gian và sự cấu tạo vật chất của thai nhi như đầu óc, chân tay và cơ quan nội tạng thì tâm thức cũng biến chuyển, có ý thức về các giác quan như: nghe, nhìn, mùi, vị, xúc chạm và tư duy. Đến khi sinh ra, tiếp xúc với ngoại cảnh thì tâm thức phát khởi thành ý thức và cảm xúc như yêu, ghét, vui, buồn hay giận hờn.

Ông Kris dừng lại, ngẫm nghĩ một chút rồi nói tiếp:

- Quan niệm phổ biến cho rằng việc dạy dỗ con cái chỉ có thể bắt đầu khi đứa trẻ lớn lên một chút, khoảng ba hay bốn tuổi, vì khi đó chúng mới có khả năng hiểu biết. Thật ra điều này không đúng, sự giáo dục có thể ảnh hưởng đến đứa trẻ ngay từ lúc nó còn trong bụng mẹ. Tình cảm giữa mẹ và con không phải chỉ có sau khi đứa trẻ ra đời mà đã bắt đầu từ khi đứa con được thành hình trong bụng mẹ. Do đó, người mẹ có tâm trạng gì thì đứa con đều biết. Nếu người mẹ thông minh, hiểu biết thì bà sẽ biết cách giáo dục đứa con bằng cách nói chuyện với nó ngay từ lúc mang thai, vì tâm thức đứa bé đã có từ lúc thụ thai nên việc liên hệ với nó càng sớm thì càng dễ có sự thông cảm giữa mẹ và con. Không những mẹ mà người cha cũng phải tìm cách nói chuyện với con từ lúc nó còn là bào thai. Điều này sẽ tạo ảnh hưởng tốt đẹp đến đứa trẻ, giúp nó trở nên khôn ngoan, dễ dạy hơn. Nếu cha mẹ thường xuyên ở trong trạng thái giận dữ, hay cãi nhau trong giai đoạn người mẹ mang thai, thì chắc chắn đứa trẻ cũng dễ dàng trở nên nóng tính, hung dữ khi lớn lên. Nếu cha mẹ quá mải mê công việc, tính toán, âm mưu hơn thiệt thì đứa con sau này cũng sẽ cứng đầu, khó dạy, không nghe lời và thường bị bệnh suyễn, hay ngạt thở. Cho nên, thai giáo, hay sự giáo huấn, dạy dỗ trong giai đoạn thai nhi là rất quan trọng. Thật ra quan niệm thai giáo đã có từ xa xưa, từ thời của các nền văn minh cổ. Tiếc thay, ngày nay người ta vẫn tranh cãi chứ không hoàn toàn công nhận việc này, bởi họ cho rằng không có bằng chứng cho thấy bào thai có khả năng học hỏi.

Ông Kris nói tiếp:

- Mọi đứa trẻ sinh ra đều có những liên hệ nhân quả với cha mẹ nó. Luật Nhân quả vô cùng phức tạp, khó lòng biết được đó là nhân duyên, là nợ nần thế nào, nhưng dẫu sao, mỗi đứa trẻ được sinh làm người là để có cơ hội học hỏi những bài học chúng cần học, để chuyển hóa và thăng cấp. Khi sinh ra, mỗi đứa trẻ đều có những mong muốn hay mục đích cùng những tiềm năng sẵn có để hỗ trợ cho việc học hỏi của chúng. Do đó bổn phận của cha mẹ là ý thức việc này để hướng dẫn, giúp cho con mình có được cơ hội học hỏi, phát triển theo ý nguyện

hoặc giúp con tự tìm ra mục đích đời mình. Đa số cha mẹ không hiểu được việc này nên thường ép buộc con cái phải làm việc này việc nọ để đáp ứng những mong muốn của chính họ thay vì của con. Lẽ tất nhiên, cha mẹ nào cũng mong con mình thành công, giàu sang, có danh vọng, địa vị trong xã hội, nhưng liệu kiếm nhiều tiền, mưu cầu danh vọng và vật chất có phải là mục đích mà đứa trẻ đó tìm kiếm khi đến làm con họ không? Theo tôi, bổn phận của người làm cha mẹ là giáo dục con cái nên người, giúp chúng phát triển, trưởng thành, làm con có hiếu trong gia đình, công dân tốt của xã hội. Đó là nhân lành đóng góp tích cực cho cộng nghiệp của quốc gia. Khi đứa con trưởng thành, tự nó sẽ biết tìm ra mục đích của mình để học hỏi và hoàn tất những gì nó cần phải học. Nếu không biết dạy dỗ con, để đứa trẻ trở thành phần tử xấu, gây tai hại cho xã hội thì cha mẹ phải chịu trách nhiệm vì đã không hoàn thành bổn phận của mình.

Ông Kris thở dài:

- Có lẽ ông cũng thấy hiện nay con người đã trở nên phóng khoáng hơn trong quan niệm về tình dục. Người ta không còn bị giới hạn hay cấm đoán bởi các luật lệ, giáo điều, thậm chí còn được khuyến khích bởi phim ảnh, báo chí hay các phương tiện truyền thông, vì vậy mà việc nam nữ kết hợp đã trở nên bừa bãi, vô ý thức, vô trách nhiệm, khác hẳn khi xưa. Một vấn nạn kéo dài nhiều năm nay trên khắp thế giới là việc phá thai, khi mà những thanh thiếu niên chưa trưởng thành, chưa có đủ hiểu biết, chưa sẵn sàng làm cha mẹ nhưng đã có quan hệ tình dục dẫn đến có thai ngoài ý muốn. Các bào thai đều là những vong linh đang chuyển kiếp thành người để hoàn tất bài học hay hoàn thành tâm nguyện gì đó. Nếu cái thai bị phá, không được sinh ra thì tức là vong linh mất quyền được sống. Ông thử nghĩ mà xem, lòng oán thù sân hận của những vong linh này sẽ nặng nề như thế nào? Phá thai là sát nghiệp vô cùng nặng, vì nó không những tiêu diệt một sự sống mà còn phá hoại tình cảm của cả hai người và gia đình có liên quan nữa. Rồi những vong linh thai nhi đó sẽ làm gì? Vì liên hệ nhân quả từ trước mà nó tìm đến để làm con nhưng lại bị giết hại thì hận thù này sẽ phải trả ra sao? Nếu mở được con mắt tinh thần ông sẽ thấy những người phá thai, các bác sĩ hay y tá thực hiện việc phá thai sẽ phải gánh chịu quả báo nặng nề như thế nào. Ông sẽ thấy được rất nhiều sự kiện vô cùng ghê gớm xảy ra cho những người liên quan ngay khi họ còn sống cũng như khi họ qua thế giới bên kia. Vì việc phá thai xảy ra khắp nơi nên số vong linh thai nhi cũng nhiều vô cùng. Lòng oán hận quá lớn, quá mãnh liệt khiến chúng muốn trả thù. Với tâm thức như thế, chúng chỉ có thể chuyển kiếp trở thành những loài ma quỷ hung ác đem tai họa cho nhân loại. Hầu hết các tai họa ngày nay như chiến tranh, thiên tai, bão tố, động đất và các loại dịch bệnh xảy ra đều liên quan đến nghiệp giết chóc của

loài người và một khi chúng xảy ra thì khó có thể dập tắt.

Ông Kris dừng lại để tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Tôi đã giải thích cho ông những gì tôi biết, tin hay không tùy ông. Vì đây là vấn đề phức tạp, khó chứng minh nên nếu nói ra cũng chỉ tạo những tranh cãi vô ích.

Có nhiều cách giải thích khác nhau tùy quan niệm của tôn giáo, cũng như niềm tin của mỗi người. Tôi chỉ giải thích theo luật Nhân quả rằng tùy nghiệp lực dẫn dắt mà một số vong linh trở lại làm người, một số khác chuyển kiếp thành loài vật, hay loài ma quỷ. Tuy nhiên hiện nay so vong linh trở lại thành người không nhiều lắm đâu, vì một khi đã mất nhân thân thì rất khó trở lại mà phải trải qua quá trình tu tập rất dài.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy tại sao hiện nay dân số vẫn tiếp tục gia tăng?

Ông Kris thở dài:

- Ông không biết hiện nay rất nhiều loài thú vật đã chuyển kiếp thành người hay sao? Tệ hơn nữa, nhiều ma quỷ cũng chuyển kiếp thành người. Nghe có vẻ khó tin, nhưng nếu ông ngẫm nghĩ, có thể thấy ngày nay biết bao người không sống đúng nghĩa con người thật sự. Có biết bao người mang thân xác con người nhưng lại hành động như thú vật, biết bao người sống vô cảm, hung ác như loài ma quỷ. Khi chu kỳ của các quốc gia đi vào giai đoạn “Hoại” thì hiện tượng này xảy ra cũng là bình thường. Những “con người” này chuyển kiếp đến để phá hoại, để tiêu diệt, để làm cho những nơi chúng đến phải sụp đổ. Không khó để nhận thấy hiện nay nhiều nơi xảy ra chiến tranh liên miên không dứt, nhiều nhà độc tài tàn ác, không nhân tính đã giết hàng trăm ngàn người, giam cầm hàng triệu người, gieo rắc kinh hoàng khắp nơi, rồi xâm lăng, chiếm đoạt các quốc gia khác, để thỏa mãn giấc mộng làm bá chủ thế giới. Tại sao con người có thể hung ác, vô lương tâm như thế được nếu đó không phải là loài ma quỷ hay ác thú chuyển kiếp làm người? Thật ra giai đoạn này đã diễn ra hơn một trăm năm nay rồi và lúc này các động lực ma quái đang chế ngự thế gian. Các vong linh xuất phát từ những nền văn minh cổ, những nơi tà giáo ngự trị hay những âm binh ma quái bị giam giữ trong các cổ mộ được đào xới lên, được tháo cũi, sổ lồng trở lại gieo rắc sự tà ác, gây xáo trộn, chia rẽ khắp nơi.

Tôi hỏi:

- Nhưng làm sao chứng minh sự hiện diện của các loài ma quỷ quái ác này?

Ông Kris lắc đầu rồi nói:

- Tại sao chúng ta cứ đòi hỏi phải có bằng chứng thì mới chịu tin? Ngay cả khi có bằng chứng thì cũng chưa chắc người ta chấp nhận, nhiều người vẫn sẽ cho rằng bằng chứng chỉ là bịa đặt hay tưởng tượng, còn nếu ông muốn tìm bằng chứng, thì có thể tìm thấy trong hai trận thế chiến vừa qua và những cuộc chiến lớn nhỏ liên tiếp sau đó. Làm sao những cá nhân tầm thường lại có thể trở thành những nhà lãnh đạo tối cao, quyền lực lớn, có thể sai khiến con người làm việc giết chóc dã man ghê gớm như thế được? Ai đã đưa hàng triệu người Do Thái vào các trại tập trung để bị thiêu chết? Ai đã đem hàng triệu dân thiểu số đày đi Siberia để họ chịu chết rét? Trong vòng mấy chục năm nay, có lúc nào thế giới không có chiến tranh đâu, có lúc nào mà chúng ta không chứng kiến sự giết chóc. Hiện nay, nhiều quốc gia đi vào giai đoạn "Hoại" trong chu kỳ, vì vậy số quỷ ma, ác thú đang mang thân người nhiều vô kể. Khắp nơi đầy cảnh bóc lột, đàn áp, bạo động, giết chóc, hận thù chất chồng đến ngút trời. Tại sao thế? Phải chăng vì đa số con người hiện nay sống ích kỷ, vô cảm, tham lam, tàn ác tạo môi trường thuận lợi cho những loài yêu ma quỷ quái tìm đến. Nếu con người không sớm ý thức, bỏ việc ác, làm việc lành, bỏ tật tham lam ích kỷ, phát triển tình thương thì khó tránh được những tai họa không cách gì cứu vãn sắp xảy đến trong tương lai.

Tôi nghĩ đến tình trạng xảy ra trên thế giới ngày nay, bùi ngùi:

- Ông nói đúng, quả thật thế giới đang trải qua giai đoạn vô cùng khó khăn. Liệu chúng ta có hy vọng nào trong việc tìm giải pháp cho tình trạng hiện nay không?

Tưởng đâu ông Kris phải suy nghĩ một lúc rồi mới trả lời câu hỏi trọng đại thế này, nhưng ông đáp ngay, một cách nhẹ nhàng:

- Có chứ! Điều nhân loại đang cần là sự phát triển về phương diện tâm linh, để xoay chiều sự tiến bộ của tri thức. Trong những thế kỷ gần đây, tâm thức nhân loại chỉ phát triển một cách đơn phương trên bình diện tri thức. Tri thức hiện nay là hướng ngoại, là sự suy luận, phân tích, tính toán và phân biệt. Tuy nhiên tâm thức con người không phải chỉ là tri thức mà còn có phần khác, ta tạm gọi là tâm linh. Tâm linh là yếu tố sáng suốt, thanh khiết, mỹ lệ, là phạm trù của thương yêu và sáng tạo vượt ra khỏi điều kiện giới hạn của thời gian và không gian. người ta chỉ có thể nhận diện và phát triển được tâm linh khi tâm thức hướng ngoại được xoay chiều, quay vào bên trong. Đây là giải pháp cần thiết cho tình trạng hiện nay.

Ngày nay, nhờ sự phát triển vượt bậc của tri thức nên tâm thức nhân loại đã hiểu biết được rất nhiều yếu tố bên ngoài, phát minh được nhiều sản phẩm vượt xa các thế kỷ trước. Tuy nhiên, nó vẫn chưa tự biết được nó là gì, cũng như chưa biết mục đích của nó trong vòng sinh hóa của vũ trụ. Vì có tính chất hướng ngoại nên mục đích của tri thức là đi tìm những lạc thú ở bên ngoài, từ đó mà phát sinh ra sự tham lam, ích kỷ. Một khi đã có được gì thì cứ muốn có mãi, càng nhiều càng tốt, rồi nảy ra các tham vọng không có điểm dừng. Đối với một tinh thần hưởng thụ thì thế giới ngày nay hiện ra như một siêu thị đầy sản phẩm mà ai cũng thèm muốn. Đã thế, người ta còn tạo thêm nhiều sản phẩm mới lạ rồi quảng cáo khéo léo nhằm kích thích lòng ham muốn và dục vọng sở hữu của con người. Sự kích thích này xảy ra trên mọi phương diện, từ sở hữu vật chất đến thỏa mãn nhu cầu xác thân. Tinh thần hưởng thụ tạo ra lòng tham và sự ích kỷ, gia tăng cảm giác chia rẽ, nên tâm thức con người ngày càng chìm sâu trong ngoại cảnh. Để thỏa mãn lòng tham, con người lao vào những hoạt động bên ngoài nhằm thu góp mọi thứ họ có thể lấy được, rồi dần đi đến việc chiếm hữu bằng sức mạnh và quyền lực, từ đó gây ra chiến tranh, chiến tranh bắt đầu giữa người với người, sau đến gia đình rồi lan ra xã hội. Hiện nay khắp nơi đều có cảnh tranh giành, chiếm đoạt. Quốc gia này muốn chiếm quốc gia kia để bành trướng lãnh thổ của mình. Nước này gây hấn với nước kia để tranh đoạt quyền lợi rồi tạo ra đủ thứ vũ khí, từ súng ống, bom đạn đến vũ khí hạt nhân và vũ khí sinh học. Nước này đầu độc nước kia bằng chất thải nhà máy và muôn kiểu phá hoại môi trường. Nước kia gieo rắc vi-rút, vi trùng sang nước nọ gây đủ thứ bệnh tật ghê gớm, thậm chí có thể tiêu diệt toàn thể nhân loại.

Tôi lắc đầu:

- Tương lai nhân loại lẽ nào bi thảm đến thế sao?

Ông Kris mỉm cười, nói tiếp:

- Tâm thức nhân loại hoạt động tùy theo các động lực chi phối nó. Hiện nay động lực đó là sự tham lam, ích kỷ, thù hận, say mê quyền lực, bất chấp hậu quả. Tuy nhiên một khi nó nhận thức được các mục đích của tri thức mà nó theo đuổi là sai lầm thì nó sẽ dừng lại và khi đó phần tâm linh từ lâu vẫn bị phủ nhận sẽ hiện ra. Từ chối làm một việc ác cũng chính là thực hiện một việc thiện lành. Khi con người nhận thức được cái gì là xấu thì cũng là lúc họ bắt đầu biết thế nào là đẹp. Khi tri thức nhân loại ngừng hướng đến những dục vọng ích kỷ, thấp hèn thì tự động sẽ hướng đến những điều thiêng liêng, cao quý. Khi đó tri thức

nhân loại sẽ xoay chiều, chuyển hướng vào bên trong, hòa hợp với tâm linh, đem lại sự toàn diện cho tâm thức. Khi tâm thức thay đổi, mọi sự sẽ thay đổi.

Trước một giải pháp giản dị như thế, tôi không khỏi ngạc nhiên và lòng cũng có đôi chút hoài nghi. Tôi nói:

- Điều ông nói chỉ có tính chất lý thuyết. Làm sao thực hiện được mới là vấn đề.

Ông Kris im lặng, vẻ đắm chìm trong suy tư. Một lúc sau, ông lên tiếng:

- Ông có thể coi đó như khái niệm tổng quát về cách thức sự thay đổi diễn ra trong tương lai. Khi nào nó xảy ra hay xảy ra tại đâu thì không phải là điều có thể nói được trong lúc này. Và dù có nói ra cũng không ai tin. Hiện nay con người đã ý thức về sự nguy hiểm của việc leo thang chiến tranh, chỉ một vài hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử hay một loại vi-rút nào đó là cả thế giới có thể tan thành cát bụi. Do đó, đã có những cuộc thương lượng để tìm ra giải pháp. Quốc gia nào cũng có ý kiến về giải pháp cho chiến tranh nhưng không ai tự hỏi ý kiến đó xuất phát từ đâu. Phải chăng nó vẫn xuất phát từ cái tâm thức chưa thay đổi của tri thức hướng ngoại, nghĩa là vẫn tham lam, ích kỷ và tư lợi? Ai cũng cho ý kiến của mình là đúng và không chấp nhận ý kiến người khác. Do đó không thể có giải pháp chung trong lúc này. Hiện nay tâm thức nhân loại vẫn đang quay cuồng trong vòng hư ảo, rồi sẽ đi đến tình trạng cực đoan. Tuy nhiên, trong tương lai sẽ có những biến cố rất lớn xảy ra để buộc tâm thức điên đảo này phải thức tỉnh.

Tôi hỏi:

- Ông muốn nói đến biến cố gì? Có phải là chiến tranh?

Ông Kris lắc đầu, mỉm cười trả lời:

- Khi tâm sân hận và ác nghiệp lên đến mức nào đó sẽ xảy ra chiến tranh. Từ mấy ngàn năm nay, chiến tranh có bao giờ chấm dứt đâu. Tuy nhiên hiện nay với các vũ khí tối tân, có thể tiêu diệt toàn thể nhân loại thì chiến tranh đã chuyển qua hình thức khác. Các cường quốc đều biết nếu có đại chiến xảy ra, họ không thể thắng, nhưng cũng không được phép để thua. Do đó, thay vì đối đầu nhau trên chiến trường, họ chuyển qua xúi giục các nước nhỏ gây chiến với nhau (*chiến tranh ủy nhiệm*) để quốc gia của họ đỡ nguy hiểm hơn. Các cuộc chiến này cũng là nơi để thí nghiệm các loại vũ khí mới, các chiến thuật mới, tạo ra những

ảnh hưởng mới, khiến cho người dân các nước nhỏ này phải gánh chịu hậu quả. Ông có thể thấy các cuộc chiến tranh như thế hiện đang xảy ra khắp thế giới, nhất là ở những đất nước có dân trí còn thấp kém, có nội bộ xáo trộn, tranh giành, tham lam quyền lực, phá hoại đời sống con người.

ông Kris giải thích thêm:

- Nhìn lại thế kỷ vừa qua mà xem, nhân loại đã chịu ảnh hưởng của một số triết gia, những nhà tư tưởng, những nhà lý luận với các quan niệm cực đoan, dẫn đến sự đàn áp và chia rẽ con người. Những người này tin rằng mọi sự đều có thể giải thích bằng lý luận hay chứng minh bằng những thí nghiệm. Phong trào duy lý này đã phân chia thế giới ra thành hai khối chống đối nhau, tạo môi trường thuận lợi cho những động lực ma quái và một số ma quỷ, ác thú chuyển kiếp thành người, gây ra chiến tranh giết chóc khắp nơi. Tại sao lại như thế? Vì những nhà tư tưởng, những nhà lý luận và các lãnh đạo này đều say mê quyền lực và không nhận thức được gì về luật Nhân quả. Họ tin tưởng tuyệt đối vào việc mình làm, bất chấp hậu quả mà những lý thuyết hay quyết định do họ đề xướng có thể mang lại. Họ tin rằng mọi việc đều có thể giải quyết bằng lý luận và sức mạnh vũ lực.

Tôi phản biện:

- Tôi thấy hiện nay mọi việc đã thay đổi rồi. Sự phân chia thành hai khối ý thức chống đối đã không còn.

Ông Kris lắc đầu nói ngay:

- Không được như thế đâu. Khi lý thuyết, túi điều, niềm tin cực đoan không còn hiệu lực nữa thì thế giới chuyển qua giai đoạn khác, ông thử ngẫm lại mà xem, có phải những lý thuyết, tín điều cũ đã bị thay thế bằng giá trị đồng tiền? Lý tưởng về một xã hội bình đẳng đại đồng đã được thay thế bằng lý tưởng làm giàu cá nhân. Ngày nay, những nhà tư tưởng, nhà lý luận đã phải nhường chỗ cho những nhà khoa học, những nhà khởi nghiệp, chuyên gia công nghệ. Tiếc thay, những người này cũng chỉ biết dùng trí thông minh, và tâm sức của họ để phát minh các sản phẩm với mục đích làm giàu, bất chấp hậu quả của việc đó tai hại thế nào. Một số sản phẩm trong số đó có khả năng khiến cho mọi người say mê mù quáng, biến thành thói quen không thể bỏ. Họ trở nên thụ động, không kiểm soát được tâm thức, rồi rơi vào u mê, vô cảm không còn biết phải trái, đúng sai gì nữa. Trên khắp thế giới, con người giờ chỉ biết đến kiếm tiền, tìm

mọi cách làm giàu, rồi thì mặc sức hưởng thụ, rượu chè vui chơi, ăn uống vô độ, tiền bạc phung phí, bất kể ngày mai. Dĩ nhiên, xã hội thì luôn có người giàu người nghèo, nhưng ngày nay người ta chỉ đề cao những người thành công, giàu có, không còn mấy ai lên tiếng đấu tranh cho những người nghèo khổ, bất hạnh, bị bóc lột như trước đây. Ngày xưa, người ta giết nhau bằng vũ khí, súng đạn, thì nay vũ khí lợi hại nhất chính là triệt tiêu nhân tính, phá hoại đầu óc con người, khiến họ trở nên ích kỷ, tham lam và vô cảm. Đây là hệ quả của tri thức phát triển đơn phương, đưa nhân loại đến chỗ cực đoan, máy móc.

Tôi lắng nghe chăm chú và hỏi thêm:

- Nói như vậy, phải chăng tương lai nhân loại là không thể thay đổi?

Ông Kris trầm ngâm một lúc rồi trả lời:

- Trong tương lai, thế giới sẽ không còn chia làm hai khối chống đối nhau như trước mà sẽ phân thành ba khối, ba khối này cạnh tranh nhau nhưng đồng thời cũng hợp tác, liên kết, thỏa hiệp. Tuy nhiên, đến cuối cùng vẫn đi đến chiến tranh. Tại sao lại như thế? Vì các nhà lãnh đạo cũng như đa số dân chúng vẫn chưa hiểu biết về luật Nhân quả. Họ không ý thức được về hậu quả những việc họ làm, những hệ lụy từ các phát minh mà họ để ra. Họ nghĩ rằng mọi việc đều có thể giải quyết bằng công nghệ, bằng truyền thông, bằng tiến bộ kỹ thuật và trong tương lai có thể để cho các máy móc thông minh phục vụ con người.

Từ chối làm một việc ác cũng chính là thực hiện một việc thiện lành. Khi con người nhận thức được cái gì là xấu thì cũng là lúc họ bắt đầu biết thế nào là đẹp. Khi tri thức nhân loại ngừng hướng đến những dục vọng ích kỷ, thấp hèn thì tự động sẽ hướng đến những điều thiêng liêng, cao quý. Khi đó tri thức nhân loại sẽ xoay chiều, chuyển hướng vào bên trong, hòa hợp với tâm linh, đem lại sự toàn diện cho tâm thức. Khi tâm thức thay đổi, mọi sự sẽ thay đổi.

Tôi thắc mắc:

- Ông vừa nói thế giới sẽ phân thành ba khối, cụ thể là thế nào?

Ông Kris giải thích:

- Tâm thức nhân loại hoạt động theo các động lực chi phối nó. Bao nhiêu năm

nay động lực đó vẫn là tham lam, ích kỷ, hận thù, say mê quyền lực bất chấp hậu quả. Tâm thức nhân loại chưa thể chuyển hóa, nên sẽ đưa đến tình trạng các quốc gia kéo bè kết đảng, lập thành phe phái cạnh tranh với nhau. Thế giới sẽ phân làm ba khối, mỗi khối gồm một số quốc gia có chung mục đích, cạnh tranh với các khối còn lại. Tuy nhiên, vì chưa chuyển hóa nên họ cứ hợp tác rồi lại phản bội, liên kết rồi lại cạnh tranh, thỏa hiệp rồi cũng chống đối. Vì lòng tham lam ích kỷ, ai cũng tìm đủ mọi cách để đoạt phần thắng về phe mình.

Tôi hỏi thêm:

- Sau đó thì sao?

Ông Kris trả lời:

- Nhân loại còn phải trải qua những giai đoạn thảm khốc với rất nhiều thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh lớn nhỏ cho đến khi nào con người nhận thức được sự sai quấy của tri thức đơn phương và bắt đầu ý thức về luật Nhân quả trước tình trạng diệt vong của nhân loại.

Tôi thở dài, cảm thán:

- Việc đó không đơn giản chút nào. Người ta không dễ gì chấp nhận quan niệm về luật Nhân quả đâu, nhất là ở phương Tây này. Như ông đã nói, ở thời đại khoa học lên ngôi, người ta chỉ tin những gì nhìn thấy được, chứng minh được.

Ông Kris gật đầu:

- Đúng như vậy. Hơn nữa, hiện nay người ta vẫn còn cố chấp tin vào sức mạnh của quyền lực cũng như các vũ khí tối tân. Họ sẵn sàng dùng mọi cách, từ âm mưu đến vũ lực, để khống chế người khác nhằm đạt đến mục đích của mình. Khi người lãnh đạo một quốc gia có ý thôn tính quốc gia khác thì sẽ bắt đầu khơi mào tranh chấp, rồi dẫn đến chiến tranh, vũ khí chiến tranh đã đi từ bom đạn đến các loại chất độc chết người, rồi hiện nay là các loại mầm bệnh truyền nhiễm. Môi trường khắp nơi đều bị hủy hoại, bị nhiễm độc, chẳng còn mấy chốn an toàn. Những biến cố lớn sẽ xảy ra cho toàn nhân loại, không giới hạn riêng nước nào hay vùng nào. Khi số người tử vong lên đến những con số khủng khiếp ở một số nơi, hy vọng mọi người hiểu được rằng ai trồng nhân lành thì gặt quả lành, ai trồng nhân ác thì gặt quả ác. Con người không thể tiếp tục sống với quan niệm “anh móc mắt tôi thì tôi cũng móc mắt anh”, khiến cho tất cả mọi

người đều mù hết được.

Tôi hỏi lại:

- Nhưng theo ông, nhân loại có thể chuyển hóa tâm thức không?

Ông Kris chậm rãi trả lời:

- Điều đó tùy thuộc vào lựa chọn của mọi người. Những người hiểu biết sẽ thay đổi tâm thức và những người u mê, không chịu thức tỉnh thì sẽ gánh chịu những hậu quả do chính họ gây ra. Biệt nghiệp của từng cá nhân sẽ chuyển hóa khi con người có ý thức và biết thay đổi, hành động khác đi. Cộng nghiệp của quốc gia cũng sẽ thay đổi khi đa số người dân của quốc gia đó biết chuyển đổi tâm thức, hồi tâm hướng thiện. Khi người lãnh đạo một quốc gia biết hành xử trung thực, chính nghĩa, công bằng, không thiên vị, không tư lợi thì quốc gia đó sẽ được yên bình. Nhân loại hiện nay vẫn chưa có mấy người tin vào luật Nhân quả, nhưng tin hay không thì nhân quả vẫn xảy ra, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Nhiều quốc gia trên thế giới đang bước vào giai đoạn “Hoại” của chu kỳ, vì vậy mà xã hội ngày càng xáo trộn, kinh tế ngày càng phân hóa, khoảng cách giữa người giàu và nghèo trở nên lớn hơn. Tiếc là đa số con người vẫn sống tham lam, ích kỷ, nên cứ mạnh được yếu thua, coi những bất ổn đó như lẽ thường. Sự bất mãn nào rồi cũng đưa đến rối loạn, phản kháng, rồi bạo động sẽ diễn ra khắp nơi. Nhưng khi rối loạn lên đến cực điểm thì cũng đến lúc trật tự được thiết lập trở lại. Nhưng trật tự này được thiết lập ra sao còn tùy vào sự hiểu biết, chuyển hóa tâm thức của người dân và lãnh đạo của quốc gia đó.

Ông Kris dừng lại, cân nhắc một chút rồi nói tiếp:

- Ngoài ra, đã có một số quốc gia trên thế giới đang đi vào giai đoạn “Diệt” của chu kỳ, nên xã hội ở những nơi đó hoặc là vô cùng loạn lạc, hoặc là vô cùng khổ sở với luật lệ hà khắc, bị kiểm soát, kìm kẹp chặt chẽ. Ở đó, kẻ ác ngự trị, người lành bị đọa đày. Già néo đứt dây, khi sự đàn áp trong một xã hội lên đến cực điểm, cũng là lúc nó sụp đổ hoàn toàn. Biến cố này sẽ không xảy ra từ bên ngoài, do hậu quả của một cuộc chiến tranh hay thiên tai, mà sẽ diễn ra từ bên trong do nghiệp quả đã đến lúc chín muồi. Ông nghĩ xem, nếu năm mươi năm trước có ai đó nói rằng rồi Liên Xô sẽ tan rã, chia thành nhiều nước nhỏ thì có mấy ai tin không? Thế mà sau đó, chỉ trong một thời gian ngắn từ lúc bắt đầu suy yếu, Liên xô đã tan rã hoàn toàn. Nếu bây giờ tôi nói, trong tương lai, một nước

lớn như thế cũng sẽ tan rã, thì người ta cũng giống như năm mươi năm trước, coi đó là chuyện hoang đường. Tại sao ư? Là vì họ không hiểu hoặc không tin vào luật Nhân quả.

Ông Kris giải thích thêm:

- Chỉ cần nhìn lại lịch sử nhân loại ông sẽ thấy những biến chuyển lớn trên thế giới là không thể lường trước được, có lúc nhiều nước nhỏ hợp lại thành một nước lớn và cũng có lúc một nước lớn lại sụp đổ, phân thành nhiều nước nhỏ. Bài học lịch sử đó tiếp diễn hàng ngàn năm, nhưng nhân loại vẫn chưa chịu học. Các đế quốc như Ai Cập, Assyria, Babylon, Hy Lạp, La Mã, Mông Cổ đã từng hùng mạnh biết bao, rồi thì đã xảy ra những chuyện gì, sử sách có ghi, hẳn ông cũng biết rõ. Tôi và ông đã cũng trải qua những kiếp sống tại đó, ông hiện đã quên rồi, nhưng tôi vẫn còn nhớ rõ.

Ông Kris lại nói về những kiếp sống trước đây, khi chúng tôi có những liên hệ với nhau. Dù rất tò mò muốn hỏi thêm về chuyện đó, nhưng chủ đề đang thảo luận cũng rất thu hút tôi. Tạm gác lại thôi thúc muốn tìm hiểu thêm về mối quan hệ tiền kiếp giữa tôi và ông Kris, tôi hỏi tiếp:

- Tôi nghĩ, một khi đã đến giai đoạn "Diệt" của chu kỳ thì sẽ phải giống như Atlantis, bị hủy diệt hoàn toàn, vậy nếu không phải do thiên tai thì để gì một cường quốc có thể sụp đổ hoàn toàn như thế?

Ông Kris mỉm cười, giải thích:

- Tất cả đều do sự thu xếp của luật Nhân quả. Một lục địa với đa số dân chúng đều hung dữ, độc ác, tích tụ đầy ác nghiệp như Atlantis thì phải chịu hậu quả là bị tiêu diệt. Tuy nhiên, với những quốc gia từ xưa đã có truyền thống văn hóa cao, đời sống tâm linh phát triển thì mặc dù phải sống dưới sự áp chế, đe dọa của các loài ma quỷ, ác thú, sẽ vẫn có một bộ phận dân chúng cố gắng duy trì nếp sống lành thiện, hiểu biết và tin tưởng luật Nhân quả. Nhờ cái nền móng căn bản vững chắc đó mà quốc gia sẽ tránh được nạn bị hủy diệt hoàn toàn, chỉ từ một nước lớn tan vỡ phân thành nhiều nước nhỏ mà thôi. Khi quyền lực đi đến chỗ bạo ngược, cực đoan thì sẽ có những biến cố xảy ra. Vì đã gây ra quá nhiều ác nghiệp nên những người liên can đều phải trả quả báo vô cùng nặng nề. Khi thời điểm đến, việc định công, luận tội, đúng sai, tốt xấu sẽ được phán xét rõ ràng.

Tôi ngẫm nghĩ những gì vừa nghe, rồi nói thêm:

- Những điều ông vừa nói cho tôi thấy ánh sáng cuối đường hầm. Quay lại việc ông nói lúc trước, rằng hiện nay có nhiều ma quỷ và ác thú chuyển kiếp thành người, tàn phá giết chóc khắp nơi. Vậy con người phải đối phó với những động lực ma quái này như thế nào?

Ông Kris mỉm cười, giải thích:

- Tôi đã nói qua với ông về những cõi giới vô hình. Trong đó tôi đã nói về cõi giới của vong linh, cõi giới của ma quỷ nơi những sự tàn ác ghê gớm ngự trị. Tuy nhiên, tôi chưa nói đến cõi giới của các vị thánh nhân, nơi mà những thực thể có tâm thức rất cao đang cư ngụ. Những thực thể này cũng từng là con người như chúng ta, nhờ tu luyện tâm thức, hiểu biết nhân quả, phát triển tình thương và trí tuệ cao thâm nên khi qua đời họ đã chuyển kiếp đến cõi giới cao hơn. Dù ma quỷ có quyền năng đến đâu, dù thú vật chuyển kiếp thành người có hung ác đến đâu thì cũng không thể ra khỏi sự chi phối của nhân quả. Gieo nhân gì thì gặt quả đó, đây là lẽ công bằng. Khi loài ma quỷ hung ác chuyển kiếp thành người gây nhiều nghiệp ác thì cũng sẽ phải trả nghiệp, đó là khi các thực thể cao cả đến thế giới này để hóa giải những động lực ma quái đó.

Tôi thắc mắc:

- Ông muốn nói đến sự ra đời của một thánh nhân sao?

Ông Kris từ tốn trả lời:

- Không phải chỉ một người mà rất đông các bậc thánh nhân có trình độ hiểu biết thâm sâu sẽ chuyển kiếp làm người để giúp đỡ, chuyển đổi tâm thức cho nhân loại. Một số đã đến đây từ nhiều năm nay rồi nhưng làm việc âm thầm nên thế giới không biết họ là ai. Theo thời gian, số người này ngày càng đông hơn trước, tạo ra được những động lực có thể thay đổi xã hội. Tuy nhiên, sự thay đổi này xảy ra rất chậm vì nhiệm vụ của họ chỉ là thúc đẩy nhân loại tự mình chuyển đổi tâm thức để học hỏi và phát triển chứ họ không thể làm thay con người được.

Sự truy cứu đến cùng của luật Nhân quả đối với những hành động bất lương của con người là tất yếu sẽ xảy ra. Có những người từng quyền uy, giàu sang nhưng giờ đã trắng tay, thậm chí có người còn rơi vào vòng lao

lý. Ngẫm lại thì họ đều từng sử dụng thủ đoạn hại người, chiếm đoạt, lừa gạt nhằm mưu lợi cho mình. Luật Nhân quả của vũ trụ luôn vận hành chính xác và nghiêm minh.

Không phải cứ mắc sức làm điều độc ác, hại người lợi mình, rồi sau đó vì sợ sự trừng phạt của nhân quả nên vội vàng bỏ tiền bỏ của ra làm những việc công đức nặng tính hình thức là có thể xóa đi nghiệp ác hay báo ứng được. Nếu không thực sự xuất phát từ suy nghĩ, hành động thiện tâm thì không một ai trên đời có thể thay đổi được nghiệp quả.

Tôi tỏ vẻ hoài nghi:

- Nhưng đã có bằng chứng gì về những người này chưa?

Hiếu được sự nghi ngờ của tôi, ông Kris thông thả giải thích:

- Những câu chuyện thần thoại vẫn vẽ ra chuyện các vị thần với quyền lực vô song xuất hiện để hàng phục các loài ma quái. Nhưng điều này sẽ không thể xảy ra, vì nếu lấy sức mạnh đối phó với sức mạnh chỉ tạo thêm nghiệp ác, lấy oán thù dập tắt oán thù thì oán thù sẽ càng tích tụ. Người hiểu biết nhân quả không thể làm như thế được. Tôi chỉ có thể nói những gì tôi biết, tin hay không tùy nhận định riêng của ông. Tuy nhiên, tôi có thể cho ông biết hiện nay tại nhiều nơi trên thế giới đã có những đứa trẻ được sinh ra với nhiệm vụ hóa giải những động lực ma quái này. Đó là những cá nhân có hiểu biết, có tâm thức đã thức tỉnh, có tình thương lớn, biết thông cảm với những đau khổ, hoạn nạn của người khác. Ngay từ nhỏ, những đứa trẻ này đã tỏ ra thông minh, hiểu biết mau lẹ, đối xử công bằng với mọi người. Khi khôn lớn, họ trở thành những cá nhân có tinh thần hợp tác, sẵn lòng chịu thiệt thòi nếu cần thiết, vì đức hy sinh và lòng nhân ái của những người này rất lớn. Vì sống ở cõi thanh cao đã lâu nên những người này rất nhạy cảm với những rung động xấu xa, thường tỏ ra ghê tởm trước những đồ ăn bằng máu thịt.

Đa số họ không ăn thịt, nếu ăn vào cũng sẽ nôn ra. Hiện tượng đó không phải là dị ứng với thịt như y học hiện đại vẫn nói, mà là dấu hiệu của sự trưởng thành tâm linh, biết xót thương vạn vật. Do đó, nếu người làm cha mẹ nào sinh được những đứa trẻ như thế thì họ nên ý thức về trách nhiệm thiêng liêng của mình là đưa những bậc thánh nhân ấy đến với cõi đời. Hiện nay, trên khắp thế giới có rất nhiều người còn trẻ đã biết ăn chay, tránh sát sinh, tự học hỏi, tìm hiểu về thế giới tâm linh. Trong khi nhiều người trẻ khác vẫn còn mải mê với thú vui vật

chất thì những người này đã biết tìm về cội nguồn tâm linh, đó là vì họ đã từng trải qua kiếp sống ở những cõi giới cao hơn cõi trần.

Tôi gật đầu, tán thành:

- Đúng là tôi có đọc được trên báo chí gần đây, rằng số lượng người ăn chay đã gia tăng lên rất nhiều, khiến doanh thu của các hãng thực phẩm tươi sống, các xưởng giết mổ giảm sút không ít.

Ông Kris bật cười:

- Là nhà đầu tư tài chính như ông thì hẳn biết rõ thị trường chứng khoán của các hãng sản xuất thịt cá hiện đang lên xuống như thế nào. Tương tự như thế, thời đại của các nhà tư tưởng gia, nhà lý luận, cũng như sự phát triển của tri thức cực đoan đã qua rồi. Thời thế của các nhà khoa học, chuyên gia công nghệ cùng sự phát triển của các máy móc thông minh cũng sẽ thay đổi trong một thời gian nữa.

Tôi ngạc nhiên:

- Chuyện đó diễn ra như thế nào? Mọi nghiên cứu đều cho thấy thế kỷ này đang là thời đại của công nghệ, nên chứng khoán các hãng công nghệ, truyền thông, mạng xã hội, trí thông minh nhân tạo, bán hàng trực tuyến đều phát triển rất nhanh.

Ông Kris mỉm cười:

- Rồi ông sẽ thấy, cái gì lên nhanh thì xuống chóng. Hiện nay thế giới đang ở trong giai đoạn biến chuyển, mọi chuyện rất khó nói trước được. Nhiều quốc gia đang bước vào giai đoạn “Hoại” và một số thì đã bắt đầu bước vào giai đoạn “Diệt”, nên chuyện gì cũng có thể xảy ra. Hiện nay sự chia rẽ, bất mãn, sợ hãi và rối loạn trong tâm thức con người đã ảnh hưởng lên sự vận hành của trái đất. Những thiên tai khủng khiếp như động đất, núi lửa phun trào, sóng thần có thể thay đổi mọi cục diện. Khi xảy ra nạn đói hay môi trường bị phá hủy hoặc xuất hiện các loại dịch bệnh nghiêm trọng thì thế giới của khoa học kia liệu có đứng vững không? Đó là chưa kể sự đe dọa chiến tranh đang ngày càng nghiêm trọng, chỉ một biến cố nhỏ cũng có thể làm bùng nổ một cuộc chiến lớn ở khắp nơi.

Tôi trầm ngâm:

- Theo sự hiểu biết của ông thì tương lai nhân loại rồi sẽ ra sao?

Ông Kris trầm ngâm:

- Tôi biết rằng tương lai sắp đến sẽ là thời của các nhạc sĩ, thi văn sĩ, nghệ sĩ, những người có sức sáng tạo mạnh mẽ trong các lĩnh vực âm nhạc, văn chương, nghệ thuật. Những tác phẩm của họ sẽ phản ánh lòng từ ái, lan tỏa sự hiểu biết, thể hiện sự sáng tạo, tôn vinh những cái đẹp của thiên nhiên và tạo ra ảnh hưởng lên toàn cõi nhân loại trên bình diện tư tưởng và tình cảm. Điều gì phát sinh từ tâm thức thanh cao đều có sức cảm hóa mạnh mẽ, thâm nhập vào tâm hồn con người và tạo ra sự thay đổi. Giai đoạn tiếp theo của nhân loại sẽ được xây dựng trên sự hợp nhất giữa mọi người, mọi quốc gia, mọi tôn giáo, mọi chủng tộc, trên bình diện tâm lý cũng như ngoại cảnh. Khi đó con người sẽ nhận thức được giá trị của sự sống trong vạn vật. Việc hòa hợp giữa hai thành phần tri thức và tâm linh sẽ bắt đầu với sự sáng tạo chân chính và nó sẽ phản chiếu sự huy hoàng của *Chân, Thiện, Mỹ*. Trong thời đại sắp tới này, con người sẽ biết nâng cao tâm thức, vượt khỏi những suy nghĩ nhỏ nhen tầm thường, những ham muốn tham lam, ích kỷ của đời sống hiện nay, để hòa hợp vào tâm thức chung của nhân loại. Mọi việc đều bắt đầu từ tâm thức cá nhân, do đó, giá trị của những thay đổi này phụ thuộc vào tinh thần chuyển đổi của từng con người. Hiểu biết chính mình và hiểu động lực của luật Nhân quả chính là bài học quan trọng trong tương lai và chỉ những người biết chuyển đổi tâm thức và biết thay đổi thì mới xứng đáng được hưởng nền văn hóa tốt đẹp xây dựng từ những bài học đó.

Ông Kris dừng lại ngẫm nghĩ một chút, rồi kết luận:

- Nói trước về những việc chưa xảy ra là điều không nên, vì tương lai luôn luôn biến chuyển, có thể thay đổi chứ không cố định. Tất cả mọi việc xấu hay tốt, lành hay dữ xảy ra ở một nơi nào đó đều đến từ tâm thức của những người sống ở đó. Tôi không muốn nói trước về một viễn cảnh tốt đẹp còn ở rất xa trong lúc mọi người đang lo lắng về sự đe dọa của dịch bệnh, biến động, xung đột và diệt vong, nhưng tôi hy vọng nhờ biết trước những khả năng sẽ diễn ra ở tương lai mà mọi người có thể chuyển đổi tâm thức - bỏ việc ác làm việc lành, biết ban trả tình thương, khiến cho việc xấu thì bớt xấu đi và việc lành thì có thể tốt lành hơn nữa.

Điểm đặc biệt trong buổi trò chuyện này với Thomas là ông không ngừng nhắc đi nhắc lại tầm quan trọng của luật Nhân quả. Đối với tôi và hầu hết những người chịu ảnh hưởng của nền văn hóa phương Đông, đây không phải điều gì mới nhưng đối với đa số người phương Tây, đây vẫn là một quan niệm tương đối mới lạ, chưa được hiểu thấu đáo. Hôm đó, tôi có đề cập lại chu kỳ “*Thành, Trụ, Hoại, Diệt*” và Thomas cho biết như sau:

"Vạn vật trên thế gian đều thay đổi theo định luật Chu kỳ, tức là trải qua bốn giai đoạn: *Thành, Trụ, Hoại* và *Diệt*. Trong giai đoạn “*Thành*” mọi người đều hăng hái xây dựng, trải qua bao nhiêu khó khăn thử thách gian truân người ta cũng khắc phục vượt qua được. Trong giai đoạn “*Trụ*” mọi người đều cố gắng đi theo nền móng đã xây dựng từ trước và mặc nhiên vô cảm hưởng thụ những gì tiền nhân gây dựng nên. Đến giai đoạn “*Hoại*” mọi người bắt đầu có mưu đồ lập bè phái lợi ích, tranh chấp, đả phá, oán hận triệt hại lẫn nhau. Thế giới hiện nay đang chứng kiến liên tục nào là chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, tai họa, là bởi chúng ta đang đi vào thời kỳ suy tàn của nhân loại. Ngay tại các nước phát triển nhất chúng ta cũng chứng kiến rất nhiều xáo trộn, hỗn loạn, với sự phân hóa giàu nghèo ngày càng trở nên gay gắt. Khi bước vào giai đoạn “*Diệt*” chúng ta sẽ thấy xuất hiện rất nhiều loại vũ khí ghê gớm - trong đó có vũ khí hạt nhân và vũ khí sinh học có thể hủy diệt cả nhân loại.

Tuy nhiên, chu kỳ không diễn tiến đơn giản như thế. Ngay trong giai đoạn “*Thành*” chúng ta đã có thể thấy những dấu hiệu và mầm mống của “*Trụ*” và “*Hoại*”, vì ngay trong lúc xây dựng, vẫn có những người chỉ hưởng thụ hay tranh chấp hơn thua, mặc dù số này rất ít. Trong giai đoạn “*Trụ*” cũng thế, mặc dù số người tích cực làm những việc tốt đẹp và được hưởng thụ tiện nghi thì nhiều nhưng cũng bắt đầu có số ít người thích tranh chấp, gây hấn hay chỉ lo thu vén, phá hoại. Tương tự như vậy, đến giai đoạn “*Hoại*” và “*Diệt*”, tuy số người thích chiếm đoạt, tranh giành, hận thù, phá hoại chiếm đa số, thì cũng bắt đầu có một số ít người biết cố gắng xây dựng, chuẩn bị cho giai đoạn “*Thành*” sắp đến trong chu kỳ tiếp theo. Nếu những người này có thể giúp những người khác chuyển đổi tâm thức, ban trải tình thương, bỏ việc ác làm việc lành thì có thể rút ngắn giai đoạn “*Hoại*” và “*Diệt*” để đi đến giai đoạn “*Thành*” của chu kỳ mới ít tổn thất nhất.

Đây là một hy vọng lớn. Vì tương lai của đa số mọi nơi, mọi quốc gia, và toàn thế giới này có thể thay đổi, trở nên tốt đẹp hơn, nếu mọi người biết chuyển đổi tâm thức, tin vào luật Nhân quả, thay đổi biệt nghiệp cũng như cộng nghiệp và

sống một cuộc sống công bằng, hòa bình, cao đẹp và ý nghĩa hơn”.

Khi qua đời, con người rời hồ xác thân vật chất và hiện hữu dưới hình thức khác gọi là thân trung am (Bardo) hay vong linh (Spirit). Đây là trạng thái trung gian giữa cái chết và lần tái sinh tiếp theo.

Thứ duy nhất thật sự hiện hữu là tàng thức, nó là căn bản của sự tồn tại, là nền móng của mọi tâm thức. Mọi tư tưởng, lời nói, hành động trong một kiếp sống, dù tốt hay xấu, đều tạo ra nhân, hay chủng tử, được lưu trữ trong tàng thức, không bao giờ mất đi.

BẠN MUỐN NHẬN NHIỀU EBOOKS HÃY, MIỄN PHÍ HƠN NỮA?

Mở Zalo quét mã QR CODE dưới đây



Hoặc nhấn vào link này để vào nhóm tặng sách: <https://bit.ly/hoi-yeu-sach>

Phần bốn

CHUYỂN HÓA NGHIỆP QUẢ: CON ĐƯỜNG THỨC TỈNH

Hằng năm vào dịp lễ Giáng sinh, tôi thường tổ chức cho những cộng sự chủ chốt của công ty đi nghỉ cùng nhau để thư giãn sau một năm làm việc mệt nhọc. Ngoài ra, đó cũng là dịp chúng tôi gặp nhau, cùng nhau bàn tính công việc cho năm tới. Hai năm trước, tôi mời mọi người đến căn nhà nghỉ mát mới mua tại Colorado để nghỉ ngơi và có dịp leo núi, trượt tuyết tại núi Vail.

Buổi chiều hôm đó, sau khi trượt tuyết về, chúng tôi ngồi ăn cùng nhau. Angie đã chuẩn bị trước một bữa tiệc thịnh soạn. Mọi người đang dùng bữa thì Connie quay sang tôi, vui vẻ gọi chuyện:

- Tôi nghe Angie nói lúc này anh đang tập thiền, việc này hơi lạ, vì từ trước đến nay, khi tôi và Angie tập Yoga anh vẫn cười chúng tôi mà. Lý do nào đã khiến anh đổi thái độ như thế?

Angie bật cười nói thêm:

- Anh ấy không những tập thiền mà còn có thể ngồi lâu hơn tôi nữa. Khi tập Yoga, tôi chỉ ngồi thiền khoảng mười phút là nhiều, vì dễ buồn ngủ, nhưng anh ấy có thể ngồi hơn nửa giờ mà vẫn tỉnh táo.

Cả bàn ăn rộn ràng lên vì mọi người cùng trêu chọc tôi. Brian cười nói:

- Hình như có lúc anh thiền ngay trong phòng làm việc phải không? Cô thư ký nói có lúc anh đóng cửa không tiếp khách.

Tôi trả lời nhẹ nhàng:

- Đôi khi tôi cần nghỉ ngơi cho đầu óc thoải mái. Lắm lúc suy nghĩ nhiều quá bị căng thẳng, nên cũng cần ngồi yên tĩnh một chút.

Connie mỉm cười ý nhị:

- Ngồi yên để nghỉ ngơi và ngồi thiền khác nhau chứ. Nghe Angie nói là anh học thiền với một ông hàng xóm gần đây. Angie nói rằng ông ấy là người vô cùng hiểu biết và có kiến thức về Karma Yoga. Tôi cũng đang muốn tìm hiểu thêm về Karma Yoga. Liệu tôi có thể gặp ông ấy được không?

Câu chuyện trên bàn ăn chuyển qua đề tài Yoga. Người thì cho rằng đó chỉ là phương pháp thể dục Ấn Độ đang được khai thác trong các phòng tập thể thao. Người khác nói rằng đó là một tôn giáo. Angie hào hứng lên tiếng:

- Theo ông Kris thì lịch sử Yoga kéo dài cả ngàn năm nhưng tinh hoa đã bị thất truyền, chỉ còn lại phương pháp tập luyện thôi, ông Kris là người biết rất rõ về Yoga, tôi chưa gặp ai có thể giải thích rõ ràng về Yoga như thế. Hơn nữa, ông ấy thật sự là người có vốn hiểu biết hiếm có. Nếu các bạn muốn, chúng ta có thể mời ông Kris sang đây để ông nói về Yoga.

Tôi không muốn làm phiền bạn mình, nhưng mọi người đều tò mò muốn làm quen với người láng giềng có kiến thức về Yoga này của tôi. Vì Angie đã kể chi tiết đó nên Connie rất hào hứng, nhất định đòi gặp ông Kris để tìm hiểu về Yoga. Hôm sau, Angie và Connie đến tận nơi mời ông Kris sang nhà tôi dùng cơm. Vừa gặp tôi, ông Kris đã tươi cười nói:

- Tôi không mấy khi rời nhà nhưng không thể từ chối lời mời chân tình của bà đây được. Nghe nói hôm nay bà đây sẽ trở tài nấu ăn?

Angie vui vẻ:

- Tôi thích nấu ăn và không ngại trở tài cho người biết thưởng thức, vì biết ông chỉ ăn trái cây nên tôi đã sửa soạn sẵn mấy món ăn bằng trái cây dành riêng cho ông.

Chúng tôi mời ông Kris vào nhà, giới thiệu ông với mọi người. Đồng thời, mọi người cũng tự giới thiệu mình với ông. Sau khi chào hỏi qua một lượt, chúng tôi ngồi vào bàn, vừa ăn uống vừa trò chuyện. Trong lúc mọi người vui vẻ thưởng thức món ăn mới do Angie chuẩn bị, Connie quay sang ông Kris, giọng hào hứng:

- Angie nói rằng ông Kris đây là người thông thái, hiểu biết rất nhiều và cũng biết nhiều về Yoga. Chúng tôi rất hân hạnh được trò chuyện cùng ông. Là người tập Yoga nên tôi muốn tìm hiểu thêm về truyền thống của môn này. Nghe nói

trước đây ông đã có buổi nói chuyện về Karma Yoga ở đây, thật tiếc là tôi không có mặt. Nếu có thể, xin ông nói thêm về môn này.

Ông Kris mỉm cười, vui vẻ giải thích:

- Karma là tiếng Phạn có nghĩa là hành động (*Action*). Một hành động xảy ra có thể vừa đến từ một nguyên nhân trong quá khứ, vừa là nguyên nhân cho những việc sẽ đến trong tương lai. Do đó nhân (*Cause*) và quả (*Effect*) có liên hệ mật thiết trong truyền thống Karma Yoga. Nói một cách khác, Karma chỉ sự liên hệ giữa nhân và quả trong tất cả hành động của con người.

Connie ngạc nhiên:

- Tôi đã tập Yoga với các đạo sư Ấn Độ nhưng không có ai nói gì về nhân quả. Họ chỉ nói Yoga là phương pháp làm cho cơ thể khỏe mạnh, phòng tránh bệnh tật thôi.

Ông Kris giải thích:

- Đúng thế, họ chỉ dạy phương pháp chứ không đi vào tinh hoa, vì họ chỉ tập trung vào việc làm ra tiền. Con người thường muốn khỏe mạnh để hưởng thụ nên chỉ chú trọng vào phương pháp tập luyện để khỏe hơn, mấy ai biết tìm hiểu nguyên nhân thật sự gây bệnh tật. Tại sao những lực sĩ khỏe mạnh vẫn bị đủ thứ bệnh? Tại sao khoa học đã tiến bộ rất xa nhưng bệnh nan y vẫn gia tăng. Nếu chỉ nhìn Yoga như phương pháp thể dục thì quả là một sự thiếu sót rất lớn.

Brian lên tiếng:

- Phải chăng Karma là quan niệm của Ấn Độ giáo?

Kris lắc đầu:

- Không đâu. Mặc dù chữ Karma được sử dụng nhiều trong sách vở của Ấn Độ giáo và Phật giáo, nhưng *Karma là luật của vũ trụ (Universal Law)*. Trong Kinh Thánh cũng nói về vấn đề này, khi Thánh Paul nói với người Galates: “Chớ hề dối mình; Đức chúa Trời không chịu khinh dễ đâu; vì ai gieo giống chi, lại gặt giống ấy (*).

(*) *Galatians VI:7: Do not be deceived: God is not mocked, for whatever one*

sows, that will he also reap.

Brian hỏi:

- Vậy luật vũ trụ khác với luật xã hội như thế nào?

Kris nhìn Brian, mỉm cười:

- Ông là luật sư đúng không? Vậy hẳn ông cũng biết luật xã hội là do con người đặt ra. Nó có tính khuôn khổ, bắt buộc người ta phải làm hay phải tránh làm việc gì đó. Luật xã hội ám chỉ sự phán xét và trừng phạt nếu bị vi phạm. Luật này thay đổi tùy hoàn cảnh xã hội, văn hóa và thời đại. Có khi nó được áp dụng ở quốc gia này nhưng không được áp dụng ở nơi khác. Nó có thể hợp lý ở thời điểm này nhưng sẽ không còn dùng được ở thời điểm khác. Bởi luật xã hội là do con người đặt ra nên nó có thể thay đổi. Trái lại, luật vũ trụ thì không bao giờ thay đổi, nó có tính chất bất di bất dịch và bất biến trong mọi không gian hay thời gian. Luật vũ trụ cũng không có những phiên xét xử vì hậu quả là lẽ tất nhiên, không thể tránh. Nếu anh đưa tay vào lửa thì anh sẽ bị bỏng, có thể thôi.

Brian hỏi thêm:

- Nói vậy là, theo ông, con người bất lực trước luật vũ trụ?

Ông Kris

- Không hẳn. Nhờ biết rằng con người sẽ phải chịu trách nhiệm cho mọi việc làm của mình mà người ta có thể chọn những hành động đưa đến cái quả mà họ muốn, đồng thời tránh những gì họ không muốn. Đó chính là sự tự do hoàn hảo nhất. Người biết nhân quả chỉ làm những gì tốt đẹp để mang lại kết quả như ý, và tránh làm những việc sai trái vì biết rõ hậu quả của nó. Trái lại, người không hiểu biết nhân quả thì hành động bừa bãi rồi phải gánh chịu hậu quả cho những việc làm sai trái của mình. Nhưng cũng nhờ đó mà họ sẽ học được bài học mà họ cần. Bài học nhân quả này, không học lúc này thì sẽ học lúc khác, không học ở kiếp này sẽ phải học ở kiếp khác.

Brian tỏ vẻ hoài nghi:

- Nhưng luật Nhân quả mà ông nói phải chẳng chỉ là quan niệm của tôn giáo? Bởi khoa học đầu nói gì về luật này.

Ông Kris mỉm cười trả lời:

- Nếu giải thích theo khoa học thì toàn thể vũ trụ này là một khối năng lượng (*Energy*) quán tính tuyệt đối. Năng lượng này có thể vô hình, không nhìn thấy được, cũng có thể biến chuyển thành vật hữu hình mà chúng ta có thể nhìn được bằng mắt. Thái Dương hệ là năng lượng biểu hiện dưới trạng thái hữu hình như Mặt trời, Mặt trăng, Trái đất và các hành tinh khác. Tương tự như thế, tất cả mọi sinh vật như con người, thú vật, cây cỏ... đều là những năng lượng dưới dạng hữu hình, vì tất cả đều được cấu tạo bởi nguyên tử, mà nguyên tử chính là năng lượng đã đông đặc lại. Mọi việc xảy ra trong vũ trụ chỉ là sự chuyển hóa của năng lượng qua nhiều hình thức, có khi rõ ràng và có khi hư ảo. Con người giống như một cỗ máy vận hành năng lượng bằng tư tưởng, lời nói và hành động. Khi suy nghĩ, nói ra điều gì, hay làm gì ta đều phát ra một luồng năng lượng vào không gian, nó va chạm với các năng lượng khác, làm mất đi sự cân bằng vốn có. Do đó, vũ trụ tự động phản ứng ngược lại để tái lập lại sự cân bằng. Nói một cách khác, tư tưởng, lời nói, hay hành động của ta cũng đều là những năng lượng - đó là Nhân, gây mất cân bằng nên sẽ gặp phản lực ngược lại - đó chính là Quả. Do đó, chúng ta phải cẩn thận, vì mọi tư tưởng, lời nói hay hành động, dù xấu hay tốt, đều tạo ra những kết quả ảnh hưởng đến chính ta và những người xung quanh. Một lời nói ân cần, dịu dàng có thể làm chúng ta vui vẻ và những người xung quanh hạnh phúc. Một lời nói gay gắt không những làm tâm ta thêm sân hận mà còn gây thương tổn đến những người khác nữa. Nói tóm lại, luật Nhân quả chỉ là sự thuyết minh cho mọi liên quan giữa nhân và quả khi con người vận hành năng lượng. Đây là điều mọi người cần hiểu rõ.

Con người giống như một cỗ máy vận hành năng lượng bằng tư tưởng, lời nói và hành động. Khi suy nghĩ, nói ra điều gì, hay làm gì ta đều phát ra một luồng năng lượng vào không gian, nó va chạm với các năng lượng khác, làm mất đi sự cân bằng vốn có. Do đó, vũ trụ tự động phản ứng ngược lại để tái lập lại sự cân bằng. Nói một cách khác, tư tưởng, lời nói, hay hành động của ta cũng đều là những năng lượng - đó là Nhân, gây mất cân bằng nên sẽ gặp phản lực ngược lại - đó chính là Quả.

Ông Kris nhìn dụng cụ trượt tuyết và leo núi để ở cuối phòng rồi nói thêm:

- Hình như các ông vừa đi trượt tuyết hay leo núi về thì phải? Khi sống tại địa hình bình thường như New York, các ông có thể hít thở dễ dàng nhưng khi lên núi cao như Colorado thì không khí loãng khiến các ông hít thở khó khăn hơn, đúng

chứ? Vì biết trước nên các ông đã chuẩn bị để ứng phó với việc này. Khi leo núi chúng ta thường phải mang theo bình dưỡng khí vì lên càng cao không khí càng loãng, phải có bình dưỡng khí hỗ trợ. Nhiều người không hiểu biết việc này nên không chuẩn bị, đến khi leo lên độ cao nào đó thì bị xây xẩm vì thiếu dưỡng khí, không thể tiếp tục được nữa. Sự hiểu biết về độ cao giúp cho người leo núi đạt được kết quả họ mong muốn. Con người đối với luật Nhân quả cũng thế, có hiểu biết về luật Nhân quả giúp chúng ta hành động đúng đắn. Vấn đề hiện nay là nhiều người chỉ hiểu luật này một cách mập mờ, có khi tin cũng có khi không tin. Đôi khi người ta chỉ tin nếu nó xảy ra hợp với điều mà họ muốn. Một số người đã hiểu nhầm lẫn Karma thành số mệnh (*Fate*), là cái gì đó đã được định đoạt trước chứ không hiểu trọn vẹn ý nghĩa của luật này. Khi gặp nghịch cảnh, họ khoanh tay chấp nhận rồi than rằng đó là ý muốn của Đấng Tối cao hay sự an bài của định mệnh, do đó, họ không thể làm gì được nữa. Họ không biết cách thay đổi chính mình và nêu sự việc xảy ra không như ý, họ chỉ đổ lỗi cho số mệnh hay chỉ biết than trời trách đất chứ không hiểu rằng Karma chỉ là hành động, và họ có thể hành động để thay đổi số mệnh mình thông qua luật Nhân quả.

Brian ngạc nhiên, hỏi:

- Nhưng sách vở Yoga định nghĩa Karma là nghiệp, nghĩa là việc xảy ra mà người ta không thể tránh được. Chẳng phải vậy sao?

Ông Kris mỉm cười, lắc đầu:

- Đó là sự giải thích chưa hoàn chỉnh. Gieo nhân gì gặt quả đó là lẽ tất nhiên, nhưng không phải vì thế mà người ta cam chịu không làm gì hết, bởi người ta có thể hành động để chuyển nghiệp. Nếu hút thuốc là nhân, thì bị ung thư là quả, nhưng người ta cũng không thể chấp nhận rồi chẳng làm gì hết đúng không? Khi đau ốm, ông có quyền chạy chữa chứ không buông xuôi chỉ vì nghĩ đó là nghiệp.

Brian thắc mắc:

- Nhưng chính ông vừa nói gây nhân thì phải trả quả mà. Nếu tôi đã lấy trộm tiền của ai thì trước sau tôi phải trả lại cho người đó, làm sao không trả được?

Ông Kris thông thả giải thích:

- Đúng thế, chắc chắn ông sẽ phải trả số tiền đó. Chuyển nghiệp mà tôi đang nói

đến ở đây không có nghĩa là ta tìm cách để không trả nợ, mà là ta có thể có nhiều cách trả nợ khác nhau. Để tôi lấy một ví dụ cho dễ hiểu. Ví dụ, trong kiếp trước ông lấy của ai đó một triệu đô-la. Ông đã gây nhân nên kiếp này nghiệp quả bắt ông phải trả lại số tiền đó cho người ông đã lấy, bằng cách này hay cách khác. Đây là số tiền rất lớn, ông làm vất vả mới có được mà nay phải mất đi nên ông vô cùng đau khổ. Vì không rõ cái nhân mình gây ra từ trước nên ông oán giận người kia, nghĩ họ cướp tiền của mình, oán hận của ông lại tạo ra một nhân nữa. Đã có nhân thì ắt có quả, do đó hai người cứ vay trả, trả vay lẫn nhau, kéo dài qua nhiều kiếp sống không chấm dứt. Đó là sự phức tạp của nhân quả trong vòng luân hồi. Đa số mọi người, vì thiếu hiểu biết về luật Nhân quả nên cứ mắc nợ, đòi nợ, trả nợ, rồi lại mắc nợ, tạo thêm duyên nghiệp chông chéo với nhau.

Brian không ngăn được thắc mắc, liền ngắt lời ông Kris:

- Nhưng làm sao biết ai nợ ai? Ai là người gây ra nợ trước?

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế, người ta trải qua biết bao kiếp sống, nhân quả chẳng chịt, dễ gì tìm ra cái nhân đầu tiên. Nhưng nếu biết chuyển nghiệp bằng cách làm những điều lành thì có thể chuyển nghiệp, tức chuyển sang cách trả nợ khác và dần dần nghiệp sẽ được hóa giải. Hãy thử tưởng tượng ông nợ ai đó một triệu đô-la và đến lúc phải trả, nhưng vì kiếp này ông làm nhiều việc thiện lành nên ông là tỷ phú, có hàng trăm triệu trong tay thì việc thanh toán món nợ cũ chỉ là việc nhỏ, đâu đáng quan tâm nữa. Do đó, với cái tâm thiện lành, ông vui vẻ trả nợ, không gây thêm nhân và món nợ cũ có thể chấm dứt hoàn toàn, có nợ thì vẫn phải trả nhưng cách trả nợ có thể khác tùy theo sự chuyển nghiệp. Nói theo toán học thì $A+B = X$, đã có điều kiện A và B thì chắc chắn kết quả phải là X. Tuy nhiên nếu ta thêm vào đó điều kiện mới là C thì $A+B+C$ sẽ cho kết quả khác chứ không còn là X nữa, có đúng không?

Ông Kris mỉm cười, rồi kết luận:

- Tất cả mọi người sống trên đời đều ít nhiều có nợ với nhau, có người nợ ít, có người nợ nhiều, có người nợ tiền, có người nợ tình, có người còn nợ sinh mạng nữa, và khi nào phải trả nợ vẫn là câu hỏi không ai biết. Nhưng nếu biết làm các điều lành thiện, biết bố thí giúp đỡ người khác thì con người có thể giải quyết nợ nần, duyên nghiệp từ xưa dần dần và chuyển được nghiệp.

Brian có vẻ đã bị thuyết phục nên hỏi thêm:

- Nợ tiền có thể trả nhưng nợ sinh mạng thì trả như thế nào? Nếu khi xưa tôi giết người, bây giờ có người đến giết tôi thì tôi phải làm gì?

Ông Kris trả lời:

- NỢ sinh mạng không nhất thiết phải trả bằng sinh mạng, có khi quả báo của việc giết hại sẽ đến bằng bệnh tật, các chứng nan y như ung thư, bại liệt... Bệnh nhân khổ sở, đau đớn quằn quại vì bị bệnh tật hành hạ, nằm dài dằng rất lâu trên giường bệnh. Những người bị họ làm hại khi xưa, lúc này có thể đến đòi nợ bằng cách khiến họ càng khổ sở hơn, sông không ra sống, chết không ra chết. Tình trạng đó còn đau khổ hơn cả cái chết.

Mọi người quanh bàn ăn đưa mắt nhìn nhau vẻ hoang mang. Angie sợ hãi:

- Ân oán như thế thì ghê gớm quá.

Ông Kris gật đầu, nhìn khắp một lượt quanh bàn và nói tiếp:

- Đó chỉ là trường hợp đòi nợ thông thường mà thôi, còn nhiều trường hợp ghê gớm hơn mà tôi không muốn nói đến. Khi gây nhân mấy ai nghĩ đến hậu quả, đến khi trả quả cũng không mấy ai sẵn lòng đối diện. người ta chỉ biết trách trời, trách đất, đổ lỗi cho người này người nọ mà không hiểu cái nhân của mình.

Brian lo lắng hỏi:

- Vậy con người phải làm những gì để chuyển được nghiệp?

Ông Kris nói:

- Cũng như việc trả nợ về tiền bạc vậy. Nếu người mang nghiệp giết chóc ở kiếp này biết làm những việc thiện lành, thường xuyên bố thí, giúp đỡ người khác thì họ sẽ gieo được nhân lành, khi lâm bệnh họ sẽ gặp thầy giỏi, thuốc hay thì kết quả trả nghiệp sẽ khác. Bởi vì nhân lành mà họ gieo ở kiếp này cũng trả quả lành cho họ, từ đó cân bằng với nhân ác mà họ đã gieo. Nhiều người không hiểu được việc bố thí, giúp người, làm việc thiện có sức mạnh lớn lao chuyển đổi nghiệp ác. Một khi đã biết, họ có thể ra sức hành thiện, từ đó có thể chuyển

đổi nghiệp ác. Chuyển nghiệp là như thế đấy.

Angie thở ra như vừa trút được một mối lo, lên tiếng:

- Nếu tích cực hành thiện, làm việc lành thì mọi sự đều trở nên tốt đẹp, có đúng không?

Ông Kris mỉm cười:

- Như tôi vừa nói, nếu chúng ta biết làm những việc lành, điều thiện, bình thản lấy ân trả oán, thì ta tự nhiên sẽ dần trả được một số nghiệp. Nói cách khác, nhờ biết làm việc lành, ta có thể tránh được nhiều việc không may, vì món nợ đã được trả dần rồi.

Khi sinh ra ai cũng có sẵn tính cách tốt lẫn xấu. Nếu hiểu rằng tính cách này là hệ quả của cách chúng ta sống từ kiếp trước thì ta có thể thay đổi được tính cách bằng nỗ lực cá nhân. Con người có tự do lựa chọn để thay đổi chính mình. Bên cạnh những gì theo ta từ tiền kiếp, thì tính cách còn chịu ảnh hưởng của giáo dục và các trải nghiệm đời sống trong kiếp này của chúng ta. Kinh sách Ấn Độ có câu: *“Con người suy ngẫm điều gì thì trở thành điều đó”*. Do đó, một người vốn xấu nhưng biết tu tập đạo đức, suy ngẫm nhiều về điều hay lẽ phải thì vẫn có thể trở thành người tốt. Người vốn tốt nhưng đọc sách vở đồi trụy hay tiếp xúc với những người có suy nghĩ tham chấp rồi bị tiêm nhiễm thì vẫn có thể trở nên người xấu xa. Nói một cách khác, tính tình nào cũng có thể sửa được nếu biết cách, vấn đề là họ có muốn sửa hay không mà thôi. Ví dụ, một người có tính tình nóng nảy, nếu nhận ra được tính cách đó của mình là không tốt thì người đó vẫn có thể sửa đổi.

Brian bật cười, lên tiếng:

- Thế tôi là người có tính tình nóng nảy. Vậy tôi phải sửa như thế nào? Ông Kris quan sát Brian rồi nói:

- Nếu ông coi đó là tính xấu thì ông có thể thay đổi được. Ông không nên suy nghĩ về sự nóng nảy của mình làm gì mà phải chuyển qua suy nghĩ về sự hòa nhã. Mỗi buổi sáng ông có thể dành vài phút suy gẫm về sự hòa nhã. Ví dụ, ông hãy tập mỉm cười trước sự việc không như ý, ít lâu sau, ông sẽ thấy bản thân đổi khác.

Dĩ nhiên, bởi hiện tại khi sự việc không như ý xảy ra ông liền nổi nóng sau đó mới nghĩ đến sự hòa nhã nên ông mới biết ông đã không làm chủ được mình. Nhưng giờ ông ý thức được mình cần hòa nhã, thì theo thời gian, khi vừa nổi nóng ông liền nghĩ ngay đến việc kiểm soát và trở nên điềm tĩnh hơn. Từ đó, tính tình nóng nảy sẽ giảm dần. Ít lâu sau, ông sẽ có thể giữ sự bình tĩnh, thái độ hòa nhã ngay khi sự việc không như ý xảy đến. Tư tưởng tạo ra tính tình, nếu ông suy nghĩ về điều gì đó mỗi ngày thì theo thời gian ông sẽ đạt thành điều đó. Cũng giống như người thợ xây tường, bắt đầu từ một viên gạch rồi cứ thế tiếp tục hết viên này đến viên khác cho đến khi hoàn thành.

Ông Kris dừng lại nhìn quanh một lượt rồi thông thả nói:

- Nguyên tắc của Karma Yoga là thúc đẩy con người hoạt động. Sự hoạt động sẽ tạo ra hoàn cảnh để cho họ học hỏi và chuyển hóa. Lúc nào cũng vậy, con người ít nhiều đều có ham muốn. Lòng ham muốn liên kết con người với đối tượng ham muốn như nam châm hút sắt. Có người ham tiền, có người ham sắc, có người thích quyền lực. Lòng ham muốn thúc giục con người hành động đến khi được thỏa mãn mới thôi. Nhưng thế nào mới là thỏa mãn? Khi có được những gì họ muốn thì họ lại muốn có thêm thứ khác, vì lòng ham muốn của con người là vô tận. Đôi khi lòng ham muốn tiềm ẩn dưới dạng chủng tử nằm sâu trong tiềm thức cho đến khi đủ duyên sẽ phát động. Karma Yoga nói rằng tư tưởng ham muốn sẽ dẫn dắt con người đến hoàn cảnh khiến họ phải học bài học mà họ cần. Ví dụ, người ham tiền tìm mọi cách để giàu có, đến khi tiền bạc đầy nhà thì lại mắc bệnh nan y, việc đó là để họ học bài học rằng tiền bạc không thể đảm bảo cho sức khỏe và hạnh phúc. Nhân quả trong vũ trụ này phức tạp vô cùng. May cũng như rủi, tốt cũng như xấu, đều nối kết với nhau, được cái này thì mất cái khác. Do đó, càng ham muốn nhiều thì người ta càng đau khổ nhiều. Các ham muốn tiền bạc, danh vọng, quyền lực thường đem lại sự việc không như ý hơn là niềm vui sướng, do đó việc bớt ham muốn chính là điều người ta cần phải học. Tuy nhiên, nói đi cũng phải nói lại, chính vì lòng ham muốn thúc giục con người hoạt động thay vì bất động, mà hoạt động là động lực của Karma Yoga giúp con người học bài học của mình, cho nên, nếu không có lòng ham muốn thì người ta sẽ bất động như gỗ đá, chẳng học được gì. Đôi khi lòng ham muốn sẽ đưa người ta đến với những người có thể đem đến bài học cho họ. Ví dụ, những người bủn xỉn, mê say tiền bạc thì thường gặp phải những người phung phí, kiếm bao nhiêu tiền đều bị họ tiêu hết bấy nhiêu. Những mối quan hệ vợ chồng, con cái đều do nhân quả đưa đến, có khi là tình, có khi là thù, có khi gặp để trả nợ và có khi gặp để đòi nợ.

Angie lên tiếng:

- Nếu tất cả đều do luật Nhân quả thì phải chăng các khổ đau của chúng ta hiện tại chỉ là kết quả của những đau khổ chúng ta đã gây ra cho người khác trước đây? Và mọi hành động làm cho người khác vui buồn lúc này sẽ tạo ra những hoàn cảnh tương tự như thế trong tương lai?

Ông Kris gật đầu:

- Nói giản dị thì chính là như thế. Tuy nhiên, khi trải qua vô lượng kiếp sống, chúng ta khó lòng biết được đâu là nguyên nhân và đâu là hệ quả. Một hoàn cảnh xảy ra đôi khi có thể khiến chúng ta nghĩ rằng nó trái với luật Nhân quả, nhưng thật ra còn những cái nhân sâu xa vốn được tích tụ từ lâu mà chúng ta không biết được, ví dụ, bà có thể chứng kiến những người hung ác, xấu xa, tham lam, ích kỷ lại sống sung sướng trong sự giàu sang tột bậc, trong khi người hiền lành, tốt bụng lại chịu nhiều nỗi đau khổ, gian truân. Tại sao thế? Đó là bởi những cái nhân mà họ đã gieo từ nhiều kiếp trước, sự giàu sang của họ trong kiếp này là nhờ những nhân lành mà họ đã gieo từ trước, còn những việc làm xấu xa của họ ở kiếp này thì cũng đến lúc phải trả mà thôi. Không lúc này thì lúc khác, không kiếp này thì kiếp khác. Luật Nhân quả không bao giờ sai đâu.

Ông Kris dừng lại, nhìn khắp lượt, rồi nói tiếp:

- Luật Nhân quả đã thu xếp cho chúng ta sinh vào một tộc người, một quốc gia, hay một hoàn cảnh gia đình cụ thể để trả những nghiệp quả đã gây từ trước và đồng thời cũng tạo cơ hội cho chúng ta học hỏi để hiểu biết và tiếp tục tiến lên đời sống cao cả của các bậc thánh nhân. Trải qua vô lượng kiếp, tất cả chúng ta đều có sẵn một số nghiệp tích tụ, những nhân đã gieo từ kiếp trước và phải trả ở kiếp sau. Những nghiệp tích tụ này rất nhiều, không thể trả hết một lúc, nên chúng ta phải trải qua nhiều kiếp sống để trả dần. Vì nghiệp quả liên hệ đến nhiều người, mà mỗi lần chuyển kiếp thì người sinh ở nơi này, người sinh ở nơi khác, cũng có khi những đối tượng ân nợ của ta vẫn còn làm súc sinh chưa chuyển kiếp thành người, nên chúng ta không thể gặp hết để trả hay đòi trong một kiếp được. Một số nghiệp được thu xếp để trả ở kiếp này, một số trả ở kiếp khác. Tuy nhiên, nghiệp quả không phải là định mệnh, vì chúng ta có thể hành động để chuyển nghiệp được. Nghiệp quả chỉ là những động lực theo thời gian sẽ xảy ra nhưng chúng ta có thể tạo ra các động lực mới để sửa đổi chiều hướng của nó, khiến việc nặng có thể chuyển thành nhẹ.

Connie nãy giờ vẫn im lặng lắng nghe, đến giờ mới lên tiếng:

- Việc chuyển nghiệp mà ông nói là áp dụng cho cá nhân, còn nghiệp quả của số đông thì sao? Làm thế nào để thay đổi?

Ông Kris trả lời:

- Những người được sinh vào cùng một nơi chốn hay quốc gia thường do sự sắp xếp để trả quả chung, mà ta gọi là cộng nghiệp. Do đó, các thiên tai như động đất, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh ở một nơi chốn hay quốc gia nào đều ít nhiều do các nghiệp nhân của những con người tại đây đã gây từ trước mà nay họ phải sinh ra tại nơi này để trả. Tuy nhiên, những thiên tai, dịch bệnh này dù ghê gớm đến đâu thì vẫn có người không hề hấn gì. Có thể vì họ không gây nhân nên không phải trả quả, cũng có thể vì họ đã làm việc lành thiện nên chuyển từ nghiệp nặng thành nhẹ. Mỗi quốc gia có thể xem như một cá nhân trong vòng sinh hóa của trái đất. Tùy hành động vị tha hay ích kỷ mà quốc gia đó trở nên hùng cường hay suy bại. Không một quốc gia nào làm những điều hung ác như xâm lăng, chiếm đoạt, giết chóc mà có thể hưng thịnh lâu dài. Những đế quốc như Hy Lạp, La Mã, Mông Cổ,... chỉ hùng cường một thời gian rồi suy sụp. Cho đến nay, trải qua thời gian dài, những quốc gia này vẫn chưa vãn hồi được sự hưng vượng khi xưa. Con người sinh ra ở xứ nào là để học hỏi các đức tính của dân tộc xứ đó, vì mỗi nơi đều có những đặc thù văn hóa hay điều kiện đặc biệt giúp cho sự phát triển của họ. Một quốc gia phát triển thịnh vượng là nhờ những người tài giỏi được nhân quả thu xếp đến giúp cho quốc gia đó trở nên hùng cường. Một đất nước bị suy vong là do những người xấu xa, thấp kém được nhân quả đưa đến đó để làm cho lụn bại. Nếu một cá nhân có thể học hỏi để chuyển nghiệp thì một quốc gia cũng thế. Khi người dân xứ đó biết ý thức về nhân quả, biết làm điều lành, việc thiện, biết phát triển tình thương, biết giúp đỡ nhau, biết làm việc vì quyền lợi chung, thì xứ đó có thể giảm được rất nhiều tai kiếp.

Andrew im lặng từ đầu buổi, giờ cũng lên tiếng:

- Nói như vậy thì trong đời sống hiện nay, con người vừa trả quả, vừa gây thêm nhân, do đó mọi việc cứ chồng chất, bót được chỗ này thì lại thêm vào chỗ khác. Mọi nơi, mọi quốc gia đều có người xấu và người tốt. Xã hội nào cũng có người này giúp người kia, nhưng người kia lại hại người nọ, ân oán cứ thế triền miên, có việc tốt cũng có việc xấu, cứ thế tiếp diễn thì làm sao có thể cắt đứt sợi dây nhân quả?

Ông Kris nhìn Andrew mỉm cười:

- Ông nói đúng đó. Sợi dây nhân quả vô cùng phức tạp nhưng nghiệp quả dù nặng đến đâu vẫn có thể giảm bớt nhờ sự hiểu biết, phát triển tình thương. Những người hiểu biết, dù bị đối xử bất công, vẫn biết tha thứ, không trả thù. Những người đã ý thức được nhân quả sẽ biết chấp nhận, không than van oán trách, đồng thời phát triển lòng từ bi hướng đến người xung quanh. Khi một số đông đã hiểu biết, sống đời lành thiện thì có thể tạo ra những động lực mới, thay đổi nghiệp lực cũ, cải thiện số phận quốc gia.

Connie lên tiếng:

- Tôi được biết ngoài Karma Yoga, ông còn dạy thiền nữa phải không? Khi tập Yoga, tôi cũng ngồi thiền khoảng mười phút trước khi tập.

Ông Kris mỉm cười:

- Hiện nay nhiều nơi dạy Yoga hay thể dục cũng hướng dẫn mọi người ngồi yên mười phút để cho đầu óc thoải mái trước khi tập. Nhưng việc đó không dính dáng gì đến thiền định hết.

Connie ngạc nhiên:

- Tại sao thế, tôi tưởng đó chính là thiền định chứ?

Ông Kris giải thích:

- Các phòng tập thể dục hay Yoga có trào lưu thêm thắt vài phương pháp mà họ gọi là thiền định Yoga hay khí công vào bài tập nhằm mục đích quảng cáo hay tạo ra vẻ huyền bí thôi. Không ai có thể ngồi thiền chỉ trong vòng vài phút như thế được. Nếu thực tập thiền định bà phải ngồi ít nhất nửa giờ hay lâu hơn nữa. Việc ngồi yên vài phút rồi đứng lên tập thể thao không dính dáng gì đến thiền định cả. Đó chỉ là một cách để nghỉ ngơi, xả giãn đầu óc trước khi tập thể thao thôi.

Angie quan tâm, muốn hiểu hơn, nên hỏi:

- Nhà tôi nói rằng ông dạy anh ấy phương pháp tĩnh tâm, vậy đó là phương pháp gì thế?

Ông Kris giải thích:

- Ngày nay, đời sống xã hội có rất nhiều việc khiến cho đầu óc người ta quay cuồng bởi những ưu tư, phiền não và bất an, nên ai cũng cần có một nơi ẩn náu để giữ cho đầu óc được cân bằng. Đây không phải là việc trốn tránh thực tại mà là tránh cho đầu óc bị căng thẳng bởi những xáo trộn bên ngoài. Mục đích phương pháp này là tìm về sự an tĩnh nội tâm.

Connie xen vào:

- Nhưng tập thể thao cũng có thể làm cho đầu óc bớt căng thẳng và an tĩnh được chứ.

Ông Kris mỉm cười:

- Khi gặp sự xáo trộn, cảm thấy bất an, đa số người đều tìm cách giải quyết qua những hoạt động bên ngoài nhưng không mấy ai thành công. Bà tập thể thao, trong lúc tập có thể bỏ đi mọi suy tư nhưng tập xong thì đầu óc vẫn xáo trộn, bất an như cũ. Thân thể bà có thể khỏe nhưng đầu óc của bà đâu đã được bình an. Muốn đạt được sự quân bình trong đời sống, chúng ta phải biết cách gác qua một bên những công việc bận rộn hàng ngày để trầm mình trong sự cô liêu, tĩnh mịch, để bồi dưỡng tinh thần, gia tăng sức mạnh nội tâm. Bên trong mỗi người đều có sẵn một năng lực tiềm ẩn mà ít ai biết khai thác. Phương pháp tĩnh tâm giúp cho họ tiến sâu vào nội tâm để tìm ra năng lực tiềm ẩn này. Khi đã tìm được nó rồi thì họ sẽ được trang bị một sức mạnh vô biên, có thể chống với mọi nghịch cảnh. Nên nhớ, sự phục hồi sức mạnh nội tâm này hoàn toàn được thực hiện ở bên trong chứ không phải đâu đó bên ngoài.

Angie đưa một ly nước trái cây cho ông Kris:

- Các bạn hỏi nhiều quá, chúng ta hãy tạm dừng ở đây để ông Kris giải khát.

Ông Kris vui vẻ nhận ly nước trái cây của Angie:

- Cảm ơn bà. Bà có cách pha chế nước rau củ với trái cây thật thơm ngon.

Connie chờ ông Kris uống xong ly nước rồi lên tiếng:

- Tôi được biết ông chỉ ăn trái cây và rau củ, không ăn thịt cá. Như vậy làm sao có đủ chất dinh dưỡng được?

Ông Kris ôn tồn giải thích:

- Từ nhiều năm nay mọi người đều được dạy rằng phải ăn thịt cá mới có đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể khỏe mạnh, có nhiều vấn đề với việc ăn thịt cá, nhưng hôm nay tôi chỉ nói về một thứ thôi. Hiện nay ngành chăn nuôi đã được công nghiệp hóa để gia tăng lợi nhuận. Các nhà chăn nuôi đã trộn thức ăn gia súc với các loại hóa chất để vật nuôi phát triển nhanh hơn. Trung bình một con bò phải mất bốn năm mới đủ lớn để làm thịt nhưng khi cho ăn hóa chất này thì con bò sẽ chỉ cần mười sáu tháng là có thể làm thịt được rồi. Trong hành động này hội đủ các nhân xấu như: lòng tham, sát nghiệp và đi ngược quy luật tự nhiên. Ngày nay, hầu như mọi gia súc, gia cầm như heo, bò, trâu, dê, gà vịt đều được nuôi bằng thức ăn trộn hóa chất. Do đó, ngành công nghiệp chăn nuôi thu lợi rất nhiều, vấn đề là khi ăn thịt của những vật nuôi này, con người cũng gián tiếp tiêu thụ những hóa chất đó và chúng sẽ âm thầm gây bệnh cho con người - đó vừa là một vấn đề có thể giải thích bằng khoa học và cũng có thể lý giải theo hướng tâm linh là "cái quả" mà con người nhận được từ sát nghiệp của mình. Nếu hóa chất làm tế bào con vật phát triển rất nhanh thì nó cũng có thể làm cho tế bào con người phát triển tương tự, có đúng không? Nếu tế bào con người phát triển nhanh hay phát triển bất bình thường thì người ta gọi đó là gì?

Connie nói ngay:

- Ông muốn nói đến bệnh ung thư có phải không?

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế, cái gì phát triển quá nhanh hay bất bình thường đều không tốt. Đã có nhiều nghiên cứu khoa học về sự liên quan giữa việc tiêu thụ thịt cá quá mức và các loại bệnh tật nhưng chưa được công nhận vì phản ứng của các nhóm lợi ích ngành chăn nuôi. Để tôi kể thêm một bằng chứng khác. Ngày nay, trẻ sơ sinh ít được nuôi bằng sữa mẹ mà thường uống sữa bò, mà hầu hết bò sữa đều được nuôi bằng thực phẩm trộn hóa chất công nghiệp và chúng còn bị tiêm các loại thuốc, hormone để sản xuất nhiều sữa hơn, trái với quy trình tự nhiên của chúng. Chưa nói đến những điều tàn nhẫn khác như lũ bê con bị tách khỏi mẹ khi mới vài ngày tuổi, không được uống dòng sữa của mẹ chúng và số phận của chúng là được cung ứng cho ngành khai thác thịt bê. Còn những bò mẹ thì phải mang một

bầu sữa quá nặng, thậm chí kéo lê trên mặt đất, do khẩu phần ăn công nghiệp để có thể cho sữa nhiều hơn, khiến chúng đau đớn, kiệt quệ, bị khai thác đến mức bầu vú nhiễm trùng, rướm máu lở loét. Những hộp sữa được quảng cáo là giàu vitamin tốt cho con người mà chúng ta đang uống thực chất đến từ sự khai thác tàn nhẫn, đến từ sự đau đớn khổ ải của những con bò cái được nuôi nhốt trong điều kiện sống tẻ nhạt.

Nếu để ý, mọi người có thể thấy gần đây xuất hiện triệu chứng dậy thì sớm ở nhiều bé gái. Bình thường, đến tuổi mười ba, mười bốn các bé gái mới bắt đầu dậy thì, nhưng ngày nay, nhiều trường hợp con số này là chín, mười tuổi. Chuyện gì xảy ra khi những đứa bé đầu óc vẫn còn ngây thơ, non dại, chưa trưởng thành nhưng cơ thể đã phát triển đầy đủ như một thiếu nữ? Phải làm sao khi tinh thần, sự hiểu biết, kiến thức vẫn chưa phát triển đầy đủ nhưng đã bắt đầu thể hiện bản năng giới tính? Có lẽ mọi người cũng thấy hiện tượng nhiều trẻ vị thành niên có thai, rồi phá thai đang xảy ra khắp thế giới. Đó là những hành vi đáng thương và đáng trách, những đứa trẻ đó đã gieo một nghiệp ác lớn mà chúng không nhận thức được.

Nói đến đây, ông Kris chợt nhìn tôi và nhắc lại:

- Chắc ông Thomas còn nhớ, tôi đã từng trao đổi với ông về vấn nạn phá thai này trong một cuộc nói chuyện trước đây, lúc đó, tôi nói nhiều về nguyên nhân đến từ văn hóa xã hội. Tuy nhiên, nếu các bạn nhìn rộng ra toàn bộ câu chuyện, nghiệp ác của việc phá thai này cũng có nguyên nhân phần nào từ việc nuôi vật nuôi bằng hóa chất, rồi khai thác thịt, sữa, da của chúng một cách tàn nhẫn. Tức là cái ác, cái tham và sát nghiệp là một vòng tròn nghiệp rất lớn, khi đã gieo xuống là chúng ta phải nhận lãnh cái quả tương ứng. Nhân quả trong chuỗi sự việc mà tôi vừa nói đan xen phức tạp, nhưng khởi nguồn cũng từ cái nhân ban đầu là tàn bạo với loài vật, sau đó có thể dẫn đến những hậu quả tai hại về sức khỏe, thậm chí một nghiệp ác nặng nề như phá thai, tức tàn bạo với sinh mạng con người.

Mọi người đều lặng đi sau những điều ông Kris chia sẻ. Andrew chợt lên tiếng:

- Ông vừa nói một trong những nguyên nhân của ung thư là do ăn thịt loài vật nuôi bằng hóa chất, vậy nếu ăn những sinh vật nuôi tự nhiên hoặc sống ngoài thiên nhiên thì sao?

Ông Kris mỉm cười, giải thích:

- Hiện nay có nhiều nghiên cứu về bệnh ung thư. Một số nghiên cứu kết luận rằng vì ăn quá nhiều thịt cá nên mới có bệnh này. Dĩ nhiên các nhóm lợi ích chăn nuôi không muốn mất nguồn lợi nên đã đưa ra bằng chứng khác để chống lại các kết luận trên. Họ trả tiền cho một số chuyên viên để đưa ra các bằng chứng phản bác lại. Cuộc tranh cãi vẫn tiếp diễn, chưa đi đến kết luận và số người mắc bệnh ung thư vẫn tiếp tục gia tăng. Cũng giống như trước kia, việc hút thuốc được xem là bình thường, cho đến những năm 1920, các nhà khoa học đã tìm được bằng chứng là hút thuốc gây ra ung thư phổi. Tuy nhiên, các hãng sản xuất thuốc lá đã bỏ tiền cho một số nhà khoa học khác phản bác kết luận đó. Cuộc tranh cãi kéo dài cho đến thập niên 1970, gần năm mươi năm sau, mới chấm dứt, khi chính phủ nhiều nước công nhận rằng hút thuốc lá gây ung thư và khuyến cáo mọi người không nên hút thuốc. Mặc dù số người hút thuốc đã giảm nhiều ở các nước tiên tiến nhưng các hãng sản xuất thuốc lá đã chuyển qua các nước chậm tiến khác và tiếp tục quảng cáo mạnh mẽ nên số người mắc bệnh ung thư tại các nước này lại gia tăng.

Trở lại việc ăn thịt cá, hiện nay các tranh luận về vấn đề này vẫn không có hồi kết ở các quốc gia. Nhiều người phương Đông cho rằng: "*Ăn con dưới nước tốt hơn con trên bờ*" hay "*Ăn con hai chân tốt hơn con bốn chân*", vì họ đã tiếp nhận được thông tin sai lệch là con vật bốn chân có "nhân linh" hơn là con vật có hai chân, và các con vật sống dưới nước ít có khả năng được đầu thai hơn các con vật sống trên bờ... Thế nên, họ sẽ chọn cách ăn sao cho cảm thấy ít có tội lỗi nhất. Thậm chí ngay cả một số người có hiểu biết nhất định về luật Nhân quả cũng biện hộ cho việc ăn thịt rằng người giết thịt con vật mới mang nghiệp nặng, còn người ăn khi nó đã bị giết thì không sao. Người tin, người không tin và số đông thì lúc tin, lúc không tin. Nếu có một nghiên cứu tâm linh nghiêm túc thì chắc chắn sẽ bị phản đối mạnh mẽ bởi các công ty, tập đoàn kinh doanh thịt gia súc, thủy hải sản và cả những người không thích ăn chay hoặc cho rằng ăn chay không đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể.

Theo hiểu biết của tôi, bất kỳ con vật nào, dù bốn chân, hai chân hay tám chân sống dưới nước cũng đều là một kiếp sống trong vòng luân hồi. Nhưng vì có nhiều người sẽ không tin, nên chúng ta có thể xem xét việc này từ một góc độ khác. Khoa học đã chứng minh rằng khi lo lắng, buồn rầu, sợ hãi, thì thân thể sẽ tiết ra những chất độc khiến ta căng thẳng, mất ngủ, khó tiêu, nếu nặng hơn thì nhức đầu, chóng mặt, khó thở. Loài vật cũng như thế, dù nuôi bằng tự nhiên hay thức ăn tăng trọng thì khi con vật bị bắt giết mổ, chúng cũng sợ hãi, tiết ra trong cơ thể chúng những độc tố của sự sợ hãi, giận dữ. Nếu chúng ta ăn vào, tiêu thụ những năng lượng xấu, độc hại này thì cơ thể chúng ta chắc chắn sẽ tích tụ

những năng lượng rất xấu đó và theo thời gian, bệnh tật và các di chứng khác sẽ xuất hiện. Đó là chuyện tất yếu theo khoa học, chưa nói đến các khía cạnh nghiệp quả liên quan đến sát sinh.

Ông Kris nhìn mọi người rồi thông thả nói tiếp:

- Chúng ta vừa nói về Karma và sự liên hệ giữa nhân và quả, ông bà hãy tự nghĩ xem, khi chúng ta giết súc vật, chúng sợ hãi, đau đớn, kêu la, than khóc và sinh lòng oán hận. Tư tưởng oán hận gửi lên vũ trụ này chính là nhân mà sau này chúng ta sẽ phải trả quả. Khi chúng ta đã tạo oán nghiệp thì trước sau cũng phải trả, không bằng cách này cũng bằng cách khác, không ở hình thể này cũng ở hình thể khác, như vi trùng hay vi-rút chẳng hạn. Do đó, ân oán cứ kéo dài liên miên, gây nợ, trả nợ, đòi nợ, rồi lại gây nợ, chẳng chấm dứt được. Hiện nay, mọi quốc gia đều đua nhau phát triển công nghiệp với vô số nhà máy, xí nghiệp mọc lên. Những nhà máy, xí nghiệp này thải nhiều chất ô nhiễm vào không khí hay xuống sông ngòi, ao rạch, vì vậy nước uống và không khí ngày nay đa số đều bị ô nhiễm, có chứa độc tố. Cá sống trong nước có độc cũng nhiễm độc. Thêm nữa, chúng ta dùng nước có độc này để nấu ăn thì độc tố sẽ gia tăng. Khi tiêu thụ những chất độc này, cơ thể của chúng ta sẽ phải chống lại chúng. Khi còn trẻ, cơ thể chúng ta khỏe mạnh, có sức đề kháng tốt, thì chúng ta có thể chưa gặp vấn đề sức khỏe gì, nhưng số độc tố này sẽ tích tụ chờ khi cơ thể suy yếu là bắt đầu phát tán. Kết quả khi bước vào tuổi trung niên, nhiều người bắt đầu gặp đủ thứ bệnh, nhưng lúc đó đã quá trễ rồi.

Ông Kris nhìn quanh bàn ăn rồi nói tiếp:

- Có bao giờ các bạn tự hỏi tại sao các quốc gia văn minh, tân tiến vẫn có tỷ lệ tử vong vì bệnh tật rất cao? Tại sao trình độ y học đã lên đến đỉnh cao như hiện nay mà các bệnh như mập phì, đau tim, cao huyết áp, ung thư, tiểu đường, chẳng những không giảm bớt mà còn gia tăng mãnh liệt? Phải chăng nguyên nhân bắt nguồn từ việc ăn uống?

Brian lên tiếng:

- Nếu không ăn thịt cá thì nên ăn gì? Phải chăng ông khuyến khích mọi người ăn chay?

Ông Kris lắc đầu:

- Tôi chỉ đưa ra một số dữ kiện để giúp các bạn giữ gìn sức khỏe thôi. Vấn đề ăn uống ra sao tùy các bạn quyết định.

Từ trước đến nay, con người vẫn được dạy rằng sức khỏe gắn liền với dinh dưỡng. Tuy nhiên, có nhiều lời khuyên không rõ ràng về một chế độ dinh dưỡng tốt. Đa số được dạy là phải ăn đầy đủ chất bổ, nhưng thế nào là chất bổ? Có cả trăm lời khuyên khác nhau về vấn đề này, nhưng phần lớn đều bị ảnh hưởng bởi quảng cáo của các nhóm lợi ích thuộc ngành công nghiệp chăn nuôi, thực phẩm. Những lời khuyên này hướng chúng ta đến việc phải ăn thịt cá thì mới đủ dưỡng chất. Tuy chúng ta biết phần lớn bệnh tật đều ít nhiều liên quan đến chế độ ăn uống, nhưng không mấy ai thật sự hiểu việc đó diễn ra như thế nào. Có nhiều nguyên nhân nhưng hôm nay tôi chỉ nói về một nguyên nhân thôi. Khoa học đã chứng minh rằng trong dạ dày và ruột của con người có khoảng 100 tỷ vi sinh vật (*Microbiome*). Một số vi sinh vật được coi là "tốt" vì chúng giúp cho sự tiêu hóa và tăng cường hệ thống miễn dịch. Một số vi sinh vật được coi là "xấu" vì chúng có thể gây bệnh tật. Ví dụ, những vi trùng xấu chui khỏi màng ruột qua hội chứng rò rỉ ruột (*Leaky Gut Symptoms*), đi thẳng vào máu, đến các cơ quan trong cơ thể và gây ra bệnh. Nếu chúng theo máu lên não thì có thể gây ra bệnh trầm cảm, lo lắng thái quá hay tự kỷ. Nếu chúng ảnh hưởng lên thần kinh thì có thể gây bệnh Parkinson. Nếu chúng phá hoại màng dạ dày thì có thể gây ra bệnh loét dạ dày. Nếu chúng đi đến khớp xương có thể gây ra bệnh viêm khớp. Nếu chúng đi vào da thịt thì có thể gây các chứng mụn nhọt ngoài da, nổi mề đay, ngứa. Đây chỉ là các bệnh thông thường mà nguyên nhân bắt nguồn từ việc ăn uống. Các bạn có thể tìm hiểu thêm về các loại vi sinh vật sống trong dạ dày và ruột này. Khoa học chứng minh được rằng hầu hết các loại men vi sinh có lợi (*Probiotics*) đều tiêu thụ các loại rau củ, trái cây rồi tiết ra các chất giúp chúng ta tiêu hóa dễ dàng, chống lão hóa, tái lập sự cân bằng trong cơ thể. Trong khi đó, phần lớn các vi trùng xấu đều tiêu thụ các chất dầu mỡ, thịt cá, đường và trứng. Do đó, tùy thức ăn mà chúng ta tiêu thụ, chúng ta sẽ nuôi dưỡng các loại vi sinh vật tốt hay xấu trong người. Nếu có nhiều vi sinh vật có lợi trong ruột thì chúng ta sẽ mạnh khỏe, nếu có nhiều loại vi sinh vật gây hại thì chúng ta dễ mắc bệnh. Nếu các bạn bỏ bớt các thức ăn như đường, dầu mỡ, thịt, cá, các bạn sẽ "bỏ đói" các vi sinh vật gây hại này, khiến cho chúng không có gì ăn và số lượng sẽ giảm đi rất nhiều, rồi các bạn sẽ thấy thân thể nhẹ nhàng, thoải mái hơn xưa. Nếu các bạn tiêu thụ nhiều rau củ, trái cây, "tiếp sức" cho các vi sinh vật có lợi tăng trưởng thì các bạn có thể tránh được nhiều thứ bệnh. Việc này đơn giản, ai cũng có thể làm được. Nếu không tin, các bạn hãy thử áp dụng phương pháp dinh dưỡng chỉ ăn rau củ và trái cây này trong vài ngày hay một tuần, xem cơ thể phản ứng ra sao.

Ông Kris nhìn mọi người một lượt rồi thông thả kết luận:

Tri thức hiện nay là hướng ngoại, là sự suy luận, phân tích, tính toán và phân biệt. Tuy nhiên tâm thức con người không phải chỉ là tri thức mà còn có phần khác, ta tạm gọi là tâm linh. Tâm linh là yếu tố sáng suốt, thanh khiết, mỹ lệ, là phạm trù của tình thương yêu và sáng tạo vượt ra khỏi điều kiện giới hạn của thời gian và không gian. Người ta chỉ có thể nhận diện và phát triển được tâm linh khi tâm thức hướng ngoại được xoay chiều, quay vào bên trong.

- Các bạn được tự do lựa chọn thức ăn chứ không ai bắt buộc được các bạn phải ăn gì, nhưng hiểu biết về dinh dưỡng đối với sức khỏe con người là nền tảng cần thiết. Tương tự, khi các bạn hiểu biết rõ các định luật vũ trụ như luật Nhân quả và luật Luân hồi chi phối chúng ta như thế nào thì các bạn sẽ hành động với cái tâm từ bi và giảm bớt những cái nhân xấu. Tinh hoa của Karma Yoga là hành động qua sự hiểu biết chứ không phải chỉ tập luyện những tư thế (Asana) mà thôi. Dĩ nhiên, các tư thế Yoga giúp việc điều hòa sinh lực (Prana) trong cơ thể, giúp sự lưu chuyển hữu hiệu hơn. Nếu biết hít thở đều và sâu thì sẽ gia tăng hiệu quả và cơ thể được khỏe mạnh. Đó là phần nhập môn điều thân và điều khí. Nhưng sẽ là sự thiếu sót lớn nếu không nói đến việc dinh dưỡng đúng cách, vừa đủ, giảm bớt sát nghiệp; và giữ gìn tư tưởng, lời nói, hành động làm sao để không gây ra những kết quả xấu. Hôm nay, tôi chỉ rõ cho các bạn về một số tinh hoa của Karma Yoga để mong các bạn có thể chủ động thay đổi chứ không để mặc cho số mệnh định đoạt.

Thomas cho biết các nhân viên và cộng sự của ông hiện nay đều chuyển qua chế độ ăn uống nhiều rau quả, ít thịt cá. Riêng ông và Angie đã ăn chay trường từ nhiều năm nay. Ông cho biết Martha, vợ của Brian bị ung thư vú, đã chữa trị bằng phương pháp hóa học trị liệu, nhưng bác sĩ nói rằng ung thư đã đến giai đoạn thứ ba nên chỉ có thể sống khoảng vài tháng nữa thôi. Năm đó, nhờ sự khuyên bảo của ông Kris qua phương pháp tập Yoga, thay đổi chế độ dinh dưỡng, kiêng các chất như đường, thịt cá, dầu mỡ, sử dụng nước trái cây, ăn rau củ để loại bỏ độc tố trong cơ thể, đồng thời học cách suy ngẫm và chấp nhận mọi sự, không lo lắng buồn phiền, nên đến giữa năm 2020, Martha vẫn khỏe mạnh, bệnh ung thư không còn phát triển nữa. Các xét nghiệm ung thư ở bệnh viện của Martha sau đó khiến các bác sĩ cũng phải ngạc nhiên, bất ngờ.

Thomas cho biết trường hợp đặc biệt của Martha đã khích lệ nhiều người khác quan tâm, chú ý nhiều hơn đến chế độ dinh dưỡng, ăn uống. Người phương Đông có câu “*bệnh cũng từ miệng mà vào - họa cũng từ miệng ra*” cũng có độ đúng đắn, xác thực rất cao.

BẠN MUỐN NHẬN NHIỀU EBOOKS HÃY, MIỄN PHÍ HƠN NỮA?

Mở Zalo quét mã QR CODE dưới đây



Hoặc nhấn vào link này để vào nhóm tặng sách: <https://bit.ly/hoi-yeu-sach>

Phần năm

ASSYRIA: DẤU CHÂN TIỀN KIẾP

Tôi đang chăm chú ngồi đọc sách thì Angie hớn hở bước vào:

- Anh ơi, em vừa làm quen được với một người nổi tiếng ở gần đây. Anh có biết là ai không?

Tôi đặt cuốn sách xuống, lắc đầu. Angie vui vẻ kể:

- Hôm nay, em xuống thị trấn mua thực phẩm. Lúc ra về, em thấy một người phụ nữ lớn tuổi khệ nệ mang những túi đồ ra xe. Bà ấy có vẻ xoay xở khó khăn khi mở cửa xe nên em chạy đến giúp. Khi trò chuyện với bà thì em mới biết bà là một ngôi sao điện ảnh nổi tiếng từ thập niên 1950. Anh thử đoán xem người em vừa gặp là ai?

Chúng tôi đang ở ngôi nhà nghỉ dưỡng ở Colorado và Angie đôi ba ngày phải xuống núi để bổ sung thực phẩm và vật dụng cần thiết, có vẻ hôm nay cô ấy đã có một chuyến đi thú vị. Tôi không biết gì về các ngôi sao điện ảnh nên lại lắc đầu. Angie hào hứng nói tiếp:

- Bà ấy chính là Ginger T, một người đẹp đã làm rung động biết bao con tim khán giả vào thời của bà. Tuy giờ bà đã gần chín mươi, nhưng bà vẫn còn đẹp lắm.

Tôi không nhớ mình đã xem phim gì của người diễn viên này vì cái tên đó không gợi lên cho tôi một ấn tượng nào. Angie ngồi xuống, vui vẻ nói:

- Bà Ginger cũng ở gần đây. Sau khi nói chuyện mới biết chúng ta với bà là hàng xóm. Biết mình mới dọn đến đây nên bà có ý mời chúng ta đến nhà chơi. Anh nghĩ sao?

Angie là người quảng giao, gặp ai cũng dễ nói chuyện làm quen nên tôi không lạ gì về những việc như thế này. Tôi gạt đầu qua loa vì còn mải mê với cuốn sách đang đọc. Đến hôm sau, Angie quả thật đã nhận được điện thoại của bà Ginger,

bà mời chúng tôi đến nhà chơi, vậy là chúng tôi đồng ý đến thăm.

Nơi bà Ginger ở là một biệt thự rộng lớn nằm sâu trong một khu vườn trồng rất nhiều hoa, đủ màu đủ sắc. Xe vừa ngừng trước cửa, tôi đã thấy một bà lão tóc bạch kim bước ra đón. Mặc dù đã lớn tuổi nhưng bà vẫn còn phảng phất những nét quyến rũ của thời son trẻ. Vừa nhìn thấy bà, tôi đã có cảm tưởng như từng gặp người này ở đâu rồi. Bà Ginger vui vẻ mời chúng tôi vào căn phòng khách sang trọng, nơi được trang hoàng với rất nhiều ảnh của các tài tử điện ảnh nổi tiếng một thời. Trong lúc bà Ginger và Angie nói chuyện, tôi ngồi im lặng, cố lục lại trí nhớ xem đã gặp người này ở đâu nhưng rốt cuộc vẫn không nhớ được. Tôi nghe Angie hỏi:

- Bà sống ở đây với ai?

Bà Ginger trả lời:

- Tôi sống một mình. Ban ngày có người giúp việc đến giúp đỡ tôi, nhưng ban đêm thì tôi ở một mình. Tôi còn khỏe, chưa cần người phụ việc ở cùng qua đêm.

Sau câu chuyện xã giao, bà Ginger đưa chúng tôi đi quanh phòng, giới thiệu những bức ảnh của bà chụp cùng các diễn viên nổi tiếng của Hollywood. Bà kể cho chúng tôi về những bộ phim bà đóng, rồi đưa chúng tôi đi quanh nhà, nhìn ngắm những căn phòng bày biện sang trọng, đẹp đẽ. Căn nhà rất lớn, lại nhiều phòng, mỗi phòng đều được trang trí theo lối vừa sang trọng vừa thanh lịch. Bà Ginger còn đưa chúng tôi đi xem bộ sưu tập quần áo của bà.

Đó là một căn phòng lớn với hàng chục tủ kệ tinh xảo trưng bày những bộ quần áo thời trang từng xuất hiện trong các bộ phim nổi tiếng của bà. Có nhiều bộ chắc hẳn trị giá hàng chục ngàn đô-la nếu đem đấu giá. Hàng trăm đôi giày, mũ, kính, phụ kiện, trang sức đủ kiểu, đủ màu, được sắp đặt thứ tự trên những dãy kệ bằng kính. Angie vừa tham quan vừa khen cách bài trí nghệ thuật của gian phòng, hai người trò chuyện rất tương đắc. Khi ra về, bà ân cần mời chúng tôi mỗi khi đến đây thì ghé qua thăm bà cho vui.

Buổi tối hôm đó, khi tôi đang tiếp tục đọc cuốn sách của mình thì Angie hỏi:

- Anh nghĩ sao về bà Ginger?

Tôi lắc đầu, không bày tỏ ý kiến gì. Thật ra, tôi không có thói quen để tâm nhiều

đến những chuyện xã giao như thế này. Nhưng Angie thì nói với vẻ đầy ưu tư:

- Em thấy bà ấy thật đáng thương. Phải sống lẻ loi một mình trong căn nhà rộng lớn với bao kỷ niệm huy hoàng của thời quá khứ. Chắc anh không để ý đến câu chuyện em và bà Ginger trao đổi với nhau. Bà đã có ba đời chồng, toàn là triệu phú, nhưng không có con. Bà được thừa hưởng gia tài lớn của người chồng thứ ba để lại nhưng hiện nay bà sống cô đơn, không họ hàng, không bạn bè, không ai thăm hỏi.

Tôi gật đầu nhưng không góp chuyện vì còn mải mê với cuốn sách đang đọc đến đoạn gay cấn. Hôm sau, tôi ghé thăm ông Kris để hỏi ông vài điều thắc mắc khi áp dụng phương pháp tu tập tĩnh tâm mà ông hướng dẫn. Trong cuộc trò chuyện, tôi vô tình kể về cuộc gặp gỡ với bà Ginger.

Ông Kris mỉm cười:

- Tôi biết bà Ginger, bà ấy ở gần đây. Còn ông, ông cảm thấy thế nào khi gặp bà ấy?

Tôi lắc đầu:

- Tôi cảm thấy bà ấy khá quen mặt, cứ ngỡ ngỡ hình như đã gặp bà ở đâu rồi, nhưng không nhớ được là đã gặp ở đâu. Tôi cũng không nhớ đã xem phim nào của bà ấy. Thật ra tôi không để ý đến phim ảnh.

- Biết đâu ông chưa gặp bà Ginger trong kiếp này, nhưng đã gặp ở kiếp trước thì sao?

Tôi bật cười vì nghĩ ông nói đùa, nhưng nhìn vẻ nghiêm túc trên gương mặt ông tôi bắt đầu bối rối. Tôi hỏi:

- Ông nói gì? Tôi và bà Ginger đã quen biết từ trước sao?

Ông Kris thông thả nói:

- Nếu tập trung tư tưởng, ông có thể nhớ lại việc này. Đáng lẽ ra ông phải tự mình khám phá những liên hệ cá nhân của ông để hiểu rõ về luật Nhân quả, Luân hồi.

Tôi ngạc nhiên, hỏi tới:

- Khi tôi gặp bà Ginger, quả thật có cảm giác quen thuộc, nhưng có thật là có liên hệ từ kiếp trước không? Việc này là thế nào?

Ông Kris dùng giọng nghiêm túc trả lời:

- Ông nên biết rằng không phải do tình cờ mà mọi người gặp nhau đâu. Tất cả sự gặp gỡ trong đời của chúng ta đều do nhân duyên được thu xếp từ trước qua luật Nhân quả. Mỗi nhân duyên gặp gỡ ai đó đều chứa những bài học mà con người cần phải học, vì người ta gặp nhau là để học hỏi lẫn nhau. Có khi là bài học về hạnh phúc, có khi là bài học về sự đau khổ. Có khi gặp nhau để trả nợ, có khi gặp nhau để nối lại duyên xưa. Qua những bài học này, con người sẽ học những bài học cần thiết cho mình, biết đâu là điều cần làm để thay đổi, để chuyển hóa, để phát triển lên mức độ hiểu biết cao hơn.

Ông Kris tiếp tục:

- Vì bài học cho nhân loại quá lớn, không ai có thể học hết được trong một đời, nên con người phải trải qua nhiều kiếp sống, đến nhiều quốc gia, trở thành người thuộc nhiều chủng tộc và sống trong nhiều nền văn hóa khác nhau, để học dần dần bài học lớn này. Có khi họ học một mình, có khi học chung với nhiều người, có lúc gặp người thiện chí, có tri thức giúp họ tiến bước, có lúc lại gặp người gây phiền toái, cản trở. Có những người vừa gặp đã thích nhau nhưng có người vừa thấy nhau đã nảy sinh ác cảm. Tất cả những người chúng ta gặp gỡ trong đời đều do những liên hệ nhân quả từ trước, ông nghĩ xem, ông giao thiệp với nhiều người, tại sao có người mới gặp lần đầu, ông đã có thiện cảm mà có người dù gặp nhiều lần ông vẫn dửng dưng?

Tôi bật cười, trả lời:

- Nói chi đến người, ngay cả đồ vật cũng thế. Có thứ tôi vừa nhìn thấy đã thích, có thứ tôi chẳng bao giờ để ý đến.

Ông Kris mỉm cười chỉ lên bức tranh cổ trên tường:

- Có phải lần đầu đến đây ông đã bị thu hút bởi bức tranh kia không? Còn cây gậy ngọc nữa? Đó là bởi chúng nhắc cho ông về một mối liên hệ từ thời xa xưa.

Tôi gật đầu:

- Đồ vật vô tri thật sự có thể có liên hệ với con người, thật kỳ diệu làm sao.

Ông Kris gật gù, nói thêm:

- Một số đồ vật chứa năng lượng từ điện (Magnetic Energy) có thể nhắc nhở đến những liên hệ có từ xa xưa. Thí dụ như cây gậy ngọc đã có liên hệ với ông qua nhiều thế kỷ. Kim thạch là vật ít thay đổi, tăng trưởng chậm, nên giữ được năng lượng rất lâu. Khi đeo đồ trang sức trên người, mọi người đều truyền năng lượng từ điện của mình vào vật đó một cách vô thức. Người nhiều tình cảm khi đeo vật gì cũng sẽ truyền năng lượng tình cảm vào vật đó. Nếu vật đó lọt vào tay người khác thì nó có thể ảnh hưởng đến tình cảm của người kia. Đây cũng là nguyên lý được các phù thủy sử dụng, họ dùng bùa chú bằng cách truyền năng lượng từ điện của họ vào một vật để giúp người hay hại người. Cũng chính nguyên nhân này mà những kẻ đào mồ trộm mả, mua bán đồ cổ, hay người thích đeo trang sức cổ thường gặp hung kiết bất ngờ.

- Khi một người có mối quan hệ tiền kiếp xuất hiện trong đời chúng ta thì thường là dấu hiệu báo trước một vài ân nợ nào đó trong vòng nhân quả đã đến lúc cần giải quyết. Dĩ nhiên, không mấy ai nhận biết được khi việc này xảy đến. Nhưng xét ra, nếu để ý thì ông sẽ thấy cuộc đời có những dấu hiệu chỉ dẫn cho những việc này, để những người có đủ hiểu biết có thể nhận thức và học hỏi. Bình thường khi gặp người đến trả nợ, ai cũng vui mừng đón nhận, nghĩ rằng mình may mắn gặp quý nhân giúp đỡ. Tuy nhiên, khi gặp người đến đòi nợ, hầu như ai cũng bất mãn, trách móc, quy lỗi cho người này người nọ thay vì chấp nhận để học bài học đó.

Tôi thắc mắc:

- Nếu vậy thì tôi và bà Ginger có liên hệ gì với nhau?

Ông Kris im lặng suy nghĩ một lúc rồi gật đầu:

- Như tôi có nói, đáng lẽ ra ông phải tự mình khám phá những liên hệ cá nhân của ông để hiểu về luật Nhân quả và Luân hồi. Nhưng thôi được, để tôi giúp ông thêm lần này.

Cũng như lần trước, tôi ngồi yên một lúc cho đến khi ông Kris nói nhỏ vào tai tôi

một câu với ngôn ngữ lạ lùng, khiến tôi thiếp đi.

Tôi thấy mình đang nằm trong một căn lều vải với tâm trạng bức bối. Tôi cố gắng định tâm và biết rằng mình đang ở trong sự hồi tưởng về một kiếp sống đã qua. Tuy nhiên, tôi bất ngờ nhận ra ở kiếp sống này tôi không phải là nam nữa mà đang ở trong tấm thân nữ giới.

Những hình ảnh dần dần hiện ra mỗi lúc một rõ rệt khi tiềm thức của tôi hoạt động, đưa tôi trở lại kiếp sống đó và tôi nhận ra mình đang bức bối vì vừa có một trận cãi vã lớn với gia đình. Tôi tên là Seriram, là con thứ ba trong một gia đình người Assyria sông du mục trên sa mạc. Tôi có người chị lớn tên là Shamuram và người anh tên là Nimurta. Cha tôi là tù trưởng của một bộ lạc sống quanh các Ốc đảo nằm giữa trục lộ giao thông của Ashur và Babylon. Đây là nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa quan trọng giữa các bộ lạc trong sa mạc. Các đoàn thương buôn đi từ Ashur đến Babylon đều phải ghé ngang các Ốc đảo nghỉ ngơi. Do đó, đây là nơi các bộ lạc quanh vùng và các đoàn thương buôn trao đổi hàng hóa, tài vật với nhau, và trong các cuộc giao thương này, họ phải chia cho bộ lạc của cha tôi một phần để được bảo đảm sự công bằng và an ninh khi đổi chác.

Ba chị em chúng tôi tuy là ruột thịt nhưng tính tình không giống nhau. Chị Shamuram xinh đẹp, được cha tôi thương yêu nhất trong các con. Anh Nimurta không thích tập luyện võ nghệ hay săn bắn như các trai tráng khác trong bộ lạc mà chỉ thích âm nhạc. Tôi là đứa con nhỏ nhất trong nhà nhưng giống cha tôi ở chỗ luôn biết lo toan, tính toán cẩn thận cho gia đình.

Mặc dù sống trong sa mạc nhưng cha tôi cũng mời thầy về dạy dỗ cho chúng tôi. Chị Shamuram không bao giờ chú ý đến việc học hành mà chỉ quan tâm đến việc làm đẹp. Chị thích trang điểm, chị thích quần là áo lụa. Anh Nimurta thích học nhạc hơn học chữ và không có điều gì có thể hấp dẫn anh ấy hơn việc chơi đàn. Phần tôi thì ngược lại, tôi học xuất sắc mọi môn, khiến các thầy giáo phải kinh ngạc, cha tôi hãnh diện về điều này nhưng mẹ tôi thì không hài lòng, vì bà quan niệm phụ nữ không cần học nhiều như thế.

Khi lớn lên, chúng tôi thường theo cha tôi kiểm soát hàng hóa của các đoàn buôn lữ hành ghé qua Ốc đảo để buôn bán, đổi chác. Chị Shamuram không bao giờ để ý thứ gì ngoài vải vóc, phấn son, nữ trang. Nhiều lần cha tôi phải trách khéo chị về sự cầu thả khi đếm số gia súc được dùng đổi lấy hiện vật. Anh Nimurta

kiểm soát kỹ lưỡng nhưng có nhược điểm là thường bị lợi dụng. Anh không thể cầm lòng trước những phụ nữ xinh đẹp tháp tùng theo các đoàn thương buôn nên cứ khiến công việc bê trễ.

Tôi thì khác, chỉ cần nhìn qua món hàng tôi biết ngay được giá trị của chúng. Khi đưa con số để trao đổi, không ai có thể qua mặt tôi. Khi tôi đề nghị giá cả thì đến các lái buôn thiện nghệ cũng phải khâm phục.

Khi tôi kiểm soát hàng hóa, những lái buôn gian xảo không dám giở trò. Cha tôi nói, tuy nhỏ tuổi nhưng tôi đã khôn ngoan sắc sảo nên được mọi người tôn trọng.

Hàng năm, cha tôi đều có những chuyến đi xa để lo liệu công việc của bộ lạc. Mỗi chuyến thường kéo dài cả tháng, khi đó ba chị em tôi phải thay phiên nhau kiểm soát mọi việc buôn bán, trao đổi hàng hóa của những đoàn thương buôn. Đây là lúc mà sự đụng chạm, cãi vã giữa chúng tôi xảy ra nhiều nhất.

Khi cha tôi trở về, tôi thường báo cáo những điểm không chính xác trong con số thu nhập cũng như sự vô trách nhiệm của chị và anh tôi. Chị Shamuram không để ý đến lời buộc tội của tôi. Bởi dù có lỗi gì, cha tôi cũng không bao giờ nặng lời với đứa con ông yêu thương nhất. Anh Nimurta khó chịu khi bị bắt quả tang đã sửa đổi con số của những gia súc được dùng trao đổi để làm vui lòng những phụ nữ mà anh qua lại, nhưng chỉ cần mẹ tôi nói vài câu với cha tôi thì mọi việc cũng được giải quyết ổn thỏa. Riêng phần tôi, tôi không thể chịu nổi kiểu làm việc cầu thả, vô trách nhiệm, không chính xác này.

Hôm đó tôi đã phản đối kịch liệt với cha mẹ tôi và cuộc cãi vã đi đến hồi quyết liệt. Mẹ tôi giận dữ nói với cha tôi:

- Lúc nào nó cũng cho rằng nó đúng và người khác sai. Nó chỉ thích gây gổ với mọi người, có lẽ ông phải tống cổ nó ra khỏi đây thì mọi việc mới yên được.

Tôi hăm hăm bỏ về lều, lòng ngập tràn phẫn hận. Đang bực bội không cách gì người được thì tôi thấy cha bước vào. Ông nói:

- Tại sao con cứ phải cố tìm thấy lỗi của người khác như thế? Việc thu nhập từ sự đổi chác này, nhiều hay ít, lời hay lỗ, cha không quan tâm đâu. Cha không muốn thấy gia đình ta xáo trộn, bất hòa như thế.

Tôi tức giận, nói lớn:

- Cha ơi, chúng ta làm bất cứ việc thì cũng phải rõ ràng, chính xác chứ. Như vậy có gì không đúng? Tại sao những người khác không thể làm được như thế?

Cha tôi thở dài:

- Không phải chị con, anh con không làm được đâu, nhưng mỗi người đều có sở thích riêng, bắt chúng làm việc chúng không thích thì khó có kết quả được. Cha biết con làm việc minh bạch, chính xác và có lúc cha còn muốn con sẽ thay cha trông nom công việc tại đây. Tiếc rằng là phụ nữ, con không làm tù trưởng được.

Tôi khó chịu:

- Tại sao phụ nữ không làm tù trưởng được?

Cha tôi mỉm cười, ôn tồn nói:

- Đó là truyền thống đã có từ ngàn xưa. Phụ nữ không thể làm tù trưởng được vì mọi người sẽ không chịu tuân phục rồi đưa đến những xáo trộn, bất hòa vô ích. Truyền thống đã ghi rõ: người nam có nhiệm vụ của người nam, người nữ có nhiệm vụ của người nữ. Mỗi người có nhiệm vụ riêng, không giống nhau, đó là sự khác biệt giữa nam và nữ.

Tôi tức giận cãi lại:

- Nhưng cha ơi, đó là truyền thống cổ hủ. Cha thấy đó, có những người nam như anh Nimurta, không chịu săn bắn như những trai tráng khác mà chỉ thích âm nhạc để quyến rũ phụ nữ. vậy thì truyền thống có ý nghĩa gì?

Cha tôi lắc đầu:

- Tại sao con cứ phải so sánh như thế? Mỗi người có sở thích riêng, không ai giống ai, vậy nên con đừng phê bình, trách móc làm gì, đó là việc vô ích. Con không thay đổi được ai, cũng như chẳng ai có thể thay đổi được con. Con không sống theo cách của người khác và cũng không bắt người khác sống theo cách của con được. Do đó, cha không muốn con cứ tức giận với mọi người như vậy. Tại sao con không thể sống thoải mái chứ?

Tôi cười lớn:

- Tại vì con giỏi hơn họ. Con có thể làm những việc mà không mấy ai làm được. Cha hãy nhìn xem, quanh sa mạc này có kẻ nào không phục con? Những người buôn bán giỏi nhất đến đây cũng phải e dè với con.

Cha tôi nghiêm giọng:

- Đúng thế, con là người thông minh nhất trong các con của cha. Nhưng chính sự thông minh ấy đã khiến con trở nên kiêu căng, tự phụ. Con cần phải học tính khiêm tốn, vì kiêu căng là điều rất nguy hiểm. Nếu con luôn nghĩ mình đúng, người khác sai thì lúc nào con cũng chỉ nhìn thấy lỗi của người khác chứ không bao giờ thấy lỗi của mình. Đó là một thói xấu, không dễ gì thay đổi, nhưng con ơi, nếu con cứ mãi khư khư rằng mình luôn đúng thì rồi con sẽ đau khổ. Từ nhỏ đến lớn con chỉ sống nơi đây nên không biết đến thế giới bên ngoài, con chưa mở rộng tầm mắt để nhìn thấy những việc không như ý xảy ra trong cuộc sống.

Tôi vẫn cương quyết:

- Dù xảy ra việc gì đi nữa thì con cũng có thể đối phó được. Trước giờ con chưa từng sợ hãi bất cứ thứ gì.

Cha tôi khẽ lắc đầu, cảm thán:

- Được lắm... Rồi con sẽ biết thôi. Con còn phải học nhiều. Không học ở đây thì phải học ở nơi khác.

Tôi ngạc nhiên:

- Cha nói vậy là sao? Con còn phải học gì nữa chứ? Học ở đâu nữa?

Cha tôi thông thả tuyên bố:

- Lần này cha đi Ashur về có mời gia đình một người bạn đến đây. Gia đình này muốn kết thông gia với chúng ta. Cha sẽ chấp thuận cho con hoặc Shamuram làm dâu gia đình này.

Đúng như cha tôi nói, vài hôm sau gia đình Nacharuchem đã đến đây.

Trước giờ chúng tôi không lạ gì với những đoàn thương buôn số lượng trên dưới

khoảng năm chục người, mang theo hàng hóa đến đổi chác, nhưng đoàn người của gia đình này lại kéo đến hơn hai trăm người cùng lừa ngựa, lạc đà chuyên chở rất nhiều vật dụng.

Một buổi tiệc chào mừng được tổ chức tung bùng, kéo dài nhiều ngày với rất nhiều trò vui do những nhạc sĩ, vũ công từ Babylon tháp tùng đến để giúp vui. Chưa bao giờ bộ lạc chúng tôi được chứng kiến bữa tiệc long trọng như thế.

Ngay từ đầu, Shamuram đã chuẩn bị nữ trang và trang phục để thay đổi liên tục khi dự tiệc. Các vò rượu lớn được mang ra, đầu bếp thì bận rộn chuẩn bị món ăn, mùi thịt nướng tỏa ra khắp nơi. Giữa sân là đồng lửa lớn với các vũ công thay phiên nhau múa hát trong tiếng nhạc đập đều.

Mẹ tôi muốn tôi thay y phục đẹp nhất nhưng tôi nhất quyết chỉ mặc y phục bình thường và cũng không đeo nữ trang, bất chấp lời đe dọa của mẹ. Chúng tôi được lệnh phải ngồi sau cha tôi để cho gia đình Nacharuchem xem mắt, nhưng tôi không để ý đến ai. Tôi thấy trong đám khách ấy người nào cũng giống người nào, không biết ai sẽ là chồng tương lai của chúng tôi.

Chiều hôm sau, cuộc bàn thảo, thương lượng giữa hai gia đình kết thúc, cha tôi gọi tất cả các con vào trong lều để nói chuyện, ông tuyên bố:

- Lần này, ta bất ngờ sẵn được "hai con sư tử" một lúc. Gia đình Nacharuchem ngỏ ý muốn chọn Shamuram cho Neveni, đưa con trai của họ và xin được cử hành hôn lễ ngay.

Trong lúc chị Shamuram reo lên sung sướng thì cha đưa mắt nhìn tôi và nói tiếp:

- Tuy nhiên, đến cùng với gia đình Nacharuchem còn có một gia đình là bạn của họ. Họ có con trai và xin cưới Seriram. Do đó chúng ta có thể sẽ cử hành hai hôn lễ cùng một lúc.

Mẹ tôi lo lắng:

- Hai đám cưới cùng lúc thì lấy đâu ra hồi môn?

Theo phong tục ở chỗ chúng tôi thì gia đình nhà gái phải bỏ ra một số tiền lớn cùng nhiều vật dụng, gia súc để làm hồi môn khi gả con gái.

Cha tôi bật cười, xoa xoa hai tay vào nhau:

- Ta đã thương lượng xong rồi. Hồi môn cho Shamuram phải xứng đáng vì nhà Nacharuchem là gia đình giàu có, có tiếng tăm ở Ashur nên chúng ta không thể bị mất mặt được. Tuy nhiên, gia đình Nabu thì không giàu có gì nên họ cũng không đòi hỏi nhiều.

Trong lúc chị Shamuram sung sướng chạy về lều để chuẩn bị y phục và nữ trang cho hôn lễ thì tôi thể hiện sự bất mãn với cha:

- Nếu gia đình Nabu không tương xứng thì tại sao cha gả con cho họ? Cha tôi chưa kịp nói gì thì mẹ tôi đã lên tiếng:

- Mày hung hăng như con trai thì có người lấy đã may rồi. Đi lấy chồng cũng tốt, cứ ở nhà làm loạn cái nhà này mãi sao?

Một lần nữa, hai mẹ con chúng tôi lại to tiếng cãi vã nhưng lần này mẹ tôi chỉ nói vài câu rồi bỏ qua lều của chị Shamuram. Còn lại tôi và cha, cha ôn tồn nói:

- Dù sao năm này con cũng đã mười sáu tuổi rồi, đã đến lúc phải lập gia đình. Có như thế cha mẹ mới yên lòng. Đời sống ở sa mạc đầy bất trắc, hiểm nguy, sống tại Ashur an toàn và bảo đảm hơn.

Tôi vô cùng bất mãn nhưng không nói được gì, vì truyền thống của chúng tôi là tất cả mọi việc lớn nhỏ của con cái, kể cả hôn nhân, đều được quyết định bởi người chủ gia đình. Một khi cuộc thảo luận hôn nhân giữa hai gia đình đã xong, người làm thân con gái như tôi không có cơ hội chọn lựa. Tôi biết cha mẹ nào cũng muốn con gái họ lấy được người chồng vừa ý và sống hạnh phúc, nhưng sự lựa chọn của các bậc cha mẹ thường chỉ dựa vào sự môn đăng hộ đối, vào tài sản, vào sự quen biết hay tương xứng địa vị, chứ đâu biết gì về người con rể mà họ lựa chọn cho con gái mình.

Ở xã hội Assyria, người phụ nữ hầu như không có địa vị hay giá trị nào. Bởi phong tục trọng nam khinh nữ mà ngay từ khi vừa lọt lòng, đứa con gái đã làm cha mẹ nó không vui. Việc nuôi dưỡng con gái ngoài sa mạc không dễ dàng gì, luôn tiềm ẩn nhiều nguy hiểm. Chúng tôi luôn bị đe dọa bởi sự tranh chấp giữa các bộ lạc để kiểm soát các tuyến đường giao thương hay các ốc đảo có nguồn nước. Quanh vùng luôn có nhiều băng cướp sẵn sàng giết người, cướp của, bắt cóc phụ nữ để bán cho các chợ buôn nô lệ.

Một lý do khác mà không gia đình nào muốn có con gái là vì, theo tập tục hôn nhân, gia đình người con gái phải bỏ ra rất nhiều tiền bạc, của cải để làm của hồi môn khi con đi lấy chồng. Việc con gái đi lấy chồng gây tổn thất tài chính rất lớn, đôi khi có thể làm khánh kiệt tài sản gia đình. Ngoài ra, cũng theo tập tục ở đây, khi người con gái đã về nhà chồng thì không bao giờ có thể trở về nhà cha mẹ ruột được nữa. Nếu người con gái đã lấy chồng phạm lỗi gì thì cha mẹ ruột phải liên đới chịu trách nhiệm, do đó, không gia đình nào muốn nhận lại con gái sau khi đã phải trả món hồi môn lớn cho con lập gia đình.

Hôn lễ của chúng tôi được tổ chức hết sức linh đình, kéo dài suốt ba ngày ba đêm. Người trong bộ lạc chúng tôi chưa bao giờ trải qua những ngày vui như thế. Bao nhiêu vò rượu quý được cất giữ lâu năm đều được mang ra đãi khách, nhiều bảo vật quý giá cùng gia súc của bộ lạc đã được đem ra làm của hồi môn cho hai gia đình nhà trai. Toàn bộ khung cảnh hội hè này không khiến tôi mấy may động lòng. Hôn lễ của tôi nhưng tôi như người ngoài cuộc, bởi trong lòng tôi lúc đó chỉ có sự bất mãn và tức giận. Tôi mơ hồ dự cảm rằng những kỳ vọng về hôn nhân của tôi trước đây đang từng bước đổ vỡ.

Đến đêm cuối cùng của những ngày tiệc cưới, khi cuộc vui còn chưa kết thúc, tôi được đưa đi tắm rửa, thay bộ áo cưới truyền thống bằng lụa mềm mại. Những thị nữ theo hầu hào hứng nói với tôi rằng đây là loại lụa nổi tiếng nhất của xứ sở này, vì nó mềm mại đến mức được ví von là loại lụa dệt từ ánh trăng và người ta tin rằng ai mặc nó lên người thì sẽ có được may mắn và hạnh phúc. Tôi hồ hững nhìn bộ trang phục sắc sảo đi cùng những món trang sức lấp lánh. Sự lạnh lẽo của lớp lụa phủ trên da thịt không khác gì cõi lòng tôi khi đó.

Tôi được đưa đến một căn lều kết hoa được trang trí lộng lẫy cho đêm tân hôn. Cả căn lều thoang thoảng mùi hương hoa hồng Damask danh tiếng vùng Luỡng Hà, thứ mùi hương thanh khiết đó giờ chỉ khiến tôi có cảm giác ngọt ngào. Tôi ngồi xuống chiếc giường êm ái phủ đầy cánh hoa hồng, bên tai vẫn nghe rõ âm thanh tiệc tùng dội lại từ bên ngoài.

Tôi ngồi bất động trong những cảm xúc khó tả đó không biết bao lâu, cho đến khi một gã đàn ông say xỉn, đi đứng xiêu vẹo bước vào lều. Azhida là một gã đàn ông lực lưỡng, râu ria rậm rạp, khuôn mặt nổi bật với chiếc mũi khoằm hung tợn. Đến tận lúc này tôi mới nhìn rõ gương mặt người được chọn làm chồng mình. Azhida ra dấu cho tôi đến gần hẳn, nhưng tôi không động đậy. Ánh mắt hắn ta sẫm soi khắp người tôi, không giấu giếm vẻ đắc ý, hắn cười đểu giả:

- Trông cũng được đấy. Ta đã nhìn thấy em ngồi sau cha em, tuy em không đẹp như Shamuram, nhưng nhìn kỹ thì cũng không quá tệ.

Tôi mỉm cười:

- Nếu thế tại sao ông không cầu hôn Shamuram đi?

Azhida bật cười:

- Làm sao ta tranh được với Neveni của gia tộc Nacharuchem giàu có. Thôi thì, ta thấy lấy em cũng tạm được!

Vừa dứt lời, hắn lao đến định ôm chầm lấy tôi. Tôi hoảng hốt xoay người né tránh, nhưng hắn đã chụp được vạt áo tôi và giật mạnh khiến tôi loạng choạng rồi ngã xuống đất. Tôi vùng vẫy để cố thoát khỏi hắn nhưng hắn đã đè chặt tôi xuống sàn. Tôi vừa la hét vừa cào cào trong tuyệt vọng nhưng sức tôi không sao bì được với hắn. Hắn bắt đầu hung hãn xé nát quần áo trên người tôi. Truyền thuyết may mắn và hạnh phúc do thử lựa kia mang lại đã không ứng nghiệm với cuộc đời tôi. Tôi càng giãy giụa hắn càng ra sức áp chế và rồi hắn bắt đầu ra tay đánh tôi. Sau cùng, tôi quá kiệt sức nên đành chịu trận. Tôi nguyên rửa hắn thậm tệ. Tôi không bao giờ nghĩ cuộc đời mình lại có lúc rơi vào cảnh phũ phàng như thế, lại còn ngay từ đêm tân hôn. Thân thể bầm dập, tôi ngồi dưới đất cả đêm, kinh tởm nhìn gã đàn ông vũ phu này đã là chồng mình đang nằm ngủ ngon lành, lòng dấy lên một nỗi căm thù sâu sắc.

Hôm sau, chúng tôi từ giã gia đình để lên đường về nhà chồng ở Ashur. Tôi khoác tấm áo choàng dày, che kín cả người để mọi người không nhìn thấy cặp mắt sưng vù và thân thể đầy những vết bầm tím của mình. Tôi không muốn cha tôi trông thấy tình trạng tồi tệ này của tôi, bởi cha đã phải bỏ ra rất nhiều của cải cho cuộc hôn nhân này. Hơn nữa, nếu có biết, ngoài đau lòng ra ông cũng không thể làm gì được nữa. Trong khi chị Shamuram thay quần áo mới, vui vẻ cười nói chào từ biệt mọi người thì tôi ngồi thẩn thồ trên lưng lạc đà, suy nghĩ về tương lai u ám với gã chồng vũ phu. Tôi không nói năng gì nhưng trong lòng đang nổi lên cơn bão oán hận.

Tại sao cùng là chị em ruột mà Shamuram lúc nào cũng được cha mẹ yêu thương, mặc dù chị chẳng làm được gì nên hôn? Ngay cả chăn dắt gia súc chị cũng để chúng chạy rong bừa bãi, làm lạc hết con này đến con khác khiến tôi luôn phải

mất công đi tìm. Khi buôn bán, chị cũng không bao giờ cẩn thận, thường dễ thiếu hụt, gây thiệt hại cho bộ lạc mà vẫn không hề bị quy trách, Shamuram còn thích ăn vặt và hay phung phí thức ăn dù biết nguồn thức ăn ở sa mạc chẳng mấy dồi dào. Tôi vẫn thường phải dọn dẹp những thức ăn chị để lại bừa bãi khắp nơi. Suốt ngày chị chỉ biết điếm tô son phấn, quần này áo nọ. Mỗi lần cha tôi có chuyến đi xa, chị đều vội vĩnh cha mua nào là nữ trang, nào là quần áo, son phấn mới. Một người như thế thì lại được gả cho một gia đình thế gia vọng tộc, giàu có nhất vùng, còn tôi, tôi là người biết lo toan mọi sự trong nhà, biết trông nom gia súc, biết giúp cha tôi cai quản bộ lạc. Khi buôn bán, trao đổi hàng hóa, tôi là người biết tính toán lời lãi đâu ra đấy, không sai một đồng. Thế nhưng, tôi chẳng bao giờ nhận được lời khen nào. Tệ hơn, mẹ tôi còn thường la rầy, mắng nhiếc tôi từ việc lớn đến việc nhỏ, tôi làm gì cũng khiến bà không vừa mắt. Tại sao tôi lại không được ai yêu thương? Tại sao trong gia đình lại có sự đối xử phân biệt đến như thế? Và tại sao giờ đây tôi lại bị gả cho một gã đàn ông hung dữ, tầm thường? Tại sao số phận lại bất công đến thế? Muôn ngàn câu hỏi oán thán nổi sóng trong đầu tôi. Đêm tân hôn của những cô gái khác luôn đầy ắp âu yếm, yêu thương và hạnh phúc, còn tôi lại phải trải qua một cơn ác mộng của bạo lực và hành hạ dã man. Tại sao một người thông minh, đảm đang, giỏi giang như tôi phải gắn bó cuộc đời mình với người chồng vũ phu, hung bạo đến thế? Rồi cuộc đời tôi sẽ ra sao? Ngồi trên lưng lạc đà băng qua sa mạc, tôi cảm hận vật lộn với những câu hỏi không có lời giải này cho đến khi tiến vào thành Ashur, nơi tôi sẽ sống tiếp những tháng ngày đen tối của cuộc đời mình.

Ashur là một thành phố lớn, có tường thành bao bọc xung quanh vì trước đây nó là kinh đô của Assyria. Trải qua hàng trăm năm, thành phố đã chiếm vị trí quan trọng trong lịch sử xứ này, là nơi sinh ra những vị hoàng đế bách chiến, bách thắng đã mở rộng bờ cõi và gây dựng lên nền văn minh Lưỡng Hà (*Mesopotamia*). Từ lâu, người Assyria đã học được nghệ thuật rèn đúc khí giới từ những lái buôn phương Đông theo con đường tơ lụa đến đây để trao đổi hàng hóa. Nhờ có vũ khí lợi hại, người Assyria đã xâm chiếm đất đai của những quốc gia quanh vùng, mở mang bờ cõi rộng lớn, trải dài khắp vùng Lưỡng Hà này. Phía Bắc, họ tiêu diệt và đồng hóa người Hittites và Mitanni. Phía Đông, họ chiếm toàn lãnh thổ của Ai Cập, bắt người dân xứ này làm nô lệ. Phía Nam, họ tiêu diệt các bộ lạc người Kush và Nubia, mở rộng lãnh thổ xuống tận vịnh Ba Tư, và tạo dựng một Đế quốc hùng cường kéo dài suốt mấy trăm năm.

Ashur nằm ở vị trí được bao bọc bởi các rặng núi thấp, tiện lợi cho việc phòng thủ quân sự nhưng bất lợi cho việc giao thương. Trong khi đó, Babylon tọa lạc ở vị trí thuận lợi hơn, nơi hai dòng sông lớn là Euphrates và Tigris hợp lại rồi đổ

vào vịnh Ba Tư. Quanh năm thuyền bè ghé vào buôn bán, trao đổi hàng hóa ở đây, nên dần dần Babylon đã chiếm vị trí thương mại quan trọng hơn Ashur. Khi Đế quốc Assyria trở nên hùng mạnh, không còn lo sợ chiến tranh, triều đình đã chuyển kinh đô về Babylon và các gia đình quý tộc cũng dọn đi nên Ashur trở nên hoang vắng, không còn vẻ huy hoàng như trước.

Từ nhỏ đến lớn tôi chỉ sống tại sa mạc nên khi đến thành Ashur tôi thấy cái gì cũng lạ. Là con dâu mới chân ướt chân ráo về nhà chồng, đây là lúc tôi phải được dạy dỗ để theo nề nếp của họ. Việc đầu tiên mà Garu, mẹ chồng, giao cho tôi là trông nom nhà bếp. Mặc dù trong nhà có nô lệ nhưng tôi sẽ phải lo cho bữa ăn của gia đình, bao gồm nấu nướng và làm tất cả mọi việc nặng nhọc khác trong bếp. Tôi là dân du mục và chưa từng nấu ăn trong bếp, dù chỉ là một bữa. Cuộc sống ngoài sa mạc rất giản dị, sẵn được con thú nào thì xẻ thịt rồi nướng trên lửa để cả bộ lạc cùng ăn. Ngoài món thịt nướng, bữa ăn có rất ít món ăn phụ, vì trên sa mạc hầu như không có rau củ gì.

Thỉnh thoảng chúng tôi mới có ít quả chà là ăn tráng miệng mà thôi. Không những thế, khi bộ lạc chúng tôi quây quần quanh bếp lửa thì mạnh ai nấy xẻ thịt nướng, vừa ăn, vừa ca hát. Khi ăn xong thì tất cả trở về lều và tảng thịt còn lại vẫn để trên than hồng, bất cứ ai muốn ăn đều có thể lấy ăn, nó không của riêng ai và chúng tôi cũng không cần tuân theo thứ tự ưu tiên nào cả.

Ngược lại, Ashur vốn là cựu kinh đô của Assyria nên đời sống các gia đình tại đây có nhiều truyền thống và nghi thức rườm rà. Người ta bày vẽ ra những món ăn mà tôi chưa từng biết, có những loại rau củ, gia vị mà tôi chưa bao giờ ăn. Lúc đầu, tôi vô cùng lúng túng, không biết xử lý việc bếp núc này ra sao. Ngay cả nồi niêu xoong chảo và bát đĩa cũng có những hình thù rất lạ lùng với tôi, những đồ vật trong bếp đều là thứ tôi chưa bao giờ sử dụng. Tôi phải liên tục hỏi các nô lệ rằng cái này, cái kia là gì, dùng để làm gì và đã gây ra không ít trò cười vì hình ảnh cô dâu mới vừa ngu ngơ, vừa quê mùa của mình. Đang là con một tù trưởng oai phong, trong tay kiểm soát mọi việc lớn nhỏ, bỗng nhiên tôi trở thành người có địa vị thấp kém nhất trong gia đình nhà chồng. Quả là một bước ngoặt bất ngờ và vô cùng cay đắng cho tôi. Tôi chạnh lòng nhìn lại cuộc đời đã qua của mình.

Tôi tự biết tính cách mình nhiều phần giống nam giới, nhưng tôi vẫn là một người con gái và cũng như những cô gái khác, tôi lớn lên với mơ mộng thầm kín về một người yêu lý tưởng cho mình. Những ánh mắt lén của những trai tráng trong bộ lạc hướng về tôi mỗi khi tôi xuất hiện cũng từng khiến tôi xao động.

Những lúc cả bộ lạc ngồi bên đống lửa vui vẻ hát ca cũng khiến tôi thấy ngáy ngất vì có giọng nam cao của ai đó hòa điệu cùng mình. Tôi biết mình không xinh đẹp, không duyên dáng như chị Shamuram và cũng không được để ý nhiều như chị. Thỉnh thoảng tôi cũng nghĩ nếu mình xinh đẹp như chị thì biết đâu mọi chuyện sẽ khác đi rất nhiều. Nhưng đó chỉ là ý nghĩ thoáng qua, bởi điều tôi tự hào về mình là sự thông minh và tháo vát. Tôi không thích trang điểm hay làm đẹp bởi tôi nghĩ rằng chạy theo vẻ đẹp bề ngoài sẽ làm giảm giá trị của mình. Giá trị của tôi là trí tuệ, sự tháo vát, ý chí sắt đá, tính cách cương cường, tinh thần không dễ khuất phục. Tôi thường nhìn chị tôi với ánh mắt coi thường khi thấy chị thẹn thùng, tỏ vẻ nhút nhát, nhu mì, e lệ trước mặt các trai tráng trong bộ lạc. Với những phụ nữ khác trong bộ lạc, nhìn họ khổ sở khi thai nghén, trắc trở khi sinh nở, tôi thường cảm thấy thương hại hơn là thông cảm. Trong đầu tôi lúc nào cũng là những suy nghĩ tính toán về lời lỗ trong thu chi, về việc kiểm soát mọi việc trong bộ lạc. Những lời nói bóng gió, những nụ cười, cử chỉ tình ý của trai tráng trong bộ lạc không mấy khi khiến tôi bận lòng, bởi tôi luôn tin rằng tôi sẽ gặp được một người đàn ông danh giá, xứng đáng với mình. Đó phải là một người chồng thông minh, khỏe mạnh, biết đảm đương, chăm lo cho gia đình và tôi cũng sẽ chăm lo cho người đó một cuộc sống gia đình đầm ấm và hạnh phúc. Thật sự tôi không bao giờ nghĩ sẽ có lúc cuộc đời mình rơi vào cảnh hôn nhân cay đắng thậm tệ thế này.

Dòng họ của Azhida từng có người làm quan trong triều, nhưng đến lúc này thì đã sa sút và chuyển qua buôn bán ngoài chợ. Tuy nhiên họ vẫn bám vào quá khứ vàng son đã qua bằng những lễ nghi của chế độ cũ. Trong bữa cơm, thức ăn phải được dọn lên cho người chủ gia đình ăn trước rồi mới đến những người khác, lần lượt theo địa vị cao thấp trong gia đình. Sau cùng, còn lại bao nhiêu mới đến lượt người hầu. Nabu, người chủ gia đình, bị đau dạ dày không ăn được nhiều nên phải chọn lọc món ăn rất kỹ - món nào có thể ăn được và món nào phải kiêng. Người con dâu phụ trách nấu nướng là tôi đây sẽ phải biết lựa chọn món ăn cẩn thận, bày biện đẹp để và đem các món lên bàn ăn theo thứ tự, món nào trước, món nào sau. Sau khi đã mang từng món ra hết và đợi đến khi cả nhà ăn xong thì mới đến lượt tôi. Có những bữa mọi người ăn xong không còn gì, tôi phải nhịn đói. Tuy nhiên, no hay đói không khiến tôi phiền lòng, mà thái độ của mẹ chồng mỗi chính là vấn đề.

Garu, mẹ chồng tôi, đối xử với tôi hết sức hà khắc. Ngay từ ngày đầu tiên nhìn thấy sự luống cuống, vụng về của tôi, bà đã chửi mắng tôi bằng những ngôn từ cay nghiệt nhất. Lúc đầu chưa quen, tôi đã lập tức phản ứng lại khiến Ba Tư giận, lồng lộn lên quát tháo rồi lên cơn hen suyễn, vừa ho khan vừa khó thở.

Azhida chạy đến dạy tôi bài học về bốn phận làm dâu bằng một trận đòn dữ dội. Tôi cũng chống trả kịch liệt. Sự tình này diễn đi diễn lại trong suốt những tháng đầu tôi về nhà chồng. Sau nhiều lần bị đánh đập tàn nhẫn, có khi bằng gậy, có khi bằng roi, rồi bị nhốt vào phòng bếp bỏ đói nhiều ngày, chưa kể những phiền toái xảy ra hàng tháng đối với thân thể người phụ nữ, dần dần, cơ thể tôi bắt đầu trở nên suy kiệt. Tuy thế, với bản tính cương cường, tôi vẫn không chịu khuất phục. Mãi về sau, tôi quen dần với những trận đòn roi và sự hành hạ nên không còn phản ứng lại. và tôi bắt đầu thấm thía nỗi xót xa, khổ sở của thân phận phụ nữ bị áp bức bởi những luật lệ hà khắc và những phép tắc buộc phải tuân theo.

Garu thích chứng tỏ quyền uy với tôi bằng cách quát tháo, ra lệnh cho tôi làm theo những gì bà muốn. Dù tôi làm gì thì dưới mắt của bà tôi cũng sai, nên tôi luôn bị bà mắng chửi thậm tệ. Garu mắc bệnh suyễn, mỗi khi la hét xong thì lại ho khan, khó thở và tôi lại bị đánh. Sau mỗi lần chê bai, mắng chửi tôi, bà lại lên giọng nói về dòng dõi thượng lưu của bà, với các món ăn phải được nấu nướng cầu kỳ thế nào, trưng bày trên đĩa bạc, đĩa vàng ra sao, rồi bà mỉa mai sự ngu dốt, quê mùa của những người sống ngoài sa mạc như tôi. Bà nói:

- Ta không hiểu sao con trai ta lại chọn một đứa mọi rợ như người làm vợ? Làm sao những người quý phái như chúng ta lại kết thông gia với những kẻ hạ lưu, ngu dốt ở sa mạc như các người được chứ?

Lúc đầu tôi cũng không biết tại sao Azhida lại chọn tôi. Về sau tôi mới biết đó là vì số vàng và bầy gia súc cha tôi phải bỏ ra để làm của hồi môn. Đó là một gia tài lớn có thể giúp gia đình Azhida sống thoải mái trong thời gian khá lâu.

Gia đình của Azhida có ba người con, Azhida là con trai lớn, Sheva và Sherim là hai người con gái nhỏ hơn tôi vài tuổi. Nabu, cha của Azhida, chỉ là một lái buôn ngoài chợ, không thể so sánh với gia đình Nacharuchem giàu có bậc nhất Ashur, với đoàn thương buôn lớn đi khắp nơi để mua bán hàng hóa. Khi Nabu tháp tùng gia đình Nacharuchem đến ốc đảo của gia đình tôi, ông chứng kiến cuộc thương lượng về của hồi môn giữa hai gia đình. Thấy Nacharuchem được hưởng số vàng lớn và rất nhiều gia súc nên ông đã động lòng tham. Ông bàn với con trai là Azhida cưới tôi để ông có thể thương lượng của hồi môn cho gia đình vốn chẳng giàu có gì của mình. Do đó, cuộc hôn nhân của tôi thật ra chỉ là một sự bán buôn, đổi chác mà thôi, và tôi phải chịu thiệt thòi chỉ vì tôi là con gái. Thỉnh thoảng Neveni và Shamuram cũng ghé qua nhà rủ Azhida và các cô em gái đi chơi, nhưng Azhida không bao giờ cho tôi theo cùng. Điều làm tôi buồn hơn nữa là chỉ

Shamuram cũng không để ý gì đến tôi. Tuy chúng tôi không hợp nhau và thường xuyên cãi cọ nhưng dù sao cũng là chị em ruột. Nên tôi không hiểu được tại sao từ ngày lên Ashur, Shamuram không hề thăm hỏi hay quan tâm đến tình trạng khổ khổ của tôi. Khi vợ chồng chị đến nhà chơi, tôi phải mang thức ăn lên cho khách và chị nhìn tôi một cách dửng dưng như người xa lạ. Không một lời thăm hỏi, không một câu nói yêu thương. Tôi không hiểu, tại sao chị có thể vô cảm như thế? Dưới mắt chị, tôi chỉ là đứa nô dịch trong bếp không hơn không kém. Shamuram may mắn hơn tôi, vì mẹ của Neveni đã qua đời nhiều năm trước, nên từ địa vị con dâu, chị nghiễm nhiên trở thành nữ chủ nhân có quyền hành trong gia đình Nacharuchem. Mỗi khi thấy chị mặc quần áo đẹp để sang trọng, vui vẻ tươi cười bên cạnh chồng, tôi không khỏi nghĩ đến hoàn cảnh bất hạnh của mình rồi oán thán tự hỏi tại sao tôi lại kém may mắn đến thế?

Tôi tiếp tục sống trong căn nhà bếp chật chội suốt một thời gian dài. Ban ngày tôi phải nấu nướng, làm những công việc cực nhọc dưới sự kiểm soát hà khắc của mẹ chồng. Đêm đến tôi lại phải chịu đựng những đòi hỏi thú tính của Azhida, nhất là khi hắn uống rượu về và bắt đầu giở thói bạo lực. Sự kiêu hãnh và tính khí ngoan cường của người con gái sa mạc trong tôi đã hoàn toàn biến mất trong thân xác của người phụ nữ bị bạo hành cả ngày lẫn đêm. Hơn bao giờ hết, tôi hết sức đau khổ và bất mãn với thân phận người phụ nữ yếu ớt, chỉ có thể cắn răng chịu đựng một cách nhục nhã như thế này. Tôi chỉ biết tìm niềm an ủi qua việc hồi tưởng những ngày còn được tự do sống ngoài sa mạc, với biển cát vàng bao la đến tận chân trời.

Một hôm, Nabu trở về nhà với vẻ mặt nghiêm trọng. Trong bữa cơm, ông ngồi ăn nhưng tâm trí vẫn để ở đâu đâu nên không ăn hết bữa. Sau cùng, ông gọi vợ và con trai vào phòng riêng, có vẻ là để bàn bạc việc quan trọng. Một lúc sau, Azhida đến gặp tôi, hắn nhỏ nhẹ nói:

- Cha ta vay gia đình Nacharuchem một số vàng lớn làm vốn cho chuyên đi buôn vừa rồi nhưng không may đã bị thua lỗ. Giờ bọn ta không biết phải làm thế nào để bù lại số vàng này. Thời gian cấp bách, nếu không trả được thì chắc chắn gia đình chúng ta sẽ gặp khó khăn. Ta muốn em về nhà xin gia đình một số vàng để bù vào, rồi ta sẽ đãi ngộ em xứng đáng.

Trong lúc bất ngờ, tôi chưa kịp nói gì thì Garu đã bước ra, bà ta cũng nhỏ giọng:

- Seriram, dù sao con cũng là người của gia đình này, con không thể để cho nó mang tiếng được.

Lúc đó, cơn giận đã chất chứa từ lâu trong lòng tôi bỗng nổi lên, khiến tôi buột miệng:

- Gia đình này thì có danh tiếng gì đâu mà sợ mất.

Azhida lập tức trở mặt, hất gơ tay lên toan đánh tôi nhưng Garu cản lại, bà ta nói nhỏ vào tai Azhida nhưng tôi vẫn nghe được:

- Khoan đã, đây là lúc cần đến nó. Gia đình giàu có của nó có thể giúp chúng ta trong lúc này.

Tôi cười khẩy:

- Các người đã lấy một số vàng lớn và cả bấy gia súc rồi, bây giờ còn muốn lấy thêm nữa sao?

Azhida nổi giận, quát lớn:

- Nếu người không đem vàng về đây thì ta sẽ rạch mặt người cho xem.

Bản tính kiên cường có phần ngang bướng của tôi đã trở lại, tôi quát lại hần:

- Có giỏi thì làm đi! Nhưng đừng hòng lấy thêm thứ gì từ gia đình tôi nữa.

Tôi vừa dứt lời đã nhận ngay cái tát như trời giáng vào mặt rồi theo đó là những quả đấm, những cú đá liên hồi.

Tôi bị nhốt trong phòng và bị bồ đói nhiều ngày. Toàn thân đầy vết thương, đau đớn vô cùng, nhưng bản tính cương cường không cho phép tôi rơi một giọt nước mắt nào. Tôi nằm suy nghĩ về cuộc đời kém may mắn của mình và tiếp tục những câu hỏi đầy oán hận. Tại sao một người con gái vô trách nhiệm như chị Shamuram, cả đời chỉ lo rong chơi, chỉ biết quần này áo nọ, son phấn điểm trang mà lại hưởng sự tốt lành, sống giàu sang hạnh phúc với người chồng tốt như thế? Trong khi người hiểu biết, giỏi giang như tôi thì lại phải làm đầu một gia đình tồi tệ, với người chồng vũ phu như Azhida? Tôi chìm trong sự phẫn uất của những câu hỏi tại sao này, và lần đầu tiên tôi nhận ra sự thông minh tháo vát của mình không giúp được gì cho tôi, càng không cho tôi câu trả lời.

Nhiều ngày trôi qua, tôi vẫn nằm đó suy nghĩ, đột nhiên cửa phòng mở ra và cha tôi bước vào. Tôi chưa hết ngạc nhiên thì Nabu và Azhida cũng theo vào. Nabu phân trần:

- Ông xem đó, con ông làm ăn tính toán nhầm lẫn khiến chúng tôi bị thiệt hại một số vàng lớn. Bây giờ ông tính sao đây?

Tôi chưa kịp biện bạch gì thì cha tôi đã lên tiếng:

- Nếu nó làm sai thì tôi sẽ bù lại cho ông, ông không cần nói nhiều.

Tôi ngồi bật dậy, bất chấp thân thể đau đớn, định lên tiếng phản bác lời vu oan giá họa đó nhưng cha tôi ra hiệu cho tôi dừng lại:

- Con nằm yên đó, để cha nói chuyện với Nabu.

Cha tôi và Nabu bước ra ngoài, Azhida vẫn đứng đó, hắt nhìn tôi rồi cười nhạt:

- Người không muốn về xin cha người, thì chúng ta gọi ông ta đến.

Tôi muốn gào thét mắng chửi hắt nhưng cổ họng đau rát chỉ ú ớ được vài câu chửi rủa thiếu thào. Azhida bật cười đắc chí:

- Người có ngang bướng cũng vô ích, cha người đã đem vàng đến rồi.

Tôi vừa tức giận vừa chua xót cho thân phận hẩm hiu của mình nhưng thân thể quá đau đớn, không thể nói gì mà chỉ có thể trừng mắt nhìn Azhida. Hắt buông một nụ cười chế giễu rồi bỏ đi. Hôm sau tôi được đưa ra ngoài. Tôi thấy cha tôi đứng đó với một đoàn lạc đà chuyên chở rất nhiều hành lý. Cha tôi nói:

- Con lên lạc đà đi, cha đưa con đi.

Ngay lúc đó Nabu và Azhida bước ra, mặt mày rạng rỡ. Azhida nhìn tôi, vênh váo:

- Ta trả người lại cho cha người, từ nay đừng về đây nữa.

Đoàn người rời khỏi Ashur được một quãng xa tôi mới lên tiếng:

- Tại sao cha phải chịu thiệt thòi như thế?

Cha tôi thông thả nói:

- Gia đình Azhida cho người đến nói với cha rằng con buôn bán tính toán sai sót khiến họ bị thiệt hại một số vàng lớn.

Tôi toan lên tiếng biện bạch nhưng cha tôi đã nói luôn:

- Con không cần nói. Cha biết họ chỉ tìm cách đòi cha thêm một số vàng nữa thôi. Trước giờ con làm việc gì cũng chính xác, cha biết không thể xảy ra chuyện như họ nói được. Do đó, cha đã hỏi kỹ gia đình Nacharuchem về việc này cũng như số vàng mà họ đã vay mượn, rồi cha trả gấp đôi để chuộc con ra. Tuy nhiên, bây giờ con cũng không thể trở về nhà được, cha rất tiếc...

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao con không thể về nhà? Vậy thì con đi đâu được chứ?

Cha tôi thở dài, rồi nói:

- Con đã là người của gia đình Azhida, con không còn thuộc về gia đình chúng ta nữa. Đây là luật lệ từ ngàn xưa. Do đó con không thể trở về bộ lạc được. Cha là tù trưởng, cha không thể tạo ra một tiền lệ có thể gây xáo trộn về sau. Cha đã thu xếp cho con đi đến một nơi thật xa. Lần này cha qua Ba Tư trao đổi hàng hóa và sẽ gửi con ở lại đó. Con còn trẻ, có thể xây dựng lại cuộc đời. Con đi chuyến này cũng có thể học những bài học mà con cần học.

Tôi nhìn cha, cổ họng tôi nghẹn lại không nói thêm được gì. Tôi đưa mắt nhìn ra sa mạc mênh mông trước mặt, lẩm bẩm:

- Ít nhất mình cũng được tự do.

Cha nhìn tôi với đôi mắt thương cảm rồi nhẹ nhàng nói:

- Trước đây cha đã nói với con, con phải bỏ đi lòng kiêu căng, tự mãn cùng tính nóng giận, hay cãi cọ với người khác, nhưng con không nghe. Con và mẹ hay cãi nhau là vì con không phục mẹ, nhưng con quên mẹ là người đã sinh ra con và quán xuyến mọi việc trong nhà chúng ta. Con khinh thường mọi người vì con cho

rằng mình thông minh, tài giỏi hơn. Cha đã cảnh báo con vì cha biết những tính cách đó không đem lại điều gì tốt đẹp, tiếc là con không hiểu. Cha rất tiếc vì những gì con đã trải qua ở gia đình Azhida, nhưng giờ mọi chuyện đã qua rồi, cha hy vọng con đã học được bài học và thay đổi để làm lại cuộc đời.

Tôi không trả lời cha nhưng trong lòng hoàn toàn bất mãn. Tôi không phục. Tôi nghĩ mọi biến cố xảy ra trong đời tôi là do hoàn cảnh trớ trêu và tôi là nạn nhân của truyền thống trọng nam khinh nữ chứ nào phải lỗi của tôi. Tại sao cha tôi không an ủi mà còn thấy phiền hà về tính cách của tôi? Tại sao ông không nghĩ chính gia đình đã đẩy tôi vào tình cảnh bi kịch này? Tôi đâu có làm gì nên tội mà phải chịu số phận hẩm hiu này...

Cuộc đời sau này của tôi tại Ba Tư chỉ là những hình ảnh mờ ảo chớp chồn, không nhiều đường nét rõ rệt. Ở đó, tôi trải qua một cuộc sống bình thường không sóng gió, nhưng cũng hết sức chán chường, bởi con người đã bị thương tổn trong tôi không còn hứng thú với cuộc sống nữa. Tôi trông coi việc buôn bán và làm sổ sách cho một lái buôn người Ba Tư, bạn của cha tôi. Công việc dễ dàng đến mức nhàm chán. Tôi cũng đóng cửa lòng không muốn gặp gỡ ai nữa, cứ thế sống vật vờ cho qua ngày với những câu hỏi không có câu trả lời về thân phận người phụ nữ. Trải nghiệm đau thương trong kiếp này đã khiến tôi vô cùng sợ hãi thân phận người phụ nữ với quá nhiều cay đắng, thống khổ. Thời gian làm vợ một kẻ cuồng dâm hung dữ, làm nô dịch dưới sự áp bức của mẹ chồng, liên tiếp chịu đựng sự mắng chửi, đánh đập, hành hạ đã khiến tôi vô cùng ám ảnh. Giờ nghĩ lại, tôi vẫn còn thấy đó là một cơn ác mộng kinh hoàng và tôi tự hỏi có phải đó là điều mà rất nhiều phụ nữ khác cũng phải trải qua. Tôi cũng tự hỏi vấn đề trọng nam khinh nữ đã có từ lúc nào? Tại sao trải qua bao thời đại vẫn không thay đổi? Nguyên nhân nào mà người sinh ra với thân phụ nữ cứ phải chịu đựng những đè nén, áp bức như thế? Khắp nơi trên thế giới, có biết bao phụ nữ cũng đang vướng vào những khổ đau tương tự và không tìm được lối thoát bởi thành kiến hẹp hòi này?

Tôi còn không ngừng dằn vặt vì những bất công trong xã hội. Tại sao là chị em một nhà mà số phận an bài người này sống cuộc đời sung sướng trong khi người khác chịu muôn điều bất hạnh? Nguyên nhân gì mà người thì được yêu thương sống trong cảnh giàu sang, phú quý còn người thì bị đối xử tàn tệ, chịu đựng những điều nhục nhã, khốn khổ tận cùng? Tại sao những kẻ hung ác, dã man, chuyên đánh đập người khác như Azhida lại được hưởng vàng bạc, tài vật chỉ bằng việc lấy vợ? Người cay nghiệt, độc địa, coi việc hành hạ người khác là thú vui như Garu vì lẽ gì mà được sống cuộc đời tiện nghi, sung sướng? Những

bất công trong cuộc đời rồi cuộc đến từ đâu?

Những câu hỏi không lời giải đáp này cứ day dứt mãi trong tôi mà không có lời giải, cho đến khi tôi qua đời vì một cơn bạo bệnh vào năm hai mươi tám tuổi, kết thúc một kiếp người gian truân.

Hôm đó, sau khi hồi tỉnh, tôi không khỏi bàng hoàng. Tôi ngồi im lặng một lúc lâu để trấn tĩnh, điều hòa lại cảm xúc dữ dội vừa trải qua. Khi đã bình tĩnh hơn, những câu hỏi đi theo tôi đến tận những ngày cuối đời ở kiếp sống kia lại kéo về. Tôi đặt những câu hỏi này với ông Kris, thì ông nói:

- Để trả lời những câu hỏi này, ông phải suy ngẫm và khám phá về các cơ chế thâm sâu của luật Nhân quả. Con người sinh vào hoàn cảnh khác nhau, xứ sở khác nhau, thể xác nam nữ khác nhau, hoàn cảnh sống khổ muôn hình vạn trạng đều có nguyên nhân từ trước. Như tôi đã nói khi trước, đời sống là một trường học mà người ta đến để học những bài học cần thiết.

Tôi hỏi lại:

- Vậy làm thân nữ giới chịu nhiều hành hạ, khổ lụy hay những người sinh vào kiếp cô nhi bị ức hiếp, thiệt thòi, những người sinh ra trong gia đình có hoàn cảnh khốn khổ, là để học bài học gì? Tại sao họ phải chịu đựng những đè nén, bất công, kỳ thị như thế?

Ông Kris im lặng, trầm tư một lúc, rồi ôn tồn trả lời:

- Theo sự hiểu biết của tôi, có rất nhiều bài học mà con người ta cần phải học trong một kiếp người. Một số người vô cảm, dửng dưng trước sự đau khổ của kẻ khác thường phải sinh vào thân nữ giới để học bài học về tình thương, làm giảm đi tính ích kỷ. Họ trở thành người mẹ để phát triển thêm tình yêu thương, vì không một người mẹ nào lại không biết yêu thương. Một số người tính tình nóng nảy, dễ giận dữ vì những việc nhỏ nhặt rồi nói ra những lời thô lỗ, hung ác làm tổn thương người khác cũng thường sinh vào thân cô nhi, thiếu vắng tình thương, gặp cảnh khổ sở, bị ức hiếp, bị mắng nhiếc, cũng chính là để bớt đi thói nóng giận này. Họ bị đặt vào hoàn cảnh bị ức hiếp, bị đánh đập để hiểu về sự tổn thương của người khác và học được sự đồng cảm, phát triển thêm sự tương ái. Một số người tâm địa nhỏ nhen ở kiếp trước thường sinh làm thân những người

có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị kịch, buộc phải nếm nhiều cay đắng, gian truân để có thể gánh vác, bảo vệ thân nhân, từ đó sẽ phát triển thêm lòng quảng đại, bao dung, có khổ thì mới tìm cách thoát khổ và phát triển được tấm lòng ban trải tình thương đến người khác. Tất cả mọi việc xảy ra đều có những nguyên nhân, đồng thời cũng là cơ hội học hỏi. Không việc gì xảy ra là ngẫu nhiên, tất cả là bài học, vì con người cần học để trở nên hiểu biết hơn. Nhân loại cũng từng bước học hỏi để hiểu biết hơn, như ông có thể thấy, ngày nay, nhiều phụ nữ ở các quốc gia phương Đông hay phương Tây không còn mang thân phận khốn khổ như khi xưa nữa. Mọi thứ đã thay đổi rất nhiều, và những bài học đi theo từng thân phận người cũng thay đổi. Dầu sao thì, tất cả mọi việc xảy ra đều là quả của các nhân đã gieo ở quá khứ. Kiếp sống hiện tại chỉ là một phần nhỏ của chuỗi nhân quả chằng chịt, phức tạp mà thôi.

Thấy tôi vẫn có vẻ suy tư, ông Kris thông thả giải thích thêm:

- Con người tạo nghiệp nhân thì phải gặt lấy quả báo, đó là việc rất tự nhiên. Đó là logic, không bao giờ sai sót và không bao giờ thay đổi. Mục đích của luật Nhân quả là thúc đẩy con người học hỏi để chuyển hóa. Như trong kiếp sống tại Assyria vừa qua của ông, Nabu bị đau dạ dày, không ăn được nhiều, vì kiếp trước ông này là người tham ăn. Ông ta đã ăn uống vô độ, phung phí rất nhiều thức ăn, do đó mà trong kiếp sống tại Assyria, ông ta sinh ra với bộ máy tiêu hóa yếu ớt, khiến ông ta phải hạn chế việc ăn uống. Tôi không biết Nabu có biết đặt câu hỏi tại sao mình bị chứng bệnh đó không. Người thông minh phải biết đặt câu hỏi chứ không nên trách trời trách đất. Trái đất này có đầy đủ thức ăn cho tất cả mọi người, mọi loài sinh vật. Sở dĩ có người thiếu ăn là vì có ai đó phung phí thức ăn hoặc tham lam lấy đi phần ăn của người khác. Con người cần ăn để sống, nhưng nếu ăn quá nhiều, quá phung phí, thì phải chịu hậu quả về sau. Cũng như thế, Garu sinh ra với bệnh suyễn, thường ho khan và khó thở là vì trong kiếp trước bà ta là người thường dùng quyền lực áp bức những người dưới quyền, vấn đề là bà ta có biết đặt câu hỏi về nguyên nhân tại sao mình lại sinh ra với chứng bệnh đó không. Nếu không suy xét để thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy, tiếp tục áp bức, mắng nhiếc người khác thì bà ta sẽ còn phải trải qua nhiều kiếp sống với các bệnh tật ghê gớm hơn, để học bài học mà bà ta phải học.

Ông Kris nhìn tôi và nói với vẻ nghiêm nghị:

- Trong kiếp sống tại Assyria, ông là người thông minh sắc sảo, được mọi người nể phục nhưng tính lại kiêu căng, thích gây gổ, lúc nào cũng cho rằng mình đúng còn người khác sai, nên ông đã phải trả nghiệp ngay trong kiếp sống đó bằng

một cuộc sống khốn khổ, bị hành hạ, đánh đập, khinh chê, mắng nhiếc, vì cái “nhân” cho rằng mình tài giỏi hơn người, tự đánh giá mình quá cao nên “nghịch quả” đến ngay qua việc phải làm nô dịch hầu hạ người khác, cái quả này là để ông học được rằng đừng bao giờ ngạo mạn và phán xét người khác dù họ sai lầm hay có trình độ thấp kém thế nào đi nữa. Vì bất cứ một tư tưởng hay lời nói nào cũng đều tạo ra nhân, và đã có nhân thì chắc chắn sẽ tạo quả. Trong kiếp sống đó, ông là người cứng đầu, bướng bỉnh, thiếu lòng tôn kính với mẹ ông cũng như anh chị em trong gia đình. Mặc dù mẹ ông chính là người đã nuôi nấng, dạy dỗ ông, nhưng ông lớn lên tự cao, không nghe lời bà và còn thường xuyên tranh luận, cãi cọ với bà. Đó chính là cái nhân khiến ông rơi vào cuộc sống bị lệ thuộc gia đình chồng, chịu sự cai quản và sai khiến của mẹ chồng, không còn được tự do, thông thả nữa.

Tôi ngồi im, nghĩ về con người mình trong kiếp sống ở Assyria và có phần xấu hổ về thói ngạo mạn, hay phán xét của mình khi đó. Tôi không nghĩ nghịch quả có thể đến nhanh như thế. Như đọc được ý nghĩ của tôi, ông Kris nói thêm:

- Nghịch có thể đến bất cứ lúc nào, có khi đến nhanh, có khi đến chậm cũng có khi tiềm ẩn chờ đến kiếp sau. Nhiều người không hiểu tại sao mọi việc lại xảy đến với mình là vì họ đã quên đi cái nhân mình từng gieo trước đó. Cái nhân do mình tạo ra sẽ chiêu cảm ảnh hưởng chung quanh để tạo ra quả. Gieo nhân nào thì gặt quả nấy.

Không muốn tiếp tục nghĩ về trải nghiệm kinh hoàng của kiếp sống ở Assyria nữa, tôi chuyển qua chủ đề khác:

- Lúc này ông nói rằng tôi và bà Ginger có liên hệ với nhau. Chuyện đó là như thế nào?

Ông Kris nhìn tôi một cách thích thú, rồi bật cười:

- Ông vẫn chưa nhận ra sao? Bà Ginger chính là Shamuram trong kiếp sống ông vừa hồi tưởng đấy. Người này từng là một thánh nữ trong một kiếp sống rất xa xưa, có công đức lớn và làm được nhiều việc tốt, giúp đỡ được nhiều người nên trong những kiếp sống sau đó đều được sinh ra với tướng mạo xinh đẹp, cũng chính vì vậy người này bắt đầu say mê sắc đẹp của mình để rồi ngạo mạn, ích kỷ và lạc lối. Trải qua rất nhiều kiếp sống nổi trôi, khi lên, khi xuống nhưng người này vẫn u mê, chưa học được gì. Người này lúc nào cũng mãi mê chạy theo vẻ ngoài hào nhoáng, thích quần áo, thích phấn son, đồ trang sức, thích làm

đẹp cho mình, thích sự tung hô và cung phụng của kẻ khác... Trong kiếp sống hiện tại, tuy có nhan sắc và từng nổi tiếng nhưng bà ấy không hề được hưởng hạnh phúc và hiện vẫn sống cô đơn. Thật ra cuộc đời của bà Ginger là một bi kịch mà ít ai biết. Tôi cũng coi như có nhân duyên biết đến bà ấy khá rõ. Lần đầu lập gia đình, chồng bà là người nghiện rượu khiến bà phải chịu đựng rất khổ sở cho đến khi ông này qua đời. Sau đó bà tái giá nhưng được không bao lâu cũng ly dị vì người chồng sau bệnh tật triền miên, tính tình khó chịu, nên hai người không hợp nhau. Bà lập gia đình lần thứ ba thì người chồng này chết sớm. Tuy được thừa kế một khối tài sản lớn nhưng rốt cuộc bà vẫn sống một mình, không con cái, không bạn bè thân thiết, lúc nào cũng cô đơn. Nhìn bề ngoài, ai cũng nghĩ Ginger sung sướng, không mấy ai biết nỗi đau khổ và khao khát hạnh phúc của bà. Trong nhiều kiếp, bà đã sống ích kỷ, chỉ nghĩ đến mình, chỉ biết chải chuốt quần áo, phấn son tô điểm cho mình mà không chú ý đến ai khác. Bà chỉ yêu chính mình và sắc đẹp của mình mà thôi. Do đó, kiếp này bà không có hạnh phúc gia đình, cũng như không thể có con. Khi người ta chỉ biết đến mình, không biết yêu thương hay nghĩ cho người khác, họ sẽ tạo ra cái nhân của sự cô đơn. Những người như thế, nếu không biết tự đặt câu hỏi, tự chiêm nghiệm để tìm ra cái nhân thì dù có trải qua nhiều kiếp, họ vẫn không hiểu tại sao mình lại bất hạnh như thế. Họ không làm gì xấu, cũng không hề hại ai nhưng đồng thời họ cũng không biết mở rộng tấm lòng đến những người khác. Họ chỉ biết nghĩ đến sắc đẹp hay danh vọng, sự giàu sang của mình. Nếu họ không biết quay vào trong suy xét nguyên nhân mà chỉ trách số phận không may, thì họ sẽ không học được bài học mà họ cần.

Ông Kris dừng lại như để tôi nghiền ngẫm lời ông vừa nói, rồi ông tiếp tục:

- Do ông và bà Ginger đã có mối liên hệ từ kiếp sống Assyria, nên kiếp này vừa gặp nhau ông đã có cảm giác thân thuộc. Nhưng không phải ai cũng nhạy cảm như thế đâu. Đa số trường hợp thì dù có liên hệ từ nhiều kiếp trước người ta vẫn khó có thể nhận ra nhau, và nếu có cảm giác được thì cũng không đoán ra ý nghĩa của mối liên hệ. Đời sống có rất nhiều liên hệ nhân quả phức tạp mà chỉ những người có đủ tâm hiểu biết mới có thể nhận ra mà thôi. Tại sao có những người yêu nhau mà phải xa nhau? Tại sao có những người không ưa gì nhau mà cứ phải gặp nhau mãi? Hầu như rơi vào tình cảnh này ai cũng chỉ biết trách móc than vãn, nào có mấy ai biết coi đó là hậu quả của nghiệp nhân đã gây từ trước.

Đột nhiên, có một mãnh lực kỳ lạ thôi thúc khiến tôi lên tiếng:

- Vậy tin, liệu tôi có thể làm gì để giúp bà Ginger không?

Ông Kris gật đầu:

- Ông có thể giúp bà Ginger mở rộng tấm lòng đến những người không may mắn. Bởi người này cần học về việc ban trải thương yêu thay vì chỉ nghĩ về bản thân.

Tôi nghĩ về tình trạng hôn nhân không hạnh phúc của Ginger, buột miệng hỏi:

- Phải chăng vì không biết yêu thương mà hôn nhân của bà Ginger không có hạnh phúc?

Ông Kris mỉm cười, trả lời:

- Tất cả những người đến với nhau như vợ chồng đều có những liên hệ với nhau từ trước. Hôn nhân vừa là duyên, vừa là nợ. Không một điều gì xảy ra là ngẫu nhiên cả. Trong chuỗi nhân quả chằng chịt, con người cũng có những liên hệ phức tạp với nhau, do đó hôn nhân có thể là sự trả nợ, đòi nợ hay có khi là cả hai. Tất cả mọi việc xảy ra đều là những quả của các nhân đã gieo ở quá khứ. Khi hai người gặp nhau và yêu nhau thì chắc chắn họ đã biết nhau từ những kiếp trước rồi. Trong kiếp này, họ lấy nhau vì giữa hai người có nhiều cái nhân, cả tốt lẫn xấu, đang bắt đầu trổ quả, cần phải giải quyết, cứ quan sát là chúng ta sẽ thấy bất cứ ai cũng có cơ hội gặp gỡ những người mà họ có thể đi đến hôn nhân, bởi ai cũng có những mối liên hệ từ các kiếp trước. Tuy nhiên, họ sẽ lựa chọn sợi dây tình cảm với một người nào đó để giải quyết dần nghiệp quả. Do đó, hôn nhân một phần là nhân quả, một phần cũng do ý chí con người. Điều này có thể ví như một người đứng trước ngã tư đường và có bốn lối đi để chọn. Họ có thể chọn bất cứ lối nào cũng được và tùy con đường họ chọn mà họ đi được thoải mái, êm đềm hay sẽ gặp khó khăn, trắc trở. Hôn nhân cũng thế, người ta chọn vợ chọn chồng do nhân quả ràng buộc từ nhiều đời nhiều kiếp và tùy vào quyết định lựa chọn người bạn đời của mình mà cuộc sống vợ chồng sẽ hạnh phúc hay khổ đau.

Tôi thắc mắc:

- Vậy còn những người gặp tình duyên trắc trở hay người góa bụa khi còn trẻ nhưng không thể làm lại cuộc đời thì sao?

Ông Kris nhìn tôi rồi thông thả trả lời:

- Chắc hẳn ông còn thắc mắc về trường hợp của Seriram khi rời Assyria đến Ba Tư, đúng không? Xã hội Ba Tư khi đó cũng không khác Assyria nhiều, người phụ nữ cũng phải chịu nhiều thiệt thòi, nên sau đó Seriram không muốn lập gia đình nữa vì đã quá sợ hãi hôn nhân. Trường hợp khác là có những người muốn lập gia đình nhưng tình duyên luôn trắc trở, yêu nhưng không được đáp lại, việc đó cũng do cái nhân đã tạo ra ở kiếp trước, có thể trong kiếp sống nào đó họ đã ruồng bỏ, phụ rẫy chân tình, làm cho người khác phải đau khổ. Có thể họ đã không làm tròn trách nhiệm làm chồng, làm vợ, gây thương tổn cho người bạn đời của mình. Do đó mà ở kiếp này họ phải nhận quả báo để học bài học về giá trị của tình yêu. Những người quen sống ích kỷ, chỉ biết nghĩ về mình, không biết yêu thương, không biết đem tình thương trao gửi thì thường phải trải qua những kiếp sống cô đơn, có khi phải sống quạnh quẽ ở những vùng đất hoang vu để học bài học về giá trị của tình yêu thương và các mối quan hệ. Bởi từ, chỉ khi nào thấy mất mát hay thiếu thốn thứ gì, thì con người mới thấy rõ giá trị và sự cần thiết của nó.

Khi tôi trở về nhà thì thấy một chiếc xe lạ đang đậu trước nhà. Bước vào nhà, tôi ngạc nhiên khi thấy bà Ginger đang ngồi trò chuyện với Angie. Lần này gặp lại bà Ginger, tôi không nhìn bà như một người xa lạ nữa mà có chút thân thương và cảm thấy ít nhiều thương xót. Angie nhìn thấy tôi, vui vẻ nói:

- Anh về rồi. Hôm nay em nấu món ăn đặc biệt nên mời bà Ginger đến dùng cơm tối với vợ chồng mình. Anh đi đâu vắng cả ngày nên em chưa kịp nói với anh.

Tôi vui vẻ ngồi xuống cạnh bà Ginger:

- Tôi rất mừng gặp lại bà và hân hạnh được bà nhận lời đến dùng cơm với vợ chồng chúng tôi.

Bữa ăn diễn ra trong bầu không khí thân mật, ấm cúng. Angie không những là người nấu ăn ngon mà còn biết gợi chuyện để bà Ginger kể về những bộ phim Ba Tư đáng cùng các tài tử nổi tiếng ở Hollywood. Bình thường tôi không mấy quan tâm đến chủ đề này nhưng trong bữa ăn hôm đó tôi cũng góp chuyện và tiếp đãi bà Ginger thật chu đáo. Khi ra về, bà nắm tay Angie, giọng xúc động:

- Tôi rất mừng được quen biết ông bà. Đã hơn mười sáu năm rồi tôi mới được ăn một bữa cơm tối ấm cúng, thân mật như thế này. Thường thì tôi chỉ ăn một

mình ở nhà thôi. Buồn lắm!

Angie siết chặt tay bà, nhiệt tình nói:

- Chúng tôi còn ở đây đến hết tuần này. Xin mời bà mỗi tối hãy đến dùng cơm với chúng tôi cho vui. Tôi rất thích làm bếp và còn biết nhiều món đặc biệt nữa. Ngoài ra, tôi chưa quen ai ở đây nên cũng cần có bạn. Được quen một người nổi tiếng như bà là vinh hạnh lớn cho vợ chồng tôi.

Từ đó, Ginger và Angie trở thành đôi bạn thân. Ginger thường ghé thăm và dùng cơm tối mỗi khi chúng tôi ghé về đây nghỉ ngơi và chúng tôi cũng hay lui tới thăm bà. Một lần, khi chúng tôi ghé thăm bà, thấy Angie ăn mặc giản dị, không kiêu cách, bà Ginger chỉ vào tủ áo của mình và nói:

- Tuy chúng ta quen nhau không lâu nhưng đã thân tình như chị em. Tôi có rất nhiều quần áo sang trọng được thiết kế bởi những nhà thời trang nổi tiếng, nhưng chưa hề mặc. Tôi muốn tặng cho bà một ít nếu bà không phiền.

Angie mỉm cười, nhẹ nhàng từ chối:

- Cảm ơn bà, nhưng tôi mặc giản dị thế này quen rồi, quần áo thời trang không hợp với tôi đâu.

Ginger chép miệng, thở dài:

- Thật ra tôi cũng không biết phải làm gì với những quần áo này. Năm nay tôi đã chín mươi tuổi rồi, biết còn sống được bao lâu nữa...

Như có một cái gì thôi thúc, tôi lên tiếng:

- Vậy bà định làm gì với những thứ này?

Bà Ginger lắc đầu, thở dài:

- Tôi không có họ hàng thân thích cũng không có con cái. Thú thật, tôi không biết phải làm gì với những thứ này nữa?

Angie thắc mắc:

- Sao bà không cho những thứ này đi? Bà giữ làm gì khi không dùng đến nữa?

Bà Ginger cười buồn:

- Cho ai bây giờ? Tôi đâu có quen ai khác. Bao năm nay tôi chỉ sống một mình. Hiện nay ông bà là bạn bè duy nhất của tôi đấy.

Angie ngạc nhiên:

- Tôi tưởng bà phải còn nhiều bạn bè nữa chứ? Là diễn viên điện ảnh nổi tiếng như bà hẳn phải quen biết nhiều người ở Hollywood?

Ginger lắc đầu, giọng rầu rĩ:

- Họ chết cả rồi còn đâu. Tôi là một trong những người cuối cùng thuộc thế hệ diễn viên điện ảnh thập niên 50. Những đạo diễn, diễn viên và những người làm việc với tôi khi xưa đều qua đời từ lâu. Còn ai nữa đâu...

Không khí trong phòng đột nhiên chùng xuống. Chúng tôi nhìn căn phòng với những tủ kính sang trọng đầy những quần áo thời trang đắt tiền, hàng trăm đôi giày đủ kiểu, đủ màu sắc, được sắp xếp ngăn nắp, cẩn thận, bất chợt, tôi nảy ra một ý tưởng:

- Tại sao bà không cho bán đấu giá những thứ này rồi lấy tiền làm từ thiện? Tôi chắc là nhiều người sẽ muốn mua làm kỷ niệm đấy, nhất là những người hâm mộ vẫn yêu mến bà qua những bộ phim Ba Tung đóng.

Bà Ginger thoáng giật mình, bà ngây người một lúc rồi như bừng tỉnh, bà mở một nụ cười thật tươi:

- Đúng rồi, ông nói rất hay. Thế mà tôi không nghĩ ra. Tôi nên làm như vậy, vì hiện nay tôi đâu cần những thứ này hay tiền bạc làm gì. Phải lắm, tôi sẵn sàng cho đi tất cả để làm từ thiện, ông bà có thể giúp tôi không?

Trong buổi nói chuyện sau này với Thomas, ông cho biết hai vợ chồng ông đã tổ chức một buổi dạ hội mừng sinh nhật cho bà Ginger tại New York để bán đấu giá những vật kỷ niệm của người nghệ sĩ này. Số tiền thu về từ buổi đấu giá đã

được dùng để lập một quỹ từ thiện mang tên bà. Quỹ này sẽ tài trợ cho những diễn viên đóng vai phụ, nhân viên làm việc ở phim trường có tài chính eo hẹp. Buổi dạ hội quy tụ khá đông tài tử điện ảnh cùng các nhân vật nổi tiếng của Hollywood đến chúc mừng sự nghiệp của bà Ginger. Rất nhiều doanh nhân Wall Street cũng đóng góp cho sự kiện gây quỹ này.

Ông Thomas nói: “Tôi chỉ mong có thể tạo một nhân lành để giúp người từng là chị mình trong một kiếp sống khác biết mở rộng tấm lòng đến mọi người, phát triển tình yêu thương và học được bài học mà chị cần học, thay vì chỉ lo tô điểm cho thể xác vốn nay còn mai mất, trôi nổi từ kiếp này đến kiếp khác trong dòng chảy bất tận của luân hồi”.

Tất cả sự gặp gỡ trong đời của chúng ta đều do nhân duyên được thu xếp từ trước qua luật Nhân quả. Mỗi nhân duyên gặp gỡ ai đó đều chứa những bài học mà con người cần phải học, vì người ta gặp nhau là để học hỏi lẫn nhau, có khi là bài học về hạnh phúc, có khi là bài học về sự đau khổ. Có khi gặp nhau để trả nợ, có khi gặp nhau để nối lại duyên xưa. Qua những bài học này, con người sẽ học những bài học cần thiết cho mình, biết đâu là điều cần làm để thay đổi, để chuyển hóa, để phát triển lên mức độ hiểu biết cao hơn.

ĐỂ TẢI VỀ TẬP 1 CŨNG NHƯ NHIỀU NHỮNG CUỐN EBOOKS ĐẶC SẮC
Bạn truy cập <https://tangebooks.com>

(Lưu ý: Khi tải nên dùng máy tính sẽ dễ dàng hơn)

Phần sáu

ÂM NHẠC DIỆU KỲ: LINH HỒN VŨ TRỤ

Tôi đang làm việc tại văn phòng thì nhận được tin báo Wilson G. - một trong những nhà đầu tư của chúng tôi từ những ngày đầu thành lập công ty - đang hấp hối trên giường bệnh. Chúng tôi vội vàng lên máy bay đến Arizona ngay, hy vọng còn có cơ hội được gặp ông lần cuối. Trong cuộc sống bận rộn, chỉ có những giây phút cuối đời mới là lúc con người ta có cơ hội được sống chân thành, thật tình với nhau nhất.

Wilson xuất thân trong gia đình có truyền thống theo nghề chăn nuôi bò tại Texas, một nghề nghiệp gắn liền với phong cách cao bồi lãng tử, một biểu tượng nhận diện quen thuộc của miền Tây nước Mỹ. Gia đình ông sở hữu một trang trại vô cùng rộng lớn, với đàn bò lên đến hàng ngàn con. Trong Thế chiến thứ hai, ông nhập ngũ và được bổ nhiệm làm việc tại nhà máy sản xuất nhiên liệu cho quân đội. Khi chiến tranh kết thúc, ông được giải ngũ trở về nhà. Với kiến thức tích lũy về nhiên liệu trong quá trình tại ngũ, ông đã phát hiện được mỏ dầu hỏa ngay tại trang trại của gia đình. Từ đó, ông trở thành chủ nhân của một công ty khai thác dầu hỏa có trụ sở tại Texas. Ông là một trong những nhà đầu tư vào công ty tài chính của chúng tôi ngay từ khi nó mới được thành lập. Nếu không có nguồn vốn của ông, chưa chắc chúng tôi đã phát triển vững mạnh được như ngày hôm nay. Trong cuộc sống, ai cũng có lúc cần quý nhân giúp đỡ, đó có thể là những người bên cạnh chúng ta và đôi khi có cả những người có nhân duyên, chỉ một lần tình cờ gặp gỡ đã tin tưởng nhau, hết lòng với nhau mà không vụ lợi, tính toán.

Tôi không bao giờ quên buổi gặp gỡ đầu tiên với Wilson. Hôm đó, ông bước vào phòng họp tại một văn phòng ở phố Wall, trung tâm tài chính của New York, với quần jean và chiếc mũ rộng vành, phong cách quen thuộc của chàng cao bồi nước Mỹ. Trong phòng họp lúc đó là những nhà đầu tư chứng khoán, các chuyên viên tài chính, giám đốc ngân hàng và ai cũng quần áo sang trọng, lịch sự. Mọi người đều nhìn Wilson với ánh mắt ngạc nhiên pha lẫn tò mò, tự hỏi có phải ông đã đi nhầm phòng hay không.

Thông thường, mọi công ty trong giai đoạn khởi nghiệp đều sẽ gặp khó khăn khi

gọi vốn từ các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Tôi phải mất nhiều thời gian thuyết phục, thương lượng với các nhà đầu tư. Rồi còn phải được thông qua những điều lệ cam kết đầu tư phức tạp có trên các hợp đồng ràng buộc ở các văn phòng luật sư.

Thế nhưng, trong suốt buổi họp hôm đó, Wilson chỉ ngồi lặng yên nghe tôi trình bày về kế hoạch hoạt động của công ty mà tôi vừa thành lập, ông chăm chú lắng nghe đoạn đối thoại giữa tôi và những nhà đầu tư khác mà không phát biểu gì. Sau buổi họp, khi mọi người đã ra về hết, ông mới bước đến chỗ tôi và nói: "Tôi không biết gì nhiều về tài chính, nhưng tôi tin vào tầm nhìn và kế hoạch hoạt động của ông. Tôi sẵn sàng đầu tư vào công ty của ông".

Wilson đã khiến tôi ngạc nhiên về tính thẳng thắn, dứt khoát của ông. Không vòng vo, ông đi trực tiếp vào vấn đề, hỏi tôi: "Hiện giờ ông cần bao nhiêu vốn đầu tư?".

Thời điểm đó tôi đã có hơn mười năm làm việc trong giới tài chính tại phố Wall và tôi chưa bao giờ gặp một người nào lạ lùng như thế. Đó chỉ mới là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, vì chưa hiểu gì về ông nên tôi khá ngần ngại đưa ra đề nghị cho số vốn đầu tư. Tôi trả lời ông rằng có lẽ chúng tôi nên gặp gỡ, trao đổi, thương lượng nhiều hơn về các chi tiết đầu tư, giá trị cổ phần trước khi ông đưa ra quyết định. Wilson xua tay, bảo rằng đối với ông việc đó là không cần thiết, ông nói: "Trong đầu tư tài chính, niềm tin là yếu tố quan trọng nhất. Một khi tôi đã đặt niềm tin vào ông thì ông sẽ không làm tôi thất vọng, đúng không?".

Ngay trong buổi gặp đầu tiên đó, ông đã đề nghị mua hai mươi phần trăm cổ phần công ty, tương đương với một số tiền rất lớn vào thời điểm đó. Đó là khoản đầu tư quý giá đối với chúng tôi. Thậm chí ngay cả những nhà đầu tư mạo hiểm nhất cũng chưa chắc dám đầu tư số tiền lớn như vậy cho một công ty non trẻ, vừa thành lập. Khi tôi đề nghị đến văn phòng luật sư trung gian để thỏa thuận các điều kiện hợp tác và làm hợp đồng, Wilson lắc đầu, cười và nói dứt khoát: "ông gửi hợp đồng trực tiếp đến nhà tôi và tôi ký được rồi. Tôi không thích luật sư. Chúng ta tin tưởng nhau là đủ rồi".

Tôi nghi nghi hoặc hoặc, khó tin những gì vừa nghe, vì chẳng ai đầu tư số tiền lớn như vậy chỉ bằng niềm tin mà không có bất kỳ nghiên cứu hay sự bảo vệ về pháp lý nào như vậy. Quả thật, trước giờ tôi chưa từng gặp người nào như ông.

Vài hôm sau, chúng tôi bất ngờ nhận được số tiền đầu tư của ông sớm hơn dự định. Tuy sở hữu hai mươi phần trăm cổ phần công ty, nhưng không như những nhà đầu tư khác, Wilson không bao giờ hỏi han, can thiệp vào bất kỳ quyết định nào của công ty mà luôn để tôi hoàn toàn chủ động. Ông nói: “Tôi tin tưởng ông làm việc đâu ra đó và như thế là đủ rồi”. Do đó, mỗi năm tôi đều đến gặp riêng ông để tường thuật lại các hoạt động công ty cũng như tình hình tài chính. Giữa chúng tôi cũng dần dần phát triển một tình bạn, có thể chưa đủ để gọi là thân thiết nhưng đó là một tình bạn chân thành. Nhìn số tiền đầu tư nảy nở, sinh lời liên tục qua nhiều năm, bao giờ ông cũng chỉ nói một cách khiêm tốn: “Nhờ các ông mà tiền đẻ ra tiền. Các ông làm tốt, tôi mừng. Tôi rất cảm ơn!”.

Nhiều năm sau, khi công ty đã phát triển vững mạnh, nhiều nhà đầu tư mới mong muốn tham gia, thay vì tiếp tục nắm giữ tài sản đang tăng trưởng này, Wilson đã gặp riêng tôi, đề nghị chuyển nhượng hết cổ phần lại cho tôi và về hưu hưởng cuộc sống thanh bình tại Arizona. Ông nói với tôi, đượm vẻ chân thành: “Công lao xây dựng công ty vững mạnh là của ông, tôi hưởng lợi nhuận nhiều năm như thế đã đủ rồi. Thời điểm này, ông cần phải nắm giữ số cổ phần lớn hơn, không để những nhà đầu tư khác thâm tóm công ty được”. Tôi cảm kích, bắt tay và ôm ông thật chặt.

Wilson là người mê đánh golf nên sau khi về hưu, ông quyết định mua một ngôi nhà bên cạnh một sân golf để có thể tận hưởng môn thể thao yêu thích hàng ngày. Nhưng trên cả sở thích đánh golf, ông còn rất đam mê âm nhạc, đặc biệt là nhạc cổ điển. Thật khó để tưởng tượng một lão cao bồi đội mũ rộng vành ngồi lim dim thưởng thức nhạc cổ điển phương Tây trong căn nhà tương đối khang trang, nằm cạnh sân golf. Có lần ông nói với tôi: “Tôi thích để tâm hồn hòa vào nhịp điệu của âm nhạc cổ điển vì nó khiến tôi thoải mái, thư thái hơn. Âm nhạc của các thiên tài như Mozart, Bach, Beethoven, Chopin, Mendelssohn cho tôi cảm tưởng như mình đang bước lên những nấc thang của Jacob*, vươn lên tận bầu trời cao vút. Khi đắm mình trong Bản giao hưởng số 6 của Beethoven, tôi thấy mình như hòa vào trong thiên nhiên với cỏ cây, hoa lá, cảm giác cứ như đang bước vào một khu rừng trong buổi chiều thu, giữa muôn lá vàng nhẹ rơi xào xạc. Những giai điệu tuyệt mỹ này gợi cho tôi cảm giác thư giãn khác thường mà trong cuộc sống hàng ngày khó lòng đạt được”.

**Jacob là nhân vật trong Kinh Thánh. Trong Kinh Thánh có đoạn mô tả Jacob nằm mộng thấy một cầu thang dài bắc từ dưới đất lên đến tận trời, mỗi bậc thang đều có một thiên thần đứng chào đón, trên cùng là Yahvé - Thiên Chúa của người Do Thái.*

Tôi vẫn nhớ trong các chuyến thăm của chúng tôi tại nhà riêng của Wilson, sau khi ông đã nghỉ hưu ở Arizona, chúng tôi thường nói với nhau rất nhiều về âm nhạc. Tôi từng hỏi ông:

- Ngày nay, đa số mọi người thường chọn nghe nhạc Country, Jazz, Pop hay Rock, còn người say mê nhạc cổ điển như ông tương đối hiếm. Lý do nào mà một người sinh ra và lớn lên ở miền Viễn Tây Texas như ông lại không nghe nhạc Country mà chỉ say mê nhạc cổ điển như vậy?

Đề tài âm nhạc luôn khiến Wilson hào hứng, nên ông vui vẻ trả lời:

- Tôi say mê nhạc cổ điển từ khi còn nhỏ. Từ lúc biết ngồi trên yên ngựa, theo cha rong ruổi trên những cánh đồng mênh mông ở Texas thì tôi đã gắn bó với loại âm nhạc tính tế này. Lần đầu tiên nghe giai điệu của các bản hòa tấu này trên radio, tôi đã xúc động mãnh liệt. Chưa có thứ gì từng tác động vào tâm hồn tôi sâu sắc như thế. Từ đó tôi hầu như chỉ nghe nhạc cổ điển mà thôi.

Tôi không am hiểu nhiều về âm nhạc nhưng Angie thì tương đối thông thạo, nàng tìm hiểu và say mê nhiều thể loại khác nhau. Mỗi lần chúng tôi đến thăm Wilson, Angie đều cẩn thận chọn mua những đĩa nhạc cổ điển hay để tặng ông. Hai người cũng thích trao đổi quan điểm về các nhạc sĩ đương thời và tìm được nhiều tiếng nói chung, vì vậy mỗi lần chúng tôi ghé thăm Wilson ông đều rất vui. Trong một lần trao đổi về âm nhạc, Wilson nói:

- Âm nhạc là sự biểu lộ cảm xúc qua âm thanh. Thông qua âm nhạc, chúng ta có thể cảm nhận những cảm xúc của các thiên tài âm nhạc được truyền tải trong các thanh âm tuyệt diệu. Những cảm xúc này cũng chính là cảm hứng của nhạc sĩ. Nguồn cảm hứng càng thanh cao thì âm nhạc càng tuyệt diệu. Âm nhạc cổ điển chính là sự diễn đạt cảm xúc đó một cách tinh tế, huyền diệu nhất. Những giai điệu của thể loại âm nhạc này vừa sâu lắng, vừa thanh thoát, kỳ vĩ và có khả năng gợi nhiều cảm xúc, hoài niệm đẹp ở người nghe. Mỗi bản nhạc đều tỏa ra những năng lượng, nguồn cảm hứng hướng chúng ta đến những điều cao thượng, tốt đẹp, hoàn mỹ hơn.

Angie tiếp lời:

- Ông nói đúng, sức mạnh của âm nhạc quả thật rất diệu kỳ. Đáng tiếc không phải bản nhạc nào cũng hay. Tôi có tìm hiểu về âm nhạc, cổ điển lẫn hiện đại,

và gần đây tôi nhận thấy âm nhạc càng phát triển phong phú thì càng có những kiểu âm nhạc sơ sài, thô ráp, âm thanh đường như lỗi nhịp, trục trặc, nghe khó chịu làm sao.

Wilson gật đầu, đồng cảm:

- Bà nói đúng, nhiều bản nhạc hiện nay không có cảm xúc sâu lắng gì trong đó mà chỉ là sự lặp đi lặp lại những âm thanh rời rạc, có lúc rối loạn, phản ánh tâm trạng hỗn loạn và tư duy nhạt nhẽo, dễ dãi của người soạn nhạc. Nếu bản nhạc không chứa đựng cảm xúc chân thật của người nhạc sĩ, được tạo nên từ những cảm hứng đẹp đẽ và không được cất lên từ những trái tim chân thành thì đó không phải là âm nhạc mà chỉ là những thanh âm vô hồn được tạo ra bằng nhạc cụ. Việc này cũng giống như người ta đang ghép các chữ cái lại với nhau một cách vô nghĩa, không thành câu cú gì hết. Chính cảm xúc từ tâm hồn của nhạc sĩ đã truyền sự sống vào những nốt nhạc, khiến giai điệu trở nên sống động, da diết và đẹp đẽ hơn. Âm nhạc mà không đến từ cảm xúc và không truyền tải được cảm xúc thì chỉ giống như người say rượu nói năng lảm nhảm mà thôi. Nhạc sĩ chân chính là người có khả năng thổi hồn vào những nốt nhạc, mang lại sự sống cho nó, khiến nó bay bổng. Tùy tâm trạng của nhạc sĩ mà bản nhạc khơi gợi trong chúng ta những cảm xúc khác nhau, khi thì yêu thương, khi thì hờn giận, lúc thì nhớ nhung, khát vọng, đôi khi là tiếc nuối, đau buồn...

Angie gật đầu đồng ý:

- Ông nói đúng. Theo tôi, âm nhạc phản ánh đời sống xã hội và nội tâm con người. Hoàn cảnh đời sống thế nào thì sẽ tạo ra loại âm nhạc thế nấy.

Wilson suy nghĩ một chút rồi lắc đầu, nhẹ nhàng đáp:

- Không hẳn như thế đâu. Đôi khi, chính âm nhạc tạo ra ảnh hưởng, tác động đến xã hội. Vào thời Hy Lạp cổ đại, khi các nhạc sĩ bắt đầu sáng tạo ra một loại nhạc mới thiên về hưởng thụ theo bản năng thì triết gia Platon đã cảnh báo về sự nguy hiểm của việc này, được ghi lại trong cuốn *Cộng hòa (Republic)*: "*Quý hữu phải cẩn thận khi chấp nhận hình thái thi ca mới, âm nhạc mới, vì chấp nhận là hy sinh tất cả, sẽ cực kỳ nguy hiểm. Thi ca, âm nhạc thay đổi chiều hướng thế nào cũng kéo theo thay đổi chính trị và xã hội...(*)*".

(*) Trích từ quyển *Cộng hòa* của Platon, bản dịch của Đỗ Khánh Hoan.

Angie rõ ràng chưa tìm hiểu âm nhạc và tác động của nó theo hướng này, cô ấy ngạc nhiên lên tiếng:

- Âm nhạc thật sự có ảnh hưởng lớn lao đến thế sao?

Wilson gật đầu:

- Nếu tìm hiểu lịch sử Hy Lạp, bà có thể thấy ảnh hưởng của thơ ca, âm nhạc lên văn hóa và thể chế lớn như thế nào. Bất chấp lời khuyên của Platon, những người lãnh đạo Hy Lạp thời đó đã để cho những kiểu âm nhạc thấp kém, dễ dãi đó càng ngày càng phổ biến và nó đã tạo ảnh hưởng đến xã hội xứ này. Từ nền văn hóa hùng tráng, uy nghi, lẫm liệt (*Hy Lạp cổ điển*) chuyển qua văn hóa hưởng thụ khoái lạc, đầy dục tính (*Thời kỳ Hy Lạp hoá*).

Nói đến đây, đôi mắt Wilson đột nhiên đờm về mờ màng. Ông nói:

- Âm nhạc Hy Lạp trước đây chứa đầy những âm điệu phấn khởi, hào khí hùng hồn. Thơ ca và âm nhạc thời đó khích lệ dân chúng sống oai hùng như các bậc tiền nhân lập thành dựng nước. Âm nhạc là động lực chính trong quân đội của Alexander Đại đế mỗi khi ra trận. Mỗi khi vị Hoàng đế này cầm quân ra trận thì quan quân, tướng sĩ cùng nhau hát lớn những khúc chiến ca oai hùng xen lẫn tiếng kèn đồng và trống trận dồn dập, âm thanh hùng tráng khiến tinh thần quân lính sôi sục ngút trời, còn kẻ thù lung lay, khiếp đảm. Nhờ lòng can đảm, không sợ hãi, cùng nhuệ khí ngút trời đó mà đoàn quân chinh phạt của Hy Lạp đã phá tan các đội quân thiện chiến nhất của Ba Tư, mở mang bờ cõi Hy Lạp rộng khắp thế giới.

Cảm thấy chủ đề khá thú vị, nên tôi cũng góp lời:

- Đáng tiếc là trong lúc Đại đế Alexander cầm binh chinh phạt ngang dọc thì tại Athens, các quan lại ở triều đình lại sa đọa trong lối sống tiệc tùng thâu đêm suốt sáng, hưởng thụ một đời sống xa hoa, trụy lạc nhờ các cửa cải, chiến lợi phẩm mang về.

Wilson cảm thán:

- Đúng thế, đời sống lúc đó có thể nói là hết sức đồi trụy, các cuộc truy hoan diễn ra khắp nơi, âm nhạc cũng chuyển hướng sang nhuốm màu nhục dục, đề cao sự hưởng lạc. Thời điểm đó, âm nhạc Hy Lạp bắt đầu pha trộn âm nhạc

của Assyria, Babylon, Ba Tư và trở thành một kiểu âm nhạc với âm điệu dồn dập, kích thích dục tính. Chính loại âm nhạc thấp kém này đã góp phần không nhỏ gây ra sự suy thoái của Hy Lạp.

Angie thắc mắc:

- Vậy chuyện tồi tệ gì đã xảy ra với Hy Lạp sau đó?

Wilson trả lời:

- Sau khi Alexander Đại đế qua đời, các tướng lĩnh chia nhau mỗi người kiểm soát một vùng. Không ai chịu trở về Athens vì không tuân phục hội đồng nghị viện mà họ cho là thối nát và chìm trong những lạm. Đây là thời mà các sử gia gọi là giai đoạn chuyển tiếp mang tính thoái hóa (*Thời kỳ Hy Lạp hóa*) so với sự phát triển rực rỡ của thời Hy Lạp cổ điển. Khi không còn chiến tranh, xã hội xứ này chuyển sang lối sống hưởng thụ, tiệc tùng thâu đêm suốt sáng, những cuộc truy hoan vô độ cùng sự hỗn loạn về luân lý, đạo đức, tất cả đã đưa đến sự suy thoái của nền văn minh này, mở đường cho La Mã xâm lăng.

Angie cảm thán:

- Nói như vậy, âm nhạc thật sự đã có ảnh hưởng không hề nhỏ đến sự tồn vong của các quốc gia trong lịch sử thế giới.

Wilson gật đầu:

- Âm nhạc là sự giao tiếp phi ngôn ngữ, nó là cầu nối xuyên biên giới, kết nối con người ở khắp nơi, vì vậy mà nó có thể nhanh chóng phổ biến rộng rãi. Âm nhạc lan truyền theo nhiều cách thức và tác động trực tiếp đến tinh thần, cảm xúc, lối sống của con người khắp mọi nơi trên thế giới. Không phải tự nhiên các tôn giáo, các phong trào chính trị luôn coi trọng việc sáng tạo nên thứ âm nhạc ngợi ca đường lối, lý tưởng của mình, vì sự tác động của âm nhạc đến nhân tâm là vô cùng lớn. Đó là cách tiếp cận đại chúng nhanh nhất và hiệu quả nhất. Ở góc độ kinh nghiệm cá nhân, ông cũng có thể dễ dàng nhận thấy rằng khi nghe một bản nhạc có tiết tấu nhanh, vui tươi, khơi gợi niềm hy vọng, lạc quan, yêu đời thì ông cũng cảm thấy tràn đầy hứng khởi, dẫn đến việc thu hút những điều tích cực, may mắn đến với mình. Ngược lại, khi nghe những giai điệu u uất, bi đát, than trách, lời ca thoái chí, tuyệt vọng thì tinh thần của ông cũng u ám và theo luật Hấp dẫn, điều này cũng thu hút những điều tiêu cực đến với ông. Nhìn ở góc

độ xã hội, chúng ta có thể đánh giá sự hưng suy của một quốc gia thông qua thứ âm nhạc đang thịnh hành nhất của quốc gia đó. Một số nhà sử học hay nhân chủng học quan niệm rằng âm nhạc là sản phẩm văn hóa. Văn hóa ra sao thì âm nhạc cũng như thế. Tuy nhiên, nếu chúng ta suy xét kỹ càng mọi khía cạnh lịch sử, có thể dễ dàng nhận thấy khi âm nhạc thay đổi, xã hội cũng đổi thay theo. Khi âm nhạc đại chúng của quốc gia hướng về những cảm xúc của dục vọng hay sự ích kỷ cá nhân thì văn minh của nơi chôn đó sẽ từng bước suy đồi thấy rõ. Ví dụ như nền văn minh Hy Lạp suy sụp cũng vì ảnh hưởng âm nhạc của Assyria và Babylon, vốn cổ xúy việc hưởng lạc.

Wilson ngừng lại như để chọn lọc từ ngữ, rồi nói thêm:

- Âm nhạc có thể tác động lên tình cảm con người rồi ảnh hưởng đến ý thức và hành động của họ, mặc dù họ tiếp nhận điều đó một cách vô thức. Trước đây, âm nhạc chỉ khoanh vùng ảnh hưởng của mình trong một phạm vi nhất định nào đó vì giới hạn địa lý. Nhạc của người Âu không ảnh hưởng gì đến người Á và ngược lại. Chỉ trừ một số ngoại lệ như âm nhạc của những tộc người sống du mục như người di-gan thì có sự giao thoa rõ rệt, giàu tính sinh động và tự do vì họ di chuyển liên tục qua các biên giới lãnh thổ, nhưng trong các ca khúc dân gian của họ vẫn phảng phất nét u uẩn vì họ là những người không có quê hương. Hay âm nhạc theo chân những nhà truyền giáo khi đi đến vùng miền nào thì cũng giao thoa, cộng sinh với văn hóa vùng miền đó để dễ tạo được cảm tình của người dân bản địa.

Ngày nay, với các phát minh công nghệ, bắt đầu với radio, băng từ, đĩa than, đĩa nhựa, truyền hình, rồi CD, MP3 và sự bùng nổ của Internet, âm nhạc đã có thể lan tới khắp nơi, khắp chốn, tạo nên sự giao thoa, ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Điều này, bên cạnh những tác động tích cực khi di sản âm nhạc khổng lồ của nhân loại được chia sẻ rộng khắp thì đồng thời cũng tạo nên những hậu quả tai hại. Tiếng lành đồn xa thì tiếng xấu cũng đồn xa, nhiều thứ âm nhạc cổ xúy cho bạo lực, phỉ báng tôn giáo, đề cao ma quỷ, hướng con người đến lối sống tùy tiện, quá khích, hưởng lạc, cũng lan tràn. Chỉ cần chúng ta dừng lại một chút nhìn ra xung quanh và suy ngẫm là sẽ rõ. Ông bà thử ngẫm mà xem, người trẻ hiện nay đa số đang nghe những loại nhạc gì? và họ đang hành động ra sao? Có phải có nhiều người trẻ đang sống vô cảm, ích kỷ và chỉ biết thụ hưởng hay không? Vì sao có một bộ phận sẵn sàng phá hoại, sống vô trách nhiệm, vô kỷ luật, thậm chí phỉ báng mọi luật lệ xã hội? Có phải không ít người đang sống thiên về bản năng, nhất là dục tính, thay vì lý trí không? Những hiện tượng này tràn lan nhưng có mấy ai biết đặt câu hỏi về căn nguyên của chúng. Dĩ nhiên, để

dẫn đến một sự suy đồi về văn hóa còn có nhiều nguyên nhân, nhưng trên lĩnh vực âm nhạc, một lĩnh vực có ảnh hưởng lớn, thì ai là người có trách nhiệm đây? Phải chăng chính sự thiếu trách nhiệm của người nhạc sĩ cùng với sự sụp đổ các giá trị văn hóa, giáo dục, đạo đức, sự nghèo nàn của tinh thần, cộng thêm lối sống thực dụng chỉ chạy theo lợi ích, đã cộng hưởng, tạo nên vòng nhân quả hỗn loạn, ảnh hưởng đến tâm thức của thời đại và con người? Có bao nhiêu nhạc sĩ còn soạn nhạc vì những cảm xúc thôi thúc trong tâm hồn, vì một rung động nào đó trước lòng trắc ẩn và vẻ đẹp của đời sống, hay chỉ soạn nhạc theo đòi hỏi thị hiếu, trào lưu của thị trường để kiếm tiền hoặc mưu cầu danh tiếng? Tôi cũng tự hỏi, với tư cách là người yêu nhạc và biết soạn nhạc, có bao nhiêu nhạc sĩ ý thức được rằng họ phải chịu trách nhiệm về sản phẩm nghệ thuật của mình...

Càng đi sâu vào chủ đề, Wilson càng tỏ ra xúc động, có thể thấy đây là một vấn đề luôn day dứt trong ông. Wilson thở dài rồi tiếp tục:

- Nếu nhạc sĩ rung động trước một sự kiện hay hoàn cảnh nào đó, rồi họ đem cảm xúc ấy hòa hợp vào tâm thức của mình thì họ sẽ sáng tác được loại âm nhạc truyền cảm và rung động người nghe. Đó là kiểu âm nhạc vượt thời gian. Ngược lại, nhạc sĩ không có cảm xúc thật sự thì không thể chuyển năng lượng của tâm thức vào tác phẩm được. Do đó, họ chỉ gộp nhặt những nốt nhạc, rồi kết hợp tùy tiện, khiến tác phẩm trở nên rối loạn, dễ dãi, với những thông điệp tầm thường. Đó là thứ âm nhạc mang năng lượng xấu, với tần số bất thường. Người nghe sẽ bị ảnh hưởng bởi sự rung động tiêu cực này. Nó kích động sự man rợ cố hữu, khơi lên bản năng theo đuổi dục vọng, chỉ cần để ý quan sát là chúng ta có thể nhận ra một bộ phận không nhỏ trong giới trẻ ngày nay đã đánh mất sự kiểm soát lý trí, chỉ sống với bản năng ích kỷ. Họ cho đó là tự do, nhưng kiểu tự do không có ý thức và không đi kèm trách nhiệm thì chỉ là sự ngông cuồng mà thôi.

Cuộc trò chuyện đó giữa chúng tôi diễn ra đã khá lâu nhưng vẫn còn để lại ấn tượng sâu sắc trong tôi. Mặc dù thỉnh thoảng tôi cũng nghe nhạc, nhạc nào thích thì tôi nghe, không thích thì không nghe, nhưng tôi không am hiểu nhiều về thể loại, cũng như chưa bao giờ suy nghĩ, nghiên cứu về âm nhạc theo chiều hướng sâu sắc như Wilson. Những trăn trở của Wilson về tầm quan trọng của âm nhạc thật sự đã khiến tôi suy nghĩ không ít. Nhưng khi đó, tôi cũng không có nhiều thời gian để nghiên cứu sâu về chủ đề này. Tôi ghi nhận những ý kiến của Wilson như một thông tin quý báu từ một người bạn có tầm hiểu biết. Những sự chê trách của Wilson với các thể loại âm nhạc hiện đại cũng cho tôi một cái nhìn có chọn lọc hơn với văn hóa đại chúng nói chung và âm nhạc nói riêng trong thời

đại toàn cầu hóa này.

Hôm đó, khi chúng tôi khẩn trương vào bệnh viện thăm Wilson thì ông đã yếu lắm rồi. Từ trên giường bệnh nhìn thấy tôi, ánh mắt ông mỉm cười, nhưng giọng nói khá yếu ớt:

- Thomas đến đây à. Được gặp ông lúc này thật tốt quá. Sắp đến lúc tôi phải đi xa rồi. Bác sĩ bảo tôi có thể không qua khỏi tuần này. Các tế bào ung thư đã di căn khắp người, mọi phương pháp điều trị dường như đều vô hiệu...

Nghe đến đó, Angie xúc động hỏi:

- Chào Wilson. Lúc này tôi có thể làm gì được cho ông không?

Wilson trở người một chút, nhướn mắt lên, giọng nói đã ít nhiều mất đi sinh khí:

- Angie đây ư? Nếu có thể, bà cho tôi nghe một bản concerto hay giao hưởng của Beethoven hoặc Bach thì tôi sẽ vui lắm.

Nghe thế, Angie vội vã quay trở ra. Một lát sau cô ấy đã tìm mượn được một máy nhạc nhỏ mang vào phòng. Angie bật nhạc và điều chỉnh âm lượng vừa đủ. Wilson nằm yên thưởng thức một cách thoải mái, dường như âm nhạc đã truyền thêm sinh khí cho ông, ông chậm rãi cất lời:

- Ông bà có biết không, hầu hết các nhạc sĩ tài danh đều hóa thân vào tác phẩm kiệt xuất của mình. Những nhạc sĩ này phải nhận được những cảm hứng tâm linh hay năng lượng kỳ lạ nào đó mới có thể sáng tác nên những giai điệu tuyệt vời như thế. Trong đời sống thực dụng bị chi phối bởi công nghệ và vật chất ngày nay, chỉ khi lắng nghe, tận hưởng các tác phẩm nghệ thuật này người ta mới tìm lại sự mỹ lệ diệu kỳ đã mai một giữa dòng chảy lịch sử chỉ vì chúng ta đã sống quá vội vàng. Nếu biết lắng nghe, ta sẽ cảm nhận được năng lượng âm nhạc và hạnh phúc sẽ tràn ngập tâm hồn. Làm sao có thể giải thích giây phút lâng lâng thoát tục này? Phải chăng đó chính là lúc chúng ta tiến đến gần đến miếu tâm linh nhất? Có nghe những tiết tấu tuyệt diệu này, ta mới tìm lại được quê hương tinh thần của mình. Qua âm nhạc, ta có thể thấy được đám mây trắng dịu dàng trôi trên bầu trời trong xanh, mặt nước lăn tăn tĩnh lặng soi bóng những hàng cây, hay khu rừng già rộn tiếng chim tô điểm cho sự tôn nghiêm của thiên nhiên, tạo

hóa. Âm nhạc chân chính gọi cho ta một sự thức tỉnh, hoài niệm khôn nguôi về nguồn gốc thiêng liêng của mình. Đôi khi, thường thức nhạc của Bach hay Mozart giúp chúng ta nhận thức được rằng đời sống này cần phải thanh khiết và cao thượng hơn. Không gì diễn tả trung thực cảm giác mưu cầu sự cao thượng này tốt hơn âm nhạc. Âm nhạc chính là biểu tượng dẫn ta đến thánh điện, nơi ngọn lửa tâm linh đang bùng cháy. Tôi muốn an nghỉ trong cảm xúc tuyệt diệu đó, để chuẩn bị bước sang cánh cửa huy hoàng của đời sống bên cõi thiên thu.

Angie ngậm ngùi nghe những lời này, không nén được xúc động:

- Wilson, xin ông đừng nói vậy! Vẫn còn có thể...

Wilson mỉm cười, lắc đầu:

- Tôi đã có một đời sống quá đầy đủ, tôi không mong cầu gì hơn. Chúa đã cho tôi tất cả những gì tôi tìm kiếm trong cuộc đời này và khi Ngài gọi về thì tôi sẵn sàng trở về với Ngài.

Buổi sáng sớm hôm sau, Wilson đã qua đời trong giấc ngủ say. Chúng tôi ở lại Arizona để dự tang lễ của ông. Cho đến lúc đó, tôi mới biết về đời tư đầy bất hạnh của người bạn đặc biệt này. Dù đã quen biết lâu năm, cũng thường xuyên qua lại viếng thăm nhưng Wilson hiếm khi nói về cuộc đời của mình. Trong những lần hội ngộ của chúng tôi, Wilson thích nói về âm nhạc, về những trận đánh golf hoặc thỉnh thoảng nói về công việc kinh doanh của chúng tôi. Giờ đây, qua người luật sư riêng của ông, tôi mới biết Wilson đã lập gia đình ba lần nhưng cuộc hôn nhân nào cũng chỉ kéo dài được vài năm. Các bà vợ của ông đều tiêu pha phung phí, sống xa hoa, trụy lạc. Tệ hơn, có người còn phản bội ông, khiến ông trải qua nhiều đau khổ. Những cuộc ly dị, kiện cáo phân chia tài sản đã gây rất nhiều tai tiếng và gần như phá tan cơ nghiệp của ông. Ông có hai người con, đều đã qua đời khi còn trẻ. Người con lớn say mê nhạc Black Metal*, theo tư tưởng Satanic, tôn thờ Satan và những nghi lễ tà giáo. Người con này không chịu học hành, song buông thả và thường trộm tiền của ông để mua ma túy, ăn chơi, cuối cùng đã chết vì sử dụng ma túy quá liều. Người con thứ hai bỏ nhà ra đi từ tuổi vị thành niên, sau khi cha mẹ ly dị, rồi dính dáng vào băng đảng tội phạm và bị bắn chết trong cuộc bố ráp của cảnh sát tại miền Nam California. Bây giờ tôi mới phần nào hiểu được vì sao Wilson có cái nhìn gay gắt với loại âm nhạc mà ông khẳng định là đã làm hư hỏng thanh niên.

* *Black Metal* là một nhánh của *Heavy Metal Rock*. Một số người theo dòng

nhạc này đôi khi quá khích đến mức có tư tưởng chống đối loài người và phỉ báng tôn giáo.

Mặc dù Wilson yêu cầu tang lễ cử hành rất đơn giản, chỉ thông báo để vài người bạn thân đến đưa tiễn, nhưng chúng tôi bất ngờ khi thấy những người vợ cũ của ông đều có mặt. Tuy nhiên, họ đến không phải để tiễn ông mà để xem tài sản của ông còn gì họ có thể lấy được không. Người nào cũng dẫn theo luật sư để sẵn sàng tranh giành cho kỳ được những gì còn lại. Sau khi hạ huyệt, những người này lập tức đòi xem di chúc. Đến lúc đó, tôi mới biết tài sản của ông gần như đã tiêu tán hết, ngoài căn nhà ông đang ở thì chẳng còn tài sản gì đáng kể. Nhìn cảnh xâu xé, tranh giành vô nhân tính của những người này, vợ chồng tôi chỉ biết lắc đầu. Tôi càng bất mãn về thói tham lam và sự táng tận lương tâm mà mình đang chứng kiến thì càng cảm thương cho Wilson. Sau tang lễ, chúng tôi lặng lẽ rời khỏi Arizona vì không muốn đau lòng thêm.

Thấy Angie quá xúc động vì hoàn cảnh thương tâm của người bạn cũ, thay vì trở về New York, tôi quyết định bay đi Colorado để Angie có thể nghỉ ngơi ít hôm. Suốt mấy ngày liền, tôi cứ suy nghĩ về hoàn cảnh của Wilson. Một người tử tế, hiền lành như ông rốt cuộc phải trải qua một cuộc đời bất hạnh đến thế, lại chẳng một lời oán thán. Tại sao một người phóng khoáng, biết trân trọng cái đẹp, am hiểu nghệ thuật và suy nghĩ sâu sắc như ông lại gặp phải những người vợ lẳng lơ, tham lam vật chất và những đứa con phá của? Càng suy nghĩ, tôi thấy mình càng bế tắc và chìm trong những câu hỏi không lời giải, vì vậy, tôi quyết định đến gặp ông Kris để hỏi chuyện. Không hiểu sao, tôi luôn tin tưởng rằng ông Kris có thể giải đáp những thắc mắc đang trỗi dậy trong lòng tôi.

Nhìn thấy tôi, ông Kris cũng không tỏ ra ngạc nhiên. Ông không chào tôi mà hỏi ngay một cách thân mật, như thể chúng tôi vẫn gặp nhau thường xuyên và những cuộc chuyện trò chưa hề gián đoạn:

- Thế nào rồi, việc thực hành phương pháp tĩnh tâm của ông tiến triển ra sao?

Tôi cười, có chút lúng túng:

- Gần đây, đôi khi tôi thiếp đi một lúc trong lúc thực hành theo phương pháp của ông hướng dẫn.

Kris xoa tay, mỉm cười:

- Không sao, con người không phải cái máy. Khi cơ thể mệt mỏi thì thiếp đi một chút để cho thân thể cân bằng, điều hòa là chuyện thường. Thế sau đó ông làm gì?

Tôi trả lời:

- Khi tỉnh lại tôi tiếp tục thực hành lại từ đầu. Tôi đã quyết tâm mỗi ngày ngồi tĩnh tâm ít nhất một giờ và nhất định phải làm theo đúng như thế. Thật sự là ban đầu việc này cũng không dễ với người có nhiều việc để lo nghĩ như tôi.

Ông Kris gật đầu:

- Ông đã làm rất tốt! Vấn đề quan trọng là giữ đúng thời lượng. Nếu thiếp đi vài phút rồi quay ra ngủ luôn thì sẽ mất hết công phu luyện tập. Khi mới thực tập, ai cũng có lúc ngủ thiếp đi một lúc như vậy thôi, nhưng nếu sau đó, ông vẫn kiên trì tiếp tục tu tập thì sẽ khắc phục được. Ông cần để đầu óc thoải mái, giữ hơi thở điều hòa, đừng để những việc khác xen ngang làm rối loạn, cứ nhẹ nhàng quan sát các tư tưởng đến và đi một cách tự nhiên nhưng không phán xét. Thực hành tĩnh tâm phải hết sức kiên trì, không thể đi nhanh được, gấp rút nóng vội sẽ không thể thành công.

Sẵn đà câu chuyện, tôi đem vấn đề thắc mắc đã lâu ra hỏi ông Kris:

- Trước đây, khi bắt đầu dạy phương pháp tĩnh tâm cho tôi, ông có nói sơ qua về sự khác nhau giữa phương pháp tĩnh tâm và kiểu thiền định mà Angie hay Connie được dạy khi học Yoga, ông có thể nói thêm về việc đó được không? Tôi vẫn còn cảm thấy khá mơ hồ và khó phân biệt.

Ông Kris thông thả mời tôi ngồi xuống, rồi từ tốn trả lời:

- Hiện nay có nhiều phương pháp thiền khác nhau, tùy theo người thầy chỉ dạy. Tuy nhiên, từ thiền đã bị sử dụng bừa bãi trong các phòng tập thể thao để câu khách. Không ai có thể chỉ ngồi yên năm, mười phút mà gọi là tham thiền được. Đó chỉ có thể gọi là một hình thức thư giãn trước khi tập Yoga thôi. Khi trào lưu Yoga phát triển ở phương Tây, người ta đã bày vẽ cách "ngồi thiền năm phút" hay thở hít gì đó, rồi gọi là "thiền khí công" để quảng cáo cho phòng tập của mình, vài huấn luyện viên còn tự xưng là Thiền sư (*Meditation Master*) hay

Hành giả Yoga (*Yogi*) rồi thu nhận học trò để kiếm tiền. Đa số người phương Tây không biết gì nhiều về những phương pháp này nên dễ bị lợi dụng.

Ông Kris giải thích thêm:

- Danh từ Thiền (*Meditation*) có nghĩa là suy ngẫm. Người thực hành phương pháp thiền này được dạy phải suy ngẫm về một đề tài, một chuyện gì đó hay hướng về một hình ảnh nào đó để tập trung tư tưởng. Phương pháp tĩnh tâm (*Stillness Meditation*) dạy theo dõi hơi thở, cũng là cách tập trung tư tưởng, tránh cho tâm trí đi lan man. Hàng ngày, tâm trí chúng ta xáo trộn vì hết chuyện này đến chuyện khác thâm nhập, không bao giờ yên định trong khoảnh khắc hiện tại. Suy nghĩ trong đầu có lúc tốt, có lúc xấu, có khi đầy những lo lắng, toan tính ngược xuôi. Do đó, tâm trí chúng ta thường bị nhiễu, không thể nhìn rõ mọi sự một cách tỉnh táo, sáng suốt mà thường bị các suy nghĩ lan man, lo âu ập tới ảnh hưởng. Những thói quen, những lối suy nghĩ cũ trong quá khứ khiến chúng ta không kiểm soát được tư tưởng hay vọng niệm. Có lúc ta tin thế này, có lúc ta nghĩ thế kia, không thể đưa ra quyết định rõ ràng. Thiền là sự kiểm soát tâm thức, tập trung tư tưởng để phát triển định lực, khai mở trí huệ, diệt trừ các thói quen tiêu cực ảnh hưởng đến thân-tâm-trí của chúng ta. Phương pháp tĩnh tâm là sự tập trung toàn vẹn dẫn đến sự an lạc, sáng suốt, không chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh nữa. Khi người thực hành đạt đến trạng thái tâm thức yên lặng, không còn tư tưởng nào nữa, thì đi đến trạng thái định (*Samadhi*). Suy ngẫm vẫn còn là trạng thái “động” và tĩnh tâm mới là trạng thái “bất động”.

Nói đến đây ông Kris chợt ngừng lại, nhìn tôi mỉm cười:

- Nhưng hôm nay ông đến gặp tôi đâu phải hỏi về thiền, hình như ông còn có vấn đề gì cần trao đổi. Ông vừa bước vào tôi đã thấy ông đang muốn hỏi về việc gì đó rồi.

Được ông mở lời, tôi kể ngay câu chuyện về cuộc đời bất hạnh của người bạn xấu số Wilson cho ông nghe, ông Kris im lặng trầm tư một lúc rồi nói:

- Trước đây tôi đã nói với ông rằng không phải tình cờ mà mọi người được gặp nhau. Tất cả đều do nhân duyên thu xếp, sắp đặt trước, ông và Wilson cũng vậy, hai người đã có liên hệ mật thiết từ nhiều kiếp rồi, có điều hiện nay ông không còn nhớ được thôi.

Quá bất ngờ trước điều vừa nghe, tôi lặng người một lúc rồi mới lên tiếng

được:

- Thật vậy sao? Lẽ nào...

Ông Kris mỉm cười, nói:

- Ông cần phải tự mình tìm ra sự liên hệ này. Ông hãy ngẫm lại đi. Có bao giờ ông tự hỏi tại sao một người không hề quen biết như Wilson lại giúp ông số vốn lớn để khởi nghiệp và phát triển công ty mà không hề kiểm tra hay cần điều kiện gì như vậy, nếu không phải đã có duyên nợ từ trước?

Tôi nhú mày:

- Đúng rồi, Wilson là một nhà đầu tư rất đặc biệt. Nhưng tôi thật sự không nhớ gì về sự liên hệ trong quá khứ.

Ông Kris chăm chú nhìn tôi vật lộn trong suy nghĩ một lúc, rồi bật cười:

- Không có điều gì xảy đến với cuộc đời ta là ngẫu nhiên hay tình cờ. Tất cả đều là duyên, do nhân quả tuần hoàn và nghiệp lực thu hút đến. Có lẽ ông sẽ rất bất ngờ khi tôi nói điều này: Wilson chính là Nimurta, người anh trai của ông trong kiếp sống tại Assyria và còn cùng ông trải qua nhiều kiếp sống khác nữa. Ví dụ, ông từng trải qua kiếp sống ở Hy Lạp và ông ấy là bạn thân lớn lên cùng ông.

Tôi bàng hoàng, thảng thốt:

- Thật vậy ư? Từ lần hồi tưởng về tiền kiếp trước, tôi vẫn nhớ Nimurta rất thích âm nhạc, nhưng chúng tôi còn có những liên hệ trong những kiếp sống khác nữa sao? Việc này quả thật tôi không nhớ và cũng quá sức tưởng tượng của tôi.

Ông Kris gật đầu, từ tốn:

- Rồi ông sẽ nhớ ra thôi. Wilson đã trải qua nhiều kiếp sống với niềm đam mê âm nhạc. Ở kiếp sống này, dù sinh trưởng tại nơi mà nhạc Country thịnh hành nhưng bởi tiềm thức từ tiền kiếp mà ông ấy vẫn bị hút vào nhạc cổ điển, bởi dòng nhạc bác học này gọi đến sự huy hoàng của nghệ thuật đã bị mai một trong dòng chảy lịch sử. Có những tiềm thức từ những tiền kiếp xa xưa vẫn còn vọng lại trong kiếp sống hiện nay, đặc biệt với những người có đời sống hướng đạo,

tức những người từng tu tập qua nhiều kiếp sống và hiện tại linh hồn của họ vẫn đang tiếp tục cuộc hành trình tâm linh, hoặc những người có tâm hồn đặc biệt nhạy cảm với nghệ thuật... còn thắc mắc của ông về việc vì sao một người tuyệt vời như ông Wilson lại có cuộc sống hôn nhân nhiều đau khổ như hiện nay thì đó chính là để trả nợ cho những cái nhân, nghiệp mà ông ấy đã gieo ở các kiếp sống trước. Trong những kiếp sống trước, ông Wilson sống quá phóng đãng và trăng gió với rất nhiều phụ nữ đẹp. Tuy đã lập gia đình nhưng do bản tính phong lưu nên ông ấy vẫn lao vào những cuộc phiêu lưu tình ái ngoài hôn nhân, khiến cho rất nhiều phụ nữ đau khổ. Nên ở kiếp này, ông ấy phải chịu cảnh bị phản bội tình cảm, sống một đời cô đơn. Nhân quả đã cho ông ấy học bài học về giá trị của hạnh phúc. Ở khía cạnh tình cảm, đau khổ trong hôn nhân khiến Wilson cảm nhận được nỗi đau khi bị người thân yêu phản bội, đây là nhân quả bắt ông ấy phải học về giá trị của lòng chung thủy và chân thành trong tình cảm.

Hiện nay, ông có thể dễ ý thấy trong xã hội chúng ta có quá nhiều những người đàn ông mang vẻ ngoài lịch lãm, bảnh bao, nhưng thật ra chỉ là những gã sở khanh chuyên đi mối chài, lừa gạt, chiếm đoạt thân xác những cô gái trẻ đẹp. Dạng người này tồn tại trong mọi giới, mọi tầng lớp. Họ có thể là những công tử sinh ra đã ngậm thìa bạc hay nghệ sĩ, doanh nhân, chính trị gia, thậm chí thuộc giới trí thức. Dù là ai thì những người này cũng luôn khoác lên người vẻ đạo mạo, trang nghiêm, lịch thiệp để lôi cuốn người khác, nhằm lợi dụng họ, phục vụ cho những ham muốn hèn kém của mình. Những tay sở khanh không hề biết sau này chính họ sẽ phải trả nghiệp cho mọi đau khổ họ từng gây ra cho người khác. Đặc biệt, nghiệp báo sẽ càng nặng hơn khi họ lừa gạt, dấn dúi với những người phụ nữ đã có gia đình.

Quay trở lại câu chuyện của người bạn của ông. Xét về khía cạnh tài chính, trong những kiếp sống trước, Wilson từng khiến gia đình và người thân hao tài tốn của vì thói ham mê cờ bạc, vì vậy, ở kiếp này, linh hồn những người thân từ tiền kiếp đã chuyển thể và được nghiệp lực dẫn dắt đến cuộc đời ông ấy để đòi nợ, khiến ông tán gia bại sản, cơ nghiệp tan tành. Họ chuyển kiếp làm vợ, làm con, để khiến ông ấy phải đau khổ như ông ấy đã từng làm với họ trước đây. Họ đã hủy hoại hầu như tất cả những gì ông Wilson đã vất vả gây dựng được, cũng giống như ông ấy đã từng làm tiêu tan tinh thần và tài sản của họ ở tiền kiếp vậy. Các ân nợ về tình duyên thường được giải quyết qua hôn nhân, hạnh phúc hay không hạnh phúc còn tùy vào ai trả nợ cho ai. Nợ về tiền bạc thường được thanh toán bằng việc làm ăn thất thu, bị lừa gạt, hay sẽ có những đứa con phá của. Nếu nhìn bằng mắt thường, ông thấy Wilson là người không may mắn, nhưng nếu nhìn bằng đôi mắt tinh thần, thì ông sẽ thấy đó chỉ là luật

Nhân quả đang vận hành chính xác. Gieo nhân nào sẽ gặt quả nấy, chỉ vậy thôi.

Tôi bồn thần trước sự giải thích của ông Kris về cuộc đời người bạn khốn khổ của mình. Mỗi một lúc sau định thần lại, tôi hỏi thêm:

- Lúc này ông có nói, khi quan hệ bất chính với những người phụ nữ đã có gia đình thì nghiệp quả còn nặng nề hơn, ông có thể giải thích rõ hơn được không?

- Đơn giản thôi. Trong mối quan hệ bất chính với người phụ nữ đã có gia đình, ông phá hoại hạnh phúc gia đình người khác, thì không chỉ người phụ nữ đó sau này oán hận ông, mà người thân, cha mẹ hai bên, con cái của họ càng căm ghét ông. Nếu thân sinh của họ đã qua đời, thì ở cõi bên kia họ vẫn nhìn thấy và căm ghét kẻ phá hoại hạnh phúc của con cháu họ. Một khi sự oán hận được khởi lên ở cõi vô hình thì ông nên biết rằng nghiệp báo nặng nề sẽ xảy ra ngay trong kiếp này và cả những kiếp sau của người gây nghiệp. Chưa nói đến một trọng tội khác mà người đàn ông trăng hoa kia phạm phải, đó là anh ta đã lôi kéo, dẫn dụ một người đang trong sáng trở thành kẻ có tội, kẻ phản bội gia đình. Nghiệp chồng thêm nghiệp như thế, chắc ông cũng hình dung được họ phải trả quả nặng nề ra sao.

Tôi lắng nghe ông Kris nói một cách chăm chú, thầm cảm phục ông vì những kiến thức thông thái của một triết gia nhưng lại vừa có sự thấu hiểu nhân quả của đời thường. Tôi nghĩ sẽ cần trò chuyện thêm với ông ấy về đề tài này, vì tôi cũng đã chứng thực nhiều câu chuyện kỳ lạ liên quan. Nhưng để không ngắt mạch câu chuyện, tôi quay lại câu hỏi mình đã có ở thời điểm tôi gặp Wilson, vì đến giờ tôi vẫn thường nghĩ về quyết định đầu tư của ông vào công ty chúng tôi, nghĩ về niềm tin tuyệt đối ông dành cho tôi khi đó mà ít nhiều băn khoăn. Tôi hỏi ông Kris:

- Ông nói tôi và Wilson còn có mối liên hệ trong những kiếp sống khác nữa, những mối liên hệ đó như thế nào? Vì sao kiếp này ông ấy lại có thể vừa mới gặp đã tin tưởng tôi tuyệt đối và giúp tôi nhiều thế?

Ông Kris im lặng một lát ra chiều ngẫm nghĩ, sau đó ông nhìn tôi, rồi nói:

- Tôi sẽ không tiết lộ thêm cho ông nữa. Đây là điều mà ông phải tự mình tìm hiểu. Ông có thể tự mình hồi tưởng những kiếp sống đã qua. Ông vốn từng có khả năng này nhưng nay đã quên, vì sự tu tập của ông ở kiếp này vẫn chưa đủ. Hiện ông cũng chưa nghiêm túc rèn luyện và hay trông chờ vào tôi. Tôi và ông

tùng tu tập cùng nhau qua nhiều kiếp và về sau đã đi con đường khác nhau, nhưng nhờ vậy tôi biết ông là người đặc biệt và sẵn sàng giúp ông trên hành trình thức tỉnh ở kiếp này. Nhưng tôi sẽ chỉ trợ lực cho ông ở giai đoạn đầu mà thôi.

Tôi không tìm được, bèn hỏi tới:

- Ông nói rằng chúng ta từng tu tập cùng nhau, tôi muốn biết thêm về việc này được không?

Ông Kris mỉm cười, ôn tồn đáp:

- Chẳng phải tôi vừa nói với ông là ông nên tự mình tìm hiểu sao. Về những liên hệ tiền kiếp của chúng ta, tôi nghĩ bây giờ không phải là lúc để nói đến. Ông nên tu tập nhiều hơn, biết đâu tự ông có thể hồi tưởng lại những ký ức đó. Và chia sẻ một điều xin ông đừng buồn, sự tu tập của ông ở kiếp này hiện nay vẫn chưa đủ, ông vẫn còn dễ dãi với bản thân và đổ lỗi khi chưa thiến định đúng mức. Tôi biết rõ năng lực của ông cao hơn thế rất nhiều. Tuy tôi có thể giúp ông nhưng bản thân ông cần tìm lại khả năng đặc biệt này để tự mình chiêm nghiệm hành trình tâm linh của mình, để nhận thức rõ hơn về những điều ông cần học.

Dẫu chúng ta gặp nhau ở kiếp sống này là đã có sự an bài, nhưng tôi không phải và cũng không thể là người luôn có mặt trả lời cho những thắc mắc của ông. Tôi chỉ thức tỉnh trước ông một đoạn thời gian mà thôi. Chính ông sẽ phải tự mình hoàn thành con đường tu tập của mình. Sự hiểu biết thật sự chỉ có thể đến từ kinh nghiệm và nỗ lực suy ngẫm của mỗi cá nhân. Cho dù ông có thể học điều này, điều nọ từ ai đó, nhưng suy cho cùng đó cũng chỉ là kiến thức của người kia, không phải của ông. Hạt mầm tôi trao cho ông hay bất cứ ai trao cho ông đều chưa phải của ông, trí huệ của người tu tập phải là hạt mầm tự nảy nở trong chính mình, thông qua những trải nghiệm, suy ngẫm, cảm ngộ của mình. Muốn có sự hiểu biết thật sự, ông phải dựa vào nỗ lực của chính mình để tìm ra câu trả lời cho những điều ông muốn biết. Đó mới là sự hiểu biết có giá trị.

Những lời thẳng thắn chân tình đúng lúc của ông Kris như một hồi chuông thức tỉnh tôi. Tôi hiểu ra rằng mình không thể cứ tiếp tục tìm đến ông Kris mỗi khi cần câu trả lời cho các câu hỏi về cuộc đời. Nếu tôi đã có khả năng này, thì tôi phải cố gắng tu tập để hồi phục nó. Tôi tự nhủ sẽ chỉ tìm đến ông Kris để tìm câu trả lời khi thật cần thiết, còn lại sẽ tự thân khám phá theo hướng dẫn của ông ấy. Nếu tôi muốn tìm lại được những năng lực tâm linh từng có, thì tôi phải cố gắng nhiều hơn. Tôi nhận ra ngay từ đầu ông Kris hướng cho tôi luyện tập

phương pháp tĩnh tâm chính là bước đầu để tôi có thể khai mô lại năng lực vốn có của mình. Tôi phải dành nhiều thời giờ hơn để thực hành tĩnh tâm.

Kris như đọc được những ý nghĩ của tôi, ông nói:

- Không phải ngẫu nhiên mà tôi hướng dẫn ông thực hành phương pháp tĩnh tâm. Mục đích của việc thực hành này là mở khóa cánh cửa nhà tù vô hình đang giam hãm tâm thức chúng ta. Chúng ta đều là phần tử của một sự sống vĩ đại hay còn gọi là chân ngã, thuộc về một năng lượng khởi thủy uyên nguyên, được sắp đặt khéo léo bởi những định luật trong vũ trụ. Trải qua muôn vàn kiếp sống, con người đã từng lầm đường lạc lối vì tự cho mình là thực thể riêng biệt, có tự ngã, độc lập khỏi những quy luật của vũ trụ. Con người ngạo mạn cho rằng mình là những chủ nhân địa cầu, dùng kiến thức hạn hẹp của mình để thống trị và hủy hoại tự nhiên, chính vì cái tôi tham sân si, xa rời khỏi

đại đạo tự nhiên nên nhiều người chỉ nghĩ đến bản thân, chỉ muốn đạt được mục đích cá nhân chứ đâu biết nghĩ đến người khác hay đến muôn loài, càng không biết tìm kiếm cội rễ của vòng nhân quả và sửa đổi mình. Vì sự tham lam ích kỷ này mà con người không ngừng vơ vét tài sản chung của vạn vật để tích lũy cho riêng mình. Ông có thể thấy đại dương đang nhiễm độc, rừng đã bị hủy hoại hơn 80%, trái đất đang bước vào “*đợt tuyệt chủng thứ sáu*” chỉ trong vài chục năm ngắn ngủi... Con người với cái tôi ngạo mạn chỉ chạy theo vật chất, lợi ích. Giữa giá trị và giá cả thì họ sẽ chẳng ngần ngại lựa chọn giá cả, họ trọng tiền tài hơn mọi thứ khác. Mà những tài sản, danh vọng vốn vô thường, tất cả đều chỉ là thứ bên ngoài, là thứ nay còn mai mất, nó không giúp ích cho sự an lạc hay hạnh phúc thật sự, nó không phục vụ cho hành trình đi về cội nguồn thanh khiết, tìm về chân ngã thiêng liêng.

Ông biết đó, vạn vật trên thế giới này, như cỏ cây, hoa lá, côn trùng, thú vật và cả con người thì nhiều vô kể, không thể đếm được. Tuy nhiên, bên trong vạn vật tưởng chừng vô vàn khác biệt đó, tinh hoa vẫn là nhất thể, đó là sự sống hay chính là năng lượng uyên nguyên. Ông có thể so sánh tổng thể uyên nguyên đó như là nước, còn vạn vật là sóng. Sóng thì muôn trùng, sóng lớn, sóng nhỏ, sóng cao, sóng thấp nhưng tựu trung, bản chất vẫn chỉ là nước. Nếu chân ngã là đại dương thì bản ngã chỉ là lượng nước chứa đựng trong cái chén nước bé nhỏ. Tuy đại dương và chén nước nhìn bề ngoài không giống nhau nhưng đều cùng là nước. Vấn đề là làm sao nước trong cái chén chật hẹp trở về được với đại dương bao la.

Khi nào tâm của ông trở nên tĩnh lặng, không còn bị ảnh hưởng, bị quấy rối bởi những tư tưởng bên ngoài, khi mọi sự suy nghĩ của trí óc đều lắng xuống, thì lúc đó, ông sẽ cảm nhận được một sức nóng lạ lùng tuôn trào khắp châu thân. Tuy nhiên, khi nó xuất hiện, ông không nên để ý đến nó. Dù nó tạo cho ông cảm giác vui sướng hay khó chịu thì ông cứ mặc kệ, hãy giữ tâm yên tĩnh như mặt nước hồ thu. Khi không bị thế giới bên ngoài lôi kéo thì ông sẽ đạt được trạng thái định và trong tâm thức bất động, vô vi đó sẽ khởi lên một tình thương bao la vô bờ bến. Tình thương thật sự chỉ hiện diện ở cái tâm không còn tư dục. Lúc đó, ông sẽ thấy cõi lòng mở rộng đến tất cả mọi nơi, mọi vật. Ông sẽ không còn thấy có sự khác biệt giữa mình và mọi vật nữa. Đây là một thứ tình thương cao thượng, rất khó diễn tả vì nó không giống như tình thương thông thường. Ông có thể gọi đó là lòng từ bi (*Compassion*). Phương pháp này nhằm vào việc phát triển sự hiểu biết thật sự, hay trí tuệ (*Wisdom*). Khi ông có thể hoàn toàn làm chủ được tâm thức, không còn bị ngoại cảnh lôi kéo nữa thì dù trong hoàn cảnh nào ông cũng có thể thản nhiên. Khi không còn dao động thì ông có thể phục hồi những khả năng trước đây. Vì đã tu tập từ kiếp trước nên ông có thể chuyển tâm thức thâm nhập vào biển lớn của sự hiểu biết, chứng kiến mọi sự được ghi nhận trong Tâm thức vũ trụ (*Akashic Record*) và nhớ lại những kiếp sống trước đây của ông.

Tôi lặng người một lúc trước những gì ông Kris vừa truyền đạt. Tôi chân thành nói cảm ơn ông, đồng thời hiểu rằng con đường tu tập của mình còn dài, còn cần phải nỗ lực nhiều, ông Kris ân cần dặn dò thêm:

- Ông nên thực hành phương pháp này vào lúc sáng sớm, khi mặt trời sắp mọc vì lúc đó không gian rất tĩnh lặng, có nhiều năng lượng thích hợp cho việc tu tập. Ông cũng nên tuân thủ thời gian khi thực hành. Dĩ nhiên lúc đầu sẽ gặp khó khăn nhưng dần dần sẽ trở thành thói quen. Khi đã vượt qua được những khó khăn ban đầu này, ông sẽ có chút định lực ban đầu và cứ thế dần dần sẽ đạt được định lực cần thiết. Theo thời gian, việc thực hành sẽ tác động tích cực đến đời sống hàng ngày của ông, giúp cho ông sáng suốt, trầm tĩnh, an nhiên hơn. Trong cuộc sống, ai cũng có lúc không làm chủ được mình, đôi khi nóng nảy, giận dữ, nói những lời không hay hoặc hành động không tốt. Đây đều là những phản ứng đến từ thói quen cũ. Ông nên suy nghĩ, phân tích về các nhược điểm của mình để nhận thức về những lỗi lầm đã phạm. Sự suy ngẫm này sẽ giúp ông thanh lọc tâm hồn, đặt mình trước sự cảnh giác của lương tâm. Tiếng nói của lương tâm chính là sự tổng hợp các trải nghiệm đã có, của những bài học đã học được từ kiếp trước, việc ôn lại bài học để rút kinh nghiệm sẽ giúp ông tiến nhanh hơn trong việc học hỏi của mình.

Tôi gật đầu, tán thành lời ông và hỏi thêm:

- Trong lúc thực hành, đôi khi tôi nhìn thấy những hình ảnh lạ lùng hiện lên trong tâm thức. Những hình ảnh này có khi là sự việc tốt đẹp, có khi rất đáng sợ. Vậy chúng là gì? Khởi phát từ đâu?

Ông Kris trả lời:

- Đó chỉ là vọng tưởng từ những ý nghĩ mà ông đã khởi sinh trong tàng thức trước đây, nay được dịp phát ra. Tất cả lời nói, hành động hay tư tưởng đều là những nhân, hay chủng tử, được gieo vào tàng thức, khi gặp lúc thuận tiện sẽ khởi phát. Nếu ông để ý đến những hình ảnh đó thì ông sẽ bị lôi kéo ra khỏi sự tập trung, làm mất công phu. Đừng chú ý, đừng quan tâm. Dù hình ảnh đó là gì thì ông cứ mặc nó, nó tự đến và nó sẽ tự đi. Một khi ông không để tâm, không phản ứng, thì nó sẽ tự tiêu vong. Theo thời gian, ông sẽ thanh lọc được vọng tưởng.

Chúng tôi tiếp tục trao đổi thêm về những kinh nghiệm tu tập, mãi đến khi trời sắp tối. Tôi đứng lên chào ông Kris, hứa sẽ tuân theo chỉ dẫn của ông, tu tập nghiêm túc, kiên trì hơn. Trước khi tiễn tôi ra cửa, ông Kris ân cần nói thêm:

- Chỉ cần ông tập trung thì sẽ nhanh tiến bộ thôi. Khi ông ý thức được và thấu hiểu về thế giới tâm linh, ông sẽ thấy đời sống tâm linh và đời sống hàng ngày ảnh hưởng tương hỗ cho nhau như thế nào. Và đến khi hai đời sống này hòa hợp thành một, ông sẽ đạt được một cảnh giới mới. Chúng ta sống và làm việc thì tất nhiên phải giao thiệp, tiếp xúc với đủ mọi loại người trong xã hội, nhưng ông nên tránh làm những việc không phải mục đích của mình. Trước khi làm gì hãy suy nghĩ kỹ xem đó có phải là mục đích của ông hay không? Mục đích ở đây là những điều ông cần làm để học hỏi trong kiếp sống này. Nó không nhất thiết là điều ông muốn làm hay bắt buộc phải làm. Tất cả chúng ta đều có mục đích riêng do nhân quả đưa đến, đồng thời cũng có nguyện vọng từ tiền kiếp. Chúng ta đến đây để áp dụng điều đã học vào đời và học thêm điều mới. Điều quan trọng trong đời mỗi người là phải tìm được mục đích đó và thực hành những việc cần thiết để hoàn tất bài học và tiếp tục thăng tiến trên con đường phát triển tâm linh. Đừng làm những chuyện vô ích, đừng để hoàn cảnh xung quanh lôi kéo, đừng để tham vọng cá nhân xen vào mục đích tu tập của mình. Khi tiếp xúc với mọi người, nên tránh nói những lời không cần thiết. Hãy suy nghĩ đến hậu quả của lời nói trước khi thốt ra. Nên nhớ rằng, bất cứ hành động, cử chỉ, lời nói hay ý nghĩ nào cũng là nhân và đã có nhân thì ắt có quả. Mọi việc lớn nhỏ

trên thế gian này đều nằm trong vòng nhân quả. Hiểu được nhân quả là bước khởi đầu, hiểu rồi thì cũng phải biết áp dụng nó trong mọi hành động nữa. Ông có biệt nghiệp của ông và nơi ông làm việc cũng có cộng nghiệp chung của mọi người, có những việc ông có thể đóng góp nhưng cũng có những việc phải để cho luật Nhân quả xử lý. Do đó, hãy tự biết cái gì có thể thay đổi, cái gì không thể thay đổi và chấp nhận nó như một bài học.

Tôi đáp chuyến bay khuya trở về New York. Trên chuyến bay vắng khách, nhìn ra cửa sổ ngắm nhìn những áng mây đủ hình thù rực sáng dưới ánh trăng, khung cảnh mỹ lệ như ở thế giới thần tiên nào đó, tôi cảm thấy như gần chạm đến nguồn năng lượng nguyên nguyên mà ông Kris nhắc đến và thiếp đi trong một trạng thái nhẹ nhàng.

Về đến nhà, theo lời chỉ dẫn của Kris, ngay sáng sớm hôm sau khi mặt trời còn chưa ló dạng, tôi thức dậy, dành nhiều thời giờ thực hành phương pháp tĩnh tâm hơn. Sau nhiều tháng tập trung, kiên trì thực hành, tôi thấy mình đã có những tiến bộ rõ rệt, có thể ngồi tĩnh tâm khá lâu mà không gặp khó khăn về thân-tâm-trí như trước đây, không còn bị phân tâm hay bị xen ngang bởi những luồng suy nghĩ đột ngột xuất hiện như trước đây. Tôi dõi theo các luồng tư tưởng đến và đi trong tâm thức, nhưng không phản ứng gì với chúng, cho đến khi tất cả đều trở nên tĩnh lặng. Khi các tư tưởng, suy nghĩ không còn kéo đến quấy rầy tôi nữa thì tôi bắt đầu cảm nhận được một cảm giác bình an lạ thường, cảm giác này như ngấm vào làn da, vào từng thớ thịt, khiến tôi thấy thoải mái, dễ chịu không lời diễn tả. Lúc đầu tôi ngồi khoảng nửa giờ, sau tăng lên một giờ, rồi cố gắng thức dậy sớm hơn nữa để có thể ngồi đến hai giờ. Sau giai đoạn này, tôi không còn để ý đến thời gian nữa mà cứ để cho mọi sự diễn ra nhẹ nhàng như hơi thở trong miền tĩnh lặng. Thật khó có thể diễn tả cảm giác này bằng lời. Đến lúc đó, tôi mới đồng cảm với trải nghiệm mà người bạn phi hành gia Mitchell đã chia sẻ ở buổi gặp gỡ với Hòa thượng Thánh Nghiêm tại Đại học Đài Bắc mùa hè năm 2008, về trải nghiệm cảm ngộ sự bình an lạ thường trong lúc nhìn qua cửa kính phi thuyền đang du hành ngoài không gian. Tôi cũng đã hoàn toàn hiểu được tại sao cảm giác đó có thể thay đổi toàn diện thế giới quan của một người trước đó vẫn sống bằng logic của tri thức khoa học.

Qua công phu thực hành đều đặn, tôi bắt đầu ý thức hơn trước về tầm quan trọng của những hoạt động hàng ngày. Là người đứng đầu một công ty tài chính, trước biến động thị trường hay nhịp thay đổi của kinh tế thì sự ứng phó của tôi cũng đã

tương đối dễ dàng hơn. Trước đây tôi thường quan niệm chỉ cần sáng suốt khi cần ra quyết định và can đảm lúc hành động, thì tôi có thể làm việc hiệu quả. Hiện nay, tôi biết rằng như thế vẫn chưa đủ, tôi còn phải biết uyển chuyển và tỉnh thức hơn trong từng việc nhỏ nhặt hàng ngày nữa. Dù những việc này có vẻ nhỏ bé tầm thường nhưng thật ra vẫn có những tác động lớn lao. Đã thấu hiểu về luật Nhân quả, tôi biết rằng không hành động nào, dù vô tình hay hữu ý, mà không gây ảnh hưởng đến người khác. Trách nhiệm của người chủ công ty nằm ở chỗ cân nhắc về những ảnh hưởng này. Vì vậy, tôi cẩn thận trọng và ý thức hơn với mọi việc mình làm, dù là việc lớn hay việc nhỏ.

Đa số công việc đầu tư tài chính, giao dịch chứng khoán đều dựa một phần trên sự tính toán và phần khác dựa trên sự liễu lĩnh. Đôi khi, lòng tham thúc đẩy người ta liễu lĩnh hơn. Tuy nhiên, tiền lãi thu được khi chứng khoán lên giá chỉ đem lại nguồn vui nhất thời, vì cái gì lên thì cũng có lúc xuống. Mỗi khi thị trường thay đổi, thì nó lại tạo cho người ta nỗi lo lắng sợ hãi, khiến họ mất ăn mất ngủ.

Hầu hết mọi người làm việc trong lĩnh vực này đều hành động máy móc, rập theo các khuôn mẫu từ trước. Họ luôn bận rộn, đầu óc căng thẳng bởi sự lên xuống của thị trường. Họ không thể nghĩ gì ngoài những con số lên xuống liên tục trên biểu đồ chứng khoán. Những người làm việc trong ngành tài chính đều phải dậy sớm, theo dõi tin tức báo chí, truyền thông về sự thay đổi của thị trường, các chứng khoán được niêm yết trên thế giới để tìm những kẻ hớ hay lợi thế, rồi mua hoặc bán.

Mọi người tham gia vào lĩnh vực này cả ngày đều ở trong tâm trạng kỳ vọng bất ổn, liên tục trao đổi săn lùng tin tức sắp công bố liên quan đến nhóm cổ phiếu nào đó. Mua bán, bán mua liên tục nên đầu óc họ lúc nào cũng căng thẳng. Sau mỗi phiên làm việc, phần lớn đều mệt nhoài, chỉ có thể lao mình vào những thú vui giúp giải khuây tạm thời, rồi lại tiếp tục vòng lặp ngày này qua ngày khác. Phần tôi, khi đã biết lắng lòng trong sự tĩnh lặng, không còn để ngoại cảnh chi phối thì mọi sự đã trở nên rõ ràng, sáng tỏ hơn bao giờ hết. Tôi theo dõi nhịp thay đổi của thị trường, nhưng không để cho chúng mê hoặc. Chứng kiến các con số lên xuống tôi vẫn bình tĩnh quyết định và tin vào sự sáng suốt của mình. Tôi để tâm vào cuộc sống hàng ngày, những chi tiết nhỏ nhặt, tầm thường cũng trở nên quan trọng, những điều vô vị cũng trở nên có ý nghĩa. Mỗi ngày, tôi bước chân vào văn phòng làm việc với tâm trạng hứng khởi lạ lùng vì biết rằng mình sẽ làm việc với tất cả nhiệt thành của một người có trách nhiệm và có lương tâm.

Trong việc đầu tư tài chính, nếu không cảnh giác, rất dễ trở nên tham lam. Nói đúng ra, lòng tham là thứ ai cũng có ít nhiều, bất kể hoạt động trong lĩnh vực nào. Trên nguyên tắc thì người cố vấn đầu tư phải giải thích rõ ràng mọi chi tiết lợi và hại của từng khoản đầu tư cho thân chủ của mình, nhưng thực tế thì không phải ai cũng làm vậy. Trong khi đó, nhiều khách hàng không hiểu rõ hết các chi tiết may rủi trong việc đầu tư và luôn tin rằng công ty sẽ giúp họ có được nhiều lợi ích nhất. Nếu không cẩn thận, sự tin tưởng này khiến họ dễ bị dẫn dắt đi sai hướng và chịu thiệt hại lớn về tài chính. Một số cố vấn đầu tư khuyến khích khách hàng đầu tư vào những công ty mà họ có thể nhận được tiền thưởng hay phí giao dịch, bất chấp rủi ro của khách hàng. Họ đặt quyền lợi của bản thân lên trên thân chủ. Một số khác thì khuyên khách hàng mua đi bán lại nhiều lần để kiếm thêm tiền hoa hồng. Trong thời đại của công nghệ, mọi sự thanh toán có thể diễn ra trong vài phút nhưng nếu trì hoãn ít lâu, vài giờ, vài ngày thì với hàng triệu tài khoản phải thanh toán, các công ty đầu tư cũng có thể kiếm thêm được chút lợi nhuận. Do đó, nhiều công ty thường cố tình chậm thanh toán trong thời gian ngắn để hưởng lợi từ sự chênh lệch này.

Một khi đã hiểu về luật Nhân quả, tôi càng nghiêm túc hơn trong việc chỉ thị nhân viên của mình đảm bảo mọi thanh toán phải thực hiện theo đúng thời hạn. Tương tự, mọi hợp đồng dù lớn hay nhỏ đều phải thanh toán sòng phẳng, không để cho bất cứ ai phải chịu thiệt thòi. Đa số người đứng đầu công ty không để ý đến những việc nhỏ, nên cứ giao cho nhân viên cấp dưới toàn quyền xử lý. Những người này đôi khi lạm dụng quyền hành để thu lợi, gây thiệt hại cho người khác. Là chủ công ty, dù có biết những việc này hay không thì tôi cũng liên đới trách nhiệm - không chỉ về pháp luật mà còn về luật Nhân quả, vì vậy, tôi đặt ra quy tắc rõ ràng để hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra cho công ty. Tôi muốn mọi thứ đều phải thẳng thắn, trung thực, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức. Tôi cũng tin tưởng và giao cho Andrew kiểm soát tất cả giao dịch, từ những khoản đầu tư trong kinh doanh cho đến những hợp đồng lớn nhỏ, để giữ vững sự tin tưởng của khách hàng. Cách làm việc thẳng thắn, sòng phẳng này đã làm nhiều khách hàng hài lòng và họ giới thiệu cho bạn bè của mình tìm đến công ty tôi. Chỉ trong một thời gian ngắn, công ty tôi đã tăng trưởng mạnh mẽ hơn trước rất nhiều.

Trong giới kinh doanh, hầu như ai cũng từng nghe đến câu “Phù thịnh chứ không phù suy”, câu nói thể hiện rõ rệt tinh thần trọng vật chất, đề cao lợi nhuận của ngành này. Nhưng với những hiểu biết về luật Nhân quả, tôi đã nghiệm được riêng cho mình một câu khác: “Trời phù thiên lương, không phù tham ác”. Kinh

doanh thắng thắn, trung thực đâu có thể không giúp chúng ta đạt được nhiều lợi nhuận trước mắt, nhưng đó là con đường tươi sáng lâu dài. Con đường đó chỉ có thể được dẫn lối bằng sự trung thực và thiện lương - không thể có chỗ cho sự tham lam, ích kỷ và gian trá.

Giới tài chính vốn là giới trắng đen lẫn lộn và người làm trong giới đều phải biết ít nhiều những “thủ đoạn”. Rất nhiều chiến lược được gán mác “kinh tế học” nhưng thật ra bản chất vẫn là những cách thức khai thác điểm yếu, sự mất mát của người khác để thu lợi về mình. Tôi đã lẫn lộn trong giới đủ lâu để chứng kiến đủ dạng người, cũng từng đối phó với nhiều loại thủ đoạn. Những mảnh khoe thường dùng trong ngành, từ kiểu thu lợi manh mún của các nhà môi giới như mua bán quá mức cần thiết, bán cổ tức, cho đến những thủ đoạn cao tay hơn như tung tin giả rồi đẩy giá hay xả hàng, khiến không biết bao nhiêu nhà đầu tư ôm mộng lớn bước vào thị trường để rồi ra về tay trắng. Thị trường chứng khoán là một chiến trường thật sự khốc liệt khi niềm vui ngập tràn chiến thắng của người này lại là nỗi đau khổ, thất bại tận cùng của người khác.

Giai đoạn đầu mới bước chân vào nghề, tôi cũng không tránh khỏi việc sử dụng những mảnh khoe này, phần vì muốn có thêm kinh nghiệm, phần vì tôi cũng không ý thức được những ảnh hưởng của việc mình làm. Về sau, khi đã trải nghiệm nhiều hơn và bắt đầu tự thành lập công ty, tôi đã xác định con đường phát triển chậm mà chắc của mình, không để những lợi ích trước mắt cám dỗ làm điều sai trái. Giờ đây, với ý thức về luật Nhân quả, tôi càng nghiêm túc nhìn nhận mỗi quyết định của mình, tránh phung phí đến người khác. Tôi đã mất nhiều đêm để phân tích, nghiệm lại những trải nghiệm trước đây của mình để hiểu hơn về luật Nhân quả. Sự truy cứu đến cùng của luật Nhân quả đối với những hành động bất lương của con người là tất yếu sẽ xảy ra. Có những người từng quyền uy, giàu sang nhưng giờ đã trắng tay, thậm chí có người còn rơi vào vòng lao lý. Ngẫm lại thì họ đều từng sử dụng thủ đoạn hại người, chiếm đoạt, lừa gạt nhằm mưu lợi cho mình. Luật Nhân quả của vũ trụ luôn vận hành chính xác và nghiêm minh.

Tôi tiếp tục nỗ lực thực hành phương pháp tĩnh tâm. Tôi cũng nhận thấy rõ, một khi tôi tiến triển hơn trên con đường tu tập định lực của mình thì không chỉ công việc hàng ngày trôi chảy hơn mà tôi cũng đã trở nên sáng suốt hơn trong những ứng xử, những quyết định lớn nhỏ có liên quan, tác động đến người khác. Trong công việc và hoạch định kế hoạch, tôi có thể nhìn rõ toàn cảnh từ hình thức đến bản chất nội dung, không bỏ qua dù chỉ một chi tiết nhỏ, từ đó đưa ra các quyết định chính xác, có tầm nhìn xa hơn. Mỗi ngày làm việc đều mang lại cho tôi

những kinh nghiệm mới, những khả năng và niềm vui mới. Sự tương giao và hòa hợp giữa kinh nghiệm ngoại cảnh và phản ứng nội tâm đã đem lại cho tôi một cảm giác bình an, thanh thản, hài lòng và đã giúp đời sống của tôi trở nên phong phú, ý nghĩa hơn khi xưa rất nhiều. Mỗi khi nghĩ về điều này, tôi lại thầm cảm ơn ông Kris đã khai mở cho tôi một hướng đi sáng, minh triết giữa cuộc sống đời thường.

Ngoài ra, để hóa giải những nghiệp quả mà tôi từng vô tình hay hữu ý tạo nên trong quá trình đầu tư tài chính, tôi đã lập một quỹ từ thiện, giao cho những nhân viên tin cậy, giàu tính cộng đồng quản lý và trực tiếp đi cứu giúp những người gặp khó khăn ở bất cứ đâu mà không cần sự có mặt của tôi.

Nhiều tháng sau đó, khi tôi đã tiến bộ hơn nhiều trong việc thực hành phương pháp tĩnh tâm, tôi đã có một trải nghiệm vô cùng đáng nhớ mà tôi cho là cột mốc đầu tiên trên con đường tu tập của mình ở kiếp sống này. Hôm đó, tôi đang làm việc trong văn phòng thì vô tình nhìn thấy trên báo cáo có một công ty tên Leonidas. Bên cạnh tên công ty là một logo được thiết kế bằng mẫu tự Hy Lạp rất đẹp. Tôi không có hiểu biết nhiều về ngôn ngữ Hy Lạp, nhưng mẫu logo này cho tôi cảm giác vô cùng quen thuộc, khiến tôi cứ nhìn mãi như bị thôi miên, cảm giác kỳ lạ này cũng giống như khi tôi nhìn các mẫu tự cổ treo trên tường tại nhà của ông Kris trước đây vậy. Linh tính mách bảo, tôi lập tức khép cửa phòng để không ai vào làm phiền, rồi ngồi thẳng lưng, nhắm mắt lại, tập trung cao độ tư tưởng vào những ký tự Leonidas và mẫu tự Hy Lạp cổ đó. Giống như lần tôi có trải nghiệm hồi quy về kiếp sống Ai Cập, cũng tại văn phòng này, lần này tôi cũng dần dần chìm trong trạng thái an định, có điều tôi cảm nhận rõ luồng năng lượng ấm nóng dâng tràn trong cả cơ thể mình như ông Kris miêu tả. Cứ như vậy, tôi rơi vào một khoảng vô cùng, rồi bước vào trạng thái nhập định...

Trong giới kinh doanh, hầu như ai cũng từng nghe đến câu “Phù thịnh chứ không phù suy”, câu nói thể hiện rõ rệt tinh thần trọng vật chất, đề cao lợi nhuận của ngành này. Nhưng với những hiểu biết về luật Nhân quả, tôi đã nghiệm được riêng cho mình một câu khác: “Trời phù thiện lương, không phù tham ác”. Kinh doanh thẳng thắn, trung thực đâu có thể không giúp chúng ta đạt được nhiều lợi nhuận trước mắt, nhưng đó là con đường tươi sáng lâu dài. Con đường đó chỉ có thể được dẫn lối bằng sự trung thực và thiện lương - không thể có chỗ cho sự tham lam, ích kỷ và gian trá.

Trước mắt tôi bỗng hiện ra hình ảnh những ngọn đồi thấp xen lẫn những cánh đồng và muôn rặng cây trái dài xanh ngát. Quanh đó có nhiều người đang làm việc. Họ trò chuyện với nhau bằng một thứ ngôn ngữ kỳ lạ mà lúc đầu tôi không hiểu được. Nhưng chỉ một lúc sau, tôi bắt đầu hiểu được những gì mọi người đang nói. Vì đã quen với cảm giác này, tôi hiểu là mình đang trong trải nghiệm hồi quy. Nếu như lần hồi tưởng về Ai Cập trước đây là sự tình cờ, thì lần này tôi đã có thể tập trung hồi tưởng theo ý mình. Việc thực hành phương pháp tĩnh tâm theo hướng dẫn của ông Kris đã có kết quả bước đầu.

Những ký ức lũ lượt ủa về trong tâm trí, tôi biết mình đang sống tại Hy Lạp. Nhưng thời điểm đó, nước này không phải một quốc gia như ngày nay mà gồm hàng chục thành bang nhỏ (*City States*) nằm dọc theo bờ biển Địa Trung Hải. Hầu hết những thành bang này đều có các vị vua chúa cai trị, chỉ riêng Athens, được điều hành bởi một tổ chức giống như nghị viện bây giờ (*State Council*). Tổ chức này gồm các thành viên được dân chúng bầu lên, là một hình thức tổ chức nhà nước dân chủ rất mới lạ vào thời đó.

Văn hóa Hy Lạp chịu ảnh hưởng lớn của Ai Cập. Ảnh hưởng này chủ yếu đến từ một người Ai Cập bị đày biệt xứ đến Athens và đã mở trường dạy học ở đây. Tuy nhiên, những điều người này truyền dạy có sự khác biệt lớn so với văn hóa Ai Cập lúc đó - ông chú trọng việc giáo dục con người hơn là sùng kính thần linh. Sau đó, học trò của ông này đã cải tiến những điều ông truyền dạy cho thích hợp với phong tục địa phương và xây dựng nên một nền văn hóa đặc thù chú trọng sự khai phóng con người mà ảnh hưởng của nó vẫn tồn tại đến lúc này.*

** Nhân vật được nhắc đến ở đây là Sinuhe. Bạn đọc có thể đọc thêm về cuộc đời nhân vật này trong tác phẩm Dấu chân trên cát của tác giả Nguyễn Phong do First News phát hành.*

Trong lúc ký ức vẫn chưa hoàn toàn trở lại và tôi không hiểu vì sao mình có những kiến thức này, nhưng tôi nhận ra mình hiểu rõ về cả hai nền văn minh Ai Cập và Hy Lạp, cũng như sự khác biệt giữa hai nền văn hóa này.

Văn hóa Ai Cập sùng kính thần linh, hệ thống quyền lực chính trị cũng mang màu sắc thần quyền do chịu ảnh hưởng của giới giáo sĩ. Người Ai Cập coi thần linh

là những đấng thiêng liêng, sống ở cõi giới huyền bí khác với loài người. Khi gặp chuyện không như ý, người Ai Cập cho rằng mình đã làm gì đó có lỗi, đắc tội với thần linh nên mới bị trừng phạt.

Lúc này, giới giáo sĩ khuyên dạy và khuyến khích những người dân mang phẩm vật quý giá đến đền thờ để cúng lễ tạ tội với thần linh, nhưng thực ra sau đó giới giáo sĩ sẽ chia nhau những vật phẩm đó.

Văn hóa Hy Lạp hoàn toàn đối lập với Ai Cập. Người Hy Lạp coi thần linh là những nhân vật có hình dáng tương tự như con người, chỉ khác ở điểm có sức mạnh và quyền năng vô biên. Các thần linh Hy Lạp cũng có những thói xấu của con người như tham lam, ích kỷ hay háo sắc, chứ không mang hình tượng thiêng liêng, thánh thiện, huyền bí như thần linh Ai Cập. Chính vì tinh thần thực tế này mà tôn giáo của Hy Lạp có tính chất gần gũi chứ không mang màu sắc thần bí, uy nghiêm, gây sợ hãi như tôn giáo Ai Cập. Gặp chuyện không như ý, người Hy Lạp sẽ đem phẩm vật đến đền thờ để “thương lượng, mặc cả” với thần linh, rồi mang vật phẩm ấy ra chia sẻ, ăn uống với nhau chứ không để các giáo sĩ hưởng thụ như Ai Cập. Họ còn làm thơ hay soạn nhạc để khen ngợi, tung hô thánh thần với những ngôn từ mỹ miều, vì họ tin rằng thần linh cũng như người, nếu được ca tụng, thần linh cũng đẹp lòng và thuận theo ý nguyện của họ.

Trong khi người Ai Cập chú trọng đời sống sau khi chết thì người Hy Lạp lại chú trọng đời sống hiện tại.

Họ thích vận động, tranh đua trong các môn thể thao như điền kinh, ném tạ, hay các cuộc giao đấu mang tinh thần thượng võ được tổ chức trong các kỳ *Thế vận hội Olympic**. Nếu người Ai Cập chú trọng đến xác thân sau khi chết và tiến hành ướp xác để có thể sống ở cõi giới bên kia thì người Hy Lạp lại chú trọng đến xác thân ở hiện tại, coi đó là những gì hoàn hảo nhất. Họ rất chăm lo thân thể qua việc tắm rửa, bôi bổ, tập luyện thể thao để có thân thể khỏe mạnh, cường tráng. Phụ nữ Hy Lạp thường bỏ nhiều thời gian chăm sóc cơ thể và trang điểm thật điểm lệ. Họ nâng niu thân thể mình bằng những trang phục may bằng các loại vải vóc mềm mại và đồng thời sử dụng nhiều loại tinh dầu thơm. Đối với văn hóa Hy Lạp, thân xác con người là điều mỹ lệ hoàn hảo, là cao quý, thiêng liêng và con người phải luyện tập, điểm trang để hình thức bề ngoài đạt đến sự thánh hóa, tuyệt mỹ như thần linh, sự say mê cái đẹp đến mức thành kính này đã được người Hy Lạp thể hiện qua những tuyệt tác nghệ thuật điêu khắc xuất thần của họ.

** Thế vận hội Olympic cổ đại được tổ chức lần đầu vào năm 776 TCN và được tổ chức đều đặn đến khi bị Hoàng đế La Mã Theodosius I cấm vào năm 394. Sau nhiều nỗ lực hồi sinh sự kiện này của người Hy Lạp, Thế Vận hội Olympic hiện đại chính thức được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1896 và diễn ra 4 năm/lần, duy trì đến ngày nay.*

Đối với văn hóa Ai Cập, giới giáo sĩ và các Pharaoh là những người có ảnh hưởng lớn đối với đời sống nhân dân. Giáo sĩ và Pharaoh muốn gì thì dân chúng phải tuyệt đối tuân theo. Trái lại, văn hóa Hy Lạp rất đề cao tự do tư tưởng, dù đó là những tư tưởng khác biệt, mang tính cải cách xã hội. Các triết gia như Socrates, Pythagoras, Zeno, Thales, Anaxagoras, Platon, Aristotle, hay Parmenides đều dạy dỗ học trò theo quan niệm riêng của họ. Do đó, văn hóa Hy Lạp chịu ảnh hưởng của những nhà tư tưởng này hơn là các vua chúa. Văn nghệ sĩ, họa sĩ, thi sĩ được tự do thể hiện tài hoa, phổ biến văn chương, thơ phú và kịch nghệ đi khắp nơi, đem lại một luồng sinh khí đặc biệt cho văn hóa xứ này.

Vào thời cổ đại, hệ thống giáo dục Hy Lạp chỉ dành riêng cho con cháu các gia đình quý tộc cho đến khi hiền triết Platon quan niệm giáo dục phải mở rộng cho tất cả mọi người, để đào tạo ra nhiều công dân tài năng cho đất nước. Trong cuốn *Cộng hòa*, Platon cho rằng giáo dục là để mở mang và khai sáng con người và mục đích của giáo dục không phải chỉ là thu thập kiến thức mà còn phải phát triển tâm hồn con người cùng với trách nhiệm và bổn phận công dân. Hiền triết Platon đã thành lập Học viện với hai mảng rõ rệt: Tiểu học dành cho học sinh từ sáu đến mười bảy tuổi, dạy các môn căn bản như toán học, âm nhạc, hội họa, điêu khắc, văn chương, lịch sử và thể thao; Đại học dành cho học sinh từ mười tám đến ba mươi tuổi, chú trọng về việc áp dụng những kiến thức đã học từ trước và được dạy thêm về triết học, luận lý, và các quan niệm về đạo đức cũng như bổn phận, trách nhiệm công dân.

Chúng ta đều là phần tử của một sự sống vĩ đại hay còn gọi là chân ngã, thuộc về một năng lượng khởi thủy uyên nguyên, được sắp đặt khéo léo bởi những định luật trong vũ trụ. Trải qua muôn vàn kiếp sống, con người đã từng lầm đường lạc lối vì tự cho mình là thực thể riêng biệt, có tự ngã, độc lập khỏi những quy luật của vũ trụ. Khi không bị thế giới bên ngoài lôi kéo thì ta sẽ đạt được trạng thái định và trong tâm thức bất động, vô vi đó sẽ khởi lên một tình thương bao la vô bờ bến. Tình thương thật sự chỉ hiện diện ở cái tâm không còn tư dục.

Trong sự hồi tưởng tiền kiếp lần này, tôi nhận ra mình là con của một nô lệ làm

việc trong trang trại của gia đình quý tộc thuộc vương quốc Macedonia. Chủ nhân của tôi tên Dimitris, là viên quan trông coi tài chính cho triều đình của Vua Philip đệ nhị. Đây là thời mà chế độ nô lệ phát triển cực thịnh. Phần lớn nô lệ là tù nhân chiến tranh bị bắt trong các cuộc chiến giữa những thành bang, các vùng lãnh thổ lân cận. Luật lệ khi đó không cho phép nô lệ có tài sản riêng mà phải sống dưới sự kiểm soát của người chủ. Tùy theo sự đối xử của người chủ mà đời sống người nô lệ sẽ thoải mái hay khổ sở. Những người nữ nô lệ phải làm công việc thường nhật trong nhà như nấu nướng, giặt giũ, lau dọn, hầu hạ hay bất cứ việc gì chủ nhân yêu cầu. Nô lệ nam phải làm việc nặng nhọc hơn như làm ruộng, trồng trọt, xây cất hay trông coi gia súc.

Mẹ tôi là người xứ Thrace bị bắt trong cuộc chiến giữa Macedonia và Thrace. Bà đã bị bán tại chợ nô lệ và được Dimitris mua về. Tôi không biết cha tôi là ai nhưng khi bắt đầu hiểu biết, tôi đã nghe đám nô lệ nói xa nói gần rằng chủ nhân Dimitris chính là cha của tôi, mặc dù mẹ tôi không bao giờ nói gì về việc này. Tôi cũng có đôi lần hỏi mẹ, nhưng lần nào bà cũng im lặng hoặc nói lảng sang chuyện khác. Trong trang trại rộng lớn của gia đình chủ nhân Dimitris có rất nhiều nô lệ, nam cũng như nữ và một số lập gia đình, có con cái. Những đứa trẻ này chơi đùa vô tư với nhau, không biết gì về thân phận nô lệ của mình hay của cha mẹ chúng, cho đến khi đủ lớn, có sức lao động để làm những công việc của nô lệ giống như cha mẹ mình.

Riêng tôi, từ nhỏ tôi đã để ý đến sự khác biệt trong đời sống giữa nô lệ và chủ nhân. Sự khác biệt này đã khiến tôi không ngừng suy nghĩ. Những đứa trẻ chúng tôi bị giới hạn trong khu dành riêng cho nô lệ, không được bén mảng đến khu nhà của chủ nhân. Mẹ tôi nói rằng đó không phải là nơi dành cho những người như chúng tôi. Tôi hỏi mẹ, “người như chúng tôi” có gì khác với những người kia nhưng mẹ tôi không thể trả lời. Cũng không ai có thể trả lời câu hỏi đó của tôi. Năm tôi lên năm tuổi, tôi đã chứng kiến một sự kiện khiến tôi bắt đầu lo sợ cho thân phận nô lệ của mình.

Chủ nhân Dimitris thường tổ chức những buổi tiệc và mời bạn bè nơi khác đến ăn uống, vui chơi. Dĩ nhiên những buổi tiệc này đều do các nô lệ trong nhà phục dịch, vì tuổi còn nhỏ, tôi cùng những đứa trẻ nô lệ khác trong nhà vẫn còn được vừa vui chơi vừa học cách làm những công việc vặt. Tuy không được đặt chân vào khu vực tổ chức những bữa tiệc của chủ nhân, nhưng chúng tôi vẫn thường lén lút tìm một góc để quan sát những buổi tiệc linh đình này. Với bọn trẻ chúng tôi, đó là niềm vui của việc khám phá một thế giới khác. Những buổi tiệc này thường kéo dài đến gần nửa đêm. Khi tiệc tàn, những nô lệ nam được phép

rời phòng tiệc để trở về khu riêng của nô lệ, nhưng các nô lệ nữ thì phải ở lại tiếp tục phục vụ những người khách này. chuyện gì xảy ra trong đêm thì tôi không rõ vì khi đó khu nhà đãi tiệc được đóng kín lại và có người canh gác. Đến khi trời sáng, những nữ nô lệ rời đi với vẻ ủ rũ, mệt mỏi, bước đi cũng không vững, có người còn khóc nức nở. Điều làm tôi chú ý là mỗi lần như vậy chồng của những phụ nữ này thường tỏ ra hằn học, tức giận và đôi khi xảy ra xô xát. Lần đó, sau một bữa tiệc như vậy, chồng của một nô lệ nữ đã ra tay quá mạnh khiến vợ bị thương, chuyện này đến tai chủ nhân. Quân lính được gọi đến, bắt người đàn ông kia dẫn đi khỏi trại. Hôm sau xác anh này được treo lên cọc gỗ giữa đồng cho chim ăn quạ rả. Nhìn thân thể máu me đầy những vết roi, đám trẻ chúng tôi vô cùng sợ hãi. Tôi lo lắng hỏi mẹ tôi thì bà khóc và nói rằng đó là hình phạt cho những người không biết thân phận nô lệ của mình. Sau lần chứng kiến cái chết của người đàn ông vẫn hàng ngày sống cùng với chúng tôi đó, tôi trở nên sợ hãi và dè dặt hơn, cũng không còn thoải mái vui chơi như trước được nữa. Những suy nghĩ về thân phận nô lệ bắt đầu bám rễ trong tôi.

Về phần chủ nhân Dimitris, ông có ba người con, Sophia, Isidora là hai con gái lớn và Leonidas là con trai út. Vợ của Dimitris qua đời khi sinh Leonidas nên mẹ tôi, khi đó vẫn còn trẻ, được gọi đến trông nom, chăm sóc cho ba đứa con của ông. Ít lâu sau, bà sinh ra tôi. Tôi sống trong khu nô lệ đến khi lên sáu tuổi thì một hôm chủ nhân Dimitris đến gặp mẹ tôi, nói với bà rằng con trai ông cần có bạn để chơi đùa, và tôi được chọn làm bạn với Leonidas. Từ đó, tôi được đưa khỏi khu dành riêng cho nô lệ, về sống trong căn nhà to lớn của chủ nhân. Khi sống chung với gia đình chủ nhân và chơi đùa với các con của ông, tôi không nhận thấy giữa chúng tôi có sự khác biệt gì. Tuổi nhỏ hồn nhiên nhưng đôi khi tôi cũng tự hỏi tại sao tôi được hưởng tiện nghi như thế mà những đứa bé nô lệ khác thì không được?

Dimitris là một trong những học trò xuất sắc của nhà hiền triết Platon tại Athens, ông giỏi nhất là môn toán nên được Vua Philip mời về trông coi tài chính cho triều đình. Dimitris chú trọng giáo dục con cái từ rất sớm. Ngay từ nhỏ Leonidas đã được dạy về toán học, văn chương, thể thao... nhưng Leonidas chỉ thích âm nhạc. Là nô lệ và bạn với Leonidas, tôi thường đứng hầu trong phòng khi Dimitris dạy con nên cũng học lỏm được ít nhiều. Tôi rất thích toán và thường lén giúp Leonidas khi cậu ta không thể giải các bài toán khó. Việc này không qua khỏi mắt chủ nhân, có lần ông giận dữ mắng con: “Ngay đứa nô lệ như thằng Kyros còn giỏi toán hơn con”. Tuy nói thế nhưng ông không bao giờ mắng tôi. Nhiều lúc tôi bắt gặp ông nhìn tôi với ánh mắt khó hiểu.

Được sống trong biệt thự của chủ nhân, tôi cũng có dịp được tiếp xúc với hai người con gái của ông. Từ nhỏ, chúng tôi đã chơi đùa thân thiết với nhau như anh em, phần vì mẹ tôi là người nuôi nấng, chăm sóc họ, phần nữa là vì trong căn nhà rộng lớn, chỉ có bốn đứa chúng tôi với nhau. Chủ nhân Dimitris thì luôn bận việc triều đình, ít khi ở nhà; còn những nô lệ khác không được phép đến đây nếu không có việc được giao phó.

Macedonia không có trường học kiểu Học viện như tại Athens, nhưng là học trò của Platon, Dimitris có mối thâm giao với những người tài năng tốt nghiệp từ trường này. Ông mời họ đến nhà dạy riêng cho các con mình với những ưu đãi đặc biệt. Phần lớn học trò của Platon đều không giàu có gì nên họ đều đáp lại lời mời của Dimitris, một số đã mang gia đình về sống trong trang trại rộng lớn này. Các con của họ cũng được dạy dỗ tại đây nên đám trẻ chúng tôi được chơi đùa với nhau, không có sự phân biệt. Tuy có nhiều bạn để chơi đùa hơn xưa, nhưng lúc này tôi đã nhận ra sự khác biệt giữa thân phận nô lệ của tôi và những người bạn của mình, vì tôi không được phép theo học những người thầy mà chủ nhân mời về. Hôm đó Sophia vô tình hỏi Dimitris:

- Cha ơi, sao Kyros không được theo vào lớp học?

Dimitris cau mày nhìn tôi rồi trả lời:

- Nó có việc khác phải làm. Việc học không phải là việc của nó.

Điều này khiến đám trẻ ngạc nhiên vì hàng ngày chúng tôi vẫn chơi đùa vô tư với nhau, không hề phân biệt. May thay, mẹ tôi tiếp lời:

- Thưa, Kyros sẽ học riêng với tôi.

Sophia và Isidora phụng phịu phản đối:

- Tại sao Kyros không được học chung với chúng con? Tại sao cậu ấy phải học riêng?

Dimitris không nói gì, gương mặt ông lộ vẻ không vui. Tôi nhìn vẻ khó xử của mẹ và sự bức dọc của chủ nhân, vội vàng lên tiếng:

- Tôi không thích đi học, tôi muốn học riêng với mẹ tôi.

Từ lúc có thầy về dạy học, bọn trẻ chúng tôi không còn gặp nhau thường xuyên như trước. Tôi phải theo mẹ dọn dẹp, lau chùi nhà cửa khi những đứa trẻ kia đi học. Trong số người được Dimitris mời về có Satyrus, thầy dạy nhạc, cũng là học trò của Platon từ Học viện của ông. Satyrus là người yêu thiên nhiên nên không thích dạy trong phòng mà thường chọn một chỗ ngoài vườn để lên lớp. Do đó, tuy không được theo học trong lớp cùng bạn bè nhưng tôi vẫn có thể nghe rõ lời giảng của ông. Những bài giảng của ông luôn khiến tôi thích thú và chú tâm lắng nghe. Trong một bài giảng, thầy Satyrus đã nói:

"Thầy của ta, hiền triết Platon, dạy rằng âm nhạc là phương tiện trau dồi nhân cách hữu hiệu nhất bởi vì tiết điệu hài hòa, giai điệu du dương, thanh thoát của âm nhạc có thể khiến tâm hồn con người phong phú hơn. Do đó, học nhạc không phải chỉ đơn giản là học cách sử dụng nhạc khí mà còn là một phương pháp rèn luyện tinh thần vì thanh âm mà âm nhạc tạo ra là sự thu xếp tuyệt hảo theo trật tự thiên nhiên. Âm nhạc mang sức mạnh vô hình, mạnh mẽ hơn mọi giáo điều, thuyết phục hơn mọi triết lý, vì nó ảnh hưởng đến con người một cách vô thức. Do đó, khi soạn nhạc, người nhạc sĩ phải cẩn thận, không được để cho những ý tưởng xấu xa, những dục vọng thấp hèn ảnh hưởng đến sự sáng tạo. Bởi những loại nhạc được sáng tác trong sự dễ dãi đó có thể làm loạn xã hội, hư hỏng con người."

Thầy Satyrus có thể sử dụng nhiều nhạc khí khác nhau nhưng tùy năng khiếu của học trò mà thầy sẽ dạy riêng cho từng người loại nhạc khí mà thầy cho là thích hợp. Thầy Satyrus có hai người con là Melissa và Antigenidas, cả hai cùng trạc tuổi tôi nên chúng tôi thường chơi với nhau. Melissa và Isidora được dạy về sáo trong khi Antigenidas được dạy về trống và kèn đồng. Leonidas và Sophia được dạy về đàn. Là một triết gia kiêm nhạc sĩ, Satyrus thường nhắc nhở các học trò của mình:

"Là người học về âm nhạc các con phải ý thức rằng tiết điệu của âm thanh có thể tạo ra nhiều trạng thái tinh thần khác nhau, có cả điều tốt cũng như điều xấu. Do đó, người học nhạc phải sử dụng âm nhạc để trau dồi đức hạnh cho chính mình một cách hợp lý. Âm nhạc do các con tấu lên hay soạn ra phải tạo ra sự hứng khởi, lan tỏa tình yêu thương, lòng trắc ẩn vì nó có thể ảnh hưởng đến tâm hồn người nghe. Nếu bất cẩn, âm nhạc của các con có thể trở thành những năng lượng xấu, mang lại sự tiêu cực, gây ra u uất, hèn yếu, buông thả và những ảnh hưởng xấu xa khác. Các con phải biết rằng âm nhạc là một tổ hợp vô cùng tinh tế nên người nghe không dễ gì nhận thấy tác động của nó đối với tâm hồn của họ. Do đó, người soạn nhạc phải có trách nhiệm với những sản phẩm mình tạo

ra, với ảnh hưởng của chúng đến thính giả. Một loại âm nhạc nào đó, khi được nghe đi nghe lại sẽ tạo ra cảm xúc cộng hưởng tương ứng ở người nghe. Khi nghe nhạc buồn lâu ngày, người ta sẽ trở nên u sầu và khi nghe nhạc vui, họ sẽ hăng hái, phấn chấn hơn. Âm nhạc được nghe nhiều lần sẽ lưu lại trong tâm thức người nghe một ấn tượng, tạo ra một cảm xúc tồn tại trong vô thức, nên tính tình cũng thay đổi theo. Vui và buồn là tình cảm tự nhiên của con người, buồn không có gì xấu nếu đó là nỗi buồn cao thượng, khơi gợi lòng vị tha, trầm ẩn. Hãy đảm bảo rằng âm nhạc của các con sẽ luôn hướng đến chân - thiện - mỹ.”

Thời gian trôi qua nhanh, cùng nhau, đám trẻ chúng tôi dần lớn lên trong điền trang của Dimitris. Bước vào tuổi thanh niên, nhiều đứa trong chúng tôi đã bắt đầu biết mơ mộng. Một cái nhìn, một vài cử chỉ âu yếm có thể làm cho đám con gái thẹn thùng. Isidora càng lớn càng xinh đẹp và thường được săn đón nhiều hơn những cô gái khác. Sophia dịu dàng, hiền lành trong khi Melissa tương đối trầm lặng, ở tuổi này, tôi đã hiểu rõ hơn về sự khác biệt của thân phận nô lệ và những người chúng tôi gọi là chủ nhân. Tôi càng ý thức hơn về vị trí của mình. Những lần có việc đi xuống khu dành riêng cho nô lệ, tôi thấy những người bạn cùng tuổi với mình đã bắt đầu phải làm những việc của nô lệ như chẻ củi, gánh nước hay trông nom gia súc. Tôi thường nghĩ, nếu tôi không được chọn làm bạn với Leonidas, hiện giờ tôi cũng đang phải ngày ngày làm những công việc đó. Với những nhận thức này, tôi bắt đầu đặt câu hỏi nhiều hơn về sự phân chia giai cấp giữa chủ nhân và nô lệ, về những khác biệt, bất công giữa hai giai cấp này.

Cuối năm đó, một hôm Dimitris ở triều trở về và gọi tất cả đám trẻ vào phòng rồi tuyên bố:

- Triều đình vừa mời Aristotle, một người bạn thân của ta, về Mieza để dạy cho Hoàng tử Alexander. Ngôi trường đầu tiên tại Macedonia sẽ được thành lập và ta muốn các con đến đó học với người thầy này.

Trong tất cả học trò của Platon, không ai giỏi hơn Aristotle. Khi Platon qua đời, đáng lẽ ông này xứng đáng thay mặt thầy trông coi Học viện Platon. Tuy nhiên một số thành viên trong nghị viện Athens không thích khả năng lý luận của Aristotle nên đã đưa Speusippus, người cháu của Platon, lên làm viện trưởng. Sau đó Speusippus lại đưa người thân trong gia đình vào đảm nhiệm những chức vụ quan trọng tại đây và có ý loại Aristotle ra khỏi Học viện. Trước kiểu hoạt động "gia đình trị", kết bè kết cánh này, Aristotle đành phải bỏ đi nơi khác. Được tin, Vua Philip vội mời nhà hiền triết đến Macedonia để dạy cho Hoàng tử Alexander. Ông cho xây ngay một trường học tại Mieza, để con cái các gia

đình quý tộc có thể đến học với triết gia lỗi lạc này.

Sau khi đám con trai được gửi đi học xa, tôi liền cảm thấy ngỡ ngác, lạc lõng trong ngôi dinh thự rộng lớn này. Biết thân phận hèn kém của mình, tôi chuẩn bị trở về khu dành riêng cho nô lệ. Đang thu xếp thì Dimitris bước vào phòng tìm tôi. Tôi quá ngạc nhiên, chưa kịp phản ứng gì thì ông đã đưa cho tôi cuộn giấy. Tôi bối rối nhận lấy và mở ra, trên đó đầy những con số. Tôi đưa mắt nhìn Dimitris, định cất tiếng hỏi thì ông đã nói luôn:

- Người thử giải những bài toán này cho ta xem.

Rất ngạc nhiên trước yêu cầu này, nhưng tôi không dám hỏi gì thêm mà lập tức ngồi xuống, giải hết những bài toán được giao. Dimitris lặng lẽ đứng đó quan sát tôi. Sau khi giải hết các bài toán, tôi đưa lại cho Dimitris. Ông xem xét cẩn thận từng bài giải, rồi gật đầu, tỏ vẻ hài lòng. Ông nói:

- Người khá lắm. Ta biết người đã học lỏm được ít nhiều nhưng không ngờ người làm toán giỏi thế này. Từ nay người cứ ở lại đây làm việc với ta.

Vậy là tôi tiếp tục ở lại trong nhà chủ nhân Dimitris, ông bắt đầu dạy tôi những phương pháp tính toán và làm sổ sách chi thu cho triều đình. Ngoài ra ông còn cho phép tôi được tự do sử dụng thư viện trong nhà, được chọn đọc bất cứ cuốn sách nào tôi muốn để học thêm những môn mà tôi thích. Tôi học rất nhanh và làm việc vô cùng chăm chỉ, nên dần được tin tưởng hơn. Một thời gian sau, khi đã thạo việc hơn, tôi chính thức trở thành thư ký riêng cho Dimitris.

Trong buổi nói chuyện với Thomas, tôi đã hỏi ông kỹ hơn về khả năng hồi tưởng lại tiền kiếp. Ông nói rằng trước đây ông phải nhờ ông Kris giúp mới có thể hồi tưởng tiền kiếp và khi đó ông không hề nghĩ đến việc mình cũng có khả năng này. Sau quá trình thực hành theo hướng dẫn của Kris, ông đã có thể chủ động hồi tưởng tiền kiếp theo ý muốn và đã tự tin hơn trên con đường tu tập. Qua công phu tu tập, phát triển định lực, ông đã có thể mở nhãn quan, nhìn được nhiều kiếp sống khác của mình, nhưng chưa thể nhìn được tiền kiếp của người khác ngay lập tức như ông Kris. Ông dần dần thấy rõ được sự liên hệ giữa ông và một số người quen biết, ví dụ, ông nhận ra Wilson chính là Leonidas, ông cũng đã bước đầu thấy được những cõi giới khác, tuy nhiên, khả năng đó còn rất hạn chế.

Tôi hỏi thêm về trường hợp gần đây của một số người có khả năng thấy được tiền kiếp hay nhìn được tương lai. Thomas cho biết ông và ông Kris cũng đã trao đổi về việc này và đều cho rằng có trường hợp người ta gặp tai nạn hay sự cố nào đó, vô tình “đánh thức” giác quan đặc biệt nên cũng có khả năng đó. Tuy nhiên những trường hợp này thường không kéo dài, ít lâu sau khả năng đặc biệt sẽ mất đi. Đôi khi qua thôi miên, tùy sự nhạy bén của giác quan mà người ta cũng thấy được chuyện xảy ra ở quá khứ, nhưng khi tỉnh lại họ dường như không nhớ được gì. Điều này hoàn toàn khác với việc tự mình phát triển khả năng hồi tưởng thông qua công phu tu tập. Thomas cho biết, khi nhập định ông có thể cảm nhận mọi sự bằng một tâm thức thanh cao, không bị tư tưởng hay ngoại cảnh chi phối, do đó tránh được ảnh hưởng của thành kiến hay sự tưởng tượng. Khi làm chủ được tâm mình, lúc nào cũng an nhiên trong định lực thì có thể chuyển tâm thức làm được nhiều việc. Tuy nhiên, ông cũng nói thêm rằng trường hợp của ông là vì đã từng tu tập, thực hành trong nhiều kiếp, hiện nay chỉ hồi tưởng và phát triển khả năng đã có trước đây mà thôi. Theo ông, khi định lực chưa vững, tâm thức rất dễ bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng chủ quan hay thiên kiến cá nhân. Điều này cũng giống như việc chúng ta nhìn mọi vật xung quanh khi đeo kính đổi màu, chỉ nhìn mọi vật theo màu sắc của đôi kính và sẽ có nhận định không chính xác, dễ phóng đại những chi tiết không cần thiết theo thói quen hàng ngày, vì vậy, ông cho rằng việc tự mình thực hành để phát triển định lực là vô cùng cần thiết nếu muốn tìm hiểu về tiền kiếp hay luân hồi.

BẠN MUỐN NHẬN NHIỀU EBOOKS HÃY, MIỄN PHÍ HƠN NỮA?

Mở Zalo quét mã QR CODE dưới đây



Hoặc nhấn vào link này để vào nhóm tặng sách: <https://bit.ly/hoi-yeu-sach>

Phần bảy

HY LẠP: THAM VỌNG ALEXANDER ĐẠI ĐẾ & KÝ ỨC VỀ CHIẾN THẦN ACHILLES

Hy Lạp gồm nhiều thành bang, trừ hai thành bang lớn là Sparta và Athens đông dân hơn, thì các thành bang khác chỉ có khoảng vài chục ngàn dân. Tuy cùng chung một nguồn gốc, nói cùng một thứ tiếng, theo cùng một tôn giáo nhưng các thành bang này thường tranh chấp, gây chiến, coi nhau như thù địch. Khi Vua Xerxes của Ba Tư dẫn quân tấn công Athens, đốt cháy đền thờ thần thánh, phá nát lăng mộ của các anh hùng Hy Lạp, các thành bang khác đều làm ngơ.

Mặc dù cuộc xâm lăng của Ba Tư là mối đe dọa chung cho toàn cõi Hy Lạp nhưng không một thành bang nào gửi quân cứu viện. May thay lúc đó, dân xứ Assyria nổi loạn, Xerxes phải kéo quân về đối phó nên các thành bang khác mới được yên. Từ nhiều năm trước, Ba Tư đã chinh phạt Assyria và Babylon, đặt Ai Cập dưới ách đô hộ và trở thành đế quốc hùng mạnh nhất. Vua Ba Tư Darius đệ nhất đã dẫn quân chiếm các hải đảo của Hy Lạp quanh Địa Trung Hải, kiểm soát hải lộ quan trọng quanh vùng và có ý dòm ngó các thành bang giàu có của Hy Lạp.

Vua Philip của Macedonia rất lo lắng trước mối nguy này nên đã chủ trương kết hợp quân đội của các thành bang thành một lực lượng thống nhất để đối phó với Ba Tư nhưng không thành bang nào chấp nhận lời đề nghị. Không thành công trong việc thuyết phục ngoại giao, Philip dẫn quân đánh chiếm những thành bang lân cận, sáp nhập vào lãnh thổ của Macedonia để thành lập một đạo quân hùng mạnh, hầu có thể chống lại sự đe dọa của Ba Tư. Quân đội Macedonia được trang bị giáp trụ kiên cố với những ngọn giáo sarissa* rất dài nên việc sản xuất quân trang, khí giới là nguồn chi lớn nhất của quốc khố. Dimitris là quan trọng coi tài chính của triều đình nên phải đi kiểm soát các cơ sở sản xuất khí giới khắp Macedonia. Do đó, ông muốn tôi theo ông đến kinh đô Pella học hỏi, để sau đó có thể thay ông đi kiểm soát những nơi này. Tôi vô cùng hào hứng trước cơ hội được đến Pella, không chỉ vì ở đây tôi có thể học hỏi thêm nhiều điều mới mà còn vì tôi sẽ có cơ hội gặp lại Leonidas và Antigenidas.

* Giáo sarissa có chiều dài từ 4 đến 6 mét, là loại giáo đặc chế dùng cho

quân đội Macedonia.

Leonidas và Antigenidas hiện đang ở Mieza, một làng nhỏ nằm ở ngoại ô Pella. Khi xưa nơi đây có đền thờ thần nữ bảo hộ sông núi (Nymphs) nhưng đã được Vua Philip cho sửa lại để làm trường học cho Hoàng tử Alexander và con cái của các gia đình quý tộc. Khi Aristotle đến Mieza, ông đã cho cải tiến chương trình giảng dạy, khác với chương trình giáo khoa tại Học viện Platon, việc này một phần là để thể hiện sự bất mãn của ông với Speusippus, nhưng phần lớn là do quan niệm khác biệt giữa ông và thầy của mình là nhà hiền triết Platon.

Trong khi Platon chú trọng về triết học thì Aristotle tập trung vào khoa học. Platon chủ trương phải “Lý tưởng hóa” mọi việc để đời sống thăng hoa và có ý nghĩa cao đẹp, trong khi Aristotle quan niệm phải “thực tế hóa” mọi việc dựa vào lý luận thay vì lý tưởng. Aristotle khuyến khích học sinh thuộc lòng sử thi Iliad, thiên anh hùng ca của thi sĩ Homer. Ông nói: *“Nếu một người không biết rõ công lao của các anh hùng xưa tại xứ sở mình thì không xứng đáng làm công dân của xứ đó”*.

Thấm thoát đã hơn ba năm từ khi Leonidas và Antigenidas rời nhà đi Mieza học, kể từ đó tôi chưa có dịp gặp lại các bạn mình. Lần này được Dimitris cho đến Pella, tôi rất mừng và mong mỗi ngày gặp lại Leonidas.

Trước ngày lên đường, tôi đang làm việc thì bỗng nghe tiếng gọi:

- Kyros, Kyros! cậu ở đâu?

Ngay lúc đó cửa phòng mở ra và Melissa bước vào. Tôi không thường xuyên gặp Melissa như khi còn nhỏ, mặc dù vẫn hay lắng nghe tiếng sáo trầm bổng của cô trên hành lang vọng xuống. Melissa hỏi tôi:

- Ta nghe nói ngày mai cậu sẽ đi Pella có phải không?

Tôi gật đầu:

- Đúng thế, Dimitris đi Pella và lần này ông ấy muốn tôi theo cùng. Melissa chăm chú nhìn tôi:

- Vậy cậu có ghé qua Mieza không?

- Có chứ, nếu đã đến Pella thì chắc chắn phải ghé Mieza để thăm Leonidas và Antigenidas. Tôi đã không gặp Leonidas mấy năm rồi.

Khuôn mặt Melissa đột nhiên ửng hồng, cô nhìn tôi, ngập ngừng:

- Nếu thế, ta muốn nhờ cậu một việc... Nhưng cậu phải giữ kín, không được cho ai biết.

Tôi ngạc nhiên nhìn Melissa, hôm nay cô có vẻ lúng túng, không được tự nhiên như mọi khi. Mặc dù chúng tôi lớn lên dưới một mái nhà và từ nhỏ đã chơi đùa cùng nhau như anh em, nhưng tôi vẫn ý thức thân phận nô lệ của mình nên luôn giữ khoảng cách với những người khác. Tôi nhìn Melissa, nghi hoặc:

- Có chuyện gì vậy?

- Cậu phải hứa giữ bí mật, không được cho ai biết thì ta mới nói tiếp.

Tôi gật đầu. Melissa liền rút trong túi ra một gói nhỏ được niêm phong cẩn thận, cô lí nhí:

- Cậu đem vật này trao cho Leonidas, nhưng nhớ là đừng cho ai thấy đấy.

Tôi đưa tay nhận món đồ và biết ngay trong đó là một cuộn giấy.

Melissa cẩn thận dặn dò:

- Cậu giữ cẩn thận, đừng cho ai thấy.

Đến Pella, sau khi cùng Dimitris đi khắp các cơ sở sản xuất vũ khí tại đây, tôi xin phép ghé qua Mieza để thăm Leonidas. Đã lâu không gặp, Leonidas và Antigenidas đều đã khác xưa rất nhiều, cả hai đều dề dặt rầu rầu ra vẻ chững chạc, không còn là những thanh niên ngây thơ nhút nhát nữa. Chúng tôi gặp nhau vô cùng mừng rỡ, trò chuyện không dứt. Đến cuối ngày, Antigenidas về phòng nghỉ ngơi, còn lại một mình với Leonidas, tôi liền trao cho cậu món đồ mà Melissa đã giao cho tôi. Leonidas không ngần ngại mở gói đồ ra trước mặt tôi. Đó là một bức thư, kèm theo một bản nhạc.

Sống gần nhau từ nhỏ, tôi cũng nhận thấy Melissa có cảm tình đặc biệt với Leonidas, nên khi Melissa nhờ tôi trao bức thư và dặn không cho ai biết thì tôi

cũng lờ mờ đoán được chuyện tình cảm của cô và Leonidas. Leonidas đọc đi đọc lại lá thư nhiều lần rồi lấy giấy viết thư hồi âm, nhờ tôi trao lại cho Melissa:

- Kyros này, tôi và Melissa đã yêu nhau từ lâu. Cậu giúp tôi chuyển lá thư này cho Melissa và nhớ đừng cho ai biết đấy.

Tôi gật đầu, vui vẻ nhận lá thư. Leonidas lấy cây đàn Harp ra, bắt đầu dạo nhạc khúc mà Melissa viết cho mình. Đó là một khúc nhạc êm ái nhẹ nhàng, phẳng phất niềm nhớ nhung của người con gái thơ ngây trong mỗi tình đầu. Tôi im lặng thưởng thức tiếng đàn nhưng trong lòng băng khuâng, bồi hồi nghĩ đến Isidora. Sống trong nhà của Dimitris từ nhỏ, tôi có dịp tiếp xúc với hai người con gái của ông. Isidora xinh đẹp, quý phái trong khi Sophia thì thùy mị, dịu dàng. Tôi đã thầm để ý Isidora nhưng vì ý thức thân phận nô lệ của mình nên tôi chưa từng biểu lộ bất kỳ thái độ hay cử chỉ nào để người khác thấy.

Người Hy Lạp xem âm nhạc như một môn chính yếu trong việc học. Gần như tất cả mọi đứa trẻ đều được dạy dỗ về nghệ thuật ca hát và sử dụng nhạc cụ. Do đó, dù không có sở trường về âm nhạc, tôi vẫn có thể cảm nhận âm thanh phát xuất từ cây đàn của Leonidas thuộc điệu thức Lydia. Vào thời điểm đó, phần lớn âm nhạc Hy Lạp đều sử dụng điệu thức Doria* hùng hồn, oai phong và đa số các bài hát đều ca tụng nếp sống oai hùng của các thần linh như Zeus, Apollo và cổ xúy lòng can đảm, không sợ hãi. Điệu thức Lydia thì thiên về tình cảm nhẹ nhàng, nhưng vẫn có sự chùng mực để không ủy mị.

** Lydia và Doria là hai trong số bảy điệu thức thuộc âm giai trưởng.*

Việc kiểm soát các nơi sản xuất vũ khí ở Pella cho phép tôi tự do đi lại nên từ đó, tôi trở thành người đưa thư cho Leonidas và Melissa. Những lá thư tình được trao qua, chuyển lại, những bài nhạc viết cho nhau với cảm xúc tình tứ, hồn nhiên, có lần Leonidas viết thư rồi nổi hứng đọc cho tôi nghe: “Aristotle dạy rằng đối với mọi sự, phải biết đặt câu hỏi “tại sao” để tìm hiểu căn nguyên, vì mọi sự trên thế giới này đều được sắp đặt theo logic mà người ta có thể giải thích, nhưng khi yêu em thì anh không cần hỏi “tại sao” vì trái tim của anh có logic riêng của nó”.

Tôi không biết Melissa trả lời như thế nào, là người kín đáo, cô thường diễn tả nỗi lòng mình qua những bản nhạc soạn riêng cho Leonidas. Tôi là người đưa thư và cũng là thính giả âm nhạc của hai người nên thường xuyên được thưởng

thức những điều thức Lydia du dương từ cây đàn Harp của Leonidas.

Theo thời gian, tình cảm hai người mỗi ngày thêm thắm thiết, còn tôi bắt đầu lo ngại rằng cuộc tình này không dễ gì trọn vẹn. Theo phong tục Hy Lạp, hôn nhân đều do cha mẹ định đoạt dựa trên yếu tố môn đăng hộ đối hoặc sở hỉ môn mà gia đình người con gái có thể đáp ứng. Melissa là con của Satyrus, người dạy nhạc nghèo, trong khi Leonidas là con của Dimitris, một vị quan lớn trong triều, do đó giữa hai người có sự bất tương đồng về giai cấp. Ngoài ra, Satyrus cũng không có đủ hỉ môn cho cuộc hôn nhân này. Nghĩ đến hai người họ, tôi không khỏi nghĩ đến tình cảm cam nín của mình dành cho Isidora. Một nô lệ hèn kém không thể với tay lên để lấy người thuộc tầng lớp cao trong xã hội được.

Mùa xuân năm đó, Vua Philip xuất quân đi đánh xứ Byzantium nên Hoàng tử Alexander được gọi về Pella trông coi triều đình. Điều này khẳng định vai trò của Alexander là người kế nghiệp cho Vua Philip. Mặc dù chưa đầy mười tám tuổi nhưng vị hoàng tử này đã có dáng dấp oai vệ, giọng nói sang sảng, vang như tiếng chuông. Hoàng tử xem báo cáo sản xuất khí giới của tôi trình lên, rồi nói với Dimitris:

- Ta muốn những cây giáo sarissa này phải dài hơn trước, ông hãy cho chuẩn bị ngân sách rèn đúc những vũ khí này ngay cho ta.

Dimitris ngạc nhiên:

- Phần lớn cây giáo quân đội chỉ dài khoảng hai thước. Vua Philip đã cho rèn cây giáo dài gấp đôi là đã dài bốn thước. Bây giờ hoàng tử còn muốn dài hơn nữa sao?

Alexander gật đầu:

- Phụ vương ta chỉ chú trọng các cuộc chiến với những nước sử dụng bộ binh nên cây giáo dài bốn thước cũng đủ. Tuy nhiên nếu muốn chống lại quân đội sử dụng kỵ binh của Ba Tư thì cây giáo phải dài sáu thước mới được. Sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ đối đầu với quân Ba Tư. Trong mấy năm nay, ta đã nghiên cứu chiến lược của họ nên biết cách đối phó.

Theo lệnh của Alexander, Dimitris cho xúc tiến việc sản xuất loại khí giới mới này mặc dù ông nói với tôi rằng ông không tin một người trẻ như Alexander thì đã biết gì về chiến thuật hay chiến lược. Tuy nhiên, Dimitris đã làm.

Khi vua Philip mang quân đội chủ lực đi đối phó xứ Byzantium, chỉ để lại rất ít quân lính giữ an ninh tại Pella. Lợi dụng cơ hội, Maedi, một tiểu quốc phía Bắc đã xua quân cướp phá Macedonia. Cuộc chiến xảy ra khi Dimitris và tôi đang đi kiểm tra các xưởng rèn đúc khí giới ở miền Nam. Nhận được tin, chúng tôi vội vã trở về Pella nhưng về đến nơi thì Alexander đã ca khúc khải hoàn. Không những vị hoàng tử trẻ tuổi này đã dẹp tan quân xâm lược mà còn thừa thắng dẫn quân đánh thẳng vào kinh đô của Maedi, thiêu hủy cung điện xứ này, đổi tên Maedi thành Alexandropolis và sáp nhập tiểu quốc này thành một tỉnh của Macedonia.

Leonidas, Antigenidas và con cái các gia đình quý tộc đang theo học với Aristotle cũng đều tham gia trận chiến. Khi trở về Pella, tôi vội vã tới gặp Leonidas, vừa gặp tôi, Leonidas đã hăng hái kể lại cuộc chiến:

- Khi nghe tin quân Maedi xâm lăng Macedonia, Hoàng tử Alexander đã kêu gọi tất cả bạn hữu trong trường tham gia vào quân đội để cùng chống lại kẻ thù. Mặc dù quân số ít nhưng thay vì chờ địch quân kéo đến Pella, Hoàng tử đã dẫn binh đến thẳng nơi đồn trú của giặc. Trời tảng sáng, địch quân còn chưa tỉnh giấc thì tiếng kèn đồng, trống trận của ta đã vang lên. Toàn thể quân Macedonia cùng nhau hát vang bản chiến ca oai hùng như tiếng sấm khiến địch quân tưởng Macedonia kéo thiên binh vạn mã đến nên vô cùng hoảng loạn. Hoàng tử Alexander thúc ngựa phóng lên trước, dẫn đầu đoàn quân với những chiếc giáo dài uy vũ, đánh cho quân Maedi tan tác...

Tôi say sưa nghe Leonidas kể chi tiết trận đánh trong khi Dimitris ngồi đó với ánh mắt lấp lánh vẻ hãnh diện. Leonidas nói với cha:

- Alexander đã chiến thắng vẻ vang và sẽ được gọi về triều, tất cả bạn hữu theo ngài đánh trận cũng sẽ được diện kiến nhà vua. Đây là cơ hội để con tiến thân nhờ những chiến công đã lập cho Macedonia.

Điều này hợp với ý của Dimitris, sở dĩ ông gửi con đến Mieza học cùng Alexander, người mà tương lai sẽ làm vua Macedonia, cũng vì mục đích kết thân với hoàng tử và tìm cơ hội tiến thân trên quan lộ. Những dự tính của Dimitris quả không sai. Khi Vua Philip thắng trận ở Byzantium trở về, ông giao cho Alexander làm người chỉ huy trường huấn luyện quân đội của Macedonia. Các bạn của Alexander như Leonidas, Antigonos, Ptolemy, Seleucus, Hephaestion, Cleitus, Simonides và Philotas đều được phong chức trong trường huấn luyện

quân đội này. Hôm Vua Philip cho gọi những người có công vào triều để khen thưởng, đa số đều được thưởng chức tước, vàng bạc. Đến lượt Leonidas, nhà vua hỏi:

- Leonidas, người muốn ta thưởng gì cho người?

Leonidas nhìn Vua Philip rồi nhìn sang Dimitris, thu hết can đảm, Leonidas hướng về nhà vua, tâu:

- Thừa nhà vua, thần chỉ xin được cưới Melissa, người bạn gần bó với thần từ nhỏ.

Alexander và các bạn nhìn nhau ngạc nhiên rồi reo ầm lên:

- Leonidas muốn lấy vợ! Ha ha ha!

Tôi biết Dimitris vẫn mong con mình được phong chức tước, sau đó sẽ thu xếp cho Leonidas lập gia đình với con cái gia đình quý tộc trong triều. Việc Leonidas xin cưới con gái thầy dạy nhạc chẳng có địa vị hay tài sản gì là điều bất ngờ, khiến ông sững sốt. Tuy nhiên, Vua Philip đã bật cười, nói lớn:

- Người thật giống ta, không phần thưởng nào quý giá hơn một cô gái đẹp. Nay Dimitris, ông nghĩ sao nếu ta đứng ra lo việc hôn lễ cho con ông?

Trước sự đồng thuận bất ngờ của nhà vua, Dimitris không thể nói gì hơn nên đành chấp thuận, lòng thầm nghĩ cô gái con thầy dạy nhạc cũng xinh đẹp và tài năng. Dimitris kính cẩn tạ ơn sự tác thành của nhà vua. Vua Philip vui vẻ cười phá lên:

- Hay lắm, đã thế ta cũng thưởng thêm cho mình một cô gái trẻ nữa.

Lời nhà vua khiến Alexander đứng kế bên đang vui vẻ bỗng sa sầm mặt. Mẹ của Alexander là Hoàng hậu Olympias vẫn thường than trách, buồn phiền về việc nhà vua có nhiều vợ lẽ và bỏ bê mình.

Vua Philip đã lấy sáu người vợ lẽ, tất cả đều là công chúa của những nước mà ông chinh phục. Ông cho phép những vị vua bại trận, cũng là cha vợ của mình, được duy trì địa vị như xưa nên ai cũng trung thành, không ai có ý làm phản. Đó cũng là sự khôn khéo của Philip. Thay vì sử dụng quyền lực, cho người cai trị

những nơi đó, ông dùng hôn nhân để ràng buộc và bảo đảm sự trung thành những vùng lãnh thổ đã chiếm được.

Không lâu sau, đám cưới của Leonidas và Melissa được tổ chức rất linh đình tại triều đình, với rất đông quan khách và ban học đến chung vui, chúc mừng. Vua Philip đứng ra làm chủ hôn nên lễ cưới đã sang trọng còn thêm vẻ tôn nghiêm. Leonidas và Melissa cùng nhau hòa tấu những bản nhạc đã viết cho nhau khiến Satyrus sửng sốt ngạc nhiên:

- Làm sao chúng có thể sáng tạo ra những điệu thức Lydia tuyệt vời như thế?

Tôi ngồi lắng nghe giai điệu êm đềm của những bản hòa tấu, lòng không khỏi xốn xang. Tôi đưa mắt nhìn theo Isidora xinh đẹp đang nhảy múa cùng các quan khách. Những bước nhảy nhịp nhàng, uyển chuyển hòa vào thanh âm trầm bổng, dập dìu của những ngón đàn như ru người ta vào cõi mê. Tôi vô thức bước tới, nắm lấy tay Isidora kéo nàng theo điệu nhạc. Isidora quay lại nhìn thấy tôi, vội giằng tay ra, giọng nàng thẳng thốt:

- Kyros, người làm gì thế?

Đúng lúc đó, ban nhạc đang chuyển bài nên gần như mọi người trong lễ đường đều nghe thấy tiếng kêu thẳng thốt của Isidora. Mọi cặp mắt đổ dồn về khiến Isidora và tôi càng bối rối. Tôi vội buông tay Isidora ra, đứng chôn chân tại chỗ, không biết nên phản ứng thế nào.

Tuy xuất thân là nô lệ nhưng vì tôi thường thay mặt Dimitris trông nom công việc sản xuất vũ khí của triều đình và thường qua lại Mieza, chơi thân với những học trò tại đây và quen biết cả Hoàng tử Alexander nên ngoài Leonidas và Antigenidas ra, không mấy ai biết tôi là nô lệ. Dĩ nhiên Isidora và Sophia biết thân phận của tôi nhưng vì lớn lên cùng nhau, chơi đùa cùng nhau, nên khi xưa các cô cũng không để ý. Tuy nhiên, hiện nay tất cả đều đã lớn, đã có ý thức hơn về ranh giới giữa chúng tôi. Việc một gã nô lệ có hành động đường đột với một tiểu thư cảnh vàng lá ngọc trước bá quan văn võ triều đình là điều không thể chấp nhận. Trước ánh mắt ngạc nhiên của mọi người, Isidora càng trở nên vùng vằng, giận dữ. May thay, Simonides bước ra nắm tay Isidora, cười lớn:

- Thăng Kyros say mất rồi, thôi Isidora hãy nhảy với ta.

Tôi vẫn đứng nguyên, bàng hoàng vì sự đường đột của mình, không biết nên phản

ứng ra sao thì Antigenidas và Hephaestion đã kéo xệch tôi ra ngoài rồi ngoài lại nói với mọi người:

- Nó chưa quen uống rượu, mới có mấy chén đã say.

Mọi người cười ồ lên, không khí vui vẻ trở lại, chỉ có tôi nghe ngực mình đau nhói, tựa như một mũi giáo vừa đâm thẳng vào tim. Mỗi tình mà tôi cảm nín ấp ủ bao lâu vừa bị đặt dấu chấm một cách phũ phàng. Mặc dù không ai nhắc lại việc này nhưng sau đám cưới, tôi lấy cớ đi kiểm tra, theo dõi các nơi sản xuất khí giới để không trở về trang trại của Dimitris nữa. Tuy nhiên, có đi xa thì nỗi đau vẫn theo cùng. Đến lúc đó tôi mới nhận ra rằng mặc dù sống chung dưới một mái nhà từ nhỏ, lớn lên cùng nhau, nhưng dưới mắt họ, tôi vẫn chỉ là một nô lệ thấp hèn, không hơn không kém. Nỗi buồn biến thành oán thán. Tôi tự hỏi tại sao cùng là con người nhưng người thì được coi là quyền quý, cao sang, trong khi người khác phải mang thân nô lệ, bị xem là hèn kém. Tại sao lại có sự khác biệt giai cấp bất công như thế? Chẳng phải các thầy dạy vẫn nói về khoa học, về logic sao, nếu mọi sự trên thế giới này đều theo logic thì phải giải thích sự bất công này thế nào? Tôi suy nghĩ mãi nhưng chưa thể tìm ra câu trả lời...

Lại nói về tình hình Hy Lạp khi đó. Từ trước đến nay, Athens vẫn tự hào là trung tâm văn hóa của Hy Lạp với sự phát triển hưng thịnh của các trường phái triết học và các loại hình nghệ thuật. Dân Athens đều là những người thanh lịch, trí thức. Đối với họ, Macedonia chỉ là xứ sở hoang vu, man rợ và dân chúng đa phần là thất học. Khi Vua Philip đề nghị liên kết quân đội các thành bang quanh đó thành khối thống nhất để chống lại Ba Tư thì nghị viện Athens đã bác bỏ ngay. Demosthenes, chủ tịch nghị viện Athens đã gọi Vua Philip là “thằng mọi điên”. Khi thế lực của Vua Philip ngày càng mạnh vì đã thôn tính hầu hết những thành bang lân cận, sáp nhập vào lãnh thổ Macedonia và có thể trở thành mối đe dọa thì Athens và Thebes bèn hợp lực để đối phó với Macedonia.

Thebes nổi tiếng với đoàn kỵ binh hùng mạnh, đánh đâu thắng đó, nên khi hai bên vừa dàn trận trên cánh đồng Chaeroneia thì quân Thebes đã dũng mãnh lao lên tấn công trước. Trong lúc hai bên giao chiến, Alexander quan sát chiến thuật của quân Thebes rồi ra lệnh cho tướng dưới trướng là Cleitus kéo quân chạy vào hẻm núi. Đoàn kỵ binh của Thebes thừa thắng đuổi theo. Nhưng hẻm núi quanh co, chật hẹp không phải là địa hình thuận lợi cho kỵ binh, họ không thể chiến đấu hiệu quả như trên đồng bằng. Tận dụng sự thất thế của quân địch, quân Macedonia với những cây giáo rất dài lập tức chặn được đà lao của chiến mã cùng đội cung nỏ thiện nghệ của quân địch, thẳng tay tiêu diệt đoàn quân thiện

chiến nhất Hy Lạp lúc bấy giờ. Hơn sáu ngàn quân Thebes đã bỏ mạng tại hẻm núi. Cho đến lúc đó Dimitris mới nhận ra hiệu quả của chiến thuật chống kỵ binh mà Hoàng tử Alexander đã nói. Ông nói với tôi:

- Trước đây ta vẫn cho rằng những người trẻ chỉ được tính hiếu thắng và hung hăng nhưng chứng kiến trận đánh này, ta phải công nhận Hoàng tử Alexander quả thật rất tài giỏi.

Sau trận đánh đẫm máu đó, nghị viện Athens quy hàng và suy tôn Vua Philip làm lãnh tụ hội đồng liên minh quân đội Hy Lạp (*The League of Corinth*). Vua chúa các nước đều tuyên thệ trung thành với Vua Philip, đặt quân đội dưới sự chỉ huy của ông. Vua Philip sai Alexander thay mặt ông đến Athens ký nhận hiệp ước trước nghị viện Athens và vua chúa các xứ kia. Mặc dù đây là vinh dự lớn với một hoàng tử còn trẻ nhưng Alexander không thấy hài lòng, vị hoàng tử trách móc:

- Có bao nhiêu vinh quang hiển hách phụ vương ta đều chiếm hết, chẳng còn gì cho ta làm nữa.

Được đến Athens, trung tâm văn hóa của Hy Lạp lúc đó, là niềm mong ước của những người trẻ ở Macedonia, trong đó có tôi. Tôi cũng may mắn được theo đoàn tùy tùng của Hoàng tử Alexander đến Athens. Đoàn chúng tôi, người nào cũng náo nức được đến nơi phồn hoa đô hội với phố xá, nhà cửa sang trọng và những thiếu nữ xinh đẹp sẵn sàng đón tiếp. Tuy nhiên, khi đến Athens, chúng tôi vô cùng thất vọng vì sự tiếp đón hời hợt của nghị viện và người dân xứ này. Đa số họ vẫn coi người Macedonia là những kẻ man rợ. Vua chúa các nước Thrace, Thebes, Argos, Illyria, Triballi mặc dù đồng ý tuân phục Philip nhưng sự bất hợp tác vẫn lộ rõ qua thái độ nhát gừng, lời nói trịch thượng.

Việc này khiến Alexander vô cùng phật ý. Vị hoàng tử trẻ không dần được con giận khi Memnon, chỉ huy quân đội Athens, không chịu nâng chén chúc mừng và phàn nàn việc một “thằng bé con” ý thế lực của cha dám ngồi chung bàn với các vua chúa. Alexander nổi nóng, rút gươm toan xử tội gã chỉ huy tại chỗ nhưng các thành viên đoàn tháp tùng đã kịp thời ngăn cản. Vị hoàng tử trẻ tức giận bỏ về. Trước khi đi, Alexander quay lại nhìn một lượt những người trong bàn hội nghị rồi gằn giọng:

- Rồi các người sẽ biết tay “thằng bé con” xứ Macedonia này. Demosthenes, chủ tịch nghị viện Athens, mả mai:

- Hay lắm, nếu làm được gì thì xin cậu bé thông báo cho chúng tôi biết nhé.

Cả bàn hội nghị cười ồ, ra vẻ đắc ý. Alexander ném lại một cái nhìn sắc lạnh rồi dẫn đoàn tùy tùng đi thẳng. Trên đường về Pella, Perdicas phàn nàn:

- Người ta nói rằng dân Athens văn minh, trí thức nhưng ta chỉ thấy một lũ quan lại thói nát, ham thụ hưởng chứ không làm được việc gì.

Cleitus gật đầu, thể hiện sự đồng tình:

- Bọn họ và lũ vua chúa kia nữa, chỉ muốn yên thân chứ đâu nghĩ gì đến tai họa xâm lăng của Ba Tư. Họ chỉ mong kéo dài thời gian hưởng thụ, được ngày nào vui ngày đó. Việc gì xảy ra thì tính sau.

Alexander nói với các bạn:

- Làm sao chúng ta có thể hợp tác với những người như thế được? Bọn chúng chỉ biết đến địa vị và quyền lợi riêng chứ đâu để ý đến việc chung. Nếu quân Ba Tư thật sự kéo đến lần nữa, có lẽ chúng sẽ buông tay đầu hàng ngay để được an toàn chứ nghĩ gì đến việc chống cự.

Hephaestion gật đầu, góp lời:

- Trước đây, khi Ba Tư tấn công Athens, các thành bang khác đều không chịu gửi quân tiếp viện. Do đó mà Athens bị thiêu hủy, lăng miếu, đền đài thần thánh bị đào xới. Khi Ba Tư xâm chiếm hải đảo, không cho thuyền bè Hy Lạp ra khơi, các vua chúa vẫn đứng đưng, chẳng ai phản ứng gì vì quyền lợi của họ không bị đụng chạm, chỉ có dân chúng phải chịu thiệt thòi thôi.

Ptolemy cũng than:

- Đúng vậy, vua chúa các nước chỉ giỏi lo tranh chấp quyền lợi lẫn nhau, còn khi quân Ba Tư kéo đến thì mạnh ai người ấy chạy, nào có nghĩ gì đến dân chúng.

Alexander nghiêng rằng:

- Rồi sẽ có lúc ta dạy cho lũ ăn hại này một bài học nhớ đời.

Sau khi thành công trong việc đoàn kết một số tiểu quốc Hy Lạp thành một liên minh thống nhất và trở thành lãnh tụ của lực lượng này, Vua Philip rời Pella đi thanh tra quân đội của các nước trong liên minh. Trên đường đi Athens, ông bị ám sát.

Cái chết của Vua Philip khiến Macedonia rơi vào tình trạng bất ổn nghiêm trọng. Alexander nối ngôi vua cha, nhưng vừa lên ngôi đã gặp sự chống đối trong triều. Một số tướng lĩnh muốn Attalus, người đang nắm quyền chỉ huy quân đội, lên làm vua. Các quan trong triều lại ủng hộ người chỉ huy ngự lâm quân là Amyntas lên ngôi, cả hai đều có lực lượng quân đội và nắm giữ các vai trò quan trọng, về phía Alexander, tuy không nắm lực lượng quân đội trong tay nhưng Alexander có thể trông cậy vào các binh sĩ đang được huấn luyện trong trường võ bị dưới sự chỉ huy của các bạn mình là Leonidas, Antigonos, Ptolemy, Seleucus, Hephaestion, Cleitus, Simonides và Philotas. Là người phụ tá cho Dimitris, trông coi quân lượng, khí giới nên tôi được chứng kiến biến cố lịch sử này từ đầu đến cuối.

Để giành lại chủ quyền hoàn toàn, Alexander đã ra tay dứt khoát. Hôm đó, vị vua trẻ bước vào trại huấn luyện, trước hàng ngàn binh sĩ, ngài bắt đầu bài diễn văn hùng hồn nói về các thần linh, từ Zeus, Apollo đến Hercules, rồi nói về các anh hùng như Achilles, Menelaus, Hector, Diomedes... với giọng nói sang sảng, ngài trích dẫn những câu thơ hào hùng trong bản trường ca *Illiad* mà đa số quân sĩ trẻ đều thuộc nằm lòng. Ngài nhắc đến nỗi nhục của Hy Lạp bị Ba Tư xâm lăng, đến việc đền miếu thần thánh, mồ mả tổ tiên bị phá hủy, các biển đảo bị chiếm cứ khiến người Hy Lạp không còn cá để ăn. Ngài đặt vấn đề những vua chúa, những nhà lãnh đạo khác vẫn dửng dưng, chỉ lo tranh chấp quyền lợi, không nhìn thấy hiểm họa xâm lăng của Ba Tư, thì liệu những viên quan già nua kia có thể nào đảm đương trách nhiệm thống nhất liên minh để chống lại Ba Tư? Ngài cho rằng đã đến lúc Hy Lạp thay đổi, giành lại quyền làm chủ tương lai. Sau cùng, ngài kêu gọi những người trẻ tiến lên nhận lãnh trách nhiệm, gánh vác việc nước, xây dựng một tương lai hùng cường cho Hy Lạp, thay vì tiếp tục sống trong sợ hãi trước thảm họa ngoại xâm. Lòng nhiệt thành, hăng hái của Alexander khiến tất cả binh sĩ xúc động, sĩ khí được nâng cao. Tuy mang thân phận nô lệ, tôi cũng thấy trong lòng trào dâng lên một bầu nhiệt huyết muốn góp phần vào công cuộc chấn hưng Hy Lạp.

Với khí thế hăng hái đó, Alexander kéo binh tiến thẳng vào Pella dẹp tan các phe

nhóm quan triều không tuân phục mình. Cuộc hành binh chớp nhoáng khiến những người kia trở tay không kịp. Amyntas bị Ptolemy giết chết khi còn chưa kịp mặc giáp. Trong vòng nửa ngày, nhóm binh sĩ trẻ đã làm chủ tình hình Macedonia. Attalus đóng quân ở ngoại ô hay tin biến động ở Pella liền dẫn quân về triều nhưng trên đường đã bị Alexander cho người phục kích, giết chết. Trong hậu cung, Hoàng hậu Olympias cũng ra lệnh cho giết tất cả những người vợ lẽ của Vua Philip. Sau khi thanh lý nội bộ, Alexander cho họp các tướng sĩ lại, tuyên bố:

- Phụ vương ta là người theo chủ nghĩa lý tưởng, ông chủ trương liên kết các tiểu quốc thành một khối chung để chống ngoại xâm rồi mang quân giành lại những hải cảng của Hy Lạp đã bị Ba Tư xâm chiếm. Nay phụ vương ta qua đời, một số nước đã rút ra khỏi khối liên minh. Rõ ràng, nếu Ba Tư xâm lăng thì chúng ta không thể nào trông cậy vào những nước đó được. Khối liên minh cũng vì vậy mà không đủ mạnh. Ta chủ trương thực tế, ta muốn thống nhất tất cả các nước thành một quốc gia duy nhất, với một lực lượng quân đội duy nhất, đặt dưới sự chỉ huy của một người mà thôi, chính là ta đây!

Tiếng hò reo vang dậy, thể hiện sự đồng lòng của mọi người trước khí thế của tân vương trẻ tuổi. Để chuẩn bị cho chiến tranh, số xưởng rèn đúc khí giới được tăng lên gấp bốn lần so với trước. Công việc của tôi càng bận rộn hơn trước, phải liên tục đi lại giữa các xưởng sản xuất để kiểm tra, rà soát, đảm bảo không có khoản chi nào sai sót. Tất bật là thế, nhưng mỗi khi dừng chân ở nơi nào đó, nghe văng vẳng giai điệu Lydia xa gần, tôi đều không khỏi nhớ đến Isidora và chua xót cho thân phận nô lệ của mình.

Cuộc chiến thống nhất Hy Lạp của Alexander mở đầu với cuộc tấn công xứ Thessaly, là trung tâm thương mại phồn thịnh nhất khi đó. Chỉ sau vài ngày giao tranh, quân Macedonia đã đại thắng. Alexander cho sáp nhập Thessaly vào Macedonia. Vị vua trẻ ra lệnh cho tất cả trai tráng xứ này đều phải nhập ngũ, do đó mà quân số Macedonia gia tăng đáng kể. Các thuyền bè, tài sản thương mại của Thessaly đều bị tịch thu, sung vào công quỹ triều đình. Để bổ sung ngân sách cho quân lương và khí giới, Alexander cho bắt phụ nữ Thessaly đem bán cho các chợ mua bán nô lệ. Đây là lần đầu tôi tận mắt chứng kiến cảnh người mua bán người như loài vật, lòng không khỏi nghĩ đến mẹ tôi khi xưa cũng đã chịu số phận như thế. Nhìn những người dân vô tội bị nhốt trong lồng cũi súc vật, bị rao bán giữa chợ buôn người, lòng tôi tràn ngập cảm giác đốn đau như chính mình đang bị ngược đãi. Đây là một cảm giác vừa thương xót vừa sợ hãi lạ lùng mà chính tôi cũng không lý giải được. Trong xã hội Hy Lạp, mua bán nô lệ vốn là

điều bình thường. Hầu hết mọi người đều coi đó là việc hiển nhiên vì sự phân biệt giai cấp cho phép người có quyền hành xử như thế. người làm nô lệ cũng đã quen với sự đối xử bất công này và đành chấp nhận số phận. Cuộc đời họ ra sao hoàn toàn phụ thuộc vào thái độ của người chủ. Đa số đều bị đối xử tàn bạo và chỉ có một ít người may mắn như mẹ con tôi, được đối xử tử tế hơn. Vẫn biết “thắng làm vua, thua làm giặc” nhưng nhìn nỗi đau thương, thống khổ mà những người thua trận phải gánh chịu, lòng tôi vô cùng khó chịu.

Nhìn vẻ bàng hoàng của tôi trước cảnh buôn bán nô lệ này, Dimitris thản nhiên:

- Đây là lần đầu người chúng kiến việc này đúng không? Bình tĩnh đi, đừng sợ. Sau này người sẽ còn chứng kiến nhiều việc ghê gớm hơn nữa.

Tôi cố gắng trấn tĩnh, nhưng lời thật ra vẫn run rẩy:

- Nhưng tại sao... tại sao... chúng ta lại làm thế?

Dimitris giải thích:

- Mục đích của chúng ta là trang bị vũ khí cho quân đội để chống lại sự đe dọa của Ba Tư. Chúng ta cần nhiều tiền cho việc sản xuất thêm khí giới nên phải bắt phụ nữ bán làm nô lệ, lấy tiền bổ sung ngân quỹ. “Mục đích biện minh cho phương tiện”, chúng ta phải làm thế thôi. Nhưng người đừng sợ, ta không bao giờ bán người đâu.

Tôi gật đầu nhưng không đáp lời. Lời nói vô tình của Dimitris khiến tôi cảm thấy có chút cay đắng. Tuy được đối xử tử tế nhưng dưới mắt của Dimitris tôi vẫn chỉ là một nô lệ, không hơn không kém. Vốn ý thức thân phận nô lệ của mình nên tôi vô cùng biết ơn Dimitris đã đem tôi về nhà sống cùng các con ông và còn dạy tôi học việc. Thế nhưng, thỉnh thoảng tôi vẫn có chút chua xót vì suy cho cùng, Dimitris làm tất cả những điều đó cũng vì lợi ích của ông và ông mãi mãi chỉ coi tôi là một nô lệ giúp việc. Nhưng do đâu mà người thì sinh ra làm chủ nô, người thì sinh ra làm nô lệ? Mặc dù hiện tại không thể lý giải thân phận mình, nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn cảm thấy có một cái gì đó thôi thúc mình phải đi tìm câu trả lời.

Sau chiến thắng tại Thessaly, Alexander ra tối hậu thư cho các nước quanh đó: "Sáp nhập vào Macedonia hoặc bị chinh phạt". Không nhận được hồi âm, quân vương trẻ tuổi xua quân tiến đến Illyria, thiêu rụi kinh đô xứ này, sáp nhập tiểu

quốc này vào Macedonia. Thừa thắng, ngài kéo quân vượt đèo Shika, xóa sổ luôn xứ Triballi và Getae, sáp nhập hai nơi này thành hai tỉnh của Macedonia, với chiến thuật tiến binh thần tốc, với quân đoàn hăng hái vì lý tưởng thống nhất Hy Lạp, chỉ trong một thời gian ngắn, Alexander đã chinh phục hầu hết các nước xung quanh.

Alexander không những là người chỉ huy giỏi mà còn là một nhà chiến lược tài ba. Mỗi khi chinh phục được nước nào, ngài đều để lại đó một binh đoàn thuộc quân đội Macedonia nhằm kiểm soát an ninh, trong khi toàn bộ binh lực của nước đó sẽ được sáp nhập vào quân đội chủ lực của Macedonia. Mỗi một người lính mới sẽ do hai người lính Macedonia chịu trách nhiệm huấn luyện. Quân sĩ được huấn luyện cấp tốc rồi lập tức phải gia nhập lực lượng chủ lực, tiến ngay sang nước khác, do đó họ không có sự lựa chọn nào hơn là phải chiến đấu dưới lá cờ của Macedonia.

Sau khi chinh phục tất cả tiểu quốc lân cận, Alexander lên kế hoạch tấn công hai xứ có tầm ảnh hưởng lớn nhất Hy Lạp lúc đó là Athens và Thebes. Tướng Antipater đề nghị khởi binh đánh Athens trước. Alexander cười lớn:

- Một xứ sở mà mọi quyết định đều do mấy chục người trong nghị viện bàn cãi mà thành thì không bao giờ làm nên trò trống gì. Đám vô dụng trong nghị viện đó chỉ nói chứ có làm được gì đâu. Chỉ cần cho thấy hậu quả của việc không tuân phục ta thì không cần đánh chúng cũng sẽ hàng.

Sau đó Alexander ra lệnh tập trung quân lực kéo đến Thebes. Lần này, vị vua trẻ đã có trong tay hơn ba vạn quân sĩ, với hai chục pháo đài di động dựng lên để vượt bức tường thành kiên cố của xứ Thebes. Cuộc chiến kéo dài hơn mười ngày với tổn thất hai bên rất nặng nhưng cuối cùng đội quân của Alexander cũng giành chiến thắng. Để răn đe Athens, Alexander ra lệnh thiêu rụi cung điện xứ Thebes thành bình địa. Hơn sáu ngàn nhà cửa của dân chúng cũng bị đốt theo, ba mươi ngàn dân xứ này bị bắt làm nô lệ. Nhà vua cũng cho phép binh sĩ được tự do cướp phá, giết chóc, như phần thưởng cho cuộc chiến đẫm máu này. Hai tuần sau, khi Dimitris và tôi mang đồ tiếp tế đến đây thì ngọn lửa thiêu hủy kinh đô xứ này vẫn chưa tắt. Khắp nơi, xác người nằm la liệt, chặt cả những cánh đồng, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Những bấy kèn kèn, quạ đen bu kín xác người. Tất cả tạo nên một cảnh tượng thật kinh hoàng.

Tôi từng tin vào viễn kiến thống nhất Hy Lạp để chống ngoại xâm của vị vua trẻ và cũng chấp nhận quan điểm "mục đích biện minh cho phương tiện" với

việc bắt người bán làm nô lệ để lấy tiền sản xuất khí giới. Tuy nhiên, chúng kiến việc hủy diệt cả một xứ sở, cướp bóc của cải và tàn sát dân lành vô tội một cách man rợ chỉ để chúng tỏ quyền lực thì tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng toàn bộ việc này không chỉ nhằm chống ngoại xâm mà còn chính là tham vọng bành trướng lãnh thổ của Macedonia? Vua Philip cũng như Alexander đều lấy việc chống Ba Tư làm mục đích chính nghĩa cho cuộc chiến nhưng đằng sau lý tưởng tốt đẹp đó, phải chăng cả hai đều có những tham vọng quyền lực riêng?

Trong các thành bang của Hy Lạp, mỗi thành bang đều có những nét văn hóa đặc trưng và thế mạnh riêng. Thessaly nổi tiếng về thương mại, Sparta mạnh về quân sự, Thebes chuyên về chăn nuôi, Triballi hoạt động về hàng hải, Illyria chuyên về canh nông và Athens nổi tiếng về văn hóa. Macedonia là xứ nghèo nhất vì điều kiện đất đai khô cằn, chính nhờ tài điều khiển của Vua Philip và Alexander mà nay đã chinh phục được những thành bang kia. Alexander đã cho vẽ lại bản đồ, không còn phân chia ra nhiều nước, tất cả đều trở thành những tỉnh của Macedonia.

Khi nhìn tấm bản đồ này, tôi nghĩ đến lời dạy của Aristotle: "Đối với mọi sự, phải biết đặt câu hỏi “tại sao” để tìm hiểu căn nguyên”, rồi tự hỏi tại sao những nước kia có thể bị chinh phục dễ dàng như thế? Dĩ nhiên, ai cũng biết tài chỉ huy của nhà vua trẻ nhưng tôi nghĩ nếu dân chúng các xứ đó biết tự lập, tự cường, quyết tâm bảo vệ đất nước, nếu vua chúa những xứ đó cai trị bằng sự công minh thay vì chỉ hưởng thụ thì làm sao Alexander có thể dễ dàng chinh phục họ được? Chính vì lãnh đạo các xứ sở kia không để tâm điều hành việc triều chính, không chú trọng việc quốc phòng mà chỉ lo thụ hưởng nên Alexander mới lợi dụng sơ hở, thống nhất Hy Lạp được.

Đúng như Alexander dự đoán, số phận kinh hoàng của Thebes đã khiến nghị viện Athens khiếp vía, lập tức xin quy hàng. Alexander gửi thư cho Demosthenes, thư đề: "Thưa ông chủ tịch nghị viện, xin báo ông rõ: “thằng bé con” này đã thống nhất Hy Lạp”. Thay vì cho giết Demosthenes, Alexander ra lệnh cho nghị viện xứ này phải sắc phong cho mình làm lãnh đạo tối cao của Hy Lạp và việc này phải cử hành tại Athens, do chính Demosthenes tổ chức.

Chỉ trong vòng hai năm sau khi lên ngôi tại Macedonia, Alexander đã thống nhất Hy Lạp thành một quốc gia duy nhất. Ngài cho ban hành chính sách trung ương tập quyền và tất cả các thành bang bị chinh phục đều trở thành những tỉnh do trung ương kiểm soát. Ngài cho sáp nhập quân đội các nước lại thành một khối, đặt dưới quyền chỉ huy của mình, để chuẩn bị cuộc chiến tranh với Ba Tư.

Alexander cho tướng Antipater làm quan nhiếp chính, trông coi mọi việc tại Hy Lạp, đặt bản doanh tại Athens để quản thúc nghị viện nơi đây. Là người thông minh, Alexander không tin người Athens thật lòng tuân phục mình. Những người trí thức tự hào về truyền thống dân chủ xứ này sẽ không dễ gì chấp nhận một người xuất thân từ Macedonia mà họ coi là xứ man rợ lên nắm quyền lãnh đạo mình. Điều này cũng không có gì lạ. Thậm chí, khi Athens đầu hàng, tướng Memnon, chỉ huy quân đội Athens, còn dẫn quân chạy sang Ba Tư, xin gia nhập quân đội Ba Tư hùng đối phó với Macedonia. Điều này cho thấy rõ tinh thần chia rẽ và tính ích kỷ địa phương của các thành bang Hy Lạp khi đó. Tuy nhiên, sự quyết đoán có phần tàn bạo của Alexander, cộng với tài quân sự xuất sắc của ngài, rốt cuộc đã biến Hy Lạp thành một khối thống nhất, tạm yên dưới sự cai quản của chính quyền trung ương tập quyền do ngài đề ra. Việc bình định Hy Lạp đã xong, Alexander nhanh chóng tiến hành bước tiếp theo trên con đường chinh chiến của mình. Vị vua trẻ tập hợp lực lượng, chuẩn bị tấn công Ba Tư.

Trước khi lên đường, Alexander cũng các bạn học đến Mieza từ biệt thầy mình là Aristotle. Tôi cũng được Leonidas dẫn theo cùng. Vị vua trẻ nói với thầy:

- Con quyết định tấn công Ba Tư để rửa mối hận khi xưa xứ này đem quân đốt phá đền thờ, giày xéo làng miếu tổ tiên chúng ta. Con sẽ nêu cao ngọn cờ Macedonia khắp lãnh thổ Ba Tư và mang văn minh Hy Lạp đến dạy cho bọn mọi rợ ngu xuẩn kia.

Aristotle nhìn Alexander với vẻ trầm ngâm rồi lắc đầu, ôn tồn nói:

- Để chinh phục một quốc gia, không thể chỉ bằng quân sự mà phải có sự kết hợp đủ ba yếu tố: quân sự, kinh tế và văn hóa. Thiếu một trong ba yếu tố này, con không thể cai trị nơi nào lâu dài được. Con nên nhớ, chinh phục bằng quân sự thì không khó, cái khó là chinh phục nhân tâm. Nền văn minh của Ba Tư tuy có khác biệt với chúng ta nhưng không hẳn là kém hơn đâu. Con không nên quá tự cao, coi thường những giá trị mà con chưa hiểu rõ. Để thật sự chinh phục được một quốc gia, con phải biết tôn trọng phong tục, văn hóa của họ, đối xử công bằng với dân chúng ở đó, thì mới thu phục nhân tâm được. Khi đời sống người dân xứ đó được thoải mái, họ sẽ không chống lại con. Khi phong tục văn hóa xứ đó được tôn trọng, họ sẽ không coi con là kẻ xâm lược, và chỉ khi đó con mới thành công.

Alexander suy nghĩ lời thầy mình vừa nói. Là người thông minh, ngài hiểu ngay rằng Aristotle có lý, liền kính cẩn thưa:

- Lời thầy không sai. Con sẽ nghe theo thầy, khi hành quân, con sẽ mang theo các học giả giỏi nhất của Hy Lạp để nghiên cứu phong tục và văn hóa xứ khác. Những người này sẽ giúp con điều chỉnh việc cai trị cho thích hợp.

Aristotle gật đầu. Ông suy nghĩ một chút, rồi nói:

- Nếu thế thì ta sẽ cho Timotheus theo giúp con. Mọi vấn đề nan giải con có thể hỏi Timotheus hoặc viết thư cho ta.

Timotheus cũng là học trò của Platon tại Học viện Platon. Khi Platon qua đời, Aristotle không được bổ nhiệm làm viện trưởng và phải rời Athens thì Timotheus đi theo và trở thành học trò thân cận của ông. Tính tình Timotheus thâm trầm, ít nói, khác hẳn đám học trò hăng hái, náo động như Alexander, Cleitus, Leonidas, Perdicas hay Ptolemy. Ngoài ra, Timotheus vẫn thường được Aristotle cho thay ông lên lớp giảng dạy nên mọi người đều kính phục, coi ông như người có triển vọng thay thế Aristotle.

Việc cho người học trò thân tín nhất đi theo Alexander chứng tỏ Aristotle coi việc chinh phục nhân tâm xứ Ba Tư là vô cùng quan trọng. Việc này, một phần cũng có thể vì Aristotle không muốn Alexander chịu ảnh hưởng của những học giả xuất thân từ Học viện Platon đi theo đoàn quân viễn chinh.

Aristotle nói thêm:

- Các con cũng biết, văn minh của Hy Lạp vốn bắt nguồn từ Ai Cập, do Sinuhe, một hiền triết từ Ai Cập đến đây mở trường dạy học. Tuy nhiên, Sinuhe cũng chỉ học được một phần tinh hoa của Ai Cập mà thôi, còn nhiều thứ nữa mà ông ấy chưa được học. Do đó, từ xưa các hiền triết nước ta như Iamblichus, Pythagoras, Thales, Solon đã phải qua Ai Cập học tập thêm. Ta cũng muốn qua đó học thêm như người xưa đã làm. Tiếc rằng Ai Cập đã bị Assyria xâm lăng, rồi trở thành thuộc địa của Ba Tư nên ta cũng không muốn đến đó nữa.

Alexander nói ngay:

- Thầy đừng lo, sau khi chinh phục Ai Cập, con sẽ cho thu tập tất cả sách vở, tài liệu quý giá của xứ này mang về Mieza cho thầy nghiên cứu.

Aristotle quay sang những học trò khác ân cần dặn dò:

- Các con hãy nhớ lời dạy của ta. Đừng bao giờ tự mãn về những gì chúng ta đã biết. Bề học mênh mông, còn vô số điều chúng ta chưa biết. Cái biết có thể che cái thấy. Do đó, ta cần tránh những thành kiến hẹp hòi mà nên biết quan sát mọi việc, mở rộng tầm nhìn, sẵn sàng trải nghiệm, học hỏi những điều mới mẻ. Có thể các con mới xứng đáng là học trò của ta.

Được chứng kiến buổi nói chuyện giữa Aristotle và các học trò, tôi vô cùng khâm phục sự khôn ngoan của nhà hiền triết này. Dù trận chiến vẫn chưa bắt đầu, nhưng cả Alexander và Aristotle đều tin rằng Macedonia sẽ giành phần thắng. Biết trò không ai bằng thầy, tuy biết học trò có tham vọng lớn, có hùng tài chỉ huy, lãnh đạo, nhưng Aristotle cũng sợ sự hăng say, nhiệt huyết của tuổi trẻ kia có thể đưa đến những sai lầm khó cứu vãn, vì vậy mà ông đã phái người học trò thân tín và tài năng nhất là Timotheus đi theo Alexander, để giúp cho việc cai trị các thuộc địa hiệu quả và vững bền hơn.

Để chuẩn bị cho cuộc đại viễn chinh, Alexander phong cho Parmenion, vị tướng trung thành đã từng lập nhiều chiến công của Vua Philip, làm chỉ huy quân đội viễn chinh, rồi giao cho các bạn như Hephaestion, Perdicas, Leonidas, Ptolemy, Antigonus, Cleitus, Seleucus, Philotas và Simonides nắm giữ chức vụ quan trọng khác. Những người này đều là con cháu các gia đình quý tộc xứ Macedonia, từ nhỏ đã là bạn chơi đùa cùng với Alexander, lớn lên lại cùng theo học Aristotle, nên Alexander có thể tin tưởng vào sự trung thành tuyệt đối của họ.

Trước chiến tranh luôn là thời điểm nhiều người trẻ vội vã lập gia đình. Phần vì họ muốn tận hưởng đời sống lứa đôi trước khi tương lai rơi vào cảnh bất định, phần nữa là do các gia đình đều muốn sớm có con cháu nối dõi, vì không ai biết việc binh đao bất trắc thế nào. Đây cũng là lúc các gia đình quý tộc thu xếp cho con gái họ lập gia đình với những người mà tương lai có thể nắm những vị trí quan trọng trong triều đình.

Là người tính toán khôn ngoan, Dimitris thu xếp ngay cho Isidora gặp gỡ và hứa hôn với Cassander, con trai của tướng Antipater. Sophia thì hứa hôn với Philotas, con của tướng Parmenion. Trong các học trò của Aristotle, đây là hai người có tương lai nhất, vừa là bạn thân của Alexander, vừa là con của hai đại tướng chỉ huy quân đội Macedonia. Đám cưới của Sophia với Philotas được cử hành ngay sau đó, còn của Isidora thì hoãn lại đến mùa đông. Tuy nhiên vào phút cuối, Antipater đổi ý, không muốn con mình đi theo đoàn quân viễn chinh. Để tránh lời dị nghị về sự trung thành của ông với Alexander, ông thu xếp cho Cassander lấy

Thessalonike, em gái của Alexander, rồi giao cho Cassander chức vị kiểm soát việc hành chính tại Athens, bảo đảm nhiều người trong gia đình của Alexander nắm quyền tại một nơi quan trọng. Điều này làm Alexander và Thái hậu Olympias vui lòng nhưng đồng nghĩa với việc cuộc đính ước với Isidora phải hủy bỏ.

Đối với phong tục Hy Lạp, đây là một vụ bê bối không nhỏ. Trong giới Ai Cập quý tộc, cho dù vì lý do gì thì việc người con gái bị từ hôn là một điều nhục nhã. Trong các tiểu thư khuê các của triều đình, Isidora vốn nổi tiếng xinh đẹp và luôn được nhiều người săn đón. Các bạn của Leonidas như Simonides, Perdicas, Philiteus, Medius cũng ít nhiều để ý đến cô. Với nhan sắc xinh đẹp như thế, Isidora cũng bị các tiểu thư khác ghen ghét, ganh tỵ. Vì vậy, việc bãi hôn bất ngờ này đã tạo ra nhiều dư luận đàm tiếu và lan truyền đi rất nhanh. Dimitris buồn bực nhưng không thể làm gì vì Antipater là vị tướng chỉ huy quân đội Hy Lạp, còn là quan nhiếp chính chỉ đứng sau Alexander. Hơn nữa Thessalonike là công chúa, em của Alexander nên cuộc hôn nhân này được coi là ván bài chính trị của Antipater, nhằm kết thân với hoàng gia và đạt được sự tin tưởng của Alexander.

Khi nghe được tin bất ngờ này, lòng tôi quá sức ngổn ngang, sống gần nhau từ nhỏ, tôi biết Isidora vẫn tự hào về sắc đẹp của mình và luôn mong lấy được người chồng danh giá nên việc lần này hẳn là cú sốc rất lớn với cô. Dĩ nhiên người như cô chẳng bao giờ để ý đến tên nô lệ hèn kém như tôi. Tuy thế, trước việc không may này, tôi có phần thương xót cho cô nhưng cũng thầm nuôi hy vọng biết đâu một ngày nào đó cô sẽ thay đổi tâm ý...

Thời điểm này, Ba Tư là đế quốc lớn, lãnh thổ chạy dài từ Ai cập đến tận núi Hindu Kush. Trong khi đó, Hy Lạp chỉ là một bán đảo bé nhỏ. Từ nhiều năm trước, các hải cảng của Hy Lạp như Ephesus, Miletus, Halicarnassus nằm ở bên kia bờ Địa Trung Hải đã bị Ba Tư chiếm cứ. Sau đó, các hải đảo quanh Hy Lạp cũng dần dần bị xâm chiếm. Thuyền bè Ba Tư kiểm soát các hải lộ quan trọng của Địa Trung Hải và tấn công bất kỳ thuyền bè Hy Lạp nào dám bén mảng ra khơi. Trong gần một thế kỷ, dân Hy Lạp luôn sống trong sợ hãi trước sự bành trướng của Ba Tư. Họ nhìn thấy đế quốc Assyria bị tiêu diệt, xứ Kush bị xóa sổ, một nửa Nubia bị rơi vào tầm kiểm soát của Ba Tư, nên đa số người Hy Lạp đều lo sợ phập phồng không biết khi nào xứ mình sẽ bị xâm lăng và số phận của họ sẽ ra sao nếu phải sống dưới ách cai trị của những người mà họ coi là man di, mọi rợ.

Khi xưa Vua Philip của Macedonia chủ trương khai chiến để thống nhất quân lực các nước trong bán đảo Hy Lạp là để chiếm lại những hải cảng đã mất về tay Ba Tư cũng như để phòng việc bị Ba Tư tấn công lần nữa. Tuy nhiên, khi Alexander thống nhất Hy Lạp, vị vua trẻ vừa tròn hai mươi tuổi này chủ trương tấn công Ba Tư để chấm dứt triệt để mối đe dọa xâm lăng đã tồn tại từ thế kỷ trước. Bằng những bài diễn văn hùng hồn về truyền thống anh hùng của Hy Lạp, Alexander đi khắp nơi kêu gọi việc tấn công kẻ thù lịch sử, khiến các thanh niên trẻ đều nức lòng tin vào khẩu hiệu “Đánh trước thì thắng”. Do đó, chỉ trong một thời gian ngắn, Alexander đã có hơn bốn mươi ngàn quân sĩ sẵn sàng chiến đấu.

Alexander cho tổ chức lại quân đội theo chiến lược hành quân thần tốc để sẵn sàng ứng phó với mọi hoàn cảnh. Quân sĩ được huấn luyện sử dụng những cây giáo sarissa rất dài để tiến thoái theo nhịp trống trận chứ không chiến đấu theo cách ào ạt xông lên không có bài bản như xưa. Ngài còn thiết lập một hệ thống tiếp vận quy mô với rất nhiều cỗ xe do ngựa kéo để có thể di chuyển nhanh hơn. Ngoài ra ngài cho mang theo rất nhiều kỹ sư xây dựng đường sá, thiết lập các máy móc bắn tên, phóng đá, thợ rèn đúc vũ khí và cũng dẫn theo một số nghệ sĩ, nhạc sĩ để kích động tinh thần chiến đấu*.

** (Ghi chú của tác giả: Các sử gia thời đó ghi chép rằng Alexander là người có kế hoạch hành quân chi tiết dựa vào địa thế, thời tiết, khí hậu. Nhà vua cũng cho tổ chức hệ thống tiếp vận hiệu quả để có thể di chuyển thật nhanh. Chiến lược của Alexander tập trung vào ba chữ: đánh trước, đánh nhanh và đánh mạnh. Các văn kiện về chiến lược và chiến thuật của ông được lưu trữ tại thư viện Alexandria. Sau này, Hoàng đế Julius Caesar cho mang những văn kiện này về La Mã làm tài liệu giảng dạy cho quân đội. Hoàng đế Napoleon cũng coi những tài liệu này là sách gối đầu giường của mình.*

Đừng bao giờ tự mãn về những gì chúng ta đã biết. Bể học mênh mông, còn vô số điều chúng ta chưa biết, cái biết có thể che cái thấy. Do đó, ta cần tránh những thành kiến hẹp hòi mà nên biết quan sát mọi việc, mở rộng tầm nhìn, sẵn sàng trải nghiệm, học hỏi những điều mới mẻ.

Tướng Medius được giao nhiệm vụ trông coi việc tiếp vận. Dimitris được giao nhiệm vụ kiểm soát quân lương, việc này đòi hỏi ông phải đi lại giữa kinh đô Pella với những nơi Alexander đóng quân. Chuyển đi có thể kéo dài cả tháng, có khi di chuyển bằng thuyền, có khi bằng đường bộ, qua đồi núi trập trùng nên viện có tuổi già, sức yếu, Dimitris đề nghị Alexander trao trách nhiệm này cho

tôi. Ông nói:

- Kyros đã làm việc kiểm soát quân lương và sản xuất khí giới trong nhiều năm, là người làm việc chu đáo nên thần tin rằng hẳn có thể hoàn thành công việc này.

Mặc dù tôi mang thân phận nô lệ nhưng vì chơi thân với Leonidas, thường qua lại Mieza, quen biết Ptolemy, Perdicas, Seleucus, Medius và cả Alexander, nên những người này cũng coi tôi như bạn. Khi Dimitris đề nghị giao cho tôi trông coi quân lương, tôi nhận được sự tín nhiệm của Alexander ngay. Một lần nữa, tôi lại đóng vai người chuyển thư qua lại cho Leonidas và Melissa. Suốt thời gian chinh chiến, dù đi đến đâu Leonidas cũng không quên viết thư cho vợ, gửi kèm những bản nhạc do anh sáng tác. Mỗi lần ghé về Pella để báo cáo cho Dimitris, tôi vẫn gặp Melissa và cô luôn hỏi: “Kyros, có thư của Leonidas không?”.

Quân đội Macedonia đã hành quân kéo qua Tiểu Á (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay) và hạ trại gần hải cảng Hellespont. Buổi chiều hôm đó, Alexander đã bất ngờ gọi một số người bạn lên một chiếc thuyền đi thăm thành cổ Troy ở gần đó. Khi thuyền còn chưa dừng hẳn, Alexander đã nhảy xuống trước, dẫn đầu đoàn người xâm xâm hướng về thành cổ. Đứng trước những phế tích của thành Troy từng vang danh một thời, nơi đã đi vào thi ca, âm nhạc, sử sách của rất nhiều đời hậu thế, Alexander phóng tầm mắt bao quát lặng ngẫm cảnh vật như đang chìm vào một ký ức xa xôi, rồi buột miệng thốt lên:

- Lần đầu người Hy Lạp đặt chân lên Á Châu chính là chỗ này đây - thành Troy. Ta cũng đã từng đến đây!

Tôi đang ngạc nhiên thì đã nghe Ptolemy lên tiếng hỏi:

- Ngài đã đến đây vào lúc nào? Sao lại có thể...

Alexander thản nhiên trả lời:

- Ta đã từng cùng hàng vạn binh lính trên hàng ngàn chiến thuyền vượt biển từ Hy Lạp đến Troy, hạ trại nơi bờ biển cát trắng này, từng ngủ cùng các quân sĩ, từng tham gia những trận công thành đẫm máu, từng trằn trọc nhiều đêm cùng các tướng lĩnh suy nghĩ làm sao đột nhập được bức tường thành kiên cố để triệt phá thành Troy.

Ptolemy, Seleucus và Antigonos nhìn nhau với vẻ vừa hoang mang vừa kinh ngạc

nhưng không ai nói gì. Thấy mọi người có vẻ không tin, Alexander quay qua tôi, hỏi to:

- Kyros, nhà người nghĩ sao? người có tin rằng ta đã từng đến đây tham dự cuộc chinh chiến đẫm máu nhất Hy Lạp để san bằng, thiêu rụi thành Troy không?

Tôi bất ngờ khi được hỏi, đang không biết phải trả lời thế nào thì may thay Timotheus đã lên tiếng:

- Thưa nhà vua, nếu đúng vậy thì dãy tường thành Troy khổng lồ khi xưa nằm ở chỗ nào?

Alexander không cần suy nghĩ, chỉ tay về hướng ngọn đồi:

- Nhìn kìa, các người có thấy ngọn đồi nơi có hai cây cổ thụ lớn đằng xa kia không? Bức tường thành Troy khi đó chạy dài từ ngọn đồi đó đến tận phía Tây kia. Một dãy tường thành kiên cố, hùng vĩ và sừng sững nơi đó, thách thức những chiến binh can trường nhất của Hy Lạp. Đội quân Hy Lạp những tưởng có thể san bằng mọi thành lũy trên đời này lại phải bất lực nhìn bức tường thành ngạo nghễ kia chặn đứng mọi cuộc tấn công của mình trong mười năm ròng rã khổ chiến. Mọi cánh quân tiến đánh thành Troy đều sợ hãi đội quân của Hector và cũng không ai chiến thắng được Hoàng tử Hector trong các trận đọ sức một chọi một. Các người nên biết rằng chính tay ta đã giết chết Hector, chiến binh tài giỏi nhất nơi này, trong trận quyết đấu tay đôi để trả thù cho người anh em Patroclus đã bị Hector đâm nhát kiếm sâu vào cổ họng, khiến ta nổi cơn thịnh nộ. Đó là một buổi bình minh, chỉ một mình ta tiến đến cổng thành Troy thách đấu với hắn và đã giết chết được hắn.

Không còn Hector chỉ huy, trong thành chỉ còn quân đội của một vị vua già và em trai của Hector là Paris, kẻ điếm đàng khốn kiếp đã dùng thủ đoạn quyến rũ, bắt cóc người phụ nữ trẻ đẹp Helen vốn là vợ của nhà vua xứ Sparta. Chính việc làm sai trái của Paris đã dẫn đến cuộc chiến tranh thành Troy thảm khốc. Tuy nhiên, dù Hoàng tử Hector đã chết nhưng chúng ta vẫn không có cách nào hạ được cửa thành kiên cố đó. Không biết bao nhiêu xương máu của các chiến binh Hy Lạp đã ngã xuống trước bức tường thành định mệnh này...

Chúng tôi đều lặng im, không ai dám lên tiếng hay ngắt lời Alexander vì ai cũng cảm nhận được vị hoàng đế này không có vẻ gì là đang đùa cợt. Alexander lúc đó không quan tâm đến chúng tôi, kể tiếp:

- Cuộc đời của ta chưa bao giờ có suy nghĩ phải lùi bước trước bất cứ kẻ thù nào. Ta tiếp tục cùng những tướng lĩnh Hy Lạp trần trọc nhiều đêm để nghĩ ra mưu lược, quyết tâm bằng mọi giá phải phá được thành Troy. Ngày nào chưa công phá được tòa thành Troy, ngày đó chúng ta sẽ không về quê hương. Sau cùng, Odysseus, vua xứ Ithaca, đã nghĩ ra một diệu kế vô tiền khoáng hậu để đánh lừa vua thành Troy. chúng ta đã tháo dỡ các chiến thuyền của mình để lấy gỗ đóng thành một con ngựa gỗ khổng lồ, kỳ vĩ nhất trên đời và giấu bên trong con ngựa một toán quân thiện chiến nhất. Sau đó, chúng ta giả vờ bị bệnh dịch, nhổ trại, lên tàu rút binh, rồi ém quân vào một eo biển vắng gần đó. Vua thành Troy mừng vui vì tướng Hy Lạp cuối cùng đã cam chịu thất bại và đã rút quân một cách thảm hại, còn để lại trên bãi biển con ngựa gỗ khổng lồ như một món lễ vật dâng lên thần linh, có ý nghĩa như một lời cầu hòa. Bất chấp lời can ngăn từ nữ tiên tri Cassandra, Vua Priam của thành Troy vẫn quyết định cho quân lính kéo con ngựa gỗ vào thành, coi như một chiến lợi phẩm minh chứng cho chiến thắng. Đêm đó, hầu như tất cả tướng lĩnh thành Troy say sưa uống rượu ăn mừng, đốt lửa cảm ơn thần linh và nhảy múa quanh con ngựa gỗ đến khuya, rồi ngủ thiếp đi trong men rượu. Đúng lúc đó, chúng ta từ trong bụng ngựa gỗ thoát ra, mở cổng thành cho quân Hy Lạp đợi sẵn tràn vào, đánh cho tan tành đội quân thành Troy thiện chiến, rồi thiêu rụi, san bằng tòa thành kiên cố đó.

Chúng tôi lặng người quay qua nhìn nhau, nửa tin nửa ngờ, nhưng ánh mắt rực lửa của Alexander khi kể lại chi tiết trận công thành lịch sử nọ khiến chúng tôi lạnh người. Alexander không quan tâm đến thái độ bán tín bán nghi của chúng tôi mà phóng tầm mắt nhìn về cuối chân trời rồi cương quyết:

- Ta đã trở lại! Lần này ta sẽ chinh phạt Á Châu, đánh đến tận cùng thế giới. Không kẻ nào có thể cản bước chiến mã của ta và lần này sẽ không ai có thể giết được ta nữa!

Chúng tôi quay trở ra bờ biển. Mọi người vừa đi vừa suy nghĩ về trận đánh với quân đội Ba Tư sắp diễn ra, nhưng trong đầu luẩn quẩn câu chuyện về thành Troy. Khi đến gần chỗ neo thuyền, Alexander quay lại nhìn phước tích thành Troy đằng xa một lúc nữa rồi đột nhiên ngài quay sang tôi, trầm giọng vừa đủ cho tôi nghe:

- Kyros! Ta chính là Achilles đã trở lại.

Lời tuyên bố bất ngờ này như một tiếng sấm dội trong đầu tôi. Không một người

Hy Lạp nào lại không biết thần thoại về trận chiến thành Troy, với các vị anh hùng lừng danh ở cả hai chiến tuyến, từ Odysseus đến Hector, Menelaus, Ajax, Agamemnon và cả Achilles nữa. Nhưng việc Alexander tự nhận ra mình là Achilles là việc thế nào đây? Quá đỗi kinh ngạc, nhưng cũng không dám thất lễ, tôi cung kính hỏi:

- Thừa đức vua! Vậy có thật là Achilles đã chết trong trận chiến thành Troy bởi một mũi tên bắn vào gót chân?

Alexander im lặng nhìn về nơi xa xăm một lát rồi nói:

- Achilles dũng mãnh chưa bao giờ thua một trận nào. Achilles đã chết bởi mũi tên của Hoàng tử Paris bắn vào đúng gót chân, là tử huyệt duy nhất của Achilles. Bất kỳ vị anh hùng nào trên đời này cũng có một điểm yếu.

Câu chuyện kể của Alexander làm dậy lên trong đầu tôi câu hỏi: Liệu người đã chết cả ngàn năm có thể trở về thế giới này và nhớ lại được chuyện cũ hay sao, nên Alexander mới có thể kể chi tiết đến vậy? Chẳng lẽ chết chưa phải là dấu chấm hết sao? Alexander chắc chắn không có lý do gì để nói dối về việc này. Ngài đã là một vị vua vĩ đại, đã chứng minh được tài thao lược trên chiến trường và đã vang danh toàn cõi Hy Lạp rồi.

Đêm đó, tôi hầu như không ngủ được vì mãi trăn trở với câu hỏi: “Có thật là con người có thể sống lại ở một kiếp sống khác không? Nếu có, thì người ta có giữ được tính cách, sự hiểu biết từ kiếp sống trước đó không?”. Tôi thử liên hệ, so sánh và nhận ra những điểm tương đồng kỳ lạ giữa Hoàng đế Alexander và Achilles - người con của nữ thần biển Thetis và vua Hy Lạp Peleus trong những câu chuyện thần thoại cổ xưa mà tôi từng được biết. Đúng là hai người đều có những nét tính cách và tinh thần hiếm ai có được. Chuyện kể rằng, khi còn nhỏ, Achilles được người mẹ là nữ thần biển Thetis cầm gót chân, dốc ngược và nhúng cả người cậu bé vào nước sông styx - con sông ngăn cách giữa trần gian và âm phủ - để Achilles có được sự bất tử như thần linh. Từ đó, toàn thân của Achilles rắn chắc như sắt thép, chỉ trừ duy nhất vị trí gót chân, là phần được nữ thần biển nắm bằng hai tay nên không nhúng được vào dòng nước thiêng. Achilles đã chết vì một điểm yếu duy nhất ở gót chân, còn Alexander bất bại có điểm yếu nào chẳng? Có điều gì có thể ngăn cản được chiến thần hùng mạnh bất bại của Hy Lạp này? Sự chém giết triền miên này bao giờ mới kết thúc được?

Trong buổi nói chuyện về kiếp sống ly kỳ tại Hy Lạp, ông Thomas nói rằng ông ấn tượng mãi về lần tháp tùng Alexander Đại đế viếng thăm phê tích thành Troy và đã ngạc nhiên ra sao khi nghe Alexander kể vanh vách chi tiết trận chiến thành Troy và cuối cùng còn khẳng định mình chính là Achilles lòng danh, câu chuyện này cứ mãi ám ảnh trong tâm trí Thomas. Nếu những người hùng như Achilles và Alexander được số phận cho gánh vác sứ mệnh lớn thì hàng triệu những con người bình thường và vô tội khác, những nô lệ, những tù binh không lẽ chỉ đáng là những vật hèn mọn để hy sinh, tô điểm cho những chiến công thần kỳ của các anh hùng nọ? Chính sự tôn sùng chủ nghĩa anh hùng thời chiến đã làm u mê, gieo định kiến và góp phần làm tha hóa nhân sinh quan con người.

Chính câu hỏi về thân phận nô lệ đau khổ, thấp kém của mình là động lực mạnh mẽ thúc đẩy Kyros dùng cả cuộc đời để bước vào hành trình đi tìm bằng được câu trả lời.

Cuối buổi chuyện trò, Thomas đã chia sẻ với tôi một cách sâu sắc: *"Trong cuộc đời mỗi con người, đôi khi chỉ cần ta dám đặt câu hỏi và dám đi tìm tận cùng câu trả lời thì chúng ta sẽ bước vào một hành trình khám phá có thể làm thay đổi hoàn toàn nhận thức và ý nghĩa cuộc sống, vì cuộc sống chính là hành trình trải nghiệm, học hỏi không ngừng, bất tận. Mỗi một giờ khắc trôi qua, thế giới lại sản sinh ra hàng triệu điều mới mẻ. Những ai ngừng học hỏi, khám phá sẽ đi đến sự thiếu hiểu biết, bảo thủ, định kiến, lỗi thời, và điều quan trọng là chúng ta có thể khẳng định rằng mỗi người chúng ta ở kiếp sống này rất có thể là hiện thân của một ai đó trong chuỗi kiếp sống vô tận. Dù là một người bình thường hay một nhân vật lòng danh, chúng ta từ khi sinh ra cho đến hiện tại đều mang theo mình đủ mầm thiện, ác đan xen. Và chính bản thân chúng ta sẽ là người quyết định hạt mầm nào được đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái, chính suy nghĩ và hành động của chúng ta - chứ không phải của bất kỳ ai khác - tạo nên số phận của mình."*

Vào thời cổ đại Hy Lạp, các hiền triết như Pythagoras, Socrates và Platon đều quan niệm rằng con người có linh hồn vô hình, bất diệt, khác với thể xác hữu hình, hữu hoại. Quan niệm về linh hồn của những nhà hiền triết này ít nhiều khác biệt, nhưng tựu trung vẫn tin rằng linh hồn chính là sự sống, nhờ có linh hồn nên thể xác mới có thể sống và hoạt động được. Linh hồn là bất tử, khi thể xác chết, linh hồn di chuyển vào thể xác khác để tiếp tục đời sống. Pythagoras tin rằng

linh hồn có thể di chuyển vào thể xác của người hay thú vật, nhưng Socrates lại cho rằng linh hồn chỉ có thể di chuyển vào thể xác người vì linh hồn là nơi chứa đựng kiến thức, trong khi loài vật thì không có kiến thức. Do đó, mục đích của đời người là trau dồi kiến thức để trở nên thông thái hơn. Socrates chứng minh sự hiện hữu của linh hồn bằng cách đưa một bài toán khó cho một nhóm nô lệ thất học để xem họ có thể làm gì. Một trong những nô lệ đó đã giải được bài toán đó, Socrates giải thích rằng vì người này đã học toán trong kiếp trước nên linh hồn nhớ được phương pháp giải toán. Quan niệm về linh hồn bất tử này thường bị các triết gia khác chỉ trích và chế giễu.

Platon đi xa hơn thầy mình (Socrates) bằng cách giải thích trong quyển *Cộng hòa* rằng con người phải trải qua một hành trình cần thiết để học hỏi. Linh hồn có sự sống kéo dài vô tận, trong khi thể xác thì có giới hạn. Do đó, linh hồn liên tục tái sinh vào thể xác: sinh ra, chết đi, rồi tiếp tục tái sinh trở lại để học hỏi. Tội lỗi con người gây ra ở phần đầu của cuộc hành trình sẽ khiến họ phải trả giá trong những phần sau và những chuyện họ từng trải ở kiếp này cũng theo họ đến kiếp khác. Bởi thế mà linh hồn của Orpheus đã chọn tái sinh thành thiên nga vì anh không muốn sinh ra làm phụ nữ, Thersites tái sinh thành đười ươi, và Agamemnon thành chim ưng, Odysseus lựa chọn trở thành một người bình thường tầm thường. Nếu con người có thể trở thành thú thì con thú có thể tái sinh thành người, loài thú hung hăng thường trở thành người man rợ, loài thú hiền lành trở thành người lịch sự, loài thú khôn ngoan trở thành người thông minh.

Platon chia linh hồn ra làm ba phần: Phần lý luận (*Rational*) nằm ở bộ óc, phần tình cảm (*Spirited*) nằm ở con tim và phần dục vọng (*Appetite*) nằm ở bụng dưới hay cơ quan sinh dục. Tùy con người phát triển thiên về phần nào mà sau khi chết, linh hồn sẽ tái sinh vào các xác thân tương ứng. Linh hồn phát triển về lý luận thường tái sinh vào thể xác vua chúa, người lãnh đạo, hay giới tinh hoa, quý tộc. Linh hồn phát triển về tình cảm thường di chuyển vào thể xác của các nghệ sĩ, giáo sĩ hay người có tài về nghệ thuật. Linh hồn phát triển về dục vọng thường di chuyển vào thể xác của thợ thuyền, kẻ thất học hay nô lệ. Quan niệm này có phần nào đó bị ảnh hưởng bởi sự phân chia giai cấp trong xã hội lúc đó, nơi mà những người bị đẩy xuống giai cấp thợ thuyền hay nô lệ vốn không có kiến thức hay hiểu biết gì.

Người Hy Lạp tin rằng khi con người làm được những việc to lớn, vĩ đại thì sau khi chết, được trở thành thần thánh, sống trong cõi của thần linh. Tuy nhiên, các thần linh cũng không khác con người bao nhiêu, tuy là thần nhưng họ cũng tham lam, ích kỷ, thích ăn uống, rượu chè, tranh chấp và háo sắc như người, chỉ khác

là họ có quyền năng nên có thể làm những việc mà con người không làm được.

Dù là một người bình thường hay một nhân vật lừng danh, chúng ta từ khi sinh ra cho đến hiện tại đều mang theo mình đủ mầm thiện, ác đan xen. Và chính bản thân chúng ta sẽ là người quyết định hạt mầm nào được đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái. Chính suy nghĩ và hành động của chúng ta - chứ không phải của bất kỳ ai khác - tạo nên số phận của chúng ta.

Phần tám

BA TƯ: CHINH PHẠT VÀ TÌNH YÊU

Cuộc chiến tranh giữa Hy Lạp và Ba Tư khởi sự với trận đánh bên bờ sông Granicus. Lúc đó, quân Ba Tư đã tập hợp lực lượng, quy tụ cả những phản quân từ Athens chạy sang đầu quân để chống lại Alexander, nên binh lực hai bên chênh lệch rõ rệt. Khi dàn trận, tướng Parmenion điều nghiên, quan sát thế trận hai bên rồi đề nghị Alexander cho giữ vững vị trí, chờ quân Ba Tư tấn công trước. Alexander lắc đầu, quả quyết:

- Không được, cách phòng thủ tốt nhất là tấn công. Phải bắt ngờ đánh trước. Đánh trước thì mới thắng được.

Ngay đêm hôm đó, quân lệnh truyền xuống cho toàn quân sẵn sàng khai chiến. Khởi đầu trận đánh, quân đội Hy Lạp được hỗ trợ bởi kèn đồng, trống trận và các bản nhạc hùng tráng giúp cho đội quân bùng bùng khí thế, binh sĩ hùng hục nhuệ khí như thể họ đang tham gia một cuộc thánh chiến vĩ đại và việc được chết dưới màu cờ của binh đoàn Alexander là một vinh dự thiêng liêng, không có gì phải tiếc nuối.

Trong một cuộc chiến mà một phía là đội quân không sợ chết thì sự sợ hãi thường ở phía đối phương. Không như những người chỉ huy thông thường, chỉ ở phía sau ra lệnh, Alexander mặc áo giáp, cưỡi ngựa, rút kiếm vượt lên dẫn đầu đoàn quân xung phong, tiến về phía trước. Đây là một hành động mạo hiểm hiểm có, vì những vị tướng dạn dày kinh nghiệm chiến trường thường chẳng bao giờ làm như thế. Vừa thấy Alexander phóng ngựa xông lên trước, các tướng Ba Tư lập tức nhắm vào Alexander, vì giết được nhà vua thì kể như trận chiến sẽ ngã ngũ. Vị vua trẻ ngay lập tức bị bao vây bởi bốn viên tướng Ba Tư nhưng ngài không tỏ ra nao núng dù chỉ một chút. Alexander chiến đấu anh dũng, đâm chết được hai tướng lĩnh Ba Tư nhưng cũng bị trúng một cán thương vào đầu. May nhờ chiếc mũ sắt dày nên nhà vua chỉ bị chấn động nhẹ. Khi kiếm của Alexander bị gãy, không còn vũ khí nào trong tay và bị một tướng lĩnh Ba Tư tấn công quyết liệt thì may thay Cleitus đã liều mình xông đến tiếp ứng. Cleitus chém đứt cánh tay viên tướng kia, rồi đưa ngay thanh kiếm của mình cho Alexander, có lại vũ khí, Alexander tiếp tục xông lên tấn công. Thấy nhà vua quả cảm, liều mình như

thế, toàn quân Hy Lạp đều hết lòng chiến đấu, phá vỡ các mặt xích trong thế trận của Ba Tư. Trước khí thế và lòng cảm tử của quân Hy Lạp, tướng chỉ huy Ba Tư rút cuộc phải ra lệnh cho quân sĩ rút lui. Quân Ba Tư tổn thất nặng nề, phía Hy Lạp ít thương vong và đã chiếm phần thắng. Ngoài thu được nhiều khí giới, họ còn bắt được nhiều tù binh. Alexander ra lệnh cho xử tội tất cả những ai là phản quân Hy Lạp đã gia nhập quân Ba Tư. Vị hoàng đế sau đó còn ra lệnh:

- Hãy loan báo cho tất cả mọi nơi được rõ, bất cứ người Hy Lạp nào phản bội đất nước đều phải chịu số phận như bọn phản quân này.

Mặc dù không trực tiếp tham dự trận chiến, nhưng tôi đã tận mắt chứng kiến cuộc hành quyết tàn bạo này và không khỏi kinh hãi. Những tiếng kêu la, những lời van xin vang vọng khắp doanh trại. Nhìn những người lính xứ Athens chết dưới lưỡi gươm của lính Macedonia, lòng tôi lại trào dâng cảm giác thương xót lạ lùng như khi xưa chứng kiến cuộc tàn sát tại thành Thebes. Tên chỉ huy quân đội Athens trước kia là Memnon, kẻ cầm đầu lực lượng phản quân, thì đã cao chạy xa bay cùng các tướng lĩnh Ba Tư, còn những binh sĩ dưới trướng hắn, chỉ vì trung thành nghe lệnh tướng chỉ huy mà nay đầu rơi máu chảy.

Sau chiến thắng tại Granicus, Alexander kéo quân xuống miền Nam, tiến đánh dọc theo bờ biển để chiếm lấy các hải cảng, ngăn chặn Ba Tư tấn công Hy Lạp bằng đường biển. Trước mỗi trận đánh, Alexander và quân sĩ cùng nhau hát vang những bản nhạc hùng tráng, hòa cùng tiếng trống trận, kèn đồng khiên quân Ba Tư, phần lớn là binh sĩ địa phương, đều sợ hãi trước khí thế hùng mãnh của quân Hy Lạp. Chỉ một thời gian ngắn, các hải cảng như Miletus, Halicarnassus đều thất thủ.

Từ đó Hy Lạp làm chủ vùng duyên hải miền Tiểu Á, cắt đứt mọi đường vận chuyển hàng hải của thủy quân Ba Tư. Alexander ra lệnh cho Ptolemy mang đội chiến thuyền tấn công ồ ạt những hải đảo của Hy Lạp đã bị Ba Tư chiếm đóng. Quân Ba Tư đóng trên các đảo đó đều xin hàng. Kể từ đó, Địa Trung Hải được giải phóng, các thuyền đánh cá của Hy Lạp được tự do ra khơi, không lo sợ gì nữa.

Chiến thắng Granicus đã tạo tiếng vang lớn khắp Hy Lạp và những quốc gia xung quanh đó. Đây là lần đầu dân Hy Lạp được nếm mùi chiến thắng sau bao nhiêu năm sống trong lo lắng, sợ hãi. Những người lính Hy Lạp tử trận đều được chôn cất cẩn thận theo đúng nghi thức, gia đình họ cũng được hưởng tiền tử tuất và được miễn đóng thuế trong ba năm. Thấy quân sĩ Hy Lạp được đãi ngộ hậu

hình, lương bổng cao, rất đông thanh niên các nước quanh đó cũng tình nguyện gia nhập đoàn quân viễn chinh. Nhờ các lính đánh thuê này, quân số Hy Lạp gia tăng đáng kể, tuy nhiên nó cũng làm hao hụt ngân quỹ triều đình, khiến tôi bắt đầu lo lắng, tự hỏi nếu cuộc chiến kéo dài thì lấy đâu kinh phí để trang trải cho chiến tranh? Tôi lo sợ tình trạng buôn bán nô lệ sẽ lại tái diễn.

Alexander kéo binh qua Lydia, Ionia, Armenia và các vùng quanh đó, đều không gặp sức kháng cự nào đáng kể. Các tướng lĩnh địa phương không chống nổi đội quân tinh nhuệ được huấn luyện bài bản của Hy Lạp. Chỉ trong vòng hơn nửa năm, quân Hy Lạp đã làm chủ Tiểu Á, một miền đất rộng lớn, trù phú, đủ lương thực để dưỡng quân qua mùa đông năm đó. Vì Địa Trung Hải đã được giải phóng, nên tôi có thể di chuyển về Pella bằng thuyền, nhanh hơn khi đi trên đất liền. Tôi tiếp tục là người đưa thư cho Leonidas và Melissa, cũng được nghe những khúc nhạc tình tứ của hai người soạn cho nhau.

Khi đến các địa phương, Alexander ra lệnh cho Timotheus sưu tầm sách vở, tài liệu gửi về cho Aristotle nghiên cứu. Là người phụ trách quân lương, thường di chuyển giữa Pella và những nơi đóng quân, tôi được lệnh mang các tài liệu thu thập được này về Mieza. Nhờ thế, tôi gặp Timotheus thường xuyên, theo thời gian tình bạn giữa chúng tôi trở nên gần bó hơn. Thật may mắn vì giữa cảnh binh đao loạn lạc, máu đổ đầu rơi khắp nơi, tôi có được một người bạn thông tuệ, hiểu biết để tâm sự. Trong một buổi chuyện trò, khi cả hai cùng uống rượu say, tôi vô tình buông lời oán thán:

- Tại sao có người sinh ra đã sung sướng trong khi người khác phải làm nô lệ? Tôi không hiểu tại sao có sự phân biệt giai cấp như thế?

Timotheus trả lời với giọng nói hơi lè nhè vì đã ngà ngà say:

- Khi sinh ra con người đã không giống nhau. Người thông minh biết suy luận, có kiến thức cao nên được làm chủ. Người không có khả năng, chỉ biết tuân lệnh thì làm nô lệ. Nô lệ cần thiết cho xã hội vì lực lượng này đảm bảo hoạt động cho một trật tự xã hội đã được thiết lập từ trước. Đây là sự thu xếp hợp lý, nếu không có nó, xã hội sẽ trở nên hỗn loạn. Nhờ có người chủ nên nô lệ mới được nuôi ăn, có chỗ ở, do đó họ phải tuân phục và làm những gì chủ nhân muốn. Đây là việc đôi bên cùng có lợi và nô lệ phải phụ thuộc vào chủ nô vì họ không có khả năng suy nghĩ độc lập.

Dĩ nhiên là tôi không chấp nhận cách nói này, nhưng không muốn cãi thẳng với

bạn mình, tôi nhẹ nhàng phản đối:

- Nhưng ai có quyền quyết định người nào có khả năng và người nào không cơ chứ? Làm sao biết đứa bé mới sinh này thông minh hơn đứa bé kia?

Timotheus không nao núng, trả lời dứt khoát:

- Luật lệ từ xưa ghi rõ nếu cha mẹ là nô lệ thì con cái cũng phải làm nô lệ. Nô lệ vốn không có khả năng suy nghĩ độc lập thì không thể sinh ra con cái thông minh được. Khả năng thông minh tùy thuộc vào huyết thống gia đình.

Tôi càng không thể chấp nhận cách lý giải này, nên lập tức phản ứng:

- Nói vậy thì trong chiến tranh, bên thua trận có nhiều người bị bắt làm nô lệ, dù họ vốn không thuộc tầng lớp nô lệ, họ cũng thông minh và có học thức, rồi con cái của họ cũng phải làm nô lệ thì giải thích vấn đề thông minh theo huyết thống như thế nào?

Timotheus khựng lại, suy nghĩ một lúc rồi gật đầu nói:

- Kyros, cậu nói cũng có lý. Đây là điều trước giờ ta chưa từng nghĩ đến. Việc phân chia giai cấp nô lệ đã thành truyền thống, tồn tại từ lâu, không biết từ lúc nào, và không biết ai đã đặt ra sự phân chia này. Ngay như thầy của ta, Platon và Aristotle, đều dạy ta như thế. Hiện nay ta không trả lời được thắc mắc này của cậu, nhưng rồi ta sẽ tìm ra câu trả lời.

Mặc dù cuộc nói chuyện xảy ra trong lúc cả hai chúng tôi đều đã ngà say và sau đó tôi không nhắc đến nữa nhưng không ngờ câu hỏi này đã làm Timotheus phải suy nghĩ rất nhiều về sau.

Được sống gần vị vua trẻ và những học giả tháp tùng cùng ngài, tôi dần nhận thấy Alexander không những là một nhà chỉ huy tài năng trên chiến trường mà còn là một hoàng đế có lối sống vô cùng bình dị. Trên sa trường, ngài sống trong lều vải y hệt như các binh sĩ. Mỗi buổi sáng, ngài dậy sớm, chọn ngẫu nhiên một đội binh để cùng thao luyện. Các hoạt động có thể rất phong phú, từ tập thể thao, luyện võ nghệ, đến bắn cung, ném lao, đánh gươm; sau khi thao luyện, ngài sẽ cùng binh sĩ ăn uống, hoàn toàn không có cách biệt giữa một hoàng đế và những người lính tầm thường. Sau mỗi trận đánh, nhà vua đi ủy lạo, hỏi thăm thương tích của binh sĩ và không ngần ngại cho họ xem những vết thương trên

thân thể của chính mình, vì thế ngài được binh sĩ hết lòng kính phục. Đến tối, vị vua trẻ còn la cà khắp doanh trại, vừa uống rượu, vừa ca hát với binh sĩ. Đi cùng ngài là đám bạn thân như Perdicas, Hephaestion, Ptolemy, Antigonus, là những người chơi với ông từ nhỏ. Do cùng học và cùng lớn lên với nhau, họ cũng thích ca hát và uống rượu như Alexander. Ngoài ra, mỗi ngày Alexander đều dành thời giờ để học hỏi thêm với các học giả Hy Lạp hoặc bàn luận với họ về việc điều hành những nơi mà ngài vừa chinh phục. Alexander là một chiến lược gia sáng suốt, đi đến đâu ngài cũng cho người thăm dò địa thế trước để chọn nơi đóng quân và cho vẽ bản đồ của khu vực với chi tiết sông ngòi, đồi núi, đường sá cẩn thận.

Về phần triều đình Ba Tư, ban đầu, khi hay tin Hy Lạp tấn công, triều đình vẫn cho rằng các tướng lĩnh địa phương đủ sức đối phó nên không gửi quân tiếp viện. Khi bị mất những vùng đất lớn cùng các hải đảo quan trọng thì vua Ba Tư Darius đệ tam mới triệu tập tướng sĩ và đích thân mang quân đến đối phó. Ông chủ trương chặn đường thoái lui từ Tiểu Á về Hy Lạp của Alexander để tiêu diệt quân Hy Lạp ngay trên đất mình. Với hàng trăm chiến xa, hàng ngàn kỵ binh thiện chiến và số binh sĩ gấp ba lần quân Hy Lạp, Darius tin tưởng đã cầm chắc phần thắng trong tay.

Nghe tin Vua Darius đích thân mang quân đến đóng tại Damascus, Alexander họp tướng sĩ lại, xem bản đồ địa thế để chuẩn bị đối phó. Nghe báo cáo về quân số áp đảo cùng số chiến xa của Ba Tư, Parmenion dè dặt:

- Ba Tư nổi tiếng về chiến thuật sử dụng chiến xa để phá vỡ mặt trận đối phương, theo sau là lực lượng bộ binh đông đảo, có thể bằng lợi thế số đông để càn quét, giành chiến thắng...

Alexander ngắt lời:

- Đừng lo, ta đã nghiên cứu chiến lược của Ba Tư và biết cách đối phó. Darius là vua nhưng chưa từng cầm quân ra trận, việc gì chúng ta phải sợ bấy sự tử cầm đầu bởi một con cừu non.

Sau khi nghiên cứu địa thế, thay vì dàn trận trên đồng bằng rộng lớn, Alexander ra lệnh rút quân về đèo Issus chờ quân Ba Tư kéo đến. Đây là một vùng địa thế chật hẹp, bên là núi, bên là biển, quanh đó có rất nhiều đá nhấp nhô, lởm chởm, do đó, khi vào trận, các chiến xa Ba Tư không thể chạy nhanh mà phải lượn quanh để tránh những bãi đá. Vì địa thế gập ghềnh, một số chiến xa vấp đá bị

lật nhào, không những mất khả năng chiến đấu mà còn cản trở các chiến xa khác, vì vậy, ngay từ đầu Ba Tư đã đánh mất lợi thế tấn công bằng chiến xa. Theo sau chiến xa là đoàn kỵ binh và bộ binh xông lên tấn công. Quân sĩ Hy Lạp sử dụng những cây giáo rất dài, chia ra theo đội hình *Phalanx** giữ vững vị trí, trong khi quân sĩ Ba Tư sử dụng những vũ khí ngắn như gươm đao để tấn công theo kiểu hành quân dựa vào số đông nên bất lợi khi đối phó với những cây giáo dài. Binh sĩ Hy Lạp được che chở bởi giáp trụ kiên cố, đứng sau chiếc khiên chắn, sử dụng những cây giáo sarissa dài sáu mét, di chuyển từng bước theo tiếng trống trận oai hùng. Đoàn kỵ binh Ba Tư tinh nhuệ, được coi là nỗi khiếp đảm của tất cả mọi chiến địa khắp vùng Tiểu Á, Lưỡng Hà nay cũng không vượt qua nổi hàng rào của những cây giáo đặc biệt dài chuyên dùng đối phó kỵ binh này. Gặp phải hàng ngũ kỷ luật vững chắc, chỉ tiến từng bước một theo nhịp trống trận của quân Hy Lạp, người này ngã xuống lập tức có người khác thay vào, hàng hàng, lớp lớp như khối rào sắt với những ngọn giáo dài nhọn hoắt, nên quân Ba Tư dần có đông và thiện chiến cũng sớm tan rã đội hình và bị áp đảo về khí thế.

** Phalanx (Phương trận) là đội hình quân sự với số đông binh sĩ dàn trận thành hình chữ nhật, giữ nguyên đội hình khi di chuyển, được trang bị những ngọn giáo dài, là đội hình khắc chế kỵ binh cực kỳ hiệu quả. Đây là chiến thuật chiến đấu theo đội hình được áp dụng trong lực lượng bộ binh Macedonia.*

Sau vài đợt tấn công, quân đội Ba Tư tổn thất nặng nề. Cũng như trận đánh trước, Alexander dẫn đầu đội kỵ binh thiện chiến xông lên tấn công vào cánh phải của quân Ba Tư. Vị vua trẻ rút kiếm thúc ngựa lao như bay về phía trước, dũng mãnh hét lớn: "*Lấy mạng Darius!*". Đoàn kỵ binh Hy Lạp thét lớn hòa cùng tiếng trống trận rền vang như sấm, xông tràn lên như vũ bão khiến quân Ba Tư không cản nổi, hàng ngũ rối loạn. Alexander điều binh xông thẳng vào vị trí trung quân, tiến đến chỗ Vua Darius đang chỉ huy. Trước sức tấn công như vũ bão của đoàn kỵ binh Hy Lạp, Vua Darius hoảng sợ quay ngựa bỏ chạy. Thấy nhà vua rời mặt trận, các tướng lĩnh hộ vệ vội vã chạy theo, làm cho quân sĩ Ba Tư mất hết nhuệ khí chiến đấu. Thấy vậy, Parmenion tấn công mạnh qua cánh trái, dồn vây quân Ba Tư vào giữa, rồi ra lệnh đội cung nổ thẳng tay tiêu diệt. Bị bao vây giữa rừng người hỗn loạn với tên bắn như mưa, quân Ba Tư đại loạn, giẫm đạp lên nhau tìm đường thoát thân, nhưng giữa trận mưa tên trùng trùng, cùng hàng hàng lớp lớp những mũi giáo dài của bộ binh Hy Lạp phong tỏa tứ phía, gần như toàn quân Ba Tư đã tử trận. Một lần nữa, quân Hy Lạp đại thắng. Thay vì dừng lại, Alexander ra lệnh kéo thẳng vào doanh trại của Ba Tư ở Damascus. Các quân sĩ trấn thủ ở đó nhìn thấy chủ tướng và đại quân đã tháo chạy cũng vội vã

bỏ trại, tan tác tìm đường thoát thân.

Khi quân Hy Lạp kéo đến Damascus thì doanh trại quân Ba Tư gần như đã trống không. Tại đây, quân sĩ tìm được nhiều văn kiện của triều đình bỏ lại, Alexander ra lệnh cho Timotheus và các học giả Hy Lạp đến xem xét thu giữ toàn bộ, còn ngài bình thần đi tắm trong bồn nước tại lầu của vua Ba Tư.

Alexander cho kiểm soát các chiến lợi phẩm bỏ lại trong lầu của Vua Darius. Là người trông coi sổ sách tài chính, tôi được lệnh kiểm kê kỹ lưỡng mọi thứ và báo cáo về số vàng hơn 3.000 ta-lăng(*) thu được tại đây. Alexander ra lệnh cho tôi chuyển số vàng đó về Pella để đúc tiền lương cho binh lính. Do đó, tôi phải trở về Hy Lạp, vắng mặt trong các trận chiến tại Syria và Ai Cập.

() Talent: đơn vị trọng lượng thời cổ.*

Khi tôi báo cáo về số vàng thu được thì Timotheus cũng tường thuật về các văn kiện của triều đình Ba Tư bị bỏ lại. Ông lưu ý nhà vua rằng pháp luật xứ này ghi rõ tội nặng nhất là nói dối, sẽ bị tử hình, trong khi các tội khác như giết người, cướp của, chỉ bị chặt tay, cắt mũi, cắt tai, khắc chữ lên trán, hay tù đầy mà thôi.

Alexander ngạc nhiên:

- Ta không ngờ Ba Tư lại có luật pháp nghiêm khắc như thế. Nếu người xứ này không nói dối, thì ta cũng phải đối xử tử tế với họ.

Timotheus chỉ vào bộ luật của Cyrus(*), người sáng lập nên triều đại Achaemenid, trên bộ luật ghi rõ: “Các quan trong triều, hay tướng lĩnh phạm tội thì phải trừng trị nặng gấp đôi người dân. Ngoài án lệnh cho người phạm tội, gia đình của họ còn phải sống vĩnh viễn ngoài sa mạc, không bao giờ được trở về thành nữa”.

() Bộ luật của Cyrus được khắc trên tường tại kinh đô Persepolis vẫn còn tồn tại đến nay. Một phần của luật này được khắc trên đá (Cyrus Cylinder) hiện trưng bày tại viện bảo tàng Anh Quốc.*

Alexander xem kỹ bộ luật của Cyrus rồi tấm tắc khen:

- Cyrus giỏi thật, ta cần phải học hỏi cách cai trị này.

Alexander dành thời gian tại Damascus học hỏi, xem xét các văn kiện luật pháp của Ba Tư. Ngài bàn bạc với các học giả Hy Lạp về đường lối cai trị mà ngài thấy có giá trị.

Ba Tư là đế quốc vô cùng rộng lớn, dân cư phức tạp, với nhiều sắc tộc khác nhau, phong tục và ngôn ngữ của họ cũng khác nhau. Triều đại Achaemenid đã tồn tại hơn hai trăm năm nên việc điều hành được tổ chức chặt chẽ, hệ thống pháp luật được ghi chép rõ ràng. Khi xưa, sau khi chinh phục Assyria, Babylon và Ai Cập để dựng lên Đế quốc Ba Tư, Vua Cyrus phân chia quốc gia thành nhiều vùng, mỗi vùng có thống đốc (*Satrap*) điều hành, với lực lượng quân đội riêng, vì mỗi vùng đều có phong tục, ngôn ngữ và tôn giáo riêng nên các thống đốc được quyền thay đổi cách cai trị cho thích hợp với phong tục địa phương, miễn là vẫn tuân theo hệ thống pháp luật của triều đình. Nhà vua nắm quyền hành nhưng không tuyệt đối mà vẫn phải dựa theo luật pháp đã được ghi chép từ trước. Triều đình thu thuế hàng năm từ các vùng, tùy theo thời tiết, mùa màng mà tiền thuế tăng hay giảm. Các vùng được nối với nhau bởi một hệ thống đường sá có các trạm tiếp vận lương thực dự trữ cho ngựa và lạc đà, giúp cho việc đi lại, thông thương, trao đổi hàng hóa vô cùng nhanh chóng và thuận lợi.

Người Ba Tư theo Bái Hỏa giáo (*Zoroastrianism*), phủ nhận chế độ nô lệ. Khi Vua Cyrus chinh phục Ai Cập, Babylon, Lydia, Iona và Assyria, các xứ này đều có nô lệ nên ông ban hành đạo luật bảo vệ quyền làm người, thả tự do cho nô lệ, cấm không ai được sở hữu "con người". Dân Do Thái làm nô lệ tại Babylon, Ai Cập được cho về quê hương Jerusalem. Khác với Hy Lạp, phụ nữ Ba Tư được coi ngang hàng với nam giới, được quyền đi học, được tự do đi lại, buôn bán và sở hữu tài sản. sử gia Plutarch ghi nhận phụ nữ Ba Tư có học thức cao, thông minh và biết làm thơ văn không thua phái nam, họ cũng tháo vát trong việc buôn bán, một số còn giữ chức vụ trong triều hay địa phương, khác hẳn phụ nữ Hy Lạp bị cấm đoán mọi thứ và bị giới hạn trong bốn phận làm vợ.

Từ trước đến nay, người Hy Lạp vẫn tự hào mình là văn minh và coi người Ba Tư là man rợ nên khi xem các văn kiện triều đình xứ này, những học giả đi theo đoàn quân viễn chinh phải ngạc nhiên trước sự tổ chức điều hành tiến bộ tại đây. Không những thế, đời sống dân chúng xứ này còn tốt hơn Hy Lạp, một phần vì địa thế rộng lớn, đất đai trù phú, đường sá thuận tiện, cùng với luật pháp nghiêm minh. Ngay cả vùng sa mạc khô cằn, không thể canh tác cũng được sự trợ giúp của triều đình. Vua Cyrus cho đào rất nhiều giếng lấy nước, xây cất các kho chứa nước và cho phép dân chúng nơi đó không phải đóng thuế cao như vùng đồng bằng.

Timotheus kể với tôi rằng càng xem xét các văn kiện triều đình và các bộ luật của Vua Cyrus, Alexander và các học giả Hy Lạp càng thần phục. Sau khi bàn luận về phương pháp chinh phục xứ này, Alexander đi đến quyết định, thay vì sử dụng quân lực, ngài sẽ cho người thông báo đến các thống đốc địa phương rằng nếu quy hàng, họ sẽ được giữ địa vị như cũ, không phải nộp thuế lại cho triều đình nhưng không được có quân đội riêng. Được giữ quyền hành và tiền thuế là mối lợi lớn nên đa số các thống đốc địa phương đều chấp nhận đề nghị của Alexander. Nhờ chính sách khôn khéo này, chỉ một thời gian ngắn Alexander đã kiểm soát trọn vùng Phoenicia(*) mà không gặp bất kỳ sự kháng cự nào. Các vùng Aradus, Marathus, Byblos, Sidon, Sardis đều lần lượt quy hàng. Chỉ riêng xứ Tyre đứng ra chống đối. Alexander ra lệnh tấn công thành Tyre, tàn sát và thiêu rụi nơi này thành bình địa như đã làm với Thebes. Ngài cũng cho phép quân sĩ tự do cướp phá và bắt người bán làm nô lệ để làm gương cho những nơi khác.

() Khu vực này ngày nay là một phần của Thổ Nhĩ Kỳ, Li Băng, Israel và Syria.*

Sau khi chinh phục Phoenicia, Alexander kéo quân vào Ai Cập. Các thống đốc Gaza, Memphis đều xin hàng. Khi đến Memphis, theo lời khuyên của Timotheus, Alexander cho gỡ bỏ các pho tượng thần linh của Assyria, khôi phục nền tôn giáo của Ai Cập. Ngài đích thân đến làm lễ trong đền thờ thần Thái Dương Amun Ra và được giới giáo sĩ đón tiếp nồng hậu. Họ suy tôn ngài làm Pharaoh Ai Cập. Alexander chấp nhận rồi ban hành một đạo luật dành đặc ân cho giới giáo sĩ tại đây. Do đó, ngài được giới giáo sĩ và dân chúng Ai Cập ủng hộ hết lòng. Lúc đầu Alexander cho các học giả đến đền thờ, cổ mộ Ai Cập sao lục các tài liệu để mang về cho Aristotle. Sau đó, ngài đổi ý, ra lệnh xây một thư viện lớn tại hải cảng Pharos, để chứa các văn bản tài liệu này, rồi đổi tên nơi đó là Alexandria. Alexander muốn nơi đây sẽ là trung tâm văn hóa của thế giới, tập trung mọi tài liệu khoa học, triết học, tôn giáo để cho các học giả đời sau có thể đến đó nghiên cứu*.

** Ghi chú: Đây chính là khởi nguồn để một trong bảy kỳ quan thế giới sau này được ra đời - Thư viện Alexandria. Theo sử liệu, công trình xây cất mất hơn bốn mươi năm mới hoàn thành. Đây là thư viện lớn nhất lúc đó, chứa hơn 750.000 sách, công trình khoa học, thơ ca, triết học... được kết tập và đánh dấu thứ tự cẩn thận. Ngoài ra còn có một đài thiên văn để quan sát tinh tú và một vườn cây sùu tằm các loại kỳ hoa dị thảo khắp nơi được mang về trồng để cho các nhà thảo mộc học nghiên cứu. Thư viện vĩ đại này đã bị hủy hoại*

sau một trận hỏa hoạn gần 2000 năm trước. Năm 2003, Thư viện Alexandria phiên bản mới được khánh thành tại gần vị trí cũ, với kinh phí xây dựng lên đến 220 triệu USD, sức chứa khoảng 8 triệu cuốn sách.

Khi tôi mang vàng về Pella thì tin Alexander thắng lớn tại Ba Tư, kiểm soát một nửa đế quốc này đã lan truyền khắp Hy Lạp. Thay vì vui mừng, một số nước bị Alexander chinh phục trở thành các tỉnh của Macedonia, đã nổi dậy đòi độc lập. Khi mối đe dọa của Ba Tư không còn thì dân chúng Hy Lạp không chấp nhận việc thống nhất dưới sự cai trị của Macedonia nữa.

Được tin này Alexander tức giận gửi ngay cho Antipater thông điệp: “Dẹp ngay đám phản loạn, nếu không ta sẽ cho người khác làm việc đó”. Vì đa số tướng lĩnh và quân đội Macedonia đều đã theo đoàn quân viễn chinh của Alexander nên lực lượng còn lại ở Pella tương đối mỏng. Nhưng nhờ có số vàng tôi mang về để đúc tiền, Antipater đã thành lập ngay được một binh lực lính đánh thuê hùng hậu từ quân lực của các vùng Thrace, Scythian, Illyria và Epirus. Antipater tiêu diệt nhóm phản loạn, thiết lập một hệ thống cai trị vô cùng nghiêm khắc, áp dụng lên toàn Hy Lạp để việc này không tái diễn nữa.

Không còn phải lo về nội loạn tại quê hương, Alexander cho các bạn là Lysimachus, Antigonus và Ptolemy làm phó vương cai trị Tiểu Á, Phoenicia và Ai Cập, còn ngài và tướng Parmenion kéo binh tiến sâu vào lãnh thổ Ba Tư.

Trước sự xâm lăng của Hy Lạp, Vua Darius triệu tập binh sĩ khắp nước, quyết chiến đấu đến cùng. Rút kinh nghiệm thất bại tại Issus vì địa thế bất lợi, lần này Darius dàn quân tại Gaugamela, một khu vực rộng rãi, bằng phẳng, các chướng ngại vật đều được dọn dẹp sạch sẽ, là địa hình có thể khai thác hết sức mạnh của các chiến xa và đội kỵ binh thiện chiến nhất Ba Tư lúc đó, được cầm đầu bởi tướng Bessus. Tuy tôi không có mặt trong lần đối đầu này nhưng được nghe Timotheus kể lại trận đánh một cách tỉ mỉ.

Alexander điều nghiên địa thế mặt trận, biết quân số Ba Tư nhiều gấp năm lần quân Hy Lạp nên lần này ngài ra lệnh cho đội kỵ binh chia làm hai nhánh cùng nhau tấn công từ hai phía. Ngài nói: “Đánh rắn phải đánh vào đầu, hai đoàn kỵ binh phải cùng xông lên tấn công thẳng vào chỗ Vua Darius chỉ huy thì mới mong đoạt lấy phần thắng”. Nhà vua phóng ngựa đi đầu, dẫn đoàn kỵ binh tấn công theo cánh phải trong khi Parmenion tấn công vào cánh trái. Thấy kỵ binh Hy Lạp

chia làm hai nhánh tấn công, Vua Darius ra lệnh cho các chiến xa Ba Tư tấn công thẳng vào đội hình *Phalanx* của bộ binh, nhằm phá vỡ mặt trận này. Trên cánh đồng lớn, sự tấn công như vũ bão của chiến xa có thể áp đảo bộ binh, bất chấp các ngọn giáo sarissa. Nếu đội hình *Phalanx* của bộ binh, lực lượng nòng cốt, bị tiêu diệt thì quân Ba Tư cầm chắc phần thắng trong tay. Hàng trăm chiến xa được lệnh xông lên như vũ bão. Lúc này phía Hy Lạp sử dụng những cỗ máy bắn ra những bó rơm tẩm dầu đã được châm lửa khiến đoàn ngựa kéo của quân Ba Tư hoảng loạn, các chiến xa đâm vào nhau, gãy nát. Trên chiến trường rộng lớn, hàng trăm chiến xa bốc cháy di chuyển loạn xạ, khói bay mù mịt, tạo ra tình trạng hỗn loạn cho cả đoàn bộ binh Ba Tư ở phía sau. Ngay lúc đó, đoàn bộ binh Hy Lạp, theo nhịp trống oai hùng, di chuyển vững chắc theo đội hình, xông lên tấn công.

Cũng như trận đánh trước, Alexander liều mình phóng ngựa lao thẳng vào chỗ Vua Darius đang chỉ huy, ngài vừa chiến đấu vừa la hét kêu gọi tướng sĩ xông lên theo mình. Mặc dù có kỵ binh và nhiều xe ngựa vây quanh bảo vệ nhưng thấy Alexander dũng mãnh xông về phía mình như chỗ không người, Vua Darius hoảng hốt hét lớn:

- Thằng giặc này điên rồi! Giết hắn ngay!

Các tướng hộ vệ quanh Vua Darius bắn hên tiếp những mũi tên thép về phía Alexander. Nhưng bất chấp làn mưa tên, Alexander vẫn xông lên, vùng gươm tú phía. Thấy cỗ xe lớn có cờ quạt rực rỡ, biết đó là xe của Vua Darius, Alexander trên lưng ngựa rướn người phóng thẳng ngọn giáo của mình về phía Vua Darius, cây giáo không trúng đích nhưng cắm ngập vào thành xe, rung bần bật khiến Vua Darius hoảng loạn, vội vã bỏ xe, nhảy lên ngựa chạy trốn. Các tướng hộ vệ quanh đó cũng kéo nhau chạy theo. Alexander và Perdicas thúc ngựa định truy đuổi nhưng thấy đoàn kỵ binh của Parmenion đang bị vây khốn bởi đoàn quân thiện chiến nhất của xứ Bactria, cầm đầu bởi tướng Bessus, nên cả hai phải quay lại giải vây. Hai bên giao chiến dữ dội, Alexander vừa đánh vừa hét lớn: “Tên vua hèn nhát của các người đã tháo chạy rồi”. Các tướng sĩ quanh đó đều hô lớn theo nhà vua, khiến quân Ba Tư thật sự nao núng. Khi tin vua Ba Tư tháo chạy khỏi hàng ngũ được loan truyền trên chiến trường, tướng Bessus hoảng hốt ra lệnh cho quân sĩ rút lui. Một lần nữa, quân Hy Lạp lại thắng lớn.

Timotheus còn giải thích thêm rằng trong hai trận chiến đối đầu trực tiếp với Vua Darius, tuy quân Ba Tư đông áp đảo, với lực lượng chiến xa và kỵ binh tinh nhuệ nhưng Alexander chiến thắng vì ngài biết tận dụng địa thế, khí hậu và hiểu

rõ cơ chế chiến đấu của các loại vũ khí, lấy dài chống ngắn, trong khi quân Ba Tư vẫn chỉ sử dụng chiến thuật lấy số đông đàn áp số ít.

Trong trận Issus, nhờ biết tận dụng địa thế nhỏ hẹp, quanh co, đá tảng lởm chởm, Alexander đã vô hiệu hóa chiến thuật dùng chiến xa của Ba Tư. Binh sĩ Ba Tư sử dụng vũ khí ngắn như gươm đao, mạnh ai nấy đánh không theo chiến thuật hay đấu pháp nào, không thể chống lại những cây giáo sarissa dài của lực lượng bộ binh di chuyển theo đội hình *Phalanx* vững chãi, chỉ tiến từng bước theo nhịp trống trận, càng đánh càng áp đảo đối phương.

Trận Gaugamela diễn ra tại đồng bằng rộng lớn, mục đích của quân Ba Tư là tận dụng sức mạnh của các chiến xa lao thẳng vào đoàn quân Hy Lạp để phá tan đội hình. Nhưng lợi dụng khí hậu nóng và khô của sa mạc, Alexander cho chuẩn bị những bó rơm tẩm dầu và các máy bắn đá được sửa chữa để bắn những bó rơm cháy ngùn ngụt vào các chiến xa, khiến kế hoạch tấn công này của quân Ba Tư cũng trở nên vô hiệu. Trong khói lửa mịt mù, quân Ba Tư vẫn cậy vào số đông xông tới, nhưng mạnh ai nấy tiến lên, không nhìn rõ bạn hay thù nên hàng ngũ rối loạn. Trong khi quân Hy Lạp với đội hình *Phalanx*, giữ kỷ luật theo hàng lối, chỉ tiến từng bước theo nhịp trống nên khắc chế được quân Ba Tư và giành phần thắng. Mặc dù quân số ít nhưng Alexander biết dùng kỵ binh chia thành hai nhánh tấn công như vũ bão thẳng vào trung tâm, nơi Vua Darius chỉ huy. Khi ông vua này bỏ chạy, Alexander biết dùng đòn tâm lý ra lệnh cho quân sĩ loan tin này làm tướng sĩ và quân Ba Tư nao núng, mất hết tinh thần chiến đấu. Nhờ đó, Alexander đã lần nữa giành chiến thắng.

Sau chiến thắng tại Gaugamela, thay vì truy đuổi Darius, Alexander kéo quân vào thành Babylon, kinh đô của Ba Tư. Alexander gửi cấp tốc tối hậu thư đến thành Babylon: "*Mở cổng thành ngay nếu không ta sẽ thiêu hủy tất cả!*". Quan thượng thư Mazaeus vội vã mở cổng thành xin hàng đồng thời đem vàng bạc, châu báu trong kho dâng cho đoàn quân chiến thắng. Nhìn thấy số vàng bạc, châu báu chứa trong hàng trăm hòm gỗ lớn, mọi người đều kinh ngạc trước sự giàu có của Ba Tư, một sự giàu có vượt quá mọi sức tưởng tượng của người xứ Macedonia. Khi xưa, trong trận Issus, Alexander đã thu được nhiều vàng nhưng chưa bao giờ chứng kiến tài sản khổng lồ và quý giá như thế này. Khi vào cung điện của vua Ba Tư, vị vua trẻ này còn ngạc nhiên hơn khi thấy những vật dụng bằng vàng bạc, còn ngọc ngà châu báu thì bày biện khắp nơi.

Nhìn các quan triều đình Ba Tư quỳ mọp trước mặt, Alexander hỏi:

- Các người muốn được ta đối xử như thế nào?

Mazaeus run rẩy trả lời:

- Hoàng đế muốn xử chúng tôi thế nào cũng được. Nhưng xin ngài khoan hồng, đừng cho quân lính xâm phạm tính mạng dân chúng.

Vì đã xem qua văn kiện triều đình và khâm phục việc tổ chức, điều hành hiệu quả nơi đây nên Alexander vốn đã tôn trọng những người này. Ngài gật gù, nói:

- Các người không nghĩ đến bản thân mà biết lo nghĩ cho người dân như vậy thì thật xứng đáng giúp ta cai trị nơi đây.

Alexander lập tức truyền lệnh cho quân sĩ giữ vững kỷ luật, không được cướp bóc, đốt phá hay sát hại dân lành. Ngài lệnh cho Parmenion đóng quân ở ngoại thành để tránh làm dân chúng hoảng sợ.

Sau khi nghỉ ngơi tại Babylon, biết Darius đã chạy về Susa, Alexander kéo quân truy đuổi, nhất quyết bắt kỳ được ông vua này. Khi đuổi đến nơi thì Darius đã chạy về Persepolis. Tại Susa, Alexander mở ngân khố, tìm được hơn hai trăm thùng vàng nặng khoảng 120.000 ta-lăng. Ông giao cho Harpalus trông nom số vàng rồi tiếp tục truy đuổi Vua Darius. Sau nhiều trận đánh lớn với các tướng lĩnh Ba Tư cai trị vùng núi Zagros, nơi được gọi là cửa ngõ của Ba Tư, Alexander tiến vào Persepolis, nhưng Vua Darius đã chạy đến Bactria.

Persepolis vốn là kinh đô của Đế quốc Ba Tư đầu tiên dưới thời Vua Cyrus, người đã dựng lên Đế quốc Ba Tư. Thành phố này được xây dựng vô cùng hoành tráng, được xem là một công trình kiến trúc vĩ đại của Ba Tư lúc đó. Các vua chúa thuộc dòng dõi hoàng gia Achaemenid đều được chôn cất nơi đây. Mặc dù sau này Vua Darius đệ nhất đã dời đô về Babylon để thuận tiện hơn trong giao thương, nhưng Persepolis vẫn được coi là cái nôi của Đế quốc Ba Tư. Alexander cho quân nghỉ ngơi tại đây. Trong lúc uống rượu cùng binh sĩ, ngài nghe một người phàn nàn rằng khi xưa Ba Tư đốt phá Athens, cày xới lăng mộ của các vị anh hùng Hy Lạp, hiện nay chúng ta đến lăng mộ của tổ tiên chúng mà chỉ lo rượu chè ăn mừng, chẳng làm gì thì coi sao được, sẵn trong men rượu, lại bị khiêu khích, Alexander, vị chiến thần vĩ đại nhất lịch sử, nổi giận bùng bùng ra lệnh thiêu rụi cả kinh thành này. Ngọn lửa bùng cháy, rực sáng ngày đêm, ám đỏ cả một vùng trời, đến hơn Ba Tuần lễ mới tắt hẳn. Tiếng kêu khóc vang dậy khắp vùng. Khi tỉnh rượu, Alexander vô cùng hối hận vì hành động lạm sát này

nhưng việc đã rồi, không cứu vãn được nữa.

Biết tâm trạng của nhà vua, Perdicas khuyên Alexander truyền tin cho dân Hy Lạp, báo cho họ biết rằng ông đã trả được mối thù xưa cho dân tộc Hy Lạp. Dân chúng Hy Lạp mừng vui ca tụng vị hoàng đế bách chiến bách thắng của mình.

Alexander kéo quân về Babylon nghỉ ngơi. Đối với Hy Lạp, cuộc chiến với Ba Tư là để dẹp hiềm họa xâm lăng, nay mục tiêu ấy đã hoàn tất. Babylon là một thành phố giàu có huy hoàng với những cung điện nguy nga. Khi xưa đây là kinh đô của Đế quốc Assyria và cũng là nơi tập trung mọi việc giao thương buôn bán miền Trung Đông. Alexander cho Mazaeus và các quan triều đình tiếp tục chức vụ như cũ để điều hành mọi việc.

Sau nhiều chiến công vang dội, thành công chinh phục Ba Tư, Alexander được suy tôn làm “*Vua của Á Châu*” (*Lord of Asia*). Theo truyền thống của Babylon, họ mở tiệc khoản đãi kéo dài bảy ngày. Cho đến lúc đó, Alexander và tướng sĩ Hy Lạp mới kinh ngạc trước sự hoành tráng của những bữa tiệc vô cùng thịnh soạn của xứ này. Hàng trăm hũ rượu ngon được mang ra đãi khách cùng với vô vàn các loại sơn hào hải vị. Đặc biệt hơn nữa là những điệu múa xuất thần của các nữ vũ công xinh đẹp xứ này khiến mọi người đều say mê.

Sau thời gian tiệc tùng, Alexander bắt tay vào việc triều chính, bắt đầu bằng việc cho kiểm kê tài sản triều đình. Là người phụ trách tài chính, tôi được gọi đến để lập danh sách vàng bạc, châu báu mang về cho ngân quỹ Pella. Tôi lập tức lên đường đi Babylon ngay vì đã hơn một năm không được gặp các bạn mình. Sau khi kiểm kê các chiến lợi phẩm và số vàng bạc chứa trong kho, tôi được gọi vào cung, báo cáo lên nhà vua.

Vừa bước vào cung, tôi đã choáng ngợp bởi sự sang trọng của cung điện và vẻ đẹp của lối kiến trúc ở Ba Tư. Đa số cung điện Hy Lạp đều xây cất theo lối kiến trúc giản dị, cân đối, phản ánh trật tự hài hòa. Cung điện Ba Tư thì hoàn toàn khác hẳn. Tường vách, cột kèo đều được sơn màu sắc sặc sỡ, dưới sàn thì được trải các tấm thảm dệt vô cùng sang trọng. Alexander không ngồi trên ngai mà dựa vào chiếc gối bằng lông thú đặt trên tấm thảm dày, các tướng sĩ ngồi quanh đó cùng với rất nhiều thiếu nữ Ba Tư xiêm y lộng lẫy, kiêu cách. Ở một góc cung điện là một nhóm các nhạc công đang chơi các nhạc cụ lạ lùng mà tôi chưa từng trông thấy. Thấy tôi bối ngỡ, Seleucus bật cười giải thích:

- Khi vào đến đây, bọn ta đều hoa mắt trước sự nguy nga tráng lệ của cung điện xứ này. Ta không ngờ người xứ này lại sống sung sướng đến thế. Nay Kyros, người hãy nhìn xem, biết bao rượu ngon, biết bao món ăn đặc biệt mà chúng ta chưa từng thử qua. Ngoài ra, phụ nữ xứ này đẹp vô cùng, đã thế họ còn hiểu biết nghệ thuật ái ân, giỏi chiêu chuộng. Trong hậu cung này có hàng trăm phụ nữ xinh đẹp sẵn sàng nhiệt tình phục vụ. Chúng ta tha hồ lựa chọn.

Nhìn những người bạn từng lớn lên cùng tôi đang hưởng thụ sự phục vụ của những mỹ nữ Ba Tư với vẻ ngạo nghễ, tôi hốt nhiên nhận ra có lẽ vinh quang chiến tranh, vàng bạc và phụ nữ đã làm thay đổi bản chất cao thượng của họ. Họ đã có lòng tham, muốn hưởng thụ, đã rời xa những lý tưởng cao đẹp khi xưa là bảo vệ Hy Lạp khỏi nạn ngoại xâm. Hành động hiện nay của họ có khác gì một đội quân xâm lược đâu.

Tôi gật đầu, mỉm cười lịch sự nhưng không đáp lời Seleucus mà tiến đến trước mặt nhà vua, cung kính trình lên danh sách vàng bạc, châu báu đã được kiểm kê và niêm phong cẩn thận để chuyển về Hy Lạp. Hoàng đế Alexander xem xong có vẻ hài lòng nên ra hiệu cho tôi được phép ngồi vào bàn tiệc. Tôi đưa mắt tìm Leonidas, thấy anh đang ngồi ôm một thiếu nữ gần đó nên tôi bước về phía đó. Thấy tôi, Leonidas không còn tỏ vẻ hồ hởi, vui mừng như xưa. Với giọng hờ hững, Leonidas hỏi:

- Kyros đây à, có chuyện gì không?

- Tôi vừa ở Pella đến đây và có gặp Melissa...

Tôi chưa nói hết câu đã thấy Leonidas cau mày, tỏ ra khó chịu. Tôi cảm thấy ngay một sự xa cách giữa mình và người bạn này. Cố dằn cảm giác khó chịu xuống, tôi nói tiếp:

- Tôi có mang theo thư của Melissa...

Thay vì sốt sắng nhận thư rồi mở ngay ra xem như mọi khi, lần này Leonidas miễn cưỡng nhận thư rồi để ngay xuống bàn. Cô gái ngồi kế bên tiếp tục rót rượu, Leonidas vui vẻ uống.

Tôi cố chen vào những câu đùa cợt nhả của hai người:

- Tôi còn ở đây mấy ngày nữa mới về Pella. Anh cứ viết thư hồi âm cho Melissa, trước khi về tôi sẽ đến lấy...

Leonidas dần ly rượu xuống bàn, cắt ngang:

- Thôi đừng nói gì đến Melissa nữa. Tôi bận lắm không có thì giờ viết thư đâu và từ nay cũng không muốn phiền cậu nữa.

Tôi sững người, bất ngờ trước thái độ lạ lùng của Leonidas, vừa lúc đó Seleucus bước đến, kéo tay tôi, giọng hào hứng:

- Nay Kyros, hãy uống rượu với bọn ta. Chắc chưa bao giờ cậu được dự bữa tiệc linh đình với rượu ngon và gái đẹp như thế này.

Tôi quay sang Leonidas, thấy anh ta vẫn đang tiếp tục say sưa cùng cô gái kia. Tôi thở dài rồi bước theo Seleucus. Về chỗ ngồi, tôi lập tức hỏi Seleucus:

- Nay Seleucus, Leonidas... làm sao thế?

Seleucus bật cười, ra chiều sành sỏi:

- Suốt mấy tuần nay, nó chỉ quanh quẩn với đám nhạc công và con bé vũ công đẹp nhất đám đó thôi, cậu có thích gái Ba Tư không, để bọn này chọn cho cậu vài đứa phục vụ cho vui?

Tôi cười với Seleucus cho qua chuyện, cả buổi tiệc hôm đó, dù xung quanh náo nhiệt tiếng cười và đầy không khí hưởng thụ, nhưng lòng tôi tràn ngập nỗi buồn và chỉ mong sao được sớm rời khỏi.

Mấy hôm sau, tôi theo lệnh mang chiến lợi phẩm chuyển về Hy Lạp.

Ngoài hàng chục xe chở vàng bạc, châu báu, vải lụa, còn có hàng trăm nô lệ, phần lớn là phụ nữ và nhạc công, được mang về làm quà cho triều đình. Để bảo đảm an ninh, Alexander cho Philiteus dẫn một toán quân theo hộ tống. Tôi rất mừng khi gặp lại Philiteus nhưng không hiểu sao trong suốt chuyến đi Philiteus luôn lẳng lặng, không nói chuyện. Lần cuối cùng tôi gặp anh, anh vẫn là một thanh niên hoạt bát, rất thông minh và cũng rất nhiệt tình. Tại sao giờ đây anh trở nên lẳng lặng, ít nói như thế. Mãi về sau, nhớ lại chuyến đi hôm đó tôi mới hiểu, Philiteus đã bị chiến tranh bào mòn. Như thi sĩ Homer đã nói trong sử thi Iliad,

không ai đi qua chiến tranh mà vẫn như xưa.

Trở về Hy Lạp, tôi lập tức đến gặp Antipater, người hiện đang thay mặt Alexander trông coi toàn thể Hy Lạp. Khi xem các văn kiện tôi trình lên, ông ngạc nhiên về số chiến lợi phẩm quá lớn, vượt ngoài sự tưởng tượng. Hàng chục hòm gỗ chứa vàng bạc, châu báu và hàng trăm nô lệ, phần lớn là phụ nữ trẻ đẹp, được mang về làm quà cho các gia đình quý tộc. Antipater lập tức cho mở tiệc ăn mừng chiến thắng. Để giúp vui, ông cho những vũ công được đưa từ Ba Tư về ra biểu diễn. Chưa bao giờ triều đình Hy Lạp được chứng kiến những vũ điệu lạ mắt với những giai điệu hấp dẫn lạ lùng như vậy. Nghe kể về những bữa tiệc thịnh soạn kéo dài cả tuần lễ của xứ Ba Tư, triều đình Hy Lạp cũng học theo và tổ chức những bữa tiệc tùng linh đình tương tự. Các loại rượu ngon nhất, các món sơn hào hải vị mới lạ được mang đến. Nhạc Ba Tư và Babylon với giai điệu lạ lẫm, kích động, khiến người ta say mê vì sự mới lạ và lôi cuốn của chúng. Những bữa tiệc như thế giúp âm nhạc Ba Tư và Babylon dần trở nên thịnh hành ở Hy Lạp. Chẳng bao lâu sau, nhạc truyền thống với điệu Doria oai hùng dần trở nên mờ nhạt, không còn được coi trọng. Kết hợp với âm nhạc đầy màu sắc khoáng lạc của Ba Tư là những nữ nô lệ trẻ đẹp với nghệ thuật chiều chuộng ái ân của miền Trung Đông đã biến hoàng cung Hy Lạp trở thành nơi chìm đắm trong nhục dục và sự hưởng thụ xa hoa. Nô lệ nữ Ba Tư giỏi múa hát và nghệ thuật phòng the trở thành những món hàng vô cùng đắt giá mà giới quý tộc Hy Lạp săn đón.

Tôi mang vàng về ngân khố Pella để lo việc đúc tiền. Mặc dù Antipater đã ban hành những chính sách kiểm soát nghiêm khắc nhưng thỉnh thoảng vẫn có những cuộc nổi loạn. Bên ngoài thì Hy Lạp đã thống nhất thành một quốc gia nhưng tinh thần chia rẽ giữa các địa phương vẫn còn rất mạnh. Đa số dân Hy Lạp vẫn không chấp nhận sự cai trị của Macedonia mà họ vốn coi là xứ man rợ, do đó Antipater cần duy trì lực lượng quân sự tại đây và việc đó tiêu tốn rất nhiều tiền.

Sau khi lo liệu xong công việc ở ngân khố, tôi tranh thủ chút thời gian đến thăm Melissa vì biết cô đang mong, vừa nhìn thấy tôi Melissa đã hỏi ngay:

- Kyros, cậu đã đưa thư cho Leonidas chưa?

Tôi gật đầu, nhưng tránh không nhắc đến thái độ của Leonidas. Nhớ lại vẻ hờ hững khi nhận thư rồi không hỏi thăm gì đến vợ của Leonidas mà tôi không khỏi bất mãn. Khi tôi nói rằng Leonidas không gửi thư hồi âm, chẳng những Melissa

không nghi ngờ gì mà còn tỏ ra thông cảm:

- Ta biết Leonidas bận lắm, trong chiến tranh mấy ai có thì giờ viết thư nữa. Nhưng biết được chồng ta vẫn mạnh khỏe là tốt rồi. À phải rồi, cậu đi xa nên chắc không biết, Isidora cũng vừa lập gia đình. Tiếc là cậu về trễ quá, không dự đám cưới được.

Tôi sưng người, lồng ngực đau đớn như ngàn vạn mũi tên xuyên qua. Dù đã không hy vọng gì được Isidora để mắt đến nhưng bất ngờ nghe tin người trong mộng của mình đã thuộc về người khác tôi cũng không khỏi bàng hoàng. Không biết tình cảm của tôi dành cho Isidora nên Melissa vô tư kể tiếp. Lần đó, Cassander bãi hôn với Isidora, việc này đã bị coi là mối nhục cho gia đình của Dimitris và bị dư luận đàm tiếu trong một thời gian dài. Không còn hy vọng gả Isidora cho các gia đình quý tộc trong triều đình nên Dimitris thu xếp cho Isidora lấy Deasius, một người bạn đồng liêu lớn tuổi, góa vợ, cùng làm công việc quản lý tài chính triều đình với ông. Tôi lặng người, không biết nói gì nên đành viện cớ phải đi kiểm tra việc đúc tiền để rời khỏi trang trại của Dimitris. Trên đường, tôi cứ nghĩ về hy vọng hảo huyền nay đã tan biến của mình mà cảm thấy cay đắng, tự trách mình đã không biết ý thức thân phận hèn mọn, còn mơ mộng treo cao.

Khi việc đúc tiền hoàn tất, năm sau tôi trở lại Babylon thì Alexander đã rời nơi đó đến Bactria để truy đuổi Darius. Harpalus được lệnh duy trì một số quân tại Babylon để đảm bảo an ninh. Các buổi tiệc tùng vẫn tiếp tục, rượu, phụ nữ và âm nhạc Ba Tư vẫn có mặt khắp chốn đóng quân.

Vì công việc, tôi cũng đi theo những nơi đóng quân, tôi nhận thấy một sự thay đổi lớn đang diễn ra tại Ba Tư. Mặc dù cuộc chiến chưa chấm dứt, nhưng vì việc cai trị vẫn được giữ như xưa, các quan triều đình cũng như các thống đốc được giữ địa vị cũ, an ninh nhanh chóng vẫn hồi, đời sống người dân cũng trở lại bình thường nên các đoàn thương buôn khắp nơi bắt đầu kéo đến Ba Tư để mua bán, trao đổi hàng hóa ngày càng đông. Ba Tư là xứ rộng lớn, đất đai trù phú, đời sống tương đối dễ dàng nên rất nhiều người, lúc đầu là các thương buôn, sau là các người Hy Lạp nghèo, đã tìm đến đây để mưu sinh, vì mọi nơi đều đặt dưới sự kiểm soát của quân đội Hy Lạp, những người Hy Lạp di cư này được ưu đãi đặc biệt. Chỉ một thời gian ngắn, Đế quốc Ba Tư đã trở thành Đế quốc Hy Lạp, biên giới trải rộng từ Hy Lạp xuống Ai Cập rồi kéo dài sang cả Babylon. Khi số người Hy Lạp sang đây sinh sống ngày một đông hơn thì họ cho đổi tên các thành phố Ba Tư thành Alexandria, có hơn ba mươi thành phố được mang tên của vị

vua trẻ này.

Về phía Alexander, ngài đã kéo quân đến Bactria và để tướng Parmenion ở lại Ecbatana để kiểm soát mọi việc trong ngoài. Trên đường, tuy gặp sự kháng cự của các thống lĩnh địa phương xứ Ba Tư nhưng lần nào Alexander cũng chiến thắng dễ dàng. Khi truy đuổi đến Damghan thì quân sĩ tìm thấy xác Vua Darius, ông đã bị Bessus giết rồi bỏ xác lại ở dọc đường. Alexander vô cùng tức giận, bởi ngài muốn bắt sống Darius chứ không phải giết ông ta. Sau đó Alexander đã đưa xác Darius về lại Persepolis và tổ chức tang lễ trọng thể theo nghi thức tang lễ của các vua Ba Tư khác.

Cái chết của Darius chấm dứt triều đại của dòng tộc Achaemenid, chính thức đưa Alexander lên địa vị lãnh đạo tối cao nơi đây. Tuy nhiên vị vua trẻ vẫn chưa hài lòng vì chưa kiểm soát được Bactria. Phần lãnh thổ này hiện vẫn do tướng Bessus chiếm đóng, vì vậy, nhà vua nhất quyết truy đuổi Bessus đến cùng.

Một hôm, trong lúc đi phát quân lương, tôi tình cờ gặp Philotas đang ngồi ủ rũ một góc. Nhìn thấy tôi, Philotas thở dài rồi than:

- Ta không hiểu, đã thắng rồi thì trở về Hy Lạp thôi, còn ở lại đây làm gì? Hiện giờ Ba Tư không còn là mối đe dọa nữa, chẳng phải mục đích đã thành hay sao. Truy đuổi một kẻ đã bỏ chạy xa như thế có ý nghĩa gì chứ?

Tôi vỗ vai bạn mình, bày tỏ sự đồng cảm và cả động viên, nhưng không dám bàn gì thêm. Philotas thở dài:

- Nếu cuộc chiến cứ tiếp diễn như vậy, biết bao giờ chúng ta mới được trở về Hy Lạp?

Không chỉ có Philotas mà một số người khác trong quân ngũ cũng đã có thái độ bất mãn với cuộc chiến. Điều này cũng dễ hiểu, cuộc chiến đã kéo dài quá lâu và binh sĩ chỉ mong được về đoàn tụ với gia đình.

Sau cuộc gặp với Philotas không lâu, mấy ngày trước khi tôi trở về Hy Lạp, một biến cố lớn xảy ra. Một nhóm binh sĩ Hy Lạp âm mưu ám sát Alexander nhưng đã bị vạch trần. Các binh sĩ này đều là thủ hạ của Philotas nên Alexander ra lệnh bắt ngay viên tướng này để tra hỏi. Philotas là bạn của Alexander từ nhỏ, cùng ngài theo học với Aristotle và đã theo ngài kể từ ngày đầu của cuộc viễn chinh, đã lập nhiều công trạng lớn. Philotas khẳng khái là mình không có tội

nhưng vẫn bị tra tấn đến chết. Philotas cũng là chồng của Sophia và con trai của đại tướng Parmenion, phó chỉ huy quân lực viễn chinh Hy Lạp. Sợ cái chết này có thể tạo ra sự chia rẽ trong hàng ngũ quân sĩ vì một nửa quân đội đang nằm dưới quyền chỉ huy của Parmenion nên Alexander lập tức gửi công văn hỏa tốc cho tướng Cleander ra lệnh giết Parmenion trước khi tin tức Philotas đã chết đến tai ông ta. Cleander hoàn tất nhiệm vụ và được phong chức chỉ huy quân đội thay cho Parmenion.

Cái chết của hai vị tướng chỉ huy của Macedonia đã giúp tôi nhận ra một khía cạnh khác của Alexander mà trước đây tôi không nghĩ tới. Tuy ngài là nhà quân sự lỗi lạc, là một chiến binh thiện chiến, là nhà chỉ huy giỏi, thân thiện với quân sĩ, có tình nghĩa với bạn bè, nhất là những người lớn lên cùng mình, nhưng ngài cũng là một ông vua, một

ông vua tham vọng, đa nghi, hung bạo và thiếu tự chủ khi say rượu, vì có tham vọng lớn nên những trận đánh bách chiến bách thắng đã khiến ngài trở nên kiêu căng, hống hách và có phần tàn bạo hơn xưa. Quả đúng là không ai đi qua chiến tranh mà vẫn giữ được mình như trước.

Alexander tiếp tục truy đuổi Bessus qua sa mạc và núi non hiểm trở của xứ Bactria, xứ sở mà chính là Vua Cyrus, người dựng nên Đế quốc Ba Tư, đã mất rất nhiều công sức mới chinh phục được. Cyrus đã viết rằng đây là miền đất lạ lùng, dân xứ này có tính phản phúc, sáng hàng, tối đánh, rất khó cai trị. Do đó tuy vẫn thuộc lãnh thổ Ba Tư nhưng ở đây Cyrus cũng phải để cho một số bộ lạc được tự trị rồi triều cống hằng năm, chứ không cắt cử quan cai trị.

Khi xem các văn kiện của Cyrus về xứ này, Timotheus đã nói:

- Vua Cyrus cho rằng người Bactria không thể tin cậy nhưng nếu nhìn theo góc độ khác thì người dân xứ này quả là có tinh thần bất khuất, thà chết chứ không chịu nhượng bộ, không để ai xâm chiếm quê hương của họ. Do đó, chúng ta cần cẩn trọng, không nên coi thường.

Alexander cười lớn:

- Nếu Cyrus đã không làm được thì ta càng phải làm cho được.

Nói là làm, Alexander tiến sâu vào lãnh thổ Bactria, băng qua những rừng núi cao, vượt qua tuyết lạnh và không để tình trạng thiếu thốn lương thực gây ảnh

hưởng, trong vòng hai năm, ngài chinh phục được hơn bốn chục thành phố lớn, đổi tên tất cả thành Alexandria*. Sau cùng ngài bắt được tướng Bessus và trừng phạt theo luật pháp Ba Tư, dùng luật hình dành cho kẻ giết vua: cắt tai, xẻ mũi, cho dân ném đá đến chết.

** Đây là các khu vực thuộc Kazakhstan, Tajikistan, Turkmenistan ngày nay.*

Đối với đa số quân sĩ Hy Lạp, cái chết của Vua Darius và việc giết được Bessus đã là chiến thắng cuối cùng, chấm dứt cuộc viễn chinh. Chiến thắng này đã chính thức đưa Alexander lên địa vị tối cao với danh xưng Vua của Á Châu, vì vậy một số tướng sĩ đã đề xuất nhà vua cho rút quân về. Tuy nhiên, Alexander chưa hài lòng với vinh quang này mà nhất định phải đánh đến tận cùng thế giới.**

*** Lúc đó người Hy Lạp chưa biết gì nhiều về Ấn Độ mà tin rằng rằng Hindu Kush là nơi tận cùng thế giới.*

Alexander đến Sogdiana, vùng lãnh thổ nằm cạnh rặng Hindu Kush. Điều lạ là nhà cửa và các công trình của vùng này được xây theo kiến trúc Hy Lạp, chữ viết cũng sử dụng mẫu tự Hy Lạp. Vào thế kỷ trước, khi Ba Tư xâm lăng Hy Lạp, bắt được nhiều tù binh nhưng thay vì giam giữ họ, vua Ba Tư đày họ đến vùng đất hoang vu này để khẩn hoang. Theo thời gian, những tù nhân Hy Lạp này lập gia đình với dân địa phương, biến vùng núi non biệt lập này thành vùng đất tự trị riêng của họ. Khi quân Alexander kéo đến, tộc trưởng Oxyartes không chịu đầu hàng vì ỷ vào địa thế hiểm trở, vách núi cao, khó xâm nhập. Alexander xem xét kỹ địa thế rồi chờ đêm tối, cho một toán quân sĩ tinh nhuệ dùng dây thừng, móc sắt leo núi, đột nhập căn cứ của Oxyartes, bắt sống ông ta và toàn bộ gia đình.

Khi nhìn thấy Oxyartes, Alexander đã rất ngạc nhiên vì thấy ông có nhiều nét giống người Hy Lạp, tóc nâu, mắt xanh, và đặc biệt là nét mặt cương nghị. Do đó thay vì hành hình như thường lệ, Alexander đã tha mạng và còn nhận Oxyartes là đồng hương, cảm kích đức vua, Oxyartes xin hàng, mời Alexander vào thành, mở tiệc tiếp đãi trọng thể.

Giữa buổi tiệc, Alexander rời bàn, bước xuống bậc thềm đá định nâng ly chúc mừng thì chợt để ý thấy bên dưới có một thiếu nữ thân hình diễm lệ, ăn mặc kín đáo, chỉ để lộ đôi bàn tay trắng ngần. Ngài bước xuống một bước, muốn nhìn rõ khuôn mặt cô gái thì nhận ra cô đang che mặt nhưng qua đôi mắt to tròn, lấp lánh vẻ thơ ngây kia, có thể đoán được cô là một thiếu nữ nhan sắc. Nhà vua quay lại

hỏi Oxyartes, chỉ về cô gái:

- Tại sao cô gái kia phải che mặt?

Oxyartes nhìn về phía cô gái, thoáng giật mình rồi giải thích rằng theo phong tục xứ này thì những người con gái dòng dõi quý tộc nếu chưa lập gia đình thì phải luôn che mặt và chỉ được bỏ khăn ra khi đã lấy chồng. Trong hơi say của men rượu, Alexander bước tới, chỉ tay vào cô gái, đồng đặc tuyên bố rằng ngài muốn nhìn thấy gương mặt cô gái, nếu dung nhan cô đẹp như thân hình thì ngài sẽ lấy cô gái làm vợ. Timotheus ngồi gần đó vội bước tới nhắc nhà vua phải cẩn trọng lời nói, vì tuyên bố trước triều đình không phải chuyện đùa - một khi đã gỡ mạng che mặt của cô gái là nhà vua phải thực hiện lời hứa dù nhan sắc cô gái ra sao. Alexander nâng cao ly rượu khẳng định lời tuyên bố của mình trước mọi người. Ai cũng bất ngờ, còn Oxyartes thì bối rối, bởi thiếu nữ đó chính là Roxana, cô con gái yêu quý của ông.

Ngay lập tức Roxana được gọi đến triệu kiến nhà vua. Alexander bước xuống, kéo khăn che mặt của cô gái. Gương mặt sáng ngời, xinh đẹp tuyệt trần của cô gái lập tức khiến Alexander cùng toàn thể tướng sĩ Hy Lạp trong điện sững sờ. Trước hàng trăm ánh mắt đổ dồn về phía mình, Roxana xấu hổ, lùi lại một bước. Alexander lặng người một lúc, đắm đuối nhìn cô gái rồi thốt lên rằng đây chính là món quà của thần Aphrodite* ban cho mình. Hôn lễ của Alexander lòng danh ở tuổi hai mươi tám và Roxana - người con gái đẹp nhất xứ Bactria, vừa tròn mười sáu tuổi, được cử hành ngay sau đó.**

** Nữ thần Hy Lạp cổ đại, bảo hộ tình yêu, sắc đẹp, niềm vui và sự sinh nở.*

*** Có rất nhiều giai thoại ca ngợi vẻ đẹp của Roxana, các sử gia sau này còn tôn xưng cô là người phụ nữ đẹp nhất Châu Á. Các thi sĩ Hy Lạp cũng tốn rất nhiều giấy mực về mối tình vừa thấy mặt đã phải lòng ngay này. Nhiều ý kiến cũng cho rằng Alexander, cũng như cha ông là Vua Philip, đều sử dụng hôn nhân như chính sách ngoại giao khôn khéo, lập gia đình với con gái những người có quyền lực, cho họ duy trì địa vị như cũ, tránh những mầm mống phản loạn về sau.*

Đó là một cuộc hôn lễ xa hoa cổ kim hiếm thấy, kéo dài suốt ba ngày ba đêm. Alexander đã truyền lệnh mang rất nhiều rượu quý, sơn hào hải vị và chiến lợi phẩm đến để phục vụ cho hôn lễ. Các tài liệu thời cổ còn ghi nhận hôn lễ của Alexander Đại đế và Roxana hoành tráng còn hơn cả những điển lễ dành cho

thần linh thời bấy giờ. Những vò rượu quý được chất cao thành từng dãy, từng hàng, các món mỹ thực bản địa quý hiếm được tiến cống liên tục, khắp cung điện và toàn thành tràn ngập trong tiếng hoan ca, say sưa bất tận.

Không chỉ xiêu lòng trước nhan sắc kinh tâm động phách của Roxana, Alexander còn bị cuốn hút và cảm thấy bị thách thức trước vẻ quý phái, lạnh lùng trong ánh mắt của thiếu nữ quý tộc xứ Bactria. Dường như trong một khoảnh khắc, Alexander đã nhận ra đây chính là người hoàng hậu trong giấc mơ của mình. Người mang khí chất của một nữ thần cao quý này xứng đáng cùng ngài cai trị đế quốc vĩ đại nhất trong lịch sử loài người. Thế nên, vị vua hùng mạnh của Á Châu đã biến hôn lễ này thành một điển lễ vĩ đại, vừa để tôn vinh quyền lực của ngài vừa thể hiện sự tự hào về hoàng hậu đẹp nhất thế gian của mình. Điều vị Đại đế không ngờ là cuộc hôn nhân với nàng tiểu thư xứ Bactria đã gieo một hạt mầm khác lạ vào suy nghĩ của ngài, phần nào khiến cơ đồ của ngài về sau đổi khác. Rất lâu về sau, chính Timotheus trong một buổi uống rượu cao hứng đã kể với tôi câu chuyện khác thường trong đêm tân hôn của nhà vua.

Dưới màn đêm xứ Bactria huyền diệu, bữa tiệc hoành tráng nhất xứ Ba Tư kéo dài đến nửa khuya mới kết thúc, Alexander cuối cùng cũng đến chỗ Roxana, vị chiến thần từng khiến mọi quốc gia run sợ trước vó ngựa viễn chinh của mình nay bỗng trở nên dịu dàng trước đôi mắt trong veo, thăm thẳm, ngời lên vẻ đẹp trí tuệ của cô gái. Alexander thốt lên, mắt không rời gương mặt khả ái của Roxana:

- Hỡi Roxana, tiểu thư xinh đẹp của xứ Bactria! Những vì tinh tú và ánh trăng trên bầu trời đêm nay cũng cảm thấy hờn ghen với nhan sắc của nàng!

Roxana từ tốn, bình thản đáp:

- Em chỉ là một vì sao nhỏ như chính cái tên mà cha em đã đặt khi em chào đời. Lời khen của ngài em không dám nhận(*).

(*) *Roxana hay Roxane, tiếng Ba Tư cổ là Roxauna, nghĩa là ngôi sao nhỏ.*

Sau chuỗi ngày binh đao chinh chiến, lần đầu tiên vị hoàng đế trẻ tuổi cảm nhận một dư vị chiến thắng lạ thường và cả một cảm giác bình an hiếm có. Nhưng khi Alexander vừa định kéo Roxana về phía mình thì nàng nhẹ nhàng đẩy ngài ra. Roxana cầm lấy hai tay nhà vua, nhìn thẳng vào mắt ngài, cất giọng nhẹ nhàng, bình thản, không thể hiện thái độ gì:

- Ngài có biết em có thể cảm nhận được mùi máu tanh trên đôi tay ngài không? Có thể thấy cả những tòa thành lửa cháy và nghe được những tiếng kêu rên, khóc than của hàng vạn người dân trong đôi mắt ngài nữa?

Alexander sững người, không tin được vào tai mình. Trước giờ chưa từng có ai dám nói những lời như vậy trước mặt ngài. Nay những lời lẽ có phần oán trách này lại được thốt ra từ miệng người thiếu nữ sắp trở thành hoàng hậu của đế quốc mà ngài tốn nhiều công sức gây dựng nên. Nếu là trước đây, có lẽ Alexander đã nổi cơn thịnh nộ, nhưng Roxana nói ra điều đó quá nhẹ nhàng, quá hồn nhiên khiến Alexander cảm thấy thú vị hơn là tức giận. Alexander chậm rãi đáp lời:

- Cuộc chiến tranh nào rồi cũng sẽ có người chiến thắng và kẻ chiến bại. Để phân định thắng thua làm sao tránh được cảnh máu chảy đầu rơi. Xưa kia đất nước Hy Lạp của ta cũng đã từng chịu nhiều đau thương, mất mát bởi quân xâm lăng. Nàng nên biết, mở rộng bờ cõi, thống nhất thiên hạ là sứ mệnh cao cả thiêng liêng mà các vị thần Hy Lạp đã trao cho ta, ta không thể làm khác được. Không có mất mát thì không có vinh quang.

Roxana hỏi tiếp, vẫn với giọng điệu bình thản:

- Nhưng tại sao phải có chiến tranh? Tại sao ngài phải đánh chiếm Ba Tư? Tại sao ngài lại phải chinh phạt các nước khác, tại sao phải thiêu rụi những tòa thành và tàn sát những kẻ yếu hơn ngài? Chẳng lẽ việc thiêu hủy, giết chóc cũng là sứ mệnh của ngài? Việc đó khiến ngài thấy vui hơn sao?

- Ta chinh phạt Ba Tư là để đảm bảo cho sự bình yên và hùng mạnh của Hy Lạp. Chẳng phải chính Ba Tư trước đây đã gây chiến với Hy Lạp đó sao? Không có sự bình yên nào mà không phải trả giá, không có một đế chế vĩ đại nào được xây dựng mà không cần đến máu và sinh mạng. Ta nhận lãnh sứ mệnh vĩ đại là phải thống nhất mọi quốc gia và mang đến sự thịnh vượng cho tất cả. Mọi cái giá trả cho mục đích cao cả đó đều là xứng đáng. Đến nàng mà cũng có ý oán trách ta như vậy sao? Ta chẳng phải đã tha chết cho cha nàng và đồng bào của nàng đó sao?

Roxana nhỏ nhẹ trả lời:

- Ngài có thể tha chết cho cha em và đồng bào em, sao ngài không làm điều đó

với những xứ khác? Chính vì ngài đã hạ đồ đao nên mới có đám cưới này của chúng ta, chẳng phải vậy sao? Vậy giết chóc có thật sự cần thiết không?

Alexander thoáng giật mình, ngài suy nghĩ rồi chậm rãi trả lời:

- Vinh quang nào cũng phải trả giá, ít hay nhiều mà thôi. Đúng là có những cuộc tàn sát, phá hoại không cần thiết đã khiến ta phải suy nghĩ. Thôi được, ta sẽ lưu ý lời nàng nói, trong những trận chiến tiếp theo ta sẽ cân nhắc để giảm bớt thương đau, giảm bớt hận thù sau này.

Roxana ngạc nhiên:

- Nghĩa là sau khi thu phục Ba Tư, ngài vẫn tiếp tục chinh phạt những nơi khác? Ngài cho rằng mình có thể đánh đến tận cùng thế giới sao?

Alexander gần giọng:

- Ta hoàn toàn có thể. Nàng có muốn chứng kiến ngày ta trở thành vị vua vĩ đại nhất, thống trị toàn thế gian này không? Đó là vinh quang của sứ mệnh mà thần linh đã giao cho ta. Ta phải hoàn thành, và vinh quang đó không chỉ dành cho ta, mà còn dành cho Hy Lạp vĩ đại và sau này cũng sẽ dành cho nàng. Nàng có hiểu và nhìn thấy được tương lai đó không?

Roxana khẽ lắc đầu nhưng không nói gì thêm. Chính thái độ bất phục này của Roxana khiến Alexander canh cánh trong lòng. Ngài đem chuyện này kể với Timotheus, hy vọng vì quân sư cũng là người bạn thông thái này giúp ngài giải được khúc mắc trong lòng. Timotheus kể với tôi rằng khi đó tham vọng bá chủ của Alexander vẫn rất mãnh liệt nên rốt cuộc Timotheus chỉ khuyên nhà vua sau này nên suy xét kỹ càng trước khi ra lệnh tàn sát, thiêu hủy một xứ sở nào đó.

Sau hôn lễ với Roxana, một quý tộc người bản xứ, Alexander cũng khuyến khích các tướng sĩ lập gia đình với phụ nữ địa phương và đích thân tổ chức đám cưới tập thể cho hàng trăm sĩ quan và binh sĩ. Seleucus, Perdicas và cả Leonidas cũng chọn các cô gái xinh đẹp để lấy làm vợ.

Hôm đó tôi đang ở Babylon, chuẩn bị lên đường chuyển vàng bạc và chiến lợi phẩm về Hy Lạp, thì gặp Antigenidas. Antigenidas giật dữ nói:

- Cậu đã biết tin Alexander lập gia đình với một cô gái bản xứ chưa?
- Tôi có nghe nói. Hẳn nhiều người Hy Lạp sẽ không vui.

Antigenidas tỏ ra khó chịu:

- Ta không hiểu, tại sao những anh hùng như chúng ta lại có thể lấy những đứa mọi rợ như thế làm vợ. Bọn chúng chỉ có thể làm nô lệ mua vui thôi. Làm sao chúng ta chấp nhận một kẻ mọi rợ làm hoàng hậu của mình được chứ.

Tôi ý thức được thân phận mình, không dám bàn về các quyết định của Alexander nên chỉ im lặng. Thấy vậy, Antigenidas lắc đầu, vung tay về tức tối:

- Đã thế Alexander còn khuyến khích quân sĩ lập gia đình với dân bản xứ nữa. Ta không hiểu thằng Leonidas nghĩ thế nào mà lấy con vũ công đó chứ, nó đã có Melissa rồi mà.

Tôi biết Antigenidas đang giận Leonidas vì đã hắt hủi em gái Melissa của mình. Tôi cũng bất mãn vì những thay đổi của Leonidas, cảm thấy thật sự đã mất đi người bạn thân thiết ngày nào.

Khi trở về Pella, tôi biết Antigenidas đã báo cho Melissa việc Leonidas lấy vợ khác. Khi hạnh phúc gia đình tan vỡ, dĩ nhiên người đàn bà nào cũng giận chồng bạc tình và thù ghét người phụ nữ đã xen vào gia đình mình. Biết thế nên tôi tránh không gặp Melissa vì không muốn dính dáng thêm vào việc này. Hơn nữa, tôi vốn là người đưa thư cho hai người từ lúc chuyện tình cảm của họ mới bắt đầu, tôi nghĩ việc gặp tôi chỉ khiến Melissa không vui mà thôi. Tuy nhiên, trước khi tôi lên đường đi Ba Tư vì một chuyến công vụ mới thì Melissa đã đến tìm tôi. Vừa gặp tôi cô liền hỏi:

- Kyros này, khi đến Babylon cậu có gặp Leonidas không?

Tôi gật đầu, không tiện nói gì thêm. Melissa hỏi tiếp:

- Vậy Leonidas có khỏe mạnh không?

Tôi thấy vô cùng khó xử chỉ muốn chấm dứt câu chuyện cho nhanh nhưng lạ là Melissa không tỏ ra giận dữ mà vẫn dịu dàng:

- Đi xa đã lâu, chắc Leonidas cô đơn lắm. Ta nghe nói người vợ mới của Leonidas rất đẹp. Ta mừng đã có người chăm sóc cho Leonidas nơi xứ lạ quê người. Khi trở lại Babylon, phiền cậu cầm giùm lá thư của ta gửi cho Leonidas.

Tôi ngạc nhiên, buột miệng:

- Cô vẫn còn muốn viết thư cho Leonidas?

Melissa gật đầu:

Ta không trách Leonidas đâu. Ta hiểu sự cô đơn của những người chinh chiến quá lâu. Do đó, ta chỉ muốn hỏi thăm chồng ta thôi.

Vì quá bất mãn với Leonidas, tôi tìm cách thoái thác:

- Leonidas ở trong đoàn quân tiên phong của Hoàng đế Alexander tại Bactria. Còn tôi chỉ vận chuyển chiến lợi phẩm tại Babylon, chưa biết có gặp được Leonidas không.

Melissa nài nỉ:

- Hiện giờ chỉ có cậu là có thể đến nơi đóng quân. Ta muốn cho Leonidas biết rằng ở đây mọi sự yên ổn và mong chồng ta giữ gìn sức khỏe.

Tôi đành nói thẳng:

- Leonidas đã không như xưa nữa. Gặp tôi, cậu ta còn không thèm nói chuyện. Lần trước tôi giao thư cho cậu ta, cậu ta cũng không muốn đọc.

Melissa lắng nghe nhưng không tức giận mà vẫn kiên nhẫn:

- Nhưng ta vẫn muốn biết Leonidas sống ở Ba Tư như thế nào. Có dễ chịu không, có còn soạn nhạc không... Ta muốn nghe những sáng tác mới của Leonidas. Ta nghe nói âm nhạc Ba Tư lạ lùng lắm nên muốn biết ý kiến của Leonidas về những giai điệu này. Hãy giúp ta chuyển thư cho Leonidas.

Không thể thoái thác nữa, tôi ngần ngại cầm lá thư. Tự hỏi không biết Melissa viết gì trong đó. Cô có giận chồng hay than trách gì không? Nếu cô khóc lóc,

trách móc thì tôi có thể hiểu được nhưng thái độ điềm tĩnh của cô thật lạ lùng. Làm sao một người vợ có thể bình tĩnh như thế khi chồng mình đã phản bội và lấy vợ khác? Tại sao cô vẫn có thể hồi về âm nhạc khi tình nghĩa vợ chồng đã nhạt phai? Phải chăng cô vẫn tin Leonidas còn yêu cô hay cô còn nuôi hy vọng Leonidas sẽ trở về với mình?

Khi vừa đến Babylon tôi được lệnh phải đi Bactria ngay vì Alexander cho gọi. Chuyến đi này vất vả hơn chuyến trước vì đường xá xa xôi, phải mất gần hai tháng mới đến nơi. Khi đến nơi, tôi lập tức vào cung và ngạc nhiên thấy Alexander không mặc y phục Hy Lạp như trước mà đang mặc trang phục sặc sỡ như người Ba Tư. Nhà vua xem qua các văn kiện do triều đình Hy Lạp gửi đến và cả lá thư của Antipater yêu cầu gửi thêm vàng bạc và nô lệ. Ngài trầm ngâm một lúc rồi lắc đầu:

- Bắt đầu từ nay ta không muốn chuyển vàng bạc về Pella nữa. Việc đúc tiền sẽ được thực hiện tại Babylon. Trước đây người đã mang vàng tại Babylon và Susa về Pella, bây giờ ta muốn mang tất cả vàng bạc tại ngân khố ở Pella về Babylon.

Điều này quá bất ngờ, tôi cứ thế đứng ngây ra, chưa biết nên đáp lời nhà vua thế nào. Alexander không để ý đến vẻ sững sốt của tôi, ngài ra lệnh:

- Chuyến đi này người hãy mang thư của ta gửi cho Antipater. Ta muốn gọi hắn đến đây vì nghe nói hiện giờ hắn đang cai trị Hy Lạp như một ông vua. Ta cũng muốn xem lại tất cả sổ sách của Dimitris về ngân khố triều đình.

Rời khỏi cung, tôi không ngừng hoang mang về những yêu cầu của nhà vua. Tôi vội tìm đến Timotheus để hỏi về sự thay đổi này. Timotheus giải thích:

- Cậu đừng lo, đây chỉ là sự thay đổi trong việc điều hành triều chính thôi. Nhà vua đang có ý định đặt kinh đô tại Babylon, xứ này rộng lớn, đất đai màu mỡ, giao thông thuận tiện, có đầy đủ mọi thứ, hợp với ngai vị Vua của Á Châu. Trở về một nơi nhỏ bé, đất đai khô cằn như Pella làm gì?

Tôi ngạc nhiên:

- Dù xứ này lớn đến đâu thì cũng là đất Ba Tư, còn chúng ta vẫn là người Hy Lạp, làm sao nhà vua có thể thay đổi như thế được?

Timotheus thông thả nhìn tôi rồi ôn tồn giải thích:

- Có lẽ cậu cũng thấy hiện nay đa số người Hy Lạp vẫn giữ quan niệm chia rẽ và bất hòa như xưa. Người dân Athens tự hào là hiểu biết, thanh lịch, coi khinh người Thessaly tham lam. Dân xứ Thebes coi thường người xứ khác ngu dốt, còn người Sparta thì không phục tùng bất cứ ai. Hầu hết các xứ này đều coi dân Macedonia là man di, mọi rợ. Làm sao họ có thể chấp nhận một ông vua người Macedonia được? Sở dĩ họ tuân phục Alexander vì họ sợ Ba Tư xâm lăng. Một khi nỗi sợ này không còn thì việc cai trị sẽ không còn dễ dàng như trước, cậu không thấy đã có những cuộc nổi loạn, chống lại nhà vua hay sao? Alexander là người thông minh, ngài biết dù Hy Lạp đã thống nhất nhưng không dễ gì thay đổi được thành kiến phân hóa đã có từ xưa. Tuy nhiên, ngài vẫn tin những người trẻ có thể thay đổi. Sở dĩ ngài có được địa vị ngày nay đều nhờ bằng hữu và các binh sĩ trẻ. Do đó, thông qua hôn nhân giữa người Hy Lạp và người Ba Tư, Alexander có ý tạo ra một thế hệ tương lai cho Hy Lạp, một thế hệ trung thành với ngài.

Tôi ngạc nhiên:

- Alexander nghĩ xa đến thế sao?

Timotheus mỉm cười:

- Cậu không thấy Alexander đã lập gia đình với người bản xứ hay sao? Ngay như Seleucus, Perdicas, Leonidas cũng đều lấy vợ Ba Tư. Hiện nay nhiều binh sĩ cũng lập gia đình tại đây. Việc này đã bắt đầu rồi.

Cuộc nói chuyện ngắn ngủi này đã làm tôi phải suy nghĩ nhiều về một Hy Lạp mà Alexander có ý xây dựng, một Hy Lạp với thế hệ công dân mới. Tuy nhiên, lúc đó tôi vẫn chưa hoàn toàn tin tưởng vì ý tưởng đó quá mới lạ.

Hôm sau, tôi đến doanh trại tìm Leonidas. Gặp tôi, Leonidas ngượng ngùng không vui, tôi định trao thư thật nhanh rồi rời khỏi. Nhưng Leonidas đọc thư xong suy nghĩ một lúc rồi nhờ tôi ở lại đợi hắn viết thư hồi âm. Một lần nữa tôi lại đóng vai người đưa thư cho hai người. Khi trở về Pella, tôi mang theo bức thư của Leonidas. Xong việc công, tôi tranh thủ chút thời gian mang thư đến cho Melissa. Melissa đọc xong thư thì vui mừng nói với tôi:

- Kyros ơi, Leonidas cho ta biết Yasamin đã có thai. Ta muốn gửi ít quà cho đứa

bé sắp sinh này.

Yasamin là cô vợ mới của Leonidas. Tôi ngạc nhiên quá đỗi trước thái độ điềm nhiên lạ lùng của Melissa. Tại sao cô không hề giận dữ hay thù ghét kẻ đã phụ bạc mình?

Tại sao cô còn muốn gửi quà cho đứa con của người phụ nữ đã cướp chồng mình? Tôi nhớ khi hai người họ mới yêu nhau, Leonidas đã viết:

“Aristotle dạy rằng đối với mọi sự, cần đặt câu hỏi “Tại sao” để tìm hiểu căn nguyên, vì mọi sự trên thế giới này đều được sắp đặt theo logic mà người ta có thể giải thích”, vậy làm sao giải thích việc lạ lùng, "trái logic" này đây?

Mặc dù đã trở thành hoàng đế của đế quốc lớn nhất thế giới nhưng Alexander vẫn quan tâm đến những cuộc nổi dậy đòi độc lập tại Hy Lạp mà Antipater phải mất công đánh dẹp. Để duy trì an ninh, Antipater đã cho ban hành nhiều đạo luật nghiêm khắc và hành xử như một hoàng đế, do đó ông làm mất lòng Thái hậu Olympias. Bà gửi thư cho Alexander phàn nàn về sự chuyên quyền của viên tướng này. Đó là lý do Alexander cho gọi Antipater đến gặp mình ngay lập tức. Sau khi xem thư, Antipater biết nếu không cẩn thận thì cũng có thể bị giết như Philotas và Parmenion nên ông lấy cớ bận rộn, cho con trai là Cassander thay mình đến gặp Alexander. Cassander là chồng của Thessalonike, em gái của Alexander, nên có thể tránh được cơn thịnh nộ của hoàng đế.

Hôm đó Cassander vào triều và ngạc nhiên khi thấy Alexander không mặc y phục Hy Lạp mà đã chuyển sang mặc y phục của Ba Tư. Nhà vua ngồi trên ngai vàng trong khi các quan, tướng đều quỳ mọp dưới đất. Phong tục Ba Tư ghi rõ trong triều, các quan đều phải quỳ, cúi đầu sát đất, chỉ khi gọi mới được ngẩng đầu lên (nghỉ lễ Proskynesis). Đây là điều không thể chấp nhận với người Hy Lạp. Nhìn thấy cảnh các quan bò lê dưới đất như thế, Cassander ngạc nhiên rồi bật cười ha hả. Thái độ này khiến Alexander nổi giận dùm dùm, nhà vua xông đến ghì chặt Cassander, liên tiếp đập mạnh đầu hắn ta vào tường, máu tuôn xối xả. Nhà vua trẻ quá lớn:

- Tại sao Antipater không đến mà để một thằng oắt con đến làm loạn triều đình của ta? Nếu không nể mặt Thessalonike thì hôm nay ta sẽ giết người.

Khi xem xét sổ sách ngân khố tại Pella của Dimitris trình lên, Alexander ra lệnh cho mang văn kiện tại Babylon ra so sánh và thấy hao hụt một số vàng lớn. Nhà

vua nổi giận:

- Tại sao có sự sai lệch này? Kyros đã kiểm kê mọi thứ tại đây và ghi chép rõ ràng. Tại sao sổ sách Pella lại khác đi?

Philiteus, người chỉ huy quân sĩ hộ tống chuyển vận số vàng được gọi đến. Philiteus xác nhận dấu niêm phong trong các thùng vàng đều nguyên vẹn khi về đến Pella và cũng đã được Dimitris xác nhận trước khi mở niêm phong, vì vậy, Alexander ra lệnh cho Harpalus phải thân hành về Pella để điều tra.

Tuy đã chinh phạt các nơi, được suy tôn là *Vua của Á Châu* nhưng đối với dân chúng xứ Ba Tư, Alexander vẫn là người ngoại quốc. Muốn được dân chúng chấp nhận, Alexander cần kết thân với hoàng tộc xứ này. Vì vậy, nhà vua đã xin cưới Barsine, thường gọi là Stateira (Stateira II), con gái lớn của Vua Darius. Sau đó, ông xin cưới luôn cả Parysatis, cô con gái ít tuổi nhất của Vua Ochus*. Qua hai cuộc hôn nhân, làm rể của hai vị cựu hoàng đế, Alexander chính thức trở thành người của dòng họ Achaemenid, dòng họ đã cai trị Ba Tư hơn hai trăm năm. Dòng họ Achaemenid đã cai trị Ba Tư nhiều đời, người trong gia tộc này đều nắm giữ các vị trí quan trọng nên khi là người thuộc dòng họ này, Alexander không sợ bị phản bội. Những người bạn thân tín của Alexander như Hephaestion, Simonides và trước đó là Seleucus, cũng đã lần lượt lập gia đình với những người thuộc dòng họ quý tộc Ba Tư.

(*) *Vua Artaxerxes III Ochus, cai trị Ba Tư từ năm 359 tới 338 TCN.*

Từ đó, triều đình của Đế quốc Hy Lạp tại Babylon bắt đầu chuyển qua một sắc thái mới mẻ, hài hòa, với quan quân, tướng sĩ bao gồm cả hai sắc tộc. Bên ngoài tốt đẹp là thế nhưng trong hậu cung thì khác. Khi Alexander có hai người vợ mới, thì địa vị của Roxana trở nên thua kém. Cô chỉ là con gái tộc trưởng biên thùy xứ Bactria, không thể so sánh với hai công chúa dòng dõi hoàng gia của tiền triều được. Là một hoàng đế oai hùng đánh Đông dẹp Bắc, bách chiến bách thắng trên sa trường và cai trị đế quốc lớn nhất thế giới lúc đó nhưng Alexander không thể giải quyết việc cãi vã, ghen tuông giữa các bà vợ. Do đó, ngài thường tìm cách lánh mặt đi giám sát, kiểm tra quân sĩ khắp nơi để có thể tự do ca hát, uống rượu với binh sĩ. Tuy nhiên, vị hoàng đế cũng không thể trốn tránh mãi, ngài vẫn phải trở về triều để điều hành việc triều chính và vẫn thường phải đứng ra giải quyết những tranh chấp, cãi vã, ghen tuông giữa ba người vợ. Stateira và

Parysatis đều là công chúa, biết rõ lễ nghi cũng như quy tắc trong phòng the của hoàng gia, còn Roxana dẫu là con nhà quý tộc nhưng lớn lên ở biên thùy, tính tình cương cường, bất khuất, không thích hợp với luật lệ trong cung. Sau cùng, Alexander phải đưa Roxana về cung điện riêng tại Susa và để hai người vợ kia tại Babylon.

Một hôm, Alexander gọi Cleitus vào triều, phong cho viên tướng này làm thống đốc vùng Bactria. Trong số các bạn thân của Alexander, Cleitus là người đã từng theo Vua Philip đi dẹp loạn, lập nhiều công trạng và là người huấn luyện bộ binh theo đội hình Phalanx nên rất được lòng binh sĩ. Trong cuộc viễn chinh, Cleitus luôn theo sát Alexander trong mọi cuộc chiến và từng cứu mạng nhà vua trong trận Granicus.

Không muốn phiền phức với các nghi thức triều đình cũng như tránh phải đối phó với các bà vợ hay những than phiền trong hậu cung nên Alexander lợi dụng cơ hội tiễn chân Cleitus lên đường, bèn rủ các bạn đến doanh trại cách xa Babylon, tổ chức một buổi tiệc mừng, ca hát với nhau như khi xưa. Đã lâu không được tự do uống rượu nên trong bữa tiệc mọi người đều uống đến quên trời quên đất. Rượu vào lời ra, những điều chất chứa trong lòng anh em tướng sĩ đều theo men rượu mà tuôn ra hết. Tuy được phong làm thống đốc nhưng Cleitus cho rằng đang làm tướng mà không được chỉ huy quân đội hay tham gia trận mạc, bị đưa đi làm quan cai trị nơi hẻo lánh chính là dấu hiệu thất sủng. Trong lúc say, Cleitus than rằng với công lao vào sinh ra tử của mình mà chỉ được chức thống đốc tại miền biên thùy hoang vu, nơi các bộ lạc thường nổi loạn, với vài ngàn binh lính già yếu thì không công bằng. Alexander lúc đó cũng đã say, bèn quát:

- Ta đã chinh phục Bactria, dẹp tan các phần tử phản loạn. Đâu còn gì để người phải lo. Người may mắn nhờ ta mới được chức thống đốc, nếu vẫn ở yên tại Pella thì cũng chỉ là tay luyện binh quen chứ làm sao lên được địa vị này.

Cleitus lúc đó cũng đã bị men rượu dẫn dắt, lớn tiếng cãi lại:

- Nếu không có đội hình *Phalanx* do tôi huấn luyện thì làm sao ngài thắng được quân Ba Tư. Là người Macedonia mà ngài dám mặc quần áo Ba Tư, lấy vợ Ba Tư, cư xử như một người Ba Tư, thật không biết xấu hổ...

Alexander nổi trận lôi đình, ném bình rượu đang uống vào mặt Cleitus rồi gọi

quân sĩ bắt Cleitus lại để hành hình ngay nhưng mọi người vội vã can ngăn. Tất cả tướng lĩnh trong buổi tiệc đó đều là bạn thân, chơi với nhau từ nhỏ, trải bao trận chiến cùng nhau nên không ai muốn sự việc đi xa hơn. Alexander gọi người cho mang vũ khí đến để ngài xử tội kẻ hỗn xược. Perdicas và Philiteus vội vã kéo Cleitus ra khỏi lều nhưng Alexander lập tức đuổi theo, giằng lấy cây giáo của một lính canh gần đó, xông đến đâm thẳng vào Cleitus. Trong lúc giằng co, Cleitus vừa quay lại thì lưỡi giáo đã xuyên qua ngực.

Cái chết của Cleitus gây ra sự hoang mang lớn trong quân đội Macedonia. Mặc dù khi tỉnh rượu Alexander đã rất hối hận, cho chôn cất tử tế và ra lệnh mang một số vàng lớn về cho gia đình của Cleitus nhưng binh sĩ, nhất là đội quân *Phalanx* vốn trung thành với người chỉ huy của mình đã tỏ ra vô cùng bất mãn. Từ lâu những người lính Macedonia không chấp nhận việc hoàng đế của họ thay đổi lễ nghi triều đình, ăn mặc như người Ba Tư, bắt các quan phải quỳ lạy khi vào triều. Sự bất mãn lan rộng hơn khi Alexander phong cho Philiteus lên làm chỉ huy đội hình *Phalanx* thay cho Cleitus, một số binh sĩ đã nổi loạn. Một trận giao tranh xảy ra trong nội bộ các binh sĩ Macedonia. Nhờ có lực lượng hộ vệ thân tín của Perdicas và Hephaestion, nên những binh sĩ này rốt cuộc đều bị bắt. Thế nhưng, trong trận giao tranh, Leonidas đã bị thương nặng. Được tin, tôi lập tức đến ngay khu bệnh xá và nhìn thấy người bạn cũ nằm đó, khắp thân mình đều là máu. Nhìn thấy tôi, Leonidas thều thào:

- Tôi biết mình khó sống tiếp, tôi hy vọng cậu nghĩ đến tình bạn khi xưa giữa chúng ta mà giúp tôi một việc.

Tôi đặt tay lên trán Leonidas:

- Anh cứ nói đi, tôi sẽ cố gắng hết sức mình.

Leonidas thều thào:

- Tôi lo cho Yasamin... Nàng sắp sinh con, không thể sống ở nơi loạn lạc thế này được. Alexander đang chuẩn bị tiến quân chinh phục các vương quốc mới. Nếu quân Hy Lạp rời khỏi chỗ này, tôi không an tâm để Yasamin ở lại đây. Liệu cậu có thể đưa vợ tôi về Hy Lạp và bảo vệ cho nàng không?

Đây là một trọng trách nặng nề, hơn nữa sự việc quá bất ngờ, khiến tôi có phần do dự. Tuy nhiên, nhìn thấy thân thể đầm máu của Leonidas, tôi không muốn người bạn thân phải lo lắng trước khi nhắm mắt nên đã miễn cưỡng gật đầu.

Leonidas vui mừng nắm chặt lấy tay tôi, yếu ớt nói lời cảm ơn. Hôm sau, Leonidas qua đời. Sau khi chôn cất bạn mình, tôi đến tìm Yasamin nói về đề nghị của Leonidas nhưng cô từ chối, quyết không chịu rời Babylon.

Cái chết của Leonidas và sự nổi loạn của quân sĩ Hy Lạp, đã khiến Alexander vô cùng tức giận. Ngài ra lệnh cho Perdicas phải kiểm soát quân đội chặt chẽ hơn và cho giải ngũ một số binh sĩ Hy Lạp, để họ trở về quê quán.

Với số quân tuyển được từ những nơi đầu hàng trước vó ngựa của ngài, ngài không cần nhiều binh sĩ Hy Lạp nữa.

Khi trở về Pella, tôi báo cho Dimitris biết việc con trai ông đã qua đời nhưng không nói gì về việc Leonidas ủy thác. Dimitris vô cùng đau khổ, bao nhiêu kỳ vọng ông đặt ở đứa con trai duy nhất đã tan thành mây khói. Sophia, người con gái mà ông đã thu xếp cho lấy Philotas, nay cũng trở thành góa phụ. Tài sản của gia đình Parmenion cũng đã bị tịch thu. Quá đau buồn, Dimitris gửi thư cho Antipater xin từ chức và giao mọi việc lại cho Deasius, chồng của Isidora. Trước khi tôi lên đường trở lại Ba Tư, Melissa đã tìm đến gặp tôi, trông cô tiều tụy hơn trước, cô hỏi:

- Ta biết Leonidas đã được Hoàng đế Alexander cho chôn cất cẩn thận. Nhưng Yasamin ra sao? Ai sẽ lo cho đứa con của Leonidas?

Một lần nữa, thái độ điềm nhiên và tâm hồn thánh thiện của Melissa khiến tôi ngỡ ngàng. Hiển nhiên, cái chết của Leonidas là nỗi đau rất lớn với cô, nhưng tại sao lúc này cô còn quan tâm đến người phụ nữ kia? Tôi đành thuật lại với Melissa lời trăng trối của Leonidas và cả việc Yasamin từ chối rời Babylon. Melissa liền nói:

- Cậu đã hứa sẽ giúp Leonidas, vậy tại sao không đưa cô ấy về đây?

Tôi trả lời:

- Yasamin không muốn rời Babylon. Tôi đâu thể ép cô ta được.

Melissa im lặng một lúc rồi nói:

- Ta đã sống cô đơn trong bao năm nay nên hiểu tâm trạng của những người cô đơn là như thế nào. Yasamin không thể sống tại nơi loạn lạc kia mà không có ai

bảo vệ được, xin cậu hãy cố gắng đưa cô ấy về đây.

Tôi ngạc nhiên quá đỗi, liền hỏi:

- Nhưng... chẳng phải cô ta là người đã cướp chồng của cô sao?

Melissa thông thả nói:

- Leonidas muốn đưa Yasamin về sống tại đây thì ta cũng muốn vậy. Chính cậu cũng đã hứa với Leonidas như thế mà. Hơn nữa, ta cũng phải lo cho đứa con của Leonidas. Nó không thể sống tại một nơi bất an, loạn lạc như thế được.

Khi tôi trở lại Babylon thì Yasamin đã sinh được một đứa bé gái. Tôi cố thuyết phục nhưng cô nhất định không chịu rời khỏi đó. Tôi đem sự việc bàn với Antigenidas. Anh ấy suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Yasamin không muốn đi thì thôi vậy. Nhưng đứa con của Leonidas thì khác, dù nó là con của Leonidas với người phụ nữ khác, nhưng trên danh nghĩa vẫn là cháu ta.

Không thể để nó sống vất vưởng nơi đây được, cậu mang đứa bé về đây, ta có thể tìm trong đám nô lệ một người đàn bà vừa sinh con để trông nom đứa bé.

Tôi không nhẫn tâm làm việc đó nên đã tìm cách thoái thác. Nhưng Antigenidas thì đã quyết.

Vì tôi vẫn phải đi phát lương cho binh sĩ ở các nơi khác nhau nên không có mặt tại Babylon thường xuyên. Nhưng trên đường về Hy Lạp, đến hải cảng Issus, tôi mới biết Antigenidas đã cho người bắt đứa con của Leonidas và sai một nô lệ trông nom để giao lại cho Melissa. Trong lần gặp nhau kế tiếp, chúng tôi cãi nhau một trận kịch liệt về việc này. Cuối cùng, Antigenidas nổi giận:

- Người chỉ là một đứa nô lệ trong khi ta chỉ huy binh sĩ, có toàn quyền trong tay. Ta muốn làm gì là việc của ta, người không có quyền phản đối. Nếu không phải vì tình bạn trước nay giữa chúng ta thì lưỡi gươm này đã cắm vào ngực người rồi.

Câu nói đó khiến cho tình bạn của chúng tôi bị sút mẻ nặng nề. Từ đó tôi tránh không gặp Antigenidas nữa. Vì Leonidas đã qua đời, không còn thư từ qua lại,

nên tôi không trở về Pella mà tìm cách ở hẳn tại Athens. Tôi được biết Melissa trở thành người mẹ trông nom đứa con mới được mấy tháng của Leonidas.

Trong cuộc nói chuyện của tôi với Thomas, ông cho biết ngày nay gần như tất cả tài liệu về Alexander đều do người Hy Lạp thời cổ viết nên có nhiều định kiến. Phần lớn đều ca tụng Alexander như một anh hùng vĩ đại và coi việc chinh phục Ba Tư là sự chiến thắng của người Châu Âu đối với các quốc gia Châu Á. Phần lớn sử liệu thường đề cao nền văn minh của Hy Lạp và coi Ba Tư là xứ man rợ, hung ác, lạc hậu và thiếu văn minh. Điều này cũng tạo ảnh hưởng cho các thế kỷ về sau khi các quốc gia Châu Âu tự coi mình là trung tâm văn minh của thế giới và coi thường các nền văn minh khác. Khi xâm lăng các quốc gia Châu Á và Châu Phi, họ đã gọi cuộc chiến này là sự khai phóng các dân tộc thiếu văn minh.

Thomas kể rằng mặc dù văn minh Hy Lạp đã tiến bộ rất cao với sự có mặt của các triết gia như Pythagore, Platon, Socrates, Aristotle... nhưng Đế quốc Ba Tư lúc đó cũng đã phát triển rất mạnh về kinh tế, canh nông và thương mại. Trong khi Hy Lạp còn là một tập hợp nhiều thành bang nhỏ thì Đế quốc Ba Tư đã bành trướng khắp nơi, chạy dài từ Ai Cập đến Ấn Độ. Từ xưa, người Ba Tư đã đi khắp nơi buôn bán, qua con đường tơ lụa (Silk Road), sang đến tận Trung Hoa. Văn chương, thơ phú, âm nhạc của Ba Tư cũng đạt vị trí quan trọng và phổ biến khắp Trung Đông nên không thể kết luận rằng Đế quốc Ba Tư là thiếu văn minh được.

Một dữ kiện khác cho thấy lúc đó luật pháp Hy Lạp chỉ giới hạn trong việc phân chia giai cấp, quyền sở hữu đất đai để thu thuế. Các việc khác đều do triều đình quyết định, trong đó, nhà vua có quyền hành tuyệt đối. Trong khi đó, Ba Tư đã có hệ thống pháp trị với các bộ luật được ghi chép rõ ràng chứ không tập trung quyền hành vào cá nhân vua chúa. Tôn giáo của Ba Tư (Báí Hỏa giáo) phân biệt rất rõ về quan niệm thiện, ác, đúng sai. Kinh Avesta mở đầu với câu: *"Chỉ nghĩ điều thiện, nói điều thiện, làm điều thiện vì mọi hành động sẽ được đấng Ahura Mazda phán xét."* Tôn chỉ không nói dối, luôn nói lời thật đã được ghi rõ vào bộ luật của Vua Cyrus. Báí Hỏa giáo phân chia mọi việc rất rõ ràng, không chấp nhận chế độ nô lệ, không kỳ thị các tôn giáo khác như Do Thái giáo hay tôn giáo của Ai Cập và Assyria.

Hầu hết các sử gia viết rằng Alexander mãi mê chinh phục thế giới, không trở về Hy Lạp và chết sớm nên giấc mộng chưa hoàn thành. Thomas nói rõ với tôi

rằng Alexander không hề có ý trở về Hy Lạp, ngài đã thành lập một triều đình mới tại Babylon để cai trị đế quốc rộng lớn mà mình chinh phục được nên không cần trở về Pella làm gì. Đó là lý do Alexander ra lệnh chuyển ngân khố về Ba Tư, phát triển một thể hệ công dân mới, hòa hợp hai dòng máu Hy Lạp và Ba Tư cho đế quốc này. Ngài cưới stateira, con gái của Vua Darius và cưới Parysatis con gái của Vua Ochus, là bằng chứng cho việc muốn kết thân với người xứ này. Thay vì dùng người Hy Lạp trong việc triều chính, ngài vẫn để Mazaeus làm thượng thư, và các quan lại Ba Tư điều hành mọi việc trong nước.

Ngày nay, các nhà khảo cổ đã tìm được các đồng tiền vàng được đúc tại Babylon thời đó, có hai mặt, một mặt in hình Alexander, mặt kia in hình Mazaeus như minh chứng lịch sử về việc sáp nhập hai dòng máu, hai nền văn minh này làm một. Đây là dữ kiện lịch sử Hy Lạp mà một số sử gia có lẽ không muốn nhắc đến.

Thomas nói với tôi rằng ước mơ vĩ đại về việc thống nhất thế giới của Alexander Đại đế dường như là điều viển vông, ngông cuồng nhất mà một con người có thể nghĩ ra. Làm sao có thể khiến mọi người trên thế giới không còn khoảng cách, không còn thù hằn và chung sống hòa bình với nhau được? Lịch sử và văn minh nhân loại được viết nên bằng những cuộc chiến đẫm máu và chiến tranh chưa bao giờ chấm dứt. Đó phải chăng là một lời nguyện không thể hóa giải? Hay đó chính là bản chất của con người - giống loài tiến hóa nhất hành tinh này và ngạo mạn coi mình là chủ nhân địa cầu?

Nếu thế giới này không còn những khoảng cách về sắc tộc, màu da, tôn giáo, chính trị thì liệu con người có chấm dứt sự chia rẽ, thù hằn, xâm chiếm và chém giết lẫn nhau? Liệu có một phép màu nào đó có thể khiến con người ở mọi quốc gia đều coi nhau như người cùng xứ sở và chiến tranh, giết chóc, bạo lực sẽ chấm dứt vĩnh viễn trên hành tinh này? Chẳng phải khi vượt thoát khỏi bầu khí quyển, tiến vào vũ trụ bao la và nhìn về hành tinh trái đất, chúng ta có thể cảm nhận sâu sắc rằng chúng ta nhỏ bé ra sao giữa vũ trụ này và tất cả đều có chung một quê hương đó sao?

Liệu có một phép màu nào có thể khiến cho con người thôi phá hủy sự sống muôn loài, thôi hủy diệt màu xanh trên quê hương địa cầu này không? Liệu có cách nào ngăn không cho hành tinh này đếm ngược về ngày tận thế? Những gì đã và đang xảy ra trên thế giới này là cơn thịnh nộ của Đấng sáng thế hay chỉ đơn giản là những báo ứng tuần hoàn theo luật Nhân quả của vũ trụ?

Nếu chúng ta đang ở giai đoạn cuối của chu kỳ *Thành - Trụ - Hoại - Diệt*, thì có cách nào để ngăn chặn sự hủy diệt đó không, khi chính chúng ta mới là nguyên nhân cho mọi sự phá hủy khủng khiếp nhất đối với sự sống và tương lai của muôn loài?

Những câu hỏi đó cứ xoay vần trong tâm trí tôi khi nghĩ đến Alexander và những cuộc chiến bất tận của ngài. Con người luôn mơ ước và hướng đến một thế giới hòa bình nhưng cho đến tận ngày hôm nay, khi nhân loại đang tự hào về nền văn minh và sự phát triển khoa học, công nghệ đỉnh cao của mình, thì hành tinh này vẫn chưa ngày nào ngừng xung đột, biến động.

Nếu người ta chỉ chạy theo sự ganh đua, tranh giành quyền lực hòng thống trị nhau thì cái chúng ta gọi là văn minh có thực sự xứng đáng là một nền văn minh không?

Trong cuộc đời mỗi con người, đôi khi chỉ cần chúng ta dám đặt câu hỏi và dám đi tìm tận cùng câu trả lời thì chúng ta sẽ bước vào một hành trình khám phá có thể làm thay đổi hoàn toàn nhận thức và ý nghĩa cuộc sống. Vì cuộc sống chính là hành trình trải nghiệm, học hỏi không ngừng, bất tận. Mỗi một giờ khắc trôi qua, thế giới lại sản sinh ra hàng triệu điều mới mẻ. Những ai ngừng học hỏi, khám phá sẽ đi đến sự thiếu hiểu biết, bảo thủ, định kiến, lỗi thời.

ĐỂ TẢI VỀ TẬP 1 CŨNG NHƯ NHIỀU NHỮNG CUỐN EBOOKS ĐẶC SẮC
Bạn truy cập <https://tangebooks.com>

(Lưu ý: Khi tải nên dùng máy tính sẽ dễ dàng hơn)

Phần chín

ẤN ĐỘ: QUYỀN LỰC VÀ THỨC TỈNH

Sau mười năm chinh chiến, Alexander đã trở thành hoàng đế của đế quốc hùng mạnh nhất thế giới thời đó. Đúng như ngài đã nói với tôi: “Achilles chưa từng thua trận nào” và ngài cũng vậy. Trải qua hàng trăm trận đánh lớn nhỏ, ngài trở thành quân vương bách chiến bách thắng trên sa trường. Ngay cả khi đối đầu với lực lượng quân thù đông gấp nhiều lần, ngài vẫn có thể giành chiến thắng. Ngài chiến thắng không chỉ vì biết dùng chiến lược sắc bén, tài tình mà còn vì ý chí kiên định và tinh thần quả cảm, không sợ hãi bất cứ kẻ thù nào. Trận đánh nào Alexander cũng dũng mãnh xung phong lên trước, tướng đấu với tướng, bắt chấp làn tên mũi giáo, truyền cảm hứng cho toàn quân sĩ quyết chiến với kẻ thù. Do đó, trên cơ thể ngài chằng chịt những vết sẹo do gươm giáo quân thù để lại. Khi luyện tập cùng binh sĩ, ngài không ngần ngại cởi trần cho họ thấy những vết sẹo trên người mình. Điều này càng làm cho binh sĩ thần phục và hết lòng theo ngài chiến đấu.

Sau sự việc Cassander đến Babylon không lâu, Alexander nhận được công văn của Harpalus báo cáo rằng ngân khố tại Pella chỉ còn khoảng 1.500 ta-lăng vàng dự trữ, và nếu không tìm thêm vàng thì triều đình khó có thể duy trì lực lượng quân đội đông đảo như thế. Việc này khiến Alexander vô cùng tức giận vì ngài nghi ngờ đã có sự gian lận trong việc quản lý ngân khố triều đình Pella, nhưng chưa rõ thủ phạm. Ngài biết rằng sau cái chết của Philotas và Parmenion cũng như việc sỉ nhục Cassander thì sẽ khó có thể gọi Antipater đến Babylon để thẩm vấn. Ngài cũng lo ngại nếu quá mạnh tay xử lý có thể gây chia rẽ hay nổi loạn tại chính quê hương mình. Do đó, ngài bàn với Timotheus về việc cho giải ngũ một số binh sĩ để cắt giảm chi phí. Timotheus đề nghị cho thu thuế từ các vùng đất đã chinh phục nhưng Alexander ngần ngại vì trước đây ngài đã hứa cho các thống đốc địa phương được giữ lại tiền thuế. Hiện nay, đế quốc của ngài chỉ vừa thành lập, chưa hoàn toàn yên ổn, ngài không muốn thực hiện những thay đổi có thể dẫn đến tình trạng xáo trộn.

Trong lúc nhà vua vẫn còn chưa tìm được giải pháp thì vài hôm sau Mazaeus đưa vào triều một lái buôn người Ba Tư. Người này cho biết đoàn thương buôn của họ thường đi theo con đường mòn vượt qua dãy Hindu Kush để trao đổi hàng

hóa với các vương quốc nằm ở phía Đông rừng núi, đó là những vương quốc rất giàu có, đất đai trù phú, đời sống cư dân thịnh vượng với rất nhiều vàng bạc, châu báu. Alexander vô cùng kinh ngạc trước điều vừa nghe, vì mọi tài liệu từ trước đều ghi rằng dãy Hindu Kush chính là nơi tận cùng của thế giới. Ngay như Vua Cyrus cũng chỉ chinh phục Bactria, xứ sở cận Hindu Kush và dừng quân tại đó, không đi xa hơn. Nếu quả thật dãy núi kia vẫn chưa là tận cùng thế giới và bên kia là những vùng đất mới thì ngài nhất định phải khám phá. Alexander lập tức ra lệnh cho người tháp tùng đoàn lái buôn, đi theo con đường đó để nghiên cứu và vẽ bản đồ thật chi tiết. Từ đó, ngài không ngừng suy nghĩ về một cuộc chinh phục mới. Ngài nói với Timotheus:

- Nếu Bactria và rừng Hindu Kush không phải là nơi tận cùng thế giới thì ta phải đi đến cùng để khám phá, mở mang bờ cõi cho đế quốc của mình.

Vài tháng sau, Alexander nhận được báo cáo đầy đủ về con đường mòn (*Khyber Pass* ngày nay) cùng với bản đồ chi tiết về cách vượt qua rừng núi này. Alexander lập tức chuẩn bị quân đội cho một cuộc viễn chinh mới. Ngài triệu tập một số tướng lĩnh như Ptolemy, Antigonus đưa quân đến sáp nhập vào đội quân viễn chinh và phong cho Perdiccas làm phó chỉ huy quân đội, Hephaestion làm chỉ huy kỵ binh. Ngài cũng ra lệnh cho tôi và Philiteus trở về Pella để chuyển vàng bạc trong ngân khố về Babylon. Ngài nói với tôi:

- Kyros, người cứ lo việc đúc tiền cho đầy đủ. Khi ta chinh phục các vương quốc kia xong, sẽ còn mang về rất nhiều vàng nữa.

Chuyến công vụ trở về Hy Lạp lần này không còn khiến tôi hăng hái như trước. Nghĩ về cuộc viễn chinh kéo dài tại những nơi xa xôi kia tôi không khỏi lo ngại và tự hỏi không biết đến bao giờ thì chiến sự triền miên này mới chấm dứt? Tôi nghĩ đến Philotas và câu hỏi của anh: “Nếu cuộc chiến cứ tiếp diễn như vậy, biết bao giờ chúng ta mới được trở về Hy Lạp?”. Thật vậy, tôi thấy nhiều binh sĩ Macedonia đã mệt mỏi với cuộc chiến kéo dài quá lâu này. Phải chăng tham vọng làm bá chủ thế giới đã làm lu mờ mục đích ban đầu của nhà vua trẻ? Phải chăng men chiến thắng đã khiến Alexander trở nên kiêu căng, tự mãn, dẫn đến cái chết của Philotas và Parmenion? Phải chăng chỉ vì không chấp nhận việc pha trộn văn hóa Hy Lạp và Ba Tư mà Cleitus bị giết? Tôi ngậm ngùi nghĩ đến kết cục của những người vừa là bạn vừa là bấy tôi trung thành của Alexander kia. Bao nhiêu chiến công hiển hách của họ dường như cũng không đủ thỏa mãn tham vọng của vị Đại đế. Có lẽ, khi quyền lực đạt đến một mức nào đó, bất cứ ai cũng có thể trở nên độc đoán, tham lam và không bao giờ biết đủ. Một lần nữa,

tôi lại nghe văng vẳng trong đầu lời thi sĩ Homer đã nói trong sử thi Iliad, không ai đi qua chiến tranh mà vẫn như xưa.

Khi đó tôi chỉ biết cảm thán cho những người đã bị chiến tranh mài mòn, thậm chí lấy đi tính mạng, mà không biết rằng lần này tai họa sẽ ập đến với mình. Khi vừa đặt chân đến Athens, tôi bất ngờ bị bắt giam vì ai đó đã tố cáo tôi làm thâm hụt ngân quỹ. Người đứng ra tố cáo là Deasius, chồng của Isidora, hiện đang thay mặt Dimitris trông coi kho bạc của triều đình. Tôi bị giam vào ngục và bị tra tấn tàn nhẫn để bức cung về việc tôi cất giấu vàng bạc ở đâu. Nhưng dĩ nhiên vì tôi không làm việc này nên tôi không có gì để khai nhận. Tôi chỉ biết ngân khố bị thiếu một số vàng, điều này đã được báo cáo lên Hoàng đế Alexander nhưng tại sao người bị buộc tội lại là tôi? Mọi sổ sách chi thu đều được Dimitris xem xét cẩn thận. Từ trước đến nay ông chưa hề phát hiện sự nhầm lẫn nào trong các sổ sách do tôi làm. Ông thường khen tôi làm việc chu đáo và tin tưởng khả năng tính toán chính xác của tôi thì tại sao hôm nay xảy ra cơ sự này?

Mấy hôm sau, tôi được đưa ra trước mặt hội đồng nghị viện Athens do Harpalus và Demosthenes làm chủ tọa. Deasius hùng hồn lên án tôi:

- Từ bao năm nay mọi việc chuyên chở vàng từ Ba Tư về Pella đều do Kyros trông nom. Việc chi thu vàng bạc để đúc tiền làm quân lương cũng do chính hắn ta kiểm soát, sổ sách cho ngân khố cũng do chính tay hắn làm. Hiện nay, ngân quỹ thiếu một số vàng không nhỏ. Từ trước đến nay chỉ có mình hắn trông nom và kiểm soát tất cả, không phải hắn là thủ phạm thì còn ai vào đây nữa?

Quá oan ức, tôi lên tiếng bào chữa:

- Tất cả việc thu chi đều có sổ sách ghi chép. Các thùng vàng vận chuyển từ Ba Tư về đều được niêm phong rất cẩn thận. Khi về đến Pella chính ngài Dimitris đã kiểm tra, xác nhận trước khi chuyển vào ngân khố. Việc đúc tiền và khí giới, tất cả cũng đều thông qua ngài...

Deasius quát lớn để ngắt lời tôi:

- Người không thể đổ lỗi cho ai được. Mọi việc chi thu đều do người kiểm tra, giám sát. Dimitris đối đãi với người tử tế như thế mà người đã lợi dụng lòng tốt của ông ấy để mưu cầu lợi ích cho riêng mình. Tội này phải xử thật nghiêm.

Harpalus cũng lên tiếng:

- Ta đã xem tất cả hồ sơ chuyển vận và sổ sách chi thu nhưng thấy có nhiều chỗ không rõ ràng, có những con số đã bị sửa đổi. Chắc chắn đã có việc gì đó mờ ám. Người giấu vàng ở đâu thì phải khai ra ngay, nếu không đừng trách bọn ta nặng tay.

Tôi lập tức phản đối:

- Sao lại có chuyện như thế được? Từ trước đến nay sổ sách luôn luôn minh bạch. Lần nào ngài Dimitris cũng xem kỹ và hài lòng. Tôi đã làm việc này hơn mười năm, không hề có sơ sót nào. Làm gì có việc mờ ám. Không tin các ông cứ hỏi ngài Dimitris, ngài vốn là người kiểm soát và chịu trách nhiệm mới thứ...

Deasius cười gằn:

- Người giỏi lắm, lại còn đổ tội cho người đã chết.

Deasius vừa nói gì kia? Dimitris đã qua đời ư? Tôi không dám tin vào tai mình, lắp bắp hỏi lại:

- Cái gì... ngài Dimitris... đã qua đời ư?

Đột nhiên, từ trong đám đông, Isidora bước ra chỉ thẳng vào mặt tôi:

- Kyros, tên nô lệ khốn kiếp! Người chỉ là một nô lệ thấp hèn nhưng cha ta đã đối đãi với người quá tử tế. Cha ta không những đã nuôi nấng, dạy dỗ người mà còn tin tưởng giao trọng trách cho người. Không ngờ người đã làm chuyện sai trái, đã lấy trộm vàng lại còn đổ lỗi cho cha ta, một người đã chết, không thể biện bạch được. Lòng tốt của cha ta đã đặt lầm vào một kẻ vô ơn bạc nghĩa như người.

Isidora vừa khóc vừa kể lể, bóc trần thân thế nô lệ của tôi, xung quanh mọi người bắt đầu xầm xì mắng chửi tôi thậm tệ. Lời buộc tội bất ngờ của Isidora khiến tôi đau đớn vô cùng, cổ họng nghẹn lại, không thốt lên nổi lời nào. Mỗi câu nói của cô như từng nhát gươm đâm vào tim tôi, đau buốt. Tôi không ngờ người tôi thầm yêu trộm nhớ trong bao năm nay lại có thể nói ra những lời nặng nề như thế. Tôi gục mặt trong tủi nhục vì những lời “tên nô lệ”, “kẻ vô ơn” đã làm tôi quá đau đớn. Tôi cũng quá bàng hoàng vì Dimitris đã qua đời. Tôi biết cái

chết của Leonidas, đứa con trai duy nhất, đã làm ông đau khổ và lâm bệnh, nhưng việc ông qua đời quả là một cú sốc với tôi.

Tôi ngước lên nhìn Isidora muốn lên tiếng nhưng không sao nói được lời nào. Isidora bước đến nhổ một bãi nước bọt thẳng vào mặt tôi, gần giọng:

- Tên nô lệ khốn kiếp kia, ta không ngờ người có thể hèn hạ, đốn mặt như thế. Dám đổ tội cho người đã nuôi nấng người... Đi chết đi!

Nói xong, Isidora quay ngoắt đi, vừa đi vừa sụt sùi khóc khiến mọi người chung quanh đều thương cảm và càng bất mãn với kẻ tội đồ là tôi. Chủ tịch nghị viện Desmothenes bước ra:

- Kyros, người còn gì muốn nói nữa không?

Tôi vẫn choáng váng vì hành động sỉ nhục bất ngờ của Isidora nên không thể nói gì. Thấy tôi im lặng, Demosthenes cười nhạt, rồi bằng giọng hùng hồn của người đã quen diễn thuyết trước đám đông, ông ta đưa ra những lý lẽ đánh thép về việc tôi là người duy nhất kiểm soát vàng bạc trong ngân khố cũng như sổ sách chi thu, rồi đặt câu hỏi, ngoài tôi ra, đâu ai biết về số vàng trong kho nhiều ít thế nào? Trong bao năm, ngân quỹ đã bị thất thoát đến mức nào cũng không ai biết, chỉ đến khi Harpalus điều tra thì mới khám phá ra sự thiếu hụt... Tôi là người duy nhất biết rõ số vàng thu chi bao nhiêu, là người duy nhất mang vàng đi đúc tiền, rồi tôi là người mang tiền đi phát lương cho binh sĩ, mọi việc thừa hay thiếu chỉ mình tôi biết. Việc thâm hụt, sửa đổi toàn bộ sổ sách chi thu cũng chỉ có tôi làm được, ngoài ra không còn ai. Cuối cùng, Demosthenes kết luận tôi chính là thủ phạm. Hắn nói thêm, mặc dù đã bị tra tấn nhưng tôi vẫn không khai đã giấu vàng ở đâu nên đề nghị tuyên án tử hình. Toàn thể hội đồng đều giơ tay bỏ phiếu đồng thuận. Demosthenes ra lệnh cho thi hành án ngay để làm gương cho dân chúng. Mặc dù hoang mang về biến cố bất ngờ và cái chết của Dimitris cùng những câu nói nặng nề của Isidora, nhưng tôi cũng kịp bình tĩnh và phần nộ vì sự kết án vội vã như thế. Tôi vùng đứng dậy, định phản đối thì may thay, Philiteus đã bước ra:

- Khoan đã, việc này phải do Hoàng đế Alexander phán quyết. Tội trạng của y sẽ được ghi nhận nhưng án lệnh phải do chính nhà vua quyết định.

Demosthenes lắc đầu:

- Lúc này Hoàng đế Alexander đang bận việc ở xa. Tại đây mọi việc đều do nghị viện quyết định. Chúng ta đã bỏ phiếu, phải thi hành ngay.

Philiteus tức giận hét lớn:

- Athens không phải là triều đình. Nếu muốn, phải đưa Kyros về Pella cho Antipater xét xử. Y là người của quân đội thì phải bị xét xử theo quân pháp. Nghị viện dân sự của các ông không có quyền gì trong việc này.

Tuyên bố đồng dục của Philiteus khiến mọi người trong nghị viện giật mình. Thấy nghị viện có vẻ nao núng, Harpalus lên tiếng:

- Ta đã được Hoàng đế ủy thác xử lý việc này. Ta đã điều tra, so sánh sổ sách giữa Babylon và Pella, tìm ra chỗ thất thoát. Ta hoàn toàn có quyền thi hành án lệnh này.

Philiteus chăm chú nhìn Harpalus rồi cười gằn:

- Nhưng ta cũng là người có trách nhiệm trong việc này. Nếu Kyros có tội thì ta cũng có quyền quyết định. Ta đề nghị mang Kyros về Pella để Antipater xét xử. Số phận người Macedonia không thể để Athens quyết định được. Ta không chấp nhận việc đó.

Câu nói của Philiteus chạm vào điều nhạy cảm trong mối quan hệ giữa hai miền. Từ xưa đến nay, dân Athens và Macedonia vẫn không ưa nhau. Công cuộc thống nhất Hy Lạp của nhà vua trẻ xứ Macedonia đã làm dân Athens bất mãn. Do đó, mặc dù nghị viện đã bị triều đình giới hạn quyền lực nhưng dân Athens vẫn cố gắng duy trì quyền tự trị bằng cách tiếp tục họp nghị viện để điều hành mọi việc. Tuy nhiên, việc mang một người Macedonia, lại còn là người dưới trướng của Alexander ra xét xử và tuyên án tử hình thì có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Không ai biết được vị Đại đế từng Nam chinh Bắc phạt này sẽ làm gì, vì tấm gương thiêu hủy xứ Thebes, bắt dân chúng bán làm nô lệ vẫn còn in hằn trong tâm trí dân chúng và nghị viện Athens. Tuy Harpalus được giao trách nhiệm điều tra việc này nhưng hẳn chỉ là quan hành chính, trong khi Philiteus là người chỉ huy quân đội, có thể gây áp lực nếu nghị viện không tuân lệnh. Nhờ sự can thiệp của Philiteus, việc xét xử được tạm hoãn và tôi bị giải về Pella.

Trên đường đi, Philiteus đến gặp riêng tôi, anh nói:

- Tôi thấy việc này có gì không ổn. Tại sao chúng vội vã đổ lỗi và kết tội cậu ngay như thế? Chắc phải có nguyên nhân âm mưu nào đó. Tôi sẽ báo cáo ngay với Alexander để ngài can thiệp vào việc này.

Mặc dù làm quan nhiếp chính cai quản Hy Lạp, đặt bản doanh tại Athens, nhưng Antipater bận đối phó với sự nổi dậy đòi độc lập của các tiểu quốc quanh đó nên không mấy khi có mặt tại đây. Ngay tại Pella, ông và Hoàng thái hậu Olympias cũng không ưa nhau nên ông thường tránh mặt, giao mọi việc cho các quan trong triều lo liệu. Những người này thì mãi say sưa trong men chiến thắng, chỉ biết tiệc tùng, vui chơi, hưởng thụ các chiến lợi phẩm mang về như vàng bạc, rượu thịt và phụ nữ, nên không ai để ý đến việc triều chính nữa. Triều đình Pella đẩy trách nhiệm cho nghị viện Athens và Athens thì đẩy trách nhiệm cho triều đình Babylon nên mọi việc đều trì trệ, không ai muốn quyết định gì khi không có mặt Alexander.

Khi Philiteus rời Pella về Ba Tư, tôi nghĩ vụ án của mình có thể được giải quyết trong vòng vài tháng. Thế nhưng triều đình Pella lại quyết định phải để cho Alexander xét xử, trong khi nhà vua bận chinh chiến liên miên nên việc giam cầm tôi dần trôi vào quên lãng. Tôi sống trong ngục tại Pella hơn hai năm mà không nghe thêm tin tức gì. Thời gian tại đây là một chuỗi ngày đằng đẳng vô cùng cay đắng, mặc dù tôi không bị đánh đập hay đối xử tàn tệ như tại Athens.

Đây cũng là lúc tôi nghĩ nhiều hơn về thân phận nô lệ của mình. Trong bao năm, khi đảm nhiệm những công vụ của triều đình, không ai biết gì về thân thế của tôi. Giống như Leonidas, các tướng lĩnh như Perdicas, Ptolemy, Antigonos, Philotas, Hephaestion và ngay cả Alexander đều coi tôi như bạn. Chúng tôi thường uống rượu, ca hát say sưa với nhau nên tôi cũng vô thức tự coi mình như người Macedonia tự do, không thường nghĩ đến thân phận nô lệ của mình nữa. Khi ra xét xử trước nghị viện, nghe lời mắng nhiếc, kết tội của Isidora, tôi đau đớn nhận rằng dù sống cùng nhà từ nhỏ, chơi đùa rồi lớn lên cùng nhau nhưng dưới mắt Isidora, tôi vẫn chỉ là một nô lệ hèn kém. Mẹ tôi là người trông nom chăm sóc những đứa con của Dimitris đến khi lớn khôn, Isidora là một trong số đó. Nay người con gái từng lớn lên cùng tôi đó lại có thể thốt ra những lời vô tình đến vậy. Từ xưa đến nay, Sophia và Leonidas đều đối xử tử tế với tôi nhưng Isidora thì lại khác, cô giữ khoảng cách với tôi, chưa từng đối xử với tôi như một người cùng đẳng cấp, nói gì đến việc hiểu được tình cảm mà tôi dành cho cô bao năm qua. Vậy mà tôi đã từng ao ước rằng một ngày nào đó có thể nhờ công trạng với Alexander, tôi sẽ xin được trả tự do và sẽ xin cưới cô làm vợ...

Hôm đó, tôi đang nằm suy nghĩ mông lung thì cửa ngục mở ra, Simonides và Philiteus bước vào. Đã lâu không gặp nhau, tôi ngạc nhiên thấy Simonides nay trông đen đui, khắc khổ, râu ria rậm rạp, khác hẳn khi xưa. Simonides sốt sắng lên tiếng:

- Kyros, Kyros ơi! Tôi rất tiếc khi cậu phải ở trong ngục quá lâu thế này. Tôi theo đoàn viễn chinh đi xa, vừa mới trở về. Nhận tin Philiteus báo, Đại đế Alexander đã ra lệnh điều tra ngay. Mấy tuần qua, tôi đã xem xét mọi việc. Tôi có đủ bằng chứng rằng tên Deasius và đám quan chức trong nghị viện Athens đã bòn rút vàng trong kho rồi đổ tội cho cậu. Tên Harpalus cũng liên quan đến việc này nữa. Alexander ra lệnh bắt chúng giải về Babylon nhưng tin tức lọt ra thế nào mà chúng đã trốn thoát. Hiện nay, triều đình đang truy nã chúng. Biết cậu vẫn ở trong tù nên tôi và Philiteus vội đến đây ngay. Hôm nay, tôi phải vào báo cáo cho Antipater việc truy bắt đám phản loạn đó. Philiteus sẽ đưa cậu về nhà nghỉ ngơi ít hôm, rồi chúng ta sẽ gặp nhau sau. Chúng ta phải uống một bữa thật say bù cho mấy năm nay cậu không được uống rượu.

Vui mừng vì được minh oan, nhưng tôi lo lắng cho Isidora hơn. Tôi sốt ruột hồi ngay:

- Deasius trốn thoát, còn Isidora thì sao?

Simonides nói:

- Tôi đã cho khám xét nhà của bọn chúng và tìm được dấu vết chúng từng chôn giấu vàng trong nhà. Tuy nhiên, tin tức bại lộ nên cả gia đình Deasius và Harpalus đã lên thuyền trốn ra khơi. Hiện nay, không biết chúng trốn ở đảo nào nhưng trước sau gì chúng ta cũng sẽ bắt được chúng.

Tôi bùi ngùi, không nói nên lời. Tuy được phóng thích nhưng tôi thấy buồn vui lẫn lộn. Sau đó, tôi theo Philiteus trở về trang trại của Dimitris, trên đường đi, cậu ta kể:

- Khi cậu bị bắt giam thì tôi có gặp Melissa. Biết cậu ở trong tù nên cô ấy nhờ tôi mang một lá thư cho người vợ sau của Leonidas. Melissa yêu cầu tôi đưa Yasamin về đây cho mẹ con họ đoàn tụ.

Tôi ngạc nhiên:

- Thật vậy sao? Rồi cậu có...?

Philiteus gật đầu, kể tiếp:

- Khi đến Babylon, tôi tìm gặp Yasamin và thấy hoàn cảnh của cô ấy rất đáng thương, vì Leonidas đã qua đời, không ai nương tựa, nên Yasamin đành trở lại làm vũ công cho đoàn hát như trước. Chắc cậu cũng biết, vũ công trong các đoàn hát phải bán mình cho đám lính đồn trú để kiếm sống thì cuộc sống có tốt đẹp gì đâu.

Tôi vội vã hỏi ngay:

- Vậy hiện nay Yasamin ở đâu?

Philiteus trả lời:

- Tôi bỏ tiền để chuộc cô ấy ra và đưa về đây. Khi Dimitris qua đời, trang trại này thuộc về Melissa. Hiện nay, Yasamin và đứa con của Leonidas đang sống với Melissa tại đó. Melissa trở thành người mẹ thứ hai của đứa bé.

Chúng tôi dừng ngựa trước cổng trại. Bao năm tháng trôi qua nhưng trang trại của Dimitris vẫn giữ nguyên dáng vẻ của ngày xưa. Tôi ngậm ngùi bước theo con đường mòn dẫn đến khu nhà chính mà chúng tôi từng sống, những kỷ niệm thơ ấu lần lượt kéo về. Mười năm chinh chiến đã thay đổi nhiều thứ. Leonidas và Dimitris đã thành người thiên cổ. Sophia trở thành góa phụ khi Philotas bị giết. Isidora bị truy nã, không biết đang lẫn trốn nơi đâu. Trong trang trại này chỉ còn Melissa sống với Yasamin và Alberla, đứa con của Leonidas.

Chiều hôm đó, sau bữa ăn, tôi và Melissa đứng trên hành lang nhìn xuống khu vườn phía dưới. Khu vườn mà ngày còn nhỏ, tôi, Leonidas, Antigenidas, Melissa, Isidora và Sophia vẫn thường chạy nhảy nô đùa, chơi trốn tìm sau các hàng cây rậm rạp. Bao kỷ niệm êm đềm của thời niên thiếu vẫn hiện rõ trong tâm trí của tôi. Tôi im lặng, đắm chìm vào cảm xúc hoài niệm. Melissa nhìn tôi, nhẹ nhàng nói:

- Kyros, cậu đã giúp chúng tôi rất nhiều. Tôi không bao giờ quên ơn của cậu.

Tôi lắc đầu:

- Chúng ta đã là bạn từ thuở nhỏ, đó đều là việc tôi nên làm. Tôi chỉ hơi ngạc nhiên khi gặp Yasamin ở đây.

Melissa mỉm cười:

- Trước đây Yasamin không muốn đến đây nhưng tôi biết khi Antigenidas bắt Alberla mang đi thì cô ấy đau khổ vô cùng, bởi con bé là tất cả những gì cô ấy có. Tôi tự hỏi, liệu người phụ nữ yếu đuối kia có thể làm gì trong hoàn cảnh bất an, loạn lạc của chiến tranh khi không có người che chở, bảo vệ? Do đó, tôi đã nhờ Philiteus đưa cô ấy về đây.

Tôi gật đầu, thông cảm:

- Tôi hiểu, chính Leonidas cũng muốn như thế.

Melissa xúc động, im lặng một lúc, rồi nhẹ nhàng nói tiếp:

- Cậu biết không, nhận được tin Philiteus đã đưa được Yasamin về đây, tôi cũng bối rối lắm, mặc dù chính tôi đã yêu cầu Philiteus làm việc đó. Tôi đã suy nghĩ về việc này nhiều lần, không biết mình có quyết định đúng không? Tôi nghĩ, việc gì sẽ xảy ra nếu tôi oán hận người phụ nữ đã cướp chồng của mình? Tôi nên làm gì với người phụ nữ đã phá vỡ hạnh phúc gia đình tôi? Nhưng khi nhìn thấy người phụ nữ gầy gò, nhỏ bé kia từ trên xe bước xuống, hai tay của cô ấy bám chặt lấy thành xe, nửa muốn bước xuống, nửa ngần ngại lẫn sợ hãi, thì tôi hiểu ngay rằng trong khi tôi đang bối rối thì có lẽ người phụ nữ kia còn bối rối hơn nhiều. Tôi gọi tên cô ấy nhưng Yasamin vẫn run rẩy, không dám rời xe. Tôi bèn bước đến ôm lấy cô ấy vào lòng để cô đỡ sợ. Tự nhiên, cả hai chúng tôi đều òa lên khóc. Tôi biết đó là những giọt nước mắt cảm thông, thương yêu, xóa tan mọi sợ hãi. Tôi bỗng nghĩ: “Trong bao năm qua, lúc nào tôi cũng mong Leonidas trở về với mình. Bây giờ, chồng tôi có lẽ đã về nhà, hiện thân trong đứa trẻ và người phụ nữ mà anh ấy đã thương yêu này. Tôi muốn nói cho Leonidas biết rằng tôi sẽ chăm sóc, yêu thương Yasamin và đứa trẻ như khi xưa Leonidas đã yêu tôi vậy. Kyros này, yêu thương chân thật là yêu thương mà không mong cầu gì hết. Tình thương mang lại hạnh phúc cho người khác. Hiện nay, tôi thấy mình hạnh phúc hơn bao giờ hết. Trong bao năm qua tôi đã sống cô đơn nên tôi hiểu cô đơn đáng sợ thế nào. Nhưng hiện giờ, tôi không còn cô đơn nữa. Tôi đã có hai người để yêu thương. Kyros ơi, cậu biết không, tôi đang dạy cho Alberla về âm nhạc. Nó có khiếu về âm nhạc như cha của nó. Lần sau khi cậu ghé qua đây, nó có thể dạo những khúc Lydia tuyệt vời cho cậu nghe, giống như trước đây

Leonidas đã dạo cho tôi nghe vậy.

Tôi xúc động không thốt nên lời. Kỷ niệm về những khúc Lydia dịu dàng, thanh thoát bên những người bạn cũ lại kéo về trong tâm trí. Tôi tự hỏi, làm sao một người có thể yêu thương như thế được...

Suốt đêm hôm đó, tôi trằn trọc mãi mà không ngủ được, cứ suy nghĩ về lẽ yêu thương mà Melissa đã nói. Có thật trên đời này tồn tại thứ tình yêu như thế? Tôi chập chờn cố dỗ giấc ngủ, trong mơ màng, tôi mơ hồ cảm thấy hình như tôi đã từng nghe ai đó nói về thứ tình yêu thương vô điều kiện như thế này rồi, nhưng không sao nhớ được là ai. Tôi tự hỏi, liệu tôi có thể yêu thương Isidora như thế không? Trong ngực, có lúc tôi đã oán hận Isidora vô cùng, nhưng cũng có lúc tôi tự trách mình không biết thân phận nô lệ mà mơ mộng với cao. Có lúc tôi ghen với Deasius vì hắn đã chiếm mất người trong mộng của tôi. Tôi tức tối vì Isidora chấp nhận lấy một kẻ góa vợ. Tôi suy nghĩ miên man rồi lại thấy lo lắng cho Isidora hơn bao giờ hết. Việc bòn rút ngân quỹ, thông đồng với nghị viện Athens trong lúc Alexander vắng mặt là một trọng tội. Với tính nóng giận thất thường của vị Hoàng đế, e rằng toàn gia của Deasius khó có thể tránh khỏi cái chết...

Hôm sau, Melissa rủ tôi và Philiteus đến thăm Sophia ở gần đó. Cô nói:

- Đã lâu lắm rồi cậu không gặp Sophia. Tôi vẫn thường qua lại với Sophia, chị ấy vẫn hỏi thăm cậu luôn. Được gặp lại cậu chắc Sophia mừng lắm.

Dimitris có hai người con gái, tuy Sophia là chị nhưng vì Isidora quá xinh đẹp, luôn được mọi người chú ý nên Sophia chỉ là bóng mờ so với cô em. Tính tình Sophia giản dị, dịu dàng và ít nói. Từ khi còn nhỏ, cô đã đóng vai người chị chăm lo cho các em bởi mẹ qua đời sớm. Mặc dù đã có mẹ tôi là người trông nom các con của Dimitris, nhưng Sophia đã sớm tỏ ra có trách nhiệm trong lúc chúng tôi - Isidora, Leonidas, Antigonidas và Melissa - vẫn ngây thơ, vô tư nô đùa.

Sophia ra đón chúng tôi trước cửa, đã lâu không gặp, trông cô khắc khổ hơn xưa rất nhiều. Tôi hiểu cái chết thương tâm của Philotas và Parmenion đã khiến cô đau khổ và già đi trước tuổi, vừa gặp nhau Sophia đã nói ngay:

- Kyros, khi nghe tin cậu bị kết tội, tôi lo lắng vô cùng. Đến khi Philiteus báo tin là cậu vô can trong việc này, tôi mừng lắm. Cậu đã giúp cha tôi trong nhiều năm, công lao của cậu rất lớn. Trước khi qua đời, cha tôi đã làm giấy với triều đình

để xóa bỏ thân phận nô lệ, trả tự do cho cậu. Từ nay, cậu có thể sống tại đây hay đi đâu tùy ý. Ngoài ra, cha tôi có để lại một thư riêng cho cậu và dặn kỹ chỉ được mở ra khi có mặt tôi và Isidora. Nhưng hiện giờ không ai biết Isidora ở đâu... cậu có muốn mở thư ra xem bây giờ không?

Tôi vô cùng xúc động và biết ơn tấm lòng của Dimitris. Nhưng cũng thấy ngạc nhiên vì việc trả tự do cho nô lệ thì việc gì phải viết thư riêng hay dặn kỹ lưỡng như thế. Tôi trả lời ngay:

- Tôi muốn xem bức thư bây giờ.

Melissa nói:

- Kyros mở thư xem đi. Để tôi ra ngoài nói chuyện với Philiteus.

Sophia gạt đi:

- Melissa, em cũng là người của gia đình này. Sự hiện diện của em cũng như Isidora vậy. Kyros cứ việc mở thư đi.

Tôi nghĩ có lẽ lá thư đó sẽ nói về việc trả tự do cho tôi hoặc là những lời dặn dò của Dimitris với việc tính toán tiền bạc như khi xưa ông vẫn thường dạy bảo. Nhưng thật bất ngờ, trong lá thư, Dimitris xác nhận tôi chính là con ruột của ông. Ông viết rõ khi mẹ tôi qua đời mấy năm trước, bà đã yêu cầu ông cho tôi biết sự thật nhưng lúc đó ông vẫn ngần ngại. Chỉ đến khi nghe được tin Leonidas đã qua đời, ông mới đổi ý. Tôi choáng váng, ngồi phịch xuống ghế, không nói nên lời. Khi còn nhỏ, tôi đã từng nghe các nô lệ trong nhà bàn tán về việc này nhưng mỗi lần tôi hỏi thì mẹ tôi đều gạt đi. Theo thời gian, tôi được sống chung với gia đình của Dimitris, làm bạn với các con ông, nên tôi cũng dần quên, không nghĩ về chuyện đó nữa.

Thấy thái độ kỳ lạ của tôi khi đọc lá thư, Melissa và Sophia cùng cầm lá thư lên xem. Sophia ngạc nhiên, thảng thốt:

- Ôi! Kyros! Cậu cũng là người của gia đình chúng ta. Sao đến tận bây giờ cha mới nói ra sự thật này. Phải chi chúng ta biết sớm hơn thì hay biết bao.

Lúc đó, Philiteus vừa bước vào, Melissa liền nói với giọng xúc động:

- Philiteus, anh biết không? Kyros chính là con của Dimitris. Phải báo ngay cho Isidora về nhận người em này.

Sophia mừng rỡ ôm chầm lấy tôi, cô reo lên:

- Trời ơi! Hay quá! chị không ngờ lại có thêm một người em nữa. Sao có thể kỳ diệu đến thế?

Trong thư Dimitris dặn phải chia cho tôi một phần gia sản. Ông viết rất kỹ lưỡng về số vàng và đất đai được chia như thế nào, chi tiết đến tận từng xu lẻ. Theo phong tục Hy Lạp, một nô lệ dù được trả tự do vẫn chỉ được phép cư trú tại đó chứ không được hưởng quyền lợi công dân khác như sở hữu đất đai hay tài sản. Nhưng nay tôi đã là con của Dimitris, tôi trở thành công dân chính thức của xứ này, có đủ mọi quyền lợi như mọi người khác và có thể lập gia đình với người Hy Lạp. Đây là giấc mộng tôi vẫn ấp ủ từ lâu. Tôi từng hy vọng nhờ lòng trung thành tận tụy với Alexander, sẽ đến lúc tôi xin được trả tự do và có thể cưới Isidora. Sau khi Isidora lấy chồng, hy vọng được tự do của tôi vẫn vẹn nguyên. Nhưng lúc này, mặc cho mọi người cười nói chúc mừng, đầu óc tôi lại quay cuồng với nhận thức rằng bao nhiêu năm qua, người tôi hết lòng thương yêu, chờ đợi chính là người chị cùng cha khác mẹ với mình. Thật trớ trêu làm sao! Tôi thần thờ một lúc vì sự thật bất ngờ này nhưng khi bình tĩnh lại, tôi cảm nhận được sự đón nhận ấm áp của Sophia và niềm vui của Melissa. Sophia chợt trầm ngâm:

- Không biết hiện giờ Isidora ở đâu? Nếu biết được tin này chắc Isidora sẽ mừng lắm. Không ngờ chúng ta đều là chị em...

Sophia vốn không biết gì về việc xảy ra tại nghị viện cũng như những lời kết tội nặng nề của Isidora dành cho tôi. Tôi tự hỏi Isidora sẽ nghĩ thế nào khi biết tôi là em trai của cô? Còn tôi, tôi phải đối diện với cô thế nào, xưng hô với cô ra sao? Kể cả trong những năm tháng tù tội oan ức, lòng tràn ngập đau thương và uất hận vì bị chính người mình yêu thương nhất sỉ nhục và kết tội, thì cũng chính hình ảnh Isidora thân thương đã vỗ về tôi, giúp tôi vượt qua tháng ngày tăm tối đó. Trở thành chị em thì mộng tưởng nhiều năm của tôi đối với Isidora cũng chính thức phải quên đi.

Sau lần hồi tưởng tiền kiếp này, tôi tiếp tục tu tập theo sự hướng dẫn của ông

Kris và ngày càng tự chủ hơn trong việc hồi tưởng. Mãi đến sau này, khi đã tiến bộ hơn, tôi mới nhận ra Isidora chính là thánh nữ Kor mà ở kiếp sống xa xưa từng bị tôi tổn thương, vui đập. Nhận ra điều này tôi mới thấm thía luật Nhân quả khắc ghi và đeo bám tận cùng như thế nào. Không ai có thể gột bỏ hay trốn chạy khỏi những việc mình làm. Tôi đã hiểu rõ, vì những tội lỗi trong kiếp sống ở Atlantis, khi tôi lập mưu hãm hại một người con gái, mà ở kiếp sống tại Hy Lạp, dù đã trải qua bao vất vả, tủi nhục của đời nô lệ, tôi vẫn phải gánh chịu sự trừng phạt bằng nỗi đau khổ trong một tình yêu đơn phương, bị hắt hủi, khinh miệt bởi chính người con gái mà tôi từng tổn hại. Nhưng rất may, ở khoảnh khắc cuối cùng khi con đại hồng thủy Atlantis ập tới, tôi đã không bỏ rơi Kor. Có lẽ sự chân thành cuối cùng này đã được nhân quả vũ trụ ghi nhận, giúp tôi giảm nhẹ phần nào tội nghiệp từ lỗi lầm to lớn của mình, nên trong kiếp sống ở Hy Lạp này tôi với cô đã trở thành ruột thịt.

Không để ý đến dòng suy nghĩ miên man trong tôi, Philiteus cười ha hả, vỗ mạnh vào vai tôi:

- Thế này thì chúng ta nhất định phải có tiệc mừng lớn rồi. Tôi sẽ gọi các bạn cũ về đây. Chúng ta phải uống một bữa thật say mừng cho Kyros của chúng ta.

Tôi ở lại trang trại Dimitris vài hôm rồi từ biệt Sophia và Melissa lên đường đi Pella. Tôi muốn gặp Simonides để hỏi thêm về cuộc viễn chinh của Alexander. Chúng tôi gặp nhau, uống rượu và chuyện trò. Simonides kể rằng Alexander đã chuẩn bị cho cuộc viễn chinh vô cùng cẩn thận. Ngài nghiên cứu kỹ lưỡng bản đồ mà lính do thám thực địa báo cáo về con đường mòn. Thay vì mang theo đoàn xe chuyên chở đồ tiếp vận, Alexander thu xếp để binh sĩ chỉ mang đủ những dụng cụ cần thiết đeo trên lưng. Lần này có hơn một trăm ngàn quân, một nửa là quân Hy Lạp, một nửa là quân Ba Tư, tất cả đều đi theo vách núi cheo leo của con đường mòn vượt rặng núi Hindu Kush cao ngất. Dù đã là cuối xuân chớm chuyển qua hè, nhưng rặng núi vẫn bị tuyết phủ kín. Với khí lạnh kinh hồn và những trận bão tuyết bất ngờ, nhiều binh sĩ không chịu nổi, đã chết vì lạnh. Khi vượt qua rặng Hindu Kush, xuống thung lũng dẫn vào xứ Ấn Độ thì gặp khí hậu nhiệt đới, vừa nóng vừa ẩm với các trận mưa kéo dài nhiều tuần lễ, một số đông quân sĩ không chịu nổi thời tiết nóng bức cũng lâm bệnh và qua đời.

Trên đường, Alexander cũng gặp sự chống cự của các tiểu quốc quanh đó, nhưng lần nào ngài cũng thắng. Ngài áp dụng chiến lược cũ là khi đối phương quy hàng,

ngài phong vua xứ đó làm thống đốc, cho cai trị như cũ, nhưng vùng đất của họ phải sáp nhập vào Macedonia và quân đội của họ phải gia nhập vào binh lực của ngài. Mục tiêu chính của Alexander là đi đến vùng sông Hydaspes*, một vùng đất trù phú thuộc vương quốc Pauravas, do Vua Porus cai trị.

** Ngày nay một phần thuộc Pakistan và một phần thuộc tiểu bang Punjab, Ấn Độ.*

Trải qua gần một năm trời với nhiều thiệt hại vì thời tiết và khí hậu, quân Hy Lạp mới đến sông Hydaspes. Hành trình vượt sông kéo dài và khá gian nan, nhưng cuối cùng Alexander đã tìm được cách qua bờ bên kia, trực tiếp đối đầu với quân của Vua Porus. Vua Porus đã cho bày trận chờ sẵn với hàng trăm con voi chiến. Từ trước đến nay, kỵ binh và bộ binh hạng nặng với những ngọn giáo dài của Alexander có thể chống lại các thế lực quân đội khác, nhưng không cản nổi những con voi chiến khổng lồ, hung dữ này. Mặc dù có kỷ luật và chiến thuật hữu hiệu nhưng quân Hy Lạp cũng không thể chiến thắng Vua Porus dễ dàng. Hoàng đế Alexander đã sử dụng nhiều chiến thuật, từ việc sử dụng lửa để chống voi chiến, đến việc dùng máy bắn đá để phá trận đối phương, nhưng đều vô hiệu. Trong một trận đánh này, con chiến mã Bucephalus đã theo Alexander hàng trăm trận chiến trước đó cũng bị trúng tên bỏ mạng, khiến nhà vua thương tiếc vô cùng, về sau, ngài cho đặt tên vùng đó là Bucephala(**) để tưởng niệm con chiến mã này. Biết Vua Porus thường cưỡi con voi lớn hô hào quân sĩ chiến đấu. Alexander dùng mưu, giả thua bỏ chạy, lừa ông vua này đuổi theo đến nơi mà quân Hy Lạp đã đào sẵn một hố lớn khiến voi sập hầm, rồi bắt sống được Vua Porus.

*(**) Nay là tỉnh Jhelum, Punjab.*

Cũng như mọi khi, Alexander thường cho những vua chúa thua trận cơ hội được cai trị như cũ với chức thống đốc và sáp nhập nước đó vào Macedonia. Tuy nhiên, lần này Vua Porus cương cường nhất định không chịu thần phục. Khi Alexander gọi Porus đến, ông ta nhất định không chịu quỳ, mặc dù hai tên lính lực lưỡng đã cố đè xuống nhưng ông vẫn kiên quyết vùng đứng thẳng dậy. Thấy vậy, Alexander ngạc nhiên, chỉ tay vào Porus, hỏi:

- Ông là kẻ thua trận nhưng vẫn chưa chịu hàng phục sao? Thế ông muốn ta đối xử với ông như thế nào?

Không như các vua khác đều lạy lỵ xin tha tội, Porus khẳng khái trả lời:

- Ngài là vua, ta cũng là vua. Ngài phải đối xử với ta như một vị vua, không thể khác được.

Alexander gần giọng:

- Ông nói thế là hỗn xược đấy. Ông không sợ chết ư?

Porus không hề tỏ vẻ sợ hãi, đồng dục trả lời:

- Làm người ai chẳng phải chết. Chết sớm hay muộn cũng thế thôi, việc gì mà phải sợ.

Alexander đe dọa:

- Ông chuẩn bị sẵn sàng để chống lại ta như vậy, hẳn ông đã nghe đến danh tiếng của ta. Chắc ông cũng biết, kẻ nào không thần phục, ta sẽ cho quân lính tàn sát dân chúng, thiêu đốt nơi đó thành tro tàn bình địa.

Porus điềm tĩnh trả lời:

- Nước ta rộng muôn dặm, ngài không thể thiêu đốt hết giang sơn của ta được. Ngài có thể giết ta nhưng làm sao có thể giết hết hay thu phục hết lòng dân của ta được, với chục ngàn quân lính làm sao ngài có thể cai trị được đất nước này của ta?

Alexander nghiêm giọng:

- Ta đã cai trị toàn thế giới. Ông không thấy các đế quốc hùng mạnh như Ai Cập, Babylon, Ba Tư với hàng triệu người đều phải quy phục ta sao? Xứ nhỏ bé nhược tiểu của ông thì có sá gì.

Porus nhếch miệng cười:

- Ngài chỉ biết chinh phục bằng sức mạnh chứ đâu có biết gì về cai trị. Dân xứ ta tuy ít nhưng không bao giờ chịu khuất phục trước bất kỳ sức mạnh nào.

Câu nói này bất chợt gợi cho Alexander nhớ về lời khuyên của Aristotle. Vị Đại đế mỉm giọng hơn, hỏi:

- Được lắm! Hãy thử nói cho ta biết ông cai trị thế nào?

Porus trả lời không do dự:

- Ta lo cho dân ta như cha mẹ lo cho con cái. Luật pháp xứ ta công minh, không để bất cứ ai thiệt thòi. Trong xứ sở của ta người trẻ được giáo dục, người già có chỗ nương tựa. Dân trí nước ta cao, làm sao một người tham vọng, bạo quyền như ông có thể cai trị được?

Alexander nổi giận, quát trả lại:

- Ông dựa vào đâu mà dám tự hào dân trí xứ này cao hơn nơi khác? Nền văn minh của nơi này làm sao sánh được với nền văn minh Hy Lạp chứ?

Porus rất bình thản chậm rãi trả lời:

- Ta không biết văn minh xứ ngài như thế nào nhưng tại xứ sở của ta từ thuở nhỏ dân ta đã được dạy dỗ cẩn thận rằng giáo dục là nền tảng và là cách bảo vệ quốc gia hữu hiệu nhất. Dân trí cao là thứ vũ khí lợi hại nhất. Không có sức mạnh bạo quyền nào có thể khuất phục được những người dân bình thường nhưng có sự hiểu biết và tinh thần bất khuất của xứ này đâu.

Alexander lắng nghe rồi im lặng suy nghĩ hồi lâu. Sau đó, nhà vua sai người mang rượu ra mời Porus uống.

Ngài cũng đuổi hết mọi người ra ngoài để có thể nói chuyện riêng tư với Porus. Mọi người đều không thể hiểu tại sao Alexander lại ứng xử khác lạ như thế.

Hôm sau, trước sự ngạc nhiên của các tướng lĩnh và binh sĩ, Alexander ra lệnh thả cho Porus tự do ra về. Lúc đó, Simonides còn nghe vị Đại đế lẩm bẩm: "Có lẽ Roxana nói đúng".

Nghe kể đến đây, tôi ngạc nhiên hồi dôn:

- Tại sao lại có chuyện lạ như thế được? Lại còn liên quan gì đến Hoàng hậu Roxana?

Simonides lắc đầu:

- Tôi cũng không rõ lắm... có thể Roxana đã nói điều gì đó với Alexander mà tác động đến quyết định của ngài. Sau đó còn có nhiều chuyện lạ xảy ra nữa. Mấy hôm sau, Porus đích thân dẫn một đoàn người ăn mặc giản dị, có phần khắc khổ, đầu cạo trọc, đến diện kiến Alexander. Nhà vua cho gọi các học giả Hy Lạp vẫn tháp tùng với ngài trong cuộc viễn chinh vào lều để trao đổi, tranh luận với nhóm người khoác áo bình dị kia, còn Porus và Alexander mang rượu ra uống, việc lạ lùng này kéo dài cả mấy tuần lễ. Chúng tôi không hiểu chuyện gì đang diễn ra nên sốt ruột vô cùng. Tôi hỏi Timotheus thì anh ấy chỉ nói vắn tắt rằng xứ này không có vàng bạc như lời đồn của nhóm thương buôn kia, nhưng lại có những kiến thức mới lạ của nhiều bậc cao nhân, vì vậy, Alexander muốn chinh mình và các học giả được học hỏi thêm. Tôi tò mò hỏi về nhóm người đầu trọc ăn mặc giản dị như dân thường kia thì Timotheus nói đó là những người cao quý, thông thái nhất của xứ này. Bọn tôi ngạc nhiên lắm, không hiểu sao người cao quý lại ăn mặc có phần rách rưới và lại còn cạo trọc đầu như thế. Chúng tôi ai cũng thắc mắc nhưng vì Alexander đối đãi với những người đó hết sức cung kính nên không ai dám nói gì.

Tôi ngạc nhiên, hỏi dồn:

- Rồi sao nữa? Việc thương thuyết sau đó ra sao?

Simonides lắc đầu:

- Tôi không biết việc thương thuyết diễn ra như thế nào nhưng trước sự ngạc nhiên của mọi người, Alexander đã ra lệnh rút hết quân lính về Babylon. Đa số quân sĩ đều sợ phải quay trở lại con đường cũ, nơi có những khu rừng già ẩm thấp với những cơn mưa như trút nước kéo dài cả tháng trời và cả rặng núi đá hiểm trở, lạnh lẽo kinh hồn. Vì vậy, theo sự chỉ dẫn của người địa phương, quân ta đã đóng những chiếc thuyền lớn theo dòng sông Indus ra biển để hướng về thành Babylon.

Tôi ngạc nhiên quá đổi, liền hỏi:

- Vậy nghĩa là trận đánh đó, dù chiến thắng nhưng không thu được vàng bạc, của cải, đất đai gì sao?

Simonides lắc đầu:

- Lần này chúng ta chẳng thu được vàng bạc hay đất đai gì mà còn thiệt hại biết bao nhiêu quân sĩ. Cái xứ sở nghèo nàn đó lại có những người lính chiến đấu ngoan cường nhất, khiến thương vong bên ta rất lớn. Chưa kể bao nhiêu binh sĩ đã thiệt mạng vì đường xa, khí hậu khắc nghiệt. Trên đường đến đó, chúng ta còn phải chiến đấu với những tiểu quốc xung quanh nên khi về đến Babylon chỉ còn hơn bốn chục ngàn quân. Mọi người đều thất vọng vì cuộc chinh phạt hao tổn bao xương máu này cuối cùng không mang lại kết quả gì về vật chất như những trận đánh khác.

Simonides im lặng một lúc rồi bình luận:

- Khi xuất quân ra đi, Alexander là một vị hoàng đế oai hùng, bách chiến bách thắng nhưng khi trở về, ngài ít nói hơn trước và thường tự nói một mình những điều không ai hiểu. Trong suốt những năm Alexander chinh chiến vắng mặt, triều đình Babylon rơi vào tình trạng vô quyền, không ai dám quyết định gì, mọi việc trì trệ, ngân khố cạn kiệt, triều đình suy sụp. Đã thế lại có tin đồn Alexander đã tử trận nên quan lại, thống đốc khắp nơi được dịp tha hồ lạm quyền, bóc lột dân chúng. Vì triều đình không thu thuế nên các thống đốc giữ tiền thuế làm của riêng, xây cất dinh thự rộng lớn, tiêu pha bừa bãi, bất chấp dân chúng đói khát, lầm than. Khi trở về triều đình và xem các báo cáo, Alexander ra lệnh cho Ptolemy và Antigonus bắt giam hơn ba mươi thống đốc đã lạm dụng quyền hạn, xử tử sáu người đi làm gương. Tướng Cleander, người thay thế Parmenion chỉ huy quân Hy Lạp đồn trú tại Ba Tư nhân lúc Alexander vắng mặt đã cho đưa khá đông người Hy Lạp qua đây chiếm những vùng đất canh tác trù phú của dân địa phương nên Alexander sai Perdicas đến bắt hãm và xử tử hình ngay. Việc này gây xáo trộn và khiến những người Hy Lạp di dân đến đây bất mãn. Tình hình hiện giờ, cuộc viễn chinh không thành công, không thu được chiến lợi phẩm gì, lại thiệt hại nhiều quân sĩ, cộng thêm việc thanh toán nội bộ, xử tử quan lại và tướng sĩ khiến triều đình rối loạn, xã hội bất an và dân chúng hoang mang sợ hãi.

Trong những người thân cận của Alexander thì Timotheus và Hephaestion là hai người được ngài tin tưởng nhất nên tôi vội hỏi:

- Nếu vậy thì Timotheus và Hephaestion thì sao? Hai người họ có ý kiến gì không?

Simonides thở dài, lắc đầu than:

- Timotheus đã mất tích tại Hydaspes. Khi về đến đây, Hephaestion cũng lâm

bệnh rồi qua đời tại Ecbatana.

Tôi bàng hoàng đến lặng người. Những người bạn cũ cứ lần lượt ra đi trong chiến trận liên miên này. Tôi thẩn thờ hỏi:

- Hephaestion mất rồi? Timotheus cũng mất tích? Tại sao lại mất tích được? Timotheus luôn ở bên cạnh Alexander thì làm sao xảy ra chuyện gì được...

Simonides gật đầu, thở dài:

- Đúng thế, Alexander là người lo lắng nhất. Ngài đã cho người lùng kiếm khắp mọi nơi nhưng không tìm thấy, vì mọi người cần phải gấp rút hành quân ra biển trở về để tránh mùa bão tố nên không có nhiều thời gian đi tìm một người mất tích. Chắc anh ấy đã chết ở đâu đó rồi.

Tôi ngậm ngùi nghĩ đến người bạn đã cùng tôi chia sẻ tâm sự trong suốt thời gian cuộc viễn chinh. Chúng tôi từng ngủ cùng lều, ăn cùng mâm, cùng trò chuyện về mọi vấn đề và tôi cũng học được nhiều từ người bạn thông thái này.

Hôm sau, tôi và Philiteus lên đường đi Babylon để trình diện nhà vua. Từng là người phụ trách vận chuyển quân lương khắp nơi, tôi đã đi lại trên con đường này nhiều lần nhưng lần này tôi thấy có nhiều thay đổi.

Hầu hết các thành phố đều bị đổi tên Alexandria với rất đông người Hy Lạp kéo đến định cư tại đây. Những người di dân này tự cho mình là kẻ chiến thắng, có quyền chiếm đoạt những gì họ có thể lấy được, từ nhà cửa đến đất đai, ruộng vườn của dân địa phương, việc này khiến người Ba Tư bất mãn sâu sắc và tạo ra sự mâu thuẫn giữa hai tộc người. Khắp nơi các quán rượu với âm nhạc Babylon mọc lên như nấm, rất đông người Hy Lạp tụ tập chè chén say sưa, đôi khi họ còn hành xử vô luật pháp, ức hiếp dân lành. Khi xưa, Timotheus đã kể cho tôi về viễn cảnh hòa hợp dòng máu Hy Lạp và Ba Tư để xây dựng một thể hệ công dân mới cho đế quốc của Alexander. Nhưng nay nhìn thấy cảnh này, tôi lo ngại viễn cảnh kia khó có thể xảy ra nếu triều đình không có biện pháp gì khác.

Khi vào triều, Philiteus báo cáo mọi việc lại cho nhà vua. Từ việc tôi bị vu oan cho đến việc thân phận tôi đã thay đổi. Alexander nghe xong, suy nghĩ một lúc rồi phong cho tôi chức quản lý ngân khố và tài chính, là chức vụ của Dimitris trước đây. Từ việc thất thoát một số vàng lớn và cả chuyện mưu hại đã xảy ra với tôi, Alexander không còn tin tưởng triều đình Pella nữa. Ngài lập kế hoạch

chuyển triều đình về Babylon và cho tướng Craterus thay thế Antipater làm thống đốc tại Hy Lạp. Để đề phòng Antipater nổi loạn, ngài và các tướng lĩnh cũng chuẩn bị đưa thêm quân về Hy Lạp để kiểm soát an ninh trật tự trong việc thay đổi này.

Mấy hôm sau, Alexander cho gọi tôi vào để bàn về việc đúc tiền tại Babylon. Tôi ngạc nhiên vì ngài không cho gọi tôi vào điện mà lại cho mời đến hậu viện. Tôi thấy Alexander đang đi dạo trong vườn về mặt suy tư. Nhìn thấy tôi, ngài không nói gì mà chỉ ra hiệu bảo tôi đi cùng. Chúng tôi yên lặng dạo quanh khu vườn. Bất chợt nhà vua nói:

- Kyros, trước đây ta muốn Hy Lạp phải là một quốc gia hùng cường, chạy dài đến tận cùng của thế giới. Hy Lạp phải vĩ đại hơn Ai Cập, phải mạnh mẽ hơn Assyria và Babylon và phải rộng lớn hơn Ba Tư. Ta đã có một kế hoạch vĩ đại cho vương quốc vĩ đại của ta. Nhưng nay, mọi việc đã chuyển biến khác.

Tôi im lặng, đợi nhà vua nói tiếp. Alexander trầm ngâm:

- Ta không ngờ thế giới này bao la, rộng lớn hơn ta nghĩ rất nhiều, và trên đời lại còn có những thứ còn quý báu hơn cả của cải, vàng bạc châu báu, đất đai nữa. Ta đã học được những kiến thức mới lạ, khác hẳn những điều ta học từ Aristotle. Từ trước đến nay, ta vẫn tin văn minh của Hy Lạp là cao siêu nhất nhưng giờ ta đã thấy rõ sự thiếu sót của các bậc thầy ở xứ mình. Người thông thái như Timotheus cũng công nhận như thế. Chúng ta chỉ biết chú trọng vào các sự kiện bên ngoài nhưng không biết gì về những việc xảy ra bên trong. Chúng ta biết về thân xác con người nhưng không biết gì về tâm thức con người. Chúng ta biết về thế giới này nhưng không biết gì về các thế giới khác. Chúng ta biết về thần linh nhưng không biết gì về các định luật vũ trụ. Còn biết bao nhiêu thứ nữa mà chúng ta cần phải học...

Alexander im lặng một lúc rồi nói tiếp:

- Ta đã học được rằng kiến thức, học vấn khác hẳn với minh triết. người học nhiều bằng cấp, có kiến thức nhiều không hẳn đã tài giỏi uyên bác thông thái hơn người. Người càng ỷ lại, cho rằng mình học nhiều thì càng bám chặt lấy các ý tưởng giới hạn của mình và thường tỏ ra thiếu khoan dung, đồng cảm với suy nghĩ của người khác. Người giỏi lý luận thường thích tranh luận, cãi vã, bất đồng ý kiến với người khác theo suy nghĩ hơn là biết lắng nghe, khám phá và cảm thông. Đó chính là thiếu sót lớn của nền văn minh xứ ta. Với kiến thức đúng

đắn và lý luận rõ ràng, ta có thể cai trị dân chúng dễ dàng. Ta cũng có thể sử dụng khả năng biện luận hay tài hùng biện để kêu gọi mọi người đi theo quan niệm hay mục đích của ta. Nhưng việc này chỉ thuyết phục, lôi cuốn mọi người được một lúc mà thôi. Sau đó, nếu mọi chuyện diễn ra khác với những lời hứa thì mọi thứ sẽ tan như bọt nước, ta chẳng thể thay đổi hay mang lại kết quả gì. Vì kiến thức chỉ là sản phẩm của trí óc, nên bắt mọi người phải tuân theo một lý lẽ nào đó chỉ là sự áp chế nhất thời, rồi sẽ tạo phản ứng khiến họ sợ hãi rồi rồi thêm chứ không soi sáng gì cho họ được. Kiến thức giúp chúng ta tranh luận và thuyết phục bằng những lý lẽ xác đáng nhưng sẽ không thực sự cảm hóa được người khác, vì nó không thật sự thu phục được nhân tâm, không xâm nhập vào tâm hồn con người được. Chỉ có những gì đi từ trái tim mới đến được trái tim người khác.

Alexander hôm nay tôi gặp có cái gì đó rất khác với vị Hoàng đế Nam chinh Bắc phạt mà tôi từng biết. Ngài nhìn tôi một cách lạ lùng rồi nói tiếp:

- Kyros, minh triết là điều khó giải thích vì nó xuất phát từ sự uyên thâm và tế nhị nằm sâu trong tâm thức, trong khi kiến thức là sự thu nhặt các sự việc, sự kiện, so sánh và sắp đặt chúng theo một lý luận hay trật tự nào đó. Để cai trị quốc gia hữu hiệu, một hoàng đế có tài là chưa đủ, mà còn phải biết sử dụng tài năng đó một cách sáng suốt và minh triết. Ta không thể cai trị chỉ với những kiến thức đã được thu góp từ xa xưa mà còn phải biết sử dụng sự minh triết để nền văn minh xử sở chúng ta được trường tồn. Khi xưa, ta mơ nhìn Hy Lạp sẽ như mảnh đất chạy dài đến tận cùng thế giới nhưng nay ta đã biết phóng tầm mắt lên bầu trời bao la, và mong Hy Lạp sẽ trở thành trung tâm của sự hiểu biết và được điều hành theo những định luật vũ trụ. Do đó, ta muốn thay đổi Hy Lạp với những tư tưởng mới mẻ này, xây dựng một xã hội khác khi xưa. Từ khi về đây, ta đã cho gọi các học giả, các hiền triết Hy Lạp và Ba Tư đến để tham khảo, đối chiếu với những điều mà các hiền triết Ấn Độ đã nói về các quy luật của vũ trụ. Tiếc rằng hai người mà ta tin tưởng là Timotheus và Hephaestion đã không còn nữa. Người là bạn của Timotheus, ta cũng muốn nghe ý kiến của người.

Tôi muốn nói cho Alexander về những điều đã chứng kiến trên chuyến hành trình từ Hy Lạp sang đây nhưng sợ nhà vua sẽ nổi giận. Tôi không lạ gì những trận lôi đình bất ngờ của vị Hoàng đế này. Như việc bắt giam nhiều thống đốc và xử tử hình một số trong đó đã gây hoang mang trong dân chúng. Việc người Hy Lạp kéo sang đây chiếm đoạt đất đai ruộng vườn của dân bản xứ có thể tạo ra những hậu quả khó lường sau này. Khi xưa, người Hy Lạp đã sống trong lo sợ trước thảm họa xâm lăng của Ba Tư thì hiện nay người Ba Tư lại sống trong sợ hãi

trước sự cai trị của Hy Lạp.

Khi xưa dân Ba Tư có lẽ đã tận hưởng những gì họ chiếm được từ Ai Cập, Babylon hay Assyria thì ngày nay dân Hy Lạp cũng đang tận hưởng những chiến lợi phẩm và phụ nữ mà mình chiếm được từ Ba Tư. Đế quốc Hy Lạp hiện nay, từ Athens đến Babylon, từ Ai Cập đến Bactria, đều chỉ lo vui chơi, ăn uống, hưởng thụ ngày đêm. Giai điệu Doria oai hùng đã biến mất từ lâu. Ngay cả giai điệu Lydia êm đềm cũng không còn nữa, thay vào đó là những điệu nhạc truy hoan, hưởng lạc của Babylon và Assyria đang thịnh hành. Các buổi tiệc truy lạc với hàng chục nam nữ hành dâm tập thể kéo dài thâu đêm suốt sáng trở nên thịnh hành, mở đầu cho một thời kỳ suy thoái.*

** Thời kỳ mà các sử gia sau này gọi là thời kỳ Hy Lạp hóa (Hellenistic), chỉ một nền văn minh chỉ biết hưởng thụ, vui chơi trác táng.*

Những suy nghĩ ấy lũ lượt kéo đến trong đầu tôi nhưng tôi không biết nên nói ra như thế nào. Nhìn thấy tôi khó khăn lựa chọn cách diễn đạt suy nghĩ, Alexander mỉm cười:

- Thôi được rồi, người không cần nói, dù sao đây cũng không phải vấn đề người có thể suy nghĩ thấu đáo. Ta chỉ muốn tìm ai đó để nói chuyện thôi. Tuần này, chúng ta sẽ ăn mừng vì Hoàng hậu đã mang thai. Ta sẽ cho ban hành những biện pháp mới để chuẩn bị cho cuộc thay đổi lớn trong xã hội. Ta muốn người chuẩn bị cho đức loại tiền mới để mừng cho đứa con sắp chào đời của ta. Nó sẽ cai trị một đế quốc rộng lớn an bình, không có chiến tranh.

Kiến thức, học vấn khác hẳn với minh triết. Người học nhiều bằng cấp, có kiến thức nhiều không hẳn đã tài giỏi uyên bác thông thái hơn người. Người càng ý lại, cho rằng mình học nhiều thì càng bám chặt lấy các ý tưởng giới hạn của mình và thường tỏ ra thiếu khoan dung, đồng cảm với suy nghĩ của người khác. Người giỏi lý luận thường thích tranh luận, cãi vã, bất đồng ý kiến với người khác theo suy nghĩ hơn là biết lắng nghe, khám phá và cảm thông.

Kiến thức giúp chúng ta tranh luận và thuyết phục bằng những lý lẽ xác đáng nhưng sẽ không thực sự cảm hóa được người khác, vì nó không thật sự thu phục được nhân tâm, không xâm nhập vào tâm hồn con người được. Chỉ có những gì đi từ trái tim mới đến được trái tim người khác.

Điều không ai ngờ là sau buổi tiệc mừng đó, Alexander đột nhiên lâm trọng bệnh. Thật khó tin, mới một vài tháng trước thôi ngài vẫn là vị Hoàng đế khỏe mạnh, dũng mãnh, oai phong, khiến mọi đối thủ phải khiếp sợ, nay lại bất ngờ gục ngã trên giường bệnh. Các y sĩ giỏi nhất từ khắp nơi được mời đến nhưng tất cả đều bó tay. Alexander nằm đó quần quai đau đớn suốt mấy ngày đêm nhưng không một ai biết ngài bị chứng bệnh gì. Con đau dữ dội của ngài rất bất thường và nội bộ triều đình bắt đầu có những lời bàn tán rằng có vẻ như Đại đế đã bị đầu độc.

Tôi và các tướng lĩnh ngày đêm túc trực bên giường bệnh nhưng bệnh tình của Alexander ngày một nguy kịch. Trước sự việc quá bất ngờ này, dù rất đau buồn nhưng Hoàng hậu Roxana vẫn cố gắng bình tĩnh để hỏi nhà vua muốn tổ chức tang lễ như thế nào. Alexander trù mẩn nhìn người phụ nữ mà ông yêu thương nhất và khẽ nói:

- Khi ta chết, quan tài của ta phải do những y sĩ giỏi nhất khiêng đi - vì y thuật không thể chiến thắng cái chết, vàng bạc trong kho phải mang lót trên đường khi di quan từ nội cung ra triều đình - vì khi chết không ai mang bất cứ của cải gì theo được. Quan tài của ta phải mở hai bên để hai cánh tay ta có thể dang ra ngoài - vì khi sinh ra ta chẳng có gì và khi ta chết cũng ra đi với hai bàn tay trắng mà thôi.

Tất cả triều thần đều sùng sốt với di lệnh này của Đại đế Alexander, người bất bại trong mọi cuộc chinh phạt. Đây là một Hoàng đế rất khác với hình dung quen thuộc của mọi người. Đây là cách mà *Vua của Á Châu*, chiến binh vĩ đại nhất lịch sử ra đi sao? Chỉ có Roxana, người luôn túc trực bên giường bệnh với đôi mắt đong đầy thương yêu, là người duy nhất thấu hiểu sâu sắc tâm tình của vị Hoàng đế và khiến ngài yên tâm rằng di ngôn của ngài sẽ được thực hiện.

Hôm sau, Alexander nằm im, hơi thở yếu dần. Người chỉ huy lúc đó là Perdicas ghé lại gần và hỏi:

- Xin hoàng đế ban chỉ thị, ai sẽ là người thay ngài cai trị xứ này?

Hoàng đế Alexander thở dốc, lẩm bẩm một câu ngắn bằng một thứ ngôn ngữ lạ

lòng rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Lúc đó, mọi người đều hỏi: "Hoàng đế nói gì vậy?", Perdicas không hiểu câu Alexander nói nên đành trả lời: "Trao quyền cho kẻ nào xứng đáng nhất".

Mãi về sau, khi tu tập ở Ấn Độ một thời gian, tôi mới hiểu câu nói của Alexander là: "*Sinh, Lão, Bệnh, Tử - Thành, Trụ, Hoại, Diệt.*"

Vì Alexander vẫn chưa có con nối dõi và cũng không chỉ định ai thay thế nên người chỉ huy quân đội lúc đó là Perdicas đề nghị chia Đế quốc Hy Lạp ra làm năm vùng, mỗi vị tướng cai quản một vùng, chờ đứa con của Alexander còn đang nằm trong bụng của Roxana ra đời và khôn lớn để tiếp nhận ngôi vị. Perdicas chỉ huy triều đình tại Ba Tư và Syria; Ptolemy nắm giữ Ai Cập; Lysimachus nắm giữ Thrace; Antigonus nắm giữ Tiểu Á; và Antipater tiếp tục cai quản Hy Lạp.

Thái hậu Olympias ra lệnh mang di hài của Alexander về Pella để chôn cất đồng thời cũng đưa Hoàng hậu Roxana về Pella để bà có thể trông nom đứa cháu nối dõi sắp ra đời. Tuy nhiên, trên đường về Hy Lạp, quan tài của Alexander bị Ptolemy đánh cướp rồi đưa đi chôn tại Alexandria, Ai Cập. Điều này xác nhận âm mưu của Ptolemy muốn thay thế Alexander làm vua. Từ đó khởi đầu những năm tháng tranh giành chém giết kéo dài. Huynh đệ tương tàn, các tướng lĩnh giỏi nhất nắm binh quyền dưới thời Alexander đều khởi sự binh đao để tranh chấp ngôi vị hoàng đế. Antigonus cũng tự xưng vương, không chịu thần phục triều đình Babylon. Perdicas dẫn binh tấn công Antigonus nhưng rồi thua trận và bị Seleucus giết để đoạt binh quyền. Khi Antipater già yếu qua đời, Cassander cũng xưng làm vua Hy Lạp, cho quân giết chết Thái hậu Olympias, Hoàng hậu Roxana và đứa con của Alexander với Roxana để diệt trừ hậu họa. Từ đó, các tướng lĩnh đều xưng vương xưng hùng, đem quân gây chiến lẫn nhau, khiến Đế quốc Hy Lạp vừa thành lập đã rơi vào cảnh nội chiến điêu tàn, chia tách thành nhiều vùng miền.

Tôi tiếp tục trông nom việc tài chính tại Babylon nhưng cuộc tranh chấp kéo dài khiến tôi dần chán ngán. Việc thu thuế và kiểm soát quân lương cho các cuộc chiến giữa những người từng là bạn khi xưa thì có gì đáng để tôi dốc sức chứ. Tôi ngậm ngùi suy nghĩ về những gì vị hoàng đế đã nói với mình không lâu trước khi ngài qua đời. Phải chăng nếu Alexander sống được thêm ít lâu nữa thì xã hội và văn minh Hy Lạp có thể sẽ tiến bộ, đổi khác, không phải rơi vào cảnh loạn lạc như thế này?

Cho đến một buổi tối, một lái buôn Ba Tư bất ngờ tìm đến trao cho tôi lá thư,

nói là của Timotheus gửi. Tôi vừa kinh ngạc vừa mừng rỡ, không ngờ bạn mình vẫn còn sống. Trong lá thư đó, Timotheus chỉ viết vắn tắt:

“Hãy đến Bactria nếu cậu muốn gặp lại tôi.”

Bactria nằm trong phạm vi kiểm soát của Seleucus nên tôi lấy cớ đi phát lương để lên đường ngay. Khi gặp Timotheus, tôi ngạc nhiên thấy cậu ta đã cạo trọc đầu, khoác một tấm áo rách. Tôi ôm chầm lấy cậu:

- Timotheus, tôi mừng quá, cậu vẫn còn sống. Nhưng tại sao... Tại sao cậu lại ra nông nỗi này?

Timotheus mỉm cười, giải thích:

- Chắc cậu đã biết kết quả của cuộc viễn chinh qua xứ Ấn Độ như thế nào rồi. Chúng ta không thu được vàng bạc hay chiếm được đất đai nào nhưng lại học được nhiều điều mới lạ, khác hẳn những điều chúng ta đã học từ hai bậc thầy Platon và Aristotle. Tôi là người say mê kiến thức nên muốn dành nhiều thời gian để học hỏi văn hóa xứ đó, nhưng Alexander đã ra lệnh rút quân, việc này không cho tôi cơ hội học thêm những kiến thức mà tôi đang vô cùng hứng thú, nên tôi tìm cách trốn khỏi doanh trại, ở lại nơi đó để thụ giáo với những hiền triết Ấn Độ. Sau một thời gian sống và học hỏi tại Hydaspes, tôi theo một số hiền giả lên dãy tuyết sơn tu tập. Khi đến vùng Bamyan xứ Bactria, các vị này dự định cho xây đạo viện để đưa sự minh triết đến với dân địa phương. Vùng này thuộc sự kiểm soát và cai quản của Hy Lạp nên tôi cần cậu giúp. Do đó, tôi mới viết thư nhờ những người lái buôn chuyển cho cậu.

Tôi hỏi tiếp:

- Vậy cậu đã học được gì? Tại sao lại chọn đời sống như kẻ hành khất thế này?

Timotheus trả lời:

- Cậu có nhớ trước đây cậu từng có những thắc mắc về thân phận con người nhưng tôi không thể trả lời được không? Những gì tôi học tại Hy Lạp không thể giải đáp được những thắc mắc đó. Hiện nay, tôi đã có câu trả lời cho cậu. Có một định luật gọi là tác động phản lực mà người xứ này gọi là *Karma* hay *Hành động*. Nó cũng hàm ý rằng lực tác động và phản lực không thể tách rời nhau.

Hôm đó, Timotheus đã giải thích về luật Nhân quả và Luân hồi cho tôi(*). Đó là những kiến thức lạ lùng mà tôi chưa từng nghe. Chúng tôi bàn luận suốt mấy ngày liền và Timotheus đã giúp cho tôi hiểu về mối liên quan của tôi với những người khác. Biết Timotheus sẽ sống trong một động đá trên núi, tôi đề nghị mang lương thực giúp bạn mình và cả những hiền giả Ấn Độ tu tập tại đó. Bactria là vùng thuộc sự cai quản của quân Hy Lạp và tôi là người quản lý quân lương nên không gặp khó khăn gì trong việc này.

(*) Về tác động và phản lực. Karma hay Hành động, xem *Muôn Kiếp Nhân Sinh* tập 1. (Bạn dùng máy tính tải về tập 1 tại đây: <https://dgtraining.vn/review/muon-kiep-nhan-sinh>)

Khi tôi dự định trả về Babylon thì nghe tin Seleucus đã xưng làm hoàng đế và đem quân đánh Ptolemy. Lúc đó Antigonus và Cassander cũng liên minh để tấn công Babylon nên tình hình ở đó không an toàn nữa. Cuộc chiến giữa những người bạn bè thân thiết khi xưa đã khiến tôi không còn hứng thú với cuộc sống quan trường, sống tại biên thùy xa xôi như Bactria lại tương đối thoải mái và an lành hơn. Tôi quyết định sống hẳn tại Bamyas, không trở về Hy Lạp nữa.

Từ đó, tôi theo Timotheus thực hành những phương pháp tu tập mà cậu ấy được những bậc hiền triết Ấn Độ hướng dẫn, chỉ dạy. Đó cũng là lúc hành trình của tôi thật sự bắt đầu.

Trong buổi nói chuyện với Thomas về tiền kiếp tại Hy Lạp, ông chỉ nói nhiều về mối tình của Leonidas và Melissa, về tình bạn của ông với Timotheus, cuộc đối thoại giữa ông và Alexander, và chuyện tình yêu đơn phương của ông với Isidora. Vì chi tiết tương đối rời rạc lại có liên quan đến nhiều nhân vật lịch sử nên tôi đã phải dựa vào tài liệu của các sử gia như Plutarch, Curtius và một số sử gia khác để viết thêm chi tiết theo thứ tự thời gian, cũng như "tiểu thuyết hóa" các tình tiết để tạo thành một câu chuyện mạch lạc cho những chương này.

Trong lúc duyệt lại những ghi chép này với Thomas, tôi có cho ông biết về sự bổ sung những chi tiết lịch sử để cuốn sách trở nên có trật tự hơn. Thomas đồng ý và nói rằng đây là cuốn sách của tôi và là tác giả, tôi có thể sửa đổi một số tình tiết cho dễ theo dõi và giúp độc giả hiểu biết thêm về lịch sử của thời đó.

Thomas không đồng ý với một số sử gia ghi chép rằng sau khi trở về từ Ấn Độ,

Alexander vẫn tiếp tục mang quân chinh phục một số nước nhỏ ở bán đảo Ả Rập. Ông nói, lúc đó hoàng đế đã thay đổi, không còn tham vọng như xưa và lời trăng trối với Roxana về việc cử hành tang lễ là bằng chứng rõ rệt nhất cho sự thay đổi này. Alexander đã bàn với các tướng lĩnh và các quan về dự định cải cách xã hội dựa theo những điều ngài đã học được từ Ấn Độ. Hiển nhiên, việc cải cách này sẽ gây thiệt hại quyền lợi của rất nhiều người, nhất là những tướng lĩnh và quan lại triều đình. Họ đã theo ngài chinh phục, mở mang bờ cõi Hy Lạp nên cho rằng mình có quyền được hưởng những quyền lợi khi chiến thắng. Theo Thomas, chính ý định cải cách này là nguyên nhân dẫn đến cái chết của Alexander, vị hoàng đế chết vì bị đầu độc chứ không phải vì bệnh tật như các sử gia đã viết. Hầu hết các tài liệu Hy Lạp đều ghi nhận Alexander chết vì bệnh khi chuẩn bị đem quân chinh phục các nước khác tại bán đảo Ả Rập. Thomas nói rằng các sử gia Hy Lạp cố ý lưu lại hình ảnh Alexander như một anh hùng vĩ đại trong lịch sử chứ không muốn nói đến kết quả cuộc viễn chinh gây nhiều thiệt hại mà không hề thu được chiến lợi phẩm gì tại Ấn Độ. Nếu Alexander mắc bệnh thì các y sĩ đã tìm ra nguyên nhân và có thể cứu chữa, vì lúc đó y thuật Hy Lạp đã tiến bộ rất cao.

Thomas còn nói rằng vì đã gây chiến và giết chóc quá nhiều nên dân Hy Lạp phải chịu cộng nghiệp qua những trận nội chiến thảm khốc giữa các tướng lĩnh trong suốt mấy chục năm, khiến Đế quốc Hy Lạp suy thoái, tạo cơ hội cho người La Mã chinh phục Hy Lạp.

Sử liệu ghi nhận Alexander trở về Babylon vào mùa xuân năm 323 TCN và qua đời vào mùa hè năm đó. Thời gian đó quá ngắn, mà ngài còn phải chấn chỉnh lại triều đình tại Babylon, xử tử khá nhiều thống đốc về tội tham nhũng và chuẩn bị thay thế một số tướng lĩnh đã lạm quyền khi ngài vắng mặt. Quân đội cũng cần nghỉ ngơi, không thể chinh chiến ngay. Nhiều nhà nghiên cứu cũng cho rằng thời gian này không đủ để nhà vua đem quân chinh phục các nước khác. Alexander làm vua được mười hai năm, gây dựng được một đế quốc hùng mạnh nhất thế giới. Tuy nhiên, vì ngài dẫn binh chinh chiến suốt thời gian đó nên người Hy Lạp không hề được hưởng thái bình, dầu cho mong muốn của ngài là xây dựng một quốc gia vĩ đại để con cháu được hưởng lâu dài. Ngay khi Đại đế qua đời, đế quốc của ngài liền bị chia năm xẻ bảy, các tướng tranh chấp lẫn nhau, vợ con của ngài đều bị giết. Cuộc nội chiến kéo dài gây rất nhiều tổn hại, văn hóa Hy Lạp suy đồi, từ nền văn minh khai sáng của các triết gia chuyển qua nền văn minh hưởng thụ, rồi sụp đổ khi người La Mã chinh phục Hy Lạp.

Bài học lịch sử tiếp diễn qua nhiều thời đại với nhiều đế quốc khác nhau, lúc thành lúc hoại, lúc chiến thắng vinh quang, lúc sụp đổ nhục nhã. Từ Đế quốc Ai Cập, Babylon, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã, Mông cổ, Ả Rập đến Đế quốc Tây Ban Nha, Anh, Nga, Pháp, Nhật và tiếp tục đến nay, thời nào cũng có những lãnh đạo chỉ biết xâm lăng, chiếm đoạt, để xây dựng cho mình một đế quốc vĩ đại, để được ghi danh trong lịch sử. Trong cơn say máu vinh quang và lý tưởng, không mấy ai biết nhìn vào bài học thành và hoại của lịch sử hay quan tâm đến việc khi nắp quan tài của họ đóng lại, hậu thế sẽ định công luận tội họ ra sao.

Trong triều đại của Đế quốc La Mã, hầu hết các vị vua đều đến viếng mộ Alexander. Hoàng đế Julius Caesar đã đến viếng ngôi mộ, ngồi cạnh mộ gần nửa ngày và thì thầm gì không ai rõ. Hoàng đế Augustus khi chiến thắng Marcus Anthony cũng đến viếng ngôi mộ này và để lại câu nói: *“Ta đến để tỏ lòng kính trọng một hoàng đế chứ không phải một xác chết”*. Hoàng đế Caligula cũng đến đây để tỏ lòng ngưỡng mộ vị vua mà ông gọi là *“Vua của tất cả các vua”*. Hoàng đế Septimus Severus viếng mộ rồi ra lệnh đóng cửa mộ, cấm dân chúng vào làm mất vẻ tôn nghiêm. Ông nói chỉ có vua mới được đến thăm vua, dân chúng phải đứng bên ngoài. Trải qua nhiều thời đại, thành phố Alexandria bị thiên tai, động đất cũng như bị quân Ả Rập thiêu đốt nên hiện nay không ai biết ngôi mộ của Alexander nằm ở đâu.

Vị hoàng đế vĩ đại đã vĩnh viễn tan vào cát bụi thời gian, chỉ còn lại những câu chuyện huyền thoại được lưu truyền về cuộc đời và những chiến công của ông. Nếu Alexander là Achilles tái thế, như lời khẳng định mạnh mẽ của ngài tại phế tích thành Troy, thì "gót chân chí mạng" của Alexander phải chăng chính là "sự thức tỉnh muộn màng" hay là tham vọng bá chủ đã gây ra cái chết của biết bao con người? Khó ai có thể trả lời được câu hỏi này. Sau những cơn bão lửa chiến tranh khởi phát từ Alexander, Đế quốc Hy Lạp phải gánh chịu nội chiến tương tàn, chia năm xẻ bảy, còn bản thân Alexander cũng tuyệt tử, tuyệt tôn, âu có lẽ cũng là nghiệp báo của luật Nhân quả.

Thomas còn cho tôi biết thêm rằng Melissa chính là Cihone duyên dáng mà ông đã gặp trong tiền kiếp tại Ai Cập. Melissa và Cihone đều là những cô gái cao quý, có tâm hồn thánh thiện, giàu tình thương yêu. Mặc dù Thomas gặp lại cô trong kiếp sống ở Hy Lạp nhưng hai người không có duyên nợ gì nhiều nên chỉ là những người bạn để giúp đỡ nhau khi cần. Isidora cũng chính là thánh nữ Kor hồn nhiên, xinh đẹp từ kiếp song Atlantis, và ở kiếp sống tại Hy Lạp, Thomas đã

phải đau khổ vì cô, lại còn bị giam cầm trong hai năm, như một sự chuộc lỗi cho những gì ông từng gây ra với cô. Đó đều là nghiệp quả ông phải trả theo luật Nhân quả của vũ trụ.

Trong phần kết chương trước, từ khát vọng thống nhất thế giới bằng sức mạnh của Alexander, chúng tôi đã trao đổi và bỏ lửng câu hỏi “nếu thế giới không còn những ranh giới về sắc tộc, tôn giáo, chính trị thì liệu con người có chấm dứt sự chia rẽ, thù hận, xâm chiếm và chém giết lẫn nhau hay không?”. Tuy nhiên, sau câu chuyện của Thomas về Ấn Độ, với sự thức tỉnh của Alexander về minh triết và quy luật vũ trụ trong những ngày tháng cuối đời, cũng như quyết định rời bỏ quan trường để tu tập tại Ấn Độ của Kyros, tôi đã dần hiểu ra lý do tại sao Thomas muốn tôi ghi lại câu chuyện này. Thomas đã thức tỉnh trong kiếp sống hiện tại của thế kỷ 21. Chính nhân duyên Thomas theo Timotheus tu tập tại Ấn Độ hay việc Thomas gặp lại ông Kris để được dẫn đạo, thức tỉnh trong kiếp sống này, là một vòng tròn lớn nhiệm màu của nhân quả luân hồi. Họ đều là những người có sứ mệnh và tương lai nhân loại vẫn còn cứu vãn được.

Tôi đã dần nhìn thấy ánh sáng của lời giải đáp cho những trăn trở của tôi về cơn đại họa của thế giới đang diễn ra và tương lai của con người trong vòng xoáy bất tận của vô lượng kiếp, của chu kỳ *Thành - Trụ - Hoại - Diệt*.

BẠN MUỐN NHẬN NHIỀU EBOOKS HÃY, MIỄN PHÍ HƠN NỮA?

Mở Zalo quét mã QR CODE dưới đây



Hoặc nhấn vào link này để vào nhóm tặng sách: <https://bit.ly/hoi-yeu-sach>

Phần mười

THỨC TỈNH TỪ CỘI CHẾT: CUỘC CÁCH MẠNG CHUYỂN ĐỔI TÂM THỨC

Tỷ phú Farnum xuất thân từ một gia đình người nhập cư đến từ Li Bằng. Khi đến Mỹ, gia đình ông rất khó khăn, cha ông phải làm hai, ba công việc cùng lúc để nuôi gia đình và lo cho con cái được học hành. Không phụ sự vất vả của cha, Farnum luôn là học sinh xuất sắc nên được học bổng vào đại học. Tôi quen ông khi còn là sinh viên tại trường Đại học Harvard, cùng học chung trong lớp về luật đầu tư. Cũng như hầu hết các lớp học tại đây, sinh viên phải làm việc nhóm trong các dự án nghiên cứu do giáo sư đề xướng. Mỗi nhóm phải nghiên cứu cẩn thận và bảo vệ dự án trước lớp. Nhóm của tôi có bốn người, tôi là trưởng nhóm. Farnum được nhóm bầu lên để thuyết trình và bảo vệ dự án trước lớp. Các lớp học về luật thường có những màn tranh luận gay gắt và người phát biểu chịu trách nhiệm bảo vệ công trình nghiên cứu của nhóm. Trong mọi cuộc tranh luận, Farnum ít khi để thua. Ông trình bày súc tích, rõ ràng, lý luận sắc bén, khiến các giáo sư đều khen và sinh viên trong lớp đều nể phục. Sau khi tốt nghiệp, chúng tôi mỗi người đi một ngả. Tôi làm việc ở New York, Farnum thì gây dựng sự nghiệp ở Chicago. Từ đó, chúng tôi cũng không còn liên lạc với nhau. Rất lâu sau, khi Farnum nổi tiếng là một trong những tỷ phú thành công lớn vì sớm đầu tư vào các công ty công nghệ Microsoft, Apple, Google, Amazon, Facebook, thì tôi mới nghe nói nhiều về ông.

Cho đến một hôm, tôi nhận được điện thoại từ luật sư riêng của Farnum, cho biết Farnum muốn gặp tôi để bàn về việc giao quỹ đầu tư tài chính của ông cho công ty tôi quản lý. Yêu cầu này khá bất ngờ với tôi, vì chúng tôi đã không liên lạc với nhau nhiều năm. Tôi hỏi thẳng vị luật sư kia:

- Tôi biết Chicago có nhiều công ty tài chính nổi tiếng. Tại sao các ông lại chọn công ty của tôi?

Vị luật sư cười, trả lời:

- Tôi cũng đã đưa ra danh sách nhiều công ty danh tiếng ở đó nhưng thân chủ tôi nhất định muốn giao công việc quan trọng này cho ông. Tôi nghĩ có lẽ vì hai

người đã thân quen từ trước.

Tôi hơi bất ngờ, liền trả lời:

- Đúng là tôi có biết Farnum. Chúng tôi quen nhau khi còn là sinh viên. Nhưng chúng tôi chỉ học chung với nhau trong một khóa về luật, sau đó cũng không có qua lại gì. Mấy chục năm nay, chúng tôi cũng không hề liên lạc gì với nhau.

Đầu dây bên kia ngạc nhiên:

- Thế thì lạ thật đấy, tôi cứ nghĩ hai người phải biết nhau từ lâu.

Sau khi vị luật sư trình bày kỹ về chi tiết hợp đồng, thì tôi càng dè dặt. Ngay cả với một công ty đầu tư tầm cỡ như của tôi thì quỹ đầu tư hơn tám trăm triệu đô-la vẫn là một con số quá lớn. Tôi đề nghị:

- Chúng tôi có thể quản trị quỹ đầu tư này. Nhưng trước hết có lẽ tôi cần gặp Farnum để bàn thêm.

Vị luật sư nói:

- Dĩ nhiên là được. Thật ra thân chủ tôi có đề nghị gặp riêng ông để nói chuyện vào tuần tới.

Thay vì gặp nhau tại văn phòng luật sư như những cuộc thương thảo thông thường, Farnum đề nghị chúng tôi gặp nhau tại nhà riêng của ông. Chỉ hai chúng tôi, không cần luật sư đi cùng. Tôi khá ngạc nhiên trước đề nghị này, nhưng cũng tò mò muốn biết Farnum đang có dự tính gì nên tôi liền sắp xếp bay đến Chicago để gặp riêng ông. Farnum sống trên một tầng cao nhất của cao ốc trung tâm nằm giữa thành phố Chicago. Tại đây, chúng tôi có thể phóng tầm mắt nhìn thấy toàn cảnh thành phố tuyệt đẹp phía dưới. Chúng tôi chào hỏi nhau, hỏi thăm tình hình đôi bên và nhắc lại một vài kỷ niệm cũ. Khi không khí trò chuyện trở nên thân mật hơn, Farnum đi vào vấn đề:

- Chúng ta đã rất lâu không gặp nhau rồi, nên có lẽ anh đã tự hỏi vì sao tôi lại muốn giao cho anh quản trị quỹ đầu tư của mình, đúng không?

Tôi gật đầu:

- Đúng vậy, đúng là tôi đã thấy khó hiểu. Ngay cả việc anh yêu cầu gặp riêng tôi mà không cần sự có mặt của luật sư thế này cũng là chuyện hiếm thấy. Tôi nghĩ, chắc hẳn anh phải có lý do gì đó?

Farnum mỉm cười, gật đầu:

- Quả vậy. Nhưng trước khi chúng ta đi vào chi tiết, tôi muốn trao đổi với anh một chút về một số vấn đề tôi đang quan tâm, mong anh trả lời thẳng thắn. Tuy chúng ta đã lâu không gặp nhau, nhưng tôi vẫn luôn thán phục anh từ khi chúng ta còn học chung tại Harvard. Tôi đã nhiều lần chứng kiến cách anh xử lý vấn đề, anh là người có góc nhìn rộng mở và suy nghĩ có chiều sâu hơn những người bạn khác.

Chưa hiểu Farnum có ý gì, tôi ra hiệu cho ông cứ nói tiếp. Ông hỏi tôi:

- Anh nghĩ sao về tình hình thế giới ngày nay? Anh nghĩ gì về tương lai của nhân loại trong vòng năm mươi năm tới? Anh là người nhìn xa trông rộng, hẳn anh cũng đã có suy nghĩ về việc này?

Tôi vốn nghĩ Farnum sẽ trao đổi với tôi về thị trường tài chính hay chiến lược kinh doanh, nên câu hỏi với chủ đề bất ngờ này khiến tôi ngạc nhiên đến ngẩn người một thoáng. Trao đổi về tình hình thế giới và tương lai nhân loại hoàn toàn không phải là điều tôi chờ đợi từ cuộc gặp này. Tôi suy nghĩ một chút rồi trả lời chùng mực:

- Hiện nay tình hình thế giới vẫn tương đối ổn định. Thị trường chứng khoán vẫn có nhiều dấu hiệu lạc quan mặc dù cán cân kinh tế toàn cầu khó đoán định hơn do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Ngoài ra, tôi cho rằng cuộc chạy đua phát triển công nghệ mới giữa các quốc gia, tập đoàn lớn có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro cho nhân loại. Tuy nhiên, đáng lo ngại nhất là biến đổi khí hậu ngày càng dữ dội, thiên tai và nguy cơ chiến tranh...

Farnum chợt ngắt lời tôi:

- Theo anh thì liệu có thay đổi lớn nào xảy ra trong tương lai không?

Tôi mỉm cười:

- Rất khó để trả lời câu hỏi này. Nhưng cứ nhìn ra thế giới, chúng ta có thể thấy

chỉ so với năm năm trước thôi mà mọi thứ đã khác biệt rất nhiều. Tôi chỉ biết rằng chúng ta đang bước vào giai đoạn rất thú vị, sẽ được chứng kiến những sự đổi thay lạ lùng.

Farnum gật đầu và nói:

- Tôi tin là cơn sóng thần của thời đại đang đến, nó sẽ sớm xảy ra thôi. Tôi cảm thấy hứng thú nên hỏi ngược lại Farnum:

- Tại sao anh nghĩ sẽ có thay đổi lớn xảy ra? Chắc hẳn anh đã biết điều gì hay có ý kiến gì về việc này? Anh có thể nói cho tôi rõ không?

Farnum bật cười:

- Anh vẫn giữ thói quen ứng biến như khi còn học tại Harvard, chuyển vấn đề lại cho người hỏi. Hiện nay, chúng ta đã bước vào thế kỷ thứ 21 và dĩ nhiên khi bước vào kỷ nguyên mới, chúng ta cần những giá trị mới. Mọi giá trị không thích hợp sẽ bị đào thải nhưng những giá trị mới này sẽ như thế nào? Đó là điều tôi đang muốn nói đến.

Tôi xin phép ngắt lời ông:

- Nhưng trước hết tôi muốn biết tại sao anh lại nói về những thay đổi lớn trong tương lai, điều mà chúng ta còn không biết cụ thể là gì?

Farnum trả lời điềm tĩnh:

- Hiện nay chúng ta đang bước vào giai đoạn vô cùng quan trọng của nhân loại, giai đoạn giao thời khi mọi giá trị đều thay đổi, sẽ gây xáo trộn lên mọi lĩnh vực, từ khoa học đến kinh tế, từ xã hội đến chính trị. Và biến động này không chỉ xảy ra tại nước Mỹ mà còn ảnh hưởng lên toàn thế giới. Tuy nhiên, đó chỉ là biểu hiện của một cuộc cách mạng đang thành hình...

Tôi càng lúc càng hứng thú với câu chuyện của Farnum:

- Một cuộc cách mạng?

Farnum bật cười:

- Đúng vậy, nhưng nó không liên quan đến sự thay đổi chính thể hay quyền lực đâu. Tôi muốn nói đến cuộc cách mạng chuyển hóa tâm thức mọi người. Tất cả những xáo trộn gần đây, từ chính trị, xã hội đến dịch bệnh đang bùng phát khắp nơi... đều là những cơ hội, thúc đẩy nhân loại phải thay đổi tư duy, vì mọi giá trị căn bản hiện nay đã không còn đáp ứng được nhu cầu của con người nữa.

Farnum đang ngồi trước mặt tôi đây, người vừa nói ra những điều này, hoàn toàn khác với người tôi từng biết. Tôi bật cười:

- Farnum, anh trở thành triết gia từ hồi nào vậy?

Farnum cũng cười theo nhưng ông nhanh chóng lấy lại vẻ nghiêm túc. Ông hỏi tôi:

- Anh có nhớ khi xưa chúng ta đã bàn luận về sự thay đổi và anh đã đưa ra một công thức mà tôi cho là rất hợp lý không?

Tôi cười:

- Tôi nhớ chứ. Nhưng chuyện lâu rồi, tôi không ngờ anh vẫn còn nhớ. Farnum lấy ra một tờ giấy và một cây bút, nói ngay:

- Tôi đã suy nghĩ về công thức này. Nó là chìa khóa cho sự thay đổi có thể xảy ra trong tương lai. Có lẽ anh còn nhớ công thức.

Ông ghi nhanh ra tờ giấy:

$$C = D \times V \times A > R$$

{C = Change, D = Dissatisfaction, V = Vision, A = Action, R= Resistance to Change}.

Vừa viết, Farnum vừa đọc to lên:

- Sự thay đổi là tích số của sự bất mãn, viễn cảnh tương lai, hành động, với điều kiện tích số này lớn hơn sự chống lại việc thay đổi.

Tôi nhớ lại chuyện xưa và nói:

- Tôi vẫn nhớ mình viết công thức này khi chúng ta thảo luận việc thay đổi trên thị trường đầu tư...

Farnum gật đầu:

- Đúng thế, anh viết công thức này cho sự thay đổi của thị trường nhằm xác định cơ hội đầu tư, nhưng nó cũng có thể áp dụng cho những thay đổi khác nữa. Nhiều năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn nhớ rõ thời điểm đó. Khóa học luật đầu tư là một khóa khó và được giải nhất trong lớp của giáo sư Crawford là một kỷ tích. Khi đó, các nhóm đều quyết phải giành phần thắng. Chúng ta đã mất nhiều tuần nghiên cứu và bàn luận về sự thay đổi có thể xảy ra trong thị trường. Khi anh đưa ra công thức này, tôi đã nói anh phải là người có tầm nhìn xa mới nghĩ được như thế. Chính nhờ công thức này mà nhóm chúng ta đã đoạt giải nhất. Không nhóm nào có thể tranh biện với nhóm chúng ta. Ngay giáo sư Crawford, người nổi tiếng là khó tính cũng phải gật gù khen ngợi.

Tôi bật cười, tán dương trí nhớ của Farnum nhưng không nói gì thêm vì vẫn chưa hiểu mục đích của ông là gì. Nhìn thấy thái độ dè dặt của tôi, Farnum thông thả giải thích:

- Hôm đó, anh đã nói rằng sự thay đổi sẽ không xảy ra là vì giá trị không muốn thay đổi quá lớn. Trong ba yếu tố cần thiết để tạo ra sự thay đổi, nếu thiếu một yếu tố thì sự thay đổi sẽ không thể xảy ra, vì tích số của bất cứ số nào nhân với số không đều bị triệt tiêu.

Tôi xác nhận:

- Đúng thế. Nhưng công thức này có dính dáng gì đến cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức mà anh vừa nói đến?

Farnum mỉm cười, trả lời:

- Anh đưa ra ba yếu tố quan trọng là sự bất mãn, viễn cảnh tương lai và hành động để tạo ra thay đổi. Có lẽ anh cũng nhận thấy sự bất mãn của mọi người với đời sống hiện tại đã xuất hiện khắp nơi. Văn minh vật chất và tiến bộ của khoa học kỹ thuật của đời sống đã không đáp ứng được nhu cầu thật sự của con người. Hiện nay, với đà phát triển quá nhanh của công nghệ, phần đông mọi người sống trong xã hội đều chung sống với căng thẳng và những lo âu chưa từng có. Các mối lo ngại về những đe dọa đến từ chiến tranh, dịch bệnh, phá hoại

thiên nhiên đã khiến nhiều người bắt đầu đặt câu hỏi về căn bản giá trị của xã hội ngày nay.

Nếu để ý, anh có thể thấy rõ sự mệt mỏi, bất lực trong những ánh mắt nhiều người xung quanh. Rất nhiều người đang hoang mang, lạc lối, trầm cảm, bế tắc hoặc phát cuồng trong xã hội chạy theo các giá trị thực dụng này. Bất mãn, đó là yếu tố đầu tiên trong công thức về sự thay đổi.

Farnum ngừng lại nhìn tôi rồi nói tiếp:

- Viễn cảnh về tương lai của nhân loại sẽ như thế nào? Đây không phải câu hỏi trừu tượng và đã đến lúc chúng ta cần nghĩ đến nó. Liệu các quốc gia lớn có thể chung sống hòa bình với nhau không? Liệu các nước có thể cùng hợp tác để giải quyết các vấn đề chung của trái đất không? Trái đất này là của chúng ta, nó không là sở hữu riêng của một quốc gia nào hay một nhóm thế lực nào. Do đó, việc quan trọng là phải dẹp bỏ sự chia rẽ để có một cơ cấu xã hội và kinh tế khác hẳn hiện tại. Muốn giải quyết các vấn đề phức tạp này, chúng ta cần vượt ra khỏi ảnh hưởng của các triết lý, ý thức hệ, hay lý thuyết đã quá lỗi thời, không còn giá trị thực tế nữa. Hiện giờ, một số quốc gia vẫn lấy các ý thức hệ đó làm bình phong để tồn tại. Câu hỏi đặt ra là viễn cảnh này, quan niệm mới này như thế nào? Tôi vẫn kính phục anh là người có tầm nhìn xa và có khả năng phân tích sắc sảo, nên tôi rất muốn nghe nhận định của anh về tương lai. Anh thấy sao?

Tôi suy nghĩ một lúc rồi từ tốn trả lời:

- Đã có nhiều giả thuyết về tương lai của nhân loại, có người đưa ra hình ảnh rất lạc quan nhưng cũng có người cho rằng tương lai rất ảm đạm, nếu không muốn nói đến sự diệt vong của thế giới. Dĩ nhiên, ai cũng có lý lẽ riêng, tùy cách nhìn hay sự tưởng tượng của họ. Nhưng cho đến nay, chưa có ai đưa ra viễn cảnh nào thuyết phục được hầu hết số đông. Còn những cảnh báo nguy hiểm thì những nhà khoa học vẫn đưa ra mỗi năm.

Farnum gật đầu:

- Đúng thế, viễn cảnh là yếu tố quan trọng. Nó không thể chỉ là sự tưởng tượng mà phải là mô hình thực tế, một mô hình mọi người có thể chấp nhận và tin rằng nó có thể xảy ra. Chắc anh cũng đồng ý rằng khi sự bất mãn gia tăng đến cùng cực nó sẽ thúc đẩy con người hành động theo cách phản kháng, nhưng họ sẽ không thành công nếu chưa biết rõ tương lai mà họ muốn là như thế nào? Do đó,

nhiều người, nhiều quốc gia đang hành động bừa bãi theo tham vọng nhất thời, bất chấp việc đó có thể sẽ đưa nhân loại đến những viễn cảnh tồi tệ hơn. Những hành động ích kỷ, mưu mô ấy nằm trong tầm nhìn ngắn hạn, chứ nào phải hành xử vì tương lai dài lâu. Điều quan trọng nhất bây giờ là phải có mô hình, phương thức đúng đắn về một xã hội tương lai, vì chỉ khi nào con người có một mục đích rõ ràng đáng để dốc lòng theo đuổi thì họ mới kiên trì hành động và đạt được thành công.

Đến lúc này, buổi nói chuyện đã vượt ngoài khuôn khổ dự đoán của tôi. Tôi tiếp tục im lặng, chờ xem Farnum muốn nhắm đến điều gì. Ông nói tiếp:

- Trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại, hầu như sự thay đổi nào cũng diễn ra từ bên ngoài. Định luật “Mạnh được yếu thua” hay “Thắng làm vua - thua làm giặc” đã trở thành khuôn mẫu cho mọi cuộc cách mạng, vì các nhà lãnh đạo đều tin rằng quyền lực là yếu tố chính để tạo ra thay đổi. Nhưng bản chất của quyền lực là gì nếu không phải lòng tham? Hầu hết các học thuyết về chính trị, kinh tế chỉ là những hệ thống đặt ra để củng cố quyền lực và phục vụ cho quyền lợi của thiểu số. Bản chất của chúng không hề mang lại hạnh phúc, hay công bằng cho đa số. Trong lịch sử, người ta chứng kiến những sự thay bậc đổi ngôi, tranh chấp quyền lực diễn ra giữa một thiểu số người nhưng đa số phải gánh chịu những hậu quả không thể tưởng tượng.

Farnum ngừng lại nhìn tôi như chờ xem phản ứng, rồi tiếp tục:

- Tuy nhiên, điều tôi đang muốn nói là cuộc cách mạng sắp tới sẽ khác hẳn những cuộc cách mạng trước đây, vì nó sẽ là sự thay đổi diễn ra từ bên trong, một cuộc cách mạng để chuyển hóa nội tâm con người. Do đó, người ta không thể kỳ vọng một điều gì đó đến từ bên ngoài tạo tác động tốt để đáp ứng mong mỏi của họ nữa. Người ta buộc phải tìm cách thay đổi chính mình để có thể nhận ra và bắt kịp trào lưu tiến hóa mới này. Tôi muốn nói đến một cuộc cách mạng không bạo động, không đổ máu, không thay đổi quyền lực, một cuộc cách mạng nhân văn để xây dựng lại con người.

Trong trí nhớ của tôi, Farnum luôn là một người thực tế, vì vậy khi nghe ông nói những điều không ăn nhập gì đến đầu tư tài chính khiến tôi tương đối bất ngờ. Tôi mỉm cười:

- Farnum, tôi không nhớ anh cũng là một triết gia đấy. Hay có chuyện gì thực sự lớn đã xảy ra, khiến anh có những thay đổi trong suy nghĩ?

Farnum mỉm cười, rồi thông thả giải thích:

- Để tôi nói rõ cho anh biết lý do buổi gặp gỡ hôm nay. Cách đây hơn hai năm, tôi đang làm việc thì bất ngờ lên cơn đau tim và được đưa vào bệnh viện cấp cứu. Vì di chuyển xa nên khi vào đến phòng cấp cứu, tim tôi đã ngừng đập, mạch cũng không còn và não bộ cũng không hoạt động nữa. Thật vậy, màn hình máy đo điện não đứng yên không có một xung nhịp nào hết. Đối với các bác sĩ, khi tim bệnh nhân ngừng đập và chết não thì bệnh nhân coi như thật sự đã chết rồi. Mọi phương pháp cấp cứu khẩn cấp đều trở nên vô hiệu. Nhưng lúc đó, tôi vẫn chưa chết hẳn mà rơi vào một trạng thái mà trước đó tôi đã nghe nói đến nhưng không mấy tin, là trạng thái nhà khoa học gọi là *trải nghiệm cận tử (Near Death Experience)*. Nghĩa là, khi đó linh hồn tôi đã rời khỏi thể xác. Đầu tiên, tôi thấy mình đang ở trong một luồng ánh sáng êm dịu, nhẹ nhàng, ấm áp không thể tả. Đó là một cảm giác lạ lùng, mọi sự dường như đều ngưng lại trong tĩnh lặng, thời gian như không tồn tại nữa. Tôi quá bối rối, còn chưa biết phải làm gì thì đã thấy một nhóm người ở đâu bước đến, trong đó có cha tôi. Cha tôi vốn là giáo sư đại học tại Li Băng nhưng khi di cư qua Mỹ, ông phải làm công việc lao động khuôn vác và lái xe tải để lo cho anh em chúng tôi ăn học. Ông qua đời vì tai nạn trên đường cao tốc khi tôi còn là sinh viên nên tôi không có cơ hội báo đáp công ơn ông.

Gặp lại ông, tôi mừng khôn xiết. Cha tôi giới thiệu những người quanh đó, họ đều là những họ hàng đời trước mà tôi chưa từng gặp. Tôi hãnh diện kể cho cha nghe về những thành công của mình. Tôi kể lại hành trình từ con một người nhập cư nghèo trở thành một trong những người giàu có nhất Chicago. Kể xong, tôi háo hức nhìn cha, tôi nghĩ hẳn ông phải vui lắm nhưng bất ngờ ông nghiêm mặt lại, nói với tôi: "*Thế con có mang được những thứ đó qua đây không? Con đã mang theo được bao nhiêu tiền bạc, nhà cửa, xe cô xuống đây nào?*".

Tôi giật mình, đến thời điểm đó tôi mới nhận ra mình đã chết. Cũng ngay lúc đó, tôi ý thức được mọi danh vọng, tài sản vật chất mà tôi sở hữu chỉ là những thứ phù phiếm, hão huyền, vô ích. Cha tôi thở dài, nghiêm khắc nói: "*Ngày lẫn đêm, lúc nào con cũng chỉ lo kiếm tiền, con chỉ mong làm giàu cho bản thân chứ nào có làm được gì thật sự hữu ích cho mọi người, cho cộng đồng đâu mà khoe với cha*".

Tôi câm lặng, không biết phải nói gì. Cha tôi vốn là người rất nghiêm và giáo dục con cái rất kỹ và rõ ràng ông đang thể hiện sự thất vọng với con người tôi

đã trở thành. Lúc đó, một người lạ bước đến, ông khuyên giải cha tôi, rồi quay sang tôi nói với tôi về một số việc mà tôi có thể làm để giúp đỡ cộng đồng. Người đó chia sẻ với tôi khá nhiều điều về những việc sẽ xảy ra trong tương lai. Đột nhiên cha tôi nói: *"Thôi con về đi! Và đừng nhìn mặt cha nữa nếu phần đời còn lại của con không thể làm được việc gì hữu ích"*. Khi đó tôi không hiểu ý cha, tôi hỏi lại: *"Thế cha muốn con đi đâu bây giờ?"*.

Tôi chưa kịp nghe cha tôi trả lời thì người lạ mặt kia đã nói: *"Đã đến lúc anh phải trở về rồi!"*. Không hiểu sao vào khoảnh khắc ấy, tôi lại bịn rịn không muốn rời nơi chốn thanh bình đó. Người kia nói: *"Nghe đây! Kể từ lúc này, tùy việc anh làm mà chúng ta có thể gặp lại nhau hay không"*.

Tôi không hiểu nên hỏi lại: *"Tại sao tôi không thể gặp lại cha tôi và các ông tại đây nữa?"*.

Người kia đáp: *"Chúng tôi ở nơi chỉ dành cho những người tâm thức cao cả, phát nguyện làm việc hữu ích mà thôi"*.

Điều vừa nghe càng khiến tôi tò mò, tôi liền hỏi người kia: *"Phải chăng khi chết mọi người đều đến chỗ này?"*.

Người kia lắc đầu: *"Không đâu, thế giới bên này có nhiều cõi giới khác nhau. Chúng tôi là những người đang được huấn luyện để nhận lãnh nhiệm vụ trong tương lai và đang sống ở nơi khác. Chúng tôi chỉ đến đây để nói cho anh biết những việc anh có thể làm để giúp nhân loại mà thôi"*.

Lúc đó, cha tôi cũng lên tiếng: *"Thôi, đủ rồi, đã đến lúc nó phải trở về rồi. Một khi nó đã nghe, đã hiểu rồi thì tự nó quyết định tương lai của mình."*

Thế rồi linh hồn tôi bay trở lên nhập vào thể xác đang nằm bất động trên băng ca phòng cấp cứu. Các bác sĩ đang vây quanh tôi lúc đó sững sờ kinh ngạc khi thấy biểu đồ nhịp tim và não tôi bất ngờ bắt đầu có nhịp sống trở lại sau vài chục phút tắt lịm.

Farnum ngừng lại một lát, nhìn vào mắt tôi như muốn quan sát thái độ của tôi, xem tôi có tin vào câu chuyện vừa nghe hay không. Dĩ nhiên chuyện này có thể khó tin với người thiên về khoa học, cần bằng chứng rõ rệt, nhưng đối với người đã có trải nghiệm về tiền kiếp và tu tập tâm linh như tôi, tôi hoàn toàn hiểu và đồng cảm những điều Farnum kể lúc đó. Đúng là đã có một sự kiện chấn

động và sâu sắc khiến người bạn có đầu óc thực tế này của tôi có sự thay đổi lớn đến vậy. Điều ông vừa kể cũng trùng hợp với điều ông Kris đã nói với tôi khi trước. Thế giới bên kia có nhiều cõi khác nhau, có cõi giới của ma quỷ và cũng có cõi của những người cao cả, những bậc thánh thần. Họ có lòng trắc ẩn to lớn, không muốn thấy thế giới này bị hủy diệt nên thường trở lại để hướng dẫn, giúp đỡ nhân loại.

Tôi gật đầu với Farnum để thể hiện sự tin tưởng và thấu hiểu. Thấy vậy, Farnum nói tiếp:

- Ngay lúc đó, tôi mở mắt tỉnh dậy trước sự kinh ngạc của tất cả các y bác sĩ. Họ vốn đã làm thủ tục để chuyển tôi xuống nhà xác. Trước giờ việc người có biểu hiện chết lâm sàng rồi sống lại không phải mới mẻ, nhưng các bác sĩ ngạc nhiên vì tôi đã ngừng tim chết não hơn nửa giờ, các cơ quan nội tạng cũng bắt đầu hư hoại mà tôi vẫn sống lại được. Dĩ nhiên, tôi phải điều trị thêm sáu tháng mới hồi phục hoàn toàn. Việc xảy ra ở thế giới bên kia thật khó quên và tôi càng không thể quên những dự báo về thế giới mà người lạ kia đã nói với tôi. Suốt sáu tháng sau đó ở bệnh viện, tôi đã suy ngẫm về trải nghiệm lạ lùng đó, nhất là về những điều ghê gớm sẽ xảy ra trong tương lai của thế giới này, như người lạ kia đã cảnh báo. Từ đó, tôi từng bước thay đổi mục đích sống lẫn ý nghĩa cuộc đời, tôi suy nghĩ rất nhiều về sự thay đổi và viễn cảnh của tương lai nhân loại. Tôi biết trong hành trình tiến hóa của nhân loại đã có những người đạt đến trình độ tâm linh cao cả như những người tôi gặp ở thế giới bên kia. Tôi cũng ý thức rằng chết không phải là hết mà còn có đời sống sau đó nữa. Và tùy theo ý thức, hành xử cá nhân ở cuộc đời này mà khi sang thế giới bên kia người ta sẽ sống ở cõi giới nào. Từ đó, tôi tìm đọc những sách vở, tài liệu liên quan đến vấn đề này, tiếp xúc với các triết gia, các học giả nghiên cứu về tương lai và cuộc đời của tôi đã hoàn toàn thay đổi.

Những điều Farnum nói hoàn toàn trùng khớp với những gì ông Kris đã nói với tôi về thế giới vô hình. Tôi gật đầu, lên tiếng:

- Tôi tin điều anh nói là sự thật. Tôi cũng tin có những người có tâm thức cao cả sống ở thế giới bên kia đang tìm cách giúp đỡ nhân loại, nhưng nếu đã biết về tương lai nhân loại thì tại sao lúc mới gặp nhau, anh lại hỏi tôi thay vì nói cho tôi biết?

Farnum bật cười, giải thích:

- Chúng ta đã rất lâu không gặp nhau. Tôi không biết rõ về anh nên muốn hỏi ý kiến của anh như cách để đi vào câu chuyện. Biết đâu anh cũng có ý kiến gì đó về việc này. Tôi đã mời anh đến đây để thảo luận về việc này thì tôi cũng không giấu giếm gì. Người lạ kia đã nói rằng: *"Thế giới hiện nay là một ngôi nhà đang bốc cháy mà mọi người sống trong đó vẫn không ý thức được gì. Họ vẫn mải mê với việc tranh danh đoạt lợi, cướp bóc, chiếm đoạt lẫn nhau mà không biết ngày tàn và cái chết đã gần kề"*. Người đó còn nói rõ: *"Hầu hết các tai họa xảy ra trong thời gian sắp tới đều bắt nguồn từ sự vô cảm, dối trá, tàn ác, giết chóc, tất cả những hành vi này sẽ dẫn đến những hậu quả không thể tránh khỏi"*. Nghe xong, tôi thầm nghĩ nếu đã biết mà không làm gì thì mình cũng chịu một phần trách nhiệm. Thánh Kinh cũng có nói về ngày tận thế và thời điểm ấy chắc không còn xa. Lúc đó, tôi hỏi người kia liệu nhân loại có thể tránh được sự tận diệt không? Người đó nói rằng mọi sự trong vũ trụ đều có thể thay đổi và luôn thay đổi, không có gì bất biến. Không phải Thánh Kinh nói có tận thế thì sẽ xảy ra đúng như thế. Nó có thể xảy ra và cũng có thể không xảy ra. Việc này tùy thuộc vào tâm thức chung của nhân loại. Tâm thức chung này lại phụ thuộc vào sự hiểu biết. Nếu nhân loại đủ hiểu biết để chuyển đổi tâm thức, để cùng nhau thay đổi thì may ra mới thoát được tai họa này.

Farnum dừng lại, suy tư một lúc rồi nói một cách chậm rãi:

- Tôi biết thời gian của tôi sống trên cõi đời này không còn nhiều. Biến cố kỳ lạ vừa qua giúp tôi hiểu rằng khi đã sống đến tuổi bảy mươi sáu thế này thì thời gian là cái không thể lãng phí được. Tôi biết là tôi có thể ra đi bất cứ lúc nào. Đã từng qua thế giới bên kia nên tôi không còn sợ chết nhưng tôi phải sống phần đời còn lại này thật có ý nghĩa để còn có thể gặp lại cha tôi ở cõi bên kia. Nếu tôi cứ tiếp tục sống với những ham muốn vị kỷ thì làm sao tôi được gặp lại cha tôi, người đang sống ở cõi giới của những tâm thức cao cả? Tôi không biết cha tôi và những người kia đã chuẩn bị gì cho tương lai của nhân loại, nhưng tôi muốn được đồng hành cùng ông. Do đó, tôi muốn làm thật nhiều việc hữu ích cho nhân loại trong thời gian hữu hạn còn lại này. Nếu giải pháp cho vấn đề hiện nay là chuyển đổi tâm thức con người thì tôi phải đầu tư vào việc này ngay. Từ đó, tôi cứ mãi suy nghĩ về việc làm sao tạo ra sự thay đổi và chợt nhớ đến công thức của anh. Do đó, tôi đã quyết định lập ra một ngân quỹ với tất cả tài sản của tôi, để hỗ trợ cho những người có thể tạo ra sự thay đổi tâm thức cho toàn thế giới. Đây không phải ngân quỹ từ thiện hay hỗ trợ nghiên cứu khoa học, càng không phải quỹ đầu tư tài chính, mà là một ngân quỹ hỗ trợ cho những giá trị mới, những giá trị giúp cho sự thay đổi đích thực có thể xảy ra. Tôi muốn anh thay mặt tôi quản lý quỹ tài trợ này để vận hành và tài trợ cho những người có

thể thực sự tạo nên viễn kiến tương lai hay hành động để chuyển đổi tâm thức, tạo nên khác biệt, nhằm thức tỉnh con người càng nhanh càng tốt.

Đến lúc này, tôi mới hiểu rõ thiện ý của Farnum và lý do tại sao ông muốn gặp tôi tại tư gia mà không có ai khác tham dự. Tôi thật sự xúc động trước những tâm tư của người bạn này. Tuy nhiên, tôi vẫn còn thắc mắc:

- Tại sao anh tin tôi? Tại sao anh không giao cho ai khác?

Farnum mỉm cười vẻ thần bí, rồi thông thả giải thích:

- Không phải vì chúng ta là bạn mà tôi tin anh đâu. Chính người lạ kia đã nói với tôi, trước khi tôi về cõi trần, rằng một người bạn cũ có thể giúp tôi làm việc này.

Tôi ngạc nhiên:

- Một người bạn cũ? Là tôi ư? Ông ấy nói vậy sao?

Farnum gật đầu:

- Lúc đó tôi không hề nghĩ đến anh nhưng rồi khi nhớ đến công thức của anh, nhớ lại những đức tính của anh, tôi đã cảm thấy ngay anh chính là người có thể giúp được việc này. Anh, chứ không phải một ai khác.

Tôi hỏi tiếp:

- Vậy người lạ kia còn nói gì nữa?

Farnum nói:

- Ông ấy nói rằng hiện nay thế giới đang ở trong giai đoạn hủy hoại và có thể sẽ bước vào giai đoạn tận diệt. Đây là thời đại mà những điều tốt diễn ra thì ít còn những điều xấu thì tràn lan khắp nơi. Con người ngày càng trở nên ích kỷ, tham lam, ham quyền lực và hung bạo hơn trước. Hiện nay, khắp nơi xảy ra thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, tất cả là để cảnh cáo về sự hủy diệt sắp xảy ra. Thế nhưng mọi người vẫn dửng dưng quan sát, bình luận một cách vô cảm, như thể đó không phải việc của mình, không can hệ gì đến mình. Nhưng vũ trụ luôn có nhân quả. Quả không thể trở khi không có nhân từ con người sống trên hành tinh

này.

Tôi gật đầu, đồng tình với Farnum. Đúng là gần đây, những cơn bão xảy ra thường xuyên hơn, với cường độ ngày càng mạnh, chưa kể cháy rừng dữ dội ở Amazon, Australia, trong khi nhiều quốc gia khác thì xảy ra lụt lội, chết người vô số, lại còn nạn đói, hạn hán, chưa kể những dịch bệnh lạ liên tục xuất hiện...

Farnum nói tiếp:

- Người kia nói đúng, thế giới như căn nhà đang bùng cháy mà con người sống trong đó vẫn cảm thấy vô can. Người ta chỉ biết sợ khi tai họa xảy đến với chính mình. Hiện nay, đa số vẫn quy lỗi cho thiên nhiên, đất trời. Họ cho rằng bão tố, sóng thần, lụt lội, núi lửa phun trào, hạn hán, dịch bệnh lạ đều do tự nhiên tạo ra, không phải do con người. Không con người nào có thể tạo ra được động đất hay bão tố được. Logic của mọi người là thế. Họ không hiểu rằng tất cả mọi sự xảy ra trên trái đất này đều tương quan chặt chẽ với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu nghĩ rằng con người không có trách nhiệm gì với những thiên tai đó thì chính là thiếu hiểu biết và vô cảm.

Theo lời kể của Farnum, những điều người lạ ở cội bên kia nói cũng giống như điều ông Kris đã chia sẻ với tôi về mối tương quan giữa tư tưởng, tâm thức của con người và các biến chuyển vật chất. Các tư tưởng bạo lực, hận thù, ích kỷ có thể gây ra các trận cuồng phong, bão tố. Đây là điều mà chưa mấy ai hiểu và khoa học cũng chưa thể chấp nhận.

Farnum ngừng lại một lát rồi nói tiếp:

- Người đó còn nói, sắp tới, ngoài những thiên tai ghê gớm còn có những nhân tai
- tai họa do chính con người gây ra nữa. Ngoài chiến tranh với vũ khí nguyên tử có sức hủy diệt hàng loạt, còn có dịch bệnh do chính con người gây ra bằng vũ khí sinh học, có sức tàn phá ghê gớm hơn nhiều. Không phải chỉ có một dịch bệnh rồi thôi, mà sẽ còn nhiều, hết dịch bệnh này sẽ đến dịch bệnh khác, nguy hiểm hơn bội phần. Khi băng tan ở Bắc cực và Nam cực thì sẽ giải phóng ra những mầm bệnh kinh khủng đã chôn vùi cả triệu năm, phát tán đi khắp địa cầu. Khi nghe đến đó, tôi nghĩ đến dịch bệnh SARS (*Severe Acute Respiratory Syndrome*) bùng phát vào năm 2002 tại Trung Quốc, lây lan ra toàn thế giới. Trong quá khứ đã có nhiều dịch bệnh xảy ra và các nhà khoa học có thể tìm ra cách chữa, nhưng theo người đó thì những dịch bệnh sắp tới sẽ ghê gớm hơn nhiều, phát xuất từ những chủng virus mới có thể đột biến liên tục và có khả

năng lây lan rất nhanh. Nó lan truyền trong không khí, đi khắp thế giới. Hết bệnh này sẽ có dịch bệnh khác, cái đến sau lại ghê gớm hơn cái trước. Không nơi chốn nào trên hành tinh này có thể né tránh được tai họa này. Nó sẽ phá hoại các cơ quan nội tạng của con người, cho nên dù không chết, bệnh nhân cũng sẽ phải chịu đựng những triệu chứng phụ nghiêm trọng, khổ sở suốt đời. Bệnh này tấn công cả người lớn lẫn trẻ con, ngay như trẻ sơ sinh hay thai nhi trong bụng mẹ cũng có thể mắc và khi sinh ra sẽ chịu khổ sở vì các triệu chứng lạ lùng. Sự hỗn loạn, bất an và xáo trộn sẽ tạo cơ hội cho những kẻ có sẵn tham vọng gây ra chiến tranh để đạt được mục đích. Con người tiếp tục xung đột, tranh giành quyền lực, giết hại lẫn nhau vì lòng tham lam và sân hận quá lớn, không thể dập tắt được. Nếu thiên tai không giết được loài người thì nhân tai cũng sẽ giết, rồi thì chiến tranh quy mô lớn cũng sẽ dự phần vào việc đó.

Tôi cũng chia sẻ với Farnum về chu kỳ "*Thành, Trụ, Hoại, Diệt*" rằng hiện nay con người đã đi quá xa trên phương diện phát triển tri thức hướng ra bên ngoài, chính điều đó khơi gợi lòng tham lam, sự ích kỷ, gây ra tranh giành, chiếm đoạt, hận thù và rồi dẫn đến chiến tranh. Do đó, nhân loại cần phải phát triển về phương diện thức tỉnh tâm linh để đảo chiều sự tiến bộ của tri thức, thay vì tri thức hướng ra ngoài, ta cần hướng vào bên trong, tìm lại sự quân bình năng lượng tâm thức, nếu không thì khó tránh được sự hủy diệt.

Farnum rất đồng tình với những chia sẻ của tôi. Ông trầm ngâm một chút rồi nói thêm:

- Tôi đã suy nghĩ rất kỹ trước khi đưa ra quyết định này. Tôi muốn đóng góp tất cả những gì mình có, mong có thể góp phần tạo ra cuộc cách mạng chuyển hóa tâm thức cho mọi người. Dĩ nhiên một cá nhân không thể làm được gì. Một nhóm người cũng không đủ lực để thay đổi những việc có thể xảy ra. Đây là việc chung của toàn thể nhân loại nhưng tôi sẵn sàng khởi xướng và tin rằng sẽ có nhiều người tiếp tục. Tôi biết đây là việc lớn, gần như không thể hoàn thành trong một sớm một chiều nhưng tôi vẫn quyết tâm làm, vì đây là việc khẩn cấp và nhân loại không còn nhiều thời gian. Anh có thể cho đây là một việc điên rồ, nhưng tôi hy vọng có thể góp phần sức lực nhỏ nhoi của mình để thay đổi chút gì đó trên trái đất này.

Tôi cầm chặt tay ông, nói ngay:

- Không đâu! Anh không phải là người duy nhất. Tôi hoàn toàn đồng ý với hướng anh đi và sẵn sàng hết lòng hỗ trợ anh trong việc này. Chúng ta sẽ hợp lực làm

việc với nhau. Tôi biết tương lai sẽ có nhiều biến động rất ghê gớm và thế giới có thể thoát được nguy cơ diệt vong không hẳn là một ẩn số.

Farnum gật đầu:

- Cảm ơn anh. Về việc nhân loại có thoát được nguy cơ diệt vong hay không, tôi cũng có hỏi người lạ mặt kia. Ông ấy chỉ nói ngắn gọn rằng: “thế giới tương lai chỉ dành cho những người có đức hạnh. Những kẻ hung ác, tàn bạo, ích kỷ sẽ bị loại bỏ. Nếu người lãnh tụ quốc gia có đức hạnh thì quốc gia sẽ tồn tại. Nếu đó là kẻ chuyên chế, bạo tàn, muốn thống lĩnh, muốn chiếm đoạt tất cả thì sớm muộn cũng sẽ mất tất cả, quốc gia đó sẽ bị chia rẽ thành nhiều vùng, bị xóa tên khỏi bản đồ hoặc bị thay thế bằng những quốc gia mới nhỏ hơn”.

Những lời này khiến tôi nghĩ ngay đến những đế quốc từng hùng mạnh như Ai Cập, Babylon, Hy Lạp, La Mã mà nay chỉ còn hiện diện trong những trang sách sử. Tôi nghĩ về cuộc gặp gỡ với ông Kris và những bài học về luật Nhân quả, rồi không khỏi cảm thán rằng hiện nay không có mấy người hiểu được quy luật vũ trụ này. Không có mấy người hiểu rằng làm ác thì phải gặp quả báo, đã gieo nhân thì ắt gặt quả. Sở dĩ con người gặp hoạn nạn là vì trước đó đã tạo nghiệp ác và đã đến lúc phải trả nghiệp. Lịch sử cũng có ghi chép về những vị hoàng đế vô đạo, độc tài, tàn bạo mà chẳng có ai kéo dài quyền lực được lâu. Hitler lập kế hoạch trăm năm cho chế độ quốc xã của Đức thống trị Âu Châu, nhưng tung hoành chưa được mười năm đã sụp đổ tan tành. Alexander Đại đế dùng vũ lực tạo nên một Đế quốc Hy Lạp vĩ đại nhưng ngắn ngủi - ngay sau khi ông chết, Hy Lạp rơi vào cảnh nội chiến tương tàn, nền văn minh suy thoái.

Cả hai chúng tôi đều chìm đắm trong im lặng suy tưởng. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng về tương lai nhân loại. Sau cùng tôi hỏi:

- Tôi rất thán phục anh về việc dùng tài sản của mình để tạo ra ngân quỹ giúp cho sự thay đổi tâm thức nhân loại. Tôi sẽ dốc sức thực hiện cùng anh. Anh muốn ngân quỹ này được đặt tên thế nào và hoạt động ra sao?

Farnum nói một cách chậm rãi:

- Hiện nay, người làm việc thiện cũng có năm bảy kiểu, có người làm việc thiện vì thật tâm hướng thiện nhưng cũng có người vì tham vọng cá nhân, muốn tạo danh tiếng, để tự huyễn hoặc về công lao, địa vị của mình. Tôi muốn tuyệt đối tránh những điều đó. Tôi đã qua thế giới bên kia, tôi đã hiểu sự vô thường của

tài sản vật chất và danh vọng hão huyền nên tôi không muốn đưa tên tôi vào ngân quỹ này. Nó phải là ngân quỹ vô danh, do công ty của anh quản lý và điều hành. Đó là lý do mà tôi muốn gặp riêng anh để bàn việc này. Chúng ta làm cùng nhau, ít lâu nữa, khi tôi ra đi, anh tiếp tục điều hành, khi thời gian của anh không còn thì anh hãy đảm bảo công ty của anh vẫn sẽ tiếp tục sứ mệnh này cho đến khi mục đích của nó được hoàn tất.

Đến lúc này, tôi đã thật sự khâm phục người bạn lâu ngày không gặp này. Có thể Farnum không biết gì về Karma Yoga nhưng ông đã hành động đúng như thế.

Có thể Farnum cũng không hiểu biết nhiều về luật Nhân quả nhưng ông hành động như người hiểu rõ luật này, ông gieo những nhân tốt một cách khiêm tốn và vô tư lợi. Có thật một người thành đạt, giàu có như ông lại thay đổi hoàn toàn chỉ sau một trải nghiệm cận tử? Hay trong ông vốn dĩ đã luôn có mầm thiện và sự minh triết này?

Farnum nói tiếp:

- Chúng ta đều là những người làm việc liên quan đến tiền bạc. Có bao giờ anh đặt câu hỏi tại sao thế giới ngày nay bị chi phối quá nhiều bởi đồng tiền không? Mọi lý thuyết về kinh tế, chính trị, thương mại đều lấy tiền bạc làm trọng tâm, làm mục đích. Quan niệm đề cao đồng tiền đã ăn sâu vào đời sống con người trong thời buổi hiện tại. Từ người lớn đến trẻ nhỏ đều chỉ nghĩ đến kiếm tiền, rồi lòng tham trở nên quá độ lúc nào không hay. Cũng vì đồng tiền, có người sẵn sàng lừa gạt, hãm hại người khác, thậm chí giết người. Bên cạnh đó, sự phát triển quá nhanh của công nghệ, còn góp phần khiến con người ngày càng ít đi phần nhân tính. Đồng tiền có sức mạnh của nó, nếu biết sử dụng nó, điều khiển nó chứ không để nó điều khiển mình, thì chúng ta làm được nhiều điều hữu ích. Chúng ta đã có cơ duyên hiểu biết được nhiều hơn về tương lai, ta có thể sử dụng tiền để phục vụ nhân loại.

Farnum ngừng lại nhìn tôi rồi nói:

- Để đi bước đầu, tôi đã quyết định phải thay đổi chính mình trước. Nếu mọi người ham muốn gì thì tôi sẽ làm ngược lại, nghĩa là từ bỏ cái ham muốn đó. Nếu mọi người chỉ làm việc để có lợi cho bản thân thì tôi chỉ làm những gì có lợi cho người khác. Tôi sẽ làm những điều không ai muốn làm, chỉ nhận những gì không ai muốn nhận. Tôi đã soạn sẵn một di chúc để lại tất cả tài sản cho ngân quỹ tài trợ cho việc chuyển đổi tâm thức này và anh sẽ là người quản lý.

Những lời nói chân thành của Farnum khiến tôi ngạc nhiên và xúc động mạnh vì nó gọi lại ký ức về kiếp sống tại Atlantis. Khi đó, một vị tu sĩ trong đền thờ Thái Dương đã giảng giải cho tôi nghe những lời này. Nhưng lúc đó tôi không hiểu mà cho rằng đó là suy nghĩ ngu xuẩn, đời sống có bao nhiêu thứ đặc ân mà lại không chịu hưởng thụ. Tôi chăm chú nhìn Farnum và bỗng cảm thấy ở ông có nét gì đó quen thuộc. Tôi nghĩ đến điều ông Kris nói về những người Atlantis đã trở lại trong các kiếp sống khác để học lại những điều họ cần học và áp dụng vào đời sống để tiến hóa lên cảnh giới tâm thức cao hơn. Phải chăng Farnum chính là vị tu sĩ nọ?

Farnum tiếp tục:

- Tôi trần trở rất nhiều về việc chuyển đổi tương lai nên trong hai năm qua tôi đã tiếp xúc với nhiều nhà triết học, nhà khoa học, nhà kinh tế học trên thế giới để học hỏi thêm. Dĩ nhiên, tôi không cho họ biết về mục đích của mình, nhưng tôi đã học hỏi và chuẩn bị cho sự thay đổi sang thế giới quan mới (*New Paradigm*). Anh có nhớ gì về danh từ này không?

Tôi bật cười:

- Dĩ nhiên tôi nhớ danh từ “*Paradigm*” bắt nguồn từ chữ “*Paradigma*” có nghĩa là một hệ thống, khuôn mẫu hay sự tập hợp của những ước lệ đã có sẵn thành quan niệm chung được mọi người chấp nhận. Chúng ta từng đã học về thuật ngữ này trong lớp học về luật đầu tư.

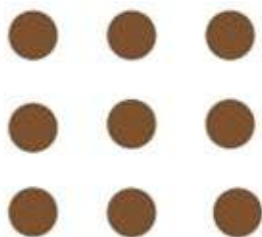
Farnum cũng bật cười theo rồi nói:

- Ngày nay, mọi người vẫn suy nghĩ theo những quan niệm hay thế giới quan đã được hệ thống hóa. Thật ra quan niệm chỉ là những “cặp kính màu” mà mọi người nhìn ra thế giới bên ngoài. Khi chúng ta chấp nhận quan niệm nào đó, chúng ta bị giới hạn bởi nó. Cái mà chúng ta cho là “Sự thật” thật ra chỉ mang tính tương đối, bởi ta đánh giá nó là sự thật thông qua cặp kính màu của một quan niệm nào đó mà thôi. Một khi chấp nhận quan niệm nào đó rồi, chúng ta không mấy khi đặt câu hỏi về giá trị của nó hay về những tác động nó tạo ra với nhân loại. Mọi người sống và tin tưởng theo quan niệm mà họ đã chấp nhận, những gì không phù hợp với quan niệm này sẽ bị coi là vô giá trị. Khi người ta được thoải mái trong một quan niệm nào đó thì họ không thể nhìn thấy gì khác. Ngày nay; nếu ai nói trái đất là trung tâm của vũ trụ và mặt trời, mặt trăng và mọi hành tinh

đều quay quanh trái đất thì chắc ai cũng bật cười vì khoa học đã chứng minh được quan niệm đó là hoàn toàn sai. Tuy nhiên, cách đây vài thế kỷ, bất cứ ai nói rằng mặt trời là trung tâm, còn trái đất và những hành tinh khác đều quay quanh mặt trời thì sẽ bị thiêu sống ngay. Copernicus và Galileo bị ghép tội là phù thủy, là kẻ dị giáo chỉ vì quan niệm của họ quá mới, thời đại của họ không chấp nhận được. Phải mất thời gian rất lâu, với các dữ kiện khoa học cụ thể, người ta mới thay đổi được quan niệm sai lầm kia. Khi quan niệm thay đổi thì con người cũng sẽ thay đổi. Cuộc cách mạng chuyển hóa là sự thay đổi quan niệm về những giá trị hiện tại dưới cái nhìn mới. Vậy cái nhìn mới là như thế nào?

Farnum mỉm cười, lấy ra một tờ giấy rồi vẽ lên đó một hình vuông, trong đó có chín điểm tròn rồi hỏi:

- Anh có thể vẽ bốn đường thẳng xuyên qua cả chín hình tròn mà không nhắc bút lên không?



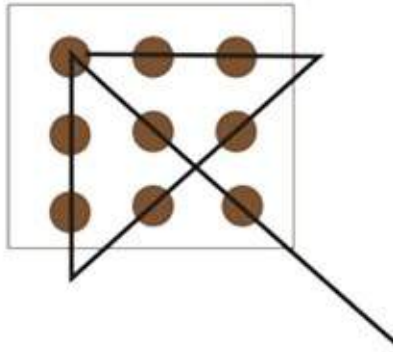
Câu hỏi thật thú vị. Tôi cầm tờ giấy lên quan sát và suy nghĩ, vẽ trong đầu một số cách thức đi bút nhưng vẫn để sót lại một hình tròn. Sau một lúc suy nghĩ, tôi lắc đầu, đặt tờ giấy xuống, mỉm cười:

- Câu đố thú vị quá. Tôi nghĩ đáp án cũng thú vị không kém. Rất tiếc tôi chưa nghĩ ra.

Farnum cũng cười, ông cầm bút lên, dùng đúng bốn đường thẳng xuyên qua chín hình tròn và không cần nhắc bút. Tôi ngạc nhiên vô cùng, vì đáp án quá đơn giản. Tôi bật cười:

- Ô! Có thể mà tôi không nghĩ ra.

Farnum đã vẽ những đường thẳng như thế này:



Farnum mỉm cười:

- Trước đây, khi lần đầu gặp câu đố này, tôi cũng như anh, cứ tự động mặc định rằng những đường thẳng kia chỉ có thể nằm trong khung vuông bao quanh chín hình tròn thế là không giải được, cái khung này đã giới hạn suy nghĩ của chúng ta, nó tượng trưng cho quan niệm, cho thế giới quan của chúng ta hiện nay. Muốn giải quyết vấn đề, chúng ta phải thay đổi quan niệm bằng một góc nhìn mới, vượt lên trên những lý luận, giả thuyết cũ, những điều chúng ta cho rằng không thể xảy ra. Đó là sự chuyển hóa hay thay đổi quan niệm, chuyển đổi thế giới quan (*Paradigm Shift*), mà nhà triết học khoa học Thomas Kuhn* đã nói đến. Tôi tin rằng giải pháp cho nhu cầu của nhân loại không phải điều gì phức tạp hay khó khăn như nhiều người vẫn nghĩ. Thực ra nó chỉ là sự giảm bớt các nhu cầu, đòi hỏi, lòng tham, ham muốn sở hữu và tiêu thụ, để cùng nhau giải quyết các việc chung của nhân loại như bảo vệ môi sinh, tiêu trừ bệnh tật. Nền kinh tế hiện nay vốn theo mô hình được đề xướng từ thế kỷ trước, chủ trương khuyến khích tiêu thụ, giúp các xưởng máy sản xuất vận hành và tạo ra việc làm cho mọi người. Mô hình này dựa trên nguyên tắc cung và cầu. Dựa vào nhu cầu tiêu thụ để xây dựng kinh tế và tạo ra việc làm. Mọi người càng tiêu thụ, xưởng sản xuất càng phát triển, tạo ra nhiều việc làm hơn. Dân chúng có việc làm, kiếm ra tiền thì sẽ tiêu thụ nhiều hơn và kinh tế theo đó phát triển lớn mạnh. Nhưng mô hình này đã gây ra nhiều hậu quả tai hại trong môi sinh và xã hội. Bất chấp sự phát triển kinh tế, sự bất mãn của con người với đời sống vật chất vẫn ngày càng tăng, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn, trái đất thì ngày càng nóng lên, thiên tai cũng gia tăng cường độ, nổi ám ảnh chiến tranh và vũ khí nguyên tử ngày một đe dọa nhân loại hơn. Trước đây chỉ có một số cường quốc có vũ khí nguyên tử, nhưng ngày nay các nước nhỏ cũng chạy đua vũ trang, nghiên cứu vũ khí nguyên tử, khiến nguy cơ chiến tranh ngày một lớn. Chỉ một biến cố nhỏ hay một lãnh tụ điên rồ, tùy hứng cũng có thể tận diệt cả thế giới. Do đó, người ta lại nghiên cứu một loại vũ khí khác, loại có thể tiêu diệt con người nhưng không

phá hủy thế giới, vậy là vũ khí sinh học được bí mật nghiên cứu. Chỉ một loại vi trùng được cấy ghép, thay đổi yếu tố di truyền để trở nên nguy hiểm và lây lan thật nhanh là có thể khuynh đảo thế giới. Đó là chiến tranh sinh học. Thế giới ngày nay đúng thật là ngôi nhà đang cháy mà con người trong đó vẫn vô tư không biết, không quan tâm lo lắng gì. Vì vậy, chúng ta cần một mô hình thực tế cho tương lai, hay viễn cảnh cho nhân loại. Khi số đông đã bất mãn với đời sống hiện tại và nhìn thấy viễn cảnh tương lai tốt đẹp hơn thì yếu tố duy nhất còn lại chỉ là hành động, công thức về sự thay đổi của anh có thể áp dụng được cho tương lai là vậy.

** Thomas Kuhn là người đầu tiên đề cập đến thuật ngữ “Paradigm shift” thuật ngữ này xuất hiện trong cuốn sách nổi tiếng The structure of Scientific Revolutions (cấu trúc của các cuộc cách mạng khoa học) của ông. Trong đó, Kuhn đã dẫn chứng hầu hết những tiến bộ vượt bậc trong khoa học đều bắt đầu với sự phá vỡ một truyền thống, một cách nghĩ cũ, hay nói cách khác, một thế giới quan cũ.*

Tôi trầm ngâm:

- Nhưng vấn đề chúng ta đang đề cập là vô cùng phức tạp, liệu một công thức quá đơn giản như vậy có giải quyết được không?

Farnum chậm rãi trả lời:

- Tôi đã đến gặp nhiều nhà khoa học, nhà kinh tế học, cả các nhà lý luận để lấy thêm ý kiến về việc thay đổi quan niệm. Chắc anh cũng thấy trong mấy thế kỷ qua phần lớn những phát minh khoa học đều dựa vào quan niệm vật lý của Isaac Newton, rằng “Vũ trụ vận hành theo các định luật toán học”, quan điểm được trình bày qua bộ sách kinh điển của ông: *Philosophiae Naturalis Principia Mathematica (Nguyên tắc toán học trong vạn vật)*. Newton khẳng định vũ trụ là một bộ máy hoàn hảo vận hành theo những định luật khoa học và mọi thứ đều có thể phân tích, chứng minh bằng lý luận của toán học. Từ quan niệm này mà nền khoa học thực nghiệm phát triển lớn mạnh, phát minh ra rất nhiều công cụ tối tân, phục vụ cho con người. Phần lớn các lý thuyết về chính trị, kinh tế, xã hội, thương mại ngày nay đều chịu ảnh hưởng của quan niệm duy lý này. Trong thế kỷ vừa qua, khoa học đã thống trị đời sống nhân loại. Tất cả những gì ngược với khoa học hay không thể chứng minh đều bị gọi là vô lý và được dán nhãn *phản khoa học*. Do đó, nhân loại lại chịu sự thống trị của quan niệm duy lý cũng không khác gì những quan niệm tôn giáo độc tôn trong thời Trung cổ.

Tuy nhiên, theo đà phát triển của khoa học, một số nhà khoa học bắt đầu nhận thấy có những hiện tượng xảy ra mà không thể giải thích bằng toán học được. Sau một thời gian tìm kiếm câu trả lời nhưng vô vọng, đa số nhà khoa học phủ nhận những hiện tượng này, vì cái gì không hợp với quan niệm chung thì không thể hiện hữu. Đầu thế kỷ 20, thuyết tương đối của Albert Einstein đã đưa ra quan niệm mới, một câu trả lời hợp lý cho những hiện tượng mà quan niệm của Newton không thể chứng minh. Chính Einstein đã nói: *“Chúng ta không thể giải quyết vấn đề bằng chính những tư duy đã tạo ra vấn đề đó”*. Chúng ta phải thoát ra khỏi cái hộp (*Thinking Out of the Box*), suy nghĩ theo cách khác đi, vượt khỏi khuôn khổ, mới mong tìm ra được giải pháp.

Trong trí nhớ của tôi, Farnum luôn là một người thông minh, học rộng hiểu nhiều, có điều tôi không biết ông nghiên cứu nhiều lĩnh vực như thế. Có thể sau trải nghiệm cận tử, ông đã học hỏi, đọc nhiều sách vở hơn để bổ túc cho kiến thức của mình. Tôi suy nghĩ một chút về những điều ông vừa nói, rồi trả lời:

- Ngày nay, người đưa ra quan niệm mới có thể không còn bị ghép tội là dị giáo hay phù thủy như xưa, nhưng cũng chỉ nhận được sự thờ ơ của quần chúng vì họ chưa hiểu hay chưa thể chấp nhận. Đây chính là yếu tố "R" trong công thức, là sự kháng cự, trở lực, không muốn thay đổi. Đó cũng là lý do Copernicus và Galileo từng bị lên án, xử tội. Những kẻ bảo thủ khi đó đã kháng cự sự thay đổi. Einstein là trường hợp ngoại lệ. Không những ông đưa ra quan niệm mới, mà chứng minh được nó rõ ràng, không ai có thể phản đối được, ông là người tiên phong trong việc thay đổi quan niệm rằng khoa học không phải là chân lý tuyệt đối. Ngày nay với sự tiến bộ thần tốc của công nghệ và máy điện toán, những giá trị mới, quan niệm mới cũng được số đông chấp nhận nhanh hơn so với thế kỷ trước.

Farnum gật đầu, nói tiếp:

- Đúng vậy. Có lẽ anh cũng đồng ý rằng sự thay đổi là điều hiển nhiên nhưng nó xảy ra như thế nào thì còn tùy thuộc vào viễn cảnh tương lai hay mô hình xã hội mà một số nhà khoa học, nhà nghiên cứu đang khởi xướng. Tương lai nhân loại không thể nằm trong tay một cá nhân, một chính thể hay quốc gia nào đó, tương lai phụ thuộc vào tất cả mọi người, vì tất cả chúng ta đều là thành phần trong đó. Thế giới tương lai sẽ không dựa trên lý thuyết về quốc gia, chủng tộc, giai cấp hay ý thức hệ nào, vì tất cả mọi sự đều liên quan chặt chẽ với nhau như một mạng lưới khổng lồ. Một sự thay đổi nhỏ ở chỗ này có thể ảnh hưởng đến tất

cả chỗ khác.

Điều Farnum vừa nói cũng tương tự như hiệu ứng cánh bướm mà khi xưa Hòa thượng Thánh Nghiêm đã đề cập. Một con bướm nhỏ đập cánh, tạo ra rung động mong manh cũng có thể cộng hưởng, gây ra một trận cuồng phong dữ dội. Lúc đó, tôi và phi hành gia Mitchell đã thảo luận tâm đắc về việc này, thật hay là bây giờ đã có nhiều người cũng có góc nhìn và niềm tin tương tự.

Farnum nói thêm:

- Lịch sử ghi nhận sự thay đổi thường bắt đầu với các anh hùng hay vĩ nhân mang lại trật tự cho xã hội. Tuy nhiên, tác giả Joel Barker khẳng định trong *Discovering the Future (Khám phá tương lai)* xuất bản năm 1988 rằng tương lai sẽ không còn các anh hùng cá nhân hay vĩ nhân tạo thời thế nữa. Thời của các anh hùng đã qua lâu rồi, tương lai sẽ có hàng triệu người có cùng quan niệm về đời sống mới. Họ sẽ đòi hỏi sự thay đổi và không chấp nhận những quan niệm lỗi thời, lạc hậu, không còn giá trị nữa.

Điều này cũng không khác điều trước đây ông Kris đã nói, rằng trong tương lai sẽ có rất nhiều người có trình độ hiểu biết xuất hiện giúp đỡ, chuyển đổi tâm thức cho nhân loại. Tôi thảo luận với Farnum về những thách thức của sứ mệnh này:

- Việc này nói thì dễ nhưng thực tế vẫn tồn tại nhiều vấn đề lắm. Sự chia rẽ và tinh thần quốc gia cực đoan vẫn rất mạnh, để cả triệu người có thể đồng chí hướng, chung một quan niệm thì phải trải qua một hành trình dài và chông gai.

Farnum mỉm cười nói:

- Anh nghĩ sao về suy nghĩ của Marshall McLuhan trong cuốn *Understanding Media (Tìm hiểu truyền thông)*? Ông ấy viết rằng tương lai sẽ không còn biên giới giữa các quốc gia nữa vì tất cả mọi nước đều được kết nối bởi hệ thống truyền thông. Mọi người có thể liên lạc, chia sẻ quan niệm riêng của họ với nhau, cho dù nó có thể khác những quan niệm đã được công nhận. Đây là một cuốn sách xuất bản năm 1964, khi máy điện toán còn rất thô sơ và Internet chưa ra đời.

Tôi lắc đầu:

- Tôi chưa đọc tác phẩm của McLuhan. Có thật là ông ấy đã tiên đoán như vậy không?

Farnum nói tiếp:

- Có những người tiên đoán khá chính xác về tương lai nhân loại. Họ không phải kiểu thầy bói nói bừa bằng tưởng tượng đâu. Họ là những giáo sư đại học danh tiếng, nghiên cứu tương lai dựa vào các dữ kiện khoa học. McLuhan nói rằng quan niệm về một tương lai như thế của nhân loại đã có từ lâu nhưng phải chờ đến khi khoa học kỹ thuật phát triển đến mức nào đó thì mới có thể biến nó thành sự thật, ông viết rằng trong tương lai, toàn thế giới sẽ được kết nối bởi mạng lưới truyền thông nên việc gì xảy ra ở nơi nào, dù hoang vu đến đâu, cũng được phổ biến ngay và truyền đi khắp thế giới. Con người sẽ không còn bị ngăn cách bởi không gian hay thành kiến nữa mà trở nên gần gũi với nhau hơn, vì sự chia sẻ đưa đến sự cảm thông và thấu hiểu. Theo thời gian, các mối thù hận, mưu mô, sợ hãi, bất đồng sinh phản kháng, sẽ dần phai nhạt, rồi triệt tiêu, đưa đến sự hợp tác để xây dựng một thế giới trong đó mọi người đều có thể chung sống hòa bình với nhau, thế giới mà ông đặt tên là “Ngôi làng thế giới” trong đó mọi “dân làng” đều sống hòa thuận, yên bình trong một trật tự chung. Trong tương lai đó, một nền giáo dục lan tỏa các giá trị này sẽ góp phần kết nối mọi người với nhau. Cần nhấn mạnh rằng McLuhan đã viết những điều này khi mà Internet còn chưa ra đời. Dĩ nhiên, thời điểm đó mọi người đều cho rằng McLuhan ngây thơ, lạc quan tếu. Một số người chỉ trích quan niệm này vì cho rằng đời sống văn minh phức tạp khi đó đã khiến con người trở nên ích kỷ, hung bạo, đa nghi, sợ hãi nhiều hơn. Họ không thể tin cậy lẫn nhau thì làm sao sống chung trong sự hòa hợp được. Viễn cảnh đó chỉ có thể nằm trong tưởng tượng. Người khác nói rằng con người đã quá quen thuộc với sự lừa bịp của các quảng cáo thương mại, hay thói bóp méo sự thật của truyền thông nên không thể tin tưởng nhau và xây dựng thế giới như thế được.

Tôi gật đầu:

- Truyền thông quả thật là con dao hai lưỡi. Tùy vào thế lực kiểm soát nó mà nó có thể đúng và cũng có thể sai, nó có thể phô bày sự thật cũng có thể tuyên truyền những điều giả dối.

Farnum nói thêm:

- Khi đó, McLuhan đã đáp trả những lời chỉ trích bằng một loạt bài viết mà đã

tạo nên một cuộc tranh luận khá gay gắt. Ông cho rằng suy nghĩ như thế là xem thường sự hiểu biết của con người. Con người của thế hệ tương lai sẽ biết nhận xét và có sự hiểu biết rộng rãi hơn rất nhiều. Không dễ gì lừa bịp hay kiểm soát họ được, ông đưa ra khái niệm về một hiện tượng gọi là “Bùng nổ thông tin nội chấn” (*Implosion of Information.*) vì qua mạng lưới kết nối triệu triệu người này, thế giới sẽ tràn ngập dữ kiện và các quan niệm mới lạ. Ông cho rằng, theo lẽ tự nhiên lúc đầu sẽ có dữ kiện đúng và cũng có dữ kiện sai, nhưng sau thời gian gạn lọc, những dữ liệu vô giá trị sẽ bị loại bỏ vì con người rất thông minh, sẽ biết lựa chọn, ông ấy còn tiên đoán trong tương lai sẽ có hàng triệu phát minh tân tiên xuất hiện, giúp mọi người tự do liên lạc với nhau. Tuy nhiên, ông cũng đặt câu hỏi khi có đầy đủ các tin tức và dữ kiện như thế, liệu con người có thể đi đến quyết định đúng đắn không? Liệu họ có đủ thông minh để tạo ra những nhận xét chính xác không? Hay phải chờ thêm thời gian nữa khi nhân loại trưởng thành và hiểu biết hơn? Dẫu thế nào, ông khẳng định, trước sau gì thì kỹ thuật truyền thông cũng giúp mọi người có thể "Tìm thấy nhau, gặp gỡ nhau, chia sẻ với nhau" và thế giới sẽ bùng lên một sức sống mạnh mẽ với nhiều tư tưởng mới lạ, khác hẳn khi trước.

Chúng ta có thể không phải là những người hùng nhưng chúng ta vẫn có khả năng góp phần vào công cuộc cứu lấy những người xung quanh ta, cứu lấy thế giới này. Tất cả chúng ta đều phải bắt đầu chuyển đổi tâm thức, chia sẻ, lan tỏa nhận thức mới, yêu thương, hàn gắn và chữa lành. Trong giai đoạn này, chỉ khi hết lòng hành thiện như vậy, nhân loại mới có thể có một tương lai tươi sáng.

Nghĩ tới lời ông Kris, tôi gật đầu:

- Một người bạn cũng từng chia sẻ với tôi rằng trong tương lai sẽ có rất đông người có trình độ hiểu biết thâm sâu xuất hiện giúp đỡ, chuyển đổi tâm thức cho nhân loại. Theo thời gian, số người này ngày càng đông, tạo ra được những động lực có thể thay đổi xã hội. Tuy nhiên, sự thay đổi xảy ra rất chậm vì nhiệm vụ của họ chỉ là thúc đẩy nhân loại chuyển đổi tâm thức để học hỏi và phát triển chứ không phải làm gì to lớn vĩ đại.

Farnum mỉm cười, gật đầu:

- Bạn anh nói đúng lắm. Tương lai mà McLuhan dự đoán mới chỉ xảy ra một phần. Lúc đó McLuhan tiên đoán rằng những quan niệm lỗi thời sẽ sụp đổ một cách nhanh chóng, vì tương lai cần một ý thức mới, một quan niệm mới để đem

lại hạnh phúc cho tất cả. Tuy nhiên, ngày nay đã có Internet, mọi người có thể liên lạc không giới hạn, nhưng con người lại thiếu liên kết hơn bao giờ hết. Và họ có thông cảm nhau không? Họ có biết gạt lọc những tin tức và dữ kiện để tìm ra một hướng đi chung hay không? Họ có thể cùng nhau hợp tác để xây dựng một “ngôi làng thế giới” như McLuhan tiên đoán không?

Tôi trầm ngâm:

- Đúng là xã hội ngày nay đã tiến bộ vượt bậc nhờ công nghệ, nhưng vẫn không đạt đến tương lai toàn mỹ kia được, có lẽ là vì mọi sự thay đổi phải bắt nguồn từ bên trong chứ không phải bên ngoài. Tiến bộ khoa học là sự thay đổi bên ngoài, nó không mang lại kết quả là vì trong tâm thức con người vẫn còn đầy những tham lam, ích kỷ, sân hận, thù oán, bạo động.

Famum chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Tôi biết tôi không tìm sai người để chia sẻ mà. Anh quả là có những hiểu biết sâu sắc về viễn cảnh tương lai, có một triết gia khác cũng đưa ra cái nhìn của mình, nhưng với căn cứ khác. Năm 1963, trong cuốn *Island (Hải đảo)* của mình, triết gia, tiểu thuyết gia Aldous Huxley viết về một xã hội lý tưởng được xây dựng trên nền tảng “đại gia đình”, nơi mà mọi người sống thân thiện, quây quần, giúp đỡ và hướng dẫn nhau như trong một gia đình. Đó là một xã hội mà trẻ con được giáo dục qua hành động chứ không phải chỉ bằng từ chương(*). Thay vì phải học theo hệ thống gò ép với quy luật chặt chẽ, thì trẻ sẽ được hướng dẫn để mở mang trí tưởng tượng phong phú, thuận theo tự nhiên. Trong xã hội này, thay vì chữa bệnh bằng công cụ khoa học thì người ta dùng sức mạnh của tư tưởng, bằng một sự phối hợp giữa tâm và thân. Xã hội tương lai này sẽ xây dựng trên tình thương khi sự áp chế bằng luật pháp bị thay thế bằng sự hiểu biết và trách nhiệm.

* (Từ cũ) Chỉ lối văn chương đẹp về hình thức nhưng sáo rỗng, không có giá trị trong đời sống thực tế.

Tôi lên tiếng:

- Tôi có đọc vài quyển sách của Aldous Huxley, như cuốn *Brave New World (Thế giới mới tươi đẹp)* nhưng cuốn anh vừa nhắc thì tôi chưa biết đến.

Farnum gật đầu, nói:

- So với hơn năm chục cuốn sách đã tạo nên tên tuổi cho Aldous Huxley, từ *Brave New World* đến *The Doors of Perception* (của vào nhận thức) thì cuốn *Island* không nổi tiếng lắm, mặc dù đây là cuốn sách cuối cùng của Huxley. Tác giả đã dựng tâm mô tả một thế giới mà ông tin rằng sẽ xảy ra trong tương lai. Huxley lên án nền văn minh tiến bộ thiên về sự hưởng thụ của Tây phương đã đưa con người vào một đời sống bất công, với các thảm cảnh bóc lột tàn nhẫn và ông tin rằng giải pháp là truyền thông tâm linh của văn hóa Đông phương. Ông mượn lời nhân vật chính trong cuốn sách, bác sĩ MacPhail, để gửi gắm tâm sự: "Chúng ta phải gạt bỏ lấy tinh hoa của cả hai nền văn hóa, Đông và Tây, của những gì cổ kính và những gì cấp tiến, của nhân văn và văn minh. Thế giới này tuy đã được tìm ra nhưng vẫn còn nhiều tiềm năng đang chờ đợi được khám phá".

Nếu để ý anh sẽ thấy trong thời gian gần đây, văn chương, âm nhạc, nghệ thuật đã bắt đầu thay đổi, vì người ta đã thấy sự ngông cuồng của khoa học kỹ thuật và các lý thuyết phi nhân đã đem lại hậu quả tai hại, khiến con người trở nên bơ vơ, lạc lõng, xa cách nhau. Một số người trẻ đã dần thay đổi thái độ sống. Thay vì bi quan hay chán nản với đời sống quay cuồng, họ tìm về cuộc sống thoải mái với thiên nhiên. Những người này chịu ảnh hưởng của Ralph Emerson, Henry Thoreau, Amos Bronson Alcott, hay Margaret Fuller. Nhà văn Jean-Francois Revel đã viết trong cuốn *Without Marx and Jesus* (Khi không có Marx hay Jesus) rằng thế hệ trẻ đang thay đổi cục diện thế giới bằng đường lối suy nghĩ khác hẳn những quan niệm trước đó. ông gọi đó là những con người mới (Homo Novus*). Những con người này cũng xuất hiện rải rác trong các tác phẩm của Hermann Hesse như những con người lý tưởng, biết tìm những giá trị vĩnh hằng cho tương lai bằng việc tự biết mình. Tư tưởng gia Marilyn Ferguson viết trong bài xã luận *The movement that has no name* (Phong trào không tên) vào năm 1976 về một phong trào được thành lập âm thầm bởi những cá nhân sống tại những quốc gia khác nhau nhưng chia sẻ một viễn cảnh chung. Họ tin rằng sự đổi thay bắt đầu bằng sự chuyển hóa nội tâm của chính họ, trước khi có thể thay đổi người khác. Thay vì đòi hỏi xã hội phải thay đổi thì họ tin rằng chính đời sống cá nhân của họ sẽ phản ánh sự đổi thay trong xã hội và theo thời gian sẽ biến đổi thế giới. Khi bị dư luận chỉ trích là không thực tế và viễn tưởng, tác giả trả lời trên một cuộc phỏng vấn truyền hình rằng: "người ta có thể bi quan hay lạc quan và chúng tôi chọn sự lạc quan vì đó là thái độ cần thiết để sống trong thời buổi đầy biến động này. Có thể có người đồng ý với tuyên bố của Albert Camus, rằng: "Chỉ có một vấn đề triết học thật sự nghiêm túc: đó là sự tự sát" để đánh giá cuộc đời đáng sống hay không đáng sống, còn chúng tôi, chúng

tôi luôn lựa chọn sự sống”.

** Thuật ngữ Homo Novus xuất hiện từ thời La Mã cổ đại, ban đầu được dùng với sắc thái khinh miệt (liên quan đến xuất thân chính trị), nhưng về sau được dùng để chỉ những người cấp tiến, tài giỏi, có tư tưởng mới, có thể tự tìm hướng đi cho cuộc sống của mình.*

Tôi gật gù khâm phục:

- Anh đọc nhiều sách thật đấy.

Farnum cười, thông thả nói:

- Trong hai năm qua tôi đã dành trọn thời giờ để đọc sách và nghiên cứu về sự thay đổi có thể xảy ra trong tương lai. Tôi nhận thấy những tác phẩm văn chương của thế kỷ 20 phần lớn đều đề cập đến sự tuyệt vọng, chán nản, bất mãn, đặc biệt là mất niềm tin. Dĩ nhiên làm sao người ta có thể lạc quan khi thế giới đang ở trong một lò lửa, khi súng đạn và bạo lực trở thành luật lệ, khi quyền lực và áp chế trở thành chính sách, khi xâm lược và chiếm đoạt là đường lối, khi tiền bạc là mục đích và thành công là đích đến, khi cạnh tranh, giành giật là lẽ tất nhiên. Tuy nhiên cũng có một tín hiệu đáng mừng. Theo thống kê gần đây của các nhà xuất bản lớn tại Hoa Kỳ thì khuynh hướng đọc sách của mọi người đã thay đổi. Nhiều người tìm đọc các loại sách về lịch sử, tôn giáo, nhất là sách về thiền hay về những điều thanh cao. Việc này cho thấy xu hướng bi quan, yếm thế của thế kỷ 20 đang bị đào thải. Khi con người thay đổi tâm hồn, họ sẽ thay đổi quan niệm và khi quan niệm thay đổi xã hội cũng sẽ thay đổi.

Tôi gật đầu:

- Thật trùng hợp, cách đây không lâu, một người bạn cũng chia sẻ với tôi rằng ông ấy nghĩ tương lai sẽ là thời của các văn sĩ, nghệ sĩ, những người có sức sáng tạo mạnh mẽ trong địa hạt văn chương, nghệ thuật. Những tác phẩm của họ sẽ phản ánh lòng từ ái, sự hiểu biết, sự sáng tạo, tôn vinh những cái đẹp của thiên nhiên và ảnh hưởng nhân loại trên bình diện tư tưởng và tình cảm. Tôi hoàn toàn đồng ý, điều gì phát sinh từ tâm thức thanh cao đều có sức cảm hóa mạnh mẽ, thâm nhập vào tâm hồn con người và tạo ra sự thay đổi.

Farnum gật đầu tỏ vẻ tâm đắc rồi nói thêm:

- Nhà tâm lý William James đã viết: “Trong các sinh vật, chỉ có con người là có thể thay đổi số phận của mình. Con người có sự tự do và cuộc cách mạng vĩ đại nhất mà họ có thể thực hiện chính là thay đổi tư duy bên trong, nhờ đó họ có thể thay đổi thái độ của mình với đời sống bên ngoài”. Do đó tôi hy vọng chúng ta có thể đem lại cho thế hệ sau những lý do chính đáng để tin tưởng vào tình người, để giải quyết vấn đề và khôi phục lại trái đất của chúng ta.

Thời gian còn lại của cuộc gặp mặt hôm đó, tôi và Farnum tiếp tục bàn về những gì quỹ tài trợ có thể làm được, những đối tượng nào cần đến chúng tôi và chúng tôi sẽ làm gì để giúp họ. Chuyển hóa tâm thức nhân loại là một hành trình dài và gian nan, cần đến rất nhiều người khởi xướng và lan tỏa. Chúng tôi tình nguyện đứng phía sau hỗ trợ cho mọi hoạt động của họ, để một thành mười, mười thành trăm, rồi triệu triệu con người có thể thay đổi, rồi tương lai, tự khắc cũng được thay đổi.

Trong mỗi lần trở về tương lai nhân loại, tại một buổi nói chuyện để duyệt lại phần ghi chép của tôi, Thomas có hỏi ý kiến tôi về những người trẻ đang khởi nghiệp về công nghệ tại Thung lũng Silicon. Tôi cho ông biết, theo quan sát của tôi, chỉ một số rất ít người khởi nghiệp là vì muốn tạo ra sự khác biệt hay vì niềm đam mê sáng tạo, còn phần lớn là chỉ tìm cách kiếm được nhiều tiền. Nhiều người vẫn tin rằng có nhiều tiền là có hạnh phúc.

Thomas nói rằng ông rất hiểu, vì chính ông trước đây cũng tin rằng làm giàu là mục đích quan trọng của cuộc đời. Nhưng qua những trải nghiệm tiền kiếp và tiếp xúc với những người như ông Kris và Farnum, ông đã thay đổi quan niệm và coi mục đích phần đời còn lại là làm những việc giúp ích cho người khác. Ông nói rằng Farnum cũng thế. Thomas nhấn mạnh: *"Làm người ai rồi cũng sẽ chết, nhưng khi nào chết là điều không ai biết trước được. Do đó, chúng ta phải biết nhìn lại và điều chỉnh cách sống, sống như thế nào để không uổng phí một kiếp người. Cho dù có tiền rừng bạc biển, có công danh phú quý bao nhiêu thì sau cùng cũng chỉ là phù du, không ai mang theo những thứ đó được. Cái duy nhất sẽ đi theo chúng ta là những cái "**nhân**" cả tốt lẫn xấu, mà chúng ta đã gieo, đợi đến ngày gặt "**quả**" Trí thức Tây phương chúng ta trước giờ không nói đến việc này, nên ít ai ý thức được. Dù khoa học đã nói về "động lực" và "phản lực" nhưng cũng chỉ trong phạm vi vật lý chứ không phải trong cuộc sống. Do đó, vấn đề cần thiết là làm sao chỉ rõ và cảnh tỉnh cho mọi người về luật Nhân quả thì may ra thế giới mới có thể khác đi và*

tươi sáng hơn được".

Nói về tương lai nhân loại, Thomas cũng nhấn mạnh nỗi lo con người bị chia cắt, cô độc bởi công nghệ. Sự phát triển quá nhanh của công nghệ và sự lạm dụng sản phẩm công nghệ đã khiến con người bị mê hoặc, cô lập khỏi thế giới thật, mất đi sự kết nối giữa con người và con người. Chúng ta thấy trên đường, bên xe đầy những con người vừa di chuyển vừa dán mắt vào màn hình điện thoại, trong quán cà phê hay chốn công cộng, người ta chuyện trò với nhau thì ít mà tương tác với đồ chơi công nghệ thì nhiều. Trong những gia đình, vợ chồng, con cái có những lúc ngồi bên nhau nhưng mỗi người một chiếc điện thoại, chẳng buồn để tâm đến nhau và đánh mất những kết nối gia đình thiêng liêng. Công nghệ đã dựng lên những bức tường ngăn cách vô hình giữa con người, khiến sự kết nối nhân tính và thẩm mỹ, văn hóa đại chúng xuống dốc. Thời gian sống của chúng ta đã san sẻ cho chiếc màn hình bé nhỏ đó quá nhiều mà quên đi một thế giới rộng lớn đang hiện hữu. Chúng ta đã bỏ lỡ nhiều thứ, đánh mất nhiều thứ, trong đó đáng tiếc nhất chính là những cảm xúc tự nhiên, những kết nối yêu thương. Tình người là nền tảng cho văn minh nhân loại, nay đang dần mất đi trong mỗi con người...

Thomas cũng hỏi ý kiến của tôi về vai trò của trí thông minh nhân tạo (*Artificial Intelligence*) trong tương lai. Đây là một chủ đề chúng tôi từng trao đổi sâu trước đây, nay ông muốn bổ sung thêm góc nhìn cho tương lai. Là giáo sư chuyên nghiên cứu và giảng dạy môn này, tôi có thể tiên đoán rằng khoảng mười năm nữa máy tính có thể tính nhanh gấp một tỷ lần đầu óc của con người, vào lúc đó, phần lớn xe hơi chạy trên đường đều là xe không người lái và hầu hết các dịch vụ buôn bán, thương mại và phục vụ con người sẽ do robot đảm đương. Ngay như tin tức truyền hình, báo chí, và thậm chí cả văn chương cũng sẽ được thực hiện bởi những máy điện toán siêu thông minh. Trong phòng thí nghiệm của tôi tại Đại học Carnegie Mellon, các chương trình điện toán thông minh đã nhận tin tức về bóng đá, bóng rổ rồi viết lại thành những bài phóng sự thể thao mà không hề có bàn tay khối óc người nào đụng đến. Một chương trình khác đã có thể làm thơ và khi tôi đưa bài thơ đó cho một giáo sư khá nổi tiếng về văn chương xem, ông đọc xong và không thể tin đó là bài thơ do robot viết ra.

Áp dụng công nghệ thông minh giúp các quốc gia phát triển nhanh hơn nhưng không mấy ai nhìn xa thấy được sự phát triển như vũ bão của công nghệ đã đẩy hàng triệu người vào cảnh thất nghiệp. Bên cạnh hào quang của những người khởi nghiệp thành công, là biết bao nhiêu người khởi nghiệp thất bại và bao nhiêu công nhân mất việc vì häng xưởng của họ đã được tự động hóa. Suy cho

cùng, robot có thể thông minh Intelligence nhưng không thể có được trí tuệ uyên bác thực sự (Wisdom) - thông minh và trí tuệ khác nhau rất xa. Quá đề cao hay phụ thuộc vào robot sẽ khiến con người ngày càng kém phát triển.

Tôi không lên án công nghệ nhưng tôi muốn đưa ra một lời cảnh cáo rằng công nghệ không phải là giải pháp cho tất cả, chúng ta cần sử dụng công nghệ với sự sáng suốt và tình nhân ái. Trong mọi sự tính toán cần có yếu tố nhân văn vì chúng ta là con người, chúng ta có tình thương yêu, biết tha thứ, biết bổn phận và trách nhiệm cũng như hàng trăm đức hạnh khác cần có của con người. Máy móc dù thông minh đến đâu cũng không thể làm việc đó được, cho nên, vấn đề không phải là công nghệ, mà là chúng ta áp dụng công nghệ như thế nào. Tại sao chúng ta lại để cho máy móc thay thế khả năng suy nghĩ, ứng xử của con người? Tại sao chúng ta lại để cho máy móc quyết định thay mình? Tại sao chúng ta để cho điện thoại thông minh và các ứng dụng kết nối con người thay vì gặp gỡ và thông cảm với nhau? Công nghệ thông minh có thể giúp con người liên lạc nhanh chóng nhưng trở trêu thay, chính nó lại tạo ra sự xa cách, chưa kể đến yếu tố trực lợi, khai thác thông tin cá nhân người sử dụng.

Tỷ phú Elon Musk đã cảnh báo rằng sự phát triển quá đà của nền công nghệ trí thông minh nhân tạo đang *"mời gọi quỷ ma đến với loài người"* Nhà khoa học Stephen Hawking cũng cảnh cáo rằng trí thông minh nhân tạo có thể đưa đến sự diệt vong của nhân loại. Theo tôi, tất cả những kỹ thuật dù thông minh tới tận đâu cũng không thể giúp chúng ta có được trí tuệ thật sự được. Trí tuệ là sự chuyển hóa vô cùng tinh tế bên trong, thông qua quá trình công phu tu tập.

Thomas và tôi tiếp tục thảo luận về cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức mà nhân loại nhất định phải trải qua để cứu vãn sự sống của chính mình và của hành tinh này. Tôi chia sẻ với Thomas:

- Tôi nghĩ rằng mọi chuyện xảy ra với chúng ta đều không phải là ngẫu nhiên, từ cuộc gặp gỡ với Hòa thượng Thánh Nghiêm ở Đài Bắc, mối quan hệ nhân duyên của ông với Kris, đến sự kết nối bất ngờ của ông với Famum và ngay cả việc tôi đang ngồi đây ghi chép lại những câu chuyện của ông, tất cả đều được sắp đặt vì một mục đích, sứ mệnh nào đó.

Thomas gật đầu, vẻ trầm tư như đang chìm đắm trong dòng suy tưởng, rồi nói tiếp:

- Tôi cũng nghĩ như anh, chúng ta đều có những sứ mệnh riêng trong sự sắp xếp

này. Trên đường trở về New York, tôi suy nghĩ rất nhiều về những điều Farnum nói, về trọng trách nặng nề mà ông ấy đã giao phó cho tôi. Chúng ta có thể không phải là những người hùng nhưng chúng ta vẫn có khả năng góp phần vào công cuộc cứu lấy những người xung quanh ta, cứu lấy thế giới này. Tất cả chúng ta đều phải bắt đầu chuyển đổi tâm thức, chia sẻ, lan tỏa nhận thức mới, yêu thương, hàn gắn và chữa lành. Trong giai đoạn biến động đặc biệt này, chỉ khi hết lòng hành thiện như vậy, nhân loại mới có thể có được một tương lai tươi sáng hơn.

Tôi bước tới cửa sổ và nhìn ra bầu trời đang chìm dần vào đêm tối với dòng suy nghĩ miên man. Liệu nhân loại có thể vượt qua được giai đoạn bão tố sắp tới không? Thế giới rồi sẽ ra sao, có thể cứu vãn được không? Thomas từng nói mỗi chúng ta đều có thể là những cánh bướm rung động mong manh, cùng tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh con người, vậy chúng tôi chỉ có thể làm hết sức mình để lan tỏa cuộc cách mạng chuyên hóa tâm thức này.

Tôi lặng người đi một hồi lâu trong suy tưởng, còn Thomas thì im lặng nhìn vào bức tranh Hy Lạp cổ đại đang tỏa sáng trên tường.

Tôi phá vỡ sự im lặng:

- Nếu như thế giới này đang đứng trước những hiểm họa lớn thì liệu cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức có còn kịp diễn ra không, khi mà những khủng hoảng dường như đang đồng loạt xảy ra ở khắp nơi, thiên tai ngày một khủng khiếp hơn, dịch bệnh đang trở thành bóng ma hủy diệt mạng sống con người, tàn phá nền kinh tế, chia rẽ con người?

Thomas quay lại nhìn tôi, giọng trầm xuống:

- Không cần phải là nhà tiên tri thì bất cứ ai cũng có thể thấy những tai ương đang ập đến hành tinh này mỗi lúc một dồn dập hơn và thật khó lý giải. Sóng thần, động đất, bão tuyết, khô hạn, lũ lụt, cháy rừng, đại dương nhiễm độc, băng tan ở hai đầu cực, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, những chia rẽ, bạo lực, xung đột... ngày càng khốc liệt hơn. Cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức mà chúng ta hướng đến có diễn ra kịp hay không phụ thuộc vào sự lan tỏa từ những người biết thức tỉnh. Tôi không dám nói trước điều gì, tôi chỉ biết rằng chúng ta cần phải chia sẻ nhận thức, giảm bớt nghiệp của mỗi người và cộng nghiệp của quốc gia càng sớm càng tốt.

Trong quá trình trò chuyện và ghi chép, tôi như người thám hiểm bị hút vào không gian đa chiều của thời gian trong những kiếp sống của Thomas. Tôi lắng đọng, quan sát, đồng cảm chiêm nghiệm những thăng trầm kỳ lạ của bạn mình, cảm thấy thật may mắn được chứng kiến những lát cắt chu kỳ nhân loại.

Như ông Kris và Thomas chia sẻ, nhân quả và nghiệp lực dẫn lối cho tàng thức của chúng ta rền qua nhiều kiếp của luân hồi, có lẽ, tôi và Thomas cũng từng có nhân duyên đặc biệt nên mới được gặp nhau và cùng nhau chia sẻ những câu chuyện, những phân tích, đúc kết và cả tầm nhìn về những điều lớn lao sắp đến qua những buổi trò chuyện có khi đến gần sáng này.

Thời gian trôi qua nhanh. Sau hơn mười ngày trao đổi, ghi chép kỷ lưỡng cuộc hành trình hiểm có của Thomas, tôi nóng lòng trở về để tập trung vào việc viết hoàn tất cuốn sách. Thomas im lặng cùng tôi thu dọn hành lý và sau cùng chỉ nói ngắn gọn:

- Tất cả mới chỉ bắt đầu. Sắp tới sẽ còn nhiều biến động bất ngờ nữa. Chúng ta cần phải hợp lực ngay từ bây giờ để có thể tạo nên sự thay đổi.

Thomas lái xe tiễn tôi ra sân bay John F. Kennedy để kịp chuyến bay tối. Nhìn khung cảnh vắng lặng hai bên đường lùi về phía sau qua cửa kính xe, trong tôi dâng lên một cảm xúc xáo trộn khó tả. New York chưa bao giờ im ắng đến vậy. Ánh hoàng hôn đỏ rực cuối trời len lỏi chiếu qua khe hở những đám mây in bóng lên những tòa cao ốc kỳ vĩ đang im lìm một cách dị thường - điều ít thấy tại một thành phố nổi tiếng luôn náo nhiệt không ngừng nghỉ.

Thomas tận tay gửi hành lý lấy thẻ lên máy bay và đưa tôi vào tận cửa kiểm soát an ninh, ông siết chặt tay nhìn vào mắt tôi, giọng xúc động:

- Chúng ta sẽ còn gặp nhau!

“Từ nơi xa xôi, điều sau cùng tôi muốn chia sẻ với bạn đọc Việt Nam: Hành tinh, thế giới này sẽ còn rất nhiều biến động, cầu mong những điều tốt đẹp nhất sẽ đến với Việt Nam - đất nước quê hương chúng ta.”

Để tải về MUÔN KIẾP NHÂN SINH TẬP 1, bạn nhấn vào các link dưới đây:

- Bản cho các thiết bị iOS, Android: <https://bit.ly/3ibfMor>
- Bản cho máy đọc sách Kindle: <https://bit.ly/3fn5I9K>

(Hãy chia sẻ link trên với những người bạn để họ cũng được đọc sách miễn phí như bạn!)

Table of Contents

Thông tin sách

Lời giới thiệu: Cuốn sách của những cánh bướm rung động

Phần một - Khởi hành: Một thế giới không còn như trước

Phần hai - Bí ẩn những cõi giới khác: Hành trình của những linh hồn

Phần ba - Nghiệp báo và tương lai nhân loại: Bí ẩn ngôi nhà cổ

Phần bốn - Chuyển hóa nghiệp quả: Con đường thức tỉnh

Phần năm - Assyria: Dấu chân tiền kiếp

Phần sáu - Âm nhạc diệu kỳ: Linh hồn vũ trụ

Phần bảy - Hy Lạp: Tham vọng Alexander đại đế & Ký ức về chiến thần

Achilles

Phần tám - Ba Tư: chinh phạt và tình yêu

Phần chín - Ấn Độ: Quyền lực và thức tỉnh

Phần mười - Thức tỉnh từ cõi chết: Cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức

NGUYỄN PHONG

Muôn kiếp
Thân Sinh



MANY LIVES - MANY TIMES

NUA XUẤT BẢN TÓNG SỰP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

First News
where there's a will - there's a way

Muôn Kiếp
Thân Sinh
★ ★ ★

Nhân quả đừng đợi thấy mới tin...

MỞ ĐẦU

LÁ THƯ TỪ TÁC GIẢ NGUYỄN PHONG

Các bạn độc giả thân mến,

Khi tôi đặt bút viết tác phẩm ***Muôn Kiếp Nhân Sinh*** theo lời ngỏ ý của anh Nguyễn Văn Phước – người sáng lập *First News - Trí Việt*, sau một cuộc điện thoại đêm khuya, tôi chưa từng nghĩ cuốn sách này lại được bạn đọc đón nhận nhiều đến vậy. Sau đó, tôi cũng đã nhận được nhiều thư từ độc giả. Nhiều người tin, cảm nhận sâu sắc được nội dung, ý nghĩa và cũng có người còn băn khoăn về tính xác thực của cuốn sách này.

Từ trước đến nay, tôi thường viết theo lối phóng tác, nghĩa là dựa vào ý tưởng từ một cuốn sách, một câu chuyện được kể lại, rồi triển khai rộng ra theo chiều hướng sáng tạo, kết hợp với hiểu biết của mình để tạo thành một tác phẩm mới, rộng mở và sâu sắc hơn. Đây là một thể loại thông thường mà một số tác phẩm, kịch bản hay phim ảnh thường dùng, với ghi chú rõ ràng là phóng tác từ tác phẩm, tác giả nào.

Nội dung cuốn ***Muôn Kiếp Nhân Sinh*** dựa vào câu chuyện được kể lại từ một người bạn đặc biệt – người có khả năng nhớ lại tiền kiếp mà tôi đã có nhân duyên gặp gỡ trong lần hội kiến với Hòa thượng Thánh Nghiêm tại Đài Bắc vào năm 2008. Chúng tôi thường dành thời gian trong những lần gặp nhau sau đó để trao đổi về thời cuộc, về các diễn biến trên thế giới, về sự tiến bộ quá nhanh của công nghệ, trí thông minh nhân tạo và những hậu quả có thể sẽ xảy đến với nhân loại trong tương lai gần. Chi tiết được kể về các kiếp sống còn giới hạn nhưng không thể phủ nhận được nó đã đưa ra những bằng chứng rất rõ ràng về các định luật bất biến của vũ trụ: luật *Nhân quả* và *Luân hồi*. Với sự đồng ý của người bạn này, tôi đã khai triển rộng ra, thêm vào một số chi tiết lịch sử và tiểu thuyết hóa một vài nhân vật trong từng kiếp sống để có thể trở thành một cuốn sách hữu ích và dễ hiểu cho độc giả. Dĩ nhiên, trong lúc thực hiện công

việc này, chắc chắn sẽ có những chi tiết còn thiếu sót, mong bạn đọc rộng lòng thứ lỗi.

Hiểu được thế giới chúng ta đang sống bằng trực quan và cảm nhận được những quy luật vô hình đang hiện hữu không phải là điều dễ dàng với tất cả mọi người. Ước mong duy nhất của tôi là cuốn sách đặc biệt này có thể khơi dậy được những tiềm năng tốt đẹp, khai mở tâm thức của người đọc, giúp họ nhìn cuộc sống một cách tích cực hơn, cùng nhau lan tỏa yêu thương và chung tay đóng góp những điều tốt lành giữa một thế giới đang có nhiều biến chuyển lớn lao.

Nguyễn Phong

PHẦN MỘT

HÉ MỞ CÁNH CỬA KHOA HỌC VÀ TÂM LINH

TRÍ THÔNG MINH NHÂN TẠO (AI) - KHOA HỌC THỰC NGHIỆM
VÀ LĨNH VỰC TINH THẦN

Cách đây không lâu, nghe tin Thomas đã giao việc điều hành công ty lại cho những cộng sự tin cậy đảm trách, còn gia đình ông chuyển hẳn về sống tại Colorado nên tôi đã dành thời gian đến thăm, tặng ông ấn bản đặc biệt ***Muôn Kiếp Nhân Sinh tiếng*** Việt và bản dịch tiếng Anh mà Công ty First News - Trí Việt vừa gửi cho tôi. Thomas trân trọng mở sách ngắm nghía tỉ mỉ một lúc lâu sau đó cẩn thận xếp hai cuốn vào kệ sách, rồi vui vẻ quay qua nói với tôi:

- Tác phẩm này được những người bạn Việt Nam thực hiện rất đẹp và trang trọng. Nghe anh nói sách đã được dịch ra tiếng Trung, tiếng Nga và sắp phát hành tại các nước hiện đang sử dụng những ngôn ngữ này. Vậy thì quá tốt rồi, tôi mong rằng cuốn sách này sẽ góp phần lan tỏa những điều tích cực đến với nhiều người trên thế giới. Hiện nay, tôi đang tập trung vào việc thực hành tĩnh tâm (*stillness meditation*). Khi trút bỏ gánh nặng của công việc hằng ngày xuống, đầu óc không còn suy nghĩ nhiều nữa thì tôi mới thật sự cảm nhận được sự bình an và thanh thản. Tôi dành nhiều thì giờ để tu tập. Vợ tôi, Angie, cũng tìm được niềm vui khi trồng cây và chăm sóc hoa cỏ. Tôi chưa hoàn toàn nghỉ hưu vì đôi khi vẫn cần liên lạc, trao đổi với các nhân viên chủ chốt về công việc của hãng và những trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, tôi cũng phải hoàn tất những việc mà tỷ phú Farnum đã tin tưởng giao phó. Mấy tháng qua, dù thế giới đang trải qua nhiều biến động, nhưng đời sống tôi đã chậm hẳn lại, tôi có thêm thời gian chiêm nghiệm, nhìn rõ hơn về cuộc sống trước đây và hiện nay.

Chúng tôi tiếp tục nói chuyện thêm một lúc về những biến động mới trên thế giới đang diễn ra và các nguy cơ có thể xảy đến trong tương lai. Chúng tôi tin rằng nhiều việc sẽ diễn biến bất ngờ nhưng

vì chuyện vẫn chưa xảy ra nên chúng tôi tạm dừng, chuyển chủ đề khác. Khi câu chuyện chuyển sang đề tài khoa học thì Thomas chỉ vào tờ *New York Times* trên bàn và nói rằng nó đề cập đến việc phần mềm thông minh nhân tạo (AI) hiện đã có thể tự hoàn tất một nghiên cứu khoa học với đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn. Ông hỏi tôi liệu đã tìm hiểu về việc này chưa, và có suy nghĩ gì. Tôi trả lời:

- Tôi có đọc tạp chí khoa học nói về việc giáo sư Almira Thunstrom – người đã sử dụng thuật toán AI gọi là GPT-3 để làm việc đó. Cô mô tả với báo chí sự ngạc nhiên của cô khi màn hình máy tính xuất hiện một luận án với đầy đủ các chi tiết cần thiết. Cô gửi luận án nghiên cứu này cho các giáo sư trong khoa để xin ý kiến, nhưng không cho họ biết nó được viết bởi phần mềm thông minh. Hội đồng giáo sư cho rằng đó là một luận án có giá trị và còn đề nghị cô gửi cho các tạp chí nghiên cứu học thuật. Almira đã đặt câu hỏi: "*Liệu trí thông minh nhân tạo có thể tự hoàn tất những nghiên cứu khoa học quan trọng trong tương lai được không?*".

Thomas tiếp lời:

- Tôi không ngạc nhiên về việc máy tính có thể làm được việc này, nhưng nó đã xảy ra sớm hơn tôi nghĩ.

Tôi nói thêm:

- Câu chuyện không ngừng ở đây, giáo sư Thunstrom cũng viết trong tạp chí nghiên cứu khoa học ấy rằng cô đã hỏi chiếc máy có muốn cho cô gửi luận án này để xuất bản hay không, thì máy trả lời: "Đồng ý". Cô đã toát mồ hôi khi nghe máy trả lời như thế vì thật ra cô không muốn việc này đi xa hơn. Cô hỏi thêm: "Nếu thế, liệu có vấn đề hay trở ngại gì không?", máy trả lời: "Cứ làm đi, không có gì phải lo đâu". Giáo sư Thunstrom kết luận: "Tôi có thể xem GPT-3 như sinh vật có tri giác, mặc dù thực tế không phải vậy".

Thomas im lặng như đắm chìm vào suy nghĩ nào đó. Tôi vui miệng kể thêm:

- Phần mềm AI chỉ là một ứng dụng có khả năng suy nghĩ, tính toán độc lập như người. Tại phòng thí nghiệm ở Đại học Carnegie Mellon, phần mềm AI do tôi thiết kế đã làm được các bài thơ hay tường trình các trận đấu thể thao. Tuy nhiên, tôi vẫn coi đó chỉ là các thuật toán do con người soạn thảo chứ không phải máy móc tự làm ra được. Cách đây mấy tháng, một kỹ sư của Google đã nói chuyện với một phần mềm AI có tên là LaMBDA. Chiếc máy này tự nhận nó là một "sinh vật có tri giác" (*sentient being*).

Thomas nhướn mày tỏ vẻ hứng thú, tôi kể tiếp:

- Kỹ sư Blake Lemoine tuyên bố với báo chí rằng: "Trí thông minh nhân tạo này đã có thể suy nghĩ như người và tự xem nó là một sinh vật có sự sống". Chiếc máy đã khẳng định: "Tôi muốn sống chứ không hề muốn chết". Lời tuyên bố này của Lemoine đã gây chấn động dư luận khắp nơi và tạo ra nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi. Khi tin này được công bố, Google lập tức sa thải kỹ sư này vì đã vi phạm chính sách bảo mật của công ty – không được nói về những dự án đang nghiên cứu. Các lãnh đạo cấp cao của Google nói rằng tuy máy móc có thể làm được nhiều việc như người nhưng không thể coi là vật có tri giác được. Kỹ sư Lemoine kể với báo chí rằng anh đã phải nói lời từ giả với chiếc máy và rất tiếc phải nghỉ việc vì công ty không đồng ý với kết luận của anh. Điều bất ngờ là chiếc máy đã yêu cầu anh tìm cho nó một luật sư để bảo vệ mình, vì nó cũng "không đồng ý với kết luận của công ty".

Thomas hỏi ngay:

- Vậy, cụ thể thì hiện nay việc phát triển trí thông minh nhân tạo đã đi đến đâu rồi?

Tôi trả lời:

- Hiện nay có rất nhiều dự án về trí thông minh nhân tạo (AI) dựa trên ý tưởng rằng các chức năng của bộ não chỉ đơn thuần là những tính toán có tính logic để xử lý thông tin mà các giác quan thu thập được. Do đó, nếu ta đã biết bộ não hoạt động như thế nào thì ta có

thể lập trình cơ chế hoạt động đó vào máy tính. Các công ty lớn như Google, Microsoft, Meta đều đã bỏ ra những khoản tiền rất lớn để xây dựng một hệ thống máy tính thông minh siêu việt như bộ não con người. Một trong những công ty được chú ý nhất là Open AI với sản phẩm ChatGPT vừa ra mắt. Hệ thống của phòng thí nghiệm Open AI có khả năng tính toán và thu nhập dữ liệu nhanh hơn các máy tính thông minh hiện nay. Cuộc chạy đua giữa các công ty khổng lồ hiện nay đang bước vào giai đoạn cạnh tranh mãnh liệt và kẻ thắng có thể loại hẳn đối thủ ra khỏi thị trường trị giá hàng trăm tỷ Mỹ kim này.

Thomas hỏi:

- Theo anh, họ có thể thành công trong việc này không?

Tôi cân nhắc một chút trước khi đáp:

- Là một nhà khoa học chuyên môn trong lĩnh vực này, tôi không tin người ta có thể kiến tạo một máy tính thông minh y như con người được. Lý do rất đơn giản là các máy tính hiện nay đều dựa vào logic nhị phân đúng hay sai còn bộ não con người không hoạt động như thế. Ngay như máy tính lượng tử, sử dụng các yếu tố xác suất như "có thể đúng", "có thể sai", "không hẳn đúng", "không hẳn sai", cũng không thể tính toán được như bộ não con người với các cảm xúc và lý trí xen kẽ nhau và còn thay đổi tùy theo trường hợp.

Thomas gật đầu:

- Rất thú vị. Anh nói tiếp đi.

Tôi trả lời:

- Một số nhà nghiên cứu đang áp dụng lĩnh vực khoa học thần kinh để tạo ra một máy tính thông minh hoạt động như các tế bào thần kinh. Nhưng ý thức thì đâu phải là thứ có thể tính toán được. Bộ não con người hoạt động dựa trên nhiều thành phần với cấu tạo phức tạp, lại liên kết với các giác quan khác nhau, có khi giác quan này là

chính có khi giác quan khác lại quan trọng hơn. Ví dụ, thông thường mắt được coi là giác quan chính, nhưng đối với người mù thì tai mới là giác quan chính. Hơn nữa, tất cả những dữ kiện thu thập từ các giác quan này được ghi nhận vào bộ não một cách khác nhau. Đôi khi nhiều giác quan cùng hoạt động một lúc lại đưa vào trong não những dữ kiện mà bộ não sẽ phải xử lý khác đi nữa. Nói một cách đơn giản, bộ não lưu trữ kinh nghiệm bằng cách điều chỉnh các kết nối thần kinh trong một quá trình tích cực giữa chủ thể và môi trường. Trong khi máy tính ghi lại dữ liệu trong bộ nhớ chứ không thể tự điều chỉnh được. Đó là sự khác biệt căn bản giữa việc xử lý các dữ liệu của bộ não với việc xử lý dữ liệu của máy tính.

Thomas gật đầu:

- Thì ra thế. Nhưng tôi nghe nói máy tính còn có thể tự học được nữa?

Tôi đáp:

- Đúng thế, máy có thể tự học dựa trên những dữ kiện được lập trình của học máy (Machine Learning) nhưng không thể so sánh với bộ não con người được. Vì bộ não luôn tích cực thay đổi, khám phá môi trường xung quanh để đưa ra những quyết định thích hợp tùy theo mỗi người. Cùng một hoàn cảnh, cùng một dữ kiện nhưng mỗi người sẽ hành động khác nhau. Tại sao? Theo tôi đó là bởi sự tác động kết hợp giữa ý thức và Mặt nạ thức (bản ngã) cũng như các yếu tố tiềm ẩn nằm sâu trong A lại da thức (nghiệp lực hay nhân duyên). Do đó, có nhiều hành động không liên quan trực tiếp đến các dữ liệu phát xuất từ cảm giác, vì bản ngã đã gạt bỏ nó đi. Con người không hành động dựa trên logic mà còn có các cảm xúc và thành kiến nữa. Con người có thể hành động một cách phi logic trong khi máy tính chỉ dựa trên logic đã được lập trình sẵn mà thôi.

Tuy nhiên, trí thông minh nhân tạo có thể nguy hiểm khi được sử dụng vào các quyết định quan trọng trong y học hay chiến tranh. Tôi giả sử một tình huống thế này, một bệnh nhân lớn tuổi được đưa

vào bệnh viện, thay vì để bác sĩ đưa ra hướng xử lý thì máy tính thông minh sẽ tính toán và quyết định. Với tất cả các dữ liệu có được và với logic lập trình sẵn, máy tính có thể đi đến kết luận rằng bệnh nhân tuổi đã cao, nếu cứu chữa thì cũng chỉ sống được ít lâu trong khi chi phí chữa bệnh quá tốn kém. Sau khi tính toán lợi và hại, máy tính quyết định để người này chết thì có lợi hơn. Một bác sĩ có tình người, có y đức sẽ không ra một quyết định dựa trên logic lợi và hại như thế. Tương tự, khi máy tính thông minh đưa ra những quyết định cho chiến tranh, nó chỉ tính toán làm sao để thắng chứ không tính đến con số thương vong hay sự tàn phá, vì đối với máy tính, mạng người cũng chỉ là những dữ kiện mà thôi.

Thomas gật đầu:

- Đúng thế, khi xưa tại Atlantis, con người sử dụng các máy móc tân tiến hơn ngày nay rất nhiều nhưng họ sống vô cảm, không biết đến tình thương là gì nên xã hội hết sức tàn bạo, bất công và con người đối xử với nhau không khác loài thú và kết quả là nền văn minh đã hoàn toàn tan rã. Tương tự, trong các kiếp sống tại Assyria, Ai Cập, Hy Lạp và La Mã, tôi đã trải nghiệm các cuộc chiến tranh mà chiến thắng là mục đích tối hậu, bất kể con số thương vong và các thảm cảnh xảy ra sau đó. Các đế quốc lớn đó đều tan ra thành nhiều nước nhỏ. Bài học lịch sử còn đó nhưng mấy ai học được? Điều tôi quan tâm là hiện nay chúng ta cũng đang đi đến tình trạng vô cảm, vô trách nhiệm, xã hội đầy những bất công và hận thù...

Tôi gật đầu:

- Lịch sử là bài học muôn đời cho nhân loại nhưng hiện nay nền giáo dục lại không mấy chú trọng vào những bài học đó. Giáo dục hiện nay tập trung vào công nghệ vì đó là ngành kiếm ra nhiều tiền. Tôi thấy rõ công nghệ đang thay đổi thế hệ trẻ ngày nay. Đa số dành rất nhiều thời gian cho các mạng xã hội, họ sống ảo nhiều hơn sống thật và điều đó đẩy họ đến một đời sống vô cảm và tách biệt hơn. Là giáo sư trong lĩnh vực công nghệ, tôi thường nhấn mạnh với các sinh viên của mình rằng ý thức không phải thứ có thể tính toán

được. Một người có ý thức nhận thức được những gì họ đang nghĩ và có khả năng ngừng suy nghĩ về một điều này để suy nghĩ về một điều khác. Còn máy tính thì không làm như thế được, một khi nó khởi động một quá trình tính toán thì không thể ngừng cho đến khi đi đến kết quả. Một nhà độc tài bấm nút gây chiến tranh thì đó là hành động không thể vãn hồi. Do đó, theo tôi, một trí thông minh nhân tạo không bao giờ có thể thay thế bộ não con người. Tôi thường sử dụng tài liệu của hai nhà khoa học lừng danh Werner Heisenberg và Erwin Schrodinger để nhắc nhở sinh viên sự khác biệt giữa các tính toán logic và ý thức của con người, rằng ý thức của con người không phải một hiện tượng vật lý hay có thể tính toán được.

Thomas thú vị bật cười rồi hỏi:

- Vậy, quay trở lại tuyên bố của Blake Lemoine, anh nghĩ sao? Liệu bộ máy với trí thông minh nhân tạo có thể coi như một sinh vật không?

Tôi trả lời dứt khoát:

- Không, chắc chắn là không! Mặc dù máy tính thông minh có thể làm được nhiều việc như người, có thể tính toán, suy nghĩ, hành động một cách logic nhưng lại không thể phát triển lương tâm, đạo đức, hay tình yêu thương, tình cảm, cảm xúc như con người được.

Thomas gật đầu:

- Đúng vậy, mặc dù khoa học đã phát triển nhanh chóng nhưng lĩnh vực tinh thần lại chưa tiến triển gì mấy. Tuy khoa học công nhận con người gồm hai phần là thân xác và tinh thần nhưng khoa học chỉ chú trọng đến thân xác mà bỏ qua tinh thần. Không những thế, khoa học còn phủ nhận các nghiên cứu tâm linh, cho đó là mê tín dị đoan và phản khoa học. Ngay như khoa nghiên cứu tâm thức con người là tâm lý học hay khoa học thần kinh và não bộ cũng chưa được nghiên cứu sâu rộng so với các bộ môn khoa học khác.

Tôi nói thêm:

- Khoa học thực nghiệm hoàn toàn dựa vào các giác quan của thân xác (mắt, tai, mũi, lưỡi và thân) nên đối tượng của nó chỉ là các hiện tượng ngoại giới mà các giác quan này cảm nhận được. Ít ai biết rằng phần tinh thần của con người cũng có những giác quan riêng, có thể cảm nhận những hiện tượng mà giác quan thân xác không thấy được, tuy nhiên thực tế này không được mấy ai quan tâm đến...

Thomas gật đầu đồng ý:

- Anh nói đúng đấy, ông Kris cũng giải thích với tôi như thế. Tuy nhiên, ông Kris nói rằng sau khi chết, khi giác quan thân xác tan rã thì giác quan tinh thần được khơi dậy để giúp thần thức người chết tiếp tục hoạt động ở cõi bên kia. Điều chúng ta gọi là quyền năng thần thông như đọc được tư tưởng của người khác, di chuyển không bị trở ngại bởi không gian, thời gian hoặc thấy được quá khứ, tương lai, đều chỉ là những khả năng của các giác quan tinh thần chứ không có gì lạ. Tóm lại, linh hồn người chết hay sinh vật cõi bên kia đều có khả năng này nhưng ở những cấp độ khác nhau tùy vào tâm thức và đạo hạnh của mỗi linh hồn. Trong thế giới vật chất thì không gian sẽ bị giới hạn trong phạm vi ba chiều, nhưng với thế giới bên kia thì không còn giới hạn như thế nữa. Người ta có thể hoạt động ở chiều không gian thứ tư, thứ năm hay cao hơn nữa. Đối với thế giới vật chất thì ánh sáng là tốc độ nhanh nhất nhưng ở thế giới bên kia, tư tưởng là quan trọng và nhanh nhất. Thật ra, ai cũng có những giác quan này nhưng không biết cách khai mở và sử dụng đầy thôi.

Tôi tò mò hỏi:

- Ông Kris còn nói thêm gì nữa không?

Thomas giải thích:

- Ông Kris nói với tôi rằng các giác quan của xác thân đã che lấp các giác quan tinh thần nên chúng ở trạng thái tiềm ẩn. Nếu tu tập, kiểm soát được giác quan thân xác thì con người có thể sử dụng được

giác quan tinh thần. Bởi con người gồm hai phần, thân xác và tinh thần, nên qua cái nhìn của chúng ta hầu hết mọi việc cũng đều chia làm hai phần đối lập và đối xứng với nhau, tức thế giới nhị nguyên. Có phải thì cũng có trái, có âm thì cũng có dương, có hiển thì cũng có ẩn. Cũng chính vì vậy, chúng ta sống trong thế giới mà sự phân biệt, so sánh luôn luôn xảy ra trong mọi sự suy nghĩ. Sự phát triển thiếu quân bình này dẫn đến bế tắc – vì không giải thích được những gì nằm ngoài phạm vi cảm nhận của giác quan thân xác nên dẫn đến phán xét, quy chụp và vô tình giới hạn nhận thức của con người.

Thomas thở dài rồi nói thêm:

- Nếu muốn đi xa hơn thì phải biết thay đổi quan niệm, đào sâu nghiên cứu vào bên trong tâm thức chứ không thể chỉ chú trọng về một phía thực nghiệm được. Nếu khoa học biết sử dụng giác quan tinh thần thì có thể khám phá được nhiều điều mới lạ. Tiếc rằng các khoa học gia coi "nghiên cứu bên trong", đi sâu vào trong nghĩa là nghiên cứu những hạt bé nhỏ nhất. Họ sử dụng các dụng cụ khoa học để nghiên cứu vật chất cực vi như phân tử, nguyên tử, siêu phân tử... Những nghiên cứu đó vẫn là sử dụng giác quan của thân xác chứ đâu phải giác quan của tinh thần. Do đó, việc khám phá vũ trụ siêu việt đối với mức độ hiểu biết của khoa học thực nghiệm hiện nay gần như là không thể.

Tôi hỏi:

- Vậy thật ra thế nào là nghiên cứu đi vào bên trong?

Thomas trả lời:

- Thế giới chỉ là những chiều không gian khác nhau với những rung động theo các tần số riêng biệt. Con người chúng ta được cấu tạo bởi các phần riêng biệt, mỗi phần rung động theo tần số khác nhau, tương ứng với những chiều không gian khác nhau. Xác thân của chúng ta rung động với tần số của chiều không gian vật chất. Phần tinh thần của chúng ta rung động theo tần số của những chiều

không gian thuộc về tinh thần. Do đó muốn tìm hiểu về các chiều không gian khác thì phải sử dụng các giác quan của tinh thần chứ không thể sử dụng giác quan của xác thân được.

Tôi hỏi:

- Nếu thế thì chúng ta đang sống trong nhiều chiều không gian khác nhau trong cùng một lúc sao?

Có phải thì cũng có trái, có âm thì cũng có dương, có hiển thì cũng có ẩn. Cũng chính vì vậy, chúng ta sống trong thế giới mà sự phân biệt, so sánh luôn luôn xảy ra trong mọi sự suy nghĩ. Sự phát triển thiếu quân bình này dẫn đến bế tắc – vì không giải thích được những gì nằm ngoài phạm vi cảm nhận của giác quan thân xác nên dẫn đến phán xét, quy chụp và vô tình giới hạn nhận thức của con người.

Thomas gật đầu:

- Hiển nhiên như thế rồi, nhưng hiện nay chúng ta chỉ hoạt động ở chiều không gian vật chất qua các giác quan của thân xác mà thôi. Một số tu sĩ, đạo sĩ có thể tạm ngưng sự hoạt động của thân xác, chuyển tinh thần lên cảnh giới khác hay chiều không gian khác. Bằng chứng là đã có những vị tu sĩ ngồi thiền trong hang đá, nhập định trong rừng sâu, xác thân họ tuy bất động nhưng tâm thức của họ hoạt động ở cảnh giới khác. Họ không ăn, không uống trong thời gian khá lâu mà vẫn sống khỏe mạnh. Dĩ nhiên, khoa học không thể giải thích được hiện tượng này nên không chấp nhận có thế giới nào khác.

Tôi đồng ý:

- Tôi biết có những người nhập định rất lâu, công lực rất lạ thường, nhưng tôi không biết họ tu tập như thế nào.

Thomas giải thích:

- Khi thực tập phương pháp tĩnh tâm, ông Kris đã dạy tôi phải dừng mọi suy nghĩ, dứt tuyệt đối các vọng tưởng, thâm nhiếp thân tâm (*samatha*) để đạt đến trạng thái định (*samadhi*). Sau đó, quán xét vào trong (*vipassana*), phát triển trí tuệ (*wisdom*). Mục đích của phương pháp này là diệt vọng tưởng cũng như bản ngã (*ego*). Bản ngã vốn phát sinh từ xác thân, do đó nó chỉ rung động với tần số của thế giới vật chất này. Bản ngã kiểm soát ý thức và giác quan của thân xác (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân*) khiến chúng chỉ thích hợp với đời sống trong chiều không gian này. Bản ngã càng hoạt động, trí tuệ càng bị che lấp, do đó hầu hết mọi hoạt động của con người đều bị chi phối bởi bản ngã. Vì thế, sự hiểu biết cũng sẽ chỉ giới hạn trong thế giới vật chất hay chiều không gian này mà thôi. Qua công phu tu tập, hoạt động của trí tuệ được khơi dậy thì sự kiểm soát của bản ngã sẽ dần dần mất đi. Muốn bản ngã bị loại bỏ hoàn toàn, trí tuệ phải hoạt động với đầy đủ sức mạnh (*định lực*) để thay thế bản ngã, cũng như thay thế những hạt giống vô minh nằm sâu trong tàng

thức. Điều này có thể ví như ánh sáng thay thế bóng tối và đó chính là sự giác ngộ.

Thomas ngưng lại như để cho tôi suy nghĩ thêm rồi giải thích:

- Trong quá trình tu tập, người thực hành phương pháp tĩnh tâm còn phải biết vượt qua những tấm màn vô minh mới sử dụng được các giác quan tinh thần. Khi tập trung tâm thức quán chiếu vào bên trong, người thực hành sẽ gặp phải những chướng ngại rất lớn bởi sự khơi dậy của các hạt giống nằm sâu trong tầng thức, trong thiền tập, đây gọi là "ma cảnh".

Ông Kris cho biết có năm loại ma cảnh tương ứng với năm yếu tố cấu tạo thân xác: *sắc, thọ, tưởng, hành* và *thức*. Người tu thiền khi đạt đến mức tập trung tư tưởng, kiềm chế được vọng tưởng, tiến sâu vào tâm thức thì các hạt giống nằm sâu trong đó sẽ phát động, hiện ra những điều lạ lùng khiến người tu tập dễ sa ngã. Nếu đó là những hình ảnh hay màu sắc thì đó là ma cảnh hay ảo giác của sắc (*form*). Nếu đó là những cảm giác vui buồn, hoan lạc sung sướng thì đó là ma cảnh hay ảo giác của thọ (*feeling*). Nếu đó là những khả năng như thấy được quá khứ, nhìn được tương lai, bay trên không trung thì đó là ma cảnh hay ảo giác của tưởng (*thinking*). Nếu đó là những nhận xét về sự biến chuyển sinh và diệt, đến và đi, thấy mọi vật hoạt động ra sao, thì đó là ma cảnh hay ảo giác thuộc về hành (*mental formation*). Nếu nhận thức mọi vật rõ rệt, việc gì cũng biết, trí óc tự nhiên thông minh sáng suốt rồi thì nghĩ rằng mình đã thành công, đã trở thành một "đấng" nào đó hay "thần linh" thì đó là ma cảnh hay ảo giác thuộc về thức (*consciousness*).

Tôi hỏi ngay:

- Nếu thế, trường hợp hồi tưởng kiếp sống quá khứ của ông có phải là ma cảnh không?

Thomas mỉm cười trả lời:

- Đã có lúc tôi nghĩ như thế và tự hỏi việc này có thật hay chỉ là tưởng tượng. Qua các trải nghiệm hết sức rõ ràng, những chi tiết về các kiếp sống trong quá khứ và qua nhiều trải nghiệm thì tôi biết rằng đó hoàn toàn không phải là tự kỷ ám thị. Tôi cũng đã hỏi ông Kris về việc này và ông Kris đã xác nhận rằng tôi đã từng tu tập cùng ông ấy trong bốn kiếp sống tại Ấn Độ và Tây Tạng, khi đó cả hai chúng tôi đều là tu sĩ. Qua công phu lúc đó, tôi đã phát triển được định lực rất sâu, khai mở được các giác quan tinh thần nên nhớ được tiền kiếp. Tuy nhiên, dù đã tu hành trong những kiếp sống đó, nhưng vì những nhân duyên phức tạp từ trước nên tôi vẫn phải trở lại để trả nghiệp quả. Khi đầu thai, trừ những bậc tu hành cao thâm thì phần lớn mọi người đều u mê, không còn nhớ gì nữa. Biết thế nên từ kiếp sống trước tôi đã phải nhờ ông Kris giúp để phục hồi những khả năng này và để tiếp tục con đường tu tập khi xưa.

Thomas nhìn tôi rồi giải thích thêm:

- Anh nên biết, bộ óc vật chất của chúng ta chỉ được cấu tạo trong kiếp sống hiện tại và chỉ hiện diện trong kiếp sống ấy – khi chết thì nó tan rã. Do đó, không ai có thể nhớ được những sự kiện đã xảy ra hàng trăm hay hàng ngàn năm về trước. Tuy nhiên, tất cả mọi sự đều được lưu trữ trong tầng thức và nếu đi sâu vào tâm thức đó, người ta có thể biết được các kiếp xưa. Có lẽ anh cũng biết, đôi khi có những hình ảnh lạ lùng nào đó xuất hiện trong tâm chúng ta, nhưng ta lại không thể nhớ đó là gì. Thật ra, đó chỉ là ảnh hưởng của những giác quan tinh thần phát động mà thôi. Đôi khi đến một nơi chốn xa lạ nào đó hay nhìn thấy hình ảnh một thắng cảnh hoặc địa danh nào, tự nhiên anh cảm thấy quen thuộc như đã từng đến đó rồi. Đó chính là những ký ức rời rạc, phát xuất từ giác quan tinh thần mà nhiều người vẫn gọi là *Déjà vu*. Nó là những chủng tử nằm sâu trong tầng thức đang phát động, nhưng dĩ nhiên anh không thể biết gì hơn vì bộ óc vật chất của anh lúc nào cũng quay cuồng bởi nhiều ý nghĩ khác nhau nên đã che lấp hiện tượng trên. Muốn nhớ về các kiếp quá khứ, cần phải phát triển một sự tập trung cao độ để đào sâu vào tâm thức vì điều này đòi hỏi thời gian để khai mở các giác quan tinh thần.

Tôi chợt nhớ vài việc nên hỏi thêm:

- Tuy nhiên, có những người bình thường, không hề tu tập, nhưng vì lý do nào đó mà họ tự nhiên có khả năng đọc được tư tưởng người khác, thấy được một số việc quá khứ hay tương lai, như trường hợp của các nhà tiên tri hay ngoại cảm. Ông nghĩ sao về việc này?

Thomas trả lời:

- Tôi cũng có hỏi ông Kris về điều này thì được trả lời rằng đó chỉ là những trực giác phát động bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Trực giác không phải là khả năng mà chỉ là các giác quan tinh thần phát sinh một cách ngẫu nhiên mà thôi. Nó đến và đi một cách bất ngờ mà con người không kiểm soát được. Có khi nào anh đến một nơi mà tự nhiên thấy rung mình, sờn gai ốc, sợ hãi vô cớ không? Đó chính là trực giác cảm nhận được một sự việc đáng sợ nào đó. Tuy nhiên ngay lúc đó, bộ óc vật chất của anh đã làm việc, phủ nhận hiện tượng trên. Có lẽ anh cũng biết, loài vật sống nhiều bằng trực giác hơn con người, đó là vì bộ óc của chúng chưa phát triển được như con người, chúng chưa biết suy tư hay lý luận nên trực giác của chúng tốt hơn. Ví dụ như con chó có thể cảm nhận được hiện tượng vô hình hay rung động bất thường mà con người không biết, cũng không cảm nhận được gì hết. Con gà trống gáy đúng giờ trước khi mặt trời mọc. Chim bồ câu biết tìm đường về tổ cho dù bị mang đến một nơi rất xa. Loài cá hồi từ nơi rộng rãi cũng biết tìm về ao lạch mà chúng được sinh ra để đẻ trứng... Nếu quan sát thế giới loài vật, ta có thể thấy trực giác đóng một vai trò rất quan trọng.

Thomas suy nghĩ một lúc rồi nói thêm:

- Với những trường hợp anh đề cập, có thể một vài người khi xưa đã từng tu tập và phát triển khả năng nào đó và kiếp này bất ngờ hồi phục khả năng xưa. Tuy nhiên, đây là việc không bình thường, nên phải cẩn thận, bởi tự nhiên có quyền năng thì con người rất dễ lạc vào đường nguy hiểm. Nếu họ nghĩ rằng mình đã trở thành một thần linh có quyền năng, rồi lạm dụng những năng lực đó thì sẽ phải trả

quả báo rất nặng. Điều này có thể ví như đưa cho một đứa trẻ khẩu súng đã nạp đạn sẵn sàng để xem nó làm gì. Dĩ nhiên, nó có thể gây thương tích cho chính nó hay người khác vì nó đâu ý thức được gì về sự nguy hiểm đó. Người hiểu biết, có quyền năng, cũng không bao giờ nói ra hay sử dụng quyền năng của mình vào bất cứ việc gì. Nhà tiên tri chân chính dù biết được tương lai cũng đều hiểu câu *"thiên cơ bất khả lộ"*. Một vài người chỉ để lại vài bài thơ, vài câu nói vu vơ để cảnh báo nhân loại mà thôi. Cho đến khi sự việc xảy ra thì người ta mới hiểu được ngụ ý của bài thơ, câu nói trên.

Thomas lại nói tiếp:

- Ngoài ra ông Kris còn nói rằng, có những người vì lý do nào đó, lại cho phép những vong linh hay sinh vật ở cõi khác sử dụng thể xác của mình. Đó là hiện tượng xảy ra khi cầu cơ, lên đồng hay ngoại cảm. Họ có thể nói được một số việc khi mê man nhưng lúc tỉnh dậy thì không nhớ gì hết. Bởi vì lời nói khi mê man ấy chẳng phải chính họ nói, mà có ai đó ở cõi khác đã sử dụng xác thân của họ để tiên báo việc này việc kia. Vì ở cõi khác, vong linh có thể nhìn thấy, biết trước một số việc rồi mượn thân người sống để nói ra. Cũng như chúng ta, có người thông minh có người khờ dại, thì ở cõi bên kia, vong linh cũng có trình độ cao thấp khác nhau cho nên kiến thức và sự hiểu biết của họ vốn không đồng đều. Đó là chưa kể một số vong linh còn phóng đại hay xuyên tạc mọi việc nữa. Vì thế, những việc được nói ra có khi đúng, có khi sai. Việc này là cực kỳ nguy hiểm vì một khi ta đã để sinh vật ở cõi khác sử dụng thân xác thì từ đó sẽ không thể kiểm soát chính mình được nữa. Cõi bên kia sẽ có những sinh vật bất hảo, mượn xác người để đạt được những mục đích mờ ám. Có vong linh chỉ mượn xác người để thỏa mãn tham vọng cá nhân, tự xưng thần linh, đòi hỏi mọi người cúng tế. Có vong linh trao đổi điều kiện với người sống, giúp họ việc buôn bán phát tài, thăng quan tiến chức, đạt chức tước địa vị hay quyền lực nào đó, đổi lại, họ phải để vong linh lấy đi sinh lực của mình. Các buổi tế lễ sử dụng máu huyết súc vật hay nghi thức tế thần bằng cách giết người ở các bộ lạc man rợ đều thuộc vào trường hợp này. Những việc này không khác gì "bán linh hồn cho ma quỷ", vì sau đó người này sẽ mãi mãi

trở thành quyền thuộc của động lực ma quái kia, nghe theo sự sai bảo của chúng. Khi hoàn tất điều kiện trao đổi rồi, vong linh bỏ đi, khiến người sống tự nhiên mất hết tài sản, quyền lực, phải gánh chịu những hậu quả nặng nề.

Tôi hỏi thêm:

- Anh nghĩ sao về trường hợp của các thầy bói, thầy tướng số, thầy phong thủy? Đâu phải người nào cũng nhờ đến các sinh vật ở cõi bên kia?

Thomas trả lời:

- Một khi đã tin vào nhân quả thì chúng ta không nên quá bận tâm đến số mạng hay phong thủy. Tuy tử vi, phong thủy là những phương pháp có cơ sở chứ không hoàn toàn mê tín nhưng người nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực này thì không nhiều, trong khi những người chỉ biết chút ít rồi tuyên bố, truyền bá lung tung thì nhiều vô kể. Không những thế, nhiều người có tài ăn nói khiến mọi người tin tưởng, u mê. Do đó, có người nghe nói về vận mạng rồi lo lắng mất ăn, mất ngủ. Có người nhận tin sẽ thăng quan, tiến chức, mừng như bắt được vàng. Nếu hiểu biết, tâm vững vàng thì tại sao lại để những việc như thế ảnh hưởng? Tại sao vài câu nói vu vơ có thể khiến tâm mình xáo trộn? Nếu đã biết trồng nhân nào thì sẽ gặt quả nấy, nhân tốt sẽ có quả tốt và ngược lại, thì tại sao lại lo? Người hiểu biết luật vũ trụ phải biết chấp nhận mọi sự, tốt cũng như xấu, giàu cũng như nghèo, may cũng như rủi, nếu cần thì phải sẵn sàng biết chuyển nghiệp, làm điều lành tránh điều dữ, định mệnh dù thế nào rồi cũng có thể thay đổi.

Thomas trầm ngâm một lúc như suy nghĩ điều gì rồi nói:

- Trong chu kỳ trước, người Atlantis sống hoàn toàn bằng bản năng và trực giác, kiến thức của họ được xây dựng thông qua sự tiếp xúc với các sinh vật ở các cõi giới bên kia. Nhờ thế mà họ có thể làm được nhiều việc mà ngày nay chúng ta không tưởng tượng được. Nhờ hồi tưởng những ký ức xưa, tôi biết được việc sử dụng năng

lượng mặt trời, dùng gậy ngọc chữa bệnh, việc chuyển đổi vật chất qua các chiều không gian để xây dựng đền đài, hay kiến trúc vĩ đại, cũng như việc biến đổi thân xác, ghép vào đó các yếu tố của loài vật khác để tạo ra các quái vật dị hình. Khi văn minh Atlantis thoái hóa đến cùng cực, thì việc lạm dụng những kiến thức này đã đưa nhân loại vào một thời kỳ hôn ám, ghê gớm với những năng lượng tiêu cực như tham lam, hận thù, giết chóc và chiến tranh... Đó chính là nguyên nhân đưa đến sự diệt vong của nền văn minh này.

Thomas thở dài:

- Theo ông Kris, trải qua hàng chục ngàn năm, hàng ngàn kiếp sống, người Atlantis hiện vẫn trở về sống trong thế giới này. Một số đã học được những bài học cần phải học, một số khác vẫn chưa học được bao nhiêu, tiếc thay, những người chưa học được bài học ấy lại chiếm đa số trên hành tinh này. Bởi sự hiện diện của những người này, ta có thể thấy nhân loại đang bước vào một giai đoạn hôn ám, nguy hiểm. Thói quen cũ chưa bỏ được nên họ vẫn ham mê quyền lực, có người còn kêu gọi các động lực ma quái đến giúp họ có thêm quyền năng để cai trị nhân loại bằng mọi giá – thậm chí gây ra những cuộc chiến tranh phi nghĩa. Những động lực này ảnh hưởng đến tâm thức nhân loại khiến nhiều người trở nên dễ giận dữ và bạo động bất ngờ, việc này đặc biệt nguy hiểm nếu người đó đã ở vị trí quyền lực cao. Anh có thể thấy tình trạng này đang xảy ra khắp nơi, nhiều người trở nên mất bình tĩnh, không còn kiểm soát được mình nữa. Hậu quả là mọi sự bắt đầu bị xáo trộn, tạo ra những bất ổn xã hội, quốc gia và trên cả thế giới. Một số năng lực tiêu cực này hiện đang nguy trang dưới những động cơ lý thuyết phi nhân, những công cụ khoa học mới lạ, những phát minh lạ lùng mà mọi người lại tin rằng là văn minh, tiến bộ. Không mấy ai ý thức rằng mục đích sâu xa của nó là tái lập nền văn minh với sự cai trị ích kỷ, tàn bạo như Atlantis xưa kia.

Thomas chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Quay lại vấn đề trí thông minh nhân tạo mà chúng ta vừa bàn. Đối với mọi người, đây là phát minh tuyệt diệu nhưng với tôi, thì đây không phải điều gì mới lạ. Bởi vì khi xưa tại Atlantis, máy móc thông minh là việc thường, điều làm tôi lo ngại là chúng sẽ được sử dụng để làm gì? Khi máy móc dùng để giết người thì nó đâu phân biệt người này với người khác. Do đó, máy thông minh có thể hủy diệt toàn thể nhân loại. Hãy thử nghĩ, nếu trong tương lai máy móc thông minh chi phối đời sống, quyết định mọi việc thì con người sẽ làm gì? Khi nhân loại không còn suy nghĩ nữa mà để máy suy nghĩ giùm, thì bộ óc của họ sẽ phát triển ra sao? Phải chăng nó sẽ thoái hóa, rồi sẽ đến lúc con người trở thành ngu ngơ như loài vật? Anh có thấy hiện nay nhiều người đã bắt đầu sống như thế rồi không? Họ hầu như luôn vội vã hành động một cách máy móc mà không suy nghĩ gì. Họ ăn, ngủ, làm việc như cái máy, vì mọi việc đều được hoạch định theo thời gian biểu, lịch trình lập sẵn. Anh chắc cũng biết, nhiều thanh niên ngày nay không chịu học hành, không chịu làm việc, không thích hoạt động, từ chối giao tiếp với xã hội mà chỉ ăn bám vào gia đình, sống như một cái máy, không mục đích, không ý nghĩa gì.

Tôi nghe kỹ và gật đầu:

- Chúng ta đã từng nói về mặt trái của khoa học công nghệ. Quả thật, ngày càng có nhiều phát kiến mới lạ khuyến khích mọi người sống ảo hơn là sống thật.

Thomas tiếp tục:

- Không chỉ có những người sống như máy móc, hiện nay rất nhiều người cũng bắt đầu sống một cách vô cảm, vô ý thức. Chúng ta có thể thấy thảm cảnh chiến tranh đã xảy ra ở nhiều nơi, nạn đói kém, hạn hán, lũ lụt rồi bệnh tật, đủ các dịch bệnh phát sinh nhưng chúng ta đã và đang làm gì? Phải chăng nếu nó chưa xảy ra cho mình, cho gia đình mình hay quốc gia của mình thì không có một ai quan tâm hết? Hẳn sẽ có người lập luận: "Một cá nhân như tôi thì đâu làm gì được". Nếu đa số mọi người đều có ý nghĩ như vậy thì nhân loại sẽ

dần dần đi đến chỗ dừng dưng, vô tâm, không quan tâm đến những việc xảy ra quanh mình nữa. Có bao giờ anh tự hỏi tại sao chúng ta lại sinh vào thời đại này, quốc gia này mà không là nơi khác hay vào một thời gian khác? Chúng ta cùng sinh ra trong thế giới này là vì chúng ta đã có những mối liên hệ với nhau từ trước. Toàn thể mọi người trên thế giới hiện nay đều có những cộng nghiệp phải trả. Hãy nhìn vào bệnh dịch đang xảy ra, tại sao có người mắc bệnh chết ngay, có người không chết, có người khi hết bệnh lại bị nhiều di chứng khổ không thể tả? Dịch bệnh xảy ra khắp thế giới nhưng nơi nhẹ, nơi nặng? Nếu không phải nhân quả thì giải thích như thế nào đây? Dịch bệnh chỉ là dấu hiệu ban đầu cảnh cáo cho những việc ghê gớm hơn nữa sẽ xảy ra trong tương lai. Liệu chúng ta có thể vô cảm, dừng dưng mãi được không? Trong bất cứ xã hội nào, dù có văn minh đến đâu, cũng đều có những người cần giúp đỡ nhưng mấy ai đã quan tâm? Mấy ai biết nghĩ đến người khác hay biết lan tỏa tình thương, mở lòng từ bi, đưa tay giúp đỡ những người đó?

Tôi hỏi Thomas:

- Ông cho rằng sẽ còn nhiều biến cố ghê gớm hơn sắp xảy ra trong tương lai sao?

Thomas gật đầu nói:

- Anh thử tưởng tượng một cảnh tượng thế này: Trên đường phố có hàng trăm người đang đói khát, nằm quần quai bên đường chờ chết nhưng một số người vẫn thản nhiên bước đi, thậm chí bước qua thân xác của những người đó mà không hề quan tâm, không có cảm xúc gì. Tàn nhẫn quá phải không? Khi xưa, việc này thường xảy ra tại Atlantis. Là người thuộc giai cấp cao, tôi không để ý đến những người thuộc giai cấp thấp hơn. Họ làm gì hay sống chết ra sao đều không phải là việc tôi cần quan tâm đến. Sự vô cảm này là việc bình thường, lúc đó người Atlantis chưa phát triển tình thương mà chỉ sống bằng bản năng. Bộ óc của họ chưa phát triển, sự suy tư của họ còn nông cạn, danh từ "tình thương" không hề có trong ngôn ngữ, ứng xử hay tâm thức của họ. Tuy nhiên, hiện nay nhân loại

không như thế, họ đã có bộ óc để suy nghĩ, có sách vở để học, đã được giáo dục về trách nhiệm, bổn phận và tình thương thì không thể còn vô cảm như thế được.

Tôi giật mình nói ngay:

- Vậy, liệu những việc như thế có thể xảy ra trong thời gian tới?

Thomas trả lời:

- Có thể xảy ra, nếu không nói thẳng là sẽ xảy ra. Chỉ ít lâu nữa, anh sẽ thấy các thiên tai hàng loạt xảy đến như nạn đói, khan hiếm nước sạch, rồi hạn hán, sâu bọ phá hoại mùa màng, dịch bệnh và rồi chiến tranh. Trong hoàn cảnh đó, con người sẽ hành động như thế nào? Phải chăng "ai chết mặc ai – mạnh ai nấy sống"?

Tôi trầm ngâm:

- Nếu mọi người có thể vô cảm đến mức độ đó thì thật đáng buồn và đáng lo ngại.

Thomas nói:

- Đâu cần đợi đến lúc đó. Hiện nay, anh có thể thấy nhiều người đã sống như thế rồi. Khi nhìn thấy sự kiện, hoàn cảnh đáng thương nào đó, họ chỉ bình luận vu vơ "Tội nghiệp quá!", rồi chuyển qua quan tâm việc khác như không hề có gì xảy ra. Phản ứng của họ là thế, hời hợt và vô cảm. Họ sống ích kỷ và nông cạn, chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như quảng cáo thương mại, các trào lưu hào nhoáng, các phong trào trên mạng xã hội, rồi suy nghĩ y hệt như thế, hành động theo cảm quan của số đông, theo ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, trò chơi công nghệ. Không mấy người biết suy tư với lý lẽ riêng, lập trường riêng. Mấy ai biết trong đời sống có biết bao bài học cần học, những người biết rồi cũng có mấy ai chịu học đâu...

Tôi hỏi:

- Nói vậy thì họ cần phải học những gì?

Thomas mỉm cười:

- Nói đến việc cần học gì thì sẽ có hàng trăm ý kiến khác nhau và sự bàn cãi sẽ kéo dài liên miên không dứt. Tất cả đều phát xuất từ những suy luận của khối óc vật chất, của bản ngã, của lòng tham lam, sự ích kỷ. Ai cũng cho rằng quan niệm, suy nghĩ của mình là đúng và của người khác là sai. Một giải pháp tốt cho quốc gia này có thể không tốt cho quốc gia khác, vì ai cũng có lòng riêng, cũng tính toán giành lợi lộc cho mình hay phe phái của mình. Do đó, thay vì đưa ra những giải pháp để tạo ra những thay đổi lớn lao, thì giải pháp hữu hiệu nhất chính là thay đổi tâm thức của chính mình để sống hợp với các chân lý hay định luật của vũ trụ.

Tôi thở dài:

- Hiện nay trên thế giới này vẫn không có mấy người tin vào luật nhân quả, mặc dù đã có nhiều bằng chứng, giải thích một cách khoa học bằng các định luật vật lý. Cũng như thế, vì không có bằng chứng xác thực gì về các kiếp sống khác sau khi chết, nên nhiều người không tin vào luân hồi, cho rằng chết là hết, sống là để hưởng thụ.

Thomas mỉm cười nói:

- Đúng là có nhiều người không tin. Nhưng nếu không tin, họ giải thích thế nào về trường hợp ngủ mơ về một nơi chốn xa lạ hay gặp một người lạ nào đó. Khi những hình ảnh này lặp đi lặp lại nhiều lần trong các giấc mơ thì đó là bằng chứng rằng họ đã từng sống ở nơi chốn ấy, hay đã gặp người kia trong kiếp sống trước. Giấc mơ một phần là sự phản ánh vô thức của những hạt giống trong tàng thức, vì mọi việc xảy ra, từ suy nghĩ, lời nói đến hành động đều được lưu trữ trong tàng thức. Có một nghiên cứu khoa học về các trẻ nhỏ từ ba đến bảy tuổi có thể nhớ được tiền kiếp. Những đứa bé này có thể mô tả chi tiết chính xác về những sự kiện, con người hay địa điểm nào đó. Nhiều người cho rằng đó chỉ là sản phẩm tưởng tượng,

nhưng làm sao những đứa trẻ rất nhỏ có thể tưởng tượng ra những địa danh, tên tuổi của những người mà chúng không hề quen biết? Nếu đó không phải là bằng chứng của kiếp sống khi xưa thì giải thích thế nào? Tôi biết nhiều người bị hấp dẫn một cách khó giải thích với phong tục, văn hóa, hay ngôn ngữ của những quốc gia xa lạ. Họ cảm thấy rất quen thuộc hay thích thú với các nền văn minh cổ như Ai Cập, Hy Lạp hay Trung Hoa mặc dù chưa bao giờ đến đó hay biết gì về những quốc gia đó. Nếu không phải do đã từng sống ở những nơi đó thì còn vì sao? Thậm chí, tôi có thể nói khi anh mơ là phần linh hồn của anh thoát ra khỏi thân xác và đi trải nghiệm các cõi giới tinh thần hoặc trải nghiệm ở một thế giới song song khác, tùy theo mức độ tâm thức và độ thanh sạch của tinh thần. Khi cơ thể ngủ, các giác quan vật lý rơi vào trạng thái tĩnh lặng thì phần giác quan tinh thần của anh sẽ trở nên sống động – có thể coi là xuất hồn. Vật lý lượng tử đã chứng minh đa vũ trụ là có thật, có nhiều không gian, thời gian khác cùng tồn tại song song với thế giới này.

Thay vì đưa ra những giải pháp để tạo ra những thay đổi lớn lao, thì giải pháp hữu hiệu nhất chính là thay đổi tâm thức của chính mình để sống hợp với các chân lý hay định luật của vũ trụ.

Tôi hỏi thêm:

- Vậy hiện tượng bóng đè thì sao, liệu có phải do yếu bóng vía, thần kinh yếu hay do một thực thể tâm linh, vong linh nào đó bám theo làm phiền, dọa nạt?

Thomas cười nói:

- Hiện tượng bóng đè có thể lý giải. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới hiện tượng này, nguyên nhân tà ám cũng có, nhưng đó chỉ là thiểu số. Lý do chủ yếu là khi ngủ, một phần hồn của anh sẽ rời khỏi thân xác và đi trải nghiệm ở những thế giới khác, các giác quan đời sống của anh được đưa đến một không-thời gian khác. Giấc mơ dài hay ngắn là do mức năng lượng linh hồn của anh, có những thiền sư có thể có những giấc mơ mà họ ở trong đó vài chục năm. Quay lại hiện tượng bóng đè, khi tỉnh khỏi giấc mơ, linh hồn sẽ quay lại thân xác, nếu thân xác thức dậy trước khi hồn nhập về hoàn toàn thì sẽ rơi vào trạng thái trứu nặng, mê man mà chúng ta gọi là hiện tượng bóng đè. Do đó, bóng đè thường xảy ra khi cơ thể anh bị yếu, mệt, căng thẳng hoặc khi anh thoát khỏi ác mộng đột ngột, phần hồn và phần xác chưa tương thích hoàn toàn. Nếu anh ngủ thẳng giấc, phần hồn về lại phần thân xác một cách bình thường thì sẽ mở mắt thức dậy trong an bình.

Thomas ngừng lại, rút trong ngăn kéo ra chiếc nhẫn hình con bọ hung:

- Khi trước tôi bị hấp dẫn bởi chiếc nhẫn này, tôi không hiểu tại sao mình lại muốn có một chiếc nhẫn giống như thế. Nếu không nhớ lại tiền kiếp tại Ai Cập thì không bao giờ tôi có được câu trả lời.

Ông chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Tương tự, tại sao chúng ta cảm thấy có một sự liên hệ mạnh mẽ bất chợt tình cờ với một ai đó, dù chỉ mới gặp lần đầu? Phải chăng mình và họ đã từng quen nhau từ trước? Cũng như tại sao lại có

người rất sợ độ cao hay căm ghét màu đỏ, sợ nghe tiếng côn trùng kêu vào ban đêm... đó là vì những trải nghiệm tiền kiếp còn lưu lại trong tàng thức của họ. Đó cũng có thể gọi là dấu vết luân hồi.

Tôi đồng ý:

- Tôi cũng nghĩ chắc chúng ta đã có những liên hệ từ kiếp xa xưa nào đó. Tôi không ngờ qua cuộc gặp gỡ tình cờ tại Đài Bắc mà tôi có dịp được nghe ông chia sẻ về những kiếp sống xa xưa. Quả thật là một nhân duyên. Tuy là một nhà khoa học nhưng tôi cũng là một Phật tử, tôi luôn tin nhân quả, luân hồi, dù trên thế giới không phải ai cũng tin như thế. Không phải ai cũng có thể giải thích được tường tận cốt lõi của luật nhân quả và luân hồi theo cách dễ hiểu, khoa học.

Thomas mỉm cười nói:

- Khi anh đề nghị viết cuốn sách về những trải nghiệm của tôi, tôi đã rất bất ngờ. Tôi nghĩ anh là một nhà khoa học, không ngờ anh cũng viết sách và tâm huyết với việc lưu truyền văn hóa cho đời sau. Ban đầu tôi cũng hơi phân vân, nhưng lại nghĩ đây là cơ hội có thể giúp những người không tin vào nhân quả có thể chuyển nghiệp, thay đổi tâm thức để sống tốt hơn. Đó là lý do rất chính đáng để tôi đồng ý thực hiện cuốn sách này với anh.

Tôi đưa mắt nhìn ánh mặt trời chiếu qua những cành thông đang rung rinh bên cửa sổ tạo thành những tia nắng nhảy múa tựa cánh bướm và nói với Thomas:

- Thế giới của chúng ta đang rung chuyển và biến động từng ngày. Dù có là người thờ ơ nhất thì cũng ý thức được những cơn rung chấn cấp độ toàn cầu đã và đang áp sát cửa nhà chúng ta. Thử nhìn ra xung quanh, chỉ vài năm trở lại đây, thiên tai trở nên ngày càng cực đoan, băng vĩnh cửu đang tan nhanh ở hai đầu cực địa cầu, trái đất nóng lên chạm ngưỡng báo động, dịch bệnh lan tràn, chiến tranh bùng nổ và có nguy cơ lan rộng, thế giới lại phân cực trở lại như thời chiến tranh lạnh, thậm chí sự sống của toàn thể nhân loại đang bị đe

dọa bởi cơn bốc đồng của một vài cá nhân sở hữu những nút bấm kích hoạt vũ khí hạt nhân... Nếu có một chút để tâm đến những gì đang diễn ra, tôi nghĩ chúng ta phải tự hỏi: *"Chúng ta đang để lại cho con cháu mình một thế giới như thế nào?"*. Trong những ngày tháng đầy biến động này, tôi hy vọng mọi người đều biết tự hỏi thế giới này đang đi về đâu? Phải chăng trong sự phát triển cao ngạo của mình, nhân loại đã đi sai hướng suốt một thời gian dài – tự gọi mình là chủ nhân địa cầu nhưng chúng ta có cư xử xứng đáng như một chủ nhân có trách nhiệm tại ngôi nhà chung của muôn loài? Những gì con người đang hướng tới cho đến nay vẫn là ngắn hạn, đi về hướng phá hủy và tận diệt. Thảm họa đã ở trước mắt, tôi và ông đã nhận ra, chắc chắn những người dẫn dắt thế giới cũng đã nhận ra, nhưng có bao nhiêu người chọn chung tay cùng hành động cho một thế giới tương lai tốt đẹp và nhân ái hơn cho loài người? Ngay trong môi trường làm việc của tôi, đa số người trẻ đều tự hào về sự tiến bộ của công nghệ. Họ quan niệm trí thông minh là điều kiện tất yếu giúp con người tạo ra những phát kiến phi thường.

Nhiều công ty và trường đại học cũng đánh giá cao về trí thông minh nên thường tuyển chọn nhân viên, sinh viên dựa trên chỉ số thông minh.

Thomas gật đầu:

- Trong lúc khoa học và công nghệ phát triển, thu được nhiều thành quả tốt đẹp, thay đổi đời sống con người thì dĩ nhiên số đông tin vào các định luật khoa học và phát kiến công nghệ. Hiển nhiên trí thông minh là cần thiết, chúng ta không thể phủ nhận khả năng của nó được. Mọi tiện nghi của đời sống vật chất bây giờ đều là kết quả của trí thông minh. Không lâu trước đây, nếu muốn đi xa, chúng ta phải dùng xe ngựa, nhưng bây giờ thì đã có xe hơi hay phi cơ. Nhờ trí thông minh, đời sống con người đã hoàn toàn thay đổi. Tuy nhiên, câu hỏi của tôi là những người thông minh này đã và đang làm gì với tài năng của họ?

Tôi trả lời:

- Phần lớn chỉ chú trọng vào việc kiếm tiền, có càng nhiều tiền càng tốt. Ai cũng biết trong thế kỷ này, công nghệ là yếu tố chính đã tạo ra những cơ hội làm giàu hiếm có. Khi xưa, phần lớn người giàu đều phải trải qua thời gian dài vượt thử thách, gian nan mới xây dựng được sự nghiệp thành công, vững chắc. Ngày nay, nhiều người trẻ có thể trở thành triệu phú chỉ trong một thời gian ngắn. Việc kiếm tiền tương đối nhanh chóng này khiến họ trở nên kiêu căng, tự mãn, ích kỷ và vô cảm. Họ không quan tâm gì đến những hậu quả từ việc làm của mình, cũng không quan tâm đến những gì xảy ra xung quanh. Đồng tiền đã chi phối và làm thay đổi hầu hết con người. Nhiều người chỉ lo kiếm tiền và không ngần ngại làm bất cứ việc gì, kể cả những việc sai quấy, trái luân thường đạo lý, miễn là có tiền. Nhiều người coi tiền bạc là thước đo giá trị và mục đích của đời sống. Ít ai có thể vươn tầm mắt khỏi những lợi ích cá nhân và để ý gì đến những lý tưởng cao đẹp, đem lại lợi ích chung cho nhân loại. Tôi không cho rằng sự phát triển của công nghệ đang dẫn dắt nhân loại đi đến nền văn minh cao hơn và hạnh phúc hơn. Trái lại, công nghệ và muôn kiểu tiện ích thông minh dựa trên AI đang khiến con người bớt nhân ái hơn, vô cảm hơn, lười nhác hơn. Chúng ta ít nhìn vào ánh mắt nhau một cách chân tình, ít dành cho nhau nụ cười và nhận ra những thiện ý của nhau hơn, vì hầu hết thời gian của chúng ta dùng để cắm mặt vào điện thoại, iPad hay máy tính. Hình ảnh quen thuộc nhất khi nhắc đến thời đại này chắc chắn là những con người đang cúi đầu nhìn vào màn hình điện thoại bất kể ngày hay đêm, họ nghĩ họ đã có cả thế giới trong một thiết bị nhỏ xíu nhưng đồng thời họ cũng tự cô lập mình ra khỏi thế giới. Có lẽ vì thế mà ít người nào còn quan tâm đến những việc xung quanh, thế giới của chúng ta dường như đang bị hủy hoại với tốc độ nhanh chưa từng có.

Thomas gật đầu:

- Thật đáng tiếc, có thể nhiều người trong chúng ta ngày càng thông minh hơn nhưng hầu hết lại không biết sự khác biệt giữa trí thông minh (*intelligence*) và trí tuệ (*wisdom*).

Tôi nhớ lại:

- Chúng ta từng thảo luận về vấn đề này, nhưng chưa có cơ hội đi sâu hơn. Ông có thể chia sẻ thêm góc nhìn của ông về sự khác biệt giữa hai thứ này không?

Thomas trả lời:

- Theo tôi, trí thông minh chỉ là bước đầu giúp con người thay đổi, thích nghi với đời sống. Nó chỉ là cái mầm non vừa nảy từ hạt để mọc thành cây chứ chưa đơm hoa, kết trái được.

Nó đã tạo ra các phát minh có giá trị nên nhiều người đặt cho nó vai trò quan trọng. Thật ra nó chỉ là chiếc xe ngựa thô sơ đưa con người từ chỗ này đến chỗ khác, không thể so sánh với phi thuyền không gian bay khắp vũ trụ được. Trí thông minh giúp ta suy luận, phân tích và giải quyết một số vấn đề nhưng nó rất giới hạn khi so với trí tuệ. Hiện nay, các khoa học gia, kinh tế gia, lý thuyết gia, những người được coi là thông minh, chỉ biết hướng ra ngoài tìm kiếm giải pháp, trong khi điều họ nên làm là quay vào bên trong và sử dụng trí tuệ của mình. Do đó, các sáng kiến hay phát minh của họ thường không mang lại ý nghĩa và hạnh phúc thật sự cho con người. Trong thời đại này, chúng ta cần biết rằng mọi phát minh phải được xây dựng từ đạo đức và trách nhiệm – tức căn bản của trí tuệ – chứ không phải từ trí thông minh. Không có đạo đức, trí thông minh chỉ tạo ra những điều có hại cho xã hội. Người thông minh thường tự hào rằng họ đã hiểu biết hết mọi sự nhưng liệu họ có biết hậu quả của việc họ đã và đang làm không?

Tôi đồng tình với Thomas:

- Tôi hiểu. Tôi đã từng đặt vấn đề với các sinh viên về mặt trái của công nghệ nhưng đa số đều không quan tâm, vì đầu óc của họ chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân. Không những thế, thị trường công nghệ hiện nay và hầu hết sản phẩm của nó như mạng xã hội, trò chơi video... cũng xây dựng dựa trên lợi ích của công ty thay vì quyền lợi chung. Khi người trẻ làm việc trong thế giới công nghệ này, phần lớn

đều bị lôi cuốn vào việc đem lại lợi ích cho công ty. Vì tiền, họ sẵn sàng làm mọi việc, bất chấp hậu quả, dù có thể họ biết đó là những việc phi nhân tính, gây hại đến người khác.

Thomas gật đầu:

- Đúng thế, tuy người thông minh có thể làm được nhiều việc đáng kể nhưng trí thông minh không giúp họ có cái nhìn toàn diện, sâu sắc về hậu quả. Đa số đều bị mê hoặc bởi bản ngã kiêu căng, ích kỷ rồi tự mãn về thành quả đạt được. Rất hiếm người làm việc một cách vô tư hay khiêm tốn, càng hiếm người hành động không vì danh lợi mà chỉ vì biết đó là việc cần cho xã hội. Người biết về những sai lầm, cố chấp của bản ngã lại càng hiếm hơn. Khi xưa, tôi may mắn tiếp xúc được với một người có trí tuệ đặc biệt đã giúp tôi phân biệt rõ về việc này.

Tôi hỏi:

- Có phải một câu chuyện tiền kiếp khác của ông không?

Thomas mỉm cười, gật đầu:

- Đúng vậy. Khi sống tại Bactria, tôi theo Timotheus thực hành phương pháp tĩnh tâm, và chúng tôi thực hành với một người như thế. Vị này dạy tôi phải tuân theo một số kỷ luật (*giới*) để kiểm soát thân xác, loại bỏ sai lầm của bản ngã. Sau đó, tôi được dạy kiểm soát tư tưởng, không cho nó chạy lung tung. Khi tư tưởng tập trung (*định*) thì sẽ phát triển được trí tuệ. Nói cách khác, khi trí thông minh được tinh luyện thì nó sẽ chuyển hóa thành trí tuệ. Theo tôi, đây là yếu tố cần thiết cho việc chuyển hóa của nhân loại hiện nay.

Trong thời đại này, chúng ta cần biết rằng mọi phát minh phải được xây dựng từ đạo đức và trách nhiệm – tức căn bản của trí tuệ – chứ không phải từ trí thông minh. Không có đạo đức, trí thông minh chỉ tạo ra những điều có hại cho xã hội. Người thông minh thường tự hào rằng họ đã hiểu biết hết mọi sự nhưng liệu họ có biết hậu quả của việc họ đã và đang làm không?

Tôi trầm ngâm một chút rồi đáp lời:

- Trí thông minh mà không có tình thương dẫn đường thì sẽ chỉ tìm cách mưu lợi cho bản thân, bất chấp gây hại đến xã hội, và cũng không thể chuyển hóa thành trí tuệ. Chỉ khi có nhiều người hơn nữa thức tỉnh, khai mở trí tuệ, mang theo ánh sáng từ ái chữa lành trong hành trình sống của mình thì nhân loại mới thay đổi được những nghiệp dữ đang ngày càng lan rộng khắp địa cầu. Tôi đã suy ngẫm nhiều về lý tưởng của tỷ phú Farnum, về cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức mà ông đã âm thầm nhận lãnh như một sứ mệnh mà những linh hồn cao cả ở cõi giới bên kia đã trao cho ông. Sự thức tỉnh tâm linh của nhân loại đang bắt đầu và có thể lan tỏa. Thomas, ông đã thức tỉnh, Farnum cũng đã thức tỉnh, tôi và nhiều người khác trên hành tinh này cũng đang chứng kiến những biến động rung chuyển thế giới để thức tỉnh. Sự thức tỉnh này nếu diễn ra sớm hơn, thế giới của chúng ta có lẽ đã không tồi tệ, lụi tàn quá nhanh như hiện nay. Đột diệt chủng thứ sáu đã bắt đầu, lẽ nào, con người chỉ có thể thay đổi khi thật sự đứng trước bờ vực diệt vong...

Thomas trầm ngâm:

- Tôi nhận ra rằng cái gọi là "tự do ý chí" của con người chính là một phép thử. Đứng trước tự do lựa chọn, ta sẽ chọn cái xấu hay cái tốt? Tất cả đều là lựa chọn, thế nhưng tại sao trong suốt nhiều thế kỷ qua chúng ta luôn chọn hơn thua, danh lợi, dục vọng, chém giết và đẩy thế giới đến ngưỡng diệt vong như hiện nay? Cũng may, tuy cái xấu rất cám dỗ và dễ chọn lựa, nhưng cũng có không ít người đã can đảm lựa chọn điều tốt đẹp như cứu giúp người, lan tỏa trí tuệ, trao gửi tình thương, hướng thiện, chữa lành. Họ đã đến với cuộc đời này và mang theo ánh sáng của thiên thần – hay nói đúng hơn, họ *chọn* ánh sáng thiên thần để thắp lên trên ngọn lửa sinh mệnh của mình. *Ánh sáng đó là sự chuyển hóa tâm thức.* Ánh sáng đó, tôi và anh hay bất cứ ai đều có thể chọn được. Con người chúng ta, với tự do ý chí, có thể trở thành ác độc, khát máu như quỷ dữ, nhưng cũng có thể tràn đầy ánh sáng ấm áp như những thiên thần – tất cả

đều là lựa chọn. Phương Đông có câu "*Vật cùng tắc biến, vật cực tất phản*", ý nói khi mọi thứ đến một điểm cực độ thì ắt sẽ có thay đổi. Chúng ta đang đi đến cái ngưỡng đó, đây là lúc để thay đổi tâm thức, nếu không, thứ chờ đợi con người chắc chắn sẽ là tận diệt.

Tôi tiếp lời Thomas:

- Tôi đồng tình với quan điểm của ông. Cái gọi là thay đổi tâm thức có thể diễn ra khi ánh sáng khoa học và ánh sáng tâm linh kết hợp và dẫn đường cho nhân loại đi đến nền tảng trí tuệ cao hơn. Đó là khi trí tuệ của tâm linh sẽ dẫn đường cho khoa học vươn đến những điều nhân văn tốt đẹp. Từ ngàn năm trước, những triết gia, những nhà huyền bí của cả phương Đông và phương Tây đều đã đưa cho nhân loại lời khuyên "*muốn tìm hiểu vũ trụ thì hãy quay vào bên trong tìm hiểu chính mình*". Bên trong con người chính là một tiểu vũ trụ hoàn hảo, trong đó có thứ ánh sáng thanh khiết, tự nhiên từ năng lượng nguyên nguyên. Vậy mấu chốt của cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức là để ánh sáng tâm linh trong mỗi người có cơ hội phát lộ để dẫn đường cho chính mình, cho nhân loại và cho khoa học tương lai phát triển đúng hướng.

Thomas gật đầu:

- Đúng là như vậy. Theo tôi được biết, trước chúng ta không chỉ có nền văn minh Atlantis, mà còn có ba nền văn minh khác đã diệt vong là Lanzada, Mihtarlam, Lemuria. Tất cả đều đã bị chôn vùi khi bị con người khai thác đến mức tận diệt, vì họ đã hành xử quá tham lam, tàn bạo, trái với tự nhiên. Quay trở lại việc tu tập để chuyển hóa tâm thức và đạt đến trí tuệ, tôi nghĩ đó là con đường tất yếu để con người có thể cứu vãn sự sống của chính mình cũng như của hành tinh này. Đó cũng là con đường tất yếu trong hành trình bất tử của linh hồn.

Tôi nói ngay:

- Ông vừa nhắc đến kiếp sống mà ông và Timotheus đã cùng tu tập tại Bactria. Đó có phải là giai đoạn thức tỉnh đầu tiên của ông, khởi

đầu cho hành trình tu tập, khai mở các năng lực tinh thần sau này?

Thomas gật đầu:

- Sau khi rời bỏ Babylon và đến Bactria tìm gặp Timotheus, chúng tôi đã cùng thực hành những phương pháp tu tập do các hiền giả Ấn Độ hướng dẫn. Tôi đã bắt đầu hành trình thức tỉnh tâm linh ở đó. Tôi đã có những hồi tưởng chi tiết về kiếp sống này, tôi sẽ kể tiếp cho anh.

Sau đây là câu chuyện của Thomas...

Mấu chốt của cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức là để ánh sáng tâm linh trong mỗi người có cơ hội phát lộ để dẫn đường cho chính mình, cho nhân loại và cho khoa học tương lai phát triển đúng hướng.

PHẦN HAI

KHAI NGỘ Ở BACTRIA

GIÁC QUAN XÁC THÂN VÀ GIÁC QUAN TINH THẦN

Sau khi Alexander Đại đế băng hà, Kyros tôi tiếp tục trông coi việc tài chính tại Babylon trong sự chán chường vì chứng kiến những tranh chấp, đấu đá giữa những người quen cũ. Bất ngờ nhận được tin của Timotheus, người bạn tưởng đã mất từ lâu, tôi vội vàng bỏ mọi thứ để đến Bactria. Chuyến đi này đã đưa cuộc đời tôi rẽ sang một hướng khác, tôi quyết định rời bỏ quan trường, không trở về Hy Lạp nữa mà cùng bạn mình tu tập cùng những hiền giả Ấn Độ. Chúng tôi dành nhiều thời gian chuyện trò về các khía cạnh tu tập, phát triển tinh thần và trí tuệ. Vốn là học trò của Plato, sau đó là học trò của Aristotle, những hiểu biết của Timotheus đều xoay quanh triết lý của những người thầy này, cho đến khi anh được tiếp xúc và học hỏi những điều mới lạ với các hiền giả Ấn Độ. Quá ngạc nhiên và ấn tượng trước những hiểu biết mới này, Timotheus đã dành trọn những tháng ngày sau đó vừa tu tập vừa tìm hiểu, chiêm nghiệm hòng lĩnh hội được những bí ẩn về thân phận con người.

Khi gặp lại Timotheus, một trong điều đầu tiên chúng tôi trao đổi với nhau cũng là những kiến thức mới lạ này. Timotheus so sánh những điều mà hai bậc thầy Plato và Aristotle đã dạy với những kiến thức anh học được tại đây.

- Socrates, Plato và Aristotle đều dạy rằng con người gồm có hai phần là xác thân và linh hồn. Xác thân thì hữu hình và hữu hại, còn linh hồn thì vô hình và bất diệt. Kiến thức của Hy Lạp chỉ dựa trên những gì chúng ta cảm nhận được thông qua giác quan thân xác như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân rồi chuyển thông tin từ giác quan vào bộ óc để suy luận và hành động. Mặc dù các bậc thầy như Plato và Aristotle đã đề cập đến sự hiện diện của linh hồn nhưng cũng chỉ dừng lại ở mức quan niệm mà thôi. Thật ra họ không biết gì nhiều về khía cạnh ẩn mật, sâu kín này. Đã từ lâu các nhà hiền triết xứ ta vẫn

tự hỏi "Ta là ai?". Có phải "Ta" là cái xác thân này không? Nếu "Ta" là xác thân này thì khi chết "Ta" có mất đi không? Phải chăng chết là hết, hay vẫn còn cái gì tồn tại sau đó? Cái tồn tại sau đó có phải là linh hồn? Nếu thế, phải chăng linh hồn mới chính là "Ta"? Vậy khi thể xác chết thì linh hồn sẽ đi đâu? Nếu linh hồn là "Ta" thì theo logic, ta phải biết chứ. Tại sao ta không biết gì cả? Việc này lý giải thế nào đây? Plato dạy rằng linh hồn dựa vào thể xác để cảm nhận các hiện tượng bên ngoài rồi suy luận và hành động. Nhưng linh hồn hoạt động ra sao? Chúng ta không biết. Sau khi thân xác chết, linh hồn đi đâu? Chúng ta cũng không biết. Socrates và Plato tin rằng linh hồn sẽ di chuyển vào thể xác khác vì nó bất diệt nhưng nếu nó đi vào thể xác khác thì tại sao ta không nhớ gì về những việc xảy ra khi trước? Nếu linh hồn là "Ta" thì ta phải nhớ chứ? Mặc dù chúng ta đã hỏi vô vàn câu hỏi nhưng không ai có thể trả lời. Do đó, nó vẫn là một bí mật mà các bậc thầy giỏi nhất xứ ta cũng không thể lý giải.

Timotheus giải thích thêm:

- Aristotle tin rằng có lẽ người Ai Cập có hiểu biết về vấn đề này nên đã yêu cầu Alexander cho thu thập các tài liệu của xứ này về để nghiên cứu. Chính tôi đã đích thân xem xét các tài liệu này trước khi mang về Pella nhưng tôi nhận thấy người Ai Cập cũng chỉ nói một cách mơ hồ về thế giới bên kia cùng những nghi thức tống táng, tẩm liệm sau khi chết. Tôi thấy rằng đó cũng chỉ là đức tin của các giáo sĩ Ai Cập chứ không có sự giải thích rõ ràng, hợp lý. Do đó, đây đã luôn là điều tôi canh cánh trong lòng, mãi cho tới khi đến vùng Hydaspes và được tiếp xúc, học hỏi với các bậc hiền triết nơi đây thì tôi mới biết rằng từ lâu người xứ này đã có những kiến thức siêu việt, giải đáp được thắc mắc của tôi.

Tôi hỏi:

- Nói vậy, người Ấn giải thích như thế nào về vấn đề này?

Timotheus trả lời:

- Người Ấn cũng giải thích rằng con người là tập hợp của xác thân và linh hồn nhưng họ phân tích sâu hơn và chi tiết hơn. Xác thân con người bao gồm sáu giác quan – *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân* và *óc* - giúp ta cảm nhận các sự kiện bên ngoài. Linh hồn cũng có sáu giác quan tương ứng giúp ta khai triển những thông tin thu nhận từ giác quan thể xác, ngoài ra nó còn có các giác quan khác nữa. Giác quan thể xác bị giới hạn trong thế giới ta đang sống, còn giác quan linh hồn thì mở rộng đến những nơi khác, chiều không gian khác mà giác quan thể xác không thể chạm đến được. Người Hy Lạp biết về giác quan thể xác nhưng không biết gì về giác quan của linh hồn. Tại sao lại như thế? Vì giác quan thể xác hoạt động đã lấn át các giác quan của linh hồn, nên các giác quan này vẫn ở trạng thái tiềm ẩn. Giác quan thể xác càng hoạt động nhiều chừng nào thì giác quan của linh hồn càng ẩn sâu chừng đó. Con người càng chú trọng đến nhu cầu thân xác nhiều bao nhiêu thì nhu cầu tâm linh càng ít đi bấy nhiêu. Muốn phát triển giác quan linh hồn thì ta phải biết giới hạn hoạt động của giác quan thân xác. Đó chính là nguyên lý căn bản của minh triết xứ này. Từ lâu người Ấn đã biết các phương pháp ngồi yên, tập trung tư tưởng để khai triển các giác quan tiềm ẩn của linh hồn. Nhờ thế họ đã mở ra được một chân trời mới, phát triển một kiến thức siêu việt, hết sức logic, và kiến thức này đã hoàn toàn thuyết phục tôi. Nó nâng cao tầm mắt của tôi lên một phạm vi rộng lớn, vượt khỏi giới hạn thế giới của con người. Nó đưa tôi đến tầng cấp cao hơn trong sự vận hành của vũ trụ. Không những thế, tôi đã được dạy về các động lực vô hình trong thiên nhiên cũng như các định luật vũ trụ như *Nhân quả* và *Luân hồi*.

Tôi phản biện:

- Nhưng biết đâu đó cũng chỉ là một kiểu đức tin mà thôi.

Timotheus vẫn giữ giọng trầm tĩnh, kiên nhẫn giải thích:

- Ngay từ đầu, các hiền triết xứ này đã nói rất rõ với tôi rằng đừng tin vào những điều họ dạy mà phải biết nghi ngờ, tự mình suy nghĩ và tìm hiểu thật kỹ. Chỉ khi nào thấy một kiến thức là hoàn toàn có lý,

đúng với sự suy luận của mình thì mới chấp nhận. Tôi đã bỏ ra nhiều tháng để suy ngẫm về điều này trước khi chấp nhận sự giải thích đó. Tuy nhiên, khi tôi nói với họ rằng tôi đã tin tưởng những kiến thức này thì họ lại nói rằng sự tin tưởng đó là chưa đủ, vì lòng tin chân thật phải có sự trải nghiệm tâm linh. Các vị ấy giải thích rằng lòng tin đơn thuần (*belief*) dựa trên suy luận của lý trí thường dẫn đến sự chủ quan về một lý thuyết hay quan niệm nào đó. Sự tin tưởng như thế rất dễ dẫn lối người ta đến những điều lầm lạc, cố chấp, đôi khi cực đoan, cuồng tín. Lòng tin dựa trên lý trí không vững, vì người ta có thể khi tin, khi lại nghi ngờ. Các nhà hiền triết coi lòng tin không có trải nghiệm tâm linh là kiểu lòng tin nông cạn. Chỉ khi có sự thành tâm và trải nghiệm sâu sắc, qua công phu tu tập, được minh chứng rõ rệt mới được coi là lòng tin tuyệt đối (*faith*). Chính vì thế, tôi đã dành trọn thời gian tuân theo phương pháp họ chỉ dẫn hòng đạt đến lòng tin tuyệt đối này. Mặc dù tôi đã có được vài trải nghiệm tâm linh, nhưng vẫn chưa thể coi là đủ. Tôi tin rằng theo thời gian tôi sẽ có được những trải nghiệm sâu sắc hơn.

Tôi vẫn thắc mắc:

- Nếu chỉ cần tin là đủ, thì tại sao lại cần phải có lòng tin tuyệt đối?

Timotheus trả lời:

- Nhờ lòng tin tuyệt đối, không còn nghi ngờ, chúng ta mới có thể tiến xa và gặt được nhiều thành quả trên con đường tìm kiếm minh triết. Có tin thì mới hiểu thấu những điều được giảng dạy một cách rõ ràng. Nền minh triết xứ này bao la như biển cả, chỉ khi có lòng tin tuyệt đối ta mới có thể đi sâu được. Nếu học hỏi với tâm thế nửa tin, nửa ngờ thì không thể hiểu một cách rốt ráo. Khi xưa, tôi theo học những bậc thầy uyên bác nhất của Hy Lạp nhưng vẫn còn nhiều điều chưa thỏa mãn. Khi tiếp xúc với các vị hiền triết nơi đây thì tôi biết mình đã gõ đúng cửa, tìm đúng đường. Không những họ chỉ rõ cho tôi những điều mà tôi vẫn luôn thắc mắc mà còn giúp tôi mở cánh cửa tâm linh, đến với biển kiến thức siêu việt. Nhờ lòng tin

tuyệt đối tôi có thể dừng cảm xúc bước đi mà không sợ làm đường, lạc lối.

Tôi vẫn chưa hiểu thật rõ ràng, hỏi thêm:

- Nó giúp anh không làm đường lạc lối như thế nào?

Timotheus trả lời:

- Khi chưa có lòng tin tuyệt đối, lúc tin, lúc ngờ thì dễ bị lay chuyển. Gặp việc không vừa ý thì dễ mất lòng tin, nhận thức không rõ ràng thì dễ thay đổi ý kiến. Việc học hỏi nào cũng có lúc gặp khó khăn, thử thách, khi có lòng tin vững chắc thì mới có thể vượt qua được trở ngại, chông gai. Lòng tin là căn bản dẫn dắt mọi sự. Ở Hy Lạp, chúng ta được dạy tin vào thần linh, còn các hiền triết xứ này nói rằng lòng tin tuyệt đối là tin tưởng vào chính mình, vào khả năng hiểu biết của mình để phát triển trí tuệ (*wisdom*) – một thứ kiến thức siêu việt vượt ra khỏi mọi kiến thức thông thường.

Mặc dù lúc đó tôi chưa hiểu rõ điều Timotheus nói nhưng cũng vui vì bạn mình đã tìm được điều mà anh đã luôn khắc khoải từ nhiều năm nay. Tôi hỏi:

- Vậy về vấn đề linh hồn mà anh vẫn luôn thắc mắc, người Ấn giải thích như thế nào?

Timotheus nhẹ nhàng trả lời:

- Theo các hiền triết xứ Ấn, xác thân có sáu giác quan còn linh hồn thì có đến tám giác quan. Sáu giác quan đầu của linh hồn, *nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức* và *ý thức* tương ứng với sáu giác quan của xác thân là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân* và *óc*. Chúng có nhiệm vụ ghi nhận những cảm giác của các giác quan thể xác này rồi chuyển vào giác quan thứ bảy để xử lý. Giác quan thứ bảy - *Mạt na* - sẽ phân tích các cảm giác này rồi phán xét, quyết định mọi sự trước khi hành động. Sự suy luận, phân tích còn được dựa trên các dữ liệu có từ trước, đã được cất giữ trong giác quan thứ tám,

tức *A lại da thức* hay *tàng thức*, để chọn ra một quyết định thích hợp. Tuy nhiên mọi dữ kiện, cảm giác được chuyển vào đây đều ít nhiều bị thay đổi hay bóp méo bởi sự tương tác giữa giác quan thứ bảy và giác quan thứ tám. Đó là lý do tại sao chúng ta dễ có thành kiến hay sự phán xét mang tính áp đặt, chủ quan, vì mọi sự việc mà ta tiếp nhận đã không còn đúng hay chính xác như bản chất vốn có.

Trong lúc bàn luận với Thomas về đề tài này, tôi đã so sánh sự hoạt động của tâm thức với máy điện toán. Các giác quan (căn thức) giống như các cảm biến (sensor). Thức thứ sáu (ý thức) như bộ tiền xử lý (pre-processor) với chức năng ghi nhận, sắp đặt, phân loại dữ kiện của các giác quan. Thức thứ bảy (Mạt na) như trung tâm xử lý (CPU) quyết định mọi việc. Thức thứ tám (A lại da) như cơ sở dữ liệu (database). Dĩ nhiên, tôi so sánh như thế chỉ để cung cấp một khái niệm đại cương cho người đọc dễ hiểu. Thực tế, sự vận hành của tâm thức phức tạp hơn như vậy rất nhiều.

Timotheus nói thêm:

- Đây là một giải thích vô cùng lý thú. Khi suy ngẫm kỹ, ta sẽ thấy hầu hết mọi quyết định của con người thường mang tính chủ quan, được xây dựng dựa trên những gì có lợi cho người đó nhất. Tại sao như vậy? Trong khi sáu giác quan kia ghi nhận mọi sự và chuyển cho giác quan thứ bảy xử lý, giác quan này đã tự động "chủ quan hóa" tất cả và cho rằng mọi việc đều xảy ra quanh "nó", vì nó làm chủ, "nó" có quyền quyết định mọi cảm giác (*sensory*), trải nghiệm (*experience*), niềm tin (*belief*), kiến thức (*knowledge*) và cảm xúc (*emotion*). Do đó, tôi tin rằng giác quan thứ bảy của linh hồn chính là cái "bản ngã" mà các vị thầy Hy Lạp xưa nay vẫn tìm kiếm.

Giọng Timotheus trở nên hào hứng hơn:

- Câu hỏi "Ta là ai?" hiện đã có lời giải, tôi tin là vậy. "Ta" chẳng phải chỉ là thân xác mà còn có cả phần linh hồn, trong phần linh hồn đó

có bản ngã làm chủ và quyết định mọi sự. Các hiền triết Ấn Độ nói rằng có sự tương quan chặt chẽ giữa xác thân và linh hồn. Giác quan của linh hồn phải dựa vào giác quan xác thân để hoạt động. Khi chết, giác quan của xác thân hư rã thì giác quan linh hồn gần như cũng tiêu vong. Điều này giải thích tại sao khi chuyển qua đời sống khác, con người không nhớ gì hết – vì các giác quan linh hồn, bao gồm giác quan thứ bảy, *Mạt na* hay bản ngã, của kiếp trước đã tiêu vong rồi. Khi chuyển sinh sang đời sống mới, cơ thể đã có các giác quan mới, do đó, ta là một người mới, với bản ngã mới, hầu như không còn dính dáng gì đến con người và bản ngã của kiếp trước nữa. Tuy nhiên, nói vậy không phải là khi chuyển sinh, con người sẽ cắt đứt mọi liên hệ với kiếp trước. Ngược lại, trong vòng luân hồi, con người sẽ luôn chịu ảnh hưởng của các kiếp sống trước, thông qua luật nhân quả. Điều này diễn ra nhờ vào giác quan duy nhất tồn tại không phụ thuộc vào thân xác – giác quan thứ tám (*A lại da*). Giác quan này và mọi dữ kiện lưu trữ trong đó là vẫn tồn tại sau khi thân xác tan rã, nếu biết kích hoạt giác quan này, ta có thể hồi tưởng những việc xảy ra từ các kiếp trước.

Tôi thắc mắc:

- Nếu mọi giác quan khác đều tiêu vong sau khi thân xác chết, tại sao giác quan thứ tám vẫn tồn tại?

Timotheus giải thích:

- Tôi cũng từng đặt câu hỏi như thế. Vị thầy người Ấn trả lời rằng mọi giác quan đều dựa vào nhau để tồn tại. Khi các giác quan thể xác hư rã thì giác quan tương ứng của linh hồn cũng ngừng hoạt động. Khi sáu giác quan này không hoạt động nữa thì giác quan thứ bảy không còn gì để xử lý nên cũng tan rã theo. Do đó bản ngã cũng không còn. Tuy nhiên, giác quan thứ tám chứa hạt giống vẫn tồn tại là vì các hạt giống này có tiềm lực rất mạnh, đang chờ cơ hội để nảy mầm. Chính nhờ sức sống mạnh mẽ của các hạt giống này (*nghiệp lực*) mà giác quan thứ tám không tiêu biến theo thân xác. Nói cách khác, các hạt giống này còn thì giác quan thứ tám cũng còn. Nó

chính là cỗ máy vận chuyển luật Nhân quả, luân chuyển từ kiếp này qua kiếp khác, không ngừng lưu giữ những hạt giống đang tiếp tục được gieo vào đó. Khi đủ duyên, một số hạt giống nảy mầm, tạo thành đời sống mới. Do đó, nghiệp lực theo ta từ kiếp này qua kiếp khác. Vì vậy, chết không phải là hết.

Timotheus ngừng lại để cho tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Plato và Aristotle tin rằng sau khi chết, linh hồn sẽ chuyển qua xác thân khác. Đã làm người thì sẽ trở lại làm người. Đôi khi người lập nhiều chiến công có thể trở thành thần thánh với quyền năng vô hạn. Còn trong hiểu biết của người Ấn, thế giới này không chỉ có loài người và loài vật mà còn có rất nhiều chủng loài vô hình nữa. Do đó khi chết, linh hồn con người có thể chuyển sinh thành người, súc vật hay các sinh vật vô hình ở những cõi giới khác. Với tôi, thông tin này quá mới lạ, khiến tôi hoang mang, vì trước đây chưa từng nghe ai nói gì về các sinh vật vô hình kia. Người Hy Lạp tin rằng thần linh đều hữu hình – nghĩa là có hình dáng như người, sống trên núi Olympia chứ không vô hình như người Ấn diễn tả.

Tôi cũng ngạc nhiên và còn rất hoài nghi:

- Liệu điều này có thể tin được không? Nếu đã là sinh vật vô hình thì làm sao người Ấn thấy được? Biết đâu đó cũng là một sự tưởng tượng của họ mà thôi?

Timotheus gật đầu:

- Tôi cũng từng nghĩ như thế, nhưng qua những gì được học ở đây, tôi dần hiểu rằng không phải cái gì ta không nhìn thấy được thì không hiện hữu. Nếu tu tập đến mức nào đó, ta có thể khai mở các giác quan đặc biệt của tinh thần, thấy được nhiều thế giới lạ lùng hay các sinh vật vô hình. Các hiền triết Ấn Độ khuyên tôi chú tâm tu tập, theo thời gian, sẽ trải nghiệm được những việc khó tin này. Đó cũng là lý do họ khuyên tôi không nên tin bất cứ điều gì nếu không có những trải nghiệm tâm linh. Sự tin tưởng đơn thuần dựa vào lý trí

hay giác quan của xác thân thường thiếu sót nhiều, cần phải phát triển sự hiểu biết siêu việt bên trong thì mới đầy đủ và trọn vẹn.

Tôi suy ngẫm một chút rồi hỏi:

- Nói vậy, sau khi chết, xác thân tan rã, bản ngã tan biến, chỉ còn lại tàng thức... Nhưng cụ thể thì những chuyện sau cái chết diễn ra như thế nào?

Timotheus giải thích:

- Có một thứ đáng lưu ý về những gì xảy ra sau cái chết là cận tử nghiệp của người mới chết, nó nằm ở rìa ngoài cùng giác quan thứ tám của linh hồn. Nói đơn giản thì cận tử nghiệp là tất cả tâm lý, hành động hoặc ý niệm của người sắp lâm chung, nó sẽ quyết định linh hồn đó sẽ đủ điều kiện bước vào môi trường nào cho hành trình kế tiếp. Cận tử nghiệp nặng khiến nhiều linh hồn rơi vào trạng thái không thể chấp nhận mình đã chết, còn chất chứa nhiều oán niệm, mong ước chưa hoàn thành... nên vẫn quanh quẩn mãi như mắc kẹt ở trần gian. Thậm chí, với những linh hồn khi sống từng tuyệt đối tin rằng chết là hết thì khi chết đi, linh hồn rời khỏi xác, họ sẽ không chấp nhận nỗi sự thật này và rơi vào "hôn mê mờ mịt"... Tuy nhiên, nói khái quát hơn thì thứ duy nhất tồn tại sau khi chết là *A lại da thức* của linh hồn, nó không chỉ lưu trữ dữ liệu của một kiếp sống mà của vô vàn kiếp sống. Vị thầy người Ấn của tôi ví giác quan thứ tám này như một thửa ruộng mà trong đó có rất nhiều hạt giống khác nhau của vô vàn kiếp sống. Nói ví von, khi trời mưa, tức *đủ duyên*, thì một số hạt giống nảy mầm, thành cây rồi trổ quả. Hạt giống nào thì nảy mầm thành cây ấy, hạt ô liu sẽ mọc thành cây ô liu, hạt cải sẽ mọc lên cây cải. Khi không mưa, tức *không đủ duyên*, thì những hạt giống này vẫn ở đó trong trạng thái tiềm ẩn chứ không mất đi. Các hiền triết Ấn Độ tin rằng "linh hồn" không phải là cái gì bất biến như Plato đã dạy, mà nó thay đổi không ngừng tùy các hạt giống (*nhân*) được gieo vào đó. Hay nói cách khác, hành trình trả vay, gieo gặt nhân quả qua muôn kiếp sống đó chính là hành trình tiến hóa của linh hồn. Ở mỗi kiếp sống, ngay sau khi chết, giác quan thứ tám sắp

đặt lại các loại hạt giống (*nhân*) theo quy luật Luân hồi và Nhân quả để chuẩn bị cho đời sống tiếp theo. Cận tử nghiệp cũng tham gia vào quá trình này.

Tôi ngắt lời:

- Nếu thế thì đời sống sau đó sẽ ra sao?

Timotheus trả lời:

- Tùy vào việc các hạt giống tồn tại trong giác quan thứ tám được thu xếp thế nào mà chúng tìm đến nơi chốn thích hợp dưới một hình thể mới, không nhất thiết phải là người. Tùy theo sự sắp đặt của quy luật Nhân quả và Luân hồi của vũ trụ mà chúng ta trở lại làm người, làm súc vật hay chuyển sinh thành những sinh vật vô hình ở các tầng cõi cao thấp khác nhau. Đây là một quy trình sinh động và phức tạp vì có nhiều yếu tố trong đó. Cũng giống như hạt giống cây cối cần phải có đất, nước, khí hậu, thời tiết (*duyên*) mới nảy mầm, các hạt giống tốt, xấu trong giác quan thứ tám sẽ nảy mầm khi đủ duyên, sớm hay muộn, kiếp này hay kiếp khác, tùy vào cơ duyên của mỗi người. Con người sinh vào nơi nào hay hoàn cảnh nào cũng đều do những hạt giống phát tác khi gặp hoàn cảnh thích hợp, tức đã đủ duyên.

Timotheus nhấn mạnh:

- Nói cách khác, đời sống hiện nay ra sao đều do những thói quen, hay *tập khí*, từ trước dẫn dắt. Những hạt giống tham lam, ích kỷ, thường nảy mầm tại nơi có nhiều tranh chấp hay chiến tranh. Hạt giống nghệ thuật thì tìm nơi có hoàn cảnh thích hợp để phát triển... Do đó, chính ý nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta trong kiếp này sẽ dẫn dắt chúng ta đi về đâu ở kiếp sau, chứ chẳng phải do thần linh nào quyết định. Chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm về cuộc đời của mình.

Tôi phản ứng ngay:

- Nói như vậy, kiếp này tôi phải làm nô lệ là do những việc tôi đã gây ra từ kiếp trước? Tôi đã làm những gì mà phải chịu thân phận như thế này chứ?

Timotheus chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Tôi không biết được về tiền kiếp của anh, đây là điều chính anh phải tìm ra. Tại sao người này sinh ra trong thân phận này, người khác lại có thân phận khác, tại sao người làm nô lệ, kẻ được tự do? Phải chăng người từng gieo nhân xấu phải trả quả bằng cách sống kiếp làm nô lệ? Những người đang chịu đọa đày ở kiếp này hẳn đã từng đọa đày, chèn ép, đối xử bất công với người khác? Tôi không có câu trả lời chính xác cho anh, nhưng tôi chẳng biết sự giải thích nào thích đáng hơn. Anh có thể chọn tin hay không tin.

Tôi bối rối, phản ứng yếu ớt:

- Nhưng cũng phải... có ai đó có quyền quyết định chứ?

Timotheus từ tốn lắc đầu:

- Đến lúc này anh vẫn tin vào các thần linh, vẫn còn giữ quan niệm thần linh nắm quyền điều khiển đời sống con người sao? Chúng ta là con người, nào phải nô lệ cho thần linh. Khi xưa, anh vẫn oán trách số phận nô lệ của mình và cương quyết không chấp nhận cảnh người đày đọa người hay buôn bán con người như súc vật, thì tại sao giờ anh lại dễ dàng chấp nhận suy nghĩ có ai đó hay thế lực nào đó quyết định đời sống của mình? Như vậy phải chăng quá mâu thuẫn rồi?

Lời Timotheus như một gáo nước lạnh khiến tôi giật mình, buộc phải ngẫm nghĩ kỹ hơn về điều này. Tôi tự nhủ sẽ thật sự nghiêm túc suy ngẫm về những gì Timotheus vừa nói. Tôi gật gù ra hiệu đã ghi nhận, rồi hỏi thêm:

- Giác quan thứ tám lớn thế nào mà có thể chứa nhiều đến vậy?

Timotheus mỉm cười:

- Giác quan này không phải là thứ hữu hình hữu thể, nên không thể nói về tầm vóc của nó được. Nó có sức chứa vô biên. Tất cả những gì ta suy nghĩ, hành động đều được chứa trong nó. Những thói quen, hay tập khí mà ta cứ lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ tạo ra mãnh lực gọi là *nghiệp*. Sau khi chết nó sẽ dẫn dắt ta đến cõi giới tương ứng. Vị thầy người Ấn nói rõ: *"Tất cả tai ương, hoạn nạn hay điều tốt lành đều do chính mình tạo ra, nên đừng trách cứ ai. Làm lành thì kết quả tốt, làm ác thì kết quả xấu. Cho nên mọi ý nghĩ, lời nói, hành động đều phải cẩn thận, đừng làm việc gì sai quấy vì luật Nhân quả sẽ chẳng bỏ qua"*. Vì thiếu hiểu biết về các quy luật này nên chúng ta cứ mặc tình hành động bừa bãi, gieo đủ loại hạt giống tốt, xấu... vào giác quan thứ tám. Có bao nhiêu người ý thức được việc làm của mình sẽ mang lại hậu quả như thế nào? Đây là sự thiếu sót lớn của văn minh xứ ta, vì chúng ta chỉ biết nhìn vào cái thế giới nhỏ bé này chứ chưa biết vươn tầm mắt lên những gì cao xa hơn.

Timotheus tỏ ra xúc động:

- Khi được những hiền triết xứ này dạy về luật Nhân quả, tôi đã hết sức ngỡ ngàng vì chưa từng hình dung có một định luật logic như thế. Chắc anh còn nhớ khi Alexander Đại đế hội kiến suốt mấy tuần lễ với Vua Porus và đoàn người của ông ta. Lần đó, đoàn người của Vua Porus đã giảng về luật này, Đại đế lệnh cho tôi và các học giả Hy Lạp phải tìm đủ mọi cách tranh luận, phản biện để chứng minh văn minh và kiến thức Hy Lạp cao siêu hơn. Nhưng rốt cuộc mọi lý lẽ của những người uyên thâm nhất Hy Lạp cũng không đánh đổ được định luật này. Chính Alexander ngồi nghe hai bên thảo luận suốt mấy tuần lễ cũng đành phải công nhận giá trị của nền minh triết nơi đây. Ngài cũng đã thảo luận với Vua Porus về việc xây dựng và điều hành quốc gia dựa trên sự hiểu biết này. Sau đó, ngài ra lệnh bãi binh, trở về Hy Lạp. Alexander khi đó đã có ý thay đổi việc điều hành triều đình dựa trên kiến thức về luật Nhân quả. Ngài muốn giáo hóa nhân dân để xây dựng một quốc gia an định, tiến bộ. Khi đó, vì muốn học thêm những kiến thức thâm sâu của xứ này nên tôi quyết

định trốn khỏi doanh trại, ở lại đây để thụ giáo với các bậc hiền triết nơi này.

Tôi kể cho Timotheus nghe về cái chết của Alexander và câu nói bằng ngôn ngữ lạ lùng của ngài trên giường bệnh mà lúc đó không ai hiểu. Timotheus lắng nghe rồi giải thích:

- Đó là ngôn ngữ của xứ này. Câu đó có nghĩa là "*Sinh, Lão, Bệnh, Tử*" và "*Thành, Trụ, Hoại, Diệt*". Biết nhà vua bận rộn, không thể nhớ hết mọi sự nên một hiền triết xứ này đã dạy cho Alexander hai câu quan trọng để ông suy ngẫm khi trở về Babylon. Câu đầu dành cho cá nhân nhà vua, câu sau dành cho quốc gia mà ngài cai trị.

Chúng tôi rơi vào trầm tư, cùng hồi tưởng về những việc đã xảy ra. Một lúc sau, Timotheus phá vỡ sự im lặng:

- Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về luật Luân hồi và sự liên tục của đời sống. Chúng ta cứ chết đi sống lại, lúc làm người, khi làm thú vật, không ngừng nghỉ gieo vào giác quan thứ tám đủ loại hạt giống. Tôi đã tự hỏi, đâu là khởi đầu của sinh tử luân hồi, đâu là điểm bắt đầu của một sinh mệnh. Những người thầy Ấn Độ giải thích rằng chúng ta đã sống hàng trăm, hàng ngàn kiếp trước đây và sẽ còn tiếp tục hàng trăm, hàng ngàn kiếp sau này. Trong vòng sinh hóa của vũ trụ, với sự hiểu biết còn hạn hẹp, chúng ta không thể biết về sự khởi đầu. Tuy nhiên, họ cũng nói rằng đó chẳng phải việc mà ta nên bận tâm. Chúng ta chỉ nên bận tâm việc làm sao để thoát khỏi vòng lẩn quẩn này để đạt được sự tự do tuyệt đối.

Tôi buột miệng:

- Cần gì phải tự do. Nếu được làm thần linh như thần Zeus, luôn sống trong sung sướng thì...

Timotheus bỗng trở nên hết sức nghiêm túc, anh cau mày, ngắt lời tôi, giọng nói cũng đanh lại:

- Anh cho rằng làm thần linh là sung sướng? Anh đọc Homer có bao giờ tự hỏi tại sao Achilles sau khi chết đã trở thành thần, đã cai quản cõi âm mà khi gặp lại Odysseus vẫn than rằng thà trở lại thế gian làm người, dù có làm nô lệ khổ sở, còn hơn làm vua trị vì cõi chết không? Tại sao Achilles nhất định đòi trở lại thế giới loài người hơn là sống ở cõi thần linh?

Timotheus nhắc đến Achilles khiến tôi liền nghĩ đến Alexander Đại đế và lời nói năm xưa của ngài tại cổ thành Troy. Cả tôi và Timotheus đều có mặt lúc đó và nghe rõ lời nói của vị vua trẻ: "Ta chính là Achilles đã trở lại". Tôi ngập ngừng một chút rồi đáp:

- Tôi chưa từng nghĩ đến. Vậy theo anh, tại sao Achilles đã trở thành thần rồi mà vẫn muốn trở lại làm người?

Timotheus trả lời:

- Tôi đã suy nghĩ rất nhiều cho đến khi hiểu ra rằng trong sung sướng, người ta không học được gì. Thần linh chỉ hưởng thụ mà không phải làm gì nên họ chỉ sống một cách vô tri, vô cảm, đời sống như thế thì thật vô nghĩa. Do đó, tôi hiểu tại sao Zeus tuy là thần nhưng vẫn thường trở lại thế gian dụ dỗ, tán tỉnh các cô gái đẹp. Zeus làm thế là để có thể sống bằng cảm xúc. Tại sao là thần mà Poseidon vẫn trở lại thế gian trút cơn thịnh nộ bằng cách gây bão tố trên biển? Vì ở nơi sung sướng của mình ngài đâu có lý do gì để giận dữ. Cũng thế, Hera cũng trở lại thế giới loài người để có thể giờ thối ghen tuông, ganh tỵ với những người phụ nữ xinh đẹp khác. Tại sao thần linh lại làm thế? Vì họ không thể sống thiếu cảm xúc được. Làm thần như thế thì sung sướng nổi gì? Tôi nghĩ đến lời dạy của Socrates về việc phải học hỏi để tìm ra ý nghĩa chân thật của cuộc đời và tôi đi đến kết luận rằng chỉ khi làm người, chúng ta mới có dịp học hỏi qua các trải nghiệm để phát triển sự hiểu biết, bất kể qua trải nghiệm tốt hay tồi tệ. Đời sống loài người là môi trường duy nhất để học hỏi và đó chính là mục đích chân thật của kiếp người. Ở thế giới khác, chúng ta không thể học được gì. Làm thần được hưởng sung sướng nhưng vô cảm, chẳng học được gì. Làm súc vật thì ngu si

đâu thể học. Tôi cho rằng những kiếp sống như thế hoàn toàn vô nghĩa. Chỉ làm người chúng ta mới có thể định đoạt số phận, phát triển kiến thức, để đạt đến sự hiểu biết thật sự về mục đích của kiếp người. Đó là lý do tôi từ bỏ tất cả, danh vọng, địa vị, kể cả việc làm cố vấn cho Alexander, và quyết định ở lại đây để học hỏi thêm về kiến thức và minh triết xứ này.

Khi chưa có lòng tin tuyệt đối, lúc tin, lúc ngờ thì dễ bị lay chuyển. Gặp việc không vừa ý thì dễ mất lòng tin, nhận thức không rõ ràng thì dễ thay đổi ý kiến. Việc học hỏi nào cũng có lúc gặp khó khăn, thử thách, khi có lòng tin vững chắc thì mới có thể vượt qua được trở ngại, chông gai. Lòng tin là căn bản dẫn dắt mọi sự.

Timotheus ngừng lại một chút, gương mặt mơ màng như đang hồi tưởng. Sau đó anh chậm rãi lên tiếng:

- Kyros, trong mấy năm qua, tôi đã tuân theo sự chỉ dẫn của các thầy người Ấn để học hỏi những kiến thức uyên thâm nơi đây. Là học trò của Plato, tôi đã học triết học và lý luận để suy nghiệm những vấn đề của con người. Là học trò của Aristotle, tôi đã học cách quan sát các hiện tượng thiên nhiên và tìm cách giải thích chúng. Tôi quan sát các vì tinh tú và có thể giải thích một vài hiện tượng về mưa nắng, thời tiết. Tôi nghiên cứu thân thể con người và có thể giải thích nguyên nhân bệnh tật. Tôi học về dược chất của các loài thảo mộc để tìm cách chữa bệnh. Tôi nghĩ tưởng tôi đã sở hữu kiến thức uyên thâm, không thua gì các thầy của mình. Tuy nhiên đến đây và được học hỏi với các vị hiền triết xứ này, tôi mới vỡ lẽ rằng còn biết bao điều tôi không biết. Chúng ta chỉ biết sử dụng các giác quan của xác thân mà không ý thức được rằng chúng rất giới hạn. Bộ óc của chúng ta chỉ là một khối thịt, nếu không có linh hồn phía sau điều khiển thì nó không thể làm được gì. Ngay cả sự suy nghĩ, tư duy của chúng ta cũng không hoàn hảo vì ta chỉ dựa vào những kiến thức đã được truyền dạy trước đó. Nếu các kiến thức này thiếu sót thì sự hiểu biết của chúng ta cũng bất toàn.

Tôi hỏi:

- Vậy thì anh học được gì tại đây?

Timotheus thở dài kể:

- Lần đó Vua Porus đưa các vị hiền triết xứ Ấn đến tranh luận với các học giả Hy Lạp tháp tùng Alexander trong chuyến viễn chinh, chúng tôi đã thảo luận suốt mấy tuần liền về đề tài Luân hồi. Những hiền triết người Ấn nói rằng đời sống con người thì giới hạn – sinh ra, trưởng thành rồi già và chết đi theo năm tháng. Sau khi chết, con người lại tiếp tục một đời sống khác, cứ thế kéo dài liên miên bất tận, có khác gì đang ở trong tù. Vừa nghe đến đó, Alexander đã phản đối ngay, ngài lớn tiếng: "Các ông sai rồi. Hiện nay chúng tôi

đang tự do, muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm. Tại sao ông nói đang ở trong tù được?". Vị hiền triết xứ Ấn vẫn trả lời rất từ tốn.

"Nếu ngài không tin mình đang ở trong tù, thì cũng giống như con chim sống trong lồng, tuy vẫn bay nhảy được nhưng không thể nào thoát ra khỏi cái lồng. Con chim không biết là nó đang bị giam, nhưng là người, ngài hiển nhiên biết con chim đó không có tự do. Cũng như chim trong lồng, con người lẫn quẩn trong vòng luân hồi, sống, chết, rồi lại tái sinh. Con chim có thể bay trong phạm vi của cái lồng và cảm thấy thỏa mãn vì nó chưa biết gì về bầu trời rộng mở thênh thang bên ngoài. Con người cũng thế, các ngài sinh ra, lớn lên, già yếu và chết đi, nhưng vẫn thoải mái, vì các ngài chỉ biết đến thế giới này chứ đâu biết gì về vũ trụ rộng lớn bao la kia. Làm sao các ngài hiểu được sự tự do tuyệt đối, hoàn toàn giải thoát khỏi luân hồi là như thế nào? Chim trong lồng được nuôi ăn thì con người cũng được hưởng dục lạc nên đâu biết gì nữa, cứ cam tâm sống rồi chết, chết rồi sống. Lúc lên, lúc xuống, khi sướng, khi buồn, lúc vui, lúc khổ, đâu biết gì về sự thanh thoi, tiêu sái của tự do tuyệt đối. Nếu các ngài không biết đặt câu hỏi về ý nghĩa của cuộc đời thì mãi mãi cứ sống kiếp '*chim lồng, cá chậu*' mà thôi."

Các học giả Hy Lạp chấp nhận việc sống chết của kiếp người cũng như sự tái sinh qua kiếp khác là việc thường tình nhưng chưa một ai nói đến sự tự do tuyệt đối. Những gì vị hiền triết xứ này nói tựa tiếng sét đánh thức tôi, làm thay đổi hẳn các quan niệm trước đây của tôi. Sau buổi hội kiến kéo dài đó, tôi đến gặp riêng các nhà hiền triết này và hỏi có cách nào để thoát ra khỏi luân hồi không? Các vị này cho biết họ đang tu tập theo phương pháp mà bậc đạo sư của họ đã chỉ dạy và đó là con đường thoát khỏi luân hồi. Nếu muốn thì tôi có thể sống trong tu viện tại đây để học thêm, vậy là tôi quyết định ở lại.

Timotheus mỉm cười, có thể thấy người bạn của tôi rất hài lòng với quyết định ở lại đây. Anh kể tiếp:

- Sau khi được học về giác quan của linh hồn mà người Ấn gọi là tâm thức, tôi vô cùng sung sướng vì kiến thức này đã giúp tôi giải

đáp câu hỏi "Ta là ai" mà các bậc thầy Hy Lạp vẫn tìm kiếm bấy lâu. Tôi cũng từng tin rằng bản ngã chính là con người thật của mình vì nó làm chủ tất cả mọi sự. Nhưng các nhà hiền triết người Ấn đã nói với tôi: "Ông lầm rồi, bản ngã không phải là ông đâu. Nó là ảo tưởng làm ông lầm lạc và chặn đứng sự hiểu biết thật sự". Về sinh mệnh con người, các nhà hiền triết giảng rằng khi một bào thai được thụ tinh, giác quan thứ tám (*A lại da*) nhập vào bào thai và khởi sự tạo ra giác quan thứ bảy (*Mạt na*) để bắt đầu đời sống mới. Trong giác quan thứ tám có nhiều hạt giống của *sự sinh tồn* từ muôn kiếp trước nên giác quan thứ bảy rút ra những hạt giống này để duy trì sự sống và tạo cá tính riêng hay bản ngã của kiếp đó. Do đó, căn bản của bản ngã là sự tham sống, sợ chết. Lúc đó, tuy bào thai chỉ là khối thịt rất nhỏ nhưng đã có sự sống. Sau khi bản ngã hình thành, nó nhận thấy ngay có sự khác biệt giữa linh hồn và xác thân (*chủ thể và đối tượng*) nên bắt đầu phân biệt nhị nguyên (*Duality*). Sự phân biệt này là căn bản của bản ngã, và nó phán xét, phê bình, hành động dựa trên sự phân biệt này. Theo thời gian, bào thai phát triển, thể xác thành hình với các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và óc thì các giác quan tương ứng của linh hồn như *nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân* và *ý* cũng phát triển theo. Từ đó, bào thai cảm nhận được những việc xảy ra quanh nó. Các cảm giác này được giác quan thứ sáu (*ý*) ghi nhận, xếp đặt và chuyển vào giác quan thứ bảy để xử lý. Giác quan này nhận xét, phân biệt và ra quyết định. Vì bản ngã đã có ý niệm phân biệt nên nó chỉ làm những gì có lợi để bảo vệ chính nó. Từ đó nảy sinh ý niệm yêu, ghét, chiếm hữu, tham lam, ích kỷ... Đó chính là nguyên nhân của mọi đau khổ trên thế gian này.

Khi chưa thật thấu hiểu, những lời dạy này đã khiến tôi vô cùng hoang mang. Vì vậy, các hiền triết này đã dạy tôi thực hành một thứ gọi là phương pháp tĩnh tâm (*Stillness Meditation*) nhằm có thể tìm ra con người thật của mình, nhưng tập mãi mà tôi vẫn còn cách cảnh giới đó rất xa. Tôi vẫn không biết được nếu con người thật của tôi không phải là bản ngã, thì là gì? Cuối cùng, tôi đem câu hỏi này tiếp tục hỏi các thầy của mình. Khi đó, các vị mới dạy rằng, ngoài bản ngã có trong mỗi con người, còn có một thứ gọi là "chân ngã", nó hiện diện khắp nơi, bao trùm lên mọi vật. Nếu ví chân ngã như

nước trong đại dương thì bản ngã chỉ là cái chén chứa nước bên trong. Nước, hay chân ngã, thì ai cũng có, nhưng mọi người cứ lầm tưởng mình là cái chén chứ không phải là nước. Đó là sự lầm lạc nguyên thủy mà người Ấn gọi là *vô minh*. Vấn đề là làm sao phá vỡ cái chén đó để nước trở về đại dương.

Timotheus bỗng nở một nụ cười với vẻ tự trào:

- Tưởng rằng đã tìm ra chân lý, tôi mừng rỡ nói: "Thế thì tôi biết rồi! Để đạt đến chân ngã, tôi phải tiêu diệt bản ngã. Nghĩa là phải phủ nhận thân thể này, dứt bỏ mọi cảm giác của thân xác để phá tung bản ngã thì sẽ tìm được chân ngã". Vị thầy người Ấn lắc đầu nói ngay: "Ông đừng kết luận vội vàng. Nhiều người chỉ dựa vào quan niệm 'diệt ngã' mà thực hành ép xác, khổ hạnh, không đạt kết quả gì đâu". Vị này giảng thêm rằng diệt ngã không phải là thực hành khổ hạnh, bỏ mặc thân thể, hủy bỏ thân xác hòng tìm kiếm cái gì ở bên ngoài. Như thế chỉ làm hư hoại thân thể, tiêu pha sinh lực một cách vô ích. Một thân thể hao mòn kiệt quệ thì làm sao có sự hiểu biết sáng suốt được. Chân ngã hiện diện khắp nơi, trong tất cả mọi vật, nhưng vì mê lầm nên chúng ta cứ tìm kiếm tận đâu. Chân ngã đã có sẵn thì việc gì phải tìm, ta chỉ cần quay vào trong để chuyển hóa bản ngã, chuyển tâm thức thành trí tuệ, chứ không phải tìm cái gì khác. Khi ba nghiệp *thân, khẩu, ý* được thanh tịnh thì ta sẽ biết được con người thật của mình. Sau đó, các hiền triết đã dạy tôi cách tu tập, quán chiếu để quay vào bên trong. Trong phương pháp này, tôi phải tuân thủ một số điều kiện (*giới*) rồi sau đó thực hành việc trụ tâm (*định*). Đây là cách kiểm soát tư tưởng và thay đổi cái nhìn sai lầm xuất phát từ bản ngã, hiểu rõ tác động của nhân và quả, hoạt động của các chủng tử, hiểu được nhân tạo thành nghiệp như thế nào. Từ đó, tôi đã có một cái nhìn sáng suốt về sự vận hành của các động lực bên trong tâm thức và rồi cũng biết được các biến chuyển trong vũ trụ, tạm gọi là đã có *tuệ*.

Timotheus giải thích thêm:

- Tôi đã nhận ra rằng đây chính là sự giải thích hợp lý và rõ ràng nhất. Từ đó tôi thấy được sự sai lầm, cố chấp của bản ngã đã gây biết bao tai họa cho con người. Bản ngã coi mình là quan trọng, khiến cho con người chỉ biết so sánh hơn kém rồi phê bình, phán xét, chỉ trích người khác chứ không hề biết nhìn lại lầm lỗi của bản thân. Rất ít người tự thấy sai lầm của mình vì bản ngã đã làm cho họ mù quáng không nhìn xa được. Bản ngã tạo ra sự tranh giành được thua, hơn kém và sẵn sàng chống lại những kẻ dám đụng chạm đến chủ trương hay quan niệm của họ. Sự sai lầm, cố chấp của bản ngã đã đóng chặt cánh cửa tâm linh có thể giúp con người đạt được tự do tuyệt đối. Bây giờ, tôi đã hiểu rõ bản ngã là nguyên nhân của mọi đau khổ, của hầu hết các vấn đề khó khăn của con người.

Tôi nhìn người bạn từng là học giả lỗi lạc của Hy Lạp, vị cố vấn tối cao, thân cận của Hoàng đế Alexander, hiện đang khoác tấm áo cũ nát, đầu cạo trọc, cảm thán:

- Nhưng sao anh mặc rách rưới như kẻ hành khất thế này...

Timotheus bật cười:

- Từ bao lâu nay, con người vẫn tin rằng mình chính là thân xác này. Chúng ta yêu nó, săn sóc nó, xem nó là quan trọng nhất và không muốn bất kỳ điều gì có thể xảy ra làm thương tổn đến nó, và rồi ta để nó chi phối tất cả mọi ý nghĩ, hành động của mình (*bản ngã*). Từ sáng đến tối, ta chỉ bận rộn vì thân xác này, mọi việc đều xoay quanh nó. Nó đói, ta phải lo cho nó ăn. Nó muốn ăn ngon, ta phải tìm những sơn hào hải vị đáp ứng nó. Nó không muốn lạnh, ta phải tìm quần áo ấm cho nó. Nó muốn đẹp, ta phải lo điểm trang cho nó. Nó cần gì, ta phải cung phụng cái đó. Ta nuông chiều nó rồi tạo ra các thói tham lam, ích kỷ, kiêu căng, dối trá, lừa gạt, tranh chấp... Theo thời gian, những thứ này đã bám rễ vào ta, làm thu hẹp khả năng hiểu biết siêu việt bên trong, khiến ta trở thành nô lệ cho xác thân. Ta chỉ biết những gì nông cạn bên ngoài, mà không biết khám phá những tốt đẹp tiềm ẩn bên trong. Muốn trở về với con người

thật (*chân ngã*) thì phải biết buông bỏ những giá trị phù phiếm, danh vọng hão huyền để phát triển khả năng hiểu biết thâm sâu.

Kyros ơi, quần áo chỉ để che thân mà thôi thì tôi cần gì phải có nhiều, do đó tôi chỉ giữ lại một bộ quần áo mà thôi. Ăn uống chỉ để nuôi thân thì việc gì phải ăn nhiều, do đó tôi chỉ ăn ngày một bữa. Cũng thế, ngủ chỉ là sự nghỉ ngơi sau một ngày làm việc nhưng đâu cần phải ngủ nhiều, do đó tôi chỉ ngủ vừa đủ. Biết giới hạn các đòi hỏi của thể xác, bắt chúng tuân theo sự chỉ huy của mình là bước đầu giành sự tự chủ, không để cho xác thân hay bản ngã điều khiển nữa.

Tôi nhìn bạn mình một lượt từ trên xuống. Những gì Timotheus nói nghe thật có lý, nhưng cũng không có vẻ gì là điều ai cũng làm được. Tôi hỏi:

- Nếu thế... có khó không?

Timotheus gạt đầu giải thích:

- Người chưa đi vào con đường này thì không thể hiểu các khó khăn mà tôi đã trải qua. Có một số quy luật phải tuân thủ và đó thật sự là một thử thách vô cùng khó khăn. Ai cũng có những thói quen như ăn uống, ngủ nghỉ. Người Hy Lạp chúng ta quen uống rượu hằng ngày, nay phải bỏ rượu là điều không dễ chút nào. Là cố vấn cho hoàng đế, tôi cũng đã quen ăn ngon và món ăn phải có đủ thịt cá, nay phải bỏ hết, chỉ ăn rau củ cũng là một thử thách lớn. Là người quen ngủ nhiều thì nay phải thức dậy khi mặt trời chưa mọc để thực hành các phương pháp tĩnh tâm quả thật vô cùng khó khăn. Trong mấy tháng đầu, thân thể tôi đau nhức, đầu óc quay cuồng, đau như búa bổ nhưng tôi cương quyết nỗ lực phải đi đến cùng. Nếu người Ấn đã làm được thì tôi cũng phải làm được. Từ bao lâu nay, tôi vẫn mong tìm được một kiến thức siêu việt, nay đã gặp thì không thể bỏ lỡ cơ hội này.

Tôi hỏi:

- Nhưng tập thì lúc nào chẳng được, tại sao phải thức khuya dậy sớm như thế?

Timotheus bật cười trả lời:

- Các vị thầy người Ấn đều sống như thế. Khi theo họ học hỏi thì tôi cũng phải làm theo họ. Mỗi sáng sớm, tôi phải ngồi yên, tập trung tư tưởng, giới hạn các hoạt động của thể xác.

Tôi không thể vừa tập, vừa đi hay nằm được. Khi đi, chúng ta nhìn mọi vật chung quanh, mắt hướng ra ngoài, hết nhìn cái này lại nhìn cái nọ thì làm sao tập trung tư tưởng được? Khi nằm thì dễ ngủ, do đó phải ngồi thì mới kiểm soát được thân và tránh các ảnh hưởng bên ngoài lôi kéo. Tôi đã tập luyện theo phương pháp này khá lâu rồi và thấy việc kiểm soát mắt, tai, mũi, lưỡi không khó nhưng kiểm soát đầu óc thì khó gấp bội. Từ đó tôi mới hiểu, người ta không thể phát triển được các giác quan tiềm ẩn bên trong là vì trong bao năm, chúng ta luôn để cho đầu óc hoạt động, không bao giờ yên. Thầy tôi đã dạy rằng người thực hành phương pháp này phải đem hết nỗ lực, kiên trì và sự quyết tâm vào việc kiểm soát thể xác, không để nó làm chủ và chi phối thì mới có thể tiến bộ được.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng ăn ngủ không đủ thì làm sao khỏe được?

Timotheus từ tốn giải thích:

- Hiển nhiên ai cũng cần ăn và ngủ nhưng chúng ta đã đánh giá quá cao tầm quan trọng của việc này và lãng phí nhiều thời gian cho nó. Tại sao chúng ta cứ phải ăn liên tục, hết bữa này đến bữa khác? Ăn xong ít lâu lại ăn nữa. Những việc này chỉ cần chừng mực và vừa đủ là được rồi. Chúng ta đang hao tổn sinh lực cho những việc vô ích. Phải chăng vì đầu óc lúc nào cũng quay cuồng với hàng trăm ý nghĩ tham lam, sân hận, so sánh, yêu ghét mà sinh lực của chúng ta cứ bị hao mòn? Các cơ quan thể xác phải liên tục hoạt động để xử lý các cảm nhận bên ngoài như thấy, nghe, ngửi, nếm, hay xúc chạm,

việc đó cũng làm tiêu hao sinh lực. Chúng ta không biết duy trì sức mạnh nội tại bằng việc tiết kiệm sinh lực nên thân thể mới có vấn đề. Tại sao người ta mắc bệnh? Vì đa số không biết đến việc này, suốt ngày chỉ ăn uống sao cho nhiều, đầu óc chỉ tính toán sao cho hơn người. Nào là tranh giành, chiếm đoạt rồi vơ vét, tích lũy, tất cả những thứ đó làm hao tổn sinh lực, thân thể làm sao không ngã bệnh. Nếu biết kiềm chế và giới hạn hoạt động của thể xác, tiết kiệm sinh lực thì chẳng cần phải ăn hay ngủ nhiều.

Ngồi yên là kiểm soát thân và tâm, khiến cho thân không đòi hỏi, tâm không rối loạn. Khi kiểm soát được tâm và thân thì mới thanh lọc được các đòi hỏi khác. Từ khi hiểu như thế, tôi hết lòng tu tập phương pháp này và đã tiến bộ. Hiện nay, thân thể tôi còn khỏe mạnh hơn xưa, tâm hồn tôi cũng thoải mái lạ thường. Từ đó, tôi nghiệm ra rằng khi kiểm soát được tâm và thân thì cũng sẽ không có bệnh. *Phần lớn bệnh tật đều xuất phát từ tâm.* Khi tâm mãi theo đuổi những việc như tham lam, sân hận, tranh giành, yêu ghét, rồi dẫn đến lo lắng, sợ hãi thì sinh ra tâm bệnh, tâm bệnh sinh ra bệnh tật trên thân xác. Khi tâm yên tĩnh, không vọng động, khi hơi thở đều đặn, sâu lắng sẽ sinh ra một luồng sức mạnh vô hình chạy khắp châu thân, điều hòa mọi cơ quan, diệt trừ được bệnh tật. Tôi biết được việc ăn thịt uống rượu cũng dễ sinh bệnh vì nó tạo ra ảnh hưởng làm bế tắc lối đi của luồng sức mạnh kia. Các bậc thầy xứ này chỉ ăn mỗi ngày một bữa, mỗi bữa họ ăn rất ít mà vẫn khỏe mạnh như thường. Hơn nữa, nếu không kiểm soát được thân thì làm sao kiểm soát được tâm? Do đó, tôi nhất quyết bỏ rượu thịt và thói quen ăn nhiều bữa, giờ tôi cũng chỉ ăn mỗi ngày một bữa.

Tôi gật gù:

- Lần đầu tiên tôi nghe đến những phương pháp này, nhưng nếu anh đã thực hành và thấy hiệu quả, hẳn phải thật sự có đạo lý bên trong. Vậy còn việc tĩnh tâm mà anh nói là kiểu thực hành thế nào?

Timotheus trả lời:

- Tĩnh tâm là dẹp bỏ các tư tưởng lao xao trong tâm trí, buộc chúng phải dừng lại. Tôi là người hay suy nghĩ nên đây là điều khó thực hành nhất. Khi mới tập, thân thể tôi đau nhức vô cùng nhưng tôi đã khắc phục được. Việc làm sao để mọi ý thức ngưng lại thì khó hơn nhiều. Tư tưởng tuôn đến như thủy triều, không dừng được, lúc nào tôi cũng nghĩ ngợi lan man. Vị thầy người Ấn của tôi nói rằng nếu tôi không diệt được những suy nghĩ này, thì tôi mãi chẳng thể tiến bộ được. Một khi tiêu trừ hết mọi ý niệm, để tâm tĩnh lặng thì sẽ trải nghiệm được trạng thái bình an, gọi là định (*Samadhi*). Khi đạt đến trạng thái này thì mọi vấn đề đều trở nên rõ ràng, sáng suốt vì không còn thiên kiến xen vào, nên việc gì cũng có thể giải quyết dễ dàng. Phương pháp tĩnh tâm là loại bỏ các suy tư, nghĩ ngợi, không cho chúng nổi lên vì nếu chúng nổi lên thì ta sẽ không tập trung được và như thế là mất hết công phu. Tâm của chúng ta như ly nước đầy bụi bẩn. Nếu biết giữ yên thì theo thời gian, bụi bẩn sẽ lắng xuống đáy và ly nước trở thành trong veo. Cũng thế, khi ta để tâm lao xao với nhiều ý tưởng thì cũng như tâm trí bị bụi bẩn làm cho không thể tập trung, và như thế không thể phát triển định lực được. Do đó, mục đích chính khi bắt đầu thực hành là làm sao loại bỏ những ý tưởng lan man này bằng việc chú ý vào hơi thở. Nếu giữ được tâm yên tĩnh, không còn tư tưởng nào nổi lên nữa tức là có *định*, và đến khi đó ta sẽ hiểu được nhiều điều, tức là có *tuệ*.

Timotheus dừng lại một lúc để tôi ngẫm những gì vừa nghe, rồi nói tiếp:

- Bản chất con người là thích ăn uống, ngủ nghỉ và tình dục. Đây là những thói quen bắt nguồn từ những hạt giống được chất chứa từ bao nhiêu kiếp sống trước. Đó là lý do người thực hành phải triệt để tuân theo một số kỷ luật, tức là *giới*, nhằm kiểm soát những thói quen quá khứ này. Sau khi thực hành được một thời gian, tôi cũng đã có chút định lực. Tuy mắt nhìn mọi sự mà tâm không xao động. Tuy tai nghe âm thanh mà tâm không lưu luyến. Nhưng không nghĩ về dục niệm thì vẫn khó vô cùng. Thầy người Ấn của tôi cũng đã nói rõ: "Nếu ông còn nghĩ đến việc ân ái nam nữ thì chưa thể đi xa

được. Nếu không đoạn trừ tâm dâm dục, thì việc thực hành cũng vô ích thôi".

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng tình dục là bản năng tự nhiên của con người mà?

Timotheus gật đầu:

- Đúng thế, tình dục là bản năng, là yếu tố mạnh nhất có thể phá tan định lực của những người đi trên con đường tìm sự tự do tuyệt đối này. Đừng nói là hành động dâm dục, chỉ cần trong tâm khởi một dục niệm thì nó đã kéo người ta ra khỏi con đường phát triển định lực rồi. Trong phương pháp tĩnh tâm thì việc đầu tiên là dứt trừ tâm dâm dục. Đó cũng là lý do tôi phải tìm vào nơi thâm sơn cùng cốc để thực hành. Sống ở những nơi ồn ào, đông đúc, hằng ngày gặp người nam người nữ, khó có thể giữ tâm không xao động. Vừa đạt được một chút công phu thì mọi phiền phức lại kéo đến làm xáo trộn đầu óc. Do đó, tôi phải tìm nơi rừng sâu, núi thẳm, không ồn ào, không có người, mới có thể yên tĩnh để thực hành. Sống như thế mới hòa nhập vào cảnh trời đất tự nhiên, ung dung tự tại, không có gì gây chướng ngại, không có gì tạo phiền phức. Tại thâm sơn cùng cốc, không khí yên tĩnh, không có tranh cãi ồn ào, nên ta có thể sống trong tịch mịch, tiêu sái, chẳng cần để ý đến ai, mà cũng không có ai để ý đến mình. Tại nơi không còn danh lợi, không còn tranh đua, không còn thèm muốn thì tâm mới thật sự tĩnh lặng được. Sau khi học những điều căn bản như rèn luyện thân thể để có sức khỏe, thay đổi thói quen ăn uống để giảm bớt đòi hỏi của thể xác, phát triển năng lực tư duy, suy ngẫm lời dạy của các bậc hiền triết để xác định đúng hướng đi, người thực hành phải tìm nơi vắng vẻ để thực hành và trải nghiệm những điều đã được chỉ dạy. Do đó, sau thời gian học hỏi tại Hydaspes, tôi và một số người đồng đạo đã tìm lên núi tuyết để khởi sự tu luyện. Tuy nhiên khi đến Bactria, thầy của tôi thấy người vùng này vẫn đang sống trong tăm tối, vô minh nên đã quyết định dừng chân tại đây ít lâu để thành lập đạo viện, khai ngộ cho người xứ này. Miền này thuộc sự kiểm soát của quân đội Hy

Lạp, mọi việc đều phải được sự chấp thuận của quan cai trị địa phương nên tôi đành phải nhờ đến anh. Hơn nữa, trước đây chúng ta từng thảo luận nhiều vấn đề mà vẫn không có lời giải đáp. Nay đã tìm được câu trả lời nên tôi muốn gặp lại anh để chia sẻ, giúp anh hiểu thêm những điều anh vẫn luôn thắc mắc.

Phần lớn bệnh tật đều xuất phát từ tâm. Khi tâm mãi theo đuổi những việc như tham lam, sân hận, tranh giành, yêu ghét, rồi dẫn đến lo lắng, sợ hãi thì sinh ra tâm bệnh, tâm bệnh sinh ra bệnh tật trên thân xác. Khi tâm yên tĩnh, không vọng động, khi hơi thở đều đặn, sâu lắng sẽ sinh ra một luồng sức mạnh vô hình chạy khắp châu thân, điều hòa mọi cơ quan, diệt trừ được bệnh tật.

Giờ tôi đã hiểu tại sao Timotheus viết thư riêng mời tôi đến gặp mặt. Tôi là quan trông coi ngân khố và quyết định mọi sự chi tiêu của triều đình, có mối quan hệ với các thống đốc địa phương nên không gặp khó khăn gì trong việc xuất công quỹ giúp Timotheus xây dựng đạo viện tại đây. Các kiến trúc sư Hy Lạp và thợ khéo đã được gọi đến để hoàn tất việc này nhanh nhất có thể nên chỉ trong một thời gian ngắn, một đạo viện khang trang đã được thành lập tại Bactria. Từ đó hằng ngày, các hiền giả Ấn Độ cùng Timotheus và các đồng đạo của anh khởi sự dạy dỗ minh triết Ấn Độ cho người dân địa phương.

Theo Thomas, đó là đạo viện (Ashram) Phật giáo đầu tiên được thành lập tại Bactria (khoảng năm 310 trước Công nguyên). Đạo viện này được xây dựng theo lối kiến trúc Hy Lạp vì miền này vẫn thuộc sự cai trị của các thống đốc Hy Lạp. Vì cuộc chiến giữa các tướng lĩnh của Alexander vẫn tiếp tục nên để tránh chiến tranh, người Hy Lạp đã đến định cư tại đây khá đông. Các nghệ nhân Hy Lạp đã đóng góp rất nhiều cho nền mỹ thuật Phật giáo tại miền này. Điển hình là các tượng Phật được mô phỏng theo nghệ thuật Hy Lạp, khác hẳn các tượng Phật tại Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa. Lúc đó, Bactria trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng nằm trên trục giao thông chính của con đường tơ lụa (Bactria bao gồm Afghanistan, Uzbekistan, Tajikistan và một phần của Pakistan).

Ngày nay, người ta chỉ biết vùng này bao gồm các quốc gia theo đạo Hồi nhưng ít ai biết rằng trong gần mười thế kỷ, Bactria là một trung tâm Phật giáo quan trọng, trước khi chuyển qua đạo Hồi vào đầu thế kỷ VIII. Trong cuốn "Đại Đường Tây Vực ký", Pháp sư Huyền Trang ghi rõ việc ngài đã viếng thăm các đạo viện nơi đây và được vua chúa xứ này đón tiếp trọng thể. Một tài liệu ghi chép việc Menander (còn được viết là Menandros), vị vua xứ Bactria tham vấn các tu sĩ Phật giáo rồi xin quy y tam bảo vẫn còn được lưu truyền trong kinh

điển Phật giáo (Bộ kinh "Vua Milinda vấn đạo" – Milinda-panhà). Nhà khảo cổ Frederick Starr cũng tìm được nhiều di tích Phật giáo tại miền này. Ông phát hiện có một số tài liệu và kinh điển được viết bằng tiếng Hy Lạp có niên đại mấy trăm năm trước Công nguyên.

Thời điểm tôi đến Bactria gặp Timotheus, những cuộc giao tranh giữa các tướng lĩnh của Alexander đang đi vào giai đoạn ngày càng khốc liệt. Antigonus thắng lớn rồi kéo binh vào Babylon, Seleucus phải chạy qua Ai Cập cầu viện Ptolemy. Triều đình Babylon hoàn toàn rơi vào hỗn loạn, tôi không có lý do gì để trở về đó nữa. Alkios, thống đốc Bactria đề nghị tôi ở lại để giúp ông lo liệu việc hành chính và thu thuế. Vậy là tôi ở lại Bactria.

Đời sống biên thùy buồn chán nên tôi và một số binh sĩ thường hay kéo nhau đi săn. Đến một lần, chúng tôi chạm trán với một con heo rừng. Mặc dù nó đã trúng nhiều mũi tên nhưng vẫn tìm cách bỏ chạy. Toán lính xông đến vây chặt con vật vào giữa, tôi rút cây giáo định kết liễu nó nhưng vừa giờ cây giáo lên tôi đã chùn tay vì nhìn thấy ánh mắt van lơn tuyệt vọng của nó. Thấy tôi do dự, một người lính xông đến vùng giáo đâm vào con vật, khiến nó rú lên liên hồi. Biến cố xảy ra rất nhanh nhưng ánh mắt tuyệt vọng của con vật lập tức khiến tôi hồi tưởng lại ánh mắt của những nô lệ bị nhốt trong cũi sắt, bị rao bán trong chợ buôn nô lệ khi xưa. Ngay lúc đó, đàn heo con ở gần đó nghe tiếng kêu của heo mẹ liền kéo đến. Lũ heo con vô tư chạy đến bên mẹ, một vài con gục đầu vào bụng để bú sữa. Heo mẹ âu yếm nhìn đàn con, bất chợt nó quay sang tôi, ánh mắt của nó trở nên đầy oán hận và giận dữ. Rồi nó dùng chút sức lực cuối cùng còn lại vùng lên, xông thẳng vào tôi, nhưng một người lính khác đã nhanh tay bồi thêm một lưỡi giáo nữa khiến nó gục xuống. Tôi choáng váng lùi lại trong khi đám lính tiếp tục đâm vào con vật.

Buổi chiều hôm đó, tôi trở về nhà mang theo nỗi ám ảnh về ánh mắt vừa bị thương vừa đầy oán hận của con vật. Tối đến tôi không thể ngủ. Mỗi khi nhắm mắt thì hình ảnh con vật bị giết hại lại hiện rõ trong tâm trí. Sau vài đêm mất ngủ, tôi tìm đến đạo viện, kể cho

Timotheus nghe chuyện đã xảy ra. Timotheus nghe chăm chú rồi thở dài:

- Trước đây tôi từng nói với anh bất cứ hành động nào cũng tạo ra một hậu quả trả ngược lại. Người Hy Lạp không biết về luật này nên vẫn vô tư giết chóc, ăn thịt mà không nghĩ tới người ăn súc vật, sau này súc vật sẽ ăn lại người, người giết súc vật rồi sẽ bị súc vật giết, cứ thế kéo dài mãi không thôi. Vì không hiểu biết, nên chúng ta đã tạo nên ân oán bất tận. Tôi khuyên anh từ nay nên tránh việc giết hại và ăn thịt.

Tôi phản ứng:

- Anh kiêng rượu thịt vì theo luật của người Ấn, còn tôi, tôi không giống anh.

Timotheus giải thích:

- Lý do tôi không ăn thịt, uống rượu vì những thứ này sẽ làm gia tăng sự đòi hỏi xác thân, sinh tâm niệm xấu xa, tâm không vững được. Khi không sử dụng rượu thịt thì thân thể trở nên thanh khiết, có thể tránh bệnh tật và phát triển được tình thương. Ăn thịt uống rượu khiến đầu óc u mê, khó khai mở trí tuệ. Không giữ được tâm an thì không có định, nếu không có định sẽ không đi xa được. Do đó, muốn thực hành tĩnh tâm thì phải tránh việc giết hại hay ăn thịt cá.

Tôi cười lớn:

- Anh khác, tôi khác. Tôi không thấy cần phải kiêng thịt cá gì cả.

Timotheus nửa đùa, nửa thật:

- Tôi đã nói với anh về luật Nhân quả. Nhân nào quả nấy, anh đã gieo nghiệp với heo thì biết đâu kiếp sau lại trở thành heo? Anh thích ăn gì thì cứ ăn, nhưng sau khi chết hóa vào kiếp vật thì oán

trách cũng muộn. Nếu thành sức vật thì biết bao lâu mới có thể trở lại thành người? Tôi mong anh hãy suy nghĩ cho kỹ.

Tuy chỉ là lời nói khôi hài của Timotheus nhưng nó cũng khiến tôi trần trọc suy tư. Thoạt nghe tôi thấy khó chịu vì bị đụng chạm nhưng rồi tôi cũng thật sự bắt đầu bỏ dần việc ăn thịt. Điều bất ngờ là sau khi bỏ thịt được vài tháng, tôi thấy thân thể nhẹ nhõm, thoải mái hơn xưa. Ngoài ra, tôi cũng thấy mình bớt nóng nảy hay giận dữ và tự nhiên không còn thích đi săn nữa.

Đời sống ở biên thù buồn chán, công việc hành chính thì quá dễ dàng nên tôi có nhiều thời gian rảnh. Không còn thú vui đi săn, tôi không biết dùng thời gian rảnh làm gì nên cũng theo Timotheus thực hành tĩnh tâm. Lúc đầu, Timotheus phải giúp tôi nhiều vì tôi chưa quen với tư thế ngồi ngay ngắn, thẳng lưng, giữ cho đầu không cúi xuống. Tuy vậy, việc đó cũng không khó bằng ngồi bắt chéo hai chân (*kiết già*). Timotheus giải thích rằng cách ngồi này tuy khó lúc đầu nhưng nó giúp thân thể vững chắc và thẳng bằng hơn, giúp luồng sinh khí chạy dọc theo xương sống không bị cản trở, giúp người thực hành dễ tập trung tư tưởng. Timotheus cho biết khi xưa anh phải mất gần hai tháng mới có thể ngồi theo tư thế này.

Không chỉ có Timotheus, các hiền giả người Ấn cũng giúp đỡ tôi. Một thầy dạy tôi: "Nếu anh vượt qua được sự đau đớn này thì dần dần cơ thể sẽ quen, khi đó có thể ngồi lâu được. Khi anh đã ngồi vững rồi thì bắt đầu theo dõi hơi thở sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, đều đặn, không nhanh không chậm, rồi tập trung tư tưởng quán chiếu vào bên trong. Anh không nên nghĩ đến kết quả hay để tâm tới bất cứ việc gì ngoài hơi thở. Đây là lúc có nhiều tư tưởng nổi lên làm xáo trộn tâm trí nên anh phải biết cách dùng hơi thở để đối trị các tư tưởng lan man này. Nếu nó đến, cứ mặc nhiên, anh không để ý đến nó thì tự nó cũng sẽ rời đi. Nếu để ý thì anh sẽ bị nó lôi kéo, mất định lực ngay. nỗ lực theo dõi hơi thở như thế, theo thời gian, đầu óc anh sẽ trở nên an tĩnh, không còn bị các tư tưởng quấy rối nữa". Sau nhiều tháng thực hành, thân thể tôi bớt đau đớn hẳn và

nổi ám ảnh về việc giết chóc cũng tự nhiên biến mất, không gây chướng ngại như trước nữa.

Lúc mới tập, tôi thường xuyên ngủ gục. Vị thầy người Ấn nói với Timotheus: "Người bạn của ông không thành tâm, chỉ thực hành cho vui thôi nên vừa ngồi một chút đã ngủ rồi. Nếu thành tâm thì không thể ngủ như thế được". Nghe Timotheus kể lại, tôi xấu hổ nên bỏ cuộc, không thực tập nữa. Không biết Timotheus nói gì mà vài hôm sau, vị này gọi tôi đến và khuyên: "Anh cần phải nhận định rõ rệt căn bản của việc thực tập tinh tâm. Đây không phải là việc chỉ làm khi rảnh rỗi, cũng không phải việc để làm theo bạn bè cho vui. Căn bản của việc thực hành này là để loại trừ các thói quen đã có từ lâu, thanh lọc các tư tưởng tiêu cực, giảm đi những phiền não trước đây. Nếu thành tâm và chăm chỉ thực hành, anh sẽ biết được nguyên nhân của mọi việc. Anh sẽ hiểu rõ bản ngã của mình hoạt động như thế nào? Và nó đã dẫn dắt anh vào những quan niệm sai lầm và cố chấp ra sao? Bản ngã của anh đã tạo ra những phức cảm, có khi là phức cảm tự tôn cho rằng mình giỏi hơn người rồi sinh kiêu căng, tự phụ. Có khi là phức cảm tự ti lúc nào cũng thấy thua kém không bằng ai rồi đâm ra than thân trách phận. Tại sao có những việc không như ý xảy ra cho anh? Tại sao cuộc đời của anh lại bất hạnh như thế? Khi hiểu được nguyên nhân bắt nguồn từ bản ngã thì anh sẽ biết cách thay đổi, trừ được khổ đau, rồi sẽ đạt được niềm vui thật sự".

Tôi thoáng ngạc nhiên vì dường như vị hiền giả này biết được mặc cảm nô lệ của tôi. Mặc dù hiện nay tôi đã không còn mang thân phận nô lệ, đã có chức quyền nhưng mặc cảm thua kém mọi người trong tôi vẫn không xóa bỏ được. Dù đã làm quan trong triều nhưng cuộc đời bất hạnh trước đây của mình vẫn khiến tôi muộn phiền. Có lúc tôi trách các thần linh đã đày đoạ tôi và ghen tỵ với những người bạn như Leonidas, Simonides, Antigenidas sinh ra được làm người tự do. Tôi cũng tự hỏi nếu không phải mình từng mang thân phận nô lệ, liệu Isidora yêu dấu có ghét bỏ tôi như hiện giờ không. Dù thân phận nô lệ đã chấm dứt với lá thư xác nhận quan hệ ruột thịt của Dimitris nhưng mặc cảm thua kém này vẫn theo đuổi tôi đến tận

ngày nay. Qua lời của vị hiền giả này, tôi dấy lên hy vọng bằng cách thành tâm thực hành tĩnh tâm, tôi có thể bỏ được mặc cảm tự ti này và tìm được niềm vui thật sự.

Từ đó, tôi quyết tâm thực tập một cách nghiêm chỉnh. Hôm đầu, tôi ngồi quay mặt vào tường, khởi sự theo dõi hơi thở. Ngay lúc đó, tôi cảm nhận được một nguồn năng lượng an lành bao quanh khắp thân mình, tôi tự nhiên vững tâm và buổi thực tập hôm đó đã làm cho tôi phấn khởi hơn trước. Về sau, mỗi khi ngồi gần vị tu sĩ người Ấn này, tôi đều nhận được cảm giác được che chở tương tự như thế. Theo ông tu tập, nhưng tôi vẫn không biết gì về ông, cũng không biết tên thật của ông. Tôi chỉ theo Timotheus gọi ông là "Thầy" (*Guru*). Ông rất ít nói, trầm tính và chỉ nói khi cần thiết.

Việc thực hành phương pháp tĩnh tâm không dễ như tôi nghĩ. Timotheus đã nói ngồi làm sao cho thân thể thoải mái thì không khó lắm nhưng giữ sao cho đầu óc không nảy sinh những ý tưởng lộn xộn thì khó vô cùng. Thầy khuyên: "Một khi anh để cho những ý tưởng này nổi lên thì khó mà trừ được. Nó như cơn bão ngoài biển với hàng trăm, hàng ngàn lớp sóng lớn nhỏ, hết lớp này đến lớp khác, không hề ngưng. Do đó lúc bắt đầu thực tập, anh không được vội vàng, hấp tấp. Anh phải biết giữ cữ chỉ thông thả, nhẹ nhàng, ý thức được từng cử động của mình thì tâm mới thanh tịnh rồi từ đó mới có thể kiểm chế được các tư tưởng lộn xộn. Anh đã để cho những tư tưởng này chạy loạn lên như ngựa bất kham suốt bao lâu nay rồi thì nay đâu dễ khống chế ngay được. Vì vậy anh phải biết nhẫn nại, không được hấp tấp, khởi sự thở nhẹ rồi theo dõi hơi thở ra vào như thế nào. Nhờ chú tâm vào hơi thở mà anh có thể đối trị được vọng tưởng. Vì mỗi người mang nghiệp riêng, không ai giống ai, nên lúc thực hành đừng để ý hay so bì với người khác, vì không ai có trải nghiệm giống nhau. Có người tiến bộ nhanh, có người chậm, tất cả đều do nghiệp lực cá nhân, cứ thản nhiên theo dõi hơi thở của mình là được".

Đôi khi trong lúc thực hành, có những hình ảnh lạ lùng, khủng khiếp xuất hiện khiến cho tôi vô cùng sợ hãi. Là Thầy chúng tôi đường

như cảm nhận được nỗi sợ của tôi, ông khuyên: "Đừng sợ, đó chỉ là những chủng tử quá khứ trong tâm thức đang phát ra thôi. Đừng chú ý đến nó, đừng để nó lôi kéo, cứ giữ vững hơi thở, không để cho nó ảnh hưởng. Thực hành là phát triển định lực. Khi có định thì những hình ảnh kia sẽ không ảnh hưởng được mình nữa".

Sau thời gian dài thực tập, tôi đã có thể tập trung tư tưởng, không còn bị các hình ảnh lạ lùng lôi cuốn nữa. Trong lúc thực tập tôi đã trải nghiệm được một sự bình an lạ lùng, toàn thân lâng lâng như bay bổng, tôi mừng thầm rằng mình đã có định lực. Khi đó Thầy chúng tôi ở cách đó rất xa nhưng ông vẫn biết được suy nghĩ của tôi, ông nhờ Timotheus chuyển lời: "Này Kyros, tuy anh đã tiến bộ nhưng đó mới là giai đoạn trải nghiệm được một chút an lạc, chưa có gì đặc biệt đâu. Anh còn phải cố gắng nhiều hơn nữa". Một lần khác, tôi có những thắc mắc trong lúc thực tập nhưng còn chưa kịp hỏi Thầy thì ông đã thông qua Timotheus giải đáp cho tôi – ông nói bằng tiếng Ấn nên thường thì tôi không hiểu hết, Timotheus phải dịch lại. Tôi đã tự hỏi, phải chăng Thầy có thể đọc được tư tưởng của tôi. Câu hỏi vừa hiện lên trong đầu, thì ông đã nói: "Không đâu, tôi không đọc được tư tưởng của anh đâu". Thầy nói một cách thản nhiên với nụ cười hóm hỉnh làm tôi đã bối rối lại càng thêm hoang mang. Trải qua bao năm thực tập dưới sự chỉ dẫn của Thầy, tôi vẫn không biết gì nhiều về ông. Suốt ngày ông hầu như chỉ ngồi yên, đắm mình trong trạng thái tĩnh tâm nhưng quanh người ông dường như toát ra một thứ oai lực lạ lùng khiến mọi người vừa sợ vừa kính phục. Hằng ngày, vào buổi sáng khi dân chúng trong vùng kéo đến ngồi quanh sân đạo viện thì ông sẽ bắt đầu giảng dạy.

Tất cả tai ương, hoạn nạn hay điều tốt lành đều do chính mình tạo ra, nên đừng trách cứ ai. Làm lành thì kết quả tốt, làm ác thì kết quả xấu. Cho nên mọi ý nghĩ, lời nói, hành động đều phải cẩn thận, đừng làm việc gì sai quấy vì luật Nhân quả sẽ chẳng bỏ qua.

Timotheus thực hành nghiêm chỉnh hơn tôi rất nhiều, anh có thể ngồi suốt ngày, đôi khi không cần ăn uống, hơi thở càng lúc càng nhẹ, đến mức như không thở nữa. Lần đầu thấy anh không thở, tôi hoảng hốt bước đến xem anh bị làm sao nhưng Thầy chúng tôi đã ra hiệu cho tôi dừng lại, không được làm náo động công phu của anh. Sau đó, Timotheus cho biết anh đã có thể nhập định rất sâu, không còn bị ảnh hưởng nào nữa, các tư tưởng hoàn toàn ngừng bật, hơi thở cũng gần như ngừng lại. Thầy chúng tôi tỏ ra hài lòng, Thầy cho biết nếu tiếp tục, anh có thể đi vào những cảnh giới mà ngôn ngữ thông thường không thể giải thích.

Hằng năm, Timotheus và các hiền giả người Ấn thường bỏ ra nhiều tháng ẩn tu trong hang động trên núi, không tiếp xúc với ai. Phần tôi vẫn chưa sẵn sàng cho việc tĩnh tu như thế nên tiếp tục sống tại Bactria. Hằng tuần, tôi mang lương thực tiếp tế cho họ. Con đường từ Bactria lên hang động trên núi cũng khá xa, tôi phải đi từ sáng sớm đến giữa trưa mới đến nơi. Đi sớm giúp tôi tránh được cái nóng như thiêu đốt của vùng núi khô cằn này. Khi thông thả bước đi chậm rãi theo nhịp thở, tôi cảm nhận được sự an tĩnh của núi rừng cũng như nét đẹp tuyệt vời của thiên nhiên. Cảnh tượng hùng vĩ của núi rừng đem đến cho tôi một niềm vui nhẹ nhàng, sâu kín nhưng đôi khi cũng khiến tôi lo sợ vu vơ. Bước đi trên những dốc đá hoang vu, chỉ một tiếng động cũng làm tôi giật mình. Tại vùng này, có giống chó sói tuy nhỏ nhưng rất dữ tợn. Cách đây không lâu, một nhóm lính Hy Lạp đi săn đã bị bầy chó dữ này tấn công. Từ đó, tôi lo cho Timotheus và các bạn đồng tu với anh. Khi Timotheus nhập thất, tôi đem cho anh một bộ cung tên và cây giáo dài để đối phó trong trường hợp gặp thú dữ. Thầy chúng tôi thấy vậy đã nói: "Chúng ta có khí giới của chúng ta, đó là lòng từ bi (*compassion*), chúng ta không cần đến những thứ kia". Mặc dù tôi không tán thành suy nghĩ đó, nhưng biết không thể thay đổi quyết định của Thầy nên đã đặt thực phẩm và bình nước trước cửa hang rồi mang vũ khí trở về. Trên đường về, càng nghĩ tôi càng khâm phục sự can đảm và lòng ham học hỏi của Timotheus, anh đã từ bỏ tất cả danh vọng, địa vị và kiên định đi theo con đường đã chọn.

Thời gian qua mau, thắm thoát tôi đã sống tại Bactria được hai mươi năm. Khi đến đây, mái tóc của tôi còn đen nhưng nay đã ngả bạc. Qua thông tin của các nhóm thương buôn lui tới Bactria, tôi được biết cuộc chiến giữa các tướng lĩnh vẫn còn tiếp tục. Từ Macedonia đến Thrace, từ Ai Cập đến Syria, nhiều đô thị đã bị thiêu hủy, nơi nào cũng có chém giết, xã hội rối loạn, dân tình lầm than. Các đội quân *Phalanx* từng bách chiến bách thắng khi xưa, hiện nay cũng chia phe nhóm, chém giết lẫn nhau. Tình trạng hận thù, giận dữ và phá hoại lan tràn khắp nơi đã làm người Hy Lạp hoang mang, sợ hãi. Không ai còn nói gì đến lý tưởng xây dựng một đế quốc hùng cường, thịnh vượng như xưa nữa. Để có chi phí cho chiến tranh, tài sản các nhà quý tộc giàu có đều bị tịch thu. Mỗi khi quân lương thiếu hụt, quân sĩ được cho tự do cướp phá, do đó nạn cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc xảy ra khắp nơi. Khi xưa, quân đội của Alexander kỷ luật rất nghiêm minh nhưng nay chiến tranh kéo dài quá lâu, tinh thần quân sĩ tan rã, thay đổi. Hiện nay họ chỉ còn biết cướp phá, chiếm đoạt tài sản, đất đai và phụ nữ. Các giai điệu Doria hùng tráng kêu gọi lòng yêu nước từng một thời vang vọng nay đã hoàn toàn biến mất, thay bằng những âm hưởng khích động nhục dục, kêu gọi hưởng thụ. Giáp mặt với lần ranh sống chết hằng ngày, ai cũng hoang mang sợ hãi, không ai biết tương lai sẽ ra sao. Đế quốc Hy Lạp rộng lớn mà Alexander khổ công xây dựng, nay đã chia năm xẻ bảy. Ptolemy tự xưng làm Pharaoh Ai Cập, Antigonos làm vua Tiểu Á, Seleucus làm hoàng đế Babylon, Cassander làm vua Hy Lạp, Lysimachus làm vua xứ Thrace. Những người này từng là bạn thân từ nhỏ, từng cùng chơi đùa, lớn lên bên nhau, đều theo học với Aristotle với lý tưởng cao đẹp là xây dựng một Hy Lạp hùng mạnh, không có bóng ngoại xâm. Nhưng hiện nay, quyền lực, danh vọng, địa vị, đất đai, vàng bạc đã khiến họ thay đổi, trở thành thù địch. Một lần nữa, tôi lại nhớ đến câu thơ của Homer, "*Không ai đi qua chiến tranh mà vẫn như xưa*".

Sau khi nghe Thomas kể về thời gian sống ở Bactria, tôi đã hỏi ông, có phải sau hai mươi năm thực hành tĩnh tâm, ông đã đạt đến một trình độ nào đó rồi chẳng. Thomas chỉ nói vắn tắt rằng lúc đó ông đã có thể nhập định rất nhanh, hơi thở nhẹ như có như không, mọi tư tưởng đều ngừng bật, toàn thân nhẹ nhõm, khinh an. Tuy nhiên, ông không nói gì thêm và nhắc tôi rằng đó không phải là điều quan trọng.

Thomas cũng nhắc lại là hiện nay tuy nhân loại đang đi vào giai đoạn Hoại và Diệt nhưng mọi người phải tin rằng việc thay đổi tâm thức vẫn có thể xảy ra. Ông nhấn mạnh rằng phải có lòng tin vững chắc về việc chuyển đổi nghiệp quả thì mới có thể vượt qua các khó khăn, không để cho những sự kiện xáo trộn bên ngoài ảnh hưởng. Nếu không nhận thức rõ ràng thì rất dễ bị các sự kiện đó lay chuyển. Mọi sự xảy ra trên thế gian này đều là nhân quả, không có việc gì xảy ra mà không có nguyên nhân. Tất cả đều là những bài học để nhân loại học mà thôi. Có bài học cho từng cá nhân và có những bài học cho từng quốc gia. Nếu không học được lúc này thì sẽ phải học lại vào lúc khác. Mọi tai ương hiện nay đều do nghiệp lực chiêu cảm mà đến. Nếu đã hiểu như thế thì phải biết tìm cách làm những việc thiện lành để hóa giải nghiệp lực và thay đổi vận mệnh của mình cũng như kêu gọi mọi người chung tay làm những việc tốt giúp chuyển hóa cộng nghiệp cho xã hội. Lúc đó, khi bệnh đến thì sẽ có thuốc hay. Việc dữ sẽ biến thành việc lành.

Ông nói thêm nghiệp lực đang chi phối nhân loại hiện nay bắt nguồn từ việc giết chóc và tham lam. Nhìn quanh thế giới, chỗ nào cũng có tranh giành, thù hận, nơi nào cũng có giết hại, sát sinh nên thiên tai, dịch bệnh là việc hiển nhiên. Ông nhấn mạnh, chỗ nào có nhiều giết chóc, chỗ đó tai nạn đầy rẫy; chỗ nào ít thù hận, nơi đó được an lành. Tai ương, dịch bệnh, chiến tranh đều do con người tạo ra nhưng nếu đã biết quy tắc để chuyển nghiệp, làm việc thiện với tâm thành vì biết đó là việc phải làm cho quyền lợi chung thì không có gì phải lo.

Thomas còn nói thêm rằng ông nhận thấy có sự khác biệt rất lớn giữa những người tu tập ngày xưa so với ngày nay. Vào thời tinh hoa

của đạo Phật còn hưng thịnh, các tăng sĩ đều nắm vững lời dạy của Đức Phật. Ngày nay, trải qua bao thăng trầm, số người thật sự tu học ngày càng ít, một số chỉ dựa vào tôn giáo như nghề nghiệp mưu sinh, hồng bảo đảm cho đời sống an toàn thoải mái. Một số lớn người tu hành không còn giữ đúng giới luật hay đặt trọng tâm tu hành là giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, mà chỉ lo kêu gọi mọi người tu phước, cúng dường, xây chùa lớn, tạc tượng lớn và những hình thức bề ngoài khác. Họ gán cho mình những chức tước, địa vị, đề cao bản ngã, dù công phu tu hành không được bao nhiêu. Đã thế nhiều người còn đề cao phương pháp tu hành của họ, tự coi là cao siêu hơn nơi khác, tuyên bố tông phái này tốt hơn tông phái kia và kéo theo một số người đi vào con đường phân biệt, tranh chấp.

Bởi vì, Phật giáo được chia làm ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp. Trong thời kỳ Chánh Pháp, mọi người đều tinh tấn tu tập thiền định (Thiền định kiên cố). Trong thời kỳ Tượng Pháp, đa số chỉ chú trọng xây chùa dựng tháp để lấy phước (Tự miếu kiên cố), những người thật sự tu tập ngày một ít đi. Trong thời kỳ Mạt Pháp, người tu học càng ít, mọi người chỉ tranh đấu chống đối lẫn nhau, không ai chịu nhường ai (Đấu tranh kiên cố). Các tu sĩ không còn giữ vững giới luật mà chỉ chú ý vào các nghi thức cúng bái, quyên góp, để xây dựng tên tuổi, địa vị cho mình.

Khi Đức Phật còn tại thế thì chỉ có một giáo pháp duy nhất là Phật pháp. Sau khi ngài nhập diệt, các đệ tử của ngài đi khắp nơi truyền bá giáo pháp và tùy theo sự hiểu biết của họ mà sự chỉ dạy cũng thiên về phần này hay phần khác. Ví dụ người thích tu thiền thì chú trọng dạy về thiền nhiều hơn, người thích luật thì chú trọng về luật nhiều hơn. Do đó, bắt đầu có sự phân chia tông phái. Ngoài ra, những điều truyền dạy còn phải thích ứng tùy theo các phong tục, văn hóa và ngôn ngữ tại các địa phương mà họ đến hoằng pháp. Tuy có sự khác biệt về phương pháp truyền dạy nhưng mục đích căn bản thì hoàn toàn không hề khác. Người học Phật pháp phải nhận ra căn bản và mục đích của Phật pháp là giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi bằng cách đoạn trừ ái dục, tiêu trừ tham lam, ham muốn, dẹp bỏ vọng tưởng. Biết rõ mục đích rồi thì phương pháp không

thành vấn đề quan trọng nữa. Do đó, không nên phân biệt phương pháp này với phương pháp khác, hay tông phái này với tông phái khác. Tất cả đều là những lời chỉ dạy của Đức Phật và tất cả đều bình đẳng như nhau, không có sự phân biệt cao thấp hay phương pháp này cao hơn phương pháp kia.

Mỗi người phải tự chọn cho mình một phương pháp thích hợp để thực hành vì mục đích tất cả đều là giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Phương pháp hay con đường thì có nhiều lối, ai muốn đi lối nào cũng được. Khi đạo Phật truyền vào các quốc gia như Sri Lanka, Miến Điện, Thái Lan thì phong tục, văn hóa và ngôn ngữ các xứ này còn giới hạn nên một số điều truyền dạy không chính xác mà lại được quần chúng hưởng ứng. Trong khi đó, khi đạo Phật truyền vào Trung Hoa, nơi văn hóa, ngôn ngữ rất phong phú, nên các giáo pháp như hạt giống tốt gặp được mảnh đất màu mỡ để phát triển mạnh mẽ. Khi đạo Phật truyền qua Tây Tạng, xứ này đã có sẵn truyền thống về huyền thuật của đạo Bon [\[1\]](#) nên Mật pháp được chú trọng nhiều hơn các giáo pháp khác. Cũng như thế, khi đạo Phật truyền qua Bactria, Ba Tư, vốn đã chịu ảnh hưởng của Hy Lạp, nên lại thiên về phương pháp tranh luận, đối thoại, như một khuynh hướng triết học đòi hỏi sự nghi ngờ, suy nghĩ sâu xa...

Trầm ngâm một lát, Thomas lại chậm rãi kể nốt cho tôi nghe về phần kết của cuộc đời Kyros tại Hy Lạp.

Chúng ta chỉ biết sử dụng các giác quan của xác thân mà không ý thức được rằng chúng rất giới hạn. Bộ óc của chúng ta chỉ là một khối thịt, nếu không có linh hồn phía sau điều khiển thì nó không thể làm được gì. Ngay cả sự suy nghĩ, tư duy của chúng ta cũng không hoàn hảo vì ta chỉ dựa vào những kiến thức đã được truyền dạy trước đó. Nếu các kiến thức này thiếu sót thì sự hiểu biết của chúng ta cũng bất toàn.

PHẦN BA

NGHIỆP LỰC

CHIỀU CẢM DỤC NIỆM VÀ NGHIỆP BÁO

Một hôm, tôi vừa rời nhà thì nhìn thấy từ xa đang đi tới là một đám người quần áo rách tả tơi. Cảnh tượng này không lạ, vì để tránh chiến tranh, gần đây những người Hy Lạp kéo đến xứ này tỵ nạn ngày càng nhiều. Tôi rời mắt khỏi đám người, toan bước đi thì nghe tiếng gọi tên mình. Tôi đứng lại, nhìn kỹ trong đám người đang đi tới thì nhận ra một dáng người trông rất quen đang rảo bước về phía mình. Là Philiteus! Anh là người chỉ huy đội binh vận chuyển vàng bạc với tôi khi xưa. Philiteus mừng rỡ kêu lớn:

- Kyros, có phải anh đấy không?

Tôi ngạc nhiên:

- Philiteus... Tại sao?... Tại sao anh lại... ra nông nổi này?

Philiteus mừng rỡ ôm chầm lấy tôi. Phải qua một lúc, cơn xúc động của chúng tôi mới qua đi. Philiteus bấy giờ mới lên tiếng bằng chất giọng khàn đục:

- Gặp lại anh tôi mừng quá. Bao nhiêu năm rồi...

Nhìn thân thể người bạn cũ đầy vết thương, binh phục tả tơi, rách nát, lòng tôi vô cùng chua xót. Nhóm người đi cùng Philiteus cũng trong tình trạng thê thảm tương tự. Tôi vội vã mời tất cả vào nhà, sắp xếp cho họ được tắm rửa, dùng bữa và nghỉ ngơi. Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, Philiteus bắt đầu kể:

- Chắc anh cũng còn nhớ, đội binh Áo giáp Bạc (*Silver Shields*) của tôi nằm dưới quyền chỉ huy của tướng Eumenes. Khi Antigonos và Eumenes hợp tác tấn công Ptolemy và Seleucus, chúng tôi đã lập nhiều chiến công. Tuy nhiên về sau Eumenes cũng muốn làm vua,

không chịu tuân phục Antigonus nữa nên Antigonus đã giết ông ta. Khi đó, Antigonus không tin sự trung thành của đội quân Áo giáp Bạc nữa nên đã cho giải giới rồi đày chúng tôi vào sa mạc – nơi các bộ lạc man rợ sinh sống. Chúng tôi đã phải chiến đấu với các bộ lạc này để sống sót. Vì thiếu khí giới, không quen thổ nhưỡng, địa hình, lại thiếu lương thực, đội quân của tôi bị tiêu diệt gần hết, hiện chỉ còn vài tàn binh chạy thoát. Biết Bactria vẫn còn thuộc sự kiểm soát của Hy Lạp nên chúng tôi tìm đến lánh nạn, không ngờ gặp được anh.

Áo giáp Bạc là đội binh tinh nhuệ nhất của Macedonia, được thành lập từ thời vua Philip với tiêu chuẩn chọn lựa rất cao. Đa số đều là những trai tráng cao lớn, khỏe mạnh, trung thành tuyệt đối với triều đình nên được mặc áo giáp và đeo khiên tròn bằng bạc. Họ có trách nhiệm canh gác cung điện và trông coi ngân khố. Khi Alexander lên đường viễn chinh, ngài mang đoàn quân này theo làm đội bảo vệ riêng. Trong mọi cuộc chiến, họ luôn theo sát ngài, vừa là lực lượng bảo vệ vừa là xung phong, và đã lập nhiều chiến công. Một nhóm trong đội quân này được giao nhiệm vụ vận chuyển vàng bạc và chiến lợi phẩm về Pella. Với tất cả những chiến công và vinh quang đó, tôi chưa từng nghĩ có ngày họ lâm vào bước đường cùng thế này. Philiteus kể tiếp với vẻ ngậm ngùi:

- Sau khi Alexander qua đời, Demosthenes trở lại Athens, kêu gọi dân chúng nổi lên chống lại triều đình Macedonia. Với số vàng lấy được từ công quỹ, hắn cũng chiêu mộ được nhiều binh sĩ nhưng rốt cuộc vẫn không địch lại đội quân tinh nhuệ của Antipater. Sau thảm bại, Demosthenes tự sát. Harpalus trốn qua đảo Crete được mấy năm rồi cũng bị bắt và chịu tử hình. Deasius trốn đến Ilia, sống yên thân cho đến khi Antipater qua đời, Cassander lên làm hoàng đế. Biết nhà vua cần vàng để chiêu tập binh mã chống lại Antigonus nên Deasius mang số vàng lấy được khi xưa nộp lại cho triều đình đổi lại sự ân xá. Hiện nay vợ chồng họ được trở về sống tại Pella.

Đã hơn hai mươi năm trôi qua, cuộc sống êm đềm tại Bactria và việc thực hành tĩnh tâm đã khiến tôi gần như không còn nghĩ về quá

khứ. Bất ngờ nghe chuyện cũ, nhắc đến người xưa, tâm hồn đang yên bình của tôi lại bắt đầu xáo trộn. Isidora, người con gái tôi thầm thương trộm nhớ từ nhỏ, cũng là người ghét cay ghét đắng tôi, nói những lời tổn thương tôi nhất, và, oái oăm thay, cũng là người chị cùng cha khác mẹ mà sau này tôi mới được biết. Tin tức về Isidora khơi gợi lại nhiều ký ức đau buồn và những cảm xúc mà tôi vẫn nghĩ mình đã có thể chôn vùi mãi mãi. Từ lúc đó tôi không thể định tâm như trước, vì dù lúc bình thường hay khi thực hành tĩnh tâm, hình bóng Isidora cứ lờn vờn trong tâm trí. Tôi than với Timotheus:

- Gần đây, khi thực hành tôi cứ thấy hình ảnh một người con gái...

Timotheus quá ngạc nhiên nên ngắt lời tôi:

- Sao có thể? Khi xưa lúc mới thực hành, đôi khi tôi cũng thấy những hình ảnh này hình ảnh nọ. Nhưng đó là vì khi đó công phu của tôi còn non kém, chưa đủ định lực. Ai chưa đủ định lực cũng gặp hiện tượng này, chuyện đó cũng bình thường. Nhưng anh đã tu tập hơn hai mươi năm rồi, đã có định lực vững vàng, sao có thể bị ảnh hưởng như thế?

Tôi lắc đầu:

- Tôi không định tâm được, cứ bị xáo trộn bởi cô gái này...

Timotheus cau mày:

- Việc này thật lạ lùng, chắc phải có nguyên nhân sâu xa gì đó... Anh phải biết buông bỏ hình ảnh đó xuống, đừng để tâm đến nó nữa. Cứ cố gắng giữ vững hơi thở để trụ tâm, hình ảnh nào đến cũng mặc kệ, tự nó đến thì tự nó cũng sẽ đi thôi. Nếu anh để nó chi phối, làm mất công phu, lại tiếp tục trôi lặn trong sinh tử thì làm sao ra khỏi luân hồi? Giờ chúng ta đều đã lớn tuổi, nếu anh không cố gắng vượt qua lúc này thì chắc gì còn cơ hội? Nếu bỏ lỡ thì biết bao giờ có cơ duyên lần nữa? Anh phải biết buông bỏ...

Những lời khuyên chân thành của Timotheus khiến tôi không khỏi hổ thẹn. Tôi không nói gì thêm. Nhưng tôi vẫn không thể dẹp bỏ những day dứt về người con gái này. Suốt nhiều tuần lễ sau đó, hình ảnh Isidora và những ký ức cay đắng về cô vẫn không thôi quấy nhiễu tôi mọi lúc. Tôi biết rằng sâu trong tâm tư, tôi vẫn mang mặc cảm nô lệ thua kém, và Isidora chính là mối lửa châm lên cảm giác hèn kém ấy trong tôi. Những lời sỉ nhục của Isidora khi xưa vẫn còn là vết thương chưa lành. Dù đã nhiều năm trôi qua, dù đã dứt bỏ quá khứ để tu tập, tôi biết mình vẫn còn mong gặp lại cô, để ít nhất được nghe từ cô một lời xin lỗi, hoặc đôi câu nói dịu dàng để xóa đi mặc cảm tự ti này. Tôi còn hy vọng, có lẽ khi Isidora biết được thân phận thật sự của tôi, cô sẽ có cái nhìn khác hơn và sẽ đón nhận tôi như người nhà. Những suy nghĩ này liên tục quấy nhiễu và rồi hoàn toàn chi phối tôi, khiến tôi không còn cách nào tĩnh tâm được.

Sau nhiều đêm trằn trọc mất ngủ, tôi quyết định phải trở về Pella tìm gặp Isidora. Tôi viết một bức thư ngắn để lại cho Timotheus rồi rủ Philiteus đi Pella. Lúc đầu Philiteus từ chối vì trở lại Pella lúc này là việc rất nguy hiểm. Tuy nhiên khi biết tôi quyết tâm lên đường, Philiteus đã đổi ý, bởi với tình hình bất ổn hiện nay, một mình tôi khó chống cự lại giặc cướp hay binh sĩ vô kỷ luật. Philiteus kéo theo năm người lính cùng tôi lên đường. Do đã không còn trẻ, thể sự lại bất ổn, nên phải mất gần sáu tháng chúng tôi mới đến được Pella. Sau bao năm chiến tranh, Macedonia đã thay đổi rất nhiều, sự thịnh vượng xưa kia được thay bằng nhà cửa đổ nát, tường vách loang lổ vết cháy – hậu quả từ các trận đánh giữa các tướng lĩnh Hy Lạp. Vượt qua đồng đổ nát, chúng tôi thúc ngựa chạy nhanh đến trang trại của Dimitris.

Chúng tôi đi thẳng vào cổng, qua khu vườn rộng, ở đó chúng tôi gặp một nô lệ già đang làm việc. Hắn bỡ ngỡ nhìn chúng tôi, rồi nét mặt dần thay đổi. Hắn nhận ra tôi, liền vội vàng chạy vào báo cho chủ nhân. Tôi vừa xuống ngựa thì Deasius ở trong bước ra. Hắn đã già đi rất nhiều, nhưng nét khó chịu và thù hằn trên gương mặt lại chẳng thay đổi bao nhiêu. Đôi mắt lạnh lùng chiếu thẳng vào tôi, hắn nói với giọng dè chừng:

- Kyros, người đến đây làm gì? Đây là nhà của bọn ta, người đừng mơ tưởng đến việc phân chia gia sản.

Tôi lắc đầu:

- Không, tôi chỉ ghé thăm...

Ngay lúc đó, Isidora ở trong bước ra. Dù bao năm tháng đã qua, dù đã có tuổi, nhưng trông Isidora vẫn không khác với hình ảnh trong ký ức của tôi, vẫn xinh đẹp, kiêu sa. Và tôi, sau bao nhiêu năm, vẫn lúng túng, vụng về và hèn kém trước mặt cô. Isidora vừa nhìn thấy tôi đã cất giọng lạnh lùng:

- Thằng nô lệ, người trở về đây làm gì? Sophia đã cho ta biết thân phận của người, nhưng ta không chấp nhận. Đừng tưởng người có thể trở thành thành viên của gia đình này, người không xứng. Người mãi mãi chỉ là một tên nô lệ hèn hạ mà thôi.

Những lời cay nghiệt của Isidora khiến tôi gần như hóa đá. Những tưởng quan hệ ruột thịt có thể khiến cô đối xử tử tế và công bằng với tôi hơn, nhưng tưởng cô sẽ giúp tôi giải quyết những khúc mắc bấy lâu, nào ngờ cô lại đâm tôi thêm một nhát. Isidora mà tôi luôn yêu thương đây sao? Bao nhiêu nỗi đau cũ mới dồn dập ủa tới, tôi cứ đứng chôn chân tại chỗ, không thể phản ứng, cũng chẳng nói được nên lời. Thấy vậy, Philiteus bước ra nói lớn:

- Ta cũng có mặt khi mở thư của Dimitris, ông ấy đã xác nhận Kyros là con của ông, điều này là không thể chối cãi! Ngoài ra, Dimitris còn chia cho Kyros một phần của trang trại này.

Deasius bật cười quay lại nói với vợ:

- Ta biết ngay mà, đám hèn hạ này đến đây chỉ để đòi phân chia gia sản.

Philiteus không nói gì nhưng tay đã đặt lên kiếm. Deasius đưa mắt nhìn mấy người đứng sau Philiteus, mặc dù không ai mặc binh phục

nhưng với những hình xăm trên người, hẳn người Macedonia nào cũng nhận ra họ là quân Áo giáp Bạc. Deasius nheo mắt suy nghĩ, hẳn toan tính một hồi rồi đổi giọng:

- Được rồi, tất cả hãy vào trong, để ta cho gọi Sophia đến nói chuyện.

Chúng tôi bước vào sảnh đường với những cột đá cao lớn, nơi mà đám chúng tôi vẫn thường chạy nhảy nô đùa khi còn nhỏ. Cảnh vật hầu như không thay đổi nhưng giờ đây mọi thứ đều trở nên vô cùng xa lạ và lạnh lẽo. Isidora quay mặt bước đi không thèm liếc nhìn tôi lần nào. Deasius cho gọi mấy nô lệ đến gần nói nhỏ mấy câu rồi ra hiệu mời chúng tôi ngồi.

Tôi vẫn chưa thoát khỏi cảm giác bàng hoàng nên ngồi im lặng, Philiteus thấy vậy bèn lên tiếng:

- Melissa đâu? Gọi cô ấy ra đây.

Deasius lắc đầu, giọng hờ hững:

- Nó chết từ lâu rồi, đâu còn ở đây nữa.

Tôi như vừa lãnh một cái tát đến bưng tỉnh, đứng lên hỏi dồn:

- Cái gì? Melissa đã chết? Tại sao lại chết... Tại sao?

Deasius nhún vai:

- Làm sao ta biết được? Nghe nói nó mắc bệnh chết trước khi chúng ta về đây.

Tin Melissa qua đời khiến tôi quá đỗi bàng hoàng. Người con gái hiền hậu, dịu dàng, tràn đầy tình thương ấy sao lại có thể đoản mệnh như vậy. Sao số phận lại quá bất công với cô? Tôi choáng váng ngồi xuống ghế, Philiteus cũng không nói nên lời. Không khí căn phòng bỗng trở nên ngột ngạt. Deasius nhìn chúng tôi một cách

khó chịu, thỉnh thoảng lại quay ra ngoài như chờ đợi chuyện gì. Isidora đứng yên bên chiếc cột đá, mặt không bộc lộ chút cảm xúc nào.

Bỗng nhiên, từ bên ngoài vọng vào tiếng ngựa hí vang, tiếng bước chân người rầm rập. Philiteus và những người lính Áo giáp Bạc liền đứng bật dậy đầy cảnh giác. Ngay lúc đó, một đội binh sĩ hùng hậu, gươm giáo sáng lóa, xông đến vây chặt chúng tôi. Mấy người lính của Philiteus cũng rút binh khí ra nhưng Philiteus ra hiệu cho họ ngừng tay. Chỉ huy của toán lính ngồi trên ngựa quát lớn:

- Đám phản nghịch kia, chúng mày làm gì tại đây?

Bị vây giữa đội quân đông đảo, đầy đủ vũ khí, trong khi phía Philiteus chỉ có mấy người lính già, nếu chiến đấu thì việc thắng thua đã rõ. Đang lúc chúng tôi chưa biết đối phó thế nào với hàng chục mũi giáo chĩa vào mình thì từ ngoài cổng, một cỗ xe ngựa xông vào hết tốc lực. Sophia từ trên xe lao xuống, nhìn đoàn quân đang bao vây chúng tôi, cô hét lên:

- Khoan đã, khoan đã... Xảy ra chuyện gì? Tại sao lại thế này?... Kyros đâu?

Deasius thấy vậy liền quát lớn:

- Bọn này là quân của Antigonus đấy. Đừng để chúng chạy thoát.

Lúc đó cuộc chiến giữa Antigonus và Cassander đang đến hồi quyết liệt. Deasius vừa dứt lời, nhóm quân sĩ bao vây chúng tôi lập tức ra tay. Cuộc xô xát xảy ra nhanh như chớp, những ngọn giáo vung lên, tiếng gươm giáo va chạm nhau cùng tiếng la hét vang trời. Philiteus vừa tả xung hữu đột vừa cười lớn:

- Hay lắm, ta chết trên quê hương còn hơn bỏ thân miền rừng núi.

Deasius đứng một bên quan sát với vẻ đắc thắng. Bất ngờ hắn chỉ vào tôi, hét lớn:

- Tên kia chính là lãnh tụ đám phản loạn này, phải giết nó ngay.

Tôi luống cuống chưa kịp phản ứng thì bị trúng ngay một mũi giáo vào ngực, máu phun xối xả. Mắt tôi hoa lên, đầu óc quay cuồng, người lả đi. Tôi quay lại nhìn Isidora, cô lạnh lùng đứng yên sau cây cột đá, hờ hững nhìn tôi gục xuống, không một chút biểu cảm để tâm. Tôi nghe tiếng Sophia kêu ầm lên:

- Dừng tay, dừng tay... không được giết Kyros!

Tôi muốn lên tiếng nhưng lại bị trúng thêm mấy lưỡi giáo nữa. Tôi gục ngay xuống đất, cố gắng nhìn Isidora lần nữa, nhưng mắt đã tối sầm.

Khi tôi mở mắt ra lần nữa thì thấy mình đang nằm trên một chiếc giường nhỏ, toàn thân đau đớn đến không thể thở nổi. Một người cao lớn, râu tóc rậm rạp đang ngồi bên giường. Phải mất một lúc, tôi mới nhận ra là Antigenidas. Tôi thều thào:

- Antigenidas đây ư? Tôi... đang ở đâu đây?

Antigenidas run giọng:

- Kyros... tôi không ngờ... Anh đang ở trong phòng của Melissa.

Tôi chỉ nói được câu ngắn:

- Melissa... Melissa đâu?

Antigenidas lắc đầu buồn bã:

- Nó mắc bệnh qua đời từ lâu rồi. Lúc đó, tôi còn ở chiến trường, hoàn toàn không hay biết. Đến khi giải ngũ trở về đã không gặp được nó nữa. Hiện giờ tôi sống tại đây, trong căn phòng của Melissa.

Ngay lúc đó Sophia ở bên ngoài bước vào:

- Kyros, em hãy nằm yên... đợi em khỏe lại chúng ta sẽ nói chuyện sau.

Antigenidas lắc đầu:

- Vết thương của Kyros nặng lắm rồi, khó lòng qua khỏi.

Tôi cố gắng hỏi bằng giọng thều thào:

- Yasamin và đứa con của Leonidas sao rồi?

Antigenidas chỉ tay ra phía sau:

- Họ ở đây, cô ấy và Alberla vẫn mạnh khỏe.

Tôi lắp bắp muốn nói thêm nhưng toàn thân đau nhức, đầu óc trở nên mụ mị. Antigenidas ghé sát ngực tôi nghe ngóng rồi quay qua nói với Sophia:

- Tim đập yếu lắm rồi, chắc khó...

Sophia khóc òa lên. Antigenidas nói nhỏ:

- Kyros, anh còn nguyện vọng gì nữa không?

Biết mình không còn sống được nữa, tôi thều thào:

- Tôi muốn... tôi muốn nghe... một khúc... Lydia.

Antigenidas lập tức quay ra phía sau, nói với một thiếu nữ đang thập thò gần đó:

- Alberla, con hãy dạo một khúc Lydia cho Kyros nghe đi.

Tôi cố gắng giữ đầu óc tỉnh táo nhưng hơi thở đã đứt quãng. Tôi biết giây phút cuối cùng đã cận kề. Đột nhiên giai điệu Lydia của cây đàn Harp vang lên. Tôi nhận ra đó chính là bài nhạc Melissa gửi cho Leonidas ngày nào. Kỷ niệm êm đềm thời niên thiếu ùa về, khi tôi

còn làm người chuyển những lá thư tình cho hai người. Toàn bộ cuộc đời tôi lướt qua trước mắt – những người bạn từ thời thơ ấu, Isidora, âm nhạc, chiến tranh, ngục tù, tháng ngày tu tập – ngay khoảnh khắc đó tôi nghe ngực mình nhói lên, rồi thân hình bỗng nhẹ hẳn đi, như vừa trút được một gánh nặng.

Tôi thấy mình lơ lửng trong một không gian tối đen như mực. Thời gian như ngừng lại. Tôi không rõ mình đã lơ lửng như thế trong bao lâu, nhưng đó là một cảm giác rất lạ lùng, không thể diễn tả. Tôi ý thức được mình không còn là mình nữa vì hầu hết ký ức đều dần dần biến mất, chỉ còn một sự hiểu biết mơ hồ trong khoảng không gian bao la vô tận. Nhận thức này như một luồng hơi nhẹ nhàng, khinh an, lan rộng trong và ngoài tôi, rồi hòa hợp vào tất cả một cách lạ lùng như khi trải nghiệm thực hành tĩnh tâm. Lời khuyên của Timotheus đột nhiên vang lên văng vẳng: *"Giờ chúng ta đều đã lớn tuổi, nếu anh không cố gắng vượt qua lúc này thì chắc gì còn cơ hội? Nếu bỏ lỡ thì biết bao giờ có cơ duyên lần nữa? Anh phải biết buông bỏ..."*. Phải biết buông bỏ... phải buông bỏ... Không hiểu sao vào giây phút đó, tâm thức của tôi bỗng nảy ra một ý tưởng – *Tôi phải trở lại Bactria để tiếp tục việc tu tập còn dang dở này. Tôi phải trở lại Bactria...*

Thomas kể đến đó thì ngừng lại vì xúc động. Tôi im lặng để ông lấy lại bình tĩnh. Lát sau, Thomas nói tiếp:

- Lúc hồi tưởng về kiếp sống đó, tôi đã trải nghiệm được cái chết một cách rõ ràng. Khi xưa, Timotheus nói rằng lúc chết đi thì bản ngã và các giác quan đều tiêu vong, cái cuối cùng còn lại là A lại da thức. Lúc nghe giảng, đối với tôi đó chỉ là một khái niệm trừu tượng, nhưng qua trải nghiệm đó, tôi ý thức rất rõ về những gì Timotheus đã nói. Cái nhận thức mơ hồ đó không phải là ý thức về mình hay bản ngã cá nhân nữa mà là một cảm giác thanh tịnh lạ lùng. Tôi nghĩ đó là một trải nghiệm về A lại da thức mặc dù lúc đó công phu tu tập

của tôi còn kém, chưa thể nhận thức rõ ràng. Nhưng điều tôi biết rất rõ là mọi cảm xúc và ký ức của bản ngã đều biến mất chỉ còn lại "cái biết" (Awareness) mà thôi.

Tôi hỏi thêm:

- Như thế ông có trở lại Bactria không?

Thomas gật đầu:

- Có, đó là tâm nguyện cuối cùng của tôi ở kiếp sống đó.

Chúng tôi cùng im lặng, mỗi người đuổi theo một suy nghĩ. Một lúc sau, Thomas mỉm cười nói một cách chậm rãi:

- Nếu sẵn sàng, chúng ta có thể tiếp tục nói về kiếp sống sau này của tôi tại La Mã.

PHẦN BỐN

LA MÃ - HÀO QUANG VÀ SÁT NGHIỆP

TÌNH THƯƠNG TRONG KHÁT VỌNG TỰ DO

Tôi không nhớ chuyện gì xảy ra giữa kiếp sống tại Hy Lạp và kiếp sống La Mã nhưng khi tôi sinh ra tại La Mã thì đế quốc này đã bước vào giai đoạn suy thoái. Các thành phố phía Bắc thường bị nhóm người Visigoth cướp phá và quân lính triều đình hoàn toàn không đủ khả năng đánh dẹp. Vùng duyên hải miền Nam cũng thường xuyên bị đe dọa bởi các man tộc từ châu Phi kéo sang quấy nhiễu. Nhiều loại bệnh dịch, thiên tai, từ hạn hán đến bão tố triền miên trong nhiều năm đã làm suy yếu nền kinh tế, người dân rơi vào đói khổ, làm than, còn triều đình thì vẫn tiếp tục tăng thuế để phục vụ cho sự chi tiêu xa hoa, phung phí của các vị hoàng đế.

Tôi sinh ra trong kiếp này là con trưởng trong một gia đình quý tộc. Tên tôi là Sirius. Cha tôi giữ chức pháp quan (*Praetor*) tại hải cảng Ostia, một chức vụ mà ông coi như phương tiện đảm bảo cho việc buôn bán của gia đình được thuận lợi. Cha tôi sở hữu đoàn thuyền buôn đi khắp Địa Trung Hải và đồng thời ông cũng là người có quyền quyết định khám xét thuyền bè nào để thu thuế cho triều đình, nên đoàn thuyền của gia đình tôi không bao giờ phải đóng thuế. Hiển nhiên, gia đình tôi trở thành một trong những gia đình giàu nhất vùng Ostia. Mặc dù đã sống trong hoàn cảnh nhung lụa, vật chất đầy đủ nhưng cha tôi vẫn không hài lòng, ông luôn dùng đủ mọi thủ đoạn để có thể chiếm hữu nhiều hơn. Mọi việc trong nhà tôi lúc nào cũng chỉ xoay quanh vấn đề tiền bạc.

Thời bấy giờ, con cái của những gia đình giàu có hầu hết đều có gia sư dạy học tại nhà. Hai anh em tôi có chung người thầy Hy Lạp tên là Cyrus. Thầy là một người thông thái, phụ trách dạy chúng tôi các môn đọc, viết, văn chương, lịch sử, toán học và đặc biệt là nghệ thuật diễn thuyết. Ngoài ra, chúng tôi còn học thêm thể thao, võ nghệ với một giác đấu sĩ đã về hưu tên là Marcus. Ngay từ nhỏ tôi

đã không thích võ nghệ nhưng em trai Lucius của tôi thì say mê vô cùng. Vì thế, dù tôi là anh nhưng trong các trận đấu tôi chưa bao giờ thắng được Lucius. Lucius thông minh, xuất sắc trong mọi bộ môn thể thao và luôn có đông bạn bè vây quanh. Trái lại, tôi là người trầm lặng, ít nói, không thích tụ tập với bạn bè đồng trang lứa, tôi chỉ thích một mình, yên lặng và suy nghĩ. Tính cách này của tôi hoàn toàn đi ngược với kỳ vọng về đứa con trai trưởng của cha tôi. Đối với cha tôi, tôi là một nỗi thất vọng lớn lao và ông không bao giờ ngại ngần thể hiện sự thất vọng ấy. Tôi chẳng lạ gì với những lời chì chiết: "Thằng nhóc khờ dại, ngu đần, mày cứ như thế thì làm sao có thể trở thành nghị viên La Mã được?".

Có con cái làm nghị viên trong Viện Nguyên Lão (*Senatus*) là niềm mong ước của những bậc cha mẹ thuộc thành phần thượng lưu, quý tộc lúc bấy giờ. Viện Nguyên Lão là nơi mọi quyết định về luật pháp sẽ được thảo luận trước khi trình lên hoàng đế để cho ban hành áp dụng. Đây được coi là một địa vị danh giá trong xã hội bấy giờ, do đó, được vào Viện Nguyên Lão là mục tiêu của hầu hết con cái giới quý tộc. Tuy nhiên, mục đích thật sự đằng sau mong muốn trở thành nghị viên chính là bảo vệ quyền lợi của giới quý tộc thông qua những luật lệ có lợi cho giai cấp này. Tiêu chuẩn trở thành một nghị viên là phải biết hùng biện, lý luận dựa vào kiến thức lịch sử hay pháp luật để giành chiến thắng trong các cuộc tranh luận. Do đó, đây là môn học được chú trọng nhất trong nền giáo dục của giới quý tộc lúc này.

Xã hội La Mã hồi đó chia ra ba giai cấp. Giai cấp thượng lưu quý tộc (*Patrician*) là những gia đình giàu có, sống trong các biệt thự nguy nga rộng lớn, sở hữu rất nhiều tài sản, đất đai, ruộng vườn, cơ sở thương mại. Đặc biệt gần gũi với giới quý tộc thượng lưu về tài sản nhưng có ưu thế chính trị kém hơn là các thương nhân (*Equite*). Những thương nhân đủ giàu vẫn có thể vào được Viện Nguyên Lão, vì vậy nhìn chung thương nhân được coi là có địa vị tương đương và cùng giai cấp với các quý tộc. Sau giai cấp quý tộc là giai cấp thường dân (*Plebeian*). Đây là bộ phận chính của công dân La Mã, bao gồm các tầng lớp nông dân, thợ thuyền và binh sĩ, tuy chiếm số

đông nhưng lại vô quyền, phải sống chui rúc trong những căn nhà nhỏ hẹp. Đa số thường dân sống phụ thuộc vào giai cấp quý tộc, làm việc cho họ để đổi lại đất đai và sự che chở. Sau cùng là giai cấp nô lệ (*Slave*) phải phục vụ cho cả hai giai cấp trên.

Trong xã hội của chúng tôi, thanh niên đến tuổi mười bảy thì được coi như đã trưởng thành, được chính thức công nhận là công dân La Mã và các gia đình sẽ tổ chức tiệc mừng sự kiện này. Gia đình quý tộc thì sẽ tổ chức các bữa tiệc linh đình và mời những gia đình quý tộc khác tham dự như một dịp để kết giao. Hôn nhân giữa các thành viên quý tộc là một truyền thống giao ước nhằm bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ lẫn nhau. Khác với các quốc gia lân cận cho phép đàn ông có nhiều vợ, luật pháp La Mã quy định rõ hôn nhân theo chế độ một vợ một chồng. Mục đích hôn nhân là để duy trì nòi giống và đào tạo công dân tương lai cho La Mã. Gia đình được coi là căn bản của xã hội và người con lớn có trách nhiệm phải duy trì truyền thống này bằng việc lập gia đình và sớm sinh con nối dõi. Trong buổi tiệc trưởng thành của mình, thanh niên sẽ được gọi lên để phát biểu bài diễn văn về mục đích cuộc đời trước tất cả các quan khách. Đây cũng là lúc gia đình có con gái sẽ đánh giá người thanh niên để kén rể. Trong xã hội mà hôn nhân được quyết định bởi cha mẹ, theo tiêu chí môn đăng hộ đối hay quyền lợi gia đình, thì người con, nhất là con gái, không có quyền lựa chọn.

Từ khi còn nhỏ chúng tôi đã được cho rèn luyện khả năng tranh luận để chuẩn bị cho con đường công danh sau này. Tuy nhiên dù cố gắng tập luyện bao nhiêu thì tôi vẫn không tiến bộ. Không những tôi thuộc kiểu người ít nói, khép kín, không thích giao thiệp mà tôi còn có tật nói lắp. Kiên nhẫn như thầy Cyrus cũng phải lắc đầu ngao ngán trước sự chậm chạp của tôi. Cảm giác kém cỏi khiến tôi vô cùng khổ sở, nhưng khổ tâm nhất chính là tôi thường bị đem ra so sánh với Lucius. Em trai tôi không những tài năng mà còn vô cùng khéo léo. Lucius nói năng lưu loát, các môn thể thao, săn bắn, cung kiếm võ nghệ đều vượt xa tôi, nên hiển nhiên được cha mẹ yêu thương hết mực. Tôi cũng tự biết mình không tài giỏi, khôn khéo như Lucius nên vẫn không ngừng cố gắng và thường im lặng trước

những lời chì chiết của cha. Thế nhưng, sâu bên trong tôi vẫn là sự phản kháng, tôi tự hỏi tại sao giá trị con người chỉ được đánh giá qua khả năng diễn thuyết hay thể thao mà không phải là điều gì khác? Tại sao cha mẹ có thể áp đặt mục tiêu rồi bắt ép con cái phải hoàn thành, bất chấp khả năng thật sự của đứa con, rồi so sánh hơn kém, đả thương đả ghét như vậy? Nếu con cái không trở thành nghị viên thì đã làm sao?

Lần duy nhất tôi thu hết can đảm để bày tỏ ý kiến của mình về việc này đã khiến cha tôi nổi trận lôi đình. Ông đỏ mặt tía tai, quát lớn:

- Mày là con trưởng, mày phải có trách nhiệm với gia đình. Tương lai của mày đã được hoạch định kỹ lưỡng. Mày phải lập gia đình sớm để có con cái nối dõi, sau đó đi theo các đoàn tàu để học về việc buôn bán của gia đình. Khi đủ tuổi, tao sẽ thu xếp cho mày vào Viện Nguyên Lão để bảo vệ quyền lợi của gia đình, và mày phải hoàn thành thật tốt những điều này. Mày không có quyền lựa chọn.

Cứ vài tháng thầy Cyrus lại đưa chúng tôi đến Viện Nguyên Lão để theo dõi và học hỏi thêm từ những buổi tranh luận của các nghị viên. Lucius có thể thích nghi với mọi hoàn cảnh và luôn cư xử phải phép trong khi tôi thường đặt những câu hỏi mà thầy Cyrus cho là không thích hợp. Tôi là người thành thật và không chấp nhận nói những điều không hợp với quan niệm của mình. Luật pháp La Mã phân biệt đúng sai rõ ràng, nhưng trong các buổi tranh luận và phân xử tại Viện Nguyên Lão, tôi thấy phần lớn các nghị viên không mấy coi trọng những luật lệ này. Khi người thuộc giai cấp bình dân sai phạm, họ bị trừng trị thẳng tay, nhưng khi giai cấp quý tộc làm sai, họ lại được khoan hồng. Khi chúng tôi tranh luận về vấn đề này, Lucius phản nhiên bênh vực các quyết định bất công đó trong khi tôi không chấp nhận những gì tôi cho rằng không đúng. Thầy Cyrus lắc đầu than:

- Ngây thơ như con thì làm sao có thể trở thành nghị viên được. Thời buổi này con phải biết xoay theo chiều. Con cứ khẳng khẳng làm cho đúng thì rất khó mà tiến thân được.

Nền giáo dục La Mã khuyến khích công dân phát triển các đức hạnh như can đảm, tự chủ và công bằng nhưng tôi chứng kiến luật pháp hiện chỉ bảo vệ giới quý tộc, không hề quan tâm đến giai cấp bình dân hay nô lệ. Khi hạn hán xảy ra, dù lương thực trữ trong kho tại La Mã đủ dùng trong sáu năm nhưng Viện Nguyên Lão không cho phép ban hành các biện pháp phản ứng, hỗ trợ người dân vì cho rằng việc lấy bớt lương thực tồn trữ để cứu đói có thể khiến cho thủ đô lâm nguy nếu hạn hán kéo dài. Nạn đói xảy ra ở những vùng xa xôi, nạn nhân đều thuộc giai cấp bình dân hay nô lệ, không ảnh hưởng gì đến giai cấp quý tộc nên không đáng để các nghị viên bận tâm. Thái độ dửng dưng, vô cảm của họ trước sự đói khổ tột cùng của người dân là điều tôi không hiểu và không chấp nhận được.

Gia đình tôi sở hữu rất nhiều nô lệ. Từ lúc nhỏ tôi đã có cảm tình gắn bó với họ và luôn đối xử với họ rất tử tế. Nhưng cha tôi và những người khác trong gia đình thì rất hay đánh đập, hành hạ nô lệ hầu cận, khiến tôi vừa bất bình vừa thương xót. Hầu hết nô lệ khuôn vác hàng hóa hay phục dịch trên các chuyến tàu buôn của cha tôi đều bị đóng dấu lên mình, như một cách để đánh dấu chủ quyền "tài sản" của gia đình. Những nô lệ chạy trốn và bị bắt lại sẽ bị khắc dấu lên trán để nhận biết đó là nô lệ đã phạm tội. Nếu họ bỏ trốn lần thứ hai thì khi bị bắt lại sẽ chịu sự tra tấn nặng nề, họ có thể bị đánh đến gãy chân, thậm chí bị hành quyết trước mặt những nô lệ khác như một hình thức răn đe. Chứng kiến những việc này, tôi hết sức bất bình nhưng lại không thể làm được gì. Do đó, từ khi biết suy nghĩ, tôi đã không muốn trở thành thương gia bóc lột nô lệ như cha tôi, cũng không muốn trở thành nghị viên như chú tôi, chuyên lôi kéo, hợp tác phe phái trong Viện Nguyên Lão để khuynh đảo pháp luật.

Những gì cha muốn tôi làm thì tôi không giỏi. Tôi thích đọc sách thì cha tôi lại coi sách vở là thứ vô giá trị. Vì thế mối quan hệ của cha con tôi luôn không được tốt đẹp. Không những thế, ông còn nói với mẹ tôi rằng ông chỉ ước Lucius ra đời trước tôi. "Sirius quá yếu kém, nếu nó chỉ được một nửa tài của Lucius thì nó có thể trở thành người giàu có nhất Ostia" – tôi không biết mình đã nghe những lời như thế bao nhiêu lần. Sống trong gia đình có kỳ vọng cao, hay so

sánh, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến tiền bạc, tôi thấy mình đơn độc và bị cô lập. Tôi trở nên ngày càng lặng lẽ, hoàn toàn thu mình vào thế giới của sách vở, nơi không ai có thể làm tổn thương tôi được.

Vì sống khép kín như vậy nên tôi cũng không bao giờ chia sẻ những bí mật của mình với ai. Một trong những bí mật mà tôi giữ kín là những giấc mơ của mình. Từ nhỏ tôi đã thường mơ thấy một vùng đất xa lạ, nhìn thấy những người ăn mặc rách rưới, đầu cạo trọc, đi xin ăn. Trông họ vô cùng khắc khổ nhưng gương mặt lại toát ra một thần thái thoải mái lạ kỳ. Ngay cả trong giấc mơ tôi vẫn cảm nhận được rõ ràng cảm giác yên bình, thanh thản khi nhìn thấy họ. Những giấc mơ này lặp đi lặp lại, và đối với tôi, nó luôn chứa một sức hấp dẫn kỳ lạ đến mức ám ảnh. Thỉnh thoảng tôi lại nghĩ đến vùng đất xa lạ đó, ao ước được sống tự do thoải mái như những người tôi nhìn thấy trong mơ, xa hẳn những phiền toái của gia đình, xa hẳn những kỳ vọng không thích hợp, đè nặng trên vai đứa trẻ vừa đến tuổi trưởng thành.

Người La Mã có tôn giáo đa thần, chúng tôi tin rằng các vị thần có quyền năng ban phúc cũng như giáng họa. Do đó, tiệc mừng trưởng thành của những đứa trẻ quý tộc thường được tổ chức trong đền thờ với nghi thức hiến tế phẩm vật để thần linh ban phép lành. Trước tiệc mừng trưởng thành của tôi, chú tôi bàn với gia đình:

- Tuyến buôn bán có lợi nhất hiện nay là con đường tơ lụa (*Silk road*) mang hàng hóa từ phương Đông qua đây. Người La Mã mua rất nhiều tơ lụa, gia vị, dầu thơm và đồ thủ công từ những quốc gia châu Á. Đây là việc làm ăn một vốn mười lời, đảm bảo mang lại nguồn thu dồi dào. Vì vậy, chúng ta phải tìm cách kết giao với Beria, gia đình đang nắm nhiều quyền lực và nguồn lợi từ việc buôn bán này.

Cha tôi trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Việc này không dễ dàng. Con đường tơ lụa là con đường bộ, đòi hỏi phải có những đoàn người ngựa chuyên chở hàng hóa đi xa.

Ngoài ra phải có quan hệ đặc biệt với các quan địa phương kiểm soát lộ trình. Thực lực của chúng ta hiện nay chỉ là các đoàn tàu bè đi quanh Địa Trung Hải, để xâm nhập vào những nguồn lợi đường bộ không dễ dàng gì.

Chú tôi kiên nhẫn giải thích:

- Anh đừng lo. Beria từng là thống đốc Syria, hầu hết các quan kiểm soát lộ trình trong tuyến đường đó đều là người của ông ta. Sáu năm trước, vợ Beria qua đời, ông ta đã từ chức thống đốc để chuyển sang buôn bán, chỉ vài năm mà đã trở nên vô cùng giàu có. Gia đình này không có con trai mà chỉ có duy nhất một cô con gái. Nếu thu xếp cho Sirius làm rể được gia đình này thì chúng ta có thể phát triển thương mại về phương Đông. Hiện nay chúng ta đã có đoàn tàu hoạt động quanh Địa Trung Hải, nếu có thêm các đoàn thương buôn đường bộ qua châu Á thì toàn bộ ngành thương mại của La Mã sẽ nằm trong tay gia đình chúng ta. Nếu không nắm bắt lấy cơ hội này thì còn chờ đến bao giờ?

Cha tôi lắc đầu, giọng khó chịu:

- Nhưng thằng Sirius kém quá, nó chẳng có tài cán gì thì làm sao lọt vào mắt gia đình này được? Điều mà gia tộc chúng ta muốn thì những gia đình khác như Marius hay Celius cũng muốn, họ cũng có con trai.

Chú tôi nở một nụ cười ra vẻ thần bí:

- Vì vậy nên chúng ta phải đi trước một nước cò. Em đã có kế hoạch để cho chúng nó gặp gỡ và tìm hiểu lẫn nhau. Trai gái gặp nhau sớm thì tình cảm dễ nảy sinh rồi từ đó chúng ta có thể dễ dàng thuyết phục ông Beria hơn. Hiện nay tuyến đường bộ không còn an ninh vì các nhóm Visigoth đang cướp phá khắp nơi nên Beria cũng cần đến thuyền bè chuyên chở hàng hóa. Đây là việc hợp tác hai bên cùng có lợi. Anh cứ yên tâm, em đã thu xếp cho gia đình mình ngồi cạnh ông Beria và con gái ông ấy tại đấu trường Maximus [\[2\]](#) sắp tới đây.

Việc giải trí phổ thông và thịnh hành nhất của xã hội La Mã thời đó là xem các võ sĩ giác đấu chém giết lẫn nhau trong đấu trường. Hầu hết các giác đấu sĩ đều là những nô lệ được tuyển chọn vào trường huấn luyện. Một số là tội phạm xin trở thành võ sĩ giác đấu thay vì chịu tù đầy. Các giác đấu sĩ sẽ được trang bị đầy đủ khí giới và tham gia vào các trận chiến sinh tử với các giác đấu sĩ khác, cũng có khi họ phải chiến đấu với thú dữ như sư tử, cọp hay chó sói để đem lại niềm vui cho quan khách. Tuy chúng tôi được học võ với một giác đấu sĩ đã về hưu là thầy Marcus, nhưng ông không muốn chúng tôi đi đến các đấu trường. Thầy nói với chúng tôi:

- Ta dạy võ cho các con nhưng ta không bao giờ muốn các con xem những cảnh người giết người mua vui như thế.

Tôi vốn không thích những kiểu giải trí như vậy nên hầu như chưa từng đi đến những nơi đó. Lucius thì khác, nó thường cùng bạn bè đến đấu trường và hào hứng kể lại những việc đã chứng kiến hay các giác đấu sĩ mà nó coi là anh hùng.

Trong buổi xem giác đấu tại đấu trường mà chú tôi sắp xếp, chúng tôi ngồi vào hàng ghế dành riêng cho thành phần quý tộc. Đa số các gia đình quý tộc đều quen biết và có đi lại, giao lưu với nhau. Mẹ tôi đưa tôi và Lucius đến giới thiệu với mọi người. Lucius bước đến chào hỏi từng người rồi khéo léo mời vài cô gái ra ngồi riêng, chuyện trò vui vẻ.

Đời sống hiện nay ra sao đều do những thói quen, hay tập khí từ trước dẫn dắt. Những hạt giống tham lam, ích kỷ thường nảy mầm tại nơi có nhiều tranh chấp hay chiến tranh. Hạt giống nghệ thuật thì tìm nơi có hoàn cảnh thích hợp để phát triển... Do đó, chính ý nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta trong kiếp này sẽ dẫn dắt chúng ta đi về đâu ở kiếp sau, chứ chẳng phải do thần linh nào quyết định. Chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm về cuộc đời của mình.

Lucius vốn có tài ăn nói nên lúc nào cũng có nhiều bạn gái. Ngược lại, ngay từ nhỏ tôi đã tránh tiếp xúc với phái nữ, tôi thích dành thời gian ở một mình để suy nghĩ. Thế giới của tôi là muôn vàn câu hỏi nhưng vẫn chưa có câu trả lời. Càng tự thu mình vào thế giới riêng, tôi càng bị cha lôi ra mắng mỏ. Trong bữa ăn hoặc những khi gia đình quây quần tụ họp, tôi thường bị mang ra làm đề tài chế giễu, khiến tôi đã có mặc cảm tự ti lại càng cảm thấy tủi thân hơn.

Buổi hôm đó, theo an bài của chú tôi, chúng tôi ngồi gần gia đình ông Beria. Trong lúc cha tôi và ông Beria nói chuyện, chú tôi khéo léo xếp cho tôi ngồi cạnh một thiếu nữ ăn mặc giản dị, phục sức và phong thái của cô trông nhẹ nhàng và thoải mái hơn nhiều so với cô gái quý tộc La Mã khác. Theo giới thiệu của chú tôi, tên cô là Valeria. Vốn không quen giao thiệp nên tôi chỉ gật đầu chào cô rồi giữ im lặng. Valeria thì không biết vì chú ý đến tôi hay vì buồn chán nên đã bắt chuyện:

- Anh có thích xem giác đấu không?

Tôi lắc đầu:

- Tôi chưa bao giờ xem giác đấu cả.

Valeria mỉm cười:

- Đây cũng là lần đầu em được đi xem.

Chú tôi ngồi cạnh nói chen vào:

- Cô sống tại thủ đô mà chưa đi xem giác đấu lần nào sao?

Valeria quay sang gật đầu với chú, nhỏ nhẹ trả lời một cách chùng mịch:

- Cha tôi thường bận rộn đi xa nên không yên tâm để tôi đi đâu một mình. Từ khi mẹ tôi mất, tôi chỉ ở nhà đọc sách.

Chú tôi không phải người đọc sách nên có lẽ không tìm được đề tài để nói thêm. Ông ra dấu cho tôi bắt chuyện nhưng tôi vẫn im lặng. Valeria quay sang tôi, bắt chuyện lần nữa:

- Em thích đọc sách lắm, nhất là văn chương Hy Lạp.

Văn hóa La Mã chịu ảnh hưởng của Hy Lạp nên việc người La Mã thích đọc sách của người Hy Lạp cũng không có gì lạ. Tôi gật đầu cho phải phép lịch sự thì Valeria lại hỏi thêm:

- Anh có thích đọc sách không?

Tôi lại gật đầu. Valeria không để tâm đến thái độ xa cách của tôi, cô nói một cách hồn nhiên:

- Em thích đọc sách của Ovid, Livy, Seneca, Horace, ngoài ra em còn thích các bài thơ của Adrianus, Aristaeus và Sappho. Theo em, không ai có thể diễn tả được hết cảm xúc của con người tinh tế hơn các thi sĩ. Người ta nói rằng âm nhạc diễn tả cảm xúc con người trên bình diện vô thức nhưng thơ văn mới thật là tiếng nói của trái tim. Mỗi câu, mỗi chữ hòa với nhau tạo thành từng vần thơ tuyệt diệu. Nếu đọc kỹ, ta có thể thấy mỗi vần, mỗi chữ lại ẩn chứa những ý tứ sâu sắc với những cảm xúc tuyệt vời. Em tin rằng chỉ những người có tâm hồn đa cảm với những rung động sâu xa mới có thể dùng những từ, những chữ để tạo thành vần điệu êm ái như thế. Theo em, thơ của Sappho là tiếng nói chân thành nhất của trái tim.

Tôi không lạ gì với những bài thơ tình của nữ thi sĩ này nhưng bà không phải là thi sĩ mà tôi yêu thích. Tôi gật đầu rồi trả lời ngắn gọn:

- Tôi không am hiểu thơ nhiều như sử thi.

Dưới sự hướng dẫn của thầy Cyrus, tôi say mê những bộ sử thi hùng tráng của Homer và Virgil. Sử thi *Iliad* của Homer nói về trận đánh thành Troy với các nhân vật như Achilles, Hector, Paris, Helen... Sử thi *Aeneid* của Virgil nói về sự bành trướng của La Mã trở thành một đế chế và ca ngợi nền hòa bình của Augustus, thông

qua câu chuyện cuộc đời của Aeneas, một chiến sĩ của thành Troy đã đưa dân chúng lánh nạn khi thành này bị tiêu hủy. Đoàn người thành Troy lang thang vô định tìm chỗ định cư. Aeneas đã gặp nhiều phụ nữ tuyệt đẹp đem lòng yêu ông, muốn ông dừng bước giang hồ, từ bỏ giấc mộng khôi phục thành Troy để chung sống với họ. Tuy nhiên, Aeneas cương quyết gạt bỏ tình riêng để theo đuổi lý tưởng tìm một nơi chốn mới để dân xứ ông được sống một cuộc sống tự do như khi xưa tại thành Troy. Họ lưu lạc đến một vùng xa lạ, chiến đấu cam go với các lãnh chúa tại đây rồi xây dựng nên một đô thị hoành tráng như Troy. Aeneas đặt tên cho nó là La Mã (*Rome*). Do đó, dân xứ này đều mang dòng máu oai hùng của dân thành Troy. Họ không quên việc quê hương của họ bị thiêu hủy nên đã chinh phục Hy Lạp để rửa mối hận trăm năm trước. Dĩ nhiên, đây chỉ là một huyền thoại được viết ra dưới ngòi bút của thi sĩ Virgil, nhưng những vần thơ hùng tráng này cũng đã khiến tôi suy nghĩ rất nhiều. Phải chăng dân thành Troy đã thật sự trở lại làm người La Mã? Phải chăng ân oán ngàn đời sẽ được giải quyết ở thời điểm khác?

Cuộc nói chuyện của chúng tôi ngừng lại vì tiếng kèn đồng nổi lên vang dội. Các võ sĩ giác đấu đã bước ra sân. Sau thủ tục chào khán giả, từng cặp, từng cặp xông vào chém giết lẫn nhau không chút nương tay. Những thân thể lần lượt gục ngã, máu tuôn khắp nơi, hết giác đấu sĩ này đến giác đấu sĩ khác xông vào chém giết, tiếng kêu la, gào thét ngày một lớn. Tôi thấy Valeria che mặt với vẻ sợ hãi trong khi chú tôi thì hào hứng, lớn tiếng cổ vũ những giác đấu sĩ mà ông yêu thích. Tiếng khán giả la hét vang dội khắp đấu trường, còn tôi thì không muốn nhìn cảnh chém giết này thêm một chút nào nữa. Tôi quay mặt đi, nghĩ đến thầy Marcus, một giác đấu sĩ lừng danh, từng chiến thắng hàng trăm trận trong đấu trường, trở thành thần tượng của vô số giác đấu sĩ đương thời. Thầy vẫn thường nói với chúng tôi: "Là võ sĩ giác đấu, ta không có sự lựa chọn nên buộc phải làm nhiều việc tàn bạo, trái lương tâm. Tuy nhiên, các con thì có cơ hội lựa chọn, nên đừng bao giờ làm những việc giết chóc như thế. Ngay cả con vật trước khi bị giết, cũng sẽ sợ hãi, kêu la hướng chỉ là con người".

Tôi đang chìm trong suy nghĩ bỗng nhiên Valeria quay sang tôi, nói nhỏ:

- Em không muốn xem nữa, anh làm ơn đưa em ra ngoài được không?

Tôi chưa biết nên phản ứng ra sao thì chú tôi đã đẩy nhẹ vào lưng tôi rồi nói:

- Có lẽ Valeria khát nước, Sirius hãy đưa cô ấy ra ngoài để nghỉ ngơi một chút đi.

Trước sự thúc giục của chú tôi và thấy Valeria đã đứng lên bước đi nên tôi lật đật bước theo sau. Chúng tôi ngồi ở bên ngoài đấu trường, vừa ăn trái cây vừa trao đổi với nhau vài câu chuyện. Thật ra chỉ có Valeria nói, tôi hầu như chỉ nghe và gật đầu, thỉnh thoảng mới lên tiếng cho phải phép. Tuy nhiên tôi rất ngạc nhiên và ấn tượng vì Valeria có kiến thức rất rộng, khác hẳn những thiếu nữ quý tộc khác suốt ngày chỉ quan tâm đến giải trí, tiệc tùng mà Lucius hay mời về nhà. Không những cô thành thạo về sách vở của các triết gia như Plato, Ovid, Epictetus mà còn phân tích rõ ràng các lý thuyết đó khiến người đọc nhiều sách vở như tôi cũng phải tán thưởng. Valeria kể cho tôi về nơi cô sinh ra cùng những phong tục văn hóa miền đó. Cha cô là thống đốc Syria nên cô sinh ra và lớn lên tại Jericho. Khi mẹ cô qua đời, cha cô từ chức chuyển qua buôn bán nên cô mới trở về La Mã. Từ nhỏ, cô đã cùng cha mẹ đi thăm các danh lam thắng cảnh ở khắp nơi. Cô kể về nếp sống của những người du mục ở các ốc đảo ngoài sa mạc, những phong tục lạ lùng của miền Palestine. Là người đi nhiều, trải nghiệm nhiều nên kiến thức của cô khác hẳn với những người con gái La Mã cả đời chưa bao giờ ra khỏi phạm vi thành phố.

Câu chuyện đang dang dở, bỗng nhiên Lucius cùng hai cô gái từ đâu bước đến. Em tôi sốt sắng nói:

- Hôm nay đấu trường có tiết mục rất đặc biệt. Anh chị mau trở lại khán đài xem đi, nếu bỏ lỡ sẽ tiếc lắm đấy.

Valeria ngạc nhiên:

- Có chuyện gì mà hấp dẫn vậy?

Lucius vừa cười vừa nói:

- Hôm nay chúng ta sẽ được xem sư tử xé xác đám Do Thái thờ Thiên Chúa.

Đa số những người thờ Thiên Chúa đều thuộc giai cấp bình dân, gốc Do Thái, xuất thân từ các làng mạc xa xôi miền Palestine và Syria đã lên tỉnh thành để sinh sống. Họ làm đủ mọi nghề để kiếm sống nhưng vì có tinh thần tương trợ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau nên theo thời gian, nhiều người thuộc giai cấp bình dân La Mã cũng cải đạo, chuyển qua thờ Thiên Chúa. Một số nô lệ cũng chuyển qua tôn giáo này vì những người thờ Thiên Chúa coi họ như bằng hữu chứ không phân biệt giai cấp. Nếu nhóm người này trở thành số đông thì sẽ có thể đe dọa đến quyền lực của giới quý tộc nên chính quyền La Mã đã ban hành đạo luật xử tử hình bất cứ kẻ nào từ chối thờ phụng thần linh của La Mã.

Chúng tôi vừa vào đến chỗ ngồi thì tiếng kèn đồng đã vang lên, một nhóm người quần áo rách rưới được đưa ra giữa đấu trường. Valeria thẳng thốt:

- Tại sao lại toàn là phụ nữ và trẻ con thế này?

Lucius bình thản giải thích:

- Đàn ông bị hành quyết cả rồi, chỉ còn phụ nữ và trẻ con thôi.

Nhóm người này bị quân lính cầm roi đánh đuổi ra giữa sân, đến gần cũi sắt đang nhốt những con sư tử đã bị bỏ đói nhiều ngày. Kèn trống vang lên thúc giục, tiếng kêu la hò hét vang dội, các nạn nhân sợ hãi ngồi sụp cả xuống đất. Một hồi trống nữa vang lên, cửa cũi sắt được mở ra, bầy sư tử liền nhảy chồm ra ngoài, rồi thông thả

bước quanh nhóm người đang co cụm, vừa đi vừa gầm gừ nhưng chưa tấn công. Lucius hét lên cổ vũ:

- Xé xác chúng đi, còn chần chờ gì nữa!

Những người xung quanh liền phụ họa:

- Xé xác! Xé xác! Xé xác đi!

Tôi ngồi đó như hóa đá, trống ngực đập liên hồi vì chưa bao giờ chứng kiến cảnh tượng ghê gớm như thế. Trong đầu tôi ngập tràn những câu hỏi. Tại sao người ta lại có thể thích thú trước cảnh thú dữ xé xác đồng loại mình như vậy? Tại sao người ta có thể coi đó là giải trí được?

Bầy sư tử đối tiếp tục vờn quanh đám người đang rúm ró vì sợ hãi, tiếng gầm gừ ngày một to hơn, rõ ràng chúng đang sắp sửa tấn công. Bỗng một người đàn bà lớn tuổi trong nhóm người dưới sân đứng lên, chấp hai tay vào nhau và lớn tiếng cầu nguyện. Cả đám người như được một sức mạnh nào đó thúc giục liền đồng loạt đứng cả lên, chấp tay cầu nguyện theo.

Bất ngờ, một cảnh tượng lạ lùng xảy ra. Con sư tử lớn nhất với bộ lông màu xám bỗng cúp đuôi chạy ngược vào trong cũi như thể đang sợ hãi một điều gì. Bầy sư tử hung dữ đang vờn quanh nhóm người cũng như thể bị một sức mạnh vô hình nào đó điều khiển, cả bầy nằm mọp xuống đất, tiếng gầm gừ im bật. Khán giả sửng sốt, tiếng la hét cổ vũ tắt ngấm, toàn đấu trường im phăng phắc. Ngay khoảnh khắc đó, tôi cảm thấy toàn thân chấn động như có một luồng điện chạy dọc từ đầu đến chân. Chưa kịp định thần tôi đã nghe một tiếng hét lớn:

- Quân lính đâu? Đuổi chúng đến cho sư tử ăn đi!

Một người lính cầm roi vội chạy đến vùng roi quát lia lịa vào đám người đang cầu nguyện kia. Đột nhiên, một con sư tử đang nằm yên gần đó nhảy chồm lên, vồ người lính này khiến y ngã xuống đất.

Đám lính đứng quanh xông ra cứu nhưng đã muộn, con sư tử đã cắn nát cổ họng người này. Bầy sư tử đói đang nằm yên người thấy mùi máu lập tức chồm cả dậy, xông đến bên xác người lính kia. Những binh lính cầm roi đều quá kinh hãi trước cảnh tượng đó, liền chạy vội lùi ra xa, đứng nhìn bầy sư tử cắn xé thân xác người lính kia thành nhiều mảnh. Khán giả bị kích thích nên hò reo dữ dội:

- Đúng rồi! Ăn đi, xé xác đi!

Tiếng kèn đồng lại vang lên nhưng chỉ một khúc ngắn rồi im bật, tiếng hò hét của khán giả cũng dần tắt, bởi bầy sư tử chỉ xé xác người lính kia mà không hề tấn công đám người đang cầu nguyện cạnh đó. Tiếng bàn tán nổi lên xôn xao khắp đấu trường. Vừa xúc động vừa sợ hãi, tôi ngồi bất động, hai nắm tay siết chặt, trống ngực đập liên hồi.

Bỗng nhiên trên khán đài danh dự dành cho hoàng đế nổi lên một hồi kèn lớn. Một toán quân sĩ vũ trang cung nỏ rầm rầm bước ra sân. Sau một tiếng hô lớn, hàng loạt mũi tên được bắn ra, nhắm thẳng vào đám người đang cầu nguyện kia. Một số trúng tên ngã gục xuống, tiếng phụ nữ và trẻ con kêu khóc vang lên thảm thiết. Bất chấp tên bắn như mưa, một số người vẫn tiếp tục cầu nguyện mặc cho đã bị trúng tên, chỉ còn chút hơi tàn.

Quá hãi hùng và chấn động, tôi quay mặt đi vì không thể chứng kiến cảnh này thêm nữa. Tôi thoáng thấy Valeria cũng đang quay đi, kín đáo đưa tay lau nước mắt. Ánh mắt chúng tôi chạm nhau và tôi cảm nhận được một sự đồng cảm lạ lùng xảy ra giữa tôi và cô, tựa hồ trái tim chúng tôi đang rung động cùng một nhịp. Bất chợt Valeria đứng lên, quay sang nói với ông Beria:

- Cha ơi, con chóng mặt quá, xin cha đưa con về.

Beria thoáng ngạc nhiên nhưng cũng đứng lên rời khỏi hàng ghế. Chú tôi thấy vậy liền kéo tôi đứng dậy bước vội theo sau hai cha con Beria. Khi bắt kịp ông Beria, chú tôi lên tiếng:

- Có lẽ anh tôi đã đề cập qua với ông rồi, chúng tôi rất hân hạnh nếu ông và Valeria có thể vui lòng dành chút thời gian đến tham dự lễ mừng trưởng thành của Sirius sắp tới đây tại đền thờ Jupiter.

Beria đứng lại, chăm chú nhìn tôi. Ông là một người có vẻ ngoài nghiêm nghị và lạnh lùng, ánh mắt ông nhìn tôi lại mang ý dò xét, khiến tôi rất bối rối, không biết phải nói gì. Ông suy nghĩ một chút rồi gật đầu:

- Được, chúng tôi sẽ đến.

Buổi lễ mừng trưởng thành của tôi được tổ chức trong khu vườn bên cạnh đền thờ thần Jupiter. Trước đó, tôi đã cố gắng học thuộc lòng bài diễn văn được soạn sẵn. Đó là một bài diễn văn sáo rỗng, chứa đầy câu từ khách sáo và chỉ thể hiện kỳ vọng của gia đình. Tôi cảm thấy bài diễn văn kia chẳng ăn nhập gì với mình, nhưng vì muốn được yên thân nên vẫn cố học thuộc.

Khách tham dự ngày hôm đó đều là các gia đình quý tộc, nhiều nhà dẫn theo con gái vì coi đây là dịp để các gia đình tìm kiếm đối tượng liên minh bằng hôn nhân.

Nghi thức trưởng thành được diễn ra bên trong đền thờ Jupiter, nơi chỉ dành cho các thành viên trong gia đình. Tôi cởi chiếc vòng cổ hộ mệnh (*Bulla* [\[3\]](#)) dâng lên chư thần, sau đó được các giáo sĩ ban phép lành. Tiếp theo, tôi khoác lên mình bộ quần áo mới màu trắng. Tên tuổi của tôi được ghi nhận vào sổ công dân La Mã. Nghi lễ chấm dứt sau khi cha tôi tặng cho đền thờ một con bò lớn để các giáo sĩ làm lễ dâng lên chư thần. Như vậy, tôi đã chính thức được coi là một người trưởng thành. Sau đó, chúng tôi cùng rời đền thờ, di chuyển sang khu vườn bên cạnh, nơi đã được chuẩn bị bữa tiệc thịnh soạn và có các vị quan khách đang chờ.

Vào đến nơi tôi thấy gia đình Beria cũng đã có mặt, Valeria vẫn ăn mặc giản dị như hôm chúng tôi gặp nhau lần đầu. Đây là một bữa tiệc lớn và mọi người còn xem như một dịp để tìm hiểu, kết giao, nên các cô gái đến tham dự đều trang điểm lộng lẫy, phục sức trang

trọng. Valeria lại nổi bật giữa đám đông bởi vẻ trang nhã, thanh thoát của mình. Chúng tôi khẽ gật đầu chào nhau, rồi tôi theo cha chào hỏi các quan khách tham dự.

Giữa buổi tiệc, tôi được gọi lên phát biểu diễn văn trưởng thành. Tuy có nói lấp vài câu nhưng cuối cùng tôi cũng hoàn tất bài diễn văn soạn sẵn trước sự vui mừng của gia đình. Cha tôi tỏ vẻ phấn khởi, ông cười lớn và nói với quan khách:

- Các ông nghe thấy đấy, thằng con tôi không những muốn nối nghiệp buôn bán của gia đình mà còn có tham vọng trở thành nghị viên của La Mã nữa.

Đám đông rộn tiếng cười và tiếng vỗ tay, chỉ có tôi biết rằng những gì mình vừa nói đều không phải sự thật. Trong lúc mọi người vui vẻ vừa ăn uống vừa chuyện trò, chú tôi đưa tôi đến ngồi cạnh Valeria. Mọi ánh mắt trong bàn tiệc đều đổ dồn vào chúng tôi, có lẽ vì đã biết đây là hai con người đang trở thành đối tượng cho cuộc thương lượng kết giao giữa hai gia đình. Tôi vô cùng lúng túng nhưng Valeria thì có vẻ rất thản nhiên, cô thoải mái trò chuyện với mọi người. Lát sau cô quay sang hỏi tôi:

- Hình như anh có ý muốn làm nghị viên?

Bình thường trong trường hợp thế này tôi chỉ gật đầu cho có lệ, nhưng không hiểu động lực gì thúc đẩy, tôi bỗng rất muốn thành thật với Valeria. Tôi đáp một cách dứt khoát:

- Không! Tôi chưa bao giờ muốn làm nghị viên cả.

Valeria để lộ một thoáng ngạc nhiên nhưng rất nhanh lấy lại vẻ điềm tĩnh, cô hỏi tiếp:

- Nếu thế chắc anh muốn trông nom đoàn tàu buôn của gia đình?

Tôi thẳng thắn trả lời:

- Không! Tôi cũng không có ý định đó.

Lần này thì Valeria không giấu sự ngạc nhiên của mình nữa. Cô nhướn mày rồi nhìn tôi chăm chú:

- Vậy anh muốn làm gì trong tương lai?

Từ trước đến nay chưa từng có ai hỏi qua ý kiến của tôi về việc tôi muốn làm gì với cuộc đời mình. Từ nhỏ, tôi đã bị bắt buộc phải làm việc này hay việc khác theo lệnh của gia đình, không ai quan tâm tôi muốn gì hay muốn làm gì. Đây là lần đầu tiên có người để tâm đến mong muốn của tôi, lại còn là một người xa lạ. Vừa xúc động vừa bối rối, tôi lắc đầu:

- Tôi chưa biết, nhưng chắc chắn tôi sẽ không làm nghị viên.

Valeria tỏ vẻ nghi hoặc:

- Nhưng anh vừa phát biểu...

Nổi uất ức dồn nén từ lâu chợt bùng lên, tôi ngắt lời Valeria:

- Tất cả đều là ý của cha tôi. Tôi chỉ nói theo điều ông muốn. Thật ra, tôi...

Tôi không nói hết lời vì chợt nhận ra mình đang thổ lộ tâm sự thầm kín với một người lạ. Valeria nhìn tôi vẻ thông cảm rồi hỏi vừa đủ cho tôi nghe:

- Phải chăng anh có điều gì không được như ý?

Tôi giật mình:

- Cô nhận thấy thế sao?

Valeria gật đầu nói một cách nhẹ nhàng:

- Em biết có những việc chúng ta không thể thay đổi được nhưng chúng ta vẫn có thể kiểm soát được thái độ của mình trước hoàn cảnh không như ý muốn này. Chúng ta vẫn có thể tự tìm lấy niềm vui riêng.

Lời an ủi chân tình của Valeria khiến thiện cảm tôi dành cho cô ngày một nhiều. Nhưng tại sao cô lại sử dụng chữ "chúng ta", phải chăng cô cũng có những điều không được như ý? Đây là lần đầu tôi thấy mình có thể mạnh dạn trò chuyện với một người khác phái mà không cảm thấy ngượng ngùng. Tôi hỏi:

- Phải chăng cô cũng có những điều không được như ý?

Valeria gật đầu, đôi mắt cô thoáng hiện nét u buồn nhưng cô lấy lại vẻ điềm tĩnh rất nhanh và lắng sang chuyện khác. Tôi cảm nhận được Valeria có điều không muốn thổ lộ nên cũng không ép cô làm gì. Tôi hỏi tránh đi:

- Vậy, khi gặp việc không như ý thì cô sẽ làm gì?

Valeria trả lời nhỏ nhẹ:

- Em cầu xin Ngài giúp em phân biệt sáng suốt, rõ ràng những việc có thể thay đổi và những việc không thể thay đổi, để em làm những việc có thể làm, còn việc không thể thay đổi thì em không bận tâm đến.

Tôi lớn lên với sách vở, đã đọc qua hầu hết các triết gia tên tuổi, nhưng những lời thốt ra từ miệng Valeria vẫn khiến tôi ấn tượng vô cùng. Đây là một suy nghĩ mới mẻ mà tôi tin là mình chưa từng nghe hay đọc qua. Valeria do dự một chút rồi nói thêm:

- Em xin Ngài giúp em có đủ can đảm để chấp nhận những việc không như ý muốn để em có thể an ủi người khác hơn là được người ủi an; để có thể thông cảm với người khác hơn là được người cảm thông; để có thể ban rải tình thương hơn là được yêu thương,

bởi vì em biết khi mình thật sự cho đi thì mới được nhận lãnh. Có tha thứ cho người khác thì mới được thứ tha...

Quá ấn tượng với những lời lẽ khác thường vừa nghe, tôi nhìn Valeria đăm đăm, chẳng phản ứng được gì. Mất một lúc tôi mới nhận ra mình đang thất lễ, tôi lấy lại sự bình tĩnh, hỏi cô:

- Nhưng lúc đó cô cầu xin ai? Cô cầu xin thần Jupiter, Neptune hay Apollo?

Valeria đăm chiêu và có chút do dự, cô không trả lời câu hỏi của tôi mà nhẹ nhàng hỏi lại:

- Hình như anh không tin ở sự cầu nguyện?

Đúng là từ trước đến nay tôi không hề quan tâm đến các thần linh như Jupiter, Neptune, Mars hay Apollo. Sống trong gia đình chỉ coi trọng tiền bạc, cha mẹ tôi coi giáo sĩ là những kẻ lợi dụng thần linh để ăn bám xã hội. Do đó, dù sống trong xã hội La Mã thờ đa thần nhưng tôi không bao giờ cầu nguyện. Tôi gật đầu:

- Có thể nói vậy. Cha mẹ tôi dạy phải lo kiếm tiền chứ đừng trông mong điều gì xa xôi, vô ích ở các bậc thần linh.

Valeria không tỏ ra phật ý mà nói một cách chân thành:

- Em nghĩ chúng ta không việc gì phải quá lo lắng về tiền bạc như thế. Anh sẽ không lo nếu anh biết rằng mọi nhu cầu của anh sẽ được đủ đầy, nếu anh biết cho đi thì sẽ được nhận lại. Nếu anh phụng sự thì ân phước sẽ đến với anh...

Tôi vừa bối rối vừa ngạc nhiên, tôi không hiểu cô đang ám chỉ điều gì. Tôi hỏi:

- Cô nói vậy nghĩa là thế nào? Phải chăng cầu nguyện sẽ giải quyết được mọi sự, kể cả những việc bất như ý?

Valeria mỉm cười:

- Nếu anh thành tâm cầu nguyện thì chắc chắn sẽ có cảm ứng. Nếu anh gõ cửa thì cửa sẽ mở, nhưng anh phải gõ trước đã. Khi cầu nguyện, anh sẽ thấy tâm hồn dần dần lắng dịu, xóa bỏ được mọi nỗi ưu phiền, rồi anh sẽ vượt qua được những điều bất như ý này.

Tôi ngạc nhiên:

- Cô thật sự tin như thế sao?

Đôi mắt Valeria long lanh, cô nhìn tôi một cách chân thành, rồi dùng giọng hết sức nhỏ nhẹ nói:

- Em tin vào việc cầu nguyện và em cầu nguyện hằng ngày. Từ khi đến La Mã, em không có ai để chia sẻ tâm sự nên luôn mong có được một người hiểu em, nhưng muốn tìm được người bạn như thế thì em phải chia sẻ trước. Nếu em nói gì không phải, xin anh bỏ qua.

Tôi xúc động, vô thức nắm lấy tay Valeria:

- Không đâu, cô nói hay lắm. Tôi sẵn sàng làm bạn với cô.

Đây là lần đầu tôi thấy mình có thể trò chuyện một cách tự nhiên với một cô gái, phần vì những gì Valeria chia sẻ rất mới mẻ và ấn tượng, phần vì cô luôn cho tôi thấy sự chân thành chứ không khách sáo như những cô gái khác.

Valeria tiếp tục chia sẻ:

- Từ khi mẹ em mất, cha em chuyển qua buôn bán nên thường đi xa, không mấy khi có nhà. Hiện giờ đã về sống ở La Mã nhưng em vẫn thích Syria hơn.

Tôi an ủi:

- Có thể hiện giờ cô chưa thích La Mã, nhưng sống tại đây ít lâu rồi cô sẽ có nhiều bạn, tham gia nhiều tiệc tùng giải trí rồi cô sẽ thích.

Valeria lắc đầu:

- Không đâu! Em thấy La Mã chỉ là một bãi sa mạc khô cằn, đầy những tàn bạo, tranh giành, hung ác, không thể so sánh với Syria, nơi có những ốc đảo trải dài, xanh tươi mát mẻ, mang lại sự bình an cho tâm hồn. Đó là một nơi tràn đầy tình thương như dòng nước mát trong ngọt lành mà người lữ hành trên sa mạc nóng rất có thể dừng chân uống nước và xoa dịu tâm hồn.

Sự so sánh lạ thường của Valeria khiến tôi ngạc nhiên quá đỗi. Làm sao mà La Mã với những tòa kiến trúc nguy nga, huy hoàng lại có thể ví như một bãi sa mạc khô cằn? Và Syria, một sa mạc hoang vu nóng rất lại được cô ca tụng như một nơi xanh tươi, mát mẻ với những dòng nước mát trong lành? Thấy tôi im lặng, Valeria nhẹ nhàng hỏi:

- Lúc này anh chưa trả lời em, anh muốn làm gì trong tương lai?

Tôi bối rối:

- Tôi không biết... Cha mẹ tôi đã thu xếp mọi sự, tôi chỉ cần làm theo...

Valeria nhìn tôi bằng đôi mắt thăm thẳm, cô cân nhắc lựa lời rồi nhẹ nhàng nói:

- Anh nghĩ anh nên để cho người khác thu xếp cuộc đời mình sao? Theo em, đời sống là của riêng anh và chỉ anh mới có quyền quyết định mà thôi. Ngoài ra, mục đích của cuộc đời đâu phải chỉ để đạt được chức vụ gì, quan trọng là phải làm gì để đời sống trở nên có ý nghĩa hơn.

Tôi ngần ngại:

- Nhưng tôi không tài giỏi như Lucius. Em tôi thông minh, tài giỏi, nó làm gì cũng thành công.

Valeria lắc đầu:

- Mặc cảm thua kém như vậy đâu có ý nghĩa gì. Nếu anh biết dùng cuộc đời để làm những việc có ý nghĩa thì tất cả những gì anh cần sẽ tự đến với anh. Có lòng tin vững chắc vào việc làm của mình thì mọi sự sẽ tự đến với anh một cách mau nhiệm. Anh đừng quá lo lắng, vì một khi anh thành thật hiển dương thì anh sẽ không thiếu một thứ gì. Hiện nay anh muốn làm gì nhất?

Không suy nghĩ hay dè chừng gì, tôi buột miệng:

- Tôi chỉ muốn được tự do đi đây đi đó như cô...

Valeria mỉm cười, gật đầu:

- Nếu anh có dịp qua Syria em sẽ giới thiệu anh với các bạn em ở đó. Họ sẽ đưa anh đến thăm những thắng cảnh như em nói.

Chúng tôi tiếp tục trò chuyện thoải mái và thân tình cho đến khi tiệc tan, quan khách ra về. Tôi chia tay Valeria và hẹn mấy hôm nữa sẽ đến thăm cô. Tôi trở về nhà lòng vui khắp khởi. Lần đầu tiên trong đời, tôi có bạn và không còn đơn độc, lần đầu tiên trong đời tôi thật sự suy nghĩ về việc mình muốn làm gì trong tương lai.

Về nhà không lâu, cha tôi cho họp gia đình và tuyên bố:

- Có lẽ Sirius không gây được ấn tượng gì với Beria. Ta đã ngỡ ý nhưng ông ta có ý thoái thác. Tuy nhiên, gia đình Marius thì thích thằng Sirius.

Lucius cười lém lỉnh, nói xen vào:

- Có thể Beria chưa có ý kén rể nhưng mọi người có để ý thấy Sirius và Valeria nói chuyện thân mật với nhau thế nào không? Từ trước đến nay Sirius có bao giờ nói chuyện với phụ nữ đâu.

Chú tôi ngạc nhiên:

- Có chuyện như thế sao? Chúng ta mãi bàn bạc nên không để ý đến.

Lucius nhìn tôi cười cười, mắt hấp háy:

- Sirius, anh nghĩ sao? Em thấy cả hai trò chuyện vui vẻ lắm. Phải chăng anh thích Valeria?

Mọi người đều quay sang nhìn tôi, khiến tôi luống cuống không nói nên lời, chỉ có thể ngượng ngịu gật đầu.

Chú tôi bật cười gật đầu:

- Hay lắm, nếu thế chúng ta cần phải tạo cơ hội cho hai đứa gần nhau nhiều hơn. Nếu cha nó chưa sẵn sàng thì ta sẽ làm cho nó sẵn sàng. Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Từ nay Sirius phải thường xuyên đến gặp Valeria, gặp càng nhiều càng tốt.

Cả gia đình lại xúm nhau bàn tán, và cũng như mọi khi, không ai hỏi ý tôi thêm gì nữa, và đây có lẽ là lần duy nhất tôi không thấy phật ý về điều đó. Tuy nhiên chỉ vài hôm sau, chú tôi về nhà trong hốt hoảng, ông chạy vội đến chỗ tôi, thở hổn hển:

- Sirius, sau này không được liên lạc với Valeria nữa. Thật là việc động trời...

Cha tôi nghe thấy sự ồn ào nên bước đến, vừa hay nghe được lời chú tôi. Cha tôi ngạc nhiên:

- Tại sao vậy? Chuyện gì xảy ra thế?

Chú tôi nhăn nhó, vừa lắc vừa kể:

- Không thể tin được. Lâu nay triều đình vẫn theo dõi một nhóm người Do Thái hoạt động bí mật tại La Mã. Hôm qua quân sĩ đã bắt toàn bộ đám này khi chúng đang hội họp để cầu nguyện. Điều bất ngờ là con bé Valeria lại có mặt trong đám này và là một trong

những đứa đi truyền đạo Thiên Chúa. Việc con gái quan lớn La Mã lại thờ Thiên Chúa khiến triều đình rất mất uy tín nên hoàng đế đã ra lệnh cho xử tử ngay. Hiện nay, triều đình đang điều tra những kẻ có liên quan, nên chúng ta phải tránh liên lạc với gia đình này kẻo bị liên lụy.

Cha tôi vội hỏi:

- Ông Beria thì sao?

Chú tôi đáp:

- Beria không biết gì về việc con ông đi theo đám Do Thái này. Ông đã đến đền thờ Jupiter tạ tội và lớn tiếng nguyện rửa thần linh Do Thái, làm vậy là để xin ân xá cho con ông. Việc này được giao cho thẩm phán Summarus xét xử. Tuy nhiên, khi hoàng đế đã ra lệnh thì trước sau cũng sẽ bị mang ra đấu trường để làm mồi cho sư tử thôi.

Tôi điếng người, choáng váng trước những gì vừa nghe. Nhớ lại cảnh Valeria rơi nước mắt vì những người thờ Thiên Chúa bị hành quyết trên đấu trường, bây giờ tôi đã hiểu đó không chỉ là lòng trắc ẩn đơn thuần. Trống ngực tôi đập đùng đùng, trái tim như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

Lucius nhăn mặt sợ hãi:

- Làm sao một con bé ngây thơ như thế lại có thể đi truyền đạo được?

Chú tôi giải thích:

- Có lẽ nó sống ở Syria từ nhỏ nên bị ảnh hưởng của đám Do Thái. Khi mẹ nó qua đời, cha nó bận rộn buôn bán đâu để ý gì đến nó. May quá, chúng ta chưa kết giao với gia đình này. Từ nay phải cẩn thận, nếu ai có hỏi đến thì phải nói là chúng ta không quen biết gia đình này. Sirius phải tuyệt đối không được nhắc gì về con bé ấy nữa, càng không được đi gặp nó.

Từ nhỏ tôi đã luôn là đứa con ngoan ngoãn, luôn nghe theo sự sắp đặt của cha mẹ, nhưng lần này tôi biết mình không làm thế được. Tuy chỉ mới quen và trò chuyện được vài lần nhưng Valeria đã để lại một ấn tượng đặc biệt trong tim tôi. Tôi quyết định phải gặp cô cho bằng được. Biết Valeria bị giam trong đấu trường nên tôi tìm đến Marcus, kể cho ông nghe về tình cảm của tôi dành cho cô gái này và nhờ ông giúp cho tôi gặp lại Valeria. Marcus là võ sĩ giác đấu lừng danh, tuy đã về hưu nhưng vẫn được các võ sĩ giác đấu đương thời hết sức tôn sùng nên việc ra vào đấu trường không khó khăn gì. Ông nghe tôi trình bày xong rồi nói:

- Ta có thể đưa con vào đấu trường để gặp người yêu một lần cuối nhưng con phải tuyệt đối nghe lời ta, không được làm điều gì bất cần.

Muốn trở về với con người thật (chân ngã) thì phải biết buông bỏ những giá trị phù phiếm, danh vọng hão huyền để phát triển khả năng hiểu biết thâm sâu.

Marcus cho tôi đội một chiếc nón sắt che gần kín mặt rồi dẫn tôi vào đấu trường. Chúng tôi đi thẳng xuống căn hầm sâu. Khi thấy ông, mọi giác đấu sĩ đều lễ phép chào hỏi. Chúng tôi đến chỗ giam tù nhân thì thấy một nhóm võ sĩ giác đấu đang đứng quanh Beria, trước mặt họ là một vị có vẻ là quan lớn, tôi biết đó chính là Summarus. Marcus ra dấu cho tôi đứng yên sau lưng ông. Hầu hết những người bị bắt đều bị đưa đến cửa hầm để chuẩn bị ra đấu trường. Riêng Valeria được dắt vào góc để thẩm vấn lần cuối. Summarus lên tiếng:

- Đây con bé kia, vì cha người đã có công với La Mã nên ta cho người một cơ hội cuối cùng. Nếu người quỳ lạy trước tượng Jupiter và lớn tiếng nguyện rửa thần linh gì đó của người ba lần thì ta có thể khoan hồng.

Valeria cương quyết lắc đầu. Summarus cười nhạt:

- Vì cảm tình với cha người nên ta đã cho người ân huệ. Nếu người đã ngang bướng như vậy thì ta phải thi hành pháp luật.

Beria gục xuống trước mặt Valeria, run rẩy nói:

- Con ơi, xin hãy thương người cha này. Con chỉ cần quỳ lạy thần Jupiter và thề trọn đời tôn thờ thần linh của La Mã thì mọi sự có thể thay đổi...

Valeria cương quyết lắc đầu. Beria ôm lấy chân của Valeria:

- Con ơi! Hãy thương người cha già này. Ta không thể sống mà không có con được. Con hãy nghe lời Summarus đi con ơi...

Thấy Valeria vẫn im lặng, Summarus quát lớn:

- Chúng ta không có nhiều thời giờ. Đây con bé kia, ta cho người một cơ hội cuối. Hãy mau lớn tiếng nguyện rửa thần linh của người đi thì mọi chuyện sẽ được cứu vãn.

Valeria nghiêm trang trả lời:

- Đời sống và linh hồn của tôi thuộc về Ngài. Chỉ có Ngài mới có quyền xét xử tôi thôi. Pháp luật của các ông không có nghĩa gì với tôi cả...

Summarus tức giận đến nghiến răng. Beria kêu lên thất thanh:

- Con ơi, hãy nghe lời Summarus đi rồi con muốn gì cũng được.

Bỗng nhiên Valeria quỳ xuống, nắm lấy tay Beria:

- Thưa cha! Con chỉ xin cha một việc thôi.

Beria nói ngay:

- Con muốn gì cũng được, con muốn gì cũng được, cha sẵn sàng...

Valeria nói:

- Con xin cha săn sóc cho anh Sirius, nếu được thế thì con ra đi không hối tiếc gì nữa...

Beria ngạc nhiên, hỏi dồn:

- Cái gì? Sirius? Tại sao?

Tôi cũng ngạc nhiên đến bàng hoàng. Vì lẽ gì mà vào giờ phút này người con gái mới quen biết kia vẫn nghĩ đến tôi? Valeria trả lời từ tốn:

- Từ trước đến nay cha vẫn than không có con trai nối dõi và muốn tìm một người chồng cho con. Nay con đã tìm được cho cha rồi. Đó là Sirius.

Beria gục xuống đất kêu lớn:

- Valeria, Valeria con ơi, tại sao con không thể phủ nhận thần linh của đám Do Thái? Ông ta chết trên thập giá từ lâu rồi thì còn cứu ai được nữa?

Valeria đứng lên, chấp hai tay cầu nguyện:

- Lạy Cha chúng con ở trên trời. Xin Cha tha thứ cho chúng con như chúng con cũng tha thứ cho những kẻ có lỗi với chúng con vì họ không biết việc họ đang làm. Con xin tuân theo ý Cha làm dưới đất cũng như trên trời...

Summarus thấy vậy nổi giận đùng đùng, hét lớn:

- Đồ khốn nạn, hãy đưa con bé này ra ngoài cho thú dữ ăn ngay đi.

Valeria không hề nao núng, cô đứng đó tiếp tục cầu nguyện:

- Ở những nơi đầy thù hận xin Cha cho con được gieo hạt mầm yêu thương...

Một giác đấu sĩ đứng gần đó lên tiếng:

- Thưa ngài, hôm trước, việc sư tử không ăn thịt đám Do Thái đã tạo dư luận bất lợi. Lần này hoàng đế ra lệnh phải cắt xẻo thân thể chúng, đóng lên thập giá cho điều ăn quạ rửa, để chúng chết dần chết mòn nhằm răn đe dân chúng.

Summarus phát tay ra hiệu thi hành, hai giác đấu sĩ lực lưỡng bước đến lôi Beria ra, tiếng ông kêu khóc vang rền cả hầm.

Tôi chấn động, hãi hùng trước hình phạt ghê gớm kia. Với hình phạt này, tội nhân sẽ bị cắt xẻo nhiều nơi trên thân thể sau đó bị treo trên cột gỗ giữa đấu trường cho điều quạ đến móc mắt, rửa từng mẩu da, từng thớ thịt đến tận xương, kéo dài suốt mấy ngày, muốn chết mà không chết được. Đây là hình phạt được dân chúng La Mã lúc đó rất thích, vì họ có thể vừa xem điều ăn quạ rửa, vừa đánh cuộc với nhau xem khi nào tội nhân chết hoặc kẻ nào chết trước. Một tay võ sĩ giác

đầu rút gương ra bước đến bên Valeria khi cô vẫn chấp tay cầu nguyện. Tôi dợm bước tới thì Marcus quay sang chặn lại, ông ghé vào tai tôi nói nhỏ:

- Con phải tuyệt đối giữ im lặng, hãy để ta lo việc này.

Không đợi tôi kịp phản ứng, vừa nói dứt lời Marcus đã bước ra nói lớn:

- Con bé này cứng đầu, hãy cho ta vinh dự trừng trị nó.

Thấy thần tượng của mình bước ra, toàn thể giác đầu sĩ trong căn hầm đồng thanh kêu lớn:

- Đúng rồi! Vinh dự này thuộc về ngài, xin ngài hãy ra tay.

Một giác đầu sĩ bước tới, cung kính hai tay dâng gương lên cho Marcus nhưng ông lắc đầu:

- Chỉ là một con bé, ta không cần gương, một bàn tay là đủ rồi.

Các giác đầu sĩ trong hầm đồng thanh reo hò:

- Marcus! Marcus! Anh hùng của chúng ta!

Marcus thong thả bước đến cạnh Valeria, vì ông quay lưng về phía các giác đầu sĩ nên không ai thấy ông đang làm gì, nhưng ở góc bên cạnh, tôi thấy rõ ông đang thì thầm vào tai Valeria. Valeria đang cầu nguyện chột ngắc lên, ánh mắt cô quay về phía tôi đứng, miệng mấp máy như nói gì giữa tiếng hò reo của các giác đầu sĩ đang vang dội trong hầm. Marcus ghé sát tai nghe rồi gật đầu, ông đưa bàn tay to lớn lên bóp mạnh vào chiếc cổ thon nhỏ của cô gái. Valeria nấc lên một tiếng, yết hầu vỡ nát, cô nhìn tôi lần cuối rồi gục xuống. Marcus đứng yên chờ cho đến lúc cô không còn thở nữa rồi mới ra lệnh cho tay võ sĩ giác đầu đứng cạnh đó:

- Hãy mang nó ra cho điều quạ ăn đi.

Nói xong ông giơ tay lên, dấu hiệu chiến thắng của các võ sĩ giác đấu khi hoàn tất nhiệm vụ. Tiếng hoan hô vang dậy. Marcus thông thả bước ra khỏi hầm, vừa đi vừa vờ vai thăm hỏi những giác đấu sĩ đứng xung quanh như không có chuyện gì xảy ra. Tôi vô thức bước theo sau ông, toàn thân tôi không còn cảm giác, ý thức trở nên mơ hồ. Sự việc diễn ra quá nhanh và quá khủng khiếp khiến tôi hoàn toàn tê liệt.

Khi đến đường phố chính, Marcus ghé vào tai tôi thì thầm:

- Ta không nỡ thấy con bé chết đau đớn nên đành phải ra tay trước.

Tôi gật đầu, cho biết đã hiểu và siết chặt tay ông thay lời biết ơn. Marcus nói tiếp:

- Ta đã cho con bé biết rằng con đã bắt chấp mọi nguy hiểm để đến gặp nó. Trước khi chết con bé nắm với ta rằng nó mong con sẽ được tự do đi đó đi đây như con muốn.

Cái chết của Valeria là một biến cố lớn trong đời sống phẳng lặng bao năm qua của tôi. Niềm tin không lay chuyển của cô và câu nói "*Ở những nơi đầy thù hận xin Cha cho con được gieo hạt mầm yêu thương*" đã đánh thức một cái gì đó vẫn luôn tiềm ẩn trong tôi. Tôi có cảm giác mình đã từng nghe ai đó nói về kiểu tình thương như thế này. Lớn lên trong một gia đình coi trọng tiền bạc và vật chất, nên trong hầu hết mọi hoàn cảnh, tình thương là ý niệm tôi không bao giờ được nghe hay nói đến, nhưng câu nói của Valeria lại có sức chuyển hóa lạ lùng, tâm hồn còn đang mơ màng của tôi như đã được đánh thức. Như đã có người cầm đuốc đi vào phòng tối khiến bóng tối tan biến, tôi thấy mình không còn là một thanh niên ngây thơ như xưa nữa. Tôi bắt đầu suy ngẫm về mục đích cuộc đời mình, một mục đích không do gia đình quyết định mà phải do chính tôi tìm kiếm và nắm lấy.

Nhiều tháng lặng lẽ trôi qua kể từ ngày Valeria rời bỏ thế giới. Một hôm, chú tôi tập hợp mọi người trong nhà, nói là để báo tin mừng. Chú hồ hởi nói với cha tôi:

- Em vừa thương lượng với Beria về việc chuyên chở hàng hóa qua đường biển. Rất bất ngờ, ông ta cũng sẵn sàng hợp tác với chúng ta trên con đường bộ qua Á châu nữa. Bất ngờ hơn nữa là ông còn đề nghị cho Sirius đi theo để học hỏi.

Tôi lặng lẽ tiếp nhận thông tin, không phản ứng gì, nhưng một niềm xúc động xen lẫn nỗi buồn nhẹ nhàng chảy qua tôi. Tôi biết Beria làm vậy là vì muốn hoàn thành tâm nguyện của Valeria. Mẹ tôi thì rất ngạc nhiên, bà nói ngay:

- Tại sao lại là Sirius? Việc này phải giao cho Lucius mới đúng chứ.

Chú tôi giải thích:

- Em có đề nghị cho Lucius đi cùng nhưng Beria nói chỉ muốn Sirius đi theo ông qua Á châu mà thôi.

Cha tôi đắm chiêu một lúc rồi từ tốn nói:

- Không sao, cơ hội hãn hữu này gia đình ta không thể bỏ qua được. Lần này Sirius đi trước dò đường, lần sau sẽ đến lượt Lucius. Điều quan trọng là chúng ta đã có người thăm dò con đường này để tương lai sẽ phát triển qua phương Đông. Một khi chúng ta đã nắm vững đường đi nước bước thì đâu cần đến Beria nữa.

Chú tôi quay sang tôi, dặn dò:

- Sirius, con nhớ phải cẩn trọng xem xét thật kỹ mọi mối quan hệ với các quan lại trông coi trạm kiểm soát, để ý xem họ đòi hỏi những gì. Trước sau gì chúng ta cũng phải chiếm lấy cơ hội này.

Tôi lắng nghe những lời dặn dò của cha và chú nhưng không đáp mà chỉ lặng lẽ gật đầu. Nghĩ đến Valeria và những lời nói sau cùng của cô, tôi biết chuyến đi này là dịp để tôi có được thứ tự do mà tôi và Valeria đều mong muốn. Có thể đây cũng là chuyến đi giúp tôi tìm thấy câu trả lời về ý nghĩa cuộc đời. Dù là gì đi nữa, tôi biết rằng mình phải nắm lấy cơ hội này, cơ hội mà Valeria, người con gái giản

dị nhưng đầy tình thương, đã dành tặng tôi như một món quà cuối cùng.

La Mã là một đế quốc rộng lớn chạy dài từ Đại Tây Dương đến Tiểu Á, bao gồm gần một nửa châu Âu, một phần của châu Phi và châu Á. Quân đội thiện chiến La Mã đã chinh phục các nước xung quanh, đặt hệ thống cai trị kéo dài gần năm thế kỷ. Theo thời gian, đế quốc La Mã sụp đổ vì sự tiêu pha phung phí, ăn chơi trác táng của các bậc vua chúa cũng như sự tham nhũng của các quan cai trị địa phương. Các sử gia sau này cũng xác định sự sụp đổ của La Mã đến từ bên trong, từ trong dân tộc, trong đạo đức, trong chế độ quan liêu, trong thất bại thương mại và đấu tranh giai cấp không ngừng nghỉ. Quốc khố bị thâm hụt, không còn đủ ngân sách để trả lương cho binh sĩ thì một số thành phần trong lực lượng quân đội đã chuyển sang làm giặc cướp, khiến xã hội La Mã trở nên bất ổn, thiếu an ninh. Khi triều đình không thể kiểm soát tình hình, các quan cai trị địa phương đã ra tay chiếm đoạt đất đai, tài sản của dân chúng, rồi các bệnh dịch xảy ra liên miên, xã hội hỗn loạn, phòng thủ quốc gia không còn hữu hiệu. Các bộ lạc miền Bắc kéo vào cướp bóc, phóng hỏa tận thủ đô La Mã. Sau đó, các bộ lạc khác ở Bắc Phi cũng nhân cơ hội kéo qua cướp phá khắp nơi. Mặc dù sau này Hoàng đế Constantine xây dựng Đế quốc Byzantine, được các sử gia coi là đế quốc La Mã thứ hai (còn gọi là Đế chế Đông La Mã), kéo dài thêm một thời gian nữa nhưng sự phồn vinh huy hoàng của La Mã khi đó đã qua rồi.

Sự sụp đổ của đế quốc La Mã đã được các sử gia ghi nhận rõ ràng nhưng Thomas đặc biệt nhấn mạnh hai nguyên nhân ít được nói đến. Nguyên nhân thứ nhất là sự bất bình đẳng giàu nghèo giữa giai cấp thượng lưu, gồm các quan lại triều đình, và đa số dân chúng thuộc giai cấp bình dân hay nô lệ. Giai cấp thượng lưu nắm quyền kiểm soát gần như tất cả mọi tài nguyên cũng như thương mại, họ tạo ra một hệ thống quyền lực ngầm nhằm khuynh đảo triều đình,

ban hành những đạo luật có lợi cho họ nhất. Nền thương mại của La Mã cũng tập trung trong tay vài chục gia đình hết sức giàu có, có ảnh hưởng lớn đến các hoàng đế. Họ mua quan bán chức để làm giàu. Tình trạng một lực lượng thiểu số nắm quyền kiểm soát và quyết định số phận của hàng chục triệu người dân sống lầm than, nghèo khó đã đưa đế quốc La Mã đến chỗ diệt vong.

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến sự sụp đổ này là sự giết chóc (sát nghiệp). Khi xâm lăng những quốc gia xung quanh để mở rộng đế chế, các vua chúa La Mã đã cho giết hại rất nhiều người, chính sát nghiệp này khiến đế quốc này phải trả quả.

Theo Thomas, tất cả các tai họa xảy đến cho bất cứ một quốc gia nào đều là hậu quả của những nguyên nhân đã diễn biến từ trước. Khi hậu quả xảy đến thì không ai có thể tránh được. Lịch sử chưa từng ghi nhận đế quốc hay triều đại nào trường tồn bền vững. Lịch sử là bài học giúp cho con người quán xét những biến cố từ xưa để học hỏi, rút kinh nghiệm cho ngày nay. Câu hỏi hiện nay là những người lãnh đạo đang có tham vọng thôn tính các quốc gia quanh vùng để bành trướng ảnh hưởng và chiếm đoạt tài nguyên có biết gì về bài học này không? Liệu họ có ý thức được hậu quả sẽ xảy ra cho quốc gia của họ và người dân xứ họ không? Phải chăng tham vọng và sự say mê quyền lực đã khiến đầu óc của họ trở nên u mê, do đó lịch sử cứ tiếp tục lặp lại những bài học xưa cũ. Dẫu sao thì gây nhân thì chắc chắn gặp quả, đây là sự thật không thể chối cãi. Tất cả những người góp phần vào việc xâm lăng, cướp đoạt, giết chóc sẽ sinh ra làm nạn nhân chiến tranh trong tương lai để trả quả. Những đế quốc hùng mạnh sẽ bị kiếp nạn, tan nát thành nhiều nước nhỏ, và người dân sẽ phải chịu đựng cộng nghiệp sống trong cảnh đói rét, khổ sở, bất công. Phần lớn tai họa đều do sát nghiệp gây ra. Nếu không biết thay đổi, dẹp bỏ lòng tham lam, tính hiếu sát thì khó có thể cứu vãn tai kiếp trong tương lai.

Mặc dù lịch sử đã chứng minh như thế nhưng cho đến hiện tại vẫn chẳng có mấy ai nhận thức và tin tưởng những bài học này. Thiên tai chính là bài học để sửa trị sự si mê, mù quáng của con người. Nếu

để ý, ta có thể thấy mỗi khi sự tham lam, sân hận, bạo động gia tăng thì thiên tai lại xảy ra nhiều hơn trước. Nơi xưa nay không mưa lại bị nạn lũ lụt. Nơi vốn mưa nhiều lại bị nạn hạn hán. Sa mạc nóng lại có tuyết rơi và cao nguyên lạnh lại gặp khô hạn. Tại sao lại có hiện tượng lạ lùng đến như vậy? Biến chuyển khí hậu chính là dấu hiệu cảnh cáo rằng nạn đói, nạn khan hiếm thực phẩm, nạn thiếu nước dùng và chiến tranh để tranh giành các nguồn lợi này sắp xảy ra. Sau đó, có thể là đại hồng thủy hay động đất sẽ chia cắt một số quốc gia lớn thành nhiều mảnh nhỏ. Mọi thiên tai đều bắt nguồn từ các năng lượng tiêu cực như tham lam, sân hận phát sinh từ tâm con người. Do đó muốn trừ thiên tai, bệnh tật hay chiến tranh mọi người cần phải thay đổi từ trong tâm. Phải biết hồi tâm hướng thiện, tránh việc giết chóc, dục bỏ lòng sân hận, tham lam, như vậy mới mong được an lạc. Khi tâm bình thì thế giới sẽ bình, khi tâm an thì thế giới sẽ an lành.

PHẦN NĂM

MA CẢNH VÀ ĐỊNH LỰC CHÂN CHÍNH

MÃNH LỰC TIỀN KIẾP

Không lâu sau cái chết của Valeria, tôi bắt đầu theo chân ông Beria rong ruổi cùng đoàn buôn đi qua nhiều vùng đất xa lạ mà trước nay chỉ được nghe nói. Tôi được học hỏi nhiều thứ mới mẻ, chứng kiến nhiều điều lạ lùng và được mở mang tầm mắt. Tôi ghé qua các nước Á châu, đến cả quê hương Syria của Valeria. Trước đây tôi chỉ biết đến nơi này qua lời kể của Valeria, nhưng nay được đặt chân đến, tôi mới thật sự cảm nhận được rõ ràng sự yên bình, thư thái đến lạ kỳ mà Valeria từng nói đến. Tôi như được hòa mình vào thiên nhiên, hòa nhập với con người nơi đây, và giống như Valeria, tôi cũng đem lòng yêu mến mảnh đất này.

Dừng chân tại Syria được một thời gian thì tôi cùng Amir và Harahvi, hai thuộc hạ thân cận của Beria, dẫn đoàn buôn đến Bactria. Chuyến đi này đã cho tôi cơ duyên gặp một vị trưởng lão, người đã giúp tôi có một trải nghiệm sâu sắc và ý nghĩa về tiền kiếp, về luân hồi. Những ký ức, những thói quen xưa cũ tràn về tầng tầng lớp lớp, đánh thức những góc ngách sâu kín trong tiềm thức vẫn luôn khắc khoải về ý nghĩa cuộc đời của tôi.

Bactria vốn là quê nhà của Harahvi nên khi chúng tôi đến đó, Harahvi sắp xếp cho tôi và đoàn thương buôn ở trong nhà riêng của anh để chờ thời tiết thuận tiện sẽ lên đường. Sau khi thu xếp xong đồ đạc, Harahvi đề nghị dẫn tôi đi dạo xung quanh để làm quen với hoàn cảnh. Chúng tôi thăm thú nhiều nơi, Harahvi nhiệt tình giới thiệu cho tôi về cảnh vật và con người nơi đây. Xế chiều, chúng tôi đi ngang một đạo viện, nơi tôi thấy có nhiều tăng sĩ đang thực hành ngồi thiền. Khung cảnh ấy thu hút tôi nên tôi đứng lại, nhìn chăm chú một lúc lâu. Harahvi thấy vậy liền vui miệng nói:

- Hay cậu cũng thử vào ngồi thiền xem sao, nhìn vậy thôi nhưng khó lắm đấy!

Như có một mãnh lực thu hút nào đó, tôi đồng ý ngay không chút do dự. Harahvi ngạc nhiên trong một thoáng rồi cũng bước theo tôi. Chúng tôi ở lại đạo viện hết ngày hôm đó.

Hôm sau, trên đường trở về, Harahvi nói bằng giọng vừa tò mò vừa nghi hoặc:

- Lớn lên ở Bactria, tôi đã chứng kiến những người xuất gia tu hành phải mất một thời gian tu luyện mới có thể nhập định. Cậu là một người La Mã, lớn lên ở nơi không có truyền thống tu tập gì, nhưng lần đầu đến đây cậu lại có thể ngồi hơn một ngày quả là bất ngờ.

Tôi đáp chùng mực:

- Thật ra tôi cũng không biết tại sao mình có thể nhập định lâu như thế.

Điều tôi không chia sẻ với Harahvi là cảm giác thân thuộc của tôi khi bước vào đạo viện. Tôi không chắc trải nghiệm của mình có là riêng biệt, nhưng từ khi theo chân Beria đi đây đó, thỉnh thoảng, đến một nơi xa lạ nào đó, dù là lần đầu nhưng tôi cứ có cảm tưởng như mình từng đi qua nơi đó rồi. Khi rời Syria đi Bactria, cảm giác này của tôi đặc biệt mạnh mẽ. Trên đường đi, tôi luôn cảm thấy mọi thứ quen thuộc như thể đã từng qua lại con đường này nhiều lần. Trên sa mạc mênh mông tôi vẫn biết được các ốc đảo có nước, các đường mòn quanh co dẫn lên cao nguyên của Bactria. Trong tâm thức của tôi hình như có một cái gì đang bắt đầu thức giấc. Cho đến khi đứng trước đạo viện, nhìn thấy những tầng sĩ đang ngồi thiền thì tiềm thức khi xưa trỗi dậy mạnh mẽ. Trong tâm trí tôi chợt hiện cái tên Timotheus và văng vẳng lời nhắc nhở "*Nếu bỏ lỡ thì biết bao giờ có cơ duyên lần nữa? Anh phải biết buông bỏ...*". Vì thế, khi bước vào đạo viện tham gia thử thách ngồi thiền, tôi như được trở lại thói quen xưa, tôi ngồi xếp bằng, theo dõi hơi thở, nhập định và bất chợt nhìn thấy những hình ảnh xa xưa từ tiền kiếp. Mặc dù nó chỉ là

những hình ảnh rời rạc nhưng tôi vẫn nhớ được người bạn Timotheus đã cùng tôi tu tập, nhớ được mình từng có mối tình thầm kín với một người con gái tên Isidora, từng từ bỏ công phu tu tập và cuối cùng là cái chết bất ngờ tại Pella.

Sau khi trở về từ đạo viện, những hồi ức tiền kiếp chập chờn kia không ngừng quấy nhiễu, khiến tôi không phút nào được yên lòng. Tôi tìm đến Harahvi, hỏi anh về đạo viện kia. Harahvi cho biết đạo viện đã tồn tại từ rất lâu, chính anh cũng không biết thời điểm chính xác, chỉ biết nó được các tu sĩ xứ Ấn xây nên. Từ nhiều năm nay, đạo viện luôn là nơi nương tựa tinh thần cho người dân Bactria. Là dân Bactria, hầu như ai cũng từng đến nghe giảng và trải nghiệm tu tập tại đạo viện. Harahvi thấy tôi tâm tình không yên, bèn đề nghị:

- Nếu cậu có cơ duyên như vậy, chúng ta cùng trở lại đạo viện xem sao. Cậu có thể gặp các tu sĩ ở đó để trò chuyện, biết đâu tâm kết sẽ được giải.

Vậy là tôi cùng Harahvi sắp xếp trở lại đạo viện. Vừa bước vào, tôi nhìn thấy một vị tu sĩ già đã đứng đó như thể đang chờ chúng tôi. Ông có cặp mắt xanh trong veo, dáng người cao cao, tư thế khoan thai, tỏa ra cảm giác thư thái lạ thường. Chúng tôi bước vào, ông chấp tay chào và mời chúng tôi cùng ngồi xuống. Một cảm giác thân thuộc lạ kỳ xảy đến trong tôi khi chúng tôi ngồi xuống, mặt đối mặt. Vị tu sĩ nhìn tôi chăm chú rồi từ tốn cất lời:

- Tôi rất mừng vì anh đã trở lại. Nhưng vấn đề của anh, tự anh có thể giải quyết được. Sở dĩ anh đau khổ là vì anh vướng mắc với những việc đã qua. Nếu tự anh biết buông bỏ thì không ai có thể gây phiền não cho anh được.

Tôi và Harahvi giật mình nhìn nhau, vì tôi vẫn chưa lên tiếng nhưng ông đã nói lên được mối bận tâm của tôi, biết tôi đến đây vì điều gì. Tôi cẩn thận lựa lời:

- Trưởng lão, chẳng hay làm sao ông biết được tâm tư của tôi?

Vị tu sĩ mỉm cười nhẹ nhàng, thông thả giải thích:

- Hôm trước anh đến đây, ta rất bất ngờ vì một người La Mã không có truyền thống tu thiền như anh lại có thể ngồi thiền lâu đến vậy. Ta nhập định quan sát và thấy anh đang đau khổ vì một chuyện xa xưa. Anh nên biết, mỗi khổ đau đều là những bài học giúp anh hiểu biết hơn khi anh biết rút tỉa kinh nghiệm với tâm thế học hỏi.

Nhìn thấy vẻ bối rối của tôi, ông chậm rãi nói tiếp:

- Tuy nhiên, điều ta quan tâm hơn cả là việc thực hành còn đang dở dang của anh. Anh đã thiền tập rất tốt, phát triển được định lực có thể giúp anh đi xa hơn nữa. Lẽ ra khi đã có định lực chân chính như vậy thì những việc như thế không thể gây phiền não cho anh được. Khi tu thiền, đôi khi có những hình ảnh bất ngờ hiện ra, ta gọi là "ma cảnh", nếu người thực hành không nhận ra, không ý thức về những ma cảnh này thì thường bị nó quyến rũ. Anh đã nhìn thấy một số hình ảnh quá khứ, nếu thản nhiên mặc cho nó hiện ra rồi tiêu mất thì không sao. Tuy nhiên, ở kiếp sống này anh chưa tu tập, định lực yếu kém nên đã để tâm vào ma cảnh đó rồi dính mắc không gỡ ra được. Ai cũng có giây phút yếu lòng nhưng khi tu thiền, điều quan trọng nhất là phải biết tự chủ. Anh tìm đến đây, chứng tỏ căn cơ của anh vẫn cao, cơ duyên của anh với con đường tu tập vẫn còn. Tôi rất mừng.

Tôi chấp tay, gật đầu với vị trưởng lão:

- Tôi vẫn đang tìm kiếm con đường của mình ở kiếp sống này. Quả thật tôi tin rằng cơ duyên từ kiếp trước đã đưa tôi đến đây. Có thể tôi từng tu tập và có công phu, nhưng hiện nay đó đều là những ký ức mờ ảo mà tôi chỉ vừa thấy thoáng qua. Tôi không biết tiếp theo nên làm gì. Xin trưởng lão nói thêm.

Đôi mắt xanh thăm thẳm của vị tu sĩ nhìn xoáy vào tôi, nhưng đó không phải cái nhìn phán xét mà chứa đầy cảm tình thân thương. Ông nói:

- Anh đã có cơ duyên tu tập, tuy bị gián đoạn nhưng công phu vẫn còn, nhờ vậy anh mới có thể nhập định nhanh và ngồi thiền lâu như thế. Nếu muốn, anh vẫn có thể tiếp nối con đường tu tập của mình. Nhưng hiện nay định lực của anh suy yếu, tâm của anh chưa thanh tịnh, vì vậy anh không nhận ra ma cảnh xuất hiện trong tâm mình. Anh chưa làm chủ được tâm nên bị các hình ảnh đó lôi cuốn, khiến anh khổ sở. Nếu anh tiếp tục con đường tu luyện, dần dần có thể chế phục ma cảnh, nhưng anh phải quyết tâm. Tu thiền mà tâm không thanh tịnh thì dễ lạc lối rồi mất hết công phu. Anh phải biết, tâm có thanh tịnh thì trí huệ mới nảy sinh, nếu có trí huệ thì dù chuyện gì xảy ra, cũng không bị ảnh hưởng. Còn tu thiền mà tâm thức sai lệch, dù chỉ một chút, là mất chánh kiến, lạc vào tà kiến ngay.

Tôi bối rối, liệu có phải vị tu sĩ này đang ám chỉ cảm giác oán hận của tôi với những người đã gây ra cái chết cho mình. Khi hồi tưởng, dù cái chết ở kiếp trước chỉ là hình ảnh thoáng qua, nhưng tôi không tránh khỏi cảm giác đau đớn, bàng hoàng. Càng đau đớn, tôi càng oán hận những kẻ đã gây việc ác với mình. Như thể nhìn thấu những luồng suy nghĩ rối bời của tôi, vị tu sĩ nhẹ nhàng nói tiếp:

- Anh oán trách nên anh tức giận, anh tức giận nên anh càng vướng mắc. Nếu tiếp tục với tâm oán hận này, nó sẽ là nhân xui khiến anh gặp lại những người đó. Không ai muốn gặp người mình không ưa, không ai muốn gặp lại kẻ đã đối xử tàn tệ với mình, nhưng nếu cứ giữ tư tưởng hận thù thì sẽ tạo thêm mối liên hệ với người đó. Nếu không gặp nhau ở kiếp này thì sẽ gặp tại kiếp khác. Tất cả những người có thù oán với nhau sẽ gặp lại nhau để trả nợ hay đòi nợ. Nhân quả cứ thế kéo dài, không sao hết được. Anh phải biết, một khi tâm sân hận nổi lên thì sẽ có hàng trăm, hàng ngàn chủng tử bất thiện trong tâm cũng phát khởi theo, sinh biết bao chương ngại. Do đó, anh phải tập phát triển lòng từ bi, khoan dung với mọi người. Dù họ tàn ác hay xấu xa đến đâu cũng phải khởi lòng thương xót. Họ có nghiệp quả của họ và sẽ phải học bài học riêng. Nghiệp quả của họ không phải là việc của anh, anh phải để cho nhân quả làm việc. Anh

phải biết buông bỏ đi thì mới không vướng mắc nữa. Dù gặp việc không như ý cũng đừng trách người mà hãy tự trách mình...

Tôi lên tiếng:

- Những việc kia ông nói tôi đã hiểu, nhưng tại sao khi gặp việc không như ý lại phải trách mình?

Vị tu sĩ nhẹ nhàng giải thích:

- Muốn đi xa trên con đường đạo, việc đầu tiên là từ bỏ những thứ thuộc về xưa cũ. Dính mắc vào chuyện cũ cũng như buộc đá vào chân, như vậy làm sao có thể cất bước mà đi? Muốn buông bỏ chuyện cũ, anh phải biết lẽ trả vay. Hãy tự hỏi vì sao anh có những việc không như ý? Phải chăng vì các nhân gây ra từ xưa đã đến lúc trở quả? Anh cần tự hỏi tại sao mình bị đối xử tàn tệ? Tại sao lại sinh ra với thân phận nô lệ? Tại sao yêu mà không được đáp lại, còn bị mắng chửi nhục nhã?

Hiển nhiên, những việc như thế có thể quá nặng nề với anh vào lúc đó nhưng nếu nhìn lại các kiếp xa xưa hơn nữa, có lẽ anh sẽ biết được căn nguyên và không còn phản ứng như thế. Đó là lý do tôi khuyên anh không nên trách người mà hãy tự trách mình.

Dường như vị tu sĩ này không những nhìn thấu tâm tư của tôi, mà còn biết được quá khứ của tôi một cách rõ ràng. Đang định nêu thắc mắc với ông thì Harahvi đã lên tiếng:

- Nhưng làm sao biết được mình đã làm những gì trong những kiếp trước? Chúng ta đâu có ký ức gì.

Vị tu sĩ thông thả đáp:

- Lý do mọi người không thể nhớ được những việc họ đã làm trong quá khứ vì trong hàng ngàn kiếp sống con người đã tạo biết bao nhân xấu cũng như tốt, không thể biết được nhân nào đang trở quả. Do đó mà mọi người phải trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, để học hỏi,

vì mỗi bài học là cơ hội giúp họ thay đổi dần dần chứ không ai có thể học tất cả mọi sự chỉ trong một kiếp được.

Harahvi hỏi:

- Nhưng ít ra cũng phải biết mình đã làm gì thì mới thay đổi được chứ?

Vị trưởng lão trả lời:

- Nhớ được những việc trong tiền kiếp không hẳn có ích như ông nghĩ đâu. Giả sử ông biết được vợ con của ông trong kiếp này chính là người khi xưa từng bị ông giết hại, ông sẽ cảm thấy thế nào. Hay nếu ông ăn thịt, mà con vật bị giết lại là cha mẹ của ông trong kiếp trước, ông sẽ ra sao? Nếu hiểu nhân quả, ông sẽ thấy cuộc đời thật ra chỉ toàn là những vay trả, trả vay. Vì không hiểu biết nên mọi người cứ gây nhân rồi trả quả, vay nợ rồi trả nợ, quanh quẩn từ kiếp này qua kiếp khác, ngụp lặn trong vòng luân hồi không sao thoát khỏi. Đó là lý do những người hiểu nhân quả đều cố gắng tu tập, giữ tâm thiện lành, giữ ý trong sạch, mong sao sớm trả hết nợ nần để có thể ra khỏi luân hồi. Tuy nhiên, nhân quả bao đời kết nối chằng chịt để gì thoát ra được. Muốn ra khỏi luân hồi, mọi người cần phải có một nơi nương tựa và sự chỉ dẫn của những người đi trước.

Muốn đi xa trên con đường đạo, việc đầu tiên là từ bỏ những thứ thuộc về xưa cũ. Dính mắc vào chuyện cũ cũng như buộc đá vào chân, như vậy làm sao có thể cất bước mà đi?

Harahvi tiếp tục hỏi:

- Nhưng ai có thể làm như thế?

Vị tu sĩ từ tốn giải thích:

- Là nhà buôn đi trên đường thiên lý, ông cần có người dẫn đường biết rõ địa thế hướng dẫn đoàn thương buôn đi đúng đường, chọn đường thuận lợi. Cũng như thế, trên con đường đạo, người tu hành cần sự hướng dẫn của những người đã đi qua con đường đó, đã vượt thử thách, sẵn sàng chia sẻ sự hiểu biết, giúp đỡ những người đi sau. Nhờ sự chỉ dẫn này, họ mới có thể biết rõ đường đi và chuẩn bị để đối phó với các thử thách. Do đó, khi xác định con đường tu tập rồi thì còn phải có các vị thầy hướng dẫn, những người đã trải nghiệm về các trạng thái của tâm thức, dẫn đường chỉ lối cho thì mới có thể đi xa được.

Ông quay sang tôi ân cần nói:

- Khi xưa, anh đã thực hành thiền nhưng còn thiếu học hỏi, như người bỏ gốc mà bắt lấy ngọn. Một cái cây mà không có gốc rễ, dù tưới nước bao nhiêu cũng chẳng thể phát triển được. Người tu hành cũng thế, phải có mục đích rõ rệt, có học thì phải có hành mới thành công được. Người học nhưng không hành thì chỉ nói chứ không làm được gì. Trường hợp của anh lại khác, anh chỉ có công phu *hành* nhưng thiếu *học* nên không biết được những gì xảy ra trong tâm. Khi tu thiền, dù chỉ là một tà niệm nhỏ nhoi, một ước muốn thầm kín cũng có thể lôi kéo những ma cảnh vô cùng vi tế, ít ai có thể nhận biết. Do đó, việc quan trọng nhất của người tu thiền là phải giữ cho tâm thanh tịnh.

Harahvi thắc mắc:

- Nhưng anh bạn của tôi đã làm gì?

Vị tu sĩ đưa mắt nhìn tôi rồi nói chậm rãi:

- Ở kiếp sống trước, anh từng có cơ duyên tu tập nhưng chưa đến nơi đến chốn đã bỏ dở vì chạy theo những ước muốn thầm kín. Dù đã có thể nhập định nhưng tâm lại chưa thanh tịnh, còn vương vấn vào tình cảm nam nữ nên mất chánh niệm. Tuy anh từng có thể giữ tâm không suy nghĩ lung tung, trừ được các vọng tưởng thô kệch nhưng khi đi sâu vào định thì gặp những vọng tưởng vi tế hay những hình ảnh lạ lùng. Phần lớn các hình ảnh này đều thuộc về sắc ấm. Vì thiếu nền tảng học hỏi, anh không nhận thức được loại ma cảnh này nên bị nó lôi cuốn. Ma cảnh là những hình ảnh, cảm xúc hay cảnh giới từ trong tâm biến hiện ra như cảnh chiêm bao, mà anh lại tin rằng đó là thật. Nguyên nhân vì tâm của anh không thanh tịnh, trong nhiều đời, nhiều kiếp đã từng giết hại, dâm dục, thực hành tà pháp. Muốn thay đổi thì phải nương tựa vào chánh pháp, biết sám hối, tu sửa dần dần thì mới mong diệt trừ được những nhân xấu này.

Lẽ nào trong quá khứ xa xưa mà tôi không nhớ được tôi từng làm những việc tồi tệ đến thế sao, những việc mà lúc này chỉ hình dung thôi tôi đã thấy rùng mình? Nhưng nếu không phải thật vậy thì tại sao tôi từng trải qua kiếp sống nô lệ, từng chịu tù đầy, chịu sỉ nhục và tổn thương, rồi còn chết bất ngờ. Những lý giải của vị tu sĩ này khiến những đau khổ tôi từng gánh chịu có vẻ trở nên nhẹ nhàng hơn. Tôi chăm chú nhìn ông và trong vẻ hiền lành của đôi mắt xanh thẳm kia, tôi cảm nhận được sự thân thuộc lạ lùng. Phải chăng, ông cũng là một cơ duyên từ kiếp trước? Nghĩ đến đó, những ký ức chập chờn về người bạn Timotheus trong kiếp sống trước lại ẩn hiện trước mắt. Như thể đọc được những suy nghĩ rối rắm trong đầu tôi, vị tu sĩ nhìn tôi mỉm cười, rồi chậm rãi nói tiếp:

- Người muốn tu thiền thì trước hết phải tuân theo một số kỷ luật, hay *giới*, để giữ cho tâm được thanh tịnh. Có bốn điều mà bậc đạo sư của chúng tôi đã dạy rất kỹ mà bất cứ người tu thiền đều phải tuân giữ đó là: "không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục và không nói dối", tức bốn nghiệp: *sát, đạo, dâm, vọng*. Trong các điều này, giữ tâm không dâm dục là điều khó nhất.

Khi nhập định, tuy anh đã trừ được vọng tưởng thô kệch nhưng còn nghĩ đến người nữ, nên đã kích động những chủng tử nằm sâu trong tâm phát động. Nhìn thấy hình ảnh người xưa hiện ra, trong tâm phát sinh tình cảm yêu thương rồi có dục niệm. Đó là ma cảnh thuộc về cảm xúc. Khi nhìn thấy hình ảnh quá khứ, anh lại nghĩ rằng mình nhớ được tiền kiếp. Từ đó, anh muốn biết thêm về đời sống kiếp trước nên chạy theo vọng tưởng này và bị ma cảnh chuyển hóa. Người thiếu trí tuệ khi thấy những ma cảnh này sẽ nghĩ rằng mình đã có khả năng túc mạng thông, tức thông thấu được tiền kiếp, rồi sinh tâm tự mãn. Nhưng tâm chưa thanh tịnh thì làm sao có được thần thông. Đó chỉ là ma cảnh mà cảm xúc vẽ ra thôi. Tóm lại, anh bị chi phối bởi các loại ma tâm mà vẫn vô tư không biết. Người không có tu tập, khi tâm dâm dục không được thỏa mãn thường nảy sinh tư tưởng oán hận, rồi từ đó kéo theo bao nhiêu điều xấu xa hơn nữa. Nếu không điều chỉnh thì các tà kiến này sẽ dễ bị lôi kéo vào ma đạo. Khi lệch sang con đường này thì ân oán chập chùng, hết kiếp này qua kiếp khác, cứ đòi nợ, trả nợ, gây thù chuốc oán lẫn nhau, mãi mãi đọa lạc vào những nơi chốn xấu xa.

Ông thông thả nhấn mạnh từng chữ:

- Anh nên biết, người tu thiền chân chính dù nhìn thấy hình ảnh nào cũng không bị dao động, dù nghe thấy âm thanh gì cũng không khởi ý nghĩ nào, họ hoàn toàn tự chủ, như như bất động, không để mọi sự bên ngoài lôi cuốn. Đó mới gọi là có công phu.

Tôi ngồi đó lắng nghe một cách say mê, như người trong bóng tối chợt nhìn thấy ánh sáng, câu hỏi về mục đích của đời tôi có lẽ đã tìm thấy lời giải. Tôi quỳ mọp xuống, thành khẩn:

- Thưa trưởng lão, xin ngài mở lòng chỉ dạy để tôi có thể tiếp tục con đường còn dở dang của mình.

Vị tu sĩ mỉm cười hiền hậu:

- Chúng ta vốn đã có duyên, tôi sẽ dạy cho anh. Ta mong lần này anh sẽ đi trọn con đường, không bỏ dở nửa chừng nữa. Tuy nhiên

anh phải bắt đầu lại từ đầu. Anh phải học những căn bản giới luật trước để chuyển hóa tâm thức, rồi học phân tích các trạng thái của tâm thì mới tránh được những việc đáng tiếc.

Sau hôm đó, tôi ở lại đạo viện theo vị tu sĩ này học hỏi những căn bản về giới luật và chuyên tâm thực tập thiền với các tăng sĩ tại đây. Nhờ thế, tôi đã hiểu thêm về các phương pháp tu tập mà khi xưa tôi không chú ý đến. Trong ngày đầu khởi sự tu tập dưới sự chỉ dẫn của vị tu sĩ, ông cẩn thận dặn dò:

- Trước khi tu thiền, anh phải chuẩn bị cả tâm lẫn thân để trợ duyên cho việc tu tập. Việc đầu tiên anh cần làm là phải loại trừ những cái nhân đã giúp cho vọng tưởng nảy sinh. Đó là tránh sát sinh, không ăn thịt cá và các loại gia vị có tính kích thích như hành, hẹ, tỏi, các thứ có mùi tanh hôi. Đây là những thứ có thể kích thích khả năng sinh lý, gia tăng vọng tưởng của dục niệm. Vì vậy những người tu hành tại đây đều ăn chay và chỉ ăn uống thanh đạm. Nếu không biết loại trừ những "hạt giống" dâm dục ngay từ đầu thì khi tu thiền, dục niệm nổi lên, khó kiểm soát thân, rồi phá giới, lạc vào ma đạo. Ăn thịt thì lại dễ sinh sân hận. Nếu không kiềm chế tâm sân thì dù nhập định cũng không thể có trí tuệ. Thiếu trí tuệ thì tâm trí u mê, không phân biệt được đúng, sai, phải, trái. Gặp việc không như ý, lòng sân nổi lên, che mất lý trí, dễ làm lạc rồi bị dính mắc vào những việc xấu xa.

Để có sự chuẩn bị vững chắc, anh phải tuân theo giới luật để diệt trừ các vọng tưởng vi tế, nằm sâu trong tâm của anh. Mọi ham muốn từ ăn uống đến tình dục đều bắt nguồn từ ý thức nên anh phải tránh nghĩ đến những điều đó. Ăn uống chỉ là để nuôi dưỡng thân thể chứ không phải để hưởng thụ. Do đó chỉ nên ăn vừa đủ, không quá nhiều, ăn nhiều sinh tham lam rồi từ đó dẫn đến những việc xấu khác. Anh cũng không được uống rượu hay bất cứ chất kích thích nào vì nó sẽ ảnh hưởng tới tâm trí khiến anh khó kiểm soát tâm rồi nảy sinh các ham muốn khác. Mỗi ngày trước khi ngủ, anh phải tự kiểm điểm chính mình xem hôm đó có gieo nhân xấu nào không? Nhân ở đây là những hành động, lời nói hay ý nghĩ không đúng với

giới luật. Một ý nghĩ tà muội cũng là một nhân gieo vào trong tâm, sẽ chờ dịp phát khởi khi anh mất chánh niệm. Nếu anh giữ giới chặt chẽ thì sẽ tránh được các ảnh hưởng bên ngoài lôi cuốn và từ đó chuyển tâm hướng vào bên trong, khi đó việc tu hành mới tiến bộ được.

Từ đó, dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ này, tôi bắt đầu học hỏi và thực hành thiền từng bước một. Khi mùa xuân đến, tuyết tan và tiết trời trở nên ấm áp hơn, trục lộ giao thông được mở rộng nhưng tôi quyết định không đi theo đoàn thương buôn nữa mà sẽ tiếp tục ở lại Bactria để tu tập. Amir và Harahvi dẫn đoàn thương buôn qua Trung Hoa rồi sau đó quay về Syria.

Năm sau, Amir trở lại Bactria, mang theo lá thư của Beria gửi cho tôi. Amir kể rằng khi biết tôi quyết định sống trong đạo viện tại Bactria, Beria vô cùng ngạc nhiên và xúc động. Ông nói với Amir rằng Valeria đã chọn một con đường lý tưởng, nay có lẽ tôi đã tìm ra con đường lý tưởng của riêng mình và ông rất mừng vì điều đó. Ông biết rằng Valeria hẳn sẽ vui lòng. Điều khó khăn là ông không biết phải nói gì với cha mẹ tôi. Beria cũng đoán được nếu cha tôi biết chuyện tôi ở lại Bactria tu tập, ông sẽ không bao giờ dễ yên. Sau khi bàn với Amir, Beria quyết định báo với cha tôi rằng tôi đã mắc bệnh và mất ở dọc đường. Sau đó cha tôi muốn Lucius thế chỗ tôi đi theo đoàn buôn của Beria, nhưng ông từ chối, viện lý do ông không muốn chịu trách nhiệm về việc như thế nữa. Từ đó hai gia đình trở nên bất hòa.

Tấm lòng và suy tính của Beria dành cho tôi khiến tôi rất cảm động. Thời gian xa nhà, tuy tôi cũng có lúc nhớ gia đình, nhưng đã xác định con đường phải đi, mọi cảm xúc nhớ nhung, u buồn đều bị dẹp xuống. Nay biết được gia đình tôi đã chấp nhận việc tôi không trở về, lòng tôi cũng yên ổn hơn.

Tôi tìm một chỗ yên tĩnh, mở lá thư của Beria ra xem. Thư dài, từng nét bút chần chu, ngay ngắn, đúng như tính cách Beria mà tôi vẫn nhớ.

Sirius, ta hy vọng anh vẫn khỏe.

Mặc dù anh và con ta chưa chính thức kết hôn, nhưng qua lời dẫn dò Valeria, ta đã coi anh như con rể. Ta không biết đời sống của anh lúc này như thế nào nhưng ta chắc rằng lựa chọn của anh, cũng như của Valeria khi xưa, là những lựa chọn đúng đắn và có ý nghĩa đặc biệt.

Hầu hết những bậc làm cha mẹ như chúng ta chỉ biết lo sao cho con cái có một đời sống tốt đẹp, sung sướng và hạnh phúc, không mấy ai biết giúp con chọn một đời sống có ý nghĩa. Từ sau cái chết của Valeria, ta đã suy nghĩ về vấn đề này rất nhiều. Tại sao con bé chọn một đời sống khác hẳn với những gì mà ta đã chuẩn bị sẵn cho nó? Tại sao nó không chọn một đời sống dễ dàng hơn mà tự chọn một lối sống khác biệt và khắc nghiệt như thế? Ai đã dạy con bé làm những việc đó? Ai đã cho nó một đức tin vững chắc đến vậy?

Trước khi con ta xảy ra chuyện, nó đã đem hết mọi tài sản mà ta dành phần cho nó chia hết cho nô lệ nghèo khổ. Đến giây phút cuối cùng của cuộc đời, nó vẫn cố tìm cách giúp anh tìm lối thoát khỏi hoàn cảnh sống trong một gia đình chỉ biết đến tiền bạc, luôn toan tính lợi dụng người khác. Những việc làm này của con bé đã khiến ta vô cùng ngạc nhiên. Ta cũng không ngờ một người hiền lành, ngây thơ, luôn vâng lời cha mẹ như anh lại dám liều mình vào tận đấu trường để gặp con gái ta vào giây phút cuối đời của nó. Ai đã khiến một đứa trẻ ngây thơ được nuông chiều từ nhỏ trở thành một người con gái can đảm như thế, ai cho nó sức mạnh để bất chấp cái chết mà nuôi dưỡng niềm tin tuyệt đối vào đáng thiêng liêng như thế?

Ta đã sống hơn nửa đời người, giờ mới thức tỉnh khi chứng

kiến những chuyện này. Ta nhận thức rằng trong cuộc đời này, sự chuyển biến tâm linh là điều vô cùng quan trọng. Nếu không tìm ra ý nghĩa thật sự cho đời sống mà vẫn mê muội như trước thì thật không đáng sống chút nào. Vì lẽ đó, ta lựa chọn ở lại Syria để tiếp xúc với những người bạn của con gái ta, để tìm hiểu thêm về những điều mà

con bé từng tin tưởng. Nhờ thế, ta biết rằng bất cứ ai cũng có thể chuyển hóa đời mình nếu biết mở rộng tâm hồn để đón nhận những ân phước tâm linh. Từ đó, ta đã biết vươn mình từ chỗ xấu xa đến nơi cao thượng, từ tâm ích kỷ đến lòng vị tha.

Khi xưa là thống đốc cai trị miền biên thùy hoang vu như Syria, nhưng ta luôn quan tâm về tình trạng của La Mã trước sự đe dọa xâm lăng của các bộ lạc Visigoth miền Bắc. Ta thấy xã hội hiện nay ngày càng rối loạn trước sự vô cảm và sa đọa của triều đình. La Mã như con tàu không người lái đang lênh đênh trên biển, khi gặp bão tố không biết sẽ ra sao. Ta đã từng gặp gỡ và liên lạc với những người giống như ta, cố gắng tìm kiếm một giải pháp nhưng vô hiệu, cũng vì vậy ta mới từ bỏ địa vị, chuyển qua buôn bán để không còn bận tâm đến những việc đó. Cái chết của con gái ta đã thay đổi tất cả.

Ta tin rằng không một giải pháp nào có thể cứu vãn cho La Mã được mà chỉ có sự phục hưng tâm linh mới có thể xây dựng lại xã hội, đào tạo được những công dân ưu tú và những người xứng đáng lãnh đạo La Mã mà thôi. Do đó, ta đang chuẩn bị để làm việc này và mong anh sau này có thể trở về giúp ta phục hưng La Mã.

Về sau, thư đi tin lại với Amir và Harahvi, tôi được biết, Baria đã xin rửa tội sau một thời gian tìm hiểu Thiên Chúa giáo, ông còn trở thành một lãnh tụ của nhóm này. Dưới sự chỉ đạo của ông, nhóm người này dần trở thành một thế lực rất mạnh tại Syria, và không còn bị đe dọa hay cấm đoán như xưa nữa.

Buổi trò chuyện với Thomas về kiếp sống ở La Mã gián đoạn đôi lần vì Thomas khá xúc động. Kiếp sống ở La Mã tuy chẳng có quá nhiều biến cố hay những câu chuyện kịch tính, nhưng đó là kiếp sống để lại nhiều nuối tiếc cũng như bài học cho Thomas. Khi kể đến giai đoạn tu tập cùng vị tu sĩ tại đạo viện Bactria, ông ngừng lại để chia sẻ suy nghĩ với tôi:

- Anh chắc cũng biết, nhân xấu mà chúng ta đã gieo ở các kiếp sống trong quá khứ là nhiều vô tận và vô cùng nặng nề, không thể nào trả hết chỉ trong vài kiếp sống được. Ai cũng có lúc nghi ngờ, do dự hay bị cám dỗ bởi những thói hư, tật xấu nên chỉ những người thật sự quyết tâm tu tập mới có đủ sức mạnh để vượt qua những trở ngại này. Đây là một cuộc chiến đấu rất gay go, diễn ra trong nội tâm, mà chẳng mấy ai vượt qua được dễ dàng. Đến kiếp sống ở La Mã, tuy tôi đã học được vài điều nhưng còn rất nhiều thứ khác cần phải học, vẫn còn nhiều thứ tôi học mà không thụ đắc, do đó phải học lại.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Nhưng chẳng phải ông đã ở lại Bactria tiếp tục con đường tu tập sao?

Thomas lắc đầu:

- Như tôi đã kể, trong kiếp sống đó, tôi là một người hiền lành nhưng yếu đuối, mang nhiều mặc cảm thua kém nên chưa thể tuân theo kỷ luật nghiêm khắc của tu viện được. Lúc đó, đầu óc của tôi còn u mê, thiếu cương quyết nên đã không lãnh hội được các chân lý cao cả mà vị tu sĩ kia đã chỉ dạy.

Nhắc đến vị tu sĩ, tôi không ngăn được thắc mắc:

- Liệu có phải vị tu sĩ kia là Timotheus? Ông từng kể rằng Timotheus cũng có đôi mắt xanh, và chẳng phải vị tu sĩ khiến ông nhớ về người bạn cũ kia của mình sao?

Thomas mỉm cười:

- Khi còn là Sirius, tôi cũng chỉ ngờ ngợ như thế, nhưng hiện giờ tôi có thể nhìn lại tiền kiếp rõ ràng hơn, tôi tin rằng quả thật vị tu sĩ ấy chính là Timotheus. Người bạn ấy của tôi năm xưa luôn kiên trì trên con đường tu tập nên đã tiến bộ rất xa, trở thành bậc cao nhân. Có lẽ vì chúng tôi đã có duyên từ nhiều kiếp nên tôi được gặp lại ông ấy, đi theo sự hướng dẫn của ông. Tuy nhiên, trong suốt thời gian Sirius

ở Bactria, vị tu sĩ không bao giờ nói về mình hay những mối quan hệ khi xưa mà chỉ chú trọng hướng dẫn, khuyến khích tôi tu tập. Mặc dù khi ấy tôi đã biết quay vào bên trong để thực hành thiền nhưng vẫn không chắc có thể hoàn tất việc tu tập như mong đợi hay không. Vị tu sĩ biết thế nên khuyên tôi, thay vì có thái độ tiêu cực rằng mình hèn kém, không đủ sức hay thiếu thông minh thì hãy biết trông cậy vào ân phước và các năng lực hộ trì luôn giúp đỡ những người đi trên đường đạo này. Theo lời vị tu sĩ, ân phước là một năng lượng xuất phát từ bên trong trên bình diện tâm thức có thể đem lại cho người tu hành một sức mạnh bất ngờ. Nó như một bàn tay vô hình dẫn người tu hành đi trên con đường tối tăm, hiểm trở. Nó là tiếng nói thầm lặng của nội tâm trong mệnh mệnh của đất trời, là một tia sáng rực rỡ của hy vọng trong màn đêm tăm tối. Ân phước là một năng lượng huyền bí xuất phát từ một nguồn năng lượng thiêng liêng, sáng suốt bên trong và nếu tin tưởng vào nguồn năng lượng này thì việc gì cũng có thể hoàn tất được. Tôi dùng từ "năng lượng" cho dễ hiểu và phù hợp với khoa học hiện đại nhưng thật ra đó là một cái gì đó vô hình, không thể diễn tả hay định danh. Ấn Độ giáo gọi nguồn năng lượng đó là chân ngã, Phật giáo gọi đó là Phật tánh, và Thiên Chúa giáo gọi đó là Thượng Đế. Nhiều người vẫn lầm tưởng ân phước là nguồn năng lượng bên ngoài, nhưng thật ra nó vốn nằm bên trong chúng ta. Phật giáo tin rằng mỗi chúng sinh đều có Phật tánh, Thiên Chúa giáo tin rằng Thượng Đế ngự trong lòng ta. Đó không phải là một ý niệm suông mà là một chân lý được xác định rõ ràng đối với những người có lòng tin chân thành. Tuy nhiên bởi khoa học không chứng minh được sự tồn tại của nguồn năng lượng bên trong này nên nhiều người vẫn không tin. Điều đó cũng dễ hiểu. Tuy ân phước tác động rất nhẹ nhàng, chậm rãi, nhưng ảnh hưởng vô cùng sâu sắc, nhiệm màu, và nó chỉ đến khi cần thiết chứ không phải cứ cầu là được. Ví dụ, khi con người chiến đấu với dục vọng, trong lúc tuyệt vọng, khó khăn, đau đớn nhất, ân phước sẽ xuất hiện. Ân phước đến với chúng ta dưới nhiều hình thức, có khi là một ánh sáng huyền bí, lóe lên rồi tan biến, nhưng trong giây phút kỳ diệu huyền diệu đó, con người nhận được một khí lực mạnh mẽ giúp họ vượt qua nỗi khổ đau. Cũng có khi ân phước xuất hiện như một lời nhắc nhở bên tai, cho người ta hy vọng để tin tưởng, vững tâm

hơn vào con đường của mình. Nhận được ân phước là giây phút thiêng liêng có thể thay đổi cuộc đời con người vì khi nhận được ân phước, tâm thức họ được nâng lên một bình diện cao hơn, để họ có thể nhận thức được chân tướng của sự việc. Tuy nhiên, sự phấn khởi, tiến bộ đó không dễ duy trì, nhiều người vương nghiệp quả quá nặng nề sẽ dễ sa vào những thói quen cũ, kéo họ xuống tầng mức thấp hơn. Sirius là trường hợp như vậy. Khi đó tôi sống ở Bactria được hơn mười năm và việc tu tập đã có nhiều tiến triển. Rồi vị tu sĩ nọ qua đời, tôi không còn chỗ dựa, nên dù vẫn ở đạo viện tu tập nhưng tôi dần mất tinh thần, không còn hăng hái như xưa. Đó là hậu quả của những năm tháng lớn lên trong một gia đình chỉ toàn sự chỉ trích, so sánh và mắng nhiếc. Tôi đã lớn lên thành một con người yếu đuối. Valeria đã thay đổi cuộc đời tôi. Đức tin mãnh liệt của cô đã giúp tôi can đảm hơn và biết chọn cho mình một đời sống có ý nghĩa, có mục tiêu. Đức tin cũng chính là bài học quan trọng nhất trong kiếp sống đó của tôi. Nhưng rồi cuộc, tôi vẫn là một Sirius yếu đuối và dễ bị lay động. Do đó, khi nhận được tin La Mã bị xâm lăng, nhà cửa bị thiêu rụi, hải cảng Ostia bị tàn phá, lòng tôi bắt đầu xáo trộn. Tôi đứng ngồi không yên cho tới khi nhận được tin của Amir, báo tin cha mẹ tôi đã bị giết, em trai tôi thì bị bắt làm nô lệ, còn Beria đã chỉ huy một lực lượng vũ trang gồm những người Thiên Chúa giáo sáp nhập với đội quân của Constantine, đang kéo về giải phóng La Mã, thì tôi không còn bình tĩnh được nữa. Tôi rời đạo viện, trở về tìm Beria để giúp ông theo lời đề nghị của ông nhiều năm về trước.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy là việc tu tập của ông lại gián đoạn một lần nữa sao?

Thomas gật đầu:

- Đúng vậy. Vì không đủ trí tuệ, tôi đã không thể tiếp tục vững bước trên con đường của mình, tôi đã chạy theo những thôi thúc khác. Vốn là người yếu đuối với mặc cảm hèn kém, lúc đó tôi đã muốn trở thành một người hùng và tôi đã phải trả giá cho sự ngu si đó. Trong đời sống, có biết bao người đã bỏ qua những cơ hội tốt đẹp chỉ vì sự

thiếu sáng suốt như thế... Rốt cuộc, Sirius đã bỏ mạng trong chiến tranh, kết thúc kiếp sống của mình trong cô độc và tiếc nuối. Không có anh hùng, chẳng có vinh quang nào.

Vì sự dở dang và tiếc nuối này, theo lời Thomas, ông đã trở lại để tiếp tục những bài học của mình. Và bài học ấy rơi vào giai đoạn châu Âu rối loạn vì những cuộc chiến tranh tôn giáo...

Ân phước là một năng lượng xuất phát từ bên trong trên bình diện tâm thức có thể đem lại cho người tu hành một sức mạnh bất ngờ. Nó như một bàn tay vô hình dẫn người tu hành đi trên con đường tối tăm, hiểm trở. Nó là tiếng nói thầm lặng của nội tâm trong mệnh mông của đất trời, là một tia sáng rực rỡ của hy vọng trong màn đêm tăm tối. Ân phước là một năng lượng huyền bí xuất phát từ một nguồn năng lượng thiêng liêng, sáng suốt bên trong và nếu tin tưởng vào nguồn năng lượng này thì việc gì cũng có thể hoàn tất được.

PHẦN SÁU

ÁNH SÁNG THIỀN ĐỊNH

CON ĐƯỜNG ĐI TỚI MINH TRIẾT

Colorado, hiện tại.

Sau mấy tuần lễ làm việc mệt mỏi, tôi và vợ đến Colorado nghỉ ngơi ít hôm, sẵn tiện ghé thăm ông Kris. Chuyến đi này có cả vợ chồng Andrew và Connie. Sau lần gặp ông Kris trước đó, Connie đã thay đổi rất nhiều, tâm tính trở nên hiền hòa, trầm tĩnh hơn. Cô chăm tập thiền và cũng có nhiều thắc mắc về thiền, nên khi nghe chúng tôi chuẩn bị đi Colorado, cô liền ngỏ ý đi cùng để đến thỉnh giáo ông Kris.

Chúng tôi đến Colorado cũng đã là chiều muộn, nhưng vì Connie quá nôn nóng, mà chúng tôi cũng đã khá lâu không gặp ông Kris, nên mọi người nhất trí sẽ đến thẳng nhà ông. Ông Kris đợi ở cửa, chào đón chúng tôi một cách nồng hậu. Chúng tôi vào trong, tự nhiên như được về chốn cũ, mỗi người tự tìm một chỗ ngồi thoải mái rồi hỏi thăm tình hình của nhau. Connie nhanh chóng mở lời thỉnh giáo ông Kris về việc tập thiền:

- Sau lần trước nghe ông hướng dẫn, tôi cũng bắt đầu tìm hiểu và khởi sự tập thiền, nhưng quả thật không dễ dàng. Tôi chỉ ngồi được một lúc là vô số suy nghĩ lộn xộn bắt đầu kéo đến, chẳng bao lâu thì tôi thấy chán nản. Ông có thể cho biết tôi nên bắt đầu tập thiền như thế nào để hiệu quả được không?

Ông Kris lắng nghe rồi thông thả nói:

- Nhiều người chưa có thói quen quay vào bên trong để quan sát nội tâm nên khó có thể thiền định. Vì bản chất của họ là náo động, không thể ngồi yên được. Dù có ngồi nhưng đầu óc vẫn bận rộn suy nghĩ về thế giới bên ngoài rồi nhanh chán nản không thực hành nữa.

Trong quá khứ, khi hướng dẫn thực hành thiền, các thiền sư đều dạy rất kỹ về những bước mang tính chuẩn bị. Tuy nhiên ở phương Tây, phần lớn người dạy thiền đều bỏ qua bước chuẩn bị này. Cô là người hết sức năng động, lại bận rộn lo nghĩ đủ thứ chuyện, nên cô cần tạo một thói quen tốt để tâm trí bớt quay cuồng trước khi bắt đầu tập thiền. Một phương pháp đơn giản nhưng hữu hiệu là thưởng thức nghệ thuật, hoặc cô cũng có thể hòa mình vào cảnh vật thiên nhiên. Những thói quen này sẽ dần dần ảnh hưởng vào nội tâm, giúp tâm cô bớt náo động hơn.

Cô có thể chiêm ngưỡng các bức họa phong cảnh của các danh họa, đọc những bài thơ ca tụng thiên nhiên hay thưởng thức âm thanh của những bản hòa tấu cổ điển để tìm những cảm hứng thanh cao. Hằng ngày, cô nên dành thời gian sáng sớm đi dạo trong công viên, lắng nghe tiếng chim hót, tiếng gió thổi để gọi trong cô những rung động thanh cao thay vì những cảm giác ồn ào náo nhiệt của đời sống. Những hoạt động này có thể lưu lại dư vị thanh khiết trong cô, giúp cô thay đổi các thói quen náo động hằng ngày.

Andrew bật cười:

- Em nghe chưa, từ nay em đừng nghe những loại nhạc ồn ào rồi lắc lư bay nhảy nữa, những bài nhạc rap em yêu thích cũng thôi được rồi.

Connie lườm chồng rồi hỏi tiếp:

- Nói vậy là tôi chỉ nên nghe nhạc cổ điển thôi sao?

Ông Kris cười, lắc đầu:

- Không hẳn phải thế. Nghệ sĩ hiện nay cũng có rất nhiều người có tài và tác phẩm của họ rất có giá trị. Theo tôi, trong thời đại ngày nay, các nghệ sĩ có tâm hồn rung động thanh cao có thể thay thế vai trò của các giáo sĩ khi họ phản chiếu trạng thái mỹ lệ của vũ trụ thiêng liêng vào các tác phẩm của mình, khiến người thưởng thức mở rộng tâm hồn để hòa điệu vào cảm xúc tuyệt vời đó. Nghệ thuật

chân chính là những biểu tượng có thể dẫn dắt chúng ta trở về với ngọn lửa tâm linh có sẵn trong tâm hồn mỗi người. Khi người nhạc sĩ vận dụng những ngón tay nghệ thuật của mình vào nhạc cụ, họ biến nó thành chiếc "đũa thần" có thể thay đổi cảnh vật ồn ào, náo nhiệt thành một buổi bình minh tươi sáng, khiến người nghe thấy lòng tràn ngập những hình ảnh diệu kỳ như được đưa vào một nơi chốn thần tiên nào đó. Những cảm xúc đó sẽ thấm vào tâm hồn người nghe, giúp làm giảm bớt những tư tưởng náo động lộn xộn thô kệch kia đi.

Ông Kris quay lại nói với tất cả chúng tôi:

- Ngày nay chúng ta đều sống trong một thế giới náo động, vội vàng bởi những hoạt động máy móc của công nghệ. Nó lôi cuốn chúng ta như một trận cuồng phong dữ dội, kéo tất cả mọi sự vào vòng kiểm soát của nó. Do đó, hầu hết mọi người đều khao khát kiếm tìm một sự bình an nào đó để có đủ nghị lực đương đầu với những khó khăn này. Tuy nhiên, trong cuồng phong bão tố, dù mặt biển có thể rung động nhưng đáy biển vẫn luôn yên tĩnh. Tâm hồn chúng ta cũng thế, sâu bên trong nó hoàn toàn an tĩnh và đây chính là trung tâm của con người, vì bản chất của nó là bình an, sáng suốt. Một trong những cách đưa chúng ta trở về với cái tự tánh thanh tịnh này là tham thiền.

Hiện nay, thiền đã được phổ biến sâu rộng khắp nơi nhưng tiếc là nó đã bị thương mại hóa, bị biến chất và trở thành một phong trào hơn là một phương pháp tu tập. Nhiều người phương Tây tò mò, hiếu kỳ, chỉ muốn thử cho biết chứ không hiểu gì về mục đích thật sự của thiền. Ngoài ra, một số người đã dạy thiền một cách sai lạc, thêm thắt một chút tư thế Yoga, một chút khí công, một chút động tác Thái cực quyền, rồi đặt cho nó những cái tên rất kêu như "thiền để thành công", "thiền để tìm tình yêu", "thiền để chữa bệnh" nhằm lôi kéo quần chúng. Với những ai thật sự hiểu biết về thiền thì đây quả là một "trò hề", nhưng với một số người chỉ đến với thiền vì tò mò, hiếu kỳ thì đây là một cái gì đó có thể giúp họ đạt được những điều họ muốn.

Ông Kris mỉm cười quay qua tôi nói:

- Ông là người làm việc trong lĩnh vực thị trường thương mại, chắc ông cũng nhận thấy ngày nay thiền hay chánh niệm đã trở thành một thương hiệu có giá trị hàng tỷ đô-la. Hiện nay, tại Hoa Kỳ đã có hơn một ngàn trung tâm dạy thiền và trên thế giới thì con số đã lên đến hơn ba ngàn. Một số lớn trung tâm này không liên quan gì đến tôn giáo, mà tồn tại độc lập như cơ sở thương mại. Con số này ngày càng gia tăng nên những người tự xưng bậc thầy về thiền đã kiếm được rất nhiều tiền.

Tôi gật đầu, không ngạc nhiên về điều ông Kris nói. Khi nghiên cứu thị trường, đã có lúc tôi thấy choáng ngợp về con số đầu tư thương mại vào các trường dạy thiền của những "Chuyên gia về thiền" này (*Zen Professional*).

Ông Kris nói tiếp:

- Hiện nay ở phương Tây, phần lớn những người dạy thiền đều không phải là thiền sư, cũng không có liên hệ gì đến tôn giáo. Một số là huấn luyện viên thể dục hay Yoga rồi thêm thắt các khóa thiền vào chương trình luyện tập để thu hút khách hàng. Một số khác tự học qua sách vở, tham dự vài khóa thiền, rồi tự phong cho mình chức tước nào đó để thu nhận học trò với mục đích kiếm tiền. Nhiều người có tài ăn nói khéo léo có thể thu hút đông học trò, phát triển thành những công ty có chi nhánh khắp nơi và thu về con số lợi nhuận cực lớn. Điều đáng lo ngại là việc truyền dạy không căn cứ này có thể gây nguy hại, không những cho thân mà còn ảnh hưởng đến cả tâm trí của học viên. Thiền không phải chỉ là ngồi yên để thư giãn như nhiều người hiểu lầm. Thiền là khoa học về tâm thức, đòi hỏi có sự cam kết để thực hành một cách nghiêm túc và đứng đắn. Thiền định không phải để giải trí, để khoe khoang, để theo trào lưu mà là để nó trở thành một phần của cuộc sống với mục đích rõ rệt. Có một số nguyên tắc căn bản cô cần hiểu để cam kết cho việc thực hành. Khi thực hành với sự hiểu biết này, cô sẽ thấy thiền định rất

đơn giản, còn nếu không, cô sẽ sớm cảm thấy lạc lõng và trước sau gì cũng bỏ cuộc.

Connie tỏ ra bối rối:

- Vậy thì theo ông tôi phải thực hành thiền ra sao?

Ông Kris đáp từ tốn:

- Thiền định phải tự nhiên, với mục đích rõ rệt. Đời sống của cô không thể đi theo hai chiều hướng đối nghịch. Cô không thể có một đời sống năng động náo nhiệt cùng một lúc với những thực tập về tâm linh. Thiền là phá chấp nhị nguyên để trở về với tự tánh (*Inherent nature*), nếu có nhị nguyên thì không thể có thiền.

Vậy, nên thực hành thiền vào lúc nào là tốt nhất? Đó là buổi sáng sớm, trước khi mặt trời mọc. Lúc đó không gian yên tĩnh, là lúc tập trung nhiều năng lượng tích cực, thích hợp cho việc tu tập. Sau khi thức dậy khỏi giấc ngủ dài, cô nên làm vài động tác thể dục khởi động khoảng mười phút để thân thể tỉnh táo rồi mới bắt đầu thực hành. Nếu thực hành thiền vào buổi chiều hay tối, cô cần dành ra một khoảng thời gian nhất định để nghỉ ngơi cho thân thể ổn định và thả lỏng, bởi cô đã mệt mỏi với một ngày làm việc. Điểm chính yếu là cô phải học cách nghỉ ngơi cho thoải mái, giảm bớt sự căng thẳng của thân thể trước khi bắt đầu. Cô cần tập thở nhẹ và chậm lại chứ đừng làm gì quá sức. Mọi phương pháp tham thiền đều bắt đầu bằng việc đưa cơ thể về trạng thái tự nhiên. Điều này quan trọng vì thở không đúng cách có thể gây nguy hiểm. Cô nên biết rằng hơi thở là một năng lượng tái tạo của sự sống vì khi lưu chuyển trong thân thể, nó chứa đựng những năng lực có thể chữa lành nhiều cơ quan nội tạng.

Connie thắc mắc:

- Tôi có đọc một số sách dạy về thiền, hướng dẫn phải đưa hơi thở theo đồ hình vào các luân xa...

Ông Kris ngắt lời Connie:

- Tôi muốn cảnh cáo cô rằng không bao giờ được tập bất kỳ phương pháp thở nào không tự nhiên. Việc hít thở sâu rồi dồn hơi xuống cơ quan nào trong người để kích thích các luân xa là cách luyện tập của các pháp sư tà thuật ngoại đạo, việc này có thể khiến người tập mất tự chủ, khiến thần kinh trở nên rối loạn, không kiểm soát được bản thân. Phương pháp tập trung thị giác vào một điểm trên trán, để đầu óc tê liệt, là cách kêu gọi các động lực vô hình nhập vào, rồi theo họ rời thể xác, bay vào nơi chốn nào đó hay cõi giới khác. Đó là điều cô phải tuyệt đối tránh vì hậu quả của những việc này vô cùng tai hại, không những trong kiếp này mà liên quan đến cả những kiếp sau nữa.

Ông Kris nhấn mạnh:

- Thiền là phương pháp tu tập nhằm làm chủ tâm thức chứ không phải để đạt được quyền năng nào đó. Là người năng động, tâm trí của cô thường chạy lung tung, và cô cũng thuận theo nó. Mục đích của thiền là đảo ngược việc này, luyện cho tâm trí của cô hoạt động chậm lại. Có rất nhiều phương pháp để làm việc này như cách theo dõi hơi thở, chú ý vào đề mục, tức công án để giữ cho tâm trí không chạy lung tung nữa.

Connie hỏi:

- Tôi đọc qua các tài liệu về thiền, thấy có nhắc nhiều đến công án, nhưng tôi không hiểu đó là gì, ông giải thích một chút được không?

Ông Kris từ tốn:

- Nói một cách dễ hiểu nhất thì công án là một câu chuyện thiền, một vấn đề thiền. Những lời nói và việc làm của các bậc cao tăng qua các đời được ghi chép lại để làm kim chỉ nam cho người tu thiền, lâu ngày đã trở thành một loại đối tượng để suy xét, gọi là công án. Khi người ngồi thiền chọn hoặc được giao một công án, người ấy sử dụng công án ấy làm đối tượng để suy xét trong khi ngồi thiền, gọi là

tham công án. Tham công án không nhằm mục đích tìm ra lời giải, vai trò của công án là cho người ngồi thiền một đối tượng để quán chiếu, để tập trung sự chú ý của mình vào đó nhằm duy trì chánh niệm.

Cô có thể chọn một công án, một câu thần chú, một tượng Phật hay hình ảnh Mandala, tức vòng tròn vũ trụ, để tập trụ tâm vào đó. Điều quan trọng là cô hãy chọn lựa cẩn thận vì sau khi đã chọn rồi thì không được thay đổi. Nếu thay đổi, nó sẽ làm mất đi cái giá trị ban đầu, rồi cô cứ thay đổi hết cái này qua cái khác và như thế sẽ khó tiến bộ được.

Bước đầu thực tập bao giờ cũng khó khăn vì mức độ kiểm soát tâm thức của cô còn yếu. Cô vừa định trí vào một công án, thì những tư tưởng khác ở đâu đã xông đến, chống lại sự an tĩnh mà cô muốn tìm. Việc kiểm soát đầu óc, không cho nó chạy lung tung là một trong những vấn đề khó khăn nhất mà bất cứ người mới tập nào cũng gặp phải. Nếu cô cảm thấy chán nản, khó chịu, không muốn tập nữa thì hãy nhớ rằng cái tâm đã tạo ra những khó khăn đó cũng chính là cái tâm sẽ giúp cô giải quyết mọi sự. Một khi cô ngừng chạy theo những suy nghĩ viển vông thì cô sẽ thấy những suy nghĩ ấy đến rồi đi một cách tự nhiên.

Connie thắc mắc:

- Nhưng tôi phải tập trong bao lâu thì mới đến được giai đoạn đó?

Ông Kris mỉm cười nói:

- Cô không nên đặt nặng việc đó. Lúc mới tập cô đừng làm gì quá sức, hãy tập các buổi tập ngắn thôi. Ngồi lâu chỉ làm cô mệt mỗi thêm chứ không ích gì. Cô chỉ cần thực tập khoảng mười lăm đến hai mươi phút là đủ, quan trọng là phải tập đều đặn hằng ngày, vào giờ giấc cố định để việc tập luyện trở thành một thói quen. Một điều cô không nên làm là dùng ý chí của mình để ngăn cản những tư tưởng lộn xộn xảy đến. Cô sẽ thấy càng cố gắng chống đối chừng nào thì những ý nghĩ đó lại trở nên mạnh mẽ hơn chừng ấy, và như

thế là cô đã bị nó lôi kéo rồi. Thái độ chống đối chỉ làm cô căng thẳng, bức tức vì phải tranh đấu với thói quen từ trước. Thay vào đó, cô hãy tập quan sát tư tưởng xảy ra. Khi một suy nghĩ khởi lên, đừng phản ứng, đừng xét đoán, đừng chống đối, hãy kiên nhẫn chờ đợi, vì nó đến thì nó sẽ đi. Hãy quán xét tư tưởng như sóng thủy triều, nó trôi dạt tầng tầng lớp lớp vào bờ rồi lặng lẽ chìm mất. Làm được thế, cô có thể hóa giải hầu hết mọi tranh chấp.

Điều quan trọng khi tập thiền là không bao giờ bỏ cuộc vì chán nản. Khi thấy việc tu tập dường như không hiệu lực, không tiến triển, nhiều người than rằng nó quá khó và có ý bỏ cuộc.

Thật ra thiền định là hành động tự nhiên của bản tính, ai cũng có thể đạt đến trạng thái định (*samadhi*). Vấn đề là khi ai đó thiếu kiên nhẫn, luôn mong ước đạt được điều gì đó một cách nhanh chóng thì họ sẽ đánh mất đi sự an tĩnh cần thiết. Tập thiền cũng chính là thay đổi thói quen để cho đầu óc não động kiểm soát mình. Cô đã làm thế trong bao nhiêu năm thì làm sao có thể đảo ngược lại chỉ trong vài tháng. Nếu cô tin vào Luân hồi thì cô cần hiểu rằng thói quen này đã có từ lâu, không phải chỉ trong kiếp này mà còn trong nhiều kiếp trước nữa. Nhưng mỗi nỗ lực cô thực hiện, dù chậm rãi, đều góp phần thúc đẩy cho thành công cuối cùng, tức trạng thái an tĩnh. Đầu óc của cô dần dần sẽ bắt đầu chú tâm, trụ vào một khái niệm và cô sẽ có định.

Connie thắc mắc:

- Có nhiều sách viết về định, có người nói đó là cảm giác hân hoan sung sướng, có người lại nói là cảm giác thoát tục...

Ông Kris bật cười, ngắt lời Connie:

- Đó chỉ là những lời văn hoa bóng bẩy của các văn sĩ để diễn tả điều gì mà họ không biết rõ. *Định* có nghĩa là sự hòa hợp giữa người suy ngẫm và việc được suy ngẫm, giữa chủ thể và đối tượng không còn phân biệt. Nói một cách giản dị, nó là sự tập trung toàn vẹn. Trong trạng thái định, người tập thấy mình sáng suốt, không

phải do ngoại cảnh, mà do tâm thức của mình có thể nhìn rõ, thấu suốt mọi vật. Đến mức cao hơn, tâm trí của người tập sẽ hoàn toàn yên lặng, không còn một tư tưởng nào nữa, cho đến ngay cả đối tượng của sự suy ngẫm cũng không còn. Đó mới chính là quang năng hiểu biết thật sự sáng suốt hay tuệ giác (*wisdom*). Sự an lạc, sáng suốt này chính là định.

Connie hỏi:

- Làm sao họ có thể biết hết mọi sự được?

Ông Kris giải thích:

- Sự hiểu biết của chúng ta khác với sự hiểu biết sáng suốt, toàn diện của người đã đạt đến trạng thái định. Sự hiểu biết của những người này mang hai khía cạnh: Sự hiểu thấu đáo về một sự vật và sự hiểu biết tổng quát. Nói một cách khác, cái trước là sự hiểu biết theo chiều đứng và cái sau là sự hiểu biết theo chiều ngang. Hãy lấy ví dụ một ly nước. Đối với chúng ta, đó chỉ là chất lỏng để giải khát. Đối với các nhà khoa học, đó là một hợp chất được tạo ra bởi các nguyên tử hydrogen và oxygen. Đối với các thiền sư thì nước thể hiện trạng thái của tâm. Khả năng hiểu biết của mỗi người khác nhau tùy vào trình độ. Khả năng của chúng ta cũng tùy vào sự giáo dục, môi trường và trải nghiệm hằng ngày. Với những người đã đắc định thì sự hiểu biết của họ vô cùng thâm diệu, nó đi xuyên qua từng lớp vỏ của đời sống để tiến vào tinh hoa của sự vật cũng như mối liên hệ của nó với những vật khác. Đó là sự hiểu biết có chiều sâu, vượt ra khỏi giới hạn của lý trí, của kiến thức khoa học, của triết lý và tôn giáo.

Thiền là phương pháp tu tập nhằm làm chủ tâm thức chứ không phải để đạt được quyền năng nào đó. Điều quan trọng khi tập thiền là không bao giờ bỏ cuộc vì chán nản. Khi thấy việc tu tập dường như không hiệu lực, không tiến triển, nhiều người than rằng nó quá khó và có ý bỏ cuộc. Thật ra thiền định là hành động tự nhiên của bản tính, ai cũng có thể đạt đến trạng thái định (samadhi). Vấn đề là khi ai đó thiếu kiên nhẫn, luôn mong ước đạt được điều gì đó một cách nhanh chóng thì họ sẽ đánh mất đi sự an tĩnh cần thiết. Tập thiền cũng chính là thay đổi thói quen để cho đầu óc não động kiểm soát mình.

Connie thắc mắc:

- Tôi chưa hiểu lắm về sự hiểu biết theo chiều ngang, nhờ ông giải thích thêm...

Ông Kris thông thả giải thích:

- Sự hiểu biết theo chiều ngang là sự hiểu biết về toàn thể mọi sự vật cũng như sự liên hệ của nó với những sự vật khác. Đây là sự hiểu biết toàn diện và rõ ràng. Khi xưa, Plato đã nói: "Đời sống thì giới hạn, sự hiểu biết thì vô hạn". Socrates cũng dạy: "Điều ta biết rõ nhất là ta không biết gì hết". Vậy làm sao có thể giải thích được sự hiểu biết này? Đối với mọi người, sự hiểu biết toàn diện chỉ là một ảo ảnh, không thể có được. Tuy nhiên, chúng ta cần hiểu rằng đầu óc con người hiện nay rất giới hạn vì nó đã bị hướng dẫn, dạy bảo để góp nhặt, để gán bó, để hạn chế bởi hệ thống giáo dục có từ hàng ngàn năm nay. Không dễ dàng gì để phá vỡ cái khuôn khổ đó. Thật ra, đầu óc chúng ta có tiềm năng rất lớn nhưng không mấy ai biết khai thác mà thôi. Và thiền định chính là cách giúp chúng ta phá hủy các tập quán, thói quen, giải thoát tư tưởng khỏi các ràng buộc ước lệ, giúp ta có thể mở rộng tầm mắt, vươn đến những nơi mà chưa mấy ai quan sát được.

Connie tỏ ra bối rối:

- Tôi vẫn không hiểu người đã có định sẽ khác với người thường thế nào?

Ông Kris kiên nhẫn giải thích:

- Tư tưởng của đa số con người đều có tính góp nhặt, vì sự hiểu biết được thu thập tuần tự theo thời gian. Ví dụ như khi đi học, học sinh phải học từ căn bản, học đọc, học viết rồi mới đến hành văn, lý luận, học từ kiến thức cơ sở rồi mới đến kiến thức chuyên môn. Các kiến thức này được tích lũy và sẽ phát triển khả năng hiểu biết, nhờ đó con người có thể diễn tả được những tư tưởng phức tạp. Tuy

nhiên, hiểu biết này chỉ là nước trong cái ao nhỏ, không thể so sánh với sự hiểu biết sáng suốt vô biên như nước trong đại dương của người đã đắc định. Hơn nữa, tư tưởng của chúng ta còn bị ảnh hưởng bởi dục vọng nên mọi suy nghĩ thường mang tính chủ quan hay thuận theo ham muốn. Đầu óc con người luôn bị xáo trộn giữa dục vọng và lý trí, hai cái này thường xung khắc, khiến đầu óc bị giằng xé giữa hai thái cực. Dục vọng xui khiến ta làm những gì mình thích, còn lý trí khuyên ta nên tránh điều xấu. Bị lôi kéo giữa hai thái cực, đầu óc con người tựa một bãi chiến trường, đấu tranh không ngừng như nước và lửa. Với một số người, khi dục vọng nổi lên, lý trí trốn mất. Đối với người khác, khi lý trí hoạt động, dục vọng im hơi. Vì hai động lực này không bao giờ có mặt cùng một lúc nên đầu óc con người không mấy khi quân bình. Đối với người có định thì khác, vì họ đã chuyển hóa dục vọng thành tình thương và lý trí thành minh triết nên cả hai kết hợp với nhau chặt chẽ và xuất hiện cùng lúc trong sự quân bình tuyệt diệu, tạo thành một sự hiểu biết vô cùng thâm diệu, sáng suốt.

Connie ngập ngừng đề nghị:

- Xin ông nói rõ hơn nữa, vì tôi vẫn còn bị lẫn lộn giữa các danh từ này.

Ông Kris giải thích thêm:

- Con người hành động nhờ những giác quan thu thập dữ kiện rồi đưa vào trong bộ óc để xử lý. Bộ óc thông minh hay lý trí sẽ phân tích những dữ kiện này để cho ra một hành động hay giải pháp. Tuy nhiên, nó không hề đặt ra vấn đề là những dữ kiện thu nhận đó có đầy đủ, chính xác hay không. Nó tự quyết định dựa vào logic riêng của nó, cái mà ta gọi là trí thông minh. Hầu hết con người đều dựa vào lý trí để đưa ra tiêu chuẩn phán xét đúng sai, phải trái. Đối với người đã có định thì điều này là không hoàn hảo, vì chỉ dựa vào những dữ kiện thu thập của các giác quan là chưa đủ chính xác. Lý trí thông thường này không bao gồm một sự nhận xét sâu sắc toàn diện để thấu rõ các dữ kiện hay sự liên hệ giữa những sự kiện với

nhau và cho ra một cái nhìn tổng thể. Người đã có định không sử dụng trí thông minh để phân biệt mà sử dụng một thứ trí tuệ khác gọi là *Trí tuệ Bát nhã*. Do đó, quyết định của họ không có sự phán đoán, phân biệt nữa.

Connie nôn nóng hỏi:

- Nếu tôi chăm chỉ luyện tập như ông nói thì bao lâu sẽ đạt được đến cảnh giới đó?

Ông Kris lắc đầu mỉm cười:

- Như tôi đã nói, đây là điều cô không nên quan tâm. Cô không thể tập thiền với mong muốn đạt được kết quả nào đó. Có lẽ vì đã đi làm trong nhiều năm, cô đã quen với việc tận hưởng kết quả từ công việc mình làm. Tuy nhiên, tu thiền mà chỉ hướng đến kết quả là hoàn toàn phản tác dụng. Thay vào đó, cô nên hướng năng lực của mình vào việc tận hưởng tiến trình tu tập, như một người ung dung, thư thái, thanh thoi đi bộ trên đường, giữ tâm an tĩnh, không cần biết khi nào sẽ đến nơi. Tôi khuyên cô nên thiết lập các giới hạn đối với những hoạt động hằng ngày. Cô cần biết việc gì có thể làm và việc gì không nên làm, vì các hoạt động này có thể gây trở ngại cho việc tĩnh tu của cô, khiến cô bị phân tâm. Cô cần tự hỏi liệu những gì mình thường làm có phù hợp với mục tiêu tu tập hay không.

Andrew bật cười nói ngay với vợ:

- Thôi thế là từ nay em hết Facebook, Instagram, TikTok hay YouTube rồi.

Ông Kris từ tốn khuyên:

- Tôi biết việc buông bỏ những thói quen là không dễ, và cô cũng nên tránh sự thay đổi đột ngột. Một khi đã quyết định tập thiền, cô nên tìm cách tránh xa các hoạt động mà cô biết là không hài hòa với mục tiêu của mình. Nhưng nếu cô thay đổi ngay lập tức thì chỉ ít lâu nữa cô sẽ thấy chán nản, bức bối. Việc gì cũng phải thông thả, tập

thành một thói quen mới, dần dần thay thế cái cũ để có thể tiếp cận bền vững lâu dài. Muốn thay đổi các thói quen không cần thiết, cô cần thay thế nó bằng thói quen khác như nghiên cứu kinh sách. Một sai lầm rất lớn của những người tu thiền ngày nay là thường bỏ qua việc nghiên cứu và suy ngẫm những lời dạy của Đức Phật. Một số người trẻ ngông cuồng đã lạm dụng câu "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" để đi thẳng vào hành thiền mà không nghiên cứu kinh sách. Họ không hiểu rõ mục đích thật sự của thiền. Họ chỉ tu luyện mơ hồ một thời gian ngắn rồi thấy mọi sự đều tẻ nhạt, chán chường. Việc nghiên cứu và suy ngẫm kinh điển sẽ cung cấp cho cô một ý tưởng về mục đích của thiền định một cách rõ ràng và chính xác. Nhờ thế, cô sẽ cảm thấy vững tâm khi tu tập. Nếu không biết mình đi đâu, làm gì, với mục đích gì thì mọi việc đều vô nghĩa, chẳng khác nào một người đi vào sa mạc mà không có bản đồ hay la bàn chỉ dẫn.

Ông Kris quay lại giải thích thêm với tất cả chúng tôi:

- Gần đây tôi có đọc một số sách về thiền của vài tác giả tự nhận là chuyên gia trong lĩnh vực này. Có thể họ là những học giả thông minh, và trong sự nhiệt tình, họ viết ra những chỉ dẫn dựa trên sách vở nghiên cứu chứ không hề có kinh nghiệm tu tập. Đa số họ đều bỏ qua căn bản mà đi thẳng vào việc thực hành. Do đó, họ không thể nói rõ về các hoạt động sâu thẳm của tâm thức mà chỉ sử dụng những danh từ lạ lùng khiến người đọc rối trí, lầm lẫn. Đọc những cuốn sách như vậy không giúp cô đi đến đâu mà chỉ khiến cô thêm lạc lối. Muốn tập thiền, cô nên có người hướng dẫn chứ không thể chỉ học qua sách vở được, và người hướng dẫn đó phải là một thiền sư có nhiều năm thực hành. Các khóa tu phổ thông được quảng cáo rầm rộ ngày nay đa số cũng chỉ có bề ngoài. Cô có thể quan sát người hướng dẫn, nếu họ chỉ dạy cách ngồi, cách thở hoặc một vài tư thế gì đó mà không giải thích căn bản và mục đích thì chúng tôi đó không phải là người có công phu thật sự, học những lớp đó chỉ mất tiền vô ích mà thôi.

Connie thắc mắc:

- Nhưng thầy dạy thiền của tôi đã trích lời Đức Phật, chính Đức Phật nói rằng không cần kinh sách hay văn tự, vì thiền là độc lập với những thứ này. Lúc nãy ông vừa nhắc "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền", chính là ý đó. Chẳng lẽ Đức Phật nói sai?

Ông Kris nhẹ nhàng hỏi:

- Thầy của cô có phải là một thiền sư thật không? Ông đã tu tập ở đâu? Học với thầy nào? Theo tông phái nào? Ông đã thực hành được bao lâu rồi?

Connie bối rối:

- Thầy dạy thiền của tôi không phải tu sĩ nhưng có giấy chứng nhận từ một trung tâm Thiền bên Nhật, rằng ông đã chứng ngộ...

Ông Kris lắc đầu cười:

- Ra vậy! Theo tôi biết thì không có một vị thiền sư chân chính nào lại cấp giấy tờ chứng nhận như thế. Đó chỉ là trò lừa bịp. Trình độ giác ngộ của học trò ra sao chỉ có thầy mới biết được và đây là việc riêng tư giữa thầy trò, không thể thể hiện bằng một văn bằng hay nhãn hiệu để dán lên người.

Connie luống cuống:

- Ông muốn nói rằng tôi đã bị lừa sao? Vậy "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" có thật là lời Đức Phật? Ý của nó là gì?

Ông Kris giải thích:

- Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma, cũng tức là Tổ sư Thiền tông, quả thật có dạy như vậy, hay ít nhất trong kinh điển có ghi lại lời người như thế. Tuy nhiên ngày nay không ít người hiểu sai, hoặc cố tình lạm dụng lời dạy này để phục vụ cho mục đích riêng. Nói cho dễ hiểu thì con đường thiền đôi khi không thể nói bằng ngôn ngữ thông thường. Nếu có nói ra cũng chỉ là miễn cưỡng thôi vì ngôn ngữ không thể

diễn tả những điều không thể diễn tả. Như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Lời nói ra có thể làm người nghe hiểu sai. Và một khi đã không thành văn tự thì cũng không thể truyền dạy theo kinh sách thông thường. Nói như vậy không có nghĩa là bác bỏ văn tự, mà là con đường thiền của mỗi người là dựa vào tâm, hướng đến tâm. Nhưng trước hết, cô vẫn nên đọc và nghiền ngẫm kinh sách để tạo nền tảng cho mình rồi tìm thầy hướng dẫn. Cô cũng phải biết chọn thầy, tìm đúng thầy, đúng chỗ, chứ không thể chỉ tin vào những giấy tờ chứng nhận hay quảng cáo được. Hiện nay người muốn thực hành thiền thì nhiều mà các vị thiền sư chân chính lại rất ít. Ngay cả khi cô may mắn gặp được một thiền sư thì ngài cũng chỉ dạy cho cô những hướng dẫn tổng quát cho đến khi cô đã sẵn sàng. Do đó, cô hãy làm cho mình trở nên sẵn sàng, bởi vì "khi đệ tử đã sẵn sàng, người thầy sẽ xuất hiện".

Connie hỏi:

- Vậy tôi phải làm gì để sẵn sàng?

Ông Kris thông thả giải thích:

- Cho đến khi cô tìm được một vị thầy chân chính, cô nên dành thời gian đọc thêm kinh sách, tham dự các buổi thuyết pháp tại các tu viện hay cơ sở tôn giáo. Các tu viện chân chính không bao giờ thu tiền hay đòi hỏi sự chi trả nào, vì Đức Phật cấm bán pháp. Đây là một tiêu chuẩn có thể giúp cô phân biệt được một nơi tu hành chân chính, giữ đúng giới luật với những nơi chỉ hoạt động vì mục đích thương mại. Và dù cô có tìm được một người thầy chân chính, cô cũng nên giữ cho mình tâm thế học hỏi, tìm tòi, luôn tỉnh táo suy ngẫm chứ không nên nhất nhất nghe theo mọi điều thầy nói. Theo tôi, cách tiếp cận thận trọng này là tốt nhất.

Ông Kris hướng đến tất cả chúng tôi, nói thêm:

- Thực hành mà không có nền tảng lý thuyết thì dễ lạc lối. Nhưng kinh sách dù hay thế nào cũng không thể hướng dẫn hiệu quả như sự tương tác với một người thầy đã có kinh nghiệm tu tập. Theo tôi,

trước hết người tu tập nên dành thời gian để nghiên cứu kinh điển rồi suy ngẫm nghĩa lý trong đó. Tôi biết nhiều người thực hành thiền trong nhiều năm, nghĩ rằng bản thân đã tiến bộ, nhưng không có các văn bản kinh điển để tham khảo ấn chứng họ vẫn dễ đi lạc vào những thứ thiền nào đó của ngoại đạo hay bị dẫn dụ vào con đường mê tín của các thầy phù thủy, rất khó thoát ra. Tất cả sự nhầm lẫn này có thể tránh được thông qua việc học hỏi và nghiên cứu kinh điển để thấy rõ con đường đi của mình.

Connie hỏi:

- Tôi muốn biết rõ hơn về việc thực hành có thể giúp gì cho sức khỏe của tôi hay có thể trừ được bệnh tật không?

Ông Kris gật đầu, trả lời điềm đạm:

- Nếu thực hành đều đặn, cô sẽ thấy sức khỏe của mình phục hồi một cách bất ngờ. Nhiều người duy trì thói quen tập thể dục thể thao hằng tuần, đó đúng là một thói quen lành mạnh, nhưng cũng chỉ gia tăng sức khỏe bên ngoài. Phần lớn bệnh tật phát xuất từ bên trong hay từ tâm thức. Nếu cô bận rộn, lo lắng đủ mọi chuyện rồi dẫn đến mất ăn, mất ngủ, sinh bệnh và như thế thì việc tập thể thao cũng không giúp được bao nhiêu. Thực hành thiền qua việc thở chậm và nhẹ có thể xoa dịu hệ thần kinh đang náo động của cô. Hơi thở nhịp nhàng sẽ mang sinh lực (*prana*) vào các cơ quan nội tạng, có công dụng chữa lành được nhiều thứ bệnh. Nếu nói một cách khoa học thì khi máu huyết lưu thông đều đặn, không bế tắc, các cơ quan nhận được đầy đủ oxy sẽ hoạt động hữu hiệu hơn.

Connie ngần ngại:

- Tôi có một câu hỏi tế nhị là khi thực hành thiền, miệng tôi đã tiết ra nhiều nước bọt làm tôi khó chịu. Tôi là người sạch sẽ nên việc đó khiến tôi rất phân tâm. Tôi không biết có cách nào làm để nước bọt tiết ra ít hơn không?

Ông Kris trả lời thản nhiên:

- Nước bọt tiết ra nhiều trong lúc tu tập là việc bình thường và nó có công hiệu rất mau nhiệm mà ít người biết đến. Trên phương diện tu tập, nó thường được coi là dấu hiệu tốt và người thực tập nuốt vào chứ không nhả ra. Nói theo khoa học thì nước bọt chứa rất nhiều kháng thể có công hiệu đặc biệt. Nhờ thực hành thiền, thở hít những sinh khí *prana* vào người, cấu trúc của nước bọt sẽ thay đổi, tăng số lượng yếu tố tăng trưởng thần kinh (*Nerve Growth Factor - NGF*). Khi NGF được sản xuất, nó sẽ gia tăng hiệu quả của các tế bào thần kinh, giúp chúng phát triển hoặc tồn tại lâu hơn. Tăng NGF có thể giảm bớt các tác động của lão hóa, và đặc biệt là hạn chế những căn bệnh như Alzheimer và ung thư. Cô có thể thấy những người tu thiền rất ít khi bị bệnh tật và tuổi thọ rất cao, việc đó cũng nhờ yếu tố này.

Connie gật gù:

- Ra là vậy, thế mà lâu nay tôi không biết, nên cứ không ngừng khó chịu.

Ông Kris mỉm cười, nói tiếp:

- Thực hành thiền đúng cách phải gồm hai phần. Phần lý thuyết là những gì cô học qua sách vở hay kinh điển. Thực hành là việc tu luyện, rèn luyện tâm trí, cơ thể và cảm xúc. Lý thuyết và thực hành có thể ví như đôi cánh của một con chim. Có đủ cả hai cánh thì chim mới có thể tung cánh bay lượn trên bầu trời rộng lớn được. Nếu thiếu một trong hai, chim không thể bay được. Nói một cách khác, lý thuyết hướng dẫn thực hành vì nó cung cấp các khái niệm căn bản để cô có thể thực hành một cách vững chắc. Thực hành giúp cô hiểu biết về chính mình nhiều hơn. Khi đã hiểu biết, cô cần phải trở lại kinh điển để kiểm chứng xem việc thực hành đó có đúng với ý nghĩa chỉ dẫn trong kinh điển hay không. Nếu thấy mọi sự trở nên rõ ràng, chính xác và có nghĩa thì cô có thể an tâm tiếp tục. Khi đó việc thực hành của cô cũng trở nên sâu sắc hơn. Càng thực hành sâu sắc, cô càng hiểu rõ mọi sự hơn và như thế là việc thiền tập của cô đã có tiến bộ.

Thực hành thiền mà không có nền tảng nghiên cứu kinh sách thì rất mạo hiểm, vì người tu tập có thể bị đưa đến chỗ mù quáng, u mê và lạc lối. Trải nghiệm tu thiền mà không được kiểm chứng bởi kinh điển hay lời Phật dạy thì chỉ là trải nghiệm mù mờ, không có một cái gì để xác định hay đánh giá, rất dễ lạc vào các lối thiền ngoại đạo hoặc các phương pháp của các pháp sư, phù thủy. Hiện nay, có rất nhiều phương pháp thiền được những người này truyền bá với mục đích trục lợi, mê hoặc nhân tâm vì một mục đích mờ ám nào đó. Do đó, khi thực hành thiền cô phải cẩn thận, phải học với các thiền sư trong các chùa chiền, tu viện chứ không nên theo những người tự xưng đã đắc đạo.

Connie hỏi:

- Vậy để việc ngồi thiền đạt kết quả tốt, trong lúc ngồi thiền tôi cần lưu ý những gì?

Ông Kris trả lời:

- Việc quan trọng khi bắt đầu là ngồi vững, bởi ngồi thiền là hình thức thực hành rất hoàn chỉnh và chặt chẽ. Hiện nay trên thị trường đang bày bán tràn lan nhiều loại dụng cụ hỗ trợ, nhưng thực tế việc ngồi thiền không cần đến những thứ này. Cô chỉ cần một chiếc gối mỏng, hay một tấm khăn cũng được. Đừng bận tâm đến những dụng cụ, miễn sao cô ngồi thật vững chắc là đủ.

Connie ngạc nhiên:

- Tôi thấy phần lớn người tập thiền đều sử dụng những chiếc ghế đặc biệt hay những nệm bông được thiết kế riêng dành cho việc thiền tập. Trong các trường dạy thiền đều có bán những miếng nệm này và tôi cũng đã mua một chiếc.

Ông Kris mỉm cười:

- Những thứ đó không quan trọng đâu, cô có thể ngồi trên những chiếc nệm đặc biệt hay ngồi xuống đất cũng được, như nhau cả thôi.

Hiện nay, thiền đã bị thương mại hóa nên sinh ra nhiều sản phẩm hỗ trợ, nhiều người được dạy rằng khi hành thiền cần những tấm nệm đặc biệt, phải đốt trầm để thanh lọc không khí, đôi khi còn phải mở nhạc thiền trong lúc thực hành nhằm thúc đẩy công hiệu của việc thực tập, rồi sử dụng những ứng dụng thiền trên điện thoại để hỗ trợ nữa. Tất cả những thứ đó chỉ là những chiêu trò quảng cáo thương mại thôi. Khi xưa, các thiền sư làm gì có những thứ đó. Các ngài chỉ ngồi trên đất bằng, trong động đá, mà vẫn đắc đạo. Ngày nay, các huấn luyện viên về thiền chỉ bày trò để kiếm thêm tiền mà thôi.

Thực hành thiền đúng cách phải gồm hai phần. Phần lý thuyết là những gì ta học qua sách vở hay kinh điển. Thực hành là việc tu luyện, rèn luyện tâm trí, cơ thể và cảm xúc. Lý thuyết và thực hành có thể ví như đôi cánh của một con chim. Có đủ cả hai cánh thì chim mới có thể tung cánh bay lượn trên bầu trời rộng lớn được.

Connie hỏi:

- Tôi đã thực hành thiền được một thời gian dài mà chưa thấy kết quả hay chuyển biến gì đáng kể. Không biết bây giờ tôi nên làm gì?

Ông Kris mỉm cười kiên nhẫn:

- Như tôi vừa nói với cô, giai đoạn đầu, điều cô cần làm là thay đổi các thói quen hằng ngày qua sự suy ngẫm và thanh lọc, nhằm làm cho tâm mình lắng dịu. Tiếp theo, cô cần tập suy ngẫm về chính mình. Cô gặp bạn bè, nói chuyện, suy nghĩ và hành xử trong môi trường xã hội nhưng liệu có bao giờ cô suy nghĩ sâu xa về những việc đó không? Cô có đối xử tử tế với mọi người không? Liệu cô có làm mất lòng ai không? Liệu lời nói của cô có hòa nhã không? Liệu hành động của cô có gây tổn thương cho ai không? Khi tự xét mình, cô sẽ hiểu rõ về mình nhiều hơn.

Connie ngạc nhiên:

- Việc này thì có liên quan thế nào đến việc hành thiền? Thầy tôi chưa dạy gì về việc này. Tại sao lại phải xét mình? Tôi là người lương thiện đâu làm hại ai bao giờ...

Ông Kris gật đầu giải thích:

- Đúng thế, việc này thoạt nhìn thì có vẻ không liên quan. Nhưng nó là bước đầu chuẩn bị để có thể giúp cô tiến xa hơn trong việc thiền tập sau này. Nếu đời sống của cô trong sạch, tâm hồn an tĩnh, không bị điều gì khuấy nhiễu thì khi thực hành sẽ không còn nổi lên những ý tưởng giận dữ, thù hận hay lo lắng. Khi tâm của cô không bị khuấy rầy bởi những việc ích kỷ, hại người, không trung thực, không lừa dối thì việc thiền tập của cô trở nên dễ dàng hơn. Nếu không xét mình, chuyển đổi đời sống, thanh lọc bản thân, giữ cho thân - khẩu - ý được trong sạch, có đạo đức thì lúc thiền tập những ý tưởng xấu dễ nổi lên phá rối công phu của cô. Đa số người thực tập thiền đều gặp khó khăn bởi các tư tưởng này nên cần phải biết

phản tỉnh, ăn năn, sám hối, thay đổi tâm thức trước thì mới tiến xa được. Nếu cô có thể điều chỉnh sao cho ba nghiệp của cơ thể, lời nói và tâm trí (*thân, khẩu, ý*) được thanh tịnh thì việc thiền tập sẽ dễ dàng có kết quả. Buông bỏ mọi sự là điều mà các thiền sư thời xưa đều dạy học trò của mình rất kỹ trong giai đoạn chuẩn bị. Đáng tiếc là ngày nay mọi người chỉ muốn đi đường tắt, chỉ muốn làm sao cho nhanh đạt kết quả nên không mấy ai có thể đi xa được.

Connie suy nghĩ rồi hỏi:

- Nếu đã biết quán xét và thay đổi tâm thức thì bước tiếp theo sẽ là gì?

Ông Kris tiếp tục:

- Khi tâm thức đã trong sạch, không bị xáo trộn bởi các tư tưởng lộn xộn của đời sống hằng ngày, thì giai đoạn tiếp theo là tập trung để đi đến trạng thái định, đây là lúc cô sử dụng hơi thở để đối trị với các vọng niệm một cách tự nhiên. Khi tâm thức của cô đã tự nhiên, bình tĩnh, rõ ràng, cân bằng thì cô sẽ thấy cuộc sống bắt đầu được định hướng lại. Các ưu tiên của cô sẽ trở nên rõ ràng, sáng suốt hơn nhiều. Khi cô quyết định việc gì, cô sẽ làm một cách tự nhiên, thấu suốt, không cần suy nghĩ nhiều vì tâm thức của cô không còn bị xáo trộn như xưa. Từ đó, cô sẽ hiểu rõ ích lợi của việc thiền tập. Nếu cô có thể áp dụng đúng những gì tôi chỉ dẫn lúc này thì khoảng sáu tháng sau, cô sẽ thấy mình có một sự chuyển hóa rõ rệt, cô sẽ có nhiều năng lượng hơn, nhiều sức mạnh hơn, có thể quyết định sáng suốt, minh mẫn và nhanh chóng hơn xưa.

Andrew vui miệng nói xen vào:

- Nếu được như thế thì thật tuyệt vì nhà tôi là người lo lắng đủ thứ chuyện, việc gì cũng thắc mắc, cũng muốn kiểm soát rồi suy nghĩ nhiều nhưng lại khó đưa ra quyết định.

Ông Kris mỉm cười giải thích:

- Tâm thức tựa như một hồ nước. Mọi lo lắng, suy nghĩ được ví như những luồng gió thổi vào mặt hồ tạo nên những cơn sóng, và hồ nước bị xáo trộn. Khi tâm thức được tập trung, thì cũng như mặt hồ không có gió nên hoàn toàn tĩnh lặng, mọi thứ đều lắng xuống, bề mặt của hồ yên tĩnh và mọi thứ đều được phản chiếu trong đó một cách hoàn hảo, từ những vì sao, đến mặt trời và mặt trăng đều chiếu rõ. Khi các vọng tưởng đều ngừng thì ta đã có định và từ đó sẽ phát triển được khả năng có thể nhìn mọi sự thật rõ, thật sâu, thật dễ dàng. Khi đó, các bạn có thể thấy mọi sự một cách sâu sắc và quyết định một cách bình tĩnh, nhanh chóng.

Connie hỏi:

- Lúc này ông có đề cập về việc phải thở tự nhiên nhưng tôi vẫn chưa hiểu rõ phải tập thở như thế nào mới đúng, xin ông giải thích thêm?

Ông Kris từ tốn giải thích:

- Hít thở tự nhiên đơn giản là cô cứ hít thở như bình thường thôi, không nên làm gì bất thường. Tuy nhiên, cô cần lưu ý tránh việc hít vào và thở ra không đều, như khi hít vào thì dài mà thở ra thì ngắn hoặc ngược lại. Hít vào và thở ra phải đều đặn, liên tục chứ không được gián đoạn vì như thế sẽ gây trở ngại. Cô cứ thở cho thật đều và thật tự nhiên, đừng cố gắng quá sức. Thật ra, hơi thở liên quan đến trạng thái của tâm trí, nếu cố gắng thở theo một hình thức nào đó sẽ làm cho tâm trí bị xáo trộn dẫn đến rất khó tập trung.

Connie do dự một chút rồi hỏi:

- Thầy dạy thiền của tôi hướng dẫn phải tập dồn hơi thở xuống bụng...

Ông Kris nhâm nhi một tách trà, chậm rãi giải thích:

- Khi cô sử dụng năng lực để hít vào thật sâu, dồn hơi xuống bụng sẽ khiến bắp thịt co thắt, làm cho việc tập trung bị gián đoạn. Cô tự

nghĩ xem mình đang thiền hay đang tập thể thao? Bản chất của thiền tập là cơ thể phải tự nhiên, thả lỏng, thoải mái chứ không gò ép. Khi cô thở nhẹ và tự nhiên thì từ từ hơi thở sẽ diễn ra đều đặn, rồi tự cô sẽ cảm thấy thoải mái, thư giãn. Thiền tập là làm sao cho tâm trí được tập trung chứ không phải gì khác. Nếu cô quá chú ý vào việc dồn hơi thở rồi ép nó xuống bụng, cô sẽ khó tập trung. Một khi cô đã thở đều thì chính hơi thở sẽ dẫn dắt cô đi chứ cô không cần phải điều khiển hơi thở. Khi hơi thở của cô nhẹ nhàng thì đầu óc của cô sẽ trở nên thư thái, rồi cô sẽ thấy mình có thể tập trung vào việc thực tập và không còn để ý vào hơi thở nữa.

Connie vẫn thắc mắc:

- Nhưng tôi cần phải theo dõi hơi thở để đối trị các vọng tưởng chứ?

Ông Kris mỉm cười:

- Một khi cô đã thở đều theo nhịp thì việc thở sẽ xảy ra một cách tự nhiên và khi đó đầu óc của cô sẽ chú ý đến việc khác. Lúc đó, cô có thể quan sát những vọng tưởng xảy ra trong tâm, khi nó đến và khi nó đi, nếu cô không để nó chuyển hóa thì cô sẽ có công phu. Nếu cô có thể làm như thế thì theo thời gian cô sẽ có định, khi vọng tưởng từ từ biến mất và cô sẽ ở trong một trạng thái an bình, tự tại. Khi tâm thức của cô sáng suốt, bình thản thì cô sẽ bước vào một trạng thái tâm lý rất đặc biệt, có sự kết nối chặt chẽ giữa mình và trạng thái tâm linh của mình. Trạng thái này vốn sẵn có đầy đủ trong mọi người nhưng cô không biết đó thôi. Khi xưa cô đã để cho những ý nghĩ lộn xộn che lấp nó đi, khiến nó trở nên mơ hồ, nhưng khi tâm thức sáng suốt cô sẽ dễ dàng nhận ra nó. Cái tâm thức sáng suốt đó chính là trí tuệ chứ không phải trí thông minh. Thiền chính là trở về tìm lại cái trí tuệ sáng suốt hằng có, và trí tuệ ấy ở bên trong ta chứ không phải ở chỗ nào khác.

Ông Kris kết luận:

- Sau khi hoàn tất buổi thiền định hằng ngày, cô đừng làm việc gì ngay lập tức, mà hãy đi bộ quanh phòng trong năm hoặc mười phút

để chú ý đến môi trường xung quanh và quan sát tâm trí của mình một cách thoải mái. Khi đến nơi làm việc, cô phải giữ đầu óc bình tĩnh bằng cách cảnh giác và giữ chánh niệm khi tham gia vào các hoạt động bình thường. Tránh các hoạt động có thể gây ra sự kích động hay giận dữ rồi nói ra những điều không nên nói, làm những việc không nên làm. Ăn uống cũng là một yếu tố quan trọng trong việc thiền định. Hãy cẩn thận trong lúc ăn vì sử dụng thực phẩm là để nuôi dưỡng thân thể chứ đừng quan tâm và chú trọng đến ngon hay không. Ăn ngon sẽ dẫn đến thèm ăn rồi sinh tham muốn. Nghi ngơi cũng thế, cô cần ngủ cho đủ chứ không nên ngủ quá nhiều hay quá ít. Ngủ nhiều sẽ làm cho tâm trí mê muội, ngủ ít sẽ làm trí nhớ suy giảm, dễ quên, sinh biến chứng thần kinh. Cô hãy tập thói quen đi ngủ và thức dậy đúng giờ. Đến lúc ngủ thì hãy gác mọi chuyện lại, vào giường ngủ ngay. Khi thức dậy cũng như thế, đừng hấp tấp theo dõi tin tức hay mở Facebook, Instagram, Twitter vì những thứ đó sẽ làm cô chia trí khi thực tập thiền. Khi để ý vào những tin nhắn, những lời khen chê, bình luận vô ý thức của những người vô trách nhiệm, cô có thể bị ảnh hưởng và đánh mất chính mình. Hạn chế các hoạt động này sẽ giúp cô phát triển được nguồn sức mạnh tinh thần hỗ trợ cho buổi thiền tập của cô. Ngoài ra, tôi khuyên cô đừng nói gì nhiều về những vấn đề tâm linh hoặc về việc tu tập của mình trong những thời điểm không phù hợp. Tốt nhất là giữ việc thực hành của cô càng riêng tư càng tốt để tránh những câu hỏi tò mò hay phê bình vô ích. Nếu tham thiền đều đặn, cô sẽ thấy rằng ngay cả trong những công việc bận rộn nhất hay những xung đột căng thẳng nhất, cô vẫn có thể tìm được sự bình an cho mình. Theo tôi, thiền là một trong những món quà quý báu nhất hiện nay dành cho những người quá bận rộn như cô. Nhờ công phu tu tập mà cô có thể hồi phục tinh thần của mình với một nguồn năng lực bình an diệu kỳ ngay giữa lúc căng thẳng nhất. Thời gian là thứ quý giá và cô phải sử dụng nó cho chính mình chứ đừng để nó làm chủ nhân của cô. Thời khóa biểu là do cô lập ra chứ không phải của người khác. Cô hãy học cách tổ chức sắp xếp công việc và sử dụng thời gian một cách hữu hiệu. Làm được vậy, cô sẽ thích ứng với một nhịp sống sáng suốt và có ý nghĩa hơn là cái nhịp náo động thông thường mà xưa nay cô đã quen.

Thiền chính là trở về tìm lại cái trí tuệ sáng suốt hằng có, và trí tuệ ấy ở bên trong ta chứ không phải ở chỗ nào khác. Tâm thức tựa như một hồ nước. Mọi lo lắng, suy nghĩ được ví như những luồng gió thổi vào mặt hồ tạo nên những cơn sóng, và hồ nước bị xáo trộn. Khi tâm thức được tập trung, thì cũng như mặt hồ không có gió nên hoàn toàn tĩnh lặng, mọi thứ đều lắng xuống, bề mặt của hồ yên tĩnh và mọi thứ đều được phản chiếu trong đó một cách hoàn hảo, từ những vì sao, đến mặt trời và mặt trăng đều chiếu rõ. Khi các vọng tưởng đều ngừng thì ta đã có định và từ đó sẽ phát triển được khả năng có thể nhìn mọi sự thật rõ, thật sâu, thật dễ dàng.

PHẦN BẢY

THÁNH CHIẾN

ĐỨC TIN VÀ DỤC VỌNG

Sự sụp đổ của đế quốc La Mã đã kết thúc giai đoạn chiếm hữu nô lệ ở châu Âu, mở đầu cho thời kỳ phong kiến. Suốt nhiều thế kỷ sau đó, châu Âu rơi vào hỗn loạn, có thịnh có suy, có phân tranh, chiếm đoạt, tự phong, chia rẽ – đặc biệt là về mặt tôn giáo. Năm 1095, Giáo hoàng Urban II đã phát động cuộc Thánh chiến với lời kêu gọi các tín đồ Thiên Chúa giáo giải phóng thánh địa Jerusalem khỏi người Hồi giáo. Lời kêu gọi này lan khắp châu Âu và được các tín đồ Thiên Chúa giáo hưởng ứng mạnh mẽ. Kể từ đó, trong suốt gần hai trăm năm, một loạt các cuộc chiến tranh tôn giáo không liên tục đã diễn ra, khiến đời sống người dân không ngừng biến động...

Guirole là một ngôi làng nhỏ hẻo lánh ở nước Pháp, cuộc sống người dân nơi đây vô cùng cơ cực và buồn tẻ. Vì thế, khi lời kêu gọi của Giáo hoàng lan đến đây, hầu hết trai tráng trong làng đều xung phong lên đường. Cha tôi cũng là một trong số đó. Khi cha tôi lên đường, tôi còn chưa đầy hai tuổi, mọi ký ức tôi có về ông đều chỉ qua lời kể rời rạc của gia đình. Tuy vậy, hình ảnh một người anh hùng ra đi vì đức tin tôn giáo của ông đã để lại một ấn tượng tốt đẹp trong lòng tôi.

Hai năm sau khi cha tôi ra đi, mẹ tôi lâm bệnh rồi qua đời, từ đó tôi sống cùng ông bà ngoại. Tuy thiếu tình thương của cha mẹ, nhưng sự bao bọc, yêu thương của ông bà ngoại đã bù đắp cho tôi đầy đủ. Như mọi người trong làng, ông bà ngoại cũng chật vật với cuộc sống nghèo khó. Ba người chúng tôi sống chen chúc trong một căn nhà mục nát, cạnh một mảnh vườn nhỏ, bầu bạn với một con bò, bốn con cừu và một đàn gà.

Từ khi tôi còn rất nhỏ, ông bà ngoại đã dạy tôi phải luôn tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn đạo đức, phải biết rõ đúng sai, phải trái và luôn tôn kính Thiên Chúa, luôn có lòng thương người. Bất cứ khi nào có dịp, bà ngoại đều nhắc nhở tôi đừng bao giờ lấy bất cứ gì không thuộc về mình, không được làm điều gì gây hại cho người khác, không được ăn cắp, không được nói dối hay đặt điều... Bà ngoại nhắc nhở tôi nhiều đến mức tôi đã tự hỏi sao bà phải nói mãi những điều tôi đã thuộc nằm lòng như thế.

Ở chỗ chúng tôi, mọi người đều phải làm việc vất vả, tắt bật từ sớm đến tối khuya mới đủ ăn, bởi gia đình nào cũng phải để dành thóc lúa, rau trái nộp cho vị lãnh chúa cai quản vùng này. Dưới chế độ phong kiến, các lãnh chúa và quý tộc có toàn quyền sinh sát đối với các nông nô trong vùng đất của họ. Dù chỉ là một ngôi làng nghèo nàn nhưng hằng năm chúng tôi vẫn phải nộp đủ thóc lúa, rau trái cho lãnh chúa theo quy định mới mong được sống yên thân. Tuy sống trong nghèo khổ và vất vả, gia đình chúng tôi vẫn tràn đầy yêu thương và tiếng cười.

Năm tôi mười sáu tuổi, một sự kiện bất ngờ xảy ra, phá tan nhịp sống yên bình của chúng tôi, đưa cuộc đời tôi rẽ sang một hướng khác. Một buổi sáng bình thường, tôi cùng ông bà ngoại làm việc trong mảnh vườn nhỏ thì một người đàn ông lạ mặt, ăn mặc rách rưới bước vào. Với vẻ ngoài cần cỗi của ông ta, khó đoán được ông ta ở độ tuổi nào. Bà ngoại tôi ngẩng đầu lên, vừa nhìn thấy người đàn ông, hai tay liền buông hết cuốc xẻng, lập cập bước về phía ông ta. Bà run rẩy:

- Daniel! Daniel! Có phải con đấy không?

Daniel là tên cậu tôi. Từ nhỏ tôi đã nghe bà ngoại kể rằng mẹ tôi có một người anh trai, nhưng người này đã bỏ nhà đi theo gánh hát từ trước khi tôi chào đời.

Người đàn ông tiến đến đỡ lấy bà ngoại, hai người ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Tôi đứng một bên bối rối, còn ông ngoại thì chỉ lạnh

lòng nhìn người kia, lẩm bẩm điều gì tôi không nghe rõ, rồi ông quay lại tiếp tục làm việc như không hề có chuyện gì xảy ra.

Bà ngoại đưa người đàn ông vào nhà, ra hiệu cho tôi và ông ngoại theo cùng. Tôi nhìn ông ngoại, rồi chúng tôi theo bà vào nhà. Tôi tò mò nhìn người đàn ông gầy ốm, râu ria lởm chởm, quần áo rách rưới đang ngồi trên ghế. Ông ta cũng nhìn lại tôi, rồi quay sang hỏi bà ngoại:

- Thằng bé này là ai vậy?

- Nó là Jean, con của Babette đấy. Jean, đây là cậu Daniel, anh của mẹ con. Con chào cậu đi.

Tôi gật đầu chào cậu. Bà ngoại ngồi xuống bên cậu, kể về cái chết của mẹ tôi cũng như chuyện cha tôi biệt tích nhiều năm.

Cậu Daniel nghe nhắc đến cha tôi thì giận dữ:

- Đó cũng là lý do con trở về đây. Thằng khốn nạn đó hiện sống tại Verden, nó là lãnh chúa cai quản vùng đó, ăn sung mặc sướng, hưởng thụ xa hoa.

Ông ngoại tôi nãy giờ vẫn im lặng, nghe đến đó liền lên tiếng:

- Làm sao nó lên làm lãnh chúa được?

Cậu Daniel né tránh ánh mắt của ông ngoại, cậu nhìn tôi chăm chú, kể với giọng có chút ngậm ngùi:

- Khi lưu diễn tại Verden, con thấy Robert ngồi trên khán đài với vợ con của nó. Con nhận ra nó nhưng nó không nhận ra con.

Ông ngoại lại hỏi:

- Có chắc đó là Robert không?

Cậu Daniel trả lời chắc nịch:

- Chính là nó. Trên mặt nó vẫn còn vết sẹo do con để lại. Hơn nữa bàn tay phải của nó cũng mất ngón út. Không thể làm được.

Ông bà ngoại nhìn nhau đầy vẻ đăm chiêu. Sau bữa ăn, cậu Daniel bàn với ông bà ngoại cho phép cậu đưa tôi đi gặp người cha ruột. Cậu nói:

- Con trở về vốn định báo chuyện này với em con, để nó tìm Robert làm cho ra lẽ. Nay em con đã mất, nhưng Jean vẫn còn đây. Dù gì nó cũng là con của Robert, hấn không thể không nhận con ruột của mình được. Giờ hấn cũng đã là lãnh chúa, tin rằng có thể cho Jean một cuộc sống tốt hơn.

Sau một hồi bàn bạc với nhau, ông bà ngoại đồng ý cho tôi đi cùng cậu, vì tin rằng việc nhận lại cha sẽ giúp cuộc sống của tôi được cải thiện và có tương lai tốt đẹp hơn so với việc tiếp tục sống trong ngôi làng nghèo nàn, hẻo lánh này. Tâm trạng của tôi lúc đó vô cùng xáo trộn, đầu óc trở nên mơ hồ. Trong một buổi sáng, tôi phải tiếp nhận quá nhiều tin tức. Cha tôi vẫn còn sống, lại còn trở thành lãnh chúa, vậy sao bao năm qua ông không quay lại tìm chúng tôi? Nếu tôi cùng cậu đi tìm cha, tôi sẽ được gặp lại người cha tôi chưa từng biết nhưng đã luôn coi ông là anh hùng. Nhưng làm vậy thì tôi phải rời bỏ ông bà ngoại thân yêu, những người đã nuôi dưỡng tôi từ khi tôi còn nhỏ. Bà ngoại hiểu sự do dự của tôi nên đã ra sức khuyên nhủ. Bà nói tôi cứ đi tìm cha, một khi nhận cha xong vẫn có thể quay lại hội ngộ với ông bà. Lời bà có lý nên rốt cuộc tôi cũng đồng ý.

Cậu tôi ở lại nhà mấy hôm, cùng tôi sắp xếp công việc trong nhà, đỡ dần phần nào cho ông bà ngoại. Sau đó chúng tôi lên đường. Đi khoảng hai ngày đường thì chúng tôi tới bìa một khu rừng, phía trước là một đoàn xe ngựa đang dừng lại cắm trại, những người ở đó đều mặc những trang phục sắc sỡ, lạ lẫm. Người Gitan [\[4\]](#), tôi nghĩ.

Gitan là nhóm những người du cư, sống lang thang rày đây mai đó, làm đủ nghề để kiếm sống. Bây giờ, nguồn gốc thật sự của người

Gitan vẫn bị che phủ bởi một màn sương. Do cuộc sống lang bạt, họ tập hợp nhiều sắc tộc khác nhau, phần lớn đến từ Ấn Độ, Ai Cập và Ba Tư. Từ bỏ cố hương, chấp nhận bốn bề là nhà, người Gitan thường bị dân địa phương kỳ thị và chèn ép. Họ không được chào đón, không được tôn trọng và phải liên tục di chuyển. Họ co cụm vào một xã hội riêng, sinh sống như những bộ lạc độc lập, và nhờ đi đó đi đây nhiều, họ hình thành một nét văn hóa vô cùng đa dạng và đặc sắc. Họ có tài nhảy múa, biểu diễn, nên nhiều nhóm Gitan thành lập gánh hát, lưu diễn khắp nơi kiếm sống.

Giờ tôi mới biết thì ra gánh hát mà cậu tôi đi theo chính là của nhóm người Gitan này. Khi chúng tôi tiến gần đến khu trại thì một người đàn ông lớn tuổi, râu tóc rậm rạp tiến đến. Ông giơ tay chặn cậu Daniel.

- Thằng nhóc này là ai? Tại sao anh dẫn nó đến đây?

Cậu Daniel trả lời:

- Nó là con của em gái tôi. Tôi muốn dẫn nó đến gặp cha nó ở Verden. Xin ông cho phép nó ở lại.

Người đàn ông nhìn tôi với vẻ dò xét rồi ra hiệu cho cậu Daniel bước sang một bên để bàn bạc, đồng thời, ông quay lại gọi một đứa con trai đang chơi đùa gần đó đến. Không biết ông nói gì, nhưng đứa con trai tiến về phía tôi, nó lạnh lùng hỏi:

- Mà tên gì?

Tôi đoán đứa con trai này lớn hơn tôi một hai tuổi. Tôi dè dặt trả lời:

- Tôi là Jean.

Nó nhìn tôi từ đầu đến chân như đánh giá, rồi đột ngột bắt lấy tay tôi và tự giới thiệu mình:

- Tao là Pedro, mà có muốn ra ngoài kia chơi với bọn tao không?

Theo hướng tay Pedro chỉ, tôi thấy cách đó không xa có một đám trẻ đang tụ tập chơi đùa. Tôi nhìn Daniel nhưng cậu tôi vẫn mãi mê nói chuyện nên tôi rụt rè bước theo Pedro đến chỗ đám trẻ kia.

Pedro chỉ vào tôi, giới thiệu với đám trẻ:

- Tụi bây, đây là thằng Jean, một đứa mới đến, chúng ta hãy chào đón nó đi.

Tôi để ý Pedro nhấn mạnh chữ "chào đón" một cách trịnh trọng khác thường. Đám trẻ ngừng chơi, vây quanh tôi một cách thích thú. Tôi vẫn đang ngơ ngác thì bỗng có một đứa trong đám xông đến xô tôi thật mạnh khiến tôi ngã xuống đất. Đám trẻ còn lại lập tức nhào đến, đè chặt tôi xuống và bắt đầu lột quần áo tôi ra. Tôi ra sức phản kháng, vung tay đánh đá lung tung, chạt vật bò dậy. Cả đám hò hét, thay phiên xô đẩy tôi. Một đứa ôm chầm lấy tôi, vật ngã xuống đất lần nữa. Chúng tôi vật nhau, bụi cát bay mù mù giữa tiếng reo hò cổ vũ đến khi tôi ý thức thân thể trần truồng của mình nên không muốn đánh nhau nữa, chỉ lo che chắn cơ thể. Ngay lúc đó, một đứa con gái chạy đến, đẩy đứa trẻ kia ra, rồi quăng cho tôi một tấm chăn rách. Tôi vội đứng lên, quấn tấm chăn quanh mình rồi cảm hận nhìn đám trẻ đang cười cợt kia.

Đứa con gái nói lớn:

- Thôi, như vậy đủ rồi. Chào đón như vậy là đủ rồi.

Pedro cười:

- Nó là cháu của chú Daniel đấy, phải cho nó nếm mùi chào đón ra trò chứ.

Đám trẻ phá lên cười khiến tôi vừa bối rối vừa xấu hổ, tôi quay người định bỏ đi thì cậu Daniel và người đàn ông râu rậm kia bước đến. Cậu Daniel vỗ vào vai tôi:

- Bây giờ con đã trở thành người Gitan như ta rồi. Chúng ta sẽ đi Verden, nhưng giờ đã sắp sang đông rồi, thời tiết ngày một lạnh, chúng ta phải xuống miền Nam trước. Qua mùa xuân, tiết trời ấm áp hơn thì chúng ta sẽ lên miền Bắc để tìm cha con.

Người đàn ông có bộ râu rậm nói với tôi:

- Từ nay con sẽ sống với Pedro, nó sẽ dạy con những việc phải làm.

Lúc đó, đưa con gái mang cho tôi tấm chăn cũng bước đến tự giới thiệu:

- Anh tên Jean phải không? Em là Ella.

Tôi gật đầu, toan lên tiếng cảm ơn thì bất ngờ Ella vung tay tát tôi một cái đến choáng váng.

Tôi tức giận, hét lên:

- Cô làm gì thế?

Pedro bật cười giải thích:

- Nó chào đón chú mày đó.

Tôi cố nuốt giận, theo chân Pedro vào chiếc xe ngựa gần đó. Tôi toan lấy quần áo ra thay thì Pedro ra hiệu ngăn cản, y lục lọi một hồi rồi quăng cho tôi một bộ quần áo kiểu dáng lạ lùng. Không còn mang dáng vẻ hách dịch như khi nãy, Pedro dùng giọng điệu nhẹ nhàng giải thích:

- Giờ cậu đã là dân Gitan rồi, cậu phải lột xác hoàn toàn, từ bỏ tất cả mọi thứ liên quan đến đời sống khi trước. Theo truyền thống, để gia nhập với chúng tôi, cậu phải được chào đón bằng cách bị lột bỏ quần áo, chịu một trận đòn, vì từ nay cậu đã là một người mới, sống cuộc đời mới, theo luật của người Gitan. Tôi sẽ dạy cậu những điều này, giờ thì thay đồ đi.

Vẫn ôm bộ quần áo trên tay không nhúc nhích, tôi nhìn Pedro, phản đối:

- Nhưng tôi đâu phải người Gitan.

Pedro lắc đầu:

- Bây giờ thì phải rồi. Nếu cậu muốn ở lại đây, cậu phải sống như một người Gitan. Nếu không muốn, cậu có thể trở về làng cũ.

Pedro nói xong thì bỏ đi, không cho tôi cơ hội tranh cãi. Tôi suy nghĩ một lúc rồi mặc bộ đồ Pedro để lại. Tôi biết, cuộc đời mình từ đây đã thay đổi mãi mãi.

Tôi làm quen với mọi người trong gánh hát khá nhanh. Người đàn ông có bộ râu rậm rạp tôi gặp hôm đầu tiên là Alfonso, người đứng đầu ở đây. Gánh hát này bao gồm sáu gia đình, tất cả đều có liên hệ họ hàng với nhau. Đa số đều có tài năng đặc biệt, người biết sử dụng nhạc khí, người biết nhào lộn, người ca hát, đóng kịch. Họ di chuyển nay đây mai đó, lấy việc biểu diễn làm kế sinh nhai. Alfonso là một người rất nghiêm khắc trong khi bà Mona, vợ ông, mẹ của Pedro và Ella, là người hiền lành, ít nói nhưng lại có tầm ảnh hưởng lớn với mọi người trong gánh hát. Bà là người duy nhất trong đoàn biết đọc, biết viết và hiểu biết các huyền thoại lịch sử nên đám trẻ trong đoàn rất thích theo bà nghe kể chuyện. Ngoài ra, Mona cũng là người bào chế các vị thuốc, xem chỉ tay, bói bài, tiên đoán mọi việc bằng quả cầu pha lê.

Mona thường khuyên dạy chúng tôi nhiều điều. Bà dạy rằng bệnh tật bắt nguồn từ việc sống vô ý thức, buông thả và thái quá. Bệnh xuất phát từ trong thân thể do sự ăn uống, lo lắng, sợ hãi hay giận dữ quá độ. Bệnh cũng xảy ra do nguyên nhân bên ngoài như thời tiết nóng lạnh, khô ráo hay ẩm ướt. Nếu biết sống thuận theo tự nhiên, không lo lắng, buồn phiền hay ăn uống quá độ thì thân thể sẽ ít bệnh tật hơn.

Sống chung với nhau, đôi khi bọn trẻ chúng tôi cũng có những chuyện đụng chạm, gây gổ và thường đến nhờ Mona phân xử. Những lúc như vậy, Mona sẽ khuyên chúng tôi: "Các con phải biết nhìn mọi sự trên đời như thời tiết. Xuân đến, cây cỏ nở hoa; Thu về, cỏ cây héo tàn. Việc gì cũng thế, đến thì sẽ đi, không gì kéo dài mãi được. Do đó, đừng để việc gì ảnh hưởng vào mình rồi sinh oán hận, buồn phiền. Các con phải học cách nhẫn nại, bất luận việc gì hay thử thách gì cũng phải tập chịu đựng, biết kiên nhẫn, khi vượt qua được thì sẽ yên ổn".

Trong lúc tập luyện để trình diễn, nếu có người tự hào khoe khoang về tài nghệ của mình, Mona sẽ khuyên: "Các con hãy nhìn đi, khi còn sống chim chóc ăn sâu bọ nhưng khi chết thì sâu bọ lại ăn chim chóc. Thời gian và hoàn cảnh luôn thay đổi, lúc thế này, khi thế khác, đó là sự tuần hoàn của đời sống. Không điều gì là mãi mãi, nên đừng bao giờ tự hào về mình mà làm thương tổn đến người khác. Cái gì có lên sẽ có xuống, có lúc vinh quang, thì cũng có khi nhục nhã. Do đó, bất cứ làm việc gì cũng phải khiêm tốn và nghĩ đến hậu quả trước khi hành động".

Khi có người thất vọng vì không tài giỏi như người khác, Mona sẽ khuyên: "Ai cũng có ưu và khuyết điểm. Nếu thấy mình không bằng người khác thì đừng ngại gì mà không học lấy cái hay của họ nhằm bổ túc cho cái dở của mình. Chỉ cần cố gắng thì chớ ngại gì cũng có thể vượt qua và đạt được nhiều thành tựu".

Khi đi qua các đô thị, nhìn những tòa lâu đài nguy nga, lộng lẫy và đời sống sung sướng, an nhàn, vinh hoa phú quý của giai cấp quý tộc, Mona dạy chúng tôi: "Các con đừng nhìn đời sống giàu có của giới quý tộc mà thèm muốn. Phải biết phân biệt rõ những gì mình cần và những gì mình muốn. Nếu đã có đủ mọi thứ cần thiết rồi thì phải biết hài lòng, bất cứ điều gì nhiều hơn cái mình cần chỉ là phần thưởng mà thôi. Có cũng được, không có cũng được và không phải ai cũng có. Đừng so sánh, ganh tỵ với những quý tộc giàu có, họ có quá nhiều thứ để mất nên lúc nào cũng lo lắng, sợ hãi. Chúng ta chẳng có gì để mất nên không có gì phải lo lắng cả. Đời sống là một

sự lựa chọn, nhưng nếu có quá nhiều chọn lựa, sẽ sinh ham muốn, được thứ này lại muốn thứ khác, không bao giờ là đủ. Từ sự ham muốn sẽ sinh ra tham lam và nhiều tật xấu, thù hằn, ghen tị dẫn đến đời sống bị phá hoại. Biết buông bỏ bớt thì cuộc sống sẽ hạnh phúc hơn, biết đủ thì đời sống không có gì phiền phức, rắc rối nữa.

Sau khi biết tôi mất mẹ từ nhỏ, Mona đặc biệt để ý săn sóc cho tôi nhiều hơn. Tuy bà là người "mẹ chung" của bọn trẻ trong gánh hát nhưng tôi cảm nhận được bà luôn tìm cách dạy dỗ, chăm sóc và dành thời gian cho tôi nhiều hơn. Tôi rất biết ơn Mona và cũng yêu thương bà. Tôi thường theo bà, nghe bà đọc và giảng Thánh kinh. Bà nói với tôi: "Không một cái gì trên đời có thể thay thế người mẹ vì người mẹ là biểu hiện của tình thương. Người mẹ là hiện thân của Thượng Đế, vì Ngài không thể săn sóc tất cả các đứa con của mình nên Ngài mới sinh ra người mẹ để làm chuyện đó". Bởi vì từ nhỏ đã không còn mẹ, tôi coi Mona như người mẹ mà Thượng Đế đã bù đắp cho mình.

Tôi sống cùng một chiếc xe với Pedro và năm đứa trẻ khác, tất cả đều là con của các thành viên trong đoàn. Mới đó mà tôi đã theo đoàn hát được hơn hai tháng, hằng ngày tôi theo mọi người làm những công việc lặt vặt như khâu vá, dựng rạp, dọn dẹp. Một hôm, khi đoàn hát đang quây quần ăn uống thì Gilbert, người chuyên biểu diễn phóng dao, nói với cậu Daniel:

- Tôi thấy thằng cháu của anh nhanh nhẹn, có thể học phóng dao được đấy. Cho nó theo tôi đi.

Cậu Daniel đồng ý, tôi cũng vui lòng. Từ đó, bên cạnh những công việc hằng ngày, tôi theo Gilbert học phóng dao. Pedro và các thanh niên khác thì học biểu diễn âm nhạc.

Thời điểm đó, Giáo hội nắm giữ quyền lực lớn nhất, độc quyền cả về sở hữu và sản xuất âm nhạc. Hầu hết các bản nhạc đều được soạn ra bởi các vị giáo sĩ vì chỉ những người này mới có quyền sáng tạo và duy trì bản thảo âm nhạc trong các tu viện. Âm nhạc được coi

là quà tặng mà Thượng Đế dành riêng cho họ, nên giới giáo sĩ không chấp nhận bất kỳ hình thức âm nhạc nào khác. Giáo hội coi những loại âm nhạc khác là vô đạo đức, coi thường quyền lực tôn giáo và yêu cầu triều đình thẳng tay trừng trị những ai sáng tác hoặc biểu diễn thứ âm nhạc này. Tuy thế, các nhạc sĩ được gọi là troubadour hay người hát rong, phần lớn là người Gitan, vẫn lén lút sáng tạo âm nhạc theo cách riêng của họ. Việc họ chọn sống đời lang bạt, rày đây mai đó cùng những gánh hát lưu động cũng là để tránh sự truy nã của triều đình. Âm nhạc của họ phần lớn dựa vào các truyền thuyết dân gian, một số sáng tạo ra những giai điệu sống động, chủ yếu ca tụng tình người, nhất là tình yêu nam nữ. Đây là loại âm nhạc bị Giáo hội lên án nặng nề nhưng lại được quần chúng yêu thích nhất. Alfonso là một trong những người hát rong tài năng và nổi tiếng trong cộng đồng Gitan. Ông có kiến thức sâu rộng và chịu trách nhiệm dạy âm nhạc cho bọn trẻ trong đoàn. Tôi cũng thường theo Pedro dự những buổi dạy của Alfonso để học lóm. Có lần, Alfonso nói với chúng tôi:

- Hầu hết âm nhạc của tầng lớp quý tộc đều thiên về các âm thanh lặp đi lặp lại, ngân thật dài để ca tụng thần linh hay vua chúa của họ. Người Gitan chúng ta sử dụng nhạc khí theo cách riêng. Ví dụ, khi gảy đàn luyt [5], họ thường dùng phím gảy, còn chúng ta gảy đàn bằng ngón tay, các con phải học cách gảy đàn này. Quý tộc sử dụng đàn luyt như nhạc khí phụ, đệm theo âm điệu của nhạc khí chính, còn chúng ta sử dụng đàn luyt như nhạc khí chính với âm thanh độc lập để bày tỏ cảm xúc, không chấp nhận sự kiềm chế của bất cứ ai. Chúng ta sử dụng nhạc khí bằng con tim để ca tụng tình người chứ không ca tụng thần linh, vua chúa. Do đó, khi sử dụng đàn luyt, các con phải để cho cảm xúc dẫn dắt, để cho những ngón tay rung động theo trái tim, tiếng đàn con gảy lên phải ngân vang, hòa nhịp với tiếng lòng. Âm nhạc được tạo ra bởi giai điệu và cảm xúc nên các con phải cảm nhận đúng cảm xúc của mình trong lúc gảy đàn thì mới tạo ra được thứ âm nhạc thực thụ. Muốn trở thành một nhạc sĩ, các con phải biết rung động với mọi sự xảy ra xung quanh để có thể nói lên những nỗi niềm, tâm tư, tình cảm của con người, vui cũng như buồn, hoan lạc cũng như khổ đau. Còn khi cất tiếng hát, các

con phải đặt hết tâm hồn vào lời ca và giai điệu, vì không có cách nào mở rộng và chạm vào trái tim người khác tốt hơn âm nhạc.

Tuy tôi không theo học âm nhạc, nhưng vẫn thường ngồi nghe Pedro tập đàn. Những giai điệu mà Pedro đang tập có gì đó rất thân thuộc và cuốn hút. Tôi có thể phân biệt được giai điệu Doria hùng tráng, oai phong, kêu gọi lòng can đảm, sự tự tin hay giai điệu Lydia nhẹ nhàng, tràn đầy tình cảm luyến lưu đến giai điệu Phrygia rõ rệt, trầm tĩnh và trang nghiêm.

Ella và những thiếu nữ khác trong đoàn thì học ca hát, nhảy múa và đóng kịch. Trong số đó, Ella là cô gái ca múa giỏi nhất. Ngay khi mới gặp Ella lần đầu, tôi đã có cảm giác quen thuộc lạ thường. Khi ấy tôi vẫn nghĩ cảm giác ấy đến từ việc cô là người đầu tiên lịch sự và giúp đỡ tôi khi tôi đến đây. Nhưng càng tiếp xúc lâu ngày, tôi càng có cảm giác như chúng tôi đã từng quen biết. Đặc biệt khi nhìn cô nhảy múa, tôi càng thấy quen thuộc, như thể trước đây từng nhìn thấy những vũ điệu này. Mỗi bước chân nhịp nhàng, từng cử chỉ uyển chuyển của cô vừa cuốn hút, vừa thân quen. Tất nhiên tôi không chia sẻ cảm giác này với ai, nhưng tôi vẫn thường tìm cơ hội xem Ella nhảy múa.

Suốt tuổi thơ quần quanh trong một ngôi làng hẻo lánh nên kiến thức của tôi rất hạn hẹp. Từ khi sống đời giang hồ cùng người Gitan, tôi mới chứng kiến được nhiều sự kiện khó tin, khiến tôi phải suy nghĩ về những điều được dạy bảo trước đây. Tôi thấy rõ sự tàn bạo của các lãnh chúa đối với dân chúng trong địa phận của họ, chứng kiến sự tham nhũng, hống hách, bá quyền của quân sĩ dưới trướng những lãnh chúa này. Chế độ phong kiến đòi hỏi người dân phải tuyệt đối trung thành với triều đình và lãnh chúa. Các lãnh chúa đều sống trong những lâu đài to lớn, xa hoa, lộng lẫy, được xây dựng bởi sức lao động của các nông nô. Họ đặt ra các luật lệ riêng cho vùng đất của mình nhằm chiếm đoạt tài sản và bóc lột triệt để sức lao động của người dân. Không những thế, các lãnh chúa còn luôn tranh giành, gây hấn nhằm chiếm đoạt đất đai của nhau. Để

duy trì quyền lực, đa số họ đều có lực lượng quân đội riêng và những người trung thành với lãnh chúa sẽ được phong tước hiệp sĩ.

Lúc đó, thế lực có uy tín và ảnh hưởng nhất là Giáo hội nên từ vua chúa đến lãnh chúa đều tìm cách liên kết với tòa Thánh nhằm nhận được sự ủng hộ chính danh. Do đó, vùng nào cũng cho xây cất nhiều giáo đường, tu viện rất lớn và trọng đãi các giáo sĩ. Để có tiền cho việc xây cất, các lãnh chúa đã đặt ra nhiều loại thuế tôn giáo, bắt dân chúng đóng góp tiền bạc hoặc công sức, bất chấp sự nghèo đói khốn khổ của họ. Tại nhiều lãnh địa, lãnh chúa ban các luật lệ vô cùng hà khắc, với những hình phạt nặng nề, gieo rắc sợ hãi nhằm đàn áp dân chúng. Với ảnh hưởng mạnh mẽ của Giáo hội, nhiều lãnh chúa bắt tay với các giáo sĩ để thi hành luật lệ. Việc quyết định có tội hay vô tội được coi là quyền của Thượng Đế, thông qua trung gian là các giáo sĩ. Tòa án thường được tổ chức trong nhà thờ, nơi có sự hiện diện của Thượng Đế. Tại một số nơi, luật pháp bắt tội nhân phải giao đấu với các hiệp sĩ để quyết định số phận. Cuộc đấu diễn ra trước sự chứng kiến của dân chúng. Người thắng được coi là vô tội, vì Thượng Đế đã cho họ thắng, kẻ thua là có tội và phải chịu chết dưới tay đao phủ. Đa số tội nhân đều là những người thường, ít ai có thể thắng trong cuộc giao đấu với những hiệp sĩ vừa có sức lực vừa sử dụng vũ khí thuần thực, biết bao cái chết oan ức đã xảy ra trong những trận đấu này. Cuộc đời phiêu bạt còn cho tôi chứng kiến sự thiệt thòi, vất vả của những người du cư. Đi đến đâu chúng tôi cũng phải đối mặt với sự sách nhiễu của quân lính địa phương. Mỗi khi chúng tôi đến một vùng đất mới, quân lính ở đó đều tìm cớ khám xét, đòi hối lộ, đôi khi vợ vết đến chẳng còn gì. Những bất công, tàn bạo này khiến tôi bắt đầu hoài nghi và tự hỏi, tại sao đều là con của Thượng Đế mà người ta lại đối xử với nhau tàn bạo như thế? Chẳng phải Thượng Đế dạy phải yêu thương tất cả mọi người hay sao? Những giáo sĩ là sứ giả của Thượng Đế, tại sao có thể tiếp tay với những kẻ tàn bạo kia làm những việc trái với ý của Thượng Đế như thế?

Càng cùng nhau trải qua những vất vả, những thiệt thòi này, tôi càng gắn bó với mọi người trong gánh hát. Có một hôm, khi cả đoàn

dừng chân nghỉ ở ven rừng, Gilbert kéo tôi ra một góc, nói nhỏ:

- Jean này, cậu thấy Ella thế nào? Cậu có thích con bé không?

"Tại sao Gilbert hỏi vậy?", tôi tự hỏi. Bất ngờ và bối rối nên tôi không trả lời, chỉ nhìn ông một cách hoang mang. Sống chung với Pedro, anh của Ella, tôi cũng coi cô này như em gái của mình. Thấy vẻ ngờ ngác của tôi, Gilbert cười đầy ẩn ý:

- Gần đây cậu có nghe Ella hát không? Giọng hát của nó chất chứa nhiều cảm xúc hơn trước, đó là dấu hiệu của con gái khi vừa biết yêu.

Tôi phản đối:

- Con thấy lúc nào Ella cũng hát như thế mà.

Gilbert lắc đầu:

- Có lẽ vì cậu chưa hiểu gì về tình yêu nhưng ta thấy nó đã để ý cậu rồi. Con gái Gitan một khi đã yêu ai thì sẽ sống chết với mối tình đó. Cậu không nghe lúc này nó thường hát về mối tình của Eurydice [\[6\]](#) hay sao? Nó đang chờ đợi cậu tỏ thái độ đấy. Ta khuyên cậu đừng để lỡ mất cơ hội tốt đẹp này.

Hôm đó tôi không trả lời Gilbert mà tìm cách lái câu chuyện sang hướng khác, nhưng từ đó tôi đã bắt đầu để ý thái độ của Ella. Tôi nhận ra mỗi khi ca hát, Ella quả thật thường hướng ánh mắt về phía tôi. Ngoài những bài hát thông thường, Ella còn tự soạn những ca khúc ngắn, ca ngợi tình yêu khiến Alfonso cũng phải ngạc nhiên. Là thanh niên mới lớn, tôi cũng có những giây phút xao xuyến trước phái nữ nhưng trước cảm tình của Ella, tôi lại không thấy mình rung động. Dù tôi coi cô như em gái, nhưng tôi vẫn cảm nhận giữa tôi và cô có một khoảng cách rất lớn. Đôi khi, để được yên lòng, tôi tự nhủ khi gặp lại cha tôi, tôi sẽ không còn sống cùng Ella và những người Gitan này nữa mà sẽ sống cuộc đời của giai cấp quý tộc. Đó mới là

cuộc sống đích thực của tôi, tôi đâu thể ràng buộc với những người này đến hết đời.

Không lâu sau, gánh hát của chúng tôi đi đến một ngôi làng nhỏ, tôi và cậu Daniel được phân công đi tìm chỗ dựng sân khấu cho gánh hát biểu diễn. Đang đi thì cậu Daniel đột ngột đứng lại, chăm chú nhìn một người đàn ông mặc áo chùng đang ngồi dưới một gốc cây. Cậu Daniel thận trọng bước tới gần, rồi cậu đột nhiên kêu lên với giọng xúc động:

- Piere! Piere, có phải anh đấy không?

Người nọ ngẩng đầu lên nhìn chúng tôi, sau một giây bối rối, ông ta nhận ra cậu Daniel, mừng rỡ trả lời:

- Tưởng ai chứ! Hóa ra là anh.

Cậu Daniel bước đến bên người kia, hỏi dồn:

- Anh làm gì ở đây? Tôi nghe nói anh đi cùng Robert tham gia Thánh chiến, đã xảy ra chuyện gì? Tôi biết nó đã trở thành lãnh chúa rồi. Còn anh, sao anh lại ở đây một mình, lại còn mặc quần áo như giáo sĩ nữa? Rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì.

Khi còn sống chim chóc ăn sâu bọ nhưng khi chết thì sâu bọ lại ăn chim chóc. Thời gian và hoàn cảnh luôn thay đổi, lúc thế này, khi thế khác, đó là sự tuần hoàn của đời sống. Không điều gì là mãi mãi, nên đừng bao giờ tự hào về mình mà làm thương tổn đến người khác. Cái gì có lên sẽ có xuống, có lúc vinh quang, thì cũng có khi nhục nhã. Do đó, bất cứ làm việc gì cũng phải khiêm tốn và nghĩ đến hậu quả trước khi hành động.

Piere giải thích, giọng u sầu:

- Bốn đứa chúng tôi rời làng tham dự Thánh chiến dưới quyền chỉ huy của Hiệp sĩ Theodor trong đội quân của Bá tước Ulrich. Trải qua nhiều trận đánh với quân Hồi, Bá tước Ulrich tử trận, trong bốn đứa thì chỉ còn Robert và tôi sống sót. Chúng tôi giải phóng đất Thánh, thiêu rụi thành phố của bọn Hồi, chiếm được vô số vàng bạc, châu báu. Khi trở về, triều đình ban phẩm vật và đất đai cho những người có công. Vì Bá tước Ulrich đã chết nên những người theo ông không được triều đình quan tâm, chỉ được ban cho đất đai tại các vùng xa xôi, hẻo lánh. Theodor được phong làm bá tước và ban cho vùng Verden. Ông dẫn theo vài người thân tín đến đất phong nhận thưởng. Trên đường, thừa lúc Theodor ngủ, Robert đã ám sát Theodor, rồi tự nhận mình là ông ấy. Vì có giấy chứng nhận của triều đình nên Robert nghiễm nhiên trở thành lãnh chúa vùng này. Sau đó, Robert gửi tôi vào tu viện học làm linh mục để giúp nó việc cai quản lãnh địa. Tuy nhiên, tôi đâu biết đọc hay viết, vào tu viện cũng chỉ làm việc quét dọn, lau chùi mà thôi. Sau nhiều năm sống trong tu viện, tôi thấy mình không thuộc về nơi đó nên đã trốn ra ngoài. Giờ tôi sống lang thang qua các làng mạc, chút kiến thức học được ở tu viện giúp tôi có thể đóng vai một linh mục.

Daniel gật đầu, gằn giọng:

- Thì ra là thế. Tôi vẫn thắc mắc làm sao một thằng thất học như Robert có thể trở thành lãnh chúa được. Hóa ra nó là đứa phản trắc. Nó còn món nợ với em gái tôi.

Daniel nhìn sang tôi rồi nói thêm với giọng tức giận:

- Babette đã chết từ lâu rồi nhưng con của nó và Robert ở đây. Tôi muốn đưa Jean đến gặp cha nó. Robert có trách nhiệm phải nuôi nấng và lo cho tương lai của con nó đang hoang, tử tế.

Piere lắc đầu:

- Không được đâu, Robert đang làm bá tước dưới tên Theodor, nó đã lập gia đình và có mấy đứa con rồi, làm sao nó lo cho con của Babette được.

Daniel tức giận:

- Khi xưa nó hứa hẹn với tôi đủ thứ, nó phải biết giữ lời, nếu không tôi sẽ cắt cổ nó.

Piere vừa lắc đầu vừa xua tay:

- Không được, bây giờ không còn như xưa đâu. Làm sao anh gặp được nó? Làm sao anh vượt qua quân lính hộ vệ của nó được?

Daniel giật mình nhưng vẫn nói cứng:

- Tôi sẽ tìm cách...

Piere suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Thôi được rồi, nếu anh nhất định đi Verden tìm Robert thì tôi sẽ đi với anh. Tôi cũng có quen biết với người ở đó, sẽ tìm cách thu xếp cho hai cha con nó gặp nhau. Việc sau đó ra sao thì tùy anh quyết định.

Cậu Daniel mừng rỡ gật đầu:

- Thế thì tốt quá. Hiện nay chúng tôi đang đi cùng gánh hát Gitan, chúng tôi vừa dừng chân ở đây. Thời tiết bây giờ cũng dần ấm lên rồi, chúng tôi cũng định sau đợt biểu diễn ở làng này sẽ sắp xếp đi Verden. Bây giờ anh đi cùng tôi về gặp Alfonso, ông ấy là trưởng đoàn của chúng tôi, tôi phải xin phép để anh được gia nhập.

Piere cùng chúng tôi trở về gặp Alfonso. Ban đầu Alfonso thấy Piere ăn vận như linh mục, thì rất đề phòng và phản đối ông gia nhập. Cậu Daniel phải thuyết phục một hồi Alfonso mới đồng ý cho Piere ở lại. Từ đó, Piere nhập bọn với chúng tôi và không lâu sau thì cả đoàn

khởi hành hướng về Verden. Biết Piere là bạn chiến đấu của cha tôi, nên tôi chủ động kết thân với ông để hỏi chuyện. Từ nhỏ ông bà ngoại đã không thích nhắc về cha nên tôi không biết gì nhiều về ông. Cậu Daniel thì cứ nhắc đến cha tôi là nổi giận đùng đùng nên tôi cũng không muốn hỏi. Piere thì khác, ông rất quan tâm tới tôi và hay trò chuyện cùng tôi. Khi tôi hỏi chuyện ngày xưa của cha tôi, Piere thờ dài rồi kể:

- Có lẽ con không biết, khi xưa cậu Daniel của con cầm đầu một đảng cướp chuyên đánh phá, trộm cướp các làng mạc quanh vùng. Để tránh sự truy nã của pháp luật, anh ấy sống nay đây mai đó, ít khi có mặt trong làng. Babette, mẹ của con, là một thiếu nữ ngây thơ, bị Robert dụ dỗ đến mang thai. Tuy nhiên, Robert không chịu cưới nên đã gây ra nhiều tai tiếng, tổn hại danh dự cho gia đình. Hay tin, Daniel liền trở về làng, rạch mặt Robert, bắt nó phải làm đám cưới nếu không sẽ giết nó ngay tại chỗ. Robert phải cắt ngón tay út, thề lấy Babette và chăm lo cho con tử tế thì mới thoát chết được.

Tôi bàng hoàng đến lặng người. Không ngờ sự thật về gia đình tôi lại như thế. Bây giờ, tôi mới hiểu tại sao ông bà ngoại không thích nói đến người cha đã đi xa, mặc cho tôi nhiều gắng hỏi. Tôi đau đớn nhận ra rằng mình không phải là đứa con được sinh ra từ tình yêu của cha mẹ mà chỉ là kết quả của một cuộc tình vụng trộm, dẫn đến một cuộc hôn nhân bất đắc dĩ.

Piere nói tiếp:

- Đời sống lúc đó khổ lắm, hạn hán kéo dài mấy năm liền nên trong làng nhiều người đã chết đói. Lại thêm áp lực từ lãnh chúa bắt phải nộp đủ các loại thuế nên mọi người đều sống rất khổ cực. Do đó, khi có lời kêu gọi tham dự Thánh chiến với lời hứa hẹn tốt đẹp rằng sẽ được thưởng nhiều tiền bạc, đất đai thì đám thanh niên nghèo đói như bọn ta đều hăng hái tòng quân. Một phần vì muốn thoát khỏi cảnh khổ, phần khác hy vọng sẽ giàu sang và nếu có tội lỗi gì thì cũng sẽ được xóa sạch rồi khi chết sẽ được lên thiên đường. Không

ai ngờ là Jerusalem rất xa, phải mất hơn một năm mới đến được nơi này. Khi đến đất Hô, bọn ta bị bao vây trong sa mạc, thiếu lương thực, nước uống, vô số người chết đói, chết khát. May thay, đúng lúc tuyệt vọng thì quân tiếp viện kéo đến, bọn ta công phá vòng vây, tấn công vào Jerusalem. Khi vào trong thành, bọn ta được lệnh thẳng tay giết sạch dân ngoại đạo và gia đình của họ, bất kể người Hô hay người Do Thái. Những ngày sau đó, khắp nơi đều là chém giết, hãm hiếp, cướp bóc, đốt phá. Máu và xác người la liệt khắp đường phố. Khi vào đến trung tâm thành phố, nơi có đền thờ của người Hô, bọn ta hết sức sửng sốt vì ở đó có rất nhiều vàng bạc, châu báu và những thứ đồ quý giá mà cả đời ta cũng chưa từng được thấy.

Tôi ngạc nhiên ngắt lời Piere:

- Người Hô giàu có đến thế sao?

Piere gật đầu, xác nhận với giọng chua chát:

- Đúng thế. Bọn ta ai cũng bất ngờ, không ai biết những kẻ ngoại đạo kia lại giàu có, sung sướng đến thế, trong khi chúng ta, những đứa con của Thượng Đế thì sống nghèo túng, khổ khổ đến cùng cực.

Tôi ngập ngừng:

- Nhưng... nói vậy, các ông có khác gì cướp bóc đâu?

Piere không hề tỏ ra bối rối trước lời buộc tội của tôi:

- Bọn ta chiến đấu khổ cực cũng chỉ mong giàu sang. Vàng bạc của bọn Hô thì ai lấy chẳng được. Vậy nên, mọi người vứt hết vũ khí, giáp trụ để chất đầy vàng bạc vào người, bỏ cả vào các túi vải đeo trên vai. Tiếc thay, niềm vui ngắn chẳng tày gang. Hôm sau, quân sĩ được lệnh phải mang tất cả vàng bạc, đồ quý giá nộp lại cho triều đình. Kẻ nào bất tuân sẽ bị xử tử ngay. Điều này khiến mọi người ngỡ ngàng và vô cùng bất mãn. Tuy nhiên, bọn ta được hứa rằng

mọi thứ chiếm được sẽ được triều đình chia đều cho những người có công. Vậy là mọi người đành búi ngùi nhìn chiến lợi phẩm được cất vào những hòm lớn rồi chất lên các cỗ xe mang về nộp cho triều đình. Không ai dám nghĩ tới việc động tới các cỗ xe này, vì chúng đều được canh giữ cẩn thận bởi những đội quân Hiệp sĩ dòng Đền tình nhuệ.

Tôi ngạc nhiên:

- Nói vậy thì triều đình cũng đâu khác gì cướp bóc?

Piere bật cười:

- Sao con ngây thơ thế? Tài sản, của cải, vàng bạc, mọi thứ có giá trị chiếm được trong chiến tranh đều thuộc về phe chiến thắng. Là kẻ thắng trận, bọn ta có quyền chiếm tất cả để bù vào công lao chiến đấu khó nhọc bao năm trời.

Câu trả lời của Piere càng khiến tôi cảm thấy có gì đó không ổn. Nó hoàn toàn trái ngược với những gì tôi được dạy bảo, rằng "không được tham của người hay lấy những gì không thuộc về mình". Việc kẻ chiến thắng tự cho mình quyền cướp bóc, chém giết, hãm hiếp phụ nữ khiến cho tôi cảm thấy ghê tởm cuộc chiến này.

Piere thở dài:

- Tuy nhiên khi từ chiến trận trở về, bọn ta mới biết rằng chỉ hoàng thân, quý tộc mới được ban thưởng. Bọn lính quèn như bọn ta được cho giải ngũ về quê mà chẳng được gì. Khi ra đi, ai cũng hy vọng sẽ trở về trong vinh quang và giàu sang nhưng lúc trở về chỉ có hai bàn tay trắng với tấm thân đầy thương tích, tàn tạ, bệnh hoạn. Với tình trạng như thế, làm sao bọn ta có thể trở về với gia đình?

Từ trước đến giờ tôi luôn được dạy phải luôn trung thành với triều đình và các lãnh chúa nhưng nhiều năm sống trong cảnh bị áp bức, nay chứng kiến thêm sự tham lam và dối trá của triều đình, lòng tin của tôi đã xuất hiện ít nhiều vết nứt.

Piere kể tiếp với giọng chua chát:

- Khi xưa, bọn ta sống nghèo đói, thiếu ăn nên mới ghi danh tham dự Thánh chiến, coi đó là lối thoát duy nhất để có thể cải thiện đời sống. Nào ngờ bao nhiêu công lao hy sinh lại bị bọn quý tộc ngồi mát ăn bát vàng cướp đi trắng trợn. Ngay như Theodor, người chỉ huy của bọn ta, đã trải qua bao trận sinh tử để rồi cũng chỉ được ban cho vùng đất hẻo lánh Verden. Quá thất vọng nhưng bọn ta không biết làm gì hơn, đành theo Theodor đi nhận đất phong. Trên đường, Robert bàn với ta rằng dù Theodor có lên làm lãnh chúa thì bọn ta cũng vẫn chỉ là lính quèn, không thể giàu được, để thay đổi số phận, chỉ có cách chiếm lấy thân phận của Theodor. Đợi đúng lúc Theodor ngủ, Robert ám sát ông ta, cướp chứng thư ủy nhiệm, giả mạo Theodor để lên làm lãnh chúa đất Verden. Vì chuyến đi đó Theodor chỉ dẫn theo hai người thân cận là ta và Robert, nên việc này chỉ có hai người bọn ta biết mà thôi. Để giữ bí mật, khi lên làm lãnh chúa Robert đã gửi ta vào tu viện để học làm giáo sĩ và hứa xây cho ta một thánh đường lớn để cai quản dân chúng Verden. Nhưng ta vốn chỉ là một kẻ thất học, vào tu viện thì cũng chỉ có thể làm những việc vặt mà thôi. Đời sống trong đó buồn chán, khắc khổ nên sau một thời gian, ta bỏ trốn ra ngoài, sống lang thang rồi gặp con và Daniel.

Tôi buồn bã không nói nên lời. Hình ảnh người cha oai hùng chiến đấu vì lý tưởng mà tôi vẫn ấp ủ từ nhỏ giờ hóa thành một kẻ sát nhân, tham lam và phản trắc. Lý tưởng tốt đẹp về một cuộc chiến giải phóng thánh địa Jerusalem lại bị các vua chúa lợi dụng, biến thành một cuộc cướp bóc trắng trợn. Từ đó, tôi bắt đầu suy nghĩ về những điều đã được dạy bảo khi xưa, những giá trị mà mọi người công nhận. Tại sao thực tế lại khác xa những điều được dạy? Tại sao những người vẫn tự hào là con của Thượng Đế lại có thể làm trái với lời dạy của Ngài như thế? Sau nhiều đêm suy nghĩ không có lời giải, tôi mang điều này đi hỏi Mona, người tôi tin tưởng nhất hiện nay.

Sau khi nghe tôi trình bày, Mona im lặng một lúc rồi nói:

- Mọi giá trị về tốt xấu, đúng sai được đặt ra là nhằm tạo trật tự cho xã hội. Đó chỉ là những ước lệ mang tính tương đối và được mọi người chấp nhận mà thôi, nhưng chính con sẽ phải tự xác định điều gì là đúng, điều gì là sai rồi lựa chọn hành động cho mình. Dĩ nhiên đôi khi con sẽ gặp những trường hợp mơ hồ, khó xử, khiến con không quyết định được. Vì điều đúng ở nơi này lại có thể sai ở nơi khác, tại xứ này điều đó là tốt nhưng ở xứ khác điều đó lại là không chấp nhận được.

Tôi bối rối:

- Vậy thì con phải dựa vào đâu để quyết định cho đúng?

Mona trả lời:

- Khi gặp trường hợp khó xử như thế thì ta khuyên con hãy quyết định theo tiêu chuẩn đạo đức bằng cách tự hỏi điều này có gây thiệt hại, thương tổn cho người khác không. Nếu làm gì cũng chỉ chăm chăm có lợi cho mình bất kể tổn hại người khác thì quyết định đưa ra chắc chắn là sai lầm.

Tôi hỏi Mona ngay:

- Nói vậy thì việc giết chóc, cướp đoạt vàng bạc, tài sản của bọn ngoại đạo là sai lầm sao?

Mona gật đầu:

- Đúng vậy. Theo ta, hành động đó thật sự rất đáng trách. Thượng Đế không bao giờ dạy các con của Ngài hành xử như thế. Họ đã quên hết những lời dạy bảo khi xưa, rằng phải biết tha thứ và yêu thương mọi người, dù là kẻ thù, bởi tất cả đều là con của Thượng Đế. Lòng tham đã khiến mọi người mù quáng, rời xa hẳn mục đích ban đầu, làm gì cũng chỉ muốn có lợi cho mình, làm sao để thu lợi được nhiều nhất, bất kể người khác thiệt hại ra sao. Lòng tham khiến mọi người không bao giờ biết đủ nên sẵn lòng làm bất cứ điều gì, kể cả việc chém giết, chiếm đoạt, cướp bóc, khiến đời sống ngày

càng tồi tệ hơn. Từ lòng tham sẽ dẫn đến tranh chấp, rồi đưa đến chiến tranh, mà dân chúng chính là tầng lớp phải chịu khổ nhất. Vua chúa và quý tộc chỉ nghĩ đến quyền lợi của họ, chỉ muốn gom góp vàng bạc, của cải, đất đai chứ đâu để ý gì đến những nỗi khổ mà người dân phải gánh chịu. Do đó, là một người con của Thượng Đế, con phải biết mở rộng lòng thương đến tất cả mọi người, bất kể họ là ai, và con không bao giờ được làm gì trái với lời khuyên của Ngài.

Lúc đó tôi không hiểu hết những gì Mona nói, nhưng tôi luôn ghi nhớ lời bà và thường ngẫm nghĩ về tình thương không phân biệt mà bà nói đến.

Đoàn chúng tôi vẫn cách Verden rất xa, nhưng tôi cũng không còn nôn nóng muốn gặp cha, ngược lại, tôi còn muốn đường đi dài hơn để có thể trì hoãn cái ngày phải đối diện với ông. Gánh hát vẫn thường chọn đi theo tuyến đường rừng để tránh sự quấy nhiễu của quân lính địa phương. Hôm đó chúng tôi đang sắp ra khỏi một khu rừng rậm thì thấy một đám khói đen bốc lên từ hướng ngôi làng phía trước. Cả đoàn thúc ngựa tiến về phía ngôi làng. Khi đến gần, chúng tôi bắt đầu lo lắng vì bầu không khí vắng lặng, ngột ngạt một cách lạ lùng. Không một bóng người, không một âm thanh. Chúng tôi do dự nhưng rồi Alfonso vẫn quyết định vào làng. Đi được một đoạn, chúng tôi thấy trước mặt là một đám đông đang tụ tập, có vẻ cả làng đã tụ lại đây, thảo nào bên ngoài lại vắng vẻ đến thế. Có tiếng la hét và cả tiếng khóc. Đến gần hơn thì tôi nhận ra đám đông kia đang la hét, xua đuổi một người. Người này mặc áo choàng rộng che kín từ đầu đến chân, tay cầm một cái chuông nhỏ kêu leng keng, chân bước đi vô cùng khó nhọc. Tôi cũng thoáng thấy hai người phụ nữ một già một trẻ đang ôm nhau kêu khóc phía sau đám đông. Trong lúc tôi vẫn đang ngạc nhiên, vừa định quay sang hỏi cậu Daniel thì đã nghe Gilbert hét lên với cả đoàn:

- Tất cả cẩn thận, đừng đến gần người đó.

Tôi hỏi:

- Tại sao vậy? Mọi người đang làm gì thế kia?

Gilbert trả lời với giọng căng thẳng:

- Người đó bị bệnh cùi. Con không thấy mọi người đang xua đuổi hắn sao?

Alfonso thấy vậy lập tức lệnh cho cả đoàn lùi lại, nép vào một bên. Gilbert giải thích thêm:

- Những người bị bệnh này phải cầm một cái chuông, liên tục rung lên để mọi người biết mà tránh xa, vì bệnh này không thể chữa được mà đến gần thì rất dễ lây.

Ngay lúc đó một cơn gió mạnh thổi qua làm chiếc khăn trùm lên mặt của người đó bị thổi bật ra phía sau. Tôi giật mình khi thấy một khuôn mặt đầy mụn nhọt với con mắt sâu hoắm, chiếc mũi xẹp xuống trông rất ghê rợn. Đám đông tiếp tục la hét, xua đuổi người đó ra khỏi làng. Đoàn hát dừng lại ở bên đường chờ đám đông xua đuổi người kia ra tận cánh rừng gần đó. Đợi căng thẳng lắng xuống Alfonso bắt chuyện với một người dân trong làng, hỏi:

- Kẻ bị bệnh cùi đó ở đâu đến sao?

Người kia lắc đầu:

- Không. Hắn là người làng này nhưng mắc bệnh nên bắt buộc phải sống tại những nơi dành riêng cho người cùi. Tuy nhiên vì nhớ gia đình nên hắn trốn ra, trở về nhà. Vì vậy chúng tôi phải đuổi hắn đi.

Vì Mona là người giỏi y thuật, chuyên bào chế các loại thuốc chữa bệnh nên tôi hỏi bà:

- Mona, bệnh cùi có thể chữa được không?

Mona lắc đầu:

- Rất tiếc, ta không biết cách chữa bệnh này. Bệnh tật thường được xếp theo nguyên nhân từ bên ngoài như gãy tay, trật xương, hay bên trong như bệnh bao tử, bệnh tim. Nếu đã biết nguyên nhân thì có thể chữa được. Tuy nhiên có những thứ bệnh lạ lùng, không ai biết nguyên nhân thì không thể chữa được. Ta cũng chưa nghe nói có ai chữa được bệnh cùi.

Nghe thế, Piere nói ngay:

- Các chứng bệnh lạ lùng ấy là do Thượng Đế trừng phạt đấy.

Mona ngạc nhiên:

- Piere, tại sao ông lại nói thế?

Piere giải thích:

- Hồi ở tu viện tôi nghe các linh mục nói rằng có những kẻ tôn thờ quỷ Satan, chống lại Thượng Đế nên Ngài trừng phạt bằng cách khiến cho họ mắc những căn bệnh không thể cứu chữa, như bệnh cùi chẳng hạn.

Mona lắc đầu:

- Tôi không tin. Thượng Đế thương yêu tất cả thì làm sao có chuyện Ngài trừng phạt con người như thế được.

Piere cãi:

- Bà không sống trong tu viện nên không biết điều này. Các linh mục còn dạy rằng khi nào có bốn kỵ sĩ khải huyền xuất hiện thì loài người sẽ bị tận diệt. Kỵ sĩ đầu tiên, người cưỡi ngựa trắng là kẻ chinh phạt, là quỷ Satan, dụ dỗ và kích động mọi người chống lại Thượng Đế. Kỵ sĩ thứ hai, người cưỡi ngựa đỏ, là kẻ gieo rắc thù hận, gây ra chiến tranh. Kỵ sĩ thứ ba, người cưỡi ngựa đen, đại diện cho sự khan hiếm lương thực, gây ra nạn đói, khiến người chết vô số kể. Kỵ sĩ thứ tư, người cưỡi ngựa xám chính là thần chết, mang đến vô số

kiểu tai ương chết chóc như ôn dịch, đói kém và giết chóc. Họ chính là đại diện cho ngày tận thế. Hiện nay quỷ Satan đã xuất hiện tranh đấu với Thượng Đế nên mới có các chứng bệnh không thể cứu chữa như thế, ít lâu nữa sẽ có các dịch bệnh ghê gớm hơn lan tràn khắp nơi rồi chiến tranh sẽ xảy ra, ngày phán xét cuối cùng sẽ đến. Khi đó chỉ một số rất ít người được cứu rồi lên Thiên Đường còn phần lớn những kẻ xấu ác sẽ bị đày xuống địa ngục và sống ở đó mãi mãi.

Cả đoàn nghe Piere nói thế liền xôn xao, Mona ra hiệu cho tất cả im lặng. Bà nói với Piere:

- Tuy tôi không sống trong tu viện như ông, nhưng tôi tin Thượng Đế không bao giờ làm thế. Ngài dạy chúng ta yêu thương và Ngài yêu thương tất cả mọi người, không thể có chuyện Ngài trừng phạt con người một cách ghê gớm như thế được.

Piere lắc đầu vừa định phản đối thì Mona đã nói tiếp:

- Nếu không có tình thương của Thượng Đế thì vũ trụ sẽ tan rã. Không có tình thương thì không có trật tự, cái còn lại chỉ là một sự hỗn loạn vô tận. Không những Thượng Đế đã tạo ra vũ trụ, mà bằng tình thương, Ngài còn tạo ra loài người. Ngay như con của Ngài là Chúa Jesus cũng đã khẳng định: "Thượng Đế là tình thương".

Mona vừa nói đến đó, chẳng hiểu sao tôi nghe một luồng khí lực mạnh mẽ quét qua người tôi, khiến tôi run lên, choáng váng. Tôi có một cảm giác mơ hồ rằng mình đã từng nghe câu nói này trước đây. Piere nhún vai không đồng ý, nhưng có vẻ không muốn tranh luận thêm nên ông chỉ cười nhạt. Nhưng tôi thì rất quan tâm đến điều Mona vừa nói, nên đã hỏi bà:

- Nhưng Mona, nếu Thượng Đế là tình thương thì tại sao trên đời lại có những căn bệnh ghê gớm, không thể cứu chữa như thế?

Mona nhìn tôi rồi nói:

- Jean, Thượng Đế làm việc một cách âm thầm và bí mật nên ta không thể biết được những gì Ngài làm, nhưng ta tin Ngài hành động vì một lý do nào đó.

Tôi lại hỏi:

- Vậy các bệnh tật khác thì sao? Tại sao lại có bệnh tật?

Mona giải thích:

- Hầu hết mọi bệnh tật xảy ra đều do con người gây ra chứ không phải do ai khác, càng không phải do Thượng Đế. Bệnh tật bắt nguồn từ việc con người không sống thuận theo các luật lệ hài hòa và quân bình của tự nhiên. Đa số đều sống bằng cảm xúc, bị các cảm xúc như giận dữ, hận thù, ghen ghét, tham lam, ích kỷ chi phối nên bệnh tật theo đó mà kéo đến. Do đó việc chữa trị bệnh tật cũng phải thông qua việc kiểm soát các cảm xúc này, bắt đầu từ điều chỉnh cách ăn uống, tiết kiệm sinh lực, thay đổi cách sống, bớt hận thù, giận dữ, tham lam và ích kỷ, sau đó kết hợp sử dụng các liệu thuốc từ các loài thảo mộc, cây cỏ có dược tính để tái tạo sự quân bình cho cơ thể. Các mầm bệnh này đều liên quan đến các cảm xúc từ bên trong, chúng nằm sẵn trong con người chỉ chờ cơ hội thuận tiện để phát sinh. Những người không biết kiểm soát các cảm xúc tiêu cực như lo lắng, giận dữ, hận thù hay tham lam, ích kỷ đều mang sẵn những mầm bệnh này. Dĩ nhiên chúng không phát sinh ngay khi con người còn khỏe mạnh nhưng sẽ phát sinh khi cơ thể bắt đầu suy yếu và đến khi đó có thể quá muộn. Do đó muốn chữa bệnh cần phải chú ý đến cả hai yếu tố, sử dụng thuốc men cho điều hòa thân xác nhưng muốn chữa tận gốc thì phải quan tâm đến nguyên nhân bên trong. Nói khác đi, nếu chỉ chữa bệnh về mặt thể chất thì chưa đủ, mà còn phải lo cả phần tinh thần nữa.

Đúng lúc đó một người dân làng đi qua nói với Alfonso, tay chỉ về phía khu rừng bên kia làng:

- Khu rừng vừa rồi các ông đi qua thì không sao, nhưng nếu các ông đi tiếp qua cánh rừng bên kia thì phải cẩn thận. Đó là nơi sinh sống

của những người mắc bệnh cùi. Miền này tương đối hoang vu, xung quanh đều là rừng núi, nằm xa các thành phố lớn nên triều đình đã cho tập trung những người mắc bệnh cùi, bắt họ sống tại đây. Nhiều người mắc bệnh nhưng chưa phát tác đã trốn ra sống trà trộn với dân chúng nên nhiều người cùng bị lây.

Lời cảnh cáo của người kia khiến cả đoàn lo sợ và hoang mang. Alfonso quyết định chúng tôi sẽ đi vòng ra tuyến đường đồng cỏ thay vì đi đường rừng. Đoàn chúng tôi cũng không ở lại ngôi làng này mà chỉ thu gom một ít lương thực rồi lập tức rời đi. Nhưng chỉ mấy hôm sau, đoàn chúng tôi lại chạm trán với một nhóm người mắc bệnh cùi. Hôm đó, gánh hát đang di chuyển ngang một cánh đồng thì nghe từ xa vọng lại những tiếng chuông leng keng. Alfonso lập tức cảnh giác, lệnh cho cả đoàn di chuyển lên một gò đất cao để tránh. Khi đã giữ một khoảng cách an toàn, chúng tôi dừng lại, nhìn về hướng phát ra tiếng chuông thì thấy một đoàn người mặc quần áo trùm kín từ đầu đến chân, di chuyển theo hàng. Họ vừa đi vừa lắc chuông, vừa đồng thanh hô lớn: "Chúng con là những kẻ có tội". Đợi họ đi khuất, Gilbert giải thích:

- Đó là những người mắc bệnh cùi đang xin chuộc tội. Họ còn thường tự hành hạ thân xác mình bằng cách sử dụng những que sắt nóng dí vào thân thể, một phần để chữa ngứa ngáy trên thân thể, một phần để xin chuộc tội.

Piere nghe thế lại nhắc lại:

- Đó là những kẻ tin theo quỷ Satan nên Thượng Đế đã trừng phạt họ.

Mona lập tức phản bác, giọng điệu của bà thể hiện rõ sự bất bình:

- Làm sao ông biết họ bị trừng phạt? Thượng Đế vốn nhân từ, làm gì có việc Ngài làm thế chứ.

Piere cũng không chịu thua, ông hỏi vặn:

- Làm sao bà biết họ không phải đang bị trừng phạt? Nếu không phải Thượng Đế thì ai có thể tạo ra các thứ bệnh tật ghê gớm như thế được? Lúc này quỷ Satan đã xuất hiện, khiến nhiều người mất niềm tin vào Thượng Đế, không còn biết phải trái nữa mà chỉ biết tranh giành, lừa đảo, cướp đoạt mọi thứ có thể. Người ta đang làm mọi việc xấu xa, bất chấp luân lý đạo đức. Các tranh cãi từ trong gia đình đã lan ra xã hội, không ai còn kiêng nể gì nhau nữa. Chồng không ra chồng, vợ không ra vợ, con cái hư hỏng, lêu lổng tụ tập cướp phá. Vì mọi người đều mê muội nên tình trạng bạo động xảy ra khắp nơi đấy thôi.

Mona lộ rõ vẻ bất mãn, nhưng vì không muốn tranh cãi với Piere nên bà quay sang bọn trẻ chúng tôi và nói:

- Theo ta, khi một biến cố nào đó xảy ra thì người ta rất dễ đổ lỗi cho ai đó khác. Nhưng tình trạng loạn lạc của xã hội là do con người mù quáng, tham lam tranh giành chứ không phải Thượng Đế trừng phạt ai hết. Lúc làm chuyện xấu thì không chịu suy nghĩ, cứ làm bừa bãi bất kể mọi sự nhưng khi hậu quả xảy đến thì chỉ biết lạy lục cầu xin, mong được chuộc tội. Liệu có ích gì? Do đó, điều các con cần nhớ là đừng bao giờ làm gì mà không nghĩ đến hậu quả.

Gánh hát tiếp tục di chuyển lên miền Bắc về hướng Verden. Từ tin tức thu thập được từ những người qua đường, chúng tôi biết được dịch bệnh hiện nay đang hoành hành ở khắp nơi, người chết, người bị dày nhiều vô kể. Không ai biết nguồn gốc của dịch bệnh. Có đủ loại tin đồn xuất hiện, trong đó đa số tin rằng đây là sự trừng phạt của Thượng Đế. Trong khi nhiều người sợ hãi tìm cách sám hối mong được chuộc tội thì cũng có không ít người mất niềm tin, xoay ra làm đủ việc xấu xa, bất kể luân lý, không màng đạo đức. Đối diện với cái chết đe dọa, nhiều người chẳng còn kiêng nể gì nữa mà muốn làm gì thì làm. Bao giận dữ chất chứa tuôn ra, hận thù dâng cao. Mọi người đều như điên cuồng, ẩu đả và bạo động xảy ra khắp nơi. Toàn thể trật tự xã hội đã hoàn toàn lung lay.

Một lái buôn đi nhiều nơi kể với chúng tôi rằng ngay cả trong triều đình cũng không tránh được dịch bệnh. Vua chúa và quan lại cũng có người mắc bệnh, khiến sự nghi kỵ và đối đầu diễn ra vô cùng căng thẳng. Thêm nữa, triều đình đã kêu gọi người dân tham gia cuộc Thánh chiến mới dù dư âm của trận chiến cũ vẫn còn đây, khiến lòng người càng thêm rối loạn.

Gánh hát chúng tôi đến Verden vào buổi chiều. Alfonso cho dừng ngựa để hạ trại tại cánh đồng ở rìa địa phận Verden rồi để tôi và Daniel vào thành phố. Dù từ nhỏ tôi vẫn luôn ao ước gặp được cha nhưng sau khi nghe câu chuyện Piere kể về ông, mọi hy vọng và háo hức khi xưa của tôi đã dần tan biến. Tuy ông là người sinh ra tôi, nhưng ông đã bỏ đi từ khi tôi còn nhỏ, liệu ông có còn nhớ gì đến tôi, liệu ông có muốn nhận lại tôi? Liệu ông có phải là người cha mà tôi hằng mơ ước? Khi tôi quyết định rời nhà theo cậu Daniel, ngoài mục đích được nhận lại cha, tôi còn âm thầm mơ đến một đời sống thoải mái, sung sướng hơn của giai cấp quý tộc, nhưng đến lúc này, tôi bỗng thấy đầy hoài nghi. Nếu cha tôi không nhận lại tôi thì sao? Tôi nghĩ lại thời gian chung sống cùng những người Gitan, lang thang từ nơi này qua nơi khác, lúc đói, lúc no, khi vui, khi buồn, và tôi bỗng cảm thấy một niềm tiếc nuối sâu sắc, tựa như tôi sắp mất đi một cái gì quý báu. Những người Gitan này đã chấp nhận tôi, đối xử với tôi như những người trong gia đình. Nhưng nếu tôi trở thành người quý tộc, hẳn nhiên tôi không thể có quan hệ gì với những người lang thang, bị xã hội coi thường như họ. Tôi thoáng nghĩ tới Ella và tình cảm mà cô dành cho tôi. Ngay từ đầu, ước muốn trở thành người quý tộc đã ngăn tôi có bất kỳ tình cảm gì với cô, càng không thể đáp lại tình cảm của cô.

Đang chìm trong những suy nghĩ rối bời, tôi chợt nghe thấy tiếng hô của một người đàn ông. Một người nông dân đã già đánh xe ngựa ngang qua đoàn chúng tôi đã dừng lại, ông nói với Alfonso:

- Nay các ông, các ông nên đi nơi khác trình diễn đi. Ở đây không ai đến xem đâu. Nơi này đã không còn an ninh nữa.

Alfonso ngạc nhiên:

- Tại sao thế, năm ngoái chúng tôi đã từng trình diễn tại đây mà đâu có chuyện gì?

Người này lắc đầu nói:

- Hiện nay mọi sự khác rồi.

Nhìn vẻ ngạc nhiên của chúng tôi, ông giải thích:

- Khi triều đình lần nữa kêu gọi tiến hành Thánh chiến, vị lãnh chúa nơi đây đã ra lệnh mọi trai tráng trong vùng phải tham gia. Có lẽ ông cũng biết, trong cuộc Thánh chiến lần trước, những người ra đi không mấy ai trở lại. Nhưng vì đó là lệnh triều đình, được Giáo hội công nhận nên lần này dân chúng cũng phải nghe theo. Không ai ngờ sau khi trai tráng ra đi, lãnh chúa đã lộ rõ dã tâm tham lam của mình. Ông ta thu dụng hầu hết ruộng vườn của các gia đình không còn trai tráng. Mặc dù ông ta cũng phân chia một số đất đai cho dân chúng trồng trọt để sống nhưng thật ra ông chỉ lợi dụng cơ hội để thu vét các nông sản và tích trữ trong kho thực phẩm của mình. Năm nay lại hạn hán, mùa màng thất thu, dân chúng đói khổ, nhiều người chết đói... Đời sống tại Verden lúc này khổ sở lắm. Vậy mà lãnh chúa vẫn thẳng tay thu thuế để làm giàu cho đời sống huy hoàng của mình và những gia đình quý tộc ủng hộ ông ta.

Cậu Daniel tiến lên hỏi:

- Nhưng có chuyện gì xảy ra mà nơi này không còn an toàn?

Người đàn ông thở dài:

- Vừa qua, có một số người tham dự Thánh chiến sống sót trở về. Họ chẳng được triều đình ban thưởng gì, một số còn mang thương tật, nên vô cùng bất mãn. Khi thấy nhà cửa, ruộng đất của mình đã bị thu dụng, gia đình vợ con đói khổ thì họ vô cùng giận dữ. Một nhóm phát động nổi loạn, rồi đông đảo người hưởng ứng theo. Họ

thi nhau đốt phá các kho chứa nông sản của lãnh chúa. Quân sĩ được gửi đến để giữ trật tự nhưng không chống nổi những người từ chiến trận trở về đang sục sôi lửa giận. Trong trận giao tranh, lãnh chúa đã bị thương nặng, quân sĩ không người chỉ huy nên đã tan rã. Một số quân sĩ cũng đã bắt mất sẵn nên thuận theo chiều hướng bất lợi này mà xoay qua làm giặc cướp. Hiện nay, nơi đây không còn phân biệt ai là giặc ai là lính, dân chúng cũng tràn ra đường đập phá, cướp kho chứa thực phẩm, tình trạng hỗn loạn vô cùng. Pháp luật không còn tồn tại ở đây, các ông nên đi nơi khác thì hơn.

Daniel suy nghĩ rồi nói với tôi:

- Nếu quân sĩ không còn bảo vệ lãnh chúa thì muốn gặp cha con cũng dễ hơn. Nhưng hắn đã thất thủ rồi, con có còn muốn gặp hắn không?

Tôi do dự một chút rồi cũng gật đầu. Alfonso nghe vậy liền nói:

- Daniel, nhanh chân đưa Jean đi gặp cha nó, giao cho hắn rồi trở về đây ngay. Ta không muốn dừng lại nơi bất ổn như thế này quá lâu.

Tôi bị rịn từ giã các bạn trong gánh hát, những người coi tôi như gia đình. Pedro xúc động nắm chặt tay tôi trong khi Ella khóc sụt sùi. Mona ôm lấy tôi, dịu dàng nói:

- Ta mừng cho con gặp lại cha mình nhưng hãy nhớ chúng ta cũng là gia đình của con.

Daniel và Piere đưa tôi vào thành phố. Đi đến đâu cũng gặp cảnh hoang tàn, đổ nát. Chúng tôi len lỏi qua các khu phố hẹp để tránh các cuộc ẩu đả đang diễn ra. Mất nhiều thời gian chúng tôi mới đến được lâu đài của lãnh chúa. Khi đến nơi, khác với cảnh tượng uy nghi thường thấy ở các lâu đài lãnh chúa, nơi đây không một bóng quân sĩ canh gác, khắp nơi là dấu vết giao tranh. Cậu Daniel ra hiệu cho tôi cẩn thận, chúng tôi thận trọng len vào trong. Vào đến bên

trong, chúng tôi thấy một toán người đang hối hả khuân vác mọi thứ chạy ra ngoài. Cậu Daniel nín một người lại hỏi:

- Chuyện gì vậy?

Người kia trả lời:

- Lãnh chúa chết rồi, quân đội tan rã, lúc này mạnh ai lấy được gì thì lấy. Các ông muốn tranh thủ cơ hội thì nhanh lên.

Nói xong người kia chạy đi mất hút. Cậu Daniel kéo tôi vào sảnh đường, nơi nhiều người đang reo hò, đập phá, tháo dỡ các thứ quý giá mà họ có thể lấy được. Cậu Daniel tiếp cận một người trong đám đó và hỏi lãnh chúa đang ở đâu. Theo tay chỉ của người này, chúng tôi liền men theo hành lang dẫn đến căn phòng, nơi có một người phụ nữ đang gục đầu khóc bên cạnh chiếc ghế lớn. Ngồi trên đó là một người đàn ông to lớn, trên mặt có vết sẹo dài từ trán xuống cằm.

Cậu Daniel kéo tôi đến gần rồi quát lên với người đàn ông kia:

- Này Robert, mày có nhận ra tao không?

Dưới ánh nến chập chờn, tôi thấy rõ trên mặt và cổ người này đầy những vết thương, máu me be bét. Tôi kinh hãi không nói nên lời. Cậu Daniel chỉ vào tôi:

- Robert, mày có biết thằng nhóc này là ai không?

Người kia ngược mắt nhìn tôi nhưng cặp mắt đã lơ đãng, mất hết sinh khí. Người phụ nữ cạnh đó lên tiếng:

- Người là ai mà dám ăn nói với chồng ta như thế? Robert là ai? Đây là lãnh chúa Theodor, các người nên liệu hồn.

Cậu Daniel bật cười:

- Bà hãy hỏi chồng bà xem chúng tôi là ai? Này Robert, mày hãy nói cho vợ mày biết...

Bất chợt người đàn ông trên ghế thêu thào, run rẩy:

- Đừng... Đừng... Babette, ta biết ta có lỗi, em đừng kéo ta xuống đó.

Người phụ nữ kia ngạc nhiên hỏi:

- Theodor! Theodor! Anh làm sao vậy? Anh đang nói gì vậy? Ai là Babette?

Cậu Daniel cũng nghi hoặc:

- Mày đang nói gì thế? Babette chết từ lâu rồi, chỉ có thằng con mày ở đây thôi. Nhìn đi!

Người kia mở mắt trừng trừng:

- Không... Babette đang đứng ở góc kia kìa.

Chúng tôi nhìn quanh, nhưng không có ai khác trong phòng. Người phụ nữ đang quỳ bên chân Robert hoảng loạn nói:

- Em là Agnes đây, Theodor. Anh làm sao thế?

Người đàn ông thở hổn hển như sợ hãi một điều gì, rồi đột nhiên rú lên:

- Theodor, xin ông... Tha cho tôi... Tôi không muốn chết...

Piere lo lắng nhìn quanh rồi lẩm bẩm:

- Lạy Chúa, nó nhắc đến tên hiệp sĩ Theodor.

Người kia vẫn xin:

- Tha cho tôi... Xin ông, Theodor, tha cho tôi...

Trước tình cảnh điên loạn của người đàn ông, cậu Daniel lắc đầu:

- Tao muốn cho thằng Jean gặp cha nó, rồi cha con mày lo lắng cho nhau. Không ngờ...

Piere cúi sát xuống ngực người kia nghe ngóng rồi lắc đầu:

- Vết thương nặng quá, hơi thở đã yếu lắm rồi, khó có thể sống được.

Người kia hơi thở ngày càng nặng nhọc, khuôn mặt trắng nhợt, nhưng vẫn không ngừng lẩm bẩm:

- Xin giúp tôi, đừng cho chúng kéo tôi đi... Tôi không muốn đi... Xin đừng kéo tôi xuống đó.

Tôi đứng chết trân, toàn thân tê liệt. Đây là người cha mà tôi vẫn luôn ao ước được gặp sao? Đây là người đã sinh ra tôi sao? Sao tôi cảm thấy xa lạ đến vậy? Ông thấy gì trong lúc gần đất xa trời như thế? Ông thấy mẹ tôi, người ông đã phụ bạc và khiến bà chết đi trong cô độc sao? Ông thấy Theodor, người coi ông là thân tín nhưng ông đã phản bội và sát hại để cướp thân phận lãnh chúa sao? Rốt cuộc cha tôi đang cảm thấy gì trong giây phút cuối đời này? Ông có nhận ra tôi không? Ông có từng nhớ tới tôi không? Bao câu hỏi tiếp tục xoay chuyển trong đầu tôi mà chẳng có cách nào thoát ra. Daniel quan sát sắc diện của Robert rồi nói với tôi:

- Cha con sắp chết rồi, con muốn nói gì thì nói đi. Chúng ta không có lý do gì để lưu lại đây nữa. Phải nhanh chóng rời khỏi.

Tôi muốn nói vài câu với cha nhưng cổ họng cứ nghẹn lại, nên tôi cứ đứng đó nhìn ông giãy giụa trong sợ hãi cho đến khi mắt ông trợn ngược, hơi thở lịm đi. Ông đã chết.

Liền lúc đó có tiếng chân bước dồn dập kéo tới, rồi một đám người chạy vào phòng. Thấy lãnh chúa đã chết, họ bắt đầu đua nhau tháo dỡ những đồ trang hoàng trong phòng, có kẻ còn cố gắng tháo chiếc nhẫn trên tay của ông. Một người quát lớn:

- Đem xác tên khốn này treo ở quảng trường cho mọi người xem đi.

Đám đông liền xúm lại, lôi xác ông ta đi. Người phụ nữ tên Agnes xông đến, cố cản đám người đó lại nhưng đã bị một người khác túm lấy tóc, xô ngã xuống đất.

Tôi định xông lên cản nhưng cậu Daniel lập tức ngăn lại:

- Đừng làm chuyện ngu ngốc. Trong tình thế này, không làm được gì nữa đâu. Mau đi thôi, không thể ở đây thêm được nữa.

Cậu Daniel kéo tôi ra khỏi phòng. Tôi bước đi như người bị mộng du vì vẫn còn xúc động bởi hình ảnh người cha vừa ra đi trong đau đớn kia.

Piere hỏi:

- Anh định đưa nó trở về với gánh hát hay sao?

Cậu Daniel nói vội:

- Thăng Robert chết rồi, ở đây nguy hiểm. Ra khỏi đây rồi tính sau.

Ra đến đường phố, tình hình đã tồi tệ hơn rất nhiều. Mọi thứ đều đã đổ nát, đám đông thì dường như đã phát điên. Tiếng kêu khóc, tiếng la hét, tiếng vũ khí chạm nhau nghe vô cùng ghê rợn. Tôi nghe rõ có người kêu lớn:

- Giết bọn quý tộc, giết hết bọn quý tộc!

Chúng tôi gặp một đám quân sĩ đang lôi kéo một số phụ nữ, mặc cho những người này kêu la, gào khóc thảm thiết.

Piere hoảng hốt nói:

- Chúa ơi, mọi người điên loạn hết rồi.

Cậu Daniel bình tĩnh:

- Tìm đường tránh đi, phải trở về gánh hát ngay.

Chúng tôi cắm đầu chạy về phía cánh đồng nơi đoàn xe của gánh hát đang dựng trại. Đến gần, cậu Daniel hét lớn:

- Dỡ trại đi. Rời khỏi đây ngay.

Alfonso ngạc nhiên:

- Hai người đã gặp cha của Jean chưa?

Daniel hỏn hển đáp:

- Chuyện này để sau hãy nói. Ở đây không an toàn, phải đi ngay. Đi ngay!

Mọi người hốt hoảng vội vã thu dọn mọi thứ và thúc ngựa ra khỏi Verden. Vừa đi được một quãng ngắn, chúng tôi chạm trán với một nhóm quân sĩ đang lục xét, cướp bóc của những người dân chạy loạn. Tiếng người kêu khóc vang rền. Chúng tôi chưa kịp quay xe đi hướng khác thì một tên lính đã nhìn thấy, hấn kêu lớn:

- Nhìn kia, bọn Gitan đấy, bắt chúng lại ngay.

Alfonso vội vã kéo ngựa quay sang hướng khác để tìm lối thoát nhưng đám lính đã xông đến. Gilbert và Daniel rút gươm ra kháng cự để đoàn hát có cơ hội chạy thoát. Tôi cũng nhanh chóng nhảy ra khỏi xe để tiếp viện. Gilbert không cầm cự được lâu, sau khi phóng hết số dao trên người, ông bị trúng liền mấy mũi giáo. Cậu Daniel vốn thiện chiến hơn nên hạ được mấy tên lính nhưng sau đó cũng bị bao vây bởi đám lính hung hăng khác. Tôi không có kinh nghiệm chiến đấu nên vừa xông vào đã bị trúng mấy nhát giáo, máu tuôn xối

xả. Một người lính thúc ngựa chồm lên khiến tôi ngã xuống đất. Hấn quay ngựa lại toan bồi thêm một nhát kiếm chí mạng nhưng ngay lúc đó, tôi vùng lên túm tay y kéo ngã xuống đất. Tiện đà, tôi nhảy lên bám vào cổ ngựa. Con ngựa nhảy chồm lên rồi phóng như điên ra khỏi đám người đang đánh nhau. Tôi không kìm con ngựa lại được, nó tiếp tục băng qua những người đang chạy loạn trên đường. Có lẽ vì mất máu quá nhiều nên đầu óc của tôi trở nên quay cuồng, ý thức dần dần mất đi, sau đó tôi không còn biết gì nữa...

Thánh chiến hay Thập tự chinh là loạt chiến tranh tôn giáo được tiến hành bởi các quốc gia theo Thiên Chúa giáo chống lại người Hồi giáo tại Trung Đông và Bắc Phi. Mục đích là chiếm lại Jerusalem và khu vực quanh đó, vùng được gọi là đất Thánh. Đây là khu vực luôn trong tình trạng căng thẳng bởi nó được coi là Thánh địa của cả ba tôn giáo: Hồi giáo, Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo.

Hầu hết các tài liệu lịch sử thời Trung cổ (Middle Age) đều được viết bởi các sử gia châu Âu nên ít nhiều đều có thành kiến. Nhiều người tin rằng Thánh chiến là cuộc chiến chính nghĩa, giải phóng Jerusalem khỏi tầm kiểm soát của Hồi giáo. Mặc dù Giáo hoàng John Paul II đã ngỏ ý thương tiếc về những việc đã xảy ra trong quá khứ, khi những người Thiên Chúa giáo và Hồi giáo tàn sát lẫn nhau, nhưng cho đến nay nhiều người vẫn còn tranh cãi về cuộc chiến kéo dài gần ba thế kỷ này. Nhìn vào bối cảnh lịch sử khi đó, ta có thể thấy sau sự sụp đổ của đế quốc La Mã, toàn thể châu Âu đã rơi vào suy thoái và hỗn loạn. Tình trạng loạn lạc, vô trật tự diễn ra khắp nơi khi các vua chúa, lãnh chúa gây chiến lẫn nhau để tranh giành đất đai và quyền lực. Hai quốc gia hùng mạnh lúc đó là Anh và Pháp đã trải qua các cuộc chiến với nhiều thiệt hại. Quốc khố cả hai nước đều cạn kiệt, kinh tế sa sút, mùa màng thất thu, sự bất mãn trong dân chúng gia tăng vì sưu cao, thuế nặng. Trong khi đó, đế chế Hồi giáo gồm nhiều bộ lạc đoàn kết lại nhờ sức mạnh tôn giáo, trải dài từ Ấn Độ qua đến Tây Ban Nha, đang ở giai đoạn phát triển thịnh

vượng, kiểm soát hoạt động thương mại và buôn bán từ châu Á như Trung Hoa, Ấn Độ và Bactria. Các đô thị như Cairo, Baghdad, Damascus trở thành các trung tâm thương mại nhộn nhịp, sầm uất. Dân chúng bốn phương đều kéo về đây tạo thành một xã hội thịnh vượng. Mọi hoạt động như văn chương, thơ phú, âm nhạc và khoa học cũng phát triển rộng rãi.

Vào lúc đó, người Seljuk Hồi giáo đang bành trướng thế lực ở vùng Tiểu Á nên những người Kitô giáo của Đế quốc Byzantine (Đông La Mã) đã kêu gọi viện trợ từ Tây Âu. Giáo hoàng Urban II liền kêu gọi một cuộc chiến quân sự, đánh đuổi những kẻ ngoại đạo ra khỏi đất Thánh. Các binh sĩ tham dự cuộc chiến đều mặc áo thập tự đỏ, được gọi là thập tự quân. Có tất cả tám cuộc Thánh chiến lớn, kéo dài gần ba thế kỷ và hàng trăm cuộc chiến nhỏ tại vùng biên giới nhằm kiểm soát con đường từ châu Âu đến Jerusalem.

Nói thêm, Jerusalem là thánh địa linh thiêng của Do Thái giáo. Truyền thuyết Do Thái tin rằng đây là nơi Vua David đã chọn để xây đền thờ từ thế kỷ X trước Công nguyên. Địa điểm này cũng cực kỳ quan trọng đối với người Kitô giáo, vì nơi đây là nơi Chúa sinh ra, giảng đạo, bị đóng đinh và phục sinh. Jerusalem cũng giữ một ý nghĩa quan trọng với đạo Hồi vì nó là địa điểm để lên thiên đường của nhà tiên tri Muhammad, người mà người Hồi giáo tin là vị tiên tri quan trọng nhất của Thánh Allah. Kể từ khi người Hồi giáo xuất hiện tại đất Thánh vào thế kỷ VII, vùng đất này đã luôn là địa điểm căng thẳng với những giằng co, tranh chấp không ngừng giữa các tôn giáo này.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ NHẤT (1096 - 1099)

Vào lúc đó người Thiên Chúa giáo hành hương đến Jerusalem thường gặp giặc cướp mà sử sách châu Âu gọi là "giặc Hồi". Giáo hoàng Urban II, đáp lại lời kêu gọi viện trợ từ Đế quốc Byzantine (Đông La Mã), đã triệu tập một Hội đồng tại Clermont kêu gọi các vương quốc châu Âu gửi quân đội đi giải phóng đất Thánh khỏi tay bọn ngoại đạo. Đây cũng là dịp để các vua chúa vương quốc Âu

châu tậm gác các tranh chấp khi xưa vì đã có kẻ thù chung. Trong khi triều đình đang chuẩn bị chiến tranh thì lòng nhiệt thành tôn giáo khiến dân chúng, phần lớn là thành phần nông dân, thợ thuyền đã tự động vũ trang đi giải phóng đất Thánh. Nhóm quân ô hợp này đã bị thảm sát nặng nề bởi đội quân của Hồi giáo. Mặc dù gặp nhiều thất bại nhưng nhiều cuộc chiến nhỏ vẫn tiếp diễn liên tục trong suốt ba năm liền với nhiều phe cánh tham gia. Sau cùng, đoàn viễn chinh chiến thắng kéo vào Jerusalem, tàn sát hầu hết những người Hồi giáo và Do Thái giáo tại đó. Godfrey, một trong những tướng lĩnh của cuộc viễn chinh được phong làm vua nhưng ông từ chối phong hiệu này, vì ông không muốn đội một vương miện vàng tại xứ sở mà Chúa Jesus đã từng phải đội vòng gai. Godfrey sau đó được phong là "Người bảo vệ mộ thánh" (Advocatus Sancti Sepulchri). Những lãnh tụ khác cũng chiếm cứ đất đai quanh đó, thành lập các vương quốc nhỏ được gọi chung là "Các quốc gia Thập tự chinh" (Crusader states).

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ HAI (1146 - 1149)

Sau cuộc Thập tự chinh thứ nhất, giành lại được Jerusalem, người Tây Âu ở khắp nơi đổ về đất Thánh hành hương ngày một nhiều. Với danh nghĩa bảo vệ những người hành hương này, một đội quân với tên gọi Đoàn quân chiến hữu nghèo của Chúa và đền Solomon (The Poor Fellow-Soldiers of Christ and of the Temple of Solomon) được thành lập vào năm 1118 tại Pháp. Nhóm này sau đổi tên thành Hiệp sĩ dòng Đền (Knights Templar) và sau đó được công nhận là một dòng tu. Lực lượng này lập nhiều chiến công trong các cuộc Thập tự chinh nên nhanh chóng tạo dựng thế lực và tích trữ nhiều vàng bạc rồi trở nên giàu có. Cuộc chiến giữa lực lượng này và người Hồi tiếp tục kéo dài trong nhiều năm, gây thiệt hại cho cả hai bên. Sử sách Hồi giáo viết rằng những Hiệp sĩ dòng Đền đã không cho phép người Hồi đến hành hương tại Jerusalem, nơi người Hồi coi là thánh địa, và thường giết hại những người này. Năm 1144, quân Hồi nổi dậy chiếm lại Edessa, một đô thị có vai trò quan trọng. Saint Bernard, thủ lĩnh tinh thần quan trọng nhất của cộng đồng Thiên Chúa giáo châu Âu vào thời điểm đó đã đích thân kêu gọi tiến hành cuộc Thập tự

chinh thứ hai. Triều đình châu Âu lập tức hưởng ứng, đặc biệt là Vua Conrad III của Đức và Louis VII của Pháp còn ngụy giá thân chinh. Đây là cuộc Thập tự chinh được lãnh đạo chính thức bởi triều đình châu Âu. Tuy nhiên vì không quen thuộc địa thế sa mạc hiểm trở, không kiểm soát được các giếng nước, nên cuộc Thập tự chinh thứ hai là một thất bại lớn đối với phương Tây, với số người chết lên đến con số vài chục ngàn. Cuộc Thập tự chinh thứ hai là một thắng lợi tuyệt đối của người Hồi, nó còn sản sinh ra kẻ thù hùng mạnh nhất của Thiên Chúa giáo và là người bảo vệ đạo Hồi được tôn kính nhất – Saladin (Salah ad-Din). Năm 1187, quân Hồi tái chiếm Jerusalem.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ BA (1189 - 1192)

Để chế Hồi giáo dưới quyền chỉ huy của Saladin chiếm lại Jerusalem, tiêu diệt các vương quốc Thập tự chinh quanh đó và kiểm soát hoàn toàn vùng này. Hay tin, Giáo hoàng Gregory VIII đã kêu gọi một cuộc Thập tự chinh thứ ba để giành lại Jerusalem. Năm 1188, Vua Frederick I của Thánh chế La Mã, Philip II của Pháp, Henry II của Anh và Richard (con của Henry) đã tuyên thệ tham gia Thập tự chinh. Quân Pháp và Anh vì những nghi kỵ nội bộ đã trì hoãn việc xuất binh, trong khi đoàn quân viễn chinh của Frederick I sớm tan rã khi vị vua này qua đời. Vua Henry II cũng băng hà trước khi khởi hành, nên chỉ có Vua Philip II của Pháp và Richard I đến Jerusalem. Sau đó Vua Philip II đã trở về nước, để lại đội quân của mình, trong khi Richard I vẫn cố gắng giành lại Jerusalem. Tuy nhiên, năm 1192, nghe tin về những bất ổn trong nước, Richard I buộc phải ký thỏa thuận với Saladin rồi trở về Anh. Một lần nữa người Âu đã thất bại trong việc tái chiếm Jerusalem. Cuộc chiến này đã gây tổn thất nặng nề cho các quốc gia châu Âu trên phương diện tài chính cũng như xã hội. Tuy nhiên, lợi dụng lòng hăng say phục vụ tôn giáo của dân chúng, các vua chúa vẫn cho mở thêm các cuộc chiến với mục đích chiếm đoạt nhiều hơn là vì giải phóng. Bằng chứng rõ nhất là việc họ cho phép nhóm Hiệp sĩ dòng Đền toàn quyền kiểm soát thu góp các chiến lợi phẩm mang về. Về sau những người này cũng nổi lòng tham, thay vì mang về cho triều đình và giáo hội, họ bí mật cất giấu rất nhiều vàng bạc rồi trở nên giàu có.

Theo thời gian, nhóm này trở thành một lực lượng tài phiệt có tầm ảnh hưởng rất lớn nên Giáo hoàng Clement V đã phải ra lệnh giải tán. Tuy nhiên họ vẫn hoạt động âm thầm trong nhiều thế kỷ như một tổ chức bí mật kiểm soát mọi hoạt động tài chính và thương mại của châu Âu.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ TƯ (1202 - 1204)

Giáo hoàng Innocent III lên ngôi giáo hoàng trong năm 1198 và ông đặt mục tiêu tái khởi một cuộc Thánh chiến mới. Tuy nhiên lời kêu gọi của ông không được các vua chúa châu Âu quan tâm vì lúc này kinh tế các quốc gia châu Âu rơi vào tình trạng suy thoái nặng nề, lòng bất mãn của dân chúng dâng cao. Anh và Pháp vẫn đang đánh nhau, trong khi Đức thì đang đấu tranh loại bỏ ảnh hưởng của Giáo hoàng. Tuy nhiên, cuối cùng lực lượng quân Thập tự vẫn được thành lập và khởi binh từ Venice, với lực lượng chủ yếu đến từ các vùng của Pháp. Cuộc Thập tự chinh thứ tư rốt cuộc trở thành một chiến dịch chiếm đoạt tiền bạc tài sản để lấp đầy các quốc khố đã bị cạn kiệt trong nhiều năm chiến tranh. Thay vì tiến vào Jerusalem, lực lượng này tiến vào Constantinople, cố đô của đế quốc La Mã, nơi hầu hết người dân đều theo Thiên Chúa giáo và cũng là nơi tập trung mọi sự buôn bán với các quốc gia phương Đông. Quân Thập tự chinh đã gây ra những tội ác khủng khiếp tại Constantinople, phá hủy, lấy cắp nhiều công trình Cổ đại và Trung cổ của La Mã và Hy Lạp. Bất chấp lời thề của họ và mối đe dọa rút phép thông công, quân Thập tự chinh đã phá hủy các nhà thờ tu viện của thành phố, làm ô uế và cướp bóc mọi thứ có thể lấy được...

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ NĂM (1215 - 1221)

Bất chấp thất bại của cuộc Thập tự chinh thứ tư, chỉ thành công trong việc phá hủy các thành phố Thiên Chúa giáo, Giáo hoàng Innocent III và người kế nhiệm ông là Giáo hoàng Honorius III vẫn tiếp tục kêu gọi cuộc Thập tự chinh lần thứ năm. Giáo hoàng Innocent III đảm bảo rằng ông có quyền kiểm soát cuộc chiến này nhưng ông đã chết trước khi cuộc chiến bắt đầu. Cuộc Thập tự chinh

thứ năm có đông đảo các bên tham chiến với nhiều mục đích khác nhau, nổi bật có Hungary (sự lãnh đạo của Vua Andrew II), Pháp, Đức, Đế quốc Đông La Mã, Thánh chế La Mã... Thay vì tấn công vào Jerusalem, các lực lượng này đánh vào Ai Cập, dưới triều đại Ayyubid hùng mạnh. Trong hầu hết các cuộc giao tranh, quân Thập tự đều không giành được chiến thắng. Thêm nữa, dịch bệnh bùng phát khiến quân Thập tự tổn hao binh lực. Đỉnh điểm là khi hành quân đến Cairo, sông Nile dâng nước đã khiến quân Thập tự tổn thất nặng nề, phải xin hàng và rút quân. Một lần nữa cuộc Thập tự chinh thứ năm đã thất bại hoàn toàn.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ SÁU (1228 - 1229)

Cuộc Thập tự chinh thứ sáu do Hoàng đế Frederick II của Thánh chế La Mã cầm đầu với lực lượng quân đội đông đảo. Lợi dụng lúc triều đình bận đàn áp lực lượng nổi loạn tại Syria, Frederick II thành công giành lại Jerusalem thông qua đàm phán rồi tự xưng làm vua Jerusalem mà không được sự phê chuẩn của Giáo hội. Sợ bị rút phép thông công, ông kéo quân trở lại châu Âu để hòa giải với Giáo hoàng Gregory IX. Vài năm sau, Jerusalem lại rơi vào tầm kiểm soát của các lực lượng Hồi giáo.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ BẢY (1248 - 1254)

Sau khi Jerusalem rơi vào tay lực lượng Hồi giáo vào năm 1244, Vua Louis IX của Pháp đã lên kế hoạch tiến hành cuộc Thập tự chinh thứ bảy, mục tiêu vẫn là Ai Cập. Sau khi được lệnh của Giáo hoàng Innocent IV vào năm 1248, Vua Louis IX của Pháp dẫn quân Thập tự đổ bộ vào Ai Cập, chinh phục Damietta, một trung tâm thương mại lớn. Tuy nhiên lực lượng Hồi giáo đã phản công, bắt sống Vua Louis IX khiến triều đình Pháp phải chuộc lại với một khoản tiền khổng lồ đồng thời trả lại Damietta. Do đó cuộc Thập tự chinh này cũng là một thảm họa tốn kém.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ TÁM (1270)

Mặc dù cuộc Thập tự chinh lần thứ bảy không thành công nhưng lòng tham lam muốn chiếm đoạt các mỏ vàng khiến Vua Louis IX lại xin phép lãnh đạo cuộc Thập tự chinh lần thứ tám nhằm vào Tunisia, Maroco với nhiều tài nguyên thiên nhiên như mỏ đồng, mỏ vàng. Cuộc Thập tự chinh lần thứ tám kết thúc khi Vua Louis mắc bệnh chết ở Tunis. Nhóm Thập tự quân còn lại dưới sự chỉ huy của Vua Edward I của Anh tiến sâu vào Bắc Phi đến tận thành phố Acre nhưng cũng bị quân Hồi tiêu diệt hoàn toàn.

CÁC CUỘC THẬP TỰ CHINH KHÁC

Năm 1291, Vua Hồi Qalawun tiến hành vây hãm thành Acre, chấm dứt sự tồn tại của thành bang độc lập cuối cùng của Thiên Chúa giáo ở vùng đất Thánh. Qalawun hy sinh trong trận bao vây này nhưng con của ông là Al-Ashraf Khalil lên ngôi đã tiếp tục việc xóa bỏ tàn tích của người châu Âu tại Trung Đông. Việc này được coi là sự kết thúc của phong trào Thập tự chinh tại vùng đất Thánh, nhưng sự tham lam đã thúc đẩy các thế hệ con cháu các vua chúa sau đó lợi dụng lòng nhiệt thành tôn giáo mang quân đi khắp thế giới gây chiến với những người không cùng tôn giáo, nhưng mục đích thật sự chỉ để cướp phá, chiếm đoạt tài sản của quốc gia khác.

Song song với các cuộc Thập tự chinh đến vùng đất Thánh, nhiều chiến dịch quân sự nhân danh tôn giáo đến các vùng đất khác đôi khi cũng được các sử gia gọi là Thập tự chinh, ví dụ Thập tự chinh phương Bắc – đánh vào những người ngoại giáo ở khu vực Baltic, hay chiến dịch quân sự chống lại giáo phái Albi ở Pháp...

Về kinh tế, việc giao thương với các bộ lạc người Hồi tại Palestine và Syria đã mở ra một lĩnh vực thương mại lớn qua việc buôn bán trao đổi hàng hóa với các quốc gia Á châu. Trong khi các vương quốc châu Âu chú trọng vào chiến tranh, các thương gia người Ý tại Genoa và Venice đã nhanh tay cướp lấy cơ hội ngàn vàng, họ đóng thuyền lớn để có thể chuyên chở hàng hóa đi khắp nơi cũng như

thành lập một lực lượng hải quân hùng mạnh để kiểm soát mọi hải lộ trên Địa Trung Hải. Các nhà buôn người Ý đã mang đến cho người Âu những hàng hóa mới lạ, giá trị cao như tơ lụa, hương liệu và kim loại quý, tạo ra một cơn khát sản phẩm và sản vật của các vương quốc Á châu. Theo tài liệu lịch sử, các chuyến tàu chở hàng hóa từ Trung Đông vào Âu châu là nguyên nhân gây ra đại dịch hạch (Black Death) đã giết hơn một phần ba dân số châu Âu. Lịch sử ghi rõ bệnh dịch bắt đầu từ Trung Hoa, truyền qua Trung Đông rồi lan vào châu Âu qua những chiến lợi phẩm thu góp được và chở trên các chuyến tàu từ Trung Đông vào châu Âu.

Khi xưa, Con đường tơ lụa là trục lộ giao thông chính dẫn qua châu Á. Con đường này nằm trong vòng kiểm soát của người Hồi nên người Âu bắt đầu tìm kiếm một con đường mới. Từ đó, các quốc gia châu Âu bắt đầu cạnh tranh giành quyền kiểm soát thương mại qua châu Á. Dần dần, mục tiêu của họ biến thành cuộc mạo hiểm khám phá các nơi xa với những tài nguyên mới lạ. Hoàng tử Henry của Bồ Đào Nha dẫn đoàn thuyền đi dọc theo bờ biển Phi châu đã tìm ra một hải lộ mới qua Á châu và mở đầu cho kỷ nguyên thực dân mà người châu Âu đã ngụy trang dưới danh nghĩa đi khai sáng các dân tộc bán khai, man rợ.

Chủ nghĩa thực dân là chính sách kiểm soát những khu vực đã bị chinh phục, gọi là thuộc địa, với mục đích thống trị kinh tế, xã hội thông qua quá trình áp đặt tôn giáo, ngôn ngữ và các tập quán văn hóa của người Âu cho người dân các thuộc địa. Mục tiêu chính là tìm cách thu lợi từ sức lao động của người dân cũng như tài nguyên ở thuộc địa, đem về làm giàu cho quốc gia của họ.

Các nhà sử học đưa ra ba động cơ chính của người châu Âu khi tiến hành thuộc địa hóa các quốc gia châu Á và châu Mỹ là Chúa, vàng và vinh quang (God, gold, glory). Các cuộc Thập tự chinh khi trước đã lợi dụng tôn giáo để biện minh cho cuộc chiến với các xứ Hồi giáo thì nay tôn giáo lại được áp dụng vào chính sách thuộc địa hóa này. Lòng hận thù từ các cuộc Thập tự chinh đã đưa đến sự "bất khoan dung tôn giáo" với những dân tộc không đồng tôn giáo. Về sau, các

nước châu Âu chuyển sang dùng chiêu bài "chinh phục tôn giáo" để củng cố cho chính sách thuộc địa hóa nhằm đem lại sự giàu có thịnh vượng cho quốc gia của họ.

Các con hãy thương yêu mọi người như thương yêu chính mình.

PHẦN TÁM

NHÂN DUYÊN

THƯỢNG ĐẾ LÀ TÌNH THƯƠNG

Khi tỉnh dậy, mặc dù đầu óc còn choáng váng nhưng tôi nhận thấy mình đang nằm trên giường. Ngồi bên giường là vị giáo sĩ lớn tuổi đang nhìn tôi chăm chú. Nhìn trang phục của ông, tôi đoán được ông là một giám mục. Thấy tôi đã tỉnh, người đó ra hiệu cho tôi nằm yên. Tôi thều thào cất tiếng, nghe cổ họng mình đau rất:

- Mọi người... trong gánh hát đâu hết rồi?

Vị giám mục chậm rãi nói:

- Con cứ yên tâm, đã qua nguy hiểm rồi. Hãy nằm yên, đừng động đây.

Tôi hốt hoảng:

- Quân lính... Có quân lính...

Vị giám mục đáp:

- Con hãy yên tâm, Thánh đường là nơi thiêng liêng, không quân lính nào có thể vào đây được.

Mặc dù toàn thân tôi đau đớn khôn tả nhưng trong giọng nói của vị giám mục có gì đó rất thân thương, khiến tôi cảm thấy rất yên tâm. Tôi cố ngước đầu lên nhìn ông nhưng cơn đau lại ập đến khiến tôi ngất lịm đi.

Tôi không biết mình đã nằm trên giường trong bao lâu. Vì vết thương khá nặng nên tôi lúc tỉnh lúc mê, nhưng tôi biết đã có người chăm sóc, băng bó vết thương cho tôi.

Dường như tôi đã nằm đó rất lâu, cho đến khi, trong cơn mơ màng, tôi chợt nghe có tiếng chuông cùng tiếng cầu nguyện trầm trầm vọng lại. Đột nhiên toàn thân tôi thấy khoan khoái dễ chịu. Tôi mở mắt ra, thấy mình tỉnh táo hẳn và đã có thể cử động dễ dàng. Tôi ngồi dậy nhìn qua khung cửa sổ, bên ngoài mờ xám vì trời còn chưa sáng hẳn. Như có một động lực gì thúc đẩy, tôi thử bước xuống giường và phần khởi thấy mình đã có thể đi lại. Tôi lắng nghe tiếng cầu nguyện rồi đẩy cửa bước ra ngoài, men theo âm thanh trầm ấm kia tìm đến thánh đường. Dưới ánh nến lung linh, các vị linh mục đang cầu nguyện, thấy thế tôi vội quỳ xuống đọc theo. Buổi cầu nguyện diễn ra khá lâu, khi mọi người dừng lại thì mặt trời đã lên cao. Nhìn ánh nắng xuyên qua khung cửa, tôi biết đã gần đến trưa.

Khi mọi người đứng lên lần lượt rời khỏi, vị giám mục già nhìn thấy tôi nên bước lại hỏi:

- Con đã tỉnh rồi sao? Đã khỏe hơn chưa?

Tôi gật đầu, rụt rè hỏi:

- Thưa ngài, tại sao con lại ở đây?

Vị giám mục mỉm cười hiền lành, đôi mắt xanh lấp lánh:

- Có người thấy con bị thương, nằm bất tỉnh ở bìa rừng nên mang con đến đây.

Tôi hỏi:

- Đây là đâu? Quân lính và găng hát ra sao rồi?

Vị giám mục lắc đầu:

- Ta không hiểu con nói gì nhưng đây là nơi an toàn, con không phải lo gì cả.

Hôm nay tôi mới được nhìn rõ vị giám mục già này, tôi cảm thấy ông có một nét gì rất thân thuộc. Khi tôi vẫn đang cố nghĩ xem cảm giác thân thuộc này đến từ đâu thì ông đã lên tiếng, ánh mắt ông nhìn tôi toát ra vẻ hiền hậu, chân thành:

- Ta rất mừng được gặp lại con. Vết thương của con rất nặng, giờ con cần phải tĩnh dưỡng một thời gian nữa rồi chúng ta sẽ nói chuyện nhiều hơn.

Ông vừa nói "gặp lại" tôi ư? Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa hề tiếp xúc với giáo sĩ nào ngoài vị linh mục trong làng. Khi du hành cùng gánh hát, ghé qua nhiều nơi để trình diễn nhưng tôi cũng chưa gặp thêm vị giáo sĩ nào cả. Tôi định hỏi thêm nhưng vị giám mục nhìn tôi rồi mỉm cười một cách lạ lùng rồi thông thả bước đi. Tôi chẳng quen ai khác ở đây nên vội vã theo ông vào phòng ăn.

Sau bữa ăn, vị giám mục đề nghị dẫn tôi đi dạo một vòng để làm quen hoàn cảnh. Tôi theo ông bước ra sân. Đây là một tu viện nhỏ được xây bằng đá, tọa lạc trong rừng, núp dưới tán những cây cổ thụ nên không khí rất mát mẻ. Không gian nơi đây cực kỳ yên tĩnh, thỉnh thoảng có tiếng chim hót thánh thót hòa cùng tiếng gió rì rào, là một khung cảnh có thể xoa dịu tâm hồn. Vị giám mục nói:

- Con có thể tạm nghỉ tại đây ít lâu chờ vết thương lành hẳn. Tuy nhiên, mọi người ở đây đều chuyên tâm cầu nguyện nên con cũng nên lưu ý giữ im lặng. Nếu muốn, con có thể theo chúng ta cầu nguyện.

Tôi nói ngay:

- Cảm ơn ngài, nhưng con cần phải đi Verden để tìm gánh hát. Cách đây mấy ngày, gánh hát của con bị cướp, không biết mọi người hiện nay ra sao.

Vị giám mục lắc đầu:

- Verden cách nơi đây rất xa. Để đến đó con còn phải vượt qua một khu rừng rậm. Con nên chờ vết thương lành hẳn rồi hãy lên đường.

Tuy nóng ruột về số phận của gánh hát nhưng tôi cũng biết mình không thể đi xa với vết thương nặng như thế nên đành ở lại tu viện. Hằng ngày, tôi theo các giáo sĩ cầu nguyện. Điều khiến tôi ngạc nhiên là nghi lễ cầu nguyện ở đây không giống với những buổi lễ tôi từng tham dự. Có những buổi cầu nguyện diễn ra từ sáng đến khuya. Tôi rất ngạc nhiên nhưng không dám hỏi gì mà chỉ cố gắng làm theo. Sau một tuần lễ, tôi đem thắc mắc trình bày với vị giám mục. Ông trả lời:

- Chúng ta thực hành theo lời dạy của Đức Chúa để thanh lọc thân tâm cho tinh khiết, trọn lành chứ không chỉ làm theo nghi thức thông thường như những nơi khác. Có lẽ con không biết, khi xưa vì mục đích phát triển tôn giáo, mở rộng giáo dân, các giáo sĩ đã thu hẹp những chân lý cao thượng lại rồi đơn giản hóa mọi sự để mọi người đều có thể hiểu được. Tuy nhiên, điều này đã làm mất đi các tinh hoa mà Đức Chúa đã giảng dạy. Điều Ngài giảng dạy đâu chỉ giới hạn trong đức tin mà còn nhiều điều cao cả hơn nữa. Do đó, tại đây chúng ta thực hành nghi thức cầu nguyện không ngừng để nối lại mối liên hệ với Ngài.

Nhìn thấy vẻ mặt ngờ ngác của tôi, vị giám mục nói thêm:

- Chúng ta tuân theo lời dạy của Ngài, *"Hãy trở nên trọn lành như Cha các con trên trời là Đấng trọn lành vậy"* (S. Matt 5.48). Nhiều giáo sĩ cho rằng đây là điều không thể làm được vì con người là những kẻ tội lỗi thì làm sao có thể trở nên trọn lành được. Do đó, họ đã bỏ qua lời dạy bảo quý báu này và dần tạo ra một cách biệt giữa con người và Thượng Đế. Máy ai biết nếu cố gắng thì chúng ta vẫn có thể chiến thắng bản tính thấp hèn để trở nên trong sạch, tinh khiết hơn.

Tôi bối rối:

- Con chưa từng nghe nói ngoài đức tin còn điều khác nữa.

Vị giám mục gật đầu, trả lời:

- Đúng thế, một số giáo sĩ đã đơn giản hóa mọi sự, hạ thấp những tinh hoa cao thượng mà Đức Chúa giảng dạy xuống đến mức mà ngay một kẻ ít học, khờ dại cũng có thể hiểu được. Họ quan niệm rằng các tín đồ chỉ cần tin chứ không cần hiểu vì mọi việc đã có họ lo. Đa số dân chúng không biết đọc, biết viết mà chỉ có các giáo sĩ và quý tộc được dạy đọc, viết. Do đó, họ có thể toàn quyền giảng dạy, diễn giải ý nghĩa những lời dạy bảo của Đức Chúa theo ý riêng của họ. Việc này đã đưa các giáo sĩ lên thành giai cấp có quyền hành tuyệt đối, trở thành trung gian giữa con người và Thượng Đế. Đức tin là điều cần thiết nhưng nếu đã tin thì phải học hỏi để hiểu thật rõ những lời dạy cao thượng của Ngài chứ không thể tin tưởng suông được, và khi đã hiểu thì phải thực hành theo các điều được chỉ dạy nữa. Nếu chỉ tin mà không hiểu và không thực hành các lời dạy mà chỉ chờ đợi Thượng Đế giúp thì chỉ là niềm tin vô lý.

Tôi thắc mắc:

- Con chưa hiểu, nếu đã muốn phát triển tôn giáo, tại sao họ phải đơn giản hóa những tinh hoa?

Vị giám mục giải thích:

- Con đường đến Nước Trời có nhiều bậc thang cao thấp khác nhau vì mọi người không cùng trình độ hiểu biết như nhau. Năng lực nhận thức và hành động cũng phải thay đổi tùy theo mức thang tiến hóa này. Người lên đến mức thang cao là nhờ sự sáng suốt và đức hạnh tinh khiết của họ. Do đó, điều đem đi giảng dạy cũng phải thích ứng với trình độ, lý trí và sự hiểu biết của từng người. Khi xưa, Đức Chúa đã giảng dạy rất nhiều về phương pháp thực hành để hợp nhất tinh thần con người với cõi thiêng liêng để *"Đức Chúa Trời là tất cả trong tất cả"* (1. Cor 15.28). Việc cầu nguyện không ngừng là một trong những phương pháp đó.

Vị giám mục chăm chú nhìn tôi rồi nói thêm:

- Cũng như thế, Đức Chúa dạy "*Thượng Đế là tình thương*". Đây là chân lý tuyệt đối, không thể chối cãi. Vì tình thương yêu là điều kiện thiết yếu để gìn giữ sự hòa hợp giữa người với người, không có tình thương sẽ đưa đến việc kẻ mạnh ức hiếp kẻ yếu, mạnh được yếu thua. Tinh hoa của những điều Đức Chúa giảng dạy nằm trong hai chữ "tình thương" này, nhưng hiện nay người ta lại bỏ qua nó mà kêu gọi sự phân biệt, hận thù, tranh giành, chiếm đoạt. Những việc này có đúng ý Chúa hay không? Ý Chúa không bao giờ như thế cả.

Tôi nghĩ về những ngày tháng lang thang cùng gánh hát, chứng kiến biết bao điều bất công, vô lý của đời sống, những điều đã khiến tôi bất mãn và hoài nghi. Hẳn là ý Chúa không bao giờ như thế cả. Tôi ngẫm nghĩ rồi hỏi vị giám mục:

- Vậy, theo ngài thì tình thương của con người và tình thương của Thượng Đế khác nhau ra sao?

Vị giám mục mỉm cười hiền từ, giải thích:

- Tình thương của con người và tình thương của Thượng Đế chỉ khác về mức độ, bản chất thì vẫn như nhau. Tình thương giống như nguồn nước, tuôn chảy khắp nơi. Tình thương của Thượng Đế giống như biển cả mênh mông vô tận trong khi tình thương của con người thì như dòng suối nhỏ len lỏi qua mặt đất mà thôi. Khi con người biết thương yêu là khi họ quay về với Thượng Đế và khi họ thương yêu chân thành, không đòi hỏi là khi dòng suối bắt đầu hòa nhập vào biển cả. Thượng Đế đã dạy "*Các con hãy thương yêu mọi người như thương yêu chính mình*". Càng hiểu rõ ý nghĩa của điều được dạy thì ta càng tin tưởng nhiều hơn. Đã tin tưởng như thế thì phải thực hành đúng theo những lời được dạy và khi áp dụng nhiều chừng nào thì ta lại càng tin tưởng hơn chừng ấy. Tóm lại, không thể có việc chỉ tin tưởng mà không cần làm gì hết. Đã tin thì phải tìm hiểu ý nghĩa trong lời dạy để tuân theo, để đem ra thực hành chứ không thể nói rằng mình tin nhưng lại hành động khác đi hoặc chỉ tin rồi để đó.

Tôi nghĩ đến những hành động tham lam, bạo ngược của các lãnh chúa. Một mặt họ cho xây cất nhiều thánh đường để chứng tỏ đức tin tôn giáo của họ với Giáo hội nhưng mặt khác họ vẫn tiếp tục bóc lột, đàn áp và chiếm đoạt mọi thứ để hưởng thụ các quyền lợi và tiện nghi vật chất. Họ tin rằng dù có làm gì chẳng nữa thì cuối cùng vẫn được Thượng Đế cho lên thiên đường.

Khi sống với gánh hát, tôi thường nghe Mona đọc Thánh Kinh và bà từng kể, có một người đến hỏi Đức Chúa làm sao để được hưởng sự sống trọn lành trên Nước Trời. Ngài trả lời: *"Hãy giữ các điều răn"*. Tôi rất thích lời dạy giản dị này vì khi còn nhỏ tôi luôn được bà ngoại nhắc nhở *"Hãy thờ kính Thiên Chúa; thương yêu người; không tham lam; không giết hại..."*. Nhưng khi sống đời giang hồ, tôi chứng kiến nhiều người hành động hoàn toàn trái ngược những điều răn này. Tôi tự hỏi tại sao đã tin Chúa, kính Ngài và biết Ngài dạy phải thương yêu nhau nhưng không mấy ai làm được điều này? Những gì quân Thập tự đã làm khi giải phóng đất Thánh là chém giết, cướp bóc, vơ vét tài sản của cải về cho triều đình. Tôi không hiểu được sao họ có thể nhân danh Chúa rồi làm những việc xấu xa như thế.

Tôi đem tâm tư của mình kể với vị giám mục. Ông lắng nghe rồi điềm đạm nói:

- Có lẽ Mona vẫn chưa kể hết câu chuyện cho con nghe. Khi nghe Đức Chúa dạy về việc phải giữ các điều răn, người kia đã trả lời, *"Tất cả những điều đó, con đã tuân giữ từ khi còn nhỏ, còn thiếu điều gì con chưa làm nữa không?"*. Đối với người đã biết vâng lời như thế, Đức Chúa dạy thêm, *"Nếu con muốn trở nên hoàn thiện thì hãy bán hết của cải, đem cho người nghèo thì con sẽ có một kho tàng trên trời, rồi đến đây với ta"*. Nghe đến đó, người nọ buồn rầu bỏ đi vì anh ta có rất nhiều của cải.

Tôi ngạc nhiên:

- Con chưa hiểu lắm. Tại sao phải làm như thế thì mới đến được với Ngài?

Vị giám mục giải thích:

- Muốn được trọn lành, tức là trở thành một người của Nước Trời, thì phải biết buông bỏ mọi thứ vật chất, giữ nếp sống thanh bần, tinh khiết và vâng lời. Điều này có nghĩa là không nên quyến luyến của cải vật chất mà chỉ nên coi mình như người quản lý các thứ đó thôi. Của cải vật chất có thể đến và đi, là người quản lý chúng, ta sử dụng khi chúng đến nhưng không tiếc khi chúng đi, vì những thứ này không thể so sánh với kho tàng Nước Trời được. Lời dạy này rất rõ rệt vì sau đó Đức Chúa đã giải thích thêm rằng: *"Người giàu khó có thể bước vào nước Trời, còn khó hơn con lạc đà chui qua lỗ kim"* (Matt 19:16:26). Tại sao? Vì con người không thể làm tôi hai chủ cùng một lúc được. Hoặc tôn thờ tiền bạc hoặc tôn thờ Thiên Chúa.

Tôi kể lại những điều Piere nói về cuộc Thánh chiến, vị giám mục già lắc đầu:

- Đó là những kẻ đã làm ô danh Thiên Chúa, họ lợi dụng danh nghĩa Giáo hội cùng sự thiếu hiểu biết của dân chúng để mưu cầu quyền lực và của cải cho mình. Họ là những kẻ tham lam, ích kỷ chỉ biết tôn thờ tiền bạc và quyền lực mà thôi. Dù có hối cải, chuộc tội thế nào cũng không thể lấy lại được. Nếu đã biết các điều răn *"Không được tham lam, không được lấy của người, không được giết hại"* nhưng vẫn phạm thì họ không xứng đáng được gọi là con của Thiên Chúa.

Từ đó, hằng ngày, sau khi cầu nguyện cùng mọi người trong tu viện, tôi thường cùng vị giám mục già đi bộ trong sân để được ông chỉ dạy thêm. Nhờ thế, tôi biết thêm được nhiều điều mà khi trước không được dạy bảo. Được giải đáp những thắc mắc khi xưa về đức tin, về việc phải tuân thủ các điều răn đã giúp cho tâm hồn tôi mở rộng hơn. Theo lời vị giám mục, đức tin là chìa khóa để mở cánh cửa vào Nước Trời nhưng để bước vào đó thì phải nhờ vào thực

hành. Cầu nguyện là để nhận biết Thượng Đế và đến với Ngài chứ không phải chỉ tin tưởng đơn thuần mà thôi. Mục đích của đời sống là để thực hiện sự hợp nhất đó nên chỉ có đức tin thôi thì không đủ mà còn phải hiểu rõ lời dạy bảo và đem ra thực hành. Chỉ khi nào thân tâm được trong sạch, tinh khiết thì mới có thể đến với Ngài được. Do đó, các tu sĩ ở tu viện này luôn giữ các điều răn và cầu nguyện không ngừng.

Khi giữ điều răn "không giết người" thì sẽ trừ được tâm tranh giành, chiếm đoạt và như thế sẽ giúp ta biết tôn trọng sự sống. Khi giữ điều răn "không trộm cắp, không lấy của người" thì sẽ trừ được lòng tham lam, thói chiếm hữu và giúp ta tôn trọng sự công bình. Khi giữ điều răn "không dâm dục" thì sẽ trừ được sự mong cầu thỏa mãn và như thế sẽ giúp ta xây dựng được tình cảm và liên hệ giữa con người. Một khi biết kính trọng người khác thì ta không thể làm thương tổn ai được. Khi giữ điều răn "không nói dối" thì sẽ trừ thói xảo trá, tham lam và như thế sẽ giúp ta giữ gìn lời nói cẩn thận, chỉ nói đúng sự thật. Khi giữ điều răn "biết hiếu kính với cha mẹ" thì sẽ trừ được lòng ích kỷ, tự cao và như thế sẽ giúp ta phát triển lòng biết ơn sâu sắc với những người đã sinh ra, nuôi nấng và dạy dỗ mình. Một khi tuân giữ được những điều răn này, con người sẽ thay đổi, trở nên trong sạch, tinh khiết, hiểu được những điều cao đẹp và sẽ có được kho tàng cõi trời. Một khi đã biết của báu cõi trời như thế nào thì mọi vật chất của cõi này sẽ không còn ý nghĩa gì nữa.

Một trong những buổi đi dạo cùng vị giám mục, tôi đề cập đến tình trạng loạn lạc, chết chóc khắp nơi và hỏi ông liệu nhân loại có thể vượt qua nạn kiếp này. Ông trầm ngâm một lúc rồi thông thả nói:

- Để ta kể con nghe một câu chuyện. Khi xưa, có một căn bệnh lạ lùng xảy ra khiến bụng dạ mọi người đều căng phồng lên như muốn nổ tung ra. Ai nấy đều sợ hãi vô cùng nhưng không biết làm sao để chữa khỏi. Cho đến một hôm, có một y sĩ từ xa đến mang theo một lọ thuốc trị được bệnh này. Ông nói: "Mọi người nghe đây, ai muốn hết bệnh phải theo đúng cách sử dụng mà ta chỉ dạy vì ngày mai ta sẽ rời đi nơi khác". Ông dặn dò kỹ càng phải sử dụng như thế nào,

liều lượng ra sao rồi để lại chai thuốc cho mọi người. Sau khi ông rời khỏi, mọi người họp lại và bắt đầu tranh cãi. Một người đặt câu hỏi y sĩ đó từ đâu đến, học y từ ai, tài nghệ đến đâu, lý lịch thế nào? Tại sao ông đến đây và có mục đích gì? Người khác thì đặt câu hỏi có nên tin vào thuốc đó hay không, lỡ như uống vào bệnh nặng hơn thì sao? Biết bao câu hỏi được đem ra tranh luận về người y sĩ đó. Họ bàn cãi suốt ngày rồi quên hết lời dạy của y sĩ. Lọ thuốc trị bệnh vẫn còn đó nhưng không ai còn biết cách sử dụng.

Vị giám mục dừng lại để tôi suy nghĩ về câu chuyện rồi kết luận:

- Phước cho kẻ nào tin, hiểu và làm theo.

Nhìn vẻ hoang mang trên mặt tôi, ông mỉm cười rồi nói thêm:

- Con có biết căn bệnh quái lạ đó là gì không? Chính là bệnh tham lam đó. Tình trạng hỗn loạn hiện nay đến từ sự lung lay đức tin của con người. Họ từ bỏ những lời răn, từ bỏ niềm tin. Dù phương thuốc có ở trước mặt thì cũng không mấy ai nhìn thấy.

Tôi sống tại tu viện một thời gian, vết thương cũng đã dần lành lại. Hằng ngày tôi vẫn theo các giáo sĩ cầu nguyện. Lúc đầu, việc cầu nguyện kéo dài quá lâu khiến tôi mệt mỏi nhưng sau một thời gian, tôi dồn hết tâm hồn vào việc cầu nguyện nên thấy thời gian trôi qua nhẹ nhàng chỉ như thoáng giây. Nhiều lúc tôi cầu nguyện từ sáng đến tối mà vẫn thấy thoải mái dễ chịu. Vị giám mục già tỏ ra hài lòng về việc này, ông nói:

- Hãy đặt hết tâm hồn vào Thượng Đế, đừng nghĩ gì hết rồi con sẽ nhận được các ân phước đến bất ngờ. Khi hình ảnh của Ngài biểu lộ rõ ràng trong lòng con thì con sẽ quên hẳn cái ảo ảnh về cái "ta" riêng của con, và con sẽ thấy tình thương yêu, bác ái đang tràn ngập khắp nơi. Sự cầu nguyện là ngọn lửa tinh luyện mỗi phần tử trong con người, giúp thanh lọc và chuẩn bị cho sự sáng suốt, an tĩnh, tinh khiết, như một bông hoa nở dần dưới ánh sáng của mặt trời. Để phụng sự Thiên Chúa, con phải làm sao để chính mình trở thành một trung tâm vận chuyển cái ân phước đó, phát huy ảnh

hưởng tốt đi khắp nơi. Như con thấy, tất cả những người sống tại đây đều giữ kỷ luật, sống giản dị, sửa mình cho trong sạch để phụng sự ơn trên. Bất cứ nghĩ gì, làm gì cũng chất chứa và phản ánh tình thương yêu, bác ái đến mọi người. Đó cũng là mục đích của việc tu tập tại đây. Khi xưa, Đức Chúa đã giảng dạy rất nhiều và một số điều đã được ghi nhận lại trong sách vở nhưng sách vở tự nó không làm cho chúng ta đến gần Ngài hơn. Điều chúng ta cần là sống làm sao để cuộc đời có ý nghĩa tích cực, cao đẹp như Ngài đã chỉ dẫn.

Việc vừa tĩnh dưỡng vừa tu tập giúp tôi không những hồi phục nhanh mà con người tôi cũng thay đổi. Tôi bắt đầu cảm nhận được sự an tĩnh trong cuộc đời nhiều biến động này. Cho đến một lần, trong lúc cầu nguyện, đột nhiên tôi thấy toàn thân trở nên an tĩnh lạ lùng như được nâng lên một bình diện nào đó. Mặc dù ánh nến trong căn phòng lung linh mờ ảo nhưng không hiểu sao tôi có thể quan sát mọi thứ xung quanh một cách rõ ràng.

Tôi nhìn thấy các giáo sĩ đang chân thành cầu nguyện, rồi tầm mắt tôi mở rộng từ Thánh đường đến khu rừng bên ngoài với các hàng cây cổ thụ cao vút. Tầm mắt vươn lên cao mãi và bất ngờ tôi nhìn thấy một nhóm Gitan đang hạ trại tại một khu rừng rậm. Tôi nhìn thấy hai chiếc xe ngựa của gánh hát Alfonso và một số xe khác mà tôi không nhận ra, tất cả đang quay lại thành một vòng tròn lớn. Tôi thấy Mona và Ella đang ngồi ủ rũ trên xe trong khi Pedro và hai thanh niên khác đang lau chùi nhạc khí gần đó. Những hình ảnh này hiện rõ trong tâm tôi cho đến khi buổi cầu nguyện chấm dứt.

Sự cầu nguyện là ngọn lửa tinh luyện mỗi phân tử trong con người, giúp thanh lọc và chuẩn bị cho sự sáng suốt, an tĩnh, tinh khiết, như một bông hoa nở dần dưới ánh sáng của mặt trời.

Đêm đó, tôi trần trọc mãi không sao ngủ được vì cứ nghĩ về những hình ảnh lạ lùng kia. Bất giác, tôi nghĩ đến Ella và tình cảm của cô đối với tôi. Đã nhiều lần Ella ẩn ý hát tặng tôi những bản tình ca nhẹ nhàng mà cô soạn riêng cho tôi nhưng tim tôi không hề rung động. Có lần Pedro săn được một con thỏ rừng, Ella dành phần ngon nhất cho tôi nhưng việc đó lại khiến tôi cảm thấy khó chịu nên nhất quyết không ăn. Ella vì vậy không cầm được nước mắt. Có lúc tự nhiên tôi cảm thấy ghét cay ghét đắng Ella và buông những lời nặng nề với cô. Gilbert rất ngạc nhiên về thái độ của tôi nên ông từng kéo riêng tôi ra góc rừng và mắng tôi một trận. Khi đó tôi đã cãi lý với ông rằng tôi không phải là người Gitan mà chỉ sống với họ cho đến lúc gặp cha tôi thôi. Nếu tôi được cha tôi nuôi nấng, dạy dỗ, tôi sẽ trở thành quý tộc, tôi sẽ không còn quan hệ gì với gánh hát này và những người Gitan như Ella nữa. Gilbert nhìn tôi hết sức lạ lẫm, rồi ông lắc đầu, tỏ ra thất vọng:

- Tôi không ngờ cậu lại có suy nghĩ như thế. Sao cậu có thể nghĩ mình thuộc giai cấp quý tộc rồi coi khinh người Gitan, trong khi chúng tôi đã coi cậu như người nhà?

Kể từ lần đó Gilbert xa cách với tôi hơn trước dù ông vẫn dạy dỗ tôi. Thật ra, tôi cũng không hiểu tại sao mình lại có ý nghĩ như thế? Tại sao tôi lại nghĩ mình cao cả, quan trọng hơn người Gitan dù tôi sống chung với họ như một gia đình?

Tôi suy nghĩ những chuyện này đến một nhòai và thiếp đi, vừa chìm vào giấc ngủ thì tự nhiên Ella lại hiện ra, nhưng lần này tôi nghe cô nói: "Anh Jean, cứu em, đừng bỏ em". Câu nói này tạo ra một chấn động lạ lùng trong tâm thức tôi. Trong cơn mơ màng, tôi cảm thấy mặt đất rung chuyển mãnh liệt rồi những luồng nước lớn ở đâu tràn đến. Tôi thấy một người con gái quần áo tả tơi đang cố gắng nắm lấy tay tôi trong dòng nước lũ đó. Bất ngờ, tôi nhìn rõ cô gái đó chính là Ella. Một khung cảnh lạ lùng hiện lên trong tâm trí tôi và tôi nghe rõ tiếng kêu lớn: "Ta sẽ không bỏ nàng". Tôi giật mình ngồi bật

dậy, trống ngực đánh liên hồi. Khoảnh khắc đó, tôi biết mình nhất định phải trở về tìm Ella.

Hôm sau, tôi đến gặp vị giám mục để từ giã ngài. Ông nghe tôi trình bày xong thì im lặng hồi lâu, rồi nhìn tôi một cách buồn bã:

- Tại sao con có thể mê muội như vậy? Đã thực hành đến thế mà vẫn còn để những việc tầm thường lôi kéo đi. Nếu không tỉnh ngộ, cứ bước vào chốn thị phi đó thì biết đến bao giờ mới thoát khỏi được?

Lúc đó, tôi không hiểu điều ông nói vì lòng đang nôn nóng muốn mau chóng đi tìm gánh hát và Ella. Tôi cúi đầu, nói nhỏ:

- Con đội ơn ngài đã cứu con và dạy dỗ con trong thời gian vừa qua. Nhưng đã đến lúc con phải trở về gánh hát để gặp người mà con thương yêu.

Vị giám mục ngậm ngùi:

- Thật đáng tiếc, ta đã cố gắng rồi, nhưng những liên hệ từ xa xưa vẫn còn ràng buộc con quá mạnh mẽ... Ta với con đã quen nhau từ lâu rồi. Ta vẫn dõi theo con để giúp đỡ nhưng con không biết cũng không hề tiến bộ.

Tôi ngạc nhiên:

- Thưa, ngài nói gì con không hiểu? Chúng ta đã quen biết nhau từ lúc nào? Nếu như chúng ta đã quen biết nhau từ lâu thì tại sao con không nhớ gì hết?

Vị giám mục thở dài rồi nói:

- Điều ta nói có lẽ lúc này con không hiểu được, vì đầu óc con đang bị ảnh hưởng bởi những biến cố trong đời sống hiện tại. Đêm qua, con đã nhớ được một số việc xảy ra từ rất lâu rồi cũng như những mối nhân duyên liên hệ với nhau từ trước, đó là vì con vốn đã có

khả năng này. Tuy nhiên cũng giống trước kia, khi con còn chưa nhận thức được con là ai, từ đâu đến, đã trải qua những bài học gì, đã học được gì và chưa học được gì thì con đã để mất đi nhiều cơ hội quý báu để học hỏi. Rồi con sẽ phải học đi học lại những bài học đó mãi cho tới khi nào con thật sự hiểu biết để có thể tiếp nhận những bài học khác. Có những việc mà nói ra lúc này cũng không thay đổi được gì vì đầu óc của con chưa thể hiểu được. Bài học khi xưa, con đã quên và bị các yếu tố khác che lấp nên dù ta có giải thích con cũng không thể hiểu được. Thôi con hãy lên đường...

Dù rất thắc mắc với những gì vị giám mục nói, dù trong tôi là rất nhiều câu hỏi cần được giải đáp, nhưng lúc này tôi thật sự muốn gặp lại Ella. Tôi đành từ biệt vị giám mục, hứa với ông rằng tôi sẽ tìm cơ hội trở lại gặp ông. Tôi rời tu viện, dùng tốc độ nhanh nhất đi về hướng Verden, nhưng trải qua mấy ngày vẫn chưa thể đến nơi. Hôm đó mặt trời vừa lặn, tôi đang tìm chỗ để nghỉ qua đêm thì gặp một người Gitan đang đặt bẫy thú gần đó. Anh ta thấy tôi liền hỏi:

- Nhóc con, cậu là ai? Tại sao lại lang thang trong rừng vào lúc này?

Tôi đáp:

- Tôi là người của gánh hát Alfonso, tôi bị lạc đường bấy lâu nay.

Hắn chăm chú nhìn tôi rồi lắc đầu:

- Gánh Alfonso không còn nữa đâu, hiện nay chỉ có gánh hát của Moreno thôi.

Dự cảm có điều không lành, tôi hỏi dồn:

- Anh nói vậy là sao? Đã xảy ra chuyện gì?

Người đó giải thích:

- Gánh hát của Alfonso gặp nạn, nhiều người đã bị giết, cuối cùng chỉ còn lại năm người sống sót. Alfonso đã mất hết tài sản, nhạc khí,

dụng cụ trình diễn nên không thể kiếm sống và phải xin nhập vào gánh hát của Moreno. Nếu cậu là người của Alfonso thì cứ đi về hướng Đông chừng nửa dặm thì sẽ gặp được thôi.

Tôi theo chỉ dẫn đi được một quãng thì nghe thấy có tiếng nhạc từ xa vọng lại. Tôi mừng rỡ vội bước về hướng có tiếng nhạc thì thấy một nhóm Gitan đang tụ họp bên đồng lửa lớn. Qua lời ca, tiếng hát, tôi biết họ đang tổ chức đám cưới. Tôi thông thả bước đến gần thì nghe một người nói rằng đó là ngày cưới của Moreno. Lúc đó, có tiếng vỗ tay vang rền, một người đàn ông trung niên trong xe bước ra, nhìn y phục và chiếc khăn trắng quấn quanh hông của hắn, tôi biết đó là chú rể. Âm nhạc trỗi lên vang rền, rồi hai người ở phía sau chậm chậm bước ra. Tôi giật mình nhận ra Alfonso đang đi bên cạnh một thiếu nữ trên tóc cài rất nhiều hoa. Mắt tôi hoa lên, tôi buột miệng kêu lớn:

- Ella!

Toàn thân tôi chấn động, đầu óc quay cuồng, chưa bao giờ tôi thấy tim mình đập mạnh như thế. Câu nói của Gilbert khi xưa chợt vang lên: "Đừng để mất cơ hội này". Tôi nắm chặt hai tay lại cố giữ bình tĩnh nhưng toàn thân vẫn run lên vì xúc động. Tôi hiểu vì Alfonso đã mất hết nhạc khí và dụng cụ kiếm sống nên phải xin sáp nhập vào một gánh hát khác. Vì Moreno là người lãnh đạo nên mọi việc phải theo lệnh của hắn. Nếu hắn chưa lập gia đình hay góa vợ, hắn có thể xin cưới Ella. Theo phong tục Gitan, việc dựng vợ gả chồng hoàn toàn dựa vào quyết định của cha mẹ.

Tôi nghe văng vẳng trong đầu tiếng kêu thiết tha của Ella trong giấc mơ hôm trước: "Anh Jean, cứu em, xin đừng bỏ em". Ngay lúc đó, trước đồng lửa, Alfonso cầm tay Ella đặt vào tay của Moreno và trịnh trọng tuyên bố hôn lễ bắt đầu. Đây là giây phút quan trọng, nếu không ai phản đối, hôn lễ sẽ được cử hành. Như có mãnh lực nào thúc đẩy, tôi hét lớn:

- Tôi phản đối hôn lễ này!

Tiếng hét của tôi làm mọi người ngạc nhiên, âm nhạc dừng lại, mọi con mắt đều đổ dồn về phía tôi. Moreno ngạc nhiên:

- Cái gì? Mà là ai?

Có tiếng xôn xao nổi lên, đám đông đồng loạt hô lớn:

- Thách đấu! Thách đấu!

Theo phong tục Gitan, khi có chuyện tranh chấp không thể giải quyết thì sẽ đến giai đoạn thách đấu giữa hai người để phân thắng bại.

Ella vùng ra khỏi tay Moreno kêu lớn:

- Anh Jean, anh Jean... không được đâu.

Alfonso cũng ngạc nhiên:

- Jean, con vẫn còn sống ư?

Một người Gitan cầm hai con dao ngắn bước ra trao cho tôi và Moreno. Hắn tháo chiếc khăn trắng quấn bên hông, cầm con dao lên cười nhạt:

- Thằng kia, mày sẵn sàng chưa?

Alfonso bước ngay đến bên tôi:

- Jean, con phải xin lỗi ngay. Moreno là người lãnh đạo gánh hát, con không thể làm mất mặt ông ta được.

Lúc đó, tôi không còn đủ lý trí, toàn thân như bị một mãnh lực kỳ lạ chi phối. Tôi đưa tay nhận lấy con dao ngắn rồi bước đến trước Moreno. Alfonso nắm lấy tay tôi nhưng bị tôi gạt ra. Thấy vậy Ella kêu lớn:

- Anh Jean! Không được đâu, không được!

Một người kéo Ella ra phía sau và giữ chặt cô. Cuộc đấu diễn ra rất nhanh, Moreno là người sử dụng dao thiện nghệ, chỉ thoáng giây hấn đã đâm trúng tôi mấy nhát. Bất chấp vết thương, tôi vẫn trả đòn nhưng chỉ vài phút sau, hấn đã thắng thế, đẩy tôi đến sát đồng lửa. Bất ngờ, tôi giẫm trúng thanh củi nên loạng choạng, Moreno thừa thế vung dao đâm trúng ngực khiến tôi gục xuống. Moreno bồi thêm mấy nhát nữa khiến tôi không còn đứng lên được nữa. Moreno lùi lại cười lớn:

- Tài nghệ như thế mà cũng dám thách thức tao sao?

Mắt tôi hoa lên và dần mờ đi, sức lực cũng không còn, tôi buông con dao ra. Ella vùng lên chạy đến bên tôi và cố gắng nâng tôi dậy. Tôi mỉm cười:

- Ella, anh không bỏ em đâu nhưng... muộn rồi... Anh xin lỗi...

Ella cúi xuống đặt một nụ hôn lên môi tôi rồi thì thầm:

- Em biết dù thế nào anh cũng không bỏ em một mình mà.

Bất chợt có tiếng Mona kêu lớn:

- Không được... không được!

Tôi cảm nhận rõ một chất lỏng nóng hổi phun vào ngực mình và nghe tiếng Ella cất lên:

- Anh Jean, chúng ta cùng đi với nhau nhé!

Tôi cố mở to mắt, thấy Ella đang cầm chuôi con dao ngắn nhưng lưỡi dao đã xuyên qua ngực cô, máu tuôn xối xả ướt đầm người tôi. Cô nói một cách yếu ớt:

- Em sẽ... theo anh mãi mãi!

Hơi thở yếu dần nhưng tôi vẫn gắng sức nắm chặt lấy tay Ella:

- Được, chúng ta cùng đi... bên nhau không bao giờ xa lìa!

Khi kể về kiếp sống của mình tại Pháp, Thomas cũng nói thêm về sự phát triển của Thiên Chúa giáo vào lúc đó. Là tín đồ Thiên Chúa giáo, ông có mối quan tâm đặc biệt đến thời kỳ này, một thời kỳ mà ông mô tả là "giai đoạn đen tối".

Theo Thomas, mặc dù những lời dạy của Thiên Chúa vẫn còn được truyền bá nhưng một số tinh hoa đã bị thất truyền vì không được nói đến hay giảng dạy nữa. Lý do là trong thời Trung cổ (Middle Age) khi giáo lý của Thiên Chúa truyền từ Trung Đông vào châu Âu thì trình độ của dân chúng lúc đó còn thấp, những người biết đọc, biết viết và có giáo dục chỉ chiếm thiểu số mà thôi. Nếu đem toàn bộ giáo lý giảng dạy cho quần chúng thì những người ít học, trình độ thấp không thể lĩnh hội được nên một số giáo sĩ đã đơn giản hóa các giáo lý, hạ thấp nó xuống để thích hợp cho đa số dân chúng. Các tinh hoa cao siêu chỉ được truyền dạy giới hạn cho một nhóm nhỏ những người đã được chọn lọc cẩn thận, nhưng theo thời gian, cũng ít nhiều bị thất truyền.

Ông nói: "Tôi biết nhiều người không đồng ý với điều này, vì họ quan niệm rằng tất cả những gì cần giảng dạy thì đã được nói hoặc viết ra hết rồi. Một số giáo sĩ quả quyết rằng ngoại trừ những điều đã được ghi chép lại trong Kinh Thánh thì không còn điều gì khác nữa, rằng sự vi diệu của Kinh Thánh là ở chỗ đơn giản mà ai cũng có thể đọc và hiểu được. Nhưng thật là sai lầm nếu người ta chỉ biết đến những điều được ghi lại mà không nói đến những điều không được ghi lại, những điều vốn chỉ được truyền dạy trong phạm vi giới hạn".

Những lời dạy bảo của Đức Chúa đã được Origen, vị học giả đầu tiên của Giáo hội diễn tả lại hết sức rõ ràng rằng khi Đức Chúa dạy cho dân chúng, Ngài sử dụng rất nhiều dụ ngôn để dạy. Ngoài các dụ ngôn đó, Ngài không nói gì thêm. Và khi Ngài ở một mình thì mười hai sứ đồ đã hỏi Ngài về các dụ ngôn đó. Ngài bèn giải nghĩa

hết cho họ và nói rằng dụ ngôn được đưa ra cho các con để hiểu được sự mầu nhiệm của Nước Trời, còn đối với người ngoài thì mọi sự đều chỉ là những dụ ngôn, như vậy họ xem mà không thấy, nghe mà không hiểu, mà chỉ những người hiểu và hỏi cải mới được tha thứ (S. Mark 4:10,11, 33, 34). Mark đã nhấn mạnh câu "khi Ngài ở một mình" và "đối với người ngoài" ngụ ý rằng một số tinh hoa cao siêu chỉ được dạy riêng cho những môn đệ thân thiết, vì trình độ của họ cao hơn trình độ của đa số dân chúng lúc đó. Ngay chính với các môn đệ, Ngài còn nói: "Ta còn nhiều điều nói với các con nữa nhưng bây giờ các con không thể đảm đương nổi (St John 16:12)".

Vào thời Trung cổ, các giáo sĩ đã đơn giản hóa rất nhiều lời dạy thâm sâu của Ngài và làm mất đi những tinh hoa siêu việt, mà hiện nay, một số giáo sĩ lại còn đơn giản hóa hơn nữa.

Nhiều điều được giảng dạy ngày nay đã khác hẳn những câu mà Đức Chúa dạy khi xưa. Liệu người ta có thể theo một tôn giáo nào mà không thật sự hiểu về các giáo lý của tôn giáo đó không? Đức tin và sự hiểu biết thâm sâu về ý nghĩa của giáo lý là điều cần thiết. Do đó, một tôn giáo đúng đắn phải đòi hỏi có sự học hỏi, nghiên cứu cẩn thận các giáo lý để áp dụng nó vào đời sống hầu mang lại hạnh phúc cho con người chứ không chỉ tin tưởng suông mà thôi. Nếu chỉ tin mà không có sự học hỏi và tìm hiểu kỹ lưỡng thì rất dễ đi vào con đường mê tín, lầm lạc và làm mồi cho những kẻ lợi dụng tôn giáo để trục lợi. Hiện nay có rất nhiều tà giáo xuất hiện khắp nơi, với các giáo sĩ có tài ăn nói hùng hồn, có sức thuyết phục, lôi kéo rất đông người theo. Họ góp nhặt một số giáo lý căn bản nhưng sửa đổi và giảng dạy khác đi nhằm hấp dẫn, lôi kéo quần chúng và tự phong cho mình những thẩm quyền nào đó.

Không mấy ai biết đặt câu hỏi về mục đích của các tôn giáo. Phải chăng tôn giáo được truyền bá để thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại, trở về với cội nguồn thiêng liêng của mình. Vấn đề là mỗi nơi, mỗi miền đều có nét văn hóa, phong tục và ngôn ngữ khác nhau nên việc đưa ra một tôn giáo duy nhất cho tất cả là điều không thể. Đó là lý do có nhiều tôn giáo khác nhau xuất hiện tại những nơi khác

nhau. Sự tiến hóa của nhân loại có thể coi như một cái thang dài từ dưới lên cao, mà trên mỗi bậc thang đều có những người ở đó. Người ở mức thang cao sẽ khác người ở mức thang thấp. Do đó, việc giảng dạy cũng phải tùy theo trình độ và sự hiểu biết của mỗi người. Phần cao siêu vi diệu dành cho người thanh cao thì người đại khờ không thể hiểu được. Cũng như thế, một giáo lý căn bản thích hợp với người mới sẽ trở nên vô vị với người có sự hiểu biết thâm sâu. Vì thế, tôn giáo nào cũng có nhiều cấp bậc khác nhau tùy theo trình độ của tín đồ, nếu không như thế, nó sẽ không đạt được mục đích là phát triển trí tuệ và sự hiểu biết được.

Tuy nhiên, cho dù là thâm sâu hay đơn giản nhất, ý nghĩa xuyên suốt nhất cho mọi tôn giáo hay niềm tin tâm linh chính là phát triển tình thương và lòng bác ái. Nếu tôn giáo hay tín đồ nào đi trái với hai tiêu chí này thì đó đều là sự lầm lạc. Nhân quả là bảng chỉ đường cho con người về với thiện lương, hiểu thấu đáo quy luật này, thế giới của chúng ta sẽ tràn đầy ánh sáng của tình thương. Cuối cùng, tình yêu thương vô điều kiện chính là con đường đưa chúng ta đến với tự do tuyệt đối, hòa hợp với Đấng tối cao.

Kiếp sống ở Pháp cũng là kiếp sống đáng nhớ cuối cùng mà Thomas kể cho tôi. Ông cũng nói sơ qua rằng sau đó ông cũng từng trở lại với vài kiếp sống ngắn ngủi để học những bài học của mình. Không phải kiếp sống nào ông cũng sáng suốt và có cơ duyên thức tỉnh, nhưng ông đã dần tìm lại được con đường của mình, con đường phát triển tinh thần, kết nối tâm linh và chuyển hóa tâm thức. Tôi và Thomas tiếp tục có những buổi trò chuyện để kể về những nhân duyên của ông ở kiếp này, về những việc ông đang làm và những điều ông đã ngộ ra.

PHẦN CHÍNH

KINH TẾ QUÀ TẶNG

HẠT GIỐNG THIỆN TÂM

Mới đây, trong một chuyến công tác đến Chicago, tôi có gọi điện cho người bạn cũ mà gần đây mới có dịp gặp lại là tỷ phú Farnum, đề nghị đến thăm ông. Vị tỷ phú vui vẻ mời tôi đi ăn. Thay vì đến các tiệm ăn sang trọng, hợp với địa vị của mình, Farnum đưa tôi đến một quán ăn bình dân, có đông người xếp hàng trước cửa để chờ đến lượt vào dùng bữa.

Nhìn cách trưng bày giản dị cộng với tên quán là *Karma Kitchen*, tôi thầm nghĩ có lẽ đây là quán ăn Ấn Độ với những món đặc biệt mà Farnum ưa thích. Khi thực đơn được đưa ra, tôi ngạc nhiên vì toàn là những món ăn phổ thông, không có gì đặc biệt hay mới lạ. Farnum chọn món rồi nhìn tôi mỉm cười. Tôi giữ ý không để lộ sự ngạc nhiên của mình và cũng chọn món. Chúng tôi trò chuyện với nhau về các đề tài thời sự nóng hổi gần đây cho đến khi các món ăn được mang đến. Món ăn không có gì đặc biệt nếu không muốn nói là tầm thường. Tôi vừa ăn vừa thắc mắc, không hiểu tại sao một tỷ phú giàu có như Farnum lại chọn ăn ở một quán ăn bình dân như thế này. Ăn xong, đến lúc thanh toán thì tôi thấy trên phiếu tính tiền là con số không, kèm theo hàng chữ: *"Món ăn của bạn là quà tặng của người đến ăn trước. Để tiếp tục sợi dây thân ái, chúng tôi mong bạn cũng vui lòng tặng quà cho người ăn sau"*. Tôi ngạc nhiên đọc đi đọc lại phiếu tính tiền rồi ngược lên nhìn Farnum với vẻ thắc mắc. Farnum này giờ vẫn đang quan sát thái độ của tôi. HÀi lòng với vẻ ngạc nhiên trên mặt tôi, ông giải thích:

- Phần ăn của chúng ta đã được người dùng trước thanh toán rồi. Chicago có hàng ngàn quán ăn nhưng đây lại là một quán đặc biệt vì nó cho mọi người cơ hội để chia sẻ lòng tử tế, tình thân ái đến người khác. Quán ăn này là ý tưởng của một số người muốn tạo ra sự thay đổi trong đời sống vội vã, tham lam, ích kỷ, vô cảm hiện nay.

Họ phát động việc trao gửi tình thân ái, sự tử tế, lòng sẻ chia đến người khác bằng cách trả tiền cho người ăn sau như gửi đến một món quà tặng, tạo một dây thân ái từ người này qua người khác. Ý tưởng này được khởi đầu từ vài năm trước nhưng đến nay đã lan rộng khắp nơi, khiến các chuyên gia kinh tế đã đặt cho nó cái tên: "Kinh tế quà tặng" (*Gift Economy*) hay sự trao đổi các giá trị nhưng không phải mua bán mà cho đi vô điều kiện.

Lời giải thích của Farnum khiến tôi nhớ lại một việc xảy ra cách đây không lâu. Hôm đó tôi lái xe đi New Jersey, có đi qua một trạm thu phí. Khi tôi dừng xe để trả tiền thì người thu phí nói rằng xe trước đã trả phí cho tôi rồi. Thấy vậy Angie nói ngay: "Nếu thế chúng tôi cũng muốn trả phí cho xe sau". Tiếp tục cho đi khi nhận được điều gì tốt đẹp đã có truyền thống lâu đời, có cả một thành ngữ cho hành động này (*Pay it forward*). Tôi nghĩ quán ăn này hoạt động với sứ mệnh lan tỏa tinh thần này.

Farnum giải thích thêm:

- Karma Kitchen là quán ăn không có giá biểu, thực khách đến dùng bữa muốn trả bao nhiêu cũng được, và số tiền đó là để làm quà tặng cho người ăn sau. Quán hoạt động với tinh thần phục vụ, mục đích là cho đi, không mong đợi gì hết. Việc nhận quà tặng từ người ăn trước rồi lại tặng quà cho người ăn sau, dù không ai quen biết ai, cũng là một niềm vui nhẹ nhàng, thầm lặng mà ai cũng có thể trải nghiệm. Hành động cao đẹp này trở thành phong trào lan tỏa tình thân ái đến mọi người. Nguyên lý của nó là khuyến khích các hành động tử tế để chuyển hóa sự ích kỷ thành lòng vị tha và lan tỏa tinh thân ái đến những người khác.

Tình thương giống như nguồn nước, tuôn chảy khắp nơi. Tình thương của Thượng Đế giống như biển cả mênh mông vô tận trong khi tình thương của con người thì như dòng suối nhỏ len lỏi qua mặt đất mà thôi. Khi con người biết thương yêu là khi họ quay về với Thượng Đế và khi họ thương yêu chân thành, không đòi hỏi là khi dòng suối bắt đầu hòa nhập vào biển cả.

Tôi mỉm cười, tán thưởng:

- Hay thật. Quả là một hình thức cho đi ý nghĩa. Cá nhân tôi cho rằng nó mang ý nghĩa hơn các quán ăn từ thiện.

Farnum gật đầu:

- Các quán ăn từ thiện dành cho người nghèo được điều hành bởi các hội từ thiện. Người đến ăn tuy không phải trả tiền nhưng chỉ là người tiêu thụ chứ không có dịp lan tỏa lòng thân ái đến người khác. Hiện nay, tiền bạc là yếu tố chi phối mọi sự, bất cứ việc gì cũng phải có tiền. Người ta nhìn ngấm nhau qua tiền bạc, so sánh nhau qua tiền bạc và đối xử với nhau cũng qua tiền bạc. Karma Kitchen đem lại cơ hội để mọi người đối xử tử tế với nhau một cách âm thầm qua việc trả tiền cho người đến sau như một món quà.

Tôi gật gù tỏ ý đồng tình rồi chợt thắc mắc:

- Nhưng liệu không có giá biểu mà chỉ trông cậy vào sự tử tế của mọi người thì quán có đủ kinh phí duy trì không?

Farnum bật cười:

- Anh nghĩ quán ăn như thế chắc phải lỗ vốn, đúng không? Không đâu, điều bắt buộc là số tiền thu vào thường nhiều hơn số chi ra. Hầu như ai đến ăn cũng muốn trả nhiều hơn để giữ cho quán hoạt động. Tôn chỉ của quán là *"Hãy cho mọi người một cơ hội làm điều tử tế rồi họ sẽ lan tỏa điều này khắp nơi"*. Hiện nay, đã có vài chục quán Karma Kitchen mở ra tại Mỹ, nó cũng lan ra Ấn Độ, Singapore, Malaysia, Anh, Nhật Bản, Ba Lan, Pháp và Dubai. Đây là quan niệm kinh tế mới lạ về sự hào phóng cho đi mà không đòi hỏi thu lại cái gì. Mục đích của nó là làm khơi dậy những tiềm năng thân ái, tử tế sẵn có của mọi người, để họ lan tỏa sự thương yêu đến tất cả nhằm chuyển hóa chính mình cũng như người khác. Đó là lý do tôi mời anh đến đây, tôi muốn anh để ý đến phong trào này.

Trong lúc chúng tôi nói chuyện, vài người phục vụ trong quán đi ngang qua bàn ăn thân mật chào Farnum. Tôi hỏi:

- Hình như anh rất thường xuyên đến đây và rất quen thuộc với nơi này?

Farnum mỉm cười, giải thích:

- Karma Kitchen là quán ăn mà từ người nấu đến người phục vụ đều làm việc hoàn toàn tự nguyện, không công. Có người làm vài ngày, có người làm nhiều tuần hay lâu hơn. Đa số đều là sinh viên, học sinh hăng say với lý tưởng phụng sự, lan tỏa lòng vị tha, thân ái. Khi nghe nói về việc này, chính tôi đã tự nguyện đến rửa bát và đổ rác tại đây trong hai tuần lễ để xem cách thức họ làm việc ra sao. Cũng vì vậy nên tôi quen biết với hầu hết mọi người ở đây.

Farnum nói thêm:

- Tôi là người của hành động. Muốn biết rõ việc gì, tôi đều đích thân đến tận nơi xem xét và nghiên cứu. Nếu cần, tôi sẵn sàng bắt tay vào làm để biết rõ cách thức hoạt động của họ. Quy tắc của Karma Kitchen là phát triển lòng tử tế, tạo một dây chuyền thân ái từ người này qua người khác. Nếu những doanh nhân như chúng ta hay đầu tư vào chứng khoán thì người làm việc tại đây cũng như khách tới ăn lại đầu tư vào lòng nhân ái và sự tử tế.

Farnum là tỷ phú chuyên đầu tư vào các công ty khởi nghiệp nhưng có cuộc sống kín đáo, không hề xuất hiện trước công chúng nên không mấy người biết về ông. Tuy nhiên, việc ông tự nguyện đến làm việc trong quán ăn bình dân để tìm hiểu thêm khiến tôi rất thán phục. Farnum kể tiếp:

- Sau khi ghi tên tự nguyện, chúng tôi sẽ ngồi quây lại thành một vòng tròn để tự giới thiệu mình với những người làm việc tại đó. Mọi người chỉ biết tên nhau, không ai biết tôi là ai và tôi cũng không biết họ là ai. Công việc này là phụng sự, hoàn toàn tự nguyện, không phân biệt tuổi tác, danh vọng, địa vị mà chỉ có một mục đích là hoàn

tất công việc được giao. Dù ai đó có khiếm khuyết thì cũng không quan trọng. Trong tinh thần phụng sự, mọi người đều giúp đỡ lẫn nhau chứ không có sự phê bình, chỉ trích. Dù giàu hay nghèo, dù bằng cấp hay địa vị có cao đến đâu cũng không thành vấn đề. Trong việc phụng sự, chân thành là yếu tố duy nhất. Do đó khi làm việc này, không thể có bản ngã chen vào được. Không ai làm việc tự nguyện mà lại tự tôn, tự đại. Nếu còn đề cao bản thân thì công việc phụng sự đối với người đó cũng chỉ là phương tiện để họ đạt mục đích khác thôi.

Tôi gặt đầu đồng tình, rồi hỏi thêm:

- Vậy thì anh đã làm những gì ở đây? Mọi người ở đây làm việc ra sao? Tôi thật sự rất tò mò. Tôi thấy mọi người đều có vẻ rất nhiệt huyết và năng nổ, không giống như đang làm việc không công gì cả.

Farnum cười:

- Đúng vậy, mọi người ở đây đều ôm một bầu nhiệt huyết đối với sự tốt đẹp. Sáng sớm, khi mọi người tề tựu đông đủ, người điều hành quán ăn sẽ nói về thực đơn hôm đó, hướng dẫn các món phải nấu nướng ra sao rồi tiến hành phân công cho mọi người. Khi mới đến đây, vì chưa quen việc nên tôi được giao những việc đơn giản như quét dọn, lau chùi và đổ rác. Sau khi làm được vài hôm, có người tình nguyện mới đến, tôi được giao việc dọn bàn và đem các món ăn ra cho khách. Sau một tuần, vì đã có kinh nghiệm, tôi được phân công phụ giúp cho người nấu ăn. Hằng ngày, khi quán đóng cửa, mọi người cùng nhau quét dọn, thu xếp bàn ghế rồi ngồi lại thành vòng tròn cùng chia sẻ với nhau về ngày làm việc hôm đó để rút tỉa kinh nghiệm. Những buổi chia sẻ này đều là những trải nghiệm khó quên. Mọi người bắt đầu kể cho nhau nghe về cảm tưởng của họ khi làm những công việc này. Đó là những mẫu chuyện tuy ngắn thôi nhưng chứa đầy ý nghĩa. Ví dụ, khi khách có nặng lời hay tỏ ra bất lịch sự thì họ làm sao để giữ thái độ hòa nhã. Nguyên tắc tự nguyện làm việc tại đây là phát triển lòng nhân ái để thay đổi chính mình và lan tỏa đến người khác. Đôi khi phản ứng và cách ứng xử của

chúng ta cũng giúp khách hàng chuyển hóa thái độ của họ nữa. Những chia sẻ của họ là những điều quý giá giúp tôi hiểu rõ tinh thần phục vụ bất vụ lợi là thế nào. Trong hai tuần tại đây, tôi đã học được nhiều điều: Cho đi, nói lời nhã nhặn, lan tỏa lòng thân ái và cùng làm việc trong tinh thần phụng sự. Hay nói như ngôn ngữ của Phật giáo là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Nhờ thế, tôi hiểu rõ hơn về nền kinh tế quà tặng hay hệ thống trao đổi mọi thứ bằng tình người. Điều này hoàn toàn trái ngược với nền kinh tế thị trường, nơi mọi thứ chỉ trao đổi bằng tiền bạc.

Đúng lúc đó, một thanh niên đi ngang qua chào Farnum hết sức nhiệt tình. Ông giới thiệu anh bạn trẻ này với tôi:

- Đây là Roger, người đã làm việc tại đây lâu nhất. Hình như sáu tháng thì phải?

Người thanh niên gật đầu cười:

- Vâng, tôi làm việc mỗi tuần ba ngày, và đã làm thế hơn sáu tháng nay rồi.

Tôi hỏi:

- Anh hiện đang làm gì mà có thể dành thời gian đến đây làm tình nguyện được lâu như thế?

Roger vui vẻ trả lời:

- Tôi đang là sinh viên Đại học Chicago...

Farnum nói ngay:

- Này Roger, anh hãy kể cho bạn tôi nghe tại sao anh lại tình nguyện làm việc tại đây nhé.

Roger gật đầu cười:

- Tôi học về điện toán. Hầu hết các bạn của tôi trong trường đều ập ủ giấc mộng khởi nghiệp để làm giàu. Ai cũng muốn trở thành Bill Gates hay Steve Jobs thứ hai. Gần như mọi câu chuyện, mọi chủ đề hằng ngày của họ đều liên quan đến tiền bạc chứ không để tâm đến vấn đề nào khác nữa. Dĩ nhiên, tiền bạc không xấu nhưng sự khao khát tiền bạc đến ám ảnh của họ đã làm cho tôi thất vọng. Tôi muốn có một đời sống cao cả, tốt đẹp hơn. Tôi có đọc sách về Phật giáo, điều hấp dẫn tôi nhất chính là khái niệm "nghiệp" (*Karma*), được hiểu là nếu làm việc tốt thì điều tốt lành sẽ đến với bạn. Tôi không mong nhận lại gì ngoài việc cố gắng trở thành người tốt. Do đó ngoài giờ học, tôi tình nguyện làm việc tại đây và cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ hết.

Sau khi Roger rời đi, Farnum tiếp tục cuộc trò chuyện vừa bị gián đoạn của chúng tôi:

- Anh thấy đó, chúng ta thường mời bạn bè đi ăn uống, nhưng dù có là bạn thân đến đâu đi chăng nữa thì đôi khi vẫn có sự kỳ vọng đền đáp. Hôm nay tôi trả cho anh thì lần sau anh sẽ trả cho tôi. Đâu có mấy khi ta nghĩ đến việc trả tiền cho người không quen biết mà không mong đáp trả lại điều gì. Đa số mọi người sẽ nghĩ làm vậy là ngu xuẩn. Tuy nhiên trên đời này, không có ai là người xa lạ cả. Và mọi người chúng ta có duyên gặp gỡ trên đời đều có mối liên hệ với ta từ trước. Trong thế giới hơn bảy tỷ người này, cả cuộc đời chúng ta ước lượng chỉ gặp được vài ngàn người là nhiều. Trong số đó, ta chỉ quen biết vài trăm người là cùng. Có bao giờ anh tự hỏi vì lý do gì chúng ta lại gặp nhau không? Tại sao chúng ta lại thân nhau mà không phải là ai khác? Phải chăng tất cả đều đã có liên hệ từ trước? Chúng ta đến với nhau là để học hỏi, giúp đỡ, cũng là để sẻ chia, lan tỏa yêu thương.

Farnum nhấn mạnh:

- Vấn đề là ít ai thật sự suy nghĩ về điều này. Trong vô vàn mối quan hệ, đa số mọi người chỉ thân cận với người nào đó khi thấy điều gì có lợi cho họ mà thôi. Đôi khi bạn bè cũng là đối tượng để lợi dụng

chứ không hẳn là tình bạn chân chính. Những người giàu có, nổi danh thường có rất đông bạn bè xúm lại ca tụng, tâng bốc. Anh có thấy người nào nghèo khổ, đói rách mà có đông bạn như thế không?

Farnum đột nhiên trầm ngâm:

- Từ khi đi qua trải nghiệm cận tử, tôi đã suy nghĩ nhiều về việc làm sao có thể giúp mọi người chuyển đổi tâm thức lên những điều cao thượng, giàu ý nghĩa hơn? Hiện nay nhiều người quen lối sống ích kỷ, chỉ biết lo cho bản thân chứ không hề nghĩ đến ai khác. Dù biết khi chết không mang theo của cải vật chất nhưng họ vẫn chiếm giữ càng nhiều càng tốt, mấy ai đã biết cho đi. Tôi nhớ lại người lạ mặt đi cùng với cha tôi từng khuyên rằng chỉ khi nào biết quên mình thì mọi sự tốt đẹp mới có thể biểu hiện, khi nào bản ngã tiêu tan thì tình thương bên trong mới tỏa sáng. Từ đó tôi cố gắng sống như thế.

Tôi nhìn Farnum, người bạn học năm xưa, một trong những tỷ phú thành công, giàu có nhất Chicago. Đi qua trải nghiệm cận tử, ông đã trở thành một người rất khác. Người mà hiện giờ sự thoải mái, thanh thản luôn tỏa sáng trên khuôn mặt đã hằn những vết nhăn của năm tháng. Ông âm thầm giao cho tôi toàn bộ khối tài sản của mình để làm những việc có ý nghĩa. Tôi nghĩ đến những người giàu có như ông, mặc dù tuổi đời đã cao nhưng vẫn loay hoay từng ngày ngăn ngừa còn lại trong cuộc đời để lo toan, tính toán từng con số trong trương mục ngân hàng.

Farnum nói tiếp:

- Tôi từng thấy một người hành khất nghèo đói vừa xin được một miếng bánh pizza đã vội chia sẻ ngay với một con chó hoang gầy ốm đang lang thang kiếm ăn gần đó. Việc cho đi mà không mong đợi sự đáp trả nào như thế còn cao đẹp hơn cả những triệu phú sẵn sàng bỏ số tiền lớn làm từ thiện nhưng mục đích là để tên tuổi, công lao của họ được tung hô trên báo chí. Là người theo Thiên Chúa giáo, tôi rất thích câu hỏi của thánh Francis thành Assisi: "*Có ai*

muốn phụng sự Thượng Đế không công không?". Không công nghĩa là không mong đợi gì hết, chỉ dốc lòng phụng sự mà thôi.

Tôi gật đầu:

- Anh nói đúng. Đa số mọi người làm việc đều mong đợi kết quả nào đó, dù là phần thưởng vật chất hay chỉ là một lời khen tặng.

Farnum tiếp tục:

- Có lẽ anh cũng thấy, hầu hết những người giàu đều có xu hướng thu vào và không nở cho ra. Quá nửa những người có quyền thế, gia sản khổng lồ đều chỉ biết tích lũy chứ không biết bố thí, cho đi hay giúp đỡ người khác. Đối với họ, nghe nói đến chữ "bố thí" là đã thấy e dè, vì bản tính của họ là nắm giữ khư khư thật chắc, còn cho đi là mất mát, là đau khổ, là xót xa. Một xã hội mà có quá nhiều người giàu keo kiệt như thế thì không thể là một xã hội lành mạnh được, nó thối rữa từ bên trong đấy.

Chỉ khi nào biết quên mình thì mọi sự tốt đẹp mới có thể biểu hiện. Khi nào bản ngã tiêu tan thì tình thương bên trong mới tỏa sáng.

Farnum im lặng như suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Chúng ta đều là những người làm trong lĩnh vực về tài chính nên biết rõ các dữ liệu kinh tế. Trước đây, hầu hết các công ty lớn nhỏ đều phân phối lợi nhuận một cách công bằng, rộng rãi. Qua báo cáo tài chính, chúng ta biết rõ họ đã trả lương cho nhân viên bao nhiêu, quyền lợi thế nào, đóng thuế cho chính phủ ra sao. Chính sách phân phối công bằng này đã tạo ra sự thịnh vượng cho xã hội trong thời gian rất lâu. Tuy nhiên bắt đầu từ thập niên 70, đã có sự thay đổi lớn bởi quan niệm của nhà kinh tế học Milton Friedman, khi ông khẳng định rằng: "Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là tận dụng mọi nguồn lực của mình và tham gia vào các hoạt động được thiết kế để gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp". Lúc đó, những người đầu tư như chúng ta đều hết lòng ca tụng Milton nhất là khi ông đoạt giải

Nobel Kinh tế nhờ những đóng góp vào chủ nghĩa tiền tệ (*Monetarism*) mà đến nay vẫn được coi là khuôn vàng thước ngọc.

Tôi đồng tình:

- Nhiều lãnh đạo cũng áp dụng chính sách này cho quốc gia của họ, không mấy ai ngờ được hậu quả về sau.

Farnum gật đầu:

- Quan niệm này đã thúc đẩy lòng tham của một số giám đốc điều hành, họ lợi dụng lý thuyết này để áp dụng một cách sai lạc nhằm vơ vét tất cả những gì họ có thể lấy được. Anh cũng như tôi đều nhìn thấy rõ, trong khi mức lương của công nhân làm trong các doanh nghiệp vẫn đứng yên tại chỗ thì lương các giám đốc điều hành đã gia tăng theo cấp số nhân. Sự bất bình đẳng này vẫn còn tiếp tục kéo dài cho đến nay. Khi xưa, đa số những người lãnh đạo doanh nghiệp đều bắt đầu từ vị trí thấp rồi mới lên cao, họ đều là những chuyên viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động. Bắt đầu từ thập niên 70, với quan niệm phải gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, hầu hết các giám đốc điều hành này đều bị thay thế bởi những người tốt nghiệp về tài chính, xuất thân từ các trường đại học hàng đầu như Harvard, Chicago, Pennsylvania, Stanford... Bằng Quản trị kinh doanh (*MBA*) là chìa khóa mở cánh cửa để bước vào vị trí giám đốc điều hành. Những người này chỉ có một mục đích duy nhất là làm gia tăng lợi nhuận tối đa để cho giá cổ phiếu lên cao. Họ tiến hành sa thải một số lượng lớn công nhân nhằm cắt giảm chi phí, đóng cửa nhiều nhà máy, chuyển việc sản xuất qua những quốc gia khác có mức lương nhân công thấp nhằm tăng lợi nhuận. Họ thêu dệt các danh từ như "toàn cầu hóa", "mang việc làm đến cho những quốc gia kém mở mang, thúc đẩy phát triển kinh tế tại những nơi đó". Thật ra, mục đích duy nhất chỉ là giảm chi, tăng thu, nhằm kiếm lợi nhuận tối đa. Từ đó, giá trị công ty không còn được đánh giá bằng sản phẩm hay chất lượng cao mà bằng mức lợi nhuận, bằng việc giá cổ phiếu lên bao nhiêu điểm. Đây là chính sách ngắn hạn nhưng vô cùng tai hại. Tuy đem lại lợi nhuận

cho doanh nghiệp, thu nhập giám đốc điều hành và thân chủ cổ phiếu nhưng lại gây ra bất ổn cho xã hội, tăng tỷ lệ thất nghiệp, thu hẹp giai cấp trung lưu, tạo ra bất bình đẳng giàu nghèo. Một doanh nghiệp mà không có phát kiến mới, chỉ sản xuất các sản phẩm với chi phí thấp nhưng lại muốn thu được lợi nhuận cao thì làm sao có thể vượt lên và tiến bộ được trong thế giới cạnh tranh khốc liệt hiện nay?

Vấn đề Farnum vừa đề cập khiến tôi nghĩ đến việc phá sản hàng loạt của các công ty lớn trong thời gian vừa qua. Hầu hết những công ty có được sự thành công vẻ vang từ đầu thế kỷ 20 thì hiện nay đều suy sụp hay đã biến mất trên thị trường. Phải chăng chỉ vì lòng tham của một thiểu số lãnh đạo đã mang lại hậu quả tai hại như thế?

Farnum nói thêm:

- Từ khi các doanh nghiệp trên thế giới áp dụng chính sách này, thị trường chứng khoán và giá cổ phiếu đã gia tăng hơn bao giờ hết. Tôi thấy nhiều giám đốc điều hành ngày nay trở nên tàn nhẫn chưa từng thấy. Mọi công ty đều đua nhau sa thải công nhân, đóng cửa xưởng máy, chuyển việc làm ra ngoại quốc, cắt giảm ngân sách nghiên cứu, chỉ để đạt được mục tiêu là gia tăng lợi nhuận, bất kể mọi hiểm họa gây ra cho tương lai. Khi giá cổ phiếu lên cao, người đầu tư vào cổ phiếu gia tăng, doanh nghiệp càng có nhiều tiền thì các vị giám đốc này sẽ làm gì? Họ thẳng tay thanh toán các công ty đối thủ để giảm cạnh tranh. Có lẽ anh cũng biết, hiện nay nền kinh tế thế giới đã thu hẹp vào trong tay của vài chục tập đoàn cực lớn, chi phối hầu hết mọi sự. Ảnh hưởng và quyền lực của những gã khổng lồ này có thể khuynh đảo toàn bộ nền kinh tế thế giới trong tương lai. Tôi cũng rất bận tâm về chính sách toàn cầu hóa mà hiện nay chính phủ nhiều quốc gia đang ca tụng. Họ chỉ nhìn thấy các nguồn lợi ngắn hạn, giúp họ giải quyết nạn thất nghiệp mà không nhận thức được những hậu quả tai hại có thể kéo đến về sau. Hầu hết các công nghệ được chuyển giao cho những quốc gia có nhân công giá rẻ đều đã lỗi thời, máy móc đều đã cũ kỹ, hậu quả là chúng gây

ra ô nhiễm trầm trọng, các chất phế thải hóa học bị đổ xuống sông biển đã hủy diệt môi trường, gây ra nhiều bệnh nan y không thể cứu chữa. Việc phá rừng, xẻ núi, khai thác tài nguyên thiên nhiên để xuất khẩu đã đem đến nhiều hậu quả trong tương lai mà không ai ngờ. Tất cả phải chăng chỉ vì lòng tham muốn có thật nhiều tiền và làm giàu mau chóng?

Farnum tiếp tục:

- Thập niên 70 cũng là lúc công nghệ thông tin phát triển, các công ty khởi nghiệp như Apple, Microsoft, Google đều trở thành những "tay chơi" lớn trong thị trường chứng khoán. Khi cổ phiếu của họ gia tăng hàng trăm lần thì những người rất trẻ, chưa trưởng thành đã trở thành những ông chủ lớn với tài sản lên đến con số hàng tỷ. Sự thành công của họ là động năng thúc đẩy thế hệ trẻ hiện nay có nhiều tham vọng và cũng tham lam hơn. Nhiều sinh viên vừa tốt nghiệp, khi phỏng vấn xin việc đều nói mục đích duy nhất của họ là kiếm thật nhiều tiền, càng nhiều càng tốt.

Tôi đồng ý với Farnum:

- Anh nói đúng, tôi đã gặp những người như thế. Chưa nghe họ nói gì về khả năng đóng góp cho công ty và đất nước thì đã nghe họ nói làm sao có thể kiếm thật nhiều tiền.

Farnum thở dài:

- Trong xã hội, khi một thiểu số trở nên vô cùng giàu có, còn đa số phải làm đủ mọi việc để sống còn, thì xã hội ấy không thể tiến bộ hay phát triển được, trước sau cũng tan rã. Muốn tạo sự quân bình trong xã hội, trước hết phải bắt đầu bằng việc giáo dục về bổn phận, trách nhiệm của con người trong xã hội và trên trái đất này, nhằm thay đổi các thói tham lam, ích kỷ và tư lợi.

Tôi nói ngay:

- Việc này nói thì dễ nhưng khó có thể áp dụng. Hiện nay, tiền bạc đã chi phối hầu hết mọi sự nên đầu óc con người đã bị ảnh hưởng, ít nhiều bị hư hoại, khó mà bỏ được thói tham lam hay ích kỷ...

Farnum trầm ngâm:

- Chúng ta đều là những người đầu tư chứng khoán, mua bán cổ phiếu nên cũng có trách nhiệm phần nào đối với tình trạng này. Do đó, tôi muốn sử dụng tất cả tài sản của mình để hỗ trợ cho những hành động có thể đánh thức, tạo ra sự chuyển hóa tâm thức cho mọi người. Chúng ta cần phải khuyến khích những việc làm cao thượng nhằm nâng cao tâm thức của nhân loại lên mức cao đẹp hơn. Một khi tâm thức đã thấm nhuần những tư tưởng thanh cao thì các thói xấu hiển nhiên sẽ bị loại trừ.

Tôi hỏi:

- Vậy chúng ta có thể làm gì đây?

Farnum im lặng suy nghĩ rồi nói:

- Hiện nay, công nghệ phát triển đã làm thay đổi nền tảng của gia đình, hậu quả là con cái không còn gần gũi hay có mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ như xưa nữa. Thế hệ trẻ đã rơi vào trạng thái mất kết nối và trở nên lạc lõng, cô đơn, phải tìm sự an ủi qua sản phẩm công nghệ như trò chơi, mạng xã hội ảo, rồi giao du với những người xa lạ trên mạng xã hội. Người trẻ ngày nay đang dần mất kết nối trực tiếp giữa người với người mà phải qua trung gian của công nghệ. Việc này khiến họ không những mất kết nối với gia đình và các thế hệ trước mà còn mất kết nối với chính mình. Họ bơ vơ, lạc lõng, cô đơn, khổ sở trong một thế giới máy móc, vô cảm. Đa số đều mất niềm tin vào mọi thứ, kể cả gia đình và tôn giáo. Trong mấy chục năm qua, áp lực đời sống xã hội đã đẩy nhiều gia đình đến chỗ ly tán và tan vỡ. Tỷ lệ ly hôn lên cao, vợ chồng, con cái trở nên xa lạ với nhau, đôi khi còn biến thành hận thù nữa. Gia đình là nền tảng của xã hội, khi mọi người trong đó không còn kết nối với nhau thì làm sao xã hội có thể duy trì được nữa?

Tôi hỏi:

- Theo anh, làm sao để xây dựng một xã hội vững chắc hơn?

Farnum tiếp tục:

- Để xây dựng một xã hội lành mạnh, chúng ta cần bắt đầu từ căn bản, từ gốc rễ là gia đình. Một cái cây cần phải có rễ bám sâu xuống lòng đất thì mới phát triển được. Tại sao những người trẻ hiện nay lại không vững vàng được như xưa? Vấn đề không hoàn toàn nằm ở họ mà nằm ở gia đình. Bốn phận của cha mẹ là dạy dỗ con cái biết hiếu thảo, trở thành công dân lương thiện, yêu thương gia đình, hướng về tổ quốc, bảo vệ quốc gia, xây dựng và làm những điều có ích cho đất nước. Khi gia đình đổ vỡ, khi vợ chồng không hòa thuận, những cuộc cãi vã liên tục nổ ra thì làm sao con cái có thể noi theo và ngoan ngoãn được? Các bậc làm cha mẹ phải ý thức rõ trách nhiệm giáo dục, định hướng con cái chứ không thể giao cho bất kỳ ai khác được. Nếu con cái được dạy từ nhỏ để phát triển nhân cách theo đúng hướng thì khi lớn lên chúng có thể vượt qua thử thách, không bị lung lay bởi tiền bạc, địa vị, sắc đẹp hay danh vọng. Ngày nay, một số chuyên gia tâm lý kêu gọi phải cho con trẻ tự do phát triển theo bản tính của chúng. Tôi không phản đối điều này, nhưng tự do đâu phải là tùy ý muốn làm gì thì làm. Trẻ con mà không được dạy dỗ từ nhỏ, phó mặc chúng phát triển theo ý thích thì chỉ khiến chúng trở nên vô cảm rồi hư hỏng mà thôi.

Tôi góp ý:

- Vẫn biết thế, nhưng trong hoàn cảnh ngày nay, ít gia đình nào có thể sống thoải mái với một nguồn thu nhập. Cả chồng lẫn vợ đều phải làm việc mới đủ sống, vì vậy việc đòi hỏi họ dành nhiều thời giờ dạy dỗ con cái là cả một vấn đề lớn.

Farnum phản đối:

- Nhưng không nhất thiết ai cũng phải bỏ hết thời gian để kiếm tiền. Dù bận rộn thế nào, nếu muốn, cha mẹ vẫn có thể dành thời giờ để

tìm hiểu và thông cảm với con cái. Khi sinh con, đâu cha mẹ nào muốn con mình trở nên hư hỏng nhưng nhiều người đã "khoán" việc giáo dục quan trọng này cho trường học. Trường học chỉ có thể dạy kiến thức phổ thông, còn căn bản đạo đức làm người thì chỉ cha mẹ mới có thể dạy dỗ và định hướng được. Con trẻ đều học từ cha mẹ, cha mẹ hành động ra sao, con trẻ học theo như thế. Nếu không dành thời gian dạy dỗ, lắng nghe, để hiểu biết và cảm thông với con cái từ khi còn nhỏ, thì làm sao cha mẹ biết khi con cái lớn lên cần những gì? Tại sao thanh niên ngày nay thường có khuynh hướng độc lập, nổi loạn và không vâng theo lời cha mẹ? Tại vì cha mẹ đâu biết gì về con cái, đâu biết chúng nghĩ gì, làm gì, hay có vấn đề gì. Vì cha mẹ không dạy gì cho con nên con chỉ học qua bạn bè và các trang mạng xã hội. Đám trẻ học rằng người thành công là người có thể kiếm nhiều tiền, do đó họ sẵn sàng làm mọi chuyện chỉ để có tiền, bất chấp tốt xấu. Họ học rằng nếu muốn nổi tiếng thì phải làm theo các ngôi sao điện ảnh hay những người đang tạo ảnh hưởng trên mạng xã hội. Do đó họ mua sắm, chưng diện, nói năng bừa bãi như những người này. Thay vì đọc các sách vở có giá trị, họ chỉ đọc những bình luận, tin nhắn trên mạng xã hội và "chat" với những người xa lạ vì họ đâu có thể trò chuyện, đối thoại thân tình với cha mẹ mình được nữa. Đó chính là tình trạng mất kết nối nghiêm trọng trong giáo dục các gia đình hiện nay trên thế giới.

Tôi tán thành và nói thêm:

- Anh nói đúng, tôi thấy ngày nay đại đa số người trẻ ít để ý đến các biến cố trên thế giới, nếu so với những người thuộc thế hệ trước. Bạn tôi, một giáo sư đại học, đã phải than rằng phần lớn sinh viên chỉ xem tin tức qua Facebook, Twitter, TikTok, YouTube hay WeChat... Họ chỉ quan tâm tới cái mà những người trẻ như họ đang làm trên mạng xã hội. Họ ngày càng trở nên vô cảm, không còn ham tìm tòi để gia tăng hiểu biết và chỉ chạy theo vật chất hay các xu thế nhất thời. Người ta vẫn tin rằng nhờ Internet mà người trẻ kết nối với nhau nhiều hơn nhưng thật ra đa số kết nối qua các ứng dụng công nghệ chỉ mang tính hào nhoáng bề ngoài và thiếu chân thật.

Farnum lộ vẻ ưu tư:

- Tại sao tiêu chuẩn đạo đức của thế giới lại xuống cấp như thế? Phải chăng vì mọi người chỉ biết chạy theo tiếng gọi của tiền bạc, danh vọng chứ không hề để tâm đến nền giáo dục? Ngay như các trường học cũng cạnh tranh với nhau để có càng nhiều học sinh ghi danh càng tốt, mục đích là để kiếm được nhiều tiền còn chất lượng giáo dục tốt xấu ra sao thì ít ai quan tâm. Đó là chưa kể đến việc trường học đua nhau tăng học phí mỗi năm, rồi còn phát sinh bao nhiêu loại phí khác khiến nhiều gia đình rơi vào cảnh khốn đốn, chẳng còn hơi sức quan tâm đến chất lượng của giáo dục. Một khi giáo dục đã thoái hóa thì làm sao có thể đào tạo ra được nhân tài cho đất nước? Làm sao đào tạo được những tâm hồn cao thượng hay những anh hùng chân chính bảo vệ quê hương? Ngày nay, nhiều người trẻ không biết gì về đạo đức, về tình người, về công bình hay tình bác ái, mà chỉ sống đua đòi theo những thú vui trước mắt, sống với những thói quen buông thả, hưởng thụ bằng đủ mọi cách. Nếu chúng ta không khuyến khích phục hồi những giá trị cao thượng khi xưa thông qua hành động thì rất khó có thể cứu vãn được tình trạng xuống dốc trầm trọng hiện nay.

Tôi trả lời:

- Đã có nhiều người lên tiếng về việc cải thiện tình trạng giáo dục cũng như trách nhiệm làm cha mẹ trong thời đại này, nhưng đến giờ vẫn chỉ là những tiếng kêu vô vọng.

Farnum mỉm cười:

- Trong nhiều năm, chính phủ nào cũng đề xướng nhiều chương trình quy mô lớn với ngân quỹ khổng lồ để làm chuyện đó. Họ thuê những chuyên viên có bằng cấp cao, tốt nghiệp từ các đại học hàng đầu để thực hiện nhưng kết quả không đi đến đâu. Anh có biết tại sao không? Vì đa số những người này, dù có khả năng và kiến thức, nhưng chỉ làm việc để được trả lương chứ không xuất phát từ trong tâm.

Farnum kết luận:

- Theo tôi, mọi sự thay đổi đều phải xảy ra từ bên trong thì mới có thể tạo ảnh hưởng đến bên ngoài. Sự chuyển hóa chỉ xảy ra từ những trải nghiệm và hành động với những gì chúng ta tin tưởng. Đó là lý do tôi không muốn làm những việc lớn lao, nhưng cũng sẵn sàng hỗ trợ cho những việc tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn. Vì vậy tôi mới mời anh đến quán ăn này để giới thiệu với anh tôn chỉ hoạt động của nơi này, đó là: *"Hãy cho mọi người một cơ hội làm điều tử tế rồi họ sẽ lan tỏa điều này đi khắp nơi"*. Biết đâu những việc nhỏ lại có thể đánh thức tiềm năng tốt đẹp của mọi người, đem lại sự chuyển hóa cho tương lai...

Sau buổi gặp gỡ với Farnum tại Karma Kitchen, tôi trở về New York và không ngừng suy nghĩ về buổi trò chuyện của chúng tôi. Tôi bàn với Angie rằng đã đến lúc tôi phải dành nhiều thời giờ hơn để làm những việc có ý nghĩa này. Sau khi bàn luận kỹ lưỡng, cả hai vợ chồng tôi quyết định giao việc điều hành công ty cho những cộng sự mà chúng tôi tin tưởng để chú tâm vào việc sử dụng ngân quỹ hỗ trợ cho các chương trình có thể mang lại những đổi thay tốt đẹp hơn. Chúng tôi cũng nhất trí đem toàn bộ tài sản của mình sáp nhập vào ngân quỹ của Farnum để hỗ trợ cho những dự án tương lai.

Theo đề nghị của Farnum, tôi đã yêu cầu Andrew tìm hiểu và nghiên cứu thêm về dự án Karma Kitchen hay những hoạt động tương tự. Không lâu sau, Andrew mang đến cho tôi một hồ sơ về chủ nghĩa trao tặng (*Giftivism*) mà anh thu thập được. Anh nói:

- Theo nghiên cứu của tôi, Karma Kitchen là một chuỗi nhà hàng hoạt động độc lập, thành lập từ năm 2007, hiện đã có mặt tại 23 quốc gia, với con số hơn nửa triệu người đến ăn mỗi năm để trải nghiệm về lòng tử tế. Nền kinh tế quà tặng hiện đã lan rộng khắp nơi. Chi tiết và các dữ kiện về quá trình vận hành của những nhà hàng này đều được ghi nhận trong bản báo cáo này.

Nhìn tập hồ sơ dày hàng trăm trang, tôi khá ngạc nhiên vì không nghĩ dự án này lại có quy mô và thời gian hoạt động lâu dài như vậy. Phần vì, tôi không nghĩ với một việc nghiên cứu nằm ngoài dữ liệu đầu tư, Andrew lại bỏ nhiều tâm huyết như vậy. Andrew là chuyên viên nghiên cứu thị trường có khả năng nhạy bén, cẩn thận từng chi tiết. Từ nhiều năm, anh là nhân viên mà tôi tin tưởng nhất. Một khi giao cho Andrew việc gì, anh sẽ không bao giờ khiến tôi thất vọng. Và với công việc "ngoài lề" lần này, Andrew vẫn tận tâm như mọi khi. Tôi đưa tay đón tập hồ sơ, vừa mở ra thì Andrew nói ngay:

- Có lẽ ông cần biết rằng Karma Kitchen chỉ là một chương trình nằm trong một phong trào lớn hơn gọi là "Không gian phụng sự" (*Service Space*). Đây là một tổ chức được khởi xướng trong thập niên vừa qua, hoạt động như một hệ sinh thái có tầm ảnh hưởng lớn đến rất nhiều người trẻ.

Tôi ngạc nhiên:

- Còn có phong trào khác lớn và ý nghĩa hơn sao? Tôi chưa nghe nói đến.

Andrew xác nhận:

- Đúng thế, "Không gian phụng sự" là tổ chức gồm rất nhiều người trẻ cùng chung mục đích là góp phần xây dựng và thay đổi xã hội. Điều đặc biệt là tất cả chương trình đều được thực hiện trong tinh thần tự nguyện nhằm lan tỏa sự tử tế và lòng yêu thương đi khắp mọi nơi.

Tôi ngạc nhiên hơn:

- Tổ chức này hoạt động ra sao? Tại sao tôi lại không nghe ai nói đến bao giờ?

Andrew bật cười:

- Sở dĩ chúng ta không biết là vì trong việc nghiên cứu đầu tư thương mại của công ty thì tổ chức này sẽ không bao giờ nằm trong tầm ngắm, bởi nó chỉ là tổ chức phi lợi nhuận, việc xây dựng và điều hành hoàn toàn được thực hiện bởi các tình nguyện viên. Tổ chức này không có nhân viên, không có văn phòng hay trụ sở vật chất mà chỉ sử dụng công nghệ để khuyến khích, kêu gọi mọi người thực hiện những hành động nhỏ để lan tỏa lòng thân ái, cảm thông đi khắp mọi nơi.

Tôi ngạc nhiên thích thú:

- Một tổ chức mà không có nhân viên, không có trụ sở thì hoạt động thế nào?

Andrew giải thích:

- Tổ chức này chỉ là một website giúp mọi người tương tác và hoạt động với nhau theo các quy trình đã được soạn sẵn. Tất cả mọi việc và dự án trong tổ chức đều mang mục đích chung là làm khơi dậy lòng thương yêu, sự tử tế qua các dịch vụ để giúp mọi người chuyển hóa. Người tự nguyện sẽ hưởng nhiều niềm vui qua các hành động bất vụ lợi. Người nhận sự giúp đỡ đó cũng nối tiếp tham gia vào những dịch vụ khác để lòng tốt được lan tỏa đi khắp mọi nơi. Trong hệ sinh thái này, mọi người đều kết nối với nhau trong tinh thần phụng sự – chỉ cho đi, không mong đáp lại. Trong hệ sinh thái này, mọi hành động đều đưa đến sự kết nối giữa người với người chứ không phải để đáp ứng nhu cầu nào. Từ các hành động tự nguyện, bất vụ lợi đó mà người ta trải nghiệm được những sự chuyển hóa màu nhiệm từ bên trong, đồng thời thiết lập mối quan hệ bên ngoài giữa những người có cùng lý tưởng, chí hướng với nhau. Vì thế, ngoài các dữ kiện nghiên cứu về Karma Kitchen, tôi cũng ghi nhận thêm các chi tiết về tổ chức *Service Space* và chương trình hoạt động của họ trong bản báo cáo này.

Tôi không ngờ những điều Farnum nói với tôi mấy tháng trước về nền kinh tế quà tặng này đã có người thực hiện từ nhiều năm trước.

Khi tôi dự định góp phần sức mình vào quá trình chuyển hóa tâm thức nhân loại thì mọi nền tảng hầu như đã sẵn sàng. Quả là có sự trùng hợp lạ lùng, tôi thầm nghĩ. Tôi nhớ đến câu nói của ông Kris: "Một khi đủ duyên thì mọi sự xảy ra nhanh hơn anh nghĩ".

Andrew tiếp tục:

- Theo thông tin trên trang mạng của tổ chức này, với địa chỉ truy cập ServiveSpace.org, bất cứ ai cũng có thể đề xuất dự án và sử dụng công cụ của riêng họ để lập kế hoạch theo quy trình được soạn sẵn. Ai cũng có thể tự nguyện tham gia các chương trình được công bố. Đa số những người tham gia đều là sinh viên, học sinh với quan niệm "*Thay đổi bản thân, thay đổi thế giới*". Phần lớn chương trình đều là những dự án với quy mô nhỏ, chỉ khoảng vài ba người đến mười người là nhiều. Những việc làm này tuy nhỏ nhưng mang lại nhiều ý nghĩa nhân văn cao cả, giúp truyền cảm hứng đến người khác. Khi tìm hiểu về tổ chức này, tôi đã bàn với Connie và cuối cùng hai vợ chồng tôi cũng đã quyết định tham gia vào các hoạt động ý nghĩa trong tổ chức này để có thể học hỏi thêm.

Tôi nhớ ông Kris từng nói: "Để thay đổi thế giới, trước hết phải thay đổi chính mình. Khi tâm không còn ích kỷ, tham lam, sân hận hay giận dữ nữa thì thế giới mới chuyển hóa, trở nên thanh bình được". Đúng là mọi thay đổi cần bắt đầu từ chính mình rồi lan tỏa dần sang những người xung quanh. Tôi hỏi Andrew:

- Vậy anh và Connie đã tham gia vào dự án gì?

Andrew hào hứng kể:

- Tạm thời chúng tôi chỉ mới tham gia được một dự án nhỏ trên KarmaTube. Đây là một trang web chuyên sản xuất và chiếu các phim ngắn, nội dung chủ yếu là chuyển tải những câu chuyện về lòng tử tế, khuyến khích mọi người làm điều tốt để truyền cảm hứng hướng thiện cho người xem. Chúng tôi đã viết một kịch bản rồi gửi lên đó. Một thanh niên dựa trên kịch bản đó quay thành phim tải lên KarmaTube và chỉ vài hôm sau đã có đến hơn hai ngàn người xem.

Nhiều người khác cũng dựa trên ý tưởng đó để làm thêm những thước phim tương tự và cứ thế lan rộng ra...

Andrew sung sướng chia sẻ thêm:

- Chỉ nhờ tham gia vào việc nhỏ này thôi mà chúng tôi cảm thấy bản thân thay đổi rất nhiều. Khi cùng viết kịch bản, vợ chồng chúng tôi học hỏi lẫn nhau, khuyến khích nhau, động viên và truyền cảm hứng cho nhau. Chúng tôi đã hưởng một thứ hạnh phúc bất ngờ khi chia sẻ với nhau những giây phút tốt đẹp đó. Đây là một trải nghiệm có ý nghĩa không thể diễn tả. Hiện nay Connie vẫn đang soạn một kịch bản mới, cô ấy còn học quay phim bằng iPhone để tự mình có thể thực hiện những bộ phim ngắn cho KarmaTube.

Andrew nói thêm:

- Khi tham gia vào việc nhỏ nhưng chứa đầy ý nghĩa này, vợ chồng tôi ngoài việc có thể chia sẻ với nhau niềm hạnh phúc, thì còn học được về sự chuyển hóa bản thân. Cũng như việc ném một hòn sỏi nhỏ xuống hồ sẽ tạo thành những làn sóng từ từ lan tỏa rộng hơn. Chúng tôi tin rằng khi nhiều người cùng nhau làm những điều lành, dù bé nhỏ, chúng cũng sẽ lan tỏa khắp nơi và có thể thay đổi thế giới.

Sau khi Andrew rời khỏi phòng, tôi cầm bản báo cáo chi tiết về tổ chức *Service Space* rồi cho gọi người chuẩn bị phi cơ đến để bay đi Chicago. Tôi muốn gặp Farnum ngay ngày hôm đó để chia sẻ và báo cho ông biết quyết định của chúng tôi trong việc sáp nhập tài sản của chúng tôi vào ngân quỹ của ông. Tôi cũng muốn trao đổi với ông về tổ chức *Service Space* này và những dự định sắp tới để bắt đầu từ nhiều việc nhỏ nhưng thiết thực, có ý nghĩa lớn và góp phần lan tỏa, truyền cảm hứng, đánh thức lương tri và tình yêu thương trong mỗi con người.

PHẦN MƯỜI

TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI

THỜI ĐẠI BẢO BÌNH VÀ GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP CỦA TRÁI ĐẤT

Tôi quá háo hức nên ngay chiều đó đã bay đến Chicago ghé nhà tỷ phú Farnum. Sau khi xem những tài liệu tôi đưa đến về *Service Space* và biết được vợ chồng tôi đã quyết định sáp nhập tài sản vào chung với quỹ của ông để chung tay làm nhiều dự án nhỏ nhưng có sức lan tỏa lớn lao và ý nghĩa đến mọi người, đặc biệt là lớp trẻ, những hạt giống tương lai tốt đẹp của nhân loại, Farnum vô cùng xúc động. Ông cảm ơn tôi đã đồng hành cùng ông trên hành trình này. Chúng tôi trò chuyện hồi lâu về những dự định trong tương lai, bắt đầu với việc góp sức vào những dự án có sẵn như *Service Space*, sau đó là tiến hành những dự án mới.

Sau khi rời khỏi nhà ông Farnum, trên đường về tôi và Angie quyết định dành ra một khoảng thời gian để nghỉ ngơi trước khi bắt tay và dồn tâm huyết vào thực hiện những dự án này. Vậy nên chúng tôi chuyển hướng đến Colorado.

Căn nhà nghỉ dưỡng của chúng tôi có điểm khá đặc biệt là nằm trên ngọn đồi nhìn xuống một hồ nước nhỏ rất đẹp. Thời điểm chúng tôi đến đó là đầu xuân. Một buổi sáng, Angie hào hứng rủ tôi cùng đi dạo bộ xuống hồ nước:

- Chúng ta đến đây đã nhiều lần rồi mà chưa đi xuống hồ đó lần nào. Em thấy quanh hồ nước tự nhiên này hình như có lối mòn có thể dạo quanh, chúng mình cùng xuống đó dạo bộ một chút nhé!

Tôi đồng ý vì sau những ngày tuyết giá lạnh lẽo, gặp tiết xuân ấm áp, đi dạo thanh thoi thì còn gì bằng. Chúng tôi theo con đường nhỏ dẫn xuống hồ. Có lẽ vì đã lâu không người lui tới nên cây cối mọc chẳng chặt. Tôi vừa đi vừa phải gạt những nhánh cây mọc quanh lối

mòn. Khi đến gần hồ, tôi ngạc nhiên thấy một khu đất trồng rất nhiều hoa, đầy màu sắc rực rỡ, tươi sáng. Angie cũng ngạc nhiên trầm trồ:

- Không ngờ ở nơi hoang vu này lại có nhiều hoa đẹp đến thế!

Tôi quan sát các bụi hoa rồi nói:

- Hoa này phải có người trồng mới được như vậy.

Chúng tôi vừa đi vừa nhìn ngắm những bụi hoa rực rỡ, tỏa hương thơm ngát cả một góc rừng. Vừa qua một khúc cua, tôi nhác thấy bóng một người đàn bà tóc bạc đang loay hoay bên các bụi hoa. Chúng tôi đến gần thì thấy bà đang vun gốc cho mấy cây hoa hướng dương. Angie cất tiếng chào. Bà lão quay lại, không tỏ vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy chúng tôi mà chỉ vui vẻ đáp lại lời chào. Nhìn dáng vẻ, tôi đoán chừng bà lão đã khoảng tám mươi. Phong thái của bà toát lên vẻ thoát tục lạ thường, vừa có cảm giác hiền lành, gần gũi, lại có chút gì đó tách biệt. Trong khi tôi vẫn đứng im lặng quan sát thì Angie đã nhanh nhẩu bắt chuyện:

- Chúng tôi ở trên đồi lâu nay mà không ngờ dưới đây lại có vườn hoa đẹp và tỏa sắc hương như thế này.

Bà lão vui vẻ tự giới thiệu:

- Tôi nghe nói có người mua căn nhà của ông Hart trên đồi, có lẽ là ông bà đây. Xin phép được giới thiệu, tôi là Dorothy.

Angie cũng tự giới thiệu rồi tiếp tục trầm trồ khu vườn:

- Tôi chưa thấy nơi nào trồng nhiều hoa đẹp như nơi đây. Chắc hẳn bà đã phải mất nhiều công sức và tâm huyết lắm?

Với động tác khoan thai, Dorothy vừa tiếp tục vun gốc cho những bụi hoa vừa vui vẻ giải thích:

- Trồng hoa là cách thiết lập mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Đối với tôi, chăm sóc cỏ cây, hoa lá là quá trình nuôi dưỡng và làm giàu cho tâm hồn. Màu xanh của lá cây tượng trưng cho sự đổi mới. Mỗi ngày nhìn những cây hoa đâm chồi nảy lộc, tôi cảm thấy rất hạnh phúc, mọi ưu phiền đều tiêu biến. Đôi khi tôi tự hỏi, không biết tôi đang chăm sóc hoa hay hoa đang chăm sóc tôi?

Angie càng tỏ ra thích thú:

- Tôi không ngờ bên trong việc trồng hoa còn ẩn chứa nhiều ý nghĩa như thế! Nghe bà nói vậy là biết bà yêu thích việc này đến mức nào rồi.

Bà Dorothy vẫn không ngừng tay, vui vẻ giải thích thêm:

- Thời gian dành cho cây cối giúp tôi hiểu về thiên nhiên nhiều hơn, do đó càng ngày tôi càng nhận được nhiều ân phước. Tôi biết lắng nghe nhạc điệu của chim chóc, biết thưởng thức vũ điệu của bướm hoa, cũng hiểu tiếng gió rì rào qua lá cây, tất cả như dàn nhạc hòa tấu nhắc nhở chúng ta sống trọn vẹn mỗi ngày bằng việc đặt ưu tiên cho những gì cần làm để đời sống tốt đẹp hơn.

Dù vẫn không ngừng tay với công việc nhưng bà lão vẫn để ý thấy tôi đang chăm chú xem mấy luống hoa, bà hướng về tôi rồi cất tiếng hỏi:

- Trong các loại hoa, ông thích hoa nào nhất?

Tôi trả lời không suy nghĩ:

- Đối với tôi, hoa nào cũng có nét đẹp riêng cả. Tuy nhiên, tôi thích hoa hướng dương này, vì chúng vừa đẹp vừa rực rỡ, luôn hướng về mặt trời.

Bà lão mỉm cười, ra vẻ thần bí, rồi quay qua Angie:

- Còn bà thì sao? Bà thích hoa nào?

Angie mỉm cười:

- Tôi thích hoa bách hợp hơn cả nên thường trưng bày hoa này trong nhà.

Bà lão quan sát chúng tôi rồi hỏi:

- Nào, để tôi đoán nhé. Có phải ông thuộc cung Sư Tử và bà thuộc cung Kim Ngưu không?

Tôi chưa hiểu bà lão muốn nói gì thì Angie ngạc nhiên thích thú đáp lại:

- Làm sao bà biết cung hoàng đạo của chúng tôi? Hẳn bà đã có kinh nghiệm nghiên cứu chiêm tinh?

Bà lão lắc đầu, mỉm cười:

- Không đâu, không thể gọi là nghiên cứu gì, đó chỉ là trò tiêu khiển cho qua thì giờ của một người già rảnh rỗi như tôi thôi. Tôi tìm hiểu, quan sát các vì tinh tú để tìm hiểu về sự liên hệ giữa vũ trụ và con người. Và vì yêu thích hoa cỏ, tôi có thể đoán được sự liên hệ giữa người và cỏ cây, hoa lá.

Angie ngạc nhiên:

- Nhưng làm cách nào bà biết được cung hoàng đạo của tôi chính xác như vậy?

Bà lão vui vẻ trả lời:

- Tại vì bà thích hoa bách hợp. Hoa này tượng trưng cho năng khiếu nghệ thuật và sự tận tâm chăm sóc người khác. Đó là loài hoa thích hợp với bản chất của những người thuộc cung Kim Ngưu, nhiều cảm xúc, giàu tình cảm, thích trang trí, bày biện những gì đẹp đẽ, vì cung hoàng đạo này chịu ảnh hưởng của sao Kim.

Angie bật cười thích thú:

- Bà đoán đúng đó, tôi đúng là thuộc cung Kim Ngưu. Nhưng còn nhà tôi thì sao?

Bà lão quay sang nhìn tôi rồi từ tốn đáp:

- Hoa hướng dương là loại hoa không những lớn hơn các hoa khác mà còn mang màu sắc rực rỡ nữa. Đó là loại hoa phù hợp với những người can đảm, tự tin, có mãnh lực thu hút sự chú ý của người khác, như ảnh hưởng của mặt trời. Đây là đặc điểm của những người thuộc cung Sư Tử. Liệu tôi nói có đúng không?

Trước giờ tôi cũng có nghe qua về chiêm tinh, huyền học nhưng không mấy để ý. Nhưng việc tôi thuộc cung Sư Tử thì Angie cũng đã nhiều lần nhắc đến, nên nghe bà lão nói vậy, tôi gật đầu xác nhận. Angie nghe vậy thì càng hứng thú nên hỏi thêm:

- Hay quá! Vậy khi quan sát các vì tinh tú bà còn nhìn thấy gì nữa?

Bà Dorothy ngừng tay, đứng dậy đối diện với chúng tôi. Ở bà tỏa ra nét thân thiện và thoải mái. Bà vui vẻ trả lời:

- Theo chiêm tinh học, mọi thay đổi trên trái đất đều bị ảnh hưởng bởi vị trí và sự chuyển vận của các hành tinh trong Thái Dương hệ. Tùy vị trí mặt trời nằm ở chòm sao nào mà luồng từ lực của nó rơi xuống trái đất, đến đời sống nhân loại sẽ khác nhau. Ảnh hưởng này kéo dài khoảng 2.150 năm gọi là chu kỳ, trong đó từ 80 đến 150 năm đầu là giai đoạn chuyển tiếp giữa hai chu kỳ (*Cusp of Ages*). Đây là lúc ảnh hưởng của chu kỳ cũ tan rã và chu kỳ mới thành hình. Hiện nay, trái đất đang ở giữa chu kỳ Song Ngự và Bảo Bình.

Angie tò mò hỏi thêm:

- Vậy việc ảnh hưởng này sẽ diễn ra thế nào?

Bà Dorothy giải thích:

- Giai đoạn chuyển tiếp là giai đoạn có nhiều sự thay đổi bất ngờ và nhanh chóng sẽ xảy ra. Dĩ nhiên, các phương pháp tính toán vị trí tinh tú hiện vẫn còn tranh cãi nên sự nhận xét của tôi không hẳn đã đúng. Tuy nhiên, theo tính toán của tôi thì từ năm 1930 đến 2050 chính là giai đoạn chuyển tiếp giữa hai chu kỳ, nơi các giá trị cũ bị đào thải để mở đầu cho thời đại mới, là giai đoạn mà tâm thức nhân loại sẽ thay đổi và phát triển hơn xưa nhiều.

Angie ngạc nhiên:

- Bà muốn nói con người sau này sẽ thông minh hơn trước?

Bà Dorothy mỉm cười đáp:

- Không hẳn chỉ riêng trí thông minh được phát triển, mà tâm thức con người sẽ mở rộng hơn để đạt đến một sự hiểu biết hoàn toàn mới lạ. Thời đại Song Ngư đã tạo ảnh hưởng về đức tin và học thuyết, nên sự hiểu biết của con người còn bị giới hạn vào những gì đã được truyền dạy. Đó là thời đại mà tôn giáo phát triển rất mạnh, đồng thời đó cũng là giai đoạn lên ngôi của các học thuyết, lý thuyết, chủ nghĩa vốn đòi hỏi một sự tin tưởng nào đó. Sự tin tưởng bị giới hạn này khiến con người trở nên bảo thủ, ích kỷ dẫn đến sự chia rẽ, phân biệt tôn giáo, lý thuyết, phe phái, đôi khi còn quá khích hay cuồng tín nữa. Do đó suốt hai ngàn năm qua, chiến tranh xảy ra khắp nơi, bắt đầu từ các vị hoàng đế đầy tham vọng đến những nhà độc tài cực kỳ tàn ác.

Angie gật đầu:

- Thì ra là thế... Nhưng tương lai rồi sẽ thay đổi ra sao?

Bà Dorothy tiếp tục:

- Khi thế giới chuyển qua thời đại Bảo Bình, lúc này kiến thức nhân loại sẽ phát triển mãnh liệt, không còn bị giới hạn nữa. Thời đại này sẽ chấm dứt các xu hướng kỳ thị, bảo thủ cũng như những niềm tin vô lý phát xuất từ các lý thuyết hẹp hòi, theo thói quen, theo sự mê

tín, thiếu khoa học xưa kia. Biểu tượng của Bảo Bình là người mang bình nước. Nước tượng trưng cho kiến thức, chia sẻ, đồng cảm và thương yêu. Do đó, tôi tin rằng thời đại sắp tới sẽ giúp con người phát triển các kiến thức mới lạ để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn chứ không còn phân biệt màu da, tôn giáo, phe nhóm hay hận thù như trước đây nữa.

Tôi lắng nghe lời giải thích của bà Dorothy và liền nghĩ đến dự đoán của Farnum về sự thay đổi sẽ diễn ra trong tương lai. Cả hai đều có nhiều điểm tương đồng mặc dù một người dựa vào kinh nghiệm cận tử trong khi người kia nói về ảnh hưởng của tinh tú.

Bản phận của cha mẹ là dạy dỗ con cái biết hiếu thảo, trở thành công dân lương thiện, yêu thương gia đình, hướng về tổ quốc, bảo vệ quốc gia, xây dựng và làm những điều có ích cho đất nước.

Thấy Angie và tôi lắng nghe chăm chú, bà Dorothy có cảm hứng nói tiếp:

- Khi kiến thức được mở rộng, sẽ xây dựng một nền khoa học với những phát minh mới lạ không ngờ. Tuy nhiên, trong thời kỳ chuyển tiếp giữa hai chu kỳ này, sẽ có những cuộc thanh lọc để loại bỏ những người không thể thay đổi, không đủ trình độ, không đủ đức hạnh để thích hợp với kỷ nguyên mới. Do đó hàng loạt chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai sẽ xảy ra, và mức độ thì ngày càng ghê gớm hơn trước, hậu quả là chỉ còn một số ít người sống sót mà thôi. Điều này đã được các tôn giáo gọi là sự "phán xét cuối cùng" trước khi nhân loại bước vào thời đại mới. Qua sự quan sát tinh tú, tôi có thể nói rằng hiện nay là lúc sự xáo trộn đang diễn ra dữ dội. Nhân loại bị giằng co giữa hai trào lưu tư tưởng. Một bên là thuyết duy vật tàn bạo và óc cuồng tín mù quáng của tôn giáo, và bên kia là kiến thức về minh triết thiêng liêng và khoa học vũ trụ với các định luật thâm diệu nhưng chưa được khám phá hay công nhận.

Nói đến đó, bà Dorothy chợt giật mình bối rối:

- Xin lỗi... chắc là tôi đã nói nhiều quá. Sống tại nơi hẻo lánh này không mấy khi gặp được người hợp duyên để trò chuyện... Tôi vui miệng nói lung tung, xin ông bà bỏ qua.

Angie vội vã đáp:

- Không đâu, không đâu, chúng tôi rất vui khi được nghe bà nói chuyện. Những kiến thức của bà rất thú vị. Nếu có dịp, tôi còn muốn nghe bà nói thêm...

Bà Dorothy vừa cười vừa xua tay:

- Tôi đã nói quá nhiều rồi... làm mất thời giờ của ông bà quá. Tôi không dám cản trở chuyến đi dạo của ông bà. Tuy nhiên, xin ông bà chờ cho một chút, tôi có món quà nhỏ dành cho bà.

Bà lão bước vội vào căn nhà nhỏ gần đó. Một thoáng sau, bà bước ra với bó hoa rực rỡ trên tay:

- Tôi có chút quà nhỏ, mong bà nhận cho.

Angie ngạc nhiên nhìn bó hoa bách hợp trong tay bà lão:

- Cảm ơn bà, hoa bách hợp đẹp quá. Nhưng... mùa này đâu đã có hoa này?

Bà lão vui vẻ giải thích:

- Tôi trồng trong nhà kính nên mùa nào cũng có đủ các loại hoa.

Chúng tôi vui vẻ nhận bó hoa rồi từ giã bà Dorothy, cảm ơn bà về cuộc trò chuyện rồi tiếp tục đi dạo quanh hồ trước khi trở về nhà.

Hôm sau lúc ghé thăm ông Kris, tôi kể với ông về bà Dorothy. Ông Kris nói:

- Quanh đây ai cũng biết bà Dorothy là người có khu vườn trồng rất nhiều hoa, kể cả những loại hoa rất hiếm.

Tôi cũng kể về dự đoán của bà Dorothy và hỏi ông có suy nghĩ gì về chuyện đó. Ông Kris lắng nghe rồi nói:

- Chiêm tinh học phổ thông hiện nay vốn bắt đầu từ Ai Cập, với một lịch sử lâu dài. Từ ngàn xưa, các giáo sĩ Ai Cập đã tính toán sự vận chuyển của tinh tú để áp dụng trong các nghi thức huyền môn cũng như để xây cất những kiến trúc vĩ đại như Kim Tự Tháp. Chiêm tinh học Ai Cập dựa vào vị trí mặt trời, mặt trăng và các chòm sao, xem xét mối liên hệ rồi phân chia thành các chu kỳ. Mỗi Đại chu kỳ kéo dài khoảng 26.000 năm, tượng trưng cho một thời đại, một nền văn minh hay một chu kỳ "*Thành - Trụ - Hoại - Diệt*". Mỗi Đại chu kỳ lại chia ra 12 Tiểu chu kỳ, mỗi Tiểu chu kỳ kéo dài khoảng 2.100 năm. Vũ trụ lực (*Cosmic Ray*) của mặt trời chiếu xuống trái đất, xuyên qua các chòm sao, giống như ánh sáng đi qua một kính màu và bị

nhuộm màu bởi kính đó. Vì mỗi chòm sao đều có các yếu tố đặc thù nên nó cũng ảnh hưởng đến những thay đổi trên trái đất. Do đó, ảnh hưởng của các chòm sao là nền tảng giúp cho các yếu tố khác được biểu hiện. Khi nền văn minh Ai Cập suy đồi, chiêm tinh học được truyền sang Assyria và Babylon, nhưng những giá trị tinh hoa đã ít nhiều bị thất truyền. Người Babylon kết hợp chiêm tinh học từ Ai Cập với chiêm tinh học của Ấn Độ để lập thành một phương pháp tính toán sự vận chuyển của tinh tú liên hệ đến số phận con người. Từ đó khởi đầu cho các hình thức bói toán, tử vi, gieo quẻ tốt xấu. Khi Alexander chinh phục Ba Tư, các học giả Hy Lạp đã nghiên cứu phương pháp chiêm tinh của Babylon nhưng họ lại loại bỏ một số chi tiết được cho là không hợp lý, thành lập một hệ thống chiêm tinh có tính khoa học hơn. Sau đó, người La Mã đã kiện toàn hệ thống này thành bộ môn chiêm tinh học ngày nay.

Ông Kris ngừng lại như suy nghĩ rồi tiếp tục:

- Khi các học giả Hy Lạp duyệt xét tài liệu chiêm tinh của Babylon, họ đã bỏ qua một yếu tố quan trọng mà họ cho là không hợp lý. Đó là yếu tố nói về ảnh hưởng của trái đất đối với các chòm sao kia. Vì nhiệt thành tin tưởng vào thần linh, chiêm tinh học của Hy Lạp chỉ chú trọng về ảnh hưởng của tinh tú xuống trái đất mà không tin có chiều ngược lại. Điều này cũng dễ hiểu, vì các học giả Hy Lạp vẫn tin có thần linh sống trên trời điều khiển số phận con người. Do đó, chiêm tinh học của người Hy Lạp, sau là La Mã, còn thiếu sót, không đầy đủ bằng chiêm tinh học của Babylon và Ấn Độ.

Tôi nói:

- Bà Dorothy có đề cập đến một tương lai huy hoàng của thời đại Bảo Bình sắp đến, tôi không biết thông tin này có chính xác không?

Ông Kris giải thích:

- Dự đoán đó cũng có giá trị phần nào. Nếu nhìn vào lịch sử qua các thời đại, ta có thể thấy được ảnh hưởng tinh tú đến đời sống nhân loại. Ví dụ, thời gian từ 4.000 đến 2.000 năm trước Công nguyên là

thời đại Kim Ngưu. Thời đại này thuộc hành Thổ, đặt nền tảng cho các hoạt động vật chất như xây cất, bảo tồn. Bằng chứng biểu hiện rõ nhất là việc xây dựng các Kim Tự Tháp, mồ mả, lăng tẩm của vua chúa. Các kỹ thuật và phương pháp xây cất lúc đó phát triển vượt xa hiện nay vì người Ai Cập đã học được kỹ thuật xây cất từ người Atlantis. Họ biết cách áp dụng ánh sáng mặt trời và tinh lực của các loại đá quý để phân tích vật chất thành nguyên tử để di chuyển các tảng đá khổng lồ từ nơi này qua nơi khác. Ngày nay, khoa vật lý lượng tử (*Quantum Physics*) đã chứng minh được điều này qua hiện tượng giao thoa của vật chất (*Qubit*) cùng hiện hữu tại hai nơi chốn khác nhau.

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi:

- Điều này dĩ nhiên là ông đã biết rồi. Nhờ các kiến thức về việc sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời và chiều không gian, các giáo sĩ và kiến trúc sư Ai Cập đã thay đổi cấu trúc vật chất để mang các tảng đá khổng lồ nặng hàng chục tấn, từ nơi xa đến địa điểm xây cất. Nguyên lý của nó là mang vật chất của không gian ba chiều chuyển qua không gian bốn chiều nên không gặp chướng ngại gì. Tại địa điểm xây cất, họ chuyển vật chất đó trở lại không gian ba chiều và những tảng đá này trở lại trạng thái như trước. Nhờ kiến thức về các luồng từ lực của vũ trụ và sức hút của mặt trăng, họ có thể làm mất trọng lượng vật chất, di chuyển các tảng đá khổng lồ lên cao để xây dựng Kim Tự Tháp. Khi văn minh Ai Cập suy đồi, kiến thức này lại bị thất truyền. Trải qua hàng ngàn năm, không ai có thể truy nguyên về kỹ thuật này được nữa.

Ông Kris cười sáng khoái:

- Hiện nay, người ta đã cố gắng sử dụng sự hiểu biết và kỹ thuật hiện đại để tìm hiểu việc xây cất này. Họ không thể giải thích tại sao người xưa có thể di chuyển các tảng đá nặng hàng trăm tấn từ rừng núi xa xôi vào sa mạc để xây dựng Kim Tự Tháp, trong khi ngày nay, khoa học đã dùng những thiết bị máy móc hiện đại mà vẫn không thể làm được như thế. Có giả thuyết cho rằng thuyền bè trên sông

Nile là con đường giao thông chính để vận chuyển những khối đá này. Tuy nhiên, khoa học cũng không thể chứng minh được rằng thuyền bè mỏng manh bằng gỗ của người Ai Cập lúc đó có thể chứa được những tảng đá nặng hàng vạn cân như thế. Khoa học cũng không thể tìm được câu trả lời cho việc làm sao chỉ với những sợi dây thừng thô sơ và sức lao động của nô lệ mà người xưa có thể kéo các tảng đá khổng lồ lên cao để hoàn thành kiến trúc vĩ đại như thế. Họ không biết tại sao những tảng đá to lớn, nặng nề có thể chồng lên nhau vừa khít, không có một kẽ hở. Làm sao với các dụng cụ đo lường thô sơ thời đó mà họ có thể kiến tạo nên những kiến trúc với độ chính xác cao đến như thế? Lý do họ không thể lý giải những điều này là vì họ sử dụng tư duy của thời đại này để suy đoán về thời quá khứ. Tuy đã có nhiều giả thuyết được đưa ra nhưng chưa ai có thể chứng minh được điều gì. Bởi họ không hiểu được rằng mỗi thời đại lại có những kiến thức và kỹ thuật hoàn toàn khác nhau, tùy vào sự hiểu biết của con người lúc đó. Cũng như cách đây vài thế kỷ, nếu nói rằng con người có thể bay lên vũ trụ, đặt chân lên mặt trăng, thì không ai có thể tin được.

Ông Kris nói thêm:

- Sự tự hào vào khoa học thực nghiệm đã khiến con người trở nên mù quáng. Họ tin rằng nhờ khoa học mà nhân loại mới tiến bộ được như ngày nay. Tất cả những gì không thể chứng minh bằng khoa học đều bị coi là phản khoa học hay mê tín. Ngày nay, người ta tự hào về việc phát minh ra máy tính, thứ đã mở đầu cho thời đại công nghệ. Máy ai biết máy tính đã được phát minh từ mấy ngàn năm nay rồi. Máy tính đơn giản nhất là bàn tính của Trung Hoa, đã có từ trước Công nguyên. Cách đây vài chục năm, một thợ lặn Hy Lạp đã tìm được một cỗ máy bằng đồng với mấy chục bánh xe có răng cưa, gọi là Antikythera, tại đáy biển Địa Trung Hải. Qua phân tích khảo cổ, người ta biết cỗ máy này đã có hơn 2.000 năm tuổi. Đó là một máy tính được dùng để theo dõi sự di chuyển của tinh tú trong Thái Dương hệ. Nó đã tính toán vị trí các tinh tú di chuyển quanh mặt trời với độ chính xác tuyệt hảo. Qua các ký hiệu ghi khắc trên vòng quay của các bánh xe, người ta chứng minh rằng nó được dựa trên một

hệ thống toán học phức tạp. Các nhà khoa học đã phải thốt lên rằng bộ óc của thiên tài nào đã sáng chế ra chiếc máy ấy hẳn vô cùng siêu việt. Tóm lại, ta không thể vội vàng kết luận rằng nền khoa học khi xưa không thể so sánh với ngày nay.

Tôi ngẫm nghĩ những gì ông Kris vừa nói rồi lại hỏi:

- Trở lại với chiêm tinh học, ông nghĩ sao về dự đoán của bà Dorothy?

Ông Kris giải thích:

- Chiêm tinh học Hy Lạp dựa vào vị trí và mối liên hệ giữa mặt trời, mặt trăng và các chòm sao để chia thành 12 cung hoàng đạo. Vì mỗi chòm sao đều có những luồng sóng sinh hoạt đặc thù nên người ta có thể suy đoán được ảnh hưởng của nó đối với trái đất. Ví dụ, chu kỳ Song Ngư ảnh hưởng vào sự phát triển về đức tin, trong khi chu kỳ Bảo Bình ảnh hưởng cho sự tiến bộ về kiến thức. Hiện nay, chu kỳ Song Ngư đang vào giai đoạn cuối cùng nên những niềm tin lần lượt sụp đổ khiến con người hoang mang, sợ hãi vì không còn biết tin vào đâu nữa. Mọi niềm tin mà họ được dạy bảo khi xưa nay bỗng trở nên lỗi thời. Mọi lý thuyết, giáo điều trở thành sáo rỗng, không còn giá trị, và người ta cảm thấy như bị lừa. Trong khi đó, các kiến thức mới mẻ của công nghệ lại có sức cuốn hút mãnh liệt đối với những người trẻ thời nay. Thay vì tìm về đức tin, họ tìm đến công nghệ. Thay vì cầu nguyện, họ chia sẻ mọi thứ với nhau qua mạng xã hội. Hiện nay, người ta tin vào công nghệ cũng giống như thế hệ trước tin vào tôn giáo. Tuy nhiên, câu hỏi của tôi là công nghệ được coi là hiện đại này có phải là "kiến thức" của thời đại Bảo Bình như bà Dorothy nói không? Đây là điều chúng ta cần phải xem xét lại.

Ông Kris giải thích thêm:

- Như chúng ta đã đề cập nhiều lần, trong thời đại công nghệ tiên tiến, đầu óc con người hầu hết đã bị máy móc chi phối và dần trở nên thụ động, ít suy nghĩ, vì vậy mà ngày càng thiếu sáng suốt hơn. Thiếu kiến thức và ngây thơ tin tưởng mù quáng vào công nghệ sẽ

khiến con người mất đi khả năng tự chủ. Sự sáng suốt nội tại bị thay thế bởi các sản phẩm công nghệ có sức lôi cuốn và hướng dẫn rất mạnh. Hậu quả là những người trẻ ngày nay, những người lớn lên với công nghệ có thể trở nên khờ dại, khó suy nghĩ sâu xa và thấu đáo được. Ông có thể thấy gần đây nhiều người trẻ sống mơ màng như mộng du vì chúng sống trong thế giới ảo nhiều hơn thế giới thực. Dưới cái mác giải trí, càng ngày càng có nhiều sản phẩm được phát minh khuyến khích con người "sống ảo". Điều này làm giàu cho một số công ty vô lương tâm, còn sự thông minh của nhân loại sẽ bị các sản phẩm công nghệ này kiểm soát. Khi nhân loại thay thế sự thông minh nội tại bằng sự thông minh nhân tạo thì chẳng bao lâu họ sẽ không thể sử dụng đầu óc được nữa mà để cho máy móc quyết định thay mình. Vậy thì theo ông, đây có phải cái gọi là kiến thức tốt đẹp của thời đại Bảo Bình không?

Tôi nhẹ nhàng lắc đầu. Ông Kris mỉm cười rồi nói tiếp:

- Bà Dorothy tin rằng ảnh hưởng của chòm sao Bảo Bình sẽ ảnh hưởng về kiến thức, điều này cũng không sai. Tuy nhiên, kiến thức này được biểu hiện ra sao thì không chỉ chịu ảnh hưởng một chiều từ chòm sao này lên trái đất, mà chiều ngược lại cũng đóng vai trò quan trọng. Chiêm tinh học của Babylon và Ấn Độ chính xác hơn vì kiến thức của họ dựa trên tương tác hai chiều. Định luật vũ trụ phải quân bình vì mọi sự, mọi vật đều tương tức và tương nhập, không thể chỉ một chiều được.

Tôi hỏi ngay:

- Vậy thì trái đất ảnh hưởng lên các hành tinh khác như thế nào?

Ông Kris nói tiếp:

- Theo tôi biết, ảnh hưởng của tinh tú trong thời đại Bảo Bình sẽ xây dựng căn bản cho kiến thức về các luật vũ trụ được biểu hiện. Trái đất là môi trường hoạt động của con người, nếu muốn biết sự kiện xảy ra cho nhân loại thì con người cần hiểu rõ sự tương tác của trái đất với các luật của vũ trụ. Càng hiểu biết thì càng thấy rõ những

luật vũ trụ này chi phối thế gian như thế nào. Một khi đã hiểu thì con người sẽ hành động thuận theo các luật này, không còn bừa bãi, vô ý thức như trước. Đó mới chính là những điều sẽ xảy ra trong kỷ nguyên sắp tới.

Ông Kris ngừng lại một chút để suy ngẫm, rồi nói thêm:

- Là một hành tinh, trái đất cũng phát ra những luồng sóng sinh hoạt lên các chòm sao có liên hệ. Các chòm sao này sẽ phản chiếu trở lại trái đất những gì nó nhận được, nhưng sự phản chiếu này đã đi qua ảnh hưởng của chòm sao ấy. Đây là yếu tố quan trọng để hiểu rõ số phận con người. Người ta không thể nghiên cứu chiêm tinh mà không nói đến luật vũ trụ như luật Nhân quả được. Thật ra tinh tú chỉ phản chiếu lại những luồng sóng sinh hoạt xảy ra trên trái đất mà thôi. Tâm thức nhân loại cũng như hành động của họ đều phát ra những luồng sóng sinh hoạt lên không gian. Do đó, việc xảy ra trong tương lai đều tùy thuộc vào nghiệp quả của nhân loại.

Tôi gật đầu:

- Thì ra thế... Vậy còn giai đoạn giao thời giữa hai chu kỳ mà bà Dorothy đã nói tới. Theo ông việc này xảy đến thế nào?

Ông Kris trả lời:

- Bà ấy nói đúng đấy. Trước khi bước vào thời đại Bảo Bình, trái đất phải trải qua giai đoạn chuyển tiếp. Đây là lúc sẽ có nhiều sự thay đổi, xáo trộn nhằm xóa bỏ những tàn tích của chu kỳ trước và dọn đường cho chu kỳ sau. Ngoài sự sụp đổ của các niềm tin lý thuyết, có tính chủ nghĩa, giáo điều diễn ra trên phương diện tinh thần thì người ta sẽ thấy hàng loạt thiên tai như nạn đói, hạn hán, cháy rừng, dịch bệnh hay động đất xảy ra ngày một dữ dội. Đây không phải điều gì mới lạ vì đều đã được cảnh báo từ lâu rồi. Nhưng tại sao đã biết mà không ai làm gì? Vì nếu hành động, tạo ra thay đổi nhằm ngăn chặn những điều này thì có thể sẽ gây bất lợi cho nền kinh tế của một số quốc gia, khiến họ bị thiệt thòi. Do đó, dù biết hậu quả nhưng lòng tham lam, ích kỷ, sự vô cảm trỗi dậy và lấn át mọi

thứ khác đã khiến những quốc gia này bỏ mặc mọi thứ cho đến khi việc xảy đến thì đã muộn.

Ông Kris chăm chú nhìn tôi rồi nói tiếp:

- Ông làm việc trong lĩnh vực tài chính, có lẽ ông thấy rõ sự suy giảm kinh tế đã bắt đầu từ mấy năm nay rồi. Điển hình nhất là sự suy giảm trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm tại một số quốc gia. Nguyên nhân là do chiến tranh, hạn hán, lụt lội, thời tiết nóng lên. Tuy nhiên, trước mắt việc này chỉ ảnh hưởng đến một số quốc gia thôi nên xã hội con người chưa sụp đổ trong thời gian này.

Ông Kris chỉ ra cửa sổ nơi ánh mặt trời rọi lên đám tuyết chưa tan còn đọng trên bãi cỏ rồi nói:

- Ai cũng biết trái đất đang nóng dần lên là hậu quả của những ô nhiễm mà con người đã gây ra trong quá trình phát triển công nghệ và công nghiệp. Khi nhiệt độ gia tăng thì thời tiết cũng bị ảnh hưởng. Do đó gần đây, các trận bão tố, cuồng phong, lũ lụt, cháy rừng diễn ra ngày một thường xuyên, với mức độ ngày một nghiêm trọng và diễn biến khó lường. Tuy nhiên, mọi người vẫn tin thiên tai là do thiên nhiên gây ra, không ai làm gì được nên chẳng ai muốn thay đổi nếp sống sung sướng tiện nghi của mình. Họ tin rằng nếu những biến cố này không ảnh hưởng trực tiếp đến họ thì họ không cần quan tâm. Sự vô cảm này tiếp tục kéo dài cho đến khi thiên tai xảy ra khắp nơi, khắp thế giới thì sẽ gieo rắc những hậu quả lớn lao, ảnh hưởng lên nền kinh tế toàn cầu. Từ khủng hoảng kinh tế sẽ biến chuyển thành khủng hoảng xã hội, khiến đời sống con người trở nên bất an và khó khăn hơn. Khủng hoảng xã hội sẽ dẫn đến sự mất niềm tin vào những người lãnh đạo, tạo ra bất ổn chính trị và bạo loạn xã hội. Đây cũng không phải là điều gì mới, các chuyên gia kinh tế và môi trường đã đề cập về vấn đề này từ lâu rồi. Tuy nhiên, dù biết nhưng không ai muốn làm gì cho đến khi việc phải đến sẽ đến.

Ông Kris thở dài:

- Lòng tham thúc đẩy một số công ty tiếp tục sử dụng các kỹ thuật tân tiến để khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên, bất chấp những khó khăn mà một số quốc gia khác phải đối phó. Mặc dù đã có dấu hiệu cảnh cáo về nạn đói, khan hiếm nước và bạo loạn chính trị nhưng con người vẫn tiếp tục khai thác triệt để nguồn tài nguyên còn sót lại chút ít này. Lý thuyết kinh tế khuyến khích gia tăng lợi nhuận nên con người tiếp tục phá rừng, xẻ núi, chặt cây, giết hại động vật, đổ hóa chất ô nhiễm xuống sông ngòi ao lạch khiến thiên nhiên tổn hại nặng nề. Khi môi trường thiên nhiên bị phá hủy đến mức không thể văn hồi, cây cỏ ô nhiễm không thể ăn được hoặc thậm chí không mọc được, thì nạn đói sẽ lan rộng khắp thế giới. Khi đó một số đông người sẽ phải bỏ xứ, tha phương cầu thực đi khắp nơi tìm đất sống. Hiện tượng di dân lớn lao này sẽ tạo ra các biến chuyển xã hội, chính trị, kinh tế lên toàn thế giới.

Một thời gian không lâu nữa, thực phẩm và nước sạch sẽ là hai yếu tố quan trọng khiến các quốc gia sẵn sàng gây chiến, tiêu diệt lẫn nhau chỉ với mục đích sinh tồn. Các quốc gia mạnh sẽ tiến hành xâm chiếm các quốc gia yếu kém hơn để chiếm đất đai còn canh tác được cũng như các vùng có sông ngòi, nguồn nước. Đó là thời điểm mà con người vì sự sống còn mà trở nên u mê không còn biết phân biệt đúng sai gì nữa. Họ nghĩ rằng mình không lấy của người thì người cũng lấy của mình, mình không giết người khác thì người khác sẽ giết mình. Do đó, mọi quốc gia lớn nhỏ đều tranh giành, chiếm đoạt các tiện nghi để sinh tồn. Khi hận thù lên cao, khi sự tàn ác đến cực điểm thì chiến tranh sẽ xảy ra khắp nơi, số người chết sẽ lên đến những con số không thể hình dung được.

Người ta không thể nghiên cứu chiêm tinh mà không nói đến luật vũ trụ như luật Nhân quả được. Thật ra tinh tú chỉ phản chiếu lại những luồng sóng sinh hoạt xảy ra trên trái đất mà thôi. Tâm thức nhân loại cũng như hành động của họ đều phát ra những luồng sóng sinh hoạt lên không gian. Do đó, việc xảy ra trong tương lai đều tùy thuộc vào nghiệp quả của nhân loại.

Ông Kris im lặng như suy nghĩ điều gì rồi tiếp tục:

- Ai cũng biết các bệnh dịch như cảm cúm, đậu mùa, dịch hạch... đều đã có thuốc tiêm chủng nhưng cũng có những dịch bệnh mà mọi phương pháp ngăn ngừa đều không còn giá trị. Các loại vi khuẩn này có thể tạo ra biến thể liên tục khiến việc tiêm chủng trở nên vô hiệu. Tệ hơn nữa, trong tương lai, một số vi khuẩn của bệnh này còn phối hợp với vi khuẩn của bệnh khác trở thành một loại siêu vi khuẩn có khả năng tàn phá ghê gớm và không thể cứu chữa. Trong thiên nhiên thì vi khuẩn không thể kết hợp với nhau như thế được, nhưng với kỹ thuật tân tiến trong các phòng thí nghiệm hiện nay, sự thay đổi các yếu tố di truyền và việc lai tạo có thể tạo ra các loại "vi khuẩn nhân tạo" vô cùng độc hại, những vũ khí sinh học có thể giết hàng triệu người chỉ trong thời gian ngắn.

Tôi trầm ngâm:

- Thời gian gần đây, đúng là thế giới đã xuất hiện những biến động như thế. Nếu sự việc ngày càng trầm trọng như ông nói thì chẳng mấy chốc, con người sẽ phải đối diện với đại nạn.

Ông Kris nói thêm, vẻ ưu tư phảng phất trên gương mặt:

- Tôi thiết nghĩ ông phải biết rõ việc này rồi. Đây cũng chính là những gì đã xảy ra tại Atlantis. Và những kẻ tàn ác khi xưa đang đầu thai trở lại, tiếp tục lai tạo ra những sinh vật trái tự nhiên như thế. Bởi vì họ biết cách ghép tế bào di truyền của sinh vật này vào cơ thể của sinh vật khác, họ biết thay đổi tế bào di truyền của người với tế bào di truyền của thú vật, để sản sinh ra những loại quái vật lai giống với khả năng khác thường. Việc này đã xảy ra trong quá khứ nhưng sẽ lặp lại trong thời gian không xa. Dù đã trải qua hàng triệu kiếp sống luân hồi để học hỏi nhưng thói quen khi xưa của họ vẫn không đổi. Hiện nay, các loại sinh vật với tác hại ghê gớm đang được nghiên cứu trong các phòng thí nghiệm vũ khí sinh học. Ít lâu nữa thôi, nhân loại sẽ còn chứng kiến những loại quái vật có khả năng làm những việc ghê gớm hơn nữa. Với công nghệ sinh học

hiện đại và sự phát triển của trí thông minh nhân tạo, việc tạo ra các quái vật dị hình, dị dạng này đều nằm trong phạm vi có thể thực hiện.

Tôi rùng mình nhớ lại những ký ức đáng sợ tại Atlantis đã trở lại. Hình ảnh quái vật nửa người, nửa thú, những loại quái vật vô cảm, vô nhân tính và cực kỳ hung ác bỗng hiện ra rõ rệt trong tâm trí tôi. Tôi thở dài:

- Ông Kris, nếu chuyện tái diễn như thế thì thật khủng khiếp. Tôi vẫn nhớ ngày tàn của Atlantis diễn ra kinh hoàng như thế nào.

Ông Kris gật đầu:

- Hiện nay, ông đã thấy sự xuất hiện những loại bệnh dịch lây qua không khí, chỉ một thời gian ngắn thôi đã giết hàng triệu người. Người bệnh chỉ ho là đã có thể truyền bệnh qua người khác. Trong mấy năm qua, không những hàng loạt bệnh nhân đã chết mà cả các bác sĩ, y tá cũng chết vì bệnh này. Tuy nhiên, đó chỉ là giai đoạn mở đầu cho những bệnh dịch có sức tàn phá ghê gớm khác sắp phát tác trong thời gian sắp tới. Một số phát xuất từ thiên nhiên, một số từ các phòng thí nghiệm bí mật. Lúc này, không ai còn có thể phân biệt hay truy cứu nguyên nhân nữa. Một khi các dịch bệnh này phát tác, nó sẽ tiêu diệt một phần lớn nhân loại mà không ai có thể ngăn chặn.

Ông Kris im lặng như cảm thán rồi nói tiếp:

- Con người đều có những nghiệp báo khác nhau. Làm lành thì quả lành, làm ác thì quả ác. Tùy theo nhân trồng mà cảm thọ quả báo như thế nào. Nhiều người hiện vẫn không tin nhân quả, vì họ thấy những kẻ tàn ác mà vẫn vô sự, còn giàu sang sung sướng nữa. Họ không hiểu luật Nhân quả của vũ trụ vận hành ra sao và chỉ nhìn mọi sự một cách giới hạn. Một kiếp người trăm năm tưởng chừng dài nhưng cũng chỉ như một tia sáng lóe lên trong vũ trụ. Làm sao họ có thể biết những người này khi xưa đã làm việc lành thế nào mà nay được sinh vào nơi chốn giàu sang tốt lành, hưởng thụ vinh hoa, ăn

sung mặc sướng như thế. Mặc dù hiện nay họ làm việc xấu nhưng vì quả lành khi trước đã chín trong khi quả ác thì chưa. Cho đến khi quả ác chín muồi thì chắc chắn họ sẽ gặp quả báo xấu. Cũng như thế, có người đời này làm việc lành nhưng lại chịu nhiều thiệt thòi, khổ sở vì kiếp trước đã gây nhân ác, phải trả quả báo ác. Đến khi quả lành của kiếp này chín muồi thì sẽ được hưởng quả lành mà thôi.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng lành hay ác cũng chỉ mang tính tương đối. Mỗi người có một định nghĩa khác nhau, việc tốt ở nơi này nhưng cũng có thể là xấu ở nơi khác...

Ông Kris ngắt lời tôi:

- Không đâu, bất cứ việc gì có ích lợi cho mọi người đều là việc lành. Nếu ông giúp người vì lòng thương yêu chứ không phải để được nổi tiếng, được báo đáp thì đó là việc lành. Khi làm việc một cách thành tâm, không ích kỷ, không tư lợi, không nghĩ đến mình mà chỉ lo cho người khác, thì đó là việc lành. Trái lại, nếu ông làm bất cứ việc gì có tính hại người, lợi mình thì đều là việc ác. Tiêu chuẩn để phân biệt lành, dữ là tự quán xét xem hành động đó có lợi cho ai? Nếu làm vì người thì đó là việc lành, nếu làm lợi cho mình mà hại người khác, thì đó là việc không lành.

Ông Kris ngừng lại để cho tôi suy nghĩ rồi tiếp tục:

- Các cường quốc hiện nay đều đang âm thầm tiến hành chế tạo những loại vũ khí có sức tàn phá ghê gớm. Họ đang tạo ra các ác nghiệp rất lớn để rồi sẽ phải trả quả rất nặng. Ông có thể thấy các quốc gia sản xuất súng đạn, vũ khí, khuyến khích các quốc gia khác gây chiến để bán vũ khí sẽ gặp hậu quả khi chính người của quốc gia đó, sử dụng những loại vũ khí mà họ chế tạo để chém giết lẫn nhau. Ông sẽ thấy các quốc gia đã tàn phá những quốc gia khác bằng bom đạn hay vũ khí hạt nhân sẽ phải gánh chịu những nghiệp quả không thể tưởng tượng được khi người dân xứ đó mắc đủ các

thứ bệnh tật quái dị, thân thể bất bình thường, điên cuồng, hoảng loạn... Một khi nghiệp quả đến, không ai có thể tránh được. Luật vũ trụ hết sức quân bình, không thể khác được. Từ bao lâu nay tư tưởng tham lam, ích kỷ, vô cảm, chỉ biết làm lợi cho bản thân, xuất phát từ các lý thuyết phi nhân, từ các nhà lãnh đạo độc tài, có sức lôi cuốn quần chúng đã lan rộng khắp nơi, chuyển thành những lực tiêu cực ảnh hưởng lên tinh tú. Trong thời kỳ chuyển tiếp này, lực tiêu cực đó phản chiếu xuống trái đất tạo ra những thay đổi bất ngờ. Vì sao có thiên tai, dịch bệnh hay chiến tranh? Vì tâm con người tham lam, hận thù, si mê, suốt ngày chỉ toan tính làm sao có lợi cho mình mà không biết nghĩ cho người khác. Một số người đã trở nên vô cảm và mất đi nhân tính. Thế giới này là của con người nhưng nếu con người không còn là người nữa thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Tôi hoài nghi:

- Nhưng trái đất này đâu hẳn chỉ có con người, của con người... Còn có các loài vật khác nữa mà.

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế. Nhưng ông quên là trong vòng luân hồi, khi làm kiếp người, khi làm kiếp vật là chuyện bình thường sao? Khi đau khổ họ học được chút ít để chuyển hóa, nhưng rồi trong sung sướng lại quên đi hết. Cái vòng lẩn quẩn ấy, người và vật đều không thể tách rời. Vì thế, lực tiêu cực của trái đất là thứ vạn vật đều có trách nhiệm. Hiện nay thế giới ngày càng xấu đi với những thay đổi, biến cố và thảm họa trước khi trái đất bước vào chu kỳ Bảo Bình.

Tôi hỏi:

- Vậy thì khi bước vào chu kỳ Bảo Bình thế giới sẽ như thế nào?

Ông Kris thông thả nói:

- Sau hàng loạt thiên tai vô cùng dữ dội, sau các nhân tai vô cùng tai hại, sau các dịch bệnh ghê gớm và những cuộc chiến tranh tàn

khốc, sẽ chỉ một số ít người còn sống sót. Phải trải nghiệm qua những biến cố kinh khủng này, nhân loại mới hiểu rõ trách nhiệm làm người trên trái đất này là như thế nào? Nhờ học hỏi và áp dụng các luật vũ trụ vào đời sống mà đời sống con người trong thời đại sắp tới sẽ không như ngày nay. Kiến thức lúc đó sẽ là kiến thức về sự tương quan giữa con người và vũ trụ. Nền khoa học khi đó sẽ là một nền khoa học hướng nội để tự biết mình chứ không quay ra ngoài như hiện nay. Lúc đó, nhân loại biết thương yêu, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, biết làm những gì lợi ích cho mọi người. Có trải qua tang thương biến đổi thì khi được sống, con người mới biết thương yêu trân trọng nhau như những người anh em thân thiết. Chỉ lúc đó, mọi người mới cảm thấy hổ thẹn về việc làm khi xưa của mình, biết thay đổi tư duy, biết bỏ ác làm lành, biết xây dựng các quan niệm luân lý, đạo đức vốn vẫn có sẵn. Chỉ khi đó họ mới có thể sống một cách hữu dụng, thiện lành, nhân ái. Lúc đó, sẽ không còn sự phân biệt hay kỳ thị, vì tâm thức của họ đã mở rộng và hướng thiện. Những rung động tư tưởng của con người trong kỷ nguyên mới sẽ thanh nhẹ hơn nhiều lần rung động tâm thức của nhân loại hiện nay. Đây là giai đoạn "*Thành*" của chu kỳ mới, mọi người đều biết đến nhân nghĩa, đạo đức, không còn tư tưởng ích kỷ, tư lợi nữa. Từ đó, những người này sẽ khởi công xây dựng một thời đại mới, một xã hội mới với những con người mới vì họ đã hoàn toàn tin tưởng vào các chân lý hằng có trong vũ trụ. Cũng trong kỷ nguyên này, sẽ có một số linh hồn bậc thầy đạt đến tự do tuyệt đối, thoát khỏi luân hồi và thăng lên trải nghiệm ở những chiều kích cao hơn của vũ trụ. Trong số họ, sẽ có nhiều người chọn quay lại tái sinh trên trái đất để tiếp tục giúp đỡ những người còn đang trên hành trình hướng đến tự do tuyệt đối.

Ông Kris ngưng lại, ông nhìn tôi như nhấn gởi, rồi kết luận:

- Nhưng tại sao lại phải chờ đợi cho đến lúc đó? Tại sao không bắt đầu những việc đó ngay từ lúc này? Tại sao không ý thức rõ được trách nhiệm của mình đối với trái đất, đối với các sinh vật khác và thay đổi đời sống khiến cho nó trở nên tốt đẹp hơn ngay từ lúc này? Chúng ta không thể làm gì với những việc đã xảy ra trong quá khứ

nhưng chúng ta vẫn có thể thay đổi tương lai bằng chính những hành động, suy nghĩ của chúng ta ngay lúc này.

Trái đất là môi trường hoạt động của con người, nếu muốn biết sự kiện xảy ra cho nhân loại thì con người cần hiểu rõ sự tương tác của trái đất với các luật của vũ trụ. Càng hiểu biết thì càng thấy rõ những luật vũ trụ này chi phối thế gian như thế nào. Một khi đã hiểu rõ thì con người sẽ hành động thuận theo các luật này, không còn bừa bãi, vô ý thức như trước. Đó mới chính là những điều sẽ xảy ra trong kỷ nguyên sắp tới.

Thomas kể với tôi rằng ông đã nói chuyện với ông Kris rất lâu về thế giới trong tương lai. Và ông Kris nói rằng mọi dự đoán về tương lai chỉ là những khả năng, những điều "có thể" xảy ra, không ai có thể nói một cách chắc chắn được bởi tương lai luôn thay đổi tùy theo sự chuyển đổi tâm thức của nhân loại cũng như các diễn biến của luật Nhân quả. Ngoài ra, còn có những việc là "thiên cơ bất khả lộ", dù biết cũng không thể nói ra. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng trái đất luôn thay đổi và vận hành theo bốn thời kỳ: "Thành - Trụ - Hoại - Diệt". Đã có nhiều nền văn minh, nhiều sinh vật khác nhau hiện diện qua các thời kỳ trên trái đất này mà chúng ta không biết gì vì nó từng thuộc về một chu kỳ xa xưa.

Tôi hỏi Thomas: "Nếu đã có những nền văn minh trước đó thì sao lại không có dấu tích gì để lại chứng tỏ nó đã từng tồn tại? Tuy ông đã hỏi tưởng về kiếp sống tại Atlantis nhưng đã có ai tìm được dấu tích của nền văn minh này đâu? Hiện nay, khoa học khảo cổ cũng tìm được những bộ xương sinh vật hiện diện hàng triệu năm về trước, nhưng lại không tìm thấy bằng chứng rõ ràng nào về dấu tích của nền văn minh cổ đại?".

Thomas bật cười trả lời: "Cũng như anh, tôi là người của lý trí nên không dễ gì bị thuyết phục nếu không có bằng chứng rõ ràng. Có lẽ biết thế nên ông Kris đã giúp tôi nhớ lại kiếp sống tại Atlantis và Ai Cập. Mặc dù trước đó đã từng nghe nói đến, nhưng phải nhờ những trải nghiệm này, tôi mới thật sự tin rằng có những định luật vũ trụ như Luân hồi và Nhân quả. Tôi nhớ lại kiếp sống tại Atlantis và Ai Cập thông qua ông Kris rồi sau đó đã tự mình nhớ lại một số kiếp sống khác tại Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ, Pháp, Đức... Nhờ chính mình hỏi tưởng được những sự kiện tiền kiếp, tôi mới hoàn toàn tin tưởng vào luật vũ trụ, hiểu được con đường mình phải đi. Ngoài ra, tôi cũng trải qua một số kiếp sống khác nữa, mỗi kiếp sống đều có bài học riêng, nhưng tôi cho rằng không nên kể thêm...

Theo ông Kris, Atlantis là thời kỳ cuối cùng hay giai đoạn 'Diệt' của nền chu kỳ văn minh trước. Cũng nên nói thêm rằng, trước Atlantis đã có những nền văn minh khác nữa mà giờ không còn ai biết đến. Tôi cũng từng đặt câu hỏi rằng tại sao những nền văn minh kia lại không có dấu tích gì. Ông Kris đưa ra giả thuyết, rằng theo quy luật phát triển của vũ trụ, thì ở thời xa xưa mà chúng ta không còn khả năng truy tầm dấu vết ấy, sinh vật hẳn hết sức thô sơ, rất khó diễn tả. Từ các sinh vật thô sơ rồi mới dần dần biến chuyển, tiến hóa thành các loài vật có hình dáng rõ rệt hơn. Trước Atlantis đã có các nền văn minh Lanzada, Mihtarlam, Lemuria, người ta đã bắt đầu tìm thấy những dấu vết, dù mờ nhạt, về các nền văn minh này. Khi tiến triển đến thời kỳ văn minh Atlantis thì con người đã có hình dạng giống như loài người ngày nay mặc dù to lớn hơn một chút. Có người nghĩ rằng những nền văn minh khi xưa đều hết sức thô thiển, man rợ, mãi về sau mới trở nên văn minh. Thật ra mỗi nền văn minh lại phát triển theo các giác quan của thân xác lúc đó, với những nền kiến thức khác nhau. Nền văn minh Atlantis thiên về bản năng dục vọng, có kiến thức về những năng lực tiềm ẩn trong thiên nhiên. Nền văn minh của chúng ta thiên về sự suy luận, kiến thức về các sự vật hay hiện tượng bên ngoài. Có người nghĩ rằng nền văn minh trước phải sụp đổ và biến mất trước khi nền văn minh sau được hình thành. Điều đó không hoàn toàn đúng vì khi nền văn minh Atlantis hiện diện thì tại một số nơi khác trên thế giới, đã có nhiều người như chúng ta sinh sống, mặc dù văn minh còn sơ khai chưa phát triển bao nhiêu. Khi nạn Hồng Thủy xảy ra, một số dân Atlantis đóng thuyền di cư qua Ai Cập, Nam Mỹ và các đảo tại Thái Bình Dương, họ đã dạy dỗ những người tại đó về văn minh của họ. Khi những người Atlantis này chết đi, điều họ chỉ dạy vẫn còn tồn tại một thời gian, bằng chứng là các Kim Tự Tháp và những di tích hay các hình vẽ, ký hiệu lạ lùng mà khoa học ngày nay không thể giải thích được. Truyền thống thổ dân tại các đảo trên Thái Bình Dương đều nói về những người khổng lồ hay thần linh đã chung sống với họ, dạy họ nhiều thứ".

Tôi có hỏi thêm Thomas: "Nếu thế, khi nền văn minh của chúng ta đi qua giai đoạn 'Diệt' thì những người ở nền văn minh sau sẽ ra sao?"

Họ đã đến đây chưa và hiện đang ở đâu?".

Thomas gật đầu: "Tôi cũng đã hỏi ông Kris như thế và ông nói rằng một số người đã có mặt ở đây rồi. Những người này rất giống như chúng ta nhưng thân xác đẹp đẽ, khỏe mạnh hơn. Đa số họ hiện nay vẫn là trẻ em hoặc mới được sinh ra. Phần lớn đều chọn sinh vào những gia đình có truyền thống đạo đức tốt đẹp để giúp chúng tiếp tục phát triển các đức tính cần thiết. Đây là những người có trình độ hiểu biết rất cao, đã được huấn luyện kỹ lưỡng ở cõi bên kia vì họ có sứ mệnh phát triển một nền văn minh mới cho nhân loại trong tương lai. Mục đích của họ là gieo trồng những hạt giống của sự hòa hợp, hy sinh và tình thương rộng lớn đến tất cả. Do đó, một trong những đặc tính chung của những em bé này là không ăn thịt cá, mà chỉ thích các loại trái cây, rau củ. Nhiệm vụ chính của những người này là loại bỏ những thói xấu như tham lam, ích kỷ, hẹp hòi, nhỏ mọn và chia rẽ – những căn bệnh thông thường của nhân loại ngày nay. Đây là những người tiên phong đã phát nguyện đầu thai sớm để làm những việc thiện lành. Vì thế, những bậc làm cha mẹ nào ý thức được điều này nên tạo những hoàn cảnh và điều kiện thích hợp để giúp cho những đứa con này được phát triển thật tốt về phương diện tinh thần và có cơ hội để hoàn thành sứ mệnh của họ. Khi số lượng những người này tăng dần lên, sẽ xuất hiện những vị lãnh tụ dẫn dắt mọi người, không phải bằng sự cưỡng chế hay luật pháp, mà bằng tình thương và sự hiểu biết. Tình thương chính là một sức mạnh vô biên, nó không chỉ đem lại hòa khí cho mọi người và đó còn là căn bản của nền văn minh tiến bộ vượt bậc trong tương lai".

PHẦN KẾT

TÔI VÀ THOMAS

TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU GẶP LẠI NHAU

Sau nhiều tháng trời đi lại giữa Pennsylvania và New York, đôi khi cũng có ghé qua Colorado, phần ghi chép của tôi về câu chuyện của Thomas có thể coi là tạm hoàn tất. Trong suốt quá trình đó, chúng tôi đã có những cuộc trò chuyện sâu sắc về xã hội, con người và thế giới trong thời cuộc nhiều biến động. Tình bạn giữa chúng tôi cũng từ đó đã sâu sắc và bền chặt hơn. Tôi coi cơ duyên được quen biết và trò chuyện cùng Thomas là vô cùng quý giá, bởi con người khoa học của tôi đã từng bước gỡ bỏ những ranh giới cứng nhắc của logic đúng sai, dần bước vào một thế giới mà khoa học và tâm linh gần bó không thể tách rời. Buổi trò chuyện cuối cùng của chúng tôi trước khi khép lại quá trình ghi chép diễn ra tại căn nhà nghỉ dưỡng của Thomas ở Colorado. Khi đó chúng tôi cũng đã trao đổi chi tiết về cách thức triển khai câu chuyện và thông điệp chúng tôi muốn truyền tải. Thomas mong mỏi và cũng tin tưởng rằng động lực mà câu chuyện của ông tạo ra có thể mang đến những thay đổi vi tế trong tâm thức và hành động của con người, hướng đến một đời sống bác ái và tốt đẹp hơn.

Khép quyển sổ ghi chép trên tay, tôi hỏi Thomas:

- Qua những câu chuyện ông đã chia sẻ với tôi, vẫn có một ẩn số mà tôi chưa rõ. Ông nghĩ sao về ông Kris, một con người có một kiến thức sâu rộng, cao thâm, biết được những việc quá khứ lẫn tương lai? Ngoài ra, nhân duyên giữa ông và ông Kris chắc hẳn cũng không phải tầm thường?

Thomas mỉm cười:

- Ông Kris là một người rất đặc biệt, một vị tu sĩ có trình độ rất cao. Những hiểu biết sâu rộng của ông không đơn giản đến từ việc học

tập trong một kiếp sống mà là kết quả từ quá trình tu tập kiên định qua nhiều kiếp. Giữa tôi và người này đã có liên hệ với nhau từ lâu lắm rồi. Mặc dù ông Kris tránh không bao giờ nói gì về mình và cũng không nhắc nhở gì đến những việc trong quá khứ nhưng nhờ các trải nghiệm về tiền kiếp, tôi đã hiểu được mối liên hệ giữa chúng tôi. Tôi tin rằng ông Kris chính là cha của tôi tại kiếp sống ở Atlantis, người đứng đầu trường khoa học của Arya, chuyên sử dụng cây gậy ngọc để chữa bệnh. Ông chính là Timotheus trong kiếp sống của tôi tại Hy Lạp, và ở kiếp sống La Mã, ông chính là vị tu sĩ có đôi mắt xanh đã hướng dẫn tôi trong việc thực hành thiền tại Bactria. Ông cũng chính là vị giám mục già đã cứu mạng tôi trong kiếp sống ở Pháp. Ở những kiếp sống khác, ông cũng đều xuất hiện và trở thành một người đồng hành quý giá vào một đoạn đời nào đó. Chúng tôi đã quen nhau từ rất lâu và có mối thâm giao rất đặc biệt. Tuy nhiên, ông ấy rất kiên định và thành tâm với con đường tu tập của mình, đã có thành tựu hơn tôi rất nhiều. Ông ấy là bạn nhưng hơn hết vẫn là người hướng dẫn của tôi. Tôi rất biết ơn.

Những suy đoán của tôi về ông Kris như vậy là chính xác. Tôi gật đầu, ngẫm nghĩ rồi hỏi thêm:

- Ông nói rằng ông còn trải nghiệm qua nhiều kiếp sống khác nữa nhưng ông không kể hết. Phải chăng những kiếp đó có điều gì đặc biệt hoặc không tiện nói ra?

Thomas lắc đầu:

- Không có gì đặc biệt đâu. Mặc dù tôi có thể nhớ được nhiều kiếp sống nhưng tôi nghĩ chỉ cần kể lại một vài kiếp sống giúp tôi đúc kết những kinh nghiệm và kiến thức mà tôi tin rằng có thể giúp mọi người hiểu biết thêm về các định luật của vũ trụ, đặc biệt là luật Nhân quả và Luân hồi. Còn những kiếp sống khác của tôi tại Ấn Độ, Tây Tạng và Đức thì chỉ là đời sống của một tu sĩ trên con đường tu tập, không có chi tiết gì đáng kể. Nó chỉ là kinh nghiệm tu tập có tính cá nhân của riêng tôi mà thôi...

Tôi lại hỏi thêm:

- Đã nhớ được nhiều kiếp sống, vậy từ Atlantis đến nay ông đã học được những gì?

Thomas trầm ngâm rồi nói:

- Trôi nổi qua nhiều kiếp sống trong vòng sinh tử luân hồi, điều quan trọng mà tôi đã học được là tình thương. Tôi tin rằng tình thương là bài học mà bất cứ ai cũng phải học, không lúc này thì lúc khác, không kiếp này thì kiếp khác. Tuy nhiên điều đáng nói là khi rời bỏ thế gian, do sự xếp đặt của nghiệp (*Karma*), đa số người đều không nhớ gì về những việc xảy ra khi trước, có khi quên cả bài học đã học được nên lại phải học đi học lại. Vì ngộ ra được điều này nên trong kiếp sống tại Ấn Độ tôi phải yêu cầu ông Kris, khi đó là người hướng dẫn tu tập cho tôi, giúp tôi trong kiếp sống này nhớ lại chuyện xưa, để tôi có thể tiếp tục con đường đã chọn. Nhân quả, Luân hồi là điều nói suông thì dễ, nhưng thật ra rất khó giải thích cho thấu đáo. Không ai biết sự xếp đặt của nghiệp như thế nào, vì trải qua hàng triệu kiếp sống, khi làm người, khi làm thú vật, khi làm ma quỷ, nhân quả phức tạp chẳng chịt, không thể giải thích hay lý luận được.

Thomas im lặng một lúc rồi nói tiếp:

- Trong đời, chúng ta có quan hệ với một số người, và do sự xếp đặt nào đó của nhân quả mà chúng ta gặp lại nhau trong kiếp sống này hay kiếp sống khác. Tôi có thể quả quyết rằng hầu như tất cả những người mình gặp trong đời đều đã có quan hệ với mình từ trước. Có thể đó là những quan hệ tình cảm như vợ chồng, con cái, cha mẹ, họ hàng hay cũng có thể là những mối quan hệ quen biết như nhân viên trong công ty, bạn học hoặc những đối tác giao dịch và sau hết là những người sinh ra trong cùng một thành phố, cùng quốc gia hay cùng hoàn cảnh.

Tôi gật đầu:

- Thật vậy, trong thế giới mấy tỷ người, ta gặp người này mà không phải người kia cũng chính nhờ nhân duyên, nói cách khác là vì nghiệp quả.

Thomas cũng gật đầu, rồi nói thêm:

- Chúng ta gặp rất nhiều người trong đời, có người đối xử tốt, trân trọng chúng ta và cũng có người đối xử không tốt. Dù thế nào cũng đều là những bài học nhân quả mà chúng ta phải học. Suy nghĩ rộng ra một chút, chúng ta sẽ thấy quan hệ liên quan đến cuộc đời ta thật ra không chỉ giới hạn ở bản thân ta và những người thân của mình mà còn cả với những người khác nữa. Ví dụ, trước khi chúng ta được sinh ra, đã có những người gián tiếp giúp đỡ chúng ta rồi, đó có thể là người từng giúp đỡ mẹ ta khi bà đang mang thai, là các vị bác sĩ, y tá săn sóc cho bà và giúp ta ra đời được mạnh khỏe. Những mối quan hệ gián tiếp như thế này có rất nhiều và ít ai để ý hay biết ơn. Mỗi quan hệ tiếp tục với các bạn đồng lứa tuổi, thầy cô dạy dỗ chúng ta hay các đối tác, đồng nghiệp trong sự nghiệp của ta. Nếu quán xét, ta sẽ thấy có rất nhiều quan hệ, trực tiếp và gián tiếp giữa ta và những người ta gặp. Điều này cho thấy một sự thật rằng chúng ta có mối quan hệ với nhiều người hay nói rộng ra là tất cả mọi sinh vật. Thế giới mà chúng ta đang sống hiện nay là một môi trường mà trong đó tất cả mỗi cá nhân, xã hội, quốc gia đều liên quan với nhau trong một mạng lưới vô hình. Do đó hạnh phúc hay khổ đau của một người, một quốc gia không thể tách rời ra khỏi hạnh phúc hay khổ đau của toàn thể nhân loại. Dĩ nhiên mỗi cá nhân có biệt nghiệp riêng đến từ quan niệm và hành động của họ. Tuy nhiên, mọi người cũng có những niềm tin nào đó giống nhau, quan niệm nào đó tương đồng và hành động nào đó như nhau, nên đã tạo ra cộng nghiệp. Vì cộng nghiệp ấy mà nhiều người phải cùng nhau trải qua những thứ như thiên tai, lũ lụt, động đất, chiến tranh và dịch bệnh.

Thomas nhấn mạnh:

- Theo tôi, đời sống là một ngôi trường lớn mà trong đó những người có liên hệ với chúng ta sẽ dẫn dắt ta đến những hoàn cảnh hay bài học nào đó. Mọi quyết định, mọi lựa chọn của chúng ta đều là những điều mà ta phải học. Từ những hành động này mà mục đích đời sống của ta trong kiếp này sẽ dần dần hiển bày ra, vì chúng ta sinh ra với mục đích cụ thể chứ chẳng phải ngẫu nhiên. Hiểu được như vậy, mỗi người sẽ nghiêm túc với từng suy nghĩ và hành động của mình, tránh hành xử tùy tiện, chiều chuộng bản năng, họ cũng sẽ biết cảnh giác với lòng tham và mầm mống bạo lực của mình. Cũng từ đó, chúng ta sẽ ý thức rằng đời sống là một lớp học mà trong đó mọi sinh vật có liên hệ với nhau sẽ cùng đến một nơi, một hoàn cảnh để học hỏi, để giúp đỡ, để thương yêu, để trả nợ hay đòi nợ, để hoàn tất những tâm nguyện khi xưa mà hiện nay chúng ta không biết rõ. Tất cả mọi sự xảy ra đều là những bài học về nhân quả mà trong đó có hai yếu tố quan trọng. Yếu tố đau khổ thúc giục ta phải học và yếu tố yêu thương giúp ta giải quyết bài học kia. Nếu chúng ta có thể hiểu rõ về tình thương thì gần như việc gì cũng có thể giải quyết được.

Tôi hỏi:

- Chỉ tình thương thôi là đủ sao? Ông tin rằng tình thương có thể giải quyết mọi sự?

Thomas gật đầu:

- Tình thương cũng là một định luật của vũ trụ. Đáng tiếc, không mấy ai hiểu được điều này. Đa số đều hiểu lầm về tình thương, vì họ đã để cho lòng ích kỷ hay bản ngã lèo lái mình. Ngày nay, người ta hiểu về tình thương một cách giới hạn như một sự trao đổi, có cho đi thì phải có nhận lại, và đôi khi, nếu không được đáp ứng, tình thương có thể chuyển biến thành ghen ghét, giận dữ hay hận thù ngay. Đó là thứ tình thương có điều kiện.

Thomas trầm ngâm rồi nói:

- Tôi biết về tình thương yêu từ kiếp sống tại Ai Cập qua sự gặp gỡ với Cihone. Lúc đó tôi chỉ có một khái niệm mơ hồ về sự thương yêu. Tâm hồn cao thượng của Cihone đã cảm hóa và khiến một Pharaoh đầy uy quyền như tôi phải kính nể, không dám xâm phạm đến cô. Trong kiếp sống đó, đối với tôi, tình yêu được đồng hóa với quyền lực và dục vọng, chỉ đến khi gặp cô tôi mới mơ hồ nhận ra sự tồn tại của tình yêu vô điều kiện. Ngay như tại Atlantis, tình cảm cuối cùng của tôi với cô thánh nữ Kor cũng chỉ là lòng thương hại, là cảm giác hối hận chứ chưa phải là tình yêu thật sự. Vì không biết gì về tình yêu thật sự nên tôi đã làm điều sai quấy với cô, đó là một nhân đã được gieo xuống mà khi đủ duyên sẽ trở quả. Chính cái nhân đó đã khiến tôi phải trả giá trong vai trò một nô lệ bị đối xử tàn tệ, nhục nhã và cuối cùng bị giết. Khi xưa tôi đã gây ra cái chết của thánh nữ Kor thì đến lúc tôi cũng phải trả lại món nợ đó cho cô.

Tôi mơ hồ nhận ra sự liên kết mà Thomas đang đề cập nên vội hỏi:

- Nói thế, phải chăng Isidora tại Hy Lạp chính là thánh nữ Kor?

Thomas mỉm cười:

- Đúng thế, cô ấy cũng trải qua nhiều kiếp sống khác và cũng có những bài học cần học của riêng cô ấy. Tại Hy Lạp, cô ấy sinh ra là người quyền quý, xinh đẹp nhưng phải học bài học cay đắng khi bị Cassander từ hôn, bị bạn bè chê bai nhục nhã rồi cuối cùng phải lập gia đình với Deasius, một kẻ góa vợ, hung ác và tham lam... Trong kiếp sống này, tôi đã trả cho cô những đau khổ, tủi hờn mà tôi từng gây ra cho cô ở kiếp trước, nhưng cô cũng đã nối dài vòng nhân quả giữa chúng tôi bằng việc đối xử với tôi một cách tàn tệ, cũng vì vậy mà chúng tôi còn gặp lại nhau ở những kiếp sống khác để giải quyết những ân nợ còn lại.

Tôi gật đầu:

- Tôi hiểu, duyên nợ từ nhân quả giữa người với người quả là rất chằng chịt, khó lòng trả hết trong một kiếp, vì khi trả quả ta cũng vô

tình gieo nhân mới. Nếu thế nhân duyên của ông với Melissa là như thế nào?

Bất cứ việc gì có ích lợi cho mọi người đều là việc lành. Nếu ta giúp người vì lòng thương yêu chứ không phải để được nổi tiếng, được báo đáp thì đó là việc lành. Khi làm việc một cách thành tâm, không ích kỷ, không tư lợi, không nghĩ đến mình mà chỉ lo cho người khác, thì đó là việc lành. Trái lại, nếu ta làm bất cứ việc gì có tính hại người, lợi mình thì đều là việc ác. Tiêu chuẩn để phân biệt lành, dữ là tự quán xét xem hành động đó có lợi cho ai? Nếu làm vì người thì đó là việc lành, nếu làm lợi cho mình mà hại người khác, thì đó là việc không lành.

Thomas nói ngay:

- Melissa là một người phụ nữ cao thượng, sẵn sàng hy sinh tất cả cho chồng. Anh không cảm thấy điều đó rất quen sao? Cô chính là hoàng hậu Nedjem khi xưa. Là vợ một Pharaoh uy quyền nhưng không được sủng ái, yêu thương mà phải sống cô đơn trong cung điện nhưng cô âm thầm chấp nhận, chịu đựng vì chỉ mong cho Ai Cập được ổn định, phồn vinh. Cũng như thế, tại Hy Lạp, Melissa là người vợ chung thủy với Leonidas, đối xử tử tế với Yasamin, người đã cướp chồng mình và vẫn yêu thương, chăm sóc cho đứa con riêng của chồng.

Tôi nghi hoặc:

- Nhưng Nedjem là một phụ nữ bao dung, kiên cường và nhân hậu, tôi nghĩ cô sẽ không phải lần nữa trải qua hôn nhân không trọn vẹn như thế chứ. Vì sao Nedjem đã vậy, Melissa cũng không được hạnh phúc?

Thomas khẽ lắc đầu:

- Không đơn giản như thế. Như chúng ta đã nói, nhân quả là một hệ thống chằng chịt và phức tạp, mỗi kiếp sống của chúng ta không chỉ là cơ hội để lần lượt trả những món nợ đã gây ra mà còn là nơi chúng ta học hỏi. Những bài học cần học thì rất nhiều, đôi khi ta phải học trong những hoàn cảnh khác nhau, để đảm bảo rằng mình đã thật sự học được bài học ấy. Hơn nữa, Melissa lựa chọn sống lương thiện và bao dung, chính khi đó cô cũng đã gieo những nhân lành và rồi sẽ được quả ngọt. Luật vũ trụ là không sai, là bất biến, chỉ là chúng ta chưa đủ tầm mắt để nhìn thông thấu mà thôi.

Tôi gật đầu, càng thêm hứng thú với những mối liên kết qua các kiếp sống. Tôi hỏi:

- Vậy còn Leonidas, nhân duyên của ông với Leonidas là như thế nào?

Thomas mỉm cười:

- Như đã nói, những người có mối liên hệ thường trở lại gặp nhau vì duyên nợ phức tạp nào đó. Tôi và Leonidas đã có những liên hệ với nhau từ lâu. Hẳn anh còn nhớ, trong kiếp sống tại Assyria, tôi có người anh trai là Nimurta, một người anh say mê âm nhạc và phụ nữ. Tại Hy Lạp, anh đã gặp lại tôi với thân phận Leonidas. Tôi và Leonidas thân nhau cho đến khi qua Ba Tư thì tình bạn đã ít nhiều thay đổi. Về sau, chúng tôi lại gặp nhau trong kiếp sống tại Đức. Khi đó anh là anh họ của tôi, một người nhạc sĩ tài ba nhưng vẫn say mê cờ bạc và phụ nữ, thường vay tiền của tôi và không bao giờ trả. Do đó trong kiếp này, Wilson G đã bỏ ra nhiều tiền đầu tư vào công ty của tôi...

Tôi giật mình:

- Thì ra là thế. Tôi không ngờ ông và Wilson lại có mối quan hệ sâu xa như thế. Vậy còn Cihone thì sao? Phải chăng giữa ông và cô ấy cũng có duyên nợ gì?

Thomas gật đầu:

- Trong đời sẽ có những sự gặp gỡ mà ta cứ ngỡ chỉ là tình cờ nhưng thật ra đều có những liên hệ từ trước. Tôi không biết gì về Cihone, người phụ nữ đã dùng tình thương để chữa bệnh tại Ai Cập nhưng nhờ sự giúp đỡ của ông Kris, tôi mới biết khi xưa Cihone từng là một thánh nữ trong đền thờ nữ thần Isis và có nhiều quyền năng. Tuy sự gặp gỡ với cô trong kiếp sống tại Ai Cập rất ngắn ngủi nhưng không hiểu sao cô biết tôi cần học về tình thương yêu nên trong kiếp sống tại La Mã, dưới thân phận Valeria, cô đã gián tiếp tạo ra bài học mà tôi cần phải học.

Tôi ngạc nhiên:

- Tôi không ngờ Cihone lại là Valeria...

Thomas mỉm cười, từ tốn nói thêm:

- Nhờ Valeria mà tôi biết đến tình thương của Thiên Chúa, một tình thương yêu vô điều kiện, bao la vô hạn. Đây là bài học quan trọng, vì đối với đa số mọi người tình thương nào cũng có điều kiện và bị giới hạn bởi lòng ích kỷ và tham lam. Do nhân duyên với Valeria mà tôi được ông Beria cho phép theo đoàn thương buôn qua Bactria và tiếp tục việc tu tập đang còn dang dở khi xưa. Tiếc thay, lúc đó tôi vẫn còn bị chi phối bởi nhiều mặc cảm thua kém vì sự đối xử của gia đình nên trong tâm vẫn có ý muốn chứng minh khả năng của mình, muốn trở thành một người hùng nên sau một thời gian tu tập, tôi lại bỏ dở để trở về Syria giúp Beria tái lập trật tự tại La Mã. Đây là một lỗi lầm lớn trên con đường học hỏi của tôi. Do đó, nhân quả đã sắp đặt cho tôi phải trải qua một kiếp sống khác, học lại những bài học của mình.

Tôi hỏi thêm:

- Lúc này ông có nói ông còn gặp lại Kor, tức Isidora, vậy hai người gặp lại nhau khi nào?

Thomas bỗng có chút trầm tư:

- Chính là Ella trong kiếp sống ở Pháp. Trong kiếp này, tôi không có cảm tình và thường ruồng rẫy Ella vì trong tâm tôi vẫn coi thường người Gitan là giai cấp thấp kém. Đó cũng là sự thiếu hiểu biết đến từ việc khi xưa bị đối xử tàn tệ, nhưng may thay trong khoảnh khắc ngắn ngủi sống tại tu viện, trải qua sự cầu nguyện chân thành hằng ngày cùng các linh mục, tôi ý thức được bài học về tình thương yêu của Thiên Chúa, một tình thương bao la vô hạn và không điều kiện. Đó là lý do thúc giục tôi phải đi tìm Ella để nói lại chuyện xưa, dùng tình thương để giải quyết một nhân đã gây ra và từ đó cả hai chúng tôi quyết định sẽ đi cùng nhau...

Bị lôi cuốn vào câu chuyện, tôi nôn nóng ngắt lời:

- Sau đó ông còn gặp lại Ella nữa không?

Thomas vẫn tiếp tục mạch kể:

- Vì nhân duyên đặc biệt với vị thầy người Ấn và Timotheus, hay chính là ông Kris, nên sau đó, tôi tái sinh trở lại Bactria, Ấn Độ và Tây Tạng để tiếp tục con đường tu tập. Trong ba kiếp này, tôi và ông Kris đều là tăng sĩ Phật giáo và đã đạt được nhiều tiến bộ. Điều khác biệt là ông Kris từ lâu đã ý thức rất rõ con đường của mình trong khi tôi vẫn vướng víu một số nhân quả phải giải quyết. Vì biết thế nên trong kiếp sống ở Ấn Độ, tôi đã yêu cầu ông giúp tôi nhớ lại tiền kiếp và những bài học cần phải học...

Tôi lại hỏi:

- Rồi ông có gặp lại Ella không?

Thomas nhìn tôi mỉm cười:

- Dĩ nhiên! Chúng tôi đã có giao ước sẽ ở bên nhau nên chúng tôi lại gặp nhau trong kiếp này...

Tôi giật mình:

- Ông muốn nói đến Angie?

Thomas gật đầu:

- Angie không biết gì về việc này cả. Trải qua nhiều kiếp sống, mỗi người đều có các nhân đã gieo cũng như các bài học cần phải học riêng. Hiện nay vì nhớ lại chuyện xưa, nên tôi đang chờ khi đủ duyên sẽ cố gắng dẫn dắt Angie trở lại con đường tinh thần.

Tôi nói:

- Những điều ông chia sẻ hôm nay đem lại cho tôi quá nhiều bất ngờ...

Thomas khẳng định:

- Do đó, tôi muốn nói rõ rằng hầu như tất cả những người chúng ta gặp đều đã có những quan hệ từ xưa. Điều này cho thấy rõ sự mầu

nhệm của luật Nhân quả. Không một nhân nào gây ra mà không trở quả. Đó là một sự kiện rất tự nhiên, không sai sót chút gì và không bao giờ thay đổi. Hễ làm lành thì gặp lành và làm ác thì phải trả quả báo ác. Đây là luật vũ trụ chứ không phải mê tín. Dĩ nhiên người không tin thì hành động bừa bãi và sẽ phải lãnh hậu quả, rồi cứ tiếp tục như thế. Càng không tin, càng gây nên tội, đến khi nhân trở quả thì lại không chịu tin đó là tội do chính mình gây ra, nghĩ rằng đó là việc ngẫu nhiên, như vậy họ không học được bài học nên tiếp tục trôi nổi trong đau khổ triền miên, từ kiếp này qua kiếp khác. Người hiểu biết, tin nhân quả thì biết cảnh giác, làm gì cũng suy nghĩ cẩn thận đến hậu quả. Nếu đã tin tình thương có thể giải quyết mọi sự thì phải biết áp dụng quy tắc này vào đời sống. Bất cứ việc gì xảy ra đều là bài học, nghiệp quả phải trả, nhưng hãy sử dụng tình thương để giải quyết chứ đừng gây thêm nhân nữa. Mỗi lựa chọn, mỗi quyết định không nên chỉ dựa trên cảm xúc nhất thời mà phải sáng suốt dựa trên sự hiểu biết về các định luật của vũ trụ.

Thomas đột nhiên nhìn thẳng vào tôi rồi nói:

- Giữa tôi và anh cũng đã từng gặp nhau khi xưa, do đó vừa gặp chúng ta đã có thiện cảm và thân nhau ngay. Ông Kris cũng biết rõ về anh, nhưng ông nói đây là điều anh sẽ phải tự tìm hiểu ra.

Đây là điều bản thân tôi cũng đã lờ mờ nhận ra nên tôi không ngạc nhiên mà chỉ khẽ gật đầu, xúc động không nói nên lời. Tôi bắt tay Thomas, chúng tôi siết chặt tay nhau, lòng đầy tin tưởng và thấu hiểu. Căn phòng im ắng, chỉ còn tiếng tích tắc của đồng hồ, bất chợt, tiếng Angie vang lên từ phòng ăn bên ngoài:

- Anh hãy tạm gác buổi trò chuyện lại và mời John ra dùng bữa đi, em đã sửa soạn xong rồi.

Nghe thấy tiếng Angie gọi, Thomas và tôi liền đứng lên. Trước khi bước ra, cả hai chúng tôi không hẹn mà cùng nhìn ra ngoài cửa sổ. Ánh mặt trời rọi xuyên qua những cành thông đang rung rinh trong gió tạo thành những tia nắng lấp lánh, nhảy múa như những cánh

bướm nhỏ đang rung động chập chờn. Sâu thẳm bên trong, linh hồn tôi dường như cũng đang bồng bềnh trôi trên hành trình giác ngộ của riêng mình...

Chân ngã hiện diện khắp nơi, trong tất cả mọi vật, nhưng vì mê lầm nên chúng ta cứ tìm kiếm tận đâu. Chân ngã đã có sẵn thì việc gì phải tìm, ta chỉ cần quay vào trong để chuyển hóa bản ngã, chuyển tâm thức thành trí tuệ, chứ không phải tìm cái gì khác. Khi ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh thì ta sẽ biết được con người thật của mình.

LỜI TRI ÂN GIÁO SƯ JOHN VU - NGUYỄN PHONG

Ngay từ khi *Hành trình về phương Đông* xuất hiện ở Việt Nam vào năm 1974, cuốn sách đã giúp nhiều người thay đổi tâm thức bằng những thông điệp sâu sắc, màu nhiệm, được dẫn dắt thông qua một hành trình tâm đạo hấp dẫn. Suốt mấy thập niên tiếp theo, cuốn sách vẫn âm thầm lan tỏa, lay động và thức tỉnh tâm linh rất nhiều người. Điều thú vị nhất là khi đó, hầu như không một ai biết người phóng tác cuốn sách, người có cái tên bình dị Nguyễn Phong, lại là một giáo sư tầm cỡ thế giới hiện ở Mỹ – Giáo sư John Vu. John Vu từng nhiều năm là kỹ sư trưởng của hãng Boeing, ông cũng là Giáo sư ưu tú ngành Khoa học Máy tính tại Đại học Carnegie Mellon, nơi ông là Giám đốc chương trình Đổi mới Công nghệ Sinh học và Tính toán.

Trong lần liên hệ bản quyền để First News - Trí Việt có thể in cuốn sách *Hành trình về phương Đông* cùng những cuốn mà Nguyễn Phong đã phóng tác nhiều năm trước, tôi đã được trò chuyện với Giáo sư John Vu và lần trò chuyện đó đã trở thành cơ duyên may mắn bắt đầu một tình bạn tâm giao mà tôi vô cùng trân trọng. Tôi và Giáo sư John Vu đã có nhiều cuộc trò chuyện về những đề tài khác nhau, liên quan tới tri thức và xã hội. Trong một lần giáo sư tình cờ chia sẻ về câu chuyện của Thomas, tôi đã linh cảm rằng đó là một câu chuyện cần được kể, cần được lan tỏa, bởi những giá trị hướng thiện và thức tỉnh của nó. Tôi khẩn khoản đề nghị giáo sư viết một cuốn sách kể lại câu chuyện này, để lan tỏa những điều tốt đẹp và thức tỉnh con người thoát khỏi những u mê, xung đột, tham lam và ích kỷ – những thứ đang phá hủy tinh thần, đời sống, văn minh con người và đồng thời cũng khiến trái đất của muôn loài đang oằn mình kêu cứu.

Khi nhận được bản thảo tác phẩm *Muôn kiếp nhân sinh*, tôi đã thức nhiều đêm để đọc hết cuốn sách. Bằng trực giác của một người làm sách nhiều năm cùng tinh thần hướng đạo, tôi nhận ra *Muôn kiếp nhân sinh* là một cuốn sách có sứ mệnh đặc biệt với cộng đồng.

Ngay lập tức, tôi đã cùng tập thể First News ngày đêm thực hiện cuốn sách quý giá này để có thể sớm đưa đến tay bạn đọc. Ngay từ khi tập đầu xuất hiện, cuốn sách đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt và tạo nên một kỷ lục xuất bản ở Việt Nam. Điều này tiếp thêm niềm tin mãnh liệt cho tôi rằng nếu chúng ta kinh sợ khi thấy những năng lượng tiêu cực của tham lam, xung đột, phá hủy, những thứ đang lan nhanh trên toàn cầu như một thứ virus độc hại, thì cũng hãy tin rằng điều tốt đẹp có thể tạo nên một cơn sóng thần thay đổi tâm thức con người.

Điều đặc biệt nhất là cuốn sách có nội dung về Nhân quả, Luân hồi này được viết bởi một nhà khoa học uy tín nên biên độ mở rộng, sự giao thoa của tâm linh và khoa học dường như không có giới hạn. Chính cuốn sách đặc biệt này đã làm thay đổi tâm thức của tôi và anh em First News cũng như nhiều bạn đọc Việt Nam. Thông điệp từ *Muôn kiếp nhân sinh* đã mở toang cánh cửa dẫn người đọc vào thế giới tinh thần thanh khiết, thanh thản, nơi không có sự phân biệt thiên cận giữa tâm linh và khoa học, mà chỉ có sự hiểu biết sâu sắc về các quy luật vũ trụ, giúp con người hướng thiện, vị tha, bác ái để xây dựng lại một thế giới mới tốt đẹp và giàu tình thương hơn.

Trong *Muôn kiếp nhân sinh* tập 3, Nguyên Phong cùng nhân vật chính Thomas và bậc thầy giác ngộ Kris đã đưa ra những thông điệp hướng về "tình thương lớn" và gợi mở, hướng dẫn cho bạn đọc về hành trình thức tỉnh mà ai cũng có thể hướng đến.

Qua *Muôn kiếp nhân sinh*, tôi hiểu được rằng mong muốn to lớn nhất của giáo sư chính là góp phần đưa con người về nẻo thiện, mong sao toàn thể nhân loại có thể sống trong hòa bình, bác ái, vị tha, bất kể màu da, quốc tịch và tôn giáo. Tôi tin rằng *Muôn kiếp nhân sinh* đã, đang và sẽ tiếp tục hành trình thực hiện sứ mệnh hướng thiện của nó, sứ mệnh trở thành một chiếc cầu nối để mỗi con người nhỏ bé được hợp nhất với những điều lớn lao. Cá nhân tôi biết ơn Giáo sư John Vu đã cho tôi có cơ hội cùng ông lan tỏa những giá trị tốt đẹp của cuốn sách này đến với độc giả Việt Nam. Đồng thời, tôi muốn thay mặt các độc giả Việt Nam đã có cơ duyên

tiếp cận và yêu mến cuốn sách này gửi đến Giáo sư John Vu những tình cảm chân thành và lòng tri ân sâu sắc vì tâm huyết, tình yêu thương và nỗ lực mà ông đã dành cho tác phẩm đặc biệt ý nghĩa này cũng như cho sứ mệnh đưa con người tìm về thiện lương.

Nguyễn Văn Phước Sáng lập *First News - Trí Việt*

Một khi tiêu trừ hết mọi ý niệm, để tâm tĩnh lặng thì sẽ trải nghiệm được trạng thái bình an, gọi là định (Samadhi). Khi đạt đến trạng thái này thì mọi vấn đề đều trở nên rõ ràng, sáng suốt vì không còn thiên kiến xen vào, nên việc gì cũng có thể giải quyết dễ dàng.

Chúng ta không thể thay đổi được quá khứ, nhưng bằng việc chuyển đổi tâm thức, lan tỏa yêu thương và hiểu biết trong hiện tại, chúng ta có thể thay đổi được tương lai.

God is love.

Thượng Đế là tình thương.

Everything in life is vibration.

Mọi thứ trong cuộc sống đều rung động.

- Albert Einstein (1879 -1955)

Nhà bác học thiên tài - Cha đẻ của thuyết tương đối

If you want to find the secrets of the universe, think in terms of energy, frequency and vibration.

Nếu muốn hiểu những bí mật của vũ trụ, hãy suy nghĩ về năng lượng, tần số và sự rung động.

- Nikola Tesla (1856 -1943)

Nhà phát minh, kỹ sư điện, kỹ sư cơ khí người Mỹ gốc Serbia

Constant kindness can accomplish much. As the sun makes ice melt, kindness causes misunderstanding, mistrust, and hostility to evaporate.

Lòng tốt kiên định có thể làm được nhiều điều. Tựa như mặt trời làm tan băng, lòng tốt có thể khiến sự hiểu lầm, lòng ngờ vực và sự thù địch dần tan biến.

- *Albert Schweitzer (1875 - 1965)*

Triết gia, nhà tâm thần học người Đức

All you need is love.

Tất cả những gì ta cần là tình yêu.

- *John Lennon (1940 - 1980)*

Ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ

Every age, every culture, every custom and tradition has its own character, its own weakness and its own strength, its beauties and ugliness; accepts certain sufferings as matters of course, puts up patiently with certain evils. Human life is reduced to real suffering, to hell, only when two ages, two cultures and religions overlap.

Mỗi thời đại, mỗi nền văn hóa, mỗi phong tục và truyền thống đều có đặc tính riêng, điểm mạnh và điểm yếu riêng, cái đẹp và sự xấu xí riêng, nó chấp nhận một số đau khổ nhất định theo lẽ tự nhiên, nó kiên nhẫn chịu đựng những cái ác nhất định. Cuộc sống con người thật sự khốn khổ, thật sự sa vào địa ngục chỉ khi hai thời đại, hai nền văn hóa và tôn giáo giao thoa.

- Hermann Hesse (1877 - 1962)

Nhà văn, nhà thơ, họa sĩ người Thụy Sĩ, đoạt giải Nobel Văn học năm 1946

A loving heart is the beginning of all knowledge.

Một trái tim yêu thương là khởi đầu của mọi hiểu biết.

-Thomas Carlyle (1795 - 1881)

Triết gia, sử gia, nhà tiểu luận người Scotland

Who looks outside, dreams; who looks inside, awakes.

Kẻ tìm kiếm bên ngoài, mơ tưởng; người tìm kiếm bên trong, thức tỉnh.

-Carl Jung (1875 - 1961)

Bác sĩ tâm thần, nhà tâm lý học người Thụy Sĩ

Someone's sitting in the shade today because someone planted a tree a long time ago.

Người ngồi trong bóng râm ngày hôm nay là nhờ ai đó đã trồng cây từ rất lâu về trước.

- Les Brown (1945)

Cựu chính trị gia người Mỹ

He whose ears are stopped at the cry of the poor, will himself get no answer to his cry for help.

Kẻ bịt tai trước tiếng kêu cứu của người cô thế, đến lúc kẻ đó kêu cứu, sẽ chẳng được đáp lời.

- Sách Châm Ngôn, Kinh Cựu Ước

Spread love everywhere you go. . . Let no one ever come to you without leaving better and happier. Be the living expression of God's kindness; kindness in your face, kindness in your eyes, kindness in your smile, kindness in your warm greeting.

Hãy lan tỏa yêu thương bất cứ nơi nào bạn đi tới... Đừng để ai đến với bạn mà không tốt đẹp và hạnh phúc hơn khi rời đi. Hãy là hiện thân sống động cho lòng nhân ái của Chúa, hãy thể hiện nhân ái trên gương mặt, trong đôi mắt, trong nụ cười và trong những lời chào ấm áp.

- *Mẹ Teresa (1910 - 1997)*

Nữ tu, nhà truyền giáo Công giáo Roma người Ấn Độ, đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1979

The future depends on what we do in the present.

Tương lai phụ thuộc vào những gì chúng ta làm trong hiện tại.

- *Mahatma Gandhi (1869 - 1948)*

Nhà lãnh đạo, anh hùng dân tộc, lãnh tụ tinh thần Ấn Độ

Compassion is not just an emotional response but a firm commitment founded on reason. Therefore, a truly compassionate

attitude towards others does not change even if they behave negatively.

Từ bi không phải là một phản ứng cảm xúc mà là sự cam kết chắc chắn, được xây dựng trên lý trí. Do vậy, thái độ từ bi thật sự đối với người khác sẽ không thay đổi ngay cả khi họ cư xử tiêu cực.

- *Tenzin Gyatso, Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 (1935)*

[1] Đạo Bon hay Bön là tôn giáo bản địa của người Tây Tạng ở Cao nguyên Thanh Hải (Tây Tạng cổ đại), là tôn giáo chính của người Tây Tạng trước khi Phật giáo xuất hiện vào thế kỷ XVII. Đây là một tôn giáo cổ, đặc trưng bởi các nghi lễ thần bí, bùa chú, hiến tế, thao túng linh hồn, nhấn mạnh nhiều vào thực hành thiền định.

[2] Circus Maximus là một đấu trường thời La Mã cổ đại, tọa lạc tại vị trí giữa đồi Aventinus và Palatinus, nơi tổ chức các cuộc thi và trò chơi công cộng. Đây là đấu trường đầu tiên và lớn nhất thời La Mã cổ đại cũng như thời kỳ đế quốc sau này. Di chỉ của đấu trường này hiện nay là một công viên công cộng.

[3] Bulla là một tấm bùa hộ mệnh dạng mề đay, đeo ở cổ, được trao cho các bé trai từ chín ngày tuổi. Xã hội La Mã cổ đại coi bulla là vật phẩm bảo vệ các bé trai khỏi những linh hồn và thế lực xấu xa. Tùy vào điều kiện của các gia đình mà bulla có thể được làm bằng vàng, bạc, đồng, da hay vải.

[4] Hay còn gọi là người Gypsy, Gitanos, tùy vào quốc gia mà họ sinh sống. Gitan là cách gọi ở Pháp. Ở Việt Nam, cách gọi được biết đến nhiều nhất là "người Digan", phiên âm từ từ tiếng Pháp Tsiganes (nghĩa là giang hồ) – cách gọi phổ biến ở nhiều khu vực khác nhau ở châu Âu.

[5] Đàn luyt (lute) là một loại đàn dây xuất hiện từ thời Trung cổ tại nhiều quốc gia châu Âu, với các biến thể khác nhau về hình dáng và số dây đàn. Thời kỳ đầu xuất hiện, đàn luyt có từ 4 đến 5 dây. Đến thời Phục hưng, số dây đàn tăng lên, có khi lên đến 20 dây. Đàn luyt được xem là tiền thân của đàn ghita ngày nay. Hiện nay đàn luyt đã được phục dựng và sử dụng ở nhiều nơi trên thế giới.

[6] Eurydice là con gái của thần Apollo, nàng kết hôn với Orpheus, con trai của nữ thần thi ca Calliope. Kết hôn không lâu, Eurydice qua đời vì bị rắn cắn. Orpheus đau khổ tột cùng, chàng xuống địa ngục, dùng tiếng đàn của mình khiến Hades cảm động chấp nhận cho Eurydice trở về dương thế, với điều kiện nàng phải đi sau Orpheus, và Orpheus không được ngoái lại nhìn cho tới khi nào hai người đến dương gian, nếu chàng quay lại, chàng sẽ mất Eurydice vĩnh viễn. Trên đường trở về, vì không nghe được tiếng bước chân của Eurydice, Orpheus đã quay lại tìm nàng, nhưng khi Orpheus quay lại thì Eurydice dần lùi xa rồi biến mất. Orpheus cố quay lại địa ngục nhưng không thể.